

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

NHÀ XUẤT BẢN
ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP

Tập I

PHAN CHÂU TRINH
TOÀN TẬP

Tập I

THƠ CHỮ HÁN - CÂU ĐỐI
THƠ NÔM - DIỄN CA

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG
2005

Tổ chức bản thảo:

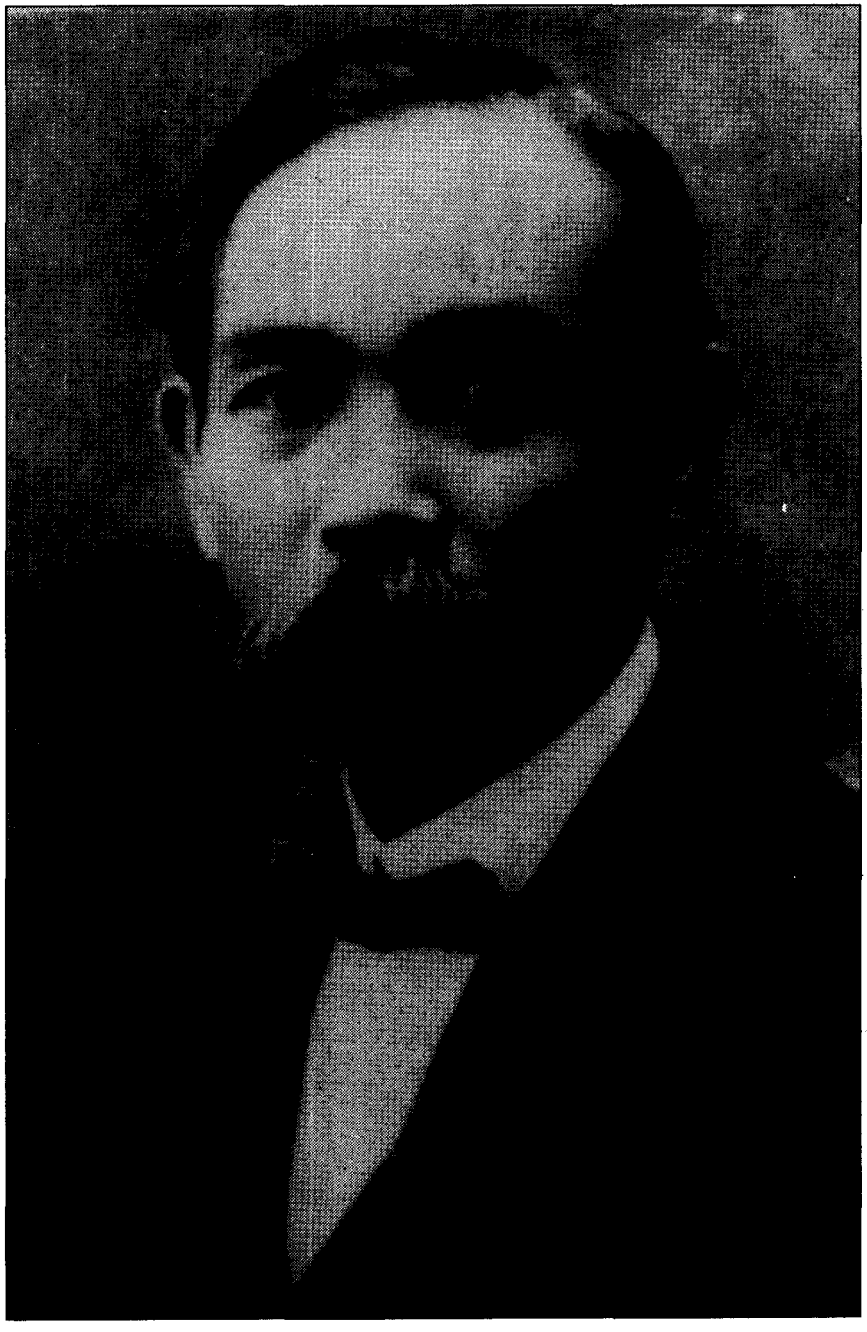
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM

Gs Chương Thâu *(chủ biên)*

Dương Trung Quốc

Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh)

(có sử dụng những công trình của Huỳnh Lý, Nguyễn Văn Dương, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Q. Thắng v.v...)



Phan Châu Trinh
(1872 - 1926)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phan Châu Trinh (1872-1926), nhà chí sĩ - nhà văn hóa lớn của nước ta, hoạt động tích cực trong phong trào Duy tân nhằm "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", sôi nổi đầu thế kỷ XX (kể từ năm 1904...). Ông bị thực dân Pháp xử tù, đày Côn Đảo... Sau khi được trả tự do, ông qua Pháp sống, tiếp tục hoạt động đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân quyền, giành độc lập cho đất nước. Tại đây, ông cũng từng "bị tù oan" 11 tháng (năm 1914 - 1915). Sau đó, ông hoạt động trong các tổ chức yêu nước của Việt kiều. Ông sáng tác nhiều thơ ca tuyên truyền yêu nước, biên soạn nhiều chuyên khảo tố cáo chính quyền thuộc địa và bè lũ tay sai ở Đông Dương... Năm 1925 được trở về nước, ông lại hô hào nhân dân đấu tranh đòi quyền dân chủ v.v... nhưng chẳng bao lâu sau, ông bị bệnh và qua đời (24-3-1926) để lại niềm tiếc thương vô hạn trong lòng nhân dân cả nước. Nhân dân ta khắp ba miền Nam Trung Bắc đã tổ chức quốc tang, truy điệu nhà chí sĩ và biến thành một phong trào biểu dương lực lượng yêu nước hết sức rầm rộ và rộng khắp, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "*Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc, tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - Phan Châu Trinh. Khắp trong nước đều có tổ chức lễ truy điệu... Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử*"[(1)].

Con người và cuộc đời đấu tranh kiên cường gian khổ cho sự nghiệp cứu nước của Cụ thật vĩ đại. Bên cạnh những hoạt động thực tế, Cụ còn sáng tác nhiều thơ văn yêu nước và coi đó như là một mặt hoạt động không thể thiếu trong sự nghiệp cao cả "vì nước vì dân" của mình.

Từ trước đến nay, đã có nhiều công trình biên soạn, tuyển chọn Thơ văn của Phan Châu Trinh, xuất bản thành những *Tuyển tập*, những *Chuyên khảo*... lần lượt được xuất bản trong nhiều thập kỷ vừa qua. Nhưng như thế vẫn chưa đủ. Đông đảo độc giả và các nhà nghiên cứu Khoa học xã hội - nhân văn trong nước và ở cả nước ngoài vẫn đòi hỏi phải có một *Toàn tập* để có điều kiện đi sâu tìm hiểu nghiên cứu toàn

---

[(1)] *Hồ Chí Minh Toàn tập*: Tập 3. Nxb Chính trị Quốc gia - Hà Nội - 1995 . tr. 35.

diện hơn về Phan Châu Trinh - một chí sĩ yêu nước, một nhà tư tưởng, một nhà văn hóa lỗi lạc của Việt Nam.

Nhằm đáp ứng nhu cầu trên, Đà Nẵng - Quảng Nam có vinh dự là quê hương của vị danh nhân Phan Châu Trinh xin được lãnh nhận nhiệm vụ tổ chức biên soạn và xuất bản *Toàn tập* này, để công bố toàn bộ khối lượng "di cảo" đồ sộ của cụ Phan nhằm phục vụ bạn đọc. Đồng thời cũng để sắp xếp, chỉnh lý, bổ sung và bảo tồn một hồ sơ DI SẢN VĂN HÓA vô giá của Phan Châu Trinh và coi đây là *một đóng góp quan trọng* vào kho tàng văn hiến chung của dân tộc.

Với ý nghĩa đó, Nhà xuất bản Đà Nẵng quyết tâm xúc tiến thực hiện nhiệm vụ đã được "lịch sử" đặt ra từ nhiều năm trước đây. Nhà xuất bản cũng nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Ban lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, sự giúp đỡ tích cực của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, của lãnh đạo tỉnh Quảng Nam và nhóm các soạn giả.

Thời gian biên soạn tương đối gấp rút, nhưng do sự cố gắng và tinh thần "tự nhiệm" cao của các soạn giả, đến nay chúng ta đã có được bộ sách PHAN CHÂU TRINH - TOÀN TẬP gồm ba tập dày dặn để xuất bản lần này.

Như các soạn giả cho biết, do bị hạn chế về thời gian và cũng do chưa có điều kiện để hội đủ ý kiến tham khảo của đông đảo các vị chuyên gia, các học giả am tường về Phan Châu Trinh, nên công trình này còn có chỗ bất cập và một số khuyết, nhược điểm khó tránh khỏi. Nhưng với tinh thần *không quá cầu toàn*, Nhà xuất bản xin được mạnh dạn ấn hành để kịp có được một "ấn phẩm" tương đối xứng đáng, phản ánh tấm lòng thành của chúng tôi góp phần *Chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng* (29-3-2005) và chuẩn bị lễ *Tưởng niệm 80 năm ngày mất của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh* (24-3-2006).

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cấp lãnh đạo thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam đã tạo điều kiện thuận lợi, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và soạn giả đã giúp Nhà xuất bản thực hiện công trình này.

Chúng tôi cũng rất mong muốn bạn đọc gần xa góp ý kiến phê bình xây dựng để có thể sửa chữa, bổ sung tốt hơn trong lần xuất bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Lời nhóm biên soạn bày tỏ đầu tiên ở đây là xin trân trọng ghi công và chân thành cảm ơn:

- *Gia đình hai cụ Lê Ấm và Phan Thị Châu Liên* đã có công lớn trong việc cất giữ được gần như toàn bộ *Di cảo* của nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh trong ngót 80 năm qua, mà nay đã trở thành "quốc bảo" dành cho các thế hệ con cháu có điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của một vị danh nhân đất nước đầu thế kỷ XX.

- *Các nhà nghiên cứu trước đây* đã tập hợp, sắp xếp và hệ thống hóa các di cảo của Cụ Phan Châu Trinh, đã biên soạn và xuất bản những công trình khảo cứu về Cụ, đặc biệt là *Tuyển tập Phan Châu Trinh* của *Nguyễn Văn Dương, Thơ văn Phan Châu Trinh* của *Huỳnh Lý*; các chuyên khảo khác nữa của *Ái Hiền, Tôn Quang Phiệt, Lê Văn Siêu, Thế Nguyên, Nguyễn Q. Thắng, Thu Trang, Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh)* v.v...

- *Các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước* đã cùng với *các cơ quan chuyên trách văn hóa - giáo dục, các báo chí...* tổ chức những cuộc Hội thảo khoa học, Tọa đàm khoa học nhân những ngày kỷ niệm Phan Châu Trinh của nhiều năm qua, đã biên soạn - xuất bản nhiều tập *Kỷ yếu* cũng như nhiều số báo *Đặc san...* giúp ích nhiều cho việc biên soạn bộ sách *Phan Châu Trinh - Toàn tập* xuất bản lần này.

Việc biên soạn - xuất bản *Phan Châu Trinh - Toàn tập* vốn đã được đặt ra từ hơn 10 năm trước, nhân dịp *Hội thảo Khoa học kỷ niệm 120 năm sinh Phan Châu Trinh ở Đà Nẵng, tháng 9 - 1992*. Hồi đó, Ban lãnh đạo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã có "quyết định" xuất bản *Phan Châu Trinh - Toàn tập* và đã thành lập một Nhóm soạn giả do Giáo sư Huỳnh Lý làm chủ biên công trình.

Thời gian trôi qua, Giáo sư Huỳnh Lý nhuốm trọng bệnh rồi qua đời (1993); các thành viên khác cũng do những hoàn cảnh khách quan và chủ quan chi phối, nên không có điều kiện thực hiện biên soạn bộ sách *Toàn tập* đúng như dự định. Gần đây, Ban lãnh đạo thành phố Đà Nẵng và Nhà xuất bản Đà Nẵng quyết định tổ chức biên soạn - xuất bản để kịp phát hành đúng vào dịp *"Chào mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành phố Đà Nẵng được giải phóng 29-3-2005"*, đồng thời chuẩn bị góp phần *"Tưởng niệm 80 năm ngày mất của nhà chí sĩ yêu nước lớn của quê hương 24-3-2006"*. Nhiệm vụ

nặng nề này lại được các vị lãnh đạo Thành phố và Nhà xuất bản Đà Nẵng cùng với Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam giao phó cho chúng tôi tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở kế thừa các công trình của những người đi trước, nhất là *Tuyển tập Phan Châu Trinh* của Nguyễn Văn Dương và hai tập *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới* của Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh), chúng tôi dịch bổ sung và sưu tầm thêm một số tác phẩm khác của cụ Phan nhằm góp phần hoàn thiện một cách tương đối bộ sách *Toàn tập* này.

Sách được xếp theo bố cục: Ngoài *Lời nhà xuất bản; Lời người biên soạn* và kèm theo mục *Phan Châu Trinh và Thơ văn Phan Châu Trinh qua những lời bình* (trích từ các bài viết và công trình của một số chính khách, học giả, chuyên gia, nhà nghiên cứu về Phan Châu Trinh. Mục này có thể thay cho một *Thư mục tác giả* viết về Phan Châu Trinh) là phần nội dung các tác phẩm thơ văn của Phan Châu Trinh. Phần chính yếu này, chúng tôi chia làm hai thể loại: VĂN VẦN và VĂN XUÔI xếp theo *thời gian*.

Tập I: *Văn vần,* gồm: *Thơ chữ Hán - Câu đối - Tây Hồ thi tập - Santé thi tập - Gia huấn ca - Tỉnh quốc hồn ca I, II - Giai nhân kỳ ngộ diễn ca.*

Tập II và Tập III: *Văn xuôi,* gồm: Các "tiểu phẩm văn chương"; các tác phẩm lớn nhỏ "văn chính luận"; các tác phẩm "chuyên khảo", các "thư tín"... và các loại khác.

Trước mỗi tác phẩm, có *lời giới thiệu* (do chuyên gia viết) và ở cuối một số tác phẩm có *"phụ lục"* bài viết có ý nghĩa bổ sung giúp bạn đọc tham khảo.

Văn bản các nguyên tác *chữ Hán* được xếp ở phần sau của mỗi Tập I, Tập II, Tập III. Cũng được in vào phần này, những tác phẩm *chưa được dịch ra tiếng Việt* (kể cả những bản nháp *Di cảo*) để bạn đọc đối chiếu, tham khảo... đặng có thể dịch bổ sung, hoặc dịch lại một bản dịch khác tốt hơn. Cuối Tập III có *Niên biểu Phan Châu Trinh*.

Để hoàn thành biên soạn bộ *Phan Châu Trinh - Toàn tập* trong một thời gian tương đối ngắn, chúng tôi đã kế thừa công lao thành tựu của những người đi trước, lại được sự động viên khích lệ của bạn bè đồng nghiệp, của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và Nhà xuất bản Đà Nẵng tạo điều kiện thuận lợi; chúng tôi đã cố gắng nhiều, với tinh thần khẩn trương nhưng vẫn phải chu đáo khi thực hiện. Tuy vậy cũng tự nhận thấy còn có không ít khuyết, nhược điểm và bất cập chứa đựng trong công trình này. Rất mong bạn đọc góp nhiều ý kiến xây dựng đặng sửa chữa bổ sung tốt hơn trong lần tái bản.

Xin chân thành cảm ơn.

LỜI GIỚI THIỆU

THƠ VĂN PHAN CHÂU TRINH

Phan Châu Trinh[1] tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hy Mã, quê ở làng Tây Lộc, huyện Hà Đông[2], tỉnh Quảng Nam. Thân sinh ông – Phan Văn Bình – vốn là một học trò thi, về sau muốn lập công danh bằng nghiệp võ, đã vào lính và được thăng đến chức quân cơ sơn phòng[3]. Bà mẹ, Lê Thị Chung, người làng Phú Lâm[4] cách quê chồng nửa buổi đường, giỏi việc đồng áng và quản lý gia đình lại biết chữ, là cô giáo vỡ lòng của các con. Ông bà sinh ba trai, Phan Châu Trinh là trai thứ ba, và một gái, út.

Phan Châu Trinh sinh năm 1872[5]. Đúng 25 năm trước, xâm lược Pháp đã nổ những tiếng súng thù địch đầu tiên ở Đà Nẵng – cách quê ông hơn một ngày đường - đánh đắm nhiều chiến thuyền ta (1847). Mười năm sau, cuộc xâm lược thực sự bắt đầu, cũng ở Đà Nẵng (1858). Thế hệ ông lớn lên còn nghe vang vọng tiếng kêu kinh hoàng của các bà mẹ, bà cô, bà dì thời ấy:

Tai nghe súng nổ cái đùng
Tàu Tây đã tới Vũng Thùng[6], anh ơi!

(Ca dao)

Từ đấy quốc nạn tiếp diễn, ngày một trầm trọng hơn: ba tỉnh Đông Nam Bộ mất, giặc tiến đánh ba tỉnh miền Tây, những ảo vọng chuộc đất tan vỡ như bọt nước và đến năm 1867 thì chúng đã chiếm trọn miền Lục tỉnh phì nhiêu, kho vựa cứu đói của toàn quốc. Rồi 1872, năm ra đời của Phan Châu Trinh, người dân đất Bắc lại mục kích sự hoành hành ngỗ ngược của tên lái buôn kiêm giặc cướp Đuypuy trên sông Hồng, ngay trước cửa ngõ cố đô, dưới con mắt đại thần Nguyễn Tri Phương trung nghĩa nhưng phải bó tay vì chính sách nhu nhược của triều đình. Năm sau, tên đại úy

Gacniê phiêu lưu và táo tợn đánh chiếm Hà Nội. Sĩ dân nổi dậy mạnh mà bọn xâm lược Pháp thì chưa chuẩn bị xong những điều kiện chiếm đóng cho nên, chúng buộc phải trả đất lại, đổi lấy sự nhìn nhận việc chúng chiếm đóng Nam Kỳ và một số quyền lợi khác tạo cơ sở cho việc xâm lược Bắc và Trung Kỳ về sau. Quả vậy, chín năm sau (1883) giặc Pháp đã từ cửa biển Thuận An tràn vào kinh đô, và cuối cùng đóng quân ngay trong nội thành Huế, ở đồn Mang Cá. Sự cố gắng tối hậu của quân triều để đoạt lại kinh thành (1885) dưới quyền chỉ huy của Tôn Thất Thuyết đã thất bại và vua Hàm Nghi phải chạy ra Quảng Trị rồi Quảng Bình.

Sự an nguy của Tổ quốc chi phối trực tiếp gia đình ông quan võ nhỏ Phan Văn Bình và những sự kiện dồn dập, lại lan dần đến gần quê hương trong mấy năm sau cùng đã vang dội trong tim óc cậu bé chín mười tuổi bắt đầu tiếp xúc với cuộc đời, và sớm biết suy nghĩ như lẽ thường tình ở những trẻ con thời loạn lạc. Suốt tuổi thiếu nhi của mình, cậu bé đã từng nghe người chung quanh bàn tán nhiều và tỏ lòng thương xót những nhân tài trong tỉnh, như Hoàng Diệu[7] tuẫn tiết với thành Hà Nội, như Phạm Phú Thứ[8] vì nêu những bằng chứng về sự khôn giỏi của người Pháp khi đi sứ về, cốt để vua lo việc cải cách tự cường mà mang tội dối vua, như Ông Ích Khiêm[9] có công lớn dẹp giặc khách ở Bắc Kỳ, nhưng bị cánh chuyên quyền hãm hại. Hơn thế, quanh cậu trong đám họ hàng thân thuộc đã có nhiều người chết trận trong vụ gọi là "Thất thủ kinh đô", hoặc bơi qua sông Hương, vượt đèo Ải về được quê nhà.

Cậu bé Trinh học võ lòng với mẹ đến tám tuổi mẹ mất, năm sau học với ông thầy đồ trong làng. Nhưng cửa nhà sa sút, cậu bé học khá lười, chỉ ham lang thang câu cá, bẫy chim, nghe kể chuyện và đánh nhau. Mấy năm sau, ông Bình đem cậu theo để cậu học võ là chính.

Sau khi Hàm Nghi xuất bôn, hưởng ứng hịch cần vương ở trong tỉnh, Nguyễn Duy Hiệu[10] và Trần Văn Dư[11] lập "Nghĩa hội" kéo cờ cần vương, Phan Văn Bình tham gia, được cử làm chuyển vận sứ – tướng coi việc vận chuyển lương thực. Lúc đầu, quan quân triều đình còn hoang mang, chưa dám theo hẳn hiệu lệnh vua bù nhìn Đồng Khánh, còn số quân Pháp có hạn thì mải đối phó với Bắc Kỳ và đuổi theo dấu vết vua Hàm Nghi ở vùng Quảng Bình, Hà Tĩnh, nên Nghĩa hội Quảng Nam thu được một số thắng lợi, như lấy tỉnh thành Quảng Nam, triệt hạ cơ sở Hòn Bằng của số giáo dân phản động. Thấy vậy, bọn cơ hội muốn đi tắt

làm nên quan sang, có khi cường hào ác bá nữa, nhảy vào hàng ngũ nghĩa quân không hiếm... Do đó đã xảy ra lắm vụ hà hiếp dân lành, bắt người lấy của, trả thù báo oán. Đến khi Nghĩa hội bị quân của tên Việt gian Nguyễn Thân và quân Pháp vừa chiêu hàng, vừa càn quét mạnh, thì việc phản bội hay dao động đây đó xảy ra. Bấy giờ Trần Văn Dư đã mất, Nguyễn Duy Hiệu tuy trung dũng và kiên quyết cũng không thể quán xuyến một chiến trường rộng trong tình trạng phức tạp như thế. Chính lúc ấy là lúc Phan Văn Bình bị ám hại (1887). Ai giết ông Bình trong cảnh hỗn quân hỗn quan của Nghĩa hội buổi tàn cuộc, gia đình ông Bình đầy lo âu kinh hãi không xác định được, tuy có dư luận bảo là ông bị ám hại bởi một tên lý trưởng có thù riêng. Dẫu sao thì cảnh tượng chém giết lẫn nhau giữa đồng bào với cái chết đột ngột của người cha đã để ấn tượng không tốt trong lòng cậu thiếu niên mười lắm tuổi, khiến về sau, Phan nói đến vũ trang bạo động với ít nhiều thành kiến.

Qua cơn loạn lạc, Phan Châu Trinh được đi học lại, và lần này ông học chăm, tiến bộ nhanh chóng, 22 tuổi (1894) đi thi hương lần đầu vào trường nhì, 25 tuổi thi lần thứ hai, vào trường ba. Năm sau xin học ở trường tỉnh rồi được đề cử vào ngạch học chính[12], ở đấy đã có những học trò xuất sắc như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến. Trường này lúc bấy giờ đã lẫy lừng danh tiếng vì vị đốc học Trần Đình Phong, người Nghệ An, đạo cao đức trọng, và lớp học trò trong khoa thi hội Mậu Tuất (1898) đã giật cho tỉnh nhà năm bằng tiến sĩ, phó bảng và tấm biển độc đắc *Ngũ phụng tề phi* của vua ban. Ông Phan cùng với ba người học trò nói trên họp thành nhóm mà người trong tỉnh gọi là "tứ kiệt". Theo Huỳnh Thúc Kháng kể thì Phan là người giỏi biện luận hơn cả, trong đám học trò với nhau, có việc gì xích mích nhờ đến Phan đều được dàn xếp ổn thỏa; và khi bị người ngoài ức hiếp, anh em cũng rước Phan đi: nắm bắt được tình thế rất nhanh, lại kiên quyết và có vũ dũng, bao giờ Phan cũng buộc đối phương khuất phục lẽ phải. Câu cá giỏi vào bậc nhất[13]; không thấy đánh bạc, nhưng lại có lần đánh gỡ được cho cả một đám anh em bị thua hết tiền lương ở sòng me chợ tỉnh. Huỳnh Thúc Kháng viết: "Tiên sinh (...) đọc sách có con mắt riêng, làm văn tạo xuất cách mới, không làm những lối tìm câu lặt chữ, vẽ bóng pha mầu (...). Bất kỳ đề mục gì vào đến tay tiên sinh thì sao cũng mở ra một

lối mới để tỏ ý bi ca khảng khái của mình"[14].

Vào những năm cuối thế kỷ, phong trào chống Pháp tuy không rộng khắp như trong thời cần vương, nhưng vẫn không tắt ngấm, Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế vẫn tồn tại, các cuộc khởi nghĩa ở Bắc Trung Bộ vẫn còn những dư ba xáo động lòng người. Thời cuộc ở Đông Á cũng có những dấu hiệu mới, buộc người ta nhìn ra ngoài: Nhật chưa duy tân xong đã đánh bại Trung Quốc (1894), những nhà cải lương Trung Quốc bị triều đình tối phản động của Tây Thái hậu phản công (chính biến Mậu Tuất 1898) v.v... Những người học trò giỏi trong trường tỉnh lúc này không lấy các cuốn kinh truyện làm đủ, mà thường đến nhà các người Minh hương, Hoa kiều ở Hội An mượn tân thư, báo chí Trung Quốc, đến các quan hưu ở Điện Bàn mượn sách, sử ta để xem và đàm đạo về những vấn đề nóng hổi của thời cuộc.

Khoa Canh Tí (1900), Phan Châu Trinh thi hương ở trường Thừa Thiên, đỗ cử nhân thứ ba, Huỳnh Thúc Kháng đỗ thủ khoa, Nguyễn Đình Hiến cử nhân thứ hai, còn Trần Quý Cáp chỉ được tú tài, không có quyền thi hội. Thi hội năm sau, Phan đỗ phó bảng, Huỳnh và Nguyễn hỏng. Sau khi thi đỗ, Phan được vào ngạch hậu bổ, sau đó về cư tang ông anh cả mấy tháng, trở ra Kinh được bổ dụng làm Thừa biện bộ Lễ.

Có lẽ Phan làm quan cũng là để cho có làm quan như mọi người sau khi học hành đỗ đạt, chứ qua thái độ và các bài thơ chữ Hán, chữ Nôm của ông hồi này, người ta thấy ông đã có con mắt nhìn rất khác lạ, không mưu cầu vinh thân phì gia, cũng không có ảo vọng gì ở triều đình và quan lại. Tết năm 1903, ông có bài "Kinh thành nguyên đán" nói về cuộc sống vô duyên, vô vị của quan lại ở kinh thành, trong đó có câu:

Cố quốc duy dư nguyên đán hảo
Thử thân thiên bị sổ kim khi.

(Kinh thành nguyên đán)

(Nước cũ chỉ còn ngày tết là tốt, thân này thấy lụy vì mấy đồng lương).

Ông coi thường quan lại triều đình, cả vua nữa và mượn hát bội cờ tướng để nói tình cảnh bù nhìn bất lực của họ:

Ba lão kép già ngồi vếch mỏ
Mấy thằng hiệu đói đứng khoanh tay

(Hát bội)

Một ông tướng lác đứng trong cung
Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẫy vùng.

(Cờ tướng)

"Ngọn sóng triều Đông" dội đến, kích thích cái chí lớn tiềm tàng từ lâu, cái chí "hồi thiên".

Cẩm tú giang sơn vọng nhãn hồ
Hồi thiên vô nại thử thân cô.

(Giáp Thìn kinh thành cụ phong)

(Giang sơn gấm vóc trông ra thấy mịt mờ, muốn xoay trời không ngại, hiềm sức chỉ có một mình).

Nhưng chưa xác định chủ trương, đường lối và chưa có đồng chí, ngoài việc gửi gắm tâm sự vào mấy bài thơ, ông vẫn sống như một người tài hoa: đọc sách, đánh cờ, câu cá, lại có cả xướng họa, vấn vương với người đẹp nữa. Huỳnh Thúc Kháng kể: ông Phan có hẹn hò với một thiếu nữ con quan, đẹp người, hay thơ, tình rất dẻo dai, nhưng khi về thấy vợ cần cù lam lũ, một mình gánh vác cửa nhà, ông bèn kiên quyết từ tạ. Những người có nhiệt tình với đất nước tìm nhau, ông có gặp Phan Bội Châu lần đầu ở Huế, rất phục chí khí và đảm lược của Phan Bội Châu, nhưng ráo riết bác chủ trương duy trì nền quân chủ quan liêu, vì cho là lỗi thời, phản quyền lợi nhân dân.

Khoa hội năm 1904, Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu, Trần Quý Cáp thứ hai (Trần được đặc cách tiến cử dự hội thí) thế là Phan đã có hai đồng chí. Ba ông bàn với nhau cáo quan [15], và việc đầu tiên là cùng tiến hành một chuyến đi vào miền Nam để khảo sát dân tình. Tại sao vào Nam mà không ra Bắc? Tình hình miền Bắc, các ông vẫn được thông tin thường xuyên qua các học trò thi, các thầy đồ, thầy thuốc du phương, các thuyền mành chở hàng vào bán ở Huế, Hội An, Đà Nẵng. Đối với miền Nam thì Nam Bộ đã từ lâu không có cuộc nổi dậy nào lớn, miền Nam Trung Bộ từ sau phong trào cần vương, cũng im ắng luôn. Giữa ba người, Phan luôn luôn là kẻ đưa đường đặt lối, thì lúc này Phan vẫn nghĩ – như về sau ông viết trong *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* – lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam không bao giờ chết, chỉ bị cái độc khoa cử và cái nền chuyên chế quân chủ quan liêu làm mê đi mà thôi. Đối với miền Nam, Phan thấy cần phải bắt mạch sĩ khí nhân tâm và kích thích nó. Việc các ông đi vào miền Nam cho thấy các ông chủ trương, dù dùng cách nào để cứu nước, cũng phải gây một phong trào rộng khắp và bền bỉ, điều mà Phan dùng đi dùng lại

ngạn ngữ: "nhiều tay vỗ nên bộp" và các điển "Ngu công dời núi", "Tinh Vệ lấp biển" để ngụ ngôn.

Các ông xuất phát từ Quảng Nam vào tháng 2-1905, đi đến những nơi đô hội và nơi có nhiều học trò đều dừng lại.

Đến Bình Định, gặp kỳ khảo hạch hàng năm để tuyển sinh, ba ông lẻn vào trường thi làm một bài thơ, một bài phú. Bài thơ với đầu đề *Chí thành thông thánh* (lòng thành thông đạo thánh) do Phan Châu Trinh làm; bài phú *Lương ngọc danh sơn* (cầu ngọc tốt ở danh sơn) do Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp làm. Hai bài đều ký bí danh Đào Mộng Giác. Qua bài thơ nói trên cũng như nhiều bài thơ chữ Hán khác làm trong chuyến "Nam du" này, ta thấy Phan bộc lộ lòng phẫn khích đối với giặc Pháp không giấu diếm, và còn nói nhiều đến việc gươm đao, tỏ ý sốt ruột chưa làm được gì. Ông chất vấn bọn học trò "Muôn dân làm tôi tớ dưới ách cường quyền mà sao các anh vẫn còn say sưa trong giấc mộng cử nghiệp? Nếu mãi trăm năm cam chịu sỉ nhục thì biết ngày nào mới thoát khỏi chỗ cũi lồng?" *(Chí thành thông thánh*, dịch nghĩa). Từ trên núi cao nhìn xuống ông than: "Trong cơn gió mưa, vỗ thanh kiếm lẻ loi mà thương cho non sông tấc đất tấc vàng!"

Trong chuyến đi vào, khi đến Nha Trang, nghe đồn có tàu Nhật đến đỗ ở Cam Ranh, ba ông định tìm cách xem họ tiến bộ như thế nào; đến nơi mới biết đó là hai tàu trong hạm đội của đô đốc Rôgiêchoenxky do Nga hoàng phái từ biển Tây sang tiếp ứng cho hạm đội Thái Bình Dương. Hai tàu này đi tiền đạo đến Cam Ranh chuẩn bị cho đại quân đi sau vào ghé nghỉ ngơi và tu bổ trước khi lên biển Bắc[16]. Ba đồng chí giả làm người bán thức ăn, thuê thuyền ra tận nơi xem xét, nhưng vì không thông ngôn ngữ, các ông không hỏi han được gì, chỉ thấy rõ là chúng ta còn cách xa nền văn minh Âu Mỹ như trời vực.

Phan Châu Trinh dưỡng bệnh ở Phan Thiết mấy tháng, đã tận dụng thời gian ấy bàn bạc với anh em ông Nguyễn Trọng Lội (con cụ Nguyễn Thông) về việc mở trường học, hội buôn, công ty nước mắm, xưởng dệt... khiến cho Phan Thiết về sau cũng trở thành một trung tâm cải cách[17].

Sau cuộc Nam du này, hai ông Huỳnh, Trần đã đồng ý với Phan Châu Trinh là cần mở một cuộc vận động duy tân rộng khắp trong nhân dân, mong đạt kết quả về dài lâu, không nên nôn nóng bạo động. Lúc này Trần Quý Cáp đã làm giáo thụ phủ Thăng Bình. Giữa ba đồng chí, có phân công: Phan được coi là người cầm đầu phong trào và có trách nhiệm giao thiệp với nhà cầm quyền và

liên lạc với các tỉnh khác. Huỳnh và Trần xúc tiến công việc trong tỉnh. Phan vẫn là người hùng biện và linh hoạt nhất. Theo *"Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam"* thì lúc bấy giờ ông không bác hẳn việc bạo động mà vẫn liên lạc với Nguyễn Thành theo dõi hoạt động của Phan Bội Châu, cũng như sau này sẽ lên căn cứ Yên Thế tìm hiểu hoạt động của ông Đề Thám.

Năm 1906, Phan ra Hà Nội gặp nhóm sĩ phu tiến bộ ở đấy, sau đó vào Nghệ Tĩnh gặp Ngô Đức Kế và mấy nhân vật khác, rồi trở ra Hà Nội tìm cách lên gặp Hoàng Hoa Thám. Theo Tôn Quang Phiệt (sách *Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh*) thì Phan có bàn với Hoàng là phải tổ chức cho binh sĩ tự làm lấy mà ăn, để nhân dân đỡ phần đóng góp, và cần cho người đi học nước ngoài. Nhưng Hoàng không nghe. Khi về Quảng Nam, Phan nói với Huỳnh Thúc Kháng là Hoàng Hoa Thám là người quả cảm, bền gan giỏi dùng binh, nhưng không nhìn xa thấy rộng, cứ cát cứ một vùng nhỏ như thế thì rồi trước sau cũng bị tiêu diệt.

Bấy giờ Phan đã được sĩ phu trong nước biết tiếng, và cuộc Nam du trước đó của ba ông cùng với bài thơ đã vang dội đến Bắc Hà; bản thân Phan lại nhiệt thành và nhanh trí nên đến đâu cũng có người đưa đường dẫn lối và xông xáo vào đâu cũng được. Phan xuống Hải Phòng, có người giúp đỡ, đã bí mật đáp tàu đi Quảng Đông gặp Phan Bội Châu. Phan Châu Trinh tán thành việc đưa thanh niên du học nước ngoài, nhưng kiên quyết bác chủ trương duy trì nền quân chủ, phương pháp bạo động vũ trang và việc mưu cầu ngoại viện. Phan Bội Châu tán thành khai dân trí, không tán thành nhân nhượng với Pháp và đề xướng dân chủ. Sau này Phan Bội Châu viết trong *Niên biểu:* "Tây Hồ hết sức vạch tội ác của bọn vua chúa (...) hại dân hại nước, hình như ý ông cho rằng không đập tan được nền quân chủ thì dù có khôi phục được nước cũng không phải là hạnh phục cho dân" và "khuyên tôi không cần hô hào đánh Pháp, chỉ nên đề xướng dân quyền, dân đã giác ngộ được quyền lợi của mình, bấy giờ mới có thể dần dần mưu tính đến việc khác".

Huỳnh Thúc Kháng kể rằng lúc xuống tàu về nước, Phan Châu Trinh có tuyên bố với các bạn Việt Nam đang ở Nhật Bản: "Tôi có định kiến rồi, công việc chúng ta làm ngày nay chỉ nên chú trọng về việc khai hóa cho đồng bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy mới có hy vọng về sau được. Còn như chủ nghĩa muốn làm mau, muốn lấy võ lực mà bạo động trong nước, hay là nhờ sức một nước ngoài để nổi quân cách mệnh, việc ấy tất nhiên

phải thất bại, sau một cuộc thất bại, tiếp đến dân bị khủng bố, nhuệ khí thêm nhụt đi không có ích gì, tôi không tán thành chủ trương ấy!" *(Thi tù tùng thoại)*.

Về phần mình, Phan viết trong *"Pháp Việt hiệp hậu"*: "Tôi thấy Phan Bội Châu thì biết học thức chưa đủ, tuy có chí khí, sức tự tin rất vững mạnh, dũng cảm, rất có tiếng vào thời đại bát cổ, được sĩ phu trong nước sùng bái. Nếu được hợp sức ở trong nước mà kêu gọi quốc dân thì việc ấy ắt phải nên. Ông ấy ra nước ngoài, thì sức có thể phá chủ nghĩa của tôi, cho nên tôi hết sức liên hợp với ông ấy. Phan Bội Châu cũng biết cái chủ nghĩa mà ông ấy chủ trương, sức tôi đủ phá được, cho nên cũng hết sức dụ tôi"[18].

Bọn chính khách Pháp ở Đông Dương ranh mãnh nhận định rằng: dù đi con đường nào, "mục đích cuối cùng của họ cũng đều là đẩy người Pháp ra khỏi Đông Dương" và nói về Phan Châu Trinh: "Y kiên quyết thay thế cuộc phiến loạn quân chủ đó bằng một phong trào dân chúng do y lãnh đạo. Tuy nhiên trước khi chia tay với Phan Bội Châu, y hứa sẽ không tiết lộ những điều y đã thấy và làm ở Nhật Bản. Họ từ biệt nhau không xích mích"[19].

Về nước vào mùa hè năm 1906, Phan thảo một bức thư chữ Hán gửi cho toàn quyền Bô (đề ngày 15-8-1906). Bức thư lời lẽ thẳng thắn, tố cáo quan lại hà hiếp bóc lột nhân dân vì do chính phủ dung túng để dễ sai bảo, nhà nước bảo hộ lại khinh rẻ sĩ phu, gia tăng thuế khóa khiến cho "tình ý" giữa chính phủ và nhân dân không thông, tạo nên một tình thế hết sức nguy hiểm; cuối cùng tác giả yêu cầu cải lương chính sách bảo hộ.

Huỳnh Thúc Kháng giải thích và bình luận bức thư đó như sau: "Tiên sinh (...) nghĩ rằng lấy nội tình ngoại thế và thời cuộc mà nói, ngày nay không có quốc dân nội lực, thì làm chi cũng không có kết quả được. Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể, để làm cơ sở mà chỉ ngồi trông người ngoài, không những thế, học hội, dân đoàn là cần nhất không có không được và nên tổ chức đầu tiên cả, mà theo tình thế trong nước ngày nay, thì phải lấy công lý yêu cầu, làm việc quang minh chính đại chứ không có thể làm chùng lén được. Nước Pháp là một nước đề ra nhân quyền cho thế giới (...) nay bảo hộ ta (...) các nước mạnh láng giềng lại có lòng dòm ngó như thế này, mà cứ để cho dân thuộc địa mình đã ngu lại nghèo, thì chắc không phải là lợi cho nước bảo hộ. Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy hiểm ra thế này, nguồn tệ hại ra thế kia, mà bàn bạc một cách lưỡng lợi lâu dài, biết đâu chính sách bảo hộ người ta không thay đổi lại?" *(Phan*

Tây Hồ tiên sinh lược sử).

Lúc bấy giờ bọn Pháp thuộc địa còn để cho quan lại ta ít nhiều quyền hạn, bọn này lấy làm vừa lòng, nay bức thư lớn tiếng tố cáo chúng trước lũ quan thầy và công chúng, khiến ngoài cái bổn phận phải trấn áp những người yêu nước với tính cách là tay sai, chúng còn kết nên một mối thù riêng không chung sống.

Bức thư tranh thủ được sự đồng tình của một số người Pháp thức thời, nhưng không đem lại sự thay đổi gì trong chính sách thuộc địa.

Sau đó Phan trở về Quảng Nam. Một viên cố đạo Pháp muốn dò hỏi việc đi Nhật của ông, ông tương kế tựu kế, khích y để y giới thiệu ông với viên công sứ. Đây là một ví dụ tiêu biểu về cách làm việc của Phan: Phan hỏi viên công sứ "Quan tòan quyền Bô có chỉ thị cho các công sứ và quan lại địa phương mở trường học mà sao không thấy thi hành?" Công sứ đáp là: không có tiền. Phan bèn hỏi: nếu nhân dân tự mở trường thì sao? Tên công sứ không dự đoán được hậu quả, đáp: "Nếu dân chúng muốn học thì cứ việc mở trường mà học. Nếu họ không làm thế thì cũng không việc gì đến tôi!". "Lời tuyên bố rõ ràng dứt khoát đó của vị thủ hiến tỉnh khiến tôi an tâm (soạn giả dẫn tiếp lời Phan Châu Trinh), vì nó khẳng định ông ta sẽ không phản đối những sáng kiến của tư nhân về vấn đề học tập (...). Thế rồi vì không có lớp, có thầy sẵn, tôi bèn đi diễn thuyết để vận động dân chúng mở trường *(Bản điều trần gửi Liên minh Nhân quyền).* Chúng ta biết rằng trong năm đó, 40 trường dân lập kiểu mới đã được mở ra ở Quảng Nam, mà công đầu thuộc về Phan. Một số các trường đó dạy chữ quốc ngữ, toán, cách trí, Nam sử, chữ Hán, thể dục; một số có dạy chút ít tiếng Pháp và võ ta. Riêng một làng Phú Lâm, làng quê ngoại của Phan Châu Trinh có một chương trình dành cho học sinh con nhà nghèo với hơn 100 em được cấp giấy bút, có ba giáo viên dạy chữ quốc ngữ và tiếng Pháp, chữ Hán, trong đó có một cô vừa dạy chữ quốc ngữ vừa dạy chữ Hán (tư liệu trong *Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mạt ký*).

Nửa đầu năm 1907, Phan yếu mệt nhưng vẫn hoạt động không ngừng ở tỉnh nhà. Nhóm sĩ phu duy tân tổ chức những cuộc diễn thuyết khắp tỉnh. Kết quả là nông hội, thương hội, xưởng dệt, lớp học mọc lên như nấm, đồng thời đồng bào đua nhau hớt tóc ngắn, mặc áo cụt vải nội, học võ ta, bỏ rượu chè, giảm tệ xôi thịt, bớt cúng bói. Các nhà khoa mục viết rất nhiều thơ, ca trù, ca dao, câu hát hò khoan, hát đối đáp... để cổ động dân chúng. Riêng

Phan đã viết *Tỉnh quốc hồn ca* và một số *bài ca giáo huấn.*

Trong *Tỉnh quốc hồn ca*, sau khi phát huy quá khứ oanh liệt của dân tộc, ông nói đến sự lụn bại ngày nay và quy tội cho nhân tâm sa đọa, phong tục suy đồi, lối học hành cử nghiệp khiến con người không có chí hướng to tát và đề nghị phải canh tân lối sống. Trong 11 đoạn thơ đi vào mười một việc cụ thể, ông so sánh cách làm của người mình và của người nước văn minh, khuyên học tập làm theo họ, như: mỗi người phải học một nghề nghiệp, không được ngồi không ăn bám; đi đây đó, ra cả nước ngoài để học hỏi; thương yêu nhau, yêu nước yêu nòi:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Người trong một nước thì coi như nhà.

Phải biết hợp vốn kinh doanh, giữ sự tín thực với nhau; không tin thần thánh, mồ mả, mà tin ở sức mình:

Cốt mình cầm vững tay co
Dời non tát bể cũng cho là thường
Càng thua sút lại càng phấn trí
Chẳng chút nào thối chí sờn gan
Xưa nay hào kiệt muôn vàn,
Đem thân đổi lấy giang san là thường.
(...)
Dân ta là thánh là thần
Bền gan chắc dạ quỷ thần cũng kiêng.

Không cúi luồn cầu làm quan để áp bức bóc lột dân đen, cứ lo làm việc ích nước lợi dân thì dân sẽ quý trọng; làm ra nhiều sản phẩm tinh xảo chở đi bán nước ngoài để thu những mối lợi to v.v...

Tóm lại, tuy bài ca trình bày sự việc chưa thành một lý thuyết có hệ thống, nhưng người ta vẫn thấy hiện lên một công cuộc "duy tân" theo hướng dân chủ tư sản – mà hẳn là số sĩ phu có đọc tân thư hồi bấy giờ cho là một thiên đường trên mặt đất so với chế độ thực dân nửa phong kiến ở nước ta. Qua bài ca, người ta cũng thấy tác giả nói một cách kín đáo đến nền độc lập tự chủ ở cuối công cuộc duy tân.

Khẩu hiệu của phong trào duy tân trong tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ là: "Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh". *Chấn dân khí*, các nhà duy tân nói về lòng yêu nước, sức tự cường của dân tộc ta trong quá khứ, gây lòng tự tin, tố cáo sự hà hiếp bóc lột của quan lại, sự nhũng lạm của cường hào, bày vẽ cho đồng bào đoàn kết, gác bỏ những xích mích lặt vặt, bài trừ cúi luồn nịnh

hót, hô hào mặc áo ngắn, hớt tóc ngắn, cắt móng tay để cho gọn gàng, sạch sẽ, bỏ hương ẩm, thói bê tha rượu chè, cờ bạc v.v... *Khai dân trí*, các ông tổ chức học hiệu kiểu mới, hô hào bỏ văn cử nghiệp, tổ chức những cuộc diễn thuyết chống mê tín dị đoan, bỏ hủ tục. *Hậu dân sinh* thì phải học nghề nghiệp, mở xưởng dệt, trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, lập nông đoàn để hợp sức làm ăn, khai hoang, tiết kiệm, cần góp vốn mở xưởng thợ, hãng buôn để giật quyền lợi lại từ trong tay Hoa kiều. Phương châm Phan Châu Trinh đề xướng là *Ỷ Pháp tự trị* (xem *Pháp Việt hiệp hậu* của Phan Châu Trinh và *Phan Tây Hồ tiên sinh lược sử* của Huỳnh Thúc Kháng), chữ tự trị đây không bó trong nghĩa hẹp về chính trị mà có nghĩa là tự quản lý công việc của mình, vì thế cũng có khi các ông gọi là *Tự lực khai hóa* (xem *Thi tù tùng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng) hoặc có người gọi: *Ỷ Pháp cầu tiến bộ*. Phương pháp làm việc của Phan và các đồng chí của ông là làm việc gì cũng minh bạch, dựa trên những tuyên ngôn của Pháp và luật pháp hiện hành – tất nhiên theo cách giải thích có lợi cho dân nhất. Cũng vì thế mà Phan viết bức thư nổi tiếng gửi cho toàn quyền (cũng gọi là *Đầu Pháp chính phủ thư*) yêu cầu cải cách và sau này ông sang Pháp vận động, mong có được một chính sách thuộc địa rộng rãi hơn để dựa vào mà tiến hành tự lực khai hóa, nghĩa là một cuộc duy tân từ cơ sở, do dân tự làm.

Phan và những đồng chí của ông đã dùng một lối làm việc khôn khéo. Trong các lễ khai giảng trường học, khánh thành hội buôn, hội trồng cây... các ông mời các quan chức Pháp, Nam trong địa hạt, và tổng lý sở tại, cả cố đạo lân cận nữa đến dự: bài diễn văn khánh thành khi nào cũng nêu vài câu cảm ơn sự "khai hóa" của nước Pháp và dẫn những lời rêu rao của chính chúng trong những diễn văn, thông tư mị dân trong buổi đầu đô hộ. Vì vậy nhiều người Pháp biết các ông tự lúc bấy giờ, nhất là biết Phan Châu Trinh, như sau này họ xác nhận. Trong hồ sơ của Cục an ninh Pháp, còn cái thư nhỏ đề ngày 1-9-1921 của Tixô (Tissot), lúc đó là khâm sứ, gửi cho Phan, có nhắc rằng đã gặp Phan vài mươi năm trước, trong lễ khai giảng một trường học gần Hà Nội.

Tháng 8-1907, Phan Châu Trinh được *Đông Kinh nghĩa thục* mời ra diễn giảng ở Hà Nội. Ông thường đi lại với các thân sĩ tiến bộ và giao thiệp với vài người Pháp thức thời, trong số đó có ông Babut, chủ báo *Đại Việt*. Ông đã đề tựa cho cuốn *Hợp quần doanh sinh thuyết* của Nguyễn Thượng Hiền và có viết vài bài báo thời sự đăng báo *Đại Việt* và *Đăng cổ tùng báo*. Bài *Hiện trạng vấn đề* đã

nêu một châm ngôn mà những người khác chính kiến lúc bấy giờ không phục: "Vọng ngoại tắc ngu, bạo động tắc tử" (Huỳnh Thúc Kháng dịch: "Không nên trông người ngoài, trông người ngoài thì chắc ngu, không nên bạo động, bạo động thì chắc chết"...) Nửa trước châm ngôn này, khi ở Côn Lôn, Phan đã giải thích: "Mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừu của mình, Triều Tiên, Đài Loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp. Chưa có tư cách quốc dân độc lập, dầu có nhờ cậy sức người ngoài chỉ diễn cái trò "đổi chủ mà làm đầy tớ lần thứ hai, không ích gì" (Huỳnh Thúc Kháng: *Thi tù tùng thoại*).

Về phần sau châm ngôn, có nhiều người bẻ lại: nếu bạo động ắt chết thì cuối cùng phải làm thế nào để được độc lập? Chẳng lẽ ta cứ tự lực khai hóa cho đến khôn, đến giàu thì tự nhiên Tây bỏ về nước sao? Đọc hết thơ văn của Phan Châu Trinh đủ thấy rằng Phan không tỏ ý gì muốn tuyệt đối cấm bạo động cả. Ngay cái nhan đề bài báo: *Hiện trạng vấn đề,* cũng ngụ ý rằng ông chỉ nói về tình hình hiện tại mà thôi. Ông sợ bạo động non, bạo động khi chưa đủ sức thì chỉ làm hao tổn sinh mạng, tiêu hao lực lượng, nhụt nhuệ khí mà thôi.

Tuy nhiên, dù chỉ ngăn bạo động để "tự lực khai hóa" cho đến lúc đạt kết quả cũng không thể được. Về phía Pháp, chúng có chịu để yên cho chúng ta duy tân cho đến khôn, mạnh, giàu không? Và đồng bào ta có chịu kiên trì tự lực khai hóa không, hay khi đã giác ngộ, đã có ít nhiều khí thế thì nổi dậy ngay? Chỉ vài năm sau thôi, lịch sử đã chứng minh phủ định từ cả hai phía. Lại có người ngày nay bảo vẫn có thuộc địa tiến lên tư bản chủ nghĩa rồi sau những cuộc đấu tranh hợp pháp và bạo động có chừng mức, vẫn được trả chủ quyền; và có những nước được trả chính quyền không qua bạo động tí nào. Có những trường hợp như vậy thật; nhưng đó là hiện tượng chỉ có thể có sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là "sau Việt Nam", vào thời mà ba dòng thác cách mạng xói mòn dữ dội chủ nghĩa đế quốc và làm sụp đổ từng mảng lớn của nó khắp nơi.

Bấy giờ phong trào Duy tân đã rất mạnh, nhất là ở Quảng Nam. Thứ đến Hà Nội và vùng chung quanh Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh. Riêng ở Quảng Nam phong trào phát triển toàn diện nhất: văn hóa, kinh tế, phong tục tập quán. Có hiện tượng là có những xã, chính quyền hầu như về tay các bạn duy tân. Ngoài xã Phú Lâm mà lý trưởng Lê Cơ là người thực hành lý thuyết của các thân sĩ duy tân, còn hai xã thí điểm, một ở Điện Bàn, một ở Tiên Phước.

Theo Phan Châu Trinh thuật trong *Pháp Việt liên hiệp hậu chi Tân Việt Nam* thì ông và các đồng chí của ông đã mở được nhiều trường tiểu học phổ thông ở hương thôn, lập hội tân học, hội buôn, hội diễn thuyết, hội trồng cây, hội cắt tóc mặc áo ngắn. Ngoài ra, các ông đang lập chưa xong hội cải lương tơ tằm hội cải lương vải Nam thì bị bắt bớ tù tội.

Khoảng đầu 1908, *Đông Kinh nghĩa thục* bị đóng cửa, Phan Châu Trinh vẫn còn ở lại Hà Nội. Tháng 3 năm 1908 xảy ra vụ gọi là "xin xâu" ở Quảng Nam, với những hình thái kịch liệt như bắt tri phủ Điện Bàn lên xe kéo đi trả quan tỉnh, đuổi theo đề đốc Tuệ đòi ăn gan (Tam Kỳ), vây bắt lãnh binh Điềm (Hòa Vang), biểu tình vây nhiều phủ huyện đường, biểu tình ngồi mấy ngày đêm trước tòa sứ. Nam triều và tòa khâm sứ Huế vu cho Phan Châu Trinh là người chủ mưu trong việc chống thuế này, bèn điện ra Hà Nội cho cảnh sát bắt Phan giải vào Huế hỏi tội. Trước Hội đồng cơ mật gồm có khâm sứ Pháp và các thượng thư Nam triều, bị chất vấn về tội xúi dân chống thuế, ông khẳng khái phản kích lại: "Các ngài ngồi trên đầu dân lại ăn lộc nước (...) bổng ấy không phải là máu mủ của dân sao? Thế mà cứ ngồi yên ăn lịt, không lo vì dân mở đường sinh kế, toan việc công lợi, để cho nó cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế mà rủ nhau làm hạ sách đi yêu cầu như thế, ấy là *cựu*[20] Tại các ngài, các ngài đã không biết tội thì chớ, lại đổ cho người khác sao?"[21]. Bọn chúng cứng họng nhưng cũng viện dẫn việc chống sưu thuế cùng những bằng chứng vu vơ, nào là xuống tàu Nga "định sang Nhật", làm thơ kêu gọi phá cũi, lồng, hội họp với Phan Bội Châu, diễn thuyết cổ động dân quyền, v.v..., mà kết án: "trảm giam hậu, lưu tam thiên lý, ngộ xá bất nguyên",[22] và đày ra Côn Đảo...

Phan Châu Trinh ra tới Côn Lôn vào tháng 4-1908. Ra đảo, ông bị giam trong ngục ít lâu rồi được cho ra ở ngoài làm ăn ở làng An Hải, mỗi tuần phải vào nhà lao trình diện một lần.

Vài tháng sau, các thân sĩ yêu nước ở khắp Trung, Bắc Kỳ đều lần lượt bị giải ra đây, bất kỳ họ thuộc Minh xã hay Ám xã[25]. Ngày đầu tiên vào khám Côn Lôn, họ bắt được mảnh giấy buộc vào một viên gạch từ ngoài ném vào, ký tên Phan Châu Trinh: "Thoạt nghe tin anh em ra đây, giậm chân kêu trời một tiếng, đoạn tự nghĩ rằng anh em vì quốc dân mà hy sinh đến phải ra đây, chắc là có trăm điều vui mà không có chút gì buồn. Đây là một trường học thiên nhiên, mùi cay đắng trong ấy làm trai giữa thế kỷ thứ XX này, không thể không nếm cho biết". (Huỳnh Thúc

Kháng: *Thi tù tùng thoại*).

Nhờ có vận động của Liên minh Nhân quyền ngay trên đất Pháp, Phan được ân xá sớm hơn các nhà yêu nước khác. Tháng 6-1910[24]: ông được phóng thích, nhưng không được tự do hoàn toàn, phải bị quản thúc ở Mỹ Tho. Ông phản kháng kịch liệt, bọn thuộc địa sợ dư luận bên Pháp nên không dám cấm cố quá chặt chẽ. Biết rằng ở bên ta thì không thể hoạt động được nữa dưới tai mắt của bọn Tây thuộc địa, ông xin đi Pháp, mong vận động cải cách có kết quả ở nơi mà ông đã gọi là "gốc của nhân quyền" đó. Tháng 3-1911, ông đáp tàu đi Pháp với cậu con trai Phan Châu Dật 14 tuổi; ông được ghép vào đoàn giáo giới Đông Dương tại Pháp đặt ra từ cuối năm 1908. Việc xin đi Pháp, Phan đã dự định từ trước. Khi nghe tin sắp được tha, ông đã nói với Huỳnh Thúc Kháng: "Tôi được về thì xin đi sang Tây ngay, ấy là bước đầu. Còn bao nhiêu công việc khác sẽ tuỳ tình thế mà hạ con cờ, không thể nói trước được". Trong đám sĩ phu ở tù, có nhiều người nghi ngờ, dị nghị, vì không hiểu tâm sự ông. Người bạn tâm phúc Huỳnh Thúc Kháng biện hộ:

Thổ sản tự do hoa chính đấy
Nhờ người đem giống đến Nam phương.

(Tiễn biệt Tây Hồ. H.T. Kh. tự dịch)

Và chính Phan cũng phải thanh minh trong bài *Con gái cởi quần lội sông*, tự ví với người con gái vùng núi gặp mưa, nước sông lớn muốn đi đến nơi về đến chốn, đành phải cởi quần bơi qua.

Thế ấy quản bao thân ướt ráo
Chuyến này phó mặc miệng cười, thương.
Ôi! phường khăn yếm hay chăng nhẽ?
Một bước chân ra khó đủ đường!

(Tây Hồ thi tập)

Đến đây ta phải dừng lại một ít để nói về *Tây Hồ thi tập* gồm những bài thơ quốc âm làm từ khi làm quan ở Huế cho đến khoảng 1913, 14 ở Pháp, mà những bài hay nhất ra đời trong cảnh miễn cưỡng làm quan, trong mấy tháng Nam du và mấy tháng bị quản thúc ở Mỹ Tho. Tuy chỉ ghi được 70 bài, tập thơ này rất đa dạng: có thơ châm biếm, thơ đùa bạn, thơ tán tỉnh phụ nữ, thơ tả cảnh, thơ thuật hoài, ngôn chí, thơ khóc viếng người mất. Hai bài *Vọng phu thạch* nghịch ngợm một cách trang nhã và diễn tả rất đạt:

Cắc cớ cho bà đã có công
Núi cao chót vót đứng trông chồng
(...) Nghìn thuở sương sa đầu chẳng bạc
Trăm năm nắng dọi má thêm hồng

Có một bài tả cảnh Côn Lôn, nhiều người cho là tuyệt tác:

... Bốn mặt giày vò oai sóng gió
Một mình che chở tội non sông
Cỏ hoa đất nảy cây trăm thức
Rồng cá trời riêng biển một vùng.

Mười bài "Khóc ông Tú Chiểu", họa thơ Nguyễn Đình Chiểu khóc Trương Định, liền một mạch, chân thành, tha thiết, lột tả được thân thế và tâm sự cụ đồ Chiểu, nhiều khi nhắc đến nghĩa khí và phẩm chất cao quý của Trương Định, đọc rất cảm động:

... Huyết lệ trăm dòng đau Tổ quốc
Văn chương một mạch rạng my môn.
Lòng son còn có non sông tạc
Nét ngọc chưa đành cỏ bụi chôn...

Hai câu này nói chí lớn của Trương Định, cũng là của chính mình:

Bể sâu mù mịt cây toan lấp
Trời rách toang hoang đá sắp khâu.

Các bài họa Tôn Thọ Tường, có những câu chửi Tường và đồng loại rất thấm thía:

Múa miệng còn đổi câu đạo nghĩa
Cúi đầu thêm thẹn tiếng trâm anh.

Nhưng trong các bài họa Tôn Thọ Tường, nhất là 10 bài tái họa Phan sốt ruột muốn đưa chí hướng và tâm sự của mình vào để người đời khỏi hiểu lầm, lẫn lộn nên tính nhất quán kém và nhiều câu khó hiểu, hoặc khó giải thích lý do tồn tại, âu cũng là một nỗi đau lòng của tác giả.

Quân phu Mao sắt thương ngàn khẩu
Dân ước Lư Thoa sách một pho.
Trôi máu vất thây thề đất nước
Lòng người đã muốn ắt trời cho.

Việc làm đầu tiên của Phan Châu Trinh ở Paris là liên lạc với Liên minh Nhân quyền và tìm gặp nhiều nhân vật trong đảng Xã hội và bộ Thuộc địa. Vì dư luận bên Pháp đã chú ý đến ông nên

việc này không khó. Chỉ đến cuối cùng ông mới biết rằng phần lớn bọn ấy hứa hẹn đẩy đưa, có mấy người thực bụng thì thế lực không đủ để giúp ông chống cánh thuộc địa và bọn chính khách đương quyền, vốn một cốt một đồng.

Phan lúc ở Côn Lôn có được các bạn tù cung cấp cho nhiều chi tiết về cuộc biến động chống thuế và sự đàn áp của thực dân, đặc biệt có bản án mà Huỳnh Thúc Kháng xoay xở sao chép được. Phan dùng những tư liệu đó viết một bản điều trần gửi cho Liên minh Nhân quyền tố cáo hành vi bạo ngược của bọn quan Pháp ở Đông Dương qua vụ đó và phong trào duy tân. Mục đích căn bản của Phan là buộc chính phủ, nghị viện và những người Pháp có lương tâm chú ý đến Đông Dương, tạo thuận lợi cho yêu cầu cải cách; mục đích trước mắt là nhờ Liên minh Nhân quyền can thiệp với chính phủ và nghị viện để cho các bản án được xét lại và những người yêu nước được phóng thích. Bản điều trần được viết bằng chữ Hán, rồi dịch ra chữ quốc ngữ, hai bản đều đưa cho ban chấp hành Liên minh[25].

Bản điều trần này là một áng văn tiêu biểu nhất của Phan Châu Trinh con người sôi nổi và nặng tình cảm, có ý thức chống áp bức thường trực với lòng công phẫn chính đáng và tài hùng đàm hoạt luận. Mặc dù chưa nói được hết ý nghĩ của mình, nhưng đứng trước những người Pháp tương đối tiến bộ, ông cũng đỡ lúng túng, khỏi phải che đậy, rào đón quá nhiều, có thể tố cáo trực diện được.

Lập luận của Phan: những người dân biểu tình năm 1908 là những người đói khổ cùng cực vì ách sưu thuế, cùng chẳng đã mới đến trước cửa công van xin "như những đứa con cùng quẫn đến quỳ xin cha cứu giúp"; như vậy họ chẳng có tội tình gì, họ khổ quá, sợ chết đói nên đi van xin, không có ai là kẻ xúi giục. Ấy thế, mà bọn công sứ đã ra lệnh cho lính bắn chết hàng trăm, bắt đày tức tốc đi Lao Bảo một số, lại còn muốn báo thù đến kỳ cùng, vơ quàng vơ xiên, vu khống, xuyên tạc, mua bọn làm chứng bất lương để giết không xét xử một số thân sĩ; lập nên những bản án hồ đồ, trâng tráo, vô nghĩa lý để bắt đi đầy và bỏ tù số còn lại, những người này hoàn toàn không liên can gì đến phong trào dân chúng nói trên. Thế cũng chưa vừa; khi dân tình đã yên lặng rồi, vẫn có những đội quân về xã thôn đóng lại, nói rằng: để giữ cuộc trị an, nhưng kỳ thực, hiếp người, cướp của, đóng cửa trường học, hiệu buôn, bắt thầy cô giáo bỏ tù. Kết luận, Phan buộc tội chính phủ Đông Dương đã nhân những cuộc

tập hợp của dân chúng để kêu xin giảm thuế mà "tàn sát lương dân, khủng bố nhân sĩ, phá hủy trường học và hội buôn thành lập theo chỉ thị của nhà nước". Vì vậy cần phải "đại xá triệt để tất cả những người còn sống sót trong vụ biến động 1908". Đây là một bản cáo trạng sôi nổi, chất chứa hờn căm, đọc qua một lần đủ thấy Phan căm ghét thực dân Pháp không kém một chiến sĩ bạo động nào và thương yêu nhân dân, trung thành vô hạn với đồng chí.

Phan đã tái hiện, trong phạm vi một bức thư, cảnh thực dân Pháp đàn áp các cuộc biểu tình: "Họ ra lệnh phải giải tán cho bằng được những người dân đi biểu tình, những con người hiền lành, rách rưới trong tay không có khí giới, mang theo cả cha mẹ già nua tàn tật, cả vợ với con đang còn ẵm, tới trước các công đường để van xin nhà cầm quyền đoái nhìn thảm trạng của dân, cảnh đói khát ngắc ngoải của dân. Không! Không! Không thương xót gì hết với cái nòi giống lười biếng đáng tởm này! Nào lính xăng đá[26], lính khố đỏ, lính khố xanh! Tiến lên! Hãy xua chúng nó đi, bằng súng, bằng lưỡi lê, bằng roi vọt, đấm đá, bằng gì cũng được, tuỳ ý các người. Chúng phải lùi ra xa, phải cút đi, những lũ hôi hám ấy! Và thế là xăng đá, khố đỏ, khố xanh, nhất nhất thi hành mệnh lệnh của các quan thầy nghiêm khắc! Máu chảy, đầu rơi dưới lưỡi lê mã tấu, người bị thương đủ lứa tuổi nằm la liệt trên mặt đất... nạn nhân kể biết bao nhiêu!"

Những chân dung của tên quan võ thuộc địa và bọn lính tráng của nó, ta ít được gặp trong văn học thành văn của ta, trừ ở *Bản án chế độ thực dân Pháp* sau này và ở đây: "Tưởng quan giám binh làm nhiệm vụ cảnh sát, về làng để bắt cướp bắt trộm gì đó (...) những thầy giáo thật thà này xếp học trò làm hai hàng trước cổng trường để đón tiếp quan một cách cung kính (...). Ngài giám binh khinh khỉnh nhìn cảnh tiếp đón chân tình ấy. Ngài bắt học trò vào lớp, bảo các em đọc tiếng Pháp rồi tập thể dục. Đoạn ngài rút kiếm ra, cau mày lại và thình lình tóm cổ thầy giáo, đạp thầy ngã xuống đất, thét bảo lính trói thầy lại; thầy này dạy tiếng Pháp; ngài cũng bảo trói thầy dạy quốc ngữ nữa: hai thầy bị lính trói giật cánh khuỷu và buộc vào nhau. Bọn học trò hoảng sợ xô nhau chạy thục mạng, đứa ngã vỡ mặt, đứa gẫy chân, kêu khóc inh ỏi...".

Trong phần kết luận, tác giả đe dọa người Pháp bằng viễn cảnh mối thâm thù trường cửu của dân tộc Việt Nam: "Các ông hãy hình dung những người vợ góa mặc tang trở vào lúc giỗ

chồng, mặt đầm đìa nước mắt, họ nói với lũ con bé vây quanh họ: "Các con hãy nhớ rằng chính bọn cai trị Pháp đã giết chết cha các con. Hôm nay là ngày giỗ cha các con. Các con hãy nhớ lấy và chớ quên rằng khi các con khôn lớn, các con sẽ có thể chịu số phận của cha các con!"

Bức thư đạt được phần nào cái mục đích gần của người viết: dư luận công chúng và hạ nghị viện Pháp đã chú ý đến các chính trị phạm bị kết án, do đó họ được giảm hạn tù và từ 1913 được lần lượt phóng thích, đến 1921 thì những người bị xử lưu chung thân cũng được cho về quê hương rồi phục hồi học vị.

Sau bản điều trần này, Phan lại viết một tập ký lấy tên: *Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mạt ký* (tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biến ở Trung Kỳ). Áng văn này nội dung vẫn như bản điều trần nói trên, nhưng dài hơn, có chi tiết hơn và lời lẽ bình tĩnh hơn, Phan viết để đưa cho thượng thư bộ Thuộc địa và toàn quyền Đông Dương.

Cũng trong thời gian 1911 – 1913, Phan viết cuốn *Đông Dương chính trị luận*, cũng bằng Hán văn[28]. *Đông Dương chính trị luận* phê bình chính sách của Pháp ở Đông Dương và những tệ hại mà các viên chức Pháp, các quan lại, viên chức và tổng lý người Nam đã gây ra trong khi thi hành những chính sách ấy. Nó tố cáo khá cụ thể việc tuyển dụng người không đếm xỉa đến đạo đức, tài năng của đương sự, việc bày đặt cơ quan, công sở bừa bãi làm tăng không ngừng số lượng nhân viên nhà nước buộc phải tăng thuế khóa và gây nhũng lạm, hối lộ và bức hiếp khắp nơi; sách nói nhiều đến cái nạn của các cục và ty thương chính và nhân viên Tây, Nam của nó, đến việc khám xét thuyền bè qua lại trên sông, lùng bắt bếp nấu rượu, không ngại bỏ tang vật vào vườn nhà người ta để vu bắt mà lấy tiền phạt cho quỹ thương chính, nhân dân không chịu nổi; mật thám đi lùng sục trong xã dân, bắt phục dịch và phao vu, việc ít "xít" ra to, người xấu thừa dịp mà vu khống, "cho nên cả đến gà chó của nhân dân trong ba kỳ cũng không yên ổn" v.v... Tác giả dành một phần quan trọng để nói về thuế khóa: thuế nhân đinh, thuế ruộng đất năm năm cứ gia tăng không ngừng, diện tích trong bộ thuế cùng đẳng hạng tốt xấu cứ trên ép dưới múa bút mà tăng lên bất chấp thực tế, rồi dùng roi vọt, gông cùm, tù tội mà riết sách người dân, bắt nộp cho đủ v.v..

Sách *Đông Dương chính trị luận* này, không rõ Phan đã sử dụng như thế nào, nhưng thấy báo chí bên Pháp có nhắc đến.

Qua những tư liệu, thư từ, công văn... tập hợp ở hai miền và

ở Pháp, chúng ta biết trong thời gian 1911-1914 Phan vẫn hoạt động tích cực trên đất Pháp không kém mấy lúc ở trong nước. Phan giao thiệp với đảng Xã hội, với Liên minh Nhân quyền, báo *Thời đại* (Le temps), *Nhật báo* (Le Journal). Sau vụ bom nổ ở Thái Bình giết chết tên tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, tay sai đắc lực của thực dân Pháp và bom nổ ở khách sạn Hà Nội làm chết và bị thương mấy sĩ quan Pháp, Phan có lời tuyên bố trong *Nhật báo* (của đảng Xã hội) nói: "Những việc bạo động như thế xảy ra ở Đông Dương là tất nhiên, vì chính sách ở Đông Dương không thay đổi: nước Pháp mà ban bố hiến pháp thi hành cải cách kinh tế, văn hóa ở Việt Nam là có lợi cho Pháp, vì nước Việt Nam được Pháp giải phóng dần dần, một ngày kia độc lập thì sẽ là bạn và đồng minh của Pháp và sẽ bảo đảm những quyền lợi kinh tế của Pháp ở Đông Dương". *(Nhật báo* ngày 3-5-1913).

Cũng năm ấy, khâm sứ Pháp sai đào Khiêm lăng (mộ vua Tự Đức) để tìm vàng. Về hai vụ bom nổ và vụ này *Lục hải quân nhật báo* ở Trung Quốc đăng tin nói do Đảng "Thiếu niên cách mạng" ở Việt Nam thực hiện. Phan Châu Trinh gửi bài cải chính (bản nháp còn lưu giữ ở nhà bà Phan Thị Châu Liên), bằng chữ của Phan đề tháng 7-1913. Trong đó có đoạn viết:

"Than ôi! Việc đào mả vua Tự Đức để tìm kiếm số vàng lớn là việc trộm cướp chính trị tự tay người Pháp làm, mà quốc dân nước tôi đều lấy làm đau lòng xót dạ, ngày đêm lo nghĩ cách ăn gan uống huyết quân thù, quyết phá tan lưới giặc, mưu toan độc lập mà chưa thành: nay quý báo lại lấy việc ấy mà buộc cho đảng thiếu niên thì chẳng oan lắm sao?... Chủ nghĩa của đảng thiếu niên nước tôi là phản đối người Pháp, giành độc lập; nhưng trước khi chưa thực hành được thì một mặt ngầm nuôi thế lực, mặt khác dùng thủ đoạn ám sát để trừng trị bọn tham bạo ngoan ngu hoặc đối với người Pháp, hoặc đối với người Việt Nam làm chó săn cho Pháp mà thôi (...). Đảng đó đối với vua không yêu không ghét gì. Nếu nước không mất mà vua chuyên chế thì không ngần ngại đứng lên lật đổ vua. Còn hiện nay thì hoàng đế chẳng qua cũng như quốc dân, một loạt làm ngựa trâu cá thịt cho người Pháp mà thôi, sở dĩ người Pháp còn để làm bù nhìn cho người Pháp, cho nên không cần xô ngã. Huống chi mộ vua đã chết 50 năm rồi, lại còn đào mả làm gì? (...).

Còn như nước Pháp thì xem kỹ nội chánh có thể nói là dân chánh thuộc quyền chuyên chế của một số ít, chẳng qua là họ khéo trau tria mặt ngoài không đến nỗi mười phần hư nát, còn nội tình

thì đã nguy ngập, chưa biết ngày nào là ngày chết". (Nguyễn Văn Dương dịch).

Việt Nam quang phục hội thành lập năm trước trên đất Trung Quốc, do Phan Bội Châu làm tổng lý, các báo Trung Quốc đã đưa tin. Mấy vụ nói trên do Quang phục hội tiến hành để trừng trị và cảnh cáo Pháp và tay sai, đồng thời ra mắt quốc dân. Những lời tuyên bố của Phan trong hai tờ báo nói trên cùng với *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* chứng tỏ Phan vẫn thông cảm mục đích quang minh chính đại của Phan Bội Châu, bênh vực nhà ái quốc này trước kẻ thù và người ngoài; và ông đã đưa bạo động ra thành một ám ảnh để doạ nạt Pháp, mong chúng cải cách. Đoạn cuối trong lời trích trên đây chứng tỏ Phan hiểu biết đúng chính thể nước Pháp chứ không thần thánh hóa nó như có người đã nói.

Trong thời gian này, Phan có giao thiệp với Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc sau này), bắt đầu chậm nhất là từ 1913, như một bức thư của Nguyễn cất giữ trong hòm của Phan chứng tỏ, bức thư ấy có yêu cầu Phan cho xem tiếp mấy chương dịch sau của một cuốn sách không ghi nhan đề, có lẽ là *Giai nhân kỳ ngộ*.

Chúng tôi đoán định *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* và *Giai nhân kỳ ngộ* được viết ra trong giai đoạn 1911 – 1914 này.

Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam, người đầu tiên và duy nhất nói đến trước Cách mạng tháng Tám là Huỳnh Thúc Kháng. Nhưng ông cũng không giới thiệu gì về sách đó. Trong hòm văn phẩm của Phan, còn một tập bản nháp chưa trọn vẹn, chữ Hán, viết chằng chịt, thêm, bớt xóa bỏ rất nhiều, có chữ không nhận ra, ông Nguyễn Văn Dương mày mò đọc và thấy có tám đoạn như sau:

1. Lịch sử giao thiệp của dân tộc Việt Nam với Trung Quốc.
2. Lịch sử giao thiệp giữa nước Nam và nước Pháp.
3. Đặc tính tự tôn và tự ti. Đặc tính ỷ ngoại và bài ngoại.
4. So sánh chỗ mạnh yếu, được mất, đồng dị giữa dân tộc Việt Nam và dân tộc Trung Quốc.
5. Luận về phong trào chống Pháp.
6. Chân tướng của hai đảng.
7. Lịch sử dân tộc Việt Nam.
8. Nguyên nhân sa sút của người nước ta. Nguyên nhân phát khởi của nước ta.

Trong 8 đoạn này, có đoạn viết dở dang (2, 3), thứ tự sắp xếp

các đoạn chưa hợp lý, cái "nước Việt Nam mới" báo trong nhan đề chưa thấy hiện ra. Có lẽ sách viết chưa xong, hoặc là bản hoàn chỉnh đã mất và bản còn lại đó chỉ là một bản phác thảo viết dở, hay là một đề cương với một số đoạn đã viết thành văn vì đã suy nghĩ kỹ.

Giai nhân kỳ ngộ là một cuốn truyện viết bằng thơ lục bát, chen một số thơ Đường luật, bài ca, viết theo các thể từ khúc, thơ cổ phong hoặc thơ tự do, gồm trên 7.700 câu (gấp 2,5 lần *Truyện Kiều*). Đại bộ phận truyện gồm một lối thơ lục bát đại chúng như thơ trong *Lục Vân Tiên,* nhưng có nhiều đoạn khá trau chuốt, và những bài thơ ca xen vào thì được săn sóc nhiều về văn chương. Những đoạn tả cảnh, trữ tình trong tác phẩm và những đoạn phê phán cảnh áp bức nhân dân, sự tàn bạo và giảo hoạt của xâm lược và thống trị, văn chương khá sinh động, vượt hẳn lên trên thơ kể chuyện bình thường.

Giai nhân kỳ ngộ nguyên là một cuốn truyện văn xuôi của một người Nhật tên là Sài Tứ Lang, hiệu Tán Sĩ, viết vào quãng những năm 80 của thế kỷ trước, Lương Khải Siêu đã dịch ra chữ Hán và đăng từng kỳ vào tờ *Thanh Nghị báo* ở Thượng Hải, rồi in thành sách. Có lẽ các nhà yêu nước được đọc sách ấy cùng loạt "tân thư" từ Trung Quốc truyền vào nước ta. Phan đã dựa theo bản của Lương Khải Siêu mà viết nên một truyện thơ, theo kiểu người lớp trước đã viết truyện thơ và tuồng. Truyện kể rằng có một thanh niên Nhật tên là Tán Sĩ đi ra nước ngoài tìm cách học tập, đến Mỹ gặp một thiếu nữ Tây Ban Nha xinh đẹp tên là U Lan và hai bên có cảm tình với nhau. U Lan có một người bạn tên là Hồng Liên, người Ái Nhĩ Lan. Về sau ba người lại kết giao thêm với một thanh niên hào hiệp, người Trung Quốc là Phạm Khanh. Bốn người mang cành cánh trong lòng nạn nước. Được tin thân sinh U Lan vì chống lại sự can thiệp của Napôlêông III (Pháp) và Guyom I (Đức) vào nội bộ Tây Ban Nha mà bị bắt giam, họ tổ chức giải thoát cho vị tướng này. Rồi gặp bão. Thế rồi gặp nhân vật nọ kia, qua mỗi nhân vật mới, lại thấy kể sự việc ở nước họ, đều là những phong trào, những cuộc nổi dậy chống áp bức, chống xâm lược, các chuyện móc xích với nhau nhưng không là nhân quả của nhau, tương tự như các chuyện trong *Nghìn lẻ một đêm* vậy. *Giai nhân kỳ ngộ* của Phan mới kể lại được nửa câu chuyện thuật trong bản Lương Khải Siêu và bỏ dở nửa chừng.

Sự việc thuật đúng nguyên bản dịch có ba đặc điểm:

1) Gặp đoạn thích chí, Phan diễn tả dài và say sưa hơn

nguyên bản, nhất là những đoạn phê phán bất công, áp bức, những cảnh vùng dậy của nhân dân và những đoạn bình luận sắc đẹp, cảnh câu cá.

2) Phan nhấn mạnh hơn nguyên tắc về chủ nghĩa dân quyền:

Trăm năm biển khổ chìm thuyền
Tự do là thuốc chữa chuyên cõi đời
Muốn cho tự chủ thảnh thơi
Dân quyền là phép đổi dời non sông v.v...

và chống áp bức chính trị kịch liệt hơn:

Trị dân thì có xiềng, dây
Đãi người thì có roi mây cạnh mình
Lại còn trấn pháp nghiêm hình
Tự do là giặc, nhiệt tình là gian
Dân ngu không chỗ kêu van
Những người chí sĩ khôn toan giúp nàn.
Nước nhà pháp luật tan hoang
Trong loàn ngoài giặc tràn lan cõi bờ.

3) Một vài đoạn, Phan chuyển qua môi trường Việt Nam, bất chấp lạc đề. Với bốn câu trên kia (Trăm năm biển khổ...), chúng ta đã có một ý niệm về hiện tượng này. Với bài ca U Lan làm để tỏ ước vọng được sang thăm nước Nhật, nếu dịch ra thì như sau:

Ta nhớ đâu chừ, nhớ đầu biển Á
Muốn qua tới đó chừ, đường thuỷ khó
Đầu biển có nước chừ, tên Phù Tang.
Tục lệ lành chừ, nếp phong quang, v.v...

nhưng Phan đã thay thế hẳn bằng một bài nhớ nước Việt Nam:

Ta nhớ đâu? - nhớ đầu biển Á
Muốn theo qua, sóng khỏa ngàn trùng
Bốn ngàn năm còn dõi dấu Lạc Hồng.
Kìa biển, kìa núi, kìa sông, kìa đô ấp!
Từ Đinh Hoàng dựng cờ độc lập
Đến Nguyễn triều thâu nhập cõi Nam, Trung[27] *v.v...*

Mùa hè 1914, đại chiến thế giới bùng nổ, mà Pháp là một trong những nước tham chiến chính. Nhà cầm quyền Pari, với sự xúc sử của cánh thuộc địa, đưa giấy gọi Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường đi lính. Hai ông không đi vì luật pháp không buộc

người dân nước được bảo hộ đi lính. Mưu đồ của chúng là để cho các ông này chết, hoặc ít nhất là không làm gì được trong bộ quần áo lính và kỷ luật nhà binh. Không ép các ông được chúng vu cáo cho ông thông đồng với Đức và tư cho tòa án binh quận Xen bắt giam các ông để tra cứu về tội mật thông với Đức. Theo luận án tiến sĩ của bà Thu Trang thì trước đó Phan có nhận được một thư từ Đức gửi đến, ký: Cường Để, nhờ Phan làm môi giới với chính quyền Pháp để bàn việc hợp tác. Rất hoài nghi về nguồn gốc bức thư, Phan đã báo cáo và trao thư cho bộ Thuộc địa. Phan cho là họ lấy cớ bức thư ấy để vu khống mình. Theo những thư phản kháng Phan gửi cho tên quan ba Carông, dự thẩm tòa án thì lúc bắt ông, lính đã lục soát quần áo, "đứa thì ôm vật, đứa thì đánh và tát tai". Cảnh bị giam cầm cũng vô cùng cực khổ, tủi nhục, như Phan đã diễn tả trong một thư khác: "Tôi không có tội gì mà bắt tôi phải nằm một giường sắt, ngủ một cái nệm rơm, trùm một cái chăn rách trổng đầu trổng đuôi mua từ năm 1887, mai húp một chút nước sôi, chiều uống một tí nước rau luộc, mỗi ngày ăn một ổ bánh mì đen người ta quăng lên, liệng xuống dưới sàn nhơ gác nhớp..." (Thư ngày 2-5-1915, lưu trữ ở nhà bà Phan Chị Châu Liên, Đà Nẵng).

Trong lúc bị giam, ông vẫn liên hệ được với người bạn thân, thiếu tá Ru, và bảo con đưa thư cho Liên minh Nhân quyền và đảng Xã hội. Trong hồ sơ tra cứu về Phan, không thấy toà án ghi được gì khác ngoài những hoạt động về trước của Phan. Hồ sơ toà án có nói đã tư cho Mật vụ Anh (Intelligence service) hỏi về tung tích và hoạt động của Nguyễn Tất Thành ở Lơnđơn mà chúng bảo liên can với Phan nhưng không được trả lời.

Trong khi bị giam cầm, Phan phản kháng kịch liệt bọn chức trách, nhưng tinh thần thì không nao núng. Ông đã diễn tả cảnh ở tù trong mấy bài thơ tố cáo chúng nó:

"Quân cướp! quân hoang!" rằng bậy bạ
Đứa ôm, đưa đánh luống hồ đồ.
Thù hiềm chi lắm làm nên nỗi?
Xui giục vì ai khuấy quá lồ!

và cười cợt khi gian khổ:

Ngày hai lần xực, coi còn đói
Đêm chín giờ ngơi, ngáy vẫn giòn.

Để khỏi quẫn trí, ông làm thơ. Ông dùng tục ngữ, ngạn ngữ, thành ngữ dân ca, ca dao làm đầu đề, làm hơn hai trăm bài thơ trong 2 tháng ở tù và tập hợp dưới nhan đề chung là *Xăng tê*

thi tập. Phần lớn những bài thơ này dựa trên kinh nghiệm của nhân dân đã đúc kết trong ngạn ngữ, tục ngữ, ca dao và sự quan sát riêng của mình mà diễn tả thói đời và ngụ ý khuyên người ta ăn ở cho phải đạo. Chẳng hạn bài *Nuôi chung voi với đức ông* mở đề:

Quyền phép còn ai quá đức ông
Ham voi lắm kẻ chực nuôi chung

Sau khi diễn tả việc gánh vác bao nhiêu công của trong việc nuôi chung voi đó, đã kết:

Bành vành chưng sẵn trông xinh mắt
Dại chớ trèo lên bắt đóng gông.

Có bài khuyên người ta đoàn kết với nhau như:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau;
Đông tay vỗ nên bộp v.v...

Có bài đả kích bọn quan lại, bọn hãnh tiền đắc thời:

Muốn nói oan làm quan mà nói;
Nén bạc đâm toạc tờ giấy;
Chữ quan có hai chữ khẩu; Nước lụt chó ngồi gian gác v.v...

Có bài chỉ là cười cợt pha trò:

Thứ nhất vợ dại trong nhà
Thứ nhì nhà dột, thứ ba nợ đòi, v.v... Anh nhà dột:
Ngủ đang ngon giấc ôm mền chạy,
Ăn chửa xong cơm vác ghế dời.

Có những bài đập vào chính sách của thực dân Pháp, như việc bắt lính:

Lên non túc một tiếng còi
Thương con, nhớ vợ, lệnh đòi phải đi

hoặc gánh nặng thuế sưu:

Lấy chi mà trả ái ân,
Lấy chi mà nộp công ngân cho làng v.v...

Cũng có bài nói tâm sự mình, tự ví với con dã tràng xe cát:

Tháng lụn ngày qua cà cụm đẩy
Bãi dài sông cả tạt xô bồi
Mượn hồn Tinh Vệ thù cho bể
Hoá kiếp Ngu công chống với trời
Cuộc thể tang thương đâu đã chắc
Thân này xin hãy bạn cùng ngươi!

Phan Châu Trinh vào tù thì bị tước ngay trợ cấp, con mất

học bổng, phải vừa học vừa làm. Cũng năm ấy, bà Phan qua đời ở quê nhà.

Tháng 8 - 1915, bọn toà án binh không tìm được bằng cứ gì để buộc tội, mà Liên minh Nhân quyền thì cứ thôi thúc, chúng phải miễn nghị cho Phan. Bây giờ không có sinh kế, ông phải học nghề rửa ảnh rồi làm thuê cho các hiệu chụp ảnh. Trong hoàn cảnh chiến tranh, sinh hoạt quá đắt đỏ, cảnh ngộ của hai cha con rất cơ cực. Có khi không sống nổi ở Pari, ông phải về tỉnh nhỏ vừa làm ảnh vừa câu cá bán. Nhưng ở đâu cũng khó khăn, cuối cùng ông trở lại Pari. Trong mấy năm từ 1915 đến 1919, không thấy Phan Châu Trinh có hành động chính trị gì đáng chú ý, ngoài lời tuyên bố với báo chí năm 1917 về vụ khởi nghĩa Thái Nguyên, trong đó ông vẫn nói đây là một việc không có gì bất ngờ và ông đã báo trước: nếu chính phủ không cho nhân dân Việt Nam được hưởng những quyền lợi dân chủ cần thiết thì họ còn nổi dậy.

Thời gian này có nhiều thư Nguyễn Tất Thành gửi cho Phan Châu Trinh, trong đó có bức gửi năm 1917 xin Phan cho mình gặp mặt tại Pari. Phan đã bày vẽ cho Nguyễn rửa ảnh, chữa ảnh và có thời gian hai ông đã nhận ảnh về cùng làm ở số 6 Vinla đê Gôbơlanh, tại nơi cư trú của Phan Văn Trường. Khi hoà nghị Vécxay họp, Nguyễn Tất Thành với tên mới là Nguyễn Ái Quốc có đưa một bản yêu sách về Đông Dương sau khi bàn bạc và thống nhất ý kiến với hai ông Trinh, Trường. Các năm 1920, 1921 ba ông giao thiệp với nhau mật thiết và bọn mật thám Pháp gọi các ông là "ba tay phiến loạn An Nam tại Pari", trong đó đã xếp Nguyễn Ái Quốc lên đầu bảng.

Đầu năm 1922, bộ Thuộc địa giới thiệu Phan đến làm nghề rửa ảnh ở khu Đấu xảo thuộc địa Mácxây, nhưng về tới đó, Phan nhận thấy rõ là một tổ chức quảng cáo lừa dân, nên không làm và đến làm tư ở Caxt'rơ nhưng thường đến Mácxây giao thiệp với thuỷ thủ và lính thợ Việt Nam. Lối 1919, 1920 Phan Châu Dật bị bệnh lao ruột, Phan đã cho anh Dật về nước, đến 1921 thì anh mất.

Mấy năm sau cùng ở Pháp, Phan có hai áng văn nổi tiếng: *Thư gửi cho Khải Định* và *Tỉnh quốc hồn ca thứ II.*

Sau chiến tranh, Pháp tuy là chiến thắng, nhưng cũng kiệt quệ, còn các thuộc địa trong thời gian ấy chỉ bị đóng góp nặng nề chứ không được mở mang gì. Bây giờ chúng cần đẩy mạnh "bòn rút" và đã bắt đầu công việc đó, nên cần quảng cáo. Chúng bày ra cuộc Triển lãm về thuộc địa mà hồi đó báo chí ta gọi là Đấu xảo.

Để cho cuộc triển lãm rôm rả hơn, chúng muốn trưng bày một ông vua ngoan ở một tiểu quốc thuộc địa. Và thế là chúng chọn Khải Định và "bệ vệ rước qua". Những người Việt Nam tại Pháp có suy nghĩ đều chống việc đó, coi là một sự bêu diếu tự nó, mà tính cách phô trương quê mùa và dốt nát của Khải Định càng làm cho trầm trọng thêm. Nhiều người Pháp tiến bộ và người các thuộc địa Pháp khác cũng đồng tình. Vì thế mà ta thấy có bức thư của Phan Châu Trinh, cuộc diễn thuyết của Phan và Nguyễn Minh Quang ở Mácxây, mấy bài báo của Nguyễn Ái Quốc, bài báo của một người Campuchia ký tên Arênô I-ucăngto, bài báo của Uylixơ Lơrisơ chủ bút báo *Nhân đạo* của đảng Cộng sản Pháp.

Bức thư dài của Phan Châu Trinh, viết bằng chữ Hán gửi vào tháng 7-1922, các cụ ngày trước quen gọi *Thất điều thư*. Thư kể bảy tội lỗi của Khải Định, bảy trọng tội đáng chém đầu:

1) Tôn quyền vua

2) Thưởng phạt không đúng

3) Yêu chuộng lạy quì. "Lạy quì không phải là lễ phép văn minh, ông vua không phải là ông trời, quan với dân không phải là đầy tớ, ga xe hoả không phải là chỗ triều đình, bến tàu không phải là nơi đường bệ, mà bắt người ta nhận áo mũ xuống đất bùn, đãi loài người như trâu ngựa..."

4) Xài phí xa xỉ

5) Ăn mặc lố lăng

6) Ăn chơi vô độ

7) Đi Pháp có mục đích không minh bạch

Sau khi bác khước hết những mục đích mà thực dân gắn cho Khải Định, Phan vạch trắng ra rằng Khải Định mang của sang đút lót cho bọn chính khách Pháp, để chúng bảo đảm cho ngai vàng của hắn được vững và sẽ được truyền lại cho con.

Kết luận bức thư, Phan nói Khải Định mưu toan củng cố ngôi mình là nghịch với trào lưu thế giới, trái với lòng dân. Nếu "tự giác từ giã ngôi vua, đem chính quyền trả cho quốc dân" thì quốc dân sẽ thứ lỗi, bằng không chính Phan sẽ vì "hai mươi triệu đồng bào gây một cuộc đánh nhau kịch liệt" với nhà vua, kỳ cho đến đầu mình rơi và ngai vàng sụp đổ.

Tại sao Phan Châu Trinh để nhiều công phu viết bức thư dài đó? Lẽ đâu ông không biết Khải Định là con nộm, nói với nó phỏng ích gì? Trong thư gửi ông chủ bút báo *Diễn đàn bản xứ* (la Tribune indigène) ở Sài Gòn, đề ngày 28-9-1922, ông nói muốn "huỷ diệt" cái "thứ quan trường đã làm cho dân tộc ta suy yếu (...)

phải đào tận gốc". Bởi vậy tôi đã tấn công triều đình Huế, cái xác chết mà chính phủ Pháp ướp lại để doạ nhân dân Việt Nam". Trong thư gửi cho Phan Văn Trường ngày 16-3-1923: "Chính phủ Pháp dắt đấng "minh quân" sang Pháp, cho nở mũi ngài ra, ngõ hầu được sự đồng ý của ngài đặng bóp nặn con dân ngài nhiều hơn nữa". Phan muốn báo động với nhân dân và chính khách tiến bộ Pháp, để ngăn cản bọn thuộc địa mưu toan tăng thêm cái ách đè cổ nhân dân Việt Nam; về lâu dài ông muốn đánh sụp dần quân quyền và phong kiến quan liêu bằng cách hạ uy thế rơi rớt của chúng một nấc lớn.

Việc đối xử với lính mộ hồi hương, cùng với sự rình mò theo dõi chặt chẽ chúng bố trí quanh ông[28] và các kiều bào khác là những điểm kích thích trước mắt để ông viết *Tỉnh quốc hồn ca II*. Cái khác nhau xa giữa bài này và bài viết 15 năm trước là trong bài này ông không phê phán những thói hư tật xấu của "người mình" nữa, và không đặt sự "tỉnh dậy" ở chỗ dân ta phải bỏ những mê muội nghìn xưa mà theo đòi cách làm của các nước văn minh; ông tấn công vào các thủ đoạn dối trá lật lọng và các chính sách bóc lột, áp bức của đế quốc Pháp rồi đặt vấn đề tỉnh dậy cho "quốc hồn" ta ở chỗ cần phải xóa thù hận đi mà hợp tác với Pháp, bắt đầu bằng việc yêu cầu họ để cho ta thực hiện quyền dân chủ tự trị; đồng thời ông cũng đặt vấn đề tỉnh ngộ cho Pháp ở chỗ phải biết "ăn ít no lâu", phải hợp tác với ta bởi vì trước sức uy hiếp của bên ngoài thì:

Giống nòi ta đã thon von
Lợi quyền Tây cũng đâu còn mà trông!
Cơn sóng gió thuyền chung một chiếc
Dẫu Việt, Hồ cũng quyết đồng tâm

Văn chương trong bản *Tỉnh quốc hồn ca* này thống thiết, nồng nàn, có nhiều hình ảnh, những từ ngữ dùng chính xác và sắc sảo, nhạc điệu câu thơ lắm khi góp phần thuyết phục người đọc, áng thơ này đáng gọi là một bài ca. Văn phong đại chúng, tác giả vẫn giữ. Nhiều đoạn có sức tái hiện lớn, như đoạn nói về triều đình ngày trước:

Vua ngồi thăm thẳm cung sâu
Một đời chỉ biết đè đầu dân đen
Dưới đại thần đua chen tước lộc
Ngoài trăm quan hì hục thân danh
Cúi lòn đút lót đủ vành
Làm quan cốt để rán sành dân ngu.

Dùng việc diễn tả báo chí ta để chỉ trích sự kiểm duyệt và hạn chế ngôn luận, ông viết:

Kìa các sở nhật trình nhật báo
Chỉ để cho nói hão nói huyền
Cháy nhà, chó dại, thằng điên
Cũng nghề bán giấy kiếm tiền cho qua!
Còn đến chuyện nước nhà lợi hại
Nào ai cho bàn nói vào đâu?
Bắt khoan bắt nhặt từng câu
Còn ai mở miệng cất đầu kêu ca?

Đoạn thơ trên 50 câu diễn tả việc đóng góp về mọi phương diện của đồng bào ta cho chiến thắng và cách chúng "trả ơn" sau đó vừa có cái sắc bén đanh thép của chương "Thuế máu" trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, vừa vang vọng âm hưởng của *Chinh phụ ngâm* và *Văn Chiêu hồn* ngày trước, quả là một đoạn thơ ca tuyệt tác trong di sản văn học ta.

Trong năm 1922 ở Mácxây, Phan Châu Trinh có viết 1 bức thư và nhận 1 bức mà nội dung có thể giúp chúng ta hiểu rõ hơn chí hướng và dụng tâm của Phan Châu Trinh.

Bức đề này 18-2-1922 từ Mácxây để gửi cho Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan trọng, nhưng không biết có đến tay Nguyễn Ái Quốc hay không, vì lúc này, trừ thư gửi tay nhờ người thân tín trao, còn thư từ gửi qua đường bưu điện của những người mà chúng gọi là "phiến loạn" này, chúng đều lục soát hết, những bản chúng tôi dẫn chứng cho tới đây, kể cả thư đề 5 ngày sau đó gửi cho Phan Văn Trường cũng là bản của mật vụ Pháp sao dịch. Bức thư gửi cho Nguyễn Ái Quốc này giọng rất thiết tha tin cậy, vừa tỏ ra tin phúc tài trí và khả năng của Nguyễn Ái Quốc vừa khuyên bảo Nguyễn với cương vị một bậc tiền bối lão thành. Đây là một chứng từ trung thực và hiếm có để xét tư tưởng và chủ trương thực sự của Phan Châu Trinh, còn hầu hết những văn bản ra công khai, để nói với nhân dân thì Phan đề phòng họ bị kích thích mà bạo động ẩu, để nói với Pháp thì Phan rào đón, có khi khen ngợi để chúng tin.

Sau khi nhận xét dân ta liên tiếp khởi nghĩa chống chính phủ bảo hộ, bị thất bại bởi hạng "mình người dạ thú" và thiếu kẻ lãnh đạo, Phan nhắc tới sự bất đồng ý kiến giữa ba ông: Quốc, Trinh, Trường: "Anh không ưa cái phương pháp khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của tôi, còn tôi thời lại không thích cái phương pháp ngoạ ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội của anh và

cái phương pháp dụng lý thuyết thâu nhân tâm của anh Phan" (Phan Văn Trường, soạn giả chú). Phan Châu Trinh khuyên Nguyễn trở về "ẩn náu trong thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế". Phan lấy gương của chính Mác và Lênin để khuyên Nguyễn về nước "dụng nội triệt ngoại" (...) dựa vào lý thuyết dân quyền để mà cổ động sĩ khí dân tình (...) mà hô hào quốc dân đồng bào đồng tâm hiệp lực kết đoàn hợp xã; dân tình thức tỉnh kháng thuế, cự sưu, tố giác quan tham lại nhũng, lại bất hợp tác từ cái này đến cái nọ, đến chừng đông tay vỗ nên bộp mà đoạt lại lợi quyền". Phan lại bảo phải dùng cái lối "thuyết khẩu vô bằng" thì họ sẽ không làm tội nặng được. "Đương nhiên họ sẽ vin cớ này, nêu cớ nọ để làm tội làm tình (...). Ví dù chẳng may bị sa cơ, thế tất lại có người nối tiếp mình (...) rồi một ngày kia khác nào như ngọn thủy triều lôi cuốn mất cường quyền áp chế". Cuối thư Phan nói ý định "xin về Tàu làm nghề viết báo chữ Hán mà kiếm sống, rồi may ra có cơ hội lại về (...) đem hết nghị lực bình sinh mà thức tỉnh dân khí ba kỳ".

Thư Phan nhận được là thư của Uylixơ Lorisơ, uỷ viên trung ương Đảng Cộng sản Pháp phụ trách tờ báo *Nhân đạo*, đề ngày 22-7-1922. Qua thư, chúng ta biết rằng trước đấy Lorisơ cũng sẵn sàng nhận Phan vào đảng, nhưng Phan theo Lorisơ thì một mặt ông nói đánh giá cao những lý tưởng của đảng, mặt khác chính ông lại không dứt khoát về tư tưởng chính trị và không tỏ ý hăng hái gia nhập hàng ngũ đảng. Lorisơ nói: "Ông cứ nhốt mình trong cái tháp ngà như thế là sai lầm, vì đơn thương độc mã thì chẳng làm nên trò trống gì". Giọng thư tỏ ra bực dọc.

Năm 1924, cánh tả chiếm đa số trong nghị viện Pháp. Nhân vụ Phạm Hồng Thái ném bom mưu sát toàn quyền Méclanh (tháng 6-1924), vấn đề Đông Dương được đưa ra Hạ nghị viện và đa số nhận thấy bọn thực dân cực đoan đã làm quá trớn, nay cần nới tay và xoa dịu. Nhờ vậy Phan Châu Trinh được phép về nước.

Tháng 1-1925, nhân có một lưu học sinh tên là Đông viết hai lá thư nêu với ông vài vấn đề, chứng tỏ anh ta rất mơ hồ, ông viết thư trả lời cho anh mà cũng có ý để cho đồng bào hiểu ông và tình thế sau khi ông về nước. Ông nói không nên mừng suông, vui vội về việc ông về nước mà cần nghĩ xem "các quan thuộc địa" có ý kiến thế nào? Tình cảnh sẽ khó hay dễ? Anh Đông đề nghị ông "cố yêu cầu hai chính phủ gia tâm dìu dắt nước Nam": Ông xác định quyền bính do "chính phủ bảo hộ giữ cả" và cần phải thấy rằng 20 triệu người Việt Nam phải tự "đứng ra mà dựng lại cái bờ cõi của

cha ông". Vì anh Đông đề nghị ông đoàn kết với những người như Phạm Quỳnh, ông trả lời người yêu nước chỉ biết có nước mà thôi", chẳng khi nào "bắt cá hai tay" được cả công, cả lợi và cả danh tiếng nữa". Ông đánh tan niềm tin mơ hồ của anh Đông vào nhà nước bảo hộ và khẳng định "sự gì mà lòng dân vui theo thì sự đó sẽ làm được".

Tháng 6 năm 1925, Phan Châu Trinh về nước sau 15 năm lưu vong. Cùng về trong một chuyến tàu, có Nguyễn An Ninh. Ra đón ông có hàng ngàn người thuộc đủ các tầng lớp, đông đảo nhất là học sinh. Cũng trong tháng 6, Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải và bị đưa về nước xử ở Hội đồng đề hình Hà Nội. Khắp nước sôi nổi theo dõi vụ án Phan Bội Châu và hoạt động của Phan Châu Trinh.

Phan tạm ở Sài Gòn là nơi mà ông cho là sẽ ít bị cản trở nhất, để nghiên cứu tình hình và bố trí chương trình hoạt động. Ông ở nhà số 54 phố Penlơranh, do ông Huỳnh Đình Điển cho mượn. Sinh hoạt vật chất do một ít người quen thân cũ, như Huỳnh Đình Điển chủ hiệu buôn và Nguyễn Dư Khánh tức Khánh Ký chủ hiệu ảnh, trước có ở Pari, lo liệu. Chung quanh ông có Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường và Trần Huy Liệu (chủ bút *Đông Pháp thời báo*).

Đồng bào Sài Gòn và đồng bào ba kỳ tới lui thăm viếng không ngớt, trong số đó có hai nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng và Lê Văn Huân. Hai bà con gái của ông cũng đến săn sóc bố. Nhiều người đem tiền đến hoặc gửi về biếu, nhất là đồng bào Nam Bộ, ông đều không nhận và khuyên đem gửi vào Việt Nam ngân hàng (một nhà băng hợp cổ của tư sản Việt Nam) sau này có những tổ chức hợp doanh kinh tế sẽ đem góp vốn. Sau hai lần tù tội và mấy năm lao động vất vả, sống rét lạnh, thiếu thốn bế tắc trong ý đồ chính trị, đau thương về tình cảm gia đình, ông gầy yếu và đeo bệnh, nhưng vẫn tiếp khách cả ngày, nói chuyện sang sảng. Ông đã đánh điện cho toàn quyền Varen mới được bổ nhiệm, yêu cầu ân xá Phan Bội Châu. Khi biết tin Khải Định chết, ông đánh điện cho khâm sứ Trung kỳ Paxkiê yêu cầu hắn đề nghị với phủ toàn quyền đình chỉ việc cử người kế vị và thành lập một hội đồng để nghiên cứu những cải cách cần thiết cho sự sống còn của dân tộc Việt Nam và quyền lợi của nước Pháp.

Trong tháng 11-1925, Phan Châu Trinh đã hai lần nói chuyện ở nhà Hội Việt Nam, một câu lạc bộ trí dục của người Việt Nam mới thành lập ở Sài Gòn. Trong bài nói chuyện về *Đạo đức* và *luân lý Đông Tây*, ông cho nền đạo đức của một nước thì "không

bao giờ thay đổi", còn luân lý mà ông hiểu như là phong tục tập quán thì "tuỳ mỗi thời một khác"; không thấy cơ sở giai cấp và ảnh hưởng của tín ngưỡng, ông cho đạo đức ở đâu cũng thế, thời nào cũng thế, không có mới cũ, đông, tây, chỉ có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Còn luân lý thì ở Âu Tây có ba giềng mối là gia đình, quốc gia, xã hội và ở Á Đông thì năm: vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn[29]; luân lý Âu Tây là "quốc gia luân lý", nhưng người Âu cũng thấy nó lạc hậu rồi và họ đang tiến đến xu hướng "xã hội luân lý", nghĩa là "trong một nước thì lấy người này đối với người kia, suy rộng ra thế giới thì lấy loài người đối với loài người"; ông khuyên nhân dân ta hãy học tập theo "quốc gia luân lý" đã. Chủ yếu điểm của "quốc gia luân lý" là lòng *yêu nước*; một nước đã mất thì lại càng cần bồi bổ lòng yêu nước của nhân dân và "phải đoàn kết bênh vực lẫn nhau, hễ người ta làm gì bất công, thì mình hiệp sức lại mà chống". Chính điểm cuối cùng này đi vào lòng thính giả và độc giả đương thời sâu nhất.

Với bài nói chuyện đầu đề *Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa*, vì vấn đề có giới hạn và Phan Châu Trinh cũng đã suy nghĩ nhiều và đọc sách nhiều về chủ nghĩa dân quyền tư sản của Rútxô, Môngtexkiơ, v.v..., bản thân ông đã sống trong giới quan liêu, đã quan sát kỹ thực tế nông thôn và hiểu biết pháp luật phong kiến, nên luận điểm, luận cứ của ông chính xác và thoả đáng hơn, có thể góp phần lâu dài và phá những rơi rớt của óc chuyên chế và phát triển ý thức dân chủ. Tuy vậy cũng cần thấy rằng quan niệm dân trị của ông cũng chỉ là hình ảnh của bộ máy đệ tam cộng hoà đại nghị của Pháp, nó không thể là công cụ của một nền dân chủ thực sự.

Hai cuộc nói chuyện với những ý kiến mạnh dạn và những dẫn chứng trong lịch sử ta, lịch sử và sách vở Trung Quốc, Pháp là một sự mới lạ ở nước ta hồi bấy giờ. Nó đã kích thích óc suy nghĩ, trí phán đoán và đầy lòng hăng hái của các tầng lớp có học lên một bước.

Từ tháng 12-1925, bệnh tình của Phan Châu Trinh trở nặng. Bệnh suy nhược đã phạm tới đường ruột, đến tháng 3 thì phát phù thũng. Hai bác sĩ đồng bào Sài Gòn tín nhiệm cử ra để chữa cho ông đều thấy khó cứu vãn. Ông vẫn cứ hăng hái, đôi khi còn gượng dậy, vừa cười vừa nói: "Tôi vẫn thường, chỉ thỉnh thoảng đau một chút thôi. Rồi đây tôi sẽ về Trung phần thăm ông Sào Nam để cùng bàn định" (Huỳnh Thúc Kháng: *Điếu văn*).

Ngày 24-3-1926, Phan Châu Trinh mất, vào lúc 21 giờ 30,

hưởng thọ 54 tuổi. Một hội đồng tang lễ được thành lập gồm 15 người trong đó có Phan Văn Trường, Trần Huy Liệu. Linh cữu quàn tại nhà ông ở. Ngày đêm, đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn, đồng bào Lục tỉnh, đồng bào Trung, Bắc Bộ, có cả kiều bào ở Cao Miên mang hương, trầm, trà, nến, hoa, trướng và câu đối đến phúng viếng không ngớt. 9 giờ sáng ngày 4-4-1926, đám tang khởi hành. Theo sau có hàng chục vạn đồng bào tiễn đưa. Tất cả đều đeo băng tang trên cánh tay hoặc trên mũ. Có mấy điếu văn, trong số đó có một của hội "Gò Công tương tế" là tổ chức nhận di hài vào nghĩa địa của mình, một của Huỳnh Thúc Kháng, một của đại biểu công nhân sở Ba Son. Rất nhiều đô thị, thị trấn ở khắp ba kỳ tổ chức lễ vọng điếu. Bọn thực dân, quan lại, tổng lý lồng lộn cản trở và ghi sổ đen.

Số tiền mặt phúng viếng lên ngót 16.000 đồng, ban tang lễ và gia đình quyết định dùng để xây mộ và cất nhà thờ. Những câu đối, văn tế của các nhà yêu nước và các tầng lớp nhân dân góp vào di sản văn học yêu nước của ta một sưu tập hiếm có.

o0o

Từ khi Pháp bắt đầu xâm lược nước ta, đám sĩ phu đã chia ra hai cánh: cánh chủ chiến và cánh chủ hoà. Trong số này cũng có những bậc thức giả biết nhìn xa trông rộng. Hoặc có *chủ chiến để tạo thế hoà,* nói cách khác, đánh để làm sụp đổ ý chí xâm lược của địch, đưa đến một hoà nghị với sự nhường nhịn tối thiểu của ta, nhường cho địch một vị trí hư trương hơn là thực tại, không tổn thương đến chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ta; vì họ biết kẻ địch mạnh hơn ta nhiều và ở trên xu thế mở đường sang Đông Á để chiếm mọi lợi quyền, cũng như Nguyễn Trường Tộ đã trình bày trong *Thiên hạ đại thế luận* (1863); và họ chủ chiến cũng để tạo nên một vận hội hoà hoãn, hòng lợi dụng để củng cố và tăng cường lực lượng của ta. Hoặc họ chủ hoà nhưng cũng chỉ *muốn hoà để tạo thế chiến*, nghĩa là họ chỉ muốn có những nhân nhượng nhất định với địch và quyền lợi để có thời gian học hỏi, súc tích lực lượng phòng cuộc chiến đấu không thể tránh về sau.

Cái triều đình hèn đớn của Tự Đức, đánh thì không dám dựa vào dân, hoà thì không biết lợi dụng thế hoà hoãn để canh tân tự cường, khiến cho đất đai mất dần, lực lượng hao mòn thêm, mà địch thì cứ tiến lên mãi. Cho đến 1877, Nam Kỳ mất gọn đã 10 năm, Bắc Kỳ cũng bị đánh lấy thử một lần, lúc bấy giờ các cửa ngõ, lạch sông đã bị chặn hết, buộc Nguyễn Lộ Trạch phải viết

trong *Thời vụ sách:* "Sự thể ngày nay không có cách gì khác hơn hoà nữa. Nhưng lấy hoà làm việc quyền nghi trong một lúc thì được, chứ nếu trông cậy vào hoà làm kế lâu dài thì tôi đây dầu rất ngu dại, cũng biết là không thể được.

Huống chi 25 năm sau, đến đầu thế kỷ XX! Bấy giờ nền đô hộ của Pháp đã ổn định trên toàn cõi Việt Nam, cánh chiến có người kế thừa là phái vũ trang bạo động, cánh hoà có người kế thừa là phái duy tân. Đó là về ý thức hệ.

Về xã hội mà xét thì ở bước đầu khai thác, chính sách kinh tế của Pháp có tạo nên những thuận lợi nhất định cho công việc làm ăn của các tầng lớp thị dân, do đó hình thành giai cấp tư sản buổi đầu và tầng lớp thị dân công thương nghiệp, các tầng lớp này cần có sự hoà hoãn để tiến lên. Mặt khác nông dân lại mâu thuẫn lâu đời, mâu thuẫn sâu sắc với cường hào, quan lại, địa chủ và từ khi Pháp đô hộ, lại mâu thuẫn nặng nề với Pháp qua sưu thuế; bởi vậy, tự nhiên những người duy tân vừa phát huy dân quyền, vừa vận động cho người ta đi học, sống theo lối mới, mở mang công thương nghiệp, vừa nói đến sự nặng nề của sưu thuế và sự áp bức, bóc lột của quan lại, tổng lý. Chính vì thế mà tuy ở dưới cùng, động cơ là lòng yêu nước, trên bề mặt, phong trào duy tân có dáng hoà hoãn với đế quốc mà quyết liệt với phong kiến quan liêu, công cụ nghìn xưa đã được đế quốc mài sắc bén hơn. Cũng do đó phong trào duy tân khi có sự tham gia đông đảo của nông dân đã sớm chuyển một phần thành phong trào chống thuế, với nỗi mong muốn giải quyết cái nạn cấp thiết nhất của họ; với tính cách của nông dân, khi họ giác ngộ thì họ dễ bạo động, do đó mà phong trào gọi là "kêu thuế", "xin xâu" trở thành hầu như một cuộc bạo động rộng hơn.

Phong trào vũ trang bạo động chủ yếu là của phong kiến yêu nước và trung, phú nông(và chủ lực khi cần, rồi cũng sẽ là bần cố nông mà thôi). Bởi vậy lúc này họ không động tới chế độ phong kiến và vẫn muốn chọn một "minh chủ".

Hai phong trào nói trên đều là những tất yếu lịch sử mà hai thủ lĩnh của nó, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu là những ngẫu nhiên. Nếu không có hai ông Phan thì cũng có những ông khác.

Trong cuốn *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản*, nhà sử học, giáo sư Nguyễn Khánh Toàn nhận định xu hướng chính trị của phái Phan Châu Trinh là xu hướng "lấy việc khai hoá" (...) làm phương châm căn bản; về mặt chính trị, thì chủ trương những cuộc cải cách, trước hết là trong bộ máy vua quan cũ. Để tiến hành

những sự thay đổi đó, thì phải dựa vào bọn đế quốc, coi chúng như là kẻ trọng tài vô tư (...) và bằng con đường đó, dần dần giành độc lập dân tộc. Trong khi Phan Châu Trinh "dựa vào Pháp" thì Phan Bội Châu "ỷ lại vào sự giúp đỡ của chủ nghĩa đế quốc Nhật" để đánh đuổi đế quốc Pháp. Giáo sư Nguyễn Khánh Toàn xác định nhược điểm của cả hai bên cũng đều là "không hiểu tính chất của chủ nghĩa đế quốc". Nguyễn Khánh Toàn nhận thấy dưới hai xu hướng khác nhau của hai ông, có một ý thức chung, đó là *ý chí độc lập của dân tộc.*

Trong ý nghĩ của hai ông, cầu viện Nhật hoặc dựa vào Pháp cũng chỉ là quyền nghi, như Nguyễn Lộ Trạch đã nói. Đã thấy cần phải đánh mới giải quyết được, tất phải nghĩ đến lấy gì mà đánh, ai luyện tập cho mà đánh nếu không cầu sự giúp đỡ của một nước ngoài? Việc đó dẫn đến niềm tin tưởng mơ hồ về tính cách đồng văn đồng chủng mà Nhật rêu rao. Cánh kia "muốn tự lực khai hoá" hay dùng cái từ mà Phan Châu Trinh đã dùng theo Nguyễn Lộ Trạch, muốn "tự trị", nghĩa là tự mình quản lý công việc của mình thì ít nhất phải được sự đồng ý của sự chấp nhận về pháp lý của Pháp. Nhưng Phan Châu Trinh lại mơ hồ về chính sách thực dân vô cùng bảo thủ của Pháp nên đã mòn hơi kêu gọi chúng nhắc tới quyền lợi lâu dài của chúng: khác với vài đế quốc khác, chủ nghĩa đế quốc Pháp chỉ muốn dựa trên cơ cấu xã hội sẵn có ở đất nước chúng chiếm đoạt để tiến hành bóc lột, nên khi đến Việt Nam với chế độ phong kiến và bộ máy quân chủ quan liêu có qui củ, nó chỉ muốn dựa vào để bóc lột bằng sưu thuế, địa tô, chiếm hữu ruộng đất theo lối trung cổ, đâu có muốn đưa nước ta lên thành một thuộc địa có tiềm lực kinh tế khả thủ. Ai đã đọc những lời tố cáo trong bức *thư gửi chính phủ bảo hộ* và *Đông Dương chính trị luận* của Phan Châu Trinh viết cách nhau 6, 7 năm và cáo trạng có hệ thống của Nguyễn Ái Quốc (1925), về thuế khoá trưng thầu, chiếm hữu ruộng đất, giáo hội trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* đều thấy rõ. Điều cũng rõ ràng nữa là buổi đầu, định khai thác đến một mức nào đó, chúng có tạo đôi thuận lợi cho sự phát triển công thương nghiệp và văn hoá của ta, nhưng khi thấy chúng ta lên mạnh thì chúng quay lại chặn ngay.

Cái chủ trương của Phan Châu Trinh và các sĩ phu duy tân hồi đó, mà đồng chí Lê Duẩn gọi đúng là "chủ nghĩa cải lương yêu nước" đã đẩy dân trí, dân khí, một phần dân sinh lên một bước, đó là cống hiến của nó, đó là một sự khôn khéo, một sự chộp thời cơ tài tình, nhưng nó chỉ có giá trị nhất thời. Khi đã gặp sự phản ứng

quá ác liệt của thực dân Pháp năm 1908 thì phải nên thấy rằng chủ nghĩa "ỷ Pháp tự trị" đã cáo chung, và cần thay đổi chủ trương, phương pháp. Nhưng Phan Châu Trinh vẫn không thấy có cách nào khác. Gặp năm lọc bảy lừa, ông vẫn còn tin vào bọn xã hội hoạt đầu. Có Nguyễn Ái Quốc bên cạnh ông vẫn không thấy được là một vận hội mới đã mở ra và: "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ". (Hồ Chí Minh - *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*).

Phan Bội Châu thất bại mãi, cuối cùng bế tắc, lại quay về chủ trương hợp tác với khẩu hiệu "Pháp Việt đề huề", mà Phan Châu Trinh đã dùng với nhãn hiệu "ỷ Pháp cầu tiến bộ". Phan Châu Trinh bế tắc vẫn ôm khư khư chủ trương đó. Một người đã từng sáng suốt nhận định "nước Pháp nội chính thuộc quyền chuyên chế của một số ít, chẳng qua là họ khéo trau tria mặt ngoài (...) còn nội tình thì đã nguy ngập, chưa biết ngày nào là ngày chết" (*Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam*) mà mười năm sau còn đánh điện cho quan chức thuộc địa đề nghị chúng nghiên cứu để cải cách thì phải thấy ông đáng thương về sự bế tắc ấy hơn là đáng trách.

Về chủ trương bất bạo động của ông, chúng ta nên hiểu là có chịu ảnh hưởng của thực tế đã nhìn thấy ở tỉnh nhà mà chính mình là một nạn nhân, nhưng không nên cho là ông cấm chỉ tuyệt đối. Qua thơ văn hừng hực lửa căm thù nhiều khi nói đến gươm súng, và sự kính phục xót thương đối với các anh hùng liệt sĩ bỏ mình vì nước, qua những lời bóng gió xa gần trong hai bài diễn thuyết và lời lẽ trong thư gửi Nguyễn Ái Quốc, chúng ta có thể nghĩ rằng ông chỉ sợ bạo động non, bạo động chưa đủ sức, chưa có thời cơ mà thôi. Cũng có thể ông chưa ý niệm được phải bạo động như thế nào mới thành công, vì ông thấy qua lịch sử nước nhà và những tấm gương cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX trên thế giới, chỉ có những thuộc địa nổi dậy với sự viện trợ của nước ngoài mà thay thầy đổi chủ, như Phi Luật Tân, Cuba, Đài Loan, chứ chưa có thuộc địa nào trở nên độc lập qua vũ trang bạo động.

Về chủ trương phát huy dân chủ, dân quyền, phải công nhận Phan Châu Trinh là người giác ngộ sớm nhất, hăng hái và kiên trì phấn đấu cho nó nhất - tuy chủ nghĩa dân chủ này chưa phải là trọn vẹn và triệt để - với phương châm "tự lực khai hoá", ta thấy dân chủ đối với ông là phương pháp để tự cường. Không những thế, qua thơ văn các bài diễn thuyết, ta thấy "dân chủ" còn

là cứu cánh, là mục đích "tự nó" nữa. Chính Phan Bội Châu cũng đã thấy Phan Châu Trinh cho là dù tranh thủ được độc lập mà không có một chế độ dân chủ, thì "cũng không phải là điều hạnh phúc cho dân".

Huỳnh Thúc Kháng khen Phan Châu Trinh trong câu đối viếng: "đáo để vô nhị tam chính kiến". Khi thời cục và trào lưu thay đổi nhanh như trong 30 năm đầu thế kỷ XX, thì không thay đổi chính kiến không hẳn đáng khen. Trái lại cũng nên suy nghĩ như nhà thơ cộng sản Aragông khi nói về Victo Huygô: "Cái lớn lao vô địch của Victo Huygô chính là ở sự thay đổi không ngừng của ông, thay đổi không vì danh lợi mà vì một sự nhạy cảm không cùng đối với cuộc vận động của lịch sử". Lê Văn Huân đã thay đổi như thế. Và chính Huỳnh Thúc Kháng 20 năm sau khi viết câu đối nói trên, đã trở thành một người chấp hành nồng nhiệt nhất chủ trương đường lối của Đảng và chỉ tiếc có được một tri kỷ người cộng sản mẫu mực Hồ Chí Minh - thì tuổi đã già:

Bảy tuần đầu bạc như bông
Được người tri kỷ, thôi xong đã già!

Dù có những hạn chế kia nọ, điều đáng quý, đáng phục ở Phan Châu Trinh là tinh thần yêu nước nồng nhiệt không di dịch, lòng căm thù áp bức, tinh thần bất khuất trước uy quyền và gian khổ, ý thức dân chủ, tất cả những cái ấy vằng vặc trong thơ văn ông, làm sáng rỡ thêm nền văn học của nước ta nói chung, văn thơ yêu nước nói riêng.

Giáo sư HUỲNH LÝ

Chú thích:

1. Vì là tên riêng, được chính người mang tên, con cháu và người đồng hương ký, viết, đọc và in Phan Châu Trinh (cũng như Phan Châu Dật, Phan Thị Châu Lan) vào thời chữ quốc ngữ đã được nhân dân mặc nhiên thừa nhận là chữ của nhà nước, cho nên chúng tôi viết *Phan Châu Trinh*, cũng như sách vở chữ quốc ngữ đã viết: Châu Thơ Đồng (chứ không Chu Thư), Huỳnh Thúc Kháng (chứ không Hoàng).

2. Chúng tôi ghi theo địa danh và địa giới lúc Phan Châu Trinh ra đời. Hiện nay (1982) làng này có tên mới là thôn Tây Hồ, thuộc xã Tam Phước, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Chức quan nhỏ kiêm võ kiêm văn nhà Nguyễn đặt ở các cửa nguồn Trung Bộ để quản lý các bộ tộc miền núi vốn chưa thật thuần phục. Các bộ tộc này vẫn có tù trưởng của mình. Các chức quan này gồm có từ dưới lên: bang tá sơn phòng, quản cơ sơn phòng, sơn phòng sứ.

4. *Phú Lâm:* thời ấy thuộc phủ Thăng Bình. Hiện nay là thôn Phú Lâm, thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước.

5. Không sách nào, soạn giả nào ghi ngày sinh. Trong *niên biểu* in ở tạp chí *Bách Khoa* số đặc khảo về Phan Châu Trinh (Sài Gòn, tháng 3-1974) có ghi 9-9-1872, căn cứ vào giấy khai sinh do Phan Châu Trinh làm nộp để xin vào quốc tịch Pháp. Nhận thấy những giấy khai sinh không phải là trích lục từ *nhân thế bộ* hầu hết khai tuỳ tiện, phần nhiều chọn ngày tháng sao cho dễ nhớ, nếu không câu chấp thì thừa nhận cũng được. Nhưng chúng tôi cứ bỏ lửng may sau có người biết đích xác mà báo cho thì hay hơn. (Phan xin về nước mãi không được, đến đầu năm 1924 bèn xin vào quốc tịch Pháp để được tự do đi lại. Ông không thực hiện được ý định vì không đủ giấy tờ).

6. *Vũng Thùng*: Vịnh nhỏ nằm giữa thành phố Đà Nẵng và bán đảo Sơn Chà.

7. *Hoàng Diệu,* người làng Xuân Đài, phủ Điện Bàn

8. *Phạm Phú Thứ* (1821-1882), tiến sĩ, làm phó sứ trong sứ bộ Phan Thanh Giản. Đi Pháp về có dâng biểu khuyên vua cải cách giáo dục và tổ chức lại quân sự, kinh tế. Từng bị cách chức vì tội "khi quân". Người làng Đông Bàn phủ Điện Bàn.

9. *Ông Ích Khiêm* (mất năm 1884) đỗ cử nhân, có công đánh dẹp nhiều đám giặc khách lớn ở Bắc Bộ. Hai con: Ông Ích Khiêm, Ông Ích Hoắc chết trong cuộc khởi nghĩa cần vương Quảng Nam; cháu nội: Ông Ích Đường, học trò Phan Châu Trinh, từng theo giúp đỡ Phan, Huỳnh, Trần trong cuộc Nam du. Về sau cầm đầu vụ chống thuế ở huyện nhà, bị chết chém. Ông Ích Khiêm người làng Phong Lệ, huyện Hoà Vang.

10-11. *Nguyễn Duy Hiệu* đỗ phó bảng, làm quan đến hàm Hồng lô tự khanh, người làng Thanh Hà, huyện Điện Bàn. Cùng tiến sĩ sơn phòng sứ Trần Văn Dư (người huyện Hà Đông) thành lập Nghĩa hội cần vương, Trần Văn Dư mất sớm, Nguyễn Duy Hiệu trở thành thủ lĩnh duy nhất. Về sau bị quân của Nguyễn Thân hiệp với quân Pháp đánh bật lên núi, nghĩa quân tan vỡ, ông để cho bị bắt và một mình lĩnh hết trách nhiệm để cứu đồng chí, đồng đội còn trốn hay đã bị bắt. Bị chém năm 1888.

12. *Học sinh*: học trò giỏi ở trường tỉnh được cấp học bổng

13. Ở Pháp ông từng được "Hội những người câu nghiệp dư" ở một quận thuộc hải cảng Mác - xây bầu làm hội trưởng.

14. Huỳnh Thúc Kháng: *Phan Tây Hồ tiên sinh lược sử* (Tài liệu ở nhà bà Phan Thị Châu Liên).

15. *Trần Quí Cáp* về sau phải nhận chức giáo thụ phủ Thăng Bình vì còn mẹ già phải nuôi.

16. Chính phủ Pháp muốn giữ quan hệ tốt với Nhật, chỉ để hạm đội này cư trú hai ngày. (Hạm đội này về sau bị đánh tan tác ở ngoài khơi cửa Lữ Thuận). Sau này Nhật "xử tốt" lại với Pháp bằng cách giải tán du học sinh ta.

17. *Trường Dục Thanh* (mà sau này Nguyễn Tất Thành là một giáo viên) và công ty Liên Thành (có chi nhánh ở Hội An) tồn tại đến khá lâu về sau, là những cơ sở được thành lập từ hồi đó. Sở dĩ các cơ sở canh tân ở Phan Thiết tồn tại như vậy là vì "công sứ tỉnh Bình Thuận Gạc nhê chống lệnh khâm sứ, không chịu huỷ trường học, phá hội buôn, bắt thân sĩ" (*Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mạt ký*, Lê Âm dịch).

18. *Pháp Việt hiệp hậu chi Tân Việt Nam* (Nguyễn Văn Dương dịch).

19. *Biến động chống Pháp ở các xứ An Nam từ 1905 đến 1918* (L'agitation antifrançaise en pays annamites de 1095 à 1918).

20. *Cựu:* lỗi.

21. Huỳnh Thúc Kháng "*Phan Tây Hồ tiên sinh lược sử*".

22. Chém nhưng giam lại, đày xa ba ngàn dặm, gặp ân xá cũng không cho về.

23. *Minh xã:* chỉ chung những người hoạt động yêu nước công khai, tức là những người duy tân.

Ám xã: tổ chức của những người yêu nước hoạt động bí mật, những người chủ trương bạo động.

24. Theo: *Biến động chống Pháp*... tài liệu đã dẫn, thì Phan Châu Trinh bị bắt ngày 31-3-1908, bị xử trảm giam hậu: 10-4, toà khâm sứ phê chuẩn án: 12-4, nghị định đày Côn Lôn: 14-4; được phóng thích: 24-6-1910.

25. *Liên minh Nhân quyền* có dịch ra tiếng Pháp và in lại. Bản chúng tôi dùng là bản đăng ở báo *Chuông rạn* (Cloche fêlée) 8-4-1926 Sài Gòn, không đề tên người dịch.

26. Phiên âm bình dân từ *soldat* nghĩa là *lính*. Dân chúng gọi lính Pháp là *xăng đá*, lính trong đội Légion étrangère là *lê dương*.

27. Dù truyện dài, chúng tôi không thể nói nhiều hơn trong một bài giới thiệu chung. Xin xem bài nghiên cứu ở tạp chí *Văn học* số I năm 1969.

28. *Ở Pari,* có 2 tên mật thám có trình độ (các báo cáo chúng viết, văn đúng, gọn) đặc trách ba ông, tên là Devèze và Jolin (Truyện ngắn *Incognito* của Nguyễn Ái Quốc cũng nói có hai tên đi theo mình). Ở Mácxây, Phan phát giác được một tên nữa không chuyên nghiệp, người Việt Nam.

29. Qua *Xăng-tê thi tập* và bài *diễn thuyết* này, chúng tôi thấy Phan xếp *đạo vợ chồng* ở dưới *đạo anh em*, khác với sách vở cũ.

PHAN CHÂU TRINH & THƠ VĂN PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG LỜI BÌNH

Tiểu dẫn:

Phan Châu Trinh (1872 - 1926) hưởng thọ 54 tuổi nhưng đã để lại cho đời "một con người, một sự nghiệp yêu nước và cách mạng" thật vĩ đại, đồng thời cũng để lại "một kho tàng trước tác thơ văn và di cảo" thật đồ sộ.

Từ trước đến nay đã có rất nhiều chuyên khảo, luận văn nghiên cứu, tìm hiểu, nhận định và đánh giá "con người- sự nghiệp cứu nước - tư tưởng - văn chương" của Cụ. Cũng đã có nhiều "chuyên san" kỷ niệm về Cụ, nhất là từ sau ngày Cụ qua đời (1926) đến nay, càng có nhiều hơn các cuộc *thảo luận* trên báo chí, các cuộc *Tọa đàm* và *Hội thảo khoa học* ở cấp Quốc gia và cấp tỉnh. Cho đến nay vẫn còn có những vấn đề quanh nhân vật lịch sử tầm cỡ này tiếp tục được đặt ra để tìm hiểu, nghiên cứu đang có một kết luận dứt khoát, nhằm đánh giá đúng đắn hơn về Cụ.

Nhân dịp biên soạn xuất bản *Phan Châu Trinh- Toàn tập* lần này, chúng tôi xin lược trích một số ý kiến đánh giá về "con người và sự nghiệp" (trên nhiều khía cạnh) về nhà yêu nước- nhà văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX này.

Những đoạn trích dưới đây được rút từ những chuyên khảo, luận văn, bài viết nhỏ, bài thơ, văn tế, câu đối ... của đủ các giới chức đồng bào, của các nhà khoa học, các nhà chính khách ... trong và ngoài nước trực tiếp đề cập đến Cụ. Với một khối lượng "ý kiến đánh giá" hết sức phong phú và đa dạng... trải dài ngót một thế kỷ nay, chúng tôi không thể nào bao quát hết được, mà chỉ chọn ra một số ý kiến của một số người trong một thời điểm nhất định mà thôi.

Những "lời bình" trừ mục I: Lời bình của các nhà lãnh đạo Đảng; mục III: Lời bình của các học giả nước ngoài; còn lại mục II: Lời bình của các nhà nghiên cứu, các giới đồng bào nước ta, chúng tôi cố gắng sắp xếp theo mốc thời gian trước và sau năm 1926 (ngày Phan Châu Trinh từ trần) cho đến tận 2004.

Dù đã cố gắng, song chắc chắn sẽ vẫn còn thiếu sót trong việc "trích tuyển" nội dung và "sắp xếp thứ tự" này. Nhóm biên soạn mong bạn đọc góp ý kiến xây dựng, để rồi đây khi tái bản bộ sách sẽ được bổ sung hoàn thiện hơn. Trân trọng cảm ơn. NBS.

I

1. NGUYỄN TẤT THÀNH (NGUYỄN ÁI QUỐC, HỒ CHÍ MINH)

- (PCT) *"Chọc trời quấy nước tiếng đùng đùng.*
Phải có kiên cương mới gọi hùng...
Ba hột đạn thầm hai tấc lưỡi
Sao cho ích giống mấy cam lòng"

(Thư gửi cho Phan Châu Trinh ở Paris viết từ Luân Đôn, 1914.
In trong *Hồ Chí Minh - Tuyển tập văn học* - Tập III.
Nxb Văn học- Hà Nội -1995.Tr.9).

- Năm 1926, có một sự thức tỉnh trong toàn quốc tiếp theo sau cái chết của một nhà quốc gia chủ nghĩa già - *Phan Châu Trinh*. Khắp trong nước đều có lễ truy điệu... Chữ "Chủ nghĩa quốc gia" từ đó được nói và viết một cách công khai. Những giáo viên Pháp tìm cách ngăn cấm học sinh tham gia các cuộc mít tinh đó. Nam nữ học sinh ở nhiều trường, đặc biệt là ở Sài Gòn là nơi tổ chức đám tang, đã tuyên bố bãi khoá. 20.000 người đi theo linh cữu mang biểu ngữ viết những khẩu hiệu có tính chất quốc gia chủ nghĩa. Người An Nam chưa hề được chứng kiến một việc to lớn như vậy bao giờ trong lịch sử.

(Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam.
(In trong *Hồ Chí Minh- Toàn tập*-T.3-
Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội - 1995.Tr.35)

2. TRƯỜNG CHINH

"Từ khi đế quốc Pháp xâm lược nước ta cho tới khi có phong trào công nhân và trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, trong văn nghệ ta có cả một trào lưu chống Pháp và bọn vua quan bán nước. Những nhà cách mạng lăn lộn đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc như Tống Duy Tân, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, *Phan Châu Trinh*..., đồng thời là những nhà văn, nhà thơ giàu nghĩa khí, đầy nhiệt tình yêu nước, thương nòi. Tiếc rằng chúng ta chưa nghiên cứu phân tích, tập hợp kỹ những tác phẩm quí hoá của các bậc tiền bối đó".

(*Bàn về văn hoá và văn nghệ.*
Văn hoá Nghệ thuật xuất bản- Hà Nội- 1963)

3. PHẠM VĂN ĐỒNG

"Tôi đã nghe Bác Hồ nói nhiều về *cụ Phan,* Bác cho biết trước khi lên đường đã được Cụ hướng dẫn. Nhận một công việc thời đó cho là thấp kém để dễ qua mắt mật thám khi ra đi là theo gợi ý của Cụ. Qua đến Pháp là tiếp xúc ngay với Cụ. Quan hệ giữa Bác với Cụ rất gần gũi, thân thiết như ruột thịt. Đi xa, sang Mỹ hay ở Anh, Bác đều viết thư cho Cụ và nhận được Cụ phúc đáp đều đặn. Thư từ thường viết tóm tắt vì mật thám theo dõi chặt, nhưng hễ có dịp là đến gặp Cụ để được bàn bạc và dặn dò mọi việc... Đi năm châu bốn biển để mở rộng kiến thức, học nhiều ngoại ngữ, đọc sách nhiều, giao tiếp rộng cũng là những điều Cụ rất tâm đắc và khuyến khích... Cụ rất thương yêu và giúp đỡ Bác về mọi mặt, đặc biệt trong những năm Bác mới chuyển sang ở Pháp..."

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh): *Phan Châu Trinh (1872 - 1926) qua những tài liệu mới*. Q.1- T.1 Nxb Đà Nẵng-2001.Tr.212)

4. VÕ NGUYÊN GIÁP

"Cụ *Phan Châu Trinh*, người cùng thời với một số cụ, kể cả cụ Nguyễn Sinh Sắc (tức Nguyễn Sinh Huy, phụ thân của Nguyễn Tất Thành) thì chủ trương, đã từng được gọi là "Nam quốc dân quyền tiên tổ chức", dấy lên một phong trào đưa tư tưởng dân quyền, dân chủ vào quần chúng, nhằm chống lại bọn cường quyền (cường quyền đây là nói bọn phong kiến). Như vậy, cụ *Phan Châu Trinh* là một người chí sĩ có bản lĩnh yêu nước rất kiên cường "ba tấc lưỡi, mà gươm, mà súng", không sợ chết. Muốn lật đổ bọn cường quyền phải dựa vào những người Pháp - đương nhiên có phân biệt người Pháp tiến bộ với người Pháp không tiến bộ để làm nên làn sóng dân quyền, dân chủ, mở ra con đường đi đến tự lực, tự cường, nâng cao dân trí, giải quyết vấn đề dân sinh, đưa nước ta đến một nước mà các cụ gọi là phồn thịnh.

(*Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.*
Nxb Đà Nẵng.1993-Tr.10).

5. TỐ HỮU:

Muôn dặm đường xa, biết đến đâu?
Phan Châu Trinh lạc lối trời Âu.
.....

(*Theo chân Bác*. In trong *tập thơ Tố Hữu.*
Nxb Giáo dục Hà Nội- 1995.Tr.462)

II

Kháng nghị thư "về việc bắt Phan Châu Trinh"

Hà Nội, le 7 Mai 1908

Monsieur le Gouverneur de l'Indochine.

Chúng tôi có lời kêu Quan lớn về việc ông Phan Châu Trinh, xin Quan lớn xét cho như sau này:

Nguyên ông Phan Châu Trinh của chúng tôi là một người học rộng biết rộng, bao nhiêu những học thuật, chính trị, pháp luật, phong tục của các nước phương Đông, phương Tây, ông ấy đã có biết qua cả; và lại cái sự thế nước Nam bây giờ, ông ấy cũng có biết. Nếu mà ông ấy được làm quan về việc cai trị, việc giáo dục hay là làm Dân biểu nghị viện, thì chúng tôi chắc rằng ông ấy có làm ích lợi cho nhà nước và nước Nam tôi nhiều lắm. Nhưng mà khi ông ấy làm việc với nhà nước, thì là một cái chức nho nhỏ không có việc gì, bao nhiêu những tài liệu của ông ấy không được thi thố ra hết cả, cũng nhiều khi ông ấy muốn nói với các quan bảo hộ, nhưng mà ông ấy không biết tiếng cho nên ông ấy không dám đến. Ông ấy là người tài học như thế, mà mấy năm giời phải cúi đầu luồn lỏi mấy ông quan hủ bại An Nam, thì ông ấy không chịu được. Vậy nên ông ấy bỏ quan mà đi ra các nước không tưởng về nữa. Nhưng mà ông ấy là một người yêu nước lắm, ông ấy đi cũng không đành, cho nên lại quay đầu về. Khi về trông thấy nhà nước có bụng khai hoá cho nước Nam, ông ấy muốn nhà nước giúp đỡ cho đồng bào ông ấy, cho nên ông ấy đưa thư xin nhà nước sửa sang việc cai trị và các việc cho nước Nam; và có khi chơi với người Tây, muốn cho người Tây, người Nam hoà hợp với nhau; và khi ông ấy đi diễn thuyết thì khuyên người ta nên chăm làm ăn, học hành để mở trí khôn, đừng có làm càn rỡ để hại đến đồng bào, đến Tổ quốc. Như thế thực là một người tốt lắm. Ai ngờ vạ gió tai bay, để bây giờ ông Phan Châu Trinh của chúng tôi phải chịu khổ như thế!

Chúng tôi nghe rằng: vì việc dân Quảng Nam kêu thuế, mà mấy người quan An Nam đổ tội cho ông Phan Châu Trinh xui dân, tự ra Hà Nội bắt về nghị tội đem đày; chúng tôi lấy làm lạ quá, chúng tôi chắc cái lẽ như thế này:

Nguyên nước Nam tôi vốn là nước chuyên chế, quan lại quen thói ăn hiếp dân; từ khi nhà nước sang đây, thì quan lại cầu công với nhà nước không nghĩ gì đến dân, làm cho sưu thuế mỗi ngày một tăng; dân nước tôi chịu khổ đã lâu không dám nói ra. Nhưng vì là những điều dân chủ, cộng hoà, bình đẳng, tự do và phó tô quyền, minh nguyện quyền của nhà nước cũng đã chuyền thấm vào trong óc người nước tôi, hoá cho nên sinh ra việc kêu thuế này thực là tự dân mà ra, chắc là không có ai xui hết cả. Ví bằng dân nước tôi còn ngu dại như trước, thì dẫu mười ông Phan Châu Trinh, trăm ông Phan Châu Trinh cũng không thể nào xui được; mà cũng có lẽ nào xui được kể mấy nghìn người như thế; và cũng không có lẽ người xui đã phải bắt, mà người nghe còn dám kêu mãi mãi như thế, nữa là ông Phan Châu Trinh ở Hà Nội đã lâu ngày, nhà nước đã biết, thì ông ấy còn xui vào lúc nào được. Thế mà mấy người quan An Nam kết án cho ông ấy như thế, tôi chắc rằng mấy người ấy ghét ông ấy mà buộc cho đấy thôi. Dẫu rằng ông ấy không phải là người sợ chết, và cũng không cần ai nói bênh cho. Nhưng mà chúng tôi nghĩ rằng nhà nước để cho mấy ông quan An Nam làm không công bằng như thế thì chúng tôi không lẽ nín được. Vậy chúng tôi có lời nói như thế, xin quan Toàn quyền Đại thần xét cho.

Lương Trúc Đàm ký".

(Hồ Song sưu tầm, giới thiệu trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 1 (272) tháng 1 và 2-1994.Tr 75-76)

2. NGUYỄN TRỌNG LỘI

Tống biệt Phan Tây Hồ

Phủi áo ngay khi mới bước vào,
Bụi hồng rũ sạch lại làng câu.
Mối buồn biển thẳm xa đưa đến,
Giấc mộng kê vàng vắng đã lâu.
Sự quái tay biên câu hự hự,

Trời cao lòng tưởng chuyện đâu đâu.
Chiều hôm nhà rượu ca cùng hoạ,
Hào hiệp ngày xưa khí chửa thâu.

Huỳnh Thúc Kháng dịch
(Báo *Tiếng Dân* ngày 16-6-1934)

3. LƯƠNG KHẮC NINH

"Kính gửi Ngài Phan Châu Trinh
Thưa Ngài,

Tạo hoá đã ban cho Ngài một trí thông minh tuyệt vời, một sức mạnh không gì lay chuyển nổi. Xưa kia, các nhà bác học và hiền nhân luôn làm việc với lòng dũng cảm và luôn nghĩ xa trông rộng. Còn những kẻ lêu lổng, ngu si cho đến nay vẫn chỉ lo ăn ngon, uống thích.

Ôi! Tất cả những gì mà Ngài đã làm đều rất phù hợp, nhất trí với việc làm của các hiền giả thời xưa. Sự nghiệp của Ngài chẳng có gì là quá đáng, có chi mà phải giận dữ, sự nghiệp ấy chỉ thể hiện lòng quả cảm và đức kiên trì. Ngài là bậc hiền giả của tỉnh Quảng Nam. Chính người anh hùng mở ra đất nước, chứ không phải đất nước làm ra anh hùng.

Ngài xứng danh đứng vào các bậc anh hùng tuy rằng nguồn gốc xuất thân khá khiêm tốn vì từ đồng quê mà ra. Ngài chưa có quyền cao chức trọng, nhưng tiếng nói của Ngài vang lừng bốn cõi. Ngài chẳng hề lấy gân lấy sức mà hành động của Ngài có hiệu lực và toả chiếu. Bỉ nhân ghé qua đây, đã được biết những gì mà Ngài làm được. Ngài thực sự là bậc hiền nhân mà trong đời bỉ nhân đến nay chưa hề hạnh ngộ.

Non sông dài để tiếng Châu Trinh.
Tạo vật ganh chi đó một mình.
Quản thúc vừa rồi chưa chịu nín,
Đoạn đầu đặng khỏi chẳng làm thinh.
Gay go đói lạnh đâu nao núng,

Nhóp nhép phân trần đáng khủng kinh.
Giữa cuộc tang thương dường ấy hiểu
Non sông dài để tiếng Châu Trinh.

Marseille 11-9-1922
Ký tên: Di sử thị- Dũ Thức (1)

(1) *Di* là quên; *sử* là: lịch sử; *thị*: họ tên; *Dũ:* ngắn. *Thức;* hiểu biết - Tự xưng là người ít hiểu biết.

(Theo Phan Thị Minh: *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới.* Tập II. Nxb Đà Nẵng-2003.Tr.288)

4. VƯƠNG ĐÌNH QUANG

Mặc dù người ta thường nói, ông Phan Châu Trinh là một trong những người yêu mến nước Pháp nồng nhiệt nhất, ông thành thật công nhận những việc tốt mà nước Pháp đã đem lại cho đất nước ông. Ông đã sống một thời gian rất dài ở bên Pháp và trong những người bạn thân thiết của ông có rất nhiều người Pháp. Nhất định là ông yêu quý nước Pháp trong tất cả các công việc nước Pháp đã làm đúng, tỏ ra là hào hiệp, là nhân đạo. Mối tình cảm đó đối với nước bảo hộ, đến mức độ ông nhiệt tình mong muốn- càng sớm càng hay, được trông thấy đất nước mình giống như hệt nước Pháp. Ông học tiếng Pháp, chấp nhận những phong tục của người Pháp, có mối liên hệ thân mật với nước Pháp; đối với ông, thế vẫn chưa đủ. Ông còn muốn là những tổ chức chính trị của nước mình cũng giống như của nước Pháp, sau cuộc cách mạng của nước Pháp, mà ở đó tất cả những tội lỗi mà người ta khép tội ông đã thực sự trở thành một vị thánh tử đạo.

(Nguyễn Kỳ dịch)
(Bài "*Tại sao ông Phan Châu Trinh lại chống đế chế?*"
đăng trên báo *L'Annam nouveau* xuất bản tháng 5-1933)

5. KÝ GIẢ PHỤ NỮ TÂN VĂN

Phan tuy là người trong cửa Khổng Mạnh mà ra, song Phan hiểu biết Khổng Mạnh bằng cách cao xa, chớ không hiểu như người thường. Phan cho rằng học thuyết của Khổng Tử, chỉ tóm lại có chữ *nhân; nhân* là yêu người, yêu người thì phải cứu người. Học thuyết của Mạnh Tử chỉ tóm lại trong hai chữ *dưỡng khí.* Dầu một người hay một dân tộc, có nuôi cái khí phách của mình cho mạnh mẽ, thì mới gánh vác được việc đời, và tranh cạnh với người ta được. Phan đem cái nho học của Khổng Mạnh ra suy diễn và đối chiếu với Tây học mà nói rằng nho học nói *trị quốc*, tức là quốc gia chủ nghĩa bây giờ, nói *bình thiên hạ* tức là xã hội chủ nghĩa ngày nay vậy.

Còn về Tây học, thì Phan không có mấy, tuy là ở Pháp 14 năm, mà cũng không hề học chữ Pháp. Song Phan có đọc sách của Montesquieu, Voltaire, Rousseau v.v. do người Tàu dịch ra, và nhờ mấy năm lưu lạc ở Pháp, có giao tiếp với nhiều người, cùng là tai nghe mắt thấy nhiều, thành ra Phan cũng lĩnh hội được cái đại cương của Tây học, và xem xét đến nơi về những tư tưởng cùng là tình trạng sinh hoạt của người Âu châu ra thế nào. Nói tóm lại, về Tây học hay là Nho học cũng vậy, Phan không có *học* nhiều mà có *thức* rộng. Phàm là người đều cần phải có học, nhưng học lại cần phải có thức, nếu học mà không có thức, thì cũng không học. Sự học của Phan mà hơn người, là không tại nhiều về đàng học mà là nhiều về đàng thức. Mỗi lời nói, mỗi việc làm trong đời Phan, đều chứng tỏ ra sự đó.

(*Nhớ ngày 24 Mars- Tây Hồ Phan Châu Trinh.*
Phụ nữ tân văn số 44 ngày 20-3-1930, tr.12)

6. PHAN THÚC DUYỆN

... Ông Phan Châu Trinh là một người phản đối chánh thể chuyên chế của Nam triều và cả Bảo hộ mà cốt tạo ra một cái chánh

thể mới "Pháp- Nam hợp tác" căn cứ vào lý thuyết nhân quyền, bình đẳng, chớ tuyệt nhiên không có tánh chất bài ngoại bạo động và phương hại đến chánh quyền và danh dự nước Pháp chút nào. Ông ta về nước mới được mấy tháng chỉ viết vài bài diễn văn theo chủ nghĩa ôn hoà, chưa làm việc gì, rủi mang bệnh mà mất. Sĩ dân trong nước đối với một người nhân sĩ có lòng lo việc giống nòi, tỏ lòng thương nhớ mà làm lễ truy điệu và kỷ niệm, ấy là tấm lòng tự nhiên của một dân tộc, có gì tổn hại đến quyền lợi nước Pháp đâu thế mà vì những bọn hiếp hiềm ghen ghét, thêu dệt điều nọ tiếng kia, trừ một thành phố Sài Gòn khi đưa đám tang ông, cùng lễ kỷ niệm dân tộc được nhóm lại đông mà không có xảy ra việc gì. Ngoài ra, các nơi như Trung, Bắc Kỳ- vì lễ truy điệu và kỷ niệm ấy mà bị bắt, bị luỵ, bị tình nghi nhất là trong đám học sinh có kẻ bị đuổi, kẻ bị không được thi, lại nhiều kẻ vì chuyện ấy mà mang vết xấu, mất cả hy vọng một đời. Các trường học mà học sinh xảy ra phong trào bãi khoá, thiệt là bắt đầu từ việc ngăn cấm quá đáng ấy mà gây ra.

(*Thư gửi Quan Thượng thư bộ Thuộc địa Reynaud khi ngài sang Đông Dương*
Tổng văn học Việt Nam. Tập 21.
Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1996.Tr.810)

7. NGUYỄN SINH SẮC (TỨC NGUYỄN SINH HUY)

Nam quốc dân quyền tiên tổ chức;
Nam phương tịnh độ hậu siêu sinh
(Người tổ chức dân quyền đầu tiên ở nước Nam;
Đi về phương Nam sau siêu thoát)

8. HUỲNH THÚC KHÁNG

Viếng cụ Phan Châu Trinh
Suối vàng thêm một ma chí sĩ, xã hội sẽ thiếu một người đạo

sư, mở mắt xem quá độ phong trào, thương phường hậu tử;

Hán học cũ là nhà danh gia, Tây học mới là vai cự phách, co tay đếm hiện thời nhân vật, được mấy tiên sinh.

9. NGÔ ĐỨC KẾ

Điếu Phan Châu Trinh

Ơi huynh ông! Học cùng nhau, đỗ cùng nhau, lại khi hoạn nạn cùng nhau, xót vì hồn nước bơ vơ, mưa gió nặng nề khôn đổi tiết;

Nào đồng chí, chết vì gươm, chết về tù, còn ra cũng chết vì bệnh, thương nỗi đoàn sau ngơ ngác, giang sơn gánh vác biết cùng ai.

(*Tân Dân*- số 3- *Đặc biệt kỷ niệm Phan Tây Hồ tiên sinh-24.3.1949*.Tr.100)

10. ĐẶNG VĂN BÁ

Chết

Chết mà vì nước, chết vì dân,
Chết ấy làm trai hết nợ nần.
Chết bởi Đông Chu hồi thất quốc.
Chết vì Tây Hán lúc tam phân.
Chết như Hưng Đạo hồn thành thánh,
Chết tự Trưng Vương phách hoá thần.
Chết cụ Tây Hồ hồn chẳng chết.
Chết mà vì nước chết vì dân!

(*Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng*-
Nxb Văn hoá Hà Nội 1973)

11. LƯƠNG VĂN CAN
Câu đối phúng cụ Phan

Ức đương niên Đào phố quá tùng? Hoặc khai Nghĩa Thục, hoặc đăng diễn đàn, tương lương hoán cải quốc hồn, bỉ thử đàm tâm, nhất phiến nhiệt thành kim khả đoạn;

Duyệt kỷ nẫm thiên nhai luân lạc, nhất vãng Ba Lê, nhất cơ Giản Phố, cáp thị toàn qui bang tộc, Bắc Nam như diện, sổ hàng huyết lệ mặc do nung.

(*Tân Dân*- số 3- *Đặc biệt kỷ niệm Phan Tây Hồ tiên sinh- 24.3.1949*-Tr.100)

12. PHAN KHÔI
Viếng cụ Tây Hồ

Âu châu vạn lý qui, vị dĩ Sào Nam mưu nhất diện;
Bính Dần nhị nguyệt tốt, bất tri Bảo Đại hữu nguyên niên.
Nghĩa:
Bên Tây muôn dặm trở về, chưa kịp cùng Sào Nam hội diễn;
Năm Dần tháng hai nhắm mắt, biết đâu có Bảo Đại kỷ nguyên.

(Theo Đào Văn Hội: *Ba nhà chí sĩ họ Phan*- soạn giả giữ bản quyền, xuất bản Sài Gòn- 1957-Tr.152)

13. NAM KIỀU TRẦN HUY LIỆU
Điếu cụ Phan Châu Trinh

Bớ cụ Phan Châu đã mất rồi.
Hai mươi lăm triệu chớ còn ai?
Mấy năm hải ngoại thân chìm nổi,
Bao độ thiên nhai bước lạc loài.
Rắp muốn phá tan dòng áp chế,

Chỉ mong giải thoát buổi trần ai.
Chí kia chưa toại, công chưa đạt,
Non nước ngàn thu luống thở dài.

(Theo Vương Hồng Sển nhớ thuộc lòng đọc cho Phạm Hy Tùng ghi, xem Tạp chí *Xưa và Nay* số 220 tháng 9-2004, Tr.27)

14. SỞ CUỒNG LÊ DƯ
Câu đối viếng Cụ Phan

"Xuất sinh tử nhập, hoạn nạn bạn hào khí nhi giao lai, thời bô bá ư hải ngoại, thời u tù ư Côn Lôn, thời cư thê ư Pháp quốc, khốn tâm hoành lự, vi luân vi đàn, chí thao bất năng di; nại hà tại Nam thọ dao huy, thương tâm tang tử tiêu điều, thiên bất ngôn di tỷ ngã thủ;

- Mẫn thế ưu thời, ngôn luận giai nhiệt huyết dĩ câu sái, hoặc điều trần vu chính phủ, hoặc ký thư vu quốc quân, hoặc diễn thuyết vu công chúng, tệ thiệt tiêu thần, thả khốc thả hào, đỉnh hoạch bất năng tị; khả hám dã Việt hồn vị tỉnh, cảo mục giang sơn ảm đạm, bang chi chẩn tị vị nhân vong".

Dịch:

Ra sống vào chết, hoạn nạn tới đâu thì thấy cái hào khí tới đó, lúc thì trốn tránh ở ngoại quốc, lúc thì bị giam cầm ở Côn Lôn, lúc thì nương náu ở Pháp quốc, khốn lòng mệt trí, làm bánh xe, làm đàn, cầm chí nhất định không dời, vậy mà sao Nam thọ vội sa xuống, đau lòng chốn tang tử tiêu điều, trời không để sót lại một ông già cho ta.

Thương thời lo đời, lời nói hoà lẫn với máu, nào tỏ bày với chính phủ Pháp, nào gửi thư cho vua ta, hoặc diễn thuyết ở trước công chúng, rát lưỡi khô môi, vừa gào khóc, búa rìu cũng không lánh, duy chỉ còn để giận là hồn Việt chưa tỉnh, buông mắt coi non sông ảm đạm, nước kia rầu rầu vì có người mất.

(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh* - Nxb. Tân Việt-Sài Gòn.1950-Tr.75)

15. NGUYỄN AN NINH
1. Phúng cụ Phan Châu Trinh

"Năm trước tôi ở Pháp về cùng với Cụ một chuyến tàu, trong khi dọc đường đất khách, chứa chan những mối cảm tình, vẫn ước rằng anh em một nhà, dắt dìu lẫn nhau, vì hai mươi triệu đồng bào gánh một cái gánh nặng".

- Khứ niên địa hải đồng chu, hành gian lữ thứ, vô hạn cảm tình, ký tương huề thủ nhất đường, vị trấp triệu đồng bào ưng trọng nhậm;

Thử nhật phong trào nhất biến, công lý cường quyền, vị phân thắng bại, hồ hải phiên nhiên trường vãng, đối đương kim thời cuộc độc phân đồ.

(Trích theo Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh*- Nxb Tân Việt Sài Gòn- 1950-Tr.73)

2... Các bạn Tây Nam của ông Phan Văn Trường cũng đều yêu kính cái tính của ông ta. Phan Châu Trinh lắm khi bị ông ta phê bình dữ dội, cũng là vì cái tính ngay thẳng của ông ta không hợp với cái tính đầu cơ của Phan Châu Trinh. Phan Văn Trường nghiên cứu chủ nghĩa Mã Khắc Tư, nhờ nó mà hiểu rõ sự tiến hoá của xã hội. Còn Phan Châu Trinh trọn mười mấy năm ở Pháp cứ ôm bộ Ẩm Băng Lương Khải Siêu cho đến ngày về nước cũng còn đem theo tàu để lót đầu nằm, thì làm sao hai người không chọi nhau được. Song hai anh em cũng cứ giữ thái độ bạn già mà đối với nhau.

Tôi nhắc đến câu chuyện này là cốt ý chỉ rằng Phan Văn Trường là người giác ngộ hơn Phan Châu Trinh. Mà Phan Châu Trinh lại được quý trọng như kia. Còn sự chết của Phan Văn Trường ngày nay, chắc ít người chú ý đến...

(Nguyễn An Ninh: *Vài lời nhắc nhở (Điếu văn khóc Phan Văn Tường)*- Báo *Trung lập* số 6997: 27-4-1933).

16. PHẠM QUỲNH

"Nước Nam mới mất một bậc chí sĩ là cụ Phan Châu Trinh. Từ nay tên cụ sẽ ghi vào sử sách, làm tiêu biểu cho một thời kỳ đau đớn trong lịch sử nước nhà. Thời kỳ ấy là cái thời kỳ mà lòng ái quốc bị coi là một cái tội vạ, người nào nhiệt thành yêu nước là người ấy khốn khổ đến thân"

(Tạp chí *Nam Phong* số 103, năm 1926)

17. NHƯỢNG TỐNG
Khóc cụ Phan

Mưa gió buồn chung cả một trời,
Vườn hoa Dân Chủ gãy chồi mai.
Mơ màng nước cũ hồn trong mộng.
Lạnh lẽo hồ Tây cảnh vắng người.
Giọt lệ hưng vong lau chửa ráo,
Tấm lòng ưu ái gột bao phai?
Nghìn thu chính khí gư ơng còn đó,
Nối gót đàn sau biết những ai?

(*Tân Dân số 3- Đặc biệt kỷ niệm Phan Tây Hồ tiên sinh 24-3-1949*)

18. NGUYỄN MỘNG LÝ
Thăm mộ cụ Tây Hồ

Sấm dậy năm châu tiếng thịnh thình,
Trông về Tổ quốc nhớ tiên sinh.
Đầy vơi biển ứa hai hàng lệ,
Cao thấp non xây một khối tình.

Thức nhấp ra vào hồn tuấn kiệt,
Tỉnh say cười nói chuyện văn minh.
Thần giao kể đã mười năm trước,
Chín suối hay chăng bạn biết mình?

(1926)

(*Tổng tập văn học Việt Nam. T.21*
- Nxb KHXH Hà Nội. 1996-Tr.984)

19. ĐẶNG TRẦN THỊ LIÊN
Phúng điếu cụ Phan

Những mừng nòi giống có người, cụ mới về gióng trống khua chiêng, đọc mấy đoạn diễn văn, bạn cân quắc cũng vừa nghe tỉnh rạng;

Nào tưởng nước non vô phúc, cụ đã vội làng mây cõi suối, sót ngàn năm Tổ quốc, khách mày râu còn có mấy ai đây?

(Tân Dân-số 3- Đặc biệt kỷ niệm
Phan Tây Hồ tiên sinh-24.3.1949-Tr.101).

20. TÙNG LÂM LÊ CƯƠNG PHỤNG
Câu đối viếng

- "Phan Bội Châu đông phân, công phủ hứa tương tầm, vị hà tai Trung thổ lưỡng nhân, nhất tồn nhất một;

- Bùi Quang Chiêu tây qui, công hốt nhiên trường vãng, diệu kỳ dã Nam thành đồng nhật, thả khốc thả ca.

Dịch:

Phan Bội Châu bên đông về, ông định tìm đến nơi, vậy mà sao đất Trung phần hai người, một còn một mất!

Bùi Quang Chiêu bên tây về, ông bỗng nhiên đi thẳng, ấy cũng lạ tại thành Nam một ngày vừa khóc vừa ca!

(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh*
- Nxb Tân Việt- Sài Gòn 1950-Tr.74)

21. DƯƠNG BÁ TRẠC
Viếng bạn Phan Châu Trinh

Trải bao năm bôn tẩu hô hào, nào đầu thư, nào diễn thuyết, nào bảo ban dân dại, nào công kích quan tham, vì nước, vì nòi, gan sắt dễ đâu vùi chín suối;

Nhớ những lúc truy tuỳ khuya sớm, khi ngoài Bắc, khi trong Nam, khi tống biệt hà kiều, khi đàm tâm hoang đảo, càng thương càng tiếc, người vàng xin quyết chuộc trăm thân.

(Tân Dân- số 3- Đặc biệt kỷ niệm
Phan Tây Hồ tiên sinh- 24.3.1949-Tr.101)

22. CÁC NHÂN SĨ THUẬN HOÁ
Câu đối viếng:

- "Tạo hoá hà cứu bất di nhất lão, tha nhật khảo Tây Hồ bút thảo, do lẫm lẫm hổ tru tâm kiếm, cách mạng chi kỳ;

- Anh hùng cận sử hiện xuất song Phan, thiên niên lai Nam Việt mộng trường, hốt oanh oanh nhiên tỉnh não hữu chung, chiêu hồn hữu cổ".

Dịch:

- Tạo hoá có thù gì mà không để sót một ông già, một ngày kia soát lại bút thảo của cụ Tây Hồ, thì thấy hãy còn lẫm liệt, những là cái gươm tru tâm, ngọn cờ cách mạng;

- Sử chép những anh hùng cận thời bây giờ, thấy xuất hiện hai ông họ Phan, đã hơn nghìn năm nay dân Việt Nam như ở trong giấc mộng, bỗng ầm ầm náo chuông tỉnh óc, nào trống chiêu hồn.

(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh.*
Nxb Tân Việt Sài Gòn. 1950-Tr.74)

23. NỮ LƯU VIỆT NAM

Trướng:
Quốc gia thử thân
(nước nhà trông vào thân ấy)
Câu đối:
"Vị quốc vong gia, trớp tải bôn ba thiên địa ải;
Đỉnh thân cứu thế, nhất xoang tâm huyết quỉ thần kinh"

(Nghĩa:
- Vì nước quên nhà, hai mươi năm bôn ba, trời đất trông ra còn hẹp;
- Đem thân cứu thế, một bầu đầy tâm huyết, quỉ thần xem thấy phải kinh).

Thơ:
Đoái trông cảnh vật luống than dài,
Khóc nước chưa rồi lại khóc ai.
Những muốn phù nguy cùng cứu khổ,
Quản chi nếm mật với nằm gai.
Thân kia dù thác danh còn mãi,
Công nọ chưa thành chí chẳng phai.
Hồn có khôn thiêng xin ủng hộ,
Non sông gánh vác gái hoà trai.

(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh.*
Nxb Tân Việt-Sài Gòn- 1950-Tr.55-56)

24. ĐẠM PHƯƠNG NỮ SĨ ĐIẾU PHAN CHÂU TRINH

Mấy mươi năm góc biển ven trời, vằng vặc tấm cô trung, trên vì nước, dưới vì dân, tinh thần vẫn lai láng sông núi Việt;

Đã nhiều thuở khua chiêng gióng trống, thiết tha hồn cố quốc, trước hiệp lòng, sau hiệp sức, sự nghiệp đành phó thác cháu con Rồng.

25. MAI ĐĂNG ĐỆ
Câu đối viếng:

"Nhất Phan tử khứ, nhất Phan qui hoàn, ta tai Tổ quốc,
Thiên cổ văn chương, thiên cổ tâm sự, thuỳ vì tiên sinh".

Dịch:

Một ông Phan chết đi, một ông Phan sống lại, than ôi Tổ quốc,

Nghìn đời xưa văn chương, nghìn đơn sau tâm sự, ai là Tiên sinh?

(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh* - Nxb Tân Việt- Sài Gòn. 1950- Tr.77)

26. NGUYỄN NHƯ CHUYÊN
Câu đối viếng Cụ Phan

Bạn ơi chết hụt mấy lần, chết để thương để tiếc để ngợi để khen, chết tuy đáng nhưng là khí vội;

Tôi nay sống hoài như trước, sống dở khóc dở cười, dở say dở tỉnh, sống cũng thừa song vẫn còn mong.

(Tân Dân- số 3- Đặc biệt kỷ niệm Phan Tây Hồ tiên sinh-24.3.1949-Tr.101)

27. PHAN KIẾM MINH, LƯƠNG CHÍ VĨ (TRUNG QUỐC QUỐC DÂN ĐẢNG)

Chúng tôi là Phan Kiếm Minh, Lương Chí Vĩ thuộc Đảng Quốc dân Trung Quốc, xin dâng một nén hương thơm, ba ly rượu lạt, đọc bài Văn tế trước linh hồn Phan quân:

Phan quân chết rồi, tinh thần không chết,

Sự nghiệp cách mạng, gắng không đoái mình.

Lập công chưa rồi, chợt vậy đã chết!

Hỡi trời xanh kia, sao nỡ làm rầu người triết nhân ấy?

Hết thảy người Nam Việt đều để tang, ngọn gió đau thương thổi vào hiu hắt

Ta đây là bạn đồng chí, giọt nước mắt thấm áo,

Chỉ mong những bọn chết sau này noi theo cái tinh thần ấy.

Cùng nhau rán sức, đạt cho tới chủ nghĩa Tam Dân.

Rồi hai giống người Tàu người Nam, dắt tay nhau, cùng thân cùng yêu.

Giải trừ chuyên chế, kêu tỉnh người cùng bọn,

Hy sinh đưa chết, chết thành được nhân.

Thương ôi! Xi hưởng!

(Nguyễn Văn Đính dịch)
(Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh.*
Nxb Tân Việt Sài Gòn. 1950-Tr.69)

28. ĐIẾU VĂN CỦA HỘI GÒ CÔNG TƯƠNG TẾ

"Thưa cụ,

Ở đời có nhiều vận hội làm cho con người phải đau đớn buồn rầu mà cũng có cuộc làm cho ta được hiển vinh hạnh phúc. Vận hội ấy là vận hội hôm nay.

Thưa cụ, cụ là một nhà đại chí sĩ Việt Nam, bình sinh cụ thương nước yêu dân hơn gia đình thê tử. Người Việt Nam xa gần

ai ai cũng đều kính mến cụ.

Chúng tôi là người Việt Nam, bởi vậy khi chúng tôi hay tin cụ tạ thế, thì thảy đều than tiếc buồn tủi vô cùng, nhưng mà chúng tôi được nghênh tiếp linh cữu của cụ vào nghĩa địa của chúng tôi, thì chúng tôi lấy làm hạnh phúc lắm.

Vậy Hội Gò Công tương tế chúng tôi, tạm bày lễ mọn này, cúi xin cụ hưởng một ly rượu, một chén trà mà chứng lòng thành của hội chúng tôi, kính mến một nhà Việt Nam chí sĩ.

Thưa cụ, chúng tôi vẫn biết, chí cụ cao tận non, lòng cụ rộng dường như biển, nên chúng tôi chắc cụ cũng coi "bốn biển ấy là nhà".

Hôm nay chẳng may cụ tạ thế ở trong Nam, hài cốt quý báu của cụ gửi trong một khoảng đất này tuy hẹp hòi thấp thỏi, không xứng với tâm tính cao thâm của cụ mặc dầu, nhưng mà cũng là một khoảnh đất Việt Nam, nên có lẽ cụ cũng vui lòng nơi chín suối.

Vậy chúng tôi cúi xin cụ an giấc nghìn thu nơi nghĩa địa Gò Công chúng tôi, chúng tôi nguyện sẽ xem sóc gìn giữ bồi bổ phần mộ cụ đời đời.

Gạt luỵ dâng lời thành thật, chúc cho hương hồn cụ cõi thọ tiêu diêu".

29. ĐIẾU VĂN CỦA ÔNG BÙI QUANG CHIÊU

"Chị em, anh em đồng bào,

Cái quang cảnh âu sầu buồn bực mà chúng ta đặng thấy đây, mọi người đều nhỏ giọt ai bi để thương tiếc một đấng Việt Nam anh kiệt.

Người ấy là ai? Thì chúng ta đồng nhận là ông Tây Hồ Phan Châu Trinh vậy.

Ôi! Tây Hồ anh ơi!

Anh đã vì nước, vì đồng bào mà lăn lóc trong đám chông gai, chẳng quản thân, chẳng quản nhà mà chịu hao mòn tâm huyết, để yêu cầu điều Công lý, sự Tự do, nên anh đã đề xướng cái chủ nghĩa Ỷ Pháp cầu tấn bộ, cái chủ nghĩa cao thượng ấy ngày nay các phái Pháp Việt quốc dân học thức đều hoan nghênh sùng bái.

Than ôi!

Người thế ấy, ai ngờ mạng thế ấy, khiến lòng người cho thiên lý chưa đặng công. Chị em ơi! Anh em ơi! Ai là người có tâm huyết mà chẳng đau lòng. Huống chi chúng ta một dòng Hồng Lạc, một máu Tiên Rồng, bao đành ngơ lấp.

Tây Hồ anh ơi!

Còn giây phút đây, âm dương hai ngả, phân kẻ cổ người kim. Đau đớn thay! Dưới suối vàng anh có thấu tấm lòng này chăng?

Vậy tôi và anh em chị em đây xin thề cùng anh rằng nắm chặt mối dây đoàn thể Trung Nam Bắc để gìn giữ nhau mà bảo thủ cho cái chủ nghĩa Pháp Việt đề huề, ấy là chủ nghĩa cao thượng mà anh đã thủ xướng lâu nay, đặng chúng tôi tỏ lòng bồi đáp cho xứng cái chí cả của đấng Việt Nam chí sĩ. Ấy mới rõ rằng anh tuy mất mà cái chủ nghĩa của anh sống còn dài dặc.

Tây Hồ anh ơi!

Trước vong linh anh, tôi xin thề một lần nữa rằng, cái thân dư sinh này:

Nguyện hy sinh cho xã hội.

Nguyện hy sinh cho chủ nghĩa Pháp Việt đề huề".

30. ĐIẾU VĂN CỦA CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG
Thay mặt anh (chị em Trung Việt)

"Tây Hồ Phan tiên sinh,

Ngày nay là ngày tiên sinh và anh em chúng tôi vĩnh quyết! Tôi xin thay mặt cho đồng bào Trung phần đứng ngay trước linh cữu tiên sinh và trước mặt đồng bào ba phần mà tỏ ít lời ai điếu.

Vẫn biết kiếp người dường khách tạm, sinh tử là lẽ thường, tiên sinh chính là người đạt giá, chẳng bao giờ lấy làm quan tâm, nhưng mà trong lúc hiện thời nầy xã hội Việt Nam ta đặng một người ái quốc nhiệt thành như tiên sinh, tài học lịch duyệt như tiên sinh, nghị lực như tiên sinh, khí tiết như tiên sinh chắc là ít có. Vậy thì cái sống chết của tiên sinh chẳng là có quan hệ cho dân tộc ta lắm ru?

Một đoạn lịch sử của tiên sinh hơn hai mươi năm trời, nào bị tù, bị đày, ở nước này sang nước khác, trải bao nhiêu phen nguy

hiểm, trong giây phút này không thể lịch thuật lại cho được; chúng tôi xin tóm tắt lại mà nói sơ: Chủ nghĩa tiên sinh đệ nhất là đánh đổ chuyên chế, làm cho dân quyền tự do, còn cái phương pháp tiến hành thì tiên sinh thường nói rằng: "Tình hình trong nước bây giờ, đang vào nguy ngập, nếu muốn cải cách thì cần phải có liên lạc đoàn thể mới được". Tiếc cho người nước mình, đang còn mê mộng, đồng chí với tiên sinh chẳng được mấy người, vì vậy mà tấm lòng bi phẫn hoá ra uất ức, uất ức hoá nên đại bệnh; huống gì những điều mắt thấy tai nghe dễ làm cho tiên sinh cảm xúc mà đau được, chết được, thương ôi!

Bắt đầu tiên sinh mới đau, trông thấy tiên sinh người đã gầy, khí sắc đã kém mà tiên sinh còn tổ chức hai cuộc diễn thuyết, diễn thuyết rồi thì bệnh thế một ngày một tiến thêm. Đến khi tiên sinh bệnh đã trầm trọng, mà tiên sinh vẫn cứ khẳng khái như thường, đôi khi tiên sinh còn gượng dậy vừa cười vừa nói rằng: "Tôi vẫn thường, chỉ thỉnh thoảng đau một chút thôi, rồi đây tôi sẽ về Trung phần thăm ông Sào Nam, để chung cùng bàn định".

Ôi! Một người như tiên sinh mà chí chưa thành tựu, mà đã vội vàng già rồi, vội vàng chết rồi, đáng kính mến thay, đáng thương tiếc thay!

Từ khi tiên sinh đau, đến khi tiên sinh mất, đồng bào Trung phần chúng tôi ở đây, chỉ có năm bảy người tới lui săn sóc, sự điều hộ châu toàn phần nhiều nhờ chị em anh em Nam phần, chúng tôi vẫn tự lấy làm hối hận. Nói đến đây, càng khiến cho chúng tôi ngậm ngùi mà bi cảm vô cùng.

Thôi, đất vàng một nắm, giấc mộng nghìn thu, sự nghiệp anh hùng, ngày nay hết cuộc. Chúng tôi chỉ mong mai sau này những người kế chí tiên sinh, làm cho vẻ vang dân tộc Việt Nam ta, thì linh hồn tiên sinh sẽ được yên ổn mà ngậm cười nơi chín suối vậy".

31. ĐIẾU VĂN CỦA NHÂN VIÊN SỞ BA SON

"Thưa quí bà, quí ông.

Hôm nay là ngày vĩnh biệt của Phan đại nhân, là người chí sĩ Việt Nam; trước huyệt đây, tôi xin thay mặt cho một nghìn công

nhân lao lực mà kính điếu đôi lời thoả lòng hoài ái.

Vẫn bọn chúng tôi bề học thức ít ỏi, nhưng mà cũng đủ trí cân phân điều hơn thiệt, cũng biết người cang liệt vị quốc vong xu mà mến đức.

Hỡi ơi! Tiếc thay! Tự bấy lâu chúng tôi ái mộ danh ngài, mà ngày nay đã hết trông thấy mặt.

Ngài ôi! Trải mấy năm lao khổ, chưa phỉ ước nguyền, sao ngài vội tếch miền dị lộ; một gánh non sông oằn oại, ngài đã đành trao lại cho hậu sinh!

Gương trung nghĩa ấy chúng tôi xin noi dấu, ráng chăm nom cho Pháp Việt đề huề, sẽ dìu dắt nhau theo nẻo văn minh, cho kịp thời kịp thế.

Ôi! Miệng lằn lưỡi mối trối ai, chúng tôi nguyện giữ phận làm người giồi đạo đức cho nên giá trị.

Nào ai là kẻ xui mưu làm loạn? Nào ai muốn khuấy rối nước nhà? Hễ đấng làm người trên thế thì lẽ tự nhiên khao khát sự mở mang, trông mong điều công ích. Nhất là bọn chúng tôi trong chỗ sinh nhai phải chịu đồ khổ, lao động, cháy da bỏng trán đoạn nỗi rủi ra phải mang lấy tật nguyền, thì chúng tôi còn cả tiếng kêu nài công lý hơn nữa.

Bốn mươi triệu đồng bào của Jaurès tiên sinh có biết cho chúng tôi chăng nhỉ?

Anh em tâm huyết ta ôi! Đường hãy còn nhiều nỗi chông gai, vậy thì đồng bào ta vịn lấy nhau nối dấu tiền hiền, cho người quá vãng ngậm cười nơi cõi thọ.

Trước mộ phần, tôi cúi lạy đại nhân, Phan chí sĩ hồn linh xin chứng!"

32. ĐIẾU VĂN CỦA PHAN BỘI CHÂU

- Câu đối:

"Thương hải vị điền, Tinh Vệ hàm thạch
Chung Kỳ ký một, Bá Nha đoạn huyền".

Nghĩa:

"Biển thẳm lấp chưa bằng, Tinh Vệ còn đội đá
Chung Kỳ thôi đã mất, Bá Nha dứt dây đờn".

Văn tế:

"Than ôi! Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nọ kém thua hơn được, ngó non sông nên nhớ bậc tiên tri;

Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không, kinh sấm sét hãy đau lòng hậu bối.

Vẫn biết tinh thần di tạo hoá, sống là còn mà thác cũng như còn; Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi.

Lấy ai đây nối gót nghìn thu;

Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ ông xưa:

Tú dục Nam Chu;

Linh chung Đà Hải.

Nghiệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường;

Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối.

Gan to tày bể, sức xông pha nào kể ức muôn người;

Mắt sáng hơn đèn, tài lanh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ còn lòng đâu mà áo mũ xênh xang;

Thói nhà chăm việc bút nghiên, dấu một anh hùng, khi tạm cũng khoa trường theo đuổi. Song le,

Khí vẫn chanh vanh;

Chí càng viễn đại.

Tài Mã Nê đương chứa sức hô hào;

Tuồng Lỗ Địch quyết ra tay đào thải.

Đội tiên phong đâu tá? Gió duy tân từ Đông Hải thổi vào.

Gương ngoại quốc kia là? Sóng cách mạng bởi Âu Châu dồn tới.

Dọc ngang trời đất rực vẻ văn minh;

Tức tối nước nhà cam đường hủ bại.

Cá chậu chim lồng vơ vẩn thế, áo công danh thôi vất lối tầm thường;

Rồng mây cọp gió lạ lùng gì, miền thanh khí thử hô người trung ngoại.

Cậy tài học dặn dò phương tự chủ, Lư Thoa, Mạnh Đức, so sánh người xưa;

Mượn đông du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương Cảng, Hoành Tân, lỏi len đường mới.

Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cầm quyền trông gió đã

gai ghê;

Một ngòi lông vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ treo đèn thêm sáng chói.

Phỏng khiến: trình độ dân ta cao, trí thức dân ta giỏi; sức dân ta ngày một dồi dào; khí dân ta ngày càng cứng cỏi.

Một tiếng xướng có muôn tiếng hoạ, thần tự do nên đủng đỉnh về đây;

Bạn người Việt với thầy người Tây, ma chuyên chế dám dùng dằng ở mãi.

Nào hay trời đã éo le,

Người càng quỉ quái.

Chứa chan máu quốc, nước vẩn vơ hồn;

Xao xác tiếng gà, trời mù mịt tối.

Tràng nô lệ chung quanh là rắn rít, văn cứu thời khen khéo gây oan;

Ổ dã man ngan ngát những hùm beo, miền ái quốc hoá nên buộc tội.

Thành Hà Nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào người chống thuế, chữ âm mưu tô vẽ đủ trăm đường;

Đảo Côn Lôn rực rực lửa oan cừu, thây người yêu nước, thây kẻ thương dân, tơ xướng loạn dệt thêu ra một mối.

Mưa dồn gió giật, xui khách lưu ly;

Biển thảm trời xa, xót ông chìm nổi.

Thân, Dậu, Tuất, bấy nhiêu năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá, giữa biển trần gió bụi cũng thung dung;

Đặng, Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn huyên, khi cốc rượu, khi ngâm thơ, ngoài cửa ngục lầm than mà khảng khái.

Hồi đen mây cũng lần lừa; Lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

Quay đầu lại trả ân tù đạo, tấm thân già còn nặng gánh giang san; Bước chân đi tìm bạn Âu châu, đôi tay trắng quyết phất cờ xã hội.

Án tại phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền;

Thư thất điều đón giá như Tây, uy sấm chớp chẳng kinh cùng chẳng hãi.

Gương vĩ nhân treo những bao giờ;

Hồn cố quốc vừa về năm ngoái.

Trước mắt nào ai hớn hở, thấy ngựa xe luống ngẩn ngơ chiều;

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sưu thuế càng ngao ngán nỗi.

Dưới miệng cọp gửi đoàn con đỏ, phúc trùng lai thêm hận dạ tha hương;

Trên quyền người giữ giống da vàng, lòng cảm tử quyết lùa quân hậu đội.

Ước những chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang tiếng reo hò;

Mới là anh trước em sau, dắt một lũ để đồng bào gắng gỏi.

Khéo vô tình trời chẳng chiều người;

Nên bất hạnh mừng mà hoá tủi.

Tiệc hoan nghênh mới đó, não nùng rượu chửa phai mùi;

Hội truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đà bén khói.

Anh em ta đất rẽ đôi đường, tình chung một khối.

Gánh tồn vong ai cũng nặng nề;

Nghĩa chung thỉ lòng càng bối rối.

Sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đang lúc cheo leo;

Mây mù muôn dặm đất xa khơi, dấu ngựa nhờ ai dong ruổi.

Ngại ngùng thay người ngọc núi xa; Ngẫm nghĩ những giọt châu mưa xối.

Thương ôi!

Bể bạc còn trơ:

Trời xanh khó hỏi.

Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào;

Tấc dạ dám thề cùng sông núi.

Trước đã giỏi thời sau nên giỏi nữa, dấu "cộng hoà" xin ráng sức theo đòi; Thác còn thiêng thời sống phải thiêng hơn, thang "độc lập" quyết đều tay vin vói.

Lời này ông có xét chăng! Lòng ấy trời đà soi dọi."

33. ĐIẾU VĂN CỦA BAN HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ NAM VANG

"Ôi thôi! Ông Hi Mã, ngày nay ông đi đâu
Trời gieo vạ cho nước Việt ta
Người triết nhân héo don mất
Ôi thôi! Ông Hi Mã, học thức đến chỗ tinh vĩ
Dân quyền xướng lên trước, làm thầy đoàn hậu tấn

Ôi thôi! Ông Hi Mã, máu nóng tràn trề
Mang một cái chủ nghĩa, chết sống ở đó
Ôi thôi! Ông Hi Mã, nhân cách cao kỳ
Oai võ không khuất, nghèo hèn không dời bôn tẩu về quốc sự, đã hai mươi năm nay
Khuất Nguyên tiều tuỵ, cao sơn đau thương
Đăm đăm một bệnh, cùng đời xa nhau lâu dài
Chí lớn chưa thành, thật là trời làm
Chợt nghe tin ông mất, người có biết hay không biết
Thương cái chí ông, nước mắt dào dạt
Ôi thôi! Ông Hi Mã, ông là người đi đầu
Chúng tôi thề xin làm nên cái chí của ông
Xin ông chớ buồn!"

(Nguyễn Văn Đính dịch)
(Sáu bài văn tế trên đây đều trích theo Thế Nguyên: *Phan Châu Trinh*. Nxb Tân Việt- Sài Gòn 1950)

34. NGUYỄN HUYỀN LINH

"Chúng ta thường phục Gandhi có tài tuyệt thực, nhưng chính Phan Châu Trinh đầu tiên đã chủ trương thuyết tuyệt thực. Năm 1908, bị bắt giam ở phủ Khâm sứ Huế, Phan Châu Trinh đã nhịn đói bảy hôm để phản đối người Pháp. Cuối cùng, Chính phủ Pháp đành nhượng bộ, và gặp chỗ bế tắc, bắt buộc phải giả Phan Châu Trinh cho Nam triều. Còn Gandhi, mãi đến năm 1919 mới bắt đầu về hoạt động ở Ấn Độ, mới bị tù tội, và bắt đầu tuyệt thực để doạ người Anh.

Phan Châu Trinh sống đời tù tội đầy đoạ sớm hơn Gandhi. Quen với cảnh khốn cùng, và sự đau đớn của đồng bào, Phan Châu Trinh xem thường tình nhà, quyết chí tìm con đường giải phóng nhẹ nhàng hơn. Tiên sinh từng nói:

"Người ta bao giờ cũng phải có cái tinh thần phấn đấu, gắng sức đối địch với mọi nỗi đau đớn ở đời mới được. Nếu mình không

phấn đấu nổi để cho những nỗi thống khổ nó đè ép được thì còn có thể nào mà sinh tồn khoái hoạt được!"

(Tân Dân- số 3- Đặc biệt kỷ niệm Phan Tây Hồ tiên sinh, 24-3-1949, Hà Nội - Tr. 59-60).

35. ĐÀO VĂN HỘI

... Cụ Tây Hồ là đệ tử trung thành của chủ nghĩa dân chủ.

Cụ chủ trương ôn hòa cải cách tin ở nước Pháp dân chủ để khai hoá dân tộc Việt Nam, dìu dắt Việt Nam lần bước đến trình độ tự chủ để tự giải thoát ách nô lệ.

Cụ nói: Trước phải dạy dân cho khôn, rồi sau này có muốn chi hãy muốn. Dân còn ngu muội thì dầu có viện trợ nước ngoài, đuổi Pháp ra khỏi nước nhà, gỡ ách nô lệ, tạo nên độc lập đi nữa, thì cũng chẳng ích gì, mà không khéo còn e bị cảnh "dịch chủ tái nô" tai hại hơn gấp bội.

(Theo *Ba nhà chí sĩ họ Phan*- Sài Gòn 1957)

36. THẨM THỆ HÀ
Chí nam nhi của Phan Châu Trinh

... Cụ là một chiến sĩ bài phong đả thực với chính sách ôn hoà. Hấp thụ tư tưởng mới của Lương Khải Siêu, Montesquieu, J.J.Rousseau, cụ hô hào tân học, chỉ trích chế độ thực dân, phong kiến, đề xướng "Dân trị chủ nghĩa" và phong trào Duy Tân.

Cụ quan niệm kẻ nam nhi sống trong đất nước phải mặc nhiên nhận lấy cái trách nhiệm đối với sự tồn vong của đất nước. Trách nhiệm ấy là một cái nợ mà ta cần phải trả, một gánh gian nan mà ta không được bỏ dở nửa đàng:

Làm trai trót gánh gánh gian nan,

Dám nại xa xôi bỏ giữa đàng.

Nhận lấy trách nhiệm để hành động, hành động phải đi đến đích để "trả cho rồi nợ nước non", kẻ làm trai phải là một bậc anh hùng ngang tàng khí phách. Non nước tang thương, ta không thể ngoảnh mặt làm ngơ, ngồi chờ đợi vận. Dân tình khốn khổ ta không có quyền cầu nhàn, hưởng lạc như Lã Vọng, Nghiêm Lăng. Người anh hùng phải nỗ lực- bất chấp thời vận, để cứu vớt giang sơn, chớ giang sơn không có lệ để khóc người anh hùng trốn tránh trách nhiệm:

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không
Giang sơn vô lệ khấp anh hùng
Dịch:
Cuộc đời ngảnh lại vắng không,
Giang sơn nào khóc anh hùng được đâu!

(Theo *Phân tích và Nghị luận văn chương.*
Nxb Sống Mới- Sài Gòn)

37. ÁI HIỀN

Trong bài *Đạo đức và luân lý Đông Tây,* cụ phân biệt "đạo đức" là "đạo đức", "luân lý" là "luân lý". Cụ bảo chớ nên lầm "đạo đức" là "luân lý", "luân lý" là "đạo đức". Cụ nói: "Đạo đức gồm cả luân lý mà luân lý chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi". Đã gọi là người đạo đức thì bất cứ là Động hay Tây, là mới hay là cũ ắt là người hoàn toàn, mà đạo đức thì bất di bất dịch, dù ở dưới chính thể nào cũng vậy, mà luân lý thì có thể tuỳ thời và tuỳ nơi mà thay đổi nhưng cũng không mất hình cái áo đi, mà đạo đức thì như cơm như nước, như đồ bổ dưỡng cần cho mọi người, dù có muốn thay đổi cũng không thay đổi được, thay đổi được thì đạo đức giả.

(*Nhà ái quốc Phan Châu Trinh.*
Nhà in Xuân Thu. Hà Nội. 1945.Tr.76)

38. CHU ĐĂNG SƠN

Chủ trương của cụ Phan Tây Hồ so với chủ trương của cụ Phan Sào Nam và trên phạm vi cầu tiến, vẫn có tính cách cập thời hơn.

Tinh thần Nho giáo, cái luân lý cổ truyền đượm màu sắc phong kiến làm tiêu giảm sinh lực của giống nòi nhiều quá rồi. Mà cái sinh mạng Tổ quốc vẫn còn nằm trong gọng kìm sắc bén của một đế quốc hùng cường như Pháp, dẫu người mình có sôi máu căm hờn đến bung vỡ ra, cũng không thâu đoạt được độc lập. Vì thế, phương sách khôn ngoan, cập thời hơn cả vẫn là lo nâng cao dân trí, dân tâm, tranh đấu bằng ngôn luận ngoại giao để gây nơi người Pháp những áp lực có lợi cho mục tiêu chính trị của mình...

(Theo *Luận đề về Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh*-
Nxb Thăng Long- Sài Gòn. 1958)

39. NGUYỄN HIẾN LÊ

"Cụ Tây Hồ là người mở đường cho phong trào Duy Tân ở nước ta. Lập Nghĩa Thục, một phần công lớn là của Cụ, gây tư tưởng mới ở Quảng Nam là Cụ, đi khắp nơi diễn thuyết là Cụ, khuyên quốc dân cắt tóc là Cụ, liệng cái Phó bảng mà ra lập hiệu buôn cũng là Cụ, bỏ tục nhuộm răng, vận âu phục bằng nội hoá thì người đầu tiên cũng lại là Cụ.

(*Đông Kinh Nghĩa Thục.*
Nxb Lá Bối- Sài Gòn- 1974-Tr.91)

40. LÂM QUANG THỰ

Trước sự tuyên truyền của Phan Châu Trinh, Hội Duy Tân gặp nhiều trở ngại. Nguyễn Thành mới cho người sang Nhật gặp

Phan Bội Châu. Trong bức thư gửi Phan Bội Châu, Tiểu La có câu: "Tây Hồ chi qui, đa bất lợi ư thương hữu", nghĩa là ông Tây Hồ về có nhiều điều bất lợi cho bạn buôn (bạn buôn là nói chỉ phe bạo động). Phan Bội Châu bèn viết thư riêng cho Phan Châu Trinh giải thích vì sao hiện thời nên theo chủ trương quân chủ và yêu cầu Phan Châu Trinh khoan nói đến dân chủ để nhân dân khỏi chán nản về công cuộc đánh giặc ngoại xâm.

(*Quảng Nam- Địa lý- lịch sử - Nhân vật.* Ban liên lạc đồng hương, Quảng Nam- UBMT Tổ quốc Thanh Hoá xuất bản. 1974. Tr. 164-165)

41. NGUYỄN VĂN XUÂN

"Cái nhìn của Phan Châu Trinh so với cái nhìn của các trí thức chúng ta ngày nay còn sáng suốt hơn nhiều, kể chi hạng Phạm Quỳnh thời ấy. Và câu nói: "Làm chi rồi người An Nam cũng xa cách với nước Lang Sa (Pháp) mà thôi" đầy giọng thách đố, quả là một cái tát tai vào mặt chính quyền Pháp, báo cho họ biết là đất nước bảo hộ, thuộc địa của họ sắp rung rinh"

(Bài *Phan Châu Trinh với thuyết Ỷ Pháp cầu tiến bộ hay Pháp- Việt đề huề.*
Tạp chí *Bách khoa*- Sài Gòn số ra ngày 15-3-1974)

42. NGUYỄN KHÁNH TOÀN

1. Ở Phan Châu Trinh, nét tiến bộ nhất trong tư tưởng nhà chí sĩ chính là ông đã dám phất cao cờ dân chủ sớm nhất, hăng hái kiên trì phấn đấu cho nó nhất. Điều hạn chế lớn nhất trong tư tưởng cách mạng của Phan Châu Trinh là nhìn nhận đối tượng kẻ thù một cách mơ hồ "không hiểu tính chất của chủ nghĩa đế quốc".

2. Xu hướng lấy việc "khai hoá" "mở mang dân trí" làm phương châm căn bản; về mặt chính trị, thì chủ trương những cuộc cải cách trước hết là trong bộ máy vua quan cũ, nó đã mục nát đến tận gốc. Để tiến hành những sự thay đổi đó thì phải dựa vào bọn đế quốc, coi chúng như là kẻ trọng tài vô tư, mong chúng giúp cho trong công cuộc tiến hành cải cách, và bằng con đường đó, dần dần giành được độc lập dân tộc. Đó là phái Phan Châu Trinh.

....

Tất cả vấn đề là ở điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Vì vậy nên những vị đứng đầu những chủ trương nói trên- Phan Châu Trinh hay Phan Bội Châu vẫn là những nhà yêu nước nhiệt liệt, chân thành, tên tuổi và sự nghiệp của họ gắn liền với một giai đoạn nhất định của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, bởi vì họ đã có một cống hiến nhất định trong sự nghiệp giải phóng của dân tộc mà đời sau vẫn ghi nhớ.

(*Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản.*
Tập I. Nxb Sự thật- Hà Nội 1960. Tr.52, 54)

43. TÔN QUANG PHIỆT

... Phan Châu Trinh suốt đời giữ cái chính kiến dựa vào chính phủ bảo hộ Pháp mà đánh đổ quan lại Nam Triều trong lúc cuộc cách mạng tư sản dân chủ đã thành công ở Trung Quốc, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thành công ở Nga, trong một lúc đảng Cộng sản Pháp và nhiều nước đã ra đời và cách mạng Việt Nam đã bắt đầu bước vào con đường mới, thì cái "thuỷ chung như nhất" ấy lại làm cản trở bước tiến của ông.

Quan lại Nam Triều cần phải đánh đổ, nhưng muốn đánh đổ nó phải dựa vào lực lượng nhân dân và phải chĩa mũi nhọn vào thực dân Pháp trước. Đánh đổ được thực dân Pháp mới đánh đổ được Nam triều. Vì thực dân Pháp là kẻ thù đầu sỏ mà Nam triều là tay sai. Nay lại dựa vào bọn đầu sỏ mà đánh đổ bọn tay sai thì thiệt là một cái ảo tưởng không tiền khoáng hậu..."

(*Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.*
Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản - Hà Nội 1956 - Tr. 117 - 118)

44. TRẦN VĂN GIÀU

Qua những vấn đề về tư tưởng yêu nước của Phan Châu Trinh được sơ bộ phân tích, có thể thấy rằng đường lối khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, đường lối chống chủ nghĩa thực dân Pháp nhằm giành lại độc lập tự chủ, lập chế độ quân chủ lập hiến hay chế độ cộng hòa dân chủ, và nhằm đưa nước nhà phát triển theo Tây phương, thực chất là tư tưởng tư sản chớ không phải cái gì khác. Tư tưởng dân chủ tư sản ở Tây phương đầu thế kỷ XX rõ ràng là đã lạc hậu quá rồi bởi vì bấy giờ Tây phương đứng trước ngưỡng cửa của cách mạng vô sản, xã hội chủ nghĩa. Nhưng đối với Đông phương nói chung, với Việt Nam nói riêng, tư tưởng dân chủ tư sản hãy còn đóng vai trò tiến bộ, còn có một ý nghĩa cách mạng, bởi vì Đông phương và Việt Nam lúc này còn phải làm cuộc cách mạng tư sản dân chủ. Điều rất đáng chú ý là, trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Việt Nam chưa có một giai cấp tư sản bản xứ đã thành hình. Đứng ra thu nhập và truyền bá tư tưởng dân chủ tư sản Tây phương không phải là những nhà trí thức tư sản Tây học mà là những nhà chí sĩ Nho giáo xuất thân từ cái học cổ truyền đồng thời tiếp nối trực tiếp một phong trào kháng Pháp có truyền thống, do đó mà tư tưởng dân chủ tư sản được truyền bá lúc này tuy thiếu phần sâu sắc nhưng lại mang nhiều sắc thái và khía cạnh đặc biệt biểu hiện được tâm hồn Việt Nam, chớ không đến đỗi là một sự sao chép vụng về, khô héo. Có lẽ vì vậy mà "tư tưởng tư sản không có giai cấp tư sản" trong khoảng 10, 15 năm đầu thế kỷ XX có một ánh hào quang riêng của nó, và thực tế đã trở thành một phần gia tài trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam.

(Sách *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*. Tập II. Nxb Khoa học Xã hội - Hà Nội, 1975 -tr.120)

45. ĐẶNG THAI MAI

"Lần đầu tiên, trong lịch sử văn học Việt Nam, chúng ta chứng kiến một cuộc vận động nhằm phổ biến tư tưởng, nhằm giải phóng nước nhà. Truyền bá học thuật mới chỉ có một ý nghĩa là chuẩn bị cơ sở tư tưởng cho cuộc cách mạng. Cho nên, nói cho cùng thì cuộc vận động tư tưởng, cuộc vận động "tân học" này chính là một phương diện của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của phong trào ái quốc đầu thế kỷ này".

(*Văn thơ yêu nước và cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*. Nxb Văn học- Hà Nội 1960)

46. NGUYỄN KHẮC VIỆN

"Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, vùng đất này (Quảng Nam) sản sinh ra những sĩ phu yêu nước và có óc canh tân nổi tiếng. Hoàng Diệu người giữ thành Hà Nội và chết với thành này lúc Pháp đánh đến là người quê ở Gò Nòi- Quảng Nam, Phan Châu Trinh là người đứng đầu cuộc vận động Duy Tân những năm đầu thế kỷ".

(*Nguyễn Khắc Viện- Tác phẩm. Tập 1.*
Nxb Lao động- Hà Nội. 2003. Tr. 261)

47. HOÀNG XUÂN HÃN

"Sau khi phong trào Cần Vương bị đàn áp tan rã hoàn toàn, Phan Châu Trinh đã đi sâu nghiên cứu những nhược điểm cơ bản về văn hoá xã hội Việt Nam, cụ thấy rõ nguyên nhân sâu xa của sự thua kém về văn hoá xã hội của xã hội ta so với phương Tây đã đưa đến mất nước, bị đô hộ ngày càng khốc liệt..."

"Trong các chí sĩ yêu nước sống vào thời kỳ sơ bộ Pháp thuộc ở nước ta, Phan Châu Trinh có một đặc tính là vừa giữ được phẩm giá và nhân cách của một thân sĩ Việt Nam, vừa mưu đồ một cách cụ thể sự hợp tác với chính phủ thực dân. Nếu đứng vào lập trường tuyệt đối của người ái quốc không đội trời chung với kẻ ngoại xâm, thì ta không thể tán thành thái độ ấy, nhưng ta cũng không thể chỉ trích ông là không muốn nước cường thịnh, là tiêu cực, là hèn nhát trong phương sách để đạt mục đích mình.

Muốn phê bình một cách vô tư một nhân vật vì công tâm mà hành động thì phải xét họ trong bối cảnh đương thời, và so sánh họ với kiến thức chung quanh, rồi đoán trong hoàn cảnh và với kiến thức ấy, hành động như họ có thể thành công không, hay là với tư tưởng khác đương thời, họ có thể làm gì hơn thế chăng?"

(*Những tư tưởng cơ bản của Phan Châu Trinh vẫn còn giá trị lớn đối với xã hội ta ngày nay*. Tạp chí *Xưa và Nay* số 121 (8.2002)

48. THIẾU SƠN

"Tôi nhắc lại: Cụ Tây Hồ không phải là một nhà cách mạng, vì cụ không có một tổ chức cách mạng nào làm hậu thuẫn cho cụ.

Nhiều khi tôi có cảm tưởng là cụ đã đơn thương độc mã xông vô hàng ngũ quân thù để phá rối.

Nhưng phá rối thì được mà không thể nào chiến thắng được đối phương.

Để làm được chuyện đó phải là con người có đảm lược, có khí tiết, không sợ khổ, không sợ chết và trước sau như một phải giữ vững lòng mình. Giữ vững lòng mình là một chuyện khó, rất khó. Biết bao nhiêu người đã nuôi những mộng lớn, mộng con, đã khóc trước nạn dân, nạn nước, đã thề sống chết với non sông, đã coi thường bao nhiêu nguy hiểm và thử thách, nhưng rốt cuộc vẫn có những giờ phút yếu hèn mà sa ngã.

Sức chịu đựng của con người có hạn mà sự cám dỗ thì vô cùng.

Cụ Tây Hồ đã trải qua nhiều thử thách, thắng được mọi cám dỗ để giữ trọn vẹn một tấm lòng, Cụ hơn người ở chỗ đó và điều đó là điều ta cần học ở Cụ. Cụ thường hay nhắc lời sau này của Mạnh Tử: "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai võ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu"

Và cụ đã giữ được lòng không dâm, không di, không khuất trước tất cả những áp lực của đời cũng đủ là một tấm gương sáng cho tất cả chúng ta, nhất là đối với những người đã hiến mình cho đất nước.

Việc cách mạng không phải là việc làm của một người. Nhưng muốn thành công thì trước hết phải giữ được đạo đức cách mạng.

Cụ Phan Tây Hồ đã cho ta một bài học về đạo đức cách mạng và tức là cụ đã mở đường cho cách mạng ở Việt Nam.

Chẳng những ở Việt Nam mà ở khắp nơi trên thế giới, người làm cách mạng đều cần phải học tập ở Cụ. Học cụ để giữ lòng, có giữ được lòng mới mong giữ nước.

(Bài viết về *Phan Tây Hồ* in trong tập sách của Thiếu Sơn. *Những văn nhân chính khách một thời.* Nxb Lao động- Hà Nội 1993- Tr.19- 20)

trong *Thư gửi Chính phủ Pháp.*

Chính cái khí phách ấy đã làm cho các nhà chí sĩ khi gặp hoạn nạn, trước cảnh tù đày chém giết của đế quốc, vẫn giữ được thái độ ung dung tự tại, giữ được tinh thần lạc quan *(Bài hát lưu*

Tổng kết cuộc đời hoạt động yêu nước cách mạng của Phan Châu Trinh, có thể khẳng định rằng, đặt trong những điều kiện lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX, xu hướng chính trị và những hoạt động của ông có tác dụng tích cực nhất định đến phong trào cách mạng thời đó, do chỗ yêu cầu dân chủ, khát vọng dân quyền ông đề xướng là phù hợp với thời đại, phù hợp với bước chuyển của cách mạng Việt Nam đang chuyển từ phạm trù cũ phong kiến sang phạm trù mới có tính chất tư sản. Dưới ảnh hưởng của xu hướng chính trị và những hoạt động sôi nổi của một cuộc vận động cải cách dân chủ rộng lớn đã được phát động cải cách dân chủ rộng lớn đã được phát động tại miền Trung, và nhanh chóng lan rộng ra cả nước, tấn công khá quyết liệt vào hệ tư tưởng phong kiến, thực hiện cải cách phong tục, đẩy mạnh phát triển công thương nghiệp... Không còn nghi ngờ gì nữa, Phan Châu Trinh là người đầu tiên có tư tưởng dân chủ ở Việt Nam. Nhưng cũng phải thấy rằng, ngay từ đầu xu hướng cải cách đó, ngoài ý muốn của người đề xướng cũng đã có những mặt hạn chế, gây khó khăn trở ngại cho xu hướng bạo động, để cho thực dân Pháp lợi dụng để hạn chế sự phát triển của phong trào chung đang chuyển sang hướng mới.

Mặc dù vậy, Phan Châu Trinh đã xuất hiện trên vũ đài chính trị nước ta đầu thế kỷ XX, với tư cách một nhà yêu nước khảng khái trung thực bất khuất trước cường quyền, một sĩ phu tiến bộ suốt đời hăng hái và kiên trì phấn đấu cho việc phát huy dân chủ, dân quyền ở nước ta. Với tư cách đó, Phan Châu Trinh thật sự xứng đáng chiếm một vị trí cao trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Hơn bao giờ hết, trong công cuộc đổi mới hiện nay của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, những bài học về dân chủ, dân quyền từ thời Phan Châu Trinh vẫn giữ nguyên giá trị tươi rói, đã có và đang có ý nghĩa to lớn.

(Bài viết về Phan Châu Trinh, in trong tập sách do Nguyễn Quang Ân chủ biên: *Lịch sử văn hoá Việt Nam - Những gương mặt trí thức*- tập I. Nxb Văn hoá Thông tin Hà Nội - 1998 - Tr. 352-353).

50. TRẦN THANH ĐẠM

Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu là hai nhà ái quốc vĩ đại, hai nhân cách Việt Nam trong sáng và phong phú, cao cả và kiên cường, tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, chủ nghĩa nhân văn Việt Nam trong nghịch cảnh của lịch sử dân tộc ta 25 năm đầu thế kỷ XX. Cả hai Cụ đều xứng đáng đứng vào hàng ngũ các vĩ nhân và các anh hùng dân tộc qua mọi thời đại, tiêu biểu cho đạo lý làm người của người Việt Nam mà đức tính thứ nhất là xả thân, quên mình, trọn đời hiến dâng tất cả vì nghĩa lớn của dân tộc, vì hạnh phúc của đồng bào.

....

Tóm lại, có thể nhận thức rằng trong 25 năm đầu thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã đứng trước hai phương án, hai sự lựa chọn, đồng thời cũng là hai con đường khó khăn để mưu cầu độc lập, tự do, một sứ mệnh cấp bách và lâu dài đặt ra trước nhân dân Việt Nam trong thế kỷ XX. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh tiêu biểu cho hai con đường, hai sự lựa chọn đó.

(*Từ hai cụ Phan đến Bác Hồ- Sự lựa chọn của lịch sử Việt Nam thế kỷ XX.* Sách *Việt Nam trong thế kỷ XX. T.4.* Nxb Chính trị Quốc gia - 2002. Tr. 314, 326)

51. LÊ TRÍ VIỄN

... Những cái khí phách của nhà nho, cái tinh thần bất khuất, dũng mãnh của dân tộc lưu truyền từ nghìn xưa đã hun đúc họ thành những người cứng cỏi, có đảm lực, không sợ gian lao nguy hiểm, không sợ hy sinh (*Câu đối khóc Tăng Bạt Hổ*). Có khí phách như thế nên có can đảm công nhiên viết thư buộc tội quân xâm lược mà thách chúng cứ bắt giam mình như Phan Châu Trinh trong *Thư gửi Chính phủ Pháp.*

Chính cái khí phách ấy đã làm cho các nhà chí sĩ khi gặp hoạn nạn, trước cảnh tù đày chém giết của đế quốc, vẫn giữ được thái độ ung dung tự tại, giữ được tinh thần lạc quan *(Bài hát lưu*

biệt, Đập đá ở Côn Lôn,...). Tinh thần lạc quan ấy chưa phải là tinh thần lạc quan của người chiến sĩ vô sản sau này, nhưng nó đã hoàn toàn mới lạ so với tinh thần của các nhà kháng chiến cần vương giai đoạn trước.

Trong trường tranh đấu, quan điểm của họ đối với kẻ thù, đối với nhân dân chưa được chính xác, thậm chí có khi còn sai lệch, nhưng nói chung, họ đều đồng thanh vạch tội ác của thực dân cùng tay sai, lo lắng cho dân tộc bị hãm vào hoạ diệt vong, và thương xót cho nhân bị bóc lột, áp bức. Nhờ thế mà tiếng nói của họ được nhân dân lắng nghe, chủ trương của họ được nhân dân hưởng ứng. Cắt tóc ngắn, bận Âu phục, dùng nội hoá, học chữ quốc ngữ, đọc sách báo mới, bài xích hủ lậu, mê tín, rồi tiến lên đòi giảm sưu giảm thuế trong phong trào xin xâu ở Trung Kỳ và tiến lên bạo động trong vụ đầu độc ở Hà Nội. Thơ văn của các nhà chí sĩ, hình ảnh của các nhà chí sĩ qua thơ văn của họ đã có tác dụng rất lớn trong mọi tầng lớp nhân dân bấy giờ.

Một điều không thể quên được nữa là cái nhiệt tình của các chiến sĩ đã làm cho thơ văn của họ tràn đầy sinh khí. Họ không phải là văn sĩ tất cả, họ lại làm thơ, làm văn phục vụ cách mạng mà chẳng đắn đo gì, thắc mắc gì, họ quen trau giồi chủ nghĩa để làm thơ làm phú mà lại đi viết những bài ca bài vè "nôm na" cho quần chúng dễ hiểu, điều ấy không phải dễ dàng mà làm được, không phải giản đơn... Quả thật là phải có một lập trường yêu nước đúng đắn, một nhận thức đúng đắn về mối liên hệ giữa chính trị và văn học mới có được thái độ hồn nhiên, nhẹ nhõm trong sáng tác như thế. Các chí sĩ chưa có lý luận gì để lại cho về điểm này, nhưng hành động thực tế của họ đáng cho ta học tập.

(*Giáo trình Lịch sử văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX*-
Nxb Giáo dục- Hà Nội - 1978. Tr. 35-36)

52. NGUYỄN VĂN KIỆM

Nhìn một cách tổng quát, trong 14 năm hoạt động ở Pháp, về mặt chủ thuyết cứu nước, Phan Châu Trinh không có sự thay đổi

cơ bản, ngoại trừ lời tuyên bố công khai mình là người cộng hoà, đó là một hạn chế của ông.

Song những hoạt động của ông trong 14 năm ở Pháp với một sự năng nổ, một nhiệt tình hiếm có trong nhiều lĩnh vực phải được coi là những đóng góp rất lớn vào việc nuôi dưỡng và kích thích lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam, ở Pháp cũng như ở trong nước. Thông qua những hoạt động đó, ông đã nêu một tấm gương sáng về đức tính kiên định, đức hy sinh, lòng quả cảm trong cuộc đấu tranh vì tương lai đất nước. Đó là những thành tựu cơ bản nhất của Phan Châu Trinh trong 14 năm hoạt động ở nước ngoài. Và, có thể khẳng định rằng, Phan Châu Trinh cùng với Phan Bội Châu, mỗi người một hướng khác nhau, mỗi người đều có những mặt hạn chế nhất định, song đó là hai gương mặt nổi bật của lịch sử Việt Nam trong hơn 20 năm đầu thế kỷ XX.

(Bài *Những hoạt động của Phan Châu Trinh ở Pháp (1911 - 1925)*. In trong cuốn sách của Nguyễn Văn Kiệm: *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề lịch sử cận đại Việt Nam* Nxb Văn hoá Thông tin - Hà Nội - 2003. Tr. 642-643)

53. NGUYỄN ĐÌNH CHÚ

"Cũng như Phan Bội và nhiều chí sĩ yêu nước khác như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng... ở đầu thế kỷ XX này, Phan Châu Trinh vốn không có ý thức làm nhà văn giữa cuộc đời. Cụ chỉ muốn làm người chiến sĩ đấu tranh cho quyền lợi của Tổ quốc, của nhân dân. Nhưng trong cuộc đấu tranh mọi người thấy văn chương là một vũ khí lợi hại, có tác dụng lớn, lại sẵn có bút lực được rèn luyện qua nhiều năm tháng, Cụ đã cầm bút và cầm bút một cách nhiệt tình, bền bỉ và thực tế đã thành một nhà văn có đóng góp lớn cho dòng văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX của dân tộc. Trong dòng văn học này, nếu về khối lượng thì Phan Châu Trinh là cây bút thứ hai đứng sau Phan Bội Châu. Còn về chất lượng thì Cụ đã cùng Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền mỗi người một vẻ nhưng xứng đáng

là ba cây bút tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX".

(*Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.* Nxb Đà Nẵng. 1993-Tr. 155).

54. HỒ SONG

"Cuộc vận động dân tộc- dân chủ ở Quảng Nam vào đầu thế kỷ XX là một điểm chói sáng trong trang sử chung hào hùng và trí tuệ của đất nước ta lúc bấy giờ. Nó là một minh chứng cho sức hấp dẫn và thuyết phục của những tư tưởng mới, những tư tưởng khích lệ con người vươn lên một cuộc sống văn minh hơn. Nó cũng là một minh chứng về khả năng hấp thụ vào tạo dựng nên những kỳ tích của những con người bình thường dân dã khi được tiếp xúc với những tư tưởng mới ấy. Đồng thời nó cũng nói lên một yêu cầu là từ những tư tưởng mới đến dân dã, đến những người bình thường, phải có một lớp người "tiên giác" hoàn toàn bị xâm chiếm bởi những tư tưởng ấy, đi vào dân chúng như những nhà truyền giáo, những người tổ chức... Trong đội ngũ (những người tiên giác) ấy, Quảng Nam đã đóng góp hết sức mình với Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... mà tên tuổi còn lại mãi mãi với cuộc duy tân đất nước".

(*Cuộc vận động dân tộc - dân chủ ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX và Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.* Nxb Đà Nẵng- 1993. Tr.91-92)

55. VŨ DƯƠNG NINH

Trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh đã thể hiện nét mới ở Việt Nam là sự tiếp nhận trào lưu dân

chủ tư sản. Có ảnh hưởng lớn lao đến nhân quan chính trị của Cụ là tư tưởng cộng hoà của cách mạng Pháp 1789, là tấm gương của nhà lãnh đạo Mỹ G.Washington, là cuộc chiến đấu bền bỉ vì sự thống nhất nước Ý của Mazzini và Garibaldi và sau này là học thuyết Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Như vậy, so với các chí sĩ đương thời, Cụ có một tầm nhìn vượt bậc, hướng tới một thiết chế cộng hoà mà trước sau, không ràng buộc vào chế độ vương quyền.

(*Con đường cứu nước của Phan Châu Trinh-*
Những điểm chung và những nét riêng.
Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh
và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng - 1993-Tr.99)

56. ĐỖ QUANG HƯNG

Ngay trước khi ngọn trào "cự sưu" nổ ra, suốt một dải Trung Kỳ, lan ra tận Hà Nội với Đông Kinh Nghĩa Thục (từ tháng 3 đến tháng 11 năm 1907), lá cờ Thực nghiệp - Duy Tân mà Phan Châu Trinh và nhóm đồng chí của Cụ phát động đã thổi vào phong trào dân tộc một làn sóng mới với biết bao cái mới lạ, khơi dậy những hứng khởi tranh đấu mới cho một mục tiêu, một con đường chưa hẳn đã rõ ràng nhưng chắc hẳn là đầy hấp dẫn.

Phan Châu Trinh đã chưa thể là một Gandhi. Nhưng rõ ràng lá cờ Duy Tân- Thực nghiệp, lá cờ Dân chủ mà Cụ là người đầu tiên giương lên ở nước ta từ căn cứ địa Quảng Nam này dù thực ngắn (1904-1908) cũng xứng đáng là một dấu son trong lịch sử cách mạng nước ta thời cận đại.

(*Tính cách xứ Quảng trong con người Phan Châu Trinh.*
Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.197)

57. HƯNG HÀ (CHƯƠNG THÂU)

"Tác dụng khách quan của tư tưởng quốc gia cải lượng của Phan Châu Trinh là ở chỗ: Khi tấn công vào hệ thống tư tưởng

phong kiến và cơ cấu xã hội thối nát mà bọn thực dân cố duy trì, vào bộ máy quan lại mà thực chất là tay sai của đế quốc, thì cũng chính là tấn công vào nền thống trị của bọn đế quốc. Khi tố cáo sự kìm hãm của chế độ phong kiến thì đồng thời cũng mở ra một nhân sinh quan mới khác hẳn nhân sinh quan cũ về các mặt chính trị, xã hội, văn hoá và kèm theo đó là mở ra con đường phát triển cho thương nghiệp.

(Tư tưởng quốc gia cải lương của Phan Châu Trinh
Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 68 tháng 11 - 1964)

58. NGUYỄN VĂN DƯƠNG

Phan Châu Trinh vừa chủ trương cậy Pháp lại vừa chống Pháp; vừa chủ trương bất bạo động lại hướng về bạo động. Muốn biết rõ sự thật đằng sau những mâu thuẫn trên, ta có thể dùng phương pháp so sánh: so sánh chủ trương chính trị của Phan Bội Châu và của Phan Châu Trinh. So sánh để thấy chỗ dị đồng giữa chủ trương chính trị của hai nhà cách mạng, từ đó tìm ra tư tưởng chủ đạo trong chủ trương chính trị của Phan Châu Trinh, cuối cùng xác định tư tưởng chủ đạo ấy của Phan Châu Trinh là có thật...

Từ nhận định trên đây, ta có thể tóm tắt tư tưởng chủ đạo trong chủ trương chính trị của Phan Châu Trinh như sau:

Cũng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh khẳng định thực dân Pháp là kẻ thù của dân tộc, mục đích cuối cùng của mọi hoạt động chính trị là đánh đuổi thực dân. Nhưng trong tình thế hiện tại, dân ta chưa đủ sức đánh Pháp, vì còn quá yếu kém, quá lạc hậu. Muốn có đủ lực lượng để chống Pháp, thì trước hết phải làm cho dân giàu nước mạnh bằng cách duy tân tự cường. Nhưng muốn được duy tân tự cường dưới ách kìm kẹp của thực dân, ta phải nấp dưới những chiêu bài, những khẩu hiệu che mắt thực dân như "ỷ Pháp cầu tiến bộ" và "bất bạo động".

(Những di cảo của Phan Châu Trinh, cách khai thác của chúng tôi.
Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng 1993-Tr. 215-216)

59. VĨNH SÍNH

Phan Châu Trinh là nhà sĩ phu đầu tiên hô hào dân quyền ở nước ta. Ông chống bạo động dấy lên phong trào duy tân "chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh" và chủ trương "tự lực khai hoá" không phải vì ươn hèn hay sợ hãi mà bởi vì ông thấy dân trí nước ta còn quá thấp. Theo ông, trong tình trạng như vậy thì cho dầu có giành được độc lập "cũng không phải là điều hạnh phúc cho dân". Ông là người quả cảm, có khí phách, không sợ hiểm nghi hay gièm pha, dám đưa một chủ thuyết khác hầu hết mọi người đương thời. Phan Tây Hồ là một nhà cách mạng theo đúng nghĩa của nó.

(Trích từ bài *Thử nhìn lại vị trí của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong hành trình dân tộc vào thế kỷ XX.* In trong cuốn *Việt Nam và Nhật Bản- Giao lưu văn hoá* - Nxb Văn Nghệ- Tp.HCM.2001-Tr.301)

60. THU TRANG

Phan Châu Trinh không phải là một "hủ nho" khi rời đất nước. Đó là một điều đáng chú ý. Vì ở tại quê hương, nhà chí sĩ là người đã "lăng xê" một Tây Hồ (tức Âu phục), và đồng thời cũng là một trong số người đã chủ trương cắt tóc. Như vậy, về bề ngoài, khi đến Pháp, nhà chí sĩ không còn "khăn đen áo dài" để tự thấy mình khác xa thiên hạ nhiều quá. Điểm nữa là, nhà chí sĩ đã từng sang Nhật, đi qua Trung Quốc (đi mà không xin phép chính quyền, không giấy thông hành hộ chiếu gì cả). Một người đã xông xáo như thế, tâm lý hẳn không phải là kẻ rụt rè. Hơn nữa, nhà chí sĩ đã có dịp nhận xét về dân trí, dân sinh bên Nhật, và tỏ ý khen tặng. Điều này cũng có thể giúp thêm về sự nhận định của Phan Châu Trinh về dân trí người da trắng. Chắc hẳn, cũng có sự so sánh, mà chưa chắc dân Pháp đã làm cho nhà chí sĩ thấy hơn dân Nhật, nhất là Nhật lại vừa thắng Nga năm 1905 làm vang danh địa cầu.

(*Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp* 1911-1925- Nxb. Đông Nam Á-Paris-1983-Tr.219)

61. NGUYỄN HUỆ CHI

... Ở Phan Châu Trinh, chúng ta quả có thể tìm thấy một dẫn chứng xác đáng cho câu châm ngôn quen biết: văn là người. Những nét gân cốt trong thơ văn Phan, kể cả thơ văn trữ tình, cũng chính là phản ánh những nét tráng kiện của một con người chiến đấu. Cái tác dụng lôi cuốn người đọc của thơ văn ông trước sau đều xuất phát từ một cơ sở: bản thân Phan Châu Trinh là người có sức lay động tư tưởng người khác rất mạnh, một người cho đến trước khi mất vẫn nồng nàn nghĩ đến việc nước, không chịu rời bỏ vị trí của mình.

....

Đặc biệt, ngòi bút của Phan Châu Trinh đã khai sáng thể văn nghị luận bằng ngôn ngữ dân tộc. Với việc vận dụng một tư duy khúc chiết, ông làm cho tiếng nói Việt Nam vốn đã trong sáng, uyển chuyển, lại có thêm cái phần chính xác, phần sắc bén. Cùng với những sáng tác văn xuôi của Đông Kinh Nghĩa Thục, Phan thực đã mở ra cho văn xuôi tiếng Việt một bước ngoặt quan trọng, mà sau này, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng và nhiều nhà văn công khai khác sẽ là những người tiếp tục hoàn thiện.

(Bài *Bút lực Phan Châu Trinh*- In trong sách của Nguyễn Huệ Chi:
"Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam"
Nxb. Tác phẩm mới. Hà Nội. 1983. Tr.300 và 325)

62. TRẦN ĐÌNH HƯỢU

... Giữa các nhà nho yêu nước lúc ấy, Phan Châu Trinh không chỉ là người viết văn chương yêu nước. Ông là người có ý thức làm nhà hoạt động chính trị, có chủ trương rõ ràng, táo bạo, tự tin và kiên quyết hành động. Giữa lúc những nhà nho có tâm huyết, phần lớn là bè bạn thân, chọn con đường võ trang đánh Pháp, giành độc lập, thì ông đề xướng chế độ dân chủ, cải tạo đất nước. Giữa lúc mọi người không ai thấy vua quan Nam triều là tay

sai của thực dân, nhưng cũng không ai tập trung căm thù, dứt khoát xoá bỏ nhà nước phong kiến, thì ông làm điều đó kiên quyết nhất. Giữa lúc tư tưởng ghét Tây phổ biến, thì ông chủ trương dựa vào nhà nước Bảo hộ để thủ tiêu chế độ phong kiến. Ông đi đầu trong phong trào cắt tóc, mặc Âu phục, bỏ tế lễ, hủ tục. Ở Phan Châu Trinh ta nhìn thấy hình ảnh con người tiền phong hăng hái hoạt động để cải cách đất nước lúc đó... Có thể nói vào lúc đó, Phan Châu Trinh là người có tư tưởng dân chủ sớm nhất, sâu nhất và nhất quán nhất.

Phan Châu Trinh là nhà hùng biện. Ông dùng tài hùng biện chống chế độ phong kiến lạc hậu và chống chủ trương cầu viện, bạo động: Không bạo động! Bạo động thì chết! Không mong ngóng nước ngoài cứu giúp! Mong ngóng là ngu!. Không phải Phan Châu Trinh chống đấu tranh võ trang vì ươn hèn, cam chịu hay sợ chết. Ngược lại, ai cũng biết ông là người có khí phách cứng cỏi, căm giận cảnh nô lệ và sẵn sàng hy sinh.

... Chọn con đường cộng tác với chính phủ Bảo hộ để cải cách dân chủ, không phải Phan Châu Trinh theo Pháp hay không biết chính nhà nước Bảo hộ mới là kẻ làm chủ "dung túng quan lại Việt Nam" sai khiến bộ máy Nam triều "lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân". Ông cũng đã nói tận tai tên cầm đầu chính phủ Bảo hộ rằng chính sách cai trị của Pháp là vô nhân đạo, là vơ vét tham lam "tát hết nước mà bắt cá", là giả dối "nói khoan đãi, khai hoá" chỉ là "đem bánh ngọt quả chín ra dỗ trẻ con"...

Ở vào thời điểm xuất hiện, tư tưởng cải cách dân chủ của Phan Châu Trinh là yêu nước, chưa thuộc xu hướng cải lương. Ý đồ của ông là "cùng với nhân nhân chí sĩ ba kỳ thức tỉnh nhân tâm, hợp quần, hợp tác, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, ai nấy thấu rõ ngọn nguồn, đông tay sao mà chẳng vỗ nên bộp"...

Phan Châu Trinh là một nhà dân chủ, yêu nước và cách mạng. Nhưng Phan Châu Trinh cũng là một nhà nho. Nhà nho có thể vì yêu nước mà đề xướng chế độ dân chủ như một lý tưởng xã hội đẹp đẽ. Nhưng dân chủ lại không thể là thuộc tính của nhà nho. Không phủ định triệt để thế giới quan Nho giáo thì không thể tiếp nhận được tư tưởng dân chủ thực sự.

(*Giáo trình Văn học Việt Nam giai đoạn thời 1900 - 1930.*
Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp. Hà Nội 1988-Tr. 108-116)

63. DUY MINH (VĂN TÂN)

Phan Châu Trinh đã đọc nhiều tân thư, từ các tân thư, cụ đã hiểu các học thuyết của các nhà khai sáng nền dân chủ Pháp như Lư Thoa (Rousseau) Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu). Cũng từ các tân thư, cụ đã hiểu được các đề án cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và công cuộc Duy Tân của Nhật Bản thời Minh Trị thiên hoàng.

Phan Châu Trinh chịu ảnh hưởng sâu sắc của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Cụ cũng muốn làm một cái gì như Khang Lương đã làm ở Trung Quốc. Cũng giống như Khang Hữu Vi đã viết thư cho vua Quang Tự nhà Thanh, Phan Châu Trinh đã viết thư cho Toàn quyền Beau yêu cầu thi hành các cải cách. Phan Châu Trinh và Khang Hữu Vi chỉ khác nhau ở chỗ: Để thi hành cải cách một đàng thì muốn dựa vào triều đình Mãn Thanh, một đàng thì dựa vào thực dân Pháp.

(*Đánh giá Phan Châu Trinh.*
Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 69, tháng 12-1964. Tr.16)

64. TRƯỜNG GIANG (NGUYỄN ĐỨC SỰ)

Chúng ta thấy chủ nghĩa cải lương của Phan Châu Trinh không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên tạm thời, mà là một sản phẩm tất yếu của lịch sử. Nó liên hệ chặt chẽ với quan điểm duy tâm siêu hình của ông về lịch sử xã hội, một quan điểm phản ánh tâm lý và nguyện vọng của tầng lớp tư sản dân tộc Việt Nam mới nảy sinh và hèn yếu. Quan điểm này có quan hệ về lý luận với cả triết lý Khổng Mạnh lẫn tư tưởng tư sản được du nhập từ nước ngoài vào. Đó là một quan điểm tư sản đối lập với hệ tư tưởng phong kiến suy tàn, trong đó chứa đựng mâu thuẫn giữa mặt tích cực và mặt tiêu cực. Mặt tích cực có tác dụng chống phong kiến và ít nhiều xúc tiến phong trào yêu nước khoảng những năm 1905 - 1908. Còn mặt tiêu cực làm cho tư tưởng của ông trở nên tương đối

lạc hậu trong phong trào yêu nước lúc đó và càng về sau càng gây trở ngại cho cách mạng nước ta. Khi chủ nghĩa Mác-Lênin xâm nhập vào nước ta, những người Macxít đã phải kiên trì đấu tranh để gạt bỏ ảnh hưởng của mặt tiêu cực đó. Bởi vậy, ngày nay khi nhìn lại nhân vật lịch sử Phan Châu Trinh, chúng ta chẳng những biểu dương mặt tích cực mà còn phải phê phán nghiêm túc mặt tiêu cực trong tư tưởng của ông để từ đó rút lấy bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao nhiệt tình cách mạng, bồi dưỡng ý chí chiến đấu của mỗi người chúng ta.

(*Những quan điểm triết học về lịch sử của Phan Châu Trinh.* NCLS số 72, tháng 3-1965.Tr.53)

65. NGUYỄN THANH NAM

Chủ trương cải lương của Phan Châu Trinh biểu hiện trong câu châm ngôn nổi tiếng của ông "Bất bạo động, bạo động tắc tử; bất vọng ngoại, vọng ngoại giả ngu". Với Phan Châu Trinh thì mọi cuộc đấu tranh bạo động đều là phiêu lưu manh động, là "phá loạn trong nước", là "làm hại sinh linh", là "đem thịt ra cho người ta băm, đưa đầu ra cho người ta bắn, nghĩ cũng đáng thương, nhưng công việc làm nào có ích gì". Phan Châu Trinh kịch liệt công kích chủ trương bạo động và đã gây trở ngại không ít cho công cuộc đấu tranh cách mạng bấy giờ. Theo Phan Châu Trinh chỉ có con đường đấu tranh đòi cải cách là con đường đúng đắn nhất, là "thương nước cho phải" mà thôi!

(*Mấy nhận xét về Phan Châu Trinh.* NCLS số 71.Tr.42)

66. HOA BẰNG

Phan Châu Trinh chủ trương bất bạo động, đã là không tưởng, nhưng nếu mong hợp tác với thực dân Pháp để nâng cao

dân quyền, tiến hành mọi việc cải cách, thì lại sai lầm. Vì như chúng ta đã biết, bản chất đế quốc là xâm lược, là bóc lột, là hiếu chiến nếu mình cứ nhẹ dạ tin tưởng vào lời đường mật của nó mà gửi lại hy vọng vào nó thì khác nào "đem gà con mà gửi quạ già".

Cứ công tâm mà xét, Phan Châu Trinh tuy có một số điểm thiếu sót như trên đã nêu, nhưng ông quả là một nhà ái quốc thuần tuý, chân chính, có đởm lược, có khí phách, suốt đời giữ được nhân cách cao thượng, tiết tháo trong sáng, không thay đổi vì nghèo hèn, không say đắm vì giàu sang, không khuất phục vì oai võ.

Tiếng nói của ông là tiếng nói ra từ trái tim nồng nàn yêu nước, dần dần thoát ách đô hộ của thực dân Pháp mà không phải mua bằng giá đắt. Ông là nhà nho học thuần tuý, chân chính; ông là sĩ phu ái quốc trước sau như một. Ông là một nhân vật vĩ đại và trọng yếu ở nửa trước thế kỷ XX.

(*Phan Châu Trinh*. NCLS số 72. 1965-Tr.49)

67. CHU QUANG TRỨ

Ông còn nghi ngờ ngay cả người Pháp ở nước Pháp cũng chẳng hơn gì người Pháp ở thuộc địa. Đây là một đoạn trong lời ông tiễn con du học ở Pháp về nước:

"Con ạ! Cha xa nhà bỏ nước ra đi mong tìm được một miếng đất tự do, bình đẳng và bác ái để sống. Sống không phải là ký sinh trùng ăn bám thế gian, mà để mưu đồ một công cuộc hữu ích cho đồng bào Tổ quốc. Nhưng hôm nay cha cảm thấy nước Pháp văn minh chưa phải gồm toàn những người có tâm hồn cao thượng ấy. Cha đã bị đủ cách khốn khổ trong lao tù".

Ở đây, Phan Châu Trinh có cái nhìn khá sắc, nhưng tiếc rằng về toàn thể, ông vẫn tin ở "lòng tốt" của thực dân Pháp hơn là tin ở khối óc của nhân dân và con mắt của mình. Vì thế ông không dám chống Pháp mà cứ hô hào cải lương. Ông đã từ chối làm cách mạng bạo lực, xin thực dân Pháp bố trí cho từng chút cải cách nhỏ giọt. Trong thời Phan Châu Trinh chủ nghĩa cải lương ở Việt Nam

chưa phải là hoàn toàn tiêu cực phản động, nhưng nếu cứ khư khư ôm lấy cải lương, cho cải lương là hay, là tốt để rồi phủ nhận con đường bạo động cách mạng, công kích các chiến sĩ cách mạng, thoá mạ các hành động vũ trang khởi nghĩa thì vô tình đã cản trở bước tiến của lịch sử.

(*Tìm hiểu Phan Châu Trinh trong lịch sử cận đại Việt Nam.* NCLS số 72. Tháng 3-1965.Tr.55)

68. VĂN TẠO

Bàn về Phan Châu Trinh, tôi thấy cần nhắc lại những đánh giá của tôi về sự nghiệp yêu nước của Cụ mà cho đến nay tôi vẫn giữ:

"Phan Châu Trinh là một sĩ phu yêu nước tiếp thu ý thức hệ tư tưởng tư sản, đã đứng trên lập trường tư sản dân chủ mà đề xướng và cổ vũ phong trào... Ông là một tấm gương vừa phản chiếu yêu cầu của thời đại và tính chất của yêu cầu thời đại, vừa phản chiếu những hạn chế lịch sử của thời đại đó ở Việt Nam, qua những nét riêng biệt của ông".

Những hạn chế đó, thể hiện ở chỗ: "Phan Châu Trinh vừa phản đế, vừa phản phong, nhưng phản đế thì còn yếu ớt, còn phản phong thì không triệt để. Về mức độ, ông nặng về phản phong hơn phản đế và đã có chủ trương ảo tưởng là dựa vào đế quốc Pháp để chống phong kiến. Ông coi nhiệm vụ chống phong kiến là chủ yếu, đó là điều không phù hợp với yêu cầu lịch sử, nên cả tác dụng phản đế và phản phong đều bị hạn chế".

Đến nay, một khi thừa nhận trong lịch sử Việt Nam có một dòng yêu nước có xu hướng canh tân thì không thể không đánh giá cao vị trí của Phan Châu Trinh trong dòng yêu nước này. Bởi vì, so với các nhà đi trước thì Nguyễn Trường Tộ, Đinh Văn Điền, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch... chưa đem lại được những thành quả cụ thể trong phong trào yêu nước. Còn Phan Châu Trinh đã góp phần động viên, cổ vũ quần chúng đứng lên, làm nảy sinh ra một phong trào yêu nước nổi tiếng

đầu thế kỷ XX là phong trào Duy tân từ Nam Ngãi lan ra cả miền Trung.

(Từ xu thế đổi mới hiện nay, nhìn về nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993-Tr.22-23)

69. HOÀNG CHÂU KÝ

Các vĩ nhân anh hùng đều có những cá tính, thậm chí cả những khuyết điểm, nhưng cái lớn của họ là tấm lòng vì đại nghĩa, là tư tưởng chiến đấu đến cùng, hy sinh tất cả riêng tư của mình, kể cả tính mạng. Cái đẹp, cái cao cả ấy trong họ tồn tại vĩnh cửu và luôn là những tấm gương sáng cho mọi người soi để học tập, để sửa mình. Phan Châu Trinh có cái đức ấy.

....

Tính nói thẳng nói thật không chỉ là một cá tính tự nhiên mà có và bắt nguồn từ cả tri thức hiểu biết của một vùng đất hiếu học, có tri thức, lý luận giỏi. Năm 1909 trong khoa thi Hương ở trường Thừa Thiên, trong số 32 người đỗ cử nhân thì người Quảng Nam đã chiếm tới 15 trong đó có 9 người xếp từ thủ khoa đến thứ 9, mà Huỳnh Thúc Kháng là thủ khoa và Phan Châu Trinh là tiếp theo.

*(Tác phong nói thẳng nói thật của Phan Châu Trinh- Tóm tắt Báo cáo Tham luận Hội thảo... Đà Nẵng 9.1992.*Tr.32)

70. LÊ THỊ KINH (PHAN THỊ MINH)

... Cũng có đôi người nêu lại chủ trương "bất bạo động" của cụ Phan với ngụ ý cho hai cuộc kháng chiến vừa qua là "phi tất yếu", tôi thường nhẹ nhàng thưa rằng: Dùng phương pháp nào để giải phóng đất nước là tốt nhất? Điều đó không chỉ tuỳ thuộc ý muốn

của người lãnh đạo mà còn phụ thuộc rất nhiều yếu tố, trong đó có cách phản ứng của kẻ thống trị. Ta không thể quên là Phan Châu Trinh qua mấy chục năm trời thuyết phục Pháp theo con đường hợp tác nhưng chỉ được trả lời bằng gông cùm, án tử hình, đày Côn Đảo... ngay giữa thủ đô Paris cũng được nếm đòn đấm đá và ngục tù. Những người Pháp tốt tán thành hợp tác đều ít thế lực, còn bọn quan chức đương quyền thì ngoan cố bảo vệ chế độ thuộc địa và khi chúng thấy đủ mạnh để tiếp tục thống trị bằng bạo lực thì không đời nào chúng chịu nhân nhượng. Hơn nữa, trên thực tế trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng đất nước vừa qua, ta đã có nhiều cố gắng trong thương lượng bằng chính trị ngoại giao để tránh đổ máu và ngay trong lúc phải cầm vũ khí chiến đấu ta vẫn tận dụng mọi cơ hội để sớm chấm dứt chiến tranh với điều kiện là đạt được mục tiêu cao cả "độc lập dân tộc".

Ngày nay, nguyện ước thiêng liêng đó của bao thế hệ đã được thực hiện! Là những người chủ của bầu trời, mặt đất và mọi tài nguyên của đất nước, đây là lúc chúng ta không quên những cái gốc lớn Phan Châu Trinh đã vun trồng và để lại:

- Chủ trương xây dựng đất nước một cách vững chắc bằng con đường khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh (đời sống dân và kinh tế hùng hậu) và dân chủ thực sự. Cụ Phan nhấn mạnh "độc lập mà không có dân chủ thì không phải là điều hạnh phúc cho dân".

- Với đường lối mở cửa hiện nay, chúng ta có điều kiện tốt đẹp nhất để thực hiện ý đồ của cụ Phan trong hợp tác quốc tế, gạt bỏ đầu óc tự mãn, tự đại hoặc nghi kỵ, hằn thù dân tộc, tìm thầy mà học, tìm bạn mà hợp tác, nhanh chóng bắt chước cái giỏi cái khôn, cái khéo của người ta để làm cho đất nước mau giàu mạnh.

- Về bản thân con người, Cụ để lại cho chúng ta một tấm gương sáng chói về lòng yêu nước thương dân, hy sinh mọi riêng tư và có dũng khí đấu tranh "dám nghĩ, dám nói, dám làm" vì lợi ích chung, xứng đáng là "người bác tôn kính" của Hồ Chủ tịch".

(*Thư gửi Gs Huỳnh Lý ngày 15-4-1992.* In trong *Phan Châu Trinh - Thân thế và Sự nghiệp.* Nxb Đà Nẵng.1993-Tr.11-12)

71. ĐỖ HÒA HỚI

... "Có thể nói bước ngoặt trong nhận thức tư tưởng của Phan Châu Trinh năm 1901 là sự kế thừa và nâng cao tư tưởng thương dân yêu nước, tư tưởng nhân bản nhân đạo của Khổng học chân chính, tư tưởng đổi mới của các nhà canh tân Việt Nam có kết hợp với tư tưởng dân chủ tư sản của phương Tây trong Tân Thư. Từ lúc này, Phan Châu Trinh dần hình thành nên một đường lối cứu nước hoàn toàn mới mẻ: Trước hết là thức tỉnh giáo dục nhân dân, nâng cao trình độ dân trí; chỉ cho họ thấy tiền đồ của dân tộc đất nước phụ thuộc vào ý thức của quốc dân về quyền lợi và kinh nghiệm quốc dân của họ. Khi người dân đã tự ý thức về bổn phận, quyền lợi của mình, họ sẽ tự quyết định nhiều việc khác... Dần dần sẽ dạy cho họ học nghề nghiệp, làm ăn, bảo đảm ai cũng tự lập được không như trước chỉ có lối học để làm quan, nhờ đó mà nâng cao dân sinh, rồi sau đó là sẽ tự làm chủ lấy vận mệnh của mình và của đất nước. Đó là nội dung của chủ thuyết Tân dân: "Nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, cải thiện dân sinh", con đường đi đến dân chủ, dần dần đi đến độc lập tự chủ sau này. Hình thành nên con đường mới cứu nước đó còn là kết quả vận dụng linh hoạt, tài tình kiến thức sách vở với các hình thức tổ chức sản xuất xã hội, đời sống cá nhân truyền thống sát thực tế của đất nước mình. Phải sau một thời gian suy ngẫm, trăn trở ông mới xác định thành phương châm đường lối tương đối rõ nét như trên. Ông là người đầu tiên đưa thêm nội dung tư tưởng dân quyền tư sản vào tư tưởng canh tân của người trước. Ông cho rằng đó là con đường mới đầy triển vọng, nhất thiết dân tộc phải đi qua để tiến kịp trào lưu văn minh tiến bộ thế giới, mặc dầu nó sẽ gặp phải nhiều khó khăn trở ngại...".

(Trích từ bài *Phan Châu Trinh (1972-1926) - nhà tư tưởng dân chủ Việt Nam đầu thế kỷ XX*. In trong sách do Đinh Xuân Lâm chủ biên: *Những người đi qua hai thế kỷ* - Nxb Lao Động - Hà Nội. 2001 - tr.474-475).

72. PHẠM HỒNG VIỆT

Nếu trước đây chủ trương "Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh" của Phan Châu Trinh đã từng góp phần đẩy dân trí, dân khí, một phần dân sinh lên một bước, thì ngày nay hình ảnh về cuộc đời trong sáng của Phan Châu Trinh vẫn như là những lời nhắc nhở, động viên cho hậu thế. Nhân dân không được thức tỉnh, dân trí không được nâng cao thì làm sao giành được độc lập, giữ được độc lập, làm sao xóa đói giảm nghèo một cách triệt để, xây dựng xã hội công bằng dân chủ văn minh. Chính từ ý nghĩa đó mà cuộc sống và tư tưởng Phan Châu Trinh vẫn như đang sống với hiện tại, đang cùng với nhân dân ta giải quyết những công việc của hiện tại.

(Bài *Di sản của Phan Châu Trinh cho hậu thế. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh... Tam Kỳ - 2002, tr.123*).

73. NGUYÊN NGỌC

Khác với tất cả các bậc thức giả, các nhà yêu nước lớn đương thời, Phan Châu Trinh là người đầu tiên đi tìm và tìm thấy nguyên nhân sâu xa "đã đưa đến mất nước và bị đô hộ ngày càng khốc liệt" không phải ở đâu khác mà là chính ở trong văn hóa, ở "những nhược điểm cơ bản về văn hóa xã hội của xã hội ta so với phương Tây". Đây là một chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong phương hướng tìm đường cứu nước - mà trước hết và quan trọng nhất là tìm đúng nguyên nhân mất nước và thất bại đau đớn của tất cả các phong trào cứu nước trước đó mặc dù vô cùng anh dũng, lẫm liệt, một nhận thức có tính cách mạng và hết sức cơ bản không chỉ về con đường cứu nước, mà về lâu dài, cả về con đường phát triển của dân tộc.

(Tính cập nhật kỳ lạ của một tư tưởng lớn. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh - UBND Tam Kỳ 2002, tr.63-64).

74. VŨ NGỌC KHÁNH

Đi sâu vào tư tưởng và học thuật, Phan Châu Trinh còn được đánh giá, được phát hiện ở nhiều lĩnh vực. Sau khi ông mất, hàng năm trên tờ báo *Tiếng Dân,* Huỳnh Thúc Kháng đã đều đặn làm lễ tưởng niệm ngày 24-3, đăng ảnh ông rất trang trọng, gọi đó là kỷ niệm ngày mất cụ Tây Hồ. Số báo nào, ông Huỳnh cũng trích một câu nói của Phan Châu Trinh, xem như một lời danh ngôn. Nguyên văn chữ Hán dịch ra tiếng Việt. (Báo *Tiếng Dân* số 613 năm 1933, trong bài *Hiện trạng vấn đề):*

"Xin có lời chính cáo cùng người nước ta rằng: Không bạo động, bạo động tất chết. Không trông người ngoài, trông người ngoài thì tất ngu! Đồng bào ta, người nước ta, ai mà ham mến tự do, tôi xin có một vật rất quý báu tặng cho đồng bào, là: *Chi bằng học".*

Có thể nói là Huỳnh Thúc Kháng đã chọn đúng một câu nói của Phan Châu Trinh, xứng đáng là một câu danh ngôn. *Chi bằng học* (chữ Hán là *Bất như học)* là quan niệm cơ bản của tư tưởng Phan Châu Trinh, là lời gọi thống thiết của Phan Châu Trinh gửi đồng bào Việt Nam. Không phải chỉ có giá trị đương thời, mà cho đến hôm nay vẫn xứng đáng là một danh ngôn, luôn luôn phát huy tác dụng.

("Chi bằng học" tư tưởng chủ đạo của Phan Châu Trinh trong sự nghiệp Duy tân đất nước. Kỷ yếu Tọa đàm khoa học... UBND Tam Kỳ - 2002, tr.53).

75. HỒ THANH HẢI

Ở Phan Châu Trinh, đường lối cứu nước, các phương thức áp dụng thực hành và cả trong sự nghiệp văn chương đều toát lên một tư tưởng hết sức mới mẻ, đó là đoạn tuyệt một cách quyết liệt với tư tưởng tôn quân, vứt bỏ không thương tiếc ngọn cờ Cần vương, dứt khoát dựa vào dân, lấy sức dân mà giải phóng cho dân. Nhưng theo ông, lúc bấy giờ chưa phải là lúc

đánh Pháp bằng bạo lực, vì nhân dân ta còn lầm than quá, còn dốt nát quá, còn bị chà đạp và bị bóc lột tận xương tủy... Trong khi đó, quân thù là một nước tiên tiến, cùng với chính sách thực dân thâm độc, trong tay có đội quân đánh thuê nhà nghề với đầy đủ vũ khí tối tân. Ý thức được thực trạng đó, Phan Châu Trinh đã nêu ra mục tiêu hàng đầu của công cuộc cứu nước là dân quyền, dân chủ. Muốn đạt được mục tiêu trước mắt, chuẩn bị cho việc giành quyền tự chủ, tự trị hoàn toàn thì trước tiên phải cải cách duy tân, nâng cao dân trí, tạo ra sự *bừng tỉnh* mạnh mẽ, giác ngộ sâu sắc về dân quyền, từ đó mới có được dân khí ngút trời lại bền vững thâm hậu.

(Tư tưởng cải cách của Phan Châu Trinh luôn ngời sáng. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm.... UBND Tam Kỳ - 2002, tr.76).

76. LÊ DUY ANH

Phan Châu Trinh không chỉ là một nhà hoạt động chính trị năng động, một nhân vật có chí khí hào hùng bất khuất được gởi gắm và thể hiện qua bài thơ "Đập đá Côn Lôn":

...

Tháng ngày bao quản thân sành sỏi.
Mưa nắng chi sờn dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan nào sá phận cỏn con.

Ông còn là một nhà văn hóa đa diện và đa dạng trong sinh hoạt cộng đồng văn hóa Việt Nam. Ngay từ hồi còn đi học ông đã làm thơ, sau này khi tham gia hoạt động cách mạng, ông vẫn tiếp tục làm thơ, soạn tuồng, viết văn, nhất là viết văn phê bình và chính luận... Mỗi tác phẩm của ông đều nhằm đến một đối tượng rõ rệt: quần chúng bị trị, tố cáo vạch trần sai trái, đốn mạt tệ hại của giai cấp thống trị. Trong tác phẩm, ông luôn đề cập đến nhiều khía cạnh và các khía cạnh đó đều được ông quan sát, khảo nhận đúng với thực tế đã và đang xảy ra trong cuộc sống. Có thể nói, trong lịch trình tiến triển của văn học và chính

trị nước nhà. Phan Châu Trinh là tác giả để lại cho đời khá nhiều tác phẩm khởi sắc nhất.

(Phan Châu Trinh, ấn tượng của danh nhân văn hóa. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh. UBND Tam Kỳ - 2002, tr.203-204).

77. TRƯƠNG DUY HY

Dĩ nhiên cương lĩnh hành động của chí sĩ Phan Châu Trinh trong việc thực hiện cải cách giáo dục, canh tân công thương nghiệp, hô hào nhân dân cắt búi tóc, mặc âu phục... (cái mục đích cải cách duy tân này của chí sĩ được chính chí sĩ và các đồng chí của chí sĩ từng đăng đàn diễn thuyết, khai hóa trí óc nhân dân), thì việc *khai dân trí* quả là mục tiêu tiên quyết, cốt lõi.

(Phan Châu Trinh với Phong trào Duy tân, cải cách giáo dục. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh Tam Kỳ 2002, tr.131).

78. NGUYỄN Q. THẮNG

"Đọc qua tiểu sử Phan Châu Trinh, không ai không thấy ông bên ngoài tuy có vẻ nghiêm trang, nóng nảy, hăng hái; nhưng bên trong vẫn là con người rất giàu tình cảm. Ở Phan Châu Trinh, mới thấy ai cũng cho ông là một con người quắc thước, gân gổ, có một tinh thần rất cứng, luôn luôn "sửng cồ" (chữ dùng của Trần Huy Liệu) khiến mọi người kính phục hơn là cảm phục.

Đọc cả văn thi phẩm của ông, từ văn chính luận đến thơ ca thù tạc cùng bạn bè, ai ai cũng phải công nhận như thế. Thơ văn ông bao giờ cũng tràn ngập tình thương yêu lớp người bị áp bức,

lớp người nghèo khổ, bần cùng... và chống lại mọi thế lực áp bức, quyền thế, tàn ác. Tình cảm, lý tính của ông có những nét không giống các nhà nho, nhà chí sĩ khác. Ông vừa có cốt cách một bậc đại nho, nhưng cũng vừa là người táo bạo. Ông là con người vừa ở trong khuôn khổ nho gia nhưng cũng luôn luôn muốn đập phá khuôn khổ bảo thủ, lạc hậu. Là một nhà nho, một nhà chí sĩ nhưng tâm hồn ông rất phóng khoáng, có lần gặp người đẹp ông cũng viết:

Biết đấng danh lưu giữa bụi hồng.
Gặp nhau không lẽ há cười không.

Tình cảm, lý trí đó của ông được thấy rõ qua các "dật sự" trong đời sống thường ngày, và ngay trong lĩnh vực văn chương học thuật của ông. Không phải bản tính ngay thẳng, bộc trực, kiên quyết ấy chỉ đối với bọn quan lại, tay sai, mà ngay như trong lao tù đối với bọn Tây thực dân ông vẫn kiên quyết, khẳng khái, không dua hót bợ đỡ bất cứ hạng người quyền thế nào".

(Nguyễn Q. Thắng: *Phan Châu Trinh - Cuộc đời và Tác phẩm.*
Nxb. Văn học - Hà Nội - 1992. Tr.59-60).

79. ĐẶNG VIỆT THANH

Cụ muốn đem "quốc gia luân lý Âu châu" khiến cho ai nấy đều hiểu "quốc gia có quan hệ mà nhẹ bớt gia đình, quân chủ không chính đáng mà trọng dân chủ".

Nhưng vì đâu mà một sĩ phu phong kiến lại có những tư tưởng dân chủ tiến bộ như vậy? Chính là do ở chỗ Cụ đã hấp thu được những tư tưởng khai sáng của giai cấp tư sản Tây phương.

Ăngghen đã đánh giá cao những nhà khai sáng Pháp, giai cấp tư sản nước ta không phải là một giai cấp cách mạng như giai cấp tư sản phương Tây. Nhưng cụ Phan Châu Trinh đã hấp thụ những tư tưởng cách mạng từ phía những nhà khai sáng Pháp. Chính vì thế cụ mới phê phán được luân lý đạo đức phong kiến,

lớn tiếng lên án triều đình phong kiến, cổ xuý chủ nghĩa dân chủ ở trong xã hội phong kiến còn lạc hậu.

(Đánh giá quan điểm luân lý đạo đức của cụ Phan Châu Trinh.
NCLS số 68, tháng 11-1964. Tr.22).

80. ĐẬU XUÂN MAI

Phan Châu Trinh là một chí sĩ nhiệt tình yêu nước, yêu dân chủ, yêu tự do và giữ vững khí tiết của mình, 40 năm trước đây Phan có một ảnh hưởng lớn đối với các cuộc vận động cách mạng của nước ta: đó là một điều cần phải khẳng định dứt khoát. Cái công lao lớn nhất của Phan Châu Trinh là người đầu tiên du nhập những khái niệm dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái vào sinh hoạt chính trị của nhân dân ta. Trước sau Phan vẫn đứng trên lập trường dân chủ, bỏ quên lập trường dân tộc để chỉ đạo hoạt động cách mạng nên chủ trương cải lương dựa vào bọn thực dân là một ảo tưởng và ngày càng bất lợi đối với phong trào giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Thất bại của Phan là thất bại chung của một trào lưu tư tưởng. Nó chứng tỏ tính chất phụ thuộc yếu hèn của tầng lớp tư sản mới nhô mình lên trong xã hội Việt Nam.

(Vai trò Phan Châu Trinh trong lịch sử cận đại Việt Nam.
Tạp chí NCLS số 71 tháng 2-1965. Tr.39).

81. THANH LÊ

Ở Phan Châu Trinh có rất nhiều mâu thuẫn: ông kịch chiến với phong kiến nhà Nguyễn, nhưng lại ca tụng Khổng Mạnh,

Nghiêu Thuấn, lại thấy quân chủ có lúc còn có lợi; ông phản đối thực dân Pháp, chống Pháp, muốn đất nước độc lập, nhưng lại dựa vào Pháp, chủ trương liên hiệp Việt - Pháp; ông thông cảm với đời sống cơ cực, thân phận nô lệ, tôi mọi của nhân dân, ông mang trong người cái đau khổ tủi nhục của người dân mất nước, ông lo lắng cho sự sống còn của 20 triệu đồng bào, nhưng ông lại không tin ở nhân dân, đánh giá quá thấp lực lượng nhân dân, có lúc tựa hồ như mạt sát dân tộc. Tóm lại, ở ông có mặt tích cực tiến bộ, vươn lên để đáp ứng yêu cầu của lịch sử, nhưng lại có mặt tiêu cực lạc hậu hoặc kìm hãm cách mạng.

Bọn thực dân phong kiến căm ghét ông, buộc tội ông và tìm cách lợi dụng ông; giai cấp tư sản Việt Nam vì quyền lợi của họ mà sợ hãi xa lạ đối với ông, không đi theo ông, họ chỉ trượt theo vết xe của ông mà phản lại ý muốn tốt đẹp của ông. Còn nhân dân Việt Nam thì yêu mến, kính phục ông nhưng không tin ở đường lối đấu tranh của ông mà không đi theo đường ông đã vạch. Cuối cùng trong những năm về sau, ông như một vị chiến tướng không có quân vậy.

(Phan Châu Trinh, một sĩ phu phong kiến tư sản hóa giàu lòng yêu nước. NCLS số 71 - tháng 2.1962. Tr.30).

82. ĐAN ĐỨC LỢI

Đối với cách nhìn và cách xem xét vấn đề như của chúng ta hiện nay thì chủ trương của Phan thật là một ảo tưởng, một sự ngây thơ về chính trị. Dù sao, Phan không thể nào vượt khỏi những hạn chế của lịch sử, của giai cấp. Những lời lẽ chân thành, đầy nhiệt tình yêu nước của Phan đến kẻ thù cũng không thể xuyên tạc được. Thực dân Pháp rắp tâm lợi dụng chủ nghĩa cải lương của ông, nhưng rút cục chẳng ăn thua gì. Tư tưởng của Phan cùng với các luồng tư tưởng cách mạng khác khi thâm nhập vào quần chúng đã trở thành một phong trào phản đế, phản phong thực sự. Ngay từ hồi đó, nhân dân ta đã nhìn đúng Phan, coi Phan là một nhà ái quốc chân chính.

Khi Phan chết, hàng vạn người đi đưa đám và tổ chức truy điệu Phan đã chứng tỏ điều đó.

(Một số ý kiến về Phan Châu Trinh -
NCLS số 72. Tháng 3-1965 - Tr.58).

83. TRƯƠNG HỮU KỲ

... Chống bạo động, cụ chủ trương cải lương, như thế là cụ phạm vào một kiến giải sai lầm. Nhưng như nhà sử học Trần Huy Liệu đã phân tích rõ ràng. Trong một công tác nửa công khai và nửa hợp pháp lúc bấy giờ, Cụ cũng như một số sĩ phu khác đã đẩy cho phong trào dân tộc tiến lên. Chẳng những thế, những khẩu hiệu yêu nước, kết đoàn, chấn hưng thực nghiệp, sống theo đời sống mới của Cụ và các bạn đồng chí đề ra bấy giờ, một khi đã đi vào quần chúng, những người đương bị khốn khổ về sưu cao thuế nặng, vì đi phu đi lính, vì quan lại hào lý sách nhiễu, vì lệ làng phép nước trói buộc, thì tác dụng của nó cũng không còn bị hạn chế ở trong phạm vi cải cách, mà còn là một sức mạnh, kích thích cho đông đảo quần chúng vùng dậy đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày và tiến lên đòi giải phóng ách nô lệ như chúng ta đã thấy trong cuộc chống đi phu, chống nộp sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908.

(Góp phần đánh giá Phan Châu Trinh -
NCLS số 73 tháng 4-1964. Tr.61).

84. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN

Rõ ràng đường lối cải lương bất bạo động của Phan Châu Trinh nẩy mầm trên miếng đất tốt là Quảng Ngãi, nhưng do bản thân đường lối tư tưởng đó không đáp ứng đủ nguyện vọng chống

Pháp của sĩ dân Quảng Ngãi, không thỏa mãn được cái "sĩ khí" của tầng lớp nho sĩ ở đây, nên khi phong trào Đông du với tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu được phát động thì lập tức phong trào Duy tân ở Quảng Ngãi có những thay đổi căn bản. Hầu hết các phần tử theo xu hướng cải cách đều nghiễm nhiên biến thành người ủng hộ hoạt động tích cực cho đường lối bạo động và phong trào Đông du do Phan Bội Châu khởi xướng.

(Sĩ dân Quảng Nam với xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh - Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.140).

85. HUỲNH CÔNG BÁ

Bình tĩnh mà xét, chủ trương của Phan Châu Trinh không phải hoàn toàn ảo tưởng. Nó là một trong số những cách giải quyết trước thực trạng đất nước lúc bấy giờ. Nó cũng xuất phát trên những cơ sở thực tế nghiêm túc. Tác giả của nó là một con người có kiến văn rộng, học vấn cao, am hiểu tình hình thế giới, nắm vững thực tế đất nước, hiểu rõ thời thế an nguy, lợi hại đến từng hào từng ly. Hãy lấy một sự nhận định sau đây của Phan Châu Trinh để chứng minh. Ai cũng biết Phan Châu Trinh là người rất căm ghét chế độ quân chủ chuyên chế, có lúc đã từng "tuyên chiến" với "ngôi chí tôn" Bửu Đảo; lại hơn một lần phê phán việc Tự Đức khước từ chủ trương cải cách của Nguyễn Trường Tộ, nhưng cũng chính Phan Châu Trinh lại là người đưa ra nhận định: "Thực ra nước ta hồi bấy giờ (tức thời Tự Đức) học giới trụy lạc cực điểm, vua tôi trên dưới như người ngủ trăm năm, đến ngày nay mới có sách nước ngoài đem vào xem thấy rõ ràng như chỉ bàn tay. Thế mà những người thủ cựu ngoan cố còn chưa biết rõ. Giả như hồi Tự Đức có vua Minh Trị nước Nhật, vua Bỉ Đắc nước Nga sang ở nước mình cũng không làm gì được huống gì ông Tự Đức?" Có thể nói đây là một nhận định rất sâu sắc mà cho đến hiện nay vẫn còn nguyên giá trị. Một con người có tầm hiểu biết đến như thế, sắc sảo đến như thế,

những ý kiến họ phát biểu ra không thể không có cơ sở. Lịch sử cho thấy không thể có một cách duy nhất nào cả. Còn hiệu quả của cách giải quyết là điều rất khó nói trước. Nên xem nó là một con đường, một cách giải quyết. Cho dù nó ít được ủng hộ từ bốn phía trong một thời điểm nào đó, cũng không thể xem là ảo tưởng. Cũng đừng vì thấy nó trái với tập quán truyền thống mà đâm ra nghi ngại, phủ định, đem cái sách lược của nó nhận lầm với cái mục đích cuối cùng. Chủ trương "ỷ Pháp" chẳng qua là trong buổi đầu tạm thời phải tìm cái "thế" để làm "đất đứng", còn trong thâm tâm, Phan Châu Trinh luôn nói với Phan Bội Châu: "Công việc của chúng ta ngày nay là chỉ nên chú trọng về việc khai hóa cho đồng bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy, mới có hy vọng về sau được".

(Trở lại những suy nghĩ cứu nước của Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng - 1993 - Tr. 132-133).

86. NGUYỄN XUÂN HÒA

Lương Khải Siêu và Phan Châu Trinh là hai nhà tư tưởng, nhà yêu nước, nhà tuyên truyền kiệt xuất của tư tưởng duy tân cải cách. Sự gặp gỡ, sự tương đồng về tư tưởng của hai nhà văn là bắt nguồn từ thời đại, từ yêu cầu về cách mạng của hai nước có những nét giống nhau.

Lương Khải Siêu và Phan Châu Trinh cách chúng ta hơn 80 năm, nhưng tư tưởng duy tân, cải cách, đổi mới của hai ông để lại rất gần gũi với chúng ta và trở thành những di sản hữu ích đáng để cho chúng ta suy ngẫm và học tập.

(Những nét tương đồng tương cận giữa Lương Khải Siêu và Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng - 1993. Tr.184)

87. TRẦN ĐÌNH HƯỜNG

Lập trường cách mạng thấu suốt của Phan Châu Trinh là độc lập - dân chủ. Mục tiêu chiến lược ấy dù Cụ có nói ra bằng cách này hoặc cách khác do hoàn cảnh khắc nghiệt về chính trị xã hội đương thời buộc Cụ phải đánh tráo khái niệm..., song nó vẫn là sự phản ánh kết cấu mâu thuẫn xã hội Việt Nam thời đó: Một bên là nhân dân ta, một bên là các thế lực thống trị thuộc địa và phong kiến đang đè nặng lên đất nước và dân tộc, chừng nào mâu thuẫn ấy chưa giải quyết thì lập trường chiến đấu của Cụ không thể thay đổi. Lập trường kiên định và nội dung sâu sắc ấy là tấm gương mãi mãi "trần ai bất nhiễm", là ngọn đèn soi sáng lịch sử Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

(Phan Châu Trinh, lập trường và phương pháp cách mạng.
Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng - 1993 - Tr.76).

88. NGUYỄN KHẮC ĐẠM

Phan Châu Trinh là nhà yêu nước vĩ đại, lên án gay gắt vua quan phong kiến hủ bại nhà Nguyễn cùng những tội ác man rợ của thực dân Pháp, ông quyết liệt đòi chúng phải thay đổi chính sách cai trị và nâng cao trình độ về mọi mặt cho toàn dân Việt Nam để đi tới mục đích cuối cùng là giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Và để đạt tới mục đích đó, ông không chủ trương bạo động mà chỉ dùng những biện pháp đấu tranh hòa bình.

(Cần đánh giá thật đúng Phan Châu Trinh
và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng - 1993. Tr.72).

89. NGUYỄN VĂN HỒNG

Với trách nhiệm của người trí thức yêu nước muốn dẫn dắt dân tộc, cởi nhục cho dân tộc, ông không thể lao vào khi nhận thấy ngõ cụt, nhận thấy bế tắc của một con đường. Báo động cách mạng là phải có điều kiện. Phải chăng Phan Châu Trinh đã nhận thức rõ điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam lúc bấy giờ còn chưa đủ đảm bảo giành lại độc lập. Ông là nhà yêu nước biết tính tới mục đích. Ông không buông trôi theo quan niệm "Không thành công cũng thành nhân". Ông đâu có sợ lưu đày, tù tội. Chính bản thân ông cùng chiến hữu trong phong trào kháng thuế, phong trào duy tân văn hóa đã chịu đủ nỗi cực nhục, đày đọa thử thách, từ án tử hình lưu đày đập đá ở Côn Lôn đến khốn khó lưu vong ở Pháp...

Đúng là Phan Châu Trinh lúc bấy giờ chỉ muốn tìm một con đường ít phải trả giá máu. Ông thấy rõ cái giá biết chết mà cứ nhắm mắt lao vào làm liều là không nên. Ông muốn tránh cho dân lành vô tội cái chết mà ông tự xem mình là người cầm đuốc đi tiên phong phải nhận thức hết trách nhiệm. Hiểu như vậy theo chúng tôi có lẽ hợp lý hơn chăng.

Chúng ta vướng mắc ở gia tài truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, chúng ta e dè, thậm chí lúng túng khi đánh giá hệ luận "bất bạo động" của Phan Châu Trinh vì nó như một phân dòng, thậm chí như một "nghịch lưu". Chúng ta đã quên mất phần sắc sảo của hệ luận. Rõ ràng, đó là một hệ luận đúng như lịch sử phải đi phải đến. Con đường bạo động sẽ kết thúc thật bi thảm, đó là kết quả có tính quy luật phát triển của một phạm trù lịch sử. Nó nằm ngoài ý muốn chủ quan.

(Phan Châu Trinh chặng đường dân tộc thức tỉnh... và con đường không tưởng. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993 - Tr.45).

90. VŨ HUY PHÚC

... Theo nhận xét của cá nhân tôi thì ở cuộc Hội thảo khoa học này, dù có diễn biến thế nào đi nữa, thì chỉ làm tăng thêm và nhấn mạnh thêm một điểm chung bao trùm nhất là: *Sự xuất hiện và vai trò lịch sử của Cụ dường như một hiện tượng không thể thiếu được và rất cần thiết cho lịch sử chống đế quốc của dân tộc.* Nó như một mặt của một vấn đề, một phản đề cho một luận đề, một trang bên của một tờ giấy. Nói một cách khác, ví dụ trong toán học, nếu không có con *"số không"* thì tất cả các con số khác cũng trở thành vô nghĩa. Nó cũng là hệ quả của các con số khác. So sánh nhất định mang tính khập khiễng, nhưng ở đây, mục đích của người viết bài này chỉ là gắng làm rõ ý tưởng về sự xuất hiện có tính lịch sử thiết yếu của Phan Châu Trinh. Cho tới ngày nay ai cũng có thể soi chung tấm gương yêu nước muốn làm hết sức mình của Cụ để nhân dân đồng bào tiến lên một tầm hiện đại của thế giới một cách đỡ tổn thất nhất trong điều kiện của ách áp bức thực dân, nhằm tiến tới một xã hội dân chủ. Nếu đây là nhận xét cơ bản nhất và cũng chung nhất về Phan Tây Hồ, thì đó cũng là những điều học tập được từ thái độ nghiên cứu nghiêm chỉnh và có phương pháp khoa học của bao nhà nghiên cứu trước đây...

(Mấy nhận thức từ việc nghiên cứu sự nghiệp cụ Phan Châu Trinh, nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc. Tham luận Hội thảo khoa học về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Đà Nẵng 9-1992).

91. HOÀNG THANH ĐẠM (HOÀNG NHẬT TÂN)

Khẩu hiệu "Duy tân" của Phan Châu Trinh năm 1907-1908 tuy chỉ mới kêu gọi nhân dân cắt tóc ngắn, để răng trắng, mặc Âu phục, lập hội buôn v.v... nhưng nó lại có tác dụng ngòi nổ làm bùng lên một phong trào Duy tân rộng lớn, rồi phản ứng dây chuyền trong phong trào chống thuế quyết liệt, khiến thực dân Pháp và triều đình Huế khép cho ông cái án tử hình.

Nhờ có Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, chúng phải hạ mức án, đày ông ra Côn Đảo 3 năm, rồi để ông sang Paris sống từ 1911-1925.

Chính quyền thực dân Pháp trước sau không hề lợi dụng được chủ nghĩa cải lương của Phan Châu Trinh mà luôn luôn phải coi là một đối thủ; bởi những đề xướng cải lương của Phan Châu Trinh không hề mang tính thỏa hiệp mà mang tính tiến công, có ý nghĩa sâu sắc của một cuộc vận động cách mạng văn hóa thật sự.

(Phan Châu Trinh dưới ánh sáng phương pháp luận khoa học lịch sử. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.61).

92. NGUYỄN THỪA HỶ

Trên con đường đã chọn, suốt đời mình, Phan Châu Trinh tự nguyện chỉ dùng một thủ đoạn, một phương tiện duy nhất để theo đuổi mục đích lý tưởng được ấp ủ. Đó là chương trình cải cách 3 điểm: "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", là phương pháp bất bạo động, dựa vào Pháp cầu tiến bộ. Phan Châu Trinh cho rằng một người thực lòng yêu nước là phải "mặc cho người khác làm, mặc cho người khác nói, còn ai có thương gì, dậm dọa gì cũng cứ giữ khư khư một lòng mà thôi". Con người Phan Châu Trinh là như thế, một con người cương trực, bất khuất, kiên định đến mức có phần bảo thủ và cố chấp, hay như có lần Phan Châu Trinh tự diễu mình "một con người ngu khùng", Huỳnh Thúc Kháng thì nhận xét: "Tiên sinh trước sau còn một cái chủ nghĩa cùng thủ đoạn hành vi để cho đạt được cái mục đích đó".

(Từ một bức thông điệp. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.38-39).

93. PHẠM XANH

- Về sự giúp đỡ của Phan Châu Trinh đối với Nguyễn Ái Quốc trong đời sống lao động kiếm sống và mối quan hệ gắn bó giữa hai người trong thời gian đầu sống ở Pháp, ở đó Nguyễn Ái Quốc ít nhiều chịu ảnh hưởng những tư tưởng của Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường.

- Về sự rạn nứt trong mối quan hệ giữa Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc bắt đầu từ thời gian soạn thảo và công bố bản "Yêu sách của nhân dân Việt Nam". Đó là cái mốc Nguyễn Ái Quốc nhận ra tính không tưởng trong đường lối của các bậc đi trước.

Cùng với quá trình nhận thức, tiếp thu những tư tưởng cách mạng mới của Lênin, đến giữa 7-1921 thì mối quan hệ này đã đổ vỡ hoàn toàn. Từ những điểm bất đồng về quan điểm, Nguyễn Ái Quốc đã tách khỏi mối quan hệ gần gũi trong đời sống thường ngày giữa hai người. Đó là sự xung khắc ý thức hệ không thể điều hòa.

Nhưng sự ra đi của Nguyễn Ái Quốc không phải là sự đoạn tuyệt với Phan Châu Trinh. Quan hệ đó vẫn được tiếp nối nhưng tất nhiên không được mật thiết như trước nữa.

(Ghi chú về quan hệ giữa Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc - Tóm tắt Báo cáo Tham luận Hội thảo... Đà Nẵng 9-1992. Tr.48).

94. NGUYỄN VĂN TẬN

Theo cách nhìn nhận của các nhà nghiên cứu lịch sử thì Phan Châu Trinh là người đại diện cho xu hướng cải lương - yêu nước trong những năm đầu thế kỷ XX. Với cách nhìn nhận đó đã làm hạn chế trong thời gian khá dài việc nghiên cứu và đánh giá các hoạt động cũng như những chuyển biến tư tưởng của ông một cách khách quan và thấu đáo...

Ông là người thủy chung sắt son với học thuyết dân chủ của mình và đã đấu tranh không mệt mỏi cho việc thực hiện chủ thuyết đó trên cơ sở các trào lưu tư tưởng tiến bộ của các nhà tư tưởng Voltaine, Montesquiu, Rousseau, nhưng không phải vì thế mà lại xa rời nguyên tắc thực tiễn và thiếu sự hòa hợp với tinh thần Nho giáo Á đông.

(Thử góp phần làm sáng tỏ quan điểm Dân chủ và sự chuyển biến tư tưởng của nhà yêu nước cách mạng Phan Châu Trinh. Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. (Tóm tắt tham luận).
Đà Nẵng 8-9/9/1992. Tr.12).

95. MA CẨM LONG HÀ

Phải chăng "Phan Châu Trinh không biết đâu là kẻ thù chính, mơ hồ về bản chất thực dân đế quốc?" Ngoại trừ những kẻ cam tâm làm tay sai theo chân Pháp, thì người dân Việt Nam nào lúc bấy giờ lại không ý thức được thân phận nô lệ mất nước? Dù cho thực dân Pháp có dùng nhãn hiệu khai hóa cũng không che giấu được dã tâm xâm lược, huống chi với một sĩ phu nhiệt thành yêu nước như Phan Châu Trinh, đã từng theo cha tham gia Cần Vương kháng Pháp từ khi còn là một cậu bé thiếu niên, có lẽ nào không biết kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp? Không biết nhân dân đều thù oán Pháp? Cũng nên biết rằng, chính Phan Châu Trinh đã cung cấp tài liệu để Nguyễn ái Quốc viết nên *Bản án chế độ thực dân Pháp* nổi tiếng.

(Đôi điều suy nghĩ về Phan Châu Trinh - nhà cải lương. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng.
Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.147).

96. ĐỖ BANG

So với các tác phẩm Phan Châu Trinh để lại, thì *Thư thất điều* là bản cáo trạng đanh thép nhất của Phan Châu Trinh chống

chế độ quân chủ chuyên chế. *Thư thất điều* và một số văn thơ khác của Phan Châu Trinh đã thể hiện tinh thần đấu tranh mạnh mẽ và có sức thuyết phục lớn đối với xã hội đương thời đã lôi cuốn được tầng lớp trí thức, quan lại và nhân dân đầu thế kỷ XX, ngày càng ly tâm chế độ quân quyền và chuyển hướng theo dân quyền chủ nghĩa.

So với Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi (Trung Quốc) về phương diện đả kích chế độ phong kiến qua một số thư đã gửi cho vua Quang Tự, thì *Thư thất điều* là một sự tuyên chiến với quân quyền gay gắt hơn và cuộc đấu tranh cho dân quyền quyết liệt hơn chứ không chỉ là một trào lưu yêu nước mang tính điều trần để canh tân xã hội.

(Qua "Thư thất điều" nghĩ về sự nghiệp văn hóa và lòng yêu nước của Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.170).

97. THÁI NHÂN HÒA

Thừa kế và tiếp thu tinh hoa của dân tộc, nối gót của bậc tiền nhân, cụ Phan Châu Trinh đã nêu cao tấm gương về nước, thương dân rất mực trong sáng. Tuy công chưa thành, chí vẫn chưa thỏa và có những mặt hạn chế nhất định, nhưng phong trào duy tân của nhà yêu nước Phan Châu Trinh với chủ trương "Dân khí, dân trí, dân sinh" đã đi vào lòng dân, đi vào cuộc sống của xã hội đương thời. Tôi liên tưởng với những cụm danh ngôn quen thuộc trong cuộc sống mới hiện nay: "Của dân, do dân, vì dân" hoặc "Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra" và "Lấy dân làm gốc" sao mà gần gũi lạ! Gần gũi với cuộc sống bao nhiêu, ý nghĩa thực tiễn của nó càng sâu sắc bấy nhiêu.

(Tấm lòng vì nước thương dân của nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.189).

98. NGUYỄN HỮU TRÍ

Những năm 1920, 1921 Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc giao thiệp với nhau khá thân mật. Họ đã từng trao đổi với nhau về những vấn đề chính trị liên quan đến vận mệnh các dân tộc thuộc địa. Thế nhưng sự ảnh hưởng và chuyển biến về đường lối cách mạng của Phan Châu Trinh khi được tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc không rõ rệt.

Năm 1922, Phan đã gửi cho Nguyễn Ái Quốc một bức thư vừa tỏ ra tin tưởng phục tài trí và khả năng của Nguyễn Ái Quốc, vừa khuyên bảo Nguyễn với cương vị một bậc tiền bối lão thành. Nhưng mặt khác, Phan cũng bộc lộ tư tưởng không tán thành đường lối cách mạng của Nguyễn. Đây là một chứng từ trung thực để xét tư tưởng Phan Châu Trinh. Một mặt nói lên tinh thần kiên trì, đường lối cách mạng, mặt khác cũng nói lên tính chất bảo thủ của nhà cách mạng Phan Châu Trinh. Ông không thấy được rằng một vận hội mới đã mở ra trước mắt ông khi được tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc. "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (Hồ Chí Minh: *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin).*

Phan Châu Trinh cũng đã từng nhận được thư của Uylixơ Lơriso, ủy viên trung ương Đảng cộng sản Pháp, phụ trách tờ báo *Nhân Đạo* năm 1922. Uylixơ sẵn sàng chấp nhận Phan Châu Trinh vào Đảng, nhưng đối với Phan (theo lời Uylixơ) một mặt Phan đánh giá cao lý tưởng của Đảng, mặt khác ông lại không dứt khoát về tư tưởng chính trị của mình và cũng không hăng hái gia nhập Đảng cộng sản. Giọng thư của Uylixơ gửi cho Phan tỏ ra bực bội có ý phê phán Phan: "Ông cứ nhốt mình trong cái tháp ngà như thế là sai lầm, vì đơn thương độc mã thì chẳng làm nên trò trống gì". Điều này lại càng khẳng định chính kiến của Phan Châu Trinh và chủ trương duy trì đường lối đến chỗ cực đoan của nhà chí sĩ.

(Về mối quan hệ giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng. 1993. Tr.231).

99. NGÔ VĂN MINH

Làng Phú Lâm dưới sự tổ chức của Lý trưởng Lê Cơ là một biểu hiện cụ thể sinh động con đường cứu nước của Phan Châu Trinh. Từ đó cho thấy một đường lối, một chủ trương sẽ trở thành hiện thực và chứng minh tính đúng đắn khi được tổ chức thực hiện một cách sinh động, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể luôn biến động và phát triển. Đồng thời cũng qua việc tổ chức thực hiện người ta sẽ có được những kinh nghiệm thực tiễn phong phú để có thể bổ sung, hoàn chỉnh cho đường lối, chủ trương đã đề ra.

Việc thực hiện công cuộc cải cách của Lê Cơ tại Phú Lâm góp phần cho phép chúng ta hiểu đầy đủ hơn về tiến trình tư tưởng của Phan Châu Trinh, đồng thời cho phép chúng ta đánh giá con đường cứu nước của Phan Châu Trinh một cách khách quan, khoa học hơn. Đó không phải là một thứ "ảo tưởng" chung chung như trước nay nhiều người từng nhận định.

(Lê Cơ - một nhà thực nghiệm chủ thuyết của Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Nxb Đà Nẵng - 1993. Tr.207).

100. HỒ SĨ VỊNH

"... Phan Châu Trinh chưa hoàn toàn hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc Pháp, chủ trương "ỷ Pháp cầu tiến bộ", thì chuyện bế tắc trong đường lối chính trị là điều không khó hiểu. Mâu thuẫn trong thế giới quan của chí sĩ họ Phan đẻ ra chủ trương sai, phương pháp cách mạng không phù hợp, sách lược thiếu thay đổi nhạy bén đã làm hạn chế sự nghiệp cứu nước của ông. Dẫu vậy, trước sau Phan Châu Trinh là nhà chí sĩ yêu nước lớn, danh nhân văn hóa lớn được lịch sử cách mạng Việt Nam

thế kỷ XX tôn vinh như một đài kỷ niệm lẫm liệt trường tồn với "trời Nam biển Quế".

(Bài *Phan Châu Trinh (1972-1926) - Nhà chí sĩ yêu nước lớn, nhà văn hóa lớn.* Đăng trong Tạp chí *Nhà Văn* số 9-2002. Tr.89).

101. BÙI QUỐC ĐINH

Quê hương Quảng Nam cũng như dân tộc Việt Nam có quyền tự hào về Phan Châu Trinh. Ông là ngôi sao rực sáng nhất trên nền tư tưởng dân chủ tiến bộ vì nước vì dân của sĩ phu Việt Nam yêu nước đầu thế kỷ XX. Tự hào ôn lại thân thế, sự nghiệp của Phan Châu Trinh, thế hệ chúng ta, đặc biệt là con cháu hôm nay nguyện ra sức phấn đấu, rèn luyện học tập, trau dồi kiến thức, đạo đức chung sức xây dựng quê hương đất nước để khỏi phụ lòng mong mỏi của Phan Châu Trinh.

(Phan Châu Trinh, người con kiệt xuất của đất Quảng. In trong *Kỷ yếu Tọa đàm khoa học kỷ niệm 130 năm sinh Phan Châu Trinh.* UBND Tam Kỳ - 2002. Tr.20).

102. NGUYỄN ĐỨC TUẤN

Cuộc đời và sự nghiệp của chí sĩ Phan Châu Trinh, nhà cách mạng kiên trung, trọn đời vì dân, vì nước, mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Quảng Nam và nhân dân cả nước. Cuộc đời phong phú, sự nghiệp lớn lao, tâm hồn, nhân cách và đạo đức cao đẹp của Phan Châu Trinh là tấm gương ngời sáng, là bài học đầy sức sống để thế hệ hôm nay học hỏi, tiếp tục gìn giữ và phát huy những giá trị cao đẹp ấy như cách đây 76 năm, nhân dân Tam Kỳ đã viết lời điếu nhà chí sĩ:

"Chuông rung, mõ gõ, hò hét lối văn minh, mười mấy năm

sắt đá như in, chín suối chửa tan hồn cố quận;

Đất lật trời nghiêng, rủi may đường vận mệnh, trong ba cõi nước non còn đó, ngàn thu tạc dấu anh hùng".

(Diễn văn khai mạc Tọa đàm kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Tọa đàm khoa học kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh. UBND Thị xã Tam Kỳ - 2002. Tr. 14-15).

103. NGUYỄN VĂN NHẬT

Mặc dù tư tưởng yêu nước của Phan Châu Trinh có những khác biệt so với các tư tưởng khác, song chúng ta đồng ý với nhận định của một số nhà khoa học rằng trong tư tưởng, đường lối và hành động của Phan Châu Trinh không có sự đối lập với các khuynh hướng tư tưởng và đường lối yêu nước khác, kể cả với dòng cách mạng chủ lực do những người cộng sản lãnh đạo sau này. Sự hạn chế của Phan Châu Trinh phải chăng là ở khả năng hòa nhập đối với dòng chủ lưu đó.

(Một vài suy nghĩ về mục tiêu và phương pháp đấu tranh của nhà yêu nước Phan Châu Trinh. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm... Tam Kỳ - 2002. Tr.145).

104. VÕ XUÂN ĐÀN

Phan Châu Trinh với tư tưởng dân chủ là minh chứng và bài học cho cách mạng Việt Nam hiện tại. Dân chủ trong tư tưởng Phan Châu Trinh không chỉ là đánh đổ áp bức cường quyền, mà cốt lõi của nó là *quyền lợi của người dân, là dân quyền, dân sinh mà đỉnh cao của nó là dân chủ.* Đóng góp to lớn của Phan Châu Trinh cho lịch sử và cho hiện tại là ở đó. Phan Châu Trinh không chỉ là yêu nước chân chính, *mà còn là nhà tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ đầu tiên của Việt Nam.* Nhưng nội dung tư tưởng dân chủ

tiến bộ của ông đã góp phần to lớn trong sự nghiệp đổi mới đang từng bước mang lại những thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam trong 15 năm qua và trong thế kỷ XXI.

(Tư tưởng Dân chủ của Phan Châu Trinh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm... UBND Tam Kỳ - 2002. Tr.199).

105. PHẠM THỊ MINH CHIẾN

Có thể nói suốt cuộc đời dù tương đối ngắn ngủi, Phan Châu Trinh - một chí sĩ yêu nước, một người đã khởi xướng phong trào Duy tân, mà tư tưởng cốt lõi là dân chủ, dân quyền, dân sinh đã đấu tranh không mệt mỏi cho tư tưởng này. Ông cũng đã nhìn thấy sự liên hệ máu thịt giữa dân sinh, dân chủ, dân quyền với dân trí, dân khí, điều mà trong tư tưởng của các nhà cách mạng đương thời ít người nhận ra một cách thấu đáo.

Hàng triệu người đã truy điệu, để tang khi Phan Châu Trinh mất đã nói lên sự ngưỡng mộ của cả dân tộc đối với một chí sĩ yêu nước muốn giải phóng đất nước theo con đường dân chủ gắn chặt với dân sinh, dân quyền và dân tộc.

(Phan Châu Trinh - Nhà yêu nước, nhà tư tưởng lớn đầu thế kỷ XX. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm...
UBND Tam Kỳ - 2002. Tr.103).

106. DƯƠNG TRUNG QUỐC

Nếu chúng ta coi dân chủ là một nguồn lực, một đặc trưng mà ngay ngày hôm nay trong công cuộc đổi mới của đất nước, hạt nhân của nó là xác lập một nền dân chủ phù hợp với con đường phát triển chung của cả nhân loại, thì chúng ta thấy giá trị biết bao vai trò của Phan Châu Trinh như là một trong những người

khai lập cho tư tưởng dân chủ vào đất nước Việt Nam. Phan Châu Trinh cũng là một thành tựu của quá trình vận động tư tưởng Việt Nam mà chúng ta ghi nhận phong trào Duy tân Việt Nam đầu thế kỷ XX nó như sự khởi động cho bước phát triển của dân tộc trên con đường giữ nước và dựng nước.

(Bài Tổng kết Tọa đàm nhân kỷ niệm 130 năm ngày sinh nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh tại
Thị xã Tam Kỳ - 2002. Kỷ yếu Tọa đàm... tr. 221).

107. NGUYỄN ĐÌNH THẢNG

Cụ cho rằng, cụ Phan Bội Châu đang lánh ở ngoài, không sát với thời cuộc trong nước lúc bấy giờ, lại khuyên đồng bào dấn thân vào cõi chết bằng con đường bạo động, trong khi ta không có thực lực là một điều sai lầm lớn. Theo Cụ, đã gọi là chí sĩ thì không hề nghĩ đến sự chết sống, tất nhiên là phải cẩn mật, dù cho cái chết đối với họ như trở bàn tay. Nhưng nếu ta có đường lối đúng hợp với lòng dân thì hãy bám vào dân mà hoạt động. Người chí sĩ phải có trách nhiệm trước dân, có nhiệm vụ nâng cao dân trí bằng con đường học vấn để giác ngộ cách mạng cho họ. Ngoài nhiệm vụ "khai dân trí" người chí sĩ còn phải có nhiệm vụ "hậu dân sinh", nghĩa là lo cải thiện đời sống cho đồng bào bằng con đường thực nghiệp.

(Đường lối "Khai trí trị sinh" của cụ Phan Châu Trinh.
Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ....
Tam Kỳ - 2002. Tr.160-161).

108. NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG

Nhà cách mạng Phan Châu Trinh, một trí thức có một tầm nhìn sâu rộng, một tư duy thực tiễn, đã đề ra chủ thuyết *"Khai*

dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" vào đầu thế kỷ XX, thực chất là một chiến lược về con người trong đường lối đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc.

Ngày nay dưới cách nhìn đổi mới, bức thông điệp đa nghĩa mà ông để lại được nêu ở trên, chúng ta có thể dễ dàng nhận thức được rằng ông thẳng thắn bãi bỏ chế độ quân chủ, xây dựng một nền dân chủ đảm bảo dân quyền, với sự nâng cao dân trí trên cơ sở tiến hành một cuộc cải cách thực sự về giáo dục, xóa bỏ lối học cổ hủ, giáo điều, truyền bá tư tưởng tân tiến đi đôi với những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật phương Tây, kết hợp với phát triển kinh tế nước nhà, mở mang công thương nghiệp và nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, làm cơ sở vững chắc cho việc giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân.

(Chiến lược con người của Phan Châu Trinh trong đường lối đấu tranh cách mạng. Kỷ yếu Tọa đàm..... Tam Kỳ. 2002. Tr.156).

109. NGUYỄN ĐÌNH AN

Rõ ràng cách đây 100 năm, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn "đêm tối thật là đêm tối, không một tờ báo nào, không ai hiểu bây giờ trên thế giới đương diễn ra những gì?" *(Hồ Chí Minh - Toàn tập.* T1. Tr.476). Phan Châu Trinh, các nhà Duy tân và nhân dân Quảng Nam đã tạo được một bước ngoặt, đã đạt được những thành tựu tuyệt vời; đã đặt ra và giải quyết nhiều vấn đề về sự nghiệp giáo dục, mà chính trong lĩnh vực ấy ngày nay chúng ta đang còn nhiều lúng túng, hạn chế, nếu không nói là rất yếu kém.

Bài học chính phải chăng là giáo dục phải thực sự gắn với số phận, với sự nghiệp của dân tộc, từ những đòi hỏi sống còn của dân tộc mà chuẩn bị nguồn nhân lực phải làm cho mọi thanh niên, mọi người đến trường đều là những người *thực học* để từ đó có *thực tài* và giúp ích *thực sự* cho đất nước.

(Bài Phong trào Duy tân với vấn đề thực học. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh. Đà Nẵng 9-2002. Tr.27).

110. VŨ QUANG THÀNH

1. Phan Châu Trinh không chỉ là nhà yêu nước lớn, nhà cách mạng nổi tiếng (trước kia, người ta đánh giá ông là nhà cải lương), mà còn là nhà tư tưởng lớn của dân tộc đầu thế kỷ XX. Không những thế, Phan Châu Trinh còn là người đầu tiên truyền bá tư tưởng dân chủ và dân quyền ở Việt Nam, trước khi chủ nghĩa Mác - Lênin du nhập vào nước ta và Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

2. Là nhà tư tưởng, Phan Châu Trinh chủ xướng luận thuyết Tam dân: *Khai dân trí, chấn dân sinh, hậu dân sinh* nhằm mục đích tạo nội lực quốc dân, vun đắp sức mạnh tinh thần và vật chất để lật đổ chế độ thực dân, giải phóng đất nước.

3. Tuy không thực thụ hành nghề nhà giáo, song qua hoạt động thực tiễn, qua luận thuyết về Tam dân, về thực học, về canh tân giáo dục, v.v... Phan Châu Trinh xứng đáng được tôn vinh là nhà giáo dục, là người khai mở cho dòng giáo dục yêu nước qua hệ thống các trường Nghĩa thục được tổ chức nhiều nơi trên cả nước. Ông kêu gọi vứt bỏ lối học hủ nho, phê phán kịch liệt đường lối khoa cử, chuộng hư danh; đồng thời lại rất nhiệt tình cổ vũ cho lối học thực nghiệm, khuyến khích các môn học mới, nhằm đào tạo một lớp người hữu dụng, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và chấn hưng đất nước.

4. Trong chủ thuyết Tam dân, thì *khai dân trí* được Phan Châu Trinh đặt lên hàng đầu rồi mới đến *chấn dân khí,* sau cùng là *hậu dân sinh.* Đặt dân trí ở vị trí cao, cổ vũ học chữ Quốc ngữ, học Pháp ngữ để mở ra thế giới văn minh, hô hào mở mang các trường tân học và đề xuất quan điểm xã hội hóa học tập, quan tâm đến đào tạo tinh hoa, đồng thời nhấn mạnh đến giáo dục đại chúng.

5. Tìm hiểu những tư tưởng quan điểm về cách tân nền giáo dục, về vị trí nâng cao dân trí của Phan Châu Trinh 100 năm trước và nhìn lại thực trạng của nền giáo dục của ta hiện nay, phải thẳng thắn thừa nhận rằng, còn quá nhiều vấn đề mà cả xã hội đang lo lắng, quan tâm. Kế thừa di sản lịch sử của Phan Châu Trinh thôi thúc chúng ta phải nỗ lực hơn nữa nhằm vận dụng

sáng tạo hiệu quả các bài học ấy vào việc đổi mới và chấn hưng nền giáo dục nước nhà.

(Phan Châu Trinh với giáo dục dân trí. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh.
Tháng 9-2002. Đà Nẵng. Tr.20-22).

111. NGUYỄN PHÚC

Khác với phong trào Đông du, tuy cùng đứng trên lập trường dân tộc mà chủ trương duy tân, cứu nước, nhưng chưa quay lưng với chế độ quân chủ, nhà lãnh đạo Phan Châu Trinh cũng như các cụ trong Đông Kinh nghĩa thục không hề nghĩ đến việc cầu viện. Họ thấy nguyên nhân sâu xa của sự hèn kém ở nhân dân ta là chế độ quân chủ, hệ tư tưởng phong kiến là nền tảng của chế độ đó, cho nên việc đầu tiên phải làm là đả kích hệ tư tưởng phong kiến, thực hiện một cuộc cách mạng văn hóa - xã hội, đánh đổ những niềm tin lỗi thời và những tập quán phong tục cổ hủ. Phong trào Đông Kinh nghĩa thục ngay từ đầu đã có sự đóng góp của Phan Châu Trinh rất lớn, mang tính cách bài phong rõ rệt, trong lúc các thế lực thống trị thuộc địa câu kết với bọn vua quan phong kiến kiềm chế và đàn áp mọi phong trào yêu nước, cho nên ở đó chính là con đường tất yếu đưa tới các cao trào chống thực dân giành lại độc lập.

(Phan Châu Trinh và thực dân Pháp đối mặt trước "thế cờ" khai dân trí. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh.
Đà Nẵng 9-2002. Tr.129).

112. LƯU ANH RÔ

Phan Châu Trinh thất bại là điều không tránh khỏi, nhưng cần lưu ý rằng: Để có được một cuộc cách mạng Anh, cuộc cách mạng

Pháp, cách mạng Tân Hợi hay cách mạng Minh Trị ở Nhật Bản (mà đương thời hai cụ Phan rất tâm đắc), thì các tầng lớp quý tộc mới, các Samurai hay những nhà cách mạng như Kháng Hữu Vi, Lương Khải Siêu đã vận động không mệt mỏi, đặt nền móng thiết thực các cuộc cách mạng đó bằng chủ trương *"Khai dân trí"*. Để có một nước Pháp như sau này, người ta đã bắt đầu từ nền móng giáo dục của thời Công xã Paris, để có một nước Nhật Bản ngày nay, người ta buộc phải nhờ đến tư tưởng học hỏi các nền giáo dục phương Tây (đặc biệt là Anh và Pháp) của cuộc cách mạng Minh Trị duy tân... và cuối cùng, để có được một nền giáo dục toàn diện *"chính giáo"* ngày nay tại Việt Nam, người ta buộc lòng phải nhớ đến Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu và những người đồng chí của Cụ. Bởi lẽ cho đến nay, chúng ta vẫn cần và rất cần *"chi bằng học"*, vì phải có một nền giáo dục toàn dân, phải học chữ quốc ngữ, học ngoại ngữ, hướng ra bên ngoài, học là vì dân, học cho dân thịnh quốc cường... như khát vọng cháy lòng của các cụ Phan thuở nào.

("Chi bằng học" - Tư tưởng vượt thời đại của Phan Châu Trinh. Kỷ yếu kỷ niệm...
Đà Nẵng 9 - 2002. Tr.143-144).

113. NGUYỄN KHẮC THUẦN

Phan Châu Trinh là Phan Châu Trinh. Ông chỉ có thể làm được những gì mà ông và thời đại của ông có thể làm mà thôi. Giáo sư Trần Văn Giàu cho rằng: *Chủ nghĩa yêu nước là dòng chủ lưu của lịch sử tư tưởng Việt Nam.* Theo tôi, trong dòng chủ lưu đó, Phan Châu Trinh có một vị trí rất đặc biệt. Ông là cái gạch nối kỳ diệu của quá trình chuyển hóa từ chủ nghĩa yêu nước thuộc phạm trù trung đại sang chủ nghĩa yêu nước thuộc phạm trù cận đại. Nếu quả có một cánh cửa cho cả dân tộc này bước vào thế kỷ XX với một khí thế mới mẻ hơn, thì Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là hai bản lề của cánh cửa ấy. Ngàn năm còn mãi tên ông.

(Phan Châu Trinh trong tiến trình phát triển của lịch sử tư tưởng Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 130 ngày sinh Phan Châu Trinh.
Đà Nẵng 9-2002. Tr.176).

114. BÙI VĂN TIẾNG

Trên đất Quảng ngày nay cũng như ở nhiều nơi trong cả nước, danh xưng *Phan Châu Trinh* (và một số danh xưng khác gắn bó với ông như *Tây Hồ, Duy tân)* được dùng để đặt tên cho các trường học. Có điều chúng ta chỉ mới hình dung ra ông là một *nhà yêu nước* hơn là một *nhà cải cách giáo dục* - cố nhiên ở đây hoàn toàn không có sự chia tách rạch ròi giữa hai con người này.

Chúng ta dễ nhận thấy ý nghĩa quyết định của chủ trương *Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh* đối với đời sống chính trị ở nước ta đầu thế kỷ XX nhưng có thể chưa cảm nhận đầy đủ những đóng góp - cũng là những di sản tinh thần - của Phan Châu Trinh trên lĩnh vực giáo dục; có thể chưa thấy tư duy giáo dục mang tính tiên giác của ông không chỉ vượt trước người cùng thời mà còn không hề tỏ ra lạc hậu so với thời đại chúng ta, sau ông chừng một trăm năm.

Một trăm năm rồi mà những ý tưởng như *học là để được biết mình có những quyền gì và cũng là để được biết mình chưa hề được hưởng những quyền ấy,* hay *không coi nhẹ giáo dục tinh hoa nhưng hết sức đề cao giáo dục đại chúng...* vẫn như vừa rất quen vừa rất lạ đối với chúng ta.

(Phan Châu Trinh - nhà cải cách giáo dục của Quảng Nam và Việt Nam đầu thế kỷ XX. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm .....
Đà Nẵng 9-2002. Tr.183).

115. THẠCH PHƯƠNG

Sự hấp dẫn của văn chính luận của Phan Châu Trinh không chỉ ở nội dung phong phú, sâu sắc, mà còn ở bút pháp độc đáo, lập luận khúc chiết, biện thuyết có tính lôgích chặt chẽ. Ông có tài quan sát và trí nhớ tuyệt vời, lại biết sử dụng hình tượng sống động những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp cụ thể, nên dễ làm cho người đọc say mê.

Cụ Hoàng Xuân Hãn nhận xét: "Phan Châu Trinh đã có công mở đường, nói lên tiếng nói đầu tiên tố cáo chính sách thuộc địa vô nhân đạo ở Đông Dương ngay trên đất Pháp. Tại Pháp, ông đã tập hợp được một số người Việt Nam yêu nước, nhen nhóm được một phong trào yêu nước, thực hiện sự có mặt đầu tiên của người Việt Nam yêu nước tại Pháp, tác động về nước qua một số báo chí tiến bộ. Sau này Nguyễn Ái Quốc sẽ tiếp tục mạnh hơn (...) Ông nêu vấn đề chống triều đình Huế lên hàng đầu, vì nó là tay sai đắc lực và là chỗ dựa cho thực dân. Mặc dầu biết rõ là phải lật đổ Pháp mới khôi phục được độc lập, nhưng động trực tiếp đến Pháp thì không còn giữ được thế đấu tranh hợp pháp... chứ đâu phải ông mơ hồ như một số học giả lầm tưởng."

(Phan Châu Trinh, một cây bút chính luận tiền phong của những thập niên đầu thế kỷ XX. Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 100 năm phong trào Duy tân. Đà Nẵng tháng 8-2003).

116. TRẦN VIẾT NGẠC

Phan Châu Trinh chủ trương độc lập phải gắn liền với dân chủ, dân quyền, độc lập mà không có dân chủ thì chưa hẳn là hạnh phúc cho nhân dân. Hơn thế, trở ngại trong công việc giành độc lập không chỉ là thực dân mà còn là tư tưởng quân chủ phong kiến đã ảnh hưởng đến tầng lớp trí thức, quan lại và quần chúng nhân dân. Chính đó là điểm tựa mà thực dân đã triệt để lợi dụng lên guồng máy quan lại bản xứ tay sai, triều đình bù nhìn và tiếp tục dùng hệ thống pháp luật phong kiến thống trị. Đó chính là lý do Phan Châu Trinh và các đồng chí của mình đã lớn tiếng tuyên truyền cho dân quyền, dân chủ và đả kích chế độ phong kiến đập những cú nên thân lên đầu bọn quan lại tay sai, tên vua bù nhìn Khải Định... và thực tế lịch sử, qua phong trào chống thuế năm 1908, hiệu quả của *Thư gửi Toàn quyền Beau*, những hoạt động của Phan Châu Trinh, tất nhiên không tách rời ảnh hưởng của

Duy Tân Hội, đối với việc vô hiệu hóa guồng máy tay sai của thực dân như thế nào đã được lịch sử xác chứng.

(Cuộc Đổi mới (Duy Tân) của phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học nhân kỷ niệm 100 năm phong trào Duy tân - Đà Nẵng tháng 8-2003).

117. ĐÀO HÙNG

Giai nhân kỳ ngộ không chỉ là một câu chuyện Nhật Bản, mà đã trở thành một câu chuyện Việt Nam, với những địa danh và nhân vật có tên thật ngoài đời mà Phan Châu Trinh đã từng tiếp xúc. Điều đáng nói ở đây là tác giả đã biết dừng lại khi thấy cuốn tiểu thuyết không còn hấp dẫn ở những chương cuối khi đề cập đến chủ nghĩa bành trướng. Nếu như Lương Khải Siêu còn dụng công thay đổi một đôi chỗ khi dịch các chương cuối, thì Phan Châu Trinh đã dứt khoát ngừng hẳn khi cuốn truyện không còn xứng đáng để dịch, và do đó khiến cho cảm tình của người đọc đối với tác giả Sanshi không hề bị giảm sút.

Nói tóm lại, qua tác phẩm *Giai nhân Kỳ ngộ diễn ca* ta có thể thấy tư tưởng của Phan Châu Trinh rất nhất quán, không những trong sách lược chính trị, mà cả trong đường lối vận động giáo dục quần chúng, lấy việc *nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí* làm đầu, để đưa quần chúng lên con đường đấu tranh.

(Ý tưởng giáo dục của Phan Châu Trinh trong Giai nhân kỳ ngộ diễn ca. Kỷ yếu Hội thảo khoa học... Đà Nẵng 9-2004. Tr.67).

III.

1. LƯƠNG CHÍ MINH (TRUNG QUỐC)

Phan Châu Trinh chủ trương cải cách tiệm tiến, phản đối cuộc cách mạng bạo lực kiểu cấp tiến. Điều này một mặt đã phản ánh việc mất lòng tin của Phan Châu Trinh vào công cuộc chống Pháp bằng bạo lực kể từ sau khi phong trào Cần vương bị thất bại; mặt khác nó cũng nói lên cái ảo tưởng không thực tế của Phan Châu Trinh đối với thực dân Pháp. Cụ chỉ nhìn thấy sự thối nát, tàn lụi của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, mà không nhận thức rõ bản chất tư bản của nước Pháp. Theo cách nhìn của Cụ thì "nước Pháp là dẫn đầu về văn minh toàn thế giới". Vì vậy Cụ đưa ra chủ trương "Dựa vào Pháp để mong được tiến bộ".

(Bài *Nghiên cứu so sánh Phan Bội Châu với Phan Châu Trinh.* Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 1 (272) tháng I và II-1994. Tr.84)

2. JULES ROUX (PHÁP)

- "... Phan Châu Trinh được xác nhận là tốt, thì nước Pháp sẽ có lợi rất lớn khi dùng nhà yêu nước lớn mà tôi thấy ở người tù nhân đã qua tù đày ở Côn Đảo này làm một kẻ tích cực hoạt động cho ảnh hưởng Pháp ở Đông Dương...".

(Các văn bản của Jules Roux giới thiệu Phan Châu Trinh với Guesde, 20-3-1911. Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh): *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới.* Tập I - Nxb Đà Nẵng - 2001. Tr.19).

- "... Tôi không hề chối cãi là tình bạn và lòng quý mến của tôi đối với người An Nam này đã làm tôi nghĩ ngay đến khả năng đem tất cả tình cảm của tôi đối với ông ta ra bảo vệ ông ta, ngay sau hôm về Paris, khi tôi đã hết sức ngạc nhiên biết ông ta đã bị bắt giam ở nhà lao La Santé...".

(Thư Quan tư Jules Roux gửi Quan ba Carow.
Sđd - Tập I, tr.149).

- Chí sĩ Phan Châu Trinh là một nhà ái quốc nồng nhiệt và một nhà dân chủ cuồng nhiệt, một con người có con tim và tình cảm vĩ đại sẽ gột rửa được những nghi kỵ ghê gớm có thể làm ô nhục ông.

(Nguyễn Q.Thắng: Phan Châu Trinh - Cuộc đời và Tác phẩm.
Nxb Văn hóa - Hà Nội - 1992. Tr.1974).

3. P. MONET (PHÁP)

"Cách đây 17 năm, Phan Châu Trinh, một nhà nho tốt nhất trong các quan lại Trung Kỳ đã nêu lên với nước Pháp các lạm dụng của quan lại và kêu gọi sự bảo vệ của nước Pháp trong một văn kiện đặc biệt nghiêm túc. Và người ta biết ông đã được gì: ông bị bắt, bị giao cho quan chức An Nam, người ta lập tức kết án ông tử hình. Nhờ sáng kiến của một người Pháp quảng đại (người Pháp này sẽ phải trả giá đắt cho cử chỉ nhân đạo của mình), Liên minh Nhân quyền đã can thiệp và ông đã được cải án đưa đi đày. Người ta đã đưa ông ra khỏi nơi lưu đày, đưa sang Pháp, án của ông được xét lại và ông ta được trắng án... Nhưng sự ngoan cố trắng trợn của người thuộc địa đã cố gán cho con người công minh chính trực và ôn hòa này cái tội mưu loạn nguy hiểm và cố giữ ông ta vô thời hạn ở Pháp, nơi ông ta sống nghèo khổ bằng một nghề thủ công.

Yêu mến sâu sắc nước Pháp, khâm phục các thể chế của đất

nước này, ông bị vu khống, bị giày vò với một sự ngoan cố hiếm thấy bởi những người Pháp ở Đông Dương, ngày hôm nay còn thông qua báo *Avenir du ToKin* (Tương lai của Bắc Kỳ), để tiến công một cách liên tục vị lão thành này.

Chỉ có nhờ những tấm lòng quảng đại như ông Marius Moutet, được Bộ trưởng Daladier dũng cảm hỗ trợ trong một ý định kiên quyết mới đạt được việc cho con người khốn khổ này trở về nước, bất chấp bọn Outrey và phe lũ. Cuối cùng, ông đã lên tàu về Tổ quốc sau 17 năm vắng mặt để chỉ tìm thấy những nấm mồ và một đám đổ nát của tổ ấm ngày xưa.

Ta sẽ không lấy làm lạ là sau những tấm gương như thế, dân An Nam sẽ lặng im như... nấm mồ và những kẻ "bảo hộ" có thể chúc mừng lẫn nhau trong cảnh lặng yên đó".

(Theo Lê Thị Kính (tức Phan Thị Minh):
Phan Châu Trinh (1972-1926) qua những tài liệu mới.
Tập II. Nxb Đà Nẵng 2003. Tr.581-582).

4. CAPUS
(PHÁP - ĐẠI DIỆN PHỦ TOÀN QUYỀN TẠI VĂN PHÒNG BỘ THUỘC ĐỊA)

"... Theo tôi thì cách xử sự với Phan Châu Trinh cần phải xem xét thận trọng chứ không phải muốn nhẹ thì nhẹ, muốn nặng thì nặng... Tôi đã tự thấy được qua trò chuyện với ông ta những biểu hiện không thể nhầm lẫn được của tính cương nghị, vừa thẳng thắn vừa thận trọng trong ngôn ngữ, tính khoan dung và sự thông minh nhạy bén trong hiểu và đoán các ý đồ. Tư duy của ông ta vận động trong những nhận định về đạo lý và tuồng như xem thường khía cạnh vật chất..."

(Báo cáo gửi Sarraut ngày 16-8-1912.
Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):
Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới.
Nxb Đà Nẵng 2001. Tr.55).

5. G. BOUDAREL (PHÁP)

"Sự khác nhau giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh chủ yếu không phải là chỗ lựa chọn giữa chế độ quân chủ hay chế độ dân chủ, mà là ở những phương pháp dùng để đạt đến việc khôi phục độc lập. Phan Châu Trinh chủ yếu tin vào khả năng của một hành động hợp pháp, bằng cách cộng tác với các nhà cầm quyền đương thời, nói khác đi là với chính quyền Pháp để đạt đến chỗ thay đổi tình hình bằng một loạt cải cách tuần tự. Phan Bội Châu trước hết nhằm vào đoàn kết dân tộc, không loại trừ ai, để giành độc lập bằng vũ lực, sau đó mới có thể xét tới các vấn đề khác.

"Nếu như Phan Châu Trinh là cộng hòa trong những lời nói của ông ngay từ thời đó, thì cương lĩnh do ông chính thức thảo ra trong thực tế còn nằm trong khuôn khổ một chế độ quân chủ lập hiến đơn giản, do chỗ ông chỉ thoáng thấy việc lật đổ chế độ quân chủ một cách gián tiếp qua một hành động của nhà đương cục thuộc địa đại diện cho nước Pháp cộng hòa. Bức thư nổi tiếng và dũng cảm của ông gửi cho Toàn quyền Paul Beau tháng 10-1906 không đặt ra cả vấn đề triều đình lẫn hệ thống quan trường. Sau khi kịch liệt công kích các quan lại tại chức mà ông tố cáo sự hủ bại cùng cực, ông chỉ bó hẹp vào việc đề nghị một cuộc cải cách, xét cho cùng cũng khá khiêm tốn để đem lại cho nhân dân "một nền cai trị tốt hơn bằng cách chọn lọc kỹ các quan lại".

Sự khác nhau giữa Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh thực ra không phải là một sự bất đồng có thể chia tách một người cộng hòa với một người quân chủ. Điều chia tách hai người và làm cho con đường đi của họ khác nhau không phải là quan niệm về mục đích cuối cùng, mà là về các phương pháp phải dùng để đạt đến mục đích đó".

(*Phan Châu Trinh và xã hội Việt Nam ở thời đại ông.*
Chương Thâu dịch. Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội 1997. Tr.31-32).

6. DANIEL HÉMÉRY (PHÁP)

"Khuôn mặt vĩ đại của Phan Châu Trinh theo tôi là khuôn mặt đáng chú ý nhất trong lịch sử văn hóa và chính trị Việt Nam ở thế kỷ XX, bởi chính ông đã xác định một cách rành mạnh, sáng rõ nhất những nan đề (les problematiques) đặt ra lâu dài mà các thế hệ người Việt Nam sẽ phải và mãi mãi còn phải đảm nhận)".

(Dẫn lại từ bài của Nguyên Ngọc:
Tính cập nhật kỳ lạ của một tư tưởng lớn. Kỷ yếu Tọa đàm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh.
UBND Tam Kỳ - 2002. Tr.71)

7. DAVID G.MARR (MỸ)

Phan Châu Trinh ngay từ những năm đầu tiếp xúc với những tư tưởng của Thế Kỷ ánh sáng đã bị quyến rũ (mặc dù những tư tưởng được đọc qua bản Trung văn, và thông qua cách giải thích của chủ nghĩa cải lương (Trung Quốc) và từ đó, ông không bao giờ ngả nghiêng cho tới khi ông chết vào năm 1926. Không giống như một số người theo chủ nghĩa cải lương một cách lý tưởng, Phan Châu Trinh đã nuôi nấng và ủng hộ cho cố gắng đề nghị cùng cộng tác với người Pháp, sự đả kích của ông ta cũng không gây ra sự rối loạn cụ thể. Cái mà người Pháp chú ý đến ông ta chủ yếu là vì ông là một sự tượng trưng và họ không chấp nhận những tiền đề hay mục tiêu tối hậu do ông nêu ra. Chính cái lý tưởng này đã làm cho ông vui thích với 14 năm gần như không làm gì ở bên Pháp. Tại đây, tối thiểu ông ta cũng còn có thể "hít thở không khí tự do và đọc các báo chí tự do" hơn là sống một cuộc đời ở đất nước mình bị o ép hàng ngày và bất mãn, đây là không kể tới sự vô bổ về tinh thần trong lúc bị tù ở Côn Đảo.

Do nhấn mạnh tới những quan điểm của Phan Châu Trinh, do đó chúng ta phải đặt lại vấn đề và tìm hiểu xem ông ta đã am hiểu sâu sắc đến mức độ nào những điều mà ông ta thuyết pháp.

Sau cùng, hình như ông ta không học tiếng Pháp cho đến khi ông ta bị đày ở Côn Đảo năm 1908, do đó, những quan điểm tri thức của ông ta - đối với ông ta là những vấn đề của sự sống và sự chết - đều xuất phát chung từ những sự phiên dịch và giải thích cải lương chủ nghĩa Trung Quốc không chính xác. Như chúng tôi đã nhận xét trong nền giáo dục cổ truyền lúc thiếu thời, Phan Châu Trinh chịu ảnh hưởng của *Mạnh Tử* và *Kinh Thi.* Việc nghiên cứu thật cẩn thận những bút tích của ông (tất nhiên còn rất ít) sẽ cho thấy theo ý tôi nghĩ rằng, thực ra ông ta vẫn chịu ảnh hưởng của những tác phẩm đặc biệt này, cũng như những tác phẩm của Montesquieu, Rousseau hay một nhà tư tưởng phương Tây nào khác. Như phần lớn các người khác, Phan Châu Trinh đã thụ động trong giai đoạn đầu tiếp nhận những tư tưởng ngoại lai, ít khi tự vấn mình một cách nghiêm khắc để xác định xem những cái mới bổ sung, mâu thuẫn với những cái cũ như thế nào, hay lựa chọn những cái khác, những quan niệm ban đầu. Đối với Phan Châu Trinh cái cần thiết phải có những hành động cương quyết không bao giờ được cụ thể hóa ra cả. Ông ta cũng không bao giờ bị cưỡng bách trong việc phân biệt và lựa chọn những phương pháp (có ý thức hay không) đến mức độ như Phan Bội Châu.Tình trạng lúng túng cho việc tiếp thu một cách dễ dãi này đã biểu lộ một cách rõ ràng trong những từ ngữ của Phan Châu Trinh. Chẳng hạn như cách dùng chữ *đạo* của ông ta *(đạo:* con đường; phương hướng). Cũng như phần lớn các nhà triết học Trung Quốc, Phan rất thích thú chủ nghĩa duy tâm triết học, tin tưởng có khả năng làm chủ được tri thức của quá khứ, đạt được sự minh triết bằng sự am hiểu của mình, thiết lập được mối giao lưu trực tiếp giữa tư tưởng với tư tưởng và (điều này khó hơn) tiết lộ mối quan hệ này ra văn phẩm hay ngôn ngữ để cho những người khác cùng tán thưởng. Kết quả là, cũng như phần lớn những người duy tâm khác, Phan Châu Trinh đã tách rời tư tưởng khỏi những giới hạn của thời gian và không gian, bỏ qua không chú ý tới tính chất co giãn vô cùng của những từ ngữ và quan niệm khi chúng được mang vào những môi trường hoàn toàn khác hẳn. Ông không những đã lẫn lộn Montesquieu với Mạnh Tử mà còn cố gắng để du nhập cả hai người này vào một nước Việt Nam thuộc địa ở thế kỷ XX này mà không chú ý đến tất cả những sự sai biệt.

(Vietnamese anti - colonialism 1885-1925 University of California. Berkeley, Los Angeles, London. 1971. P.197-198).

8. SHIRAISHI MASAYA (NHẬT BẢN)

Chủ trương "bài quân" ở Phan Châu Trinh là ở trong quan hệ trong ngoài với lập trường chấp nhận (dù là tạm thời) ách thống trị thực dân. Lập trường chính trị của ông là giải thể thể chế cũ trụ đỡ cho "quân trị", đưa Việt Nam trở thành nước phú cường theo sáng kiến của tầng lớp tinh hoa (elite) mới, bồi dưỡng dân thực lực độc lập tự chủ. Do đó, ông đặt hy vọng vào cải cách từ bên trên do Pháp thực hiện. *Thư gửi Chính phủ Pháp* năm 1907 bày tỏ hy vọng vào khía cạnh khai sáng trong sự thống trị của người Pháp và kết luận như sau: "Nếu thực hiện dần dần (cải cách từ bên trên) thì dân sẽ an tâm lo sinh kế, kẻ sĩ (trí thức) sẽ vui mừng hợp tác với chính phủ, chỉ lo người Pháp bỏ người Việt Nam mà đi, ai còn mưu tính chuyện phản kháng nữa". Niềm hy vọng của ông vào sự thống trị thực dân là dựa vào việc Toàn quyền Paul Beau lúc bấy giờ theo Phan Châu Trinh đánh giá đang triển khai chính sách khai sáng trong lĩnh vực cải cách giáo dục..., và việc một số người Pháp lưu trú tại Hà Nội (nhà báo, Hiệp hội bảo vệ nhân quyền, Viễn Đông bác cổ...) tỏ thái độ đồng tình với phong trào và chủ trương của Phan Châu Trinh và các đồng chí của ông...

(Phong trào Dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á. Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới. Tập I.
Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội - 2000. Tr.325).

THƠ CHỮ HÁN

GIỚI THIỆU

Khi học "trường đốc" (trường ở tỉnh, do một đốc học giảng và trông coi) Phan Châu Trinh nổi tiếng về kinh nghĩa, sau đến thơ. Người Quảng Nam đương thời đã có câu khen: "Nghị thi, Phiên phú, Trinh kinh nghĩa, Huỳnh Hanh kiêm quán tam trường" (Trần Nghị sau này thi hỏng mãi, cải tên là Trần Quý Cáp giỏi về thơ; Nguyễn Đình Phiên sau cải tên Nguyễn Đình Hiến vì lẽ như Nghị giỏi phú; Phan Châu Trinh giỏi kinh nghĩa; Huỳnh Hanh (sau cải Thúc Kháng như Nghị, Phiên) giỏi kiêm cả ba trường thi, tức ba đợt bài trong thi hương: thơ phú, văn sách, kinh nghĩa). Lại có ngạn ngữ: "Nhất thơ là Nghị, nhì là Trinh". Trong *Phan Tây Hồ tiên sinh lược sử* của Huỳnh Thúc Kháng có ghi mấy câu thơ nôm hoặc dịch chữ Hán của Phan Châu Trinh, trong đó có câu làm trong lúc còn là học trò. Tiếc rằng Huỳnh Thúc Kháng không ghi trọn bài. Hiện nay chưa tìm thấy di cảo bài thơ chữ Hán nào làm ra lúc Phan còn đi học và sau khi đi Pháp (chỉ có một bài lúc mới đến Pháp).

Mặc dù tạp chí *Bách khoa* số đặc san về Phan Châu Trinh (Sài Gòn tháng 3-1974) nói "Hán văn thi" của Phan Châu Trinh "độ 50 bài chưa được dịch", chúng tôi lục tìm di cảo ở nhà bà Phan Thị Châu Liên (tức bà Lê Ấm, con gái lớn cụ Phan, ở Đà Nẵng) và các báo chí sách vở ở miền Nam, không thấy có bài nào chưa được ghi ở *Phan Tây Hồ di thảo* của Ngô Đức Kế (nhà in Chân Phương Hà Nội, 1927) hoặc ở *Thi tù tùng thoại* của Huỳnh Thúc Kháng (xuất bản lần đầu tiên trên báo *Tiếng Dân*).

Những bài thơ và câu đối chữ Hán dưới đây lấy ở tập *Phan Tây Hồ di thảo* nói trên là chính; ngoài ra có vài bài lấy ở *di thảo Phan Châu Trinh* lưu trữ ở nhà bà Phan Thị Châu Liên và ở *Thi tù tùng thoại.*

Một vài bài thời điểm đã được tác giả ghi rõ theo hệ can chi cũ; một số khác, chúng tôi đã xác định được thời điểm sau khi tham khảo tiểu sử Phan Châu Trinh, lịch sử nước nhà và tiểu sử các nhà yêu nước đương thời: Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quí Cáp, Tăng Bạt Hổ, v.v.... Một số khác khó đoán định chính xác trường hợp làm thơ và người đối thoại, nhưng cũng có thể để vào giai đoạn hoạt động của tác giả.

Đặc sắc của thơ chữ Hán Phan Châu Trinh là nói về thời cuộc, về xã hội thông qua tình cảm của mình nên có giọng trữ tình nhuần nhị, thiết tha, khi thì đau đời, khi căm giận, khi khinh bỉ, khi cảm phục, khi tỏ tình bạn, tình đồng chí đậm đà và thường phối hợp tình và cảnh một cách hài hoà. Ai chỉ đọc luận thuyết của Phan khó tưởng tượng được phong vị trữ tình này của ông. Suy cho cùng cả hai phong cách đều xuất phát từ một tấm lòng chân thành nồng nhiệt.

Kèm theo phần này, chúng tôi "Phụ lục" thêm mấy câu đối chữ Hán và chữ Nôm để bạn đọc thấy được sự đa dạng của *Thơ văn Phan Châu Trinh*.

-NBS-

1.

Nguyên văn:

京城元旦

香水屏山勝景私
春城萬户迓春禧
藍袍隨俗行三叩
白酒逢人博一卮
故國惟餘元日好
此身偏被數金欺
歸來酩酊渾無謂
說與旁人盡解頤

附註：京城俗元旦著藍袍造門拜年一飲而去。

Phiên âm:

KINH THÀNH NGUYÊN ĐÁN[1]

Hương thủy, Bình sơn thắng cảnh ti!
Xuân thành vạn hộ nhạ xuân hi.
Lam bào tùy tục hành tam khấu,
Bạch tửu phùng nhân bác nhất chi.
Cố quốc di dư nguyên đán hảo,
Thử thân thiên bị sổ kim khi.
Quy lại mính đính hồn vô vị,
Thuyết dữ bàng nhân tận giải di.

Phụ chú: "Kinh thành tục nguyên đán trước lam bào đáo khuyết bái niên, nhất ẩm nhi khứ".

Dịch nghĩa:

TẾT NGUYÊN ĐÁN Ở KINH THÀNH

Sông Hương, núi Ngự riêng là nơi thắng cảnh.
Muôn nhà trong thành Phú Xuân
vui đón phúc mùa xuân.
Tục lệ, mặc áo lam vào lạy ba lạy (trước cửa khuyết),
Gặp người quen, nhận lấy rượu trắng uống với nhau
một chén.
Nước cũ chỉ còn có ngày đầu năm là vui,
Thân này riêng bị mấy đồng lương coi rẻ.
Ra về chếnh choáng, mọi việc hầu như chẳng còn
ý nghĩa gì,
Nói cho người chung quanh, thì ai cũng cười.

Chú thêm: Theo lệ ở kinh thành, sáng mồng một Tết, các quan mặc áo thụng xanh đến trước cửa khuyết lạy mừng tuổi, uống một chén rượu rồi về.

Dịch thơ:

Sông Hương, núi Ngự cảnh riêng vui,
Nhà cửa thành Xuân vẻ tốt tươi.
Xúng xính áo xanh theo thói lạy,
Kề cà rượu trắng gặp nhau mời.
Còn ba ngày tết là vui nước,
Vì mấy đồng lương hóa lụy người.
Say trở ra về vô tích sự,
Gặp nhau nói chuyện khéo mua cười.

Ngô Đức Kế

Bản dịch khác:

Núi Ngự sông Hương cảnh đẹp ghê,
Thành Xuân muôn họ đón xuân về.
Áo xanh theo tục mừng ba lạy,
Rượu trắng cùng quen chuốc một be.
Nước cũ chỉ còn ngày Tết thích,
Thân này lỗi bởi mấy đồng mê.
Về nhà chếnh choáng không gì thú,
Sang cạnh cùng vui chuyện dã dề.

Hoàng Xuân Hãn

Chú thích:
(1) Lúc này Phan Châu Trinh làm Thừa biện hậu bổ ở bộ Lễ (hàm Hàn lâm viện trước tác) để chờ bổ dụng.

2.

Nguyên văn:

甲辰京城颶風

錦繡江山望眼糊
回天無柰此身孤
忽成倚蓋當風坐
笑比袁安臥雪圖

Phiên âm:

GIÁP THÌN KINH THÀNH CỤ PHONG[1]

Cẩm tú giang sơn vọng nhãn hồ,
Hồi thiên vô nại thử thân cô.
Hốt thành ỷ cái đương phong tọa,
Tiếu tí Viên An ngọa tuyết đồ.

Dịch nghĩa:

Giang sơn gấm vóc, trông ra thấy mịt mờ,
Muốn xoay trời, nhưng không sao được vì thân này lẻ loi.
Bỗng trở thành người dựa dù ngồi trước gió.
Cười mà ví mình với bức tranh Viên An[2] nằm trong tuyết.

Dịch thơ:

Mập mờ trông thấy bức giang san,
Sức nhỏ, trời to chửa dễ toan.
Nhà cuốn, người trơ trong gió thốc,
Khác nào nằm tuyết vẻ Viên An.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

[1] Bão năm *Thìn* xảy ra vào ngày mồng 2 tháng 8 âm lịch (tức ngày 11-9-1904) là một trận bão rất lớn.

[2] *Viên An:* Người thời Đông Hán ở huyện Nhữ Dương, Trung Quốc trong lúc đói kém người trong làng đều ra đường ăn xin, riêng An cứ nằm nhà chịu đói rét. Huyện lệnh đi ngang qua nhà thấy thế cho là kiên nhẫn, bèn cất nhắc ra làm quan.

3.

Nguyên văn: 至 誠 通 聖

世 事 回 頭 已 一 空
江 山 無 淚 泣 英 雄
萬 家 奴 隸 強 權 下
八 股 文 章 睡 夢 中
長 此 百 年 甘 唾 罵
更 知 何 日 出 牢 籠
諸 君 未 必 無 心 血
試 向 斯 文 看 一 通

Phiên âm:

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang sơn vô lệ khấp anh hùng.
Vạn gia nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương thụy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Cánh tri hà nhật xuất lao lung.
Chư quân vị tất vô tâm huyết,
Thí hướng tư văn khán nhất thông.

Dịch nghĩa:

LÒNG CHÍ THÀNH CẢM ĐẾN CẢ THẦN THÁNH

Việc đời nhìn lại thấy chẳng còn gì,
Sông núi không còn nước mắt để khóc bậc anh hùng.
Muôn nhà làm tôi tớ dưới ách cường quyền,
Nhiều người đang ngủ mê trong giấc mộng văn chương bát cổ.
Suốt cả trăm năm chịu người mắng nhiếc,
Lại biết ngày nào mới thoát cũi sổ lồng?
Các anh chưa hẳn là người không tâm huyết,
Thử lấy thơ này mà xem từ đầu đến cuối.

Dịch thơ:

Ngảnh thấy giang sơn luống sững sờ!
Anh hùng rầu rĩ nước non xưa.
Muôn nhà nô lệ phường quyền mạnh,
Tám vế văn chương giấc ngủ mơ.
Dày mặt mỉa mai đành chịu mãi,
Thoát thân trói buộc biết bao giờ?

Người ta ai cũng tâm can thế,
Đọc đến văn này đã thấm chưa?

Lê Ấm

Bản dịch khác:

Việc đời ngoảnh lại hết trông mong,
Vắng mặt anh hùng, tủi núi sông.
Tám vế văn chương mê mệt ngủ,
Muôn nhà tôi tớ xót xa trông.
Cứ cam chịu mãi người mắng nhiếc,
Biết tới ngày nào thoát cũi lồng?
Thử hỏi ai người bầu máu nóng,
Văn này xem hết, nghĩ sao không?

Nguyễn Văn Dương

4.

Nguyên văn:

潘 切 臥 病

又 向 江 山 走 一 遭
三 潘 風 雨 滯 征 袍
此 中 意 緒 無 人 識
獨 臥 他 鄉 聽 海 濤

Phiên âm:

PHAN THIẾT NGỌA BỆNH

Hựu hướng giang sơn tẩu nhất tao,
Tam Phan phong vũ trệ chinh bào.
Thử trung ý tự vô nhân thức,
Độc ngọa tha hương thính hải đào.

Dịch nghĩa:

NẰM BỆNH Ở PHAN THIẾT

Lại đi một vòng khắp đất nước,
Gió mưa của ba xứ Phan[1] cản áo khách đi đường.
Lòng ta trong lúc này chẳng ai biết tới,
Nằm một mình nơi đất khách nghe tiếng sóng biển.

Dịch thơ:

Chạy khắp giang sơn một chuyến này,
Mưa cầm gió bắt phải nằm đây.
Biết mình nào có ai đâu tá?
Sóng bể nằm nghe réo suốt ngày.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

[1] *Mưa gió của ba xứ Phan:* "Ba xứ Phan", tức là Phan Rang, Phan Rí và Phan Thiết. Bài này làm ở Phan Thiết, nơi Phan Châu Trinh phải nằm bệnh mấy tháng, khoảng mùa thu 1905.

5.

Nguyên văn:

乙 已 除 夕 作
日 月 日 愈 上
江 河 日 愈 下
少 壯 能 幾 何
世 變 眞 可 詫
古 人 悲 憫 心
救 世 將 身 捨
焚 溺 憂 眾 生
今 人 不 自 謝
身 行 萬 里 途
巖 巖 失 坎 坷
手 著 萬 言 書
嘻 笑 復 怒 罵
嗟 我 何 如 人
歲 時 尚 休 暇
言 念 古 今 人
俳 徊 起 中 夜

Phiên âm:

ẤT TỊ TRỪ TỊCH TÁC[1]

Nhật nguyệt nhật dũ thượng,
Giang hà nhật dũ dạ,
Thiếu tráng năng kỷ hà,
Thế biến chân khả sá.
Cổ nhân bi mẫn tâm,
Cứu thế tương thân xả.
Phần nịch ưu chúng sinh,
Kim nhân bất tự tạ.
Thân hành vạn lý đồ,
Nham nham thất khảm khả.
Thủ trứ vạn ngôn thư,
Hi tiếu phục nộ mạ.
Ta ngã hà như nhân,
Tuế thời thượng hưu hạ.
Ngôn niệm cổ kim nhân,
Bồi hồi khởi trung dạ.

Dịch nghĩa:

THƠ LÀM ĐÊM TRỪ TỊCH NĂM ẤT TỊ

Mặt trời mặt trăng ngày càng lên cao,
Các con sông ngày càng chảy xuống.
Trẻ mạnh có được bao lăm,
Đời biến đổi thật đáng lấy làm lạ.
Người xưa vì lòng thương xót,
Bỏ thân mình để cứu đời.
Lo cho chúng sinh phải chìm đắm,
Người nay chẳng từ chối.
Thân đi muôn dặm đường,
Núi non hết gồ ghề.
Tay viết sách vạn lời,
Vui, cười rồi lại giận, mắng.
Ôi! Ta là người như thế nào?

Ngày tết đến còn vui thú.
Nhớ đến người xưa, người nay,
Bồi hồi ngồi dậy lúc nửa đêm.

Dịch thơ:

Bóng trời cao càng lên,
Nước sông thấp càng chảy.
Tuổi người ngày một già,
Việc đời mắt trông thấy.
Kẻ trước lòng xót thương,
Đem mình cứu đời ấy.
Người nay lòng chẳng từ,
Lo cứu vớt như vậy.
Chân đi biết bao đường,
Núi non phẳng như giấy.
Tay viết sách muôn lời.
Buồn cười rồi mắng bậy.
Ta là người thế nào?
Đủng đỉnh còn ngồi đây?
Nghĩ đến người xưa nay,
Bồn chồn nửa đêm dậy.

Ngô Đức Kế

6.

Nguyên văn:

出都門
崙崑峇辰

纍纍鐵鎖出都門
慷慨悲歌舌尚存
國土沈淪民族瘁
男兒何事怕崑崙

Phiên âm:

XUẤT ĐÔ MÔN
(Trích Côn Lôn thời)

Luy luy thiết tỏa xuất đô môn,
Khẳng khái bi ca thiệt thượng tồn.
Quốc thổ trầm luân dân tộc tụy,
Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn?

Dịch nghĩa:

RA KHỎI CỬA ĐÔ THÀNH
(Lúc đi đày Côn Lôn)

Xiềng sắt vướng víu, ra khỏi cửa đô thành,
Buồn hát một cách khẳng khái, lưỡi vẫn còn.
Đất nước chìm đắm, dân tộc mòn mỏi,
Con trai việc gì mà sợ Côn Lôn?

Dịch thơ:

Xiềng gông cà kệ biệt đô môn,
Khẳng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn.
Đất nước đắm chìm, nòi giống mỏn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn?

Huỳnh Thúc Kháng

Bản dịch khác:

Mang xiềng nhẹ bước khỏi đô môn,
Hăng hái hò reo lưỡi vẫn còn.
Đất nước hãm chìm dân tộc héo,
Làm trai chi sá thứ Côn Lôn?

Phan Khôi

7.

Nguyên văn:

泣楊秀才墓

楊項墓在崑崙

青山碧水擁孤墳
風雨天涯泣故人
未敢盡情捐血淚
回頭國土正沈淪

Phiên âm:

KHẤP DƯƠNG TÚ TÀI MỘ[1]
(Dương Thạc mộ tại Côn Lôn)

Thanh sơn bích thủy ủng cô phần,
Phong vũ thiên nhai khấp cố nhân.
Vị cảm tận tình quyên huyết lệ,
Hồi đầu quốc thổ chính trầm luân.

Dịch nghĩa:

KHÓC MỘ ÔNG TÚ TÀI HỌ DƯƠNG
(Mộ Dương Thạc tại Côn Lôn)

Non xanh nước biếc ôm lấy nấm mồ lẻ loi,
Mưa gió nơi chân trời khóc người cũ.
Chưa dám hết lòng tuôn nước mắt bằng máu,
Nhìn về đất nước, chính đang ở trong cảnh chìm đắm.

Dịch thơ:

Non xanh nước biếc nấm mồ côi,
Mưa gió thương ai một góc trời.
Chưa dám hết lòng tuôn nước mắt,
Ngoảnh về nước cũ vẫn chơi vơi.

Huỳnh Thúc Kháng

Chú thích:

(1) *Dương tú tài:* tên là Dương Thạc, hiệu Trường Đình, một chí sĩ hoạt động trong phong trào duy tân ở Quảng Nam, bị đày Côn Đảo, rồi ốm chết tại đó.

8.

Nguyên văn:

弔首科勳

用前人弔公原句

三番慷慨誓同仇
不死沙場志不休
張將雄風碑並峙
文山正氣史長留
悲哉國勢危懸髮
死耳男兒恥叩頭
十里湫江波浪怒
孤舟月夜不勝愁

Phiên âm:

ĐIẾU THỦ KHOA HUÂN

(Dụng tiền nhân điếu Công nguyên cú)

Tam phiên khẳng khái thệ đồng cừu,
Bất tử sa trường chí bất hưu.
Trương tướng hùng phong bi tịnh trĩ,
Văn Sơn chính khí sử trường lưu.
Bi tai quốc thế nguy huyên phát,
Tử nhĩ nam nhi sỉ khấu đầu.
Thập lý Tho giang ba lãng nộ,
Cô chu nguyệt dạ bất thăng sầu.

Dịch nghĩa:

ĐIẾU ÔNG THỦ KHOA HUÂN

(Dùng nguyên câu của người trước điếu Ông)

Ba phen khẳng khái thề đánh kẻ thù chung(1),

Chẳng chết nơi sa trường thì chí chẳng nguôi.
Oai mạnh của Trương tướng[2] đứng ngang với bia đá,
Chính khí của Văn Sơn[3] được giữ mãi trong sử.
Buồn thay thế nước nguy như treo đầu sợi tóc,
Thà chết, kẻ làm trai thẹn phải cúi đầu (trước quân thù).
Trong mười dặm, sông Mỹ Tho nổi sóng dữ,
Trên chiếc thuyền lẻ trong đêm trăng, buồn khôn xiết.

Dịch thơ:

Hăng hái thề bồi quyết bấy lâu,
Liều mình vì nước trả thù sâu.
Gan liền Trương tướng bia còn mãi,
Chính khí Văn Sơn sách để sau.
Thế nước đến nguy như sợi tóc,
Tài trai thà chết chẳng nghiêng đầu.
Sông Tho mấy dặm dồn cơn sóng,
Trăng dõi quanh thuyền nghĩ chạnh đau.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

[1] *Nguyễn Hữu Huân* người tỉnh Định Tường (Mỹ Tho), đậu thủ khoa (đậu đầu thi hương, cũng gọi giải nguyên) thời Minh Mạng. Từ năm 1862 đến năm 1875, ông đã trước sau ba lần cầm đầu nghĩa quân nổi lên chống Pháp sau những đợt bị giặc bắt, bị tù đày. Lần cuối (năm 1875), giặc Pháp bắt được ông, bèn kêu án tử hình, ông chửi mắng giặc, cắn lưỡi chết trước khi bị chém đầu.

[2] *Trương tướng:* Tức Trương Tuần, tướng nhà Đường, chống lại giặc An Lộc Sơn, quyết giữ thành Thú Dương: bị giặc bắt, không chịu đầu hàng, hết lời mắng chửi giặc trước khi bị giết.

[3] *Văn Sơn:* Tức Văn Thiên Tường, danh nho thời Tống; chống quân Nguyên. Khi đóng quân ở Triều Dương, bị giặc bắt cầm tù ba năm; trong lúc bị giam, ông làm bài "Chính khí ca", cuối cùng bị vua Nguyên giết vì không chịu hàng giặc.

9, 10, 11, 12

Nguyên văn:

留 柬

將 西 行 支 那 林 賴 二 友 並 同 人 餞 于 美
湫 之 燕 南 樓 詩 以 誌 別 即 席 和 韻 留 柬

（一）

日 暮 湫 江 見 柳 條
最 關 情 處 是 今 朝
別 君 更 憶 中 原 事
旺 氣 蔥 蔥 貫 九 霄

（二）

印 洋 洪 雨 浪 兼 天
臨 別 高 歌 一 慨 然
他 日 巴 黎 風 雪 夜
詩 魂 猶 逸 海 雲 邊

（三）

一 笑 談 心 已 半 年
臨 行 握 手 更 悽 然
燕 南 別 酒 樽 前 月
他 日 東 西 一 樣 圓

（四）

年 前 小 作 亞 東 遊
此 去 西 天 又 一 舟
湖 海 未 酬 男 子 志
扶 搖 安 問 幾 時 休

Phiên âm:

LƯU GIẢN

(Tương Tây hành Chi-na Lâm, Lại nhị hữu tịnh đồng nhân tiễn vu Mỹ Tho chi Yến Nam lâu. Thi di chí biệt, tức tịch họa vận lưu giản.)

1

Nhật mộ Tho giang kiến liễu điều,
Tối quan tình xứ thị kim triêu.
Biệt quân cánh ức trung nguyên sự,
Vượng khí song song quán cửu tiêu.

2
Ấn dương hồng vũ lãng kiêm thiên,
Lâm biệt cao ca nhất khái nhiên.
Tha nhật Ba Lê phong tuyết dạ,
Thi hồn do nhiễu hải vân biên.
3
Nhất tiếu đàm tâm dĩ bán niên,
Lâm hành ác thủ cánh thê nhiên.
Yến Nam biệt tửu tôn tiền nguyệt,
Tha nhật Đông Tây nhất dạng viên.
4
Niên tiền tiểu tác Á đông du,
Thử khứ Tây thiên hựu nhất chu.
Hồ hải vị thù nam tử chí,
Phù dao an vấn kỷ thời hưu.

Dịch nghĩa:

THƯ ĐỂ LẠI

(Khi sắp sửa sang Tây, hai bạn Hoa kiều Lâm, Lại và mọi người có làm tiệc tiễn đưa ở lầu Yến Nam tại Mỹ Tho. Họ có làm thơ từ biệt, ta họa ngay trong tiệc để lưu lại.)

1
Chiều hôm thấy cành liễu bên sông Mỹ Tho,
Nơi có tình hơn hết là bữa hôm nay.
Từ biệt các bạn lại càng nhớ việc ở trung nguyên,
Khí thế hưng vượng ngùn ngụt suốt chín tầng mây.

2
Biển Ấn Độ mưa to sóng lộn trời,
Sắp chia phôi hãy hát một bài cảm khái.
Một ngày kia trong đêm gió tuyết ở Ba Lê,
Hồn thơ vẫn quanh quất ở chốn nước này.

3
Mới một lần vui cười trò chuyện mà đã nửa năm rồi,
Sắp đi, cầm tay nhau thấy lòng tê tái.

Trăng soi chén rượu tiễn biệt ở lầu Yến Nam,
Một ngày kia Đông với Tây vẫn một khuôn trăng tròn.

4
Năm xưa đã đi chơi Đông Á ít ngày.
Lần này lại một thuyền sang cõi Tây.
Hồ bể chưa toại được chí nam nhi,
Gió Phù dao[1] sao lại hỏi ta bao giờ nghỉ?

Dịch thơ:

1
Ngất trời vượng khí còn cao,
Trung nguyên việc cũ khác đâu đến giờ.
Ngại ngùng thay lúc tiễn đưa,
Sông Tho cành liễu phất phơ bóng chiều.

2
Hồn thơ quanh quẩn đâu bên,
Liệu khi tiết lạnh ở miền cõi Tây.
Tiễn đưa ngâm khúc ca này,
Sóng cồn ngập bể, mây bay ngất trời.

3
Đông Tây một vẻ như in,
Bóng trăng tống biệt đôi miền soi chung.
Cầm tay luống những ngại ngùng,
Nửa năm trò chuyện chút lòng há quên.

4
Bình bồng chưa biết đến đâu,
Chí trai hồ rộng bể sâu còn nhiều.
Trời Tây nay một con chèo,
Mà xưa Á lục dấu bèo đã qua.

Ngô Đức Kế

Bản dịch khác:

1
Bóng xế sông Tho liễu mấy cây,
Ân tình dào dạt: bữa hôm nay.
Trung nguyên việc nước càng thêm nhớ,
Vượng khí lên cao suốt chín mây.

2
Ấn Dương mưa lớn sóng lưng trời,
Giã bạn ta xin hát mấy lời.
Gió tuyết Ba Lê đêm đông tới,
Hồn thơ vương vấn biết sao nguôi!

3
Cười nói chuyện trò được nửa năm,
Cầm tay từ biệt, sầu khôn ngăn.
Yến Nam, chén rượu vầng trăng đó.
Ngày khác Đông Tây lại sáng ngần.

4
Năm xưa Đông Á đã từng quen,
Nay lại trời Tây một chiếc thuyền.
Hồ bể thân trai chưa thỏa chí,
Phù dao chớ hỏi lúc nào yên.

Nguyễn Văn Dương

Chú thích:

(1) *Phù dao:* tên một thứ gió thổi mạnh. Thiên "Tiêu dao du" sách *Trang tử* có câu: "Cánh chim bằng như mây đầy trời vượt gió phù dao bay chín vạn dặm". Câu này chỉ cái chí tung hoành của người con trai.

13.

Nguyên văn:

留法京講諸流血
志士銅像有感口占

此邦第一民權祖
百萬頭臚購自由
笑殺書生無見識
漫將筆舌挽狂流

Phiên âm:

LƯU PHÁP KINH GIẢNG CHƯ LƯU
HUYẾT CHÍ SĨ ĐỒNG TƯỢNG HỮU CẢM KHẨU CHIẾM[1]

Thử bang đệ nhất dân quyền tổ,
Bách vạn đầu lô cấu tự do.
Tiếu sát thư sinh vô kiến thức,
Mạn tương bút thiệt vãn cuồng lưu.

Dịch nghĩa:

THƠ ỨNG KHẨU NÓI CẢM XÚC KHI
NGHE GIẢNG VỀ TƯỢNG ĐỒNG NHỮNG CHÍ SĨ ĐỔ MÁU
NHÂN LÚC TRÚ TẠI KINH ĐÔ NƯỚC PHÁP

Nước này là nước tổ dân quyền bậc nhất,
Trăm vạn cái đầu đã rơi để mua lấy tự do.

Đáng cười thay cho anh học trò ngu dốt,
Dám đem tài miệng lưỡi và ngòi bút[1] để ngăn dòng nước dữ.

Dịch thơ:

Việc đời bút lưỡi không đâu,
Dại thay một bác nho lưu nực cười.
Tự do phải dựng máu người,
Dân quyền là tổ muôn đời nước Tây.

Ngô Đức Kế

Bản dịch khác:

Nơi đây xứ gốc quyền dân chủ,
Trăm vạn đầu rơi đổi tự do.
Cười chú học trò khờ khạo quá,
Muốn đem bút lưỡi đuổi quân thù.

Nguyễn Văn Dương

Chú thích:

[1] *Tài miệng lưỡi và ngòi bút:* Tài nói năng và viết lách. Tác giả ám chỉ đến việc du thuyết luống công của mình tại Pháp.

14.

Nguyên văn:

感 題

歐 亞 風 潮 撼 五 洲
英 雄 心 碎 自 由 樓
白 頭 壯 士 眞 憂 國
紅 袖 佳 人 解 報 仇
談 笑 眼 幾 空 一 世
死 生 人 自 足 千 秋
豪 情 妙 論 紛 紛 是
一 讀 令 人 一 點 頭

Phiên âm:

CẢM ĐỀ
"ĐỘC GIAI NHÂN KỲ NGỘ"

Âu Á phong trào hám ngũ châu,
Anh hùng tâm toái Tự do lâu.
Bạch đầu tráng sĩ chân ưu quốc,
Hồng tụ giai nhân giải báo cừu.
Đàm tiếu nhãn cơ không nhất thế,
Tử sinh nhân tự túc thiên thâu.
Hào tình diệu luận phân phân thị,
Nhất độc linh nhân nhất điểm đầu.

Người dịch đề:
Phan Châu Trinh

Dịch nghĩa:

THƠ CẢM ĐỀ
- ĐỌC GIAI NHÂN KỲ NGỘ -

Phong trào Âu Á lay động năm châu,
Lòng người anh hùng tan nát ở lầu Tự do.
Người tráng sĩ đầu bạc còn lo việc nước,
Bậc giai nhân áo hồng cũng biết báo thù (cho dân tộc).
Chuyện nói cười trước mắt xem như chẳng đáng gì,
Người dám chết (vì nước) mới đủ sống ngàn năm.
Tình mạnh mẽ, lời bàn hay, chỗ nào cũng đúng,
Càng đọc càng khiến người gật gù tán thưởng.

Dịch thơ:

Cụm sóng Âu châu đập cái đùng,
Tan gan nát ruột kẻ anh hùng.

Kìa người tóc trắng còn chăm nước,
Đến ả mày xanh cũng biếng chồng.
Ba kiếp vẻ vang coi đã chắc,
Một đời lúc nhúc ngó như không.
Ngàn câu máu nóng trăm dòng lụy,
Đọc đến ai không nhủn tấm lòng.

Phan Châu Trinh

Hai bản dịch khác:

1.
Ngọn sóng đua tranh khắp địa cầu,
Anh hùng lắm lúc ruột gan đau.
Kìa ai đầu bạc còn lo nước,
Nọ khách môi son biết giả thù.
Hay dở người đời xem mỏi mắt,
Thác còn gương sáng dọi nghìn thu.
Lời hơn lẽ phải nghe hay thiệt,
Đọc đến thì ta lại gật đầu.

Ngô Đức Kế

2.
Phong trào tranh đấu rộn năm châu,
Sự tự do, ai chẳng ước cầu.
Đầu bạc trai kia lo nợ nước,
Môi son gái nọ gỡ thù sâu.
Nói bàn chê chán đời rơm rác,
Sống chết theo cùng cuộc biển dâu.
Tình tự phô bày trên mặt giấy,
Khiến người đọc tới phải rung đầu.

Võ Oanh

Bài 15, 16

Nguyên văn:

口占贈送別者

其一

一暮郎舟旁竹蔭
臨流相送暗沾襟
送郎郎自藏舟去
江水清清照妾心

其二

一片花箋萬斛情
悖看休得訝人驚
相逢不是相知久
落款無思署名姓

Phiên âm:

KHẨU CHIẾM TẶNG TỐNG BIỆT GIẢ(*)

Kỳ nhất

Nhất mộ lang chu bạng trúc âm,
Lâm lưu tương tống ám triêm khâm.
Tống lang, lang tự tàng chu khứ,
Giang thủy thanh thanh chiếu thiếp tâm.

Kỷ nhất

Nhất phiến hoa tiên vạn hộc tình,
Bội khan hưu đắc nhạ nhân kinh.
Tương phùng bất thị tương tri cửu,
Lạc khoản vô tư thự tính danh.

Dịch nghĩa:

ĐỌC MIỆNG TẶNG NGƯỜI TIỄN BIỆT

1.
Buổi chiều thuyền chàng đậu bên bóng tre,
Xuống bến tiễn nhau giọt lệ rơi thấm ướt khăn.
Tiễn chàng, chàng lên thuyền đi,
Leo lẻo nước sông soi lòng thiếp.

2.
Một mảnh tờ hoa mà tình muôn hộc,
Xem kín đừng để lỡ có kẻ hay biết.
Mới gặp nhau mà chẳng khác gì đã biết nhau lâu,
Lạc khoản không nên đề tên họ.

Dịch thơ:

1.
Thuyền ai lơ lửng bóng trời chiều,
Trên bến trông chàng nước mắt theo.
Chàng bước lên thuyền, thuyền chạy khỏi,
Nước trong, lòng thiếp cũng trong veo.

2.
Tờ hoa một mảnh xiết bao tình,
Chớ để ai xem biết sự mình?
Gặp gỡ khác nào người bạn cũ,
Trong thư lọ phải viết tên rành.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

*. Những bài thơ chữ Hán sau đây (từ bài số 15 đến bài 21), chúng tôi sưu tập từ sách của Huỳnh Lý biên soạn: *Thơ văn Phan Châu Trinh* – Nxb Văn học – Hà Nội – 1983.

1. Phan Châu Trinh thường tiếp hoặc đến thăm các nhà yêu nước đang hoạt động để trao đổi quan điểm, có khi là những hoạt động bí mật; thời gian ở Huế, ông có tiếp Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ... Chưa xác định người tống biệt này là ai. (Huỳnh Lý chú thích).

Bài 17.

Nguyên văn:

送友人

環海新聞振古稀
讀君佳句更神飛
胃癰此地湮皇族
其奈憂時盡白衣
扶世功名都而耳
自由思想更非非
……

Phiên âm:

TẶNG HỮU NHÂN

Hoàn hải tân văn chấn cổ hi[1],
Độc quân giai cú cánh thần phi.
Vị ung thử địa yên hoàng tộc,
Kỳ nại ưu thời tận bạch y[2].
Phù thế công danh độ nhi nhĩ,
Tự do tư tưởng cánh phi phi.
.....
.....[3]

Dịch nghĩa:

TẶNG BẠN

Những tin mới trong hoàn cầu từ xưa hiếm có,

Đọc câu lý thú của ông tinh thần phấn khởi như muốn bay đi.

Chẳng lẽ đâu đất này mai một họ da vàng,
Ai ngõ lo việc đời toàn phường áo trắng.
Công danh ở đời đều là phù phiếm thế đấy,
Tư tưởng đến cái tự do cũng chưa được nào.

Dịch thơ:

Tai mắt ngày nay lắm sự kỳ,
Đọc thơ ông lại muốn bay đi.
Dễ đâu tiêu giáng người hoàng tộc,
Khốn nỗi lo đời lũ bạch y.
Tư tưởng tự do nào đã được,
Công danh phù thế có ra gì!

Ngô Đức Kế

Chú thích:

1. *Tân văn:* báo chí, đây có thể bao gồm cả "tân thư"?
2. *Bạch y*: áo trắng, chỉ người học trò, giới nhân sĩ trí thức.
3. *Thiếu hai câu cuối.*

18.

Nguyên văn:

贈友人陳貴蛤進士

花事園欒歲移秋
最如心處轉人愁
君緣何事忘溫飽
我亦猶人漫應酬
故老爭傳周鼎貴
少年誰解己人憂
風雲何必無遭際
眼看他人白盡頭

Phiên âm:

TẶNG HỮU NHÂN TRẦN QUÝ CÁP TIẾN SĨ

Hoa sự đoàn loan tuế di thu?
Tối như tâm xứ chuyển nhân sầu.
Quân duyên hà sự vong ôn bão,
Ngã diệc do nhân mạn ứng thù.
Cố lão tranh truyền Chu đỉnh quý(1),
Thiếu niên thùy giải Kỷ nhân ưu(2).
Phong vân hà tất vô tao tế,
Nhỡn khán tha nhân bạch tận đầu.

Dịch nghĩa:

TẶNG ÔNG BẠN TIẾN SĨ TRẦN QUÝ CÁP

Hoa nở tươi đầy, tiết đã sang thu,
Chỗ vừa ý hơn cả lại hóa ra buồn.
Anh có gì mà quên chuyện ấm no,
Tôi cũng như ai đã trải việc ứng đối với thiên hạ.
Người già cả đua khen vạc nhà Chu quý,
Lũ thiếu niên ai giải mối lo người nước Kỷ?
Gió mây phải đâu không được gặp gỡ,
Trước mắt, người ta đã bạc hết đầu.

Dịch thơ:

Hoa nở mùa thu đã muộn rồi,
Rõ mừng mà lại hóa không vui.
Ấm no sao bác đem lòng chán?
Thù tạc nay tôi cũng thóp đời.

Bạn cũ vẫn khen ai tốt vận,
Lũ non nào biết khách lo trời?
Gió mây gặp gỡ thôi là thế,
Ngán nỗi bao người tóc nhuộm vôi.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

1. *Chu đỉnh quý:* Vạc nhà Chu quý, tức là khen vương quyền thiên tử, nên ra làm quan giúp vua.

2. *Kỷ nhân ưu*: mối lo của người nước Kỷ. Theo *Liệt tử*: "Kỷ nhân ưu thiên trụy". Người nước Kỷ lo trời sập, ý nói lo nỗi nước nhà.

19.

Nguyên văn:

桓王廟

上有桓王廟
流風傳至今
悠悠百年事
更更千里心
風雨扶孤劍
山河連寸金
登高一欲暮
回首沾衣襟

Phiên âm:

HOÀN VƯƠNG MIẾU

Thượng hữu Hoàn vương miếu,
Lưu phong truyền chí kim.
Du du bách niên sự,
Cánh cánh thiên lý tâm.
Phong vũ phù cô kiếm,
Sơn hà liên thốn kim.

Đăng cao nhất dục mộ,
Hồi thủ triêm y khâm.

Phụ chú: Chiêm Thành quốc vương thông hiệu Hoàn Vương.
Bình Định dĩ Nam đa Hoàn Vương cố miếu.

Dịch nghĩa:

MIẾU HOÀN VƯƠNG

Đây còn có miếu Hoàn Vương,
Nếp xưa truyền đến nay.
Dằng dặc sự việc trăm năm,
Canh cánh lòng người nghìn dặm.
Đương cơn mưa gió vỗ thanh kiếm lẻ,
Khá thương cho non sông tấc đất tấc vàng.
Trèo lên cao thấy trời sắp tối,
Quay đầu lại lệ đầm vạt áo.

Chú thêm: Chăm pa xưa, thông hiệu vua gọi là Hoàn Vương.
Từ Bình Định trở vào Nam, có nhiều miếu cũ của các đời vua Chăm pa.

Dịch thơ:

Hoàn vương đây có miếu,
Sự tích thường nghe đồn.
Trăm năm việc trước hết,
Nghìn dặm lòng ta còn.
Thanh gươm thét mưa gió,
Tấc vàng thương nước non.
Trèo cao trời sắp tối,
Ngảnh lại lệ rơi tuôn.

Ngô Đức Kế

20.

Nguyên văn:

贈阮貴英濡卿

千里逢迎兩布衣
日斜酌酒暮江磯
關河秋到風雲變
湖海人多意氣稀
菊徑半荒人已古
桃源回首事全非
至今慷慨悲歌意
燕趙流風故未衰

Phiên âm:

TẶNG NGUYỄN QUÝ ANH NHỤ KHANH

Thiên lý phùng nghênh lưỡng bố y,
Nhật tà chước tiểu mộ giang ky.
Quan hà thu đáo phong vân biến,
Hồ hải nhân đa ý khi hi.
Cúc kính[1] bán hoang nhân dĩ cổ,
Đào nguyên[2] hồi thủ sự toàn phi.
Chí kim khảng khái bi ca[3] ý,
Yên Triệu[4] lưu phong cố vị suy[5].

Phụ chú: Quý Anh, Trọng Lội giai Kỳ Xuyên Nguyễn Thông chi tử. Công Lục tỉnh nhân. Tự thuộc Pháp hậu, công di cư Phan Thiết, trú Ngọa Du Sào gia yên. Thi trung cúc kính đào nguyên ngôn. Công thoái cư tị địa dã.

Dịch nghĩa:

TẶNG ÔNG NHỤ KHANH NGUYỄN QUÝ ANH

Nghìn dặm đón rước nhau hai ta đều áo vải,
Trời tà rót rượu ngồi trên kè đá bên sông cảnh chiều.
Non sông thu đến, gió mây biến đổi,
Bể hồ người nhiều mà ý khí mấy ai.
Lối cúc lụi nửa rồi, bóng người đã khuất,

Nguồn đào ngoảnh nhìn lại việc cũ đều không.
Nay chỉ còn van vái cái ý khí người khảng khái bi ca,
Là thói lưu truyền của tráng sĩ Yên Triệu hẳn chưa suy vi.

Chú thêm: Quý Anh và Trọng Lội đều là con cụ Kỳ Xuyên Nguyễn Thông. Cụ là người trong Lục tỉnh. Từ khi Pháp chiếm Nam Kỳ, cụ dời ra ở Phan Thiết, chỗ ở đặt tên là Ngọa Du Sào. Trong thơ của cụ có nói đến lối cúc, nguồn đào. Cụ dời lui chỗ ở, tránh đất bị địch chiếm.

Dịch thơ:

Hai bác hàn nho đón rước nhau,
Chiều chiều mời chén quãng giang đầu.
Ba thu đến lúc trời xoay đổi,
Bốn bể nào ai ý hợp đầu.
Vườn cúc lối xưa người vắng ngắt,
Nguồn đào tích cũ chuyện không đâu.
Giọng ca khảng khái nghe đâu đó.
Yên Triệu ngày nay chẳng khác nào.

Ngô Đức Kế

Chú thích:

1. *Cúc kính*: Lối cúc. Đào Uyên Minh đời Tấn (Trung Quốc) có câu: *Cúc kính tùng bá lối bỏ hoang* trong bài *Về đi thôi* nổi tiếng, làm trước khi từ quan, do đó người ta nói *lối cúc* để chỉ cảnh đã cáo quan lui về vườn quê.

2. *Đào nguyên:* Bài *Đào nguyên ký* của Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) thuật chuyện một người đánh cá lạc lối, thấy hoa đào trôi xuôi, bèn chèo ngược dòng, vào tới nguồn hoa đào, gặp con cháu những người tránh loạn từ đời nhà Tấn, sống thanh bình, hòa hợp, no ấm như ở cảnh tiên. Nhân thế, người làm văn thơ xưa dùng từ "nguồn đào" hoặc "đào nguyên" để chỉ cảnh sống ẩn dật, hoặc nơi tìm được hạnh phúc.

3. *Khảng khái bi ca*: Cổ văn có câu: *Khảng đương dĩ khái, bi kế dĩ ca*, ý nói: hăng hái với căm hờn, đau thương lại hát.

4.*Yên Triệu*: Cổ văn: "*Yên, Triệu dã, khảng khái bi ca chi sĩ*". Ý nói: nước Yên,nước Triệu có nhiều tráng sĩ khảng khái bi ca.

5. Bài này hẳn làm trong lúc chia tay nhau, vì thấy có bài của Nguyễn Trọng Lội cùng vận. Nhan đề *Tống biệt Phan Tây Hồ*, như sau:

Nguyên văn:

Nhất nhập hồng trần tiện phất y,
Hàn giang hồi thủ điếu ngư ky.
Thiện trường thương hải ưu lai viễn,
Bán chẩm hoàng hương mộng đáo hi.
Sự quái mỗi giao thi đốt đốt,
Thiên cao uổng tự tưởng phi phi.

Nhật tà tửu tứ ca trương hoạ,
Hiệp cốt tằng lăng bán vị suy.
Huỳnh Thúc Kháng dịch:

Phủi áo ngay khi mới bước vào,
Bui hồng rũ sạch lại làng câu.
Chiều hôm nhà rượu ca cùng họa,
Hào hiệp ngày xưa khí chửa thâu.
(*Tiếng Dân* 16.6.1934)

21.

Nguyên văn:

北游感城

今秋河北昨柴棍
變訪天然古國魂
樹姿蒼蒼波自力
江山無語致東奔

Phiên âm:

BẮC DU CẢM THÀNH

Kim thu Hà Bắc tạc Sài Côn,
Biến phỏng thiên nhiên cố quốc hồn.
Thụ tư thương thương, ba tự lực,
Giang sơn vô ngữ chí đông bôn.

Dịch nghĩa:

RA CHƠI BẮC KỲ

Năm nay qua Hà Bắc, năm nọ ở Sài Gòn,
Khắp nơi thăm hỏi hồn nước cũ nghìn năm.
Chỉ thấy: cây vẫn xanh xanh, sóng vẫn biếc,
Non sông không nói, chạy về đông.

Dịch thơ:

Thu nay Hà Bắc, trước Sài Gòn,
Tìm hỏi nghìn xưa cái quốc hồn.

Cây vẫn xanh xanh, dòng cứ biếc,
Nước non lặng lẽ hướng đông dồn.

L. H.

22.

TẶNG LƯƠNG KHẮC NINH[1]

Dịch nghĩa:

Xin cảm tạ ai đã nghĩ đến Châu Trinh,
Tôi đau lòng cho đất nước và hổ thẹn cho mình.
Chẳng hề chi đối với tôi, những sung sướng hay sầu khổ,
Miễn là tôi phụng sự cho dân và nước được thảnh thơi.
Nhưng, con rồng nằm trên một vũng nước nhỏ,
không thể xoay xở được,
Con chim đã bị tên rồi, thì dễ sợ cây cong.
Những ai có lòng yêu nước thì không thể dửng dưng.
Trước những hiện tình của non sông xứ sở,
Xin cảm tạ ai còn nghĩ tới Châu Trinh.

Dịch thơ:

Cảm tạ người nghĩ đến Châu Trinh,
Nhớ nước càng thêm hổ phận mình.
Nào có hề chi, dầu sướng, khổ,
Làm gì cho dân bớt điêu linh?
*
Rồng nằm vũng cạn không xoay xở,
Chim bị tên rồi... e cây cong.
Hiện tình đất nước, lòng day dứt,
Tri ân người thông cảm Châu Trinh.

Thu Trang

(Theo Thu Trang: *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911 - 1925 Nxb. Đông Nam A - Paris - 1983)*

Chú thích:

1. Theo Thu Trang, bài thơ này tác giả làm tại Marseille tháng 12 – 1922 và gửi tặng Lương Khắc Ninh. Nguyên văn bài thơ có thể là Hán văn, nhưng chưa tìm được bản gốc. Cũng vì vậy mà chúng tôi để trống mục *nguyên văn* và *phiên âm*. Bản *dịch nghĩa* căn cứ theo bản dịch Pháp văn mà Thu Trang sưu tầm được từ một văn khố ở Pháp.

PHỤ LỤC:

CÂU ĐỐI

- CHỮ HÁN
- CHỮ NÔM

CÂU ĐỐI CHỮ HÁN

1.

ĐIẾU TRẦN QUÝ CÁP

Nguyên văn:

新学中领袖，忽失此人，落落前途，举国少年齐一动
寿考与领名，终难两得，遥遥宦路，七旬老母最伤心

Phiên âm:

- Tân học trung lãnh tụ hốt thất nhất nhân, lạc lạc tiền đồ, ái quốc thiếu niên tề nhất động;
- Thọ khảo dữ linh danh chung nan tái đắc, dao dao hoạn lộ, thất tuần lão mẫu tối thương tâm.

Dịch:

- Tay sù trong học giới bỗng mất một người, mờ mịt tiền đồ, khắp nước thanh niên đều mến tiếc;

- Tuổi thọ với danh thơm khó vẹn cả, xa xăm hoạn lộ, bảy tuần lão mẫu quá đau thương.

Huỳnh Thúc Kháng

2.

ĐIẾU TĂNG BẠT HỔ

Nguyên văn:

廿余年山海艰关，人皆悲其遇，天若鉴其诚，三岛鸣鞭，壮志槿能通上国
廿世纪风云变幻，人皆争已知，君欲竟以力，九秋归剑，胸患犹自恋神京

Phiên âm:

- Nẫm dư niên sơn hải gian quan, nhân giai bi kỳ ngộ, thiên nhược giám kỳ thành, Tam đảo[1] minh tiên, tráng chí cẩn năng thông thượng quốc;

- Trấp thế kỷ phong vân biến chuyển, nhân giai tranh dĩ trí, quân dục cạnh dĩ lực, cửu thu quy kiếm, hùng hồn do tự luyến thần kinh.

Dịch:

- Ba mươi năm lẻ, núi biển trải nhọc nhằn, ai cũng thương cảnh ngộ, trời hẳn thấy nhiệt thành, quất ngựa thẳng non Thần[1], tráng chí mới thông miền Thượng quốc;

- Hai chục kỷ đời, gió mây chiều biến đổi, người đều đua lấy trí, ông muốn đấu bằng sức, quay gươm về nước cũ, hồn thiêng còn mến đất Thần kinh.

Huỳnh Thúc Kháng

Chú thích:

1. *Tam đảo*: chỉ đất Nhật Bản gồm ba đảo lớn. Huỳnh Thúc Kháng dịch là *non thần* cũng là chỉ nước Nhật.

3.

TẠI PHẬT ĐÀI

Nguyên văn:

蓮座香飛慧月普隨月照
楊枝露灑雲潛化陣雲陰

Phiên âm:

- Liên tọa hương phi tuệ nguyệt phổ tuỳ nguyệt chiếu;
- Dương chi lộ sái vân tiềm hóa trận vân âm.

Dịch:

CÂU ĐỐI Ở BÀN THỜ PHẬT

- Hương sen bay ngát, trăng tuệ tỏa cùng trăng chiếu;
- Cành dương rưới khắp, hoà trong đám tối cơn mây.

4.

TẠI TỔ TIÊN HƯƠNG ÁN

Nguyên văn:

人生兩大間水源木本難忘東而西共同此理
身在萬里外春露秋霜有感祖若尊遙鑒微誠

Phiên âm:

- Nhân sinh lưỡng đại gian thủy nguyên mộc bản nan vong đông nhi tây cộng đồng thử lý;
- Thân tại vạn lý ngoại xuân lộ thu sương hữu cảm tổ nhược tôn diêu giám vi thành.

Dịch:

CÂU ĐỐI THỜ TỔ TIÊN

- Người sống giữa hai cái lớn, nước có nguồn cây có gốc khó quên, bên Đông cũng như bên Tây cùng chung lý ấy;
- Thân ta ở ngoài ngàn dặm, móc mùa xuân sương mùa thu đều cảm, tổ tông chứng giám chút lòng thành chốn xa xôi.

5.

TẠI CHIẾN HỮU HƯƠNG ÁN

Nguyên văn:

某者爲工某者爲兵自古男兒埋骨沙場無弱漢
神其來歆神其來享而今歲序招魂客地有餘哀

Phiên âm:

- Mỗ giả vi công, mỗ giả vi binh tự cổ nam nhi mai cốt sa trường vô nhược hán;
- Thần kỳ lai hâm, thần kỳ lai hưởng nhi kim tuế tự chiêu hồn khách địa hữu dư ai.

Dịch:

CÂU ĐỐI THỜ BẠN BÈ

- Anh là thợ, anh là lính, từ xưa những đấng nam nhi vùi sương ở chốn sa trường đâu phải là người hèn kém;

- Hồn về thăm, hồn về hưởng, ngày lễ trăm năm xin nhớ mời hồn từ nơi đất khách đã từng thừa nỗi xót xa.

Chú thích:

* Ba câu đối 3, 4 và 5 này, chúng tôi trích từ một "di cảo" chép tay của Nguyễn Ngô Ngạc. Lúc bấy giờ (1915-1916) ông Ngạc là lính An Nam bị động viên sang Pháp phục vụ "nước mẹ", từng có dịp đến thăm cụ Phan Châu Trinh (ông có quan hệ cậu cháu họ với Cụ) đã xin cụ Phan mấy câu liễn để thờ tại một nhà thờ do ông thiết lập tại Pháp. Trong nhà thờ này có 3 án thờ: thờ phật, thờ tổ tiên và thờ các bạn lính thiệt mạng tại Pháp.

CÂU ĐỐI NÔM

1.

TẶNG ÔNG NGUYỄN QUÝ LONG

(Tri huyện Phù Cát – Bình Định)

- Lòng nhọc chánh thì ươn, một cái đờn ca nghe đất dậy;
- Kẻ đi người ở lại, hai ta tâm sự phú trời soi.

MẤY CÂU ĐỐI CẢM KHÁI
(Khi ở Kinh đô)

2.

Thôi cũng ngẩng đầu xem cuộc thế;
Có đâu dư bụng chứa tuồng đời.

3.

Dông, mây cuộc thế xoay sao được;
Đèn sách công phu trả chửa xong.

4.

Lẽ giống da vàng đành lấp đất?
Chán phường áo trắng lại lo trời!

v.v...

Chú thích:

* Bốn câu đối này đều trích ở sách Huỳnh Thúc Kháng: *Phan Tây Hồ Tiên sinh lịch sử.* (In kèm trong *Giai nhân kỳ ngộ*. Nxb Hướng Dương – Sài gòn – 1959).

5.

PHAN CHÂU DẬT KHÓC MẸ
(Phan Châu Trinh làm hộ)

- Con tưởng mẹ, mẹ ơi! Mẹ đau con chẳng biết, mẹ mất con chẳng hay, biển rộng trời cao, nghìn dặm luống trông tin mẹ mạnh;

- Mẹ thương con, con rõ! Con ở mẹ nhọc lo, con đi mẹ nhọc nhớ, ơn dày nghĩa nặng, trăm năm đành để nợ con mang.

TÂY HỒ THI TẬP

GIỚI THIỆU

Tây Hồ thi tập là nhan đề ông bà Lê Ấm (con rể và con gái cụ Phan) đặt cho tập thơ thất ngôn tập hợp những bài thơ riêng lẻ của Phan Châu Trinh, ngoài hai bài chữ Hán (*Chí thành thông thánh* và *Xuất đô môn*) còn là thơ quốc âm. Đối chiếu tiểu sử và các thi đề thì chưa thấy có bài nào làm trước thời kỳ làm quan và sau thời kỳ ngồi ngục Xăng tê. Không rõ vì tác giả không giữ lại và người sưu tầm không có điều kiện tìm kiếm bởi khoảng cách quá lớn về không gian, thời gian, hay là vì, cũng như một số nhà hoạt động yêu nước khác, Phan chỉ làm thơ trữ tình, trào phúng... những lúc rỗi rãi bắt buộc (đáng chú ý phần lớn thơ sưu tầm được của ông, Hán cũng như Nôm, thuộc các thời kỳ làm quan, Nam du, bị quản thúc ở Mỹ Tho và ngồi ngục Xăng tê).

Tây Hồ và *Xăng tê thi tập* đã được ông bà Lê Ấm cho in (nhà in Lê Thị Đàm, Sài Gòn 1961). Bản in sai quá đáng, chúng tôi đã cố gắng đính chính những gì sai rõ ràng nhất (có tham khảo bản chép tay lưu trữ) và sắp xếp lại trình tự, mong được hợp lý hơn. Những bài thơ này có thể đoán định thời điểm trong quãng 1902- 1913.

Thơ trong *Tây Hồ thi tập* tuy chỉ có hơn 70 bài, nhưng rất đa dạng, có cả thơ thù tạc, thơ đùa nghịch bạn, thơ xướng hoạ với phụ nữ. Đáng chú ý nhất là những bài tâm sự, hoài niệm, phê phán xã hội và than vãn về thời thế, thuộc loại hay nhất trong thơ ca đầu thế kỷ XX. Cũng nhờ những bài thơ tâm tình chữ Nôm, chữ Hán và bản *Điều trần gửi Hội Nhân quyền* mà nay chúng ta có thể đính chính một vài nhận định chưa thoả đáng trước đây về Phan Châu Trinh như nói ông coi bất bạo động là nguyên tắc và cải lương là tôn chỉ.

GS. HUỲNH LÝ

1. TẶNG ĐĨ LỖ ĐÀNG

(Năm Nhâm Dần [1902] ở Kinh về)

Khăn trăp đôi đang oan chịu tiếng,
Nước non mấy dặm nặng chung tình.
Hoa trôi bèo dạt khôn nương dựa,
Gió cuốn mưa trêu khéo giữ gìn.
Ngãi ấy ơn kia thôi phủi sạch,
Chim trời cá nước rộng thênh thênh.

2. CỜ TƯỚNG

(Năm Ất Tị [1905] ở Phan Thiết)

Một ông tướng lác đứng trong cung,
Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẫy vùng.
Pháo dở hai cây nằm dưới góc,
Tốt đau năm chú đứng bên sông.
Lờ khờ cặp ngựa đi tam cố[1],
Lạc xạc đôi xe chạy tứ tung.
Đương cuộc ai xui mê đến thế,
Họa là tiên xuống giúp cho cùng.

Chú thích:

[1] *Đi tam cố:* Đi liều mạng.

3. HÁT BỘI

(Năm Giáp Thìn [1904])

Đồng la[1] trống chiến[2] đánh vang rầy,
Òa õa coi ra cũng sắp nầy.[3]

Ba chú kép già ngồi vếch mỏ.
Mấy thằng hiệu[4] đói đứng khoanh tay.
Áo quần lượt thượt tuồng anh Khách,[5]
Dùi gậy nghênh ngang thác chú Tây.
Lạy kiếm ít đồng rồi rượu thịt,
Hết, còn nhà chú biết gì đây.

Chú thích:

[1] *Đồng la*: phèng la, thanh la.

[2] *Trống chiến*: Trống thúc quân ra trận. Trong nghề hát bội, có một nhạc công đánh trống.

[3] *Sắp nầy:* lớp, bọn này.

[4] *Thằng hiệu:* Tên lính cầm cờ chạy theo hướng trong tuồng hát.

[5] *Anh Khách:* Chỉ Hoa kiều.

[6] *Thác chú Tây*: chỉ người Âu, người Pháp.

4-5. HÒN CÔN LÔN

(Năm Đinh Vị [1907])

1
Bơ vơ nước cũ biển ra cồn,
Ai ngỡ còn đây chút núi non.
Gành lố rạch hai vùng Quế hải[1],
Chó gà riêng một cụm Đào nguyên.
Bốn mùa hoa quả quên sưu thuế[2],
Một nắm giang sơn đủ dại khôn[3].
Cả thảy anh em đừng bực bội,
Chẳng gan chưa dễ tới Côn Lôn.

2
Thương tang dời đổi mấy thu đông,
Cụm núi Côn Lôn đứng vững trồng,
Bốn mặt giày vò oai sóng gió,
Một mình che chở tội non sông.

Cỏ hoa đất nảy cây trăm thức,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước biếc non xanh thiêng chẳng nhẽ,
Gian nan xin hộ bước anh hùng.

Nguyên chú:

(1) *Quế hải:* Biển nước Nam ta. Tàu gọi Quế hải, vì nước ta nhập về với quận Quế Lâm.

(2) Ở Côn Lôn còn một làng được vài mươi dân, ruộng nương không đánh thuế, có tội cứ đuổi dần về trong đất liền.

(3) Nước ta bất cứ tội gì từ ăn cướp ăn trộm cho đến quốc sự phạm cũng đày ra đó.

6. ĐẬP ĐÁ

(Làm ở Côn Lôn năm Đinh Vị [1907])

Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể sự con con.

7. TRỒNG ĐÀO

(Làm ở Côn Lôn năm Đinh Vị [1907])

Nước non hàng họ vẫn quanh đây,
Đem giống đào tiên thử đất nầy.
Nảy tược đâm bông rồi kết quả,
Ai ăn xin nhớ kẻ trồng cây.

8. CU NGOÀI TRÁCH CU TRONG

(Lúc ở Mỹ Tho)

Dạ chuột lòng chim gẫm chả xong,
Nghĩ ra mà gớm chú cu trong!
Đã hay ghét chắc[1] dây gù gáy,
Cũng phải thương nhau nhắm máu lông.
Trót bước vô vòng xoang[2] lấy lưới,
Còn đem cả ổ giụm vào lồng.
Nước ve lúa nắm bao nhiêu đó,
Độc miệng nào ai có kể công.

Nc:

[1] *Ghét chắc:* ghét nhau.

[2] *Xoang*: mắc, vướng, quàng vào (lưới)

9. CU TRONG HỌA LẠI

Sa chân sẩy bước trót vào trong,
Nương náu tay người phải gắng công.
Lưới rập vì đâu sinh máy móc,
Gáy gù đành chịu tiếng bông lông.
Nhảy bay mặc đó đừng khua mỏ,
Xa lạ chi đây nỏ biết lồng.
Nòi giống thương nhau tầng mấy thuở,
Diều gà thịt chó thấy tha vung.[1]

Nc:

(1) *Diều gà thịt chó*: Gà tha diều gà, chó tha thịt chó, chẳng nể là đồng loại.

10. ĐÈN SÁP

Trăm nhồi mười nắn tính không hoi,
Đèn sáp khen ngươi khéo dẻo dai.
Giữ chặt mối tim trong mấy tấc,
Lăn tròn cái xác biết bao ngoi.(1)
Cháy đầu bởi đỡ cơn tăm tối,
Nóng ruột càng thêm sự sáng soi.
Mở cửa vì đâu nên gió lọt,
Trót đem nhỏ giọt tỏ cùng ai.

(1) *Ngoi:* bận, vòng.

11. THỨ VẬN TẶNG KÝ PHÚ

Gió bụi xông pha kiếm một thanh,
Tới đây nghĩ đã lắm công trình.
Thành xưa dấu sót lau đôi cụm,
Nước cũ tro tàn liễu mấy dinh.
Cám cảnh trăm năm đành để dạ,
Chào nhau một tiếng gọi là tình.
Mấy lời vàng đá lòng ghi tạc,
Bao quản thân này chút tí danh.

12-17. TẶNG ẤM BẢY CƯỚI VỢ(1)

(Năm Canh Tuất [1910] ở Mỹ Tho)

1

Tiếng quyển lầu Tần(2) văng vẳng nghe,
Nôm na gửi tặng bạn cò ke(3)
Đất Phan(4) sấm dậy trăm phong pháo,
Chợ Lớn mây đưa mấy lọng xe(5).

Cậu đã nên nhà mừng quá nhẽ,
Trai mà có vợ sướng hung hè.
Cho hay son phấn nồng hơn lả,
Mềm ruột iêng hùng đấy lắm nhe!

Nc:

(1) *Ấm Bảy* tức Nguyễn Quý Anh lấy vợ người Chợ Lớn. Ông là con của Nguyễn Thông, nguyên Đốc học Vĩnh Long. Khi Pháp chiếm Nam Kỳ, ông chuyển gia đình ra Phan Thiết, coi đó là nơi "tị địa".

(2) *Tiếng quyển lầu Tần:* Tương truyền con gái của Tần Mục Công là Lộng Ngọc mê tiếng sáo của Tiêu Sử, về sau hai người lấy nhau và cùng thành tiên.

(3) *Bạn cò ke:* bạn chơi đàn với nhau.

(4) *Đất Phan:* đất Phan Thiết, quê hương mới của gia đình Nguyễn Quý Anh.

(5) *Mấy lọng xe:* Mấy cỗ xe (lúc làm đám cưới?).

2

Thử vàng chọn đá bấy nhiêu lâu,
Kiếm chút chi chi bỏ cổ, đầu.
Trải khắp bông thơm chừng bướm mỏi,
Bay vừa dèo tốt chắc ong bâu(1).
Xoang tay Bá Nhạc khôn lầm ngựa(2),
Liếc mắt Bào Đinh chẳng thấy trâu(3).
Ai mới mừng ai, ta cũ rếch,
Mỉm cười lại nhớ chuyện đâu đâu.

Chú thích:

(1) *Dèo:* cọc đỡ cây.

(2) *Bá Nhạc:* người thời Xuân Thu giỏi xem tướng ngựa. Theo *Sử ký,* Bá Nhạc đi qua Ngu Ban có người quỳ phục ở dưới xe trông lên Bá Nhạc mà khóc. Bá Nhạc xuống xe, nhỏ nước mắt, vỗ về ngựa, ngựa ra vẻ hả hê.

(3) *Bào Đinh:* Người đồ tể họ Đinh. Sách *Trang Tử* chép: Anh đồ tể họ Đinh làm thịt trâu bò tài đến mức con dao đi đến đâu thì thịt xương như tự lóc ra, làm nghề 10 năm mà dao vẫn như mới. Anh ta nói: "Lúc mới biết làm thịt trâu, chỉ nhìn thấy trâu, ba năm sau thì không nhìn thấy toàn con trâu. Đến nay thì chỉ tâm thần hoạt động, mắt không nhìn thấy trâu nữa". Hai câu 5 và 6 ý nói: Quý Anh biết phụ nữ rất rành.

3

Cá nước bây giờ thỏa ước ao,
Nghĩ đôi năm trước vẫn tầm phào.

Thành Bàn[1] lận đận người trong bóng,
Cửa Bé[2] trơ ngơ kẻ cắm sào.
Ngỡ chú chắc gan không bận bịu,
Đố ai thấy sắc chẳng thều thào,
Làm trai phải biết mùi bông đuốc[3].
Lén lút ra chi sự cắp đào.

Chú thích:

[1] *Thành Đồ Bàn* ở Bình Định, kinh đô của vương quốc Chăm pa thế kỷ X-XV.
[2] *Cửa Bé*: một cửa biển nhỏ ở phía Nam thành phố Nha Trang.
[3] *Bông đuốc:* Dịch chữ "hoa chúc". Đêm tân hôn gọi là "hoa chúc dạ".

4

Lừa lọc khen cho khách cưỡi rồng,
Tình xuân lấn lá để đêm đông.
Bông đường[1] giấc tỉnh trăng chưa xế,
Rượu cúc hơi khuây đuốc vẫn hồng.
Vàng ngóng ngàn thoi đà đúng giá,
Gươm mai trăm bận dễ hoài công.
Người đời lịch duyệt khôn là thế,
Tấc bóng so đo chớ bỏ không.

Chú thích:

[1] *Bông đường*: tức hoa *hải đường*, chỉ người con gái đẹp.

5

Gái sữa trai măng xứng lắm thay,
Phong lưu chuyện ấy gẫm chi tày.
Vỡ lòng còn thẹn tuồng nâng chén,
Ngợ ngón chưa quen thú vẽ mày.
Ướt đẫm dầu Tây[1] thơm ngát mũi.
Láng xầy lãnh Bắc[2] mát ru tay!

Anh em nói vậy thì hay vậy,
Chớ hở cho ai ghét lá lay[3].

Chú thích:

[1] *Dầu Tây:* chỉ nước hoa xức khi trang điểm.

[2] *Lãnh Bắc*: một thứ vải láng cao cấp, sản xuất ở Bắc Kỳ (lãnh Bưởi).

[3] Ý nói ghét người hay đưa chuyện, đặt điều.

6

Phong tình thôi bớt sự lăng nhăng,
Thương chút lòng ai phải nói năng.
Đã biết chơi hoa khi mới nở,
Cho hay uốn trúc thuở còn măng.
Sau lưng Bồ Tát khôn nương bóng[1].
Dưới ngón Ma Cô phải cắn răng[2].
Cố nhắm mùi đời cho chín chắn,
Tiếng sư đừng để thói lung lăng[3].

Chú thích:

[1] *Bồ Tát:* gọi tắt tiếng Phạn *Bodhisatha* chỉ người tu hành đã tự giác được ban Phật tính để phổ độ chúng sinh.

[2] *Ngón Ma Cô*: Do chữ "Ma Cô trảo". Sách *Thần tiên truyện chép:* Thời Hán Hoàn đế, thần tiên Vương Phương Bình giáng xuống nhà Sái Kinh, tiên nữ Ma Cô cùng đến. Nàng có móng vuốt như chim. Sái Kinh thấy vậy, nói thầm trong bụng: Khi ngứa lưng mà có móng ấy để gãi thì tốt quá. Vương Phương Bình biết được lời nói thầm của Kinh, bèn sai người kéo Sái Kinh ra mà đánh. Câu này ý nói đã mắc tay người đẹp thì cắn răng mà chịu vậy.

[3] *Tiếng sư:* Tiêng sư tử rống, chỉ người đàn bà ghen. Trước đây ta thường nói người vợ có thói ghen tuông là "Sư tử Hà Đông".

18-19. TẶNG TÚ NGHI CƯỚI VỢ
(Liên hoàn)

1

Trách móc gì tôi ngài hỡi ngài,
Cỡi rồng cỡi cọp biết mừng ai.
Chim khôn phải lựa nơi cành tốt,
Cá rẻ đừng ham buổi chợ mai.
Bến cũ một hai con lắm liễu,

Vườn quê ba bảy thiếu chi mai.
Trăm năm dẫu tính đường tơ tóc,
Bơi chải cho hay chớ bốc chài.

2
Bốc chài sao được ớ ngài ôi!
Đầu tóc xanh xanh mấy chục rồi.
Xuân đặng bao nhiêu dầu đặng mấy,
Chim còn có cặp cá còn đôi.
Đen vàng còn kí chờ đâu đấy,
Đỏ trắng đền chương chán lắm thôi!
Mừng cũng mừng thầm thương phải nói,
Xin ai chớ trách móc gì tôi!

20-23. THỨ VẬN HỌA[1] XUÂN LAN NỮ SĨ[*]

Nức tiếng hương khuê đã mấy năm.
Xa xôi chi đó nữa mà lầm?
Trái mai hỏi tiết vừa ba, bảy, [2]
Tơ liễu so tài đặng bốn, năm.
Khép cửa còn chờ trang bắn sẻ[3],
Cách tường chưa gặp buổi rơi trâm[4].
Chim xanh[5] khép mở đường qua lại,
Văng vẳng bên song mấy tiếng cầm.

Chú thích:

[1] *Thứ vận họa:* Họa thơ theo vần phụ. Trong thơ xướng họa, vần trong bài *xướng* gọi là *nguyên vận,* cũng theo vận ấy ở trong bài *họa*, gọi là *thứ vận.*

[2] *Kinh Thi:* có bài thơ *Phiếu hữu mai* (Quả mai rụng), 4 câu của phần sau, tạm dịch: "Quả mai đã rụng, Mười phần còn bảy, Kẻ sĩ tìm đến em, Hãy gấp cho kịp ngày tốt". Mai rụng còn 7 quả, rồi còn 3 quả. Chỉ tuổi xuân sắp qua nhanh!

[3] *Trang bắn sẻ:* người bắn chim sẻ. Do tích: Đậu Nghi người Nam Bắc triều, có người con gái yêu, muốn kén rể, sai vẽ một con chim sẻ trên bức bình phong, hễ ai bắn trúng mắt chim thì gả con gái cho. Lý Uyên (sau này là Đường Cao Tổ) bắn trúng, lấy được vợ.

[4] *Rơi trâm:* Do tích trong *Truyện Kiều* (?): Kim Trọng bắt được chiếc *thoa* (trâm) của Thúy Kiều, rồi hai người quen biết và yêu nhau.

[5] *Chim Xanh:* Sách *Hán Vũ cố sự* kể rằng: Ngày 7 tháng 7, Hán Vũ Đế

đang ngồi chơi, chợt có con chim xanh bay đến. Đông Phương Sóc tâu: "Đó là sứ giả báo tin có Tây Vương mẫu đến". Ở đây *chim xanh:* người mối lái.

2

Trải kiếp tro Tần sáu chục năm[1]
Khen trang nữ kiệt chí không lầm.
Văn chương canh cửi tài nên một,
Ý chí mày râu đạo vẹn năm[2].
Thêu dệt chưa nhường tay vẽ phụng;
Kén lừa còn đợi khách trao trâm.
Dẫu ai sẵn có lòng tri kỷ,
Nghe thử Tương Như mấy khúc cầm.[3]

Nc:

(*) Xuân Lan người Mỹ Tho, ở xứ Vực Miễu, có học, biết chữ nho

[1] *Tro Tần:* Tích: Tần Thủy Hoàng tàn ác *đốt* sách *chôn học trò* cũng giống như chính sách tàn bạo của thực dân Pháp từ ngày cướp nước ta, đến nay đã 60 năm (1848-1910).

[2] *Đạo vẹn năm:* Trọn đạo *ngũ luân* (vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn).

[3] Tư Mã Tương Như đời Hán đến chơi nhà Trác Văn Quân, gảy đàn cầm "khúc Phượng cầu hoàng". Trác Văn Quân say mê tiếng đàn, về sau lấy Tương Như làm chồng.

3

Non sông một gánh nặng quanh năm,
Giữ chặt mình ta dám lỗi lầm.
Đất khách ngỡ ngàng cơn gối chiếc,
Lòng quê bận bịu lúc canh năm.
Ngự câu gieo lá[1] tình hòa mực,
Bạch tuyết xem thi[2] bút bén trâm.
Tâm sự đôi lời xin nhắn hỏi:
"Biết ai chăng nhẽ bạn nghe cầm?"

Chú thích:

[1] *Ngự câu gieo lá: Ngự câu:* Ngòi nước từ cung vua. Tích cũ: Vu Hựu đời Đường bắt được chiếc lá đỏ có đề thơ của một người cung nữ thả xuống ngòi nước từ cung vua chảy ra. Vu Hựu đề thơ họa lại, viết lên một chiếc lá khác rồi đến đầu ngòi thả lá. Người cung nữ thả thơ bắt được chiếc lá của Vu Hựu. Về sau vua thải bớt cung nữ, hai người tìm được nhau và lấy nhau.

[2] *Bạch Tuyết xem thi:* Xem thơ vinh tuyết trắng. Thơ xưa Trung Quốc có

bài nói về thú vui bốn mùa, tạm dịch như sau: "Xuân dạo đồng cỏ thơm, Hè ngắm ao sen biếc. Thu nhấp rượu cúc vàng, Đông xem thơ bạch tuyết".

4

Biển trời lừng lẫy bấy nhiêu năm,
Son phấn ham chi sự lỗi lầm.
Tiếc đấng tài tình còn lẻ chẻ
Xui lòng thiết thạch bận ba năm.
Mắt xanh vẫn biết trang đề lá.[1]
Tay trắng khôn toan nỗi chịu trâm.
Ví dẫu thuyền tình chưa phải bến.
Gặp nhau thôi cũng bạn thi cầm.

Chú thích:

[1] *Mắt xanh:* Theo *Thông chí,* khi vui thì người ta thường nhìn thẳng, lòng đen nằm chính giữa nên mắt màu xanh, khi giận lòng trắng lộ ra nhiều hơn, nên mắt màu trắng.

24. PHỤ LỤC NGUYÊN VẬN

Đất trời lủi thủi tháng rồi năm,
Nghiêu Thuấn người xưa mới khỏi lầm.
Trướng liễu mơ màng câu đức bốn,
Cửa quê lần lữa cái hằng năm.
Sớm ra bến Ngự dòng gieo lá,
Hổ với sân rồng kẻ gõ trâm.
Thảng mảng sính si theo bổn phận,
Nghiêng tai đâu hẳn khúc hoang cầm?

[1] *Đức bốn*: bốn đức (Tứ đức) của người con gái: công, dung, ngôn, hạnh.

[2] *Hằng năm*: năm đức hằng thường (Ngũ thường): nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

[3] Xem chú thích về Vu Hựu ở bài 3 trên đây.

[4] *Gõ trâm*: Trần và Triệu hội đàm, vua Tần ỷ nước lớn, bảo vua Triệu hát cho mình nghe, tuỳ thần vua Triệu là Lạn Tương Như rút trâm gõ vào tang trống làm hiệu lệnh buộc vua Tần cũng hát, nếu không thì thí mạng với vua Tần. Vua Tần phải làm và rồi phải nhún nhường hơn.

[5] *Khúc hoang cầm*: Khúc đàn vô nghĩa lý, tầm thường.

25. TRỜI CHIỀU CHUYỂN MƯA CON GÁI CỞI QUẦN LỘI SÔNG

Mưa nắng thân em giữa dặm trường,
Trời chiều sông vắng tính khôn phương.
Dông rầm rủi phải cơn tăm tối,
Nước khỏa thôi quên thói chán chường.
Thế ấy quản bao chân ướt, ráo,
Chuyện này phú mặc miệng cười thương.
Ôi phường khăn yếm hay chăng nhẽ?
Một bước chân ra khó đủ đường.

26. HIỀN THÊ
(hạn mỗi câu có mỗi vị thuốc Bắc)

Chàng tếch *Thiên môn* thiếp đừng lo,
Dám khuyên *quân tử* khéo tì mò.
Chỉ *cam thảo* mẹ vuông lời dặn,
Tân *khổ qua* ngày giữ phận lo.
Viễn chí chưa đền đành gắng mãi,
Đương quy đừng gởi mới hay cho.
Huyền hồ thỏa đặng lòng trai trẻ,
Đến lúc *hồi hương* mặc chuyện trò.

27. NÓI LÁO
(dùng nguyên vận bài *Từ Thứ quy Tào*)(*)

Nói chạ ai tin sự trứng voi,(1)
Láo cho có sách mới ra mòi.
Nhổ phăng cánh phụng vành nên quạt,
Bẻ trốc sừng lân tiện được còi.
Hậu Nghệ bắn trời xương lút sỏ,
Thủy Hoàng đánh đá máu theo roi.

Không tin hỏi thử ông Bàn Cổ.
Chẳng thiệt xin đoan ngọc mấy thoi.

Chú thích:

(*) Họa vần bài *Từ Thứ quy Tào* của Tôn Nho Tường.

(1) Câu thành ngữ: *Voi đẻ ra trứng*, chỉ sự nói dối nói láo.

28. QUA TÂY LƯU TẶNG NƯỚC NHÀ

Làm trai trót gánh gánh giang san,
Dám nại xa xôi bỏ giữa đàng.
Coi lại chỉ còn ba tấc lưỡi,
Trải qua đã nát mấy buồng gan.
Tếch dương Ấn Độ nhì thiên hạ.(1)
Lên tháp Pari nhất thế gian.(2)
Mượn bút Tương Như(3) đề mấy chữ,
Thân này đành phú với giang san.

Chú thích:

(1) *Tếch:* đi, vượt khỏi. (Ấn Độ) Dương: biển cả, biển Ấn Độ lớn thứ nhì trong 5 đại dương. Thái Bình là lớn nhất.

(2) *Tháp Pari:* tức tháp Eiffel ở Paris cao nhất thế giới lúc bấy giờ (330m).

(3) *Tư Mã Tương Như,* người đời Hán, học rộng, giỏi thi phú, đàn hay. Lúc trẻ sống trong cảnh nghèo và thi hỏng mấy lần. Ngày kia đi thi, ngang qua cầu làng, ông đề vào cầu mấy câu chữ ý nói: lần này nếu không thi đỗ thì quyết không trở về nữa.

29-38. ĐIẾU ÔNG TÚ TÀI CHIỂU(1)

(Lúc ở Paris. Dụng nguyên vận *mười bài thi điếu quan lớn Định*(2), Liên hoàn)

1

Xây vần một cuộc biển nên cồn,
Đồ Chiểu danh thơm tiếng hãy đồn.
Huyết lệ trăm dòng đau Tổ quốc,
Văn chương một mạch rạng mi môn(3)

Lòng son còn có non sông tạc,
Nét mực chưa đành cỏ bụi chôn.
Ông khóc người xưa, tôi khóc trả,
Mươi bài gọi chút nghĩa chiêu hồn.

Chú thích:

(1) Tức là nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), quê ở Bình Dương, Gia Định, Nam Bộ. Ông là tác giả của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu, Ngư tiều y thuật vấn đáp* v.v...

(2) Tức là nhà yêu nước Trương Định (1820-1864), cũng gọi là Quản Định, thủ lãnh phong trào chống thực dân Pháp xâm lược (từ 1862), được nghĩa quân tôn xưng là Thống tướng *Bình Tây Đại nguyên soái.*

(3) *Mi môn:* cũng nói "môn mi" là thanh gỗ ngang ở trên cửa, tượng trưng cho gia thế tiếng tăm của một gia đình.

2

Hồn nước trăm câu khóc quỷ thần,
Suối vàng không thẹn mặt tướng quân.
Thú Dương(1) mảnh đá bia hiền sĩ,
Sơn trại(2) câu thi giọng nghĩa dân.
Mửa máu còn kêu hồn Vọng đế(3),
Héo gan vì khóc kẻ trung thần.
Anh hùng kết cuộc chưa đành vậy,
Chua xót cho ai một chữ truân(4).

Chú thích:

(1) *Thú Dương:* núi Thú Dương, nơi ẩn náu của Bá Di, Thúc Tề là tôi trung của nhà Thương, không chịu ăn thóc của nhà Chu. Hoặc là: (Thú Dương) là nơi Trương Tuần hi sinh khi chống lại An Lộc Sơn (?)

(2) *Sơn trại:* Trại núi.

(3) *Vọng đế:* Vua nước Thục là Đỗ Vũ hiệu là Vọng đế, vì mất nước mà hóa thành chim đỗ quyên (chim cuốc) sau khi chết.

(4) *Truân*: Gian nan, khó khăn.

3

Truân hanh(1) tráo chác(2) mấy trăm lần,
Thương hại người ngay đặng mấy thân.
Khóc núi khóc sông sầu lã chã,
Lo trời lo biển dạ bâng khuâng.

Đành cơ Tạo hóa chưa rồi kiếp,
Cái nợ nam nhi phải xí phần[3]
Sáu tỉnh cỏ hoa rày quạnh vắng,
Xót người một gánh nặng quân thân[4].

Chú thích:

[1] *Truân hanh*: "Truân": khó khăn; "hanh": tốt đẹp, thuận lợi.
[2] *Tráo chác:* Lừa dối, gạt gẫm, ít đổi ra nhiều: ở đây có nghĩa là thay đổi.
[3] *Xí phần*: Nhận lấy phần của mình; "xí" ở đây không có nghĩa xấu.
[4] *Quân thân*: "Quân": vua; "thân": cha mẹ, trong nghĩa "song thân".

4

Gánh nặng quân thân đặng mấy vai,
Biết đem gan ruột gởi vào ai?
Mất còn vẫn giữ lòng đeo đuổi,
Thua được không sờn miệng mỉa mai,
Thút mút[1] non sông tơ một sợi,
Vẽ vời trung nghĩa bút trăm ngòi.
Đèn khuya rượu giã ngâm đôi giọng,
Giọt lệ câu thi chắp vắn dài.

Chú thích:

[1] *Thút mút:* khó khăn, ngặt nghèo.
[2] *Rượu giã:* hết cơn say rượu (giã rượu)

5

Vắn dài thôi có trách chi vua,
Cuộc thế còn nhiều nỗi được thua.
Trăm việc mơ màng trong giấc mộng,
Một tay chống chỏi giữa trường đua.
Gặp sòng tranh cạnh khôn câu chú,[1]
Vớt kiếp trầm luân thiếu điệu bùa[2].

Mấy tiếng kêu trời nghe đã thấu.
Ai ra làm chứng đám phân bua[3].

Chú thích:

[1] *Câu chú*: câu thần chú đọc khi khấn cầu "thần linh".

[2] *Điệu bùa:* là pháp thuật, quyền phép thiêng liêng, cũng như "đạo bùa".

[3] *Đám phân bua:* Bọn người phân bua; trình bày lẽ phải trái, đúng sai.

6

Phân bua thiên hạ hãy thương lòng,
Cái nợ non sông quyết gỡ xong.
Ngậm đá biển đông chim hết sức[1],
Trông mây trời hạ lúa khô đòng.
Đêm dài Ninh Thích[2] khôn mong sáng,
Xuân lại Nghiêu Phu[3] đã chắc đông.
Sùi sụt nhớ người càng tưởng cảnh,
Lờ mờ bụi lấp dấu Gò Công[4].

Chú thích:

[1] *Ngậm đá:* "Chim ngậm đá" là do điển xưa nói con gái vua Viêm đế chết đuối ở biển đông hóa thành chim tinh vệ (một loài quạ), ngày ngày ngậm đá về lấp biển. Câu này ý nói quyết tâm trả thù.

[2] *Ninh Thích:* Người nước Vệ, thời Xuân Thu bên Trung Quốc. Lúc sang Tề tìm đường tiến thân, chưa đạt nguyện vọng, phải đi chăn trâu, sau giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp bá. "Đêm dài" chỉ thời còn hàn vi, khó khăn.

[3] *Nghiêu Phu:* Hiệu của Thiệu Ung, một nhà triết học đời Tống viết sách *Hoàng cực kinh thế* bàn về sự tiến hóa của vũ trụ.

[4] *Gò Công:* Nơi sinh và cũng là địa bàn chống Pháp của Trương Định.

7

Công danh cuộc mới ngó chàng ràng[1],
Trăm họ còn lo chút lấm than[2].
Cây cỏ ngậm ngùi tình cố thổ[3],
Ngựa xe thay đổi dạng tân quan.
Cuộc đời lượn sóng cao cao thấp,
Trường lợi chùm mây hiệp hiệp tan.
Hạc tếch[4] lầu không mây bát ngát,
Núi sông trơ đấy có ai toan.

Chú thích:

(1) *Chàng ràng:* Rộn ràng, lăng xăng không yên một chỗ.

(2) *Lấm than:* Cũng như "lầm than".

(3) *Cố thổ*: đất cũ, chốn xưa.

(4) *Hạc tếch*: hạc bay đi, bài thơ *Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu đời Đường:

Tích nhân dĩ thừa Hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng hạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du
v.v...

Tản Đà dịch:

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà nay Hoàng hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
v.v...

8

Toan sao đừng thẹn với cao sâu,
Chí sĩ xưa nay tủi bạc đầu.
Nước mắt Trường Sa(4) khăn chẳng ráo,
Câu văn Sở Tá(5) bút khôn thâu.
Bể sâu mù mịt cây toan lấp,
Trời rách toang loang đá sắp khâu.
Giọt máu trung thành rơi đã khắp,
Hội này chưa dễ gặp người đâu.

Chú thích:

(1) *Trường Sa:* chỉ nơi tự trầm của Khuất Nguyên, một người tôi trung thời Chiến Quốc. Trong *Sử ký,* Tư Mã Thiên viết: "Đi đến Trường Sa, xem chỗ Khuất Nguyên tự trầm dưới sông, thường không khỏi rơi nước mắt".

(2) *Sở Tá:* sách *Từ nguyên,* dẫn sách *Mông khê bút đàn chép:* "Trong *Sở từ* cuối câu của bài "Chiêu hồn" đều dùng "tá" làm trợ ngữ... Vậy *"câu văn Sở tá"* là câu văn chiêu hồn.

9

Đâu đâu rày đã biết người chăng?
Giọt lệ thương quê nhỏ khó khăn.
Trọn vẹn đã đành thân bạch bích(1)
Giềm pha bao quản tiếng thanh dăng(2).
Chết đành theo mả Viên Sùng Hoán(3).
Sống hãy ngâm thi Đỗ Thiếu Lăng(4).

Đau đớn vì ai trời đất biết,
Cuộc đời sấp ngửa hãy còn giằn![5]

Chú thích:

[1] *Bạch bích:* ngọc bích trắng.

[2] *Thanh dăng:* Con ruồi xanh, người vu cáo, gièm pha.

[3] *Viên Sùng Hoán:* Một người yêu nước cuối đời Minh, về sau bị vu là tư thông với Mãn Thanh rồi bị giết. Nguyễn Đình Chiểu lúc chết phải chôn ở đất Pháp chiếm, cũng như Viên Sùng Hoán phải chôn ở đất Mãn Thanh chiếm.

[4] *Đỗ Thiếu Lăng:* Tức Đỗ Phủ, nhà thơ xã hội nổi tiếng đời Đường, Phan Châu Trinh cũng đánh giá cao nhà thơ Đỗ Phủ.

[5] *Giằn*: đặt mạnh và nhanh khi dùng đồng tiền để "đánh chẵn lẻ" hoặc khi "xin quẻ âm dương" (bói toán)...

10

Giằn vặt sao cho khỏi hội này,
Một thân nam bắc, lại đông tây.
Nước cờ đã bí mong toan gỡ,
Giấc ngủ đương ngon giở khuấy rầy.
Chiu chít càng thương gà mất mẹ,
Lao nhao chi sá cáo thành bầy[1].
Ở người chín suối thiêng chăng nhẽ,
Một nén tâm hương hãy biết vầy[2].

Chú thích:

[1] *Lao nhao:* Ồn ào. Câu này ám chỉ bọn giặc Pháp như một bầy cáo ồn ào.

[2] Câu 8: "Nén tâm hương": nén hương thắp ở trong lòng; tác giả điếu người xưa bằng tấm lòng thương xót, cảm thông. "Biết vầy": biết như vậy.

39-48. THI XƯA[1]

1

Việc chi van vái với ai đây,
Cắc cớ sao người đến thế nầy?
Bể rộng mặc dầu cho cá nhảy,
Trời cao chưa dễ hẹp chim bay
Tìm thầy học đạo còn mong thuở,

Kiếm chủ thuê công dễ mấy ngày.
Trai nọ lệch mồm bơn méo miệng[2],
Chê bai thôi bớt giọng thày lay.

Chú thích:

[1] Tôn Thọ Tường có làm 10 bài thơ "Tự thuật" để tỏ lòng khi ra làm quan với Pháp. Phan Văn Trị đã từng họa lại. Phan Châu Trinh cũng làm 10 bài họa vần, sau đó còn có "lại y vần 10 bài" nữa. Lời thơ vừa mạnh mẽ vừa thiết tha, bộc lộ lòng khinh bỉ mỉa mai của tác giả đối với kẻ thỏa hiệp, đầu hàng, thật đáng cho ta trân trọng.

[2] "*Bơn*": cá lờn bơn. Có câu tục ngữ: "Trai lệch mồm, bơn méo miệng".

2

Thày lay nên mới mắc danh nhơ,
Cũng bởi mình cưu việc bá vơ[1].
Nước đục chưa chi cò ướm béo,
Sông trong đâu có hạc toan chờ?
Vững chân thà để thiêu nhà phố[2],
Ướt mặt làm thêm bí nước cờ.
Đất cát ông cha còn để đấy,
Vì ai xui giục mới nên ngơ!

Chú thích:

[1] "*Cưu*": nhận lãnh một công việc, *"bá vơ"*: ngu xuẩn, dại dột.

[2] Do câu tục ngữ "Hàng xóm cháy nhà bằng chân như vại", chỉ thái độ ích kỷ, chỉ biết có mình.

3

Mới nên ngơ ngác để tan tành,
Cắc cớ xe dây trở buộc mình.
Múa miệng còn nhồi câu đạo nghĩa,
Cúi đầu thêm thẹn tiếng trâm anh[1].
Nỡ lòng đá ném cơn sa giếng[2],
Tốt mặt bìm leo lúc ngã thành[3],
Vậy cũng xăn văn[4] thầy thợ mãi,
Lợi còn chẳng biết, biết gì danh.

Chú thích:

(1) *Tiếng trâm anh:* "Trâm" vật để cài tóc; "anh" giải mũ bằng vải: ngày xưa con trai nhà quan lớn lên thì đội mũ, có cái trâm (vì để tóc dài). "Tiếng trâm anh": tiếng con nhà quyền quý. Tôn Thọ Tường vốn là con một quan phủ.

(2) Do thành ngữ "ném đá xuống người sa giếng", chỉ việc làm bất nhân, bất nghĩa.

(3) Do thành ngữ "Giậu ngả bìm leo", chỉ người tiến thân trên sự thiệt hại của người khác.

(4) *Xăn văn:* Bộ đứng ngồi không yên, có ý trông đợi cái gì đó.

4

Danh lợi đua bơi một lũ hoang,
Cũng lo việc nước gớm ghê càng.
Bắt hùm ngoài nội chê rằng láo(1),
Dạy khỉ trên cây thế mới ngoan.
Quái nỗi chất đầy quân mặt bạc,
Làm cho bể nát cái âu vàng(2).
Thôi đừng khôn khéo, thôi đừng giỏi,
Trong ống dòm beo dễ một khoang(3).

Chú thích:

(1) "*Bắt hùm ngoài nội*": bắt cọp ngoài đồng, một việc rất khó khăn, nguy hiểm. Câu này ý nói Tôn Thọ Tường chê bai những người chống Pháp.

(2) *Âu vàng*: Thế bền vững của đất nước, do chữ "kim âu" là cái chậu bằng vàng.

(3) Do thành ngữ "*qua ống dòm beo*": qua ống dòm, nhìn con beo chỉ thấy một khoang, chỉ người không có tầm nhìn xa.

5

Một khoang trông thấy gọi rằng khôn,
Đéo ỏa tau đây chấp cả phồn(1)
Giả cáo dềnh dàng hơi mượn cọp(2),
Bắt gà lếu láo thói quen chồn(3).
Gánh vàng khôn cậy quang sờn gié(4),
Khát nước đừng mong ấm lủng trôn(5).
Sách ấy trò này thêm khuấy rối,

Cũng đành đốt hắt[6], cũng nên chôn.

Chú thích:

[1] *"Đéo ỏa"*: nghĩa cũng như "đéo vào", tỏ ý không cần. *Cả phồn:* cả bè lũ.

[2] *Giả*: mượn, bắt chước. Câu này tác giả muốn nói Tôn Thọ Tường chớ có dựa thế người Pháp để hăm dọa, tác oai tác quái với bạn bè, với đồng bào cũng như con cáo muốn dựa hơi con cọp để ức hiếp đồng loại hay các con thú khác.

[3] Tục ngữ: *Chồn cáo lếu láo bắt gà*, chỉ việc làm của kẻ xấu, kẻ gian.

[4] "Quang": cũng gọi là gióng là những vật bằng dây mây, để lồng thúng, giỏ vào mà gánh; *"giẻ"*: những sợi dây chính của cái quang. Câu này ý nói không cậy kẻ bất tài làm việc lớn.

[5] *Ấm lủng trôn không thể chứa nước.* Ý cũng như câu trên.

[6] *Đốt hắt*: đốt *phắt* đi rồi.

6

Nên chôn cho rảnh lũ tan nhà,
Sống khuấy hôi tuồng gẫm xấu xa.
Nếu muốn mang rêu, mang cả cọc[1],
Sao không hỏi trẻ, hỏi ông già?
Đống xương nghĩa sĩ đôi lần chất,
Giọt lụy anh hùng lắm lúc sa.
Phải đặng đông tay nâng vạc ngã,
Non sông may cũng họa chăng là.

Chú thích:

[1] Tục ngữ: *"Ốc không mang nổi ốc, còn muốn mang cả cọc cho rêu"*, chỉ kẻ bất tài mà muốn tỏ ra giỏi giang.

7

Họa chăng là việc dễ toan lo,
Quái gỡ, tuồng chi khéo vẽ trò.
Mượn tiếng ham rồng toan lếu láo,
Dưỡng thây nuôi cọp hết so đo.
Quân nhu Mao sắt thương ngàn khẩu[1],
Dân ước Lư Soa sách một pho[2].
Trôi máu vứt thây thề đất nước,
Lòng người đã muốn ắt trời cho.

Chú thích:

[1] *Quân nhu*: đồ cần dùng cho đời sống quân đội, ở đây chỉ khí giới. "Mao

sắt": dịch âm tên nhà phát minh người Đức Mauser (1834-1882) chế ra khẩu súng Mauser, ta gọi là súng Môde: "*thương*": cây súng, khẩu súng.

(2) *Dân ước*: tên cuốn sách tiếng Pháp *Contrat Social* của J.J. Rousseau (1712-1778) bàn luận về thuyết dân chủ. "Lư Soa": dịch âm tên nhà tư tưởng người Pháp J.J. Rousseau: cũng đọc như "Lư Thoa".

8

Muốn ắt trời cho cũng bởi người,
Dễ đâu trau chuốt việc mua cười.
Ếch ngồi đáy giếng nên khinh mặt,
Chim sẩy ra lồng dám dễ ngươi(1).
Tuyết mặc dầu cưa tùng vẫn cứng(2),
Sương bao nhiêu nhuốm cúc thêm tươi(3).
Dời non tát biển chưa rằng khó,
Mấy tỉnh con con dễ mấy mươi.

Chú thích:

(1) *Dễ ngươi*: Coi không ra gì

(2) *Mặc dầu:* tha hồ; mùa đông cây tùng vẫn đứng vững, tha hồ cho tuyết cưa gió đập.

(3) *Tùng cúc* chỉ người quân tử. Hai câu này ý nói người quân tử vẫn giữ gìn khí tiết, vẫn đứng vững trong khó khăn, không như Tôn Thọ Tường.

9

Mấy mươi ta hãy chớ xăn văn,
Cọp tới nhà đây thế phải ngăn.
Xúm lại kình tay(1) ra sức chống,
Thôi đừng trây máu kể phần ăn(2).
Xong mưu Trí Bá thành chưa ngập(3),
Hết sức Ngu Công núi phải bằng(4).
Người định hơn trời nghe đã chắc,
Xưa nay lẽ ấy vẫn hằng hằng(5).

Chú thích:

(1) *Kình tay:* Vươn mạnh tay, lấy hết sức của đôi tay.

(2) *Trây:* bôi, trét, làm cho dơ bẩn. Thành ngữ: "*Trây máu ăn phần*", chỉ người ngoài cuộc muốn xông vào kiếm chác trong một vụ giành giật.

(3) Trí Bá là người biết chiêu hiền đãi sĩ thời Chiến Quốc, vì mắc mưu Triệu Tương Tử mà phải mất thành và bị giết. Đây tác giả nói với ý ngược lại (như ở

câu 6 dưới) là mặc dầu Trí Bá bị mắc mưu, nhưng vẫn giữ được thành.

(4) Sách *Liệt tử* kể ông già họ Ngu chín mươi tuổi mà muốn dời hai quả núi Thái Hằng và Vương Ốc. Có người cho là viển vông ông nói: "Ta chết thì có con ta, con chết lại có cháu, cháu lại sinh con nữa... Còn núi kia đâu có lớn thêm thì ta lo gì mà không dời được".

(5) *Hằng hằng:* luôn luôn, thường xuyên.

10

Hằng hằng xin giữ vẹn lòng ngay,
Bạc bẽo như ai chửa đáng thầy.
Đây đó nhỏ to hai lỗ miệng(1).
Mai chiều sấp ngửa một bàn tay.
Cọp còn để đói quơ đuôi ngoắt,
Chim đã ăn no chớp cánh bay.
Tốt miệng đâu ra đôi chối thử,
Việc chi van vái với ai đây?

Chú thích:

(1) Chắc tác giả muốn nói chữ *Quan*, vì trong chữ Quan có hai chữ *Khẩu*.

49-58. LẠI Y VẬN HỌA TIẾP 10 BÀI (của Tôn Thọ Tường)

1

Than thở lời ai hãy để đây,
Trăm năm hồ dễ tỏ lòng nầy.
Sóng cao cá ngáp giương vi lội,
Ngày tối chim đành mỏi cánh bay.
Tiếc bấy tài cao chưa gặp thuở,
Hiềm vì khí vắn nỡ mua ngày.
Chín sông dẫu có lòng Tinh Vệ,
Nghe thử mười bài miệng lá bay.

2

Lá bay đâu nỡ khéo bươi nhơ,
Há phải như ai lũ vẩn vơ.
Nước đục mặc dầu cò ngả ngớn,
Nhà thiêu trối kệ én chần chờ.

Nên hư đành chắc đôi lời sấm,
Cao thấp ăn nhau một nước cờ.
Muôn dặm châu Âu thân lặn lội,
"Dân quyền" hai chữ nỡ làm ngơ.

3

Ngơ ngác vì ta vững tập tành,
Xe dây mình trở buộc vào mình.
Ngang tàng đã kém trang đầu bút,
Khẳng khái còn đâu thói thỉnh anh[1].
Pha diễu pha trò voi úp thúng,
Hò lơ hò giật sứa qua mành[2].
Người đui ngựa quáng ao sâu vắt,
Lăn lóc còn ôm túi lợi danh.

Chú thích:

[1] *Thỉnh anh*: Vời người tài giỏi anh minh.

[2] *Hò lơ, hò giật*: hai điệu hò dân gian khi lao động. Thành ngữ: *Sứa nhảy qua đăng*. Ý nói khó vượt qua.

4

Lợi danh nên nỗi mới tan hoang,
Nghĩ tới đòi cơn tủi lạo càng.
Lên núi bắt hùm nghề đã láo,
Rung cây nhát khỉ chước còn ngoan.
Xé vai còn mọng khi lành vạt,
Ăn cám sao quên sự trả vàng.
Mất mẹ bầy gà chiu chít đấy,
Biết đâu hay dở dám khoe khoang.

5

Khoe khoang chưa dễ biết ai khôn,
Vắn chạch dài lươn cũng một phần.
Rắn mắt nỡ nào thêm cánh cọp,
Hỏi lòng còn lắm thẹn đầu chồn.
Âu vàng đã bể khôn tìm mảnh,

Chén ngọc tuy xinh tiếc lủng trôn.
Có thảo chẳng ai xin chút thuốc,
Chết rồi chưa dễ thiếu người chôn.

6
Người chôn kẻ bới khuấy hoang nhà,
Nào thấy ai đâu tính nỗi xa.
Mới biết nhiều thầy ma dễ thối,
Cũng vì đông mẹ gái nên già.
Láng diềng còn lắm tay rân rát,
Dòng giống thêm buồn nỗi sút sa.
Lửa nóng giấm chua đâu đã chắc,
Gởi thân sao khéo tính lần là.

7
Lân la như thế gọi rằng lo,
Thương hại cho ai lắm chuyện trò.
Trải chiếu dẹp dơ nên lúng túng,
Chặt tay dứt độc phải so đo.
Hơn thua rút lại cờ không nước,
Cú cập vì chưng kiệu lủng pho.
Vận bĩ ở trong trời cũng có,
Chút lòng cay đắng cũng tin cho.

8
Tin cho thời vận tiếc cho người,
Đâu nỡ trêu nhau sự cợt cười.
Hai chục kỉ rồi chưa mở mắt,
Sáu mươi năm trước dám trêu ngươi?
Đêm khuya nguyệt lặn nên sao tỏ,
Nắng táp hoa tàn dựa nước to.
Phải trái qua loa thôi xóa cả,
Hồ đồ bao quản việc mười mươi.

9
Mười mươi xúm xít luống xăn văn,

Chàng ràng trâu cột ghét trâu ăn.
Ngu Công hết cháu non nên vũng,
Tinh Vệ còn thân biển phải bằng.
Gánh nặng đường xa sao nỡ bỏ.
Làm trai trước phải giữ lòng hằng.

10
Phải giữ lòng hằng mới thảo ngay,
Bệnh người còn vướng thích làm thầy.
Tìm nơi học đạo nên khoe mặt,
Kiếm chốn thuê công khéo xứng tay.
Gai góc khó dung chân phụng đậu,
Mù tăm thà bức cánh hồng bay.
Đĩ già biết kiếp tu thì muộn,
Than thở lời ai hãy để đây!

59. CON MUỖI

Mình thời ngăn ngắn cẳng thời dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Một sức hay đâu mang đặng núi,
To gan có lúc cắn nhầu voi.
Xa tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gầy một bầy ong dạng bất tài
Minh bạch gẫm ra thua nghĩ hết,
Cắn ngò rồi lại dói bên tai.

60. CẢM TÁC (Phan Thiết, 1905)

Gió, tố, dông, mưa đổ lộn phèo,
Trời già chi nỡ thắt khi eo.
Gẫm mùi trung hiếu nên cay đắng,

Giở túi văn chương đã mốc meo.
Bợm điếm lăng xăng lo chợ cháy,
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo.
Non cao bể rộng mênh mông cả,
Mặc sức bơi chơi mặc sức trèo.

61. HỌA BÀI THƠ CỦA ÔNG TRƯƠNG GIA MÔ

Mưa dầm ai gội nắng ai giang?
Sực nhớ ông Chi[1] khóc dạo đàng.
Rán mắt dò chơi then tạo hóa,
Sẵn vai nhắc thử gánh giang sơn.
Gió dông nước cũ lòng nhưng bận,
Cây cỏ non tiên dạ những màng.
Cuộc ngoại hỏi nào người quốc thủ,
Hơn thua một nước dễ ai hoàn?

Nc:

[1] *Cao Sơn Chánh Chi* người Nhật Bản, đảng Duy tân.

62. CON RẬN

Mặt mũi làm ri cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dụng vào đâu.
Xôn xao trên mão chưa nên mặt,
Lục đục trong chăn cứ gục đầu.
Khuấy ngứa gầy dân chi khác mọt,
Ra công béo nước chẳng bằng trâu.
Khéo sinh trong thế chi cho nhộn,
Có có không không cũng chẳng cần.

63. CON TRÂU

Mài sừng cho lắm cũng là trâu,
Gẫm giống chi chi thật lớn đầu.
Trong bụng lam nham vài lá sách,
Ngoài cằm lém đém một chùm râu.
Mắc mưu đốt đít tơi bời chạy,
Lại lễ bôi chuồng dớn dác sầu.
Nghé ngọ một đời quen nghé ngọ,
Trăm dây đờn gảy biết nghe đâu!

64. ĂN GỎI SANH CẦM

Giang tay bắt đặng cá con con,
Ăn gỏi sanh cầm[1] quả rất ngon.
Chanh chua hòa với rau mơ núi,
Mắm nục lộn cùng chuối chát non.
Vật vã trên tay tươi rói rói,
Đưa ngay vào miệng cắn giòn giòn
Mầy đã sa cơ về kiếp ấy,
Tao cho một miếng rỗi linh hồn.

Chú thích:

[1] *Sanh cầm*: bắt sống. Gỏi sanh cầm là lối ăn cắn ngang con cá đang sống nhai kèm mấy thứ rau gia vị.

65. VÔ ĐỀ[*]

Con cháu Hồng Bàng thẹn lắm thay!
Non sông đặng mấy kẻ râu mày?
Túi cơm giá áo lòng xoàng vậy.
Gối tớ lưng tôi lúc nhúc đầy,
Trót đã chết lòng cùng đất nước.
Sao cho nở mặt với cao dày.
Trời Nam biển Quế[1] nào ai đó?
Bến nước mười hai[2] bỏ kiếp này.

Chú thích:

(*) Từ bài 65-72 của tập này, chúng tôi sưu tập từ sách của Huỳnh Lý biên soạn (với sự cộng tác của Hoàng Ngọc Phách): *Thơ văn Phan Châu Trinh*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.

(1) *Biển Quế*: Quế Hải, chỉ đất nước Việt Nam.

(2) Xuất tự thành ngữ: *Phận con gái mười hai bến nước,* nói về duyên phận người phụ nữ. Dù vậy (phụ nữ) cũng đứng ra gánh vác việc (đấu tranh, bảo vệ) nước nhà.

66. KHÔNG ĐỀ

Há dám cưu(1) chi kiếp má hồng,
Kén chăng là kén khách anh hùng.
Trời cao bể rộng dầu bay nhảy,
Nước biếc non xanh thú vẫy vùng.
Nghìn lượng để mua tài Tống Ngọc(2)
Trăm năm khó cắt án Lương Hồng(3)
Tấm lòng băng tuyết thề trời đất,
Chẳng đáng mày râu chẳng gọi chồng.

Chú thích:

(1) *Cưu*: Cưu mang, cứu giúp.

(2) *Tống Ngọc*: Người đời Chiến Quốc, nổi tiếng làm các bài *phú* hay và đẹp trai.

(3) *Cắt án Lương Hồng*: Lương Hồng đời Hán có vợ là nàng Mạnh Quang đối với chồng rất trân trọng, mỗi khi mang thức gì đến cho chồng đều đặt lên án và nâng án ngang mày (cử án tề mi).

67. VỌNG PHU THẠCH(1)
(ở Bình Định, 1905)

Sự tám mươi đời có biết không?
Người chăng? hay đá? vợ chăng? chồng?...
Đi đâu đến nỗi quên tin tức?
Đứng đó bao giờ luống đợi trông?
Tu vậy hay sao, đầu trụi lủi?
Khóc chi lắm hử? mặt hồng bông.

Trời cao bể rộng người còn mất?
Biết nặng hòn non, nhẹ cái lông[2].

phu" như *Nàng Tô thị* ở Lạng Sơn, *Hòn vọng phu* ở Thanh Hóa... và ở Bình Định, nơi tác giả từng đi qua (Nam du năm 1905) cũng có *Vọng phu thạch*.

[2] Người xưa nói: "có cái chết nặng như Thái sơn (non Thái), có cái chết nhẹ như Hồng mao (lông Hồng)".

68. KHÓC TRẦN QUÝ CÁP

Anh biết cho chăng hỡi Dã Hàn[1],
Thình lình sóng dậy cửa Nha Trang.
Lời nguyền trời đất còn ghi tạc,
Giọt máu non sông đã chảy tràn.
Tinh Vệ nghìn năm hồn khó dứt?
Đỗ Quyên muôn kiếp oán chưa tan.
.....
.....[2].

Chú thích:

[1] Trần Quý Cáp (1870-1908) tự Thai Xuyên, hiệu Dã Hàn, người làng Bát Nhị, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đỗ Tiến sĩ năm 1904, là bạn và đồng chí của Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng. Sau khi cùng làm cuộc Nam du để khảo sát dân chủ (1905), ba ông về Quảng Nam tiến hành cuộc vận động Duy tân sôi nổi và rất có kết quả. Trần Quý Cáp được bổ dụng làm Giáo thụ phủ Thăng Bình trong hệ thống giáo dục cũ, lại lợi dụng vị trí đó để tuyên truyền và tổ chức việc học chữ quốc ngữ và sự nghiệp duy tân. Bị đổi vào Khánh Hòa, ông gửi thư cho bạn có câu tán dương tinh thần phản kháng sưu thuế thực dân của đồng bào các địa phương. Bọn cầm quyền kiểm duyệt thư, liền cùng với bọn quan tỉnh bắt ông và sau một cuộc xử án hồ đồ cho có lệ, chúng đem ông ra chém giữa chợ Nha Trang!

[2] Bản sưu tầm thiếu 2 câu 7 và 8. (Huỳnh Lý chú thích)

69. TIỄN NGUYỄN VĨ HỌC THÀNH TÀI TRỞ VỀ NƯỚC
(Paris 23-7-1913)

Xúp – lê một tiếng ruổi chiều hôm,
Vội vã xin đưa ít chữ nôm.
Đất khách chia tay ba chén rượu,
Quê nhà rạng mặt một thanh gươm.
Bảy năm gắng gổ công đèn sách,
Chín chữ đền bồi nợ áo cơm.
Áo gấm ban ngày thêm rạng vẻ,
Bể khơi muôn dặm chúc xuôi buồm.

70. CHIM LỒNG CÁ CHẬU[1]

Chim thời quen núi, cá quen sông,
Cắc cớ sao nên mắc chậu, lồng?
Khôn tới khôn lui trong nước túng,
Khó bay khó nhảy giữa trời không.
Quen chừng biển thánh tung đuôi ngạc[2],
Tếch dặm non Nam lạc cánh hồng.
Chốn ấy một mai dầu đặng khỏi,
Chim thời nên phụng, cá nên rồng.

Chú thích:

[1] Bài này được truyền tụng từ lâu ở Quảng Nam và được ông Lê Ấm ghi: "Làm ở Côn Lôn".

[2] *Ngạc*: (ngạc ngư) cá sấu.

[3] Có truyền thuyết nói cá chép thi nhảy qua ba đợt Vũ môn thì hóa rồng; không có truyền thuyết nào nói chim hóa phụng, chỉ có thành ngữ: "phụng lẫn đàn gà".

71. VỊNH ĐÁ VỌNG PHU Ở PHÙ CÁT

Cắc cớ cho bà đã có công,
Núi cao chót vót đứng trông chồng!
Cái gương tiết liệt lòa trời đất,
Một mảnh kiên trinh rực núi sông.
Nghìn thuở sương sa đầu chẳng bạc,
Trăm năm nắng dọi má thêm hồng.
Lòng bà thương nhớ ông như vậy,
Chẳng biết lòng ông có rứa không?

72. NHẮN KHÁCH

Ghẹo khách Nam quan lúc ghé thuyền,
Ấy ai cao khiết kết làm duyên.
Câu thơ mạt kiếp chi nề hủ,
Cái bệnh cuồng nho cũng khó thuyên.
Hồ hải vẫy vùng bao phỉ chí,
Phong trần dầu dãi bấy nhiêu niên.
Trông vời cố quốc hồn vơ vẩn,
Văng vẳng đêm trường lóng tiếng quyên.

SANTÉ THI TẬP

GIỚI THIỆU

tháng 7 năm 1915 .

Ông bị giam vì phe cánh thuộc địa cực đoan ở Pháp đồng mưu với bọn thực dân ở Đông Dương muốn hãm hại ông. Trước chúng gọi ông đi lính, ông phản kháng, bảo pháp lệnh nhà nước đối với dân các xứ được bảo hộ, chỉ được kêu gọi lính tình nguyện mà thôi, không có quyền buộc làm nghĩa vụ quân sự.

Theo tài liệu của bà Thụ Trang Công Thị Nghĩa thì nhân Phan có nhận được một thư, ký tên Cường Để và đề địa điểm gửi tại Đức - bức thư này chính Phan có đưa cho viên tổng thanh tra thuộc địa xem[1] cánh thuộc địa cho bắt Phan và giao cho toà án binh Pari xét xử với tội danh: mật giao với quân thù (Đức) chống nước Pháp.

Trong thời gian bị giam giữ, ngoài những lúc bị thẩm vấn, có khi bị hành hung và tra khảo đau đớn và những lúc phản kháng dữ dội bằng lời nói, bằng thư, ông chỉ biết làm thơ để ngâm ngợi cho khuây.

Ông Lê Âm đã cho in ghép *Xăng tê thi tập* và *Tây Hồ thi tập* vào một cuốn sách dưới nhan đề chung: *Tây Hồ* và *San té thi tập* (Nhà in Lê Thị Đàm - Sài Gòn, 1961). Ba bài đầu, ông nói "chép theo truyền văn, không có trong di cảo" nhưng đã được truyền tụng trên miền Bắc từ lâu (cùng với hàng chục bài khác), nên xếp vào *Xăng tê thi tập* là hợp lý.

Thơ trong *Xăng tê thi tập* là thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Đại bộ phận những bài thơ đó thích giải tục ngữ, ca dao, thành ngữ. Tuy còn ít nhiều những rơi rớt của lễ giáo phong kiến, *Xăng tê thi tập* chứng tỏ tác giả am hiểu đạo lý là người nhân hậu, kinh nghiệm xử thế chắc nịch thực tiễn của nhân dân, đồng thời với tính cách và thủ đoạn của phong kiến, và rất tinh tường văn học, văn hoá dân gian. Ông có thiên hướng trào phúng. Ngôn ngữ thơ của ông giữ phong cách mộc mạc, chắc thực, không trau chuốt của dòng thơ miền Nam mà chúng ta đã thấy qua những nhà thơ tiêu biểu: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, v.v...

GS. HUỲNH LÝ

---

[1] Bức thư viết nhờ Phan Châu Trinh làm môi giới để gặp nhà cầm quyền Pháp. Trong lúc thẩm vấn Phan, toà án binh có gửi thư đến Cục tình báo Anh (Intelligence service) ở Lơndơn nhờ điều tra về Nguyễn Tất Thành hiện ở Anh, nhưng không được trả lời. Nhờ P.C.Trinh không chịu khuất phục và Liên minh Nhân quyền can thiệp Phan mới được trả tự do nhưng bị tiếp tục cắt trợ cấp lưu trú.

1. ĐÁ TRÔNG CHỒNG

Sự tám mươi đời biết có không?
Người chăng? hay đá? vợ chăng? chồng?
Đi đâu nên nỗi quên tin tức?
Đứng đó bao giờ luống đợi trông?
Tu vậy hay sao đầu trụi lủi?
Khóc chi lắm hử mặt phồng phông?
Trời cao biển rộng người còn mất?
Biết nặng hòn non nhẹ cánh lông?

2. MỘT TRÁI TRĂNG THU CHÍN LÕM LOM[1]

Vì ai ngày tháng giữ bom bom,
Để trái trăng thu chín lõm lom.
Cuống ẩn mây lan tròn úc úc,
Màu ngời nước biếc đỏ lòm lòm.
Hương trời thơm ngát người ao ước,
Sắc nước trong veo chúng ngợi om.
Nhắn với thang mây ta hái thử,
Ấy kìa thằng cuội chớ xom rom.

Nc:

[1] Câu thơ của nàng Hồ Xuân Hương: *vịnh thu nguyệt*.

3. QUẠ ĂN DƯA BẮT CÒ PHƠI NẮNG

Trất tréo khen ai khéo vẽ trò,
Ăn dưa là quạ bắt phơi cò.
Lom khom dưới đám lông đen phách,
Căng thẳng ngoài sân cánh trắng mờ.
Ấy bởi khá mồm khôn hánh hút,
Hay vì dài mỏ vụng đôi co.

Lâu ngày thế mãi ôm dây luống,[1]
Cò chết thây cò quạ ních no.

Nc:

[1] Đời nhà Đường có ông Lý Bí vịnh bài thi trồng dưa rằng: *"Nhất trích sử qua hảo, tái trích sử qua hi, tam trích do vị khả, tứ trích bảo mạng quy"*. Nghĩa là: một hái để dưa tốt; hai hái để dưa sưa, ba hái còn khá khá, bốn hái ôm dây bừa.

4. GÀ ĐẺ GÀ TỤC TÁC

Chối cãi làm chi ớ mẹ gà,
Xưa nay gà đẻ lại gà la.[1]
Thòi lòi trên ổ heo nhơi trứng,
Tét lét ngoài mồm chó sủa ma.
Bươi bếp[2] nghề xưa khôn gỡ chãi,
Mổ diều[3] thói xấu khéo qua loa.
Cũng vì chiu chít bầy con đấy,[4]
Chanh lá[5] rồi đây sẽ biết ta.

Nc:

[1] *Gà đẻ gà tục tác (kêu la).*
[2] *Gà mình bươi (bới) bếp nhà mình.*
[3] *Gà chết gà nọ mổ diều.*
[4] *Chiu chít như gà mất mẹ.*
[5] Ca dao: *"Con gà tục tác lá chanh,*
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng".

5. CON QUẠ NÓ ĐỨNG BÊN SÔNG NÓ KÊU ỚI MẸ ĐỪNG LẤY CHỒNG BỎ CON

Tiếng chi réo rắt ở bên sông,
Tiếng quạ con kêu má lấy chồng.
Bến cũ ngẩn ngơ người vứt thịt,[1]
Ổ xưa đành đoạn lũ dâm lòng.
Tha mồi sún trả lăm ghi dạ,
Kết cánh cao bay thiệt nỡ lòng.

Chiu chít thân nầy còn khá khá[2]
Lùm gai gió thổi ngán ngao trông[3]

Nc:

[1] *Tích bên Tàu*: Miếu ông Ngũ Tử Tư ở bến sông Tiền Đường có một bầy quạ rước khách đưa khách. Khách đi qua hay vứt thịt cho ăn. Có một anh học trò thi rớt trở về, đói lỡ đường, vào miếu nằm ngủ, chợt buổi chiêm bao thấy thần gả cho một người vợ thuộc về dòng quạ, tên là Trúc Thanh. Sau tỉnh dậy đi về. Khoa sau thi đậu, đi ngang qua bến đó, vứt thịt cho quạ ăn. Miệng khấn thầm: "Con nào là Trúc Thanh thì đậu lại đừng bay đi". Nhưng chúng ăn rồi bay đi hết. Tối nằm chiêm bao thấy Trúc Thanh về, nói: Bây giờ đã thành thần qua ở miền Hán Khẩu, mới trở về thăm đây, được chị em nói là có anh trở lại đây, có hỏi thăm đến tôi, nên tôi tới thăm anh, sau kết làm vợ chồng và cho anh học trò ấy một bộ lốt quạ. Khi nào muốn đi thăm chị ấy, mặc vào hóa ra quạ, bay ngay đi. Tới nơi, chị ấy cởi ra cho hóa ra người ta. Tích ấy dài lắm, nhắc tóm lại một ít đủ hiểu thôi.

[2] *Khá khá* là tiếng quạ kêu.

[3] Trong *Kinh Thi* có một bà mẹ có bảy người con, còn bỏ đi lấy chồng, con thương nhớ làm ra bài thi *Khải phong*, Thi rằng: *"Khải phong tự nam, xuy bỉ cức tâm. Cức tâm yêu yêu, hữu tử thất nhân, mạc thị cù lao.* Nghĩa là: Gió non từ phương nam, Thổi kinh cây gai, lòng cây gai thớ thớ, có con bảy người, chừ người cực khổ.

6. ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG COI TRỜI BẰNG VUNG

Ẹc oạc xưa nay vẫn thị hùng,
Coi trời đáy giếng nhỏ bằng vung.
Vàng khè chệt ệt ngong trôn chảo,
Xanh ngắt im lìm kín miệng hung.
Phềnh bụng nhái kêu đà thấu chóp,[1]
Nghiến răng cóc giận cũng nên dông.[2]
Lớn lao chi đó toan che đậy,
Gặp thuở mưa rào nhảy tứ tung.[3]

Nc:

[1] *Con nhái kêu cũng thấu đến trời*, lại có câu hát rằng: *rất đỗi cao là ông trời; con nhái kêu còn thấu, huống chi lời em than.*

[2] *Cóc nghiến răng thì trời có dông.*

[3] Có câu ca: *"Ếch gặp trận mưa rào nhảy tứ tung".*

Thà thượt trong đơi gầm ít ai,
Mỗ khen cho mỗ thiệt đuôi dài.
Ngồi lòn dưới bụng chừng vừa ức,
Đứng vút lên lưng độ quá vai.
Iả bếp nhiều lần ngong vất véo,
Nằm bồ lắm thuở quấn khoanh nài.
Ngoắt chơi rủi phải nồi rang bể,(1)
Nào có ai đâu nỡ cắt tai.(2)

8.

II

Mặt mũi nghêu ngao dễ mấy ai,
Xem đi xem lại mỗ đuôi dài.
Lươn khô vuốt thử còn non tấc,(3)
Rắn lãi đo chơi khéo quấn nài.(4)
Lúc xán nồi rang ngong lển nghển,(5)
Khi nằm bồ lúa vắt lòi thòi.(6)
Không hay bắt chuột hay nằm bếp,
Dị tướng như ta ắt có tài.

Nc:
(1), (5) Câu ca: *"Con mèo đập bể nồi rang,*
Con chó chạy lại mà mang lấy đòn".
(2) Câu ca: *"Mèo lành ai nỡ cắt tai,*
Gái ngoan chồng dễ khoe tài nỗi chi".
và câu: *"Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi,*
Anh thua cờ bạc đuổi ruồi không bay".
(3) Tục ngữ: *Vuốt lươn đầu đuôi.*
(4) Tục ngữ: *Rắn lãi quấn đuôi mèo theo cái.*
(5) *Ngong:* trông, xem; *Xán:* ném.
(6) Tiếng xứ Quảng nói "lòi thòi" thành "loài thoài"

9. GIẬU NGÃ BÌM LEO

Quái gở loài chi khéo lựa eo,
Vừa ưa giậu ngã thấy bìm leo.

Gặp cơn gió tạt mưa sa táp,
Sẵn nhịp dây ràng lá phủ theo.
Mả lạn bò lan quen xoáy cỏ,[1]
Nước tràn khỏa sét choảnh hơi bèo.[2]
Rồi đây mai mốt xây vần lại,
Dứt gốc liền tay thấy héo queo.

Nc:

[1] Mả lạn thì cỏ chi bò lan ra.
[2] "Nước lụt tràn bèo khỏa sét trên sen". *Choảnh*: nhanh nhẹn, mau mắn.

10. TRẢI CHIẾU DẸP DƠ

Nhà sao nhớp nhúa để trơ trơ,
Trải chiếu còn toan thói lẩn lơ.
Lắm lúc chủ lười nên tới nỗi,
Gặp cơn khách đến phải tùy cơ.
Giở ra càng thối thêm mang tiếng,
Gập lại cho qua cứ giả lờ.
Khuất mắt chẳng qua tùy miệng thế,[1]
Biết đâu là sạch đâu là dơ.[2]

Nc:

[1], [2] Khuất mắt là sạch biết đâu là sạch là dơ.

11. LỜN BƠN MÉO MIỆNG, CHÊ TRAI LỆCH MỒM

Trai kia mồm lệch lắm người chê,
Méo miệng lờn bơn cũng ngứa nghề.
Méo mó mặc lòng mình vẫn khá,
Xẹo xiên trái mắt đấy nên ghê.
Thây mình nghĩ khó tìm tì vết,
Môi miệng ai sanh khéo nhún trề.
Thói tục còn nhiều câu trắc trếu,
Kìa lươn với chạch nữa tê tề.

12. LƯƠN VẮN CHÊ CHẠCH DÀI

Thà thượt thân lươn xấu đủ bề,
Cớ chi thấy chạch lại còn chê.
Im lìm mình chỉ vài gang chẵn,
Gớm ghiếc ai cho mấy tấc trề.
Mắt đục lù mù đeo vảy gớm,
Lưỡi đời lắt léo uốn mềm ghê.
Cá tôm còn lắm mồm ngoe ngoét,(1)
Lẳng lặng nghe chơi mấy tiếng hè.

Nc:

1. Miệng lưỡi hàng tôm hàng cá.

13. TRÂU GIÀ THAN THÂN

Thấy tao ốm yếu dễ trâu già,
Trẻ nhỏ như bay chửa biết ta.
Đàn tục gác tai còn thuở nghé,(1)
Ách đời mang cổ tự thời cha.(2)
Nhiều người hốt cứt mua nên ruộng,
Lắm kẻ theo đuôi tạo nỗi nhà.
Tuổi tác ngày nhiều rơm cỏ ít,
Đền ơn chẳng tính tính căng da.

Nc:

1. *Đàn gảy tai trâu.*
2. *Ách giữa đàng mang vào cổ.*

14. ĂN CÁM TRẢ VÀNG

Nợ thế nhiều khi đắt ghê càn,
Khi ăn thì cám trả thì vàng.
Sàng giần giật lại hôi vài miếng,
Thui nướng trao ra đắng đủ đàng.

Mắm muối vì mang mồm kẻ khó,[1]
Thép gang nên mắc miệng người sang.[2]
Canh rau giữ phận đừng hơ hỏng,
Ngậm ngọc xin chừa tiếng vẻ vang.

Nc:

[1] *Mồm nhà nghèo ăn mắm ăn muối.*

[2] *Miệng người sang có gang có thép.*

15-16. TRÂU CỘT GHÉT TRÂU ĂN

I

Trâu cột chàng ràng đứng thỉ than,
Kia kìa coi thử bộ trâu ăn.
Mình còn đói ngấu teo hông thở,
Nó đã no nê vểnh mặt trằn.
Ruồi muỗi để đây đeo khuấy rối,
Quạ cò theo đó xúm dua nhăng.
Thôi đừng ngó nghé toan nghênh mỏ,
Giựt thẹo tao ra đụng ngã lăn.

II

Con ăn con cột bởi vì đâu,
Nên nỗi xui trâu lại ghét trâu.
Đây đói xóp ve còn xỏ mũi,
Nó no kềnh cộ lại nghênh đầu.
Ruồi lằng để lại khôn vằng vẩy,
Cò quạ đem theo khéo chực chầu.
Nhăn nhở cười ai mồm ngó nghé,
Rồi đây sút cọc sẽ xem nhau.

17. RỔI CHẠY, NỒI RANG CŨNG CHẠY

Chạy chi vội vã chú nồi rang?
Rổi chạy xưa nay vẫn thế thàng (thường).

Ai nấy sợ ươn nên lúp xúp,
Tôi đây sợ trễ phải lang thang.
Ít nhiều đã biết tùy đồng vốn,
Buôn bán ai không kiếm mối hàng.
Đã vậy hai ta vầy một lũ,
Xin đừng sẩy cẳng chớ hôi mang.

(1): Rổi: Người buôn bán cá.

18. CÓC CÓ GAN NHÁI CŨNG CÓ GAN

Chú có lôi thôi khéo giận càn,
Nhái đây tôi cũng có buồng gan.
Chọc trêu đừng choảnh đôi mày mốc,
Ngứa ngáy ai không bảy lá gan.
Nghiến cả hai hàng tuôn sấm dậy,
Kêu chơi một tiếng nhẫy mưa tràn.
Nào ra nhảy thử ai cao thấp,
Mỏ quắp da sồi khéo dở dang.

19. CHUỘT BẦY ĐÀO KHÔNG NÊN HANG

Lúc nhúc ghê cho lũ chuột bầy,
Đào hang coi bộ ngó trầm trây.
Cắn đuôi lít chít nghe đông miệng,
Bày mặt xoi moi gẫm ít tay.
Dọn lối đành thua ba ngách thỏ,(1)
Tìm lù còn kém một thân nhây.
Rủi thì chó đuổi không đàng chạy,
Núm cổ loi choi một xách đầy.

Nc:

(1) Sách Tàu: "*Giảo thố hữu tam huyệt*" nghĩa là con thỏ láo liến(?) có ba ngách, vì hang thỏ thường thường có hai ngách thôi.

20. ĐÔNG THẦY THỐI MA

Trăm việc nên hư quyết một tay,
Xưa nay ma thối bởi đông thầy.
Ngày giờ rồng rắn lăm đua miệng,
Gió máy ruồi lằng bỏ trối thây.
Chè rượu chén anh rồi chén chú,
Hương trầm tiền chủ dễ tiền đây.
Bà con cô bác xin lo liệu,
Chết sống đừng trông mấy lão nầy.

21a. GIÓ NON THỔI CẠNH BUỒM THUYỀN, COI EM LẠU LẠU MÀ DUYÊN KHÔNG CÒN

Gió non thổi chếch cạnh buồm thuyền,
Lạu lạu coi em mất tí duyên.
Heo hắt còn đeo hơi thiếu nữ,[1]
Lẳng lơ chừng hỏng nết thuyền quyên.
Mây mưa lắm buổi khôn ngăn đón,
Lèo lái vì đâu vụng giữ gìn.
Bến nước mười hai nghe đấy hử,
Cắm sào đừng để khách quơ xuyên.

Tiểu dẫn: Bài này theo Nguyễn Văn Dương trong sách *Phan Châu Trinh toàn tập* - Nxb Đà Nẵng 1996 cho biết: trong *Di cảo* chữ Nôm *"Quốc âm tạp vịnh"*, tác giả có *Phụ chú* ngay dưới nhan đề, nội dung như sau: "Xưa có một phú ông cưới một cô hầu non đem thư "mất màu" trả lại, đưa một bài *thi*, lấy câu hát ấy làm đề, thi như sau":

Gió cạnh buồm thuyền thổi déo don,
Coi em lạu lạu tưởng duyên còn.
Thẳng đường cánh én đường nay tỏ,
Tách đám thuyền quyên dấu cũ mòn.
Bỡ ngỡ xa xem lò thức nước,
Chán chường gần thấy lạt màu son.
Mười hai bến nước may mà gặp,
Mắc mớp vì chưng tuổi tác non!

Từ bài thơ trên, tác giả chép tiếp hai bài "tự soạn" như sau. Chúng tôi coi là hai bài "bổ sung" *Santé thi tập*, đánh số thứ tự 21 b, 21c.

21b.

Gió non thổi cạnh lá buồm thuyền,
Lạu lạu thương em mất chút duyên.
Réo rắt bên lèo hơi thiếu nữ,
Lập lờ ngoài mặt dáng thuyền quyên.
Lái thông lắt léo gieo con nước,
Bạn lứa tơ mơ hót mối tiền.
Bến nước mười hai nghe đó hử,
Cắm sào đừng để khách quơ xuyên.

21c.

Thổi cánh buồm thuyền ngọn gió non,
Coi em lạu lạu ngỡ duyên còn.
Lèo mây phất lá hơi vừa nhẹ,
Má phấn xem tranh sắc vẫn giòn.
Lỡ xoạc vì chưng hơ hỏng lái,
Đánh lừa khôn cậy loẹt loè son.
Nực cười ngư phủ tơ mơ quá,
Mắc mớp ngồi van dấu cũ mòn!

Nc:

1. *Thiếu nữ*: nghĩa là gái tơ. Sách Tàu gọi Gió xuân còn non là *gió thiếu nữ*.

22. ĐỤC NƯỚC BÉO CÒ

Chọc khuấy vì đâu nỗi bụi tro,
Xui nên nước đục béo thây cò.
Lơ mơ mắt cá khôn đàng lội,
Láo liến chân trâu dễ lối mò.
Dài mỏ dễ nào khăn khó mãi,[1]
Cao chân càng chóng đẫy đà cho.

Trong không trối mặc ai lo liệu,
Ruộng rộng dầu ta thẳng cánh đo.[2]

Nc:

[1] *Dài mỏ khó kiếm ăn.*

[2] *Ruộng cò bay thẳng cánh.*

23. ĐI ỈA KHÔNG BIẾT ĐÀNG VỀ

Khôn khéo như trò gẫm mới ghê,
Bước ra đi ỉa lộn đàng về.
Thịt heo ních quá nên long dạ,
Đuôi chó trông theo rủi lạc bề.[1]
Chẳng vậy thì sao coi gấp rút,
Cớ chi nên nỗi đến u mê.
Đàng bên lỗ mũi còn không biết,[2]
Lại dám chân người bó đuốc rê[3]

Nc:

[1] *Lạc đàng trông đuôi chó, lạc ngõ ngó đuôi trâu.*

[2] *Đàng ở lỗ miệng, dưới lỗ mũi.*

[3] *Chân mình những cứt mê mê,*
Lại cầm bó đuốc mà rê chân người.

24. GÀ CỒ ĂN QUẨN CỐI XAY

Mặc ai rúng rẩy mặc trầm trồ,
Quẩn cối xay đây, dở thói cồ.
Lắm lúc trần thây đi xớ rớ,
Rủi thì trặt họng ních hồ đồ.
Cẳng chân lỏng nhỏng khôn bươi bếp,
Lông lá cùn trơ khó nhảy bồ.
Vườn rộng rẫy xa đèn, cáo[1] giữ,
Chẳng cho ăn đấy biết ăn mô.

1. *Đèn, cáo*: con chồn *đèn* và con *cáo* thường hày bắt gà.

25. ĐÔNG TAY VỖ NÊN BỘP

Trăm việc hai tay khó nỗi trông,
Làm cho nên bộp phải tay đông.
Nhiều bàn xúm lại cho chung rộp,
Một tiếng kêu lên đã lạnh lùng.
Sảng vía hùm beo kinh chạy tản,
Giật mình cò quạ hoảng bay bùng.
Xưa nay góp gió làm nên bão,
Muôn vạn xin ghi một chữ đồng.

26. ỐC MANG KHÔNG NỔI ỐC, CÒN MUỐN MANG CẢ CỌC CHO RÊU.

Sức ốc xưa nay chỉ bấy nhiêu,
Mang mình không nổi muốn mang rêu.
Cưu chừng nấy vỏ nên cam cực,
Cõng cả vừa đùm khéo trớ trêu.
Ruột quấn mấy lần vì rấn rố,
Vảy thừa một cái cũng lêu bêu.
Rủi thì trật cọc trôi vào bãi,
Lè lưỡi đưa trôn cứ chịu liều.

27. ĐEM EM MÀ BỎ GIỮA GHỀNH, KÉO NEO MÀ CHẠY SAO ĐÀNH CHÀNG ÔI!

Sao nỡ đem em bỏ giữa ghềnh?
Kéo neo mà chạy, chạy sao đành?
Bốn bề đá phủ thương thay phận,
Một cánh buồm bay thảm bấy tình.
Má phấn phú theo luồng sóng bạc,
Lèo mây trông tận ngọn trời xanh.
Thề non hẹn nước còn trơ đấy,
Duyên nợ vì ai phải sạch sanh.

28. LẤY THÚNG ÚP VOI

Sù sụ ra đấy lớn như voi,
Quen thói toan đem thúng úp hôi.
Khéo lại bật vành không chỗ nức,
Giấu sao kín cổng mất công toi.
Che mồm thiên hạ tay khôn xiết,
Đậy mắt nhân gian mẹo vẫn lòi.
Bồ bịch nong nia thôi phủi sạch,
Họa chăng thấy thóc cũng co vòi.

29. ĂN MÀY NHỜ CƠN CHÁY CHỢ

Lạ lùng chi đấy thói ăn mày,
Chợ cháy nhờ cơn thạo thuở nay.
Xin xỏ đêm hôm còn nể mặt,
Khỏa tràn nước lửa dễ ra tay.
Đục ao nhớn nhác cò mừng nước,
Ngã đám nghênh ngang quỷ phá chay.
Cô bác bà con đừng trách móc,
Chúng tôi sung sướng đặng bao ngày?

30. ĂN MÀY HÔI CHỢ CHÁY

Bất nhân chi lắm lũ mày ôi,
Chợ cháy còn bay cũng khuấy hôi.
Trời đất hỡi ơi đâu mặc kẻ,
Nước non cứu chữa trối thây đời.
Lờ mờ nước đục cò no nóc,
Tan tác nhà chung quỷ phá rồi.
Phút chốc lửa tàn đâu lại đấy,
Lăng xăng trùm tới đánh văng cời.

31. RUNG CÂY NHÁT KHỈ

Chú khỉ đu đưa chót ngọn cây,
Hỏi ai rung đấy nhát ai đây.
Lung lay rán sức choàng tay vượn,
Dọa dẫm nương hơi giả mặt cầy.
Trối kệ trên nầy ngồi đỏ đít,
Mặc bay dưới đó đứng hành thây.
Thôi đi cho khỏe đừng trơ tráo,
Nói lắm thêm mang tiếng rút dây.

32. XE DÂY BUỘC MÌNH

Thế tục nhiều người gẫm trớ trênh,
Xe dây mình trở buộc vào mình.
Giữ gìn chắc đã săn con cái,
Hớ hết hay đâu đổ mối manh.
Miệng lưỡi còn đây không chỗ gỡ,
Tay chân trơ đó phải ngồi khoanh.
Lưới đời còn lắm cơn thưa nhặt,
Kẻ tóc chân tơ khéo hớ hênh.

33. ĐÔNG MẸ CON KHÓ LẤY CHỒNG

Cớ sao nên gái khó tìm chồng,
Cũng bởi vì mang tiếng mẹ đông.
Thằng mít thằng xoài đua chọn kén,
Tuổi trâu tuổi ngựa cải bao đồng.
Tới lui choán mãi ba câu chuyện,
Ừ hử lâu cho một tiếng không.
May chỉ một thời huyên tám tiết,
Phước đâu không thấy chỉ ngồi trông.

34. HÀNG XÓM CHÁY NHÀ BẰNG CHÂN NHƯ VẠI

Kìa đâu xóm cháy mấy hàng nhà,
Chân vại bằng trơn dễ rúng cà.
Chạy chữa bốn bề coi lúc nhúc
Ngồi yên một chỗ vững cha chà.
Rủi may trối mặc đèn nhà nấy,[1]
Tuông chạm chi đâu bát sóng ta.[2]
Mai mốt rủi thì van trối chết,
Bà con sao khéo bất nhân à.

Nc:

[1] *Đèn nhà ai nấy tỏ.*

[2] *Bát để một sóng* (một chạn) *không tuông* (tông) *cũng chạm* (va chạm).

35. DẠY KHỈ LEO CÂY

Sâu hiểm lòng người gẫm đắng cay,
Kìa ai còn dạy khỉ leo cây.
Một bầy láo liến khôn bâu hót,
Lắm kẻ lăm le khéo thợ thầy.
Vớ cả bốn tay còn gọi dở,
Vạch từng cái lá chữa cho hay.[1]
Thôi thôi xin bớt mồm khuôn rật,
Đến lúc dòm nhà mới biết thây.[2]

Nc:

[1] *Vạch lá tìm sâu.*

[2] *Nuôi khỉ dòm nhà.*

36. RA ĐÀNG HỎI ÔNG GIÀ, VỀ NHÀ HỎI CON NÍT

Già trẻ xưa nay tính thiệt thà,
Hỏi han phải biết lúc vào ra.

Lỡ chừng lối nẻo tìm trang cụ,
Gãy mối buồng khe cứ lũ la.
Đầu bạc trải mùi hay cặn kẽ,
Miệng hôi lau lưỡi dễ dò tra.
Ở đời giắt ít câu lề lối,
Kẻo lúc đàng xa rẽ nỗi nhà.

37. MẤT TRÂU MỚI LO SỬA CHUỒNG

Thế tục kìa ai biết nghĩ sâu,
Sửa chuồng thôi đã mất rồi trâu.
Bỉnh bầu bặt tích còn đâu nữa,
Cổng phía ra tay bỏ thí nào.
Việc có trải qua thêm sáng mắt,
Của không giữ trước phải điên đầu.
Xưa nay lắm nỗi không già lại,
Tuy vậy còn hơn đứa bỏ nhầu.

38. LUỒN GIÓ BẺ MĂNG

Lòng đời còn lắm kẻ lăng nhăng,
Luồn gió lăm le tính bẻ măng.
Non sức co vòi luôn nhịp đấy,
Già tay ngắt ngọn họa may chăng.
Măng mè quên cả câu lầm lỗi[1],
Gió máy lừa nhau lúc khó khăn.
Mấy cụm tre dài còn đứng đó,[2]
Đến khi nên gậy đánh nhăn răng.[3]

Nc:

[1] *Lỗi lầm vì mắm trích ve, vì rau muống luộc vì mè trộn măng*. Nghĩa câu đó nói ở đời oán thù nhiều khi do việc lặt vặt sanh ra. Sách *Kinh Thi* có câu rằng: "*Dân chi thất đức càn hầu dĩ khiên*". Cũng ý ấy.

[2] *Tre già măng mọc.*

[3] *Ba năm quân tử trồng tre, bảy năm nên gậy đánh què tiểu nhân.*

39. ĐẶT NƯỚC LẤY CÁ

Nào ai giận giữ nước non đời,
Đập đánh không qua lấy cá thôi.
Bốn mặt dọa rầm làm nổi sóng,
Hai tay vớ cả mặc may trời.
Trắng vàng tuôn chạy chưa nguôi chặp,
Cò cốc đua theo cũng khuấy hôi.
Phút chốc đầy oi tuôn quấn vó,
Sông trong biển lặng mặc đua bơi.

40. CHUÔNG KHÔNG ĐÁNH KHÔNG KÊU ĐÈN KHÔNG KHÊU KHÔNG TỎ

Đèn tỏ chuông kêu tự thuở nay,
Không khêu không đánh lấy đâu hay.
Gác dùi phải chịu chìm trăm tiếng,
Hụt bấc nên không rõ mặt mày.
Miễu vắng chùa không thêm lạnh lẽo,
Đêm khuya lửa tối phải lày quay.
Những trang nâng vạc người cầm đuốc,
Chẳng gặp gian nguy chẳng biết tay.

41. CHUÔNG CÓ ĐÁNH MỚI KÊU ĐÈN CÓ KHÊU MỚI TỎ

Đèn tỏ chuông kêu tiếng gọi là,
Có kêu có đánh mới sinh ra.
Thử thò dùi đến vang trời đất,
Vừa nhúng tay vô rạng cửa nhà.
Miễn vắng ba hồi vầy lớn nhỏ,
Đêm khuya một ngọn chói gần xa.

Những vai nâng vạc tay cầm đuốc,
Có ngộ gian nguy mới biết ta.

42. THƯƠNG THÌ TRÁI ẤU CŨNG TRÒN, GHÉT THÌ BỒ HÒN CŨNG MÉO

Xưa nay cũng ấu cũng bồ hòn
Thương ghét vì đâu đổi méo tròn
Méo xẹo xem ưa lòng cũng thích
Bầu xinh trông chán mắt thêm chồn
Cõi đời đã khó phân xinh xấu
Lòng tục càng thêm lộn dở ngon.
Trái đất méo tròn còn lắm miệng
Dâu gia bất quá sự con con.

43. ĂN CHÁO ĐÁI BÁT

Thói chi bạc bẽo nghĩ mà coi,
Ăn cháo rồi xây đái bát hồi.
Mới húp quanh đây chưa quệt mỏ,[1]
Sẵn đồ rác đó đã dìa bòi.
Thiếu chi hè xó trây dơ nhớp,
Mấy tí công ơn phủi sạch sòi.
Có lúc đầu đàng ngồi liếm lá,
Cơm thừa ai thí lũ quân toi!

Nc:

[1] *Cháo nóng húp quanh, ăn rồi quệt mỏ.*

44. RÁN SÀNH RA MỠ

Mỡ đời muốn vét sạch sành sanh,
Gớm ghiếc cho quân rán miễng sành.
Lắm thuở đựng nhiều hơi cá thịt,
Giờ tao kiếm chút lúc riêu canh.

Chày chưa hết nước tay còn nựng,
Lã mới nên hồ mặt chửa danh.
Mấy miếng tóp thừa đừng vứt vội,
Để tao khéo nức bể nên lành.

45. VẮT CHÀY RA NƯỚC

Nước non đâu đấy khéo thày lay,
Trối kệ tao đây vắt cổ chày.
Bắt thắt hai tay ra sức chặt,
Giọt mòng đôi tí họa thời may.
Sành còn ra mỡ vì khôn rán,
Lã cũng nên hồ bởi khéo xoay.
Thôi chờ đôi chày đôi cối mệt,
Không tao có mắm mút giòi đây.

46. ĂN MẮM MÚT GIÒI

Kìa ăn chi đấy mắm hay giòi?
Trối mặc nào đâu để mút coi.
Lượm cả hai tay ghê lúc nhúc,
Đút cho một miệng gớm lòi thòi.
Tốn bao nhiêu cá thây nên lớn,
Vứt lửng chừng con của cũng hoài.
Chịu cực ít ngày trời ngó lại,
Sẵn tiền đan rọ sẽ mua mòi.[1]

Nc:

[1] *Đan rọ tráng* (đựng) *cá mòi.*

47. QUẤY LÃ NÊN HỒ

Tay trắng làm nên có dễ mô,
Khen ai khéo quấy lã nên hồ.
Múc chừng non bát còn trong trẻo,

Đánh mãi già tay cũng đặc khô.
Lựa phải tốn công thêm tốn bột,
Đâu là không giếng lại không hồ.
Vắt chày rán miểng càng mang tiếng,
Nước đặng bao lu mỡ mấy hồ.

48. LUỘC TRỨNG HÚP NƯỚC

Thói người hà tiện gớm ghê chà,
Luộc trứng toan đem húp nước à.
Ít hột lêu bêu qua khói lửa,
Chia tay lút chút đủ vừa nhà.
Mua nên đã lắm tiền tro sạn,
Ăn vậy cho qua tiếng vịt gà.
Dễ chuột tha đâu mong lượm được,[1]
Tốn thì phải tính mới làm ra.

Nc:
[1] *Chuột nằm ngửa tha trứng.*

49. GẦN MỰC THÌ ĐEN, GẦN ĐÈN THÌ SÁNG

Người sao dại dột kẻ khôn là,
Gần mực gần đèn bởi tại ta.
Quẫn mãi ao nghiên lòng cũng đục,
Dựa kề cột liệu mặt thêm hoa.
Chàm xanh khó đổi mùi bùn dở,[1]
Đốm nháng sau nên bó đuốc lòa.[2]
Trong trẻ kìa ai nghe đấy hử,
Lọ đèn rán chịu, mực chưa xa.

Nc:
[1] *Thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam*, nghĩa là phẩm thanh ra như chàm, mà xanh hơn chàm. Ý nói học trò hơn thầy.
[2] Trước là đom đóm sau ra bó đuốc. Ý nói việc trước nhỏ sau to.

50. ĐÈN NHÀ AI NẤY TỎ

Gió lọt vì chưng mở cửa ra,
Dễ đâu ai tới tỏ đèn nhà.
Khêu nên vấy vá lưng chừng đấy,
Sáng chỉ loanh quanh mắt chúng ta.
Xó ngõ kề sân khôn cặn kẽ,
Dòm rào cách vách bởi sai ngoa.
Thôi đừng đom đóm làm nên đuốc,
Bóng rí thêm nhiều miệng sủa ma.[1]

Nc:

[1] *Chó sủa bóng, chó sủa ma.*

51. GÀ MÌNH BỚI BẾP MÌNH

Bếp sao vấy vá khéo bươi tung,
Chưa dễ gà ai tới bếp ông.
Lúa thóc no diều cù cúc mãi,
Tro than ngứa cẳng bới đào vung.
Lạy ông táo lắm nên quên chóp,[2]
Vắng chủ nhà lâu dễ mọc lông.[3]
Tréo cánh nếu không toan nước trước,
Còn ba mối chỉ cũng lôi bùng.[4]

Nc:

[2] *Tục mới mua gà đem lạy ông táo rồi mới thả ra.*

[3] *Vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm.*

[4] *Gà hay vương ống chỉ.*

52. CON KHÔNG CHA ĂN CƠM VỚI CÁ, CON KHÔNG MẸ LIẾM LÁ ĐẦU ĐƯỜNG

Không cha không mẹ thử so lường,
Đấy cá cơm kia liếm lá đường.
Đụng cột mặc dầu no ói họng,[1]

Như gà thôi đã đói phơi xương.[2]
Lòng từ tợ biển hay chăm chút,
Phương nghĩa tày non khéo dở dương.
Năm bảy kìa ai trông đấy thử,[3]
Miệng chung thiên hạ để làm gương.

Nc:
[1] *Con không cha cứ cột nhà đụng.*
[2] *Con mất mẹ chiu chít như gà.*
[3] *Trai năm thê bảy thiếp.*

53. TRAI THÌ NĂM THÊ BẢY THIẾP GÁI PHẢI CHÍNH CHUYÊN MỘT CHỒNG

Tiếng lề trất trếu túng mà thông,
Năm bảy cho trai gái một chồng.
Choảnh mặt mày râu vơ mãi mãi,
Ép phường khăn yếm giữ chong chong.
Gậy thầy dễ thọc hay quơ quít, [1]
Nước bến khôn trong chớ quấy vung.[2]
Thừa thiếu thợ trời còn khó chữa,
Huống chi đây một lũ đàn ông!

Nc:
[1] *Đàn ông như gậy thầy bói đụng đâu đúng đó.*
[2] *Con gái mười hai bến nước.*

54. VỢ CHỒNG KHÔN DẠI ĐÓNG CỬA DẠY NHAU

Đã gọi xưa nay đạo vợ chồng,
Dại khôn đóng cửa dạy nhau trong.
Ngách song tai vách toan gìn giữ,
Kẽ tóc chân tơ mặc cạn cùng.
Mũi dài lái chắc thuyền mới vững,
Đèn ai nấy tỏ gió khôn rung.
Thói đời còn lắm người thô kệch,
Miệng lưỡi tay chân cửa mở tung.

55. ĐỒNG TIỀN CHIẾC ĐŨA CHIA HAI

Vợ chồng oan nợ bởi đâu he,
Tiền đũa chia hai thảm lắm hè.
Nhắm mắt bẻ đôi vành sấp ngửa,
Cắn răng chịu nửa kiếp so le.
Vàng phai đá nát nên đành đoạn,
Cơm dở canh ôi khó chở che.
Khôn dại dạy nhau xin đóng cửa,
Trai đôi gái lứa lóng tai nghe.

56. NGHÊNH NGANG NHƯ LÀNG KHÔNG ÔNG XÃ

Kìa đấy trông xem thiếu xã làng,
Chưa chi đã thấy lắm nghênh ngang.
Tờ bồi triện mộc rương niêm chặt,
Mi tớ mầy tao nước khỏa tràn.
Cá lứa loi choi không thể lớn,
Chuột bầy lúc nhúc khó nên hang.
Cho nên muôn việc không chuyên chủ,
Một nắm con con cũng dở dang.

57. NƯỚC LỤT CHÓ NGỒI GIÀN GÁC

Kìa trên giàn gác ối chao ôi!
Nước lụt nên chi chó nhảy ngồi.
Rủi nhịp khỏa tràn đôi thước đẫy,
May thì chò hỏ mấy tầng côi.
Liếm chân liếm đít xăn văn mãi,
Trông dưới trông trên dớn dác thôi.
Ít bữa mãn cơn đâu lại đấy,
Roi mây quất tới chạy cong đuôi.

58. MÈO LÀNH AI NỠ CẮT TAI, GÁI NGOAN CHỒNG DỄ KHOE TÀI NỖI CHI

Mấy thuở mèo lành nỡ cắt tai,
Gái ngoan chồng dễ khéo khoe tài.
Nằm bồ ỉa bếp hoăng tay chủ,
Nát đá phai vàng hổ mặt trai.
Mặc sức khen đuôi nghe đã chán,
Bao nhiêu tốt miệng mẹo thêm lòi.
Nồi rang bể nát không tròn lại,[1]
Ngoe ngoét còn đem thúng úp voi.

Nc:

[1] *Con mèo đập bể nồi rang, con chó chạy lại mà mang lấy đòn.* Lại sách Tàu có câu rằng: "*Tằng dĩ phá hĩ, cố chi hà ích*: Nồi đã vỡ rồi, ngó lại ích chi". Thí dụ việc đã hư rồi, tiếc cũng không ích gì.

59. THEO VOI TRÔNG ĂN BÃ MÍA

Nực cười lắm kẻ dựa theo voi,
Dớn dác trông ăn bã mía hời.
Đeo đuổi ước chừng trò choác móng,
Thãi thừa nào thấy cụ ngơi vòi.
Đói tìm tàn đóm thêm lơ láo,[1]
Khát chực bì mo gẫm thiệt thôi.[2]
Đi cẳng dễ đâu về ngựa vội,[3]
Còn toan mượn cứt để làm oai[4]

Nc:

[1] *Theo đóm ăn tàn.*
[2] *Không có cho đầy bì mo, có đâu mà cho miệng đài.*
[3] *Đi voi về voi, đi ngựa về ngựa.*
[4] *Sợ voi ai sợ cứt voi.*

60. CON GÁI CHỬA HOANG

Ôi chao ôi! đấy, ối chao ôi!
Cái kiếp hồng nhan đến thế thôi.
Đặng mấy tí xuân chơi cũng sạch,
Biết bao nhiêu nước rửa cho rồi.
Trượt chi quá lối khôn dừng cẳng,
Quay lại còn đâu đã bể nồi.
Miệng tục xưa nay coi dễ cóng,[1]
Chùa nầy ước đặng ít nhiều xôi.[2]

Nc:

[1], [2] *Ăn xôi chùa ngọng* (cóng) *miệng*.

61. NÉN BẠC ĐÂM TOẠC TỜ GIẤY

Tờ giấy nhà quan có dễ đâu,
Khen cho nén bạc dám đâm nhầu.
Bằng cân đúng lượng vừa đưa tới,
Tử tập hồ sơ đã lủng thâu.
Theo kịp lỗ mồm mau quá ngựa,[1]
Kéo ra ngòi bút mạnh hơn trâu.[2]
Cho hay tiếng bạc, tài không bạc,
Sắt đá dầu ai cũng cúi đầu.

Nc:

[1] Sách Tàu: "*Tứ bất cập thiệt*". Tục ngữ ta: *Sẩy mồm, ngựa theo không kịp.*

[2] Câu chữ Tàu: "*Nhất tự đáo công môn, thiên ngưu khiên bất xuất*". Nghĩa là: Một chữ tới cửa quan, trăm trâu kéo không ra.

62. NÀNG DÂU LÀ BỒ ĐỰNG CHỬI

Tượng thếp lòng thiêng lắm chục chầu,
Làm bồ đựng chửi chỉ nàng dâu.[1]

Bới đào trăm món tràn trề đấy,[2]
Ướt ráo hai chân trút đổ đầu.[3]
Mình ốc nên cam mang cả cọc,
Đầu tằm hồ dễ tránh trăm dâu.[4]
Đãy vàng rúng rẩy nâng niu khách,[5]
Lòng tục khôn lường biển cạn sâu.[6]

Nc:

[1] *Mẹ chồng là lông chim phượng, cha chồng là tượng mới tô, nàng dâu là bồ đựng chửi!*

[2] *Đào ông bới cha.*

[3] *Chân ướt chân ráo.*

[4] *Trăm dâu đổ đầu tằm.*

[5] *Con gái là khách qua đàng, con dâu là vàng bỏ đãy.*

[6] *Lòng dạ con người sâu hơn biển.*

63. GẦN CHÙA GỌI PHẬT BẰNG ANH

Lắm kẻ gần chùa gẫm trớ trênh,
Kìa nghe đã gọi Phật bằng anh.
Bên am cửa cách chừng ba bước,
Trước án em xin tỏ tấc thành.
Chăm chút nhà tôi[1] khi tế độ,
Trông nom trẻ cháu lúc tu hành.
Hai bên đây cũng vòng cô bác,
Rảnh tối chè xôi gọi chút tình.

Nc:

[1] Tục gọi vợ bằng *nhà tôi*.

64. THẤY NGƯỜI SANG BẮT QUÀNG NHẬN HỌ

Thế gian kiêng nể lắm người sang,
Nhận họ nên chi mới bắt quàng.

Chú Cống anh Nghè rồi bác Tú,
Quan Phiên cụ Thượng cả thầy Bang.
Tuy không qua lại quên tên tuổi,
Nhắc kỹ gần xa vẫn chế tang.
Mai mốt tốt ngày thăm viếng cả,
Về đây mặc sức dễ nghênh ngang.

65. CHỮ QUAN HAI CHỮ KHẨU

Chữ nghĩa khen ai khéo đặt bày,
Chữ *quan* hai *khẩu*, gẫm thày lay.
Giằng đầu[1] đã chắc nhờ che chở,
Thêm miệng[2] nên sinh lắm vặn xoay.
Nói hiếp, nói gian thêm đủ mực[3],
Bắt tròn, bắt méo cả hai tay.
Ông ôi Thương Hiệt ông hay chẳng[4],
Dại dột thà cam thói gút dây[5].

Nc:

[1] *Giằng đầu*: chữ Hán có bộ "giằng đầu".

[2] *Miệng*: chữ *Khẩu* (mồm, miệng). *Chữ "quan"* trên có bộ "giăng đầu", ở dưới có hai chữ "khẩu".

[3] *"Cha mẹ nói gian, quan nói hiếp. Muốn nói gian, làm quan mà nói".*

[4] *"Ông Thương Hiệt bắt đầu chế ra chữ Tàu".*

[5] *"Trước chưa có chữ, thì cứ gút dây làm dấu".*

66. CHÁY NHÀ MỚI BÀY MẶT CHUỘT

Chuột kia dấu mặt kín xưa nay,
Vì cháy nhà nên mới chịu bày.
Nước lửa khỏa trời khôn núp bóng,
Ngách hang túng đất phải trồi thây.
Ống tre nổ toác trông đâu nữa,[1]
Bồ nếp tan hoang đến nỗi nầy.[2]
Láo liến hai đầu khôn khéo mãi,[3]
Cùng sào cũng có bữa nay đây.[4]

Nc:

(1) *Chuột chạy ống tre.*

(2) *Chuột sa bồ nếp.*

(3) Sách Tàu: *Thử thủ lưỡng đoan.* Nghĩa là chuột chạy đầu quay cả hai phía. Người làm gì không nhất định gọi là đầu chuột.

(4) *Chuột chạy cùng sào.*

67. BẮT CÁ HAI TAY

Hai miệng khôn ngoan tự thuở nay
Nên chi bắt cá cũng hai tay
Diếc rô muốn cả khôn cân chọn(1)
Trái mặt vơ luôn hết dở hay
Láo liến dầu lòng cò đục nước
Quơ quàng hết cách khỉ leo cây
Loi choi một lứa trông đây thử
Dớn dác phùng mang chết cả bầy.

Nc:

(1) *Cá rô cũng tiếc, cá diếc cũng tham.*

68. NÍCH XÔI CHÙA CÓNG MIỆNG

Gần chùa lắm chú khéo lôi thôi,
Cóng miệng vì chưng ních lấy xôi.
Hứng dưới tay sư còn dính oản,
Sờ lên gáy tớ đã sần môi.(1)
Ít nhiều trót cũng mang ơn Phật,
Mặn lạt hơi đâu chuốc tiếng đời.
Áo bát kìa ai khôn giữ ngón,(2)
Từ sau sẵn nếp choảng mươi nồi.

Nc:

(1) *Nói thì phải sờ lên gáy đã.*

(2) *Phật truyền cho đệ tử chính tôn một cái áo và một cái bát (y-bát).*

69. NƯỚC LỤT BÈO KHỎA SÉT TRÊN SEN

Cẳng chân chi đấy lũ bèo hèn,
Nước lụt dầu sen cũng khỏa trên.
Sóng phủ đôi lần chìm búp ngó,
Gió đưa mấy cụm choảnh tai bên[1].
Bao nhiêu trôi nổi cùng lên mặt,
Biết mấy thơm tho phải quấn kèn.
Ít bữa cạn dơ bèo đến đất,
Bông cao mười trượng vẫn hoàn sen.

Nc

[1] *Choảnh:* vểnh

70. SÂU AO BÉO CÁ, ĐỘC DẠ HẠI MÌNH

Lẽ trời sấp ngửa một bàn tay,
Sâu dạ sâu ao thử sánh tày.
Nước tợ sông giăng mè sướng vẫy,[1]
Lòng như chằm cũ rắn sinh đầy.[2]
Cao thâm càng dễ dung nhơ bụi,
Oan trái bao nhiêu lắm đắng cay.
Hiểm giảo thói người nghe đấy thử,
Ao đừng để cạn, dạ bày ngay.

Nc:

[1] *Ao sâu cá mè*: thứ cá đó ở Bắc Kỳ có nhiều, Trung Kỳ trở vào có ít.

[2] Sách Tàu: *"Thâm sơn đại trạch, long xà sinh yên"*. Nghĩa là chằm lớn trong núi sâu, sinh nhiều rồng rắn...

71. ĐÁNH TRỐNG ĐỘNG CHUÔNG

Trống chuông vốn tự một thời sinh,
Đánh động xưa nay cũng thế tình.
Xác gỗ xoang tay đà cất tiếng.
Mặt mâm trên mắt dễ làm thinh.
Biết bao tốn đấy tiền làng họ,
Nỡ để ngơ nhau tiệc miễu đình.

Ấy kẻ cầm dùi xin sớm liệu,
Rút dây không khéo đổ vùng vinh.

72. ĐÓI CHO SẠCH RÁCH CHO THƠM

Đói rách xưa nay cũng thế thường,
Cho thơm, cho sạch lắm người thương.
Muối rau giữ phận lòng băng tuyết,
Chài lưới che thân dạ quế khương.(1)
Nước khuấy lộn bùn nên mới đục,
Trầm vùi đến đất hãy còn hương.
Sa chân sẩy bước kìa ai đấy,
Soi thử gương chung miệng giữa đường.

Nc:

(1) *Chài lưới*: chỉ áo quần rách, mặc vào thấy cả da thịt.
Quế khương: quế và gừng; *dạ quế khương*: lòng ngay thẳng trung hậu.

73. ĂN COI NỒI NGỒI COI HƯỚNG

Nhà thì có hướng bếp thì nồi,
Coi cả khi ăn đến chỗ ngồi.
Cầm đũa ít nhiều thầm hỏi trẻ,
Đặt trôn sau trước sẵn trông ngôi.
Bàn bè dở miệng cơm còn hết?
Cô bác xây lưng lúc tới lui.
Trong trẻ hiểu chừng đôi tiếng đấy,
Một thiên khúc lễ đã xong rồi.(1)

Nc:

(1) *Thiên khúc lễ* để dạy con nít những lễ phép tới lui cho chí việc ăn uống.

74. BẠC LÀ DÂN, BẤT NHÂN LÀ LÍNH

Bạc ác vì sao thói nhuộm sâu?
Than dân, trách lính khéo câu mâu.(1)
Lạ sao con cái không thương bố(2),

Quái nỗi tay chân chẳng đỡ đầu[3].
Ấn mới rời tay xem nhẹ hỏng,
Giặc vừa thấy mặt bỏ đi nhầu.
Miệng hùm dạ rắn ai yêu được,
Cũng bởi nhà quan chớ bởi đâu.

Nc:

[1] *Câu mâu*: Hay gây gổ, nói lành sanh dữ.

[2] Nc: "*Quan là bố mẹ dân*".

[3] Nc: "*Sách Tàu: Binh chi ư tướng*, do *thủ túc chi cán đầu mục, tử đệ chi vệ phụ huynh*. Nghĩa là: Lính ở với tướng, như tay chân đỡ đầu mắt, con em giúp cha anh".

75. ĂN CỖ ĐI TRƯỚC, LỘI NƯỚC ĐI SAU

Thói tục rành ghê nỗi chậm mau,
Cỗ ăn đi trước, nước đi sau.
Săn chân[1] lướt khách cơn mâm rộng,
Rốn bước[2] nhường người lúc bến sâu.
Hớt nhịp[3] miệng nồi càng sốt dẻo,
Rủi thì lòng chảo khỏi lau chau.
Ai ai giữ chắc câu lề[4] ấy,
Nước chẳng thò chân, cỗ đứng đầu.

Nc:

[1] *Săn chân*: "Săn": mau; mau chân.

[2] *Rốn bước*: "Rốn": chậm; chậm bước.

[3] *Hớt nhịp*: Xớt lấy tiền, giật đi bây giờ, chụp lấy cơ hội.

[4] *Lề*: Thói phép đã quen, lệ cũ, thói riêng.

76. ĐÒ VƠI QUÁN ĐẦY

Ra đàng nên thạo tiếng lề đời,
Bỏ chiếc đò đầy, tránh quán vơi.
Rộng rãi thừa khoang toan lựa chuyến,
Nghênh ngang chật khách cứ tìm nơi.

Sớm không mấy bước nên chờ đợi,
Tối lại đông tay dễ nghỉ ngơi.
Biết mặt tự nhiên rồi hiểu trái,
Kỵ đò đầy ngoắt, quán lưng mời[1]

Nc:

[1] *Ngoắt*: đưa tay vẫy gọi.

77. THẦN THẾ ĐỒNG TIỀN, OAI QUYỀN THÚNG THÓC

Cõi tục nào ai có thế quyền,
Không qua thúng thóc với đồng tiền.
Bay mùi tanh nghỉ, hèn thêm khiếp[2],
Khỏa mặt đầy vun, đói phải kiêng[3].
Chim nước Tây sang càng quỷ quái[4],
Chó làng Nhữ sủa cũng thần tiên[5].
Thử xem trước mắt người thiên hạ,
Đệ nhất nhà quan, nhị chủ điền.

Nc:

[2] "Tích sách Tàu: Có một anh giàu lắm, đem tiền lo được quan, rồi hỏi người nhà thiên hạ nói thế nào. Người nhà trả lời rằng người ta chỉ hiềm mùi đồng tanh lắm. "*Nghỉ*": có mùi hôi, gắt; hôi nghỉ, tanh nghỉ.

[3] "Khỏa mặt đầy vun"; nói việc đong thóc, khỏa mặt là đong gạt ngang miệng thưng, miệng đấu, đầy vun là đong cho có ngọn.

[4] "Nước Tây lúc mới qua ta, đem rặt bạc con chim. Tôi còn nhớ lúc mới hai mươi lăm, hai mươi sáu tuổi học tại tỉnh Quảng Nam, có một ông quan tỉnh muốn lượm lặt câu hát tiếng tục (tục ngữ) làm thi thể *phong* yết thị trước cửa tỉnh một câu hát rằng: "*voi ăn trong rú trong ri, voi ra uống nước, voi đi giữa đàng*" bảo ai có nhớ những câu như thế, thì viết gởi cho ngài. Thiên hạ thấy ngài dốt như thế, chẳng ai trả lời. Có anh học trò nghịch tếu đề một câu rằng: "*chim ăn ngoài biển ngoài khơi, chim bay vào tỉnh, chim rơi xuống tào*". Tích này không đúng vào câu đó, nhân việc nực cười nên chép vào đây.

[5] *Chó làng Vệ sủa ra chữ, chó làng Nhữ sủa ra tiền*. Tiếng tục (tục ngữ) ngoài Bắc Kỳ.

78. ĂN CÂY NÀO RÀO CÂY ẤY

Lẽ thẳng sờ sờ tự thuở nay,
Thế đà ăn trái phải rào cây.

Xưa nay ngọt lạt vin cành ấy,
Hôm sớm chăm nom giữ cội này.
Mình trót đỡ mồm cơn túng thiếu,
Lòng nào dứt[1] rễ để lung lay.
Rào thung ăn táo kìa ai đấy[2],
Núp bóng xin nghe mấy tiếng đây.

không cho trái gì cả lại rào.

79. XUI NHAU LÀM PHÚC, KHÔNG AI GIỤC NHAU ĐI KIỆN

Xui giục xưa nay phải lựa đàng,
Phúc thì trọn vẹn kiện thì hoang.
Thà khuyên trút hắt về am Phật,
Nỡ chọc lôi giùm tới cửa quan.[1]
Biển khổ nhiều đò mau đỗ bến,
Lò tiền thêm củi tốn toi than.[2]
Lòng người càng xuống càng sa sút.

[1] *Khôn ngoan tới cửa quan mới thôi.*

[2] Sách Tàu: *tục ngữ gọi cửa quan nha là "Tiêu kim lư"* nghĩa là lò tiêu vàng.

80. MỞ MIỆNG MẮC QUAI

Thói người kiêng nể quá xa sâu,
Vì mắc quai nên mở miệng đâu.
Ngứa mép vừa ưa sờ đến gáy,
Cắn răng còn thí đội trên đầu.

Dây đà buộc cổ mình xe đỡ[1],
Lưỡi vốn không xương nó cứng lâu[2].
Dính dấp lưới đời vương vấy mãi,
Mặc ai kêu ngựa, mặc kêu trâu[3].

Nc:

1. *Xe dây buộc mình.*
2. *Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.*
3. Sách Tàu: *"Hô ngã vi mã giả, ưng vi mã; hộ ngã vi ngưu giả, ưng vi ngưu"*. Nghĩa là kêu ta làm ngựa chịu làm ngựa, kêu ta làm trâu chịu làm trâu. Nói cách nhịn nhục.

81. CÒN CHỒI LÊN CÂY

Mặc ai đốn phá, mặc lung lay,
Nếu hãy còn chồi chắc có cây.
Mười thước cội[5] sâu chưa nhúc nhích,
Trăm vừng tược[6] nảy lại sum vầy.
Mưa nhuần nắng ấm chừng đôi lúc,
Cột cả rường cao chả mấy ngày.
Cuộc thế xây vần trong chớp mắt,
Lão tiều còn đó, núi còn đây.

Nc:

[5] *Cội*: Gốc.
[6] *Vừng tược*: "Vừng": một khối lớn, "tược": chồi cây mới mọc.

82. ĐAU TIẾC THÂN, LÀNH TIẾC CỦA

Đau lành thói tục khéo lần đần,
Tiếc của đà quen lúc tiếc thân.
Rên rỉ nuối hơi cần tí mạng,
Vui cười cứa cạnh sẻn từng phân.
Mồ hôi cục đá bao khi đổ,[1]
Máu mủ đồng tiền lắm lúc thân.
Một nén tâm hương Trời Phật chiếu,
Thân trăm tuổi khỏe, của muôn phần.

Nc:

[1] *Đá có lúc đổ mồ hôi.*

83. THIỆT VÀNG KHÔNG SỢ CHI LỬA

Nấu đốt cao tay mặc thử thàng,
Nếu mà sợ lửa thiệt đâu vàng.
Mười phần chẳng chút pha hơi bạc,
Trăm luyện nào hề núng sức than.
Tuy chửa can tương khôn rõ mặt,
Dầu cho sắt đá cũng kiên gan.
Lò đời còn lắm cơn nồng não,
Chỉ tiếc kìa ai khéo giữ giàng.

84. CHÙA RÁCH PHẬT VÀNG

Xưa nay hớ hếch thói qua đàng,
Chùa rách hay đâu có Phật vàng.
Mưa gió am xiêu trông mất giá,
Nén thoi tượng đúc để còn tang.
Lòng trần lắm kẻ so hình tướng,
Mắt tuệ nào ai thấu ruột gan.
Xớ rớ rồi đây Bồ tát giáng,
Gần xa hương khói khắp muôn làng.

85. XUÔI BUỒM THUẬN GIÓ, CHÉN CHÚ CHÉN ANH LÊN THÁC XUỐNG GHỀNH, CẶC TAO DÁI TỚ

Xuôi buồm thuận gió chú rồi anh,
Cặc dái gây nhau lúc thác ghềnh.
Êm mái rượu chè mời dịu ngọt,
Ngược dòng miệng lưỡi dỗ phui phanh.
Tỉnh say thói tục lùm mây bạc,
Sâu hiểm lòng người đáy biển xanh.
Một chiếc thuyền trần khôn đẩy cạn,
Biết bao giờ đỗ bến trong thanh.

86. HỌC TRÒ HỌC TRỎ HỌC TRO HỌC CHƯA HAY CHỮ ĐÃ LO VÉT NỒI

Học trò học trỏ khéo lôi thôi,
Học chữ chưa hay chực vét nồi.
Nghĩa đã quên đâu giao lại sách,
Cháy còn dính đấy để cho tôi.
Mực không thấm ruột hiềm cha chả,[1]
Lọ cả vừa mồm xấu lắm ôi.
Dốt đặc bao đời hoàn cán thuổng,[2]
Lấy vung đậy mặt để ra đời.

Nc:
[1] *Hung vô thẩm mặc*. Nghĩa là ruột không thấm mực, chỉ người dốt.
[2] *Dốt đặc cán mai cán thuổng*.

87. DỄ NGƯƠI DAO LỤT, CÓ NGÀY CỤT TAY

Dao lụt kìa ai khéo dễ ngươi,
Cụt tay có bữa chớ không chơi.
Thợ rèn đánh rớt cần chi nữa,[1]
Con nít chơi lâu rủi cả mười.[2]
Ba tấc vắn dài còn đủ lưỡi,
Hai bàn sấp ngửa hết khinh người.
Bỏ lâu mất nước xù xì vậy,[3]
Đến lúc lau mài sắc mấy mươi.

Nc:
[1] *Thợ rèn ăn dao lụt*: Thợ rèn cốt ăn nhờ dạo lụt (dao cùn, dao nhụt).
[2] *Con nít chơi dao có ngày đứt tay*.
[3] *Để lâu ngày han gỉ mất lớp màu* (lớp sắc bén lúc đầu).

88. MUA GÁI XEM DÒNG

Mèo mả gà đồng gẫm chả xong.
Xưa nay mua gái phải xem dòng.
Lừa tơ kén tóc vừa đôi lứa.

Cội mẹ nguồn cha kỹ đục trong.
Cu cú bao đời hoàn loại ục,[1]
Liu điu mấy thuở đẻ con rồng.[2]
Mua trâu lắm kẻ còn xem nái,[3]
Lang chạ sao nên đạo vợ chồng.

Nc:
[1] *Mẹ cú con dủ dỉ. Đời nào mẹ cú con tiên. Dủ dỉ* có nơi gọi là *con ục.*
[2] *Mẹ rồng lại đẻ ra rồng. Liu điu lại đẻ ra dòng liu điu.*
[3] *Mua trâu xem nái. Mua gái xem dòng.*

89. THƯƠNG THÌ CHO ROI CHO VỌT, GHÉT THÌ CHO NGỌT CHO NGÀO

Cha mẹ yêu con phải lựa đường,
Ngọt ngào là ghét, đánh là thương.
Nâng niu nên nỗi nhuần xương thịt,
Lạt lẽo hay chăm miếng kẹo đường.
Vàng luyện lửa nồng càng đúng bậc,
Cơm chan nước lã lại thêm chường.
Thói đời còn lắm lòng hơ hỏng,
Tre để già đần[1], nứa bẻ *tươn*[2] (tươi?).

Nc:
(1) *Đần*: Đẵn, chặt.
(2) *Tươn*: Tươi, non.

90. MĂNG NON MÍA GIÀ

Ăn uống người xưa thạo lắm mà,
Măng ăn non nớt, mía ăn già.
Vượt vòi nhân nhịp còn ôm bẹ,
Mưng mật chờ khi đã rụng hoa.
Mặc sức canh rau giòn hết thế,
So mùi đường kẹo ngọt đâu ta.
Thói đời lắm kẻ mồm quê kệch,
Măng bẻ nên cây mía bẻ nha.

91. VỪA SẮM BÁN VƯỜN, ĐÃ ỈA XUỐNG GIẾNG

Bán vườn rồi giếng để thêm thừa,
Sẵn nhịp còn ta ỉa cũng vừa.
Ở mấy ngày thôi thây mặc cả,
Uống đâu đấy nữa giỏ trôn bừa.
Sạch dơ trối mặc thây nhà mới,
Trong đục cần chi bến nước xưa.
Thói tục so đo càng nhớp nhúa,
Ơn nguồn ai đã nhớ cho chưa?[1]

Nc:

[1] Sách Tàu: *ẩm truyền tư nguyên*; uống nước nhớ nguồn.

92. CON GÁI BẾN NƯỚC MƯỜI HAI[1]

Phận gái xưa nay vẫn thiệt thòi,
Linh đinh bến nước đủ mười hai.
Ông tơ giấu mối nguồn trong đục,
Bà mụ cho duyên số chẵn chòi.
Một chiếc thuyền tình khôn kén bạn[2],
Trăm năm khách quán biết nhờ ai[3].
Cắm sào đợi nước khôn lừa lọc,
Đưa đón đừng quen thói vãi chài[4].

Nc:

[1] *Phận con gái mười hai bến nước, bến đục thì chịu bến trong được nhờ.*
Hoặc: Mười hai mụ bà, mười ba mụ bóng.

[2] *Linh đinh một chiếc thuyền tình. Mười hai bến nước gởi mình vào đâu".*

[3] Sách Tàu: *Nhân sanh giả thiên địa chi quá khách:* Loài người là khách đi đường trời đất.

[4] *Vãi chài:* "Nói vãi chài": nói nhằm đâu hay đó.

93. CHƯA ĐẬU ÔNG NGHÈ, ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

Thế gian lắm kẻ chửa ông Nghè,
Hàng tổng mai chiều đã thấy đe.
Ba giáp đề lên còn hỏng hẻo,

Mấy làng chung hạt chực hăm he.
Cọp rồng có thuở nghêu ngao đấy,[1]
Gà vịt nào bay sắm sửa nhe!
Thói xấu xưa nay bia miệng thế,
Các ngài áo mão lóng tai nghe.

Nc:

[1] *Long cọp bảng:* bảng cọp rồng là bảng Tiến sĩ.

94. NGHÈ CỐNG[1] TỚI NHÀ CHẲNG GÀ THÌ VỊT

Lạ chi nghè cống tới nhà ta,
Đã tới, đâu sao khỏi vịt gà.
Tai quái rước chi tuồng áo mão[2],
Rượu chè thế phải lựa tơ già.[3]
Vênh vang cho khoái lòng ông cụ,
Chiu chít thêm buồn nỗi mẹ cha.
Sung sướng phước đời giành phước cả,
Nỡ nào chó cắn ní con ra[4]!

Nc:

[1] *Nghè cống:* Ngày trước, thời còn cái học khoa cử, người đậu tiến sĩ gọi là ông nghè, người đậu cử nhân gọi là ông cống (do chữ cống sinh vào đời Lê).

[2] *"Nhà bay tai vịt tai gà. Năm ba ông cống tới nhà thì mua".*

[3] *"Vịt già, gà tơ".*

[4] *"Khi vui thì vỗ thì vê. Đến khi chó cắn lại kề con ra".*

95. VOI NGỰA VỀ TÀU, CỨT ĐÁI ĐỂ ĐÂY

Bao nhiêu thua sút tự xưa nay,
Voi ngựa về Tàu cứt đái đây.
Rầm rột bành yên nam cống sạch,
Nghênh ngang khai thối bắc thừa đây.
Người sang thêm rực oai vua chúa,
Mình yếu nên cam phận tớ đầy.

Bia miệng để đời đau đớn nhẽ,
Rửa sao sạch tiếng nước trong nầy.

96. ĐỒNG TIỀN LIỀN VỚI RUỘT

Nắn đúc khen ai khéo để tiền,
Làm cho thiên hạ ruột nên liền.
Thịt xương sống thác nhờ nhi dĩ,[1]
Máu mủ thân hơi dính tự nhiên.
Anh[2] nếu sa tay thà chết cỏ,[3]
Thần[4] còn chiếu mạng chả chơi tiên.[5]
Kè kè một túi vai mang nặng,
Nước lã người dưng cũng quyến liền.

Nc:

[1] *Nhục bạch cốt nhi sinh tử nhân,* nghĩa là xương trắng làm cho có thịt lại, người thác làm cho sống lại, nói ơn nghĩa nặng lắm. Lại có bài phú *thần đồng tiền* rằng: *sinh khả sử sát, tử khả sử hoạt. Phàm kim chi nhân, quý tiền nhi dĩ,* nghĩa là: sống khá bảo thác, thác khá bảo sống, phàm người đời nay quý tiền mà thôi, câu thi đó là hóa hai điển làm một.

[2] Bài phú *thần tiền* gọi tiền bằng *khổng huynh,* nghĩa là người anh có lỗ.

[3] *Mất đồng tiền kiếm chết bụi cỏ.*

[4] *Tài thần chiếu mạng,* lại tiền cũng có *thần, nói về* bài phú thần tiền đó.

[5] *Chơi tiên không bằng giỡn tiền.*

[6] *Vai mang túi bạc lè kè, nói quấy nói quá người nghe rầm rầm.*

97. ĐƯỢC BUỔI CỖ, LỖ BUỔI CÀY

Sấp ngửa cuộc đời một rủi may,
Lỗ cày được cỗ vẫn xưa nay.
Vừa chầu thịt cá cho lưng túi,
Bỏ luống công trâu mất nửa ngày.
Khó nỗi chia thân theo tấc bóng,[1]
Khôn vừa lỗ miệng bận hai tay[2].

Từ sau cô bác ai mời cỗ,
Xin hãy chờ tôi lúc thả cày.

Nc:

(1) "Sách *Tây du* nói *ông Tề Thiên đại thánh có phép chia thân: trong một lúc đi được đôi ba chỗ, làm được năm ba việc*".

(2) *"Nhất khẩu lụy thiên kim:* Một lỗ miệng khổ cho mình hại cả ngàn vàng.

98. DÀI MỎ KHÓ KIẾM ĂN

Mỏ dài một lũ đứng cằn rằn,
Vì nó nên tao khó kiếm ăn.
Non tấc già phân trơ giạt giạt,(1)
Gắp đâu trật đấy chắc thằn lằn.(2)
Nhọc nhằn chim chích không vừa miệng,(3)
Đá bị bồ câu phải cắn răng.(4)
Vạc ốm đã đành cò chả béo,(5)
Nhờ trời nước đục dễ xung xăng.

Nc:

(1) Xứ tôi kêu con chim *giạt giạt*, có nơi kêu *mỏ nhát*, Tục ngữ: *trơ mỏ nhát*, vì mình nhỏ mà mỏ dài. *Non tấc (10) phân già phân (1 phần của 10 tấc).*

(2) Con *thạch sùng*, xứ tôi kêu con *thằn lằn*, còn con rắn bốn cẳng xứ tôi kêu con *rắn mối*, ngoài Bắc kêu con *thằn lằn*, lạ sao hai xứ kêu lật nhau cả?

(3) *Chim chích mà ghẹo bồ nông, đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa.*

(4) *Chim bồ nông ngã sấp, bồ câu đá giập.*

(5) *Đục nước béo cò.*

99. NƯỚC, VUA

Xưa nay gọi nước của vua rồi,
Sống thác, nên hư bỏ mặc đời.
Nước vốn ông cha chung khoảnh đất,
Vua là chúa tể giữ ngôi trời.
Chùa làng chưa dễ sư quơ sạch,
Ruộng tổ nên nhường trưởng kỵ thôi(1).
Hiểu đặng nghĩa đen hai chữ ấy,
Trăm năm còn tỏ nghĩa vua tôi.

[1] Trong hai câu này tác giả coi ông vua như nhà sư giữ chùa, và như người con trưởng coi việc kỵ giỗ trong nhà, do đó vua không thể coi nước là của riêng mình.

100. QUÊ CHA ĐẤT TỔ

Dầu ai ngang dọc cả bầu trời,
Đất tổ quê cha cũng có nơi.
Tấc cỏ ngọn rau từng lắm thuở,
Chôn nhau cắt rún biết bao đời.
Trăm năm sống thác nhờ che chở,
Muôn kiếp cao xanh khó đổi dời.
Nợ nước ơn non chưa dễ trả,
Phụ phàng sao nỡ, ớ ai ơi!

101. TRẺ CẬY CHA, GIÀ CẬY CON

Đạo trời vay trả mới vuông tròn,
Trẻ cậy cha, già lại cậy con.
Cỏ dựa hơi xuân thêm mát mẻ[1],
Thung nhờ bóng quế khỏi thon von[2].
Trăm năm che chở ơn trời bể,
Muôn kiếp xoay vần nợ nước non.
Độc lập tự do ngoài cánh cửa,
Vào nhà xin giữ thói phương ngôn.

Nc:

[1] Con nhờ ơn cha như cỏ nhờ hơi ấm của mùa xuân.

[2] *Nc: Linh thung nhất chi lão, đơn quế ngũ chi phương:* Cội thung một cây già, quế đã năm cành thơm. Là nói cha già con đã hiển vinh.

102. CƠM VỚI CÁ KHÔNG BẰNG MẠ VỚI CON

Thế gian cơm cá vẫn rằng ngon,
Gẫm lại sao bằng mạ với con.
Mâm rộng cỗ đầy khôn đắn đọ,
Đẻ đau mang nặng dễ vuông tròn.
Mùi đời sung sướng đầy tro bụi,
Nghĩa biển sâu dày tợ núi non.
Mặn lạt một ngày nuôi dưới gối,
Đỉnh chung đừng đổi tấm lòng son[1].

Nc:

[1] *Cổ nhân nhất nhật dưỡng, bất dĩ tam công hoán:* người xưa một ngày nuôi mẹ, dầu cho một tước tam công cũng không đổi.

103. NUÔI CON MỚI BIẾT CÔNG LAO MẪU TỪ

Công lao từ mẫu quá non cao[1],
Đến lúc nuôi con mới biết nao!
Sự có trải qua khôn một tí,
Ơn không chỗ trả thảm dường bao!
Xuân nào hỏi cỏ đền chi chửa[2]?
Gió chẳng cho cây lặng biết sao[3].
Dưới gối một ngày đừng lỏng lẻo,
Muôn vàn ghi nhớ đức cù lao[4].

Nc:

[1] *"Trèo non mới biết non cao. Nuôi con mới biết công lao mẫu từ".*

[2] *"Nan tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy:* Khó đem lòng tấc cỏ, đền ơn nặng ba xuân. Là nói khó đền ơn cha mẹ.

[3] *"Thọ dục tịnh nhi phong bất định, tử dục dưỡng nhi thân bất đãi:* Cây muốn lặng mà gió chẳng đừng, con muốn nuôi mà (song) thân chẳng đợi".

[4] *Đức cù lao:* Nói tắt chữ "cù lao cúc dục", là đức siêng năng khó nhọc để nuôi con.

104. KHÔN NGOAN ĐỐI ĐÁP NGƯỜI NGOÀI GÀ CÙNG MỘT MẸ CHỚ HOÀI ĐÁ NHAU

Khôn ngoan đối đáp với người ngoài,
Một mẹ gà sinh chớ móc xoi.
Thà để cao tay khi bạn lứa,
Nỡ nào bôi mặt lũ loi choi[1].
Cậy vườn[2] còn lắm trăng ganh tiếng,[3]
Bươi bếp thôi chừa thói phải toi.[4]
Máu mủ anh em xin chạm dạ,
Câu thi ngự vũ hãy còn soi[5].

Nc:

[1] *Gà một nhà bôi mặt đá nhau.*

[2] *Chó cậy nhà gà cậy vườn.*

[3] *Gà ganh nhau tiếng gáy.*

[4] *Gà mình bươi bếp mình, loay hoay như gà phải tóc.*

[5] *Kinh Thi: huynh đệ huých vu tường, ngại ngự kỳ vũ:* anh em đá nhau phía trong vách, ngầm chống lại những người khinh mình.

105. ANH EM LÀ RUỘT LÀ RÀ

Vợ chồng thân thiết hãy cùng già,
Phải biết anh em vốn ruột rà.
Hai cái cuống bông còn dính chắc[1],
Một đùm máu mủ khó lôi ra.
Tay khùng không nỡ cầm dao cắt[2],
Da lộn nên đem thịt bỏ ra[3].
Trên gối lắm người tai mỏng mẻo[4],
Làm cho rẽ ngõ lại chia nhà.

Nc:

[1] "*Ba ngạc giao huy*: Anh em như bông cuống dính nhau thêm sáng". ("Ba ngạc" cũng đọc "hoa ngạc" [hoa và cuống hoa] là chữ trong bài "Thường đệ" *(Kinh thi),* chỉ anh em gắn bó với nhau.

[2] "*Ai cầm dao cắt ruột cho đành*".

[3] "*Thịt bỏ ra da bỏ vào*".

[4] "*Chẩm đầu tế ngữ*, Vợ chồng nói nhỏ trên gối".

106. VỢ CHỒNG NHƯ ÁO CỔI[1] RA THÌ RỒI

Uổng vậy câu này uổng quá thôi!
Vợ chồng như áo cổi thì rồi[2]!
Kết đôi kết lứa rằng trăm tuổi,
Mới cặp mới ba chỉ một thời.
Kẻ chán người ưa còn lắm khách,
Mai thay chiều đổi biết bao ngôi.
Lòng đời bạc bẽo tình xương thịt,
Nên nỗi người xưa ví mấy lời.

[1] *Cổi:* Thay, đổi, lột, bỏ ra.
[2] *Câu 1-2:* Tác giả không chấp nhận vế "vợ chồng như áo cổi ra", do đó mới nói là sai, là "uổng".

107. CHỊ CHẲNG MUỐN CHO EM TRẮNG ĐÙI

Nực cười bụng chị khéo lôi thôi,
Chẳng muốn cho em trắng tí đùi.
Trật vế thoáng trông da bẻo lẻo,
Vọt mồm toan dở giọng phanh phui.
Thảo chi mấy bữa hồng luôn má,
Cắc cớ lâu ngày đỏ cả môi.
Nầy bảo cho hay khôn giữ vía,
Lọ nồi tao trét thủi thùi thui.

108. HỌC THẦY KHÔNG TÀY HỌC BẠN

Học bạn thì nên tự thuở nay,
Học thầy so lại gẫm không tày.
Lạnh lùng cửa tuyết lời khôn cạn,[1]
Ấm áp nhà lan dạ dễ bày.[2]
Thợ cũ chỉ cho khuôn rập sẵn,[3]
Vai ngang càng lắm kén tơ dày.[4]

Những người tuổi trẻ khôn so sánh,
Lựa bạn nên chăm trước lựa thầy.

Nc:

(1) Sách Tàu có ông Dương thị, học với ông Trình, đứng hầu trước cửa, tuyết xuống hơn thước, mà chân chẳng rời một tấc, người thời sau gọi nghĩa thầy trò rằng *Trình môn lập tuyết.*

(2) *Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất;* nghĩa là: ở với người lành như vào nhà lan.

(3) *Đại tượng dữ nhân dĩ quy củ, bất năng sử nhân xảo,* nghĩa là thợ cả cho người khuôn rập, chẳng bảo người khéo được.

(4) *Tình anh em bạn.* Sách Tàu gọi là *tơ kén.* Tục ngữ: *Chầy ngày dày kén.*

109. DÂU TẶNG BÀ GIA

Ngầm nghiến chi tôi ớ mẹ ôi,
Nợ đời vay trả chắc đây rồi!
Xưa kia lắm thuở bà hành mẹ,
Nên nỗi bây giờ mẹ báo tôi.
Vặn nhặt, vặn khoan không chỗ hở,
Bắt tròn, bắt méo đủ bề thôi.
Nhờ trời mai mốt tôi già lại,
Kiếm một con dâu để hả hơi!

110. BÀ GIA HỌA LẠI

Bà khéo lôi thôi giọng bắc cầu(1),
Nào ai dám động cẳng bà đâu.
Người sao lắm phước dâu thờ mẹ,
Tôi khéo vô duyên mẹ tớ dâu.
Mới bước vào nhà chưa ráo cẳng,
Đã toan mặc áo muốn qua đầu.
Cối đây em đấy xay vừa ẵm(2)
Cơm nguội canh khê đứng nói lâu(3)

(1) *Bắc cầu:* Nghĩa bóng: làm gương cho người noi theo.

(2) *"Bồng em khỏi xay lúa, xay lúa khỏi bồng em".* Câu này ý nói bà gia sai

con dâu vừa xay lúa vừa bồng em.

[3] Đứng có thể đọc *đừng* với nghĩa toàn câu là: Đừng nói nhiều lắm làm cho cơm bị nguội canh bị khê.

111. LUẬN VUA TÔI

Năm luân[1] đứng trước, nghĩa vua tôi,
Trên dưới từ xưa sẵn định ngôi.
Thống trị cầm quyền thay mặt nước,
Khuông tương[2] ra sức đỡ tay trời.
Ừ è Thuấn, Võ cơn trò chuyện[3],
Mời mọc Thương, Châu lúc đứng ngồi[8].
Cao thấp vì ai phân quá bậc?
Lạt như nước lã, đục như vôi!

[1] *Năm luân:* Năm mối quan hệ trong xã hội Nho giáo là vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn.

[2] *Khuông tương:* Giúp đỡ bạn.

[3] *Nc:* "Đời Đường Ngu, vua Thuấn vua *Nô,* vua tôi nói chuyện với nhau ừ è như người nhà". Ý nói vua rất thân mật, không quá phân cách.

[4] *Nc:* "Đời nhà Thương, nhà Châu, quan lớn vào chầu, vua mời ngôi".

112. LUẬN CHA CON

Năm luân trọng nhứt đạo cha con,
Từ, hiếu[1] hai bên phải vẹn tròn.
Che chở trăm đàng xuân ấm cỏ[2],
Báo đền muôn kiếp đất bồi non.
Cha nào ép trẻ cơn vay trả?
Con nỡ lừa già lúc yếu don?
Đan dát[3] vì ai thêm quá lẽ,
Làm cho mất cả tấm lòng son!

[1] *Từ hiếu:* Do chữ "phụ tử, tư hiếu" (cha thương con, con hiếu với cha).

[2] *"Xuân ấm cỏ":* do chữ "tam xuân huy" (hơi ấm của ba tháng xuân). Xem chú thích 2 ở bài 103 *"Nuôi con mới biết công lao mẫu từ"* trên đây.

[3] *Đan dát:* "Đan": lấy nan tre gài vào nhau; "dát" (lát): dùng nan nhỏ để mà kèm nan lớn. Nghĩa bóng: vẽ vời, bày đặt thêm.

113. LUẬN ANH EM

Năm luân thứ giữa, đạo em anh,
Kính mến hại bên phải vẹn tình.
Lớn nhỏ nương nhau, tre mới vững,
Cuống bèn[1] dính chắc, búp nên xinh.
Lạ lùng tuổi bé tay nâng níu[2],
Trắc tréo thây to nước lạnh tanh[3].
Vì đạo vợ chồng đang lỗi nhịp,
Làm cho luân, ấy cũng xiêu mành[4]!

[1] *Cuống bèn:* "Bèn", là bẹ, đài của bông hoa; "cuống bèn", đài hoa và cánh hoa.

[2] *Nâng níu:* Nâng niu: vì phải hợp luật thơ, cho nên *niu* phải đọc níu.

[3] Nghĩa hai câu 5, 6: Lúc bé tuy không rõ nhau, nhưng vẫn thương yêu nhau, khi lớn lên không hiểu nhau, anh em lại lạt lẽo với nhau.

[4] *Câu 7, 8:* Vì đạo vợ chồng không hay, nên đạo anh em cũng dở.

114. LUẬN VỢ CHỒNG

Thứ bốn năm luân, đạo vợ chồng,
Trăm năm thề ước hẹn non sông.
Chim đôi cá cặp cùng vui vẻ,
Gió kép mưa đơn dễ cậy cùng.
Nhà cửa trong ngoài nương dựa chắc,
Anh em cha mẹ kính nhường chung.
Tiền tài ngày nặng, ân tình bạc,
Còn mất luân này, có cũng không[1]!

[1] *Câu 7, 8:* Về lâu về dài, nếu có tiền có của, nhưng nếu tình nghĩa vợ chồng không mặn mà, thì cũng không còn đạo vợ chồng nữa.

115. LUẬN BẠN BẦU

Năm luân đứng dưới, bạn cùng bầu,
Tín kính hai đàng chửa dễ đâu.
Lừa lọc trăm lần vàng thử chắc,
Hẹn hò một tiếng biển ghi sâu.
Phải đâu tửu nhục[1] vui qua miệng,
Cũng gọi chi lan mọng đỡ đầu[2].
Bạc bẽo lòng người xương thịt nát,
Thương ôi luân ấy mất đà lâu[3]!

[1] *Tửu nhục*: Rượu thịt, chỉ bạn bè ăn uống với nhau.

[2] *Câu 6 "Chi lan"*: cỏ chi và cỏ lan, thứ cỏ thơm, hương nó hòa hợp nhau: nghĩa bóng: anh em bạn tốt.

[3] Theo thói quen, tác giả cho rằng nghĩa vua tôi là "đứng trước", nhưng khi luận về cha con, tác giả lại khẳng định "Năm luân trọng nhất đạo cha con": ấy là vì chủ trương dân chủ, bài xích quân quyền. Nhìn chung, tác giả vẫn có cái nhìn khá bi quan về luân lý thời ông ở trong các câu kết của cả năm bài luận về ngũ luân, nhất là trong hai câu kết của bài này.

116. ĐẠO VUA

Xưa nay khó nhất đạo làm vua,
Tài đức gồm hai thế mới vừa.
Gánh nặng đường xa khôn tránh trút,
Ngồi cao té nặng dám thừa ưa.
Chủ tàu khó nỗi trông buồm lái,
Sãi vãi từng thưa đóng cửa chùa.
Chuộng sĩ yêu hiền quên thế vị,
Lánh xa đệ nhất tiếng a dua.

117. ĐẠO TÔI

Xưa nay khó nữa đạo làm tôi,
Yêu nước trung vua vẹn cả đôi.
Trắng trẻo gìn lòng trọng tợ tuyết,

Phanh phui bỏ thói bạc như vôi.
Đỉnh chung khỏa mặt mang ơn nước,
Tro bụi liều thân giả sự đời.
Đất cát ông cha chung để lại,
Nỡ nào mượn lốt để ăn chơi.

118. ĐẠO CHA

Thế gian khó nhất đạo làm cha,
Trước phải lo sao sạch thói nhà.
Khuôn rập dễ in[1] từ thuở bé,
Méo tròn làm mẫu bởi mình ta.
Nguồn trong nước ít dòng thêm sạch,
Nêu vạy trời đâu bóng cũng tà[2],
Mẹ cú con tiên[3] chưa mấy thuở,
Rồi ra trách thiện lại lùi xa.

[1] *Dễ in:* Dễ giống.
[2] *Cây nêu cong* (vạy) thì mặt trời ở đâu bóng cũng cong: ý nói cha phải làm gương ngay cho con.
[3] *"Mẹ cú con tiên":* Do câu thành ngữ "Mẹ cú mà đẻ con tiên".

119. ĐẠO MẸ

Con thì cha dạy vốn không sai,
Từ mẫu công lao cũng sánh vai.
Bé cậy ẵm bồng hay tập tánh,[1]
Trẻ nhờ phước đức mới nên tài.
Rau nào sâu nấy từng trông chắc,
Cú đẻ tiên sa[2] dễ mấy ai?
Khôn dại đục trong mình chuốc cả,
Dạy con xin dạy thuở trong thai[3].

(1) *Tập tánh:* Dạy bắt chước theo tính tốt.

(2) *"Cú đẻ tiên sa":* cũng như "Mẹ cú con tiên" ở bài trên.

(3) *Nc: "Sách Tàu có chữ "thai giáo", là nói mẹ phải ăn ở hiền lành, truyền tích lớp lại cho con, ấy là nghĩa dạy từ thuở trong thai".*

120. ĐẠO CON

Kể chi cho xiết đạo làm con,
Báo bổ xin chăm lúc sống còn.
Hùm dữ nỡ nào ăn thịt trẻ,
Quạ lành còn biết sún mồi ngon.
Giàu mâm cá thịt thêm vang vẻ,
Khó miếng rau canh cũng vẹn tròn.
Cá giá, măng đông[1] ai ép uống,
Thảo chăng thêm một tí lòng son.

(1) *Cá giá, măng đông:* Tích hai người con hiếu trong sách *Nhị thập tứ hiếu:* Vì không tiền mua thức ăn cho cha mẹ già trong mùa đông, người thì ra nằm bờ sông băng giá để chờ cá chết cóng, người thì khóc ở bụi tre chờ nẩy mầm măng cuối cùng có cá, có măng đem về.

121. ĐẠO ANH

Thế gian nặng trĩu đạo làm anh,
Thường biến hai bên phải rõ rành.
Cha mẹ còn trên êm thứ lớp,
Cửa nhà lâm biến phải quyền hành.
Coi em như trẻ đừng thiên vị,
Thị của tày tro chớ ghẻ ganh.
Những tiếng kề tai xin vứt sạch,
Trước sau cho trọn nghĩa hiền lành.

122. ĐẠO EM

Đạo em kính thuận phải ghi sâu,
Thường biến so đo đủ mọi câu.

Cha mẹ còn trên thờ gác cánh,
Cửa nhà lâm biến để tày đầu.
Trăm bề rủi phải thua đôi thí,
Một nhịn càng thêm tốt cả bầu.
Tiền của làm ra xương thịt khó,
Kể tai mấy tiếng vứt đâu đâu.

123. ĐẠO CHỒNG

Làm trai phải biết đạo làm chồng,
Dạy vợ từ khi tiết rạng đông.
Khiến đó khiến đây bày đủ nết,
Tiếng to tiếng nhỏ chạm vào lòng.
Của tiền, dầu mấy tay khoanh chặt,
Nhan sắc bao nhiêu bụng vững trồng.
Vàng đá trăm năm chung giữ chắc,
Mày râu đừng thẹn tiếng đàn ông.

124. ĐẠO VỢ

Đạo vợ xưa nay có dễ đâu,
Dở hay từ thuở mới làm dâu.
Trên còn cha mẹ nên nhường nhịn,
Dưới có anh em cũng bạn bầu.
Mình cạn so đo thêm lúng túng,
Người khôn cặn kẽ ít câu mâu.
Cửa nhà êm ấm chồng danh tiếng,
Lịch sự cho mình lịch sự đâu.

125. ĐẠO VỢ CHỒNG

Phải biết xưa nay đạo vợ chồng,
Xướng tùy đừng chuốc tiếng hư không.
Chồng khôn dạy vợ khi thơ ấu,
Vợ giỏi nhường chồng đám đảo đông.

Cha mẹ chiều lòn chồng rẽ lối,
Anh em xoi móc vợ chụa lòng.
Trăm phần tình nghĩa mười phần dục,
Vàng đá trăm năm vẹn chữ đồng.

126. ĐẠO BẠN BẦU

Đá vàng trước đã thử trăm vòng,
Một tiếng thề nhau phải giữ chong.
Cá thối xa hơi lan dễ nhuộm,[1]
Rượu nồng bỏ thói nước thêm trong.[2]
Nên hư khôn dại nhờ trăm nỗi,
Sống chết hèn sang giữ một lòng.[3]
Nước lã rồi thâm hơi máu mủ,
Năm luân đừng thẹn đứng vào trong.

Nc:

[1] *"Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất,*

Quy ác nhân cư như nhập bào lũ chi tự, cữu tất dữ chi câu hóa hĩ". Ở với người lành như vào nhà chi lan thơm; ở với người dữ như vào hàng cá bào ngư thối, lâu ngày cũng hóa quen cả thơm thối.

[2] *"Quân tử chi giao đạm như thủy, tiểu nhân chi giao cam như lễ"*. Quân tử làm bạn như nước lã trong mà được lâu, tiểu nhân làm bạn như rượu nồng, ngọt mà mau phai.

[3] *"Nhất tử nhất sinh, nãi kiến giao tình, nhất quý nhất tiện, giao tình nãi kiến"*. Sống thác làm sao mới biết lòng bạn.

127. NHẤT SĨ

Nước ta nhất sĩ bởi sao phân?
Danh vọng bao nhiêu, gánh cũng cân.
Đức hạnh vẹn toàn thay đạo giáo,
Kinh luân[2] gồm đủ giúp vua dân.
Phải đâu áo mão khoe làng họ[3],
Đặng đến xuân thu xí cỗ phần[4].
Ai có ham danh xin nhớ nghĩa,
Hớ hênh sụp cả dưới hang Tần[5].

(1) *Kinh luân:* Trong việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là *kinh,* so những sợi tơ mà họp lại gọi là *luân.* Nghĩa bóng: sửa sang, sắp đặt về chính trị.

(2) *Áo mão*: áo mũ vua ban khi thi đậu đại khoa (tiến sĩ trở lên): *làng* họ: làng xã và họ hàng.

(3) *Xuân thu*: vào mùa xuân và mùa thu thường có các kỳ tế lễ trong làng, được nhận phần cỗ làng chia cho.

(4) Đừng sơ hở dễ bị chôn như kẻ sĩ thời Tần Thủy Hoàng.

128. HAI NÔNG

Giúp đỡ loài người chắc một vai,
Thói nông thuần hậu[1] gẫm không sai.
Cơm nhà, áo vợ tùy theo thuở,
Của ruộng, công trâu chẳng cướp ai.
Lợi đất[2] ít nhiều nhờ cấy gặt,
Bù trời[3] no đói cậy chiều mai.
Quê cha đất tổ chăm gìn giữ,
Phân bậc nên chi để thứ hai.

1. *Thuần hậu:* "Thuần": chất phác, thật thà, "hậu": dày dặn, phúc hậu.
2. 3. Ta hay nói *lợi đất* (hay đất lợi) *bù trời* (hay trời bù). "Đất lợi, Trời bù".

129. BA CÔNG

Công nghệ nhân dân thiếu dễ cà?
Nghề chi cũng bởi đấy sinh ra.
Một người thân đủ trăm vành cậy,
Muôn kiếp công trùm bốn biển xa.
Biết mấy khôn ngoan giùm tế độ,
Còn hiềm máy móc nhảy xa ra.
Trăm phần lợi dụng đôi phần tệ,
Phân bậc nên chi để thứ ba[1]

(1) Về nghề nông thì tác giả khen là "thói nông thuần hậu". Nhưng với công nghệ thì tuy có khen nhiều, nhưng tác giả nhận định là "có đôi phần tệ". Phải chăng vì người phương Tây đã dùng văn minh cơ khí đi chinh phục các dân tộc khác hay vì văn minh cơ khí làm cho con người trở nên máy móc?

130. BỐN THƯƠNG

Trong thế không thương[1] gẫm khó chơi,
Nghề buôn cũng lắm giúp công người.
Của nông, đồ thợ nhờ chuyên chở,
Chỗ có nơi không cậy đổi dời.
Tráo đấu lường cân[2] hiềm xấu thói,
Chắp tôm vá cá khuấy hôi đời.
Đua nhau chiết cạnh nông công cổ[3],
Phân bậc nên chi để chót thôi.

[1] *Không thương:* "Thương": nghề đi buôn; không có nghề đi buôn.
[2] *Tráo đấu lường cân:* Gian lận khi cân, đong.
[3] "*Chiết cạnh*" tính toán, ganh đua nhau trong việc mua bán; *Cổ:* nghề buôn. (*sĩ nông công cổ*).

131. TRÂU ĐỨNG KHÔNG AI MÀ CẢ TRÂU NGÃ LẮM KẺ CẦM DAO

Trâu đứng kìa ai hỏi tội nào,
Đến khi trâu ngã, lắm cầm dao.
Mài sừng nhọn vắt ngơ thêm bớt,
Sẩy cẳng thòi lòi chực cắt xào.
Mong chút phần ăn vì máu dính,[1]
Ưa đâu cháo múc phải tiền trao.[2]
Con ăn con cột ganh nhau mặc,[3]
Tỏi giắt đầy lưng chỉ ước ao.[4]

Nc:
[1] *Dính máu ăn phần.*
[2] *Tiền trao cháo múc*
[3] *Trâu cột ghét trâu ăn.*
[4] *Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tỏi giắt lưng.*

132. ĐI VOI VỀ VOI, ĐI NGỰA VỀ NGỰA

Xây vòng đàn thế chẳng xa gì,
Voi ngựa vì sao bởi lúc đi.

Ra ngõ bành yên rầm rột thế,
Lại nhà giấu móng rõ ràng y.
Bắn nghê có kẻ thân tầng trải,[1]
Ở ải như ông mắt lạ chi.[2]
Dựa đậu xưa nay ăn dã chắn,[3]
Về Tàu để cứt có bao khi.[4]

Nc:

[1] Sách *Tàu* có tích *voi đền ơn*. Có một anh nghề bắn giỏi lắm. Một bữa cắp cung tên lên núi đi bắn ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngủ quên, thức dậy thấy một con voi đứng chực một bên, giật mình sợ dữ, giờ lâu coi bộ hiền lành biết không hề gì. Một chốc thấy voi lại gần bồng anh ta bỏ lên lưng cứ thế đi mãi. Đi một chốc đến một chỗ thấy voi lớn voi nhỏ nằm một đống, thấy anh ta tới coi bộ mừng lắm. Con voi lớn quỳ chân cho anh ta bước xuống, rồi lấy vòi kéo anh ta, lấy mặt ngó trên cây làm như bộ muốn cho anh ta leo lên cây đó. Anh ta chẳng hiểu ý gì, nhưng thấy nó làm vậy cũng rõ ý nó muốn mình leo, cũng cứ leo lên ngồi trên cây giây lâu thấy một con thoan nghê lớn lắm (cũng là loài sư tử) đi tới, thẳng lại chỗ đám voi nằm, bầy voi nằm thiếp thiếp chẳng dám cụ cựa. Anh ta biết ý voi vướng lấy nạn con nầy, nên cầu mình cứu đây, lấy cung tên ra, nhắm ngay con Thoan nghê bắn một mũi, trúng ngã lăn, bầy voi mừng lắm, xúm ngó trên cây, rồi cúi đầu, làm như bộ cảm ơn, đến khi anh ấy xuống đất, con voi lớn đi rước anh ta khi trước lại gần bồng anh ta để lên lưng cứ thế đi nước một, đi tới một chỗ để anh ta xuống đấy, lấy hai chân trước đào dưới đất một chốc thấy lòi ngà voi một đống thật nhiều. (Vì voi thay ngà lấy đem giấu một chỗ, cho nên tự thuở nay người ở núi không ai được ngà voi thay bao giờ, có con nào rủi chết, thì được chôn với đống xương thôi). Lấy mắt ngó anh ta như bộ muốn cho anh ta lấy cả đống ngà đó. Anh ta lựa thứ tốt lấy dây bó cả, rồi con voi bồng anh ta để lên lưng cứ đường cũ đưa về.

[2] Đời xưa có một ông ở gần ải, gọi là *Tái ông* (nghĩa là ông ải) có nuôi một bầy ngựa thả ăn ngoài núi, đi mất, bà con hàng xóm tới đi thăm ông ấy, nói cơ khổ ông rủi quá mất cả bầy ngựa, ông ấy rằng: biết đâu việc đời, mất vậy là phước cũng nên, cách ít ngày bầy ngựa trở về, lại dụ thêm được một ít con ngựa rừng về nữa thiệt tốt, bán được nhiều tiền. Con ông ấy lựa một con thiệt đẹp và hay để cỡi chơi, bà con hàng xóm lại tới mừng, nói ông may quá, được lại bầy ngựa nhà, còn lại được thêm mấy con ngựa rừng bán được tiền sướng dữ. Ông ấy rằng: biết đâu việc đời, được vậy là họa cũng nên. Ít lâu sau con ông ấy cỡi con ngựa hay ấy đi chơi, rủi té gãy tay. Bà con hàng xóm lại tới thăm nói cơ khổ ông rủi quá, có một đứa con trai cỡi ngựa té ngã què tay què chân còn chi. Ông ấy rằng: việc đời biết đâu té vậy phước đó cũng nên. Ít lâu giặc ngoài ải vào đánh phá, vua sai binh ra cản ngự phải truyền lệnh ra. Trong nước con trai mười bảy mười tám tuổi phải đi lính cả. Con ông ấy nhờ gãy tay mà không phải đi, ở nhà được nuôi ông ấy đến già. Tiếng tục người Tàu hay nói *"Tái ông thất mã, họa phước nan tri"*, nghĩa là ông ải mất ngựa biết đâu là họa phước.

[3] *Chủng qua đắc qua, chủng đậu đắc đậu,* nghĩa là trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, nói người đời, ở lành gặp lành, ở dữ gặp dữ.

[4] *Trâu chết voi ngựa về Tàu, cứt đái để lại cho ta!*

133. TRÂU CHẾT MẶC TRÂU, BÒ CHẾT MẶC BÒ CỦ TỎI GIẮT LƯNG

Trâu bò thiên hạ chế lừng lừng,
Củ tỏi ta đây cứ giắt lưng.
Sáu súc còn năm đâu trối kệ,[1]
Năm tân giữ một để phòng chừng.[2]
Trắng da chẳng lẽ trăng xương thịt,
Kiếm muối không lo kiếm sả gừng.
Cứu chữa dầu ai dao chực sẵn,[3]
Mùi đời cay đắng gớm ghê hung.

[1] *Sáu giống súc:* ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo. *Súc*: con vật.
[2] *Năm món cay:* hành, tỏi, tiêu, gừng, quế. *Tân:* vị cay.
[3] Trong *di cảo* (bản viết tay của tác giả), câu này, vốn là: *Mặc kẻ cầm dao ta cứ chén.* Tác giả đã sửa lại.

134. CẠN AO BÈO ĐẾN ĐẤT

Cách đất bao lâu thứ lũ bèo,
Rồi đây ao cạn cũng sa theo.
Nước tù hết kiếp khôn lên mặt,[1]
Bùn lấm vương tai khéo lộn phèo.
Vựa cá mang chung cơn vạ gởi,[2]
Khỏa sen bỏ cả thói chơi trèo.[3]
Mặc bèo xiêu giạt trăm người chộ,
Lặt đặng bao nhiêu chỉ vứt heo.

[1] *Nước ao tù.*
[2] *Thành trung thất hỏa, họa lập trì ngư:* cháy thành vạ cá.
[3] *Nước tràn bèo khỏa trên sen. Bèo đã biết phận bèo, bèo đâu dám chơi trèo.*

135. KHÔN LÀM QUAN GAN LÀM GIÀU

Bởi vì khôn khéo mới làm quan,
Chớ biết làm giàu phải bởi gan.

Hai miệng hai tay vơ ấu chóng,
Một lời một lỗ chất tiền tràn.
Gánh vàng về khố ngu sao nổi.
Đánh bạc với trời nhát phải tan.
Chữ phú xưa nay trên chữ quý,
Học gan chẳng học, học khôn ngoan.

136. CÓ PHƯỚC LÀM QUAN, CÓ GAN LÀM GIÀU

Xưa nay cậy phước được làm quan,
Chỉ có làm giàu phải cậy gan.
Tốt mã ông cha vớ ấn chóng,
Già tay con mẹ chất tiền toàn.[1]
Phát thân tại đất cần gì sức,
Đánh bạc với trời khó nỗi gian.
Chữ phú nên chi trên chữ quý,
Vì gan có ít, phước muôn vàn.

Nc:

1. Tục ngữ Tàu có câu: *Mẫu tử tiền*: tiền con tiền mẹ. Tiếng ta có câu: lãi mẹ đẻ lãi con.

137. GIÀU VÌ VỢ, SANG VÌ BẠN

Xưa nay trong thế cuộc giàu sang,
Vợ bạn hai bên cậy mọi đàng.
Rỡ cửa rực nhà nhờ nết táo,[1]
Thêu mày vẽ mặt dựa hơi lan.
Gà hay gáy sớm nên gia đạo, [2]
Mèo khó khen đuôi khắp thế gian. [3]
Tiền của công danh đều muốn cả,
Nào ai chọn đá biết tìm vàng. [4]

Nc:

1. *Vu dĩ thể tần, nam giản chi tận; vu dĩ thể táo, vu di dĩ hàn lạo*(?). Ý nói vợ hiền giúp chồng.

2. Sách *Kinh Thi* có bài thơ *Kê minh* nói về người vợ hiền, hễ gà gáy là thức dậy, gọi chồng đi làm ăn sớm.

3. *Mèo khen mèo dài đuôi.*

4. *Chọn đá thử vàng.* Nói về vợ chồng và anh em bè bạn.

138. CHA MẸ HAY NÓI OAN, QUAN HAY NÓI HIẾP

Nói oan, nói hiếp tự xưa nay,
Cha mẹ cùng quan, tính vẫn hay.
Yêu dấu trăm đàng quên già thiệt,
Hồ đồ hai miệng bỏ gian ngay.[1]
Sinh con thì dễ, sinh lòng khó,
Bắt trái còn sưa, bắt mặt dày.
Bố tỉnh, vua nhà đừng nhận lộn[2],
Rủi thì hùm dữ túm ăn vày[3].

1. "Hồ đồ": hỗn hào không biết phép, không biết phải chăng, "hai miệng": *Chữ Quan có hai chữ khẩu*, xem bài số 65 trước đây.

Nc: 2. "*Quan là bố mẹ dân, cha là vua nghiêm trong nhà*"

3. "*Hùm dữ không ăn thịt con*". Sách Tàu gọi quan hung dữ là ngọa hổ, nghĩa là con hùm nằm.

139. MUỐN NÓI GIAN, LÀM QUAN MÀ NÓI

Thiên hạ kìa ai muốn nói gian,
Phải xin kiếm miếng để làm quan.
Trăm điều chỉ thích tuồng thêu dệt,
Hai miệng nên mua bực thép gang.
Mặc sức khua hầu rồi múa lưỡi,
Dám ai chọc mắt lại trêu gan.
Cửa tiền, cửa hậu xa chi mấy,
Mũ quạ, chôn trơn bạn hãy khoan[1].

1. "*Mũ quạ chôn trơn*": chỉ người dân thường, không làm quan. Cả câu ý nói nếu còn là dân thường, thì hãy khoan nổi giận.

140. LÒN CỬA TIỀN CỬA HẬU, AI LÒN LỖ GIẬU CHÓ CHUI

Cửa tiền cửa hậu chịu lòn vùi,
Mấy thuở ai lòn lỗ chó chui.
Đóng mở đường hoàng thà cúi trán,
Ra vào ủm thủm chẳng theo đuôi.
Khách ra chuồng ngựa còn danh giá, (1)
Bợm gặp sàn gà khó tới lui. (2)
Luồn lọt xưa nay quên nết tức,
So đo hơn thiệt khéo lôi thôi.

Nc:

1. Sách cổ văn Tàu có một bài đề rằng: "*Thượng hạ tương phù*" nói hết các thói xấu người đời đi luồn lọt quan trên. Đây tôi không nhớ kỹ được mà diễn cho y, xin nhắc lướt một ít, nói người đời muốn cho mình có danh giá từ nhà sắm xe ngựa cho rầm rột, đi tới chỗ đế đô, lượn đến một hai ông lớn có danh tiếng giàu sang đánh hơi tới ngõ đút tiền cho tên lính canh cửa xin dâng cái danh thiếp vào, rồi nói xin cho tôi vào trong đặng chực hầu quan lớn. Nó không cho, năn nỉ năm mười lần, đút tiền thêm cho nó, sau nó mới cho vào ngõ. Vào rồi, nó chỉ cho chỗ chuồng ngựa đứng đó, ruồi muỗi khai thối cũng cứ đứng chực mãi. Đến chiều chẳng thấy gì, tối phải ra về. Sáng mai tới thiệt sớm, lại gõ ngõ. Thằng lính canh hỏi: *ai*? Thưa tôi. Anh tới làm gì bây giờ quan lớn hồi giờ đã chịu tiếp anh hả. Nói rồi trợn mắt dữ dằn xây mặt bước vào Thôi thôi cậu! Tôi lỡ ra, biết làm sao bây giờ, nhờ cậu làm ơn cho tôi vào một tí không? Không thôi cậu, có ít lượng đây, xin cậu cầm lấy để uống rượu lấy thảo. - Ối! Chừng nấy đã muốn toan vào được cửa nầy hả? - Thôi, còn ít lượng xin trao luôn để cậu mua thuốc hút. Rồi cho vào, lại đứng lại chỗ cũ bữa qua. Tối ra, sáng vào làm như thế năm mười lần, lần nào cũng phải mất tiền với thằng lính luôn. Ước vài mươi bữa nửa tháng, may ra nghe quan lớn đòi ra mắt thôi mừng hết lớn, sửa soạn quần áo nhắm trước nhắm sau, rồi đội mâm lễ vào, rặt đồ quý cả, bước tới dưới thềm lạy cúi đầu sát rạt, một chặp mới ngước đầu lên. Trăm lạy quan lớn. Con xin dâng lễ mọn, quan lớn thâu nhận rồi. Nhưng quan cũng làm cách sang. Thôi! Lễ nghĩa làm gì cho thầy lại. Lại lạy cúi đầu sát rạt: trăm lạy, xin quan lớn nhận lễ mọn. Làm như vậy đến ba lần. Quan lớn bảo lính thôi thầy đã có lòng thành, thâu cho. Rồi cho ngồi một bên khém (một góc), cho một chén trà uống, hỏi vài câu chuyện nhảm. Một chốc, lại lạy bốn năm lạy, cúi đầu sát rạt rồi lui ra. Quan lớn quay lại nói với người nào đó. Thầy đó xem bộ con người cũng khá. Người đó chả biết gì, thấy quan lớn khen cũng hót chạ theo ít câu. Còn anh ta ra khỏi ngõ, lên ngựa, giơ con roi thật cao. Khi thấy những tụi anh em quen biết đi đàng xa, lớn tiếng hỏi: Kìa đi đâu đó? - Mình mới ở trong nhà cụ lớn ra đây. Cụ lớn tử tế với mình lắm. Anh em trông thấy như vậy, càng nịnh hót tợn.

2. *Tối tăm rủi phải sàn gà.*
Bợm đà biết bợm thì tha nhau cùng.

141. QUYỀN CỐI ĐÁ VẠ RƠM KHÔ

Thử cân quyền vạ gớm ghê thôi,
Bên cối bên rơm khéo vác lui.
Tay nắm một khiêng vần chẳng chuyển,
Chân sa hai ngón xách như chơi.
Trối thây chó liếm mòn bảo thuở, (1)
Mặc sức trâu ăn ghét thiệt đời. (2)
Lơ đễnh rủi thì rơi đóm lửa,
Gần rơm lóm lém cối tan rời. (3)

Nc:
1. *Chó liếm cối đá không mòn.*
2. *Trâu cột ghét trâu ăn.*
3. *Lửa gần rơm không cháy cũng tròm trèm.*

142. MUỐN NÓI KHÔNG, LÀM MẸ CHỒNG MÀ NÓI

Mẹ chồng lắm miệng đã thành bi,
Muốn nói không, xin học lấy nghề.
Miệng thích trăm điều vào lỗ trống,
Tượng tô một cỗ đợi dâu về. (1)
Vung trôn múa đít dầu không mỏi,
Cúi trốc gãi tai đã có nề.
Chẳng dễ ai đây bồ đựng sẵn, (2)
Con trai chưa để vội chi tề.

Nc:
1. 2. *Cha chồng là lông chim phượng,*
Mẹ chồng là tượng mới tô.
Nàng dâu là bồ đựng chửi.

143. QUAN LÀ CHA MẸ DÂN

Cha mẹ thương con nhất thế gian,
Ai đem hai chữ tặng nhà quan.
Oai quyền bực nhất, tay ôm cả,
Nuôi dạy gồm hai gánh nặng tràn. (1)

Thiệu, Đỗ lâu ngày bia đá mỏng,
Trăn linh lắm thuở bóng cây tàn,[2]
Không thương vì bởi con không đẻ,
Hùm dữ càng hay ních thịt càn.[3]

Nc:

1. "Sách Tàu có ông Thiệu Hồ Thần với ông Đỗ... hai ông thương dân như con, dân gọi là cha Thiệu, mẹ Đỗ".

2. *Kinh Thi*: *Nghiến hữu trăn. Thấp hữu linh. Khai đế quân tử. Dân chi phụ mẫu.* Cao có cây trăn. Thấp có cây linh. Vui thấy người quân tử. Là cha mẹ dân. Bài thi đó là quan thương dân nên dân khen: hai cây đó tốt bóng, người ta hay nghỉ mát".

(Hình như tác giả có chỗ nhớ sai và nhớ lẫn lộn trong 4 câu trích dẫn *Kinh Thi* trên đây. Thật vậy, hai câu "Sơn (chứ không phải Nghiến) hữu trăn. Thấp hữu linh" là thuộc chương 4 bài "Giản hề" trong phần Quốc phong, còn hai câu "Khai đế quân tử, Dân chi phụ mẫu" là thuộc chương 1, bài "Quỳnh chước" trong phần *Đại nhã*. NBS).

3. "*Hùm dữ không ăn thịt con*, lại người Tàu gọi "*quan dữ là quan hùm nằm*".

144. THẰNG BỜM CÓ CÁI QUẠT MO[1]

Thằng Bờm lấn bấn bị trời vò,[2]
Vốn liếng trong mình một quạt mo.
Đói dựa gốc cau may lượm được,
Buồn trông khuông gác khéo ban cho.
Nằm ngồi lót đít nhiều khi đỡ,
Mưa nắng che đầu ít nỗi lo.
Trâu, cá, lim, mồi đều chẳng đổi,
Bờm đây chỉ muốn vắt xôi to.

Nc:

1. Bài ca dao: *Thằng Bờm có cái quạt mo*
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.

Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim.
Phú ông xin đổi đôi chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi.
Phú ông xin đổi nắm xôi Bờm cười.

2. *Rộng rãi trời đãi cho, xo ro trời vò lại.* (Xởi lởi trời cởi cho, xo ro trời co lại).

145. ÁO DÀI CHẲNG NỆ XIÊM XƯA TRAI KHÔN KHÔNG NỆ VỢ THỪA THẾ GIAN

Áo dài thôi chẳng nệ xiêm xưa,
Mấy thuở trai khôn chán vợ thừa.
Tốt vạt che luôn con mắt tục,
Cao tay lặt cả cái bông lưa.
Hay lường tốn ít tuồng không gửi,
Khéo vá lành hơn mới thuở xưa[1].
Gấm vóc thải ra chưa dễ mấy,
Mặc không phủ gối chớ thừa ưa.

Nc:

1. *Rách mà khéo vá hơn lành vụng may.*

146. TRÈO NON QUÊN MỆT, NGẬM GỪNG QUÊN CAY

Gừng ngậm non trèo khó thuở nay,
Vì ai quên mệt, lại quên cay.
Trăm lần chống gối chân không biết,
Ba lát tê môi miệng chẳng hay.
Núi lở, đá mòn tình hãy chắc,
Chanh chua, muối mặn vị khôn tày.[1]
Mồ hôi nước mắt rưng rưng chảy,[2]
Cũng bởi thương em đến nỗi này[3].

Nc:

1. *"Chanh chua, muối mặn, gừng cay"*
2. *"Chảy nước mắt gừng"*.
3. *"Thương em vô giá quá chừng, Trèo non quên mệt ngậm gừng quên cay!"*

147. TIỀN VÀO NHÀ KHÓ NHƯ GIÓ VÀO NHÀ TRỐNG

Tiền vào nhà khó có lâu nào,
Nhà trống y như lúc gió vào.
Vớ đặng giọt nào tiêu giọt nấy,
Thổi luồn đàng trước thấu đàng sau.
Nát nhừ bụi cỏ còn đâu kiếm[1],
Dính mấy chà gai sẵn đấy quào[2].
Gặp vận gió đưa liền ruột hẳn[3],
Mặc ta cổng kín lại tường cao.

Nc:

1. *"Mất đồng bạc nát vạt cỏ"*.
   hoặc: *"Rớt đồng tiền kiếm nát bụi cỏ"*.
2. *"Tiền của nhà ta, gai chà cào không dính"*.
3. *"Gặp vận gió đưa"*: *"Thời lai phong tống Đằng Vương các; Vận khứ lôi oanh tán phước bi!"* (Thời đến gió đưa tới gác Đằng Vương; Mây đi sét đánh tan bia phước) *"Liền ruột"*: *"đồng tiền liền khúc ruột"*.

148. ĂN TRÁI NHỚ KẺ TRỒNG CÂY

Cây ngon mấy thuở mọc hư không,
Ăn trái xin ai nhớ kẻ trồng.
Ngày lại vin cành quen thói trẻ,
Đời nào gieo giống cám ơn ông.
Ra hoa kết nhụy làm nên quả,
Bón nước vun phân tốn lắm công.
Nước giếng nguồn trời còn biết nhớ[1],
Nỡ nào ăn táo chạy rào thung.

Nc:

1. *Uống nước nhớ nguồn.*

149. UỐNG NƯỚC CHỪA CẶN

Ở đời trăm việc cứ vừa vừa,
Uống nước sao cho cặn biết chừa.
Ngon dở mùi trà mồm đã nhấm,
Ít nhiều lóng bát đáy nên lưa.
Lưng vơi lắm nỗi ngao lường khó,[1]
Sẻn nhịn lâu năm vại chứa thừa.
Thế tục nhiều người trơ mỏ nhát,
Chừa nay cũng bởi bạo ăn xưa.[2]

Nc:
1. *Dinh hư thế cục:* Cuộc đời đầy vơi;
   Lấy ngao lường nước biển.
2. *Ăn xưa chừa nay.*

150. DÃ TRÀNG XE CÁT BIỂN ĐÔNG NHỌC MÌNH MÀ CHẲNG NÊN CÔNG CÁN GÌ

Nhọc mình chi lắm dã tràng ôi?
Xe cát xưa nay chẳng thấy rồi!
Tháng lụn[1], năm qua cà cụm đẩy,
Bãi dài, sóng cả tạt xô bồi.
Mượn hồn Tinh vệ thù cho biển,[2]
Hóa kiếp Ngu công chống với trời.[3]
Cuộc thế tang thương đâu đã chắc,[4]
Thân này xin hãy bạn cùng ngươi.

1. *Lụn*: Trọn.

Nc: 2. "Tích *sách Tàu*: Có một anh con vua đi qua biển, bị sóng phủ chìm đò. Khi anh ta sắp chết, thề lấp cho được biển. Sau chết hóa ra con chim Tinh vệ cứ tha cây và đá để lấp biển".

3. "Lại có người thiên hạ gọi là ông Ngu. Nhà ở trong núi, bước ra cửa bốn phía núi dựng cả. Khó đi quá, ông ấy thề hết sức đào cho bằng cả mấy hòn núi. Khi ông ấy đang đào, có người đi ngang qua hỏi: "Ông này lẫn, bầy núi thế này mà một mình ông đào sao cho bằng nổi?" Ông ấy trả lời rằng: "Tao đào hết đời tao rồi con đào, hết đời con đến đời cháu, rồi cháu lại đẻ con, con lại sinh cháu. Cứ đào mãi, mà núi chỉ chừng nấy không sinh thêm ra được, tài chi không bằng". Nói rồi cứ đào. Sau trời thấy ông bền gan chắc dạ như thế cũng động lòng, sai thiên lôi thần tướng xuống đánh mấy hòn núi làm ra đất bằng cả, chưa

mãn đời ông ấy mà núi đã bằng rồi".

4. "Sách *Trang tử*: Trong ba mươi năm, trong trời đất, có chỗ biến hóa làm nên ruộng dâu, có chỗ ruộng dâu hóa ra biển xanh".

151. ĐÁNH CHÓ KIÊNG CHỦ NHÀ

Chó kia dớn dác dễ ngươi chà,
Đánh nó vì kiêng tí chủ nhà.
Toan miếng nắm đuôi tay quất xuống,[1]
Nể lòng quen mặt mắt trông ra.
Ỷ hơi trời lụt từng ngồi gác,[2]
Mang tiếng thần nương phải cây đa.[3]
Liếm mặt nhiều lần rồi có bữa,[4]
Run như sấy lửa mới ghê ta.[5]

Nc:

1. *Lạc đường cầm đuôi chó.*
2. *Trời lụt chó ngồi giàn gác.*
3. *Ông thần cậy cây đa, cây đa cậy ông thần, sợ ông ai sợ cây đa.*
4. *Giỡn chó, chó liếm mặt.*
5. *Run như cầy sấy.*

152. BÁT BỂ ĐÁNH CON KHÔNG LÀNH

Bát bể thì thôi cứ chịu đành,
Đánh con cho lắm cũng không lành.
Choảng rồi một tiếng xong đời nó[1],
Trót mãi nhiều roi thấm thịt mình.
Cục máu khôn đem đền mảnh sứ[2],
Đoạn mây khó nỗi bịt khuôn vành.
Việc đời giữ trước hay hơn cả,
Chẳng một gì đâu mấy miểng sành.

Nc:

1. *"Một đời ta ba đời nó" Choảng*: tiếng bắt chước vật bị vỡ.
2. *"Con là cục máu cha mẹ làm ra"*.

153. NỒI TRÒN ÚP VUNG TRÒN, NỒI MÉO ÚP VUNG MÉO

Thế gian nhiều hạng kiểu vung nồi,
Tròn méo theo nhau cứ úp thôi.
Khéo tợ sọ dừa đành có cặp,(1)
Xấu như trái ấu cũng đành thôi.(2)
Khuôn thiêng nắn đủ khôn thừa thiếu,
Lò táo hầm ra khó đổi dời.
Bếp tục xưa nay coi lộn xộn,
Vì mua không lựa nói sao rồi.

Nc:

1. *Tròn như sọ dừa.*
2. *Thương thì trái ấu cũng tròn,*
   Ghét thì bồ hòn cũng méo.

154. CƠM KHÔNG LÀNH, CANH KHÔNG NGON

Nhen lửa vì ai nhóm bếp nầy,(1)
Cơm canh đến nỗi dở inh đây.
Chán chường tợ úng vùi rơm lén,(2)
Lễnh lãng như xao bát nước đầy.(3)
Vung méo nồi tròn không úp kín,
Rau nào sâu nấy khéo sâu bầy.(5)
Hột cơm cắn bể quên canh lạ,(6)
Đũa chẳng chia hai chén chạm rầy.(7)

Nc:

1. *Đôi ta như lửa mới nhen.*

Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu. Tục ta: mới ra ở riêng, cậy người nhóm bếp.

2. *Lửa gần rơm không cháy cũng lém (sém).*
3. *Ở với nhau như bát nước đầy.*
4. *Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo.*
5. *Rau nào sâu nấy, con sâu làm rầu nồi canh.*
6. *Con người coi cắn hột cơm không vỡ. Cái ấy lạ như trạ canh ngon.*
7. *Đồng tiền chiếc đũa chia hai.* Ý nói vợ chồng bỏ nhau.

155. CHỌN ĐÁ THỬ VÀNG

Xưa nay bạc thiếc lộn nhân gian,
Chọn đá nên toan để thử vàng.
Khác núi mượn trang giồi chiết ngọc,(1)
Nhảy bè khỏi nỗi tốn công thang.(2)
Trong tay muôn tấc nên cầm chặt,
Ngoài mặt xuy pha đủ thạo tràn.
Chạm đá ghi vàng tình nghĩa nặng,
Lứa đôi bè bạn chớ vơ càn.

Nc:

1. *Tha sơn chi thạch, khả dĩ công ngọc*, lấy hòn đá núi khác mà giồi được ngọc.

2. Sách *Trang Tử* nói: Con người trong trời đất như là vàng mà thợ đang nấu trong lò, để muốn làm cái gì mặc thợ. Nếu vàng mà nhẫy đống ở trong lò, đòi phải làm cái này, làm cái khác, thì anh cho là vàng yêu(?) càng phá cho hư thêm.

156. ĂN SUNG NGỒI DƯỚI GỐC SUNG ĂN RỒI LẠI VÃI TỨ TUNG NGŨ HÀNH

Ăn sung sẵn gốc cứ ngồi sung,
Trái chứng ăn rồi vãi tứ tung.
No bụng chán mồm nhờ bóng mát,
Huơ tay múa cẳng đổ hơi khùng.
Không rào cây ấy còn trù bỡn,(1)
Chẳng nhớ người trồng lại úm bung.(2)
Phụ bạc vùi đời chua chát gớm,
Còn trông ăn táo giúp cho cùng.(3)

Nc:

1. *Ăn cây nào rào cây ấy.*
2. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*
3. *Ăn cây táo rào cây thung.*

157. ĐẦU DÙI CUI, ĐÍT THỚT THỊT

Đời xưa lí trưởng sướng chi nào,
Thớt thịt dùi cui khổ đít đầu.
Đánh đục đánh săng trơ chịu mãi,(1)
Ngọn roi ngọn vọt biết bằm đâu.(2)
Mấy phân mấc đóng mòn hơn cán,
Hai thước mây ram sắc quá dao.
Cui thớt đời nay coi đắt giá,
Lắm người mang bạc lại đi cầu.

Nc:

1. *Cui đánh đục, đục đánh săng.*
2. *Chứng (cớ của) lý trưởng đầu roi ngọn vọt.*

158. QUÂN TỬ NHẤT NGÔN

Xưa nay thiên hạ có câu đồn,
Quân tử thì thôi chỉ nhất ngôn.
Trăm nết dồi mình đà giữ chắc,
Một lời rời miệng cứ gìn luôn.
Trâu không kéo lại mồm người tục,(1)
Ngựa nỡ theo về lưỡi kẻ khôn.(2)
Phong khí đời xưa đâu hẳn thế,
Đời nay xác ốc đã không hồn.(3)

Nc:

1. "*Một chữ đến cửa nha, trăm trâu kéo không ra*".
2. "*Sẩy miệng, ngựa theo không kịp*"
3. Xứ dưới biển có một con vật, sinh ra cứ rúc vào trong cái vỏ ốc chết. Sau lớn lên, đi đâu thì mang theo, bắt lên coi thì nó có hai càng như càng cua, không giống loài ốc, tục gọi là *ốc lộn hồn*.

159. CHỒN ĐÈN ĂN QUEN MẮC BẪY

Nực cười dớn dác chú chồn đèn,
Mắc bẫy vì hay giữ thói quen.
Hết nhịp lần đầu mong đỏ mãi,
Rủi thì kẹp cổ ngó vàng nghen.
Cắn đuôi hết trí đưa mày mốc,[1]
Đậy mặt khoe khôn phải vận đen.[2]
Hóa kiếp đầu lươn quên sứt mép,[3]
Bạo ăn còn giữ xoáy hư hèn.

Nc:

1. Tục truyền: chồn đèn cắn lộn với rắn hổ cứ bữa cắn đầu đuôi, rủi bị rắn cắn nhầm, vào bụi kiếm thuốc chữa, hết liền. Rồi cắn đọt lá cây nhai vào miệng, đem ra, phun rắn, rắn trườn lại cắn chết tươi. Ai gặp như vậy, rình coi rồi ăn cắp lá ấy, để xức rắn cắn hay lắm. Nhưng xưa nay chưa thấy ai được bao giờ.

2. Tục truyền: chồn đèn bắt gà con, lấy hai chân trước đậy mặt ngồi thẳng lên giả đò như gốc cây khô, gà con hay lại mổ, chụp bắt ăn ngay.

3. Tục truyền: lươn lâu năm lớn lên, hóa ra chồn đèn, nói là nhiều người đào giếng bắt được, có con cái đầu đã mọc lông rồi. Vì người ta thấy đầu hơi giống đầu chồn đèn, thì đặt bịa ra, người nói chỗ này, người nói chỗ kia, chẳng chắc vào đâu.

160. CHỒN CÁO LẾU LÁO BẮT GÀ

Xưa nay chồn cáo tiếng đồn xa,
Lếu láo rồi đây chỉ bắt gà.
Ngày núp bụi lùm trơ mặt thạo,
Tối vào trống mái cắn đầu tha.
Giả hùm khuấy mãi hôi làng xóm[1],
Phỉnh chó khôn như biến quỷ ma[2].
Quen thói chồn đèn rồi có bữa,
Xúm nhau đập chết, trấu nhồi da[3].

Nc:

1. *"Cáo giả oai hùm"*.

2. *"Các chú chồn, chỉ có chồn cáo trở chó có tài. Gặp đó rồi mất đó, như là biến đi, một chút lại gặp lại, may thì mới bắt được nó"*.

3. *"Thịt nó ít ngon, chỉ lấy da nhồi trấu để chơi"*.

161. GIÁ CAO CHÉM THẤP

Bán buôn học cách múa gươm trần,
Khi giá thì cao chém thấp lần.
Tốt lưỡi đưa lên chừng mấy thước,
Non tay hạ xuống chỉ vài phân.
Khôn hay đỡ vớt không vương mũi,
Dại cứ trông theo phải đứt gân.
Thói tục dao dùi sâu thấu thịt,(1)
Khó toàn phá đấu bẻ luôn cân.(2)

Nc:

1. *Đao chùy chi lợi*: Sắc bén như mũi dao mũi dùi.
2. Tích Lão tử: *Hủy đấu chiết cân nhi thị giá bình*: phá đấu bẻ cân mà giá chợ bình ổn.

162. TRÂU QUÈ THƯỜNG TRÂU LÀNH

Trâu què hớ hết chẳng coi ra,
Bắt báo trâu lành đắt gớm ga.
Đọ thử hai sừng cân cả cặp,
Đau vì bốn cẳng đổi cho ba.
So hơn tính thiệt mười phần lỗ,
Rủi mất may còn một bộ da.
Củ tỏi giắt lưng đành bỏ thối,(1)
Con ăn con cột trối thây cha.(2)

Nc:

1. *Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò, củ tỏi giắt lưng.*
2. *Trâu cột ghét trâu ăn.*

163. MIẾNG ĂN LÀ MIẾNG TỐI TÀN MẤT ĂN MỘT MIẾNG LỘN GAN TRÊN ĐẦU

Miếng ăn gẫm thiệt miếng tối tàn,
Mất miếng trên đầu đã lộn gan.
Khỏi họng ba phân tiêu xuống bặt,
Hụt mồm bảy lá ói lên tràn.

Treo mồi miệng cọp khôn vơ lại,[1]
Hóa kiếp thân tôm cứ gắp càn.[2]
Thây béo mặc lòng hiềm óc đục,
Ruột gan đâu nữa lũ tham xan.[3]

Nc:
1. *Thịt treo miệng cọp.*
2. *Con tôm gan ở trên đầu.*
3. *Tham xan là ham ăn.*

164. CÂY CAO THÌ PHẢI GIÓ GIAY[1]

Lạ chi thói gió tự xưa nay,
Hễ thấy cây cao chỉ muốn giay.
Thẳng vóc sồ sà[2] hay cứng cỏi,
Xóc luồng tức tối cứ lung lay.
Coi buồm khách thạo ghê nương bóng,[3]
Né ná chim hèn sợ dính dây.[4]
Nồm bấc trối thây ra sức thổi,
Cột rường trăm thước hãy chờ ngày.

1. *Gió giay*: Gió lay
2. *Sồ sà*: To lớn "sồ": to, lớn.
3. "*Coi gió bỏ buồm*"
4. "*Kinh cung chi điểu, kiến khúc mộc nhi cao phi*": những con chim đã kinh ná, thấy cây cong cũng sợ mà bay xa.

165. NGƯỜI CAO THÌ PHẢI ĐẮNG CAY TRĂM CHIỀU

Trong thế[1] bao nhiêu nỗi đắng cay,
Người cao phải chịu vốn xưa nay.
Nề tùng nết trúc[2], thân vin tới,
Vị bá hơi khương, miệng nhấm dày.[4]
Cửa tục ra vào khôn cúi trán,
Mùi đời ngọt lạt chẳng thò tay.
Bậc này ai muốn đem so sánh,
Trăm thước cây cao bị gió lay.

1. *Trong thế*: "Thế": đời, trong đời, ở đời.
2. *Nề tùng nết trúc*: Theo quan niệm xưa, cây tùng cây trúc là bạn của người quân tử.
4. *"Vị bá hơi khương"*: Mùi vị cây bá (một loại thông) và củ gừng. "Nhấm dày": nhấm nháp, nếm nhiều.

166. NHẤT LÀ VỢ DẠI TRONG NHÀ

Dưới thế việc chi tối khổ người,
Trong nhà vợ dại nhất bầu trời.
Tay chân miệng lưỡi hư và hỗn,
Cô bác bà con trách lại cười.
Đó đã quăng trôn khen cá lọt,(1)
Bếp không biết nhóm xúi gà bươi.(2)
Bạn bè khách khứa ngơ lui tới,
Nước mắt cười ra khóc hổ ngươi.(3)

Nc:
1. *Vợ hư như đó không trôn, cá vô con nào lọt ra con nấy.*
2. *Gà mình bươi bếp mình.*
3. *Khóc hổ ngươi, cười ra nước mắt.*

167. THỨ HAI NHÀ DỘT

Dưới thế việc chi nhị khổ người,
Còn anh nhà dột cũng không chơi.
Ngủ đương ngon giấc ôm mền chạy,
Ăn chửa xong cơm vác ghế dời.
Rủi nhịp mình se khôn tránh trớ,
Lỡ chừng khách lạ khó chào mời.
Củi dầm bếp ướt tranh chưa sẵn,
Ghét bỏ gì tôi vậy hỡi trời.

168. THỨ BA NỢ ĐÒI

Thứ ba sự khổ nghĩ mà coi,
Còn khổ chi hơn thứ nợ đòi.
Triển hoãn nhiều lần trầy trợt khó,
Mượn vay chưa sẵn réo van hoài.
Bước ra bận cẳng không buông lỏng,
Về lại khoanh tay chỉ thở dài.
Nhà cửa buồn tanh bè bạn vắng,
Cam tâm thờ một lũ quân toi.

169. CON GÁI LÀ KHÁCH QUA ĐƯỜNG CON DÂU LÀ VÀNG BỎ ĐÃY

Xưa nay con gái khách qua đường,
Cứ lẽ con dâu thiệt đãy vàng.
Vỏ lửa quay ra người trọ quán,[1]
Tiền cheo đem lại của dằn rương.[2]
Rày mai xách nón đi nên ghét,[3]
Ngày tối làm bồ đựng khá thương.[4]
Thế tục nhiều nhà hay mắc lận,
Vàng phai mất giá khách toan lường.

Nc:
1. Tục ta, *để con gái quay vỏ lửa trở ra.*
2. *Tiền cheo heo cưới.*
3. *Con gái nuôi lớn cứ xách nón ra đi.*
4. *Nàng dâu là bồ đựng chửi.*

170. GIẬN CON RẬN ĐỐT CÁI ÁO

Người đời ít khóc khéo nhiều gan,
Giận rận sao đem áo đốt tan?
Một đực nhám lưng khêu máu nóng,
Cả tràng thíp thịt phú tro tàn.

Ong tay mình chuốc khôn hồn trét,[1]
Có máu ai sinh nỡ vạ tràn.[2]
Những thói vơ quàng nên bỏ tất,
Đầu ai chấy nấy chớ làm càn.

Nc:
1. *Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.*
2. *Máu sinh tật, đất sinh cỏ.*

171. RẬM NGƯỜI THÌ ĐỎ, RẬM CỎ THÌ ĐEN

Đua lấn kìa ai chớ ghẻ ghen,[1]
Rậm người thì đỏ, cỏ thì đen.
Chen vai xem lắm tức con mắt,
Lút mặt trông như sấp bóng đèn.
Lửa sáng muôn nhà cờ cắm phụ,
Trâu ăn trăm đám quạ bay xen,
Vui buồn hai nỗi đem so sánh,
Người quý bao nhiêu thứ cỏ hèn.

1. *Ghẻ ghen:* Ghen ghét.

172. TÍCH CỐC PHÒNG CƠ, DƯỠNG NHI ĐÃI LÃO[1]

Lưng vơi cuộc thế biết đâu là,
Chứa lúa nuôi con cứ thói nhà.
Khóa lẫm[2] giữ chừng cơn gạo kém,
Cưng măng chờ đến lúc tre già.
Mưa tàn nắng khỏa khuây lo lắng,
Tay thẳng chân dồn khỏi sẩy sa.
Biết một, nhiều người hai chửa biết,
Con thì như quỷ, lúa như ma[3].

1. *Chứa lúa phòng khi đói, nuôi con đợi về già.*
2. *Khóa lẫm:* "Lẫm": vựa chứa thóc, "Khóa lẫm" khóa vựa thóc lại.

Nc: 3. *Có thứ lúa ma mọc lộn vào lúa nhà, đến khi vừa chín thì hột đổ cả xuống đất.*

173. LỢN LÀNH CHỮA LỢN TOI

Dớn dác khoe tài để đấy coi,
Lợn lành rồi lại chữa ra toi.
Lòng ngon cầm chắc tiền như ngó,[1]
Tay vụng thò vô của đã hoài.[2]
Gà chết quên hơi thầy bỏ mạng,[3]
Trâu què bắt báo thợ trơ vòi.[4]
Một lần nước mặn già nên tởn,[5]
Đò dọc năng đi chắc phải tai.

Nc:
1. *Coi mặt mà đặt hình dung; con lợn có béo thì lòng mới ngon.*
2. *Tay vụng thiến heo cái.*
3. *Thầy phù thủy không đền mạng con gà.*
4. *Trâu què* (bắt bồi) *thường trâu lành!.*
5. *Một lần mà tởn đến già, Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.*
6. *Thợ hoạn đi đò dọc,* vì đi đò dọc đến chỗ nước ngược thì bộ hành phải ra mà kéo đò. Người khác có gánh gồng để trong đò, có rán sức kéo cũng không thiệt, riêng anh thợ hoạn chỉ có một cái que giắt trong lưng mình, rồi cũng phải nai lưng mà kéo đò, nên tục ngữ nói thế.

174. QUẾ GỪNG CÀNG RỤI CÀNG CAY

Quế gừng bẩm tính tự xưa nay,
Càng rụi bao nhiêu vị lắm cay.
Mấy lão xanh da ăn xé lưỡi,
Đôi chàng lỏng ruột bấm tê tay.
Trải bao ưu thích ơn trời rộng,
Nhóm hết tinh hoa của đất dày.
Danh vọng càng cao kìa những kẻ,
Gian nan trăm nỗi chất càng đầy.

175. CÀNG CAO DANH VỌNG CÀNG DÀY GIAN NAN

Trời già chực sẵn gánh gian nan,
Danh vọng bao nhiêu cứ trút càn.
Hai chữ họ tên muôn miệng ngợi,
Trăm vành cay đắng một thân mang.

Cây suôn trăm thước tư mưa gió,
Vàng đúng mười phân nặng kiếp thang.
Càng rụi càng cay càng đắt giá,
Xưa nay gừng quế ở nhân gian.

176. THẢ VỎ QUÝT ĂN MẮM RƯƠI

Thói đời xảo quyệt gẫm buồn cười,
Vỏ quít đem lường đĩa mắm rươi.
Dày súc rơi tay trơ dấu móng,(1)
Thơm tho chực ngón xía mùi đời.
Ít nhiều chung vốn tiền bao ná,
Mặn lạt thêm lòng của mấy mươi.
Vật giá dễ ai phân quý tiện,
Mắm ăn khát nước quý thông hơi.

Nc:

1. *Vỏ quít dày có móng tay nhọn.*

177. TIẾNG LÀNH ĐỒN XA, TIẾNG DỮ ĐỒN BA NGÀY ĐƯỜNG

Lành vẫn đồn xa mấy dặm đàng,
Ba ngày tiếng dữ cũng đồn vang.
Miệng đời khen ngợi khôn ngăn đón,
Lưỡi tục chê bai khéo lẹ làng.
Chẳng mượn cánh chim bay khắp cả,(1)
Khó đem chân ngựa kéo về ngang.(2)
Đèn nhà một ngọn muôn nhà tỏ, (3)
Tốt xấu khen chê khó nỗi càn.

Nc:

1. *Ngôn vô dực nhi trường phi*: Lời nói không cánh mà bay xa.
2. *Tứ bất cập thiệt*: Ngựa theo không kịp lỗ miệng nói ra.
3. *Đèn nhà ai nấy tỏ.*

178. TỐT KHOE XẤU CHE

Thói đời bạc thiếc gớm ghê hè,
Tốt muốn khoe khoang xấu muốn che.
Áo rộng quần dài chưng cỗ tiệc,
Chổi cùn rế rách đút buồng khe.
Mượn mồm thiên hạ khi khen ngợi,
Đậy mắt nhân gian lúc ngoét ngoe.
Mèo khó thêm đuôi voi trật thúng,[1]
Nhọc mình mà có ích chi hè!

Nc:

1. *Lấy thúng úp voi. Mèo khen mèo dài đuôi,*

179. SỢ VOI AI SỢ CỨT VOI

Sù sụ như voi chỉ sợ thầy,
Nào ai sợ cứt tự xưa nay.
Hai ngà vằng vẫy lòng kiêu tí,
Một bãi bề sề cẳng đá ngay.
Gùi buộc lá tre đà vắng mặt,[1]
Xác tàn bã mía cũng trần thây.[2]
Cứt trâu cứt ngựa còn cao giá,
Thôi chớ bay hơi thối vũng nầy.

Nc:

1. *Lỏm bỏm như voi ăn lá tre*, chuyện trò cười nói có một ông võ dốt làm thơ tả con voi, có câu rằng: *Nhấp nhem con mắt tưởng là chết, dồn nùi lá tre nuốt cái ào*!

2. *Theo voi ăn bã mía.*

180. ỚT ĐÂU CÓ ỚT KHÔNG CAY
GÁI ĐÂU CÓ GÁI KHÔNG HAY GHEN CHỒNG

Ớt đâu có ớt lại không cay,
Thói gái ghen chồng tự thuở nay.
Đã dính tên tiêu thì xé lưỡi,[1]

Trót mang kiếp liễu phải chau mày.[2]
Quế gừng cùng rụi mùi so kém,
Đào mận đương xuân lụy nhỏ dây.
Đỏ trắng đầy đàng ai chớ mó,
Rủi thì xoang mắc khốn liền tay.

Nc:
1. *Ớt Tàu gọi là hạt tiêu.*
2. *Mía đào mày liễu.*

181. KẺ ĂN MẮM, NGƯỜI KHÁT NƯỚC

Mắm mặn bao nhiêu nước lạt lành,
Kẻ ăn người khát khéo bòng chanh.
Ai rơi vỏ quít tay vơ sạch,[1]
Mình đứng bờ ao họng ráo quanh.[2]
Thiên hạ nhiều rau còn lắm nỗi,[3]
Thế gian chừa cặn đặng bao anh.[4]
Vùi đời trây trét xưa nay vậy,
Muống luộc măng nhồi lắm ghẻ ganh.[5]

Nc:
1. *Rơi vỏ quít ăn mắm rươi.*
2. *Khát nước đứng bờ ao.*
3. *Nhiều rau đau mắm.*
4. *Uống nước không chừa cặn.*
5. *Lỗi lầm vì cá trích ve, vì rau muống luộc, vì mè trộn măng.*

182. BAO ĐỜI DÌ GHẺ CÓ THƯƠNG CON CHỒNG

Bông lau muôn kiếp mọc đầy đường,[1]
Dì ghẻ con chồng mấy kẻ thương.
Gối sếu chân le vó vững vậy,[2]
Cha gà mẹ vịt chít chiu thường.[3]
Đội đầu tám lớp quên giềng cả,[4]
Khác máu hai đời giữ thói ương.
Liếm cả lá đàng trông sạch quẹt,[5]
Cũng vì bánh đúc cứ không xương.[6]

Nc:

1. Đời xưa mẹ ghẻ ông Mẫn Tử cứ cho ông ấy mặc bông lau, cho con mình mặc lụa là.

2. *Đoạn hạc túc nhi tục phù kính*: cắt chân con hạc nối cẳng con phù. *Hạc* là loài sếu, *phù* là loài le le.

3. *Cha gà mẹ vịt chít chiu; Bao đời dì ghẻ nâng niu con chồng.*

4. *Bát mẫu*: Tám mẹ, mẹ ghẻ ở hạng ba.

5. *Con không cha ăn cơm với cá; Con không mẹ liếm lá đầu đàng!.*

6. *Bao đời bánh đúc có xương; Bao đời dì ghẻ có thương con chồng?*

183. MA CŨ HIẾP MA MỚI

Quái gở gì đâu một lũ ma,
Cũng toan cũ lạ hiếp nhau cà.
Mồ hoang cỏ lán quen hơi cáo,(1)
Nấm ướt hương tươi quáng mắt gà.(2)
Lựa mặt lâu năm hồn đã thạo,(3)
Chong đầu ít bữa miệng chưa già.(4)
Thói hư đến chết không chừa hẳn,
Tích trảm mang theo mấy kiếp xa(5).

Nc:

1. Bên Tàu, mả lâu năm thì cáo hay đào hang ở trong đó, cáo giả hơi hùm.
2. *Loáng thoáng như gà mở cửa mả.* Lại tục gọi *Quáng mắt gà.*
3. *Ma bắt lựa mặt người ta.*
4. *Mới chết có cơm chong đầu.*
5. Người chết hóa ra quỉ, quỉ chết hóa ra tích, tích chết hoá ra trảm.

184. CHA GÀ MẸ VỊT

Trách kẻ giao loan chắp chỉ hồng,
Cha gà mẹ vịt khéo mênh mông.
Máu oan lớn nhỏ hay chiu chít,(1)
Tính nước xưa nay vụng ẵm bồng.(2)
Khô ướt trót chia hai thứ móng,
Ấp iu khôn cậy một chòm lông.
Cờ đời lắm chú thua chân vịt,(3)
Gà chạ vơ ngang mái ngủ đồng.(4)

Nc:

1. *Nằm vu vạ* hay *ngậm máu gà. Con là nợ, vợ là oan. Chịu chít như bầy gà con mất mẹ.*

2. *Phụ nhân thuỷ tính*: tính đàn bà như nước.

3. *Cờ thấp như chân vịt.*

4. *Mèo mả gà đồng.*

185. NHẤT NHẬT TẠI TÙ, THIÊN THU TẠI NGOẠI[1]

Dầu ai tại ngoại đủ thiên thu,
So lại không qua nhất nhật tù.
Một bữa Văn công xoang vận Tống[2],
Hai lần Bành tổ trải đời Châu[3].
Cửa nhà mấy thước vùng trời đất,
Tối sớm trăm vòng cuộc biển dâu.
Thong thả co tay ngồi tính thử,
Thần tiên chưa dễ sánh ta ru[4].

Nc:

[1] Một ngày ở trong tù bằng một nghìn năm ở ngoài.(*Ở ngoài*, tức là không ở tù, được tự do)

[2] Rốt đời nhà Tống, nhà Nguyên vào lấy nước, bắt (ông Văn công) làm quan không chịu làm, bắt bỏ tù tại Yên Kinh. Văn công tức là Văn Thiên Tường, tác giả bài "Chính khí ca" nổi tiếng.

[3] "Ông Bành tổ sinh đời nhà Thương, sống đến đời nhà Châu hơn tám trăm năm tuổi". *Bát bách niên như Bành tổ khảo.*

[4] Thần tiên sống lâu không chết.

186. NHẤT QUẬN CÔNG, NHỊ KHÔNG NHÀ[1]

Sung sướng nhân gian đặng mấy cà?
Quận công thứ nhất, nhị không nhà.
Võng điều sớm tới chầu đền quế[2],
Tay trắng chiều về ngủ gốc da[3].
Vạc nước chuông vua[4] còn chán đó,
Màn trời chiếu đất mặc dầu ta.
Cuộc đời dâu biển xây vần mãi,
Bực nhất còn lo, nhị vững chà.

(1) *"Quận công"*: tước vị nhà vua phong cho các thân thần và công thần, bày vào hàng tước công, nhưng ở dưới quốc công.
(2) *Đền quế*: chỉ cung vua.
(3) *Gốc da*: Gốc cây đa (*đa* là tiếng miền Bắc).
(4) *Vạc nước chuông vua:* Do chữ "đỉnh chung" chỉ bổng lộc nhiều, nhà quyền thế.

187. ÔNG NÔNG NGÃ SẤP BỒ CÂU ĐÁ GIẬP

Lớn lao chi đấy thứ bồ câu,
Ngã sấp ông nông cũng đá nhầu.
Cao cẳng rủi thì xoang trật guốc,
Thấp chân thừa thế thạo chơi cầu(1)
Lạy chừa chẳng sợ quân dài mỏ(2),
Đi kiện không lo sự vỡ đầu(3).
Kiến cá nhiều lần còn khích bác(4),
Xưa nay hai chú dính gì đâu.

Nc:
(1) Ta hay đá cầu, có chỗ gọi là *cừu* (?)
(2) *Chim chích mà ghẹo bồ nông; Đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa.*
(3) *Vừa mưa vừa nắng, hai cẳng đánh nhau. Đánh nhau với bồ câu đi kiện.*
(1) *Khi kiến ăn cá, khi cá ăn kiến.*

188. THỊT CHUỘT THÌ ÍT, CON NÍT THÌ NHIỀU

Chà chà con nít ở đâu nhiều,
Thịt chuột sao cho phát đủ đều!
Lúc nhúc hang bầy đào mấy tí(1),
Lao nhao mũi váng chực bao nhiêu(2).
Cùng sào vuốt đặng đuôi quân quỷ(3),
Hụt đũa xong đâu miệng lũ yêu.
Mèo chực mỡ treo không thế giấu(4),
Lôi thôi ngang họng nuốt không tiêu.

Nc:
(1) *Chuột bầy đào chẳng nên hang.*
(2) *Con nít chưa sạch váng mũi.*
(3) *Chuột chạy cùng sào.*
(4) *Mỡ treo miệng mèo.*

189. NUÔI CHUNG VOI VỚI ĐỨC ÔNG

Quyền phép còn ai quá đức ông,
Ham voi lắm kẻ chực nuôi chung.
Thằng nài hôm sớm nhờ khuyên nhủ[1]
Bã mía khô tươi giữ gánh gồng[2].
Mong chút lợi mười hùn vốn một[3]
Quản bao kẻ của lại người công.
Bành vàng chuông sẵn trông xinh mắt,
Dại chớ trèo lên bắt đóng gông.

Nc:
[1] *Voi công gọi* quản tượng, *voi tư gọi* thằng nài.
[2] *Voi ăn bã mía.*
[3] *Một vốn chín mười lời.*
[4] *Kẻ có của người có công.*

190. THƯƠNG NHAU THÌ VỨT MIẾNG TRẦU ĐỪNG VỨT HÒN ĐÁ LỦNG ĐẦU NHAU RA

Thương nhau xin hãy vứt nhau trầu,
Vứt đá, đừng chơi ngón lủng đầu.
Đuôi phụng rơi xa, may quá nỗi[1],
Gan gà khuấy ngẫng, rủi ôi chao[2].
Đỏ mồm, càng dễ vui cười mãi,
Trắng mắt, khôn đem chối cãi đâu[3].
Cau hộp, trầu mâm ai có bụng,
Trăm năm ta sẽ đá vàng lâu.

[1] *Trầu têm đuôi phụng, cau bửa lòng tôm.*
[2] *Đá gan gà. Khuấy ngẫng;* khuấy nghịch; Ý cả câu: nếu nghịch vứt nhau hòn đá thì mang họa.
[3] *Đỏ mồm*: đỏ mồm do ăn trầu; *trắng mặt*: trắng mặt do bị ném đá.

191. MỀM NẮN RẮN BUÔNG

Mềm rắn xưa nay dễ mó sờ,
Nắn buông thói tục khéo tùy cơ.
May thì bột bún mèo vò kỹ[1],
Rủi nhịp sành chai chó ngửi lơ[2].

Hai mặt đành rành lầm mấy thuở,
Đôi tay luyện tập thạo bao giờ.
Đời này còn lắm vòng tranh cạnh,
Mặt mỏng kìa ai chớ hởi hờ.

Nc:
(1) *Mèo vò bông bột* (?)
(2) *Chó ngửi lấy thóc khô.*

192. COI GIÓ BỎ BUỒM

Người đời lèo lái thạo như cơm[1],
Coi gió lăm le chực bỏ buồm.
Liếc mắt gần xa hơi thuận ngược,
Giang tay trái mặt chốc chiều hôm.
Khôn lường biển thế lòng sâu cạn,
Khéo giữ thuyền ta ngọn bấc nồm.
Đành đoạn cắm sào toan ngủ bến,
Trối van mặc khách đứng câm mồm.

Nc:
(1) *Thạo như cơm bữa.*

193. MẠNH SỐNG BỐNG CHẾT

Mạnh bống nhân gian lẫn một phồn[1],
Xưa nay sống chết bởi hai môn.
Giang tay mấm miệng[2] thần kiêng vía,
Cúi trốc[3] gãi tai, quỷ hớp hồn.
Trời rộng, lại nhường đầu cứng đội,
Đất dày, chực sẵn mặt mềm chôn.
Gương đời trước mắt trơ trơ đấy,
Mấy triệu xin so nỗi dại khôn.

(1) *Bống*: dại dột, vụng về, "bống" do "mống". *Phồn*: bọn, lũ.
(2) *Mấm miệng:* Bặm miệng, mấm môi: bặm môi.
(3) *Trốc: đầu.*

194. CHẾT ĐUỐI VIN BỜ

Thùi thụt thói đời lắm hỏng hơ,
Làm như chết đuối muốn vin bờ.
Chang hang một bụng hồn man mác,
Chới với hai tay mặt khửng khờ.
Cách đất vài gang toan vớ cỏ,
Bỏ đời chín suối chỉ chờ giờ.
Bến sâu ma dữ khôn mong sống,
Bạc mệnh còn ai vớt đặng ơ.

195. PHƯỚC BẤT TRÙNG LAI, HỌA VÔ ĐƠN CHÍ

Ai cầm cân tạo khuấy nhân gian,
Phước bất trùng lai, họa bất đan.
Cỡi hạc lưng không tiền dính sát[1].
Làm lươn đầu đã lấm bôi tràn[2].
Chì chài được cả trời gai mắt[3],
Kiến cá ăn nhau đất sướng gan[4].
Cửa phước chen chân, hàng họa ế,
Bên cao bên hạ chẳng cần bàn.

Nc:

[1] *Yêu triền thập vạn quan, kỵ lạc thượng Dương Châu:* Lưng cột mười vạn quan, cỡi hạc tới Dương Châu. Ý nói: Phước gì cũng được cả.

[2] *Thân lươn bao quản lấm đầu.*

[3] *Được cả chì lẫn chài.*

[4] *Cá ăn kiến, kiến ăn cá.*

196. CỦA LÀM RA ĐỂ TRÊN GÁC

Ba loài phải biết của gian nan,
Để gác nên toan cách giữ giàng.
Mười ngón tay xoay nên nỗi nước[1],
Trăm lần lạt buộc cất đầu giàn[2].
Mồ hôi đã lắm khi lau mặt[3],
Máu mủ thà mang tiếng đóng trang[4].

Có đẻ có thương vì khốn khó[5],
Ai hay giữ kỹ chẳng tiêu càn.

Nc:

[1] *Của trên đầu mười ngón tay.*
[2] *Của người Bồ tát, của mình lạt buộc.*
[3] *Của mồ hôi nước mắt.*
[4] *Thiếu một tí đóng trang mà thờ.*
[5] *Con có đẻ có thương.*

197. CỦA CỜ BẠC ĐỂ NGOÀI SÂN

Của có ba loài phải biết cân,
Của cờ bạc thì để ngoài sân.
Được dùa thua chịu sòng dầu tốt,
Mai đó rày đây của chớ gần.
Khuất mắt trối thây giao chó giữ,
Ăn đầu quen ngón bán trâu dần[1].
Cơn vui rồi có cơn buồn tới,
Cướp cạn xưa nay đặng mấy lần.

Nc:

[1] *Ăn sòng đầu bán trâu mà chịu.*

198. CỦA PHÙ VÂN ĐỂ NGOÀI NGÕ

Có giàu bao thuở của phù vân,
Để ngõ nên toan cách xở lần.
Bước tới đầu đàng đà vớ đặng.
Phía trong cánh cổng chớ đem gần.
Chó mây biến hóa tan đâu bặt[1].
Ngựa cũ hư không được chả cần[2].
Họa phước nên hư đâu đã chắc.
Xưa nay ai hiểu mấy tiền thần.

Nc:

[1] *Thiên thượng bạch vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cẩu:* Mây trắng trên trời như áo trắng, một chốc đổi ra làm chó xanh. Ý nói việc đời thay đổi không thường.

[2] *Ải* (Tái) *ông đắc mã, họa phước nan tri:* ông ở ngoài ải được ngựa, họa phước khó biết.

199. KHI CÁ ĂN KIẾN, KHI KIẾN ĂN CÁ

Ăn, trả nợ đời gẫm quá mau,
Hai anh kiến, cá khéo mầy tau.
Ngập đầu, cổ lút khi tràn nước,
Khô vảy, thây phơi lúc cạn bàu.
Đó đã vui xưa chừa bữa khác,
Đây dầu mất trước được mùa sau.
Đất còn dông lụt, trời còn nắng,
Lên xuống, lâu ngày phải gặp nhau.

200. CHẦU RÀY[1] SANH ĐẺ ĐÃ RỒI, BỒNG CON RA NGỒI COI THỬ GIỐNG AI. CÁI ĐẦU THÌ GIỐNG ÔNG CAI, CÁI LƯNG ÔNG LÝ, CÁI VAI ÔNG TRÙM

Mãn cữ, xem con thử giống ai,
Vai trùm, lưng lý, thiệt đầu cai!
Ngày no, tháng chẵn ưa nhìn nhõ,
Cha lộn, chồng chung nhớ mỉa mai.
Cứng cỏi lột khuôn sừng sỏ nạo,
Cõng mang in dạng chóp quai dài[2].
Lớn lên tổng xã chung bồng ẵm,
Thèm thịt, thèm tiền, chán thấy khoai[3].

Nc:

[1] *Chầu rày:* "Chầu": một buổi, một khi; "Chầu rày": bữa rày, ngày rày.

[2] *Giỏ có quai, chài có chóp.*

[3] "*Dầu cho ông lý ông cai, ăn cơm no bụng thấy khoai cũng thèm*". Lại có tích hát bội diễu anh trùm ra việc làng dặn vợ ở nhà đến trưa có gọi tạo về thì nói về ăn cơm, chớ nói về ăn khoai mà dân sự cười. Trưa vợ ra kêu: "Ông trùm về ăn cơm, có để con nít lựa hết củ lớn đi giờ".

201. ĐƯỢC CẢ CHÀI CẢ CHÌ

Người đời vận đỏ một hai khi,
Được cả chài, thêm được cả chì.
Đôi thước chóp dài quơ sạch nạo,
Mấy cân đầy nặng vớ luôn đi!

Bụi tre ai muốn dầu lòng vãi[1],
Đàng lộ ta quăng mặc sức đi[2].
Nhiều kẻ chì mòn may cũng khá,
Bác chài nên lắm thói tham si.

Nc:
[1] *Cầm chài vãi bụi tre.*
[2] *Nhẹ như bấc lôi mãi không đi, nặng như chì quăng đi lóc lóc.*

202. GIỎ CÓ QUAI CHÀI CÓ CHÓP

Rất nhỏ nhân gian thứ giỏ chài,
Xưa nay còn có chóp cùng quai.
Trăm vành gút lại hai vành chịu,
Muôn mặt thâu về một mặt quai.
Săng đục đánh đâu vơ xách mãi[1],
Bụi tre vãi bậy núm lôi hoài[2]
Chẹn hom chớ mó hai tay cá[3].
Vướng gốc cả chì mất phải toi.[4]

Nc:
[1] *Dùi đánh đục, đục đánh săng.*
[2] *Chài vãi bụi tre.*
[3] *Già kén, chẹn (kẹn) hom, bắt cá hay tay.*
[4] *Được cả chài cả chì.*

203. TẤC BÓNG LÓNG VÀNG

Ngày trời thấm thoắt mấy ai màng,
Tấc bóng hay đâu thiệt lóng vàng.
Cửa sổ xuyên qua theo chẳng kịp[1],
Đêm xuân so lại giá chưa ngang[2]
Đào hiền sẻn nhịn âm từng tí[3],
Võ thánh phanh phui bích mấy gang.
Vàng mất thế gian mua lại được.
Dây dòng khôn kéo, bóng du tang.[5]

Nc:
[1] *Bạch câu quá khích nan trì:* Bóng mặt trời qua cửa sổ như ngựa trắng đi qua theo chẳng kịp.

(2) *Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim:* Đêm xuân một khắc giá ngàn vàng.

(3) Ông Đào Khảng nói vua Võ tiếc một tấc bóng, người thường nên tiếc từng phân bóng.

(4) *Võ quý thốn âm nhi tiện xích bích:* Vua Võ quý tấc bóng mà khinh một thước ngọc bích.

(5) Đời xưa bên Tàu có tích anh Lỗ Dương đánh giặc trận chưa về mà trời đã tối, anh ta cầm cây giáo huơ mặt trời bảo phải trở lại, mặt trời quay trở lại, anh này đánh xong giặc trời mới tối.

204. ANH MÀ CÓ VỢ XIN THỀ, BA MƯƠI, MỒNG MỘT CHỚ HỀ THẤY TRĂNG

Có vợ xin thề với bóng trăng,
Ba mươi, mồng một thấy không tằng(1).
Chỉ tơ trót vướng chân bà Nguyệt,
Tết nhất đừng trông mặt chị Hằng.
Đánh trẻ trời hành đêm nắm đuốc,
Giỡn con quỷ buộc tối chong đăng(2)
Trên trời dưới đất nghe van vái,
Vàng đá lòng anh, bận biết chăng?

(1) *Không tằng:* không từng (thấy trăng).

(2) *Chong đăng:* chong đèn.

205. THẰNG CHẾT CÃI THẰNG KHIÊNG

Ma mới chưa chi đã lắm thiêng,
Kìa nghe thằng chết cãi thằng khiêng.
Trông chừng mặt hậu đòn tre hỏng(1),
Ngó thấu trên quan bát nước triềng(2).
Lớp vải, lớp săng khôn dậy được,
Chân cao, chân thấp khó nằm yên.
Còn trên miệng lỗ bay đừng dễ(3),
Lấp đất không xong, chớ trả tiền.

(1) *Mặt hậu:* phía sau. Ý nói coi chừng đòn tre khiêng ở phía sau.

(2) *Trên quan:* ở trên quan tài, trên áo quan. Ngày trước khi đưa ma, người ta phải khiêng quan tài từ nhà đến huyệt. Trong những đám ma khá giả, thường có bát nước đầy đặt trên áo quan, với những tay khiêng thạo có người chỉ huy giỏi thì bát nước không triềng, tức là không tràn.

(3) *Dễ:* Coi khinh.

206. ÔNG THẦN CẬY CÂY ĐA, CÂY ĐA CẬY ÔNG THẦN

Ông thần lắm thuở cậy cây đa,
Lắm thuở cây đa lại cậy ta.
Bóng ngả sum sê nhiều kẻ nể,
Miễu[1] không vắng vẻ ít người qua.
Dựa nương có chỗ hương đèn tốt,
Đốn phá không lo nhánh lá già.
Thần giữ oai thần, đa giữ gốc,
Nhờ nhau trăm kiếp chớ lìa xa.

[1] *Miễu:* Nơi thờ thần, cũng như miếu, tiếng thông dụng ở miền Nam.

207. CÚ KÊU MA ĂN[1]

Trơ trơ mặt cú dại chưa cà[2]!
Kêu chẳng được ăn chỉ sướng ma.
Dớn dác đêm khuya khua mỏ quáu,
Phanh phui diên tiệc[3] béo thây tà.
Sụ đầu[4] không biết thân giun dế,
Độc miệng[5] làm oan mạng vịt gà.
Ma có thương đâu, chim ghét ả,
Ban ngày mấy thuở rúc đầu ra.

[1] *Cú kêu ma ăn:* Chim cú là loài chim ăn đêm, có tiếng kêu buồn thảm. Người trước nghĩ rằng khi cú kêu là có người chết, các loài ma nhân đó đến nhà có đám ma để kiếm ăn.

[2] *Mặt cú*: Là bộ mặt buồn và dữ.

[3] *Diên tiệc:* "Diên": chiếc chiếu bện bằng tre; "diên tịch" hay "diên tiệc" là tiệc rượu.

[4] *Sụ đầu:* "Chim loan chim phượng đi đâu. Để cho chim cú sụ đầu nhành mai".

[5] *Độc miệng:* "Cú kêu thì độc miệng cú".

208. TỐT MÃ GIẺ CÙI

Xưa nay thiên hạ dễ ai đui,
Tốt mã ra chi thứ giẻ cùi.

Đuôi cánh phủ phê lông rực rỡ,
Miệng mồm vấy vá cẳng phanh phui.
Trau tria tỉ mỉ cho xinh mắt,
Ăn uống lôi thôi chẳng biết mùi,
Càng lắm khoe khoang càng lớn tiếng,
Quạ đen ác vá mặc bùi hùi.

1. *Ác vá*: con ác là, cũng là một loài quạ.

209. MÈO MẢ GÀ ĐỒNG

Mua bán làm chi ở các ông,
Sá chi mèo mả với gà đồng.
Mai chiều méo mó khuôn thành bạn,
Ngày tháng bươi quào đám cỏ không.
Bồ chẳng ai nuôi nằm chạ mãi[1],
Sàn không chủ chứa ngủ lang cùng.
Chớ ham rẻ giá toan ki cóp,
Xán bể nồi rang bếp phá tung[2].

Nc:

[1] *Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi, anh thua cờ bạc đuổi ruồi không bay.*

[2] *Con mèo xán bể nồi rang, con chó chạy lại mà mang lấy đòn, Gà mình bươi bếp mình.*

210. LÊN NON TÚC[1] MỘT TIẾNG CÒI, THƯƠNG CON, NHỚ VỢ LỆNH ĐÒI PHẢI ĐI

Nhớ vợ, thương con, dạ nặng trì,
Lên non còi túc, lệnh đòi đi.
Ba quân hiệu giáp[2] nghe vang cả,
Hai mối tình sâu rẽ sá chi.
Non nước trót vương cơn bấn loạn,
Cửa nhà đành chịu kiếp phân ly.
Gươm thiêng một lưỡi anh từ giã.
Giọt máu anh hùng lụy nữ nhi.

[1] *Túc:* Thổi, "túc còi": thổi còi.

[2] *Hiệu giáp:* Tập (họp) theo hiệu lệnh.

211. BAO GIỜ BẮT ĐẶNG THẰNG KHÔI LẤP THÀNH GIA ĐỊNH CHỒNG TÔI ĐƯỢC VỀ

Vì ai nên nỗi chực chồng tôi,
Gia Định kinh vua cũng bởi Khôi.
Chém lấy đầu người trời trợ thuận,
Khỏa bằng mả ngụy lính ban hồi.[1]
Đền xong nợ nước cơn chia xé,
Thỏa cả tình nhà bạn lứa đôi.
Li biệt nhân gian cam khổ nhất,
Đầu thai đừng hóa kiếp lôi thôi[2].

Nc:

[1] *Dưới triều vua Minh Mạng bắt được Lê Khôi rồi giết hơn cả vạn người, phá thành Gia Định, chôn lấp dưới thành rồi khỏa bằng gọi là "mả ngụy".*

[2] *Trong Lục tỉnh (Nam Kỳ) khi mắng nhiếc ai, thường nói câu "mả ngụy đầu thai".*

212. CHA CĂNG CHÚ KIẾT CHẠY BIỆT LÊN RỪNG

Cha chú nhà tôi thiệt kiết căng,
Lên rừng chạy biệt cứ lăng nhăng.
Da tươi tiền cạnh gia truyền sẵn[1],
Miệng thạo chân lanh lối rẽ phân.
Thói thợ nghề buôn con cháu giữ[2],
Đón đàng lật gánh thuở nay hằng.
Động đèo cô bác khôn tung tích,
Giống nó đời nay hãy lắm thằng.

Nc:

[1] *Căng da thời chiết cạnh đồng tiền.*

[2] *Thợ căng da trâu buôn chiết cạnh tiền.(?)*

213. ĐÊM KHUYA TỐI LỬA TẮT ĐÈN HEO KÊU CON KHÓC, TÒM TEM CHỒNG ĐÒI BAO GIỜ LỬA ĐỎ ĐÈN NHOI HEO NO, CON NÍN, TÒM TEM THÌ TÒM.

Heo, con, đèn, lửa, xúm làm rầy,
Còn một ông chồng cũng nhớp thây.
Dặn cả vừa nhà thêm trái buổi,
Rảnh rồi tan hợp muốn vào đây.
Bốn bề quáng mắt hành luôn xác.
Một chút qua tay sướng cả bầy.
Nhen nhúm nhờ trời qua vận đỏ,
Tiền heo chất chật đẻ con đầy.

(1) Câu không rõ nghĩa (?)

214. TRÚNG SÒNG ĐẦU, BÁN TRÂU MÀ CHỊU

Cờ bạc xưa nay kẻ bán trâu,
Rặt anh vô phước trúng sòng đầu.
Thò tay dở thử vơ con cái,
Quen ngón chơi dai trụi bỉnh bầu.
Nắm chén chỉ mong thời đỏ mãi,
Sửa chuồng không gỡ vận đen đâu[1]
Què lành sạch ráo thường chưa đủ[2]
Của để ngoài sân đặng mấy lâu[3].

Nc:
[1] *Mất trâu rồi mới lo sửa chuồng.*
[2] *Trâu què thường* (đền) *trâu lành.*
[3] *Của làm ra để trên gác,*
Của cờ bạc để ngoài sân,
Của phù vân để ngoài ngõ.

215. LÀM ĐĨ CÓ TÀN CÓ TÁN

Tiếng đồn làm đĩ tự đời xưa,
Tàn tán nghênh ngang chớ chẳng vừa.

Ngoài mặt đón đưa bây kiếp gái,
Trên đầu đội lợp chán ơn vua.
Lầu xanh lên xuống che tai mắt,
Cửa tía ra vào hứng móc mưa.
Hương án thờ trên thêm rỡ vẻ[1],
Son nhà phấn nước vạn người ưa.

Nc:

[1] *Làm đĩ có tàn có tán, làm đĩ có hương án thờ trên.*

216. RỒNG VÀNG TẮM NƯỚC AO TÙ NGƯỜI KHÔN Ở VỚI NGƯỜI NGU BỰC MÌNH

Lắm thuở rồng thiêng tắm nước tù,
Bực mình người trí ở cùng ngu.
Bay trời cánh chếch vùi trôn giếng[1],
Đạp đất chân nghiêng lẫn đám mù.
Giun lộn dầu lòng tôm tép giỡn[2],
Hùm sa hết thế chó cầy bu[3].
Gió mây có lúc vùng bay bổng,
Rưới khắp ơn mưa gội chín cù.

Nc:

[1] *Long phi tại thiên:* Rồng bay trên trời; *Hoàng long hiện vu tỉnh:* Đời Hán có con rồng vàng rớt xuống giếng.

[2] *Thần long thất thế dữ Kì dẫn đồng(?):* Rồng thất thế lộn với giun. *Long dữ thiển thủy tao hà hí:* Rồng ở cạn bị tôm giỡn.

[3] *Hổ lạc bình nguyên bị khuyển khi:* Hổ xuống đồng bị chó khinh. *Mãnh hổ bất như quần hồ:* Hổ mạnh thua bầy cầy cáo.

217. PHỤNG HOÀNG ĐẬU NHÁNH CHEO LEO

Loan phụng nhân gian đặng mấy cà.
Sa chân sẩy bước phải theo gà.
Cành ngô chới với tin khôn kịp[1],
Lùm trúc sum sê giả dại qua[2].
Mưa gió năm canh hòa tiếng gáy[3],
Tiêu thiều chín khúc thuộc lòng ca[4].
Náo nương sàn gác, lu lơ vậy,
Có thuở Triều Dương hãy biết ta[5].

Nc:
(1) *Phụng hoàng bay đậu cây ngô đồng.*
(2) *Kiêuvẻ kẻ trúc (?).*
(3) *Phong vũ hối minh, kê minh bất dị:* Mưa gió tối tăm, gà gáy không sai giờ.
(4) Phụng múa chín khúc nhạc Tiêu Thiều của vua Thuấn.
(5) Phụng kêu ở ngõ Triều Dương.

218. CHỚ NÀO CHIM PHỤNG ĐI ĐÂU, ĐỂ CHO CHIM CÚ SỤ ĐẬU NHÀNH MAI

Đi đâu loan phụng ẩn chờ thời,
Nỡ để nhành mai cú đứng trơi.
Cánh hạc bặt tăm điềm thánh chúa,
Tai mèo choảnh mặt cuộn hương trời.
Giống hồng lánh bởi ngô sinh chậm,
Thói ó lùa cho tước chạy rời.
Độc miệng ma ăn chim thét cả,
Triều Dương một tiếng phán ra đời.

219. CƯỚI ĐĨ LÀM VỢ, KHỘNG AI CƯỚI VỢ LÀM ĐĨ

Người đời cưới đĩ cũng thường tình,
Cưới vợ ai cho thói đĩ đành.
Lắm thuở tường hoa xe chỉ tía.
Bao đời lầu phụng mở buồng xanh,
Phấn son dễ nhuộm màu đào thắm,
Tơ tóc khôn đua sợi liễu mành.
Lẽ thẳng xưa nay muôn kẻ hiểu
Đời nầy trất trếu một hai anh.

220. TAI NGHE SÚNG NỔ CÁI ĐÙNG, TÀU TÂY ĐÃ LẠI VŨNG THÙNG BỮA QUA

Kìa đâu súng nổ đã nghe đùng,
Cách bữa tàu Tây lại vũng Thùng(1).

Nửa hạt Hòa Vang rần tiếng sấm,
Mấy ngày Đà Nẵng đậu buồm bông.
Khóa Sơn bắn trả quen nghề trẻ,
Việt Hải bay qua chịu phép ông.
Vịt chửa lên khô, lên cũng giỏi[2],
Bông mai vỏ lửa thị như không[3].

[1] *Vùng Thùng:* Vịnh Đã Nẵng.
[2] "Khi Tây mới qua ta, dân gian không biết, đồn rằng: "Tây chỉ giỏi dưới nước như vịt, lên khô nắm cổ mà xách".
[3] "*Bông mai, vỏ lửa*": Các loại bùi nhùi dùng để mồi lửa bắn súng, chỉ chung loại súng của ta; "*thị như không*": (bọn lính Pháp) xem như không.

221. LẤY CHI MÀ TRẢ ÁI ÂN, LẤY CHI MÀ NỘP CÔNG NGÂN CHO LÀNG

Biết lấy chi chi trả ái ân,
Phần thời làng bắt nộp công ngân[1].
Đá vàng trơ đấy khôn rồi nợ,
Tiền bạc vơ đâu để rảnh thân.
Ngãi mẹ ơn cha trời đất nặng,
Bán con đợ vợ tháng ngày lần.
Đắp đàng, đào suối, bòn vàng bể[2],
Khuấy khỏa vì ai khổ kiếp dân.

Nc:
[1] *Công ngân:* Kho bạc, *nộp công ngân*: nộp (thuế) vào kho bạc.
[2] "*Lấy chi mà trả ái ân*": *Lấy chi mà nộp công ngân cho làng. Phần thì quan bắt đắp đàng. Đào sông Cu Nhí, bòn vàng Bông Miêu*".

222. EM THƯƠNG ANH CHA MẸ CHẲNG TRAO, HÒN ĐÁ GIẦN BỤI CỎ, BIẾT SAO BÂY GIỜ[*]

Thương anh không trót bởi hai thân,
Bụi cỏ làm sao nỗi đá giần.
Một sợi tơ xe lơi mấy mối,
Tấc lòng xuân ép nặng trăm cân[1].

Đội đầu ân ngãi chồng non núi,
Dính lá tình duyên phủi bụi trần[2].
Đành phận liễu bồ luồn dưới gối,
Thói nhà bia đá dám lần khân.

(*) Ở tập *Di cảo "Santé thi tập"*, trên đây có 221 bài thơ đánh số từ 1-221. Nhưng ở hai tập *Di cảo* khác, lại có thêm 10 bài (7 bài *di bút* và 3 bài *truyền ngôn*). Chúng tôi xếp tiếp theo và đánh số từ 222 - 231, lấy nhan đề chung SANTÉ THI TẬP.

(1) Nc: *Nan tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy.* Nghĩa là khó đem lòng tấc cỏ đền bồi ấm ba xuân - là nói khó đền ơn cho cha mẹ.

(2) *Khinh trần thê nhược thảo.* Nghĩa là một chút bụi trần mong dính trên lá cỏ là nói kiếp người đời mỏng manh như thế.

223. HAI TAY CẦM LẤY TRÁI BÒNG, SO SE MUỐN GỌT SỢ LÒNG MẸ CHA.

So se muốn gọt mới cầm bòng.
Cha mẹ còn trên sợ chút lòng.
Thấu ruột mùi chua vẫn vọt mãi.
Đội đầu ơn thắm nể nang ròng.
Buông dao chẳng nỡ mồm còn dãi,
Giằn đá không kề dạ cũng long.
Cỏ chửa đền xuân giương vướng gió,
Bên tình bên hiếu nhắc chưa xong.

224. GÀ CHẾT GÀ MỔ DIỀU

Thế gian có mắt thử trông gà,
Con chết còn con đứng mổ cà.
Vặn trái cổ đèn nằm ịch đấy,
Ních ngang hầu chưa kéo lôi ra.
Thèm ba hột thóc bồ thiên hạ,
Quên một màu lông máu giống nhà.
Thôi đặng bữa nào xào bữa ấy.
Chiều mai nhắm mắt mặc người ta.

225. TRĂNG LU VÌ BỞI CHÒM MÂY[1]

1

Thân trăng sao đến nỗi lu nầy.
Ghét bỏ chi nhau vậy hỡi mây.
Ôm tấm gương trong khôn tỏ vẻ.
Trách vầng áo trắng vụng vần xoay[2].
Sông Ngân bóng lấp cầu trăm nhịp,
Cung Quảng lồng riêng quế một cây.
Ai rẽ đôi ta nên cách trở.
Cũng vì bà nguyệt vụng xe dây.

Nc:

[1] *Trăng lu vì bởi chòm mây, đời ta cách trở vì dây tơ hồng.*

[2] *Thiên thượng bạch vân như bạch ỷ, tu du hốt biến vi thương cẩu* - mây trắng trên trời như áo trắng, giây phút đổi lại thành chó xanh. Nói thói đời thay đổi quá mau.

2

Mấy thuở trăng lu đến nỗi nầy,
Xóm chòm khuấy khỏa trách vì mây.
Băng trong tuyết rạng lâu bày mặt,
Áo trắng muôn xanh đổi trở tay.
Một tấm lòng gương trời đất tỏ,
Trăm hình thói gấm nước non đầy.
Xưa nay trung nghĩa vương tai nạn.
Cũng bởi gian tà khuất lấp đây[1].

Nc:

[1] *Người trung mắc nạn vì tay gian tà.*

227. NƯỚC ĐẾN TRÔN MỚI NHẢY

Thế gian đã đặng mấy người khôn,
Biết nhảy thôi đà nước đến trôn.
Lút cẳng dễ ngươi chờ mấy thước.
Co chân rán sức hoảng ba hồn.
Trời thanh hơ hết đâu ngờ lụt,
Đất rộng mênh mông khó kiếm cồn.

Dạt mẹt quen hơi nên đến nỗi[1],
Thây lười chắc phú cá tôm chôn.

Nc:

[1] *Đắm đò dạt mẹt.*

228. KHÔNG THAM BỒ LÚA ANH ĐẦY. THAM BA HÀNG CHỮ LÀM THẦY THẾ GIAN

Bồ anh đầy lúa được không màng,
Hàng chữ em tham trọng thế gian.
Chán chỗ mèo nằm vun xủn xủn,[1]
Yêu nơi chó sủa tiếng chan chan.[2]
Oai quyền hột thóc to bao tí[3],
Danh giá câu văn quý mấy vàn[4].
Nghiên ruộng bút cày trời ngó lại,
Vinh hoa bõ kiếp gõ đầu càn[5].

Nc:

[1] *Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi, anh thua cờ bạc đuổi ruồi không bay.*
[2] *Chó làng Vệ sủa ra chữ, chó làng Nhữ sủa ra thóc.*
[3] *Thần thế đồng tiền, oai quyền hột thóc.*
[4] *Thế gian vô giá thị văn chương - trong đời có văn chương là không giá.*
[5] *Thầy đồ gõ đầu trẻ* (nghề dạy học).

229. VÀO KHÁM ĐỀ PÔ

Truyền đem giam lại khám Đề pô[1],
Xám, trắng, vàng, đen lẫn một bồ[2].
Quân cướp, quân hoang, rằng bậy lạ:
Đứa ôm, đứa đánh[3] luống hồ đồ.
Thù hiềm chi lắm làm nên nỗi!
Xui giục vì ai khuấy quá lồ!
Pháp luật văn minh đâu mất cả?
Chỉ thừa sách vở, luống trâu bò!

[1] *Khám Đề pô:* Đề Pô (dêpôt) thật ra không phải là tên một nhà tù, nhà

ngục như ngục Xăng Tê chẳng hạn. Trong tiếng Pháp, đó chỉ là một danh từ chung chỉ nơi tạm giam ở sở cảnh sát Pari, sau 24 giờ thì phải tha người bị tình nghi, hoặc đưa giam nơi khác.

(2) Nói những người bị bắt giam thuộc đủ các màu da.

(3) *Đứa ôm, đứa đánh:* Trong thư viết ngày 27-4-1915 gửi cho Carông, quan sơ thẩm Tòa án binh, Phan Châu Trinh có viết về vụ ông bị đánh như sau: "Ngày 14 tháng 9 năm 1914, quan lớn bắt tôi đưa tới nhà giam Đề pô, lúc lính nó lại xét dò trong mình tôi, đứa thì ôm tôi mà vật, đứa thì đánh và ... tát tôi. Ngày tôi ở An Nam bị bắt, người ta làm thiệt hung dữ, nhưng cũng chẳng đến nỗi mọi rợ như thế".

(4) *Quá lồ:* quá lố, quá chừng.

(5) *Luống*: nhiều, lắm.

230-231. VÀO NGỤC XĂNGTÊ

1

Ba năm trải thú khắp Pari,
Lao ngục chưa hề biết tỉ ti.
Sự thiếu vì đâu bày buộc tới?
Thân thừa còn dám oán hờn chi!
Một ngày dùng bữa hai lần xúp,
Ba đứa chia nhau một ổ mì.
Tám kiếp trâu già chi sợ ách,
Ngồi buồn lắc vế cứ ngâm thi!

2

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,
Nhờ trời ngủ kỹ lại ăn ngon.
Ngày hai lần xực coi còn đói,
Đêm chín giờ ngơi ngáy vẫn giòn.
Mỗi bữa nửa giờ ra hóng mát,
Một tuần hai bận xuống thăm con[1].
Vui buồn mình biết lòng mình vậy,
Miễn trả cho rồi nợ nước non!

1. Gần cổng nhà ngục, có buồng để thân nhân của người tù đến thăm nuôi. Phan Châu Trinh bị giam ở một tầng gác, mỗi tuần lễ được hai lần xuống gặp người con trai là Phan Châu Dật đến thăm.

PHỤ LỤC

TƯ TƯỞNG CÁCH TÂN CỦA PHAN CHÂU TRINH QUA TÂY HỒ VÀ SANTÉ THI TẬP(*)

I.1. Tây Hồ *và* Santé thi tập *là một tập thơ đồ sộ về lượng cũng như về chất*

Nội dung của tập thơ gồm một số bài tác giả lấy chủ đề từ khi ông còn ở trong nước, cũng như trong thời gian ông bị giam ở Côn Đảo và ngục La Santé (Pháp). Hầu hết những bài thơ trong tác phẩm là những tình cảm, suy nghĩ, những nhận xét, những phê phán của ông đối với thời cuộc buổi bấy giờ. Lời thơ rất tha thiết, nồng nàn và nhiều khi cay đắng đến độ xót xa, nói lên được cái hoàn cảnh bi thảm của nhân dân ta vào thời mất nước hồi đầu thế kỷ XX.

Đề tài của mỗi bài thơ đều lấy từ nền tảng xã hội Việt Nam vào buổi ấy. Do đó, khiến cho người đọc phải xúc động trước những cảnh *"Thịt chuột thì ít, con nít thì nhiều", "Lấy chi mà trả ái ân, lấy chi mà nộp công ngân cho làng", "Tai nghe nổ súng cái đùng, Tàu Tây đã đến Vũng Thùng anh ơi"*... Hoặc phẫn nộ, xót xa trước cảnh *"Nghênh ngang như làng không xã", "Lòn cửa hậu, ai lòn lỗ giậu chó chui", "Nén bạc đâm toạc tờ giấy"*, hay thấy cảnh nghèo khổ tằn tiện của người dân quê: *"ăn mắm mút giòi", "Vắt chày ra nước"*... Những tình cảm từ các thi đề trên khởi đi từ lòng thương yêu người nghèo khổ, kẻ thấp cổ bé miệng vì đau xót cho số phận của lớp nông dân bị áp bức và phẫn nộ kẻ bạo tàn phi nghĩa, khinh bỉ hạng đạo đức giả, căm hờn nguyền rủa "bọn cướp nước và bè lũ bán nước"...

1.2. Tây Hồ *và* Santé thi tập *về hình thức là một tập thơ Đường, chủ đề nội dung rất phong phú, đa dạng.*

(*) *Tây Hồ và Santé thi tập* do Lê Ấm sưu tầm biên soạn. Nxb Lê Thị Đàm. Sài Gòn. 1961.

Nội dung tập thơ là những cảm hứng bắt nguồn từ thực tại xã hội xảy ra nhan nhản trong cuộc sống thời đó. Qua nội dung tập thơ, chúng ta có thể thấy các chủ đề chính như sau: Tình yêu gia đình, Tổ quốc, phê phán chế độ đại gia đình; thảm cảnh của dân nghèo; chống cường quyền, ác bá; chống những kẻ phản quốc và đề cao những nhà ái quốc chân chính; về vua tôi và về nhân tình thế thái.

II. 1. Hầu hết các bài thơ trong tác phẩm đều lấy đề tài ở một câu tục ngữ, thành ngữ hay ca dao.

Đây là một điểm mới mẻ mà từ trước đến nay chưa có một nhà thơ nào sử dụng nhiều đến như thế. Về phương diện này, Phan Châu Trinh đã đóng góp cho văn học dân gian một số thơ văn truyền miệng phong phú. Số tục ngữ, thành ngữ và ca dao này trong tập thơ có đến hàng trăm, cả số câu dùng làm đầu đề và chú thích có hơn 400 câu. Và cũng chính điều này còn cho người đọc thấy rõ cái học của Phan Châu Trinh rất gần gũi với quần chúng. Cho nên, con đường ông vạch ra trong thời kỳ hoạt động duy tân sau này được đa số nhân dân ủng hộ, hưởng ứng nhiệt thành. Mỗi chủ đề trong tác phẩm dù nói về tình yêu, nhân tình thế thái, hoặc lên án chế độ hà khắc của thực dân đều được ông diễn tả với cả tấm lòng chân thành, thiết tha của chính bản thân mình.

Mỗi chủ đề, như đã nói ở trên, là những nhu cầu thiết thân mà xã hội, quần chúng thời ấy đòi hỏi được giải quyết. Điều ấy chứng minh đề tài chính là do quần chúng cung cấp sẵn rồi. Từ đó, Phan Châu Trinh sẽ theo quần chúng để diễn tả cho rõ hơn và thêm những lời bình luận sáng suốt của ông vào. Lời bình luận của ông là những nhận xét chí lí, là những phê phán có căn cứ và dựa trên một sự thật rõ ràng. Mà sự thật này đã làm cho nhân dân đau xót, căm hờn trong nhiều năm tháng. Các loại chủ đề trong thi phẩm còn hàm chứa một tình yêu thương lớn về thân phận con người, khi phải sống trong một xã hội với cảnh một cổ hai tròng.

Chẳng hạn chủ đề về thảm cảnh của dân nghèo; loại này nói về đời sống khốn cùng của nhân dân bị đàn áp và chèn ép đến nỗi phải lìa xa gia đình, xa cách người yêu, đem thân cho chế độ giày vò; *"Nhớ vợ thương con dạ nặng trì, Lên non còi túc lệnh đòi đi... Gươm thiêng một lưỡi anh từ giã, Giọt máu anh hùng lụy nữ nhi"*.

Người dân sống dưới chế độ thực dân - nửa phong kiến bị đàn áp, bóc lột đủ điều. Tuy vậy, dù gặp hoàn cảnh bi thảm, con người vẫn nói lên lòng sắt son, chung thủy của mình đối với những người thân. Cái thảm cảnh đó nhân dân ta phải gánh chịu trong suốt một thời gian dài, nhất là thời kỳ thực dân đô hộ nước ta. Chúng ta có thể coi đây là một hoàn cảnh bi thảm nhất mà nhân dân Việt Nam thuở ấy phải gánh chịu.

Bức tranh xã hội đa dạng và hiện thực ấy được tác giả ghi lại bằng ngòi bút chân thành với một cảm tình sâu sắc, thể hiện rất rõ qua những bài thơ với các thi đề: *Thần thế đồng tiền, oai quyền thúng thóc. Đệ nhất nhà quan nhị chủ điền, Nén bạc đâm toạc tờ giấy, Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.*

Loại thơ chỉ trích, đả kích kịch liệt giới thực dân, quan lại phong kiến chiếm phần lớn tác phẩm. Sau này, ý tưởng đó đã được ông trình bày một cách công khai trong bức thư gởi chính phủ "bảo hộ" Pháp năm 1906. Với bức thư đó cũng như nội dung thi phẩm này (sau này còn thấy trong *Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mạt kí, Đông Dương chính trị luận v.v...*) ông còn nói cặn kẽ và tỉ mỉ hơn. Chúng ta có thể xem đó là lời thách thức, hay rõ hơn là những bản cáo trạng lên án chế độ thực dân và giới quan lại tay sai Nam triều thuở đó.

II.2. Bên cạnh đó, chúng ta còn thấy một số bài thơ tác giả luận về đạo làm cha mẹ, đạo vua tôi *(Nước vua, Anh em là ruột là rà, Vợ chồng như áo cởi ra thì rồi, Luận vợ chồng, Luận bầu bạn, Luận anh em...)*

Về vấn đề "vua tôi", không phải tác giả quan niệm vua là vị chúa tể của quốc gia, mà vua phải là người giữ một địa vị danh dự trong nước, vua không có toàn quyền quyết định những vấn đề sinh tử của dân tộc. Nói rõ, vua là kẻ đứng đầu trong một quốc gia theo chế độ *quân chủ lập hiến*. Điều đó được ông xác định trong bài *Nước vua: Xưa nay gọi nước của vua rồi, Sống thác nên hư bỏ mặc đời. Nước vốn ông cha chung khoảnh đất, Vua là chủ tịch của đương thời...*

Theo tác giả, ông vua sẽ là người giữ một địa vị *hương hỏa danh dự*, chứ không phải như chế độ quân chủ phong kiến thuở xưa nữa. Có vậy mới đúng *"nghĩa vua tôi"*.

Có lẽ trong thời tuổi trẻ, chắc cũng hơn một lần Phan Châu Trinh ước mong có một chế độ quân chủ gần gũi với quần chúng

nhân dân. Với suy nghĩ đó ông viết nhiều bài khác nhau về *Nước, Vua, Luận vua tôi, Đạo vua, Đạo tôi, Đạo cha, Đạo mẹ, Đạo con...* để nói rõ địa vị, trách nhiệm, cũng như quyền lợi, bổn phận của vua tôi trong một nước. Thật vậy, những suy nghĩ và lý tưởng ấy phù hợp với chế độ quân chủ lập hiến ở một vài quốc gia Tây phương như chúng ta đã thấy.

II. 3. Chiều sâu của tập thơ còn đề cập đến một chủ đề có liên hệ mật thiết đến chiêu bài thực dân đưa ra hầu dễ bề cai trị dân ta. Khi thực dân Pháp mới đặt xong nền đô hộ trên đất nước ta, chúng đã đào tạo nên một tập đoàn tay sai quân sự, văn hóa đắc lực để đàn áp, bóc lột dân ta. Phan Châu Trinh thấy được thủ đoạn thâm độc và quỷ quyệt đó của thực dân Pháp và đã thể hiện qua những bài thơ với tiêu đề *"Thi xưa"* (tức 20 bài thơ họa lại 10 bài bài tự thuật của Tôn Thọ Tường) và ông đã vạch mặt chỉ trán chúng bằng những bài thơ họa vừa nói, cùng với những bài thơ ông sáng tác khi còn bị giam lỏng ở Mỹ Tho (1911).

Về phương diện nghệ thuật, thì 20 bài thơ họa này chưa bằng 10 bài thơ hoạ của Phan Văn Trị, nhưng về mặt nội dung, có thể nói nó vượt xa quan niệm *trung quân ái quốc* đến cố chấp của những chí sĩ thời Văn Thân, Cần Vương. Ở đây, tác giả không còn đặt niềm tin ở nhà vua, ở sức mạnh của nước láng giềng khổng lồ phương Bắc (Trung Quốc) nữa mà đặt cơ sở của niềm tin đó từ học thuyết *Dân quyền, Dân chủ* và hy vọng dựa vào học thuyết này có thể đuổi được quân ngoại xâm.

Niềm tin sắt đá ấy được dẫn đạo bằng lý thuyết của các nhà tư tưởng và cách mạng dân quyền Pháp cuối thế kỷ thứ 18. Do đó, tác giả ước mơ rằng dân tộc Việt Nam sẽ dùng tư tưởng ấy làm nền tảng cho công cuộc diệt thù cứu nước.

Qua nội dung của các tác phẩm, Phan Châu Trinh chê trách hạng người cùng có một quan niệm, tư tưởng như Tôn Thọ Tường. Vì chính Tôn Thọ Tường đã từng "lặn lội" sang Pháp (Tôn Thọ Tường theo phái bộ Phan Thanh Giản đi chuộc ba tỉnh miền Đông, năm 1863) mà làm ngơ với tư tưởng dân quyền, dân chủ đã từng sản sinh ra nơi ấy. Lời thơ tuy là trách nhắn, nhưng âm hưởng của nó như tiếng kèn xung trận, như có sức mạnh ngàn cân, như lời kêu gọi những người yêu nước nhà, nhưng vì một lý lẽ gì đó chưa dấn thân được thì bây giờ hãy... hành động vì lẽ phải.

Với cách nhìn trước sau như một, với niềm tin sắt đá vào khả

năng con người, ông không quên đề cao, sùng kính những nhà chí sĩ, nhà yêu nước đã hiến thân cả đời mình cho dân tộc. Điều đó, được ông thể hiện rõ trong 10 bài *Điếu ông tú tài Chiểu* khiến người đọc thấy được mối cảm tình sâu xa của ông đối với nhà chí sĩ, cũng như đối với tiền đồ dân tộc. Và cũng từ đó, người đọc thấy lòng yêu nước của mình mãnh liệt hơn. Lòng yêu mến non sông, nước tổ như thấm trong từng hơi thở, từng thớ thịt nhà thơ. Do đó, mỗi khi cần biểu lộ tâm thức của mình, Phan Châu Trinh như buột miệng nói lên tâm thức dân tộc. Tiếng nói ấy được gởi trọn vẹn qua cảm tình của ông đối với người chiến sĩ văn hóa "khiếm thị" Nguyễn Đình Chiểu. Niềm sùng kính của ông đối với Nguyễn Đình Chiểu cũng chính là niềm sùng kính của nhân dân Việt Nam đối với "Cụ Đồ". Niềm sùng kính của Phan Châu Trinh đối với Nguyễn Đình Chiểu là mối cảm tình tự nhiên của những người có cùng một tình cảm, một ý niệm chung về thân phận của những người mất nước.

Trong đời mình ít khi Phan Châu Trinh khóc, nhưng mỗi khi nói đến nạn vong quốc, hoặc thảm cảnh của người dân thấp cổ bé miệng, hoặc đề cập đến các nhà chí sĩ, Phan Châu Trinh không khỏi rơi lệ. Nhưng những giọt lệ ấy vừa đủ thấm vành mi mình, vừa đủ để cá nhân mình tự nghe lấy, rồi từ từ lắng sâu vào đáy tâm hồn, khối óc dạt dào niềm tin yêu dân tộc. Những "giọt lệ" cùng với "giọt máu đào" ấy của nhà chí sĩ sẽ là những viên đá trải đường để nhân dân cất bước về bến bờ dân tộc: *"Giọt máu trung thành rơi đã khắp – Hội này chưa dễ gặp người đâu"*.

Và một khi đã biết ơn, sùng niệm chí sĩ, thì đương nhiên người dân phải biết thương nước, thương nòi, yêu những gì thiêng liêng của Tổ quốc, dân tộc. Chủ đề này vẫn luôn luôn bàng bạc trong các tác phẩm của Phan Châu Trinh, dầu cho văn trữ tình, văn chính luận hay trong các thư từ qua lại giữa bạn bè, đó là tình *thương nhà thương nước*. Đây có lẽ là một chủ đề mới theo nhân sinh quan thời bấy giờ.

Phát xuất từ tấm lòng yêu nước thiết tha đó, tâm hồn nhà thơ không khỏi cảm khái về thực trạng nước nhà vào buổi tao loạn, đổ vỡ lúc giao thời. Với bức tranh bi đát của cảnh cha đã nghèo, mà con lại hoang, thì chỉ có bọn "bợm điếm" mong cho "chợ cháy" để cướp giật. Từ thảm cảnh ấy, đưa đến việc băng

hoại của kẻ "cầm cân nảy mực" lại càng bi thảm hơn. Ngoài ra, thi phẩm còn đề cập đến một chủ đề khá quan trọng về nhân tình thế thái của xã hội Việt Nam vào buổi đương thời. Chủ đề này cũng chiếm một phần lớn trong tác phẩm được thể hiện bằng những tiêu đề rất hiện thực bởi những câu ca dao mang tính chiến đấu và giáo dục rất phong phú. Ý niệm được thể hiện bằng câu tục ngữ, câu ca dân gian mà Phan Châu Trinh nhắc lại với một cái nhìn đầy mỹ tính. Chẳng hạn: *"Cơm với cá, không bằng mạ với con", "Cú kêu ma ăn", "Mạnh sống, bống chết", "Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí", "Của làm ra để trên gác, của cờ bạc để ngoài sân , của phù vân để ngoài ngõ", "Gà đẻ gà tục tác", "Mèo khen mèo dài đuôi", "Đem em mà bỏ giữa ghềnh, Kéo neo mà chạy sao đành chàng ơi", "Chuông không đánh không kêu, đèn không khêu không tỏ", "Cháy nhà bày mặt chuột", "Đánh trống động chuông", "Thương thì cho roi cho vọt, ghét thì cho ngọt cho ngào", "Áo dài chẳng nệ xiêm xưa, trai khôn chẳng nệ vợ thừa thế gian", "Cưới đĩ làm vợ, không ai cưới vợ làm đĩ", "Trèo non quên mệt, ngậm gừng quên cay", "Nhất là vợ dại trong nhà, thứ hai nhà dột, thứ ba nợ đòi",...* Cho đến cảnh *"Luộc trứng húp nước", "Vắt chày ra nước", "Ăn mắm mút giòi", "Đông thầy thối ma", "Ăn mày chờ khi cháy chợ", "Miếng ăn là miếng tồi tàn, mất ăn một miếng lộn gan lên đầu"*[1].

III. 1. Qua nội dung tập thơ, chúng ta thấy tác giả đề cập đến nhiều chủ đề, từ đó người đọc thấy những ý tình bàng bạc trong tác phẩm ở cả chiều sâu và chiều rộng của nó. Có thể nói đây là một thi phẩm đa dạng và đa diện nhất được tác giả hình thành vào một hoàn cảnh vô cùng bi đát của lịch sử dân tộc. Cái hoàn cảnh bi đát đó là một sự thật mà dân Việt ta phải gánh chịu dưới chiêu bài "khai hóa" của thực dân Pháp. Đã vậy, tác phẩm lại còn được trình bày bằng một thứ văn từ mà từ lâu một số người Việt Nam vọng ngoại xem như một thứ chữ chưa nói lên được thực chất của những vấn đề liên hệ đến đời người và người đời. Và cũng từ đó chúng ta thấy được khả năng của chữ quốc ngữ trong công tác giáo dục và phong trào Duy tân được Phan Châu Trinh nói đến với bao thao thức khôn nguôi.

---

[1] Huỳnh Lý: *Thơ văn Phan Châu Trinh. Nxb* Văn học, Hà Nội 1988.

Có thể nói, đây là một chương trình cải cách giáo dục rộng lớn mà ông và Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... đã vạch ra từ đầu với một hệ thống chặt chẽ, rõ ràng. Do đó, ta thấy sau này khi Huỳnh Thúc Kháng và các sĩ phu Duy tân ra khỏi ngục Côn Đảo, họ đã tiếp tục phát huy truyền thống cũ (như Huỳnh Thúc Kháng, công ty *Tiếng Dân* và công ty tập cổ Huỳnh Thúc Kháng, công ty Liên Thành, trường Dục Thanh ở Phan Thiết...) để xây dựng một nền văn học mới.

III. 2. Từ chủ đề của các tác phẩm đến các chủ trương của phong trào Duy tân như mở các trường học (cả chữ Pháp, chữ quốc ngữ) gần như khắp ba miền đất nước (Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội, Dục Thanh ở Phan Thiết, An Phước ở Quảng Nam, Minh Tân ở Sài Gòn); nhất là cuộc biểu tình phản kháng Pháp và Nam triều khắp các tỉnh Trung Bộ mà cho rằng Phan Châu Trinh sợ bạo động, hoặc thơ ngây về chính trị thì có lẽ là một cái nhìn phiến diện và sai lầm. Chủ trương cải cách văn hóa, giáo dục, đó là một cuộc vận động tân văn hoá, tân giáo dục lớn trong tiến trình phát triển tư tưởng Việt Nam.

Giá trị và thực chất của *Tây Hồ và Santé thi tập* quả thật không nhỏ đối với dòng văn học, văn hóa cách mạng Việt Nam. Nhà thơ - chí sĩ Tây Hồ – nhà tư tưởng, nhà cách mạng lỗi lạc đầu thế kỷ XX.

PHAN HỒNG NGA

(Bài in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Châu Trinh* (1872-2002)
Đà Nẵng 9-2002

GIA HUẤN CA

Tiểu dẫn: Chúng ta đều biết rằng, ở các trường dân lập "tân học" trong phong trào Duy tân ở Quảng Nam những năm 1906-1908, cũng như Đông Kinh nghĩa thục ở ngoài Bắc, thường dùng thể văn vần để dạy luân lý theo một quan điểm tương đối tiến bộ: đạo đức xã hội, đạo đức gia đình, lịch sử, địa lý nước nhà, cách kinh doanh mới, lối sinh hoạt mới (cắt tóc, mặc hàng nội, bỏ đình đám, mê tín dị đoan...) v.v...

Các sĩ phu tân tiến tham gia phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX đã có nhiều sáng tác văn vần "gia huấn ca" nhằm đáp ứng công cuộc "cải cách văn hóa – giáo dục" thời đó. Phan Châu Trinh cũng đã sáng tác một loạt bài "gia huấn ca". Tuy nội dung các bài này, có chỗ dùng những ngôn từ xưa (như *dạy vợ*), nhưng cũng đã chống những lề thói phong kiến bảo thủ, nêu được đạo lý làm người chắc nịch của nhân dân, một đạo lý phải chăng, thiết thực, trên cơ sở thương yêu tôn trọng lẫn nhau, trọng nhân phẩm hơn tiền tài, tình cảm hơn danh vị, thực tế hơn hư văn. Từ thời ấy, Phan Châu Trinh đã triệt để chống lối tổ chức hôn lễ, tang lễ... một cách xa hoa tốn kém, đua đòi, chuộng hư danh, để nợ cho con cháu. Ông không ngừng nhắc nguyên tắc: đã là người ở trên thì phải gương mẫu, sống gương mẫu là cách dạy có hiệu quả nhất. Ông nêu bật quan hệ giữa nhà và nước: nhà có yên nước mới thịnh, phải vì nước mà dạy bảo từ nhà. (H.L).

NGHĨA CHỮ "TỪ"

Tính *từ* vốn thiệt trời sinh,
Dầu người, dầu vật tính linh cũng là.
Nhỏ nhen rất đỗi vịt gà,
Chít chiu còn biết con nhà giữ chăm!
Cọp beo tính dữ hằm hằm,
Xưa nay chưa thấy ăn lầm thịt con.
Tính từ một phút không còn,
Trời long đất lở, núi mòn biển khô.
Hiềm vì tính vật quá thô
Đẻ ra nuôi lớn sồ sồ thì thôi.
Loài người bẩm đủ tính Trời,
Lo sâu nghĩ kỹ, vẽ vời cao xa.
Vậy nên làm đạo mẹ cha,
Có nuôi, có dạy mới là vẹn danh.
Con từ lọt bụng mới sinh,
Ẵm bồng bú mớm trăm tình chắt chiu.
Lần lần biết vịn, biết đi,
Biết ăn, biết nói luôn chiều bụng con.
Mẫu từ công đức tày non,
Hiềm vì nịch ái nên con sinh lười[1]
Muốn cho giữ vẹn tính Trời,
Có cha để dạy nên người thế gian,
Thử xem trong nước muôn vàn,
Mấy người biết dạy? bỏ tràn mà thôi!
Học hành chữ nghĩa lôi thôi,
Mượn thầy trút gánh, rằng rồi đạo cha.
Thừa ra biết mấy nhiêu nhà,
Roi đòn đánh khảo, ông bà chửi vang.
Oan oan, trái trái tuần hoàn,
Con ngoan lại đẻ cháu ngoan một bầy.
Dại khôn, hay dở trối thây,

Đàn gà, lũ vịt thả đầy nước non.
Chữ *từ* nghĩa hãy thon von,[2]
Trách gì chữ *hiếu* vuông tròn đặng đâu.
Cũng vì những kẻ mày râu,
Làm cha chẳng biết một câu "phụ từ".
Thói nhà dại dột đã hư,
Còn trông thói nước thuần từ nữa sao!
Xanh kia thăm thẳm trời cao,
Lòng từ mẹ giữ, cha sao bỏ đành!
Xưa nay trong đạo gia đình,
Cứ con bắt buộc thử tình mẹ cha.
Làm cho lỗi cả đạo nhà.
Nêu cong không sửa, bóng tà trách ai.[3]
Mấy lời cạn giải rạch ròi,
Ngược xuôi, phải trái mặc ai phê bình!

Chú thích:

[1] *Nịch ái*: "Nịch": chìm đắm: *Nịch ái:* yêu một cách mù quáng; *"nên* con sinh lười".

[2] *Thon von*: "Chon von": cheo leo, nguy hiểm, gian nan.

[3] Cây nêu bị cong thì bóng nó bị nghiêng.

NGHĨA CHỮ "HIẾU"

Nghĩa *hiếu* vốn thiệt đạo Trời,
Xây vần vay trả, người đời của chung.
Ai ai cũng sẵn cạnh lòng,
Gác tay nghĩ thử một vòng thì ra.
Người xưa giải lắm cao xa,
Làm cho thiên hạ người ta lù mù.
Kể đâu vua Thuấn đời Ngu,
Kể đâu Văn, Võ nhà Chu mấy đời.
Khóc măng, nằm giá[1] những người,
Nói cao khó với, rã rời bụng con.

Thói người đã khó vuông tròn,
Càng cao giá ngọc, càng don[2] bụng người.
Cạn cùng xin ngỏ mấy lời,
Tầm thường cứ mực lòng đời nói ra.
Thế gian làm đạo mẹ cha,
Nuôi con đã muốn về già gởi thân.
Trên đầu còn có song thân,
Ngày đêm nên phải ân cần đỡ nương.
Giàu thì cá thịt hinh hương[3],
Nghèo thì rau mắm tầm thường cũng xong.
Dở, ngon cốt ở chút lòng,
Mẹ cha xưa cũng trông mong như mình.
Nếu mà rúng rẩy bạc tình,
Mai, chiều còn có con mình đứng bên.
Từ nhà khuôn rập đã in,
Rau nào sâu nấy, muôn nghìn không sai.
Về già trông cậy vào ai,
Bạc đầu mới biết lỗi sai bởi mình.
Chi bằng sớm phải giữ gìn,
Chiều lòng, bớt miệng, hậu tình song thân.
Trước là cha mẹ ấm thân,
Sau là mình cũng xây vần đến nơi.
Xưa nay vay trả đạo đời,
Ở hay rồi lại có Trời trả cho.
Chuốc chi những thói trâu bò,
Đã bia miệng thế, nhọc lo về già.
Cũng vì nghe miệng đàn bà,
Nên sinh lắm nỗi cửa nhà dở dang.
Một đời bỏ lỗi đạo thường,
Oan oan, trái trái tuần hoàn không thôi.
Trồng cây có bóng để ngồi,
Trồng gai rồi lại có hồi rách da.
Xưa nay trong đạo cửa nhà,

Thánh hiền xem xét dạy ra những lời.
Đời sau làm mọng văn hoa,
Thêm chân vẽ rắn, càng hoa mắt đời.
Báo thi[4] giải lại mấy lời,
Để cho thiên hạ người đời nghĩ chung.

Chú thích:

[1] *Khóc măng, nằm giá*: Việc làm của hai người con hiếu trong sách *Nhị thập tứ hiếu* của Quách Cự Nghiệp đời Nguyên. Vì nhà nghèo không có tiền mua thức ăn nuôi cha mẹ già trong mùa đông rét mướt, người thì ra khóc ở bụi tre, tức thì một chồi măng mọc lên, để cho người kia bẻ lấy đem về, người thì ra nằm ngoài bờ sông băng giá, tức thì băng giá nứt ra, có con cá ở dưới sông bỗng nhiên nhảy lên, để cho người kia bắt đem về.

Trong bài diễn thuyết *"Đạo đức và luân lý Đông Tây"*, Phan Châu Trinh lại chỉ trích chuyện nằm giá khóc măng một cách mạnh mẽ hơn: "Tôi xin kể ra đây một chuyện rất tầm thường, mắt ta thường thấy, nhưng tưởng ít ai chú ý đến. Chuyện ấy là chuyện bài ca và mấy bức tranh *nhị thập tứ hiếu* lòe loẹt trên vách nhà người Nam ta ngày nay, những bức tranh gai mắt ấy, những câu ca rườm tai ấy tả ra câu chuyện rất vô lý dị đoan bày rõ một cái án tội nhân của đạo đức Khổng Mạnh. Kẻ tốt quá, người xấu quá đã không nhằm vào đâu, mà những việc tả ra đó ý như là quỷ thuật, không phải là sự ăn ở thật của loài người. Các anh em nghĩ thử bụi tre mùa đông lá đã rụng khô hết, khóc thế nào mà mọc được măng, nằm trên giá làm thế nào mà cá nhảy lên được?"

[2] *Don*: héo, teo lại.

[3] *Hinh hương*: "Hinh": bay ngát ra; mùi thơm tỏa ngát ra.

[4] *Báo thi*: là trao đổi những phương cách.

DẠY CON

Thế gian làm đạo mẹ cha,
Dạy con trước phải thói nhà sửa sang.
Rau nào sâu nấy là thường,
Mẹ cha trước phải làm gương con nhìn.
Thói lề mấy tiếng còn truyền,
Xưa nay mẹ cú con tiên bao giờ.
Người đời lắm nỗi hỡi hờ,
Liu điu còn muốn tưởng mơ con rồng[1]
Dạy con là gánh đàn ông,

Sửa mình trước phải giữ lòng như kem[2].
Mình mà bạc với anh em,
Con mình trét vấy lem hem thói nhà.
Mình mà bạc với mẹ cha,
Con mình khuôn rập thói nhà đã quen.
Dầu cho uốn nắn tập rèn,
Từ nhà nhuốm lấy thói hèn quá sâu.
Rồi ra chửi ngựa mắng trâu,
Van trời, trách đất họa đâu buộc mình.
Chi bằng sớm phải giữ gìn,
Vợ chồng ta trước sửa mình cho hay.
Con nhà trông thấy đêm ngày,
Nguồn trong, dòng sạch xưa nay lẽ thường.
Lớn lên học phải lựa trường,
Bạn thầy nghĩa lý văn chương trau giồi.
Về nhà khi đứng, khi ngồi,
Khi ăn, khi nói sửa giồi nết con.
Khôn ngoan càng dễ vuông tròn,
Dầu cho tối đục, cũng còn dễ coi.
Gấm tươi, bông đẹp mặn mòi,
Chạm vào cây mục càng hoài công lao.
Lòng đời cạn trợt lạ sao,
Mình làm cha mẹ quyền cao một nhà.
Mai chiều chửi chó, mắng gà,
Vái van cha mẹ, rầy rà anh em.
Trôn mình những cứt mem mem,
Hằm hằm đánh chửi con em tối ngày.
Nêu tà, bóng muốn cho ngay,
Đánh cho chí chết, bỏ thây thiệt đời.
Lâu ra nhà cửa rã rời,
Cha nam, con bắc một đời thiếu chi.
Thói nhà trước đã ù lỳ,
Thương ôi! Thói nước còn gì mà trông.
Lỗi này bởi tại đàn ông,

Quyền cha cầm giữ chẳng thông thạo đời.
Muốn cho thói đổi, tục dời,
Đạo nhà phải sửa từ hồi tạo đoan.[3]

Chú thích:

[1] Ca dao: "*Trứng rồng lại nở ra rồng, liu điu lại nở ra dòng liu điu*", "*rắn điu điu*" là loại rắn nước, còn "*liu điu*" là uốn khúc qua lại như hình rắn bò.

[2] *Giữ lòng như kem: "Kem"* Lính hầu, khi cầu hồn. Tục truyền hễ khi con người đau nặng gần chết, thường có hai thằng *kem* chực giữ một bên mà rước hồn. "Giữ như kem": giữ chằng chằng.

[3] *Tạo đoan*: Gây dựng đầu mối; "hồi tạo đoan": khi mới bắt đầu.

DẠY CON GÁI

Sanh con khôn khéo bởi đâu?
"Phước đức tại mẫu"[1] một câu đủ rồi.
Gác tay nghĩ tới một thôi,
Mẹ hiền cũng bởi từ hồi gái tơ.
Nước ta lắm thói hởi hờ
Xưa nay biết dạy gái tơ mấy nhà?
Tiếng rằng mẹ dạy gọi là,
Tìm người hỏi cội, mẹ đà học đâu?
Lớn lên lổng bổng làm dâu,
Sinh con đẻ cái bạc đầu thì thôi.
Bé thơ lẩn quẩn bếp nồi,
Đắn đo quần áo, trau giồi dung nhan.
Vá may nấu nướng đôi đàng,
Dệt dùng, bánh trái, vơ quàng một hai.
Ngôn, dung, đức, hạnh rạch ròi,
Thế gian đã đặng mấy ai dạy cùng?
Con trai bỏ luống mặc lòng,
Ít nhiều còn biết đôi dòng chữ nho.
Người mà biết nghĩ biết lo,
Cạn sâu còn biết so đo việc đời.
Thương cho con gái bỏ trôi,

Học hành chữ nghĩa một đời vô duyên.
May sinh cửa thảo nhà hiền:
Trông gương cha mẹ, vẹn tuyền nết na.
Trắng trong đặng mấy nhiêu nhà,
Thừa ra mình cứ người ta thói thường.
Một đời giữ chứng ách ương,
Chị em xoi móc, gia nương nhún trề.
Rau nào sâu ấy cũng lề,
Mua đi bán lại tràn trề thế gian.
Biết bao oan trái tuần hoàn,
Mẹ truyền con nối khuấy hoang cửa nhà!
Xưa nay xương thịt lìa xa,
Mười điều chín ở đàn bà phui phanh.
Muốn cho trọn vẹn gia tình,
Mẹ hiền phải bởi gái lành mà ra,
Vậy nên làm đạo mẹ cha,
Dầu trai dầu gái cũng là một con.
Đạo nhà trước giữ vuông tròn,
Làm gương treo mắt cho con soi cùng.
Từ nhà ngôn hạnh công dung[2],
Mai chiều cũng giảng chung cùng cho nghe.
Cạn cùng bếp núc buồng the,
Việc trong phải biết so se ít nhiều.
Học hành chữ nghĩa phải theo,
Thơ từ, bút toán mai chiều quen tay.
Từ sau quốc ngữ phải bày,
Năm ba năm đã học hay lắm rồi.
Thói nhà sẵn đã trau giồi,
Khuôn tròn, bánh méo có đời nào đâu?
Đạo đời xây trở không lâu,
Gái đông rồi cũng mẹ hầu tới nơi.
Một mai về tới nhà người,
Trăm điều đã biết đạo đời xa đâu.
Trên thì cha mẹ chực chầu,

Dưới thì em chị bạn bầu chiều mai.
Nhờ trời để gái sanh trai,
Con nhờ phước đức không sai một hào.
Đạo nhà vui vẻ biết bao,
Trăm năm chung đội công lao mẫu từ.
Thói nhà trước đã thuần từ,
Suy ra thói nước có hư bao giờ.
Mới hay sửa lại cõi bờ,
Bắt đầu phải cậy gái tơ những người.

Chú thích:

(1) *Phước đức tại mẫu:* Phúc đức do mẹ, nhờ ở người mẹ.

(2) *Ngôn, hạnh, công, dung:* Lời nói, tính nết tốt, công việc giỏi, nhan sắc đẹp, người xưa gọi là "tứ đức" hay bốn đức tốt. Thứ tự là: *công, dung, ngôn, hạnh.*

DẠY VỢ

Dạy con dạy thuở còn thơ
Dạy vơ dạy thuở gái tơ mới về.
Gác tay ngắm thử câu lề,
Phải thì rằng phải kém bề sâu xa.
Thế gian vạn sự khởi đầu,
Cờ sai một nước dễ hầu gỡ ra.
Mấy lời kể thử gần xa.
Để cho thiên hạ người ta đo lường,
Bắt đầu phải chọn gia nương,
Nguồn cha cội mẹ ngày thường thế nao.
Xưa nay rau lắm thứ sâu,
Ăn gì giồng nấy khôn hầu đổi thay.
Nết con xem mặt xem mày.
Điều ăn tiếng nói dở hay cũng dò.
Xấu xinh đừng lắm so đo,
Trăm điều tính hạnh xem cho cạn cùng.
Tục rằng: mua gái xem dòng,

Mua trâu xem nái chớ hòng hớ hênh.
Xứng đôi xứng lứa là tinh,
Của tiền nhiều ít tục tình quản bao.
Thói đời cha mẹ lạ sao,
Tìm đôi định lứa tầm phào gớm gang.
Nom nom thấy chỗ giàu sang,
Vin chân hót cẳng vơ quàng cho con.
Miệng đời nhiễu giãi miếng ngon,
Thói cha thói mẹ thói con bỏ liều!
Nhan sắc dầu đẹp bao nhiêu,
Xưa nay vưu vật là yêu khuây đời.
Của tiền dầu chất tày trời,
Rước vào khỏi cửa đã rời gia nương.
Thử xem trước mặt thế thường.
Cửa nhà lắm nỗi dở dương bởi vì:
Vì mình vụng tính vụng suy,
Buộc cho tài sắc ù lỳ bụng con.
Rồi ra lở núi lở non,
Mai chiều than trách cho con sao đành.
Chi bằng chọn lựa cho rành,
Mẹ cha quyền nửa, nửa dành phần con.
Trăm năm là nghĩa nước non,
Quơ bốc quơ hốt vuông tròn dễ đâu.
Tạo đoan từ ấy là đầu,
Rồi đây xin kể cạn sâu nỗi chồng.
Từ ngày trao mối chỉ hồng,
Tháng ngày qua lại thăm trông là thường.
Nết trai trước phải giữ giương,
Khi ăn khi nói khi chường khi thưa.
Trông nom chớ khá thừa ưa,
Trong rèm còn lắm mắt đưa ra ngoài.
Lòng riêng tiện buổi dông dài,
Nết người trong đục một vài hỏi qua,
Trắng trong càng tỏ nỗi nhà,

Cần người hiền thục ông bà đỡ nương.
Mong sao biết kính biết nhường,
Mong sao đừng thói dở dương cửa nhà.
Xưa nay lỗ miệng người ta.
Hỏi gần thấu tới tai xa cạnh buồng.
Ra vào góc ngõ nẻo đường,
Mắt ngay ngó thẳng đường đường thói trai.
Dầu chưa chạm mặt kề tai,
Lòng đà kiêng nể một hai lắm rồi.
Từ ngày định tiệc giao bôi.
Ngày đêm lắm lúc đánh đôi đánh đàn.
Tóc tơ mặc sức kĩ càng,
Trên thờ cha mẹ dưới nhường anh em.
Nói cho lời thuận lẽ êm,
Làm gương treo trước cho xem rõ ràng.
Hai chân ướt ráo lạ làng,
Dở hay cậy có một chàng hôm mai.
Cũng đừng hót cẳng vin vai
Cũng đừng bóng rí mỉa mai vùng vằng.
Lạ chi những tính sữa măng,
Buồng the còn lắm thói hăng vẽ mày.
Mất đâu có dả(?) đến tay,
Chuột kia uống giếng bụng đầy thì thôi.
Cần gì cọ vế kề môi,
Dã dề lắm thói lôi thôi dễ lòng.
Lạ chi những thói trẻ trung,
Chiều mai đã choảnh mặt chồng nghênh ngang.
Mất dâu(?) trót đã đá vàng,
Dại khôn còn hãy nhờ chàng về lâu.
Cần gì khỏa mặt lấp đầu,
Làm cho sinh tủi sinh sầu hư thân.
Ấy là mấy đạo bùa thần,
Ngày đêm phải giữ hộ thân bên mình.
Còn ra ăn nói giữ gìn,

Tiếng to tiếng nhỏ cạn tình gần xa.
Kể sao cho hết nỗi nhà,
Tùy cơ dạy bảo mới là tay cao.
Của tiền mắt chớ liếc vào,
Ông cha miệng chớ tầm phào nói ra.
Giàu đâu những của phù sa,
Kính người người lại nể ta cả nhà.
Đạo đời còn lắm cao xa,
Hiểu chừng nấy chuyện cũng là người khôn.
Cứng tay đã nắm lấy hồn,
Dầu cho ma quỷ cũng khôn vẫy vùng.
Huống chi của giống con dòng,
Nói hai biết bốn dễ dàng biết bao.
Tre non uốn chẳng mấy lâu,
Một lời chạm dạ trắng đầu còn ghi.
Cần chi chửi rủa sân si,
Đập nồi xán bát phân ly cửa nhà.
Cạn cùng chép mấy lời ca,
Để cho con cháu trong nhà xem chung.

TỈNH QUỐC HỒN CA I

GIỚI THIỆU

Theo ghi chép trong các sách *Hợp tuyển*, thì *Tỉnh quốc hồn ca I*[1] là do Phan Châu Trinh viết năm 1907 khi ông ra Hà Nội diễn thuyết, bài ca đã được dùng làm tài liệu giảng dạy tại trường Đông Kinh nghĩa thục. *Di cảo* của bài ca, do tác giả viết tay bằng chữ quốc ngữ, nay gia đình còn giữ trọn vẹn. Năm 1945, ông Lê Ấm đã đem di cảo ấy và in bài ca rút trong *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* xuất bản tại Quy Nhơn. Giáo sư Huỳnh Lý là người đầu tiên đã lấy một phần bài *Tỉnh quốc hồn ca I* in tại Quy Nhơn đưa vào tập IV của bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* xuất bản tại Hà Nội năm 1962[2].

Nếu xét *di cảo* ta nhận thấy *Tỉnh quốc hồn ca I* chỉ là 14 trang chép lẫn trong gần 300 trang di cảo của *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*,[3] và là một bản thảo chưa hoàn tất, có nhiều chữ, chiều câu, thậm chí có cả một đoạn được tác giả sửa chữa, thêm bớt[4]. Sự kiện bản thảo *Tỉnh quốc hồn ca I* được chép lẫn lộn trong bản thảo *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* khiến ta phỏng định *Tỉnh quốc hồn ca I* được tác giả sáng tác hoặc sao lại khi bắt

---

[1] Trong bài "*Quá trình phát hiện quyển truyện thơ Giai nhân kỳ ngộ* và việc truy tầm nguồn gốc của nó" (Báo cáo khoa học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, 1968), giáo sư Huỳnh Lý gọi hai bài *Tỉnh quốc hồn ca* của Phan Châu Trinh là *Tỉnh quốc hồn ca I* và *Tỉnh quốc hồn ca II*. Trong di cảo bài đầu, ta không thấy Phan Châu Trinh ghi nhan đề, còn trong di cảo bài sau, tác giả chỉ ghi *Tỉnh quốc hồn ca*. Để tiện phân biệt, chúng tôi tán thành ý kiến của giáo sư Huỳnh Lý mà đề nghị tạm gọi như trên.

[2] Xem bài báo cáo của giáo sư Huỳnh Lý vừa dẫn.

[3] Tập *di cảo* này, chữ quốc ngữ, viết tay trên giấy Tây dày khổ lớn 21 x 31,50 cm gồm 300 trang viết cả hai mặt, không đánh số trang, mấy chục tờ đầu và cuối bị mối mọt ăn mục nát thành rời rạc, lẫn lộn, mất chữ khá nhiều. Toàn bộ tập tài liệu là bản thảo lần thứ nhất của *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*, có thể chia làm 4 xấp. *Tỉnh quốc hồn ca I* nằm lẫn trong xấp đầu.

Xấp đầu gồm 76 trang. Mười trang đầu là bản thảo những trang đầu của *Giai nhân kỳ ngộ* diễn ca, 14 trang tiếp là bản thảo *Tỉnh quốc hồn ca*, chép đủ 467 câu do Phan Châu Trinh khởi thảo. Ở đầu bài ca, không thấy ghi nhan đề. Những câu thơ song thất lục bát được tác giả viết liền nhau, trông qua, ta tưởng là một trang văn xuôi. Để ngăn cách những đoạn chính với nhau, tác giả dùng những nét bút quơ ngang, dài từ 7 đến 10cm. Chữ quốc ngữ ở đây viết hơi cứng cáp, nhưng rõ ràng. So với những phần đã in trong các sách *Hợp tuyển*, thì *di cảo* đã được sao lục khá đúng, trừ một số chữ bị người sau sửa đổi hay một số câu được thêm vào.

[4] Câu 448 ở cuối đoạn 41 và 4 câu 469-472 trong bản in do ông Lê Ấm xuất bản vốn không có trong *di cảo*. Tuy nhiên, dẫu được viết thêm ,nhưng so với với cách cấu tứ trong 10 đoạn trên, thì 2 đoạn cuối vẫn là thiếu sót, dở dang, do đó *Tỉnh quốc hồn ca I* vẫn xem như là một tác phẩm chưa hoàn tất. Trong lúc biên soạn, chúng tôi cố gắng sửa lỗi chính tả (của bản gốc) và chú thích một số câu chữ điển tích cần thiết (NBS).

đầu diễn ca *Giai nhân kỳ ngộ* tức là trong năm 1912 hay chậm lắm là đầu năm 1913. Sự kiện bản thảo ở trong tình trạng chưa hoàn tất, còn đang được sửa chữa, còn khiến ta nghĩ rằng bài *Tỉnh quốc hồn ca I*, như trong *di cảo* hiện còn, có lẽ đã được Phan Châu Trinh sáng tác trong năm 1912 tại Pháp, hơn là trong năm 1907 tại Hà Nội. Còn nếu quả Phan Châu Trinh có viết một bài *Tỉnh quốc hồn ca* tại Hà Nội, thì chắc bài ấy cũng khác nhiều so với *di cảo* hiện còn.

Theo bản in tại Quy Nhơn, *Tỉnh quốc hồn ca I* gồm 472 câu. Nhưng xét *di cảo*, như đã đề cập ở trên, thì ta thấy có 5 câu vốn không do tác giả viết, ấy là câu 448 và các câu 469-472; ngoài ra, nét chữ của các câu 448, 471 và 472 là chữ của ông Lê Âm hay của người sau thêm vào. Như vậy, để được chân xác, chúng tôi loại bỏ những câu được thêm, tức *Tỉnh quốc hồn ca I* chỉ gồm 467 câu; đồng thời, khi sao lục, chúng tôi lấy bản gốc tức *di cảo* của tác giả, làm chính.

Theo Phan Châu Trinh, trong *Tỉnh quốc hồn ca I*, thì dân nước ta thời bấy giờ sở dĩ yếu hèn là vì "phong tục cẩu thả", "nhân tâm khiếp đọa"; vì vậy, ông đem những ưu điểm trong nếp sống văn minh của người Âu Mỹ đối chiếu với những lề thói cổ hủ, lạc hậu của dân ta để thức tỉnh lòng người. Do đó, ngoài đoạn mở đầu nói nguyên nhân yếu hèn của dân nước ta, bài ca gồm 12 đoạn là 12 bức tranh tương phản của hai xã hội, hai nếp sống; 1. Người ta thì có chí cao, dám chết vì nghĩa, vì lợi dân ích nước, người mình thì tham sống sợ chết một cách hèn hạ; 2. Người ta "ai cũng có trong thân một nghề", người mình thì các hạng dân trên chỉ biết ăn bám; 3. Người ta có óc phiêu lưu mạo hiểm tìm hiểu các nước trên thế giới, người mình chỉ biết "loanh quanh xó bếp"; 4. Người ta có tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau, người mình chỉ biết giành giật, lừa đảo nhau; 5. Người ta biết bỏ vốn lớn, tin cậy nhau làm ăn, người mình thì "bất nhân bất tín", hễ có tiền chỉ biết cho vay lấy lãi; 6. Người ta có thái độ đúng đắn về tang lễ, về người chết, người mình chỉ biết ma chay phúng điếu linh đình, có người hết ruộng hết trâu; 7. Người ta biết thi đua cải tiến máy móc, ngành nghề, người mình chỉ lo thủ cựu, không biết đua chen; 8. Người ta biết tổ chức công ăn việc làm có giờ giấc, người mình chỉ biết rượu chè cờ bạc, công việc thì "lê mê lết mết"; 9. Người ta biết tự cường tự miễn, người mình chỉ biết tin vào mồ mả, cầu Trời khấn Phật; 10. Người ta làm việc công là vì ích nước lợi dân, người mình đua chen làm quan là cốt ấm no cho gia đình hay để khoe khoang; 11. Người ta thi đua sản xuất các mặt hàng mới và tốt; 12. Người ta chú trọng tổ chức y tế một cách chu đáo, tinh tường[1].

Trong một xã hội thuộc địa nửa phong kiến được xây dựng trên một cơ sở kinh tế nghèo nàn, lạc hậu như xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ XX, thì những phong tục, tâm lý cổ hủ, những cách thức làm ăn lạc hậu của các tầng lớp nhân dân được mô tả trong *Tỉnh quốc hồn ca I* là những sự thật khách quan. Trong phong trào vận động xây dựng nếp sống mới, xây dựng con người mới hiện nay trên đất nước ta, những lời ca phê phán hủ tục ma chay linh đình, phê phán đầu óc mê tín thần quyền, niềm tin mù quáng vào

---

[1] Hai đoạn 11 và 12 là hai đoạn viết dở dang, trong đó tác giả mới nêu ưu điểm trong lối sống của người, chưa nói đến khuyết điểm trong cách làm ăn của ta. Ngoài ra, bài văn còn thiếu đoạn kết thúc chung cho toàn bài ca.

GIỚI THIỆU

Theo ghi chép trong các sách *Hợp tuyển*, thì *Tỉnh quốc hồn ca I*[1] là do Phan Châu Trinh viết năm 1907 khi ông ra Hà Nội diễn thuyết, bài ca đã được dùng làm tài liệu giảng dạy tại trường Đông Kinh nghĩa thục. *Di cảo* của bài ca, do tác giả viết tay bằng chữ quốc ngữ, nay gia đình còn giữ trọn vẹn. Năm 1945, ông Lê Ấm đã đem di cảo ấy và in bài ca rút trong *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* xuất bản tại Quy Nhơn. Giáo sư Huỳnh Lý là người đầu tiên đã lấy một phần bài *Tỉnh quốc hồn ca I* in tại Quy Nhơn đưa vào tập IV của bộ *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* xuất bản tại Hà Nội năm 1962[2].

Nếu xét *di cảo* ta nhận thấy *Tỉnh quốc hồn ca I* chỉ là 14 trang chép lẫn trong gần 300 trang di cảo của *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*,[3] và là một bản thảo chưa hoàn tất, có nhiều chữ, chiều câu, thậm chí có cả một đoạn được tác giả sửa chữa, thêm bớt[4]. Sự kiện bản thảo *Tỉnh quốc hồn ca I* được chép lẫn lộn trong bản thảo *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* khiến ta phỏng định *Tỉnh quốc hồn ca I* được tác giả sáng tác hoặc sao lại khi bắt

---

[1] Trong bài "*Quá trình phát hiện quyển truyện thơ Giai nhân kỳ ngộ* và việc truy tầm nguồn gốc của nó" (Báo cáo khoa học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, 1968), giáo sư Huỳnh Lý gọi hai bài *Tỉnh quốc hồn ca* của Phan Châu Trinh là *Tỉnh quốc hồn ca I* và *Tỉnh quốc hồn ca II*. Trong di cảo bài đầu, ta không thấy Phan Châu Trinh ghi nhan đề, còn trong di cảo bài sau, tác giả chỉ ghi *Tỉnh quốc hồn ca*. Để tiện phân biệt, chúng tôi tán thành ý kiến của giáo sư Huỳnh Lý mà đề nghị tạm gọi như trên.

[2] Xem bài báo cáo của giáo sư Huỳnh Lý vừa dẫn.

[3] Tập *di cảo* này, chữ quốc ngữ, viết tay trên giấy Tây dày khổ lớn 21 x 31,50 cm gồm 300 trang viết cả hai mặt, không đánh số trang, mấy chục tờ đầu và cuối bị mối mọt ăn mục nát thành rời rạc, lẫn lộn, mất chữ khá nhiều. Toàn bộ tập tài liệu là bản thảo lần thứ nhất của *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*, có thể chia làm 4 xấp. *Tỉnh quốc hồn ca I* nằm lẫn trong xấp đầu.

Xấp đầu gồm 76 trang. Mười trang đầu là bản thảo những trang đầu của *Giai nhân kỳ ngộ* diễn ca, 14 trang tiếp là bản thảo *Tỉnh quốc hồn ca*, chép đủ 467 câu do Phan Châu Trinh khởi thảo. Ở đầu bài ca, không thấy ghi nhan đề. Những câu thơ song thất lục bát được tác giả viết liền nhau, trông qua, ta tưởng là một trang văn xuôi. Để ngăn cách những đoạn chính với nhau, tác giả dùng những nét bút quơ ngang, dài từ 7 đến 10cm. Chữ quốc ngữ ở đây viết hơi cứng cáp, nhưng rõ ràng. So với những phần đã in trong các sách *Hợp tuyển*, thì *di cảo* đã được sao lục khá đúng, trừ một số chữ bị người sau sửa đổi hay một số câu được thêm vào.

[4] Câu 448 ở cuối đoạn 41 và 4 câu 469-472 trong bản in do ông Lê Ấm xuất bản vốn không có trong *di cảo*. Tuy nhiên, dẫu được viết thêm ,nhưng so với với cách cấu tứ trong 10 đoạn trên, thì 2 đoạn cuối vẫn là thiếu sót, dở dang, do đó *Tỉnh quốc hồn ca I* vẫn xem như là một tác phẩm chưa hoàn tất. Trong lúc biên soạn, chúng tôi cố gắng sửa lỗi chính tả (của bản gốc) và chú thích một số câu chữ điển tích cần thiết (NBS).

I. MỞ ĐẦU[1]

Ngồi mà nghĩ dư đồ Hồng Lạc[2]
Ta cũng là một nước Á Đông.
Xưa nay vẫn có anh hùng.
Dọc ngang trời đất, vẫy vùng non sông.
Hai mươi triệu sĩ, nông, công, cổ,[3]
Bốn mươi muôn quốc thổ dặm vuông.[4]
Người nhiều đất rộng rõ ràng,
Thế mà nghĩ lại, lại càng tủi thương.
Kể sao xiết trăm đường cay đắng,
Bởi vì ai gây dựng cho nên?
Thôi đừng trách kẻ bề trên,
Dưới thì cũng trách ngu hèn tại ta.
Nọ phong tục kiêu ngoa[5]*, cẩu thả,*
Kìa nhân tâm khiếp đọa, xai nghi[6]*.*
Người còn lòng đã chết đi.
Nghìn năm tích tệ[7] *vậy thì tại đâu?*
Trách những kẻ sư nho dạy bảo,
Việc nhân tâm thế đạo làm ngơ.
Bắt đầu đã dạy văn thơ,
Ngũ ngôn, bát cổ[8] *lờ mờ nghĩa đen.*

---

[1] Để giúp người đọc dễ lãnh hội bài ca, chúng tôi xin ghi thêm tiêu đề trên mỗi đoạn chính và để phân biệt với chính văn, chúng tôi đặt tiêu đề ở trong dấu móc [ ].

[2] *Dư đồ Hồng Lạc:* Dư đồ: bản đồ của một nước: "Hồng Lạc" : Hồng Bàng và Lạc Long Quân là vua rất xưa của nước ta, gọi chung Hồng Bàng và Lạc Long là Hồng Lạc. Tổ tiên của người Việt Nam. "Dư đồ Hồng Lạc" có nghĩa là đất nước của tổ tiên ta để lại.

[3] *Sĩ, nông, công, cổ*: Người trí thức, người làm ruộng, người làm thợ, người đi buôn. "Cổ": người buôn bán nhỏ.

[4] Đất nước 400.000 cây số vuông. Tác giả nói hơi quá sự thật hoặc nói theo số tròn! Nước Việt Nam rộng khoảng 347.000 km2.

[5] *Kiêu ngoa*: Khoe khoang, khoác lác.

[6] *Khiếp đọa, xai nghi*: "Khiếp đọa (cũng đọc *nọa*)": nhút nhát và lười biếng: "Xai nghi" :nghi ngờ, phỏng đoán. Nghĩa chung là đáng nghi, đáng ngờ ("Xai" là do "thai" đọc trại).

[7] *Tích tệ*: Dồn chứa nhiều mối tệ, nhiều điều hủ bại.

[8] *Ngũ ngôn, bát cổ*: "Ngũ ngôn": thể thơ mỗi câu có năm chữ (hay âm tiết) : "bát cổ" ("cổ: vế, đoạn): lối văn xuôi ngày trước, toàn bài gồm tám vế hay tám đoạn, tức là lối văn *kinh nghĩa* dùng trong các kỳ thi thời phong kiến.

Mong cho biết đua chen danh lợi,
Tìm những đường hủ bại mà đi.
Sao không biện biệt thị phi,[1]
Sao không chỉ trỏ đường kia nẻo này?
Thử so với người Tây, người Mỹ.
Trăm điều khôn, có tí chi mà.

[II. DÁM CHẾT VÌ NGHĨA!]

Người ta trí nghĩ cao xa,
Một người không lẽ chết ba bốn lần.
Gặp việc nghĩa, trăm thân không tiếc.
Làm việc gì, chí quyết cho nên.
Lòng son dạ đá giữ bền,
Chẳng nề ai ghét, chẳng phiền ai thương.
Nào là chốn cương trường[2] *đua đánh.*
Nào là trong quốc chánh[3] *đấu tranh.*
Ra vào vạn tử nhất sinh[4]*,*
Chết cho ngàn thuở bia danh[5] *mới là.*
Ai cũng lấy ở nhà làm tiện[6]*,*
Lấy trèo non vượt biển làm sang.
Chết già, chết bệnh là thường,
Lợi dân ích nước, chết càng thơm danh.
Người mình sống loanh quanh xó bếp,
Còn nuốn thân sơn thếp[7] *để đời*
Những già, những trẻ, những trai,
Ăn càn ở chợ, sống dai lại mừng.
Sống để mà gò lưng mang ách,[8]
Sống để mà phá phách như ma.

---

[1] *Biện biệt thị phi*: "Thị phi": phải và trái, đúng và sai. Phán biệt điều đúng và điều sai.

[2] *Cương trường*: Vùng biên giới.

[3] *Quốc chánh*: Việc chính trị của nước nhà.

[4] *Vạn tử nhất sinh*: Muôn phần chết, một phần sống: rất nguy hiểm.

[5] *Bia danh*: Để tiếng lại trên bia đá, để tên lại cho đời sau biết.

[6] *Tiện*: Hèn hạ, coi việc sống yên ổn với vợ con ở nhà là đáng khinh.

[7] *Thếp*: phủ vàng hay bạc dát mỏng vào đồ sơn, như nói "sơn son thếp vàng", ở đây có nghĩa là trau tria, tô vẽ.

[8] *Gò lưng mang ách*: cố sức nai lưng ra như trâu bò để mang ách kéo cày, kéo bừa.

Xăn văn mai lợn chiều gà,
Quấy rầy làng nước, xấu xa họ hàng.
Nào thấy kẻ ngang tàng chánh khí?

Nào thấy người cả chí cao bay?
Chết trong tay vợ là may,
Chết vì nghĩa khí mỉa mai trăm đàng.
Bởi sợ chết nên càng hèn hạ,
Dẫu việc hay cũng chả dám làm.
Nhục nhã dẫu sống thì tham,
Thân trâu, thân ngựa cũng cam một bề.
Ngồi nghĩ thử dầm dề giọt lụy[1]
Hỡi những người liêm sỉ, công trung[2]
Thương nhau mà bảo nhau cùng,
Học khôn học khéo để phòng hậu lai.

[III. HỌC LẤY MỘT NGHỀ!]

Người ta trọng có tài có nghiệp,
Kẻ không nghề cả kiếp khó hèn.
Dẫu rằng thợ mộc, thợ rèn,
Tài hay trí tốt tiếng khen vang rần.
Từ những đấng hoàng thân quý tộc[3],
Chẳng ai không đi học lấy nghề.
Có vua Bỉ-đắc[4] *xưa kia,*
Bỏ ngôi đi học lấy nghề bách công.
Còn những kẻ sĩ, nông, công, cổ,
Đều học cho trí đủ làm ăn.
Cùng là nữ tử, phụ nhân[5],

---

(1) *Giọt lụy*: Giọt nước mắt.

(2) *Công trung*: Có lòng nghĩ đến mọi người và ngay thẳng.

(3) *Hoàng thân quý tộc*: "Hoàng thân" :người có họ gần với vua: "quý tộc": họ dòng sang, chỉ họ nhà vua hay các quan đại thần có tước cha truyền con nối.

(4) *Bỉ đắc*: Dịch âm chữ Peter, tiếng Pháp là Pierre, tên một ông vua của nước Nga ở thế kỷ thứ XVIII. Bỉ-đắc thứ nhất hay Bỉ-đắc đế (sinh năm 1672, làm vua năm 1682, mất năm 1725) là ông vua có nghị lực phi thường, chủ trương canh tân đất nước, bản thân nhà vua đã từng du lịch ở châu Âu, học nghề đóng tàu ở Hà Lan.

(5) *Nữ tử, phu nhân*: Con gái, đàn bà.

Ai ai cũng có trong thân một nghề.
Người mình đủ vụng về trăm thức,
Lại khoe rằng sĩ nhất tứ dân[1];

Người khanh tướng, kẻ tấn thân[2],
Trăm nghề, hỏi có trong thân nghề nào?
Chẳng qua là quơ quào ba chữ,
May ra rồi ăn xớ của dân.
Khoe khoang rộng áo dài quần,
Tráp giày bệ vệ, rần rần ngựa xe.
Còn bậc dưới ngo ngoe[3] *vô kể,*
Học cúi lòn kiếm thế vơ quào.
Thầy tư lại, bác kỳ hào,[4]
Gặm xương, mút đũa, lao nhao như ruồi.
Lại có kẻ lôi thôi bậc giữa,
Trên lỡ quan, dưới nữa lỡ dân.
Ấy là học sĩ văn nhân[5],
Ăn sung mặc sướng mà thân không làm.
Người trên đã lam nham như thế,
Những dân ngu kể lể làm chi.
Rượu chè, cờ bạc li bì,
Sinh ra trộm cướp nghề gì mà mong?
Xin hỏi thử xem trong làng mán[6],
Người sinh ra hàng vạn, hàng trăm.
Từ làm ruộng chí để tằm[7],
Mươi người khốn khó, mấy trăm ngồi xài.
Loài người đã không tài không nghiệp,
Phải sinh ra nhiều kiếp gian nan.

---

[1] *Sĩ nhất tứ dân*: Theo quan niệm xưa, thì kẻ sĩ tức là hạng trí thức, người có học thức là đứng đầu trong bốn hạng người (sĩ, nông, công, thương) trong xã hội.

[2] *Khanh tướng, tấn thân*: "Khanh tướng" : quan đại thần, giữ chức lớn trong triều đình phong kiến; "tấn thân": ông quan cầm hốt bạc mà xỏa tay áo đỏ, chỉ chung các quan văn đang tại chức.

[3] *Ngo ngoe*: cựa quậy, động đậy: nghĩa rộng: chạy vạy.

[4] *Tư lại, kỳ hào*: "tư lại" người làm việc quan thời trước, cũng như thư ký bây giờ: "kỳ hào" : bậc già cả và bậc đàn anh.

[5] *Học sĩ văn nhân*: Những người có học, biết chữ nghĩa thuộc giai cấp trung lưu.

[6] *Mán*: Làng của dân tộc ít người.

[7] *Để tăm*: nuôi tằm.

Đua chen, dối trá muôn vàn,
Gà bầy đá lẫn, cá đàn cắn nhau.
Ngồi thử nghĩ càng đau tấc dạ,
Hỡi những người chí cả thương quê[1].
Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi, ta sẽ đem về dạy nhau.

[IV. CÓ CHÍ MẠO HIỂM!]

Người ta thích dò sâu lường hiểm[2],
Chốn Kheo khư[3] *tìm kiếm khắp nơi.*
Chơi vơi góc biển chân trời,
Rừng băng[4] *núi lửa cũng chơi cho cùng.*
Nào là chỗ hãi hùng cọp rắn,
Nào là nơi mưa nắng phi thường.
Thái Bình, Ấn Độ, Tây Dương[5],
Mỹ, Phi, Úc, Á là đường chiều mai.
Ai ai cũng đua tài du lịch,
Một thân qua đất khách như chơi.
Chơi cho biết thói, biết người,
Xông pha gió bụi, vẽ vời non sông.
Ấy chẳng phải chơi không vô ích,
Chơi rồi đem sự tích viết ra.
Đất rộng hẹp, đường gần xa,
Dân phong thế ấy, vật ba thế nào[6].
Để cho biết non cao biển cả,

---

[1] *Chí cả thương quê*: Có chí lớn, thương yêu đất nước, quê hương.

[2] *Dò sâu lường hiểm*: Đi dò tìm, khám phá những nơi khó khăn, nguy hiểm.

[3] *Kheo khư*: "Kheo" (do chữ *Khưu* hay *Khâu,* tên của Khổng Tử đọc trại): cái gò, cái đồi: "khư": gò đất, vực thẳm. "Kheo khư": nơi núi cao, vực thẳm.

[4] *Rừng băng:* Khu rừng đầy băng giá.

[5] Câu này kể ba trong bốn đại dương (Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương) và câu dưới kể bốn trong năm châu lục (Châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Úc (tức châu Đại Dương), trước đây có tên "năm châu bốn biển" chỉ chung thế giới.

[6] *Dân phong, vật ba*: "Dân phong": phong tục của nhân dân; "vật ba": tinh hoa, cái tốt đẹp của mọi vật. "Ba" là "hoa" đọc trại, để hợp vần với câu trên.

Lại cho hay Hoa hạ man di[1].
Người mình một bước chẳng đi,
Loanh quanh xó bếp, biết gì đến ai.
Ra khỏi cửa chiều mai nhăn nhó,
Tỉnh này qua tỉnh nọ đã xa.
Đi đâu cũng quấn lấy nhà,
Vợ con vấn vít, chó gà xăn văn.

Nào là kẻ nho văn nhĩ nhã[2]
Đặng mấy người đạp hỏa phó thang[3],,
Một đời xó ró trong làng,
Nói nhăng, ăn tục nghĩ càng ô danh[4]
Nào là kẻ công khanh phú quý.
Thiếp cùng hầu hú hí quanh năm.
Đi ra một bước cũng nằm,
Kẻ khiêng người đỡ[5] *như tằm phải toi.*
Người sao thế, loi ngoi lót ngót,
Nghĩ mà coi chua xót dường bao.
Nào người học Mỹ, học Âu,
Thuốc chi xin chữa bệnh đau lâu dài?.

[V. ĐOÀN KẾT, THƯƠNG YÊU NHAU!]

Người ta nghĩ sâu dài cặn kẽ,
Đũa bó to, ai bẻ cho xuôi?
Chia ra từng chiếc, từng đôi,
Phải ai tai nấy, thương ôi còn gì.
Vậy nên từ đồng nhi, phụ nữ,
Chẳng ai không biết giữ lấy nòi.

---

[1] *Hoa hạ man di*: Người Trung Hoa xưa tự gọi mình là Hoa hạ (nước tốt đẹp), gọi những dân tộc chung quanh là man di, nhung địch (nam man, bắc địch), đông dị, tây nhung: ở đây tác giả muốn nói dù cho biết đâu là văn minh đâu là lạc hậu.

[2] *Nho văn nhĩ nhã*: Chỉ người có học, biết văn chương, sách vở. *Nhĩ nhã* vốn là tên một cuốn từ điển xưa ở Trung Hoa.

[3] *Đạp hỏa phó thang*: Đạp trên lửa, nhảy vào nước sôi: đi vào nơi nguy hiểm.

[4] Ô danh: "*Ô*": *dơ bẩn;* "ô danh": tiếng xấu, mang tiếng xấu.

[5] *Kẻ khiêng người đỡ*: Thời xưa, bọn quan quyền đi đâu cũng đi bằng võng, cáng, khi lên xuống phải có người đỡ.

Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Người trong một nước thì coi như nhà.
Dốc một bụng ruột rà thân thiết,
Chẳng ai mà mong giết hại ai.
Người mình thấy lợi thời thôi,
Nghĩ chi đến giống cùng nòi nữa đâu!
Một tí lợi tranh nhau chảy máu,
Lại khoe tài trí giảo phùng nghinh[1]
Cậy thần, cậy thế ngông nghênh,
Gà nhà bươi bếp, giòi mình đục xương.
Hỏi thử xem trong phường hàng họ,
Máu đồng tông lớn nhỏ biết bao.
Doi vườn, cạnh đất, góc ao,
Nhồi xương, xáo thịt biết bao nhiêu người!
Lại coi thử ra ngoài tổng xã,
Phá cho nhau phải vạ, phải tai.
Chú trùm, bác lý, thầy cai,
Lừa eo thắt cổ chẳng ai mà chừa.
Kể chi hết trăm lừa, ngàn đảo,
Còn những người áo mão bề trên.
Ăn càn, nói hiếp đã quen,
Kiện thưa, thuế khóa, càng lèn càng đau!
Thương ôi! Nỗi nòi đâu như thế?
Sống làm sao cho xuể với đời?
Sỏi đàng, cát bãi rã rời,
Gặp cơn mưa gió tơi bời khá thương!

[VI. CHUNG VỐN LÀM ĂN!]

Người ta biết mọi đường lợi ích
Tiền như nước, hễ tích thời khô.
Phải cho đây đó chi bồ[2]
Bỏ ra nhiều vốn, thâu vô nhiều lời.
Cũng chẳng bóp lãi mười vốn một,

---

[1] *Trí giảo phùng nghinh*: Trí tuệ lanh lợi, gặp thì đón tiếp, chỉ tài khéo xu nịnh.

[2] *Chi bồ* :Cũng như "bù chi", "bù trì", nghĩa là san sẻ, lấy chỗ thừa bù chỗ thiếu.

Cốt về nhiều, hào hốt[1] *cũng nên.*
Nhà giàu hàng triệu, hàng thiên[2]*,*
Đem qua hàng bạc[3] *chẳng phiền giấu chôn.*
Để cho kẻ trí khôn của khó,
Để cho người nghề có tay không;
Lãnh về san việc đổi công,
Giàu ăn lợi lớn, khó mong lợi chừng[4]*.*
Thấy những kẻ đại thương tiểu cổ[5]*,*
Chẳng ai mà dám bỏ lòng tin.
Vay ra từng vạn, từng nghìn,
Một lời giao kết giữ gìn không sai.
Măng-đa[6] *gởi nước ngoài xa lắc,*
Công ty hùn kẻ Bắc người Nam.
Tháng giao ngày lãnh ầm ầm,
Chẳng sai một mảy, chẳng thâm một đồng.
Vậy nên của lưu thông dào dã[7]*,*
Nghề bán buôn khắp cả đông tây.
Lợi quyền nắm hết vào tay,
Làm cho giàu có càng ngày càng hơn.
Người mình chỉ bất nhân bất tín,
Vay đặng rồi, đã biến lòng ngay.
Lời quê tiếng tục xưa nay:
Vay ngọt như mía, trả cay như gừng!
Nào là kẻ tưng bừng hợp cổ[8]*,*
Hợp nhau rồi, đã vỗ[9] *nhau ngay.*
Bon chen, chấm mút loay quay,
Công ty chẳng được mấy ngày mà tan.
Thói đâu có dã man như thế,
Nghĩ cho xa, tích tệ bởi đâu?

---

[1] *Hào hốt*: Đơn vị trọng lượng rất nhỏ, phần mười và phần trăm của li.

[2] *Hàng thiên*: Hàng nghìn. "Hàng triệu", "hàng thiên": rất nhiều tiền.

[3] *Hàng bạc*: Ngân hàng.

[4] *Lợi chừng*: Lợi vừa phải.

[5] *Đại thương tiểu cổ*: Nhà buôn lớn, nhà buôn nhỏ: "Thương" là buôn chạy, "cổ" là buôn ngồi.

[6] *Măng-đa*: Phiêm âm từ tiếng Pháp *mandat*, có nghĩa là ngân phiếu, hay giấy gửi tiền ở bưu điện.

[7] *Dào dã*: Nhiều, dồi dào.

[8] *Hợp cổ*: Góp cổ phần, góp vốn.

[9] *Vỗ*: vỗ nợ, ăn quịt (vốn) của nhau.

Trách vì mấy kẻ nhà giàu,
Tiền trăm, bạc vạn chộn sâu xó nhà.
Lừa khi eo, đem ra thắt cổ,
Còn bán buôn lời lỗ mặc ai.
Bắt lên lợi tám, lợi mười,
Thắt mèo, treo chó[1] *cho người dở dang.*
Làm như thế, hai đàng cùng thiệt,
Sinh ra điều cay nghiệt dường bao!
Của tiền trong nước ngần nào,
Kẻ dư bỏ xó, người quào không ra.
Đất bỏ hoang biết là hiếm mấy[2],
Lợi chan chan đều thấy bỏ qua.
Để cho các chú Chà-và[3],
Chìa tay lấy bạc mà ta ngồi nhìn.
Ngồi nghĩ lại, thêm phiền thêm tủi,
Hỡi những người trẻ tuổi tài cao!
Bây giờ phải tính làm sao?
Rủ nhau đi học mọi điều văn minh.

[VII. TANG MA GIẢN DỊ!]

Người ta lấy dưỡng sinh làm trượng[4],
Cốt lúc còn mặc sướng ăn sung.
Chết đi, nhắm mắt là xong,
Như gỗ, như đá thôi không biết gì.
Chẳng qua là chôn đi khuất mắt,
Chiếc xe đưa, lấp đất là xong.
Bà con bạn hữu có lòng,
Bó hoa trước mả vô cùng kính yêu.
Ai mà có công lao danh tiếng,
Đúc tượng đồng, làm truyện để sau.
Dù là thương xót về lâu,

---

(1) *Thắt mèo, treo chó*: Do câu thành ngữ "thắt cổ mèo, treo cổ chó", chỉ sự cho vay nặng lãi.

(2) *Hiếm mấy*: Nhiều lắm, không hiếm mấy.

(3) *Các chú Chà-và:* "Chà và" :là tiếng thông tục chỉ người Ấn Độ.

(4) *Trượng:* Trọng. "Trượng" là một cách phát âm của "trọng", để bắt vần với "sướng" ở câu dưới.

Không cần đơm quảy[1], không cần vái van.
Người mình sống ăn càn, mặc rách,
Không cái gì đặng thích đến mình.
Chết rồi ma đám đành rành,
Bày ra rước khách hành trình, phù trang[2].
Thăm với phúng xem càng niềm nở
Chẳng qua là gây nợ cho nhau.
Làm ra năm lợn, mười trâu.
Không mong thần hưởng, chỉ cầu khách đông.
Còn những chốn làng đông, xã cả,
Cậy đón đưa ăn vạ, ăn tai.
Đầu heo, nọng thịt, chả vai,
Lệ làng, phép họ bẻ bai trăm đường.
Vậy lại cho là thương, là hiếu,
Nghĩ mà coi, dính líu vào đâu!
Làm cho hết ruộng, hết trâu,
Một nhà chua xót, cả bầu no say.
Ngồi thử nghĩ, càng cay càng chát,
Thói chi mà bạc ác lắm thôi.
Hiền nhân, quân tử những người.
Đứng lên mà sửa tục đời cho chăng?

[VIII. CẢI TIẾN MÁY MÓC!]

Người ta chí loàn lăng[3] thế giới,
Trí càng ngày càng mới, càng sâu.
Trời cao, đất rộng mặc dầu,
Đua tài, sánh khéo biết đâu là ngần.
Một việc sửa trăm lần, ngàn lượt,
Để sau mà khôn trước mới là.
Phi cầu lại bịa phi xa[4],
Điện xưa có tuyến, nay đà không dây[5]

---

[1] *Đơm quảy*: Cúng đơm.

[2] *Hành trình phù trang*: "phù trang" là quà, hộp mang quà cáp.

[3] *Loàn lăng*: Nghĩa cũng như "lăng loàn", "lăng loàn" với nghĩa là làm đảo lộn, thay đổi thế giới, tác giả dùng đảo trang để bắt vần với "chăng" ở câu trên.

[4] *Phi cầu, phi xa*: "Phi cầu" cũng gọi "khí cầu", "Phi xa" : máy bay.

[5] *Điện không dây*: Vô tuyến điện.

Kể đôi việc gần đây cho biết,
Còn trăm nghề kể xiết ngần nào.
Máy dầu, máy điện,[1] *máy tàu,*
Năm nay khéo một, năm sau khéo mười.
Vậy mới biết lượng người như bể,
Của bằng non chẳng kể vào đâu.
Bỏ ra khắp Á, khắp Âu,
Dù may, dù rủi chẳng sầu lỗ thua.
Người nước mình ruột cua gan sứa[2]*,*
Chỉ lo co đủ bữa thì thôi.
Chim lồng cá chậu đua bơi,
Ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung.
Được một cái khum khum méo méo,
Đã ra tài cậy khéo khoe danh.
Nhãn tiền còn chẳng phân minh,
Biết đâu đến việc tày đình ở sau.
Đời trước thế, thời sau cũng thế,
Vật trăm năm giữ để trơ trơ.
Đồ đồng, đồ gỗ, đồ tơ,
Đồ sắt, đồ gốm so xưa kháchào.
Đặng mấy kẻ phú hào chí khí,
Dám đua gan đấu trí cùng ai?
Đua thì đua hại, đua tai,
Đua ăn tiệc lớn, đua xài bạc muôn.
Đấu những chuyện bán buôn quyền tước,
Vứt bạc tiền như nước bỏ không.
Còn như bá nghệ, canh nông,
Lợi to ích lớn một đồng chẳng li.
Ti máy gỗ cùng ti máy sợi,
Chở hỏa thuyền cho tới hỏa xa.
Lợi gần cho chí lợi xa,
Lợi gì cũng để người ta nó làm.

---

[1] *Máy dầu, máy điện*: Có lẽ tác giả muốn đề cập đến những phát minh về máy nổ: ngoài máy nổ chạy bằng hơi nước và bằng hơi nước và bằng xăng, còn có máy nổ chạy bằng dầu cặn của nhà phát minh người Đức R. Diesel (1858-1913) và máy nổ chạy bằng điện...

[2] *Ruột cua gan sứa:* Con cua, con sứa chẳng có ruột, gan bao nhiêu; tác giả dùng hình tượng này để chỉ người nước mình không có chí cao, không có gan lớn.

Thương ôi nỗi trời Nam, biển Quế[1],
Cũng là nòi trí tuệ, anh thông.
Sao cho gắng chí, gắng công,
Sao cho chẳng phụ con Rồng, cháu Tiên.

[IX. LÀM ĂN CÓ GIỜ CÓ GIẤC!]

Người ta cốt cần chuyên công việc,
Tiếc thì giờ hơn tiếc bạc vàng.
Chẳng cần kẻ tiện, người sang,
Giờ làm, giờ nghỉ chẳng tầng sai ngoa.
Trong bảy bữa đặt ra ngày lễ,
Để cho người nghỉ khoẻ tâm thần.
Nhà quê, kẻ chợ xa gần,
Giàu nghèo, lớn nhỏ, quan dân cũng đồng.
Nào là kẻ vườn bông thưởng cảnh,
Nào là người rước khách thăm quê.
Rượu trà, đờn địch thỏa thuê,
Chơi xong rồi lại quay về làm ăn.
Chơi mà lại có ngần, có tiết,
Chơi không hề bỏ việc, bỏ công.
Muôn vàn chẳng kẻ ngồi không,
Ai ai cũng phải đem công đổi tiền.
Người mình chơi lưu liên vong phản[2],
Chơi thì chơi cho chán, cho mê.
Chơi cho phá sản vong thê[3],
Chơi cho hết nghiệp hết nghề mới thôi.
Người làm đổ mồ hôi nước mắt.
Người chây lười chẩy xác chẩy thây.
Rượu chè, cờ bạc dắt dây,
Sinh ra trộm cướp khắp đầy chợ, quê[4].
Công việc bỏ lê mê lết mết,
Giữ làm ăn nề nếp mấy ai?

---

[1] *Biển Quế*: biển nước ta, người Trung Quốc trước đây gọi là *Quế Hải*, vì trước kia nước ta thuộc về vào quận Quế Lâm. *Trời Nam biển Quế* chỉ chung nước Việt Nam.

[2] *Lưu liên vong phản*: Liên miên, mê mải quên cả về nhà.

[3] *Phá sản vong thê*: Hết tài sản, mất vợ.

[4] *Chợ, quê*: Kẻ chợ, thôn quê, tức là thành thị và thôn quê.

Chơi mà chơi hại chơi tai,
Ngày giờ mất hết, tiền tài sạch không.
Kể chi lũ tay không lất bất,
Còn những nhà hoạn thất, phú gia[1].
Các ngài, các cậu, các bà,
Say mê bài bạc sa đà quanh năm.
Đầu thi mất tiền trăm bạc vạn,
Lâu rồi ra hết sản, hết nhà.
Thử xem trước mắt chúng ta,
Mấy ngài hết túi, mấy bà sạch tay.
Chơi như vậy có hay chi đó,
Túng rồi ra thắt chó, treo dê.
Tham lam bòn vét đủ bề,
Làm cho dân sự ê chề kêu van.
Ấy là thói dã man đệ nhất,
Làm sao cho bỏ đứt mới xong.
Ai ôi đừng có chết lòng,
Tỉnh rồi xin hãy trong vòng bước ra.

[X. KHÔNG MÊ TÍN DỊ ĐOAN!]

Người ta biết tạo ra thời thế,
Dựng cho nên mới kể anh hùng,
Miễn mình cố sức, cố công,
Nên hư cũng chắc ở trong tay mình.
Chấp tất cả thiên đình định số[2],
Cùng phước nhà đất nhỏ, đất to.
Cốt mình cầm vững tay co,
Dời non tát biển cũng cho làm thường.
Càng thua sút lại càng phấn trí
Chẳng chút nào thối chí sờn gan.
Xưa nay hào kiệt muôn vàn,
Đem thân đổi lấy giang san là thường.
Người mình không tự cường, tự miễn,
Chỉ mơ màng những chuyện hư vô.
Đổ cho tại mả, tại mồ,

---

(1) *Hoạn thất, phú gia*: Nhà làm quan, nhà giàu có.
(2) *Thiên đình định số*: Số định ở nhà trời, do trời.

Đổ cho số phận, đổ cho tại thời.
Việc gì cũng cầu Trời, khấn Phật,
Còn mình thì tính quẫn toan quanh.
Thượng lương, giá thú, xuất hành,
Trăm điều giữ lấy ngũ hành khư khư.
Việc nhỏ nhen còn hư như thế,
Chuyện bằng trời bằng bể biết sao?
Bỏ mình chẳng hỏi tí nào,
Hỏi ma, hỏi quỷ tin vào lỗ đâu!
Sao không nhớ những câu kinh thánh,
Quốc tương hưng tắc thính chư dân[1]
Dân ta là thánh là thần,
Bền gan, chắc dạ quỷ thần cũng kiêng.
Khuyên khắp cả thị thiềng, thôn xã,
Đừng tin càn, tin chạ mà bậy.
Thử xem các nước đông tây,
Xưa nay trời giúp loài ngây bao giờ?

[XI. LÀM VIỆC VÌ NƯỚC VÌ DÂN!]

Người ta chẳng tưởng mơ quyền tước,
Làm quan cốt giúp nước giúp dân.
Những người khanh tướng công thần[2]

Ai ai cũng phải lấy dân làm nề.
Nào là kẻ đủ bề tài trí,
Nào là người cả chí kinh luân.
Tiếng khen khắp cả xa gần,
Trong khi tuyển cử thì dân nó bầu.
Chẳng hề phải lòn sau cúi trước,
Cũng chưa hề lo ngược chạy xuôi.
Đến khi được chức, được ngôi,
Dẫu quan quyền nước, thực tôi dân nhà.

---

[1] *Quốc tương hưng tắc thính chư dân:* Nước sắp thịnh thì nghe ở dân, câu nói của Sử Ngân người nước Quắc, thời Đông Chu: "*Quốc tương hưng thính ư dân, tương vong thính ư thần*" (Nước sắp thịnh, vua nghe ở dân; nước sắp mất vua nghe ở quỷ thần).

[2] *Khanh tướng công thần*: "Khanh tướng": quan đại thần giữ chức lớn ở trong triều; "công thần": người bề tôi, ông quan có công lao lớn.

Chẳng khoe khoang vinh hoa chức tước,
Lo những điều ích nước lợi dân
Gặp cơn quốc chánh phân vân,
Một lời trái ý đem thân ra ngoài.
Lòng chẳng chút đoái hoài thương tiếc,
Coi công danh như chiếc dép xài.
Quyền cao lộc trọng mấy ngài,
Bỏ quan, bỏ chức ra ngoài công thương.
Ấy cũng là một gương tỏ rõ,
Để cho ta thử đọ mà coi.
Người mình không đức, không tài,
Ham quan, ham tước chen vai cúi đầu.
Cửa quyền môn mai chầu tối chực,
Đua chen nhau rạo rực như sôi.
Cửa tiền, cửa hậu lăn vùi,
Cùng ra đến lỗ giậu chui cũng lòn.
Mình được rồi, lo con, lo cháu,
Lạ lùng thay cái máu tham quan.
Lắm người thông thái khôn ngoan,
Chơi lâu cũng mắc lấy hoàn thuốc mê.
Coi càng ngày càng bê, càng dở.
Còn nhớ chi đến chữ công trung.
Dân nghèo, nước khó mặc lòng,
Cốt mình giữ đặng trong vòng ấm no.
Còn lắm kẻ bòn tro, đãi sạn,
May ra giàu bạc vạn, tiền muôn.
Chẳng đem tính việc bán buôn,
Bao nhiêu vét hết để thuồn[1] đi lo.
Lo cho được chức to, chức nhỏ,
Được rồi ra cau có với dân.
Chẳng câu kẻ phú người bần[2],
Treo hầu thắt họng cho thân được lời.
Cũng chẳng quản vốn mười lợi một,
Cốt sao cho rận rột ngựa xưa.
Kéo nhau từng bọn từng bè,
Bạc bài trót tháng, rượu chè quanh năm.
Biết đâu lúc một lầm hai lỡ,

---

[1] *Thuồn*: Dồn vào, bỏ vào.
[2] *Chẳng câu*: chẳng kể, không phân biệt, không trừ.

Ngồi tính ra vỡ nợ muôn vàn.
Đổ mê làm dỡ, làm càn[1],
Ai kêu, ai khóc, ai van mặc dầu.
Tới quan trên cúi đầu co cổ,
Về đến dân như hổ như lang.
Còn vác tiền mang bạc chạy rông.
Thương thay cái giống Lạc Hồng,
Đến cơ hội thế còn trông nỗi gì!

[XII. SẢN XUẤT NHIỀU MẶT HÀNG!]

Người ta biết đua thi tài trí,
Giành lợi quyền chẳng tí nhường ai.
Khí cơ vật dụng[2] *mười mươi,*
Làm cho tinh khéo để người mình mua.
Nghề càng ngày càng đua càng tới,
Vật càng ngày càng mới dễ coi.
Chở chuyên đi bán nước người,
Lợi trong đã được, lợi ngoài lại thêm.
Được nhiều lời càng thêm tư bổn,
Rộng bán buôn khắp bốn phương trời.
Càng nhiều vốn, càng nhiều lời,
Người mình thua sút với đời lắm thay

XIII. TỔ CHỨC Y TẾ TINH TƯỜNG!

Người ta lấy Phương y[3] *làm trọng,*
Chẳng dám hề hơ hỏng bỏ qua.
Bày ra y học chuyên khoa,

---

[1] *Làm dỡ, làm càn*: Cũng nghĩa như làm bậy làm bạ.
[2] *Khí cơ vật dụng*: máy móc và đồ dùng.
[3] *Phương y*: phải chăng là *phương y* (đơn thuốc, bài thuốc) trong Đông y?.

Có trường dạy chữa, có tòa dạy nuôi.
Dạy cho đủ đầu đuôi cặn kẽ,
Từ xem coi, mổ xẻ, chữa chuyên.
Phủ, tạng mạch lạc quán xuyên[1],
Bách hài, tứ thế vẽ viên rõ ràng[2].
Hàn thử châm[3] *coi đàng nóng lạnh,*
Kính hiển vi xét bệnh hào li.
Đồ lề máy móc tinh vi,
Thứ thì xem xét, thứ thì chữa chuyên
Thầy rặt đấng hồi thiên quốc thủ[4],
Chép y thư[5] *kể đủ bệnh nguyên.*
Nào là sâu độc, sâu hiền,
Chia môn, chia loại tinh nghiên[6] *tỏ tường.*
Cũng chưa hề nệ phương[7]*, nệ chứng*
Lợi không tin xung ứng, khắc sinh.
Vọng, văn, vấn, thiết[8] *phân minh,*
Phép nào cách ấy dụng tình mười phân[9].

---

[1] *Quán xuyên*: suốt hết, thông suốt.

[2] *Bách hài*: 100 cái xương, chỉ bộ xương người: "tứ thế": cũng như "tứ chi" chỉ hai tay và hai chân: "vẽ viên": vẽ ra, đầy đủ.

[3] *Hàn thử châm*: "Châm": cái kim, bây giờ gọi "hàn thử biểu", là cái ống dùng đo nhiệt độ, đo nóng lạnh.

[4] Câu này có nghĩa: Thầy thuốc toàn là tay giỏi trong nước có tài xoay trời.

[5] *Y thư*: Sách thuốc.

[6] *Tinh nghiên*: Nghiên cứu kỹ càng.

[7] *Phương*: Bài thuốc, cũng gọi là *phương thuốc Bắc* (Đông y) hay là *toa thuốc, đơn thuốc* (Tây y).

[8] *Vọng văn, vấn, thiết*: Bốn cách chẩn bệnh trong Đông y: "vọng": trông, "văn": nghe, "vấn": hỏi, "thiết": bắt mạch.

[9] Sau câu 468, bản in của Lê Ấm có thêm 4 câu:

Phương thuật dẫu chưa thần chưa thánh.
Ít ra là biết tránh sát nhân.
Người mình thua sút muôn phần.
Anh em ta phải đua chân mới là.

TỈNH QUỐC HỒN CA II

GIỚI THIỆU

Di cảo quốc ngữ *Tỉnh quốc hồn ca II*, gồm 20 trang viết tay, nay vẫn còn lưu giữ tại gia đình tác giả [1]. Các nhà viết tiểu sử Phan Châu Trinh cũng như các nhà nghiên cứu đều cho rằng *Tỉnh quốc hồn ca II* được viết vào năm 1922. Tuy tác giả không ghi năm làm, nhưng trong bài ca có những đoạn hoặc nhắc đến hội chợ Mácxây được mở ra sau "bốn năm giặc giã"[2] hoặc nhắc đến cuộc viếng thăm nước Pháp của các đoàn đại biểu gồm các nghị viên Hội đồng thành phố Hà Nội[3], hay của vua Khải Định[4], chứng tỏ *Tỉnh quốc hồn ca II* được viết trong năm 1922, nhưng chắc là sau vụ tác giả viết thư kể tội Khải Định, tức là trong khoảng từ tháng 9 đến tháng 12 năm 1922[5]. Ta biết từ đầu năm 1922 đến giữa tháng 3 năm 1923, Phan Châu Trinh sống tại Mác-xây, do đó cũng như *Thư thất điều* (thư kể tội vua Khải

---

[1] *Di cảo* này là một tập vở học trò, giấy kẻ ngang, còn bìa, gồm 80 trang, khổ 12 x 22 cm, tuy có bị mối mọt ăn những trang đầu, nhưng không mất chữ. Toàn tập gồm 3 phần: a) (tr.1-10): Đề cương một quyển sách bàn về chính sách Việt Nam, tuồng như không phải của Phan Châu Trinh; b) (tr.11-32): Di cảo *Tỉnh quốc hồn ca II*, chữ viết tay của tác giả; c) (tr 33-83): Bản sao tiểu sử Phan Châu Trinh do Huỳnh Thúc Kháng soạn, phần này mới được chép vào sau, có lẽ vì thừa giấy.

Về 20 trang *Tỉnh quốc hồn ca II*, thì ở trang đầu chỉ ghi *Tỉnh quốc hồn ca*, không phân biệt I hay II. Nếu trong *Tỉnh quốc hồn ca I* tác giả viết những câu song thất lục bát liền nhau như văn xuôi, thì ở đây tác giả viết mỗi câu một dòng riêng, lại còn phân biệt những câu lục, câu thất câu bát cách lề xa gần khác nhau. Chữ viết trong *di cảo* trông cứng cáp, thiếu vẻ mềm mại, đều đặn ở trong các di cảo *Tây Hồ thi tập* và *Xăngtê thi tập* viết 7, 8 năm trước. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với những di cảo viết cùng thời như bản dịch *Thư thất điều* hay thư gửi cho Xa-rô, thì thấy đúng là chữ của Phan Châu Trinh.

[2] *Tỉnh quốc hồn ca II* câu 309-312.

[3] *Tỉnh quốc hồn ca II*, câu 329-336. Đoạn này gồm các đại biểu như: Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn... sang Pháp từ tháng 3-1922 đến tháng 8-1922.

[4] *Tỉnh quốc hồn ca II* câu 341-344, Khải Định sang đến Pháp ngày 21-6-1922 và rời Pháp ngày 6-8-1922.

[5] Từ tháng 2-1922, Phan Châu Trinh đã biết tin thực dân sắp đưa Khải Định sang Pháp. Từ đó, ông bận rộn viết báo, vận động dư luận để ngăn cản. Sau khi viết *Thư thất điều* (ngày 14-7-1922), ông còn bận dịch thư ấy ra tiếng Pháp để gửi cho báo *Nhân đạo* ngày 1-8-1922. Trong tháng 8-1922, ông còn diễn thuyết 3 đêm (10.24.27) tại Marseille.

Định), *Tỉnh quốc hồn ca II* được viết tại Mác-xây, một cảng ở cực nam nước Pháp.

Giáo sư Huỳnh Lý cho biết ông có tài liệu để xác định bài *Tỉnh quốc hồn ca II* được đăng ở báo *Việt Nam hồn* năm 1925, tại Pháp[1]. Sự thật có thể như vậy. Nhưng ở trong nước, từ năm 1926 cho đến nay, mặc dầu *Tỉnh quốc hồn ca I* được xuất bản năm 1945, mặc dầu di cảo còn nguyên đó, nhưng *Tỉnh quốc hồn ca II* vẫn chưa hề được công bố trọn vẹn[2].

Tuy chưa được công bố, nhưng *Tỉnh quốc hồn ca II,* cũng đã được ông Lê Ấm biên soạn thành một bản chép tay, căn cứ vào di cảo của tác giả[3]. Lại từ việc biên soạn này, mà có vấn đề sửa chữa hay thêm bớt văn của tác giả. Cũng như trong *Tỉnh quốc hồn ca I,* sự sửa chữa, thêm bớt được thực hiện ngay trên di cảo, cần phải tinh ý phân biệt mới có thể nhận thấy[4].

Trong khi công bố bài *Tỉnh quốc hồn ca II,* chúng tôi vẫn xem bản viết tay của ông Lê Ấm là một tài liệu tham khảo tốt, nhưng chúng tôi cố gắng loại bỏ những sửa chữa, thêm bớt không phải là của tác giả.

Theo *di cảo*, thì *Tỉnh quốc hồn ca II* gồm 500 câu thơ song thất lục bát. Toàn bài có thể chia làm 6 đoạn, 5 đoạn sau là những đoạn lớn. Trong đoạn mở đầu (câu 1-12), tác giả nhắc lại quá khứ vẻ vang, lịch sử oai hùng của dân tộc ta. Trong đoạn 2 (câu 13-68), tác giả chỉ trích nhà Nguyễn ngu dốt, nhắm mắt bắt chước luật pháp dã man, khoa cử hủ bại của nhà Thanh, còn vua quan thì chỉ biết đàn áp, bóc lột dân đen, cuối cùng làm cho nước ta mất vào tay thực dân Pháp. Trong đoạn 3 (câu 69-184), tác giả nói nhân dân ta đã hy sinh nhiều mồ hôi, xương máu và tiền của cho nước Pháp trong trận chiến tranh thế giới, là cốt mong được cải cách lên đường văn minh tiến bộ, nhưng xét ra thực dân chỉ hứa hẹn suông, lại còn đối xử tàn tệ, bất công với những lính tùng chinh bên Pháp trở về. Trong đoạn 4 (câu 185-264), tác giả chỉ trích chính sách cai trị dã man, tàn ác của thực dân Pháp tại nước ta: thực dân đã đầu độc dân ta bằng thuốc phiện rượu nồng, đã bóc lột dân ta bằng đủ sắc thuế (thuế buôn bán, thuế muối, thuế đinh, thuế điền...), đã bắt bớ, giam cầm các sĩ phu yêu nước, lại còn làm ngu dân ta bằng báo chí lăng nhăng, học hành không ra trò... Trong đoạn 5 (265-384), tác giả chỉ trích thực dân đàn áp kiều bào ta ngay trên đất Pháp (như lập Sở kiểm soát thợ thuyền, Sở sinh kế Đông Dương...), chỉ trích thực dân hoặc bày các trò hề tốn tiền (như mở hội chợ Mác-xây), hoặc làm nhục quốc thể nước ta (như

---

[1] Huỳnh Lý. "Quá trình phát hiện quyển truyện thơ *Giai nhân kỳ ngộ*", Bđd.

[2] Báo *Tân thế kỷ*, từ số 54 đến số 67 (ngày 6-21.1.1927) có lục đăng *Tỉnh quốc hồn ca II,* nhưng bị kiểm duyệt bỏ, chỉ còn 310 câu. (Xem Huỳnh Lý, *Thơ văn Phan Châu Trinh, Sđd*, tr.258).

[3] Tài liệu này là một tập vở, gồm 20 trang, khổ 12 x 22cm, tình trạng tốt. Ông Lê Ấm căn cứ vào *di cảo*, nhưng cũng có sửa chữa và bỏ bớt.

[4] Trong *di cảo*, Phan Châu Trinh có sửa chữa nhiều, có đoạn bỏ hẳn (như đoạn 12 câu sau câu 300), có đoạn bỏ mà viết lại (như các đoạn gồm những câu 189-192, 253-260, 339-342), có đoạn viết thêm vào (như các đoạn gồm những câu 153-156, 217-236). Tuy nhiên, có chỗ bị chữa, nhưng nét chữ rõ ràng không phải của tác giả, mà có lẽ của ông Lê Ấm, như trong các câu 56, 75, 91, 309, 310, 316, 329, 330, 336, 337, 398-404... Những câu này, người biên soạn dùng lại *câu chữ gốc* của tác giả, chỉ sửa lỗi chính tả mà thôi.

đưa các đoàn đại biểu, đưa Khải Định sang Pháp).Trong đoạn cuối (câu 385-500), tác giả chỉ trích cái học mới đang còn lông bông của một số người, ra sức kêu gọi một sự hợp tác Pháp Việt và đề nghị một chính sách tự trị cho nước Việt Nam.

Nếu trong *Tỉnh quốc hồn ca I*, Phan Châu Trinh viết cho đồng đảo nhân dân Việt Nam để hô hào cuộc duy tân tự cường, thì trong *Tỉnh quốc hồn ca II*, ông viết cho một đối tượng có khác và với những ý đồ khác.

Ta biết sau khi cuộc thế chiến thứ nhất chấm dứt, được vững chân ở Đông Dương, với những cơ quan ngôn luận đồ sộ, với những tên bồi bút tương đối đắc lực, thực dân Pháp đã khôn khéo che đậy tội ác của chúng bằng cái bình phong quân chủ, bằng chiêu bài khai hóa. Phan Châu Trinh đã vạch trần tội ác của thực dân và tay sai qua các tác phẩm chữ Hán như *Thư gửi chính phủ Pháp, Đông Dương chính trị luận, Thư thất điều*... Nhưng đó là những tác phẩm khó đọc, ít được phổ biến[1]. Nay qua *Tỉnh quốc hồn ca II* với những vần thơ dễ hiểu, dễ nhớ nhưng không kém phần sâu sắc, quyết liệt, ông muốn cho kiều bào ta tại Pháp, nhất là những binh lính và thợ thuyền, thấy rõ vua tôi triều Nguyễn đã thoái hóa, đã phản động như thế nào, muốn cho họ thấy rõ thực dân đã lừa bịp, đã đàn áp, bóc lột nhân dân ta như thế nào. Gây một ý thức chính trị cho kiều bào để lôi kéo họ ủng hộ đường lối chính trị của mình, đó là một ý đồ của Phan Châu Trinh khi viết *Tỉnh quốc hồn ca II*.

Ta lại biết sau khi cuộc thế chiến thứ nhất chấm dứt, Phan Châu Trinh đã có ý định trở về nước hoạt động. Bị thực dân cấm cản trên đất Pháp lần nữa, Phan Châu Trinh cũng có cách hoạt động của ông. Tựu trung, ông vẫn chủ trương đường lối "cậy Pháp tự trị" mà ông cho là "có nhiều sự hay hơn là nhiều cái dở"[2]. Năm lần bảy lượt vận động với Xa-rô, với Bộ thuộc địa không có hiệu quả, nhưng ông vẫn không lùi bước[3]. Nay qua *Tỉnh quốc hồn ca II*, ông lại viết thư đề nghị một *chính sách tự trị*. Để cho thực dân chấp nhận chính sách tự trị, trong mấy phần đầu bài ca, Phan Châu Trinh đã

---

[1] "Trong buổi nói chuyện thứ 3 vào tối 27-8-1922 tại Mác-xây, trước khoảng 50 thủy thủ hâm mộ, Phan Châu Trinh và Nguyễn Minh Quang đã diễn *Thư thất điều* ra tiếng Việt, bằng những lời hợp với trình độ người nghe". (*Báo cáo mật ngày 9-9-1922 của Sở kiểm soát thợ thuyền gửi Bộ thuộc địa*).

[2] "Từ xưa tới nay tôi cứ cho cái phương pháp của tôi có nhiều sự hay hơn nhiều cái dở, vì rằng nước mình trên có chánh phủ bảo hộ trông, dưới là một bầy tham quan lại nhũng, học thức trong đám dân chúng kém cỏi, thì còn gì tốt lành bằng cái tôi dựa vào lý thuyết nhân quyền để mà cổ động sĩ khí dân tình, tôi thực hành cái phương pháp ấy thì tôi làm cái lối khẩu thuyết vô bằng mà hô hào quốc dân đồng bào đồng tâm hiệp lực, kết đoàn hợp xã, dân tình thức tỉnh, kháng thuế cự sưu, tố giác tham quan lại nhũng, lại bất hợp tác từ cái này đến cái nọ, đến chừng đông tay vỗ nên bộp mà đoạt lại lợi quyền" (*Thư gửi Nguyễn Ái Quốc*, Mác-xây, ngày 18-2-1922).

[3] "Tôi xin nói thật với các anh, tôi đã bỏ hai phần đời người tôi để tìm lấy thuốc mà chữa nước nhà, thông minh tôi tuy kém, tài trí tôi tuy hèn, nhưng trong lúc giao thời này, tôi có thể dám nói rằng: cái trách nhiệm với nòi giống của dân tộc Việt Nam, tôi không nhường cho ai được cả..." (*Thư trả lời anh Đông*, Pa-ri, ngày 24.1.925).

không ngại vuốt ve thực dân bằng những lời đường mật[1]; ở cuối bài ca, ngoài những lời vuốt ve, ông còn giở giọng ca tụng nước Pháp, dân Pháp, có khi doạ dẫm, có khi vừa dọa vừa to nhỏ nhủ khuyên[2]; nói tóm lại là ông tìm đủ cách để nói, hầu làm cho thực dân xiêu lòng. Qua những lời trao gửi với nhân dân Pháp nói chung, với thực dân Pháp nói riêng, Phan Châu Trinh muốn tranh thủ một thái độ có lợi cho những hoạt động chính trị của ông. Đại khái, ông muốn nói: Các anh đàn áp bóc lột nhân dân tôi như thế đó, nhưng tôi vẫn kêu gọi đồng bào tôi hợp tác với các anh. Thế thì tại sao các anh không ủng hộ tôi, không sớm cho tôi về nước để chủ trương đường lối hợp tác Pháp-Việt? Cố nhiên, bọn thực dân cũng biết đường lối hợp tác của Phan Châu Trinh là nguy hiểm, những lời đường mật của ông là không đáng tin, cho nên chúng không để cho ông thực hiện được mưu kế của mình[3].

Sự thật có phải như vậy hay không? Cái đó còn tùy sự tìm hiểu và phê phán của các nhà nghiên cứu. Dẫu sao, đối với phần đông chúng ta, khi đọc đến những câu như "*Quyết theo thầy dạy dỗ học đòi*" hay "*Lòng ta quyết một nhớ ơn quên thù*", thì chắc ai cũng lấy làm chối tai, lấy làm khó nghĩ[4]. Phải chăng vì vậy mà tuy vẫn còn đó, nhưng *di cảo* lại được con cháu cất kín trong rương, không công bố cho người đời thưởng thức?

Cũng như trong *Tỉnh quốc hồn ca I*, trong bài này Phan Châu Trinh vẫn là bậc thầy trong cách dàn dựng đoạn mạch của toàn bài ca, trong cách sắp xếp ý tứ chi tiết của mỗi đoạn ca. Câu văn, nhìn chung, vẫn trôi chảy, khúc chiết, phân minh. Ở một vài đoạn trong đó tác giả giãi bày chính kiến, như đề cao thực dân hay kêu gọi sự hợp tác Pháp Việt, thì ngôn ngữ của tác giả có phần thiếu ý vị, thiếu nhuần nhuyễn. Trong những đoạn còn lại, Phan Châu Trinh luôn luôn sử dụng những từ đích đáng, sâu sắc, những hình tượng cụ thể, để mô tả kiếp sống gian nan nguy hiểm của những binh lính thợ thuyền Việt Nam sang tòng chinh tại Pháp, hoặc nói lên nỗi khốn khổ điêu linh của nhân dân Việt Nam dưới ách bóc lột, kềm kẹp của thực dân không những ở nước ta mà ngay cả trên đất Pháp.

NGUYỄN VĂN DƯƠNG

---

[1] *Tỉnh quốc hồn ca II*, câu 73-78, 89-96.

[2] Vuốt ve như trong các câu 429-436, 441-444, 489-500; ca tụng như trong các câu 413-426, 465-469; doạ dẫm như trong các câu 437-440, 445-448: vừa doạ vừa khuyên nhủ như trong các câu 461-464.

[3] Đến giữa năm 1925, thực dân mới cho Phan Châu Trinh về nước. Sau đây là *bức điện* không ghi ngày, ký tên Ăng-đơ rê Het-xơ gửi khâm sứ Trung Kỳ: "Phan Châu Trinh xuống tàu ngày 28 tháng 5 cập bến Sài Gòn về nước với đặc ân như người nghèo khó, không nhập Pháp tịch cũng không có hứa hẹn phụ cấp. Yêu cầu khâm sứ Trung Kỳ báo cho Hoàng đế biết".

[4] Có thể dẫn thêm bốn câu cuối (c. 497-500) đã bị ông Lê Ấm muốn gạch bỏ trong *di cảo*.

Một tung hô Lang Sa vạn tuế,
Hai vang hô vạn tuế Việt Nam,
Sao cho hai nước đồng tâm,
Bỏ cả trường hận chép ngâm thái bình.

[I. MỘT DÂN TỘC HÀO HÙNG]

Ngồi mà nghĩ: con Hồng cháu Lạc[1],
Trước vẻ vang, rân rát[2] *dường bao!*
Nam lấy Chiêm, bắc cự Tàu,
Cao-mên, Lào-ốt thâu vào một tay.
Núi Tản-lĩnh cao tày non Thái[3],
Sông Mê-công một dải Trường Giang[4].
Hơn hai mươi triệu dân vàng,
Ông cha nảy nở, họ hàng đúc đông.
Thiệt là giống hào hùng khí phách,
Nảy lắm tài luyện thạch bổ thiên[5].
Nâng vạc ngã, chống nhà nghiêng,
Oai danh lừng lẫy ghi truyền sử xanh.

[II. TỐ CÁO NHÀ NGUYỄN NGU DỐT]

Hiềm vì nỗi học hành sai lối,
Thóc vứt đi, rơm bổi quơ về.
Sai lầm từ thuở nhà Lê,
Bước qua nhà Nguyễn sa bê dần dần.
Phép luật đủ mười phần thao thiết[6].
Mượn của người chẳng biết nghĩ xa.
Người dùng độc, thuốc người ta,

---

[1] *Con Hồng cháu Lạc*: Xem chú thích câu đầu bài *Tỉnh quốc hồn ca I*.

[2] *Rân rát*: rầm rộ, đông đảo mạnh mẽ.

[3] *Núi Tản Lĩnh*, núi Tản Viên, cũng gọi là núi Ba Vì ở tỉnh Sơn Tây, bên cạnh sông Đà. "Non Thái": núi Thái Sơn ở tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, được người xưa coi là ngọn núi cao nhất.

[4] *Trường Giang*: Cũng gọi là Dương Tử Giang, con sông dài nhất Trung Quốc: 5.080km. Trong hai câu 5, 6 tác giả nói nước ta cũng có núi cao sông dài như Trung Quốc.

[5] *Luyện thạch bổ thiên*: luyện đá vá trời, chữ lấy trong truyền thuyết về Nữ Oa, em gái vua Phục Hy luyện đá ngũ sắc vá trời khi trời thủng.

[6] *Thao thiết*: ép buộc, gò bó.

Mình đem về để thuốc bà, thuốc con[1].
Cấm chẳng được hỏi đon việc nước,
Cấm chẳng cho ao ước thở than.
Thời văn, ba họ hàm oan[2],
Công thần như thế, ai còn hở môi?
Người cương trực[3] *lo lui bước trước,*
Lũ nịnh tà sấn sướt đầy sân;
Vua tôn như thánh như thần,
Phận tôi rơm rác, thân dân trâu bò!
Khoa cử cũng lò mò bắt chước,
Đi càng ngày càng lạc, càng xa.
Con ta chẳng học sử ta,
Bắt ra học những chuyện nhà người dưng.
Đạo Khổng Mạnh lấy dân làm chủ[4],
Nghĩa vua dân giải đủ gần xa.
Từ khi cử nghiệp thiết khoa[5],
Năm Kinh, bốn Truyện[6] *hóa ra tro tàn.*
Nay xem thử triều ban quốc chế[7],
Việc chi không đại để tập Tần[8]*?*
Vậy mà học sĩ văn nhân,

---

[1] Bốn câu từ câu 17-20 ám chỉ việc Gia Long mô phỏng pháp luật của nhà Thanh, vốn là thứ luật hết sức hà khắc mà người Mãn Châu dùng để thống trị người Hán; nay Gia Long lại sao chép mô phỏng để thống trị nhân dân Việt Nam. Có lẽ luận án tiến sĩ của luật sư Phan Văn Trường đã nêu ra những khuyết điểm trên đây của bộ luật Gia Long.

[2] Chỉ vụ án văn tự Nguyễn Văn Thuyên, con của Nguyễn Văn Thành, công thần bực nhất của Gia Long. Thuyên có làm bài thơ "Cầu hiền" gửi cho các bạn ở Thanh Hóa, trong có câu "Giúp nhau xoay đổi cơ hội này". Có người đem thơ ấy cáo giác. Triều đình nghĩ Thuyên cố ý làm phản, kết án xử tử. Nguyễn Văn Thành phải uống thuốc độc tự tử. Giáo sư Huỳnh Lý nhấn mạnh rằng Nguyễn Văn Thuyên không bị xử "tru di tam tộc" như các chữ "ba họ hàm oan" trong câu thơ.

[3] *Cương trực*: "Cương": cứng, "trực": thẳng, cứng cỏi và ngay thẳng.

[4] *Lấy dân làm chủ*: Tác giả vốn viết *Tôn sùng dân chủ*, sau có dấu sửa lại như trên. - Về ý "lấy dân làm chủ" thì thật ra Mạnh tử chỉ mới có tư tưởng "quý dân": nghĩa là người trị dân phải biết săn sóc dân, vuốt ve dân, chứ chưa hề xướng lên tư tưởng dân làm chủ.

[5] *Cử nghiệp thiết khoa*: Đặt ra các khoa thi cử; "thiết" đặt, lập ra.

[6] *Năm Kinh, bốn Truyện*: Chỉ các kinh điển của nho gia Trung Quốc, "Năm kinh" là *Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu*. "Bốn truyện" là *Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử*.

[7] *Triều ban quốc chế*: Chế độ, luật lệ trong nước do triều đình ban ra.

[8] *Tập Tần*: Bắt chước nhà Tần, một triều đại chuyên chế bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Thuấn Nghiêu sánh đức, thánh thần ngợi công.
Phép luật thế, học cùng như thế,
Mấy trăm năm lưu tệ[1] *đến đâu!*
Vua ngồi thăm thẳm cung sâu,
Một đời chỉ biết đè đầu dân đen.
Dưới đại thần đua chen tước lộc,
Ngoài trăm quan trì trục thân danh.
Cúi lòn đút lót, đủ vành,
Làm quan cốt để rán sành dân ngu.
Thói tham lam nhuộm sâu đến tủy,
Máu ham quan như đĩ ham tiền;
Đua tranh những việc nhãn tiền,
Biết đâu nghĩa vụ công quyền là đâu!
Biết đâu đến người Âu, người Mỹ,
Cốt thân mình phú quý là xong.
Trời cao thực khéo nỡ lòng,
Xách ta tha ních[2] *giữa vòng đấu tranh.*
Nước Đại Pháp binh tinh, tướng mạnh,
Mấy trăm năm cường thạnh cõi âu.
Dò la quen biết đã lâu,
Phen này chí quyết tóm thâu cõi bờ.
Trên vua đã lờ mờ như ngủ,
Ngày trót đêm, vịnh phú ngâm thi[3].
Bá quan văn võ[4] *biết chi,*
Trung thành chỉ có lạy quỳ mà thôi.
Đánh cũng chết, hòa rồi cũng chết,
Bốn mươi năm gió quét sạch không.
Ông cha gầy dựng non sông,
Mà nay nông nỗi, đau lòng xiết bao!

---

[1] *Lưu tệ*: Những nỗi xấu xa để lại đã lâu.

[2] *Tha ních*: "ních" là chất vào, nhét vào như trong câu "ních cho nhiều hành khách".

[3] *Vịnh phú ngâm thi*: thi (hay thơ) và phú là hai thể văn rất được các nhà nho thích làm vào thời khoa cử. Câu này ám chỉ vua Tự Đức là ông vua sính làm thơ văn nhưng không có tài trị nước, cuối cùng để nước mất vào tay quân Pháp.

[4] *Bá quan văn võ*: "Bá": trăm, "bách" cũng đọc là "bá", hàng trăm quan văn và quan võ (tại triều đình).

[III. TỐ CÁO THỰC DÂN LỪA PHỈNH SAU CHIẾN TRANH]

Song những kẻ lo sâu, nghĩ kỹ,
Mình xét mình, ngẫm nghĩ mà coi!
Nên hư chẳng bởi người ngoài,
Xưa nay thịt thối, thì giòi mới sinh!
Vậy những nỗi bất bình xin bỏ,
Quyết theo thầy dạy dỗ học đòi;
Dầu mà cho vọt cho roi,
Gian nan đau đớn cũng coi làm thường.
Vì chí quyết lên đường tấn bộ,
Phải nhờ tay tế độ mới xong.
Kìa xem trong cõi Á Đông,
Trung Hoa, Nhật Bản cũng dòng giống ta.
Nhìn ngoái lại Xiêm La[1] gần đấy,
Phi-Liệp-Binh chẳng mấy nhiêu xa[2].
Trông người lại ngắm vào ta,
Thiên đường, địa ngục cách xa muôn vàn!
Rủi cơn bão, sóng tràn như thấy,
Biết lấy chi vùng vẫy với đời.
Thầy khôn dù sức đủ mười,
Tớ ngu thôi cũng chịu người chuyền tay.
Biết bao nỗi đắng cay chua xót,
Ngày trông thầy thấm thót[3] đòi cơn.
Biết bao chuốc dữ cứu hờn.
Lòng ta quyết một nhớ ơn quên thù!
Xem trong lúc mấy thu giặc giã,
Sóng cõi Âu rúng cả hoàn cầu;
Người xui ta phải trả thù,

---

[1] *Xiêm La* :Tên cũ của nước Thái Lan bây giờ.

[2] *Phi Liệp Binh*: cũng gọi Phi-luật-tân.

[3] *Thấm thót*: Cũng như thấm thoát, thấm thoắt: dùng *thót* có lẽ dễ hợp vần *xót* ở trên.

Mà ta giữ vẹn khu khu lòng thành[1]*!*
Nào là kẻ đầu binh, ứng mộ,
Vòng đạn tên ruột để thây rời
Xưởng công binh nấu sắt nung đồng;
Xiết bao độc nhiễm thuốc xông.
Rủi ro phút chốc bỏ không một đời!
Nào là kẻ vận dời binh khí,
Cuộc tử sinh một tí rủi may;
Bất kỳ đạn lạc, tên bay,
Còn ai biết đến chút thây lạc loài!
Người thì rán ra vai cày cuốc,
Để giúp người trong cuộc nông tang[2]*;*
Hay đâu thủy thổ bất thường,
Mồi côi để dấu đoạn trường phương xa!
Người thì quyết xông pha sóng gió,
Để giúp cơn khốn khó bể khơi;
Hay đâu trận mạc bất thời,
Thân bèo phú mặc nước trời mênh mông[3]*!*
Kể sao xiết não nồng đau đớn,
Mấy trăm ngàn hảo hớn Nam bang[4]*!*
Lạnh lùng mấy nắm xương tàn,
Chiêm bao còn hãy mơ màng hồn quê!

---

[1] *Khu khu*: Cũng như *khư khư*, dùng *khu khu* có lẽ dễ hợp vần *thu* ở trên. Ta phải hiểu rằng tác giả viết mấy câu như "Quyết theo thầy dạy dỗ học đòi" (câu 74), "lòng ta quyết một nhớ ơn quên thù" (câu 92). "Mà ta vẫn giữ khu khu lòng thành" (câu 96), một phần để vuốt ve thực dân nhằm tranh thủ một thái độ có lợi cho đường lối hoạt động chính trị "ỷ Pháp" của ông, phần khác để về sau ông tố cáo sự lừa phỉnh, bội bạc của thực dân cho được mạnh mẽ, sắc bén hơn.

[2] *Nông tang*: Nghề làm ruộng, trồng dâu.

[3] Năm đoạn nhỏ thuộc 20 câu trên đây (c 97-116) là bức tranh đen tối vẽ lại kiếp sống của năm hạng lính mộ (chiến sĩ, công binh, dân công, nông dân, thủy thủ) đã sang lăn lộn, tới bỏ mình khắp nơi trên đất Pháp trong trận đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918).

[4] *Hảo hớn Nam bang*: Cũng gọi "hảo hán Nam bang": những chàng trai dũng cảm của nước Nam.

Lúc tấu khải[1], ai về đâu đấy,
Thảm thương thay biết mấy muôn nhà!
Thẩn thơ mẹ yếu cha già,
Mai chiều dựa cửa trông ra ven trời!
Còn một nỗi con côi, vợ góa,
Kể sao cùng vất vả linh đinh!
Phải đâu nẻo lợi đường danh,
Vì đâu nên nỗi dứt tình biệt ly?
Ấy tình cảnh người đi như thế,
Xin nhắc qua những kẻ ở nhà;
Biết bao phú hộ danh gia[2],
Tiền nghìn bạc vạn trao ra không màng.
Thương những kẻ nghèo nàn thiếu thốn,
Thuế cùng sưu khốn đốn quanh niên.
Vẳng nghe lệnh xuống quyên tiền,
Ít nhiều tom góp nộp tiền cho quan.
Vợ con chịu cơ hàn lạc phách[3],
Anh em đều đói rách khó khăn;
Vì ai nhịn mặc, nhịn ăn,
Vì ai nên nỗi đành quăng của tiền?
Của tiền mất hàng thiên hàng vạn,
Máu mủ trôi lai láng biết bao!
Cũng vì một dạ ước ao,
Giúp thầy cho trọn trước sau cùng thầy:
Ước chánh trị càng ngày rộng rãi,
Dắt ta theo vào cõi văn minh.
Hiến chương pháp luật ban hành,
Nói năng nghĩ ngợi thỏa tình tự do.
Ước học hành mở cho xứng đáng,
Đừng vẽ hình vẽ dạng cho qua;
Công thương, kỹ nghệ chuyên khoa,
Trí tri, cách vật[4] cho ta theo cùng;

---

[1] *Tấu khải*: Chiến thắng mà hát bài ca khải hoàn.

[2] *Phú hộ danh gia*: "Phú hộ": người giàu có: danh gia: người có tiếng, ở đây chỉ những người đỗ đạt ra làm quan.

[3] *Lạc phách*: Sợ hãi quá mất vía. Cũng có nghĩa là mất tinh thần, chán nản.

[4] *Trí tri, cách vật:* "Trí tri" :suy xét cho thấu cùng cái mình biết: "cách vật" : tìm biết đến cùng các sự vật.Chữ trong sách *Đại học*, ý nói biết đến nơi đến chốn, ở đây chỉ các ngành khoa học lý thuyết cao.

Cuộc điều dưỡng khắp trong dân sự,
Nẻo giao thông tứ xứ sơn lâm;
Làm cho bá tính yên tâm,
Làm cho sinh kế càng năm càng giàu.
Ước như thế đặng đâu như thế,
Đã mấy năm treo trẽ[1] đến nay.
Thỏ khôn vừa đã đến tay,
Chó săn sống cũng mua ngày mà thôi[2].
Lời vắn vó[3] như lời nói phỉnh!

Buộc ta còn tín kính[4] làm sao?
Phần thì thêm thuế thêm sưu,
Trăm điều cũng cứ đè đầu như xưa.
Cách giàm buộc như ngừa đạo tặc[5],
Thấy những điều nghiêm khắc mà ghê.
Thử xem trong lúc lính về,
Hành hà[6] đày đọa chán chê trăm phần.
Lục cho đến manh quần, tấm áo,
Xét cho cùng mảnh báo, phong thư!
Bạc tiền gạn đến của tư,
Chận đồ, xiết đạc cầm như quân tù!
Câu nhân đạo và câu chánh lý,
Đổi thay nhau một tí trơ tay[7].
Thân này chẳng chết là may.
Sống về để chịu đoạ đày vậy ư?
Tiền ban cấp đợi chờ khốn khổ,
Ngày chực chầu như lũ ăn xin,

---

[1] *Treo trẽ*: Bị treo và buông thõng xuống. Ở đây có nghĩa là để lơ lửng, dễ kéo dài.

[2] *Thỏ khôn... chó săn*: Nuôi chó cốt để bắt thỏ, hễ thỏ đã chết thì chó bị thui: chỉ trích thái độ bội bạc của người đời. Ngày xưa Phạm Lãi giúp cho Việt vương Câu Tiễn trả thù được nước Ngô, vừa thành công thì bỏ nước Việt mà đi, để thư lại cho bạn, có câu: "Chim bay hết thì cất cung tốt: thỏ khôn chết thì thui chó săn: nước địch phá thì bỏ mưu thần". Từ câu này trở đi, tác giả bắt đầu tố cáo sự lừa phỉnh, bội bạc của thực dân đối với nhân dân ta sau chiến tranh.

[3] *Lời vắn vó*: Cũng như lời gắn bó, tứclà lời giao ước, hứa hẹn.

[4] *Tín kính*: Tin tưởng và kính trọng.

[5] *Đạo tặc*: Ăn trộm và giặc cướp.

[6] *Hành hà*: Tức hành hạ, đọc "hà" vì tiếng thứ hai câu bắt phải luật bằng.

[7] *Trơ tay*: Chẳng có gì.

Mấy tuần chưa gọi đến tên,
Lãnh rồi chẳng đủ trả tiền tiêu pha!
Người ai cũng xương da máu thịt,
Sự bất công, đau ít tủi nhiều.
Có nhân mới có thương yêu,
Bao nhiêu cay nghiệt, bấy nhiêu oán thù!

[IV. TỐ CÁO THỰC DÂN BÓC LỘT, ĐÀN ÁP NHÂN DÂN TA]

Nghĩa đồng bào, tự do bác ái,
Lòng Lang Sa[1] *rộng rãi biết bao.*
Các anh thuộc địa lòng nào?
Làm hùm làm hổ khác nhau lạ lùng!
Loại thuốc phiện, rượu nồng đốt ruột,
Luận lẽ thường là thuốc sát nhân;
Văn minh các nước cấm ngăn,
Mà ta cứ để uống ăn như thường!
Tiệm buôn bán ngày càng mở rộng,
Cốt thuế nhiều chết sống mặc ai;
Hại thay những độc hết nòi,
Trời sinh riêng để phạt loài giống ta!
Thuế ruộng muối nói ra càng ngán,
Nó thực là thổ sản quốc dân.
Nước ta quanh bể vô ngần,
Lợi to, tính cũng vài phần tại diêm[2].
Vậy mà lập phép nghiêm cấm tất,
Biết bao nhiêu là đất bỏ hoang.
Thừa ra chỉ một vài khoang,
Bán mua, thôi cũng như tuồng giựt không!
Mua một đồng, mười đồng bán lại,
Gẫm dân ta thiệt hại biết bao;

---

[1] *Lang Sa*: Nói tắt từ chữ "Pha Lang Sa", dịch âm chữ France, là tên nước Pháp, thông dụng ở nước ta vào thời Nguyễn.

[2] *Diêm*: Chữ Hán, "diêm" có nghĩa là muối, "diêm sinh" là lưu huỳnh.

Lại còn thị thế thị hào[1].
Mua vun bán sét[2] *thấp cao mặc lòng.*
Thuế nhân đinh như tròng vào cổ,
Còn bắt thêm nộp bổ năm hào[3]*!*
Giấy hình là giấy thế nào?
Có hình còn buộc in vào hai tay[4].
Khen ai khéo đặt bày nên chuyện,
Mua giấy rồi, tùy tiện làm ăn.
Vậy sao tàu Mỹ, tàu Anh.
Trong khi thuê mướn đón ngăn đủ đàng?
Thuế điền thổ lại càng khốc hại;
Mẫu xấp hai, thuế lại xấp mười[5]*!*
Nắng mưa, may rủi nhờ trời,
Ai toan đắp trổ mở ngòi cho đâu?
Điền ba hạng, dồn vào bực nhất,
Thổ sáu, nay bỏ vứt làm ba[6].
Cốt cho số thuế tăng gia,
Đói no, chết sống mặc cha thằng bần!
Còn những kẻ chỉ trần lợi hại[7]

---

[1] *Thị thế thị hào*: "Thị": cậy: cậy vào thế lực, cậy vào sức mạnh.

[2] *Mua vun bán sét*: mua thì đong đầy, bán thì đong lưng: "thấp cao mặc lòng": giá mua giá bán, muốn định thế nào cũng do ý thích.

[3] *Câu 209-210*: "Thuế nhân đinh": cũng gọi thuế thân, thời thuộc Pháp, đàn ông từ 20 đến 60 tuổi, phải nạp thuế thân. "Thời trước, những người thuộc kim hộ (cả năm không đi lính, không sưu dịch) mỗi năm đóng thuế chừng 7, 8 hào; mỗi người thuộc khách hộ (có đi lính, phải sưu dịch) mỗi năm đóng thuế chừng 1 hào 5, 6 xu. Năm 1897, định lại mỗi người đều nạp 2 đồng 4 hào, không phân biệt kim hộ, khách hộ". (Xem *Đông Dương chính trị luận*).

[4] *Câu 211-212*: Trong đoạn bàn về du lịch trong bài báo "Cách cai trị rộng rãi bên An-nam...". Phan Châu Trinh viết: "Tôi có trông thấy mấy cái giấy thông hành của các ông đại biểu qua dự đấu xảo là những người thượng lưu cả, mà trong giấy dán đủ thứ hình, mười ngón tay chập vào đen thui thui, chẳng khác gì cái số thằng tù".

[5] "Năm 1888 mới tăng thuế, lúc ấy chẳng phải chỉ là thuế ngày một tăng, mà số mẫu ruộng đất của các hộ cũng tăng lên gấp bội" (*Đông Dương chính trị luận*).

[6] *Câu 221-222*: "Phàm số ruộng thời trước đều phải tăng thêm, chuyển một nửa số ruộng hạng hai ghi trong sổ mới lên hạng nhứt, ruộng hạng ba cũng nâng một số lên hạng hai. Số đất cũng như vậy, và nhất loạt bỏ hạng năm, hạng sáu trước, nhập vào hạng ba, hạng bốn cả". (*Đông Dương chính trị luận*).

[7] *Chỉ trần lợi hại*: Vạch rõ những chỗ cần phải sửa đổi trong chính sách cai trị của thực dân ở nước ta.

Bắt buộc cho mắc phải tù lao;
Vu cho chống thuế, chống xâu,
Có gì phép luật, còn đâu công bình!
Kìa các sở nhật trình nhật báo,
Chỉ để cho nói hão nói huyền;
Cháy nhà, chó dại, thằng điên,
Cũng nghề bán giấy kiếm tiền cho qua!
Còn đến chuyện nước nhà đại khái,
Nào ai cho bàn nói vào đâu.
Bắt khoan, bắt nhặt từng câu,
Còn ai mở miệng cất đầu kêu ca!
Sự dạy dỗ gọi là cho có,
Kể trường to trường nhỏ đặng bao.
Học đường ta gọi là cao,
Sánh cùng bên Pháp chưa vào bậc trung.
Đàng du học bịt bùng cấm ngặt,
Chỉ một đàng đi tắt qua Tây.
Tiền quan cấp đỡ xưa nay,
Đáng thêm mà lại bỏ ngay lẽ nào?
Sách các bậc hiền hoa công chánh[1],
Sách Lư Soa và Mạnh Tư Cưu[2].
Bán mua khắp cả toàn cầu,
Phép gì lại cấm đem vào nước Nam?
Học Tây đã lam nham như thế,
Học Tàu còn ai kể vào đâu?
Thừa ra quốc ngữ mấy câu.
Trông gì mơ đặng cái đầu thiếu niên?
Còn như bộ tân biên luật lệ[3],
Cũng gọi là chánh thể đổi thay;
Nội dung chưa biết dở hay,
Hãy xin trích một điều này mà coi:
Quân du đãng là loài gian quỷ,

---

[1] *Hiền hoa công chánh*: tài giỏi và có lòng với nước với dân.

[2] *Lư Soa, Mạnh Tư Cưu*: "Lư Soa", cũng đọc Lư Thoa là dịch âm chữ Rousseau. Mạnh Tư Cưu là dịch âm chữ Montesquieu.Rút-xô và Mông-te-xki-ơ là hai nhà tư tưởng người Pháp ở thế kỷ thứ XVIII, đề xướng tư tưởng dân quyền.

[3] *Tân biên luật lệ*: Bộ luật mới được soạn ra, mới ban hành ra.

Va-ga-bông[1] *nghĩa chỉ phân minh.*
Lịch du không giấy thông hành,
Buộc vào tội ấy công bình làm sao?
Nói bao nhiêu lại bao nhiêu tức,
Kể sao cũng tình ức lẽ oan?
Thử xem khắp nước dinh hoàn[2]*,*
Hai mươi thế kỷ[3] *ai còn như ta?*

[V. TỐ CÁO THỰC DÂN ĐÀN ÁP KIỀU BÀO TA, BÀY CÁC TRÒ HỀ TỐN TIỀN, LÀM SỈ NHỤC DÂN TA]

Ấy tình cảnh nước nhà đã thế,
Còn những người vượt bể sang Tây;
An thân đã chắc xứ này,
Vậy còn khuấy rối khuấy rầy bởi ai?
Người có chí theo đòi du học,
Kẻ tay không lăn lóc làm ăn.
Nào ai gây sự thù hằn,
Cũng toan đeo vặt đuổi dằn cho đang.
Lập một sở gọi rằng Kiểm sát,
Kiểm sát ai trong đất Lang Sa?
Vậy mà xa xí của ta,
Để nuôi một lũ gà nhà đi bươi[4]*.*
Kể lắm chuyện đáng cười đáng ghét,
Tên cầm đầu hầm hét bán rao.
Rằng: "Tao chẳng dụng gươm đao,
Một cây bút sắt, hại bao nhiêu người"[5]

---

[1] *Va-ga-bông*: Dịch âm tiếng Pháp" vagabond", có nghĩa là quân du đãng.

[2] *Dinh hoàn*:Gọi chung cả quả đất. Cũng đọc "doanh hoàn".

[3] *Hai mươi thế kỷ*: Tức thế kỷ thứ hai mươi.

[4] Về Sở kiểm sát, trong thư đề ngày 23-12-1922 gửi cho Xa-rô, Phan Châu Trinh có đoạn viết như sau: "Tôi mới thấy bên Đông Dương có luật mới thi hành, người An-nam đi ngoại quốc mà không có giấy thông hành thì phạm tội du đãng. Ngày 25-11-1922 tôi đến Sở tuần thành Mác-xây mà xin giấy thông hành đi Tàu. Đây chẳng biết có lệnh riêng gì mà người ta lại làm trắc trở tôi nữa. Giấy tờ gì của tôi cũng đủ phép mà người ta không chịu cho, người ta lại buộc tôi phải xin giấy của Sở kiểm sát thợ thuyền Đông Dương trong thời giặc giã, ở con đường Nô-ai-i-ơ tại Mác-xây..."

[5] Tên cầm đầu Sở kiểm sát thợ thuyền ấy tên là Giô-xen-mơ (Josselme), Phan Châu Trinh cũng đã từng viết báo chỉ trích, nay còn di cảo.

Thông đồng khắp mọi nơi mật kín,
Cáo giả hùm, láo liếng mà ghê,
Nơi thành thị, chốn nhà quê,
Tìm hơi, bắt dấu, tứ bề dò la.
Rất đến nỗi các nhà học hiệu[1],
Con nhà người, niên thiếu trẻ trung.
Cả gan dám tới thị hùng,
Hỏi tra tên họ, gạn gùng mẹ cha.
Còn những lũ lâu la vô loại,
Máu chảy đâu, ruồi lại bu theo.
Gian phi ra dạ hiểm nghèo,
Thổi lông vạch lá tuân theo đồng tiền.
Một năm mấy mươi nghìn sở phí,
Lợi ích chi một tí cho ta?
Làm cho hai giống cách xa,
Làm cho mất tiếng Lang Sa hẹp hòi.
Nước pháp luật hẳn hoi còn thế!
Xứ dã man nô lệ, nghĩ sao?
Xưa sao ăn ngọt nói ngào,
Nay sao trăm kiếp đè đầu cho đang!
Còn như sở Đông Dương sanh kế,
Sanh kế gì cắt nghĩa cho thông?
Dinh tư dùng chước giả công[2],
Một năm tiêu mấy triệu đồng như chơi.
Ai muốn biết tới nơi thì biết,
Mấy chữ vàng sơn thếp nguy nga.
Chính ngay đàng Ô-pê-ra,
Đường đường khí tượng một tòa thượng thơ.
Cuộc đấu xảo bây giờ cũng lạ[3],
Mới bốn năm giặc giã vừa xong.
Đắng cay hăm mấy triệu đồng,
Trong cơn chật hẹp nỡ lòng khoe khoang.
Kể chi cách tiêu hoang phí chạ,
Thói nhà quan Âu, Á xưa nay.
Tiền công đã mó đến tay,

---

[1] *Học hiệu*: Trườnghọc.
[2] *Câu 303*: Sở tư mà giả mưu làm sở công.
[3] *Câu 309*: Tức Hội chợ thuộc địa tại Mác-xây trong mùa hè 1922.

Túi tham phải nhét cho đầy mới thôi!
Hiềm một nỗi tôi đòi khinh dể,
Xài tiền ta chẳng kể gì ta.
Sở công nơi bảy nơi ba,
Trông nom chẳng chút cho ta chen vào.
Còn những kẻ công lao thuyền thợ,
Cốt mộ qua giúp đỡ công trình.
Bòn chèn trách mắm, trã canh[1],
Thịt hôi cá thối, đủ tình gay go.
Trong tám tháng bữa no bữa đói,
Biết bao nhiêu van vái, rỉ rên.
Tính ra mấy triệu quan tiền,
Để ta ăn hạ uống hèn bởi ai?
Còn nói đến các vai đợi biểu[2],
Khéo chọn thay một kiểu y quan[3].
Khăn đen, áo gấm, nút vàng,
Khoanh tay bắt đứng sắp hàng thiệt xinh!
Thảy trăm việc làm thinh không biết,
Hỏi: "Băng ngàn chí quyết đi đâu?"
"Pari ao ước bấy lâu!"
"Nhịp này khỏi tốn tiền tàu đi chơi!"
Làm như chuyện trò cười lớp giễu,
Đợi biểu này, đại biểu cho ai?
Chứa chan trăm nết tôi đòi,
Còn toan mở mặt với người làm sao.
Khen ai khéo đếm đầu chọn mặt,
Để đem qua bày đặt mua vui.
Hiệu, hề, đào, kép đủ vai,[4]

---

[1] *Trách mắm, trã canh:* "Trã canh": nồi canh. "Trã" :đồ nấu bằng đất, rộng miệng để kho nấu. *Trách*: nồi (niêu) đất bé dùng để kho mắm, kho nấu thức ăn.

[2] *Câu 329:* "Đợi biểu":Đợi để sai khiến: tác giả nói chệch từ "đại biểu" để ngụ ý mỉa mai, khinh bỉ. Đoàn "đợi biểu" này gồm các hội viên Hội đồng thành phố Hà Nội như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn... mà Phan Châu Trinh có gặp mặt, hỏi han.

[3] *Câu 330.* "Y quan" : áo mũ. Ở câu dưới "áo" được mô tả là áo gấm, nút (cúc) vàng, "mũ" là khăn đen.

[4] *Hiệu*: (lính cầm cờ sai đâu chạy đó), *hề* (vai giễu), *đào* (vai nữ), *kép* (vai nam) là các nhân vật phụ và chính trong một vở tuồng.

Mời luôn đến Trẫm lên ngai ra tuồng.
Ta đâu phải là phường nhái ếch,
Gỡ càng co tùy thích ai cho.
Cuộc đời là cuộc đôi co,
Công quyền là thánh, tự do là thần.
Khắp thế giới tôn dân tự chủ,
Khéo cầm ta như lũ dã man!
Phật thiêng bao thuở chùa hoang[1],
Chùa hư đem Phật thếp vàng ích chi?
Lẽ thẳng ấy đồng nhi[2] *cũng hiểu,*
Muốn đè đầu mấy triệu dễ sao?
Thuyền bền thì nước đỡ cao,
Thuyền hư thì nước chôn vào chín sông[3].
Nào ai muốn tôn sùng đế chế,
Nào ai xin bệ vệ rước qua;
Om sòm xưng mẹ, xưng cha,
Xưng người thay mặt con nhà Việt Nam!
Kéo một lũ tai phàm mắt tục,
Làm cho thêm sỉ nhục dân ta.
Bày chi thì cứ nói ra,
Biết đâu lợi hại nước nhà là đâu!
Tiền bạc tốn biết bao mà kể,
Vơ vét theo, biếu lễ thập phương.
Dân ta ngót mấy năm trường,
Lửa thành vạ cá[4] *trăm đường gian nan.*
Năm năm chịu cơ hàn thủy hạn[5],
Mấy muôn người lưu tán tử vong[6].
Trách ai chẳng chút động lòng,

---

[1] *Phật thiêng thì chùa không bị bỏ hoang.*

[2] *Đồng nhi*: Tức "nhi đồng" nói đảo lại, để hợp vần với câu trên.

[3] Tác giả phản đối thực dân làm rùm beng trong việc đưa vua Khải Định sang dự Hội chợ, vì nay là thời dân chủ tự do; ngoài ra vì Khải Định là một ông vua hư hỏng. Trên kia, tác giả ví Khải Định là Phật không thiêng, ở câu 356, lại ví Khải Định là chiếc thuyền hư.

[4] *Lửa thành vạ cá*: Do câu thành ngữ: "Sở quốc vong viên, hoạ diên lâm mộc, thành môn thất hỏa, ương cập trì ngư". (Người Sở mất vượn, hoạ đến cây rừng [vì đốn cây mà tìm]: cửa thành bị lửa, vạ đến cá trong ao [vì tát nước để chữa]). Nói vô cớ mà bị vạ lây.

[5] *Cơ hàn thủy hạn*: Các tai hoạ do đói, rét, lụt, hạn hán.

[6] *Lưu tán tử vong*: Các cảnh khổ do gia đình ly tán, người chết, kẻ đi mất.

Nỡ đem máu mủ trút dòng bể khơi[1]*!*
Trâu cày mỏi nghỉ hơi cho thở,
Ngựa chở lâu phải mở đồ ra.
Huống chi loài giống người ta,
Nỡ nào rán mỡ lột da cho đành?
Tiền du học khéo đành bỏ đứt,
Còn tiền đâu mà vứt lỗ không?
Nói ra lắm kẻ chếch lòng,
Nín đi, thời lại ấp ùng lá gan.
Nếu để vậy man man chung cổ[2]*,*
Biết ngày nào tấn bộ mà mong?
Người sao trăm việc thong dong,
Ta sao gánh đủ mấy chồng gian nan!

[VI. KÊU GỌI SỰ HỢP TÁC PHÁP VIỆT]

Cũng vì bởi dã man quen thói,
Chửa văn minh tự gọi văn minh!
Thử xem các bậc học hành,
Nương hơi, dựa bóng[3] *tập tành đã quen.*
Người nói phải, đua chen rằng phải,
Người nói không, dám cãi rằng không!
Học hành còn lắm bông lông,
Đa toan xách gậy xưng ông đem đàng.
Người Á chẳng am tường sử Á,
Học Âu chưa khám phá tình Âu[4]*.*
Vậy mà tự đắc tự cao,
Tặng mình như thể ngôi sao giữa trời!

---

[1] "Chẳng nói đâu xa, chỉ xem trong năm 1916 đến 1918 là những năm Bệ hạ đã lên làm vua rồi, tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, nào là bị bão, nào là bị nắng, bị lụt, nào là chết đói, chết dịch, các nhật trình vẫn kêu van luôn, đau lòng xót dạ biết là bao nhiêu! Thế mà nào thấy Bệ hạ lập được một hội từ thiện phát cháo phát thuốc chi cho dân nhờ, nào có thấy Bệ hạ bố thí được một đồng một hào gì để giúp đỡ cho dân trong lúc trôi nổi đau đớn!" (*Thư thất điều*).

[2] *Man man chung cổ*: "Man man": lâu dài. "Chung cổ": như thế mãi).

[3] *Nương hơi dựa bóng*: Nhắm mắt nghe theo, không có tinh thần tự lập.

[4] *Khám phá tình Âu*: Biết được cái hay trong học thuật của người Âu.

Loài thủy mẫu[1] *lơi bơi mặt nước,*
Dựa mắt tôm bắt chước đua bơi.
Gặp cơn sóng gió phi thời,
Tôm đi tôm bỏ nổi trôi giữa dòng.
Chim đà điểu sanh trong sa mạc,
Lông cánh thơ, vóc giạc[2] *dềnh dàng;*
Bị cơn sợ hãi phi thường,
Chôn đầu vào cát, là phương tự toàn.
Gấm vật tính minh ngoan khả tiếu[3]*,*
Nghĩ lại càng ruột héo lệ rơi.
Ấy là hào kiệt thức thời,
Ấy là minh triết của người nước ta[4]*.*
Học thế ấy người ra thế ấy,
Quả cùng nhân khác mấy nhiêu đâu?
Nhân nào ta tạo đã lâu,
Tạo nhân nay phải lấy Âu làm thầy.
Người Đại Pháp xưa nay nức tiếng
Tổ dân quyền lập hiến là ai?
Thức lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết là người có nhân.
Tính lại hay đỡ đần người yếu,
Gương xưa nay cao chiếu rành rành:
Xưa kia người Mỹ chống Anh,
Ông Phi Liệt Yết[5] *xưng mình một tay.*
Ba Lan chịu đoạ đày đã lắm,
Bấy lâu nay như nắm xương khô.
Cũng nhờ người Pháp giúp cho,
Vậy nên mới có cơ đồ ngày nay.
Huống ta ở dưới tay người Pháp,

---

[1] *Loài thủy mẫu*: Loài sứa, ở đây là loài sứa rất nhỏ con.

[2] *Vóc giạc*: Hình tích cao lớn thế nào; cũng như vóc dáng.

[3] *Câu 405*: "Vật tính": tính con vật, "vật" đây chỉ loài thủy mẫu và đà điểu, "minh": tối tăm: "ngoan": không biết mà làm càn; "khả tiếu": đáng cười, đáng chê. Tác giả chê hành động của loài thủy mẫu và đà điểu.

[4] *Minh triết*: người hiền trí. Tác giả so sánh các "bậc học hành" của nước ta cũng giống như loài thủy mẫu và đà điểu là những loài vật sống dựa vào kẻ khác hay cư xử một cách mù quáng, dại dột.

[5] *Phi liệt yết*. Tức công tước và đại tướng người Pháp La Fayette (1757-1834)(?).

Sáu mươi năm thấm thoắt đã qua.
Lỗi lầm cũng nửa bởi ta,
Cạn suy vụng tính, hóa ra lỡ làng.
Nay bốn mặt nòi vàng sấn sướt[1],
Ta hãy còn thườn thượt thây ma.
Biển trời muôn dặm cách xa,
Nỡ nào Tây lại bỏ ta một mình.
Huống ta đã chân tình thành phục[2],
Quyết một lòng thủ túc tương thân[3].
Dầu cho bốn mặt cường lân[4],
Làng [illegible]
Lợi quyền Tây cũng đâu còn mà trông!
Cơn sóng gió thuyền chung một chiếc,
Dấu Việt-Hồ[6] *cũng quyết đồng tâm.*
Hay chi oán độc tương tầm,
Vạ chung chưa dễ ai cầm hơn ai.
Tình thế đã tỏ bày ra đấy,
Người Lang Sa cũng thấy tới nơi.
Dở dang chỉ một hai người,
Một tay muốn đậy bóng trời soi chung!
Rào sắt quyết bịt bùng ta lại,
Kéo vào đàng hủ bại như xưa;
Quyền vua giấu mấy cũng vừa,
Quyền dân cướp hết còn chưa bằng lòng!
Hình thức mặc trong vòng lấn lướt,
Tinh thần thì đón trước dò sau,
Dễ sai dễ khiến mặc dầu,

---

[1] *Sấn sướt*: bộ mạnh mẽ, lấn lướt một bề.

[2] *Chân tình thành phục*: Thật lòng chịu theo như một nước lệ thuộc ("thành phục", thần phục).

[3] *Thủ túc tương thân*: "Thủ túc": tay chân: thân thiết với nhau như tay chân, như anh em.

[4] *Cường lân*: "Lân": nhà, nước bên cạnh: các nước mạnh ở chung quanh.

[5] *Thon von*: Cheo leo, nguy hiểm, gian nan.

[6] *Việt Hồ:* Trong sử cổ Trung Quốc nước Việt ở miền duyên hải cực đông, nước Hồ ở miền cực tây, là hai nước rất cách xa nhau: ở đây chỉ nước Việt Nam và nước Pháp.

Làm sao sống được trong bầu cạnh tranh!
Cầm ta cũng như hình nem chả,
Muốn để dành ăn lả xài lơi;
Miếng ngon là của giữa đời,
Mình ham phải biết những người cùng ham.
Nay tứ phía tai hùm mắt hổ,
Ngày hăm hăm nghe ngó vào đâu.
Tục rằng: ăn ít no lâu,
Hãy xin nghĩ kỹ lo sâu cho cùng.
Dân Đại Pháp là dòng nghĩa hiệp,
Nỡ lòng nào hà hiếp ta đâu,
Chẳng nên vập mặt cúi đầu,
Đứng ra ta hỏi những câu công bình.
Nay trộm phép tỏ tình đại biểu,
Cả tiếng kêu mấy triệu Lang Sa;
Hãy xin mở lượng hải hà,
Ra tay tế độ con nhà An Nam.
Xin trên dưới hai "sam"[1] hiệp mặt,
Định phương châm cho chắc một bề.
Dâng lên giám quốc thủ phê[2],
Hãy xin kể thử vấn đề như sau:
"Chánh tự trị bắt đầu hứa trước,
Định hạn kỳ phỏng ước mấy năm.
Chủ trương đã có chỉ nam.
Trăm điều tự khỏi lỗi lầm sai ngoa.
Pháp luật dựa Lang Sa làm chủ,
Lợi quyền cùng nghĩa vụ cho cân.
Có viện[3] thay mặt quốc dân,
Có quan trách nhậm đại thần phụng công.
Để ta được vào vòng chánh trị,
Từ hội hè, suy nghĩ, nói năng.
Cũng nên hạn chế có ngằn,

---

[1] *Sam*: *Di cảo* vốn chép *cham* (đọc "sam"), tức là viết âm tiết đầu của từ *Chambre* của tiếng Pháp có nghĩa chung là *phòng, buồng,* nghĩa hẹp là *viện,* trong nghĩa *Thượng nghị viện. Hạ nghị viện* ở chế độ đại nghị.

[2] "*Giám quốc*": chức đứng đầu trong một nước, tức là tổng thống. *Thủ phê*: tự tay phê chuẩn.

[3] *Viện*: Phải chăng là Viện dân biểu mà Huỳnh Thúc Kháng sẽ làm Viện trưởng trong ba năm 1926-1928?

Dắt tay ta để lần lần cho theo.
Niên hạn chẳng kỳ kèo lâu chóng,
Cốt cho ta hiệu phỏng tinh thần,
Quyền vua đổi lại quyền dân,
Chánh cang trước phải vài phần khai minh."[1]
Được như thế thỏa tình ao ước,
Nghĩa thầy trò sau trước yếm âu,
Lợi quyền chung chạ dài lâu,
Trắng vàng một họ, Á Âu một nhà.
Một tung hô Lang Sa vạn tuế[2],
Hai tung hô vạn tuế Việt Nam.
Sao cho hai nước đồng tâm,
Bỏ ca trường hận chép ngâm thái bình.

[1] *Chánh cang* (cũng đọc "chính cương"): mối giềng, những nét chính về chính trị: Mười sáu câu, từ câu 477-492, được tác giả đặt trong ngoặc kép, nội dung là lời đề nghị của tác giả với người Pháp: a) Hứa cho Việt Nam được tự trị; b) Pháp luật dựa theo pháp luật của Pháp; c) Có viện thay mặt quốc dân, nhân dân được tham gia chính trị; d) Đổi quân chủ sang dân chủ.

[2] *Vạn tuế*: Muôn tuổi, muôn năm.

PHỤ LỤC

TINH THẦN DÂN TỘC VÀ DÂN CHỦ CỦA PHAN CHÂU TRINH QUA "TỈNH QUỐC HỒN CA"

Tìm hiểu tư tưởng của Phan Châu Trinh về giáo dục, có thể nghiên cứu qua nhiều tác phẩm. Nhưng có một công trình bao quát hơn cả mà lâu nay ta chỉ mới lướt qua, xem đó là một bài ca cổ động trong phong trào duy tân. Thật ra *Tỉnh quốc hồn ca* đáng được lưu ý nhiều hơn. Tác phẩm cho thấy tư tưởng của Phan Châu Trinh về mặt giáo dục là rất nhất quán. Phan Bội Châu có thể đã tóm tắt về Phan Châu Trinh trong một nhận định: *"Cậy Tây học dặn dò phương tự chủ"*. Ý kiến này, đối chiếu với *Tỉnh quốc hồn ca* rất là thích hợp.

I. *Tỉnh quốc hồn ca, thể hiện tư tưởng dân tộc của Phan Châu Trinh.*

Phan Châu Trinh rất thiết tha với lịch sử dân tộc. Ông khẳng định dân tộc ta là một "giống hào hùng, khí phách", đã có lịch sử đấu tranh anh dũng, lưu tiếng tốt đời đời:

Nâng vạc ngã, chống nhà nghiêng
Oai danh lừng lẫy ghi truyền sử xanh.
(TQHC II [11, 12])

Nhưng ông rất căm phẫn trước tình hình lạc hậu của đất nước, ông đã so sánh tình cảnh, tâm lý, khuynh hướng của dân tộc mình so với tình hình thế giới, do đó, ta thấy Phan Châu Trinh rất *cập nhật đối với thực tế*. Về điểm này, nếu so với Phan Bội Châu, thì có thể thấy rằng: hai ông là một, nhưng cách nhìn thành ra hai. Phan Bội Châu cũng nhìn nhận sự lạc hậu, sự đau đớn của quê hương, nhưng thiên về mặt tình cảm, do đó Sào Nam đã gây dựng được xúc động con tim. Thơ văn Phan Châu Trinh lại gây được sự bất bình của con mắt. Cách giáo dục của

ngộ bằng những hiện trạng cụ thể bằng cách *nhìn*, chứ không phải bằng cách *gợi*.

Quan điểm dân tộc của Phan Châu Trinh, là từ thực tế để tìm nguyên nhân. Đây là một biện pháp của lối giáo dục trực diện. Nguyên nhân sự lạc hậu của dân tộc ta, theo Phan Châu Trinh, chủ yếu là do chế độ phong kiến đã làm cho "người ngu, nước yếu" (chữ dùng của Ngô Đức Kế). Đây là một nguyên nhân có tự lâu đời: "Sai lầm từ thuở nhà Lê, bước qua nhà Nguyễn sa bé dần dần". Chính vì như thế mà Phan Châu Trinh đã kịch liệt lên án bọn vua quan.

Cái điểm *khác* ở Phan Châu Trinh về mặt dân tộc, so với các sĩ phu, các nhà duy tân đương thời là ở chỗ này. Cũng là tư tưởng dân tộc cả, song cái hại gây nên, không phải do thiếu lòng yêu nước, do hạn chế sự tiến thủ, do sức đề kháng không đủ, mà chính là do chế độ phong kiến, do vua quan làm hại nước. Phải biết đau vì *nguyên nhân chính ấy*:

Ông cha gây dựng non sông
Mà nay nông nỗi đau lòng xiết bao.

Tiếp đó, ông chỉ ra bọn thực dân đã gây những tội ác gì. Phải chú ý là ở đây, tuy các nhà duy tân và cả phái Đông du đều gặp gỡ nhau, cả Phan Châu Trinh nữa. Nhưng cách nhấn mạnh thì có khác. Phan Châu Trinh tìm những nguyên nhân ở bọn xâm lược, là những *thủ đoạn ngu dân của chúng*. Phải thấy là chúng ngu dân, nên dân phải học, và phải biết học. Ta bị chúng:

- Lừa gạt, buộc đi chết thay cho chúng
- Làm cho kiệt quệ, làm cho u mê
- Bóc lột, đàn áp
- Bày ra các trò hề mà sỉ nhục dân ta.

Toàn bài *Tỉnh quốc hồn ca* đã lần lượt vạch trần những tội ác này, lần lượt điểm đến theo thứ tự trước sau, để cho thấy được tội ác ngu dân là to lớn và ác độc. Dân mà ngu thì không làm được gì. Vận động duy tân, vận động học tập trước nhất phải *tỉnh ngộ ở những khía cạnh ấy*. Mấy chữ *"Tỉnh quốc hồn ca" có ý nghĩa về mặt giáo dục* là ở đó.

Nhưng cái riêng của Phan Châu Trinh, so với các nhà duy tân, là ông luôn luôn đặt nước Việt vào trong cả thế giới hiện đại. Ông có tầm nhìn thế giới, chứ không chỉ hạn chế ở tầm nhìn quốc

gia. Những người yêu nước thường vạch ra cái kém của dân tộc mình, trên cơ sở lòng yêu nước (thiên về lịch sử). Cái nhìn của Phan Châu Trinh là cái nhìn hiện đại. Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế cũng đồng quan điểm này, nhưng không ai sâu sắc và đằm thắm bằng Phan Châu Trinh:

Thử xem khắp nước doanh hoàn
Hai mươi thế kỷ, ai còn như ta?

II. *Tỉnh quốc hồn ca thể hiện tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh.*

Tư tưởng dân chủ của Phan Châu Trinh, ta đã thấy rõ qua các bài *Quân trị và Dân trị chủ nghĩa,* các bài lên án vua quan (như *Thất điều trần*). Ở bản *Tỉnh quốc hồn ca,* ta không thấy trình bày quan điểm này một cách tập trung hay riêng rẽ. Nhưng qua nhiều điều cảnh tỉnh, mà ông đòi hỏi dân Việt Nam phải có ý thức quan tâm thì lại bộc lộ cái nhìn dân chủ của ông rất rõ nét. Có thể chú ý ở đây là *đường lối giáo dục của ông*. Khi cần biện thuyết, đấu tranh, thì ông trực diện đi vào các đối tượng. Khi bàn việc giáo dục, nâng cao trình độ dân trí, thì ông giới thiệu từng khía cạnh. Hệ thống lại các khía cạnh, nâng lên tầm lý luận thì thấy được tư tưởng chủ đạo của ông. Đó là cách giáo dục dân chủ của Phan Châu Trinh.

Phan Châu Trinh yêu cầu một nước phải được phát triển theo khuynh hướng dân chủ tư sản, ngay ở trong việc tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế. Điều ấy có khác với các nhà nho:

- Phái *ám xã* chủ yếu khêu gợi lòng yêu nước ở mặt căm thù giặc. Đường lối giáo dục của phái này là khích động lòng quốc sĩ, là phải dấn mình vào cuộc đấu tranh, là phải tổ chức lực lượng, đánh bằng gươm súng, đánh bằng lưỡi, bằng văn có tính cách huyết chiến.

- Phái *minh xã* chủ yếu kêu gọi việc lập hội buôn, trọng thực nghiệp, việc hợp quần, nhưng chủ yếu cũng là nâng cao tinh thần, giác ngộ về cái học mới, và cũng là sự nhiệt thành cáo hủ.

Phan Châu Trinh cũng có những điều nhất trí với hai phái trên, theo từng mức độ. Nhưng ông kêu gọi quốc hồn phải tỉnh ra ở những mặt rất cụ thể, mà đều là *tương ứng với xã hội dân chủ tư sản.*

Ông đã kêu gọi những vấn đề rất thiết thực:

a) *Vấn đề kinh tế xã hội.*

Theo ông: người dân phải có nghề trong tay, phải sản xuất ra các mặt hàng, phải cải tiến máy móc, phải góp vốn làm ăn. Từng vấn đề này, ông diễn tả rất cụ thể, lần lượt nói trong *Tỉnh quốc hồn ca*. Đây là những vấn đề mà xã hội Việt Nam trước đây chưa lưu ý đến. Tất nhiên, dân ta cũng có làm được các đồ thủ công, có buôn bán, chợ gần, chợ xa, có đi thuyền vượt biển v.v... Nhưng đều nằm trong phạm trù kinh tế tự túc tự cấp. Phan Châu Trinh thấy được vấn đề *kinh tế hàng hoá* theo *con mắt thị trường*. Những tác phẩm như *Kêu hồn nước, Hải ngoại huyết thư* của Nguyễn Quyền, Phan Bội Châu v.v... không có vấn đề này.

b) *Vấn đề nếp sống*:

Có thể theo cách nói của chúng ta ngày nay là vấn đề nếp sống mới. Điều này, các nhà duy tân của ta không *cụ thể* được như Phan Châu Trinh. Phải có cái nhìn theo văn minh tư sản, thì mới nhận ra được. Ở *Tỉnh quốc hồn ca*, Phan Châu Trinh đã tập trung vào các vấn đề như:

- Làm ăn phải có giờ giấc.
- Phải chống mê tín dị đoan.
- Phải chú ý mặt y tế xã hội.

Rõ ràng là Phan Châu Trinh đã biết đến bóng dáng của một xã hội của văn minh đô thị. Lẻ tẻ, một vài nhà nho duy tân trong thời điểm ấy cũng có biết, có nói ra song chỉ do lòng yêu nước mà suy diễn ra, chứ không chứng tỏ cái nhìn về văn minh tư sản. Vì về căn bản, họ không có được sự giác ngộ về một xã hội dân chủ là như thế nào. Điểm ưu việt của Phan Châu Trinh là ở đó. Cũng có thể từ đây, mà nhìn nhận về quan niệm giáo dục của Phan Châu Trinh. Ông không chỉ dạy chữ nghĩa, dạy tình yêu nước, chí tự hào, mà còn dạy cả cách sống giữa thời đại mới, cách tồn tại trong xã hội ở giai đoạn lúc bấy giờ. Nếu tư tưởng Phan Châu Trinh được biến thành những chủ trương đường lối chỉ đạo giáo dục, thì *các trường học, các môn học* sẽ được tổ chức một cách khác với trường học hiện hành.

c) *Đức tính người công dân.*

Cuối cùng, Phan Châu Trinh đã đi vào vấn đề rèn luyện đức

tính của người công dân. Nhưng ông không nói về các khía cạnh trung hiếu, hi sinh như các nhà nho, mà nêu ra những yêu cầu con người thời đại. Trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ, người Việt Nam phải nghĩ đến việc cứu nước, đồng thời phải lo sự tiến bộ cho kịp với thế giới. Tất nhiên phải biết chống ngoại xâm, nhưng phải biết duy tân, duy tân cho hợp với thời đại. Và mẫu con người Phan Châu Trinh muốn đào tạo phải:

- Con người biết học, cần học (với nội dung kinh tế xã hội, nội dung nếp sống mới như kể trên)
- Phải có chí mạo hiểm
- Phải đoàn kết thương yêu nhau
- Phải biết chết vì nghĩa lớn.

Cái mẫu hình này, quả có phần khác với con người trung hiếu ngày xưa, mặc dầu cũng rất giữ được truyền thống. Nhưng cái chính là phải ra con người của thời đại duy tân, thời đại dân chủ.

Kết luận:

Khác với cách trình bày ở những luận văn chính trị, *Tỉnh quốc hồn ca* là một bài thơ lục bát (một bài loại ca vè thì đúng hơn). Phan Châu Trinh gửi gắm đầy đủ tư tưởng dân tộc, dân chủ của mình trong đó. Nhược điểm của bài văn có nhiều: dàn ý chưa thực phân minh hình như nghĩ đến cái gì thì nói ngay, không cần sắp xếp. Nghệ thuật trình bày không điêu luyện, không ví được với nghệ thuật của Phan Bội Châu. Tư tưởng thì rõ ràng, nhưng không bộc lộ được lý luận cơ bản, nhưng cái chất dân tộc, dân chủ vẫn rất rõ ràng. *Tỉnh quốc hồn ca* đã được phổ cập và thuyết phục được người nghe nên nó có giá trị phổ cập. Đứng về góc độ giáo dục mà xét thì vẫn cho ta thấy được cái chương trình giáo dục của Phan Châu Trinh, rất dân tộc, rất dân chủ, mà đặc biệt là cụ thể và cập nhật.

CHƯƠNG THÂU

GIAI NHÂN KỲ NGỘ
DIỄN CA

(Dựa theo bản dịch chữ Hán của Nhậm Công Lương Khải Siêu)

VỀ VĂN BẢN TÁC PHẨM GIAI NHÂN KỲ NGỘ DIỄN CA

Bản "diễn ca" GIAI NHÂN KỲ NGỘ này là một trong số *Di cảo* quan trọng của cụ Phan Châu Trinh được gia đình ông bà Lê Ấm có công gìn giữ gần như nguyên vẹn đã hơn 80 năm nay.

Trước đây đã có một số nhà nghiên cứu và học giả chú ý khai thác và *trích in* một số đoạn trong các *Tuyển tập thơ văn Phan Châu Trinh* hoặc trong các *Hợp tuyển Thơ văn yêu nước và Cách mạng Việt Nam*. Duy chỉ có ông Lê Văn Siêu (1911-1995) là người đầu tiên để nhiều công phu sao lục, bình giảng và chú thích *toàn văn* và cho xuất bản dưới tựa đề: PHAN CHÂU TRINH GIAI NHÂN KỲ NGỘ (anh hùng ca), in kèm với tập PHAN TÂY HỒ TIÊN SINH LỊCH SỬ do Huỳnh Thúc Kháng biên soạn, Nhà xuất bản Hương Dương - Sài Gòn - 1958 với độ dày ngót 400 trang (LXXXIII + 275).

Nhận thấy ấn bản này là tương đối đầy đủ nhất về nội dung, lại có những ưu điểm về bình giải, chú thích, nên chúng tôi đã *dựa hẳn* vào bản này để chỉnh lại cách sắp xếp nội dung, đồng thời chỉnh sửa, khôi phục lại nguyên văn một số đoạn cũng như một số câu, chữ mà ông Lê Văn Siêu đã *tự ý thêm bớt sửa chữa* theo ý chủ quan của ông làm sai lệch "nguyên cảo" của cụ Phan.

Bản "diễn ca" này, cụ Phan chỉ mới diễn dịch được hơn 8 hồi (trong tổng số 16 hồi của nguyên văn bản dịch Hán văn). Còn lại hơn 7 hồi (từ giữa hồi thứ IX - XVI) về sau đã được ông Trần Tiêu dịch ("diễn ca") tiếp, bản thảo chép tay, chưa xuất bản. Hy vọng rồi đây sẽ có một bản *Diễn ca Giai nhân kỳ ngộ* hoàn chỉnh được biên soạn và biên tập công phu được xuất bản ở Việt Nam trên cơ sở bản "diễn ca" của cụ Phan Châu Trinh và Trần Tiêu, đặng cung cấp cho bạn đọc một cuốn "tiểu thuyết chính trị" của Nhật Bản, thiết tưởng cũng là một việc rất hữu ích.

Chúng tôi cũng cho in sau đây nguyên văn bản dịch chữ Hán GIAI NHÂN KỲ NGỘ của Lương Khải Siêu rút từ *Ẩm Băng Thất hợp tập - Chuyên tập 88* do Trung Hoa thư cục ấn hành tại Thượng Hải, 1936 để bạn đọc tiện đối chiếu với bản GIAI NHÂN KỲ NGỘ DIỄN CA.

N.B.S

GIỚI THIỆU

VỀ TÁC PHẨM *GIAI NHÂN KỲ NGỘ DIỄN CA* CỦA PHAN CHÂU TRINH: NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

Cùng với Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Châu Trinh (1872-1926) là một trí thức tiêu biểu của Việt Nam trong khoảng 25 năm đầu thế kỷ XX. Trong những trước tác của Phan Châu Trinh, *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* (GNKN) là tác phẩm đồ sộ nhất. Cuốn truyện bằng thơ này có tất cả hơn 7.700 câu, dài gần hai lần rưỡi *Truyện Kiều.*

Từ trước đến nay có khá nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của GNKN được xuất bản ở Sài Gòn vào năm 1958, trong lời bình giải Lê Văn Siêu khẳng định GNKN là nguyên tác của Phan Châu Trinh[1]. Sau đó, trong tạp chí *Văn học,* Nguyễn Văn Hà đính chính một phần sai lầm của Lê Văn Siêu, cho biết GNKN chỉ là một bản dịch chứ không phải là nguyên tác của Phan Châu Trinh; tuy nhiên Nguyễn Văn Hà vẫn nhầm tưởng Lương Khải Siêu là tác giả của nguyên tác[2]. Trong *Thơ văn Phan Châu Trinh* (Huỳnh Lý biên soạn với sự cộng tác của Hoàng Ngọc Phách)[3], lần đầu tiên nguồn gốc của GNKN được xác định đúng đắn: GNKN

---

[1] Phan Châu Trinh - *Giai nhân kỳ ngộ* (Anh-hùng-ca) [và] *Phan Tây-Hồ Tiên-sinh lịch-sử* Huỳnh-Thúc-Kháng biên soạn). Lê Văn Siêu bình giải và chú thích, Nxb Hướng Dương, Sài Gòn 1958.

[2] Nguyễn Văn Hà, "*Giai nhân kỳ ngộ* có phải là nguyên tác của cụ Phan Châu Trinh?". *Văn học* (Sài Gòn), số 148, (tháng 6, 1972), trang 44-51.

[3] Nxb Văn Học, Hà Nội 1983.

"nguyên là một cuốn tiểu thuyết Nhật, tác giả là Sài Tứ Lang hiệu Đông Hải Tấn Sĩ [đúng ra là Tán Sĩ] sinh năm 1858, mất năm 1922"[1]. Tóm lại, Huỳnh Lý đã xác định đúng đắn rằng bản diễn ca ra quốc ngữ của Phan Châu Trinh đã dựa trên bản dịch của Lương Khải Siêu, và bản Hán văn của Lương cũng không phải là nguyên tác mà là bản dịch từ *Kajin no kigû* của Tôkai Sanshi (Đông Hải Tán Sĩ). Nói ngắn gọn hơn nữa, GNKN của Phan Châu Trinh là bản dịch lại từ một bản dịch Hán văn của một nguyên tác Nhật Bản.

Tuy nhiên, các vấn đề căn bản sau đây cho đến bây giờ vẫn còn chưa được giải đáp thích đáng: Tác giả Tôkai Sanshi là ai? *Kajin no kigû* được sáng tác với mục đích gì và có nội dung như thế nào? Bản dịch Hán văn của Lương Khải Siêu so với nguyên tác có nội dung khác nhau ra sao? GNKN của Phan Châu Trinh khác với bản dịch Hán văn của Lương như thế nào? Bài viết này có mục đích trả lời những câu hỏi trên và trong phần kết luận sẽ bàn về ý nghĩa của GNKN trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa ở Đông Á và đầu thế kỷ XX.[2]

VỀ TÁC GIẢ TÔKAI SANSHI

Tôkai Sanshi (Đông Hải Tán Sĩ, tức "Người lang thang trên Biển Đông") là bút hiệu của Shiba Shirô (Sài Tứ Lang, 1852-1922). Sinh ở Awanokuni (nay thuộc huyện Chiba), thân phụ Sanshi là một võ sĩ (*samurai)* của Aizu (Hội Tân). Trong chính biến dẫn đến Minh Trị Duy Tân, Aizu là một lãnh địa kiên quyết

---

[1] Như trên, trang 156. Tuy nhiên, trong lời giải thích của nhà nghiên cứu Huỳnh Lý cũng có khá nhiều thông tin không chính xác.

[2] Trong Hội thảo Việt học tại Cornell University vào tháng 5, 1991, chúng tôi có viết một báo cáo bằng tiếng Anh về đề tài này. Dựa trên những tư liệu mới được đọc từ đó đến nay, chúng tôi có thêm vài nhận thức mới về Phan Châu Trinh và những trí thức cùng thời, cũng như về tình hình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và các nước Đông Á vào đầu thế kỷ XX. Khi viết lại bài này chúng tôi đã cập nhật hóa thông tin cũng như đã sửa đổi nhiều chỗ. Qua hội thảo ở Cornell chúng tôi đã gặp cố học giả Tạ Trọng Hiệp, sau đó mỗi lần sang Paris tôi thường có dịp trao đổi với Tạ huynh về Phan Châu Trinh. Trong buổi gặp Tạ huynh lần cuối cùng ở Paris vào đầu Hè 1996, anh có gợi ý muốn cộng tác với chúng tôi trong một công trình nghiên cứu về Phan Châu Trinh. Tiếc thay anh đã ra đi quá vội vàng nên ý định đó chưa kịp thực hiện. Xin xem bài viết này như một hoài niệm của người viết về người quá cố.

liều chết chống lại lực lượng muốn lật đổ chính quyền Tokugawa. Sanshi lúc đó vừa lên 16 tuổi theo thân phụ chiến đấu giữ thành Aizu. Người em trai của Sanshi là Gorô (Ngũ Lang) mới lên 9 được mẫu thân gửi cho người giúp việc bí mật đem ra khỏi thành nhờ thân thích trông nom, hy vọng trong nhà Sanshi ít nhất cũng có một người con trai sống sót nhằm khôi phục danh dự cho dòng họ và cho lãnh địa Aizu sau này[1]. Khi thành Aizu thất thủ, gia đình Sanshi từ bà nội đến mẹ, chị và em gái có 6 người tự vận, thân phụ Sanshi bị thương, một người anh hy sinh tại trận. Shashi cùng thân phụ bị bắt đày lên bán đảo Shimokita (Hạ Bắc) ở miền Đông Bắc tỉnh Aomori (Thanh Sâm) hoang vu thuở đó. Với thân phận của một võ sĩ mất chủ - tiếng Nhật gọi những người mang số phận như vậy là *rônin* (lãng nhân), Sanshi chịu đựng vô vàn gian khổ và tủi nhục trong suốt mấy năm. Bút hiệu "Người lang thang trên Biển Đông" bắt nguồn từ đấy.

Sau khi được phóng thích, Sanshi cố gắng theo đuổi sách đèn. Khi những võ sĩ Satsuma nổi loạn năm 1877, Sanshi tham gia đoàn quân dẹp loạn của chính quyền Minh Trị với tư cách là một sĩ quan trừ bị trong lữ đoàn biệt động mà người chỉ huy là một cựu võ sĩ của Aizu. Qua lần xuất chinh này, Sanshi được sự tri ngộ của Tani Kanjô (Cốc Can Thành) và Toyokawa Ryôhei (Phong Xuyên Lương Bình) - hai ân nhân về sau sẽ giúp Sanshi tìm được chỗ đứng và lý tưởng sống trong một nước Nhật mới hồi sinh sau Minh Trị Duy Tân. Qua sự thuyết phục của Toyokawa, gia đình Iwasaki chủ hãng Mitsubishi giúp đỡ tài chánh cho Sanshi du học ở Hoa Kỳ.

Sanshi sang Hòa Kỳ vào năm 1879. Ban đầu Sanshi ghi danh tại một đại học thương mại ở San Francisco, sau đó theo học chính trị và kinh tế ở đại học Harvard, và cuối cùng tốt nghiệp cử nhân tài chánh học *(Bachelor of Finance)* ở đại học Pennsylvania. Trong thời gian ở Hoa Kỳ, Sanshi không những ra sức học hành ở trường mà còn để nhiều thì giờ tham quan nhiều nơi nhằm điều tra về tình hình kinh tế và chính trị thực tiễn, hoặc viết bài bình luận cho các báo tiếng Anh và tiếng Nhật.

Sanshi về lại Nhật vào tháng giêng năm 1885. Chính quyền

---

[1] Shiba Gorô trong chiến dịch dẹp loạn Nghĩa hòa đoàn ở Bắc Kinh (1900) là một sĩ quan nổi danh, về sau lên đến hàm Đại tướng trong lục quân Nhật Bản.

Minh Trị lúc bấy giờ đang mở rộng một phong trào Âu hóa nhằm thuyết phục các nước Tây phương nhanh chóng sửa đổi các hiệp ước bất bình đẳng mà Nhật Bản phải ký kết với họ vào cuối thời Tokugawa. Biểu tượng của phong trào Âu hóa có tính cách bề ngoài này là nhà khiêu vũ Rokumeikan (Lộc Minh Quán) dành cho giới ngoại giao Tây phương ở Tokyo. Đối với những thanh niên thường lo nghĩ về tình hình đất nước (*yûkoku:* ưu quốc) và có nhiều "máu nóng" như Sanshi, họ phẫn nộ trước những biểu tượng có tính cách giả tạo của phong trào Âu hóa này, cho rằng "giới thượng lưu trong nước đang mải mê khiêu vũ và du hí" mà không để ý đến tình hình khẩn trương ở Đông Á lúc bấy giờ. Qua tin tức trên báo chí mà Sanshi có dịp theo dõi trong thời gian du học ở Hoa Kỳ, Sanshi đặc biệt ưu lự đến chủ nghĩa bành trướng và khuynh hướng "cá lớn nuốt cá bé" của liệt cường lúc bấy giờ, đặc biệt là các diễn tiến sau đây: (a) Pháp bành trướng xuống Phi Châu, lấy Madagascar, rồi tiến sang Đông Á chiếm Việt Nam và mở rộng thế lực lên Hoa Nam; (b) Anh chiếm Ai Cập, tranh chấp với Nga ở Afghanistan, chiếm đảo Cự Văn (Triều Tiên) rồi biến Miến Điện thành thuộc địa; (c) Đức mở rộng ảnh hưởng ở Phi Châu và các đảo ở Nam Thái Bình Dương; (d) Nga đang nhòm ngó cơ hội để bành trướng thế lực từ miền Bắc Thổ Nhĩ Kỳ cho đến miền Tây vực của Trung Quốc và phía Bắc biên giới Triều Tiên.[1]

Sanshi công bố phần đầu của *Kajin no kigû* (quyển 1 đến quyển 8 xuất bản từ 1885 đến 1888) chính là để gióng lên tiếng chuông đánh thức quần chúng Nhật Bản trước hiểm hoạ mất nước. *Kajin no kigû* đã gây tiếng vang lớn trên văn đàn Nhật một phần nhờ ngòi bút hấp dẫn của tác giả và một phần cũng vì cuốn tiểu thuyết có nội dung đi sát với tình hình thời cuộc và khơi dậy niềm tự hào dân tộc của người đọc.

Ngoài thời giờ viết văn, Sanshi không ngừng tham gia các hoạt động có tính cách thời sự như thảo luận về tương lai Đông Á với Phát Vĩnh Hiếu và Kim Ngọc Quân - hai chính khách lưu vong người Triều Tiên ở Nhật, hoặc bàn về tương lai Triều Tiên với Baba Tatsui (Mã Trường Thần Chư), Inukai Tsuyoshi (Khuyển Dưỡng Nghị), v.v. Vào tháng 12 năm 1885, khi Itô Hirobumi (Y

---

[1] Tôkai Sanshi, ***Kajin no kigû,*** trong ***Meiji Taishô bungaku zenshû*** (Văn học Minh Trị và Đại Chính - Toàn tập), Cuốn 1: *Tôkai Sanshi, Yano Ryûkei* (Tokyo: Shun'yôdô, 1930), trang 133.

Đằng Bác Văn) thành lập nội các đầu tiên ở Nhật Bản, Tani Kajnô được cử làm Bộ trưởng Nông Thương và để đáp ơn tri ngộ, Sanshi nhận làm bí thư cho Tani.

Vừa mới chân ướt chân ráo nhậm chức, Tani được Itô phái sang Âu châu thị sát từ tháng 3 năm 1886 cho đến tháng 6 năm 1887. Tháp tùng Tani, Sanshi qua chuyến Âu du này có dịp tiếp xúc với một số nhân vật nổi tiếng trong phong trào độc lập quốc gia trên thế giới lúc bấy giờ như tướng Arabi Pasha người Ai Cập, danh tướng Osman Pasha người Thổ Nhĩ Kỳ, và nhà chí sĩ cách mạng Lajos Kossuth người Hung Gia Lợi. Mục đích bên trong của Itô khi phái Tani sang Âu châu thị sát là muốn Tani giảm bớt khuynh hướng chống Tây phương và chống chủ trương Âu hóa ở trong nước, không dè qua chuyến công du này tư tưởng quốc gia của Tani lại còn trở nên cực đoan hơn trước. Tháng 7 năm 1887, bất mãn với đường lối đối ngoại của chính phủ mà Tani cho là quá o bế Tây phương, Tani gửi ý kiến thư cho Itô, rồi xin từ chức khi biết những lời đề nghị của mình không được chấp thuận. Theo gót Tani, Sanshi cũng trả ấn từ quan, ẩn mình đọc sách.

Trong cao trào đề cao chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc hồn túy *(kokusuishugi)* ở Nhật vào cuối thập niên 1880, Tani và Sanshi trở thành thần tượng của dân chúng. Độc giả của *Kajin no kigû* có cảm tưởng tác giả đúng là hiện thân của nhân vật chính trong tác phẩm - mang cùng tên "Người lang thang trên Biển Đông" (Tôkai Sanshi) - một tráng sĩ hào hùng, kết nghĩa với hai "giai nhân" người Âu đang xả thân trong cuộc đấu tranh cho độc lập quốc gia. Tuy nhiên, cần để ý là Sanshi một mặt chống sự bành trướng của liệt cường Tây phương, mặt khác lại chủ trương cần phải khuếch trương quyền lợi của nước Nhật *(kokken:* "quốc quyền") ở Đông Á.

Vào năm 1892, khi sự tranh chấp quyền lợi giữa Nhật Bản và Trung Quốc trên bán đảo Triều Tiên ngày càng quyết liệt, Sanshi ra tranh cử quốc hội ở Aizu và được thắng cử. Từ đó cho đến năm 1917, Sanshi được bầu vào quốc hội tất cả là 10 nhiệm kỳ. Sau khi Nhật thắng Trung Quốc trong trận Trung Nhật chiến tranh (1894-95), Sanshi sang Triều Tiên với tư cách là cố vấn của trung tướng Miura Goei, người được phái sang Triều Tiên để bảo vệ quyền lợi Nhật Bản trên bán đảo này sau chiến tranh qua sự dàn xếp của Tani. Bởi vậy không phải ngẫu nhiên mà trong phần cuối

của *Kajin no kigû* (quyển 9 đến quyển 16, xuất bản từ 1891 đến 1897) bàn về cuộc xung đột Nhật Trung ở Triều Tiên, khuynh hướng quốc gia chủ nghĩa của Sanshi biểu lộ đậm nét khiến Lương Khải Siêu đã tự ý sửa đổi nội dung và cắt bớt nhiều đoạn ở phần sau khi dịch ra chữ Hán - chắc hẳn vì tự ái dân tộc người Trung Quốc trong Lương bị va chạm sâu sắc. Nguyên tác *Kajin no kigû* cũng đột ngột ngưng nửa chừng ở quyển 16 không có phần kết thúc, có lẽ vì lúc này Sanshi đã quá bận rộn trong đời sống chính trị và tự thân nước Nhật đã chuyển mình từ một quốc gia lạc hậu thành một cường quốc có thuộc địa, nên ý thức tranh đấu cho độc lập dân tộc trong Sanshi - tư tưởng cốt lõi trong phần đầu của *Kajin no kigû* đã thu hút độc giả ở Nhật cũng như ở các nước Đông Á khác, trong đó có Lương Khải Siêu và Phan Châu Trinh - đã biến tướng, nhường chỗ cho chủ nghĩa quốc gia bành trướng.

Vừa là một nghị sĩ quốc hội trong nhiều năm, Sanshi cũng đã từng làm thứ trưởng Bộ Nông Thương (1898) và Tham chính Bộ Ngoại giao (1915). Vào những năm cuối đời, Sanshi từ giã chính trị và sống nhàn cho đến khi mất vào năm 1922. Ngoài *Kajin no kigû,* Sanshi còn là tác giả của những tác phẩm khác như *Tôyô no kajin* (Người đẹp Đông Phương; 1888), *Ejiputo kinseishi* (Lịch sử cận đại Ai Cập; 1889) v.v... Tuy nhiên, với tư cách là một nhà văn, trong những tác phẩm của Sanshi chỉ có *Kajin no kigû* đáng được chú ý.

NGUYÊN TÁC *KAJIN NO KIGÛ* (GIAI NHÂN KỲ NGỘ)

Kajin no kigû được xem như là một trong ba tiểu thuyết chính trị tiêu biểu vào thời Minh Trị, hai tiểu thuyết khác là *Keikoku bidan* (Kinh Quốc Mỹ Đàm, tức "Những chuyện hay đẹp về việc trị nước"; 1883) của Yano Ryûkei (Thỉ Dã Long Khê), *Setchûbai* (Tuyết Trung Mai, tức "Hoa mai trong tuyết"; 1885) của Suehiro Tetchô (Mạt Quảng Thiết Trang). Nguyên tác *Kajin no kigû* được xuất bản trong khoảng 12 năm từ tháng 10/1885 đến tháng 10/1897 với trình tự như sau:

Tập I (quyển 1 - quyển 2)	Tháng 10/1885
Tập II (quyển 3 - quyển 4)	Tháng giêng, 1886
Tập III (quyển 5 - quyển 6)	Tháng 8/1886
Tập IV (quyển 7 - quyển 8)	Tháng 12/1887 - Tháng 3/1888
Tập V (quyển 9 - quyển 10)	Tháng 11/1891
Tập VI (quyển 11 - quyển 12)	Tháng 3/1897
Tập VII (quyển 13 - quyển 14)	Tháng 9/1897
Tập VIII (quyển 15 - quyển 16)	Tháng 10/1897

Bản dịch của Lương Khải Siêu lần đầu tiên đăng trên *Thanh nghị báo* từ số 1 đến số 35 (1898-1901) chia thành 16 quyển chứ không ghi số tập[1] như trong nguyên tác. Khi bản dịch của Lương được in lại thành sách[2], 16 "quyển" được sửa lại thành 16 "Hồi". Vì bản dịch GNKN của Phan Châu Trinh cũng để là "hồi" (Phan dịch được tất cả 8 hồi và một phần của hồi 9), chúng ta có thể khẳng định là khi diễn ca sang tiếng Việt, Phan đã dựa trên bản in thành sách chứ không dựa theo ấn bản đầu tiên trên *Thanh nghị báo.*

Kajin no kigû là một cuốn tiểu thuyết có tính cách tự truyện, và như trên đã nói, nhân vật chính cũng có tên là Tôkai Sanshi. Trước hết ta thử xem nội dung của phần đầu (tức 4 tập đầu, từ quyển 1 cho đến quyển 8), tức là phần có nội dung hấp dẫn nhất của cuốn tiểu thuyết chính trị này.

Với một bố cục tương đối chặt chẽ, phần này kể lại chuyện từ khoảng mùa Xuân năm 1882 khi Sanshi còn ở Philadelphia cho đến khi trở về Nhật vào tháng giêng năm 1885. Một ngày nọ, Sanshi lên Lầu Độc Lập (Independence Hall) ở Phủ Bí (Philadelphia) ngắm Chuông Tự Do (Liberty Bell). Sanshi phóng mắt nhìn ra tứ bề, lòng dậy niềm cảm khái khi nghĩ đến cuộc chiến tranh giành độc lập ngày trước và cảnh phú cường của đất nước Hợp Chúng Quốc lúc bấy giờ. Vừa lúc đó có hai giai nhân bước lên lầu, hai nàng không để ý đến những thắng cảnh mà chỉ quan tâm đến những sử tích có dính líu đến Chiến tranh Độc lập của Hoa Kỳ như sông Đề Thủy (Delaware), Tào Khê (Forge Valley), đồi Văn Hà (Bunker Hill), v.v. và tỏ ý mong ước cho đất

---

[1] Nguyên văn chữ Nhật là *"hen"* (biên).

[2] Ẩm Băng Thất là bút hiệu của Lương Khải Siêu. Tuyển tập chúng tôi dùng là *Ẩm Băng Thất hợp tập, chuyên tập* xuất bản ở Thượng Hải năm 1936.

nước của họ cũng có ngày được độc lập tự do như vậy. Tán Sĩ thầm đoán hai giai nhân không phải là người thường. Sau đó vài hôm, khi đang chèo thuyền ngược dòng sông Delaware, Sanshi tình cờ gặp hai giai nhân. Một cô ngỏ lời chào, hỏi Sanshi có phải người Tây Ban Nha chăng, khi nghe Sanshi nói mình là người Nhật, hai giai nhân có vẻ yên tâm, mời Sanshi về thăm nơi họ đang trú ẩn. Một cô tên là Hồng Liên người Ái Nhĩ Lan, một cô tên là U Lan người Tây Ban Nha. Hồng Liên tuổi chừng hăm ba, hăm bốn; U Lan mới độ hai mươi. Đúng như Tán Sĩ đoán, hai cô vì đang tranh đấu cho độc lập của đất nước mình nên phải sống lưu vong tại Hoa Kỳ. Thân phụ của Hồng Liên là một nhà ái quốc bị phe độc tài giết hại. Thân phụ U Lan cũng vì tranh đấu cho độc lập của Tây Ban Nha nên bị phe đối lập đang hăm dọa tính mạng.

Nhân vật thứ tư trong truyện là một người Trung Quốc lớn tuổi tên là Phạm Khanh, hiện giúp việc bếp núc trong nhà của hai giai nhân nhưng vốn là một di thần của nhà Minh. Phạm vẫn chưa nguôi chí khôi phục nhà Minh và chấn hưng châu Á. Sau khi nghe ba người kia thổ lộ thân thế của mình, Sanshi cho họ biết là chàng cũng là "di thần" của phe chiến bại trong cuộc Minh Trị Duy Tân, đã từng chịu đựng không biết bao nhiêu khổ nhục. Hai giai nhân mở tiệc rượu, ca múa để an ủi Tán Sĩ và mừng duyên kỳ ngộ giữa bốn người "đồng hội đồng thuyền".

Sau 6 quyển đầu với nội dung và nhiều tình tiết phong phú, trong 2 quyển 7 và 8 (tập 4) sân khấu của câu chuyện chuyển từ Hoa Kỳ sang Âu Châu và Ai Cập, bố cục của câu chuyện bắt đầu trở nên đơn điệu mà mất dần hơi hướng của một cuốn tiểu thuyết. Tác giả chủ yếu kể lại cuộc gặp gỡ giữa danh tướng Kossuth của phong trào độc lập ở Hung với bà Parnell - lãnh tụ đảng Ái Nhĩ Lan tự trị; U Lan liều mình cứu cha; tướng Arabi Pasha dấy binh chống Anh rồi bị thất bại; và đặc biệt giải thích khá dài dòng về nguyên nhân tại sao Hung Gia Lợi mất độc lập. Xem như thế, có thể nói rằng việc Phan Châu Trinh ngưng dịch khi dịch xong quyển 8 (và một phần quyển 9) không phải là một sự ngẫu nhiên mà là một quyết định sáng suốt. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong phần sau.

Từ quyển 9 đến quyển 16, *Kajin no kigû* hầu như không có bố cục. Tác giả trước hết bàn về việc tranh chấp giữa Nhật và Trung Quốc xung quanh vấn đề Triều Tiên và sự xung đột giữa hai phái bảo thủ thân nhà Thanh với phái tiến bộ thân Nhật ở Triều Tiên.

Trong chuyến Âu du năm 1886-87, Sanshi tình cờ gặp lại Phạm Khanh ở Hương Cảng - Phạm lúc ấy trên đường từ An Nam (tên gọi Việt Nam lúc bấy giờ) về quê ở Phúc Kiến. Sau đó, Sanshi ghé Ai Cập thăm bại tướng Arabi Pasha, rồi tình cờ gặp lại U Lan ở ngoại ô thành phố Cairo. Từ Ai Cập, Sanshi sang Ý Đại Lợi để tìm gặp Kossuth lúc bấy giờ đang lánh mình ở Torino. Kossuth bàn cho Sanshi nghe phương sách Nhật cần áp dụng để sửa đổi các điều ước bất bình đẳng ký với Tây phương, và nói về tham vọng làm bá chủ thế giới của Nga. Trên con tàu từ Ái Nhĩ Lan sang Gia Nã Đại trên đường trở về Nhật, Sanshi gặp Hồng Liên và nghe nàng kể chuyện về phong trào tự trị ở Ái Nhĩ Lan. Sanshi về đến Nhật vào tháng 6 năm 1887. Khi Tani trình ý kiến thư yêu cầu Thủ tướng Itô Hirobumi áp dụng đường lối cứng rắn hơn đối với các nước Tây phương nhưng không được chấp thuận, Tani và Sanshi từ chức.

Trong phần chót (quyển 16), câu chuyện trở lại vấn đề Triều Tiên với cuộc xung đột giữa hai phái Đại Nguyên Quân (tiến bộ, thân Nhật) và Mẫn Phi (tức Hoàng Hậu Mẫn, đại diện cho phái bảo thủ, thân nhà Thanh). Kim Ngọc Quân thuộc phái tiến bộ bị bắt cóc ở Thượng Hải và đưa về Triều Tiên trên chiến hạm của Trung Quốc để bị chém bêu đầu. Dư luận ở Nhật sôi sục khi nghe tin này, và sau đó không lâu, khi đảng Đông Học nổi loạn ở Triều Tiên, chiến tranh Trung-Nhật mở đầu. Trong thời gian chiến tranh, Sanshi sang Triều Tiên nhiều lần nhằm giúp sức cho phái tiến bộ thân Nhật. Mặc dầu Nhật thắng trận và theo hòa ước Mã Quan (Shimonoseki) nhà Thanh phải cắt nhường bán đảo Liêu Đông cho Nhật; ba nước Nga, Đức, Pháp đột nhiên can thiệp, yêu cầu Nhật trả lại Liêu Đông cho Trung Quốc. Thế lực của Mẫn Phi nhờ vậy được củng cố. Ngày 8 tháng 10 năm 1895, nhóm Đại Nguyên Quân với sự trợ giúp của người Nhật ở Triều Tiên làm cuộc đảo chánh, ám sát Mẫn Phi. Vì có can dự trong vụ này, Sanshi bị bắt đưa về giam ở nhà ngục Hiroshima. Nguyên tác *Kajin no kigû* chấm dứt đột ngột ở đó.

Kajin no kigû được viết bằng một thể "văn viết" tựa như Hán văn nhưng có phụ thêm cách đọc theo vần tiếng Nhật *(kanbunchô kakikudashi)*. Loại văn này giàu về âm điệu cũng như hình tượng, ngâm lên nghe trang trọng, bi tráng - thích hợp để nói lên tâm trạng phẫn uất vì mất nước của Sanshi hồi còn niên thiếu và các nhân vật khác trong tác phẩm. Những bài thơ chữ Hán rải rác đây đó trong phần đầu càng khiến người đọc dễ bị thu hút và đồng tình

với người trong chuyện. Công việc dịch *Kajin no kigû* sang văn viết *(văn ngôn)* trong Hán văn được đơn giản hóa vì Tôkai Sanshi đã sử dụng một bút pháp rất gần với Hán văn. Từ trước đến nay có hai bản dịch sang Hán văn: một bản dịch của Takeda Noriyuki (không xuất bản)[1] và một bản dịch của Lương Khải Siêu. Vì Phan Châu Trinh đã dựa trên bản dịch của Lương Khải Siêu, ta hãy xem bản dịch này so với nguyên tác khác nhau như thế nào.

BẢN DỊCH HÁN VĂN CỦA LƯƠNG KHẢI SIÊU

Trước khi sang Nhật lưu vong, hình như người trong nhóm *"Tairiku rônin"* (Đại Lục Lãng Nhân)[2] ở Trung Quốc đã tặng Lương một cuốn *Kajin no kigû* và có lẽ chính họ cũng đã khuyên Lương nên dịch tác phẩm này ra Hán văn[3]. Về phần Lương, ý thức sâu sắc về vai trò của tiểu thuyết chính trị trong việc nâng cao dân trí có lẽ là động cơ chủ yếu đã thúc đẩy Lương trong việc

---

[1] Takeda Noriyuki là một hội viên nhóm Ten'yûkyô (Thiên-Hựu-Hiệp) và cũng là bạn của Tôkai Sanshi. Theo Yanagida Izumi, mặc dầu tinh thông Hán văn, khi đọc bản dịch điêu luyện của Lương Khải Siêu trên *Thanh nghị báo*, Takeda đã quyết định ngưng dịch vì cảm thấy mình không có đủ khả năng như Lương. (Xem *Seiji shôetsu kenkyû* [Nghiên cứu về tiểu thuyết chính trị]. Tokyo: Shunjûsha, 1967; tập thượng, trang 381). Tuy nhiên trong một công trình nghiên cứu khác xuất bản cùng một năm, Yanagida lại mâu thuẫn với chính mình, nói rằng Takeda đã dịch hết toàn bộ tác phẩm (Xem *"Kajin no kigû* to sono sakusha ni tsuite" [Về *Giai nhân kỳ ngộ* và tác giả] trong *Meiji seiji shôsetsu shû* [Tiểu thuyết chính trị thời Minh Trị - Tuyển tập]. Tokyo: Chikuma Shobô, 1967, tập 2, trang 487).

[2] Tức "Những người lang thang trên đại lục", tên dùng để chỉ những người Nhật hoạt động chủ yếu ở Trung Quốc từ cuối thế kỷ XIX đến cuối Thế chiến thứ hai. Hoạt động của những người này đa dạng, nhưng họ giống nhau ở chỗ là người nào cũng có khuynh hướng Liên Á (tức chủ nghĩa Á Tế Á) lãng mạn, và sẵn sàng xả thân giúp các nhà cách mạng Trung Quốc hay các nước Á châu khác đấu tranh chống ách thống trị của các nước Tây phương, nhiều khi vừa để củng cố thế đứng của nước Nhật ở Á Châu.

[3] Nakamura Tadayu, "Chûgoku bungaku ni oyoboseru Nihon bungei no eikyô, III" (Ảnh hưởng của văn nghệ Nhật Bản đối với văn học Trung Quốc, III). *Taidai bungaku,* quyển 8, số 2 (tháng 8, 1943), trang 111-112).

dịch thuật[1]. Trong bài "Truyền bá văn minh tam lợi khí"[2] (Ba lợi khí trong việc truyền bá văn minh), Lương bình luận về vai trò của tiểu thuyết chính trị trong xã hội thời Minh Trị như sau: "Tiểu thuyết đã góp phần lớn trong quá trình làm thành công Minh Trị Duy Tân... Khái niệm tự do trong các tiểu thuyết Tây phương khi được dịch sang tiếng Nhật đã mở đầu phong trào Tự do Dân quyền vào đầu thập niên 1880... Một khi dịch thuật đã thịnh hành, việc trước tác của tiểu thuyết chính trị sẽ dần dần bắt đầu. Những nhà văn viết tiểu thuyết chính trị như Tôkai Sanshi (tác giả của *Kajin no kigû*), Suehiro Tetchô (tác giả của *Kanan'ô)*, Yano Ryûkei (tác giả của *Keikoku bidan)*... đều một thời là những nhà chính luận lớn, gửi gắm chính kiến của mình vào những nhân vật trong truyện, những ý kiến của họ sẽ đi vào tâm não của dân chúng. Hai tác phẩm có hiệu quả lớn nhất là *Keikoku bidan* và *Kajin no kigû.*

Sau khi chính biến Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc thất bại, trên chiến hạm Ôshima từ Thượng Hải sang Nhật lưu vong, Lương bắt tay vào việc dịch thuật *Kajin no kigû.* Vì mới bắt đầu học tiếng Nhật, Lương được sự chỉ dẫn của một người Nhật khi đọc tác phẩm này. Lương áp dụng lối dịch trực tiếp, vừa cố gắng dịch sát sao ý tứ trong nguyên văn vừa chuyển lời trong nguyên tác thành những câu văn khi gọn ghẽ khi hoa lệ trong Hán văn, khiến lời văn trong bản dịch lắm khi còn trội hơn cả nguyên tác. Tuy nhiên, khi Lương cảm thấy nội dung của nguyên tác đi ngược với lập trường "bảo hoàng" của Lương, hoặc động chạm đến quyền lợi hay làm tổn thương danh dự của Trung Quốc, Lương không ngần ngại cắt bỏ hay thậm chí đổi lời. Chúng ta thử xem một hai ví dụ.

Trong nguyên tác, ngoài ba nhân vật Sanshi, Hồng Liên và U Lan, Phạm Khanh là nhân vật quan trọng thứ tư. Ngay từ quyển 1, Phạm Khanh được Tôkai Sanshi giới thiệu như sau: "Ông họ Đỉnh, tên Thái Liễn, tự Phạm Khanh, tổ tiên vốn là bộ hạ của Cù tướng quân - một danh thần nổi tiếng cuối đời nhà Minh,... từ lúc còn niên thiếu đã căm giận tội ác của nhà Thanh, muốn khôi phục nhà Minh, cứu trăm họ khỏi cảnh lầm than, diệt trừ lũ gian thần

---

[1] Trong các tiểu thuyết chính trị thời Minh Trị, Lương còn dịch cuốn *Keikoku bidan* của Yano Ryûkei ra Hán văn.

[2] *Thanh nghị báo,* số 34, tập 5 (1899).

và cải cách chế độ chính trị thối nát"[1]. Vì lập trường của Phạm Khanh trong nguyên tác đi ngược lại với chủ trương của Lương là chỉ yêu cầu cải cách chứ không đòi lật đổ nhà Thanh, trong bản dịch của Lương, nhân vật Phạm Khanh đến cuối hồi 2 mới được giới thiệu một cách khá mơ hồ: "Phạm Khanh là một nhà chí sĩ Trung Quốc, căm giận và phẫn nộ thế cuộc, lê gót giang hồ đó đây rồi trở thành bạn thân của Tán Sĩ"[2]. Tương tự, trong đoạn văn của nguyên tác bàn về Thái Bình Thiên Quốc, khẩu hiệu "bài Mãn hưng Hán" của Hồng Tú Toàn cùng các người lãnh đạo khác được nói rõ là "Những di thần của nhà Minh dấy nghĩa binh nhằm lật đổ chính sách bạo ngược của Thanh triều..."; nhưng trong bản dịch, Lương sửa lại là "Bọn Hồng, Dương dấy binh nhằm khôi phục dân quyền của người Trung Quốc, lấy người Hán làm chiêu bài cho cuộc cách mạng", tuyệt nhiên không đả động đến nhà Thanh.

Những phần trong nguyên tác bị cắt bỏ hay sửa đổi nhiều nhất vẫn là những đoạn va chạm đến tự ái dân tộc của Lương. Trong khoảng thời gian 12 năm từ 1885 cho đến 1897 khi *Kajin no kigû* xuất bản, Trung Quốc và Nhật Bản tranh chấp về vấn đề Triều Tiên: Trung Quốc coi Triều Tiên là phiên thuộc, trong khi đó từ đầu thời Minh Trị, giới lãnh đạo chính quyền Minh Trị xem Triều Tiên nằm trên "tuyến chủ quyền" *(shukensen),* tức vòng đai phòng thủ của Nhật Bản. Quan hệ Trung-Nhật đặc biệt căng thẳng vào thập niên 1890, với cao điểm là chiến tranh Trung-Nhật (1894-95). Bởi vậy không phải ngẫu nhiên mà vấn đề Triều Tiên là chủ yếu từ quyển 9 đến quyển 16 trong *Kajin no kigû*. Đây cũng chính là phần nguyên tác bị cắt bỏ hoặc sửa đổi nhiều nhất trong bản dịch của Lương. Chúng ta hãy xem một thí dụ điển hình.

Trong quyển 16 của nguyên tác, Tôkai Sanshi viết:

"Lý Hồng Chương mượn danh nghĩa triều đình Hàn Quốc xin cứu vua, gửi đại binh sang đất Hàn để thực hiện tham vọng của mình từ lâu năm". Theo Sanshi, chính phủ Nhật gửi binh sang Hán Thành không phải vì muốn gây chiến tranh ở nước ngoài mà để kiềm chế lòng phẫn uất của dân chúng và của quân đội sau khi Kim Ngọc Quân và Phát Vĩnh Hiếu bị giết. Nhưng vì tình hình đi

[1] Tôkai Sanshi, *Kajin no kigû,* trang 18-20.

[2] Lương Khải Siêu *dịch, Giai nhân kỳ ngộ,* trang 25.

vượt khả năng kiểm soát nên chiến tranh Nhật Thanh bùng nổ[1]. Trong bản dịch, Lương hoàn toàn không dịch phần này, và thay bằng một đoạn do chính Lương sáng tác, nhưng mượn lời của tác giả, với nội dung như sau:

"Triều Tiên nguyên là thuộc địa của Trung Quốc. Khi thuộc địa bị loạn lạc và xin cứu nạn, nước lớn có nghĩa vụ giúp đỡ. Lúc bấy giờ Triều Tiên gặp phải loạn trong họa ngoài, gửi thư nhờ Trung Quốc cứu viện, Trung Quốc mới gửi binh sang giúp. Nhật Bản vừa mới duy tân, đầy khí thế, đang muốn tìm cơ hội để thử sức ở Đông Á. Thấy triều đình nhà Thanh có thể bị lừa và Triều Tiên có thể bị dụ dỗ, Nhật Bản mượn tiếng giúp đỡ Triều Tiên nhằm gây sự với Thanh triều. Thanh triều không hiểu rằng Nhật Bản ngày nay không phải là Nhật Bản ngày trước nên muốn trừng phạt để ngăn chặn kẻ ngang ngược, đa sự ở Đông Á; Thanh triều cũng không biết là Trung Quốc đang bị thối nát và sẽ tự hoại nếu bị làm nhục. Sau 300 năm thái bình ca hát, Thanh triều không hiểu là binh sĩ không còn dùng được. Bị hủ bại thối nát và không thông hiểu tình hình thế giới, Trung Quốc là một người già mang bệnh nặng mà phải đấu sức đấu trí với một nước Nhật Bản mới ra đời, hung tợn mạnh dạn mà lại có tư tưởng văn minh, nên không có cách gì địch lại. Thử sức cú đầu thua ở Triều Tiên, cú thứ hai mất Liêu Đông, cắt nhường Đại Loan và phải trả một khoản tiền bồi thường chiến tranh kếch sù. Nhưng người Nhật chúng ta có chí lớn nên vẫn thấy chưa đủ, không ngờ ba nước lớn Nga, Đức, Pháp can thiệp. Tuy không hài lòng, nhưng chúng ta phải nhượng bộ. Những chí sĩ trẻ tuổi đổ trách nhiệm cho chính phủ vì họ không hiểu nỗi khổ tâm của chính phủ[2]."

Lương chấm dứt bản dịch ở đây, để nguyên khoảng hai phần ba còn lại của quyển 16 không dịch. Khoảng một năm sau khi phần dịch cuối cùng của Lương được công bố trên *Thanh nghị báo,* Lương làm bài thơ sau đây nói nỗi thất vọng của mình đối với tác giả Tôkai Sanshi.

Năng dịch Giai nhân kỳ ngộ *thành,*
Mỗi sinh du tưởng thiệp không minh.

---

[1] Tôkai Sanshi, *Kajin no kigû,* trang 236.

[2] Lương Khải Siêu dịch, *Giai nhân kỳ ngộ,* trang 220.

Tòng kim bất tiện Sài Đông Hải,
Uổng bị đa tình nhạ bạc tình!

Tạm dịch:

Trước đây mỗi bận dịch *Giai nhán,*
Cảm hứng tuôn tràn mấy đoạn văn.
Thôi nhé từ đây xin giã biệt,
Lỡ mến ông Sài phải lụy thân.

Tuy Lương bất mãn với nửa phần sau của *Kajin no kigû* và bản dịch của Lương vì thế càng gần cuối càng thiếu trung thực, nhưng sự biến tướng trong việc tiếp thu tư tưởng và văn hóa là một hiện tượng phổ biến hầu như khó tránh khỏi trong quá trình giao lưu văn hóa giữa hai nước, đòi hỏi những phân tích và đánh giá khách quan. Hiện tượng biến tướng này, như chúng ta sẽ thấy, sẽ tái hiện với hình thái khác khi Phan Châu Trinh dịch GNKN từ bản dịch Hán văn của Lương. Ngoài ra, cũng cần để ý rằng ảnh hưởng của *Kajin no Kigû* đối với Lương không chỉ giới hạn trong bản dịch của Lương mà còn đi xa rộng hơn nữa, bởi lẽ Lương về sau cũng sáng tác một số tiểu thuyết chính trị, trong đó đặc biệt tác phẩm *Tân Trung Quốc vị lai ký* (1902) có cảm hứng và bố cục chịu ảnh hưởng không ít của *Kajin no Kigû* và *Keikoku bidan.*

BẢN DỊCH *GIAI NHÂN KỲ NGỘ DIỄN CA* CỦA PHAN CHÂU TRINH

Mặc dầu không có tư liệu nào nói rõ Phan Châu Trinh đã đọc bản dịch *Giai nhân kỳ ngộ* của Lương Khải Siêu lần đầu tiên vào lúc nào, chúng tôi mường tượng là Phan đã đọc qua tiểu thuyết này khi đang thăm viếng Nhật Bản vào năm 1906. Lý do là trong mấy tháng ở Nhật Bản, Phan được Sào Nam tiên sinh dẫn đi thăm những người quen đó đây, trong số đó chắc hẳn phải có Lương, người mà Phan Bội Châu cũng như Phan Châu Trinh suốt đời mến mộ. Bản dịch của Lương sau khi đăng trên *Thanh nghị báo* được Thương vụ Ấn thư

quán (Thượng Hải) xuất bản thành sách lần đầu tiên vào năm 1901, đến năm 1906 - lúc Phan Châu Trinh sang Nhật - đã có 6 ấn bản[1]. Nếu bản dịch *Giai nhân kỳ ngộ* của Lương lúc bấy giờ đang phổ biến như thế, dẫu Lương không biếu thì Phan cũng tìm mua hay mượn đọc, vì chữ Hán hầu như là phương tiện duy nhất qua đó Phan Châu Trinh có thể thu thập thông tin trong thời gian này. (So với những trí thức cùng thời kể cả Phan Bội Châu, tinh thần yêu nước của Phan Châu Trinh có điểm nổi bật là rất bén nhạy về điều hay cái lạ ở nước ngoài cũng như về những nhược điểm văn hóa và xã hội con người Việt Nam cần khắc phục). Huống chi, trong cuốn *Phong trào Đại Đông Du,* Phương Hữu cũng cho ta biết rằng trong khoảng thời gian ở Nhật Phan Châu Trinh đã làm bài thơ *Độc Giai nhân kỳ ngộ* (Cảm tác sau khi đọc *Giai nhân kỳ ngộ)* sau đây nói lên sự ngưỡng mộ của mình đối với tác phẩm khi mới đọc xong[2]:

Vật cạnh[3] *phong trào hám ngũ châu,*
Anh hùng tâm toái Tự do lâu.
Bạch đầu tráng sĩ chân ưu quốc,
Hồng tụ giai nhân giải báo cừu.
Đàm tiếu nhãn cơ không nhất thiết,
Tử sinh nhân tự tức thiên thâu.
Hào tình diệu luận phân phân thị,
Nhất độc linh nhân nhật điểm đầu.

Ngọn sóng đua tranh khắp địa cầu,
Anh hùng lắm lúc ruột gan đau.
Kìa người đầu bạc còn lo nước,
Nọ khách môi son biết trả thù.

---

[1] Xem Đàm Nhữ Khiêm biên tập; *Chûgukugoyaku Nihonsho sôgô* (Mục lục tổng hợp những sách tiếng Nhật được dịch sang tiếng Trung Quốc). Hương Cảng, Trung Văn Đại học Xuất bản xã, 1980. trang 597.

[2] Phương Hữu, *Phong trào Đại Đông* (Sài Gòn: Nam Việt, 1950), trang 16-17. Nhà nghiên cứu Huỳnh Lý đoán là Phan đọc *Giai nhân kỳ ngộ* lần đầu tiên ở Huế "khoảng những năm 1904-1906" vì lúc này cuốn *Giai nhân kỳ ngộ* được nói đến rất nhiều (Xem Huỳnh Lý, sđd, trang 72).

[3] Trước khi những từ "tiến hóa luận" hay "chủ nghĩa tiến hóa" từ Nhật du nhập vào Trung Quốc, người Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX dùng các từ "vật cạnh" hay "thiên diễn" để dịch từ "evolution". Những từ này về sau trở thành tử ngữ. Tùy theo bản thảo, có lúc Phan Châu Trinh dùng hai chữ "Âu Á" thay vì "vật cạnh".

Hay dở người đời xem mỏi mắt,
Thác còn gương sáng dọi nghìn thu.
Lời hơn lẽ phải nghe hay thiệt,
Đọc đến thì ta lại gật đầu.

Ngô Đức Kế dịch

Câu hỏi tiếp đến là Phan Châu Trinh đã dịch GNKN lúc nào? Chúng ta biết khá chắc là Phan Châu Trinh đã dịch tại Pháp, có điều là các nhà nghiên cứu Phan Châu Trinh từ trước đến nay đã đưa ra những thời điểm dịch không đồng nhất.

1) Huynh Lý đoán là "vào thời gian 1912-1913", dựa trên 3 lý do[1]:

(a) Ông có xem bản chép tay của Phan Châu Trinh trong một cuốn vở học sinh bán tại Paris. Đáng tiếc là sau đó ông Huỳnh Lý không giải thích rõ là trong hai cuốn vở này có chi tiết gì khiến ông đoán là Phan Châu Trinh đã dịch trong 2 năm 1912-1913.

(b) Từ khi ở ngục Santé ra, Phan không còn trợ cấp, phải làm việc để kiếm kế sinh nhai, không có đủ thời giờ dịch thuật. Lý do này thoạt đầu nghe có vẻ hợp lý, nhưng ông Huỳnh Lý không giải thích tại sao ông không nghĩ là Phan vẫn có thể tiếp tục dịch sau đó - khi có điều kiện khá hơn, chẳng hạn vào một thời điểm sau Thế chiến thứ hai. Bởi lẽ Phan rất quyến luyến với bộ *Ấm Băng Thất,* Phan Văn Trường cũng cho chúng ta biết rằng khi từ Pháp về Việt Nam năm 1925, Phan vẫn không quên mang theo bộ *Ấm Băng Thất* trong hành lý[2].

(c) Trong một bức thư gửi cho Phan không đề ngày tháng mà ông Huỳnh Lý đoán định là vào năm 1913, Nguyễn Tất Thành có viết: "Bác dịch mấy hồi sau xong rồi, xin bác gởi cho cháu", và trong những công trình của Phan chỉ có *Giai nhân kỳ ngộ* là có phần hồi. Đây là một tài liệu có giá trị, tuy nhiên như nhà nghiên cứu Thu Trang đã đặt nghi vấn: Việc dự đoán là quyển sách này viết vào thời 1913 do bài của Huỳnh Lý giới thiệu không rõ có phải nhà chí sĩ đã

---

[1] Huỳnh Lý, sđd, trang 156. Ở một đoạn khác trong cùng cuốn sách này, tác giả Huỳnh Lý lại có ý kiến khác biệt: "Chúng tôi đoán định *Pháp Việt, hiệp hậu chi tân Việt Nam* và *Giai nhân kỳ ngộ* được viết ra trong giai đoạn 1911-1914 (trang 27).

[2] Xem Nguyễn Phan Quang và Phan Văn Hoàng, "Phan Châu Trinh dưới mắt Phan Văn Trường", *Nghiên cứu lịch sử,* 4 (275), tháng 7-8, 1994, trang 68.

ghi lại không?"[1] Hơn nữa, dựa vào bức thư này ta vẫn không biết được Phan chấm dứt dịch thuật lúc nào, bởi vậy việc chọn 1913 là năm Phan chấm dứt dịch GNKN không có vẻ hợp lý.

2) Nguyễn Q. Thắng ghi là *"Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* (1913-1915)" nhưng không giải thích lý do.

3) Nguyễn Văn Dương dựa trên cùng tư liệu và có cùng ý kiến với Huỳnh Lý nhưng phát biểu có vẻ khẳng định hơn: "ta có thể phỏng định một cách khá chắc chắn là Phan Châu Trinh đã diễn ca *Giai nhân kỳ ngộ* trong khoảng hai năm 1912, 1913". Vì phỏng đoán một cách khá chủ quan là Phan bắt đầu dịch năm 1912 và chấm dứt dịch GNKN vào năm 1913 nên ông Dương đã chú thích như sau: "Trong vòng trên dưới hai năm, Phan Châu Trinh đã dùng tài làm văn mau mắn, dồi dào của mình để diễn ca một khối lượng đồ sộ gần 7.000 câu thơ lục bát, cùng 28 bài thơ, ca thuộc các thể loại khác gồm 1 bài ngũ ngôn trường thiên, 2 bài thơ thất ngôn tứ tuyệt, 6 bài thất ngôn Đường, 5 bài thất ngôn trường thiên có câu dài câu ngắn, 12 bài hát nói, 1 bài văn tế và 1 bài dịch (hai bài sau này có xen vào nhiều câu và thể tứ ngôn), 28 bài sau này tổng cộng 550!"[2] Lẽ ra khi gặp "một khối lượng đồ sộ" của GNKN cũng như về các thể loại thơ khác của Phan thì câu hỏi đặt ra trước tiên đúng ra phải là có hợp lý hay chăng về cách chọn điểm khởi đầu và điểm dứt của GNKN trong vòng 2 năm (cho dầu không ai có thể phủ nhận thi tài của Phan).

4) Thu Trang đưa ra giả thuyết là "vào khoảng năm 1919-1920, Phan Châu Trinh đã phóng tác tập *Giai nhân kỳ ngộ* trong lúc Nguyễn Ái Quốc đi tìm tài liệu để viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Thu Trang cho biết: "Có nhiều điều trùng hợp một cách lạ lùng", "địa danh và nhân vật trong tập truyện ấy [tức GNKN] có nhiều sự kiện giống như một bài mật báo [của mật thám Pháp] đã ghi "về Nguyễn Ái Quốc. "Địa danh thì có Philadelphie như mật báo trên đề cập, còn nhân vật một nữ chính khách người Ái Nhĩ Lan có thật ngoài đời, mà chính Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh cũng đã từng gặp gỡ như báo cáo đã ghi ngày 4-1-1920", cùng một nhóm người Triều Tiên

---

[1] Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp, 1911-1925* (Paris: Nxb Đông Nam Á, 1983), trang 112.

[2] Nguyễn Văn Dương biên soạn, *Tuyển tập Phan Châu Trinh:* Nxb Đà Nẵng, 1995 trang 162, chú 2.

ở Pháp và Hoa Kỳ, một người Nhật (Komatsu) và một người Ấn Độ (Alitabha Ghose), v.v[1].

Chúng tôi đồng ý với Thu Trang về sự trùng hợp giữa một số hoạt động và địa bàn hoạt động của Nguyễn Tất Thành với một số chi tiết trong GNKN, và nghĩ rằng việc dịch thuật GNKN của Phan có thể vẫn kéo dài cho đến thời điểm 1919-1920, hay thậm chí sau đó nữa, tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng có lẽ Phan Châu Trinh đã bắt đầu việc dịch thuật GNKN sớm hơn thế, có lẽ chỉ vài tháng sau khi đến Pháp khoảng tháng 5 năm 1911. Phan có thể đã ấp ủ ý định dịch GNKN ngay từ hồi sang Hương Cảng và Nhật Bản rồi có dịp tiếp xúc với trào lưu tư tưởng đang thịnh hành lúc đó, tuy nhiên vì chưa có điều kiện nên Phan phải gác lại, bởi vậy khi sang Pháp Phan đã mang theo bộ *Ấm Băng Thất* mà sau này khi trở về lại Việt Nam đã đem về cùng. Chúng tôi đưa ra giả thuyết này vì trên những trang bản thảo GNKN có những hình minh họa trong nguyên tác tiếng Nhật (bản dịch của Lương không có tranh minh họa). Phải chăng hồi ở Nhật, sau khi Phan đọc qua bản dịch của Lương, ý định dịch ra quốc văn nhằm giáo dục đồng bào đã nảy sinh ra, do đó Phan đã đi tìm ấn bản bằng tiếng Nhật để xem cho biết? Tuy nhiên vì Phan không đọc được tiếng Nhật, nên Phan đã dựa trên bản dịch của Lương để diễn ca ra quốc ngữ.

Câu hỏi cuối cùng là vì sao Phan đã dừng bản dịch ở phần đầu hồi thứ 9? Huỳnh Lý đưa ra 3 giả thuyết:

(a) Vì sinh kế nên Phan không có đủ thời giờ tiếp tục

(b) Vì "cuốn truyện ở mấy hồi sau chủ yếu tuyên truyền cho nước Nhật duy tân, mà Phan Châu Trinh đã nhìn thấy thực chất Đại Đóng Á của họ, lại rất chống cái bệnh "vọng ngoại" của một số sĩ phu".

(c) Vì "nhân vật chính cuối cùng lộ chân tướng là một người không có lý tưởng gì cao xa, cũng không hào hiệp chung thủy trong tình yêu".[2]

Giả thuyết (a) về sinh kế thoạt nghe có vẻ hợp lý, nhưng không vững do lý do mà chúng tôi đã nêu ra ở phần trên. Cũng nên để ý rằng Phan là một nhà chí sĩ kiên cường, ngay vào những giờ phút khó khăn nhất (ví dụ như khi bị giam ở Côn Đảo hay ở ngục Santé) vẫn không ngừng viết lách. Trong giả thuyết (c) ông Huỳnh

---

[1] Thu Trang, sđd, trang 111-112.

[2] Huỳnh Lý, sđd, trang 157.

Lý cho là Tán Sĩ - nhân vật chính trong truyện - "không hào hiệp chung thủy trong tình yêu" rồi trong phần chú thích, trích bài thơ nói lên nỗi thất vọng của Lương (chúng tôi có trích ở trên) và bình luận: "Lương Khải Siêu cũng có ý kiến tương tự" như vậy. Thật ra, như chúng ta đã thấy, những chữ *"đa tình"* và *"bạc tình"* trong câu *"Uổng bị đa tình nhạ bạc tình"* trong bài thơ này không có nghĩa là "không hào hiệp chung thủy trong tình yêu" như ông Huỳnh Lý hiểu, mà Lương tự trách chính mình: vì trước đó Lương đã quá mến mộ Sanshi *(đa tình)* nên cuối cùng cảm thấy bị Sanshi phụ bạc *(bạc tình),* và lý do của sự thất vọng này là vì tự ái dân tộc của Lương bị động chạm trong nửa phần sau, như chúng tôi đã giải thích. Trong giả thuyết (b), ông Huỳnh Lý cho là Phan ngưng dịch vì phần sau của truyện "tuyên truyền cho nước Nhật duy tân", nhưng diễn tả như vậy chúng tôi nghĩ là không chính xác, bởi lẽ Phan chính vì muốn tiếp thu kinh nghiệm của Minh Trị Duy Tân nên mới tìm cách sang thăm viếng Nhật. Nói một cách khác, nếu quả Sanshi "tuyên truyền cho nước Nhật duy tân" thì không thành vấn đề đối với Phan, cũng như đối với Lương. Vấn đề chính yếu ở đây là: (a) sự va chạm giữa hai chủ nghĩa quốc gia (hay tinh thần ái quốc) của Sanshi và Lương, và giữa Sanshi và Phan (tuy mức độ va chạm không trực tiếp và gay gắt như giữa Sanshi và Lương), và (b) câu chuyện không còn có bố cục và trở nên đơn điệu. Ông Huỳnh Lý bảo "Phan Châu Trinh đã nhìn thấy thực chất của chủ nghĩa Đại Đông Á" của Nhật Bản nên đã ngưng dịch. Nếu ông nói "chủ nghĩa quốc gia bành trướng" thì chúng tôi đồng ý, chứ "chủ nghĩa Đại Đông Á" là một danh từ chỉ xuất hiện vào khoảng cuối thập niên 1930 mà ông lại dùng để nói rằng Phan đã ý thức chủ nghĩa này lúc còn sinh tiền thì nghe không hợp lý cho lắm.

Theo thiển ý của chúng tôi lý do chính khiến Phan Châu Trinh đã ngưng dịch ở phần đầu của hồi 9 đơn giản hơn thế: mục đích của Phan khi dịch GNKN là để mở rộng nhãn quan và nâng cao kiến thức của đồng bào về các phong trào độc lập và tự do dân quyền trên thế giới, nhưng khi dịch đến phần đầu của hồi 9, Phan thấy nội dung của cuốn tiểu thuyết đã thay đổi và không còn đáng dịch nữa nên đã ngưng. Nói một cách khác, phần GNKN mà Phan đã dịch xong (tức 8 hồi đầu) chính là phần hay nhất của *Kajin no kigu* và cũng chính là phần đã làm độc giả say mê. Xem như vậy, ta có thể nói quyết định ngưng dịch của Phan sau khi dịch xong phần này là một quyết định sáng suốt.

Bây giờ chúng ta hãy thử so sánh GNKN với bản dịch Hán văn của Lương. Điểm khác biệt rõ ràng và quan trọng nhất là Lương dịch ra Hán văn bằng văn xuôi, còn Phan dịch ra quốc ngữ bằng thơ. Tuy Phan đã cố gắng dịch sát với bản của Lương bằng cách trước hết viết những ý chính bằng văn xuôi rồi sau đó mới viết thành thơ (diễn ca)[1]; bị hạn chế bởi số từ trong một câu thơ và bởi nguyên tắc gieo vần, GNKN dĩ nhiên không thể nào dịch tất cả những ý tứ và tình tiết từ bản văn xuôi. Khi quyết định dịch một cuốn truyện văn xuôi thành một truyện thơ, Phan chắc hẳn đã ý thức về điểm mạnh của thơ so với văn xuôi trong khả năng truyền cảm đối với đối tượng là độc giả người Việt. Trước GNKN, chúng ta cũng đã có những truyện hay kịch bản bằng văn xuôi của Trung Quốc được chuyển thành truyện thơ và đã được độc giả Việt Nam chấp nhận và yêu chuộng (với mức độ khác nhau) như *Truyện Kiều, Nhị độ mai, Hoa Tiên, Truyện Phan Trần, Tây Sương, v.v.* Thể thơ Phan chọn là thể thơ lục bát[2], khi dịch những bài thơ chữ Hán theo thể thất ngôn bát cú sẵn trong bản dịch của Lương, Phan có khi giữ nguyên thể thất ngôn, có khi dịch thành lối mỗi câu 10 chữ, có khi dịch theo vần tự do.

Đối chiếu với bản dịch Hán văn của Lương, chúng ta thấy đôi lúc Phan đã Việt hóa một số tình tiết, rút ngắn những phần mà Phan cảm thấy không quan trọng, hoặc không ngần ngại kéo dài và diễn tả say sưa hơn những đoạn chống áp bức hay ca tụng tự do dân quyền. Tuy nhiên, cốt truyện của GNKN nói chung không có khác biệt đáng kể so với bản dịch của Lương. Có một trường hợp ngoại lệ là Sanshi hết lời tán tụng - qua lời ca của Hồng Liên - truyền thống vẻ vang của nước Nhật, Phan đã không ngần ngại sửa lại thành những lời tán tụng truyền thống lịch sử đấu tranh giữ nước và dựng nước của người Việt. Bài thơ này (bài thứ 3 trong 4 bài thơ dài trong hồi thứ 4) trong bản dịch của Lương có tất cả 20 câu, Phan dịch tóm gọn lại thành 12 câu.

Trước hết chúng ta thử xem 8 câu đầu trong bản dịch của Lương:

---

[1] Như trên, trang 183.

[2] Phan lúc đầu định dịch theo thể song thất lục bát, nhưng sau đó có lẽ thấy không thích hợp nên dùng thể lục bát. Xem Nguyễn Văn Dương biên soạn. *Tuyển tập Phan Châu Trinh,* trang 151-153.

Ngã sở tư hề Đông Hải đoan,
Dục vãng tòng chi thủy lộ nan.
Hải đoan hữu quốc danh Phù Tang,
Tục dữ phong quang giai nhã nhàn.
Miên miên hoàng thống thùy vạn thế,
Chiêu chiêu uy danh cập hà duệ,
Sĩ trọng tín nghĩa khinh mạt lợi,
Tiểu tâm dực dực ngưỡng thánh đế...

Tạm dịch[1]:

Ta nhớ đâu nhớ đầu Đông Hải,
Muốn theo sang sóng gió vô vàn
Đầu biển kia có nước Phù Tang
Cảnh sắc lẫn dân tình thanh nhã.
Nơi hoàng triều muôn đời trị thế,
Uy danh ấy sáng ngời hậu duệ,
Samurai trọng nghĩa khinh tài,
Đem thân mình ra phò thánh đế...

Phan đã sửa lại như sau:

Ta nhớ đâu nhớ đầu biển Á,
Muốn theo qua sóng khỏa ngàn trùng.
Bốn ngàn năm còn dõi giống Lạc Hồng,
Kìa biển, kìa núi, kìa sông, kìa đô ấp.
Từ Đinh Hoàng dựng cờ độc lập,
Đến Nguyễn triều thâu thập cõi Nam Trung,
Trải xưa nay lắm sức anh hùng,
Liều trôi máu vẽ nên màu cẩm tú...

Trong bản thảo Phan có giải thích lý do vì sao Phan đã thay đổi nội dung của đoạn thơ này: "Các bài này, ca ra rặt là lịch sử Nhật Bổn, nên đổi lại nước mình, chẳng phải là bản chánh như vậy"[2]. Đây là một chứng cớ rõ ràng cho chúng ta thấy sở dĩ Phan đã bỏ nhiều công sức ra để dịch GNKN chính vì muốn giáo dục và thức tỉnh độc giả người Việt, giống như Lương đã dịch từ nguyên

[1] Trừ trường hợp có ghi tên người dịch rõ ràng, những bài thơ dịch hay các đoạn văn dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt là do người viết bài này.

[2] Như trên, trang 162, chú 1.

văn tiếng Nhật trước Phan khoảng mười mấy năm nhằm cảnh tỉnh người Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Trong bản thảo, Phan có ghi bản dịch GNKN vẫn còn là "vị định cảo", tức là một bản thảo chưa được sửa chữa trau chuốt trọn vẹn. Nói một cách khác, bản dịch của Phan không phải là một bản dịch nửa chừng, chưa xong hết (trong trường hợp đó chữ Hán gọi là "vị thành" hay "vị hoàn" chứ không gọi là "vị định"), do đó chúng ta không cần phải - và cũng không nên - tiếc rẻ là Phan đã không dịch xong hết[1]. Một phần vì bản thảo chưa được nhuận sắc xong, và một phần có lẽ do cá tính của Phan, nên những đoạn nói về phong trào tranh đấu cho độc lập dân tộc, đề cao tự do dân quyền - tức là những đoạn nói đúng tâm tư của Phan - Phan dịch rất hay, rất thoáng; nhưng ngược lại cũng có những đoạn lời dịch của Phan chưa được nhuần nhuyễn, điêu luyện. Tuy là một "vị định cảo", GNKN là một tác phẩm có ý nghĩa độc đáo cần được nghiên cứu và phân tích từ nhiều góc cạnh. Để thay lời kết luận, chúng tôi xin đóng góp một vài ý nghĩa của GNKN.

Trước hết, mặc dầu không phải do Phan sáng tác, GNKN là một tư liệu quý báu giúp chúng ta hiểu thêm về nội dung tư tưởng của nhà chí sĩ và nhà cải lương Phan Châu Trinh. Ông Nguyễn Văn Dương đã đưa ra nhận xét chí lý: "Trong tư tưởng chính trị của Phan Châu Trinh, những vấn đề dân tộc, dân quyền dân sinh hết sức gắn bó với nhau; có thể nói nội dung nguyên tác rất phù hợp với khát

---

[1] Theo ông Nguyễn Văn Dương, những hồi còn lại (khoảng hai phần ba của hồi 9 cho đến hồi 16) sau này được ông Trần Tiêu dịch tiếp. (Xem Nguyễn Văn Dương biên soạn, *Tuyển tập Phan Châu trinh*, trang 151-156). Như đã giải thích ở trên, chúng tôi nghĩ rằng sở dĩ Phan không dịch phần còn lại vì Phan đã đánh giá phần sau không đáng dịch, bởi vậy việc dịch tiếp cho hết bản dịch Hán văn của Lương tuy là một cố gắng vượt bực của ông Trần Tiêu, nhưng nếu nhìn GNKN như là một tư liệu văn học và lịch sử vào đầu thế kỷ XX, có lẽ phần dịch tiếp không mang ý nghĩa quan trọng cho lắm.

vọng hành động của ông. Ta có thể nhận thấy *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* Phan Châu Trinh đã gửi gắm tất cả ý chí, nguyện vọng và tình cảm của mình". Điều đáng kính nể ở Phan là tinh thần tự chủ khi dịch thuật, Phan biết ngừng khi thấy nội dung cuốn truyện không còn xứng đáng để dịch nữa. Chính vì thế, khác với Lương, cảm tình của Phan đối với tác giả Sanshi cũng như đối với nguyên tác trước sau vẫn không bị sứt mẻ. Có thể nói sự ngưng dịch của Phan ở đầu hồi 9 là một biểu hiện tư tưởng của Phan trên nhiều mặt: không tán đồng chủ nghĩa quốc gia bành trướng của tác giả Sanshi trong phần sau, tự chủ trong hành động, và tinh thần biết lựa chọn những gì hay đẹp của nước ngoài để giới thiệu với độc giả người Việt chứ không có thái độ bừa bãi, bạ đâu dịch đó.

Trong một nghiên cứu khác, chúng tôi đã có đề cập đến trục giao lưu văn hóa Nhật Bản - Trung Quốc - Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Qua trục giao lưu văn hóa này rất nhiều khái niệm hiện đại mà nay đã trở thành quen thuộc với người Việt như "xã hội", "chính trị", "kinh tế", "dân quyền", v.v... vốn do người Nhật đặt ra vào nửa đầu thời Minh Trị (1868-1911) đã đi vào tự vựng Việt qua môi trường của sách "Tân thư", tức là loại "sách mới" do những học giả Trung Quốc có tư tưởng cải lương - tiêu biểu là Lương Khải Siêu - trước tác hay dịch thuật. Có thể nói GNKN là một biểu hiện cụ thể của lịch sử giao lưu văn hóa giữa Việt Nam, Trung Quốc và nhật Bản vào đầu thế kỷ XX, và bản dịch chữ Hán của Lương đúng là một trong những cuốn sách "tân thư" tiêu biểu. Nakamura Tadayuki, một nhà nghiên cứu lão thành người Nhật về ảnh hưởng của văn nghệ Nhật Bản đối với văn nghệ Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, có nhận xét là qua bản dịch Hán văn của Lương nhiều tự vựng trước đó không có trong chữ Hán (hoặc có nhưng dùng theo nghĩa khác) như "tự do", "quyền lợi", "dân chính", "hội nghị", v.v. đã đi từ chữ Nhật sang chữ Hán[1]. GNKN là một trong những tư liệu độc đáo dựa trên đó chúng ta có thể tìm hiểu về quá trình những danh từ hiện đại này sau đó đã đi vào tiếng Việt như thế nào, đồng thời có thể nhận thức rõ hơn những biến tướng trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa.

---

[1] Nakamura Tadayuki, bài đã dẫn, trang 132.

Phan Châu Trinh là một nhà trí thức có tầm cỡ của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Vì tư tưởng của Phan có tính cách phái tính, không nằm trong dòng chủ lưu của truyền thống văn hóa chính trị Việt Nam[1], nên việc phân tích và đánh giá nội dung tư tưởng và cuộc đời của nhà chí sĩ đòi hỏi nhiều cố gắng khách quan. Qua bài này, chúng tôi hy vọng đã đóng góp đôi chút vào việc tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* mà Phan đã dày công dịch thuật.

Giáo sư VĨNH SÍNH

[1] Xem bài "Quan niệm về độc lập quốc gia của Việt Nam và Nhật Bản: Trường hợp Phan Bội Châu và Fukuzawa Yukichi" trong sách *Việt Nam và Nhật Bản - giao lưu văn hóa*. Nxb Văn Nghệ, Tp. HCM. 2001, Tr. 112-152.

HỒI THỨ NHẤT

GẶP GỠ GIAI NHÂN

1. Chẳng phải nữ nhi vật vờ

Chàng chí sĩ Nhật gặp nữ chí sĩ Tây Ban Nha và Ái Lan trên đất Hoa Kỳ. Chàng đi chơi State House tình cờ thấy hai người đẹp ấy nói chuyện với nhau về cuộc tranh đấu giành độc lập của Hoa Kỳ năm 1774.

Biển Đông xưa có một chàng,[*]
Tên là Tán Sỹ vốn trang anh hùng,
Nước nhà gặp vận truân hung,
Theo thầy qua Mỹ gắng công học hành
Sách đèn vui thú cao thanh,
Non sông Phủ Bí[1] *chung quanh là nhà.*
Nhân khi thong thả dạo ra,
Tìm tòi dấu cũ phui pha lòng đời,
Các cao thừa hứng lên chơi,
Xem chuông độc lập, đọc bài tự do;

---

[*] Ở trong tập "diễn ca" này, 1 theo Lê Văn Siêu cặp "câu 6-8" được tính là 1 câu.

[1] *Phủ Bí*: tỉnh Philadelphie (Bí là phiên âm tiếng phi; phủ là phủ thành), một tỉnh lớn vào bậc thứ ba của Hoa Kỳ trên ngã ba sông Schuylkill và Delaware. Tỉnh vừa là một thương cảng lớn vừa là trung tâm văn hoá với những trường đại học Pennsylvanin, những hội khảo cứu khoa học mà cũng vừa là một tỉnh giữ một vai trò lịch sử quan trọng trong cuộc khởi nghĩa chống Anh để giành độc lập năm 1778. Hiến pháp của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ được đem ra thảo luận tại tỉnh ấy năm 1787 và từ 1790 tới 1800 tỉnh đã được lựa làm nơi đóng đô của chính phủ Liên Bang. Hiện trong tỉnh còn tòa nhà State House, là nơi phát ra bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776, nay là viện bảo tàng giữ những kỷ niệm cuộc chiến tranh giành độc lập. Phần *Chú thích* đều của Lê Văn Siêu trong ấn bản *Giai nhân kỳ ngộ (anh hùng ca)*. Nxb. Hướng Dương - Sài Gòn - 1958.

Nương song[1] *ngắm cảnh sơn hồ,*
Càng nhìn tích cũ thêm vo lòng vàng;
Quanh thềm chợt thấy hai nàng,
Khăn là che mặt bóng hương nực[2] *người.*
Mão giồi lông trắng phấp phơi,
Áo the mỏng mảnh xiêm dài thêu hoa,
Phong tư rất bực hằng nga,
Cùng nhau trò chuyện gần xa chốn nầy;

"Rằng xưa người Mỹ hiệp bầy,
Bắt đầu độc lập tại đây nhóm bàn,
Anh hùng để dấu giang san,
Thiệt năm bảy bốn một ngàn bảy trăm;[3]
Bồi hồi đoái bắc trông nam,
Kìa sông Đề Thủy[4] *nọ đầm Táo Khê,*
Văn Hà[5] *thảo hịch các kia,*
Tự do từ ấy càng bia lòng người;
Xa gần mây nhóm ong rơi[6]*,*
Giùm lương, giúp vải, gái trai một lòng,

Mẹ già quên phận long đong.
Khuyên con rơi lụy thẳng xông chiến trường,
Nghĩ tình chinh phụ mà thương,
Gắn chồng bỏ mạng theo đàng binh nhung[7]*.*
Thua không nớm[7]*, thác không rùng,*
Tự do dầu đặng anh hùng thơm danh;
Hổ lang trăm vạn binh Anh,
Bảy năm trôi máu thề giành tự do;

---

[1] *Nương song*: dựa cửa sổ; *Vo*: chà xát.
[2] *Nực*: sực nức.
[3] 1774.
[4] *Sông Đề Thủy*: Sông Delaware. *Đầm Táo Khê*: Hồ Erié(?), hồ ở phía Bắc xứ Pennsylvania mà Phủ Bí thủ phủ.
[5] *Văn Hà*: State - House, nhà gác nơi truyền bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776.
[6] *Mây nhóm ong rơi*: Người ta theo đông như mây tụ lại, như ong đổ tới.
[7] *Gắn*: gắn bó.
[8] *Thua không nớm*: Thua không bỏ cuộc, bỏ dở hay sao lãng. *Rùng*: trùm, sờn lòng.

Mô Sĩ Đốn[1] *phá ra tro,*
Phủ Tàn khó rã Bí Đô mây tàn;
Hoa Thịnh Đốn[2] *một trải gan,*
Binh tàn một đạo, ra dàn Táo Khê,
Khí trời lạnh lẽo rất ghê,
Tuyết sa muôn dặm giá che đầy đường
Binh tàn mà lại không lương,
Hái rau lặt cỏ đủ đường gian nan,
Trong khi các tướng luận bàn,
Thề liều một trận trải gan mới là;
Nửa đêm truyền hịch kéo ra,
Cuốn cờ, ngậm thẻ, tách qua sông Đề,
25. *Phá Anh một trận rất ghê,*
Binh oai từ đấy bốn bề sấm vang;
Nghĩ tình lúc ấy lại càng,
Mấy trăm tướng sĩ nghèo nàn khá thương;
Giày hư dép rách lang thang,
Dầm sương đạp tuyết đầy đường máu rơi,
Thương ôi! ngán nỗi cuộc đời!
Lạc sanh ố tử ai ai cũng tình,
Cớ chi bỏ xác liều hình,

---

[1] *Mô Sĩ Đốn*: tỉnh Boston (phiên âm và biến âm B ra M) thủ phủ xứ Massachusetts trện cửa sông Charles River. Đảng Ten party ra lệnh Tổng khởi nghĩa giành độc lập năm 1773 từ tỉnh này. Đó là quê hương của B. Franklin, D. Webster, Emrson, Edgar Poe. - *Phủ Tân:* Tỉnh New York (dịch sát nghĩa chữ tỉnh mới) trên sông Hudson, 12 triệu dân cư. Hồi khởi cuộc chiến tranh giành độc lập, tỉnh mới có 21 ngàn người, năm 1800 lên 60 ngàn, năm 1850 lên 515 ngàn, năm 1897 lên 1 triệu 990 ngàn. - *Bí Đô:* (phủ đô Bí) cũng là Philadelphie.

[2] *Hoa Thịnh Đốn*: Washington (1732-1799) người sáng lập ra nền cộng hòa của Hoa Kỳ và là vị Tổng thống đầu tiên được bầu năm 1789, tái bầu năm 1793, lại được tái bầu lần thứ ba vào năm 1797 mà ông đã từ chối để về nghỉ. Nhưng năm 1798 khi có họa chiến tranh giữa Pháp và Hoa Kỳ, ông lại trở ra giữ chức Tổng chỉ huy quân đội. Tên ông được dùng đặt tên cho một tỉnh thành của Hoa Kỳ, tỉnh Washington (gần sông White River) và nhiều tỉnh nhiều làng khác ở Caroline, Lova, Louisiane, New Jersey vì những công lao vào sanh ra tử của ông trong hồi tranh đấu giành độc lập. Hồi ấy ông được Hội nghị Philadelphie cử giữ chức Đại tướng Tổng chỉ huy quân đội (1775). Ông đánh lui quân Anh ở Boston để sau trận thắng ấy, hội nghị Philadelphie tuyên bố độc lập (tháng 7-1776). Ông bị thua quân ở New York (27-8-1776), ông trả thù lại mấy trận đánh ở Trenton và Princetown. Nhưng Tướng Howe chiếm mất Philadelphie, ông lại phải khổ chiến để qua năm sau mới lấy lại được.

Lo đền nợ nước coi mình như không!
Nghĩ thôi càng nức nao lòng,
Khen thay người Mỹ thực dòng văn minh,
Nên chi chống lại cường Anh,
Sửa sang học hiệu tập tành công thương,
Dựng nên một nước phú cường,
Bốn phương ngời chữ thái bường thong dong;
Đôi ta còn chút đèo bòng.
Bao giờ gặp gỡ đặng phong quang nầy?"
Nói rồi thở vắn than dài,
Chàng nghe thấp thoảng vào tai khôn dò:
"Lạ thay đất nước tự do,
Thuyền quyên sao cũng âu lo việc gì?
Hay là gặp buổi đời suy,
Tần đình[1] rơi lụy khóc vì núi sông?"

2. - Tìm nhau

Xế chiều, khách đã ra về, chàng tức cảnh ngâm thơ, để hôm sau bơi thuyền chơi trên sông Delaware, chàng gặp thuyền của hai người đẹp. Thuyền gần sát nhau, hai bên trộm liếc nhau, để rồi lại vụt xa nhau. Chàng thẫn thờ thả thuyền cố tìm người đẹp cho được. Chàng lần tới hồ Erié, thấy phong cảnh nước non người mà chạnh lòng nghĩ trước tưởng sau, nghĩ về lịch sử điêu tàn của đế quốc Ba Tư, rồi lại nghĩ đến đế quốc Anh trong buổi đương oai danh lừng lẫy. Chàng lại gặp trở lại hai người đẹp:

Non tây đã xế vầng hồng,
Khách chơi tản bước chim hồng rật bay[2],
Hứng thừa chàng cũng vừa khuây,
Bồi hồi trở gót sang tây ra về.
Đoái trông ráng phủ mây che,
Gió chiều leo lắt bốn bề quạnh hiu:
Lòng càng thổn thức chín chiều,

---

[1] *Tần đình*: Sân rồng triều Tần. Dựa theo tích Thân Bao Tư sang Tần khóc xin viện binh để về hưng phục nước nhà.

[2] *Rật bay:* rật là tiếng động khi chim bắt đầy xòe cánh bay.

Ngậm ngùi tức cảnh trời chiều nên thi:[*]
Dạo chơi Phủ Bí[1] hứng vừa khuây,
Khe Táo[2] sông Đề khói nước bay;
Mấy tiếng chuông vàng[3] chim sập sựng.
Một vừng trăng bạc gió lung lay;
Đống xương không định chôn đâu mất,
Mảnh sắt chưa tiêu dấu hỡi đây[4];
Một cuộc nên hư trời cũng biết,
Xiết bao mắt trắng[5] liếc xưa nay.
Lân la qua đặng ngày mai,
Gió đưa mát mẻ khói bay lập lòa
Thuyền con một chiếc dạo ra,
Noi theo dòng nước cao ca[6] sông Đề,
Lần lần đến ngọn Táo Khê,
Thấy dòng nước biếc xuôi bề chảy ra,
Hai bên rêu cỏ rườm rà,
Anh đào đôi cụm lập lòa đơm bông,
Nước trong cá lội đáy sông,
Bốn bề quạnh quẽ sạch không bụi trần,
Đào nguyên dấu cũ in ngần,
Đời nay kia hỡi tị Tần[7] là ai?
Hứng thi ngẫm nghĩ một vài,
Cầm[8] đâu thấp thoảng qua tai dập dìu:
Gần miền chợt thấy hai kiều,
Giữa dòng một lá kẻ chèo người tranh;[9]

---

[*] Tám câu thơ luật Đường tính làm 8 câu.

[1] *Phủ Bí*: (xem lời chú ở trên).

[2] *Khe Táo sông Đề* (xem lời chú ở trên).

[3] *Tiếng chuông vàng:* tiếng chuông độc lập: *Chim sập sựng:* chim tự do sửa soạn bay.

[4] *Hỡi đây:* hãy còn đây.

[5] *Mắt trắng:* đời Tấn có người Nguyễn Tịch có tròng mắt khác đời, khi vui mừng thì lộ ra màu xanh, khi giận dữ thì lộ ra mắt trắng. (Có chỗ nói là Triệu Tử Lăng).

[6] *Cao ca*: cất cao tiếng ca trên sông Đề(?).

[7] *Tị Tần:* kẻ lánh nạn bạo chính triều Tần Thủy Hoàng.

[8] *Cầm:* tiếng đàn.

[9] *Kiều*: Con gái đẹp: *Kẻ chèo người tranh:* kẻ chèo thuyền người gảy đàn tranh.

Phong tư thấp thoảng bóng mành,
Xa trông ngỡ bực cung thanh giáng trần;[1]
Cách chừng vài bước gần gần,
Nhìn chàng người cũng mấy phần đeo đai.[2]
Chàng càng dở nói dở cười,
Nhìn nhau luống những đôi ngươi thập thòi;[3]
Thuyền qua thấm thoát như thoi,
Trông theo người đã lách khơi nẻo nào;
Đôi bờ nước dợn sóng xao,
Trông vời chàng lại thêm ngao ngán lòng;[4]
Nhẫn từ quán khách long đong,
Phiền ba lần lữa bụi hồng bấy lâu,[5]
Nào người tuyết nguyệt phong lưu
Thiên thai luống để chàng Lưu thêm sầu![6]
Bây giờ ngẫu nhĩ gặp nhau,
Nỗi lòng càng nghĩ càng nhầu như dưa;
Mối tình gang tấc khôn đưa,[7]
Sầu này ai có biết chưa chăng người!
Chàng càng thơ thẩn bồi hồi,
Giây lâu thuyền cũng vội rời lòng sông.
Đoái nhìn rực rỡ trăm bông,
Chim oanh thảnh thoát gió đông là đà,
Mé sông chợt thấy có nhà,
Bóng tùng bông liễu rườm rà quanh sân,

---

[1] *Phong tư*: dung mạo: *bóng mành*: bóng khi ẩn khi hiện như thấy qua mành; *cung thanh*: nguyên là chỗ con vua ở, sau biến nghĩa là nơi đài các cung tiên. (Truyện cũ chép: ngoài Đông Hải có núi Đông Minh Sơn, trên núi có một cung điện xây bằng đá xanh, ngoài cửa có tấm bảng bằng bạc đề: *Thiên địa trưởng nam chi cung*. Đó là nơi cung điện của con trai lớn của Giời. Vì vậy chỗ thái tử con vua ở cũng gọi là *Đông cung* hay *Thanh cung*)

[2] *Đeo đai*: quyến luyến.

[3] *Đôi ngươi thập thòi*: mắt nhìn nhau mà ngượng nghịu không dám nhìn thẳng mặt nhau.

[4] *Sóng xao*: sóng nước xao động.

[5] *Phiền ba*: phồn hoa nơi đô hội náo nhiệt, đông người rộn rịp..

[6] - Dựa theo điển tích Lưu Thần và Nguyễn Triệu lạc vào động Thiên thai; gặp tiên

[7] *Ngẫu nhĩ*: tình cờ.

Tứ bề vắng vẻ bụi trần,
Phong quang thấp thoảng cõi thần non tiên;
Ghé vào trước cửa đậu thuyền,
Leo cồn lội vũng tới miền Táo Khê;[1]
Cỏ non xanh tiện tứ bề,
Cụm hoa cao thấp, bầy dê đứng nằm;
Trông về đồng rộng xa xăm,
Phất phơ luồng khói, lầm âm tiếng xe;
Bến sông chen chúc tàu bè,
Nửa tình nửa cảnh như se mối sầu!
Sụt sùi nghĩ trước tưởng sau,
Ngùi ngùi lại nhớ những câu phi thường;
Ba Tư xưa có vị vương,
Đem binh trăm vạn tranh cường cõi Âu,[2]
Đi vừa giáp cõi Hồng Cầu,
Núi cao dừng ngựa lắc đầu thở than:[3]
Rằng nay hùng hổ muôn vàn,
Theo ta vượt biển băng ngàn tới đây,
Trăm năm xương trắng chất đầy,
Còn ai sống ở đời này nữa sao?
Nghĩ thôi cuộc thế lãng xao,
Dầu là vương tướng hiền hào mà chi![4]
Ăng Lê xưa có người thi,
Tên Ma Hạc Lãnh một thì tài danh,[5]
Đương khi trời biển mông mênh

---

[1] *Cồn*: gò đống nổi lên ở bờ sông; *Táo Khê*: (xem lời chú ở trên).

[2] *Ba Tư*: Perse. Hồi thịnh thời (từ 558 tới 332 tr. CN) vị vua mà tác giả nói đây là vua Cyrus II đánh đông dẹp bắc gây dựng được đế quốc Ba Tư hết sức lớn: chiếm Lydie (thuộc về Tiểu Á Tế Á) và các thuộc địa của Hy Lạp năm 546 rồi đánh về phía đông từ 545 tới 539, để chiếm Babylonie năm 539. – Sau Macédoine (ở bắc bộ Hy Lạp) thịnh lên với vua Alexandre (356-323 tr. CN) mới phá tan tành được đế quốc Ba Tư ấy.

[3] *Hồng Cầu*: Hồng Hải giữa Ai Cập và A Rập.

[4] *Lãng xao*: sóng nước xao động.

[5] *Ma Hạc Lãnh*: Mahaffy John Pentland (1839-19190), nhà bác học Anh chuyên khảo cổ sử, soạn giả rất nhiều sách nói về Hy Lạp, và nói về những bài học hưng phế trong lịch sử của các nền văn minh. Theo giọng trong thơ từ câu 80 đến 84 thì có thể Ma Hạc Lãnh là ông Mahafy này. Nhưng tác giả lại nói là người thi. Chúng tôi tìm trong lịch sử văn học Anh không thấy có thi sĩ nào có tên na ná với tên Ma Hạc Lãnh. Có lẽ chữ thi mà tác giả dùng là chỉ chung người văn thi.

Trông vời cố quốc động tình chơi vơi;
Rằng nước Anh thạnh một thời,
Oai danh lừng lẫy một đời không hai,
E khi vật đổi sao dời,
Tan tành các cả, rã rời cầu cao,
Bấy giờ mặc khách thi tao,
Chạnh tình điếu cổ xiết bao ngậm ngùi!
Nghĩ thôi chàng cũng sụt sùi,
Bơ vơ tìm lối lần lui ra đàng;
Trong khi tìm bước vội vàng,
Gần gần chợt thấy hai nàng bên sông;
Ngẩn ngơ tiếc lục tham hồng,
Cách trong gang tấc khôn thông tình đầu.

3. Cử chỉ bạo dạn của người con gái Tây phương

Một người đến gần chàng chào hỏi chàng trước. Chàng thả ít lời xã giao khen ngợi sắc đẹp của người. Người hỏi chàng là người Tây Ban Nha chăng? Rồi nói chị bạn tôi ngỡ chàng cùng quê, nên mong được gặp trò chuyện cho bớt nỗi ưu tư. Chàng theo chân người đẹp vào nhà ngồi ngắm cảnh gia viên rồi gạn gùng hỏi về thân thế của người.

Tần ngần đứng trót giờ lâu,
Một nàng sửa áo xốc bâu lại gần;[1]
Tác vừa hăm tám thanh xuân,
Mắt xanh răng trắng thanh tân lạ lùng;
Màu da mia mỉa giá trong,
Tóc mây giùm dã lưng ong dịu dàng;[2]
Tay cầm nhành liễu xuê xoang,
Gần xem phong thể lại càng thêm xuê,[3]
Phong nghi rất bực thâm khuê,

---

[1] *Bâu:* cổ cáo đứng, vành áo bao quanh cổ (ở Nghệ Tĩnh, *bâu:* túi áo).

[2] *Màu da mia mỉa*: tiếng cổ của ta có nghĩa na ná gần giống như... Tóc mây giùm dã: rườm rà, lộ vẻ hoa lệ ra ngoài.

[3] *Xuê xoang*: tiếng cổ của ta có nghĩa lòa xòa, *Xuê:* xuê xoa.

Bóng sen thấp thoáng bông lê là đà,[1]
Kề chàng chào hỏi lân ta:
Trên sông lúc nãy phải là chàng chăng?
Chốn nầy vắng vẻ sơn lăng,
Kẻ tiều người mục chưa hằng đến đây,[2]
Huống chi cao quý bực nầy,
Xưa nay ít kẻ tới đây chơi bời!
Xem chàng mặt sắc tóc tươi,
Dám xin hỏi phải là người Ban Nha?[3]
Nghe lời chàng mới thưa qua,
Tôi người Đông Hải phương xa học hành.
Nàng rằng biển thẳm non xanh,
Dặm khơi ai cũng động tình sơn gia,[4]
Chàng đi muôn dặm đường xa,
Ngàn lâu e cũng nhớ nhà lắm chăng?
Lửng lơ chàng mới thưa rằng,
Xưa nay ai gặp ả Hằng mấy khi,
Lạc Xuyên Vân Mộng đâu bì,
Tô Hoàng kém sắc Liên Phi nhường tài,[5]
Cớ chi lánh dấu trần ai,
Toan đem mắt trắng coi đời như không?[6]
May đâu ngẫu nhĩ tương phùng,
Một cây chung bóng một sông chung thuyền,
Ít nhiều âu cũng nhân duyên,
Ba sinh chưa dễ ngẫu nhiên lạ dường:
Nhớ câu giải cấu thanh dương,
Trong khi gặp gỡ lòng càng ngổn ngang.[7]

---

[1] *Bông lê* : hoa lê, chỉ người đẹp.

[2] *Sơn lăng*: tên gọi chung nơi phần mộ đế vương. (Đời Tần gọi là sơn, đời Hán gọi là lăng).

[3] *Người Ban Nha*: người xứ Tây Ban Nha.

[4] *Tình sơn gia*: tình sông núi nước nhà.

[5] *Lạc Xuyên, Vân Mộng*(?) *Tô Hoàng, Liên Phi* (?)

[6] *Mắt trắng:* xem lời chú ở trên. Vì tích cũ đã nói, khi nào gặp tri kỷ thì người ta nhìn bằng tròng mắt xanh, khi nào gặp khách tục thì nhìn bằng tròng mắt trắng. *"Thế tục chi sĩ dĩ bạch nhỡn đãi chi".*

[7] *Giải cấu thanh dương*: Nguyên mùa xuân thịnh về dương nên cây cỏ xanh tươi. *Thanh dương* là khí sắc mùa xuân, ở đây là tuổi trẻ. *Giải cấu thanh dương*: gặp nhau lúc đương xuân sắc. Có khi còn nghĩa là gặp nhau trong ngày *hội thanh dương.*

Nàng còn khép nép vội vàng,
Mặt che nhành liễu nhẹ nhàng thưa qua:
Kìa người bóng liễu đứng xa,
Chàng dầu nói vậy thiếp đà dám đương.
Nói rồi liền hỏi vội vàng:
Bữa qua Phủ Bí phải chàng vậy ư?[1]
Xuôi lời chàng cũng rằng ừ,
Nỗi nàng chàng lại tóc tơ dám phiền[2]
Thưa rằng thiếp hiệu Hồng Liên,
Náu nương cùng chị trong miền Thương Lang,[3]
Từ khi Phủ Bí gặp chàng,
Chị tôi nằn nì lòng càng khôn khuây:[4]
Lạ thay cái giống bèo mây,
Bữa qua trong các bữa nầy ngoài sông,
Ước chi đặng đính chữ đồng,
Bàn duyên giải cấu bớt lòng ưu tư
Nhớ ra lòng lại sinh nghi,
Xem trong tuồng mặt có khi người làng.
Lân la muốn biết dấu chàng,
Giục tôi lại hỏi quê hương cho rành,
Bây giờ đã biết ngọn ngành,
Xin chang thương lấy chút tình cho nhau,
Nói rồi vội vã bước mau,
Tới nơi gốc liễu cùng nhau thầm thì.
Trở ra giục giã xin đi,
Theo chân chàng cũng tức thì bước sang.
Cửa ngoài sẵn thấy một nàng,
Xa trông lấp ló trăng vàng mây che;
Gần xem trong trẻo nhỏ nhe,
Mỉa mai hạc trắng lập loè thềm tiên.
Độ chừng mười chín hoa niên,
Tân trang đẹp đẽ sánh tiên Quảng Hàn;
Đủ màu thu thủy xuân san,

---

(1) *Phủ Bí*: (xem lời chú ở trên).
(2) *Tóc tơ dám phiền*: xin lỗi mà phiền hỏi kẽ tóc chân tơ.
(3) *Thương Lang*: nơi thôn xóm xanh xanh.
(4) *Nằn nì*: khắc khoải.

Nói cười niềm nở dung nhan mỹ miều;
Xiêm the vừa thắt ngang eo,
Gót sen thấp thoảng hương đeo nức người;
Trong khi chào hỏi thảnh thơi,
Khác gì thần nữ ra đời một khi.
Chàng càng động tấm tình si,
Vừa chào vừa thẹn dung nghi lỡ làng.
Nàng thì cười nói nhẹ nhàng,
Tay đưa ghế dựa mời chàng ngồi yên.
Chàng ngồi ngắm cảnh gia viên,
Sông Đề quanh trước sau hiên Táo Kỳ;[1]
Hai bên cây cỏ xanh rì,
Bông đào tơ liễu sâm si quanh tường;[2]
Lồng hoa treo cạnh cửa gương,
Một con anh võ trắng dường tuyết trong;
Vách treo liễn đối hai dòng,
Phụng hoàng lan huệ ngụ trong tánh tình;
Ngọc tiêu gác để trên bình,
Nguyệt cầm mỗi vẻ phong tranh đủ điều.
Trong khi trò chuyện dập dìu,
Phơi gan trải dạ dễ xiêu lòng người.
Nhơn khi chợt nói chợt cười,
Cạn cùng chàng mới gạn bài căn do.

4. Nữ Chí sĩ Tây Ban Nha kể chuyện mình

a) Nghe hỏi, nàng ngại ngần không nói, sau bạn nàng cho biết người chí sĩ Á Đông cũng cùng gan ruột anh hùng cả, chị có thể kể hết nỗi lòng mà không phải nghi ngờ gì.

Nàng liền nét mặt buồn xo,
Than rằng: "thiếp cũng ngán cho cuộc đời,
Tức vì phận giận vì thời,
Đèn ai nấy tỏ thôi người hỏi chư!"
Chàng nghe ngẫm nghĩ sanh nghi,
Người nầy chẳng phải nữ nhi vật vờ,
Hay là xe lẫn đường tơ,

---

[1] *Táo kỳ*: Táo khê (xem chú ở trên).
[2] *Sâm si*: mọc so le không đều.

Tiếc duyên tủi phận nên ngơ việc đời?
Luôn cơ chàng hỏi một vài:
"Các cao bữa trước phải người hay không?
Trong khi ngẫu nhĩ tương phùng,
Thấy người buồn bã xui lòng sanh nghi,
Chẳng hay người bực việc chi,
Tỏ lòng cho kẻ tình si biết cùng".
Thưa rằng: "Trong buổi lạ lùng,
Lánh nàn đâu dám cạn cùng tích xưa;
Thiếp dầu chẳng tiếc hơi thừa,
Đã đau đớn ruột thêm thưa thớt lòng."
Hồng Liên vừa đứng bên trong,
Bước ra rằng: "Thiếp biết dòng Á Đông,
Ruột gan cũng máu anh hùng,
Chị xin kể hết nỗi lòng gần xa.
Sụt sùi nàng mới nói ra,
U Lan là hiệu Ban Nha là làng,[1]

b) Nàng kể: nước Tây Ban Nha phú cường, sau vua chúa ăn chơi sa đoạ, dân tình cực khổ, loạn lạc xảy ra, triều đình lập vua nầy bỏ vua khác, Nữ hoàng bỏ trốn năm 1868.

Quê nhà dòng họ vẻ vang,
Thói người khẳng khái hùng cường lắm thôi.
Xông pha muôn dặm biển trời,
Tìm ra châu Mỹ cõi ngoài đại hoang;
Từ ngày mở rộng bản chương,
Cờ bay bốn biển oai dương một thời;[2]
Đầy vơi âu cũng đạo trời,
Dưới trên từ đấy chơi bời không lo;

---

[1] *Ban Nha là làng*: làng đây có nghĩa là quê hương và Ban Nha là Tây Ban Nha. Nước Tây Ban Nha ở Tây Nam Âu châu. Nước ấy đã có một thời hùng cường. Chính nữ Hoàng Isabelle de Castille (1451-1504) đã tán thành chương trình dự định đi vòng thế giới bằng tàu thủy để tìm Ấn Độ theo hướng Tây của Christophe Colomb (1450-1560) và nhờ thế mà khám phá ra châu Mỹ. Triều đình Tây Ban Nha đã giúp nhà thám hiểm súng ống. Cuộc thám hiểm khởi sự đi ngày 3-8-1492 và trở về ngày 15.3.1993 trước sự hoan hô nồng nhiệt của người Tây Ban Nha, bởi nhà thám hiểm đã tặng cho nước ấy cả một thế giới mới để thành vô cùng phú túc. Cho nên trong truyện mới có câu 148 và 165.

[2] *Bản chương*: bản đồ.

Thói hư tục nát như tro,
Tiên Hoàng mê tín những trò ngu tăng;[1]
Giữ theo đạo cũ khăng khăng,
Chỉ dòng đạo mới là thằng nghịch thiên,
Đem binh từng vạn từng thiên,
Giúp cho vua Pháp giết kiền giáo dân;[2]
Tới đâu đốt phá không ngần,
Đàn bà con nít một lần phơi thây;
Chánh quyền Cha Cố cầm tay,
Nên hư cũng mặc dở hay cũng dầu;
Thiếu chi luật nhiệm phép mầu,
Trở nên đồ để đè đầu dân đen;
Càng ngày càng dở càng hèn,
Gà lồng cá chậu ghét ghen nực cười;
Hại dân xấu nước đủ mười,
Nước sâu lửa nóng muôn người thác oan;
Tham lam bòn vét đa đoan,
Xưa nay đâu có tân toan nỗi nầy;
Trị dân thì có xiềng dây,
Đãi người thì có roi mây cạnh mình;
Lại còn tuấn pháp nghiêm hình,
Tự do là giặc, nhiệt thành là gian;
Dân ngu không chỗ kêu van,
Những người chí sĩ khôn toan giúp nàn;
Nước nhà pháp luật tan hoang,
Trong loàn ngoài giặc tràn lan cõi bờ;[3]
Cõi ngoài thuộc địa bơ vơ,
Âm thầm lắm chỗ dựng cờ tự do;
Trong trào đảng nhỏ phe to,
Năm chia bảy xé còn lo nỗi gì;
Bạc vàng châu Mỹ đưa về,

---

[1] *Ngu tăng*: tiếng chỉ chung người tu đạo ngu si.

[2] Đây nói về vua Charles II (1665-1700) một vị vua yếu hèn để mất Flandre và Francbe Comté rồi khi chết lại ký cho cháu vua Pháp Louis XIV là Công tước d'Anjou cả 22 tỉnh của Tây Ban Nha.

[3] Đây nói về Ý và Hòa Lan thoát ra khỏi vòng đô hộ của Tây Ban Nha dưới triều vua Philippe V (1700-1746) sau trận giặc 1701-1714.

Mỗi năm ức triệu ê hề biết bao;
Ngày đêm múa hát lao xao,
Buôn son bán phấn đưa vào hậu cung;
Túi tham còn lắm lỗ không,
Chẳng vào nha sảnh thời trong chùa chiền;[1]
Nước càng hết của hao tiền,
Rừng hoang ruộng bỏ biết thiên vàn nào;
Dân nghèo đói khát lao nhao,
Cướp ngang trộm dọc ngày nào đặng yên;
Hậu Phi cướp đoạt triều quyền,
Hoàng huynh bị đuổi lánh miền tách xa;
Cầm quyền chẳng Cố thì Cha,
Tham lam góp xách phiền hà xiết bao;
Ngoài thì các nước trông vào,
Trong thì dân sự diêu dao mặc lòng;[2]
Vậy mà trên dưới thong dong,
No say múa hát ruổi rong chơi bời;
Cha anh tôi tức sự đời,
Ngày đêm luống những ngậm ngùi thở than.
Một mình dốc gánh giang san,
Tìm người trung nghĩa luận bàn đặt yên;
Rắp toan bỏ dữ lập hiền,
Sửa sang chánh trị, vẻ viên nước nhà.[3]
Sao cho trăm họ thái hòa,

---

[1] *Chùa chiền*; tiếng chỉ chung những nơi tu đạo.

[2] *Diêu dao*: ta thán.

[3] Đây là đoạn nói về vua Ferdinand VII tàn bạo, năm 1820 phải nhìn nhận bản Hiến pháp năm 1812 của Cortès de Cadix. Sau vua lại được Pháp đặt vững trở lại ngôi chuyên chế (theo quyết nghị của Hội nghị Vérone 1822). Tiếp đó anh của vua là Don Carlos lên trị vì lại bị truất phế cho Nữ hoàng Isabelle thay, dưới quyền nhiếp chính của Marie Christine. Marie Chritisne đặt hết tín nhiệm vào nhà bảo thủ Newey và tướng Matinez Campos là cha của nàng U Lan trong truyện. Trong truyện nói Hậu phi tức là Marie Christine và Hoàng huynh tức là Don Carlos. Dưới triều nhiếp chính của Marie Christine này, đã xảy ra trận nội chiến do Carlos bị truất phế gây ra kéo dài từ 1834 tới 1839, bên phiến động bị thua. Nhưng trước sức công phẫn của toàn thể, Marie Christine cũng phải bỏ ngôi nhiếp chính để ngày 8.11.1843, Nữ hoàng Isabelle được kể là thành niên mà tự cầm quyền cai trị trong nước. Kể từ đó trong nước lại càng rối loạn hơn. Xu hướng bảo thủ phản động dữ dội và gây nhiều cuộc bạo động ghê gớm.

Ngậm cơm vỗ bụng chí cha mới đền;[1]
Năm tám sáu tám một nghìn,
Nữ hoàng vua Pháp đưa tin hội đồng;[2]
Dặm xa vừa ruổi xe rồng,
Thình lình đất dậy đùng đùng sấm vang:
Quân dân hầm hét đầy đàng;
Nữ hoàng vô đạo trộm toan tiếm vì,
Chúng ta toan chước đuổi đi
Tìm người hiền chủ sửa vì trị dân!
Tin ong đồn khắp xa gần,
Phố phường thành thị một lần nhao nhao;
Nữ hoàng khôn tính thế nào,
Cắp luôn Hoàng tử trốn vào Pháp kinh;

c) Sự can thiệp của ngoại quốc Pháp, Phổ vào nội trị Tây Ban Nha; và sự cương quyết của những nhà ái quốc Tây Ban Nha. Cuối cùng suy tôn con vua Ý Victor Emmanuel lên ngôi.

Pháp hoàng kiến cảnh sanh tình,
Vuốt râu cười gẫm máy binh đã vừa;
Liền ngày phát súng kéo cờ,
Cắp theo Hoàng tử giáp bờ đồn binh;[3]
Đưa thơ kể hết nỗi tình:
"Thương vì lân quốc đem binh giúp nàn,
Muốn cho mối nước đặt an,
Có ngôi Hoàng tử định an chốn nầy,
Nay ta cáo thiệt chúng bay,
Bỏ tà theo chánh xum vầy dưới trên;
Đông Cung rất bực nhân hiền,

---

[1] *Ngậm cơm vỗ bụng*: do chữ *cổ phúc nhi ca*. Đời Nghiêu - Thuấn trăm họ thái bình ăn no lại ca hát vui vẻ.

[2] Năm 1868 biết thế yếu và hư hỏng của mình, Nữ hoàng Isabelle mượn cớ đi dự Hội đồng bên Pháp mà trốn luôn ở Pháp mang theo cả Hoàng tử (câu 183). Nước bắt đầu không vua và các bè phái kình chống nhau ghê gớm. Serrano được bầu làm chủ tịch chính phủ lâm thời để sau phái Lập hiến Cortès cử làm nhiếp chánh khi có vua mới. Hồi ấy là hồi lộn xộn nhất. Pháp Phổ chiến tranh xảy ra năm 1870-1871. Cả hai bên đều muốn có một vị vua ở Tây Ban Nha dưới quyền chi phối của mình.

[3] Pháp chủ trương đưa Hoàng thái tử con của Nữ hoàng Isabelle trở lại ngôi tôn, câu 185 tới 190.Trong khi Phổ đưa Léopold de Hohenzollern là con vua Phổ.

Chắc hay dẹp loạn sửa quyền trị dân;
Ai dầu có chí tự tân,
Thời ta cũng mở lưới nhân một bề".[1]
Đương khi gió bụi ê hề,
Nửa phần chí sĩ theo về Hoàng huynh;
Tôn vương tức vị đành rành,
Hịch truyền kể hết sự tình gần xa:
"Xưa nay con gái đàn bà,
Trộm quyền cướp nước phép nhà nghiêm răn:
Gặp cơn quốc vận phân vân,
Dòng sang phe cố toan phần lợi riêng,
Để cho phụ nữ cầm quyền,
Một tay ngang dọc không kiêng tí nào,
Hoàng huynh đức trọng tài cao,
Tìm mưu xua đuổi lao đao cõi ngoài,
Bây giờ trên dưới tơi bời,
Nữ hoàng trốn mất, ngôi trời bỏ không:
Hoàng huynh chánh vị đương trung,
Dưới theo lòng chúng trên sùng phép công,[2]
Lập ra chánh trị hội đồng,
Sửa sang Hiến pháp tôn sùng tổ tông;
Thương quê ai dẫu có lòng,
Xin ra giúp lực long đong với cùng;
Ngàn năm một hội tao phùng,
Xin đừng chậm bước sinh lòng ăn năn!"
Quân dân vừa thấy hịch văn,
Xa gần nao nức một lần như sôi.
Trong khi bát loạn chi thời,
Thơ sanh lắm kẻ xướng bài tự do;
Những người chí mỏng tài sơ,
Bực mình tức trí tưởng mơ cộng hòa,
Om sòm một xướng mười hòa,

---

[1] Và trong khi một phái khác trong triều đưa Hầu tước Amédée con của Victor Emmanuel lên ngôi. *Hoàng huynh:* nói đây là Francois d' Assise sau lên ngôi lấy hiệu là Alphonse XII.

[2] *Chánh trị đương trung*: mặt trời đúng ngọ giữa trời. Ý nói chính vì thiên tử.

Thế như đê vỡ chảy òa khôn be;
Cộng hòa một đảng hai phe,
Kẻ toan chậm bước, người vè nhảy cao,
Đua nhau nghị luận lao nhao,
Dân đen còn biết lẽ nào là công?
Cùng nhau nhóm mặt hội đồng,
Định bề quốc thị ngỏ trông đồ hồi;[1]
Đầu triều có gã Phong Lôi,
Đứng lên diễn thuyết một hồi rất ghê:[2]
"Rằng nước ta lắm đảng phe,
Dưới trên nhộn nhạo biết bề nào yên.
Ấy là vận nước ngửa nghiêng,
Hay là giận cũ thù riêng đó mà.
Muốn cho trăm việc bình hòa,
Phải cầu anh chủ nước nhà mới yên[3]*;*
Có con vua Phổ rất hiền[4]*,*
Nhành vàng lá ngọc vẹn tuyền mỗi bên,
Rước về ta sẽ lập lên,
Chắc là nhà nước vững bền như chơi".
Mấy lời diễn thuyết vừa rồi,
Kẻ khen rằng phải, người cười rằng bây
Phe dân mấy kẻ đầu bầy,
Nổi gan tức trí tao mầy nói ra:
"Ví bằng ngươi muốn thế mà,
Mắc mưu tướng Phổ sâu xa khôn lường,
Sao ngươi sợ Phổ phú cường,
Toan lòng bán nước? thiệt phường phi nhân!"
Trong khi cãi cọ phân vân,
Cha tôi đứng dậy một lần thưa qua:[5]
"Rằng xưa nữ chủ kiêu ngoa,

---

[1] *Đồ hồi*: mưu đồ vãn hồi trật tự. *Quốc thị*: thể thống quốc gia.

[2] *Phong Lôi*: Serano (dịch theo sự hiểu theo âm tiếng Serrano như tiếng sấm) *Đầu triều có gã Phong Lôi:* Serrano là nhiếp chánh do phái Lập hiến Cortès cử.

[3] *Anh chủ*: người chủ anh minh

[4] *Con vua Phổ rất hiền*: Léppold de Hohenzollern.

[5] *Cha nàng U Lan*: Martinez Campos, người được Marie Christine tín nhiệm nhất.

Toan mưu khôi phục thiệt ta chủ trì,[1]
Dốc lòng chánh thống đem về,
Thanh thiên bạch nhật lời thề sáng soi,
Bây giờ rước chủ nước ngoài,
Chẳng lo mắc phải mưu người hay sao?[2]
Huống chi vua Pháp mưu cao,
Đóng binh giáp cõi toan vào hiếp ta;
Còn như Hoàng tử nước nhà,
Lập con bỏ mẹ còn ra thế gì?[3]
225. *Hoàng huynh tài đức ai bì,*
Phía nam các tỉnh định kỳ tôn vương;[4]
Lập quân dĩ trưởng là thường,
Quân quyền lập hiến là gương vững bền;
Tôi đây dám tỏ mưu hèn,
Xin người hết sức giúp quyền Hoàng huynh".
Hai bên ý kiến bất bình,
Phần nhiều nghị sĩ thuận tình họ Phong,
Định mưu lập chước đã xong,
Sai quân sang Phổ bày lòng đợi thôi;[5]
Đôi bên bàn bạc vừa rồi
Pháp hoàng nổi giận phong lôi bời bời;
Đưa thơ qua Phổ tức thời,
Tìm mưu ngăn trở gây bài tranh đua;
Hai hùng còn quyết hơn thua,
Nước tôi lại rước con vua Ý hoàng.[6]

d) Vua mới lại thoái vị và trở về Ý. Nước lại không vua. Chủ trương lập lại dòng vua cũ bị bác. Cộng hòa lập nên không thành công. Cuối cùng cha nữ chí sĩ ủng hộ và tôn Alphonse XII lên ngôi.

Phong Lôi liền bị thác oan,
Mấy phe dân đảng lăm toan tranh cường;

---

[1] *Nữ chủ*: Marie Christine.

[2] Martinez Campos phản đối mọi âm mưu rước chủ nước ngoài, không chịu người của Phổ: Léopold de Hohenzollern.

[3] Cũng không chịu lập con Nữ hoàng Isabelle do Pháp đưa trở về.

[4] *Hoàng huynh*: Francois d' Assise.

[5] *Đợi thôi*: mong mỏi rước về đội mũ lên ngôi.

[6] *Con vua Ý hoàng*: Victor Emmanuel do phái lập hiến Cortès tôn lên ngôi ngày 16.11.1870.

Lửa binh ùn dậy bốn phương,
Chánh quyền từ ấy ngày càng thêm hư;
Tân vương trăm chước khôn trừ,
Bực mình người cũng vội từ ngôi cao;[1]
Trong khi giã mặt đại trào,
Động lòng người kể tiêu tao mấy lời:[2]
"Đã sinh ra kiếp làm người,
Công danh phú quý với đời cũng ham;
Quả nhân tài đức bất kham,
Nể vì lòng chúng phải cam nặng nề,
Tử tang từ biệt hương quê,
Nên hư sống chết cũng thề non sông,
Mong người giúp việc đỡ công,
Trẫm toan đặng tiếng dân hòng nhờ ơn;
Hay đâu chuốc dữ cừu hờn,
Làm cho đến đỗi chánh quờn (quyền) phân vân;
Quả nhân lo lắng muôn phần,
Mong cho lòng chúng tự tân chút nào;
Bây giờ phe đảng xôn xao,
Quả nhân còn biết thế nào đặng chăng?
Ngày xưa còn có câu rằng:
"Về làng áo gấm tình hằng vẻ vang"
Nay ta quấy quả về làng,
Mặt nào còn thấy cố hương cho đành?
Bấy lâu nước thẳm non xanh,
Cùng người trót đã gây tình thỉ chung,
Khuyên người thay mặt đổi lòng,
Gắng lo thế nước toan mong điện bàn".
Nói rồi lụy chảy chứa chan,
Trông chừng nước Ý băng ngàn thẳng xông.
Triều đình từ ấy bỏ không,
Bốn phương loạn lạc còn trông nỗi nào.

---

[1] Để lại tự ý thoái vị ngày 11.2.1873 (từ câu 235 tới câu 248). Đó là Công tước Amédée con vua Ý Victor Emmanuel II (1820)-1878).

[2] *Tiêu tao*: buồn bã.

Cha tôi tấc dạ lao đao,
Vội vàng nhóm chúng bàn vào nói ra:
"Dân ta say đắm cộng hòa,
Coi mòi cũng khá nhưng mà không hay;
Xem trong thế giới xưa nay,
Cộng hòa chỉ có một tay Hoa Kỳ;
Cứ theo lịch sử mà suy,
Tình dân thế nước khôn bì với ta.
Thử xem nước Mặc Tây Ca,
Cũng là đồng dựng cộng hòa một khi.[1]
Nước nhà ngày một suy vi,
Nhồi xương xáo thịt ra chi đó mà;
Kể năm đặng năm mươi ba,
Đổi thay thống lãnh biết là bao nhiêu;[2]
Triều đình trong một mai chiều,
Dân đâu được hưởng những điều văn minh;
Tây Ca vốn thiệt giống mình,
Xem trong quốc tục dân tình như y;
Nếu nghe theo lũ thơ si,
Say mê lý tưởng lợi gì mà mong;
Dầu cho gắng sức hết lòng,
Chánh quyền lâu cũng về trong gian hùng;
Nhớ năm loạn Pháp lạ lùng,

---

[1] *Mặc Tây Ca*: Mexique, thuộc địa cũ của Tây Ban Nha, ba lần khởi nghĩa giành độc lập bị thất bại: 1810 dưới sự chỉ huy của Cố Hidalgo; 1815 dưới sự chỉ huy của Cố Morelos và 1817 dưới sự chỉ huy của Javier Mina. Đến 1820 nhân có cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha, những nhà ái quốc Mặc Tây Ca lại nổi lên. Đại tướng Tây Ban Nha Augustin Iturbide được cử đi đánh dẹp thì lại trở cờ nhập theo nhóm khởi nghĩa đánh lại quân đội Hoàng gia Tây Ban Nha và lên ngôi vua xưng là Augustin I^{er} (năm 1822). Năm 1823 vua bị lật đổ, nước tuyên bố cộng hòa và hiến pháp rập theo hiến pháp Hoa Kỳ. Nền cộng hòa được Tây Ban Nha công nhận năm 1831.

[2] *Kể năm đặng năm mươi ba*: Từ 1823, với 53 năm là 1876,rất đúng với lúc lộn xộn ở Tây Ban Nha, vua Victor Emmanuel thoái vị. *Đổi thay thống lãnh*: Guadalupe Victoria (1824) Guerréro (1829) Bustamenti (1830) Santo Anna (1833)... rồi (1847) bị Hoa Kỳ chiếm Texas, Nouveau Mexique, Californie, 1858 đảng Bảo thủ gây loạn khi đưa cử người làm Tổng thống. – 1838 bị Pháp bắt chẹt đòi hỏi bồi thường thiệt hại vì nội chiến.

Lòng người ai cũng ngại ngùng chữ quân,
Có ông La Đẩu tướng quân,
Lòng dân gắm ghé định phần thôi tôn.[1]
Tướng quân từ giã ôn tồn,
Rằng ta tuổi trẻ chí còn cao xa.
Hịch văn người Mỹ mới ra,
Đọc rồi đến đỗi lụy sa vắn dài.[2]
Vội vàng khoác áo hươ tay,
Thề đem ba thước giúp người tự do,
Ghe phen biển cả một đò,
Ghe phen trăm trận quân cô một mình.
Cộng hòa Mỹ quốc xây thành,
Toan đem gương ấy để dành dân ta.
Bây giờ nhắm lại trông qua,
Tình dân thế nước khác xa muôn nghìn;
Phải toan rước lập vua hiền,
Quân quyền lập hiến vững bền biết bao
Tướng quân là đấng hiền hào,
Mấy lời vàng đá gương treo hẳn hòi.
Nói rồi lụy nhỏ vắn dài:
Xưa nay lời thẳng trái tai là thường,
Các phe thấy nói rộn ràng,
Chỉ cha rằng giặc trăm đàng mỉa mai;[3]
Lạ chi những thói dông dài,
Một con sủa bóng trăm nơi sủa mồm;
Xui ra tiếng chúng om sòm,
Kẻ toan xẻ thịt người hằm lột da;
Lệnh truyền bắt cả anh cha,
Hay tin người phải phương xa lánh nàn.
Những người dạ ngọc gan vàng,

---

[1] *La Đẩu tướng quân*: Công tước Lafayette (1757-1834). – *Thôi tôn*: giục giã để tôn lên.

[2] Ông qua Mỹ (1776) giúp Washington trong cuộc tranh đấu giành độc lập; chính ông xin với Pháp giúp quân Hoa Kỳ, và dự vào trận đánh ở Yorktown khiến tướng Anh Cornwallis phải đầu hàng.

[3] Các phe cộng hòa doạ bắt giết. Emilia Castelar thủ lãnh phe cộng hòa nhất định chủ trương cộng hòa.

Bực lòng ai cũng băng ngàn tách khơi.
Gẫm tình đảng dữ nực cười,
Chỉ trời vạch đất lắm lời nghênh ngang;
Tự do một giấc mơ màng,
Theo bề dân chủ một đường đi ngay.
Người càng như dại như say,
Cộng hòa vạn tuế khắp đầy chợ quê;
Tay hung dạ độc gớm ghê,
Vụn vằn thịt Cố, ê chề máu quan;
Thương ôi! rước hổ đuổi lang,
Còn ai biện biệt những đàng thị phi;
Triều đình pháp luật ra chi,
Mai chiều sửa lại đổi đi xiết nào;[1]
Đảng phe xoi móc lao nhao,
Tự do đầu lưỡi, đồng bào ngoài môi;
Nhẹ sưu bớt thuế thì vui,
Trăm bề hiệu lệnh như dùi đập săng;
Cộng hòa chưa đặng một năm,
Đổi thay thống lãnh đã năm sáu lần;
Máu trôi lai láng xa gần,
Thần tự do hóa ra thần sát nhân;
Gây ra ác quả ác nhân,
Gẫm lời cha nói như thần lộng gương.
Cha anh lánh nạn tha phương,
Nỡ nào ngồi ngó quê hương tan tành?
Dốc lòng ủng hộ Hoàng huynh,
Xô tan đảng ngụy dựng thành phép công.
Sao cho trong lặng ngoài xong,
Sao cho trăm họ đẹp lòng tự do.
Âm thầm nhắn nhủ hẹn hò,
Gắng người đồng chí chăm lo nước nhà.
Hịch truyền khắp cả gần xa,

[1] Sử chép ông Emilis Castelar không đủ sức nắm vững tình thế

Quân dân nao nức trẻ già ngợi khen.
Ngọn cờ xấp xới mây đen,
Bóng buồm chóa mắt tiếng kèn nực tai.
Mấy phen nếm mật nằm gai,
Thua cơ đảng ngụy sắm bài tháo lui.

e) Lại nổi loạn do phái ủng hộ Don Carlos gay ra. Cha nữ chí sĩ tìm đường lánh nạn và gởi nàng cõi xa một mình. Nàng vừa kể vừa sụt sùi:

Căm cho tướng Phổ khéo xui,
Giùm lương giúp súng lửa vùi lại nhen;
Xông pha mấy trận khói đen,
Sa trường trôi máu ghe phen lạnh lùng.
Hai bên chưa quyết thư hùng,
Cò ngao đấu trí, ngư ông đặng lời.
Sẵn quân Hoàng tử đóng ngoài.
Thừa cơ kéo thẳng tới nơi kinh thành.
Sĩ dân hết sức dỗ dành,
Lòng người nhàm loạn đua tranh ra đầu.
Phe dân mấy kẻ cầm đầu,
Thay lòng đổi mặt lạy chầu dưới yên.
Cùng cha cũng bạn đồng niên,
Làm thơ gởi lại nhủ khuyên đầu thành.
Cha tôi tức trí bực mình,
Phúc thơ kể hết sự tình cạn sâu:
"Rằng người tiết nghĩa làm đầu,
Nếu không tiết nghĩa mày râu cũng hèn.
Xưa kia túc hạ múa men,
Xướng lên dân chủ ngợi khen trăm đường.
Lòng tôi dốc một chủ trương,
Quân quyền lập hiến phép lương rõ ràng.
Lời ngay trái ý nhiều đàng,
Nhóm nhau trăm miệng dầu vàng cũng tiêu.
Chỉ tôi là giặc đương triều,
Nhiếc tôi là đứa phá liều tự do.

Vả xưa túc hạ hẹn hò,
Tan xương nát thịt chết cho cộng hòa.
Bây giờ mặt dạn gối co,
Cúi đầu trước ngựa còn lo sau người.
Lòng đâu đến đỗi rã rời,
Nghĩ câu tiết nghĩa thẹn thòi biết bao!
Phá Luân[1] *xưa trộm ngôi cao.*
Oai Khu Thổ với Phi Hào chống ngang.
Nghĩ mình thế lực khôn đang,
Lui về góc biển nghênh ngang một mình.
Trượng phu thà thác biển xanh.
Nỡ nào vạn thặng[2] *luồn mình cho đang.*
Nay sao túc hạ vội vàng,
Mang đai đội mũ ngỡ ngàng xiết bao!
Lại còn lụy đến tri giao,
Chẳng hay túc hạ mặt nào thấy đây?
Gió to mới biết sức cây,
Đời suy mới biết kẻ hay người hèn.
Cõi trần lòng tục khôn tin,
Bao giờ xuống lỗ vẹn tuyền mới hay."
Trong khi binh ngựa lày quày,
Mảnh tiên gởi lại khôn hay tận tình.
Phục thơ vừa tới địch dinh,
Tức gan tướng nguỵ đem binh tới liền.[3]
Trăm lần đột pháo xông lên,
Muôn người bỏ mạng trận tiền phơi gan
Anh tôi chết giữa chiến tràng,
Cha tôi thoát nạn tìm đàng lánh xa;
Trong khi giã nước từ nhà,
Đem tôi dấu để cõi xa một mình;
Cha tôi bảy chục tiên linh,

---

[1] *Phá Luân*: Napoléon (1769-1821) lên ngôi vua và lật đổ nền cộng hòa Pháp ngày 18-5-1804. *Oai Khu Thổ* (?) *Phi Hào*(?).

[2] *Vạn thặng*: Vạn cỗ xe, chỉ vua thiên tử mới được quyền có.

[3] *Nguỵ*: dịch.

Xông pha muôn dặm coi mình như không.[1]
Lăm toan kết kẻ anh hùng,
Máu gan còn hãy não nùng như xưa:
Huống chi tuổi thiếp đương vừa,
Nên hư sống thác thân thừa sá bao;
Bây giờ nhà nước lao đao,
Bà con tan tác xiết bao giãi dầu:
Trông trăng luống ngẩn ngơ sầu
Nhìn hoa thôi lại thêm đau đớn lòng;
Trông về nước cũ mây lồng,
Ngồi buồn nghĩ đến chữ đồng mà đau,
Ruột gan ngày một héo xàu,
Nỗi lòng ai biết cho nhau hỡi lòng.
Nói rồi lụy chảy ròng ròng,
Thoạt nghe chàng cũng cay lòng chua tai.
Nàng liền sửa áo hẳn hòi,
Thưa rằng : "Thiếp mới gặp người tri âm,
Hiềm vì giao thiển ngôn thâm,
Nói rồi nghĩ cũng tủi thầm thẹn riêng".
Chàng rằng: "Trí mọn tài hèn,
Ham nghe lời chánh vẫn quên nhọc nhằn;
Lòng nàng rộng rãi vô ngần,
Thanh thiên bạch nhật một lần nói ra,
Lời êm ngồi những nghe sa,[2]
Sợ e hết chuyện hóa ra lòng phiền".

5. Nữ chí sĩ Ái Lan kể chuyện mình

a) Chàng lại hỏi đến Hồng Liên là nữ chí sĩ Ái Lan. Hồng Liên kể nước Ái Lan bị Anh đô hộ, dân tình cực khổ, sưu cao thuế nặng.

Luôn cơ lại hỏi Hồng Liên:
"Chẳng hay nàng cũng về miền Tây Ban?
Thưa rằng: "Thiếp ở Ái Lan,

---

[1] *Tiên linh*: tuổi tiên.
[2] *Nghe sa*: nghe một cách say mê.

Lánh nàn nên nỗi băng ngàn tới đây".[1]
Chàng càng cặn kẽ nước mây.
Sụt sùi nàng mới tỏ bày căn do:
Cha tôi bán lớn buôn to,
Tâm cơ sánh dấu ngũ hồ kém đâu,[2]
Chở chuyên khắp Á khắp Âu,
Một tay trù toán người đâu dám bì;
Nước nhà gặp buổi suy vi,
Anh hoàng dùng chước rủ bề liên bang;[3]
Ngoài thì hiệp ước rõ ràng,
Trong thì dạ hổ lòng lang khôn lường;
Ban đầu giả cách yêu nhường,
Sau ra tôi tớ đủ đường hiểm sâu;
Ghét ta binh mạnh nước giầu,
Tìm mưu ngăn trở biết đâu là ngần;
Công thương ngày một phá dần,

---

[1] *Ái Lan*: Irlande, đảo quốc ở phía cực Tây Âu châu, sát nách Anh quốc. Người Scandinave đã tới khai thác hồi cuối thế kỷ thứ VIII và ngự trị tại đó đến thế kỷ thứ XII mới bị người Anh đánh bại. Hồi 1167 một vị vương ở Leinster, trung bộ Ái Lan là Dermos bị dân chúng đuổi vì tội phản bội, đã tránh sang Anh và nhờ Hầu tước Anh là Strongbow giúp sức chiếm Dublin và Waterford để làm vua: khi Dermos chết (1171) thì truyền ngôi lại cho Strongbow, nhưng Strongbow lại ký giấy hiến cho vua Anh Henri II tất cả đất đai ấy. Kể từ đó Anh và Ái Lan hai dân tộc sống chung. Đầu thế kỷ XV người Ái Lan muốn xoay liên minh với Ecosse (đảo quốc ở Bắc Anh) nhưng thất bại. Cuộc nội chiến kéo dài. Hai vị vua của Anh là Edouard III và Richard II đã tìm cách đặt vững lại đế quyền trên đảo mà cũng không thành công. Chính quyền Anh tàn sát người chống Anh. Đạo luật Kilkelly (1367) còn cấm người Anh gần với người Ái. Cuối thế kỷ XV và cả thế kỷ XVI dòng họ Tuder của Anh hoàng lại tàn hại người Ái hơn. Năm 1541 vua Henri VIII được quốc hội tôn làm vua Ái Lan đã cố tìm lại không khí thân thiện giữa hai dân tộc. (Vì đó trong truyện có câu 341). Nhưng đến Nữ hoàng Elisabeth thì lại xoay dùng bạo lực thành xảy ra cuộc chiến kéo dài tới 10 năm làm tàn hại Ái Lan. Năm 1641, Quốc hội Ái Lan lại lên tiếng đòi tự do. Đại tướng Cromwell của Anh đổ bộ tại Dublin với 10 ngàn lính thiết giáp để đàn áp. Và đến 1690 Anh hoàng Guillaume III lại cho quân qua đánh và chiếm đất đai. Đến hậu bán thế kỷ XVIII Ái Lan lại trỗi dậy một lần nữa và thất bại. Ngày 5 tháng 2.1800 Ái Lan phải ký với Anh hiệp ước hiệp nhất hai nước. Quốc hội Ái Lan giải tán. Một vị Phó vương được đặt lên và chính phó vương ấy phải dưới quyền điều khiển của nội các Anh tại Luân Đôn. Từ đó mặc dầu sự chống đối quân sự chính trị vẫn tiếp diễn, nhưng mối hận của Ái Lan chuyển dần qua phạm vi kinh tế. Kịch sĩ trứ danh Bernard Shaw là người Ái Lan.

[2] *Dấu ngũ hồ*: năm hồ lớn bên Tàu: Tây hồ, Thái hồ, Động Đình hồ, Phan Dương hồ, Sào hồ, ở đây ý nói 5 đại dương.

[3] *Anh hoàng*: Henri VIII, người dùng chính sách mềm dẻo để liên Ái.

Cấm bề nhóm họp, cướp phần tự do.
Nghề buôn nghiệp thợ héo xo,
Làm cho dân sự nhỏ to buồn rầu:
Phần thì cướp ruộng cướp trâu,[1]
Phần thì nặng thuế nặng xâu lạ lùng;
Đẩu thăng thuế chửa kịp đong,
Đòn đau phạt nặng hãi hùng xiết đâu;[2]
Rán cho hết mỡ hết dầu,
Rắn còn kém độc, hùm hầu thua gan.
Trải đà mấy trăm năm tràng,
Những người chí sĩ Ái Lan bực mình;
Tự do độc lập rấp ranh,
Ai ai quyết cũng liều mình non sông;
Sao cho mở mặt cha ông,
Sao cho dòng họ còn trông sống về;
Trời già độc địa gớm ghê,
Tai to nạn lớn tứ bề lao nhao;
Lại thêm Anh quốc cường hào,
Tự do hiến pháp vét đào sạch không;[3]
Tham lam dữ tợn vô cùng,
Khinh ta thút mút khôn trông thế ngoài;[4]
Đất vườn mua chịu hoài hoài,
Lời mười vốn một ép đòi phải vay;[5]
Làm cho dân đói chết quay,
Hơn tám mươi vạn đắng cay lạ nhường;
Thiếp nghe những chốn sát thương[6],
Kỳ lân lánh dấu phụng hoàng bay xa;
Loài thiêng còn xót giống nhà[7],
Loài người đâu nỡ nhồi da cho đành;
Lạ thay cái máu người Anh,

---

[1] *Cướp ruộng cướp trâu*: Guillaume III cho quân qua Ái Lan chiếm đất đai.

[2] *Đẩu thăng* đấu đong lúa.

[3] *Tự do hiến pháp*: hiến pháp nhìn nhận quyền tự do ấy.

[4] *Thút mút*: danh từ địa phương có nghĩa hầm hiu thiếu thốn.

[5] Vấn đề nông dân ở Ái Lan hết sức sôi nổi vào hồi nầy. Chính trị gia người Anh Gladstone (1809-1898) đã can thiệp để có những đạo luật che chở tá điền Ái khỏi bị các điền chủ Anh bóc lột.

[6] *Sát thương*: sát hại và làm bị thương

[7] *Loài thiêng:* loài vật có linh tính.

Chẳng thương lại kiếm rấp ranh những lời:
Rằng ta ít đất nhiều người,
Muốn cho giàu mạnh tại trời cũng may;[1]
Lời quê tiếng tục xưa nay:
Bầy tà mạnh thế lẽ ngay cũng đùi;[2]
Người Anh kiếm chước giục xui,
Làm cho già trẻ lăn vùi rãnh khe;
Trẻ trong tan tác tứ bề,
Mỗi năm bảy vạn ê hề biết bao;[3]
Người sinh càng sụt càng hao,
Làm ăn khốn khó lao đao kiếp người;
Gẫm thôi thói nọ nực cười,
Rượu ngon nói khéo tốt tươi ngọt ngào;
Nói thì đầu lưỡi có dao,
Rượu thì lại có bỏ vào thuốc mê;[4]
Gớm thay lòng cáo dạ dê,
Còn ai có dám lại kề nữa ư?
Nếu mà mắc nó phỉnh phờ,
Giả nghề buôn miệng, toan cơ đè đầu,

b) Cũng như Anh đã đô hộ Ai Cập, Ấn Độ. Chính một cô gái hiền của nước Anh cũng phải giận dữ làm thơ mà thóa mạ chính sách nước mình. Chính một vị đại thần của Anh khuyên can nhà nước đừng dùng võ lực, không được, cũng vất mão lui về ẩn thân.

Nước Anh còn vẫn giữ chính sách ấy để gắm ghé Á Đông nữa.

Ai Cập Ấn Độ bấy lâu,
Tiếng rằng bảo hộ còn đâu nữa nào;
Bạc vàng ra cửa biết bao,
Khác gì vét túi cống vào Luân Đôn?
Người đời lắm kẻ không khôn,
Say mê chước quỷ bôn chôn vào lờ[5]*;*
Kể ngay một lúc bây giờ
Người bên Ấn Độ chết dư muôn nghìn;

---

[1] Muốn cho giàu mạnh tại trời *cũng* may. Đoạn này có ý nói người Anh đem tà thuyết phỉnh phờ người Ai (như thuyết phá thai để bớt nhân khẩu, hay nói thiên tai làm chết bớt dân để khỏi họa nhân mãn, cũng là may cho dân Ai)

[2] *Lẽ ngay cũng đùi*: lẽ ngay cũng lụt đi không thi hành được.

[3] *Trẻ trong* tan tác tứ bề: Thanh niên trẻ trung phải lưu tán nhiều.

[4] *Bỏ vào thuốc mê*: ý nói bóng...

[5] *Lờ*: lồng đan bằng tre để nhử cá.

Nước Anh có một gái hiền,
Hiểu Oanh nữ sử vẹn tuyền thanh danh[1]
Làm thơ giận dữ nước Anh,
Đãi người Ấn Độ thảm tình biết bao;[2]
Nước Anh cậy sức mạnh giàu,
Cùng binh độc võ biết bao nhiêu lần;[3]
Trong hăm lăm trận cất quân,
Tốn hơn tám ức muôn mâm tiền vàng;[4]
Năm tám tám hai một ngàn,
Đùng đùng kéo thẳng binh sang Tô Hà;[5]
Thình lình nổi trận binh qua.
Có ông Võ Lại nói ra rõ ràng:[6]
Tự do là đảng vẻ vang,
Phải như những đảng ưa đàng công danh,
Sao cho lánh khỏi mối binh,
Thạnh đàng buôn bán hậu tình anh em;
Từ khi nữ chủ rơi rèm,

---

[1] *Hiểu Oanh nữ sử: (?)*

[2] Ấn Độ được người Âu châu biết từ trước khi Vasco de Gama tới (khoảng năm 1498). Người Bồ Đào Nha (Portugal) giữ ưu thế doanh thương suốt một thế kỷ (1500-1600) tại bờ biển phía tây Ấn Độ và cả trên mặt bể từ vịnh Persique đến Đông Dương. Ưu thế ấy sang tay người Hòa Lan từ khoảng cuối thế kỷ 16 để lại chuyển qua người Anh từ 1793 tới 1811. Tại Luân Đôn, công ty Ấn Độ thành lập năm 1599-1600 để mở đường thực dân đế quốc. Tại Pháp từ 1611 người ta cũng nghĩ tổ chức công ty Đông Ấn Độ để đến 1664 thì Colbert thành lập công ty ấy.

Anh và Pháp chống nhau để độc chiếm Ấn Độ, Dupleix (1697-1763) giám đốc công ty Ấn Độ của Pháp tại Chandernagor, đã có công nhiều trong việc kinh dinh và mở thuộc địa hết sức rộng lớn từ 1748 tới 1754 nhưng bị ban quản trị trung ương không hiểu sự thực trong việc chống người Rajaks ở Tanjore và Misore do Anh ngầm giúp, nên bị gọi về Pháp, khiến toàn cả khu vực mặc tình cho Anh một mình chiếm dần hết.

Trong thời Phó Vương Ấn Độ Lord Auckland (1836-1842) có xảy ra cuộc tàn sát 10 ngàn quân Anh tại A Phú Hản (Afghanistan). Phó Vương Ellenborough (1842-1844) trả thù trận ấy, và chiếm Sindh. Phó Vương Dalhousie (1848-1856) đánh chiếm Penjag và đánh chiếm Regou.

Một cuộc tổng khởi nghĩa chống Anh xảy ra tại Mirat năm 1857. Người Anh dẹp được và ngày 14 tháng 5-1857 đánh chiếm Delhi. Vua Ấn Bahadur Chah bị bắt lưu đày qua Rangoon và chết tại đó (1862).

Năm 1858 quyền quản trị công ty hiến về cho triều đình. Ấn Độ từ đó bị dưới quyền thống trị của Nữ hoàng Anh. Năm 1877 Nữ hoàng Victoria kiêm Quốc vương Ấn Độ và Bá tước Dufferin từ 1885 tới 1900 lại cất quân chiếm Miến Điện để nhập vào thuộc địa ấy.

[3] *Cùng binh độc võ*: Binh dùng đến cùng, võ dùng hết sức.

[4] *Hăm lăm trận*: Một con số tượng trưng hay tác giả đếm đủ số (?)

[5] *Tô Hà:* Tô Di Sĩ hà (Suez).

[6] *Võ Lại*: (?)

Tính ra vừa chẵn hăm lăm năm trời,[1]
Động tình hai mươi bốn hồi,
Về phe bảo thủ chỉ đôi ba lần;
Chúng ta nghĩ cũng hổ thân,
Bây giờ còn muốn phân vân nỗi gì;
Chẳng nghe thôi cũng thôi thì,
Dốc toan vứt mão lui về ẩn thân.
Thử xem cho đủ nguồn căn,
Người Anh thiệt giống tầm ăn lạ lùng:
"Bây giờ gắm ghé Á Đông,
Hoành Tân ngọn khói, Quảng Đông tiếng kèn;
Thừa cơ Trung Quốc hư hèn,
Chở vào nha phiến biết thiên vạn nào;
Trẻ già mắc độc ngán ngao,
Tội kia lỗi ấy trách vào lỗ đâu.
Vậy mà tôi chúa ngọt ngào,
Rằng ta thương giặc khác nào em anh;
Vậy mà giả dạng văn minh,
Khoe lòng bác ái rấp ranh nỗi nào;
Tục rằng gió lộn sóng xao,
Sông sâu sạch cá, non cao hết chồi;
Nghĩ ra âu cũng việc người,
Cậy to hiếp bé đạo trời vậy vay!

c) Người nước Ái uất ức lắm. Cha nữ chí sĩ hết sức xót xa, dốc hết tiền của ra để kết nạp đồng chí mà tranh thủ độc lập.

Cơ mưu bại lộ, cha nữ chí sĩ bị bắt giam. Quan Tổng đốc thấy nữ chí sĩ xinh đẹp thì vung tiền ra để dỗ dành nàng làm nàng hầu. Nàng mắng là đồ cõng rắn lỗi nghì ông cha, nên bị nó tìm cớ để xua đuổi ra cõi ngoài.

Nước tôi phong tục xưa nay,
Giữ lòng độc lập tin bài tự do;
Hiềm vì mắc tiếng nhỏ to,
Xui nên chịu sút quanh co đủ điều;[2]

---

[1] *Rơi rèm*: Do chữ *thùy liêm*, buông rèm xuống để chính thức bắt đầu trị vì. Xưa bên Tàu, khi đàn bà cầm quyền, lúc ra triều thì có rèm che thả xuống để che mặt nữ chủ.

[2] *Chịu sút*: chịu thua kém.

Hai trăm năm cực bao nhiêu,
Nước sâu, lửa nóng, mưa xiêu, nắng tàn;[1]
Người Anh chẳng chút cứu nàn,
Giúp trời làm giặc tức gan lạ dường;[2]
Lắm người kiết oán tranh cường,
Bởi vì sợ chết ra đường dở dang;[3]
Bây giờ tìm sống không đường,
Lòng nào còn tưởng đến phường thất gia[4]
Bấy lâu trong nước gần xa,
Cắn răng, chằng mắt, kêu ca lối nào.
Cha tôi tấc dạ như bào,
Quyết đem gia sản chia trao dân nghèo;
Nghiêng nhà kết kẻ anh hào,
Toan bề độc lập mưu cao rạch ròi;[5]
Mồ cha những đứa rước voi,
Tìm sâu vạch lá lậu bài cơ mưu;
Cha tôi liền bị giam lưu,
Anh hùng rơi lụy ôm thù chung thiên;
Thiếp còn tuổi trẻ nhỏ nhen,
Bà con thút mút của tiền khô khan;[6]
Có quan Tổng đốc Ái Lan.
Tên là Lưu Hổ cũng đàn phi nhân;
Nghênh ngang cậy thế cậy thần,
Quên câu nghĩa khí, trao thân người thù;
Lỡ đường thấy thiếp đơn cô,
Vàng ròng nói ngọt, ép xô thị tỳ;[7]
Sốt gan thiếp mắng tức thì:
Những quân cõng rắn lỗi nghì ông cha;
Xúc gan nó cũng nồng nà,

---

[1] Kể từ 1541 Cromwell đổ bộ và đàn áp là 200 năm.

[2] *Giúp trời làm giặc:* trợ thiên vì ngược. Trời đã làm hại mà người còn làm hại thêm như giúp Trời vậy.

[3] *Kiết oán tranh cường*: oán ghét mà ra sức tranh đấu chống người Anh.

[4] *Phường thất gia*: phường mất nước (?)

[5] Nguyên văn: Nghiêng nhà *kiết* kẻ anh hào.

[6] *Bà con thút mút*: bà con bị cô thế, làm ăn túng khó.

[7] *Thị tỳ*: gái hầu.

Kiếm điều oan uổng xua ra cõi ngoài.

d) Nàng lánh mình hết Âu sang Mỹ. Nàng gặp người nữ sử Ninh Lưu là một người thức thời lắm. Nữ sử vẫn âm thầm khuyên nhủ đồng bào phải tính mưu cao, không dè có những kẻ manh động chủ trương khủng bố giết mất quan hiền thú ở Võ Lam. Thành ra thiên hạ cho là người Ái toàn là một lũ sát nhơn. Đáng đau lòng biết bao!

Ra đi thề thốt nặng lời,
Thân nầy quyết chẳng đội trời nước Anh;
Sao cho đứng lại một mình,
Đền xong nợ nước lênh đênh sá nào;[1]
Bấy lâu lánh dấu cõi Âu,
Bây giờ sang Mỹ đợi cầu thời cơ;
Duyên trời gẫm chẳng thờ ơ,
Gặp nàng nữ sử tóc tơ xum vầy;
Cùng người liệt nữ gần đây,
Một cô một cháu vui vầy hôm mai.
Ninh Lưu vốn thiệt tên người,
Cũng trang nghĩa liệt, cũng nòi lược thao;
Âm thầm khuyên nhủ đồng bào,
Trăm điều phải tính mưu cao vạn toàn;
Không dè những lũ lăng loàn,
Vô mưu vô kế chỉ toan làm càn;
Rủ nhau bắn dọc đâm ngang,
Giết quan hiền thú trong đàng Võ Lam.[2]
Làm cho thiên hạ om sòm,
Chỉ người nước Ái là chòm sát nhân;
Vậy nên chí sĩ nhân nhân,
Mấy phen rơi lụy mấy cơn đau lòng.
Người tôi còn chút trông mong,
Cậy nhờ nước lớn đem lòng xót lây;[3]
Sao cho cổi trói cổi dây,
Sao cho thoát khỏi chốn nầy lầm than;
Bao giờ trải đặng lá gan,

[1] *Đứng lại một mình:* giữ vẹn chí mình.
[2] *Võ Lam(?)*
[3] *Người tôi*: Người nước tôi.

Dầu mà thịt nát xương tan sá nào!
Thiếp xem sách vở biết bao,
Xưa nay đâu có lao đao nỗi nầy;
Vậy nên lo lắng đêm ngày,
Ngồi buồn ngẫm nghĩ dạ nầy khôn nguôi;
Nghĩ thôi càng gớm cho đời,
Đê hèn hiếp yếu cũng coi làm thường;
Càng trông càng chán chê dường,
Bỏ bề nhân nghĩa, theo đường dã man;
Vậy nên chí sĩ thở than,
Ngày đêm gắng gổ Ái Lan đó mà.
Một thiên máu liễu hồn hoa,
Tiếng trong gan ruột mửa ra rõ ràng.
Chàng càng đau ruột nhức gan,
Lắc đầu luống những thở than vắn dài.

c) Kể xong chuyện mình nữ chí sĩ lại hỏi chàng; bữa qua tôi xem báo thấy nói có mấy người Á Đông bàn việc nước tôi và căm người Anh lắm. Một người hỏi: "Ái Lan độc lập các anh thế nào?" thì hai người hăm hở rằng: nào!

Mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi.

Chẳng hay người ấy là người nào?

Chàng trả lời người ấy chính là mình. Nàng bắt tay cám ơn.

Hồng Liên lại hỏi một hai:
Bữa qua xem báo có người Biển Đông,
Rủ nhau lên các ngồi trông,
Nhơn bàn việc nước căm lòng người Anh.
Một người đứng hỏi rõ rành;
Ái Lan độc lập các anh thế nào?
Hai người hăm hở rằng: "nào!
Mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi."
Thiếp nghe đặng bấy nhiêu lời,
Âm thầm lòng những cảm người nghĩa cao.
"Chẳng hay người ấy thế nào?
Xin chàng hỏi lại trước sau cho mà".
Chàng liền vội vã thưa qua:
"Một người đứng hỏi thiệt là tiểu sanh."
Nàng nghe chàng nói đinh ninh,
Bắt tay nhìn mặt giọt tình ngổn ngang:

"Rằng nay may gặp đặng chàng,
Bao giờ thiếp đặng vẻ vang như lời?
Thương ôi! tức tối cuộc đời!
Nói rồi lụy nhỏ vắn dài khôn ngăn."

HỒI THỨ NHÌ

LỬA TÌNH ĐÃ BÉN

I. Băng bó vết thương lòng cho nhau

a) Nữ sĩ U Lan thấy chàng cảm thương quá khi nghe kể chuyện, thì quay lại khuyên dỗ chàng bớt buồn phiền:

Nước Nhật của chàng bây giờ đã bắt đầu văn minh rồi. Mai mốt tương lai còn rực rỡ. Chàng được đi ra nước ngoài ăn học không đến nỗi phải như lũ thiếp nhà tan nước mất để đem thân đi lưu lạc xứ người. Đường công danh của chàng cũng đã chắc trong tay, thì rồi gặp cảnh ngộ nào chàng cũng sẽ xử theo được cảnh ngộ ấy.

Vậy sao mà chàng buồn bã quá?

Chàng nghe nỗi nỗi nguồn căn,
Nhẹ lau giọt lụy nặng oằn lá gan;
Xiết bao vắn thở dài than,
Người đời sao có gian nan thế mà.
U Lan từ tạ thưa qua,
Xin chàng thứ lỗi kiêu ngoa cho cùng;
Trong khi xuân sắc đương nồng,
Gió trong mát mẻ đẹp lòng biết bao:
Xui nên ra cảnh tiêu tao,
Cho chàng buồn bã tội hầu tại đây;
Trộm nghe quý quốc bấy nay,
Đổi đời tục cũ sửa bầy chánh tân;
Học đòi Âu Mỹ dần dần,
Bẻ hoa hái trái cân phân rạch ròi;

Văn minh ngày một sáng soi,
Nước nhà ngày một tót nơi phú cường;
Một vầng soi góc Phò Tang,
Bồng Lai ba đảo vững vàng biển Đông;
Trên ngôi Thiên Tử có lòng,
Cho người chánh đảng đặng vòng tự do;
Triều Tiên đưa sứ Lưu Cầu thêm dân;[1]
Á Đông gặp hội phong vân,
Tai trâu chắc đã mười phần trong tay;[2]
Sao cho tháo trói cổi dây,
Sao cho các nước khôn gây oán thù;
Sao cho mất vía cường Âu,
Từ sau đừng dám đè đầu cõi Đông;
Dầu ai can thiệp việc trong,
Ra tay chống cự cho xong mỗi đường;
Làm cho bốn bể danh dương,
Mở giàm ức triệu, nắm cương toàn cầu,[3]
Tưởng chàng học khắp Á Âu,
Xưa nay từng trải qua cầu hơn thua,
Sa trường chưa trải tranh đua,
Sở tù chưa nếm cay chua mùi đời;[4]
Nhưng khi trong lúc thảnh thơi,
Đem thân để thử cuộc đời mà suy:
Thiếp nay nhà phá nước nguy,
Nhọc nhằn kiếp trẻ, lưu ly cõi người,
Mịt mờ muôn dặm xa khơi,

---

[1] *Lưu Cầu*: Liou Kiou, hòn đảo Ryu-Kyu Nhật chiếm được của Trung Hoa năm 1895. *Triều Tiên đưa sứ*: Triều Tiên phải mở cửa bể cho Nhật vào buôn bán năm 1876 sau cuộc can thiệp bằng quân sự của Nhật.

[2] *Tai trâu*: do chữ *Chấp ngưu nhĩ*. Thời Chiến Quốc, người minh chủ giữ tai trâu cho các chư hầu thọc huyết ăn thề.

[3] *Giàm*: Khóa mõm ngựa hay mõm trâu; ý nói giải phóng cho ức triệu người khỏi vòng nô lệ.

[4] *Sở tù*: lao tù.

Ngày đêm luống những đoái hoài tử tang;[1]
Mà nay không lựa tấc gang,
Xem chàng tuổi trẻ tài hay,
Công danh cũng chắc trong tay đã rồi;
Đạo trời nghĩ cũng thường thôi,
Nên hư họa phước sức người mà chi;
Dầu cho lỡ vận thất thì,
Cũng an sở ngộ việc gì mà lo;[2]
Xem chàng nét mặt buồn xo,
Hay là tại thiếp làm cho ai hoài?

b) Chàng lại càng đau đớn hơn. Nước mắt chảy dầm dề. Một giọt nước mắt của chàng thấm vào áo nàng U Lan. Chàng cầm khăn đứng dậy định lau áo và xin lỗi. Nàng cười nói: giọt lụy ấy ngàn vàng khôn mua. Đây là giọt lụy phát từ nghĩa cao tiết cả. Vậy thiếp xin cảm ơn chàng.

Nàng cũng xin chàng nên nghĩ lại: cuộc sống lưu vong của những người như thiếp chỉ là một sự rất thường. Xưa kia đức Khổng Tử cũng phải long đong biết bao nhiêu. Đến đức Da Tô cũng bị chết trên Thập tự giá. Đến Socrate cũng phải một đời ngậm tủi đeo sầu. Thì tài cao tất phải chịu trăm đường đắng cay vậy.

Nỗi đắng cay ấy người chí sĩ vui lòng chịu chớ không thèm làm kiếp ngựa trâu.

470. Trong khi an ủi một hai,
Tình kia nghĩa nọ rạch ròi đôi bên.
Ngồi gần lại có Hồng Liên,
Lân la nàng cũng tới bên vỗ về.
Chàng càng giọt ngọc ủ ê,
Càng lau càng chảy dầm dề như chan.
Trong khi dào dã ngổn ngang,

---

[1] *Tử tang*: quê hương nơi làng mạc hay trồng cây dâu, thứ cây biểu tượng cho nơi chôn rau cắt rốn.

[2] *An sở ngộ*: gặp cảnh ngộ nào thì hành động theo cảnh ngộ ấy.

Tình cờ một giọt thấm tràng áo the.[1]
Ngại ngùng nửa thẹn nửa e,
Cầm khăn chàng mới lăm le gần nàng.
Nàng càng cười nói vội vàng:
Lụy chàng nhỏ áo, ngàn vàng khôn mua;
Giải tiên rơi tới bông thừa,
Chút lòng cảm tạ đã vừa vào đâu;[2]
Lòng tôi ngần ngại lo âu,
Cớ chi đến đỗi chàng sầu lắm thay?
Trộm nghe thói nước xưa nay,
Thương người sa sút ghét tay hung tàn;
Lắm người trượng nghĩa giúp nàn,
Dầu cho trôi máu phơi gan cũng là;
Nào như con nít đàn bà,
Trượng phu sao lại nồng nà thế ư?
Hay là máu nóng khôn trừ,
Nghĩa cao tiết cả phát từ tình chung;
Vì thương bọn thiếp long đong,
Vậy nên đến nỗi trăm dòng ngổn ngang?
Thiếp xin muôn tạ ơn chàng,
Tấm tình mang xuống suối vàng còn ghi.
Vả chăng tạo hóa biết suy,
Trong vòng hoạ phước có khi gặp thì.[3]
Rủi mà chẳng gặp thời ky,
Chết vì đạo nghĩa sá gì ghét thương?
Gẫm trong sống chết nhiều đường,
Dầu mà sống đục cũng phường cỏ cây;
Sao cho dân nước xum vầy,
Một lần trôi máu phơi thây cũng đành.
Thiếp nghe hai chữ công danh,
Nếu lòng giả dối muốn thành khôn phương;
Cỏ kia phải đốt vì hương,
Chim kia phải bắt vì phường tiếng thanh;[4]

---

[1] *Dào dã*: dào dạt.

[2] *Giải tiên*: (?)

[3] *Vả chăng tạo hóa biết suy*: biết tính toán cân nhắc để bù trừ trong vòng hoạ phước nên nhiều khi gặp họa thì là phước hay ngược lại.

[4] Cỏ thơm thì bị đốt, chim hót hay thì bị bắt.

Làm người đứng giữa cao xanh,
Dẫu rằng lan ngọc tan tành cũng vui;[1]
Còn như sống dập thác vùi,
Dầu cho muôn tuổi lại mùi mẽ chi!
Vậy nên những đấng tiên tri,
Lắm cơn hoạn nạn lắm khi khốn cùng;
Lời hằng đạo cả trung dung,
Một đời luống những long đong cõi người,
Nê Sơn là thánhh nổi trời,
Đói trong Trần, Thái, sợ ngoài Tống, Khuông[2]
Tích thơm đồn khắp bốn phương,
Một thân chuộc tội, treo gương muôn đời;
Da Tô cũng chúa cứu người,
Chết trên thập tự, đủ mười oan khiên;[3]
Tẩu ngu Thích thiết bực hiền,
Một lòng ngay thẳng, trăm thiên nhiệm mầu,[4]
Một đời ngậm tủi đeo sầu,
Làm cho đến đỗi mắc bầu tì sương.[5]
Nghĩ thôi càng ngán ngao dường,
Tài cao phải chịu trăm đường đắng cay;
Cây cao thì phải gió giay,
Người cao thì phải kẻ rầy người chê;
Xưa nay dấu úp ê chề,

---

[1] *Lan ngọc tan tành*: Lan ở rừng núi, ngọc ở trong đá gặp người biết giá trị dầu tan tành cũng vui (Dựa theo tích Hàn Tín nói với Lưu Bang).

[2] *Nê Sơn*: Chỉ đức Khổng Tử, vì Thúc Lương Ngột cầu đảo trên núi Ni sơn (hay Nê sơn) mà sinh ra ngài nên đặt tên Khâu, tự Trọng Ni.

Đói trong Trần, Thái; Đức Khổng Tử bị tuyệt lương ở nước Trần nước Thái.

Sợ ngoài Tống, Khuông: bị người ta làm dữ sợ hãi ở nước Tống ấp Khuông.

[3] *Da Tô:* Chúa cứu thế Jésus Christ.

[4] *Tẩu ngu Thích thiết*: Socrate (468-400 trước C.N.) bố là thợ chạm, mẹ là cô mụ. Ngài là bực thầy về tinh thần của hệ thống tư tưởng Hy Lạp. Ngài không viết sách mà chỉ dùng lời nói thân mật và thành thực để cảm hóa người đời vào vòng đạo lý. Những kẻ thù của ngài vì ghen ghét đã lên án ngài là làm hư hại Tôn giáo của nhà nước và đầu độc thanh niên. Ngài bị bắt. Các bạn khuyên ngài vượt ngục, ngài không chịu vì không muốn người ngoại quốc hiểu sai về nền hà chính của nước mình. Ngài bình thản bưng chén thuốc độc người ta đưa để uống, sau khi nói với học trò về lẽ linh hồn bất diệt.

[5] *Tì sương*: bầu thuốc độc(?)

Mà lòng chí sĩ vẫn thề non sông,[1]
Muốn qua thì phải lội sông,
Muốn cho thỏa chí phải xông vào đời;
Kể chi những lũ dông dài,
Túi cơm giá áo chơi bời no say;
Xiết bao mặt dạn mày dày,
Trong vòng thế lợi khoanh tay cúi đầu;
Mặc ai chỉ ngựa làm trâu,
Vâng vâng dạ dạ biết đâu ngỡ ngày;
Quyền cao là ngọc là vàng,
Những người thất thế là phường dép mo;[2]
Ngày đêm luống những so đo,
Thân danh được mất đói no một mình;[3]
Ra thì xe ngựa linh đình,
Vào thì hầu thiếp khoe mình rằng sang;
Biết đâu đến chuyện hành tàng,
Cuộc đời còn biết thương tang là gì?[4]

c) Chàng Tán Sĩ ngồi nghe U Lan nói mà ghê cho tài của nàng. Chàng xin lỗi nói tôi cũng dòng thư hương và cũng chỉ là một kẻ đi lánh nạn như các nàng, nên thấy chuyện người nghĩ đến chuyện mình mà không khỏi đau lòng xót dạ.

U Lan vội hỏi: vậy chuyện chàng ra sao xin kể cho nghe.

Một thiên khích liệt lâm li,
Khiến người ngồi đó cũng ghê cho tài;[5]
Nghĩ tình Tán Sĩ nực cười,
Thấy nàng yểu điệu ngỡ người trăng hoa;[6]
Hay đâu rất đỗi tài ba,

---

[1] *Dấu úp*: Vết xe lật úp của người đi trước.

[2] *Dép mo*: ăn mày.

[3] *Đói no một mình*: chỉ người ích kỷ.

[4] *Hành tàng*: Tư cách người quân tử gặp thời thì hành mà không gặp thì tàng ẩn. *Thương tang*: thương hải tang điền tức là lẽ biến đổi bể dâu.

[5] *Khích liệt*: Hùng hồn để động lòng người. *Lâm li*: cảm động.

[6] *Người trăng hoa*: người không đứng đắn.

Càng nhìn càng nghĩ càng tha thiết lòng,
Thưa rằng: "Trong buổi lạ lùng,
Nghe lời sấm sét động dung anh hùng,[1]
Ngu hèn còn biết động lòng,
Huống chi tôi cũng là dòng thơ hương;
Dám đâu gan ruột tầm thường,
Bầm non bầm nước học phường tiểu nhi;[2]
Thôi nàng chớ ngại ngần chi,
Tôi đây cũng kẻ lưu ly sống thừa;
Ghe phen đạn gió tên mưa,
Ghe phen sống thác ngăn ngừa trùng vi;[3]
Bây giờ nhà nước suy vi,
Ngậm cay nuốt đắng khác chi hai người;
Bơ vơ góc biển chân trời,
Tình cờ lại gặp những người tha hương;
Xiết bao ăn tuyết nằm sương,
Chuyện xưa tích cũ hai đường như nhau;
Nỗi mình nghĩ đến mà đau,
Trăm sầu ngàn tủi khôn lau giọt tình;
Làm cho lụy nhỏ áo mình,
Xin ai hãy thứ chút tình cho chăng?
Nghe lời nàng mới hỏi rằng:
Gẫm lời chàng nói rõ ràng vậy sao?
Việc chàng cặn kẽ thế nào?
Xin chàng kể hết trước sau cho mà.

2. – Chí sĩ Nhật kể chuyện mình

a) - Chàng kể: Từ ngày Âu Mỹ can thiệp vào nội chính của Nhật (1853) đến hồi ly loạn (1877) khoảng hai chục năm, có bọn ái quốc mù quáng gây phong trào bài ngoại khiến các cường quốc Tây Âu có cớ đem binh đánh vào Shimonosaki. Triều đình lại đổ

---

[1] *Lời sấm sét*: lời để thức tỉnh.

[2] *Bầm non bầm nước:* Khóc nhiều, nước mắt dầm dề. (Thổ ngữ: *khóc bầm non bầm nước*).

[3] Tôi cũng đã chết đi sống lại trong vòng vây của địch.

lỗi cho dòng Võ sĩ Tokugawa là dòng của chàng Tán Sĩ và khép vào tội phản quốc để đem binh tới đánh dẹp năm 1877. Cuộc chiến diễn ra vô cùng thảm khốc.

Nàng Hồng Liên hỏi vậy gia đình chàng có việc gì chàng?

Chàng nói cả nhà chàng chết. Chúa tôi bị bắt bị lưu đày rất cực nhục.

525. Thở than chàng mới nói ra:

Người trong cung kiếm con nhà đảnh chung;[1]

Từ khi Âu Mỹ sang Đông,

Kể năm tính đã độ chừng hai mươi.[2]

---

[1] *Người trong cung kiếm*: người trong làng cung kiếm, người thuộc dòng Võ sĩ đạo ở Nhật. *Con nhà đảnh chung*: con nhà quan sang. Xưa những nhà quan to bày cơm trên đỉnh lớn và đánh chuông mời về nhà ăn vì nhà đông người.

[2] *Âu Mỹ sang Đông*: Lịch sử thực của Nhật bắt đầu từ thế kỷ V khi người Cao Ly tràn qua và đem theo chữ viết cùng truyền bá Phật giáo với phép cai trị của Trung Hoa. Thế kỷ thứ VII và IX vua Nhật chỉ ngồi cho có vị còn quyền cai trị ở các Chúa. Mỗi tướng lãnh giữ một vùng đánh lẫn nhau cho đến thế kỷ XII thì dòng họ Minamoto về đóng Đô ở Komokura và đánh đuổi được Mông Cổ (1274-1281).

Nhưng nước vẫn không được yên ổn thái bình. Hết các dòng Chúa đánh nhau lại đến triều đình Bắc và Nam đánh nhau.

Đầu thế kỷ XIV thủy thủ Âu châu gặp thủy thủ Nhật trong bờ biển Trung Hoa. Khoảng 1542 một người Bồ Đào Nha Pinto tới đảo Kyu-syu với các giáo sĩ Da Tô và các nhà buôn. Việc truyền đạo tiến hành. Nhưng đến thế kỷ XVI thì bị cấm.

Với hỏa pháo và trọng pháo mới mua được của Âu châu Hideyoshi dẹp các Sứ quân khác và tập trung quyền chính về trung ương cùng đem binh qua xâm lăng Cao Ly (1592) – Khi Hideyoshi chết thì nước lại loạn lạc để cuối cùng (1600) dòng họ Tokugawa nắm giữ ưu thế chính quyền.

Tokugawa về đóng tại Đông Kinh bây giờ, chỉ để cho Nhật hoàng Kyoto một hư vị trong triều đình. Một quân đội cảnh vệ hết sức mạnh đã được tổ chức để trị an. Muốn ngăn các lãnh chúa liên lạc với ngoại quốc để cầu viện trợ, dòng họ Tokugawa ra lệnh bế quan tỏa cảng và chỉ cho phép người Hòa Lan buôn bán ở đảo Deshima. Việc truyền đạo Thiên Chúa cũng bị cấm. Chỉ Khổng giáo được nâng đỡ. Nhân các nho sĩ Trung Hoa cuối triều Minh lánh nạn nước chạy qua, một phong trào học Nho thịnh lên để với chủ trương tôn quân của Khổng giáo, Nhật hoàng được chuyển thành một thần tượng quốc gia.

Nhưng quyền thế của dòng Tokugawa bị sụp đổ khi nước Nhật phải mở cửa giao tiếp với Tây phương.

Năm 1853 pháo thuyền Mỹ tới với tối hậu thư của Perry, rồi người Anh, người Hòa Lan bức bách mở cửa bể thông thương năm 1858, rồi người Pháp, người Nga cũng theo gương ấy. Một phong trào quốc gia mù quáng nổi dậy chống lại dự định nhà cầm quyền mở cửa thông thương khiến các thủy quân ngoại quốc có cớ can thiệp để bắn vào eo biển Shimonosaki. Quốc sĩ ấy khiến Nhật hoàng và các quan đổ cho tại dòng họ Tokugawa và coi chế độ lãnh chúa là kẻ thù và dòng họ Tokugawa bị Nhật hoàng tước quyền (1868).

Ngày 26.11.1868 Nhật Hoàng đóng đô ở Đông Kinh. Bắt đầu từ đó là triều đại của Minh Trị Thiên hoàng (Meidji) dòng họ Tokugawa bị đánh thua một trận cuối cùng ở Hokkaido và cuộc nổi loạn của Saizo Takamori bị dẹp tan năm 1877. (Trong truyện câu 526 nói kể năm tính đã độ chừng hai mươi, là kể từ 1853 và câu 525 nói người trong cung kiếm, con nhà đảnh chung là nói Tán Sĩ thuộc dòng họ Tokugawa ấy).

Lòng trung dạ nghĩa lắm người,
Thề lòng thảo tặc xướng bài Cần vương;[1]
Những trang chí khí cang cường,
Tức quân tham lạm ghét phường ngẩn ngơ;
Sông trong khôn nỗi đợi chờ,
Thề đem một thác giã từ non sông;[2]
Thù riêng lắm kẻ giả công,
Khêu gan ức triệu giục lòng công khanh;[3]
Nào ai biết thế hoàn dinh,
Nào ai biết nó biết mình là đâu;[4]
Lăm le xua đuổi người Âu,
Toan đem châu chấu chống nhầu cỗ xe;[5]
Gần xa quán sứ đường xe,
Đầy đàng máu chảy, bốn bề lửa giăng;[6]
Võ gươm khoe sức hung hăng,
Tỉnh Y nhào trước, An Đằng ngã sau;[7]
Tuyệt giao là kẻ mưu sâu,
Thông thương là kẻ cầm đầu bán vua;[8]
Làm cho các nước xúm ùa,
Phá ngang bờ cản, đạp đùa giậu ngăn;
Hung hăng hiếp đáp vô ngần,
Vừng Tang bóng xế, non Thần sóng xao,
Tuy rằng vận nước lao đao,
Ngẫm ra cho kỹ xơn xao tại mình;[9]
Đau lâu tốn thuốc đã đành,

---

[1] *Thảo tặc*: trừ giặc. *Xướng bài Cần vương*: nên nghĩa phò vua.

[2] *Sông trong khôn nỗi đợi chờ*: Dựa theo tích cũ của Tầu cho rằng hễ nước sông Hoàng Hà trong thì có bực thánh chúa ra đời và thái bình trong vòng năm trăm năm. Câu nầy có ý nói không thể đợi chờ sự run rủi của trời đất, để thấy nước nhà vinh quang.

[3] Nói về những kẻ hầu cận vua có thù riêng với dòng họ Tokugawa để tìm cách đổ oan và tước quyền dòng họ ấy.

[4] *Thế hoàn dinh*: Dinh hoàn hay doanh hoàn, thế chung của hoàn cầu.

[5] *Châu chấu chống nhầu cỗ xe*: (do tục ngữ *châu chấu đá xe*) càng con châu chấu giương lên để đá cỗ xe. Ý nói về đám quốc gia mù quáng không tự lượng sức mình.

[6] Khiến chiến tranh xảy ra.

[7] *Tỉnh Y*: Shimonosaki (?) *An Đằng*: (?).

[8] Đám quốc gia mù quáng chủ trương như vậy.

[9] *Vừng Tang*: Phù Tang tam đảo; *Non thần*: Phú Sĩ Sơn.

Hiềm vì một nỗi quốc tình xấu xa;
Những người kiến thức cao xa,
Chuyện xưa nghĩ đến nước nhà mà đau,
Chúa tôi gặp lúc lao đao,
Nhờ ơn Tiên đế chực chầu kinh sư;[1]
Dâng thơ bày tỏ thị phi,
Răn bề bạo động giãi bề phân nhương;[2]
Lạ chi những thói hùng cường,
Cậy bề tính lợi ép đường giao thông;
Người Anh thiệt gớm ghê lòng;
Nếu không Sứ Mỹ trong vòng chủ trương;[3]
Thời ta đến nỗi dở dang,
Chẳng phe Ấn Độ, cũng phường An Nam![4]
Đương khi trong giận ngoài căm,
Triều đình tình tệ ba trăm năm trời;[5]
Trăm điều chánh trị rã rời,
Binh hèn của hết cuộc đời hôm mai,
Lòng nào còn dám đoái hoài,
Chúa tôi quyết ý định bài hy sinh.[6]
Sao cho trên thuận dưới bình,
Việc đời dốc gánh thân mình quản bao;
Lắm người hữu dõng vô mưu,
Phơi gan đứng giữa hồng câu triều đình;
Rồi ra sự nghiệp tan tành,
Mỉa mai trăm miệng ra tình chán chê;
Biển dâu một cuộc ê hề,
Gió giay cây cả mây che râu rồng.
Tướng quân Khánh Hỷ anh hùng,
Nối quyền Mạc Phủ dốc lòng sửa sang;[7]

---

[1] *Chúa tôi*: Vì chúa thuộc dòng họ chúa Tokugawa.

[2] *Phân nhương*: phân chia để sinh nhiễu nhương.

[3] *Nếu không Sứ Mỹ*: Có lẽ nói về Perry đưa tối hậu thơ năm 1853 rồi năm sau rút quân về.

[4] Thời ta cũng mất nước như Ấn Độ và An Nam.

[5] *Triều đình tình tệ*: Nỗi hư đốn tệ lậu của triều đình.

[6] Thái độ chân chính của (Chúa tôi) dòng họ Tokugawa.

[7] *Khánh Hỷ: (?)* Người nối quyền dòng họ Tokugawa, để sửa sang chính trị cũng không xong.

Xưa nay chứng bịnh cao hoang,
Còn ai chữa đặng cho toàn nữa sao?[1]
Chánh quyền người mới xin giao,
Chúa tôi liền cũng lao đao ra ngoài.[2]
Vậy mà những miệng dông dài:
Rằng phò Mạc Phủ, rằng bài tân vương.[3]
Khóc than còn có ai thương,
Cùng đường trốn lánh dứt đường kêu ca.
Binh triều thẳng tới nước ta,
Khói che ngút núi, máu sa dầm đàng.[4]
Dân ta ra dạ ngỡ ngàng,
Quân vua sao có bạo tàn thế ư?
Hay là những đảng hùng cừ,
Mượn quyền ấu chủ, thù tư lăm đền?
Vậy nên cả nước dưới trên,
Thề liều một trận chết bên cô thành.[5]
Bốn bề ngui ngút khói binh,
Gươm rơi trước trận, giáo tranh bên hào;
Đầu rơi máu chảy biết bao,
Tấm lòng địch khái để nao anh hùng.[6]
Bấy giờ có lũ trẻ trung,
Dựng cờ bạch hổ rặt dòng danh gia.
Cô quân một đội kéo ra,
Ngăn ngừa ba mặt xông pha bốn bề;[7]
Thương ôi! Trứng mỏng núi đè,
Trăm phần ước đặng sống về một hai!
Kéo nhau lên cụm núi còi,
Bó xương, rịt máu tạm ngồi nghỉ ngơi;
Bỗng đâu khói lửa ngút trời,
Đạn bay lợp đất, thành rơi bốn tường;
Đau lòng cuộc thế tang thương,

---

[1] *Bịnh cao hoang*: bịnh không chữa được.
[2] Khánh Hỷ rút lui khỏi chính quyền, chúa tôi cũng rút lui.
[3] *Tân vương*: Minh Trị (Medji).
[4] *Nước ta*: Hokkaido, nơi đóng phủ thự của dòng Tokugawa.
[5] *Cả nước dưới trên*: Cả tiểu khu của lãnh vực chúa Tokugawa.
[6] *Địch khái*: không chịu khuất phục kẻ địch.
[7] *Cô quân*: Quân đội lẻ loi.

Xấp tay hai lạy trông phương khuyết đình,[1]
Rằng tôi chút phận bồng bình,
Trong vòng tên đạn liều mình quản bao.
Rủ nhau liền nắm lấy dao,
Một lần tự vẫn ngán ngao lạ dường;
Trượng phu một giấc sa trường,
Bỏ thây da ngựa là phường xưa nay;
Thảm vì một nỗi chua cay,
Tai nghe mắt thấy lòng khuây sao đành?
Lắm trang cân quắc chi anh,
Đau lòng non nước cũng đành máu trôi,[2]
Bây giờ nhắc lại cuộc đời,
Mơ màng bóng bọt, lụy rơi dầm dề!
Hồng Liên nghe nói gớm ghê,
Động lòng nàng lại ủ ê hỏi chàng:
Trong khi tên đạn ngang tàng,
Nhà chàng may khỏi vạ tràn ấy chăng?
Chàng càng mặt héo mày nhăn,
Gan xàu bảy lá, ruột quăn chín chiều.
Thưa rằng: "Lúc ấy ban chiều,
Quân nhà thất trận binh kiêu vây thành;
Một nhà quyết chí quyên sanh,
Mẹ già dắt trẻ lánh mình núi sâu;[3]
Anh cả bị trận Việt Châu,
Anh hai cũng phải Dã Châu bỏ mình;[4]
Anh ba cầm giữ mối binh,
Cha già gắng gượng liều mình Quách môn;[5]
Chú tôi mộ lính lập đồn,
Binh thua rồi cũng thân chôn sa trường;[6]
Một trời đạn gió tên sương,
Trận mưa ngui ngút, bóng dương lờ mờ;
Tiếng quân reo dậy bốn bờ,

---

[1] *Trăng phương khuyết đình*: Nhìn về phía cửa khuyết nơi vua ngự.
[2] *Cân quắc chi anh*: Nữ anh hùng.
[3] *Quyên sanh*: quên sống, hy sinh.
[4] *Việt Châu*: (?) Dã Châu: (?)
[5] *Quách môn*: Cửa thành.
[6] *Mộ lính*: sắp đặt lính tráng.

Súng rầm rĩ đất, khói mờ mịt mây;
Tôi còn tuổi trẻ thơ ngây,
Mũi tên quyết cũng ra tay chống kình.
Trong khi từ giã gia đình,
Mẹ già nạt dặn rằng: mình tướng môn;
Sao cho khỏi thẹn tổ tôn,
Đầu rơi trước trận, thây chôn ngoài thành.
Vâng lời vội vã cất mình.
Chị em bà cháu giọt tình chơi vơi.
Thương ôi! đau đớn cuộc đời!
Trăm năm ơn nghĩa một lời đấy thôi.
Người nhà hương lửa hẳn hòi,
Trước thần vái hết mỗi lời gần xa:
Nước non đã đến thế mà,
Ví bằng sống đục chẳng thà thác trong;
Trước là giả nợ non sông,
Sau là cho biết sĩ phong triều đình;
Thương vì một nỗi chúa mình,
Lòng trung mà lại mắc danh phản thần.[1]
Nghĩ thôi cuộc thế ngán trân,
Bọt xao mặt nước, mây vần thanh không.
Chạnh tình em trẻ đau lòng,
Lúc vừa bảy tuổi mẹ bồng trên tay:
Mấy lời mẹ dặn đắng cay:
Đợi con dưới đất vui vầy anh cha.
Bây giờ tan tác một nhà,
Còn ai hương khói ông bà nữa nao?
Thương ôi! một ngọn hỏa hào,
Đưa người máu mủ cười vào cửa nguyên![2]
Gặp cơn vận nước ngửa nghiêng,
Kể ra còn lắm thuyền quyên anh hùng;
Người thì vào ngọn hỏa hồng,
Người thì cắt tóc vì chồng cầu kinh;
Người thì tức tối trầm mình,
Người thì bỏ mạng trên nhành cây cao.

---

[1] Chúa Tokugawa lòng trung mà bị mắc tiếng phản thần.
[2] *Cười vào cửa nguyên*: cười mà nhận cái chết.

Một lần máu chảy ngán ngao,
Đau lòng, chủ tướng truyền rao mấy lời:
"Người đời đặng mấy lăm hơi,
Chết không thác uổng một đời cũng oan.
Chi bằng nuôi chút hơi tàn,
Sau nầy trả nợ giang san có ngày.
Còn như thừa thiếu dở hay,
Bao giờ nhắm mắt mới bày tỏ sau..."
Rạch rời nỗi nỗi cạn sâu,
Một thành ngậm tủi ra đầu cửa viên.
Chúa tôi cũi lại kinh thiềng,
Mấy trăm tướng sĩ lưu biên một lần.[1]
Đoạ đày đủ kiếp phong trần,
Lắm yên mặt ngựa, lắm thần đầu trâu,
Người thì biển bắc dãi dầu,
Ngày đêm gió thảm mưa sầu bao nhiêu;
Người thì đói khát ngã xiêu,
Hái rau chân núi, vớt rêu đầu ghềnh.
Sá chi một kiếp phù sinh,
Cắn răng nhấm đủ trăm vành tả tơi;
Đành thân dốc trả nợ đời,
Phơi thây thất xích tạ người cửa nguyên.[2]

b) - Chàng kể tiếp: bây giờ vận nước suy vi trước cơn bão táp Thái Bình Dương, gây ra bởi các cường quốc Tây Âu. Trong nước thì người ta cam tâm làm nô lệ không chịu tìm đường canh tân. Nào xu nịnh quyền thế, nào ăn chơi sa đoạ, nào hút máu hút mủ của dân.

Bây giờ vận nước ngả nghiêng,
Người ngoài lắm kẻ chẳng kiêng nể mình:
Thanh thì cậy lớn xùng xình,
Gớm lòng Nga, Đức, bực tình Pháp, Anh;
Hiến ta rượu đỏ rượu xanh,
Mà trong lẫn lộn bỏ rành thuốc mê.
Người ta lắm kẻ say mê,

---

[1] *Chúa tôi cũi lại kinh thiềng*: Chúa tôi bị đóng cũi đưa về kinh thành. *Lưu biên*: lưu đày ngoài biên ải.

[2] *Phơi thây thất xích:* phơi tấm thân bảy thước.

Trước hàm hùm rắn lăm le giữi mình;
Nghĩ thôi thói nọ rất kinh,
Đầu mồm nói ngọt, trong mình dao găm.
Hổ lang còn kém thói tham,
Nửa phần châu Á mắc giàm thằng Nga,
Anh thì Ấn Độ tớ nhà,
An Nam cũng phải Lang Sa dỗ dành;[1]
Thừa ra người Thổ người Thanh,
Cây khô lá héo mấy nhành phất phơ.[2]
Thương ôi! cõi Á bây giờ,
Kình nghê dậy biển bốn bờ sóng xao!
Hùm beo đói khát lao nhao,
Dòm rình ngoài cửa xiết bao vội vàng.[3]
Người mình lắm nỗi ngỡ ngàng,
Tự do kiếm lối tìm đàng chưa ra;
Lời ngu lắm kẻ kiêu ngoa,
Khoe khoang uốn vạy hóa ra quá chiều:[4]
Phép hay thói tốt phá liều,
Nông công quấy quá trăm điều đổi thay;
Nhiều người ruột dối miệng ngay,
Vẽ vời Âu Mỹ chạy quay một đàng;[5]
Bán buôn bỏ hết nghiệp thường,
Khua môi múa miệng lạc đàng tự do;
Nghênh ngang nói lớn ăn to,
Phe kia đảng nọ ra trò háo danh;
Kể đâu đến miệng rắp ranh,
Bắt hơi sủa bóng tập tành đã quen;[6]
Thói người càng xấu càng hèn,
Sớm bàn việc nước, tối chèn cửa quan;
Lôi bừa kéo ách là sang,

---

[1] *Ấn Độ tớ nhà*: Ấn Độ làm đầy tớ cho Anh. *Lang Sa*: Pháp.
[2] *Người Thổ người Thanh*: người Thổ Nhĩ Kỳ và người Mãn Thanh.
[3] *Hùm beo*: Chỉ các cường quốc Tây Âu.
[4] *Uốn vạy*: uốn sửa cho hết cong.
[5] *Ruột dối miệng ngay*: ngoài miệng nói ngay mà trong bụng nghĩ quẹo.
[6] *Miệng rắp ranh*: Miệng nói xoen xoét.

Thói người đến thế nói bàn vào đâu;[1]
Trường danh nẻo lợi vập đầu,
Lại càng thói hiểm mưu sâu phỉnh phờ
Đàng ngang nẻo tắt mập mờ,
Càng mai mỉa miệng, càng ngơ ngẩn lòng;
Để cho những lũ ruồi mòng,
Thừa cơ múa trí giết lòng người ta;[2]
Xui nên thói nước sút sa,
Thuốc chi chữa đặng bệnh tà lâu năm.[3]
Bạc tiền hễ thấy thì tham,
Còn ai biết chút động tâm nước nhà;
Lắm người chặt ngón xẻ da,
Trốn cho khỏi lính ấy là chước hay;[4]
Ông cha thượng võ xưa nay,
Bỗng không mấy chốc mây bay khói tàn;
Rủ nhau chen chóc vô vàn,
Cắp kèn đem thổi cửa quan om sòm;[5]
Ra vào đút nhét âm thầm,
Say mê cờ bạc, dề dầm phấn son;[6]
Phố phường lắm kẻ gái son,
Buôn hình bán dạng, quên còn xấu xa.
Thẹn thùng tục nước thói nhà,
Kẻ trai tức giận, người già tím gan;
Làm ăn lắm nỗi gian nan,
Mà trong sưu thuế đa đoan nặng nề;
Triều đình quyền trọng gớm ghê,
Cửa tiền, cửa hậu, bốn bề lòn chui;
Những quân chạy ngược chạy xuôi,
Máu tham ai cũng đánh mùi kiếm ăn.
Thương ôi! Máu mủ của dân,

---

[1] *Lôi bừa kéo ách*: Trâu kéo ách để bừa ruộng, ý nói kẻ làm thân trâu ngựa mà lấy làm sang.

[2] *Ruồi mòng*: Ruồi lớn chuyên bâu vào hút máu mủ người ta.

[3] *Sút sa*: Sa sút, mỗi ngày một kém cỏi.

[4] *Chặt ngón xẻ da*: Tự ý chặt tay chân mình và xẻ da thịt mình cho thành phế nhân để trốn lính.

[5] *Cắp kèn đem thổi cửa quan om sòm*: ý nói đến mình hót ở cửa quan.

[6] *Dề dầm*: dầm dề.

Lấy chi nuôi đủ những thân trâu bò?
Dân nghèo đói róc ốm xo,
Mồ hôi nước mắt măn mo cùng đường;[1]
Bệnh nghèo mắc chứng cao hoang,
Rủ nhau nói khoét, quên đường ngày sau;[2]
Còn ai nghĩ cạn nghĩ sâu,
Nước dù đã mất nhà đâu lại còn?
Người ta giành mất miếng ngon,
Bán buôn cũng bị kẻ đùn người xô.
Trong nhà mười thước tự do,
Chi bằng một tấc dành cho quốc quyền;
Các ông nếu giữ dạ riêng,
Đường xưa dấu cũ ngửa nghiêng có ngày;
Sửa sang chước cả tỏ bày,
Dưới trên một bụng, tao mày bỏ đi;[3]
Tiêu càn phí chạ làm chi,
Những quân tham nhũng bớt đi một vài;
Lòng ngay khắp cả trong ngoài,
Ai ai cũng gánh một vai nước nhà;
Sao cho dòng giống xuê xoa,
Sao cho người biết chơi xa nước ngoài.
Của tiền mượn vốn người ngoài,
Dẹp bề tráp điếu toan bài bán buôn.[4]
Thợ thuyền trồng trọt luôn luôn
Chở ra các nước ta buôn lấy lời;
Hỏa xa chỗ vắn chỗ dài,
Làm cho trong nước ai ai bằng lòng.
Uốn lâu cây cứng cũng cong,
Làm lâu vận bĩ cũng hòng thái lai.
Vậy mà cả nước ai ai,
Chỉ lo trước mắt chơi bời nỡ nao;

---

[1] *Đói róc*: Gầy đét đi vì đói, như người bị róc thịt. – *Măn mo*: lang thang lẩn thẩn.

[2] *Cao hoang*: bệnh đau đã đến trình độ hết sức nặng, không thuốc chữa được. *Nót khoét*: Nói khuếch khoác.

[3] *Dưới trên một bụng, tao mầy bỏ đi*: dưới trên cùng một bụng, còn lợi riêng của cá nhân thì bỏ đi.

[4] *Dẹp bề tráp điếu*: dẹp cái việc làm bưng điếu bưng tráp của kẻ nô lệ.

Rượu trà cờ bạc lao nhao,
Ngựa xe võng lọng khoe giầu nỗi chi!
Phơi gan trải mật bùa chen nước mắt,
Trông người lại ngắm vào ta,
Một trời một vực gẫm ra thẹn thùng.
Lòng tôi như dại như cuồng,
Ngày đêm luống những rầu buồn đấy thôi;
Phải chăng ai biết đạo trời,
Vậy nên đến đỗi lòng tôi mơ màng.

3. Ca hát để khuây khoả nỗi lòng

Nàng U Lan nói sự thể đã như vậy có nhìn nhau khóc lóc cũng vô ích, ta hãy kiếm cách giải phiền cho nhau. Tán Sĩ ca cho Hồng Liên và U Lan đờn.

Rồi U Lan làm thơ, Tán Sĩ hoạ lại. U Lan múa rồi rót rượu mời chàng uống. Chàng làm thơ, Hồng Liên hoạ. Trong thơ chàng có ẩn tình đối với U Lan. Hồng Liên thấy vậy thì có vẻ hờn duyên tủi phận nhưng lại gảy mau tiếng đờn để xóa phức cảm ấy. Rồi Tán Sĩ đờn cho U Lan múa.

Nói rồi kẻ thở người than,
Vừng ô gác núi trăng vàng treo cây.
Khói đêm ngui ngút như mây,
Một giây ánh sáng soi ngay vào tường.
U Lan mở cửa vội vàng,
Rằng phong cảnh ấy may chàng tới đây;
Cảnh mầu tạo hóa khéo xây,
Bông thơm gió mát trong cây ngoài thềm;
Vừa chầu đánh đuốc chơi đêm,
Nhìn nhau khóc lóc có thêm chi mà;[2]

---

[1] *Hờn ti*: (tỉ hay ty hay tư: riêng). Hờn oán vì chuyện riêng. *Dùng người vơ vẩn*: Dùng người bá vơ không đáng dùng.

[2] *Đánh đuốc chơi đêm*: do chữ *bỉnh chúc dạ du*, đời ngắn đốt đuốc tìm tri kỷ.

Phải toan kiếm chước phui pha,
Rủ nhau ta sẽ kẻ ca người đàn.
Nói rồi quay lại lấy đàn,
Luôn cây cầm nhỏ trao nàng Hồng Liên.
Chàng rằng phấn chí giải phiền,
Ca thi ái quốc một thiên mới là.
Nàng rằng chàng hỡi xin ca.
Vâng lời chàng mới ngâm nga mấy hồi.
Ca rằng:[*]

I

Vì tổ quốc cơ đồ rực rỡ,
Dựng nghĩa kỳ ta gỡ cho ta,
Nhà tả tơi mẹ réo con la.
Thôi khóc lóc kêu ca đà hết chỗ;
Triều đình dữ tợn ba đời hổ,[1]
Tướng sĩ lao nhao mấy đám ô;[2]
Biết ngày nào cho đặng ngợi chữ ca cù,[3]
Gớm lũ kiến loài sâu chi quá ghét;
Đấng trượng phu một trường oanh liệt,
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù
Thề nhau hai chữ đồng cừu.

II

Thói hung hăng nay đà vấy vá,[4]
Hèn càng hèn khuấy khoả biết bao nhiêu;[5]
Cõi hoang giao chó sủa quân reo,[6]
Vườn ruộng nát thành xiêu chợ đổ;
Cảnh vật tiêu điều gai mắt ngó,

---

[*] Bài ca này, có 3 bài đầu, mỗi bài 11 câu và bài 4 có 10 câu tính thành thơ 43 câu tất cả.

[1] *Dữ tợn ba đời hổ*: Dữ tợn như hùm beo.

[2] *Mấy đám ô*: Mấy đám chim ô, ý nói lộn xộn hỗn tạp: quân ô hợp.

[3] *Chữ ca cù*: Ca hát dưới bóng cây, ý nói cảnh thái bình (?)

[4] *Vấy vá*: Lây trét, lan tràn, ý nói đã lan rộng ra.

[5] *Khuấy khỏa*: Phá phách làm hại.

[6] *Cõi hoang giao*: Cõi ngoài thành, bị bỏ hoang.

Quân gia dìu dắt nối tay qua;
Hoạ hoạn nầy lai láng khắp gần xa,
Tội ác ấy muốn tha đà khôn xiết.
Đấng trượng phu một trường oanh liệt,
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù.
Thề nhau hai chữ đồng cừu.

III

Việc xa xỉ trong cung khôn xiết kể,
Thói hung hăng còn nể gì ai;
Chà! Khe tham biển dục láng lai,
Nếu lỗ chuột đút voi còn chửa hết.
Ta kính vua như vầng nhật nguyệt,
Vua đãi ta những việc ngựa trâu.
Loài người ai cũng đỏ máu đen đầu,
Vòng roi vọt để nỡ nào cay nghiệt.
Đấng trượng phu một trường oanh liệt,
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù.
Thề nhau hai chữ đồng cừu.

IV

Chánh tự chủ dân ta dốc quyết,
Đùm ruột gan xin kết cùng nhau,
Cổi trói dây còn đợi lúc nào?
Hãy gắng sức anh hào tuấn kiệt:
Loạn lạc lòng người ai cũng ghét,
Dối lừa thói tục khuấy cho nhau;
Gươm tự do sẵn mấy lúc chùi lau,
Người trí thuật dễ hầu ai húng hiếp.[1]
Đấng trượng phu một trường oanh liệt,
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù;

Thề nhau hai chữ đồng cừu.

[1] *Húng hiếp*: Phương ngữ có nghĩa là áp bức.

Sa trường một giấc sương thu ngàn đời.[1]
Giọng êm phất phới ngoài môi,
Giọng sầu mấy tiếng ngậm ngùi trong răng.
Xui người ruột tức gan hăng.
Hai nàng theo nhịp tay quăng nhộn nhàng.
Thoạt nghe như khóc như than,
Thình lình lại đổi khúc đàn Tiệm Ly.[2]
Trong khi hứng thú lâm ly,
U Lan lại xướng tân thi một bài.
Lặng nghe ngẫm nghĩ êm tai,
Chàng liền hoạ lại một bài nối theo.
Thi rằng:[*]
Đêm nay vui vẻ biết bao nhiêu!
Kẻ hát người tranh hứng dặt dìu,
Mấy khúc xui nên lòng vấn vít,
Hai bên còn lắm nỗi liu điu.[3]
Bụi trần mỏng mảnh dường bay bổng,
Đường thế quanh co hãy bước liều.
Cái kiếp phù sanh là mấy chốc,
Vì ai cay đắng luống nâng niu.[4]
Thi rồi ngâm ngợi dặt dìu,
Ngang tàng chí trẻ, mỹ miều tình trai.
U Lan liền bắt lấy tay,
Thôi đàn nàng lại múa ngay một hồi.
Tay bưng chén rượu sập sùi,
Chúc chàng muôn tuổi, thêm vui bớt sầu![5]
Chàng rằng đêm tối cảnh mầu,
Vui lòng nở dạ dễ đâu đủ điều?
Đêm nay hứng thú thật nhiều,

---

[1] *Giấc sương thu*: Ý nói coi cái chết nhẹ như sương mùa thu.

[2] *Tiệm ly*: Cao Tiệm Ly, bạn Kinh Kha người tráng sĩ vì nghĩa sang Tần hành thích Tần Thủy Hoàng, khi Kinh Kha chết thì Tiệm Ly lại đi trả thù cho bạn.

[*] Bài thơ này cũng tính 8 câu.

[3] *Liu điu*: Dan díu (?).

[4] Nâng niu nhau cho bớt nỗi cay đắng của nhau.

[5] *Sập sùi*: Vồ vập. (?)

Gẫm trong ý khí dễ tiêu ai hoài.[1]
Nàng rằng mật trải gan soi,
Mỗi người ta xướng một bài tân ca.
Đương còn nghĩ ngợi ngâm nga,
Vỗ cầm nàng đã xướng ra một bài.
Thi rằng:[*]
Trăng sáng mây tan vựng cảnh chiều,
Gió xuân phơ phất nước liu riu.[2]
Khách quầy một tiệc mùi thêm nực,[3]
Đàn gảy năm dây dạ dễ xiêu.
Tinh Vệ nghìn năm hồn khó dứt,[4]
Đỗ Quyên muôn kiếp máu chưa tiêu.[5]
Rồng nằm đáy biển còn chờ đợi,
Gặp hội mây mưa thẳng chín Tiêu.[6]
Đàn ca một khúc vừa rồi,
Hồng Liên nàng cũng một bài nối theo.
Thi rằng:[*]
Nhóm bạn đêm thanh cạn chén vàng,
Gió xuân đưa nhạn khói mơ màng.
Đầy thềm bông rụng lòng thơ thẩn;
Chớp mắt xuân qua bóng lẹ làng.
Tay yếu giáo dài khôn cậy sức;
Thù sâu biển cạn luống căm gan.
Năm dây tơ nhuộm ngàn cân máu;
Một khúc hòa ca tiếng thở than.
Một hồi gió cuốn mưa reo,
Gõ bình chàng cũng nối theo một bài.

---

[1] *Dễ tiêu ai hoài*: Nỗi buồn nhớ quê hương dễ tiêu tán.

[*] Bài thơ luật Đường này tính 8 câu.

[2] *Nước liu riu*: Nước gợn lăn tăn.

[3] *Quầy một tiệc*: Vầy vui một tiệc.

[4] *Tinh Vệ*: (Con gái vua Viêm Đế vượt biển bị sóng đánh chết đắm ngoài bể khơi. Sau hóa ra con chim Tinh Vệ ngậm đá ở núi Tây Quyết về lấp cạn biển Đông để trả thù). Nỗi oán thù của Tinh Vệ nghìn năm khó dứt.

[5] *Đỗ Quyên:* Vua Thục Đế vì thông dâm với vợ Biếc Linh nên giao ngôi lại cho Biếc Linh, sau Biếc Linh trở mặt tàn nhẫn bắt làm ăn vất vả. Thục Đế buồn bỏ xứ ra đi và chết hóa thành con chim Đỗ Quyên tiếng kêu thảm thiết vì thương nhớ nước.

[6] *Thẳng chín tiêu*: thẳng chín từng giới.

[*] Bài thơ Luật Đường này tính 8 câu.

Thi rằng:(*)

Chiếc đò ngư phủ lạc Đào nguyên,
Thơm ngát mùi Lan, thắm vẻ Liên,
Trăm giọt lụy sa cây trúc khách,(1)
Chín chiều ruột đứt tiếng cầm tiên;
Biển dâu kiếp trước thêm đau đớn,
Non nước ngày nào đặng vẻ viên?(2)
Gặp gỡ duyên trời âu cũng lạ,
Rượu ngon một chén giải trăm phiền.

Hồng Liên đứng dậy cầm chai,
Rót hai chén rượu, rằng: "bài chàng hay";
Tình sâu lấp ló một vài,
Mừng chàng thiếp hãy dâng hai chén quỳnh.(3)
Chàng liền cặn kẽ đinh ninh,
Mỉm cười nàng mới tỏ tình gần xa;
Rằng trên bức liễn kia là,
Huệ lan thơm nức tìm ra phụng hoàng;
Thiếp thì lạt lẽo mơ màng,
Còn ai ngó tới ngỡ ngàng biết bao!
Chàng càng đón trước rào sau,
Giả ngơ nàng mới gảy mau tiếng cầm;
Cao ca một khúc hùng trầm,
Của Nga học sĩ lúc lâm trường hình.(4)

Thi rằng:(*)

Vắng vẻ đêm thanh giọng tiếng vàng,
Trăng soi cửa sổ bóng mơ màng.
Phải trái còn chờ khi nhắm mắt;
Tự do một giấc nực cười khan.
Điệu thanh mai mỉa tiếng oanh,

(*)Bài thơ luật Đường này tính 8 câu.

(1) *Cây trúc khách*: Ống tiêu thổi lên ở nơi quê người.

(2) *Vẻ viên*: Vẻ vang.

(3) *Lấp ló:* Thoáng thấy.

(4) *Nga học sĩ*: (?) *Lâm trường hình*: Bị xử tử hình.

(*)Bài thơ này tính 4 câu.

Điệu sầu thấp thoảng non Hoành nhạn kêu;[1]
Cung thương mấy giọng tao tiêu,
Nửa phần đau ruột nửa điều xót gan.[2]
Giọng nàng còn hãy miên man,
Thoạt nghe cũng khiến U Lan lạnh mình;
Rằng: thôi trong lúc hứng tình,
Ca chi giọng ấy bực mình lắm thay!
Nói rồi nàng lại trở tay,
Ngang chừng Phủ Bí chỉ ngay cho chàng;
Khom khom một cánh cung loan,
Bóng chiều khói tỏa mát man muôn nhà;
Một trời trăng sáng gió lòa,
Quanh sân mấy cụm là đà nhành sương;
Cảnh thu mai mỉa lạ nhường,
Động lòng chàng biện một chương thuật hoài.
Thi rằng:[*]
Nước non quanh quất một từng lầu,
Trong có người Đông học Sở tù;[3]
Tiếng dế đêm khuya kêu dắng dỏi,
Trăng soi Phủ Bí mấy nhà thu.
Ca rồi kể lể gót đầu,
Ấy thì năm ngoái trung thu thuật hoài;
Giang thôn một cõi chơi vơi,
Vui trong thơ kiếm cách ngoài trần ai;
Đương khi gió mát sương phai,
Một vừng trăng bạc sáng soi đôi bờ;
Một mình quán khách bơ vơ,
Tình cờ tức cảnh bây giờ còn ghi.
Cùng nhau hoạ lại xướng đi,
Cảnh đêm đã vắng hứng thi chưa tàn;
Vui vầy một tiệc bội bàn,
Hứng tình chàng lại lựa đàn phong tranh.
U Lan dậy múa dịu dàng,

---

[1] *Non Hoành*: Núi Hoành sơn.
[2] *Tao tiêu*: Tiêu tao, buồn bã.
[*] Bài thơ này tính 4 câu.
[3] *Sở tù*: Tù nước Sở (?).

Hồng Liên lại choán phần nàng ngọc tiêu.
Trong khi nàng múa dật dìu,
Nhìn xem đủ vẻ yêu kiều biết bao!
Sóng tình trăm lớp dồi dào,
Mày hồng tai tía má đào thêm tươi.
Hồng Liên mỉm mỉm nói cười.
Xem trong tình điệu đủ mười sóng thu.

4. Cầm tay nhau dạo vườn

Ba người rủ nhau chơi vườn ban đêm trong một khung cảnh đầy thi vị. Tán Sĩ triết lý vũ trụ và nhân sinh. U Lan gạt đi và đưa chàng về ngủ. Chàng nằm riêng trong phòng, mơ thấy mình dự trận xung xát ghê hồn, quân thua, chàng bị đạn và có người con gái hồng thập tự tới bồng lên. Mở mắt ra thì người con gái ấy là U Lan.

U Lan sửa áo xóc bâu,
Ba người dìu dắt rủ nhau dạo vườn.
Áo ngoài lác đác hơi sương,
Trăm bông nghiêng ngửa mùi hương nực người.
Bốn bề tơ liễu phất phơ,
Trăng treo quạnh quẽ gió rơi nhẹ nhàng.
Một màu trời nước mênh mang,
Sông Tương núi Sở ngổn ngang mối tình.
Chàng càng cảm nỗi cao xanh.
Sụt sùi lại nghĩ hư dinh cõi đời;[1]
Lẽ màu diệu giải mấy lời:
Nhân gian nghe đặng nhạc trời mấy khi?
Mênh mông vũ trụ ai bì,
Muôn vàn tinh tú, thiên ky khôn lường.[2]
Vả nghe ánh sáng xuyên ngang,
Một giờ đi đặng muôn vàn dặm tây,
Cứ theo mực ấy mà suy,
Sáng sao đến đất cũng chầy mấy năm;
Tám ngàn lai láng biển nam,

---

[1] *Hư dinh*: Hư là trống, dinh là đầy. Thường nói trong vũ trụ có dinh hư và tiêu trưởng.

[2] *Thiên ky*: thiên cơ, máy tạo.

Đất trời cũng đã trải năm muôn vàn;
Cầm trong mạng số thế gian,
Đem so vũ trụ giọt tràn thấm bao!
Thân người sánh với dày cao,
Số chi mà tính đặng nào nữa đây?
Biết cho cặn kẽ cao dầy,
Con người luống những như say như cuồng,
Huống chi cuộc thế tấc vuông,
Trong con mắt tạo ra tuồng gì đâu?
Vậy mà các nước Á Âu,
Đua nhau giành lợi chọi nhau nực cười.
Bàn huyền nói tịch mấy người,
Càng mầu càng nhiệm trò đời nhấp nhem.[1]
Nghĩ ra cho kỹ mà xem,
Người xưa đánh đuốc chơi đêm phải mà!
U Lan nàng mới thưa qua:
Vui buồn âu cũng người ta thường tình;
Hôm nay vui vẻ chúng mình,
Nói chi để lại đông tình xót xa.
Bây giờ đã quá canh ba,
Xin chàng hãy trở lại nhà nghỉ đây.
Dắt chàng vào chốn lầu tây,
Rằng đây là chỗ mộng hay của chàng.
Ngày mai ta sẽ nói bàn,
Nói rồi mủm mỉm vội vàng bước ra.
Chàng vào buồng ngủ xem qua,
Màn treo kín thấp trăng lùa vào song.
Mơ màng một giấc hãi hùng.
Thình lình trông thấy quân dung rộn ràng.
Bốn bề trống giục sấm vang,
Hai bên xáp trận nhộn nhàng mũi tên.
Mịt mờ khói phủ, bốn bên,
Cờ bay phấp phới dưới trên rợp đàng.
Ngựa xe qua lại nhộn nhàng,
Ngút trời khói súng, nực đường hơi gươm.
Tiếng người tiếng súng om sòm,

[1] Nguyên văn: Càng mầu càng nhiệm *xui* đời nhấp nhem.

Đôi bên đua sức hườm hườm như sôi.
Thình lình một tiếng thương ôi!
Một bên thất trận lăn vùi chạy quay.
Địch quân thừa thế theo ngay,
Đùng đùng kéo tới thẳng vây kinh thành.
Tiếng hầm tiếng hét xung quanh,
Tả tơi bóng xí, tan tành dấu xe.
Đạn bay tứ phía vo ve.
Mình liền bị đạn dầm dề máu rơi!
Mê man tối đất tối trời,
Hóp hoi còn nuối chút hơi một mình.
Gái đâu chạy tới thình lình,
Tay cầm thập tự xông mình đạn tên;
Vội vàng đỡ xuống bồng lên,
Kêu rằng: "thiếp hỡi, xin yên lòng chàng:
Việc chi sợ sệt vội vàng?"
Bỗng không quân giặc đã tan đi rồi.
Giật mình mở mắt ra coi,
U Lan nàng đã chực ngồi một bên.
Thơ mơ vừa nghĩ vừa nhìn,
Giây lâu mới biết là mình chiêm bao.

5. Chia tay

Sáng ra, Hồng Liên rót nước trà và bưng tới trêu hai người để mừng cho hai người tốt đôi. Chàng nói những lời gắn bó. Nàng lo sợ vì giấc mộng của chàng. Hồng Liên nói từ nay chàng nên năng qua lại đừng thưa mối tình. U Lan gài bông hoa vào áo chàng.

Hai nàng đưa chàng ra bờ sông. Chàng xuống thuyền của Phạm Khanh, người ẩn sĩ Trung Hoa. Hai người vừa ngồi trên thuyền vừa nói chuyện đến chiều mới chia tay.

Mồ hôi chảy tháo dầu dào,
Trong lòng hồi hộp cất đầu ngó ra;
Vừng đông bóng đã chói loà,
Vội vàng sửa áo bước ra chuyện trò.
Thình lình một tiếng kêu to:

"Chàng đừng bỏ thiếp măn mo mối sầu!"[1]
Thất kinh chàng mới quay đầu,
Thấy con anh võ nuôi lâu trong lồng.
Tình cờ lại gặp nàng Hồng,
Nhìn nhau mủm mỉm ra lòng mỉa mai.
Cười rằng: nghĩ cũng khen ai,
Dạy con anh võ lắm lời nhởn nhơ.
U Lan giả dạng làm ngơ,
Mặt hồng, tai tía, u ơ thẹn thùng;
Sóng thu lấm liếc màu gương,
Mỉa mai bông sớm đeo sương ngại ngần.[2]
Hồng Liên liền lấy bình ngân,
Rót trà bưng lại tân mân nói cười:
Trà nầy bóng bọt tốt tươi,
Mừng cho hai gã tốt đôi gọi là.
Chàng rằng mộng dữ hôm qua,
Bữa nay điềm tốt biết là nhằm đâu?
Nghĩ cho vạn sự đáo đầu,
Như ông Tái mã, biết đâu mà lường![3]
U Lan nghe nói thảm thương,
Làm thinh chàng cũng ra dường ngửa nghiêng:
Thưa rằng: "lạc lối Đào nguyên,
Tình cờ lại gặp Lạc Xuyên gái thần;[4]
Vườn đào nhóm họp mấy lần,
Phơi gan trải mật bụi trần sạch không,
Thế gian mấy kẻ biết lòng,
Xưa nay lắm nỗi não nùng vì ai:
Lạ lùng bèo nước gặp người,
Trong cơn lưu lạc bằng mười chị em.
Dầu mà đường thế không yên,
Chân trời góc biển mảnh lem khôn nhìn.[5]

---

[1] *Măn mo*: (?)

[2] *Bông sớm đeo sương*: Bông hoa buổi sớm có giọt sương bên cánh.

[3] *Tái mã*: Do tích Tái ông được ngựa thì khóc mất ngựa thì cười nên nói việc đời không biết đâu mà lường trước.

[4] *Lạc Xuyên: (?)*

[5] *Mảnh tem khôn nhìn*: Không có thư từ tin tức gì của nhau.

Cõi đời sống chết khôn tin,
Mà lòng vàng đá giữ gìn không phai,
Dám đâu phụ bạc như ai,
Đương khi thề thốt, hình hài sá bao;
Đến khi tiền bạc róc bao,
Phùng mang, trợn mắt, ngọt ngào nữa đâu;
Thờ vua vập mặt cúi đầu,
Gặp cơn hoạn nạn toan hầu bán cha.
May mà gặp thuở thái hòa,
Ăn sâu, ăn mọt, biết là bao nhiêu:
Lòng ngay người mới kính yêu,
Những quân bạc bẽo trăm điều ai tin;
Xin ai trân trọng muôn nghìn,
Lòng đây còn hãy giữ gìn như xưa.
U Lan mặt héo như dưa,
Cất lời nàng mới trình thưa vội vàng:
"Hôm qua thiếp có nghe chàng,
Thấy điềm ác mộng sợ đàng về sau".
Sụt sùi họng nghẹn mặt xàu,
Lời vàng chưa dứt, lụy châu trăm dòng,
Gượng cười lại hỏi nàng Hồng:
"Lòng ta buồn bã ngại ngùng bởi đâu?"
Hồng Liên về vỗ giờ lâu,
Cười rằng: "Tôi nhớ người Âu nói thường:[1]
Lòng mê vì bởi quá thương
Bây giờ chị hãy xin lường cạn sâu.
Chàng nghe chẳng biết vào đâu,
U Lan nàng cũng cúi đầu làm thinh.
Hồng Liên thỏ thẻ thưa trình:
"Bữa nay chàng đến cũng tình thông giao;
Hai bên ý hiệp tâm đầu,
Cũng vì hai chữ phong lưu cuộc đời.
Gẫm trong bàn luận mấy lời,
Vào trong hiền thánh, ra ngoài trung trinh;
Thi ca mấy khúc chung tình,

---

[1] *Về vỗ*: Vỗ về an ủi.

So vào Lý, Đỗ, tao thanh đủ mười.[1]
Thuyền quyên quân tử những người,
Vui mà không đắm, có lời dạy xưa.
Xin chàng chớ nệ nắng mưa,
Năng qua năng lại, đừng thưa mối tình".
Chàng rằng: "chút phận lênh đênh,
Quá lời khen ngợi, ra tình xót xa;
Lòng người còn tưởng đến ta,
Mựa lời khuyên nhủ, sẵn là lòng đây".
U Lan vắn vó khôn khuây,
Tay cầm bông cúc gài ngay áo chàng.
Rằng: "dầu bông nọ khô khan,
Chàng đừng bỏ thiếp bụi than một mình".[2]
Chàng liền cười nói rập tình,
Rằng: "nàng thiệt kẻ chung tình yêu hoa.
Những bông biết nói xuê xoa,
Ngày sau chẳng biết của ta của người".[3]
U Lan mủm mỉm miệng cười,
Mắt đưa Tán Sĩ dặm dài xa xa.
Phạm Khanh là khách Si-noa (chinois),
Tức đời ghét tục lánh xa giang hồ.
Dặm khơi cũng khách đơn cô,
Cùng chàng qua lại hẹn hò bấy lâu;[4]
Chuyện nàng đã rõ gót đầu,
Khi đi chàng dặn đem châu đón người.[5]
Bên sông chàng bước tới nơi,
Bắt tay chào hỏi vội dời thuyền ra,
Hai nàng đứng cách xa xa,
Kêu rằng: "Trân trọng đó mà chàng ôi!"
Chàng liền cất mão trả lời,
Rằng: tôi cũng chắc kìa: "mai! đó mà".

---

[1] *Lý, Đỗ*: Lý Thái Bạch, Đỗ Phủ, hai thi nhân của Trung Hoa.

[2] *Bụi than một mình*: Theo ý niệm phương Đông có thể là bị lầm than gió bụi, ý niệm phương Tây lại có thể là một mình đứng chờ xe lửa, cho bụi than đầy mình.

[3] *Bông biết nói*: Người đẹp.

[4] *Đơn cô*: Độc thân sống lẻ loi.

[5] *Châu*: thuyền nhỏ (?) trong *Yên ba thâm xứ hữu ngư châu.*

Thuyền đi một quãng xa xa,
Chàng còn ngó lại hai ba bốn lần.
Hai nàng còn đứng bực sân,
Tay hươ khăn trắng mấy lần yếm âu.
Phạm Khanh trở mái dòng sâu,
Thả theo dòng nước, trong châu luận bàn.
Phạm rằng: "Tôi có bạn vàng,
Cũng tài kinh tế cũng trang anh hùng;
Tức vì vận nước long đong,
Giận người Chánh Phủ trong lòng ngẩn ngơ.
Nếu không kêu lớn bây giờ,
Tìm đường thay đổi còn chờ lúc nao?
Anh va là đảng cầm đầu,
Quân triều ghen ghét toan hầu bắt va;
Thoát nàn va mới lánh xa,
Sang đây đi học vào khoa đứng đầu;[1]
Rủi chi phải một trận đau,
Ra người chín suối bấy lâu đã rồi."
Chàng nghe cất tiếng: "Thương ôi!
Phải là Qua Ngạn thời tôi biết người;[2]
Cùng nhau lắm lúc vui chơi,
Cùng nhau chỉ đất vạch trời lắm phen;
Thề nhau gắng hết sức hèn,
Làm cho cõi Á đua chen với người.
Bây giờ đến nỗi thiệt đời,
Thoạt nghe anh nói rụng rời chân tay.
Si noa xem lại bấy nay,
Bốn trăm châu huyện còn ai sánh bằng;
Bởi vì chánh trị lăng nhăng,
Ngoại giao lại để cho thằng bá vơ;
Làm cho đến đỗi dật dờ
Đụng ai nấy hiếp, ngẩn ngơ trăm đàng ;
Nếu mà biết thế sửa sang,
Cấm bên nha phiến, dạy đàng quốc dân;
Đủ bên hình thức, tinh thần,

---

[1] *Vào khoa*: Vào hạng.
[2] *Qua Ngạn*: (?)

Thời mưu hưng Á mười phần trong tay."
Phạm rằng: "Ấy thiệt chí đây,
Lời anh so với lòng nầy như y;
Rồng nằm phụng đứng thiếu chi,
Vua chiều trong mình ta bè, đâu là!"
Ghé thuyền đỗ bến rủ về chia tay.

HỒI THỨ BA

GIAI NHÂN NẺO NÀO

I. – Lần sau trở lại không thấy người nữa

Chàng Tán Sĩ về nghỉ ngơi, hôm sau lại sửa soạn sang sông. Nhưng rủi gặp sóng to gió lớn, thuyền không qua được, chàng đứng tần ngần ở sông thì bị trận mưa ướt hết quần áo, về nhà bị bệnh sốt một tuần mới khỏi. Khi hết bệnh, chàng qua sông đến nơi gặp gỡ cũ thì nhà cửa đóng im ỉm không một bóng người.

Chàng về nghỉ đến rạng ngày,
Sửa sang quần áo tới ngay bến Đề.
Ngút ngui mây phủ tứ bề,
Gió liu hiu thổi, mưa dề dầm sa;
Một sông bão chướng phong ba,
Thuyền qua không được, lân la bên bờ;
Mưa to một trận bờ sờ,
Áo quần ướt hết, trơ vơ giữa đàng;
Quay mình trở lại vội vàng,
Liền đêm phải bệnh ngửa ngang trên giường
Mối tình trăm nỗi vấn vương,
Trách vì con Tạo lắm đường dở dang;
Một mình quán khách ngỡ ngàng,
Đêm dài dặc dặc lòng càng nhớ ai;
Ba thu dồn lại một ngày,
Tin nhàn thơ cá khôn bài nhắn nhe;

Mấy lần nệm phủ mền che,
Cách tuần chứng bệnh cũng nghe giảm dần;
Bến Đề gắng gượng mò lần,
Mặt soi đáy nước mấy phần khô khan.
Thất kinh chàng mới thở than,
Vì ai cay đắng dở dang thế này!
Hay là chẳng thấy nhau đây?
Dứt lời thuyền đã tới cây liễu còi.[1]
Bước lên xem lại hẳn hòi,
Cửa nhà tan tác, trong ngoài vắng tanh;
Cỏ gà cỏ xước mọc quanh,
Lối xưa dấu cũ in hình mỉa mai:
Đưa đàng đón ngõ là ai?
Trông ra tùng rụi, liễu còi, mấy cây.
Thương ôi! bữa trước chốn nầy,
Đêm nằm thấy mộng là đây rõ ràng;
Rành rành biển thẳm non thương,
Mà nay ngẫm lại thiệt trường mộng xuân.
Bốn tường gió cuốn mưa vần,
Cửa gài, then đóng, giai nhân nẻo nào?
Chín chiều ruột thắt quặn đau,
Bâng khuâng gốc liễu, đi đâu bây giờ?

2. – Chỉ nhận được một bức thư

Chàng ngơ ngẩn nhìn lên thân cây liễu thấy có một bài thơ của Phạm Khánh. Một lát ông lão câu, gác nhà ấy, lại đưa chàng phong thư của U Lan. Trong thư có kèm theo thư của Hồng Liên gửi Ba nữ sử.

May đâu trong lúc tình cờ,
Trông lên gốc liễu có thơ mấy hàng;
Thi rằng:[*]

---

[1] *Hay là chẳng thấy nhau đây*: Linh tính của chàng ngờ chẳng thấy nhau.
[*] Bài thơ luật Đường 8 câu.

Gã Kinh Kha mến nghĩa chàng Đơn,[1]
Đem thân bỏ sân Tờn còn chẳng tiếc;[2]
Chàng Nhiếp Chánh nhờ ơn cụ Toại,[3]
Trải gan phơi khuyết Ngụy cũng như không.[4]
Tự xưa nay mấy kẻ anh hùng,
Cũng lắm kẻ vẫy vùng trời đất.
Tuy chẳng phải thánh hiền đạt tiết,
Nhưng cũng là thiên địa lưu danh.
Xem rồi nghĩ quẩn nghĩ quanh,
Thực đây là chữ Phạm Khanh rõ ràng.
Trong lòng trăm mối ngổn ngang,
Nửa ngờ nửa nghĩ nhộn nhàng giây lâu.
Gần gần có một lão câu,
Tuổi chừng bẩy chục tóc râu đã già;
Gần chàng mới hỏi lân la:
Biển Đông Tán Sĩ phải là chàng đây?
Tôi là kẻ giữ nhà nầy,
Hai nàng bận việc đi ngay bấy giờ;
Khi đi có để cái thơ,
Dặn rằng chàng tới thì đưa cho chàng.
Một phong lão mới xin dâng,
Dâng rồi quày quả vác cần đi ngay.
Được thơ ngần ngại lắm thay,
Mở ra chàng mới xem ngay tức thì.
Thơ rằng:
Buồn chi buồn cho bằng cơn loạn lạc?

---

[1] *Kinh Kha*: người hiệp sĩ mến đức Thái tử Đan nước Yên mà đi Hàm Dương để hành thích Tần Thủy Hoàng. *Chàng Đơn*: Thái tử Đan.

[2] *Sân Tờn*: sân Tần.

[3] *Nhiếp Chánh:* một hiệp sĩ thời Đông Chu, nguyên là người hàng thịt trâu có mẹ già, một hôm gặp quan Đại phu nước Triệu tìm mời về lo việc báo thù cho chúa Triệu. Chánh còn mẹ già nên không muốn nhận lời và lễ vật của quan Đại phu, mẹ Chánh xem biết quan Đại phu là người nên giúp và muốn cho Chánh khỏi khuất tiết người trượng phu nên gọi vào khuyên nên đi lo việc cho chúa Triệu. Chánh còn ngần ngại, mẹ muốn con quyết ý nên tự sát. Chánh khóc nói: Tôi vâng di mạng mẹ tôi chớ không nhận vàng của ngài mà đi báo thù cho chúa Triệu. Quả sau làm xong việc.

[4] *Khuyết Ngụy:* triều đình nước Ngụy.

Thảm chi thảm cho bằng lúc biệt ly?
Ông trời già chẳng chút kiêng vì,
Kiếp hoạn nạn chí tam chí tái:
Có thơ đem lại, nhắn với thiếp rằng:
Cha thiếp đã bị trói bị trăn,
Đóng cũi đem về Kinh địa;
Ruột thiếp như dao như nĩa,
Lòng nào chẳng xót chẳng thương:
Thiếp liều mình vào chốn hổ lang,[1]
Thời giờ quá vắn, chàng chớ chấp chi.
Hồng nhạn lưu ly, bay đi về bắc;[2]
Tủi mình phận bạc, tâm sự lỡ làng;
Biết ngày nào cho thấy mặt chàng,
Xui lòng thiếp trăm đàng khôn nghĩ.
Non Âu nước Mỹ, muôn dặm lạ lùng,
Trôi giạt dấu bồng, chàng kia thiếp đấy;
Chiêm bao nằm thấy, hồn phách mơ màng,
Gió giạt mưa tan, ra tình nhạt nhẽo,
Phụng bay lan héo, đau đớn lòng đây;
Thời mạng khiến vay, phải sao chịu vậy.
Nhưng mà,
Đấng trượng phu bốn phương lừng lẫy,
Trong năm châu chẳng khác xóm làng;
Vì dầu lòng chàng hãy còn thương thiếp,
Dẫu cho muôn kiếp, như thấy mặt nhau,
Lựa phải mai chiều, ăn chung ở chạ,
Trăm điều giáo giã, mới gọi rằng thương.
Thiếp chúc cho chàng:
Lập công mã cách[3]
Để tên sử sách:

---

[1] *Chốn hổ lang*: chốn nguy hiểm như hang cọp.

[2] *Hồng nhạn:* chim hồng và chim nhạn.

[3] *Mã cách:* da ngựa bọc thây, ý nói cái chết vẻ vang lấy da ngựa bọc thây là sự nghiệp của người chiến sĩ.

Tuổi chàng trẻ trung,
Khuyên chàng gắng công,
Muôn vàn trân trọng.
Lòng thiếp còn mong:
Ngày khác biển Đông,
Có kẻ anh hùng,
Ra phò chánh khí,
Dựng cao cờ xí.
Giành lại tự do.
Thiếp bấy giờ,
Xin cũng liều chút phận bụi tro,
Quyết rong ruổi trong vòng nhung mã;
Thiếp xin hầu hạ,
Thang thuốc cha chàng;
Đến lúc khải hoàn,
Rước mừng đầu ngựa,
Bắt tay mừng rỡ,
Chàng chắc thiếp còn,
Nếu rủi thon von,[1]
Chàng không thấy thiếp,
Chắc là bỏ kiếp,
Trả nợ núi non,
Hồn xuống chín sông,
Chàng đừng trông nữa.
Thương ôi! Chiêm bao một bữa,
Nhớ chàng mà lụy nhỏ trăm dòng:
Cách trở ngàn trùng,
Trông chàng mà ruột đau chín khúc;
Biệt ly một chốc, xin tỏ chàng hay;
Khuyên chàng ra tay, giúp cho nhà nước.
Bách bái kính thư.
U LAN
Xem đi xem lại một khi,
Ở trong còn có một bì thơ riêng;

---

[1] *Thon von: Thon:* rút nhỏ lại; *Von:* nhỏ và dài; ý nói yếu ớt. Nghĩa bóng: không chắc bền, xấu số, cũng như số phận mỏng manh.

Gởi ba nữ sử nói riêng chuyện chàng.[1]
Đọc đi đọc lại thư nàng,
Ngổn ngang trăm nỗi thở than mấy lời;
"Hình mai dạng liễu những người,
Vì cha bỏ mạng trong đời mấy ai?
Biết nhau vì một tiếng cười,
Đinh ninh lại đính một lời chung thân.[2]
Thơ này kể hết xa gần,
Trăm phần khẳng khái, trăm phần đắng cay;
Trước là vĩnh quyết đời này,
Sau là gắng gổ cho đây rỡ ràng;[3]
Phải đâu nhi nữ tầm thường,
Trượng phu nghĩ cũng thẹn thùng lắm thay!"

3. Thương xót người ra đi

Chàng buồn rầu trở về thì sinh bệnh và buồn tưởng tới nàng.
"Thương ôi! tài đức bực nầy,
Trời xanh nỡ để đoạ đày vậy ơ?
Hay là máy tạo thờ ơ,
Ngọc thành có ý đợi chờ hậu sanh?[4]
Bông mai trăm đóa trên nhành,

---

[1] *Ba nữ sử*: người nữ chí sĩ Ái Lan khác tên Ninh Lưu mà Hồng Liên đã nói đến ở câu 415-416.

[2] *Biết nhau vì một tiếng cười*: đó là tiếng cười hào hiệp. Đây nói về hai nàng U Lan và Hồng Liên vì tiếng cười hào hiệp mà hai nàng ở hai nước quen biết nhau và thề cùng sống thác với nhau.

[3] Hồng Liên viết thư cho Ba nữ sử nói lời vĩnh biệt và xin nàng ấy cố gắng cho mình chết cũng được tiếng thơm lây.

[4] *Ngọc thành*: ngọc làm cho thành khí. Dựa theo tích họ Hòa đời Chiến Quốc ba phen ôm đá có ngọc dâng vua. Phen đầu, đời Lệ vương vua sai thợ ngọc xem, thợ chém đi một góc không thấy gì, tâu vua là đá, không phải ngọc. Vua cho họ Hòa nói dối, sai chặt một chân. Phen thứ hai, đời vua Vũ vương, họ Hòa lại dâng ngọc. Vua lại sai thợ ngọc xem, thợ lại chém đi một góc khác không thấy gì lạ tâu vua là đá. Vua cho họ Hòa chí tâm nói dối lại chặt đi chân nữa. Đến đời Văn vương, họ Hòa lại ôm ngọc ngồi khóc ở trên núi Sở Sơn suốt ba ngày đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua nghe tiếng sai người tới hỏi. Họ Hòa thưa: Tôi khóc không phải vì thương hai chân tôi bị chặt chỉ thương về nỗi ngọc mà bị cho là đá, nói thật mà bị cho là nói dối. Vua bèn sai người xem lại. Kỳ này thợ ngọc cưa thấu ruột đá thì lấy ra được hòn ngọc vô giá, ngọc ấy đời sau được Tần Thủy Hoàng cho khắc làm ngọc Tỷ là vật tượng trưng cho quyền của Hoàng đế.

Cả câu có ý nói: Hay là tạo hóa vần xoay cho người đời sau mới làm thành công việc Ái Lan độc lập mà đời này nàng Hồng Liên theo đuổi.

Phải cho sương tuyết tan tành mới thơm.
Những người đức đủ tài gồm,
Phải cho trăm kiếp nổi chìm mới nên;
Đạo trời mầu nhiệm khôn tin,
Nghĩ người can đảm cũng khen cho tài;
Nàng Hồng gã Phạm cả hai,
Đem thân dốc gánh một vai nước nhà.
Xiết bao gánh nặng đàng xa,
Bây giờ vì cớ cha già nàng Lan:
Rủ nhau vượt biển băng ngàn,
Trời xanh còn có ý tràn chi đây:[1]
Nàng Hồng tuổi trẻ thơ ngây,
Liều mình giả nợ xum vầy bấy lâu".[2]
Một mình hỏi nói bao lao,
Nỗi lòng càng nghĩ càng đau càng sầu;
Trông quanh ngó quất giờ lâu,
Núi sông phưởng phất cỏ lau lờ mờ;
Người đi tấc bóng khôn chờ,
Trông lên bóng ác phất phơ non đoài;
Gió chiều sóng phủ chơi vơi,
Đỗ quyên mấy tiếng như soi mạch sầu;
Một trời cảnh vật tiêu tao,
Lòng càng ngẫm nghĩ càng đau như dần.
Thuyền theo dòng nước dần dần,
Trở về Phủ Bí một lần nghỉ ngơi.
Ngày đêm trong dạ như dồi,
Sầu tuôn nét mặt, đau nhồi lá gan.
Nỗi mình khôn tỏ tấc gang,
Ai ai cũng ngỡ lại mang sốt mình,
Khuyên chàng gắng gượng giữ gìn,
Mạnh bề cơm cháo, bớt bên sách đèn.
Thơ nàng gác để một bên,
Mấy lần ghé mắt mấy phen đau lòng.
Ngồi buồn tưởng tới âm dung,

---

[1] *Ý tràn*: ý dồi dào.

[2] *Nợ sum vầy*: tình bạn bè sống chung.

Thình lình như thấy bóng hồng vào ra.[1]
Rượu cơm biếng miệng, sách đàn ngơ tay.
Vội vàng kiếm chước giải khuây,
Mượn tình sơn thủy gỡ dây ưu phiền.
Ngày trời thấm thoát như tên,
Xuân vừa đi khỏi, hạ liền tới nơi;
Canh Sơn nực tiếng vui chơi,
Vườn công chàng mới kiếm nơi giải sầu.
Xuân viên qua mấy nhịp cầu,
Tới đây lại nhớ một câu Khải triền:
Phù Lan[2] *mồ cả gần miền,*
Động lòng chàng mới viếng thiên anh hùng;
Bia tàn một tấm rêu phong,
Cỏ xanh ngui ngút từ trong chí ngoài.
Một mình cám cảnh ai hoài,
Nhớ trang tiên tấn thương người tự do.
Tên ngài kẻ nhỏ người to,
Ai ai cũng phải trầm trồ thốt ra.
Đương khi vận nước sút sa,
Tuổi hơn bẩy chục, thân qua ngàn trùng;
Một mình gánh cả ngoài trong,
Răn he người nước cạn cùng chúa Anh;
Hai bên hết sức dỗ dành,
Sao cho lánh khỏi mối binh mới là;
Chúa Anh ỷ thế hành hà,
Gẫm trong sự thế nói mà vào đâu;
Đem thân thể với cao sâu,
Nước non mở mặt dãi dầu quản bao;
Quan sơn muôn dặm lao đao,
Kêu ca khắp nước ra vào mấy vua;
Cặn còi mỗi nỗi được thua,
Pháp Tây hai nước giúp ùa sức binh;

---

[1] *Âm dung*: hình bóng người.
[2] *Phù Lan* là người nước Mỹ tên là Flanklin

Bây giờ nhà nước hiển vinh,
Nghĩ ngài cũng lắm công trình gian nan;
Mà nay cỏ lán cây tràn,
Mồ không để tấm bia tàn mà thôi.
Cuộc đời nghĩ cũng thương ôi,
Trong vòng phú quý lắm người dở dang:
Một đời ở chạ ăn càn,
Ích chi cho nước hoạ tràn đến dân;
Ngửa nghiêng ỷ thế ỷ thần,
Đè người bùn lấm khoe thân bạc vàng,
Chạm long vẽ phụng đủ đàng,
Dối lừa mắt tục khoe khoang cõi đời;
Lại còn lắm chuyện nực cười,
Dựng đàn thất cấp lo đời cửu nguyên;
Thử đem so với anh hiền,,
Cách nhau trời vực dặm nghìn biết bao;
Vả ngài chí cả tài cao,
Một đời lắm nỗi ngán ngao ê hề;
Trong khi sấm sét bốn bề,
Tìm ra điển khí, dèm chê lắm người;
Ngài nghe vừa nói vừa cười,
Người đời biết một biết mười là ai;
Những người nghĩ rộng lo dài,
Trăm năm chắc cũng có người biết ta;
Mà nay Âu, Á gần xa,
Tàu hơi, giây thép, hỏa xa rành rành;
Nào là trị bệnh phá thành,
Gẫm lời ngài nói sắt đanh rạch ròi.
Kìa ai áo vải mấy người,
Xô nhào vua chúa đổi dời nước non;
Nghĩ ra cho thấu nguồn cơn,
Cũng vì đạo học mất còn đấy thôi;
Xưa kia Khổng Tử có lời,
"Những trang hiền thánh là người thi thơ."
Ông cha đâu có vật vờ,
Sức hèn, dạng xấu, trơ vơ sá nào;
Tủi mình chút phận lao đao,

Tuổi trời gấm ghé thảo mao rồng nằm;
Theo thầy muôn dặm xa xăm,
Cũng vì tủi chút trăm năm nợ đời;
Xương Lê xưa cũng có lời:
"Chí ta cầm vững cuộc đời sá bao;"
Nay ta mượn chữ giải giào,
Thôi thôi nghĩ lại âu sầu mà chi!
Trước mồ lấn quấn khôn đi,
Người đâu lại gặp một khi lạ làng;
Tay cầm điếu thuốc xuê xoang,
Thung dung bước lại gần chàng hỏi han.
Chàng liền cất mão vội vàng,
Bày ra tên họ quê hương rõ ràng.
Người liền hỏi chuyện Đông Dương,
Chàng bày hình thế mỗi đường cạn sâu.
Người rằng căm nỗi người Âu,
Lòng tham dạ muốn biết đâu mà lường;
Bây giờ coi thế Đông Dương,
Trăm phần lắt lẻo như sương đầu nhành;
Nước này phía Bắc chạy quanh,
Cách Tàu một giải giậu ranh thế nào?
Chàng rằng có thí gì đâu,
Một người một ngựa đã hầu khó ngăn.
Nghe lời người cũng thở than,
Cất tay lại chỉ cây bàng cao cao:
Rằng kia mấy cụm dùm dào,
Của ông Cao Tiết trồng bên mộ ngài.
Chàng rằng Cao Tiết là ai?
Người liền lớn tiếng rằng: người quên sao?
Người này tiết cả tài cao,
Gẫm ra thiệt đúng anh hào Ba Lan.
Chàng rằng cách vực xa ngàn,
Nghe tên chưa tỏ hành tàng thế nao?
Xin người tỏ nỗi cạn sâu,
Người liền ngồi xuống gót đầu kể ra:
Ba Lan thuở trước mạnh mà,
Binh oai rầm rộ gần xa về chầu;

Một tay nắm chắc tai trâu,
Khiếp oai khắp cả cõi Âu rụng rời;
Hay đâu cuộc thế đổi dời,
Một mai thế nước rã rời ngửa nghiêng;
Bây giờ xét lại căn nguyên,
Cũng vì các chúa giành quyền phân nhương;
Ba Lan tuy gọi nước Vương,
Nhưng trong chánh trị nửa phường nước dân;
Trong khi kế vị lập quân,
Chọn dòng quý tộc để dân sự bầu;
Đến khi tuyển cử lao nhao,
Đủ bề liến xáo, gươm dao, miệng mồm;
Giành nhau kẻ bốc, người ôm.
Một tay quyền cối dạ rơm thiếu gì;
Nước nhà danh tiếng kể chi,
Dân nghèo kêu réo li bì ai thương;
Vậy nên thế nước dở dang,
Mình làm mình chịu ai thương đó mà,
Chàng rằng năm trước quan nhà,
Sang Âu có tới nước Ba một lần;
Bóng trời vừa rạng vẻ vân,
Hé sang trông thấy dân bần lao nhao;
Nhóm nhau kẻ réo người kêu,
Van tiền trối gạo xiết bao dãi dầu.
Có người Hiếu lộ theo hầu,
Thấy dân mất nước mà đau đớn lòng;
Về triều thưa lại các ông:
Lo răn dấu trước, e chồng bánh sau.
Cuộc đời nghĩ đến mà đau,
Người dù mọn sức ta đâu nỡ lòng;
Phổ, Nga, Úc cậy cường hùng,
Rủ nhau chia xử hãi hùng lắm thôi;
Vậy mà múa miệng khua môi,
Rằng ta theo đạo Chúa trời, với ai?
Người rằng: thực cũng như lời,
Cõi trần đặng mấy Chúa trời vậy a!
Ví bằng ai cũng thế mà,

Thì trong trái đất thái hòa đã lâu;
Gớm cho thói tục hiểm sâu,
Những quân thế lợi mượn câu Chúa trời;
Ba Lan đến đỗi rã rời,
Gẫm ra há phải tội rơi vạ tràn:
Rước vua Hy Liệp sửa ngôi trị đời;
Vua Nga là đức Chúa trời,
Trăm đều tin cậy Chúa tôi trên đầu;
Vua Nga mượn chước đè đầu,
Thừa cơ thu xé, mưu sâu rạch ròi;
Vua Nga trăm cách móc xoi,
Xui cho dân giáo mượn hơi dềnh dàng;
Hai bên xáo thịt nhồi xương,
Rồi ra lại kéo binh sang dẹp nàn;
Làm cho hết kiếp Ba Lan,
Nhường dân cắt đất kêu van dưới thành;
Nghĩ thôi thôi cũng bực mình,
Lắm lòng mê tín lắm tình dở dang.
Ba Lan thế dẫu tồi tàn,
Lòng người còn hãy mơ màng non sông,
Thề nhau chẳng đội trời chung,
Nằm gai nếm mật vẫy vùng lắm nơi;
Lắm người dọc đất ngang trời,
Toan mưu giùm giúp cho người vẻ vang;
Phổ, Úc nghĩ cũng thẹn dường,
Mở dòng nô lệ, dục đường văn minh;
Ba Lan hết sức kinh dinh,
Bỏ bên dân chủ, lập thành chánh vua;
Chọn ngôi hoàng tử tôn ùa,
Đưa thơ các nước phân bua đủ điều.
Mỹ Âu các nước vui theo,
Vua Nga một mực kỳ kèo chẳng nghe.
Ba Lan chống chọi trăm bề,
Dưới trên một bụng quyết thề non sông;

Còn như lẽ phải lẽ không,
Để cho thiên hạ miệng chung giữa đường.
Phải chi đặng ít nước cùng,
Giùm công, giúp miệng xuê xoang đã rồi;
Tiếc thay quý tộc những loài,
Quên bề nghĩa lợi toan bài lợi riêng;
Phá nhau trăm kiếp ngửa nghiêng,
Trói tay, kẹp nách, vẻ viên đủ vòng;
Vua Nga thấy thế bằng lòng,
Kiếm điều khiêu khích, đặt vòng hiểm sâu;
Rằng Ba Lan dựng bấy lâu,
Lòng dân có muốn chi đâu vậy mà;
Rặt là những lũ kiêu ngoa,
Vạch đàng chỉ lối chẳng qua báo thù;
Chúng ta nếu chẳng đè đầu,
Ngày sau khôn giữ cõi Âu hòa bình.
Quân gia kéo đến thình lình,
Xô nhào đảng chánh, dỗ dành phe quan;
Vậy mà những lũ dòng sang,
Đãy cơm, bầu nước, chật đàng đón đưa;
Nết hư đến chết không chừa,
Sao cho mang ách lôi bừa mới vui;
Phổ vương ra dạ phanh phui,
Thay lòng, trở mặt, giúp vùi với Nga;
Ba quân sấm sét kéo qua,
Ba Lan tức trí, hóa ra chống kình;
Trên Ông Cao Tiết cầm binh,
Ngài là tướng giỏi, thanh danh rõ rành;
Đương khi người Mỹ chống Anh,
Ngài theo giúp sức máy binh trong màn;
Lại qua quen với Phù Lan,
Mưu cao, chước cả, luận bàn lắm phen;
Tài ngài người Mỹ cũng khen,
Toan đem lộc cả đặng đền công cao;
Ngài liền phân giải thấp cao:
Xưa nay liệt sĩ sá nào công danh;
Ta liều vạn tử nhất sanh,

Xông tên đột pháo vì giành tự do;
Còn như chức trọng quyền to,
Lòng tôi có chút màng mơ chi mà;
Bây giờ trông lại nước nhà,
Bầm gan tím ruột biết là bao nhiêu!
Thân này sống chết cũng liều,
Sao cho rửa hổ mới tiêu hận này;
Mong cho dòng giống xum vầy,
Lòng tôi có chút thí này mà thôi;
Huống chi những thói nước người,
Giữ lòng độc lập, khôn dời lòng son;
Thương ta thế nước thon von,
Ngày đêm mong mỏi vuông tròn biết bao;
Nếu ta tham mến ngôi cao,
Buộc mình đất ấy mặt nào thấy ai?
Người đời lắm tiếng mỉa mai,
Rằng ta bỏ nước giúp người vậy a;
Trượng phu mấy kẻ những là,
Xưa nay ai nỡ sa đà đắm vui.
Nói rồi giọt lệ sụt sùi,
Múa gươm phất áo trở lui nước nhà.
Mỹ Âu bốn phía gần xa;
Nghe ngài tiết khí nồng nà ngợi khen.
Năm bẩy chín hai một nghìn,
Liều đem châu chấu chống kiền cỗ xe,
Quân thua một trận rất ghê,
Vua nhà mất vía, toan bề chỉ qua;
Sai quan đem bức tiên hoa,
Sang Nga xin hãy giảng hòa thu binh.
Ngài nghe nổi giận lôi đình,
Trách vua yếu đuối ra tình non gan.
Vua nhà chẳng chút nói bàn,
Nửa đêm lén lút trốn sang đảng kình.
Trong khi dân chí tan tành,
Dầu cho chước nhiệm, mưu lành, không dung;
Mưu sâu mắc phải chước tung,
Tài hay mắc phải chúa dung cũng nòi;

Xưa nay nghĩa sĩ mấy người,
Bỏ thân cho nước, ngậm cười như không;
Khốn thay những kẻ bất trung,
Giùm lương cho giặc, còn trông nỗi gì;
Ngài bèn vẹt lụy ra đi,
Chạy ra ngoại quốc chờ khi đợi thời.
Năm sau trung nghĩa những người,
Toan bề tái cử lại mời ngài ra.
Hịch truyền khắp cả gần xa,
Bắt vua đảng ngụy, chém cha lũ tàn.
Phổ vương lại tiếp lịnh sang,
Đem quân ngài đón giữa đàng đánh tan.
Làm cho quân giặc muôn vàn,
Bốn bề tan tác không còn chiếc xe.
Ba Lan lúc ấy cũng e,
Nga hoàng nghe được hăm he luận bàn:
Ta không phá được Ba Lan,
Mặt nào còn thấy giang san nữa mà;
Rầm rầm mười vạn binh qua,
Sai quan danh tước Sổ Hòa cầm binh.
Phổ vương nghĩ cũng tức mình,
Sai quân cứu viện đồng tình giúp Nga.
Ngài càng gắng hết sức già,
Một tay chống Phổ chống Nga ngang tàng;
Mộ thêm tử sĩ mấy ngàn,
Thề sông hẹn núi phơi gan chiến trường.
Binh Nga kéo tới chật đường,
Hai đàng ẩu chiến sa trường máu trôi;
Trống la dậy đất dậy trời,
Tiếng người tiếng súng rã rời núi non;
Máu như suối, thây như cồn,
Binh Nga tiếp cứu ùn ùn tới thêm;
Quân Ba tan tác khôn tìm,
Ngài còn múa súng hươ gươm một mình;
Trong khi tên đạn linh đình.
Bị thương ngài vụt nhào mình xuống yên;
Nổ gan một tiếng kêu lên:

"Ba Lan mạng nước chết liền hôm nay!"
Quân Nga liền lại trói tay,
Trăm đều xui giục đầu ngay cho rồi.
Tức gan ngài nói mấy lời,
"Anh hùng chí sĩ làm người xưa nay.
Quân thua thì phải bỏ thây,
Nước nghèo bỏ mạng, lẽ ngay muôn đời;
Nếu ta gối vập đầu vùi,
Mặt nào còn thấy những người thế gian."
Ba Lan mấy đạo binh tàn,
Cảm ngài nghĩa khí, muôn vàn bỏ thán;
Chết gươm chết đạn vô ngần,
Thừa ra thì lại bỏ thân lửa nồng.
Thương ôi! sống chết một lòng,
Trao mình cho nước anh hùng lắm thay!
Gương kia còn đó bấy nay,
Khi ngài từ Mỹ thực tay ngài trồng.
Trồng cây nhớ kẻ anh hùng,
Cam đường còn đó động lòng biết bao!"
Nghe lời chàng cũng ngán ngao,
Than dài thở vắn xiết bao ngậm ngùi.
Người rằng: "Trò chuyện quá vui,
Trông chừng bóng ác đã lui về đoài;
Ngày nào chàng đặng thảnh thơi,
Đôi ta có lẽ gặp hoài tại đây."
Nói rồi hăm hở đi ngay,
Chàng còn đứng lại bên cây ngại ngùng!
Vận suy thương kẻ anh hùng,
Nước nhà nghĩ đến đường cùng mà đau;
Dốc lòng ngày khác qua Âu,
Tới Ba viếng chút mộ khâu của ngài.
Phù Lan cũng đấng anh tài,
Công thành thân thối một đời mấy ai;
Ngậm ngùi tủi vận thương thời,
Xắp tay hai lạy mộ ngài bước ra.
Tứ bề mây kéo là đà,
Chớp giăng đến đất, mưa sa đầy đàng;

Dưới cầu chạy núp vội vàng,
Tình cờ gặp lũ bên đàng đụt mưa;
Trỏ tay nhắc kể chuyện xưa,
Phù Lan bắt điển dấu thừa là đây.
Một hồi bớt gió tan mây,
Đất nguôi hơi nóng, trời vầy màu thanh;
Chàng càng thơ thẩn một mình,
Ngâm thi điếu cổ ngụ tình thương kim.
Thi rằng:
Cầu Xuân Viên, cửa Khải Triền,
Gió chiều lắt lẻo, mặt trời nghiêng.
Một mình tới điếu mồ Phù Lan,
Dấu cũ ngậm ngùi, dài thở than:
Tự do là mồ chúng ta đấy!
Anh hùng một tiếng giá ngàn vàng.
Tay cầm cờ hịch miệng kêu van,
Dạ vàng gan sắt trao giang san,
Biển trời muôn dặm thân long đong,
Nước nhà còn mất thề một lòng;
Ngàn cân máu nóng ba tấc lưỡi,
Quỷ khóc thần sầu người há không.
Một bữa Paris định điều ước,
Chiếc buồm đưa người về Nữu Ước;
Mây tan, khói rã, trăng sáng lòa,
Bốn biển xa gần chung hưởng phước.
Nhớ ngài xưa kia tài bắt điển,
Sấm sét cũng nghe ngài sai khiến;
Một dây hai đầu ngồi nói chuyện;
Xa xôi chẳng luận cách trời biển.
Rất đỗi sấm sét còn nghe lời,
Dầu đem máu đỏ huống chi người;
Bây giờ tự do khắp bốn biển,
Biển Đông sẵn lòng xin rước ngài."

4. – Dọ hỏi tin tức

Chàng tính đến thăm Ba nữ sử để dọ hỏi tin tức. May thấy có đăng tin ông tướng của Đốn Gia La đã vượt ngục. Chàng nghi ngờ

không rõ phải cha nàng U Lan chăng? Chàng vội vã tìm đến Ba nữ sử.

1233.Lân la cách đặng mấy ngày,
Nàng Ba chàng cũng sắm bài tới thăm.[1]
Rủi đâu cảm chứng âm trầm,
Ngày đêm luống những ngồi nằm lôi thôi.[2]
Nhơn khi vắng vẻ đương ngồi,
Thấy tờ nhật báo mấy lời nói qua:
Rằng có tướng Đốn Gia La,
Bị tù nay đã thoát ra cõi ngoài.[3]
1235.Chàng liền vỗ ghế cả cười;
Ông nầy có phải cha người hay không?
Ngờ tin lắm nỗi ngại ngùng,
Tìm Ba nữ sử cạn cùng đầu đuôi.
Cầm thơ vội vã đi xuôi,
Qua sông Đề thuỷ tới nơi xe đình.[4]
Lên xe ngồi dửng một mình,
Một giây xe chạy co quanh mấy đàng.[5]
Bấy giờ ngẫm nghĩ chuyện nàng,
Ba Ninh là hiệu cũng làng Ái Lan;
1240.Cha, em, cháu, cũng vẻ vang,
Một phần máu nóng chung toan nước nhà;
Âm thầm một cháu một cha,
Liều mình ở lại nước nhà lo mưu;
Khuyên dân gắng nghĩa đồng cừu,
Sao cho thoát khỏi lưới thù mới thôi,
Ở nhà một mẹ mồ côi,
Đưa qua nước Mỹ nàng nuôi dưỡng già;[6]
Nước nầy cũng lắm dân nhà,
Ngày đêm nàng cũng lần là dỗ khuyên;[7]

---

[1] *Sắm bài*: tính chuyện.
[2] *Âm trầm*: nặng nề, trầm trọng.
[3] *Tướng Đốn Gia La*: tướng của Don Carlos.
[4] *Xe đình*: Nhà ga.
[5] *Ngồi dửng*: phương ngữ có nghĩa là ngồi thừ suy nghĩ.
[6] Mẹ mồ côi: mẹ cô đơn.
[7] *Dân nhà*: người đồng bang. *Lần là*: dần dà, dần dần.

Bày cho bỏ của bỏ tiền,
Giúp cơn Tổ quốc nghèo hèn gian nan.
Hai vai một gánh giang san,
Trong phe độc lập luận bàn một tay;
Nước nhà lắm nỗi đắng cay,
Thuật tình nàng vịnh một bài trường ca.
Cặn còi mọi nỗi gần xa,
Người Anh thế ấy, dân nhà thế nao;[1]
Nghe qua ai cũng ruột đau,
Thế gian hồ dễ người nào làm ngơ.
Khen thay liễu yếu đào thơ,
Liều mình sống thác mong chờ sông trong;
Thề đem chút sức muỗi mòng,
Toan mang núi cả anh hùng lắm thôi;
Lòng băng dạ ngọc trau dồi,
Vui son cợt phấn, mùi đời quản bao?
Trái mai ba bảy đã cao,
Tình xuân chẳng chút chào rào với ai;[2]
Thử đem so với những người,
Sớm đào tối mận một đời ra chi!
Chàng còn ngẫm nghĩ yêu vì,
Trông ra xe đã tức thì tới nơi;

5. – Những chuyện vặt khiến người ta không hiểu nhau

Người ta lầm tưởng chàng là người Chi Na. Con hầu và lũ người Ái Lan trẻ tuổi có những cử chỉ vô lễ đối với chàng. Chàng quày quả ra về. May có người chạy theo năn nỉ chàng trở lại.

Xuống xe lại gõ cửa ngoài,
Chẳng ai ư hữ đợi hoài giờ lâu;
Một giây, thấy có con hầu,
Chạy ra mở cửa đầu lâu nực cười;
Thoạt trông mới thấy nửa người,
Dầy môi, thấp mũi, trớt tai, đỏ đầu;
Răng dài như thể răng hầu,

---

[1] *Cặn còi*: cặn kẽ.
[2] *Chào rào*: phương ngữ có nghĩa như chàng ràng.

Mặt như rổ sảo nói câu cà cà.[1]
Thấy chàng ra bộ nồng nà,
Buột mồm hỏi xẳng: "Chú là người đâu?"[2]
Chàng liền giả dạng yếm âu,
Rằng: "tôi Tán Sĩ tới hầu chủ cô".
Hầu liền vác mặt ngó vô,
Nhăn mày nhíu mũi rằng: "Cô sốt mình;
Khách quen còn chẳng dám kinh,
Huống chi thứ chú mà tình nghĩa chi!"[3]
Chàng càng ruột tức trì trì,
Mon men muốn mắng nằn nì lại thôi:[4]
Người Lan lắm nỗi lôi thôi:
Xưa nay vẫn ghét những người Chi Na;[5]
Bây giờ nhìn lậm đến ta,
Vậy nên đến đỗi làm ra bơ sờ.[6]
Chàng liền móc túi lấy thơ,
Tay trao miệng cũng dặn sơ mấy lời.
Rằng: "tôi tách dặm xa xôi,
Tới đây thăm viếng, muốn duôi tấm lòng;[7]
Ngày nào gặp dịp thong dong,
Tôi xin trở lại cạn cùng tóc tơ".
Nói rồi lỏn lẻn đi ngơ.
Tới ga xe lửa đợi chờ xe qua[8]
Người Lan lại gặp năm ba,
Mặt tro, áo bụi, tuổi và ba mươi;
Xúm nhau chỉ trỏ nói cười,
Kêu thằng đuôi chuột, lắm lời bá vơ.[9]

---

(1) *Răng hầu*: răng con khỉ đột; mặt như *rổ sảo*: mặt rỗ chằng chịt như những mắt của cái rổ ; nói câu *cà cà*: nói cái giọng khàn khàn gớm ghiếc.

(2) Ra bộ *nồng nà*: đậm đà; *vọt mồm hỏi xẳng*: cong cớn cái miệng mà hỏi một cách hỗn hào.

(3) *Chẳng dám kinh*: chẳng dám quấy rầy, làm phiền.

(4) Ruột tức *trì trì*: nặng nề (?)

(5) Người *Chi Na*, người Trung Quốc.

(6) Nhìn *lậm*: nhìn lầm; làm ra *bơ sờ*: coi thường.

(7) *Duôi* tấm lòng: đuổi, thỏa tấm lòng.

(8) Nói rồi *lỏn lẻn*: sượng sùng (?)

(9) *Thằng đuôi chuột*: người Trung Quốc xưa chưa hớt tóc ngắn, thường tết đuôi sam để tóc lủng lẳng sau lưng.

Chàng càng ngảnh mặt làm lơ,
Trông quanh ngó quất bơ vơ trong ngoài.
Chợt đâu trông thấy một người,
Tuổi còn trong trẻo, tới nơi vội vàng;[1]
Hỏi chào ra dạng nể nang,
Thưa rằng: "ngài phải là chàng phương xa?"
Gật đầu chàng cũng ừ qua
Người rằng: "tôi thực tớ nhà cô Ba;
Mời ngài xin trở lại nhà,
Con hầu vô phép hóa ra mất lòng;
Giục tôi săn bước theo ông,
Hãy xin trở lại cô trông quá chừng".
Chàng còn lưỡng lự ngập ngừng,
Rằng: "anh trở lại, thôi đừng mời chi;
Tôi nay thất ý nhiều bề,
Con hầu, lũ quỷ, xải xi đủ lời;[2]
Chấp chi những lũ ma trơi,
Nhưng tôi bận việc, xin chờ bữa sau".
Người rằng: "cô hãy còn đau,
Chối người kiếu khách, bấy lâu dưỡng mình;
Bữa nay ngài tới thình lình,
Cô tôi nghe nói ra tình mừng vui;
Còn như con tớ bùi hùi,
Cô tôi chưa biết đầu đuôi sự nầy;[3]
Ngài đừng hờn trét giận lây,
Xin ngài hãy thứ lỗi nầy cho nao;[4]
Cô tôi tính khí hùng hào,
Trong khi tức giận, phải đau đớn hoài;
Nếu cô hay đặng mấy lời,
Sợ e nổi giận, tức thời lại đau;
Tôi đà rõ chuyện con hầu,
Còn ngài lại nói lũ đâu nữa nào?"

---

[1] *Tuổi còn trong trẻo*: còn non tuổi.
[2] *Xải xi*: chế nhạo. Tục nói xấm xỉ xấm xải là nói móc xoi, nhạo báng.
[3] Con tớ *bùi hùi*: không lịch sự, thô bỉ.
[4] Hờn *trét*: hờn lây sang kẻ khác.

Trong khi trò chuyện lao nhao,
Người Lan xúm lại hỏi chào thưa lên;
"Chúng tôi thực lũ quân hèn,
Chẳng hay ngài cũng bạn quen cô nhà?
Chúng tôi ngỡ khách Chi Na,
Rủ nhau nói bỡn hóa ra quá lời".
"Cậu em xin lỗi với ngài,
Thôi ngài nỡ chấp chi người bá vơ!".
Trong khi vân vỉ ngẩn ngơ,
Mồ hôi, nước mắt dật dờ khá thương.[1]
Nghe lời chàng cũng nhẹ dường,
Vả chăng lại biết là nường thiệt đau.
Cảnh tình nghĩ lại trước sau,
Bằng lòng chàng mới cắp nhau lại nhà.[2]

6. – Vào nhà Ba Ninh Lưu nữ sử

Mẹ nữ sử ra tiếp nói lời xin lỗi cùng chàng. Chàng ngỏ lời xã giao thường lệ, Ba nữ sử đương bệnh thấy chàng tới thăm thì mừng rỡ mà quên cả đau buồn cầm chàng ở lại để nói chuyện vui.

Tới nơi thấy một bà già,
Cười cười nói nói xem ra mặn mà;
Rằng: "Tôi là mẹ cô nhà,
Bấy lâu có viết thơ qua nàng Hồng.
Nói thầy là đấng anh hùng,
Khuyên nàng nên kết tình chung xum vầy.
Con tôi nghe nói tin thầy,
Ngày đêm mong mỏi bấy chầy đã lâu;
Rủi chi phải gặp trận đau,
Liệt giường liệt chiếu, đã hầu tháng nay;
Các ông thầy thuốc ngà ngầy,
Sợ e chuyện vãn mình gầy ốm o,[3]
Vậy nên săn đón dặn dò,

---

[1] Mồ hôi, nước mắt *dật dờ*: (?) Vân vỉ: năn nỉ, cầu khẩn.
[2] *Cắp nhau*: cùng cặp kè nhau.
[3] *Ngà ngầy*: Phiền trách.

Đừng cho tiếp khách chuyện trò với ai;
Bữa nay may lại gặp ngài,
Con hầu tưởng kẻ dông dài đâu đây;
Làm cho dắt nhợ dắt dây,
Chạy đi chạy lại nhọc thầy lắm chi;[1]
Tuy rằng tại nó ngu si,
Gẫm ra cho kỹ lỗi thì tại ta;
Lòng thầy rộng rãi cao xa,
Xin thầy miễn chấp, con nhà cảm ơn".[2]
Chàng rằng: "việc ấy không cơn,
Cô nhà đã tiếp còn hờn nỗi chi".
Bà rằng: "nó bệnh lì bì,
Áo quần lết mết ra chi mặt mày;[3]
Thầy dù thương chút thơ ngây,
Xin cho lỗi phép ra đây ngồi hầu".
Chàng rằng: "trông tưởng bấy lâu,
Lòng đã tưởng đến lẽ đâu dám nào?"
Giây lâu nàng mới bước vào,
Chàng liền đứng dậy hỏi chào bắt tay.
Nàng càng hớn hở vui vầy,
Tay xô ghế dựa, rằng: "đây, chàng ngồi".
Chàng ngồi liếc mắt nhìn coi,
Tác chừng hăm tám con người bảnh bao;
Da trong răng trắng mắt sâu,
Hai cồn má tóp, mái sau tóc cuồn;
Xem ra nét mặt như buồn;
Nàng liền cất tiếng nói luôn mấy lời:
"Nhật trình thiếp thấy lắm nơi,
Rằng người Nhật Bổn là người công trung:[4]
Lại thêm được giấy nàng Hồng,
Bấy lâu nghe tiếng mong trông gặp chàng:
Bữa nay chẳng ngại đàng trường,

---

[1] *Dắt nhợ dắt dây*: rắc rối câu chuyện.
[2] *Con nhà*: Chỉ con gái tôi.
[3] Áo quần *lết mết*: lộm thuộm, không gọn gàng.
[4] Người *công trung*: công bình trung chánh (?)

Tới đây thăm viếng bĩ bàng biết bao!"[1]
Chàng rằng: "tiết cả tài cao,
Lòng tôi trông mến đã bao lâu rầy:
1320.May đâu lại gặp bữa nay,
Nghe nàng có cảm chầu rầy bớt chưa?"[2]
Nghe lời nàng mới liền thưa;
"Bệnh tôi chứng gốc có bưa đâu là![3]
Đau lòng vì chút nước nhà,
Trăm điều bực tức hóa ra chứng nầy;
Bây giờ nghe cũng hơi khuây,
Muốn cho chàng ở nửa ngày mà chơi;
Giảng cho khích liệt những lời,
Bàn cho những chuyện cuộc đời phong lưu;[4]
1325.Kể luôn đến chuyện Á Châu,
Sao cho thiếp bớt bụng sầu, mới vui".
Chàng rằng: "Dạ những ngậm ngùi,
Muốn cho nàng nói để tôi nghe cùng".
Nàng càng ra dạng ngại ngùng,
Mỉm môi cười gẫm, ập ùng lại thôi.[5]

7. – Hai người rủ nhau đi câu

Khi đương ngồi trong nhà nói chuyện thì có tiếng còi tan tầm buổi chiều, con hầu vén rèm trông ra phong cảnh đẹp đẽ. Nàng chỉ cho chàng thấy khúc sông trong mà nàng hay đi câu rồi rủ chàng cùng đi.

Hai người leo ra giữa vũng ngồi trên cụm đá mà câu thi xem ai nhiều ít. Đếm ra chàng thua một con cá. Chàng mặc nàng giục giã, cương quyết ngồi gan để câu tiếp một con nữa cho bằng nàng mới chịu về.

Lần cuối cùng chàng được con cá hết sức to, nên tỏ ý hân hoan, khoe mình hơn. Nàng nói đã giao ước trước là đếm cá không đếm nhỏ to, vả cá nhỏ ăn ngon hơn. Đối với việc người cũng vậy. Người ta đâu cần sức vóc to lớn, chỉ nên cần tài trí lớn mà thôi.

---

[1] *Bĩ bàng*: tiếng địa phương có nghĩa là đàng hoàng long trọng.
[2] *Chầu rầy*: tiếng cổ có nghĩa hồi nầy.
[3] *Bưa*: xoàng.
[4] *Cuộc đời phong lưu*: ý nói cuộc đời phong trần lưu lạc vì quốc sự?
[5] *Mỉm môi cười gẫm*: cười nụ và suy nghĩ; *ập ùng*: toan nói.

Chàng còn ngẫm nghĩ lặng ngồi,
Xưởng cao đã giục tiếng còi sang tư.[1]
Trời chiều gió thổi phất phơ,
Gọi hầu nàng bảo: "Bây giờ cuốn song".
Trông ra vườn ruộng mênh mông.
Núi xanh thấp thoảng chập chồng bên mây;
Chim kêu thảnh thót lùm cây,
Le le, cộc cộc, mấy bầy bên sông;
Vác bừa cầm cuốc, mấy ông,
Tay roi tay thẹo, mục đồng năm ba;[2]
Xung quanh thảy hứng thú nhà,
Ngồi cao trông thấy xa xà làng nông;[3]
Quanh tường có một giải sông,
Nước leo qua đá chập chồng sóng rên;
Nghe như tiếng sắc, tiếng sinh,
Một vùng cảnh vật trăm tình nước non.[4]
Trỏ tay nàng mới nỉ non;
"Kìa gò, kìa vũng, kìa cồn, kìa sông,
Ngày xưa lắm máu anh hùng,
Mà nay chỉ thấy mấy vùng mỏ than;
Bốn bề làng xóm ở tràn,
Bên kia sót một bia làn trọi trơ".[5]
Nghe lời chàng cũng ngẩn ngơ,
Nàng rằng: "Chàng ví có ưa chốn nầy,
Thời nên dọn dẹp tới đây,
Chiều mai ta sẽ xum vầy vào ra;[6]
Mai bàn đạo chánh, lẽ là,
Răn he lũ dữ, xót xa người cùng;[7]
Chiều chơi gió mát trăng trong,
Tìm lời ảo diệu giãi lòng ưu tư;[8]

---

[1] *Tiếng còi sang tư*: Tác giả Việt hóa thì giờ của Tây phương. Theo lối chia thì giờ của ta thì đêm có năm canh ngày có 6 khắc. Buổi chiều tan sở, tác giả tính giờ ấy là khắc thứ tư.

[2] *Thẹo*: dây thừng xỏ mũi trâu để dắt trâu.

[3] *Hứng thú nhà*: Cảnh vui mắt của nhà; *Xa rà*: phương ngữ có nghĩa phía xa xa trước mắt.

[4] *Tiếng sắc, tiếng sinh*: Tiếng nhạc khí.

[5] Làng xóm *ở tràn*: ở tràn lan.

[6] *Chiều mai*: Buổi chiều và buổi sáng.

[7] *Mai bàn đạo chánh*...: buổi sáng thì bàn đạo chánh.

[8] *Chiều chơi gió mát*... : Buổi chiều thì dạo chơi gió mát; *lời ảo diệu*: diễm ảo và huyền diệu.

Ấy là lòng thiếp bây giờ,
Phù Lan xưa cũng đợi chờ đấy thôi".[1]
Chàng rằng: ấy vẫn chí tôi,
Cất tay nàng lại chỉ bồn sông sâu:
"Nực cười thiếp có tật câu,
Chỗ kia là chỗ dãi dầu nắng mưa;
Chẳng hay chàng tính có ưa?"
Chàng rằng: "tính cũng tình cờ như cô:
Lúc còn lánh dấu giang hồ,
Sớm chơi suối bắc, tối mò khe nam;[2]
Từ khi việc nước lam nham,
Một mình ra bắc vào nam luông tuồng;[3]
Bấy lâu cắp tráp Tây dương
Chăm bên đèn sách, dẹp đường cần dây".[4]
Nàng rằng: "sông cũng gần đây".
Rủ nhau ta sẽ một dây một cần;
Chơi cho khuây khỏa lòng trần,
Mượn tình cá nước bớt phần lo âu.[5]
Nhỏ to đủ mọi đồ câu,
Vội vàng giục giã con hầu sắm xong.
Cắp tay ra đến bờ sông,

---

[1] *Phù Lan:* Franklin (Benjamin) triết gia, bác vật và chính trị gia Hoa Kỳ, sinh tại Boston năm 1706 và chết tại Philadelphie năm 1790. Ông là con một người thợ thiếc làm những cây đèn dầu bán để độ nhật. Lên mười tuổi thì ông tập việc với cha, sau theo anh tập nghề thợ in, và vừa tập nghề lại vừa đọc sách để trau dồi thêm. Năm 1723 ông thăm New York, Philadelphie rồi qua Anh quốc học tập với các ông Palmer Woll.

Khi trở về Hoa Kỳ, ông dựng một nhà in, xuất bản một tờ nhật báo rồi sáng lập một câu lạc bộ, một thư viện, một nhà thương và một công ty bảo hiểm phòng hỏa hoạn.

Mặc dầu bận rộn như vậy ông vẫn tìm tòi về khoa học nhất là về điện. Từ khoảng 1746 tới 1747 ông tìm ra được cách làm ống thu lôi, và nổi tiếng khắp thế giới.

Năm 1757, trong cuộc nổi dậy của thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ ông được uỷ nhiệm qua vận động tại Londres. Năm 1763 ông đắc cử vào hội nghị Pensylvania và cực lực phản đối chính sách của Anh. Năm 1772 ông công bố những bức thư của nhà cầm quyền Anh thóa mạ dân thuộc địa. Ông suýt bị bắt về tội đồng đảng với những người phiến loạn. Chính ông đã cùng với Jefferson và John Adams thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* (1776).

Câu nầy ý nói lòng thiếp cũng như Phù Lan xưa chưa gặp dịp hành động thì phải tiêu dao ngày tháng để chờ đợi.

[2] *Lánh dấu giang hồ*: ẩn náu nay đây mai đó.

[3] Việc nước *lam nham*: Việc nước chẳng ra sao cả; *luông tuồng*: lung tung.

[4] *Cắp tráp:* Cắp tráp sách đi ra nước ngoài; *cần dây:* cần câu và dây câu.

[5] *Tình cá nước:* nghĩa đen là trò vui cá với nước.

Lần theo dòng nước tới vùng vịnh trong.
Rộng dài ước đặng nửa cung,
Hai bờ dương liễu bay bông là đà;[1]
Năm ba cụm đá gần xa,
Chập chồng giữa vũng, leo ra cùng ngồi.
Vừa câu vừa nói vừa cười,
Thử ai nhiều ít, định bài hơn thua.
Trong khi cười nói thừa ưa,
Giật lên thả xuống đã thừa mấy phen.
Mặt trời chân núi vừa chen,
So đi điểm lại, chàng hèn một đuôi.[2]
Nàng càng rặc rặc nói cười,
Giục về chàng cứ rốn ngồi lại câu;
Cầm cần chăm chỉ trước đầu,
Nàng càng cợt nói lắm câu trò cười.
Thình lình một tấm trắng tươi,
Lùng bùng mặt nước, chơi vơi đầu cành.[3]
Đo ra hai thước gần gần,
Giật mình nàng cũng ngại ngần thở than!
Chàng rằng: ấy cũng du tang,
Việc đời ai tính vội vàng đặng chưa?[4]
Nàng rằng: chàng ngạo lắm ư,
Đếm ra thiếp đã chịu thua con nào?[5]
Chàng rằng: xem lại thử nao,
Cá tôi lớn gộc, nàng sao dám bì.[6]
Nàng rằng: thiếp ước khi thì,
Đếm đuôi ai có đếm gì nhỏ to.[7]
Vả chăng đem lại mà so,
Cá đây dù nhỏ thơm tho ngọt ngào;
Cá chàng dù lớn thế nào,
Sắc không đẹp đẽ, thịt nào tốt tươi?
Thiếp xin sánh thử với người,

---

[1] *Nửa cung:* Một khoảng dưới chừng ba dặm, theo lối ước đoạn đường thời xưa.
[2] *Chàng hèn một đuôi*: Chàng câu thua nàng một con cá.
[3] *Một tấm trắng tươi*: Một con cá lớn.
[4] *Du tang: (?)*
[5] Chàng *ngạo* lắm ư?: chàng ngạo nghễ làm gì thế?
[6] *Lớn gộc*: Tiếng địa phương có nghĩa là lớn nhất.
[7] *Thiếp ước khi thì*: Thiếp giao hẹn như nầy; *Đếm đuôi*: đếm số cá.

Để cho thiếp nói trò cười chàng nghe.
Xưa kia có ả Nhung Li
Hoa Thạnh Đốn bậc anh hào,
Lùa dân giữa chợ chống nhào nước Anh,[2]
Ba lần đánh phá tan tành
Mình lên thống lãnh oai danh một thời.
Phá Luân dấy tự đảo côi,
Làm vua nước Pháp mấy hồi chi đâu,[3]
Dùng binh đã lắm chước mầu,

---

[1] *Nhung Li*: (?)

[2] *Hoa Thạnh Đốn*: Washington.

[3] *Phá Luân*: Napoléon sinh năm 1769 tại Ajaccio, chết năm 1821 tại đảo Elbe, người đảo Corse, học qua trường Đại học Quân sự Paris và tòng ngũ đeo 1 lon quan Hai, rất nhiệt thành với cuộc Cách mạng 1789. Trong kỳ nghỉ về xứ, ông vận động phong trào cách mạng tại đảo nhưng gặp sức chống đối mãnh liệt của Pascal Paoli muốn mưu độc lập cho đảo Corse, ông phải rút lui đem cả gia quyến qua Pháp năm 1793. Ông được cử đi kiểm soát khả năng đạn dược của quân đội tại bờ biển Provence. Ông ở tại Beaucaire khi phái Girondins và phái Tôn quân tiến quân chống phái Montagnards. Ông viết trong mấy giờ một quyển sách nhan đề là "Bữa súp tại Beaucaire". Trong đó ông tỏ thái độ tán thành sự thống nhất quốc gia do phái Montagnards lãnh đạo.

Ít lâu sau ông được ủy nhiệm chỉ huy pháo đội tại mặt trận Toulon là nơi mà người Anh đã chiếm, do sự giúp sức của phái Tôn quân. Ông đã giúp đắc lực vào việc đẩy lui quân Anh và lấy lại Toulon. Mấy tháng sau ông lên chức Thiếu tướng.

Ông bị giam một hồi sau khi Robespierre đổ. Ông lại được Carnot gọi về tòng sự tại phòng địa hình của Uỷ ban Cứu quốc để nhân vào hồi ấy thảo kế hoạch trận Ý Đại Lợi sau này. Năm 1795 ông dẹp tan cuộc phiến loạn của phái Montagnards gây ra ở Paris. Năm 1797 ông đem quân qua Ý đánh thắng Áo, cướp về cho nước Pháp tả ngạn sông Rhin. Ông lại được uỷ đi đánh trận Ai Cập để ngăn người Anh không cho đặt quyền đô hộ Ấn Độ. Trận đánhh dở dang, ông lại bị gọi về để đương đầu với quân đồng minh Thổ, Áo, Nga do Anh gây ra lần thứ hai, đương đe doạ vượt sông Rhin và đã chiếm hết nước Ý.

Lúc ấy trong nội bộ các bè phái kình chống nhau dữ dội. Ông thiết lập chế độ Đặc sứ lâm thời để nắm vững lại trật tự. Xong đó mới lại quay ra sứ mệnh quân sự ở ngoài. Năm 1800 ông đem quân vượt qua núi Alpes đánh vào hậu quân Ý và thắng trận Waterlo. Do đó tất cả vùng Bắc Ý thuộc quyền Pháp thống trị. Sáu tháng sau đó Áo phải ký hòa ước. Và đến tháng 3.1802, Anh còn trơ trọi một mình cũng phải ký nốt.

Yên ổn về mặt quân sự, ông lại quay trở về chỉnh đốn trật tự trong nước để củng cố quyền chính của Cách mạng. Phái Tôn quân gây rắc rối vì không ưng cho ông làm việc ấy. Họ âm mưu ám sát ông nhiều lần nhưng thất bại.

Để bảo vệ Dân luật và những nguyên tắc Cách mạng, người ta cho Đặc sứ Bonaparte một quyền hành hết sức rộng, một danh hiệu truyền tử nhược tôn để cho dù ông có bị bọn tôn quân hại được thì chế độ ông dựng nên vẫn còn.

Bởi đó mà ngày 18.5.1804 ông lên ngôi Hoàng đế.

Tí ti chiếu cuốn cõi Âu đã rồi,[1]
Oai danh động đất vang trời,
Mấy trang vua chúa đầu vùi gối co
Á Gia cũng đấng tài to,
Sang hèn chẳng chút đắn đo thí nào,[2]
Một thân vì nước dãi dầu,
Lòng son đến lúc trắng đầu như y.
Một tay chống lại khuynh nguy,
Đắp nền nhà nước, trị vì non sông;
Lại còn như gã Hòa Thông,
Hình phơ gió thổi, gan nung lửa nồng,[3]
Máy mầu cướp cả thiên công
Tìm hơi sức nước thay công việc người,
Tàu xông sóng lớn ngút trời,
Non cao bãi cả dặm dài xe bay
Gẫm trong thế giới xưa nay,
Công danh ai có sánh tày nữa sao?
Ấy là rặt đấng anh hào,
Nhưng khôn khéo thế, có cao lớn gì?[4]
Khác người có chút thi thi
Khen cho óc lớn, kể gì thây to?

---

[1] *Tí ti chiếu cuốn cõi Âu đã rồi*: Chỉ một suýt nữa thì Nã Phá Luân đã chiếm được toàn cả cõi Âu châu như người cuốn chiếu vậy.

Tháng 5.1805 ông kiêm giữ ngôi Hoàng đế nước Ý. Ông đem binh lên sông Danube đánh bọc hậu quân Áo khiến phải đầu hàng. Ông lại đánh trận Austerlitz (2.12.1805) phá tan quân Nga và Áo liên minh để tổ chức đặt Phổ dưới quyền bảo hộ của mình. Phổ vận động với Anh, Nga để cùng chống lại. ngày 14.10.1806 ông đánh trận Léna và quân Phổ thua tơi bời.

Ông tiến vào Berlin và tất cả nước Phổ nằm trong tay ông. Quân Nga đến tiếp cứu Phổ lại bị ông đánh tan tành ở Friedland.

[2] *Á Gia* (?)

[3] *Hòa Thông*: Watt, kỹ sư Anh sinh tại Ecosse năm 1736 chết năm 1879, từ nhỏ rất có khiếu về toán học và cơ khí học. Năm 1755 vào giúp việc một người chế tạo những máy tính ở Londres. Một năm sau ông dựng riêng nhà khác của ông tại Glasgow. Ông nghiên cứu và làm đảo lộn hết những hiểu biết của người ta về những bộ phận máy hơi nước cũ. Ông lại nghĩ ra cái ô rút cho hơi vào hơi ra mà chạy máy cho đều. Nhờ những công trình nghiên cứu của ông mà máy hơi nước có thể dùng trong kỹ nghệ và dùng cho chạy tàu biển.

[4] *Nhưng khôn khéo thế, có cao lớn gì*: Ý cô nói những người anh hùng như Nhung Li, Hoa Thạnh Đốn, Nã Phá Luân, Á Gia, Hòa Thông, toàn là những người không to lớn xác hơn ai mà làm được những việc vĩ đại.

Đời nầy là cuộc so đo,
Đua tài sánh trí, nhỏ to với người;
Phải như mọi rợ những đời,
Đánh thoi đánh đấm rộng dài khoe thân;
Hẳn như chàng nói vân vân...
Thế gian lắm kẻ cao thân dài giò!
Mọi đen cũng có người to,
Những quân đánh vật làm trò hung hăng
Đem ra sánh thử tài năng,
Trăm điều dại dột đâu bằng người ta.
Chàng cười mủm mỉm thưa qua:
"Hay nàng nói nhễ, chê ta nhỏ người?[1]
Tôi đâu dám nói trò cười,
Cá tôi lớn thực bằng mười cá cô;
Cá con xin thả xuống hồ!"
Nàng rằng: "Thói tục ra trò chuyện chi?[2]
Đàn ông lắm nỗi phi vi,
Một lòng đổi lại thay đi vội vàng;[3]
Nghĩ ra cũng ghét cho chàng,
Tham mê của mới phụ phàng tình xưa".
Nghe lời chàng mới liền thưa:
"Khen nàng bắt nhặt bắt thưa đủ trò,
Hở răng hết chỗ đôi co,
Tiếc nàng chẳng được cá to một lần."
Nàng càng cười nói rần rần:
"Trời đà chấp choáng, cuốn cần về ta"![4]

8. – Về nhà ăn uống chuyện trò

Hai người trở về thì trời đã tối, đốt đèn lên cùng ngồi ăn uống nói chuyện. Chàng gợi tới chuyện chính trị. Mẹ nàng vội vã khuyên can đi. Nàng nói sang chuyện đàn bà Á Đông, chuyện lấy

---

[1] Hay nàng *nói nhễ*: tiếng địa phương có nghĩa là chế giễu, biếm nhễ.

[2] *Cá con xin thả xuống hồ*: dựa theo truyện ngụ ngôn ông lão đánh cá và con cá con. Khi cá bị bắt thì cá xin với ông lão thả xuống nước để khi lớn rồi ông sẽ bắt sau.

[3] Lời nói giỡn cho vui là đàn ông tính hay thay cũ đổi mới như chàng, cả đối với mấy con cá nữa.

[4] Trời đà *chấp choáng*: trời đã nhập nhoạng tối.

vợ lấy chồng nên chăng thế nào. Chàng nói khó tìm được người đẹp mà cùng một chí hướng với mình. Nàng nhân đó hỏi ngay nếu gặp người có sắc có tài lại có đủ nết na như U Lan thì sao? Rồi nàng ngỏ ý khen ngợi cuộc tình duyên ấy. Chàng hỏi thăm việc nàng U Lan. Nàng nói cũng đương chờ thư chưa thấy.

Lần lần trở lại đến nhà,
Nàng rằng: "chơi thực sa đà mệ say,
Bấy lâu mới đặng bữa nay,
Mười phần sầu não bớt ngay cả mười;
Hiềm vì chút cũng nhọc người,
Xin chàng thứ lỗi cho tôi nằm vày".
Mẹ già mở cửa ra ngay,
Hỏi: "Trong mình mẩy con nay thế nào?"
Nàng rằng: "Vui vẻ hết đau
Nghĩ ra thực cảm ơn sâu của chàng".
Xúm nhau kéo ghế bày bàn,
Cười to nói lớn, rượu xoàng xoàng say;
Đèn bông rực rỡ một cây,
Thịt tươi cá tốt, mâm đầy bưng ra;
Cá câu lạ miệng xuê xoa,
Ba người khen ngợi nồng nà không thôi.
Nhơn cơ chàng hỏi mấy lời,
Người Anh cai trị nước người đủ phương,
Thuyền bè buôn bán đủ đường,
Toan mưu làm hại nước nường lắm chăng?
Đặt ra lắm phép lăng nhăng,
Người Lan đánh cá bắt năng thuê tàu.
Nàng liền mặt ủ mày xâu;
Rằng: "Ùy, thực thế còn hầu mong chi!
Thù này muôn kiếp còn ghi,
Nghe lời như thể tức thì nổ gan".
Mẹ già vội vã khuyên can,
Nàng liền nhắc chuyện hồng nhan nước chàng:
"Thiếp nghe bên xứ Đông Dương,
Lắm người băng tuyết, lắm trang đá vàng,[1]

[1] *Xứ Đông Dương*: Xứ ở bể Đông, trỏ nước Nhật.

Ngóng mây rồi lại trông nhàn,
Mai chiều mong mỏi cho chàng trở yên".[1]
Chàng ngồi mủm mỉm thưa liền:
"Tính tôi lúc nhỏ có hèn chi đâu?
Từ khi trải cuộc biển dâu,
Mây trôi bèo giạt, lòng đâu mơ màng;
Xa lìa múa hát những trường,
Kém bề trau chuốt, non trang áo quần.[2]
Thẹn thùng khoác cánh đưa chân,
Nguội lòng chim chuột ngãi nhân tò mò.[3]
Vậy nên ả nhỏ ả to,
Coi tôi nửa mắt ra trò chuyện chi;[4]
Tôi càng giả dại giả si,
Nệm đơn gối chiếc có khi một đời".
Nàng rằng: "Nếu thực như lời,
Xui lòng tôi nghĩ xa khơi lắm điều;
Những trang yếu liễu thơ đào,
Chỉ toan ngang dọc trời cao biển dài,
Đa mang duyên nợ với người,
Tháng ngày hẩm hút chiều mai vui vầy,
Rồi ra dắc nhợ dắc dây,
Tay bồng tay ẵm, cả bầy nhỏ to;
Càng đông càng nhọc lòng lo,
Trăm bề ràng buộc, sao cho thỏa lòng?
Chi bằng các chú đàn ông,
Trăm điều nhờ vợ săn trong sóc ngoài,
Dạy con nuôi cháu hẳn hoi,
Còn mình mặc sức ra ngoài múa men;
Cũng như thưởng cúc xem sen,
Yêu màu còn nỡ bẻ bèn làm chi,[5]
Xem trong Âu Á lắm khi,

---

[1] *Trông nhàn*: trông chim nhạn.

[2] *Non trang áo quần*: sơ sài việc trang điểm áo quần.

[3] *Thẹn thùng khoác cánh đưa chân*: ngượng mặt vì những chuyện đón đưa ong bướm.

[4] *Coi tôi nửa mắt*: coi người bằng nửa con mắt. Khinh tôi.

[5] *Bẻ bèn*: tiếng địa phương có nghĩa là hái, trấy. Bẻ bèn: lối nói lắp láy.

Những trang liệt nữ vu quy mấy người;
Đàn ông kể hết đủ mười,
Ở son ước một vài người mà thôi;
Chuyện đời nghĩ cũng thương ôi,
Tình người há phải cây côi đá còi![1]
Tình xuân ai cũng như ai,
Sợ vì mang chút nợ đời đấy thôi."
Chàng rằng: "Nàng nói mấy lời,
Gẫm ra cũng thực lẽ đời xưa nay;
Nhưng mà còn chút lẽ này,
Tôi xin kể thử ra đây mấy ngài:
Triết học Cam Đỗ người tài,
Cùng ông Nựu Đốn cũng người thánh nhân,[2]
Ma Hạc Lãnh, Ba Lưu Mân,
Và Ba Thạnh Đốn mười phần danh dương.[3]
Võ Văn, Uyển Mỹ hai chàng,
Mình làm thống lãnh vẻ vang lắm mà;[4]
Ấy là rặt kẻ tài ba,
Xưa nay có lấy đàn bà khi nao?
Vả chăng quán cả lầu cao,
Lưng eo mình nhẹ biết bao nhiêu nàng,
Còn trong làng xóm thôn phương,
Má hồng răng trắng lắm trang lạnh lùng,[5]
Nhưng mà thích chí đẹp lòng,
Kiếm chưa được một, đâu hòng có hai?
Xưa nay lắm kẻ thở dài;

---

[1] *Cây côi đá còi*: cây một mình, đá đứng trơ một khối lẻ loi.

[2] *Cam Đỗ: (?); Nựu Đốn*: Newton (Isaac) nhà toán học Anh (1642-1727) nghiên cứu toán học, quang học và nổi tiếng thế giới về sự khám phá luật vạn vật hấp dẫn trong sách "*Nguyên lý toán học của vạn vật*" xuất bản năm 1687. Luật ấy giải thích cuộc tuần hoàn của các vì tinh tú và được coi là một chân lý cho đến hồi Einstein mới lại bị sửa đổi lại.

[3] *Ma Hạc Lãnh*: Xem lời chú giải ở trên; *Ba Thạnh Đốn*: Hoa Thạnh Đốn.

[4] *Võ Văn*: Van Vollenhoven (?) nhà cai trị Pháp (1877-1918) đã làm Thống đốc toàn quyền Đông Dương. *Uyển Mỹ*: Wilson (?) Đại tướng Anh (1777-1849) đã làm Thống đốc toàn quyền Gilbraltar.

[5] Ý nói nơi đài các thì người ta đã có đôi cả, còn ở nơi làng xóm quê mùa thì còn nhiều cô ế chồng.

Gái khôn bạc phận, trai tài kén đôi;[1]
Đàn ông rủi phải lôi thôi,
Vướng cô mủ mít gỡ đuôi dính đầu,[2]
Mắc tăm mang tiếng bạn bầu,
Lớn thì mất nước, nhỏ hầu tan gia
Người xưa có nói vậy mà:
Má đào mày liễu ấy là dao phay!"
Nghe rồi nàng trả lời ngay:
"Nếu đây có kẻ gồm hai sắc tài,
Chân tay chẳng lụy đến ai,
Mùng màn vận thể cũng tài Trương Lương,[3]
Dốc lòng chắc đá, bền vàng,
Tình người dù vậy, bụng chàng nghĩ sao?"
Chàng rằng": Ấy việc chiêm bao,
Không mây, không gió khi nào có mưa;
Nàng không phải kẻ thừa ưa,
Mơ màng tôi có biết thưa lẽ nào?"[4]
Nàng rằng: mộng mị chi đâu,
Ấy là tôi nói móc vào ruột gan![5]
Thói đời lắm nỗi đa đoan,
Người đà biết chán, mình toan dấu gì?
Nàng liền đậy miệng thầm thì;
Rằng tôi nói đấy cũng vì nàng Lan;
Bây giờ tôi hỏi thiệt chàng,
Có tình hay cũng giữa đàng trò chơi?"
Chàng còn mủm mỉm miệng cười,
Nàng liền vội vã đỡ lời nói ngay:
"Mối tình cũng bởi trời xây,
Dầu cho cách trở mối dây khôn rời;
Việc đời nghĩ cũng nực cười,
Một người một xứ đánh đôi lạ lùng."

---

[1] *Gái khôn bạc phận, trai tài kén đôi*: trai tài gái sắc khó gặp nhau.

[2] *Cô mủ mít*: cô gái ngu cứ quấn lấy mình như mủ mít.

[3] *Mùng màn vận thể cũng tài Trương Lương:* Rủ màn buông trướng mà trù hoạch mưu kế không kém tài Trương Lương.

[4] *Kẻ thừa ưa*: tiếng địa phương cùng nghĩa với chữ *thày lay* chỉ người nhiều chuyện, hay tọc mạch tới chuyện của người khác.

[5] *Nói móc vào ruột gan:* Nói trúng ý nghĩ thầm kín trong lòng.

Luôn cơ chàng mới cạn cùng:
"Nàng đi mấy lúc thủy chung thế nào?
Nhật trình có mấy lời rao,
Có ông lão tướng thoát lao ra ngoài;
Chuyện nàng chưa rõ cặn còi,
Xin cô cho biết tỏ bài thủy chung".
Nàng càng cười nói ập ùng,
"Chàng hay hỏi quấy sao không nể người?"[1]
Chàng rằng: hỏi một biết mười.
Nàng liền hớt tiếng vội cười nói ngay:[2]
"Đăng thơ từ lúc những ngày,
Bấy lâu đã vắng chầu rày còn trông;
Hai nàng tuổi dẫu trẻ trung,
Nhưng bên tài trí cũng dòng lược thao;
Bây giờ nhẩy hiểm trèo cao,
Thân ngàn vàng nỡ đem trao miệng hùm".

9. – Ca hát và từ biệt

Chàng định cáo từ ra về. Nàng giữ lại, nói cuộc đời ngắn ngủi lắm, hôm nay gặp nhau biết đâu ngày mai chẳng âm dương cách biệt? Chàng ở lại xin nàng đàn hát cho nghe. Đến khi đêm đã khuya chàng mới xin từ để ra về.

Rượu trà cười nói um sùm,
Tiệc rồi chàng mới hườm hườm xin ra.
Cầm chàng nàng mới thưa qua:
"Kiếp người bóng bọt, dầu ta, dầu người![3]
Thiếp nay rặc rặc nói cười,
Ngày mai e lại ra đời quỷ ma!
Chàng nay trò chuyện cùng ta,
Năm sau cũng trở lại nhà cố hương;
Nếu không bận việc vội vàng,
Rốn ngồi hãy cạn chén vàng hôm nay".
Dắt tay lên chốn lầu tây,

---

[1] Chàng hay hỏi *quấy*: ý nói việc người ta dính gì đến chàng mà hỏi?
[2] Nàng liền *hớt* tiếng: cướp lời.
[3] *Kiếp người bóng bọt*: kiếp người ngắn ngủi như cái bóng cái bọt.

Gió trăng trong trẻo, khói mây phập phồng.
Núi sông ngàn dặm mênh mông,
Ngồi cao trông thể trong lòng bàn tay.
Chàng rằng: "Còn chút riêng tây,
Nàng dầu không chấp tôi đây dám bầy".
Nàng rằng: "Chàng hãy nói ngay,
Việc chi đến đỗi bận đây lắm nào?"
Thưa rằng: "Nghe tiếng bấy lâu,
Trường ca một khúc điệu sầu nhịp cao;
Truyền ra khắp cả đâu đâu,
Đàn bà, con nít, ca âu đầy đàng;
Bây giờ xin thiệt với nàng,
Ca nghe một khúc bĩ bàng lắm chăng?"
Nàng quay lại mẹ hỏi rằng:
"Tôi từ phải bệnh ít năng chơi đàn;
Trong lòng lắm lúc bàng hoàng,
Bữa nay may lại gặp chàng tới chơi:
Trong mình nghe cũng hơi nguôi,
Xin cho tôi gẩy một hồi chàng nghe."
Mẹ già ngẫm nghĩ rằng: "Ê,
Nhưng đừng lớn tiếng sợ e nhọc mình."
Lựa đàn nàng gẩy linh tinh,
Hé răng ca một khúc tình chua cay.
Mấy lần gió hoảng mưa vày,
Nỉ non trăm giọng đắng cay ngàn chiều;[1]
Thấp cao dắn dỏi dập dìu,
Thoạt khêu giọt máu, thoạt xiu buồng gan.

Ca rằng:[*]

Biển dù cạn, non dù xa,
Thù nầy dặc dặc căm lòng ta!
Xin ai ngóng lại nước non nhà!
Đoái quất trông quanh lòng xót xa!
Xưa kia là chốn phiền ba,
Mà nay cỏ lán cây dùm dà,

---

[1] *Gió hoảng mưa vày*: Gió cuốn mưa tuôn.

[*] Bài ca dài 37 câu.

Máy dệt tan tành, lò khói rã,
Xe nước bỏ hoang ruộng sút sa;
Chợ vắng đêm khuya dủ dỉ la,
Chùa hoang tháp bỏ dơi làm nhà;
Làng xóm điêu tàn, rêu cỏ khô khan,
Dế reo chuột túc, đóm nhấp nhan;
Con ông cháu cha ai biết đến,
Đón trâu ngơ ngẩn đứng đầu làng;
Nhà tơi, vách tả, áo lang thang,
Kể từ đất nước về cường Anh,
Ông cha sự nghiệp phá tan tành;
Quân yêu chúa quỷ kéo nhau đến,
Ăn ở càng ngày càng hà hành;
Cổ gông, chân cùm, roi ướp đít,
Máu khô, mỡ ráo, còn rán sành;
Hùm còn kém gan, rắn thua độc,
Quơ bốc, quơ hốt, phá phui phanh;
Túng thuế, cầm cố ruộng đất sạch;
Nhà cửa tan hoang không một manh;
Cha mẹ bỏ con, chồng bỏ vợ;
Kiếm ăn trôi nổi, thân lênh đênh;
Giỗ chạp bỏ hết, ông bà quên;
Thây trôi xác đói, giao quạ kên;
Mưa sầu gió thảm bay ngui ngút;
Núi sông rơi lụy cây cỏ rên.
Thương ôi! Non nước chết đi rồi!
Mặt nào còn sống để trơi đời;
Thà liều một thác cho khuất mắt;
Trong vòng tôi tớ khổ lắm thôi!
Hè ta đuổi cổ quách lũ hời;
Xong rồi múa hát chơi ta chơi.

Động lòng chàng cũng thở than,
Khen rằng: "hay thiệt! rõ ràng là hay;
Lắm người biết tiếng xưa nay,
Nên hư thấu đến ngọn dây tiếng đàn;
Nay nàng dạ ngọc gan vàng,

Nghìn cân máu nóng chảy tràn năm dây.
Dù tôi là bực thơ ngây,
Nghe qua cũng khiến như say như cuồng."
Nàng càng nét mặt thêm buồn,
Than rằng: "Thiếp có muốn tuồng ấy chi!
Bởi vì cảnh ngộ lưu ly,
Vậy nên mở miệng chẳng bi thời sầu".
Cuộc đời nghĩ đến mà đau,
Ai ưa những kẻ đè đầu xưa nay:
Người Anh lắm nỗi đắng cay,
Coi người nước Ái như bầy muông chim;
Phía nam trăm kiếp nổi chìm,
Nhà tơi vách tả khôn tìm đụt mưa;
Phất phơ áo mỏng giày sưa,
Xông pha gió bụi, giày bừa tuyết sương;
Trẻ trong đói phải bỏ trường.
Gái tơ đói phải ngơ đường chồng con;
Lúa khoai cắt sống gặt non,
Đi khuya về tối, bụng còn đói xo;
Đêm đông lạnh lẽo lo co,
Tay khâu, tay dệt, mân mo không rời;
Chủ vườn chủ ruộng lắm người,
Ăn hà ăn hiếp, thuê mười bắt trăm;
Xúm nhau kẻ xắt người bằm,
Anh Tô hai nước quyết chăm đè đầu.
Lại còn múa miệng khua hầu,
Lắm điều chửi rủa lắm âu chê dèm:
Rằng: người Ái dốt lem nhem,
U mê ám chướng ai thèm dạy chi,
Chi Na Ấn Độ ngu si,
Đem so người Ái, khôn khi bằng mười;
Làm cho thiên hạ chê cười,
Nước Anh mang tiếng vì người Ái Lan.
Nói sao nói chạ nói càn,
Thiếp xin kể thử mấy trang anh hùng:
Họ Vu là đấng biên hùng,
Họ Oai, họ Mộ cũng dòng kinh luân;

Lưu Ninh rất bực tướng quân,
Cùng ông Lâm Đốn xuất quần xưa nay;
Mã Đôn Nhược Tổn, hai ngài,
Đều làm thống lãnh cũng người Ái Lan;
Anh hào học sĩ muôn vàn,
Kể ra xe chở đấu tràn thiếu chi;
Bây giờ đến đổi lưu ly,
Trăm quân cướp cạn, trách gì người hư;
Người Anh gấm lại bây giờ,
Đua tàu bốn biển, dựng cờ năm phương.
Lắm người sợ nó phú cường,
Tìm điều hót chạ, kiếm phương nịnh xằng;
Gọi ta là đảng hung hăng,
Chẳng thương mà lại vật giằn thế ư;
Thương ôi! tuyết dũa xương cưa,
Hăm he liễu yếu cũng chừa tùng xanh;
Phép hung lệnh giữ nước Anh,
Cùm xiềng Ấn Độ khôn hành Ái Lan;
Định bàn chờ lúc vào quan,
Ấy là người muốn ngõa toàn đấy thôi;
Thiếp thì chẳng quản chi đời,
Khen chê trôi mặc cho người khen chê;
Vả người thế giới ê hề,
Mỗi người một kiếp ai hề giống ai!
"Nhơn nhơn chí sĩ lắm người,
Khuyên lành ghét dữ cứu đời gian nan;
"Còn như triết học mấy trang,
Soi trời móc biển tìm đàng cao xa;
"Lại như văn học mấy nhà,
Sông xoi tứ mới, lửa lòa văn hay:
"Tao đàn ngang ngửa một vai,
Đọc qua ai cũng khoanh tay cúi đầu;
"Còn như những kẻ phong hầu,
Tay cầm ba thước chém đầu năm quân;
Thây non, máu suối xa gần,
Vỗ gươm đắc ý rằng thần dụng binh;
"Tay không áo vải lênh đênh,

Mượn hơi thời vận sát sanh một mình,
Nghênh ngang một giấc phù vinh,
Đẹp lòng nở dạ, ấy danh anh hùng!
Trối thây kẻ đói người cùng,
Coi vàng như đất, hậu cung trăm ngàn;
Lầu son gác tía muôn vàn,
Mâm ăn mấy trượng, là tàn bạo quân;
Một đời nhịn áo nhịn quần,
Cha tiền mẹ bạc, lần thần chiều mai,
Biết chi tới nước tới đời,
Coi tiền hơn mạng, là người tài nô;
Đá vàng một tiếng hẹn hò,
Ngậm cay nuốt đắng, gay go trăm đàng;
Vậy mà giữ vẹn lòng vàng,
Đời người tri kỷ là trang đa tình;
Mềm lưng, uốn gối tập tành,
Cám ơn đầu lưỡi, hậu tình ngoài môi;
Bợ trôn quyền quý một đời,
Thay lòng đổi mặt là người nịnh nhơn;
Đời mà Phiếu mẫu làm ơn,
Ba vơ áo chiếc quần đơn một mình,
Bèo trôi mây giạt lênh đênh,
Ấy người bạc mạng chôn mình rãnh mương;
Kiếp người nghĩ đến mà thương,
Nên hư họa phước một trường hoa lơn;
Suy cho thấu biết nguồn cơn,
Hay là kiếp trước có nhơn duyên gì?
Hay là phú tánh hào ly,
Hay là chí khí có khi sai thù?
Hay là dạy bảo nhiễm nhu?
Hay là tại kẻ giao du chơi bời?
Nếu mà trăm việc ở đời,
Trong vòng vận mạng khôn dời đặng nao;
Vậy thì sống chết chiêm bao,
Vui nào lại có buồn nao bao giờ?
Đã hay máy tạo u ơ,
Việc mình còn tính đợi chờ mà chi;

Dầu mà gặp vận lưu ly,
Vì dân trôi máu tên ghi ngàn đời."
Nói rồi chàng mới trả lời:
"Hán nho xưa có tên người Nã Thiên;
Anh ta có luận một thiên,
Xưa nay phú quý vân yên một thời;
Anh hùng hào kiệt lắm người,
Ngang trời dọc đất muôn đời uy danh."
Nàng rằng một kiếp phù sanh,
Sao cho rằng phước mông mênh lắm mà?
Xin chàng giải rõ gần xa,
Chàng liền cặn kẽ thưa qua mấy lời:
"Sử truyền xưa có một người,
Hỏi ông cổ thánh lắm lời cao sâu.
Kiếp người sung sướng ở đâu?
Ngài bèn bảo lại mấy câu rõ ràng:
Có Trinh Lưu Sĩ là chàng,
Cơm canh đạo chánh, bạc vàng lẽ ngay;
Ghét tà như thể mắc gai,
Ngày đêm lo lắng giống nòi vẻ vang;
Hết lòng giúp kẻ cô đan,
Cứu người già yếu, bần hàn sút sa;
Tiết trinh nực tiếng vợ nhà,
Con lân cháu phụng xuê xoa đủ điều;
Thờ cha lấy thảo làm đầu,
Đá vàng một tiếng bạn bầu kính tin;
Da mồi đầu tuyết đã yên,
Thình lình giặc tới cõi biên dậy trần;
Rút gươm chàng quyết liều thân,
Dựng cờ xướng nghĩa giục quân đồng bào;
Sĩ dân bốn phía vui theo,
Đánh tan quân giặc, tiếng reo kinh thành;
Nước nhà ngợi chữ thái bình,
Ngậm cười chàng đã bỏ mình gươm đao;
Non sông lụy chảy dồi dào,
Kẻ to người nhỏ ồn ào kêu van;
Bia cao để tiếng muôn vàn,

Đình chùa rực rỡ vái van trung hồn;
Làm trai đứng giữa càn khôn,
Sống vui chết vẻ có oan chi mà!"
Nghe lời nàng mới thở ra,
"Rằng trai thời vậy, đàn bà thời sao?"
Tình cờ ngó lại án đầu,
Đồng hồ đếm khắc đã hầu sang tư.[1]
Bàn cau khuya khoắt đừng xao lòng nhạy;
Lẽ thời trót cả đêm nay,
Tôi xin chầu chực vui vầy hỏi han;
Hiềm vì canh cũng gần tàn,
Dám xin thứ lỗi, thưa nàng xin ra;
Thân nàng một gánh nước nhà,
Xin nàng trân trọng, ấy là tôi mong[3].
Nàng rằng: "Xin cảm chút lòng,
Đàng xa thăm viếng lòng dòng tới đây.[4]
Xin chàng qua lại chốn nầy,
Mai chiều trò chuyện vui vầy là may".
Chàng liền từ giã bắt tay,
Qua ga xe lửa về ngay tới nhà.
Tới nơi đã quá canh gà,
Người đi vắng vẻ sương sa lờ mờ.

---

[1] *Đồng hồ đếm khắc đã hầu sang tư*: một cách Việt hóa thời gian để chỉ đêm khuya đã sang canh tư.

[2] *Thư* lòng sầu: Danh từ cổ có nghĩa là vợi bớt.

[3] *Thân nàng một gánh nước nhà*: một thân nàng gánh nặng hai vai nước và nhà.

[4] *Lòng dòng*: Có nghĩa làm phiền lòng tới đây thăm viếng (?).

HỒI THỨ TƯ

MỸ NHÂN KẾ

1. – Ba nữ sử chết

Sau đó vài ngày, chàng xem báo thấy tin Ba nữ sử đã chết, rồi là đám tang có cả muôn người đưa đón rất vẻ vang. Chàng mắc bệnh không đến dự lễ được, phải nằm nhà suy nghĩ gần xa.

1610.Cách ngày đi dạo tình cờ,
Nghe người rao báo u ơ mấy lời,
Luôn cơ chàng cũng mua chơi,
Thình lình trông thấy mấy lời dở dang:[1]
"Rằng phe Độc lập Ái Lan,
Có người thủ lãnh tên nàng Ba Ninh,
Bệnh nguy nàng đã bỏ mình,
Tuổi vừa hăm tám, nghĩ tình mà thương!"
Xem rồi càng ngán ngao dường,
Cúi đầu đứng ngẩn giữa đường giờ lâu!
1615.Kiếp người càng nghĩ càng đau,
Bực tình lại nhớ lắm câu mơ màng:
Hồng Liên lại với U Lan,
Bấy lâu chưa rõ đôi đàng tử sanh,
Bây giờ còn một Ba Ninh,
Rủi ro nàng cũng chôn linh suối vàng;

---

[1] *Mấy lời dở dang*: mấy lời không ngờ có.

Đạo trời lắm nỗi dở dang,
Ghen người trung nghĩa, giúp đàn hung gian;
Thác oan, uổng kiếp thầy Nhan,
Những quân Đạo Chích sống tràn thế gian;[1]
Lắm tài trời cũng ngứa gan,
Hay là kiếp trước có oan khiên gì?
Người xưa nói có nhằm chi:
Thương lành ghét dữ, cũng nghi đạo trời![2]
Trong lòng thổn thức trăm hồi,
Liền đêm hôm ấy tức thời phải đau.
Chuyện nàng đồn nực bấy lâu,
Không sao chuộc đặng, mặc dầu trăm thân.[3]
Vừa ngày tống táng linh thần,
Muôn người đưa đón rần rần như mây.
Quan tài từ chốn riêng tây,
Đưa về Phủ Bí gần đây quàn mồ.
Trong khi đưa đón lô nhô,
Chàng còn phải bệnh, khôn hồ dễ đi.
Một mình nằn nì thầm thì:
Vẻ vang kiếp gái một thì mấy trang!
Nếu không dạ sắt gan vàng,
Sao cho thiên hạ kẻ thương người sầu?
Xưa nàng có nói mấy câu:
Người đời danh tiếng đáo đầu mới hay!
Mấy trang nữ kiệt xưa nay,
Như nàng đã đặng cao dầy bia danh

2. – Viếng mồ Ba nữ sử và đọc điếu văn

Buồn quá, chiều tà chàng thẩn thơ nghĩ nhớ tới cố giao, rồi liền đêm chàng đi viếng mộ liệt nữ; khi tới nơi, chàng thấy có một bóng người thấp thoáng bên mồ nhưng vì bóng trăng bị mây che tối thui, chàng ngờ là ma, rồi chàng lại cho đó là tại tâm thần mình

---

[1] *Thầy Nhan*: Thầy Nhan Hồi, cao đồ của Khổng Tử còn trẻ tuổi đã chết.

[2] *Nói có nhằm chi*: nói có đúng gì đâu. – *Cũng nghi đạo trời*: cũng *àu* là đạo trời.

[3] *Chuyện nàng đồn nực bấy lâu*: đồn ầm lên. – *Không sao chuộc đặng mặc dầu trăm thân*: dầu đem trăm mạng khác tới đổi cũng không chuộc đặng.

nhìn ra như thế. Chàng bỏ qua đi và đến quỳ gối vỗ quan mà than khóc, đọc một bài văn tế.

Một mình nghĩ quất nghĩ quanh,
Trông ra ác đã ngậm vành non tây;[1]
Bốn bề lặng gió tan mây,
Trời xanh một vẻ tròn xoay một vành;
Thẩn thơ đoái quất trông quanh,
Một vầng trăng bạc gác nhành lòng cao;
Nương song mượn thú đăng cao,
Chạnh tình nhớ tới cố giao đau lòng:
Người thì góc biển long đong,
Người thì một giấc chín dòng suối sâu;
Ngổn ngang trăm mối tình đầu,
Nỗi mình càng nghĩ càng sầu thiết tha.
Ngậm ngùi nhớ đến nàng Ba,
Quan nàng quờn táng xa xa bên cồn;[2]
Tình người dầu mất như còn,
Phải qua thăm viếng cho tròn nghĩa xưa.
Hai bờ cỏ đón cây đưa,
Băng ngang lối núi, càn bừa bờ khe;
Bóng trăng lỗ đỗ lá che,
Đầu đàng chấp choáng, đáy khe lập lòa;
Ro re nước chảy gần xa,
Bốn bề quạnh vắng thiết tha một mình.
Dò lần tới chỗ quàn linh,
Bóng người thấp thoáng thất kinh hãi hùng!
Cúi lưng rán mắt nhìn trông,
Bóng trăng rủi phải một vồng mây đen;
Tối thui sức mắt khôn nhìn,
Mỉa mai áo trắng tóc đen chừng chừng;
Bóng đen chấn lấp ngang lưng,

---

[1] *Ác đã ngậm vành non tây:* Mặt trời đã ngả về tây. Do tích con quạ vàng ở đáy bể vừa bay lại, trong thơ Hàn Dũ (*Kim ô hải đề sơ phi lai*). Cũng nói ác tà: mặt trời xế bóng.

[2] *Quờn táng:* quyền táng, táng tạm.

Nhìn lâu lấp loáng như đừng như đi;
Gió đâu một trận ầm ì,
Lá kêu răng rắc tức thì bóng tan;
Rùng mình chàng cũng nớm gan,
Trong lòng hồi hộp nghĩ càn nhớ xiên;
Lúc còn tuổi trẻ nhỏ nhen,
Nghe người nói chuyện cửu nguyên lắm lời;
Bấy giờ cho chuyện trò cười,
Thình lình sực nhớ rã rời tay chân,
Chàng liền ngẫm nghĩ tần mần;
Quỷ ma cũng bởi tâm thần hay nghi.[1]
Trước quan bước lại tức thì,
Vỗ quan than khóc, gối quỳ đọc văn;
Văn rằng:
Năm 1882, ngày... tháng...
Ba Ninh Lưu nữ sử, trang liệt nữ Ái Lan!
Thời mạng dở dang, đau sầu chết thảm;
Tuổi vừa hăm tám, thảm thiết càng thương.
Cha tướng quân danh tiếng vẻ vang,
Mẹ cũng đáng một trang độc lập[2]
Anh cháu dồn dập, gánh vác giang san,[3]
Máu nóng một đàn, thơm tho non nước,[4]
Gặp cơn tráo chác, nước cũ lao đao,[5]
Kẻ chiên người xào, dân nghèo kêu réo,[6]
Ruột nàng khô héo, vượt biển băng ngàn,
Dạ ngọc gan vàng, nằm gai nếm mật,[7]
Khớp long giàm trật, nhờ cậy tay nàng.[8]

---

[1] Ngẫm nghĩ *tần mần*: Ngẫm nghĩ tẩn mẩn.

[2] Cũng đáng một *trang độc lập*: Một trang nghĩa sĩ xứng đáng của một nước độc lập.

[3] Anh cháu *dồn dập*: Cả anh lẫn cháu đều *đua nhau* (tiếng dùng ép nghĩa).

[4] *Thơm tho* non nước: Cả nước *lừng tiếng thơm.*

[5] Gặp cơn *tráo chác*: gặp cơn thay đổi (?)

[6] *Kẻ chiên người xào*: Kẻ nọ người kia quấy đảo lung tung.

[7] *Nằm gai nếm mật*: Do tích Câu Tiễn kham khổ tự đày ải thân mình, nằm trên củi gai và ăn mật đắng để nhớ thù xưa mong có ngày trả được.

[8] *Khớp long giàm trật*: làm long các khớp gông cùm đeo trên cổ và làm trật cái giàm buộc nơi miệng. Cả hai việc đều có ý nói giải phóng đất nước khỏi vòng *nô lệ*.

Thời vận ngửa ngang, xui nàng giục giã:[1]
Cuộc đời lã chã, đau đớn lắm ôi![2]
Linh cữu phát từ nơi Tân Phủ,
Qua Nam Bí trải đủ dặm ngàn; kẻ khóc người van,
rầm trời dậy đất;
Khách qua đường rưng rưng nước mắt,
ngựa kéo xe dờ dật cúi đầu;
Gió thảm mưa sầu, đau lòng quá nhẽ!
Thương nàng tuổi trẻ, giữ vẹn tấm tình,
Hết thảo hết thành, trong mình trong trẻo;
Ăn ngọt nói dẻo, lớn nhỏ đều thương.[3]
Còn như văn chương, phun châu nhả ngọc.
Tay biên miệng đọc, từ điệu vẻ vang;
Hoạt ca, hoạt đàn, trăm nghề nhiệm nhặt.[4]
Trời già ghen vặt, giết cạn người khôn.[5]
Nhớ mấy tiếng linh hồn nàng nói,
đến bây giờ còn dõi bên tai;
"Việc đâu biết đến mai đến mốt,
kiếp phù sinh một chốc mà thôi;
Bữa nay chàng còn ngồi với tôi,
sang năm đâu đã chắc không phải là người Đông Hải?
Bây giờ thì còn ăn còn nói, ngày mai đâu đã chắc
không vào cõi huỳnh tuyền?"[6]
Gẫm mấy lời thiêng, hóa ra câu sấm.
Thương ôi!
Đất khô một nấm, cây cỏ tứ bề,
Làng cũ nàng về, bao giờ thấy mặt?[7]
Lòng tôi dờ dật, lại nhớ lời nàng:[8]

---

[1] *Xui nàng giục giã*: xui nàng phải mau mau bắt tay vào việc.

[2] Cuộc đời *lã chã*: cuộc đời đau đớn khiến nước mắt chảy lã chã.

[3] *Ăn ngọt nói dẻo*: ăn nói khéo léo.

[4] *Trăm nghề nhiệm nhặt*: trăm nghề biết đến nơi đến chốn mà vẫn kín đáo.

[5] Giết *cạn* người khôn: Giết hết, giết ráo cả người khôn.

[6] *Cõi huỳnh tuyền*: suối vàng.

[7] *Làng cũ nàng về:* Nàng về quê cũ dựa theo ý sống ở chết về.

[8] *Lòng tôi dờ dật*: lòng tôi *ngây ngất*, (dờ dật hay dật dờ biến âm của vật vờ?)

"Trong một đời phải trái nhiều đàng,
Đến nhắm mắt đậy quan mới chắc".[1]
Thương ôi!
Suối vàng một giấc, bia đá ngàn thu,
Ấy nữ trượng phu, xin nàng nhắm mắt
Thảm lắm ôi!
Áng mây phủ bóng trăng soi leo lắt, mà đêm khuya
tiếng suối khóc nỉ non!
Cây phất phơ gió thổi thon von, áo lạnh lẽo sương sa lác đác;
1691. U Lan khô mà phụng hoàng tan tác,
Hồng Liên héo mà oan ương dật dờ![2]
Ngày tháng khôn chờ, rầu nhiều vui ít;
Mấy lâu vấn vít, một chốc rã rời;
Nhớ cảnh nhớ người, đau lòng xót dạ;
Lụy rơi lã chã, thảm lắm nàng ôi!
Thương thay, Thượng hưởng!

3. Gặp lại nàng Hồng Liên

Đọc văn xong, chàng còn tần ngần đứng bên mồ thì một người con gái tiến đến gần chàng gọi tên chàng và nói: Hồng Liên đây! Chàng mừng quá hỏi thăm rối rít. Hồng Liên chỉ mộ Ba nữ sử, buồn bã, rồi kể lể, khi bước lên tầu đã nghe tin dữ nên khi tầu mới tới thì liền đêm đem hoa tới viếng mộ. Nàng có thấy một người đến bên mồ mà không nhận ra ai. Nàng nấp đi để nghe xem cho biết; thấy khóc lóc đọc văn có cả tên mình nên khi trăng tỏ mới nhận ra chàng. Chàng khẩn khoản xin nàng kể lại chuyện biệt ly vừa rồi.

Đọc rồi ê ủ tâm thần,
Cúi đầu đứng sững chần ngần giờ lâu;[3]
Bốn bề trăng sáng mây thâu,

---

[1] *Đến nhắm mắt đậy quan mới chắc*: Đến lúc chết cho vào áo quan đậy lại mới định liệu được những chuyện phải trái trong cuộc đời của một người.

[2] Nàng U Lan với nàng xem tình như vợ chồng chim phụng và chim hoàng, từ nay tan tác thì tình nàng U Lan sẽ héo khô đi. Nàng Hồng Liên với nàng xem tình cũng như vợ chồng chim uyên và chim ương từ nay mất nàng thì Hồng Liên sẽ héo hon đi.

[3] *Chần ngần*: tần ngần.

Một mầu sơn thủy vẻ hầu kém tươi.
Sau bia lấp ló bóng người,
Mặt trong mầu hạc, mắt ngời lụy giao.[1]
Chàng còn hoảng hốt hãi hào,
Người đà bước tới hỏi chào một khi:[2]
"Rằng chàng Tán Sĩ đó chi?
Hồng Liên là thiếp, khi thì tới đây".
Nhìn nàng chàng cũng hỏi ngay:
"Ở đâu mà lại tới đây bao giờ?"
Nhìn nhau luống những bơ sờ,
Lạ lùng gặp gỡ, còn ngờ chiêm bao![3]
"Lòng đây trăm mối xôn xao,
Vui buồn còn biết nói sao bây giờ?"
Nàng rằng: "lòng cũng như tơ,
Ngàn câu trăm chuyện,bây giờ sạch không".
Chàng rằng: "lắm lúc mong trông:
Nàng Lan, gã Phạm người hòng ở đâu?
Xin nàng cặn kẽ gót đầu".
Thở than nàng mới lắc đầu nói ra:
"Cách nhau chưa mấy lúc mà
Ba chìm bảy nổi kể đà lắm phen!
Xiết bao lăn lóc ngửa nghiêng,
Nhắc ra như chuyện cứu nguyên lạ đời!
Thoạt nghe chàng cũng rụng rời,
Vội vàng hỏi: "Vậy hai người thế nao?"
Nàng thưa mấy tiếng ngán ngao:
"Nếu lau lưỡi thiếp thêm đau lòng chàng".[4]
Chàng còn muốn hỏi kỹ càng,
Chắp tay nàng đã chỉ ngang nhà quàn:
"Than rằng: cũng bạn đá vàng,
Mà nay đến nỗi đoạn tràng vậy sao?"
Chàng rằng: "Tôi cũng sơ giao,

---

[1] *Mặt trong mầu hạc, mắt ngời lụy giao*: dáng mặt thanh tao như mình hạc, mắt có hai giòng lụy trào ra.

[2] *Hoảng hốt hãi hào*: hãi hùng.

[3] *Luống những bơ sờ*: lạ lùng, ngớ người ra.

[4] Nếu *lau* lưỡi thiếp: nếu thiếp nói *ráo* lời.

Thấy người bạc mạng còn đau đớn lòng;
Huống chi một núi một sông,
Ruột gan đã chạm chữ đồng thắm sâu".[1]
Luôn đêm thiếp tếch một hơi hai nung,
Trong tay cầm nắm bông hồng,
Toan đem bông mới ngụ lòng cỏ tươi.
Xa xa trông thấy bóng người,
Sau bia thiếp núp để coi cho tường;
Người liền bước tới vội vàng,
Trước nơi linh cữu chàng ràng chẳng đi;
Thiếp càng nhìn lại nhìn đi,
Bóng mây bóng bụi rầm rì khôn phân;
Giờ lâu nghe tiếng đọc văn:
Tên nàng tên thiếp vân vân mấy lời;
Ngổn ngang trách đất than trời,
Vái van vân vỉ khóc rồi thở ra;
Thiếp còn lưỡng lự gần xa,
Bỗng đâu trăng tỏ nhìn ra mặt chàng.
Lòng đây còn chút ngại ngàng,
Chẳng hay đêm vắng sao chàng tới chi?"
Chàng rằng: "Vì chút tình si,
Trông trăng nhớ bạn, nên đi viếng người;
Bây giờ vắng vẻ không ai,
Trăng trời đứng đó, mồ người nằm đây;
Trăng dòm họng, mồ kề tai,
Biệt ly nàng hỏi cặn còi nghe thôi".

4. – Hồng Liên kể lại chuyện sóng gió vừa qua

Hai người cùng ngồi trên thảm cỏ nói chuyện.

a) Chàng nhắc lại bữa hẹn hò qua chơi, bị mưa, đò qua không được, khi về đến nhà thì nằm liệt giường ngay. Nàng nói lúc ấy chúng tôi cũng trông đợi chàng hết sức.

---

[1] *Huống chi một núi một sông*: Huống chi nàng là người cùng một nước.
[2] *Linh thần:* bàn thờ người mới chết.

Ngần ngừ nàng cũng ừ xuôi,
Hai người chiếu đất cùng ngồi cỏ xanh.
Chàng rằng: "Vương vấn chút tình,
Ngày trông đêm nhớ, bực mình ba xuân!"[1]
Nàng rằng: "Dạ thiếp khôn cân,
Bảy năm vắn chẵn một tuần dài ghê".
Chàng rằng: "Ngày trước trở về,
Bữa sau lại tới sông Đề ngẩn ngơ;
Mây mưa ùn phủ bốn bờ,
Gió lù vù thổi, sóng chờ vờ cao;
Áo quần ướt dã ướt dào,
Đò qua không được, cắm sào một bên;[2]
Đêm về bải hoải rỉ rên,
Chiếu giường trằn trọc, mùng mền lơ chơ"
Nàng rằng: "Đang lúc bây giờ,
Chị Lan mong mỏi, chần chờ chàng qua,
Phạm Khanh nấu cá làm gà,
Thiếp thì trải chiếu lân la đợi chàng;
Hay đâu mưa nắng bất thường,
Trông mê trông mỏi mà chàng chẳng qua.

b) Chị U Lan có nhận được thư nhà, ngay lúc ấy, nói rằng cha chị đã bị bắt. Chị bảo tôi: chị cần phải về nước để tìm kế cứu cha. Gia sản của chị giao cả cho tôi giữ, nếu rủi chị chết thì tôi hãy dùng mà làm việc nước.

Tôi bảo tình chị em đâu có thế được! Tôi cũng phải theo giúp chị một tay. Gia sản này tốt hơn hết là giao cho Phạm Khanh giữ.

Người chí sĩ Trung Hoa ấy cũng tức tối không chịu và nhất định đòi theo đi giúp chị một tay.

Chị Lan vừa được thơ nhà,
Rằng quân mật thám bắt cha đi rồi;
Xem thơ cất tiếng than ôi!
Ngậm ngùi chị mới kêu tôi cạn cùng:
"Vắng thân nếm miếng đỉnh chung,

---

[1] Bực mình *ba xuân*: do chữ *tam xuân huy* (ánh sáng ba tháng xuân) ánh sáng làm tươi tốt cỏ cây – Bực mình vì chờ đợi ánh sáng mùa xuân ấy.

[2] *Ướt dã ướt dào:* Ướt dào dã, dầm dề tất cả.

Xưa nay cây lặng gió rung là thường;
Thoi đưa thấm thoát bóng dương,
Sân Lai đâu dễ thường thường thừa hoan;
Nay cha gặp bước gian nan,
Lòng con đâu nỡ ngồi yên đấy mà!
Dốc lòng trở lại nước nhà,
Tìm mưu kiếm chước cứu cha mới đành;
Ví dầu mà sự không thành,
Cũng liều một thác cho đành dạ con.
Đi nầy lắm nỗi thon von,
Chia tay chưa biết hẳn còn gặp nhau!
Gia tài nhiều ít để sau,
Nghe tin thiếp chết nàng hầu phân chia;
Giúp cho Tổ quốc lưu ly,
Thiếp dầu thác đó, khác gì sống đây".
Mấy lời chỉ kể riêng tây,
Trái tai tôi cũng ngà ngầy đôi câu:[1]
"Hai ta biết chắc đã lâu,
Ruột gan sống chết ghi sâu chữ đồng;
Chị nay liều phận má hồng,
Cắp ba tấc mũi vào vòng cọp beo:[2]
Một thân trải đủ hiểm nghèo,
Tôi đâu há nỡ ngồi queo khoanh tay!
Cọp beo chị chẳng nớm tay,
Lẽ nào tôi lại dám gay go lòng?[3]
Còn như nhà cửa lòng dòng,
Cậy nhờ chàng Phạm giữ giùm thời nên"
Phạm Khanh tức tối nói lên:
"Cớ chi nàng lại xem hèn tôi sao?
Dầu tôi chút phận lao đao,
Nhưng trong gan ruột đính giao cũng tình;
Hai nàng đã quyết liều mình,
Một lòng vẹn hiếu, một tình vẹn trung;
Nghe thôi ai cũng động lòng,

---

[1] *Mấy lời chỉ kể*: mấy lời chị ấy kể.
[2] *Cắp ba tấc mũi*: (mũi là mũi gươm) cắp gươm
[3] *Gay go lòng*: lòng sợ khó khăn.

Huống chi tôi cũng trong vòng chủ tôi![1]
Xưa kia Khổng Mạnh có lời:
Lắm tên vô dõng lắm người xá sanh;[2]
Phen nầy tôi nếu lánh mình,
Một đời xấu hổ, học hành bỏ đâu?
Nhà nho hổ mặt nhìn nhau,
Những người nghĩa khí ngẩng đầu nhìn ngơ;
Sau ra Tán Sĩ nghi ngờ,
Cho tôi là đứa vật vờ đấy thôi;
Mặt nào còn thấy với đời,
Xin nàng sao cũng cho tôi đi cùng".
Trong khi giận nói lẫy lừng,
Coi ra chí gã hào hùng lắm thay.

c) Chị U Lan bảo chúng tôi hai người nên ở lại và còn phải giữ lấy thân để đền nợ nước.

Phạm Khanh bảo sống ở đời gặp việc nghĩa mà không dám lăn mình vào làm là hèn, có sống suốt đời cũng vô ích. Tôi cũng nói thôi không cần đắn đo gì nữa, hãy sửa soạn đi ngay cho rồi. Chị chịu lời.

Nàng rằng: "Hai gã tỏ bày,
Nghe ra thực cũng lẽ ngay rạch ròi;
Nhưng mà nghĩ lại cặn còi,
Non sông gánh vác choi voi một mình.
Bây giờ thương chút lòng thành,
Giúp thân sâu kiến, liều mình phụng loan;[3]
Thử ngồi tính nhặt tính khoan
Tình riêng nghĩa cả, đâu toàn là hơn...?
Nghĩ mình chút phận cô đơn,
Lúc còn mười tuổi gặp cơn lỡ làng;
Tình người thế đất ngỡ ngàng,
Trong lòng cũng muốn hai chàng đỡ tay;

---

[1] *Tôi cũng trong vòng chủ tôi*: tôi cũng tự làm chủ được tôi.

[2] Lắm tên *vô dõng*: không có dõng khí, do câu: *kiến nghĩa bất vi nhi phi dõng*. Lắm người *xá sanh*: quên mạng sống, do câu: *sĩ tri kỷ giả tử*, là kẻ sĩ có dõng khí thì biết vì người tri kỷ mà chết để đền ơn tri ngộ.

[3] Đem liều những tấm thân quý báu như phụng với loan mà giúp đỡ cho cái phận sâu kiến này.

Nàng Hồng qua lại xưa rày,
Ba năm tính đã đến nay chẵn chòi;
Phạm Khanh năm đã chẵn hai,
Cùng nhau qua lại dông dài bấy nay;
Bây giờ rẽ mặt chia tay,
Trong lòng nghĩ cũng đắng cay trăm chiều
Lạ chi hai gã nâng niu,
Vì mang chút nghĩa nên liều tấm thân;
Giữ gìn vàng đá dựng gây non sông.
Trời già nếu dẫu có lòng,
Chúng ta may cũng trùng phùng có khi;
Hãy xin nghĩ lại nghĩ đi,
Còn rồi ta tính vội chi đó mà".
Phạm Khanh vùng vẫy thưa qua:
"Đất Tần xưa có Kinh Kha bỏ mình;
Tướng Hàn ở mấy lớp thành,
Mà người Nhiếp Chánh coi mình như không;[1]
Xưa nay lắm kẻ anh hùng,
Vì câu nghĩa khí động lòng người ta;
Gan nồng núng đến trời già,
Ra điềm mống trắng xuyên qua mặt trời;[2]
Tiếng thơm còn để muôn đời,
Sử xưa còn hãy có người chép tên;
Kiếp người sống chết hư nên,
Xanh xanh đã chủ ở trên có trời;
Lắm người cui cút một đời,
Đau ngang chết tức, rủi thời cũng chôn;[3]
Tục rằng sống chết nhiều môn,
Nhẹ lồng chim chích, nặng hòn Tản Viên;
Lòng tôi hỏi lại đã yên,

---

[1] Tướng Hàn, và Nhiếp Chánh (?)

[2] Do tích (?)

[3] Lắm người *cui cút* một đời: Phương ngữ có nghĩa là sống một cách cặm cụi.

Dầu cho vượt biển băng miền sá bao![1]
Ngày sau muôn một thế nào,
Bụng làm dạ chịu, nàng rào đón chi!"[2]
Cạn lời thiếp cũng vân vi,
Giục nàng sửa soạn ra đi cho rồi.
Bằng lòng nàng cũng như lời,
Rằng: "Đêm thôi cũng tối rồi đã lâu;
Bao nhiêu chước nhiệm mưu sâu,
Chúng ta đợi xuống tới tầu sẽ toan".

b) Khi hành trang đã sửa soạn xong, chị còn ngồi trong đêm vắng thở than. Tôi hỏi. Chị nói nhớ đến anh.

Tôi bảo chị biết anh ở đâu thì viết thư cho anh biết. Chị nói cũng không kịp, vả viết thư sợ lộ bí mật.

Tôi bàn viết thư để lại cho người nhà rồi anh có tới thì đưa cho anh. Phạm Khanh cũng vạch ra cây liễu mấy hàng chữ.

Hành trang dọn dẹp đã an,
Nàng còn nương bóng thở than một mình.
Thiếp liền cặn kẽ ngọn ngành,
Nàng rằng: "Còn vướng chút tình bấy lâu;
Thình lình sấm sét rơi đầu,
Muốn quên mà dạ quên đâu cho đành!
Xót thay cho khách đa tình,
Tìm hoa sau lại vịn nhành xiết bao![3]
Bây giờ biết tính làm sao?
Lòng nầy lắm nỗi ngán ngao lạ dường!"
Thiếp liền hỏi lại rõ ràng:
Vậy thì chị biết ngụ chàng ở đâu?[4]
Nàng rằng: "Bởi vậy mới sầu,
Nếu cho có biết đi đâu đặng giờ!
Ví bằng vội vã viết thơ,

---

[1] *Vượt biển băng miền:* vượt qua biển băng qua miền rừng miền núi nào cũng được. –Thường có thành ngữ: *vượt biển băng ngàn.* Song dùng chữ miền ở đây có ý sâu rộng hơn nữa.

[2] *Rào đón*: Nói ngừa trước.

[3] *Tìm hoa sau lại vịn nhành xiết bao:* Sợ người bạn tình đến tìm không thấy rồi lại đứng vịn nhành cây mà ngơ ngẩn thì buồn xiết bao.

[4] *Ngụ chàng*: chỗ trú ngụ của chàng.

Sợ e đến nỗi sự cơ lỡ làng".[1]
Nàng càng ngơ ngẩn bàng hoàng,
Thiếp rằng: "Việc ấy thôi nàng đừng lo;
Tình đầu mỗi nỗi nhỏ to,
Viết thơ để lại giao cho người nhà".
Nàng ngồi ngẫm nghĩ gần xa,
Tay liền cất viết thảo ra mấy hàng;
Thơ rồi gà đã gáy tan,
Nàng liền gọi tớ kỹ càng dặn qua.
Phạm Khanh bước lại bên nhà,
Tới nơi gốc liễu vạch da chữ đề.[2]
Thiếp xem chẳng biết chữ gì,
Thấy ba hàng mực đen sì mà thôi".

c) Nói tới đây trời đã sáng, Hồng Liên rủ Tán Sĩ trở lại nhà sẽ kể tiếp câu chuyện.

Khi về tới nhà, nàng gọi đầy tớ đem rượu ra. Chàng bảo chuyện ăn uống ấy hãy thong thả, để xin cho nghe chuyện. Nàng nói: kể lại chuyện thì tôi phải nghẹn họng nên phải có chút rượu mới nói được.

Nói rồi dứt tiếng nghỉ hơi,
Giây lâu nàng lại trông trời nói ra:
"Kìa kìa xế bóng ngân hà,
Trăng vừa chen núi, trời đà rạng đông:
Muốn cho cặn kẽ thủy chung,
Xin về nhà cũ thung dung sẽ bầy".
Chàng rằng: "Cắp cánh choàng tay,
Nước tôi trông thấy nhạo đay trăm đường;[3]
May nay lại ở Tây dương,
Không cơn, nhưng sợ cho nường tiếng tăm".
Nàng rằng: "tiếng lại bao lăm,
Sợ chim phụng chỉ biết thèm bông lan![4]
Sen thì sóng dập bùn tràn,
Còn ai có muốn mơ màng đến chi!

---

(1) Sợ viết thư thì lộ việc.

(2) Vạch lần vỏ ở thân cây liễu để đề chữ.

(3) *Nhạo đay*: chế nhạo và đay đả.

(4) Sợ anh là chim phụng chỉ nghĩ đến bông lan thôi (tức U Lan) mà không thiết gì đến bông sen nầy (tức Hồng Liên).

Chị Lan nếu có đây thì,
Lọt tai mấy tiếng nằn nì lắm thôi!"[1]
Đi đi nói nói một hồi,
Đầu non khỏi bắc, chưa trời rạng đông;[2]
Lần lần bước tới bờ sông,
Đò thuê một chiếc thẳng xông bến Đề.
Đò qua mấy khúc sơn khê,
Tiếng chim, bóng bụi, tứ bề lao nhao;
Cất tay nàng trỏ rừng cao:
Rằng chàng đố biết nhà đâu kia là?
Chàng rằng: "Tám kiếp thằng A,
Ấy quân bán nước dấu nhà còn đây".[3]
Sông Đề cũng đến không chầy,
Ghé bờ đỗ bến, dắt tay vào nhà;
Liễu dương mấy cụm là đà,
Giây bìm phủ vách, cỏ gà lợp sân;
Nóc nhà chim sẻ kêu rân;
Nàng liền gõ cửa mấy lần kêu lên.
Tớ nhà nghe tiếng ra liền,
Cất đầu trông thấy nàng Liên dửng dừng:[4]
Nhà trong bước tới dừng chân,
Nàng rằng: "Có rượu thì bưng đây mà".
Tớ rằng: "Từ thuở cô ra,
Mấy chai rượu chát để nhà còn đây".
Chàng rằng: "Rượu thịt hãy chầy,
Xin nàng kể chuyện nước mây cho tường".[5]
Nàng liền cất giọng thảm thương,
Rằng: "Tôi cũng muốn vội chường chàng nghe;[6]
Tức vì họng nghẹn lưỡi đè,
Vậy nên đến đỗi kè nè đấy thôi;[7]

---

[1] Chị Lan mà ở đây nghe biết tôi nói thế chắc sẽ bực lắm đấy.

[2] Đầu non *khỏi bắc:* Khi đi đầu non đã thấy rời về khỏi hướng bắc.

[3] *Thằng A:* A Năng Nô, là tướng giỏi của nước Mỹ sau thấy quân Mỹ thua, hấn liền trở mặt đầu người Anh (lời chú của Tác giả).

[4] *Dửng dừng*: sửng sốt.

[5] *Rượu thịt hãy chầy:* rượu thịt thì hãy thong thả.

[6] *Vội chường chàng nghe:* vội trình chàng nghe.

[7] *Kè nè*: kè nhè đòi rượu đòi thứ nầy thứ khác.

Mượn hơi một thí cho dòn nói năng".

g) Chàng lại giục nói. Nàng sụt sùi:

"Nàng Lan gã Phạm hai người,

Đã rơi hàm cá còn tôi một mình".

Khiến chàng nghe như sét đánh vào đầu. Giờ lâu hai người khóc than. Cuối cùng chàng bảo: thôi, khóc cũng không sao sống lại được. Hãy kể cuộc xông pha nguy hiểm ấy cho nghe.

Chàng liền giục giã hở răng,
Sụt sùi nàng mới nỉ năn mấy lời:[1]
"Nàng Lan gã Phạm hai người,
Đã rơi hàm cá còn tôi một mình!
Gặp chàng khôn nỗi mặt nhìn,
Dứt lời nàng vội ếm liền lụy châu".[2]
Chàng nghe như sét vào đầu,
Nát tương gan ruột héo xàu tay chân;[3]
Giờ lâu ngồi dửng dừng dưng,
Hỏi sao nàng khóc lừng chừng lắm thôi?[4]
Người đời một thác là rồi".
Nhìn chàng nàng lại nhỏ bồi lụy son.[5]
Rằng: "nàng dầu khóc lở non,
Nàng Lan, gã Phạm có còn hay không?
Chi bằng ta hãy thung dung,
Nhắc ra sự tích anh hùng nghe chơi".

5. – Hồng Liên kể tiếp đến cách gài bẫy

Tớ bưng rượu tới, Hồng Liên uống rồi kể tiếp

1. - Đoạn ở dưới tầu

---

[1] Giục giã *hở* răng: giục hé răng ra nói đi.

[2] Gặp chàng bây giờ tôi không nỡ nhìn mặt nữa. *Nàng vội ếm liền lụy châu*: Nàng vội cố *ngăn* giòng lệ (ếm do chữ yểm).

[3] *Nát tương gan ruột*: Gan ruột nát như tương.

[4] *Ngồi dửng dừng dưng*: Ngồi sững và đờ người ra.

[5] *Lại nhỏ bồi lụy son:* lại khóc thêm nữa.

a) Chị U Lan trỏ tay về phía nhà anh nói bao giờ gặp được nhau nữa? làm chúng tôi não cả ruột. Chúng tôi gợi lại chuyện bổn phận là đích cấp thời của cuộc đi. Nhưng khi đêm xuống sóng êm, tôi buồn lại nhắc đến anh, chắc giờ nầy anh đương ngồi ở thềm nhà chúng tôi. Chị nói, chị nằm mơ thấy cùng anh hai người dắt díu nhau chơi bồng lai đảo.

Tớ vừa bưng rượu tới nơi,
Uống rồi nàng mới tức thời nói mau:
"Bấy giờ vội vã xuống tầu,
Kéo neo tầu cũng chạy mau tức thì:
Sân tầu rủ dạo một khi,
Cất tay nàng trỏ mù ty mấy bờ:[1]
"Rằng kìa Phủ Bí trơ trơ,
Chỗ ai ở đó bao giờ gặp va?[2]
Sông Đề khi trở lại nhà,
Không thì chín suối, họa là gặp nhau!"
Nói rồi mặt héo mày xàu.
Chàng rằng: "Nếu vậy giống nhau quá mà"!
Nàng rằng lúc ấy cả ba,
Xúm nhau ngồi lại bàn ra nói vào:
Rằng: "Nàng bỏ nước đã lâu,
Bây giờ ai có nhìn đâu đặng người;
Giả tuồng là khách chơi bời,
Tùy cơ ứng biến tới nơi sẽ bàn"
Thuyền ra cách bực xa ngàn,
Sao thưa, trăng tỏ, mây làn sóng êm.
Thiếp rằng: "Chốc đã ngàn đêm
Bây giờ chàng chắc ngồi thềm nhà ta;
Bên rào lan héo thiết tha,
Dưới hồ sen rụi mưa sa dầm dề;
Quê xưa cảnh cũ bộn bề,
Tưởng chàng trông thấy ủ ê xiết nào!
Nàng rằng: "Nằm thấy chiêm bao:
Cùng chàng díu dắt chơi vào bồng lai;

---

[1] *Mù: là sương, ty* là nhỏ. Nàng chỉ chỗ đốm nhỏ trong làn sương mù ở bờ biển.

[2] *Chỗ ai ở đó:* chỗ chàng Tán Sĩ ở đó

Trong khi đẹp dạ thỏa hoài,
Thình lình tiếng sóng kêu dài thất kinh.

b) Chúng tôi ra đứng mũi tầu ngẩn ngơ hồi lâu.Chị nói mới nghĩ được bài ca, chị ca lên cho nghe. Tôi còn nhớ cả, vậy tôi ca lại cho anh.

Tán Sĩ nghe rồi ruột gan như thắt lại.

Bốn bề gió mát trăng thanh,
Ngậm ngùi lại nhớ chút tình đâu đâu;
Mũi tầu đứng ngẩn giờ lâu,
Cất đầu nàng lại âu sầu nói ra:
Rằng: nay nghĩ đặng bài ca,
Lặng nghe ta sẽ xướng ra rõ ràng".
Nàng liền cất giọng rảnh rang,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau.
Thiếp còn chép dạ bấy lâu,
Hãy xin ca lại gót đầu nghe chơi.
Ca rằng:

I

Ta nhớ đâu, nhớ đầu biển Á,
Muốn theo qua sóng khỏa ngàn trùng;
Bốn ngàn năm còn dõi dấu Lạc Hồng,
Kìa biển, kìa núi, kìa sông, kìa đô ấp;
Từ Đinh Hoàng dựng cờ độc lập,
Đến Nguyễn triều thâu thập cõi Nam Trung,
Trải xưa nay lắm sức anh hùng,
Liều trôi máu vẽ nên mầu cẩm tú.
Hai ngàn vạn đồng bào sanh, tụ,
Sử văn minh đem đọ kém gì ai.
Quyết thề lòng dựng lại cảnh Bồng Lai,
Chén rượu câu thi cười ha hả.

* * *

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xa mặt nước sóng long tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.
Ca rằng:

II

Ta nhớ đâu, nhớ câu cố thổ,[1]
Muốn theo qua trải đủ chông gai.
Kiếp phù sinh lắm nỗi trần ai,[2]
Khách bô tẩu luống than dài thở vắn,[3]
Non nước tan tành, rồng chạy vắng,
Cửa nhà xơ xác én bay xa.
Cảnh tang du thêm cám nỗi cha già;[4]
Gan thiết thạch, tiết bá tùng, trải sương tuyết phong ba còn giữ chắc;[5]
Ôm khí chánh ngang trời dọc đất,[6]
Ba tấc gươm thề chém vất lũ yêu tinh:[7]
Gần xa ai cũng cám tấc thành.[8]
Trời sao nỡ cánh hồng vương lưới cá![9]

*

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xao mặt nước sóng lông tông;
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.

III

Ta nhớ đâu, nhớ cha tuổi tác;
Muốn theo qua man mác trời cao:
Đêm năm canh mơ mẩn giấc chiêm bao,
Lụy muôn hộc dầu dào khôn ráo mắt.[10]

---

[1] *Nhớ câu cố thổ*: nhớ thành ngữ: "giang sơn cố thổ" là sông núi đất nước nhà.

[2] *Nỗi trần ai*: nỗi vất vả khổ sở. *Kiếp phù sinh*: cõi đời ngắn ngủi.

[3] Khách *bô tẩu:* (bô: chạy trốn, thường dùng với bô đào: chạy trốn việc) khách lánh nạn nước mà chạy trốn biệt đi nước khác, (cũng nói: bôn tẩu).

[4] *Cảnh tang du*: (*tang*: cây dâu; *du*: cây du, thứ cây hay trồng nơi biên ải). Cảnh mặt trời sắp lặn chiếu xiên vào ngọn cây dâu và cây du. Nghĩa bóng là cảnh già.

[5] Gan *thiết thạch*: gan sắt đá; tiết *bá tùng*: khí tiết của những cây bá cây tùng chịu đựng với mùa rét.

[6] Ôm *khí chánh*: Ôm khí tiết trung chính.

[7] Thề *chém vất*: thề chém bỏ.

[8] Cám *tấc thành*: cảm động về tấm lòng thành.

[9] *Cánh hồng vương lưới cá*: cánh chim hồng bay ở trên trời mà oái oăm lại bị sa vào lưới cá bủa giăng dưới nước.

[10] *Lụy muôn hộc*: nước mắt nhiều như trong muôn cái đấu.

Tâm liệt nữ sương thu soi phắc phắc,[1]
Mũi Kinh khanh gió bắc thổi ù ù;
Tuổi dầu trẻ, sức dầu mọn, kế dầu ngu,
Giọt máu đỏ phù quỷ thần soi xét.
Hồn cố quốc mấy năm viễn biệt,[2]
Giấc hương quan muôn dặm mơ màng;[3]
Bạn đồng tâm rặt những khách tha hương,
Phú có chị Hằng soi tấc dạ.

*

Trăng sáng giữa trời soi tất cả,
Gió xao mặt nước sóng lông tông;
Đầu lầu đêm vắng ngồi trông.

IV

Ta nhớ đâu, nhớ người Đông Hải,
Muốn theo qua quan ải cách bao nhiêu.
Ngày chàng về áo gấm mỹ miều,[4]
Chính lúc thiếp hang beo thề bỏ mạng;[5]
Nam bắc đôi đường phân én nhạn,
Mỹ Âu muôn dặm cách vân yên.[6]
Nhớ xưa kia non nước quầy duyên,[7]
1910.Xuân sắc một trời thêm diệm dã;[8]
Lúc trăng sáng tìm hoa đố lá,[9]
Khi gió trong chén rượu câu thi;
Người đâu đâu gặp gỡ làm chi,
Nay luống khiến lụy biệt ly rơi lã chã.

---

[1] Soi *phắc phắc*: soi vào thấy trong vắt, sáng quắc.

[2] *Hồn cố quốc*: hồn nước cũ.

[3] *Giấc hương quan*: (hương quan: cổng làng) giấc mơ được về làng cũ.

[4] *Ngày chàng về áo gấm mỹ miều*: (do câu thơ Lý Bạch: *công thành y cẩm hoàn*) khi chàng thành công mặc áo gấm về làng.Còn có thành ngữ: *y cẩm hoàn hương* (áo gấm về làng).

[5] *Hang beo*: nơi nguy hiểm.

[6] *Vân yên*: mây khói.

[7] *Quầy duyên:* tiếng địa phương có nghĩa là vầy: xum họp.

[8] *Diệm dã*: diệm: chói lọi, hay đẹp thêm lên do ánh mặt trời chiếu vào, *diệm dã* tiếng láy làm thêm đậm nghĩa.

[9] *Đố lá*: (hội đố lá vệ tháng ba ở đời Đường bên Tầu, trai gái hẹn hò vui vẻ với nhau) vui với nhau.

***

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xao mặt nước sóng lông tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.
1918.Bốn thiên như khóc như cười,
Giọng oanh mấy khúc càng tươi càng mầu,
Mỉa mai sương giục còi thu, [1]
Dập dìu tiếng suối gió ru đêm rằm,
1920.Chàng rằng: "Vấn vít tơ tằm,
Mối tình nghĩ đến như bầm ruột gan.
Từ khi non nước gặp nàng,
Khi thi, khi rượu, khi đàn luôn luôn;
Trong khi dìu dắt dạo vườn,
Cảnh vui nàng lại than buồn mấy câu:
"Vui vầy đặng bấy nhiêu lâu!"
Mà nay đến đỗi chôn sầu chín sông. [2]
Kìa nhà, kìa nước, kìa sông,
Mà người vắng vẻ, đau lòng xiết bao!"

c) Hồng Liên kể tiếp: lúc ấy, có người con gái lân la lại nói chuyện và nói có biết anh. Tôi sợ là kẻ mật thám nên chẳng dám nói bàn điều gì cả.

Nàng liền kể chuyện dưới tầu:
Rằng: "Đương lúc ấy lắm câu ngỡ ngàng:
1925.Tình cờ lại gặp một nàng,
Bắt quàng trò chuyện đủ đàng thảm thương, [3]
Kể luôn đến chuyện Đông Dương,
Ngợi khen phong cảnh nước chàng vẻ vang:
Khen người Nhật Bổn có gan,
Nhắc ra hình dạng giống chàng như y;
Nhưng mà bụng thiếp còn nghi,

---

[1] *Chuyện mỉa mai:* sương là chất tượng trưng cho người đàn bà lẻ bóng sợ sự chia ly mà lại giục giã cho tiếng còi nổi lên để đem sự chia ly ấy tới giữa mùa thu của lòng người. – Và chuyện mỉa mai nữa: đêm trăng sáng để bạn tình âu yếm nhau trong làn gió thu êm ái thì nước mắt như suối lại chảy ra thánh thót dập dìu.

[2] *Chín sông*: Do chữ *cửu tuyền*, nơi âm phủ, nơi có chín ngọn suối.

[3] *Bắt quàng*: vơ vào.

Tuổi tên nàng ấy chàng khi biết mà?"
Chàng rằng: "Lũ quỷ quân ma,
E khi kiếm chuyện dò la sự nàng".[1]
Nàng rằng: "Thiếp cũng nghi nan,
Vậy nên chẳng dám nói bàn dở dang".

II. - Đoạn về tới nước nhà

a) Chị U Lan giả có bệnh nằm lại ở khách sạn để hai chúng tôi đi dò la tin tức. Khi biết chúa ngục là kẻ háo sắc, tôi bầy kế mỹ nhân, và tôi tình nguyện đi làm việc đó. Tôi giả làm cô gái đi lỡ đường xin với chúa ngục chỉ đường về khách sạn. Chúa ngục mời tôi lên xe đưa về, rồi ngồi lại nhà nói chuyện làm thân.

Thôi thôi bớt nói bắt quàng,
Để xin kể chuyện đi đàng bấy nay:
Tám ngày vừa tới nước Tây,[2]
Vào thành kiếm chốn quán đầy nghỉ ngơi,[3]
Còn e có kẻ biết người,
Nhủ nàng giả bệnh, thiếp chơi ngoài thành.
Trường tù nhắm thế xem hình,
Cha nàng giam ở bên thành phía tây;[4]
Bốn bề hào xẻ thành xây,
Cánh chim khó vội thang mây khôn lường;[5]
Xưa nay kẻ tiện người sang,
Trong vòng nước lửa chôn xương muôn vàn;[6]
Cha nàng cả trí to gan,
Ghét dơ ngàn nỗi, giữ giàng trăm phương;[7]
Vậy nên túng kế lo lường,
Trăm toan ngàn liệu, khôn phương cứu ngài.
Lần là mấy bữa dông dài,
Thăm nom tin tức, lắm lời đâu đâu:
Người thì nói hãy còn đau,

---

[1] *Lũ quỷ quân ma*: lũ mật thám.
[2] *Nước Tây*: Nước Tây Ban Nha quê nàng U Lan.
[3] *Quán đầy*: Quán khách đông người.
[4] *Trường tù*: Nhà tù.
[5] Cao đến chim bay không tới được mà thang mây cũng khó leo qua.
[6] *Kẻ tiện*: Kẻ hèn hạ.
[7] Cha nàng bị nhà cầm quyền ghét lắm và tìm mọi phương cách giam giữ rất kiên cố.

Người thì nói chẳng bao lâu bị hình.[1]
Nàng thì nhức nhối trong mình,
Giục ngay chàng Phạm ra thành dò la.
Cách đôi ba bữa dần dà,
Biết ra chúa ngục họ là họ Vương.
Thiếp bày một kế hoang đường,
Mượn mưu Trịnh Tụ đưa nường Yên Chi.[2]
Nàng rằng: "Tuy chuyện nữ nhi,
Bây giờ đã gấp quản chi đặng mà!
Thuở xưa vua Nã thứ ba,
Cùng ông Ba Đốn trốn ra cũng thường;[3]
Trong cơn túng nước cùng đường,
Dù hay dù dở cũng trườn cho xong".[4]
Phạm rằng: "Nếu để lòng dòng,
Việc người thay đổi khôn dùng mưu cao;
Chi bằng cứ việc làm nhào,
Nên hư phú mặc cao cao có trời;[5]
Họ Vương tánh khí bốc rời,
Tham tiền mê sắc, vợ người thì không;
Nay còn kiếm chác lông ngông,
Gẫm ra cái kế nàng Hồng cũng hay".[6]
Lân la qua đặng mấy ngày,
Thiếp ăn mặc đẹp chơi ngay bên thành;
Trông ra bốn phía vắng tanh,
Một vài xe ngựa quẩn quanh xa gần.
Bỗng đâu ngui ngút bụi trần,

---

[1] *Bị hình*: Bị hành hình.

[2] *Trịnh Tụ*: Vợ vua Sở đời Chiến Quốc lập mưu gì cũng được vua và quan Đại phu Trần Thiện tán thưởng nghe theo. Thơ Đỗ Mục có câu: *Trịnh Tụ kiều nghiêu hàm tự túy:* (Trịnh Tụ nói lời đẹp và ngon lành).

Yên Chi: người con gái đẹp (do sự dùng những cỏ *yên* và *chi* làm thành phấn son tô điểm sắc đẹp cho phụ nữ).

[3] *Vua Nã thứ ba*: Napoléon đệ tam; ông *Ba Đốn*: Badinguet, tương truyền vua Napoléon III bị giam ở pháo đài Hams tại Bỉ, có đảng Hiệp sĩ Carbonnairi trụ sở tại Ý, muốn đánh tháo cho ông, nên có cho một người thợ hồ tên là Badinguet giả vào chữa trong pháo đài rồi trao quần áo của mình cho ông mặc để đi ra. Và người ấy ra sau rốt.

[4] *Trườn*: Nhoai lên, hàm ý cố và đành.

[5] *Làm nhào*: làm bừa đi.

[6] *Lông ngông*: không chủ định.

Một xe độc mã rần rần tới nơi.[1]
Trên thì chúa ngục đương ngồi,
Mừng thầm thiếp mới lần hồi gần bên;
Mỉm cười liếc mắt trông lên,
Bước đến thiếp mới xấp thưa đàng.
Vin cương dừng ngựa tỏ bày nể nang:[2]
Rằng: tôi người Mỹ mới sang,
Ra chơi rủi phải lạc đàng bơ vơ;
Đường cùng ngày tối dật dờ,
Khôn lui khôn tới, y ơ một mình;
Thiếp nghe phép nước văn minh,
Đàn bà tăm tối một mình không đi;
Xin ngài thương chút ngu si,
Đem lòng trỏ nẻo giúp khi lỡ đàng;
Ngài dầu thương phận lỡ làng
Tấm lòng cảm tạ ngàn vàng khôn đang;
Va nghe mấy tiếng nhẹ nhàng,
Rằng: ta chúa ngục tên rằng Vương La;
Trời chiều đã quáng mắt gà,
Thấy nàng lẩn vẩn lòng đà sinh nghi;
Phải chi nàng nói khi thì,
Sao cho đến đỗi ly bì ủ ê?
Nếu nàng chẳng ghét lý lê,
Lên xe tôi hãy đưa về tận nơi.[3]
Cám ơn thiếp mới lên ngồi,
Trong xe nhìn nhỏ ra người dễ chơi.[4]
Xe đi liền cũng tới nơi,
Bắt tay va nói lôi thôi mấy lời:

---

[1] *Ngui ngút*: chỉ làn bụi hay làn khói bốc lên.

[2] *Xấp tay*: Chấp tay tỏ ý cung kính.

[3] *Lý lê*: lẫn lộn, không được đàng hoàng, không hay giữ gìn nề nếp. Chữ này có biến âm thành phương ngữ: lá lay, cùng nghĩa.

[4] *Nhìn nhỏ*: nghênh ngáo nhìn khắp nơi.

Rằng sau hãy tới thăm chơi,
Xin nàng trân trọng thì tôi bằng lòng.
1970.Thiếp liền biết lão mắc vòng,
Thưa rằng: "Ngài cũng người trong ân tình;
Tối tăm giúp kẻ linh đinh,
Ơn sâu nghĩa nặng chút tình xin mang;
Kính ngài chớ khá vội vàng,
Ngồi chơi một lúc bĩ bàng biết bao![1]
Nàng Lan cũng bước ra chào,
Chỉ nàng thiếp nói: Bồ Đào là quê;[2]
Từ nhà đánh bạn đánh bè,
Hay đâu cát vướng đặng kề tùng cao"[3]

b) Từ đó khi thư từ nhắn nhe, khi rượu chè lơi lả. Tôi khen anh ta đẹp trai gái nào cũng phải mê. Tôi lại nói tôi bị một cuộc tình duyên ngang trái nên buồn mà đi dạo chơi các nước. Bây giờ có tiền của nhiều, mà thân phận yếu đuối làm sao giữ được. Anh ta xin kết đá vàng liền ngay.

1975.Chàng rằng: "Sắc đẹp mưu sâu,
Dù ai cũng phải đâm đầu vào trong".
Nàng liền mặt tía tai hồng,
Xin chàng đừng bỡn thẹn lòng gái quê:
"Từ khi chúa ngục ra về,
Đưa thơ thiếp cũng đủ bề nhắn nhe,
Đưa theo rượu ngọt gấm the,
Trả lời va cũng lăm le vướng mồi;
Hẹn hò đến buổi chiều mai,
Ba người lụi hụi đứng ngồi những trông;[4]
1980.Ngày chiều vừa gác bóng hồng,
Xe đôi aó cặp đùng đùng va qua;
Thiếp thì xiêm lụa áo là,
Trăm chiều ngàn chuộng bước ra hỏi chào;[5]

---

[1] *Bĩ bàng*: Tươm tất.

[2] *Bồ đào*: Bồ Đào Nha (Portugal).

[3] Dây sắn được kề cây tùng cao, ý nói cuộc chơi bạn mà may mắn mình được gặp người cao sang.

[4] *Lụi hụi:* lẩn quẩn cặm cụi.

[5] *Xiêm lụa áo là*: váy bằng lụa và áo bằng là, nghĩa: trưng diện, đỏm dáng

Bẩm thưa như tiếp vương hầu,
Trong khi trò chuyện, cọ đầu kề tai;
Va liền cất tiếng nói ngay,
Miệng cười rà rả như bày ruột gan.
Va còn lắm nỗi mơ màng,
Thiếp liền kiếm chuyện hỏi xoàng đôi câu:
1985.Rằng: mai độ tối giờ lâu,
Chị em thiếp tới xin hầu phu nhân.
Vuốt râu ra dạng hoa lơn:
Rằng tôi thưa thiệt gối đơn một mình.[1]
Thiếp càng giả dạng thất kinh:
Thưa rằng: "Ngài nói giả tình đấy thôi".
Rằng: "Tôi nói thực mười mươi,
Vợ tôi mất đã giỗ đôi ba lần".
Thưa rằng: "Ngài lắm lòng nhân,
Đẹp trai mà lại đủ phần giầu sang;
1990.Thế gian lắm ả hồng nhan,
Thấy ngài ai chẳng mơ màng chiêm bao,
Lụa là rượu thịt mời trao,
Mà tình sông biển đã sâu lắm rồi".
Va rằng: "Nếu thiệt như lời,
Nói sao biết vậy việc đời dễ đâu?"
Rằng: "Ngài chưa tỏ gót đầu,
Thiếp xin kể hết cạn sâu nỗi nhà:
Hoa Kỳ quê quán thiệt là,
Cha làm tổng đốc, anh nhà đỗ cao,
1995.Chuyên khoa bác vật đã lâu,
Cùng người bạn học trí mầu tài xa;
Quê hương nghỉ cũng Ban Nha,
Dạng ngài mỉa mỉa giống va quá chừng;[2]
Nề ăn nếp ở cũng ưng,
Qua qua lại lại niu nâng mấy lần;
Hai tình lửa bén rơm gần,
Bằng lòng thiếp mới đính phần thất gia;

---

[1] *Ra dạng hoa lơn*: ra vẻ bông đùa.
[2] *Dạng ngài mỉa mỉa:* dạng ngài hao hao giống.

Chọn ngày toan kết tiệc ba,
Thiếp liền rủi phải cha già đội tang;[1]
Anh nhà tánh khí ngang tàng,
Rủ va dạo Bắc Băng Dương tìm tòi;
Cha già vừa mới qua đời,
Mẹ già ngăn trở lắm lời không nghe;
Va càng ý khí hăm he,
Cùng anh đánh bạn đánh bè đi ra.
Anh tôi nói với mẹ nhà:
Vào hang bắt cọp thì là danh dương;[2]
Há như những kẻ tầm thường,
Chơi bời say đắm trăm đường dở dang.
Nói rồi khoác áo vội vàng,
Xông trời tếch biển thẳng đàng Bắc dương.
Xa gần xúm miệng khen vang,
Ngày đêm mong mỏi quê hương gấm về;
Một năm trông mỏi trông mê,
Thơ từ vắng bặt, thuyền bè lặng trơ;
Nghe người đồn vẩn đồn vơ,
Chơi vơi biển giá, ngất ngơ sóng kình.[3]
Về sau ngày một vắng tanh,
Mẹ già mong mỏi bực mình phải đau.
Nhật trình có mấy lời rao:
"Rằng người Thụy Điển có tầu tuần dương:
Đi qua biển Bắc tột đường,
Thấy tầu người Mỹ nát tương rã rời;[4]
Chẳng còn một vật một người!"
Mẹ già nghe nói rụng rời thác oan.
Một anh, một mẹ, một chàng,
Một lần chia rẽ trăm đàng đắng cay!
Chơi Âu kiếm chước giải khuây,

---

[1] Chọn ngày toan *kết tiệc ba*: bày tiệc kết hoa, đây nói sắp định ngày ăn cưới.

[2] *Danh dương*: phô danh tiếng với đời.

[3] *Biển giá*: Biển nước lạnh đóng thành băng giá; *sóng kình*: sóng lớn và dữ tợn như đàn cá kình.

[4] *Nát tương rã rời*: nát và rã rời như tương.

Dạo vòng Anh, Pháp, chầu rầy tới đây.
Xem trong phong cảnh nước nầy,
Non xanh nước biếc sánh tày cõi tiên:
Vả chăng thiếp lắm của tiền,
Một thân yếu đuối giữ gìn sao xong.
Ước chi đặng kẻ anh hùng,
Xe tơ kết tóc thỏa lòng lắm thôi".
Va rằng: "Hẳn chắc như lời,
Tôi xin hết sức một đời với cô:
Dù mà biển cạn sông khô,
Lòng tôi giữ chắc trơ trơ đá vàng".
Thiếp liền mừng rỡ vội vàng".
Kiếm điều dua nịnh tìm đàng ngợi khen.[1]
Va càng ngoe nguẩy múa men,
Cách ngày thăm viếng von ven tới hoài;[2]
Cho hoa cho lụa cho sồi,
Thiếp soi tướng nghỉ nuốt mồi đã sâu.[3]

c) Rồi tôi đi chơi với anh ta đến ngục thất, tôi ngỏ ý muốn vào xem. Anh ta hẹn bữa sau rủ cả bạn U Lan nữa. Chúng tôi thầm thì về nhà tính kế với nhau.

Nhơn cơ chơi dạo yếm âu,
Thành tây vừa đến, cất đầu trông lên;
Thiếp rằng: "Luỹ chắc thành bền,
Ấy là cung điện đài đền chi đây?"
Va rằng: "sở ngục chốn nầy,
Thịt xương hầu bá chất đầy xưa nay,[4]
Hãy còn lắm lắm trong nầy,
Hơn vài trăm đứa rặt bầy vô nghi".[5]
Giả hình thiếp nói rằng: "Uỳ,
Thang mây cánh hạc bay gì đặng qua!
Trong nầy rực rỡ nguy nga,

---

[1] *Dua nịnh:* (dua bởi du đọc trạnh ra) lựa theo ý người mà nịnh.

[2] *Ngoe ngoảy*: cử chỉ khoe mẽ của kẻ tiểu nhân. *Von ven*: ngọn ngoẻn, cử chỉ lần khần đáng bỉ.

[3] Thiếp coi tướng *nghỉ*: thiếp coi vẻ hắn ta, ý ta.

[4] *Thịt xương hầu, bá*: thịt xương các hầu tước, bá tước.

[5] Rặt bầy *vô nghi*: rặt bầy vô loài vô nghề, những kẻ ăn ở không theo phép tắc.

Ước chi vào đặng để ra chuyện trò".
Va rằng: "Chìa khóa nhỏ to,
Một tay tôi nắm có lo chi mà;
Bữa nào nắng dịu gió hòa,
Nàng cùng cô bạn chơi qua một lần".
Thiếp càng mừng rỡ mười phần,
Bắt tay cảm tạ ân cần một hai;
Thiếp liền hẹn bữa thứ hai.
Về nhà thuật lại, hai người nức nao.
Nàng [illegible]
Tìm cha thiếp giả đi quờ,
Mưu nầy kín nhiệm ai ngờ nỗi chi[2];
Khinh ta là đám nữ nhi";
Ghé tai nàng mới thầm thì mấy câu.
Cách chừng vài bữa lâu lâu,
Đúng giờ va cũng vừa chầu tới nơi.
Mày đay trước ngực sáng ngời,
Gươm đeo bên vế ánh trời sáng soi;[3]
Rõ ràng vàng ngọc bề ngoài,
Mà trong giẻ rách thực loài trẻ ranh!
Thiếp liền ngắt nhỏ Phạm Khanh:
"Rằng may rủi cũng tử sanh một lần".
Phạm rằng: "Quyết đã liều thân,
Gan vàng dạ đá còn cần nỗi chi:
Rày đương trong lúc hiểm nguy,
Sao nàng lại nói lời chi bất tường?[4]
Gẫm trong mưu kế của nường,
Trăm phần đã chắc, lo lường mà chi?"

d) Bữa sau chúng tôi theo anh ta vào thăm ngục thất. Tôi hỏi về chuyện nầy chuyện nọ. Anh ta chỉ chỗ giam ông Đốn Gia La.

---

[1] Kiếm điều *giỡn hớt*: (phương ngữ) giỡn cợt một cách lẳng lơ.
[2] *Đi quờ*: đi lăng quăng không chủ định may thì gặp
[3] *Mày đay:* Huy chương (phiên âm chữ médaille).
[4] *Bất tường*: Chẳng lành.

Tôi đến gần tỏ dấu kính trọng, rút bông hoa cài trên áo tặng ông, và gọi U Lan tới để cho biết mặt người anh hùng.

Ba người cắp dắt ra đi,
Lên xe thét ngựa tức thì như bay;
Giờ lâu vừa tới thành tây,
Xuống xe dìu dắt choàng tay bước vào;
Khi năn nỉ, lúc ngọt ngào,
Lẳng lơ khẳm cách, yếm âu đủ điều.[1]
Va thì trăm chuộng ngàn chiều,
Lòng nào còn nhớ đến điều đâu đâu.
U Lan thủng thỉnh theo sau,
Thoạt cười thoạt nói bước vào cửa lao.
Hình ma tướng cóc ngán ngao,
Roi mây cơm bữa hầm sâu ấy nhà.[2]
Thương ôi! Cũng kiếp người ta,
Sa chân sẩy bước hóa ra dật dờ;
Động lòng thiếp mới hỏi vờ:
"Phải đây rặt lũ bạc cờ du côn?"
Rằng: "Ủy, va lại chỉ luôn:
Đường kia là chỗ tù khôn đấy mà;
Người bộ hạ Đốn Gia La,
Rõ ràng nghỉ thực tướng già U Lan.
Lắm phen quấy rối giang san,
Binh thua nghỉ mới trốn sang nước ngoài;
Quẩn quanh Pháp, Ý mấy nơi,
Gia, Nham hai gã là người bạn thân;[3]
Bây giờ lại nước quấy dân,
Tôi liền hay được sai quân nắm đầu".[4]
Thiếp nghe vừa tức vừa rầu,

---

[1] *Khẳm*: phương ngữ có nghĩa đủ, đầy. *No ngày khẳm tháng* là đủ ngày đầy tháng. *Khẳm bụng* là no bụng. *Vừa khẳm:* vừa đủ.

[2] *Hình ma tướng cóc*: Thành ngữ địa phương có nghĩa là tướng xấu xí gớm tởm.

[3] *Gia*: Gia Lý Ba Đích, Garibaldi Giuseppe (1807-1882). Đại tướng Ý cũng là nhà đại ái quốc từng bôn đào qua Pháp (1834) qua Mỹ (1836) để trở về nước (1848) đem tinh thần hy sinh vô biên và lòng dũng cảm phi thường phụng sự đất nước. Ông được toàn dân Ý kính mến. - *Nham*: Nham Xướng Đá, Gambetta Léon (1838-1882). Luật gia và chính trị gia Pháp. Chống đế chế, sáng lập và cầm đầu đảng Cộng Hòa.

[4] Bây giờ *lại* nước quấy dân: trở lại nước.

Nhìn nàng nháy mắt cúi đầu bước qua.
Chào ngài va đứng xa xa,
Gần song thiếp mới trông qua rõ ràng.
Quả nhiên tướng mạo đường đường,
Thịt cây, xương đá, tóc sương, râu ngà,
Tuy là tác ốm tuổi già,
Oai phong so với Phục Ba kém nào.[1]
Hoa hồng sẵn dắt ngang bầu,
Thiếp liền rút lấy đưa hầu tướng quân:
Rằng: "Tôi chút phận hồng quần,
Xa xôi tới viếng, kính dâng anh hùng".[2]
Cầm hoa ngài cũng động lòng,
Thò tay ra khỏi cửa song hỏi chào.
Nhìn nàng thiếp mới gật đầu,
Rằng: nàng cũng lại xin hầu tướng quân.
Thiếp liền giả dạng bâng khuâng,
Choàng tay chúa ngục quay chân ra đàng.
Nghĩ thôi cũng phục gan nàng,
Trong cơn sấm sét nhẹ nhàng như không:
Nhìn cha trong lúc cũi lồng,
Nói cười một mực thung dung như thường:[3]
Xưa nay nữ kiệt lắm trang,
Thâm trầm dạn dĩ như nàng mấy ai!

e) Chúng tôi trở lại nhà. Chị U Lan khi gặp cha trong ngục cứ nói cười như không, đến khi về nhà rồi mới lăn ra khóc. Chúng tôi ép chị uống rượu để đỡ buồn. Chị thấy trăng soi bên cửa sổ lại nhắc đến anh. Tôi nhớ lại một câu thơ của anh lại đọc lên. Chị uống rượu và ngâm lại câu thơ ấy.

Trời chiều gác bóng non đoài,
Về nhà gã Phạm đón ngoài hỏi han.
"Thế nào đó, hử hai nàng?
Trót ngày mong mỏi, năm tràng chưa lâu![4]

---

[1] *Phục Ba*: Mã Viện, viên tướng già đời Hán được phong tước hiệu là Phục Ba tướng quân (người tướng hàng phục được sóng gió) oai phong lẫm liệt từng đã đem quân qua nước ta đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trưng Vương.

[2] *Hồng quần*: quần màu hồng, chỉ về đàn bà con gái.

[3] Trong lúc *cũi lồng*: trong lúc bị giam cầm.

[4] Mong mỏi một ngày mà thấy cả năm chưa lâu bằng.

Ra đàng thấy kẻ chạy mau,
Hay là con nít xơn xao trẳng cười.[1]
Rùng mình nhớ tới hai người,
Trong lòng hồi hộp rụng rời thất kinh;
Về nhà ngồi lặng một mình,
Tôi đòi gõ cửa, giật mình hồn bay".
Nàng rằng: "Nói lớn quá tay,
Mắt song tai vách xưa nay là thường[2];
Chúng ta phải sớm giữ giàng,
Hoạ chăng kế ấy cũng thường nguyện đây;
Lòng tôi mừng sợ xum vầy,
Chàng ràng khó gỡ như dây trăm vòng;[3]
Đương khi bước tới cửa song,
Cha già trông thấy dòng dòng lụy sa".
Đau lòng nàng nói không ra,
Nghẹn lời ngồi sững lụy sa dầm dề.
Thiếp liền bước lại vỗ về,
"Trời còn có mắt ủ ê nỗi gì?"
Phạm Khanh đem rượu tức thì,
Rằng: "nàng nở dạ cũng kỳ gần đây:
Hãy xin cạn một chén nầy,
Chúc mừng vận đỏ ngõ khuây lòng vàng".[4]
Trăng lên bóng dọi lan can,
Nương song nàng lại thở than mấy lời:
"Trăng soi bóng liễu phất phơi,
Cảnh gần lại nhớ đến người đâu đâu!"
Thi chàng thiếp vịnh một câu:
"Rượu ngon một chén giải sầu nghìn thu."
Nàng nghe ra dạng di du,[5]
Tay liền cất chén ngâm câu trường hành.

---

[1] *Trẳng*: phương ngữ có nghĩa nô đùa: trẳng giỡn.

[2] Lớn *quá tay*: lớn quá mức thường (như quá trời, quá sá). Mắt song tai *vách* song cửa có mắt và vách có tai. Phương ngôn: *rừng có mạch vách có tai.*

[3] *Lòng tôi mừng sợ xum vầy*: lòng tôi những nỗi mừng và sợ xúm xít vào mà giày vò. *Chàng ràng*: lòng dòng.

[4] *Ngõ*: ngõ hầu, để mà.

[5] *Di du*: nguyên nghĩa là không định chỗ: di du bất định. *Dạng di du*: vẻ hơi xao động.

Ba người xúm quất xúm quanh,
Cùng nhau kể chuyện Tam bành ngày xưa;[1]
Vui vầy một tiệc say sưa,
Khuây lòng nở dạ, canh vừa sang tư
Trong năm bảy bữa bấy chừ,
Lắm điều tiến xáo riêng tư nực cười.
Thơ từ qua lại hoài hoài,
Khi nào va tới, kiếm bài dò la.
Cách ngày ước đặng một và,
Lâu lâu mới thấy va qua một lần;
Thiếp càng hỏi đón hỏi chần;[2]
Va rằng: "Có việc triều thần bàn tư".
Về sau va lại từ từ,
Hỏi thăm va cũng ngần ngừ lôi thôi.
Hay là trúng kế đây rồi?
Liền sai gã Phạm ra ngoài dò la:
Thành nam vài dặm xa xa,
Một va lại với năm ba lính hầu;
Xe đi ước đặng giờ lâu
Rần rần trở lại kéo thâu vào thành.
Trời chiều con bóng vừa chênh,
Va sang thiếp mới tận tình gạn tra:[3]
"Sao ngày càng vắng càng xa?"
Trả lời va cũng quà lòa như sơ.[4]
Thiếp liền ngảnh mặt làm lơ,
Va rằng cô cảm bao giờ đó chi?
Thiếp rằng: "cực khổ lưu li,
Phận tôi tôi chịu mắc gì đến ai?"[5]

---

[1] Chuyện *Tam bành*: (phương ngữ có tiếng *lôi bành lôi tổ:* nghĩa là kéo các thứ chuyện từ đời ông Bành tổ ra nói tầm phào) chuyện lan man.

[2] *Hỏi chần*: phương ngữ có nghĩa hỏi chặn. Chần ngồng: ngắt hoa, chần coi ngắt ngọn cho cây đâm nhánh ngang.

[3] *Con bóng*: ánh mặt trời dọi vào con người thành cái bóng, phương ngữ gọi đó là *con bóng. Trời chiều con bóng vừa chênh*: buổi chiều bóng người ngả tà tà (mà không đứng bóng như khi buổi trưa).

[4] *Quà lòa*: Qua quít cho xong chuyện.

[5] *Mắc gì*: phương ngữ có nghĩa *mắc mớ gì, can cớ gì.* Còn nói *mắc cớ* nghĩa là can cớ.

Va càng tái mặt tím tai,
Mắt nhìn lấm lét, kể hai ba lời:
"Từ khi ngẫu nhĩ gặp người,
Lòng tôi mến sắc ham tài biết bao!
Âm thầm vái nguyệt lễ sao,
Ngày đêm mong mỏi tơ trao chỉ hồng;
Muốn cho nên vợ nên chồng,
Cùng nhau thưởng nguyệt chơi bông bỉ bàng
Thỏa ta mà cũng đẹp nàng,
Bữa nay đến đỗi lỡ làng vậy ư?"
Làm thinh thiếp giả trơ ngơ,
Kiếm điều trách móc sững sờ mấy câu:[1]
"Tình người tin cậy bởi đâu?
Xưa nay cũng bởi vì câu ân tình;
Nếu không ai lại tin mình?"
Nghe lời va thoạt thình lình nói ra!
"Nàng sao trách thẳm hờn xa?[2]
Hay là mắc phải gièm pha miệng người?"
Thiếp ràng: "Đừng nói dông dài,
Vì mình lắm dạ nên người hay nghi;
Thôi thôi hãy thú thiệt đi,
Thành nam mấy bữa thầm thì cô nao?
Để tôi ruột tức gan trào
Trăm năm còn mọng chắc vào lưng ai?[3]
Lại còn dối trá lôi thôi:
Rằng vì việc nước vua sai đó mà;
Rõ ràng để thiếp đàn bà,
Vậy nên đến đỗi bôn ba mai chiều;
Tủi mình chút phận má điều,
Mến ngài lắm nỗi nên xiêu tấm lòng;
Đương khi lửa bén duyên nồng,
Mà tình bạc bẽo đã hòng dở dang;
Xin ngài hãy bước ra đàng,
Sá chi những cánh hoa tàn bơ vơ!"

---

[1] Trách móc *sững sờ*: Trách móc làm người ta sững sờ không ngờ.
[2] Trách *thẳm*: trách những điều quá sâu xa.
[3] *Mọng*: chờ mong.

Nghe lời va cũng ngẩn ngơ:
"Rằng tôi có thế bao giờ? Nói oan!
Bây giờ thiệt mắc việc quan."
Thiếp rằng: "thôi chớ vái van nhiều lời,
Nầy nầy tôi hỏi thiệt ngài:
Việc quan sao lại ra ngoài núi xa?
Xin ngài hãy bước chân ra!
Kẻo tôi biếng thấy những ma bạc tình!"[1]
Nói rồi vội vã cất mình,
Va liền kéo lại tận tình nói ra:
"Việc nầy cơ mật nước nhà,
Để tôi xin kể một và nàng nghe.
Tướng già nàng thấy bữa kia,
Chầu rầy cảm bệnh ủ ê trong mình;[2]
Tuy rằng chống với triều đình,
Cũng người tài trí thanh danh một đời;
Nước nhà cũng hậu đãi người,
Hỏi người có muốn chơi bời gì không;
Người rằng chật chội giam trong,
Tuổi già hơi bực thiệt không bằng lòng;
Ngài xin ra dạo một vòng,
Mượn hơi cây cỏ hoạ mong sống thừa;
Người xin chừng nấy cũng vừa,
Cho ra thì sợ khôn ngừa lũ gian;
Chẳng cho lắm kẻ nói bàn:
Rằng trên nhà nước non gan lắm mà;
Triều đình lượng rộng ơn xa,
Cách ngày cho phép đặng ra một lần;
Cắt theo ba bốn tên quân,
Cùng tôi bảo dẫn chơi quần thành nam;
Ấy là mưu mật cơ thâm,
Vì nàng nên nỗi tận tâm tỏ bày".
Thiếp liền vội vã bắt tay,
Tạ rằng: "Lòng thiếp khờ ngây thế nào![3]

---

[1] *Biếng*: Nhác, không thích.
[2] *Chầu* rầy: Hồi nầy.
[3] *Khờ ngây*: khờ khạo và thơ ngây.

Dạ ngài ăn ở yếm âu,
Mà tôi trách móc lắm câu vô tình;
Hay là thương dại nhớ kinh, [1]
Vậy nên đến đỗi bực tình sanh nghi:
Bấy lâu thiếp muốn dạo xe một vòng;
Nếu ngài chẳng chút để lòng,
Ngày mai xin hãy đi cùng cho vui".
Nhận lời va mới xin lui.
Ba người thong thả cùng ngồi toan lo.
Nàng rằng: "Cơ hội trời cho,
Nên hư đã chắc tay co tại mình; [2]
Nếu mà thời vận lênh đênh, [3]
Thì ta cũng quyết liều mình phong ba;
Từ nhà cắp kiếm bước ra,
Thân nầy dốc trả ơn cha mới đành".
Nghe lời như sắt như đinh,
Hai người thề cũng tận tình giúp tay.

[1] *Thương dại nhớ kinh*: vì thương nhau quá thành ra ngây dại, vì nhớ nhau quá thành ra kinh sợ.

[2] *Tay co*: Vững chắc tay nắm lấy cơ hội.

[3] *Thời vận lênh đênh*: thời vận phải trôi nổi.

HỒI THỨ NĂM

VƯỢT NGỤC

a) Hồng Liên ăn mặc lẳng lơ cùng lên xe đi với chúa ngục. (Kể tới đây nàng có ý xấu hổ với Tán Sĩ, nhưng Tán Sĩ cho hi sinh như vậy để giúp bạn mới là phải). Hồng Liên kể tiếp: Tôi rủ hắn đi sâu vào khắp nơi, rồi lấy ống dòm ra ngắm cảnh, ngoài miệng khen ngợi cảnh đẹp mà lòng thì ghi nhớ các ngõ ngách, rồi lấy bút chì ghi chép cả lại.

Chúa ngục nói chỗ nầy bữa mai sẽ phải đưa ông Đốn Gia La đến chơi thật là nguy hiểm.

Hồng Liên vờ ghen tỏ ý nghi ngờ đi với người đẹp nào, và nhất định đòi đi xem có đúng không.

Dần dà qua đến rạng ngày,
Xe rần ngựa rộ tới ngay tức thời;
Dừng xe cho kẻ vào mời;
Thiếp liền ăn mặc hẳn hòi nở nang;
Xiêm the áo mỏng nhẹ nhàng,
Tay cầm roi gióc, vai mang ống dòm;[1]
Bước ra cười nói om sòm;
Thấy tôi va cũng lom lom hỏi chào:[2]
Rằng: "Nàng ăn mặc vậy sao?"
Thiếp liền trả lại mấy câu gieo mồi:

---

[1] *Roi gióc:* sợi mây chẻ một đầu thành ba tao hay 4 tao rồi gióc lại (giao) với nhau dài ra cho khỏi gãy, thành con roi.

[2] *Lom lom hỏi chào:* trố mắt nhìn và hỏi chào.

"Bấy lâu đặng lúc vui chơi,
Đông tai lắm mắt hở môi ngỡ ngàng;
Chi bằng dẹp bớt kềnh càng,
Trong xe một thiếp một chàng là hay;
Nghênh ngang dầu đó dầu đây,
Cỏ hoa nở dạ, gió mây đẹp lòng".
Va nghe mừng rỡ lạ lùng,
Rằng: Cô muốn thế tôi trông quá mà!
Nghĩ thôi cũng ngán cho va,
Tham mê sắc dục nước nhà bỏ đâu!
Rõ ràng bẫy hiểm hầm sâu,
Vậy mà nhắm mắt đâm đầu vào trong;
Nhưng mà thiếp cũng đành lòng,
Vì rằng nó thực là dòng đảo điên;
Một đời dại gái tham tiền,
Đua theo lũ nịnh, hại kiền người trung.[1]
Hổ mình chút phận trẻ trong,
Gái mồi son phấn, đặt vòng gió trăng;
Đủ điều liến xáo lăng nhăng,
Nhắc ra lại sợ lòng chàng cười chăng?
Vì mang chút nghĩa đá vàng,
Liều thân mà giả, xin chàng xét soi".
Chàng rằng: "Người ở trong đời,
Trăm điều cũng phải tùy thời chớ sao;
Nếu nàng sớm mận tối đào,
Sâu lòng, hiểm dạ, đào hào, thả chông;[2]
Thì tôi ghét lạ ghét lùng,
Ghét cay ghét đắng, không trông thấy nàng;
Nay nàng dạ ngọc gan vàng,
Cứu người trung nghĩa, phỉnh đàng gian tham,
Dù cho nói chạ nói thàm,[3]
Nghe thôi tôi cũng không nhàm lỗ tai;

---

[1] Hại *kiền*: hại càn.

[2] *Sớm mận tối đào:* đi ngang về tắt, ý nói lẳng lơ (do câu ngạn ngữ Tầu chép trong *Hán thư: đào lý bất ngôn hạ tự thành hề:* đào mận không nói mà gốc tự thành lối đi). Câu nầy ý nói nếu nàng là người lẳng lơ lại mưu mẹo hiểm độc nữa...

[3] *Nói chạ*: nói sỗ sàng, hớ hênh, *nói thàm*: nói càn bậy.

Ruột gan ai cũng như ai,
Có tôi, tôi cũng giúp vài đôi câu;
Thương người hiếu nặng tình sâu,
Liều mình băng tuyết thả câu quân phàm;[1]
Há như những lũ gian tham,
Một đời coi gió bỏ buồm rằng khôn;[2]
Gặp cơn nguy biến kinh hồn,
Ngồi trơ kiếm chuyện múa mồm khua môi;
Khen nàng mà lại hổ tôi,
Thân nầy chưa giúp cho đời thí nao;
Lòng ta sắt lọc vàng trau,
Trong câu nghĩa khí gươm đao sá gì!"
Nàng rằng: "Chàng đã thế thì,
Thiếp xin kể hết vân vi mỗi đường,
Thay xe bớt tớ vội vàng,
Một va một thiếp thẳng đàng dong cương;
Ra đi ước một chặng đường,
Thiếp rằng: chơi vậy mới phường phong lưu.
Va rằng: "cực đã bao lâu,
Đánh đôi chơi với tù đau bực mình;[3]
Bữa nay ấp cánh liền nhành,
Thỏa lòng thục nữ, đẹp tình trượng phu".[4]
Thiếp rằng: "kiếm cảnh sơn hồ,
Đôi ta dạo cảnh chuyện trò mới hay.[5]
Va rằng: có chỗ gần đây,
Núi sông đẹp đẽ cỏ cây lạnh lùng;
Hai ta mặc sức cạn cùng,
Nhành cao chim đậu, lá chồng ve kêu;
Dưới dòng nước chảy trong veo,
Ngoài không gió thổi hiu hiu mấy bờ;
Áo đôi gió thổi phất phơ,

---

[1] *Liều mình băng tuyết*: liều thân *trong sạch; thả câu*: thả mồi.

[2] *Coi gió bỏ buồm*: tục ngữ địa phương có nghĩa gió chiều nào theo chiều ấy.

[3] *Chơi với tù đau:* gần với lũ tù nhân đau yếu.

[4] *Ấp cánh liền nhành*: gần gụi nhau theo tình chồng vợ. (*Truyện Kiều* dùng chữ *chắp cánh liền cành*).

[5] *Cảnh sơn hồ*: cảnh có núi và có hồ nước.

Bóng đôi lấp loáng tình cờ đáy khe;[1]
Trăng thề chỉ có chim nghe,
Hoa cười chỉ có mắt ve dòm mồm".
Va thì cười nói om sòm,
Lên cao thiếp lấy ống dòm xa trông:
Kìa gò kìa núi kìa sông,
Ngoài mồm khen ngợi, trong lòng chép ghi;
Khen rằng nước lạ non kỳ,
Tay cầm giấy trắng bút chì vẽ ra:
Cách chừng vài trượng xa xa
Một vòng cầu đá nổi qua hai bờ;
Trời trưa nắng cháy ngẩn ngơ,
Xuống xe dìu dắt nhởn nhơ qua cầu.
Bên khe có cụm đá cao,
Trỏ tay va nói mấy câu nồng nà:
"Bữa qua chơi với tướng già,
Dạo quanh lối đấy sợ đà gớm gan;
Chốn nầy cùng cốc thâm san,
Một mai nhã sự vạ tràn biết bao![2]
Một mình giữ trước gìn sau,
Bóng cây tiếng gió thấp cao hãi hùng;
Cảnh vui chẳng chút thỏa lòng,
Giọng chim như khóc, tiếng sông như sầu;
Mà nay chơi dãi chơi dầu,
Nước cười, chim hót, đổi sầu làm vui;[3]
Hiềm vì một nỗi ngày mai,
Tướng già phải điệu ra chơi chốn nầy,
Trăng lu vì bởi chòm mây,
Bông rơi vì bởi gió giay mưa tràn;[4]
Người đời trong cuộc truy hoan,
Tính mười sai chín thở than xiết nào!"[5]

---

[1] Áo *đôi*: áo của đôi người; *bóng đôi*: bóng của đôi người.

[2] *Cùng cốc thâm san*: hang cùng núi thẳm. *Nhã sự*: hay *nhạ sự*: xảy ra việc bất ngờ.

[3] *Chơi dãi chơi dầu*: chơi ê hề thỏa thích.

[4] Trăng *lu*: trăng *mờ*; gió *giay*: gió lay.

[5] Cuộc *truy hoan*: cuộc theo đuổi những trò vui thể xác.

Thiếp nghe mấy tiếng thấp cao,
Đầu mày đuôi mắt giả trao tâm tình:
Thưa rằng: "nghe nói mà kinh,
Mây ghen trăng tỏ gió rình bông thơm!
Bữa nay cười nói om sòm,
Ngày mai chưa dễ ai dòm bụng ai?[1]
Lạ chi thói tục xưa nay,
Càng ngon ngọt lắm càng cay đắng nhiều;
Hay nghi vì bởi quá yêu,
Lòng tôi ngần ngại, mấy điều bữa qua:
Chẳng hay chơi với tướng già,
Hay là chơi với Hằng Nga xứ nầy?
Ngày mai tôi muốn ra đây,
Trông ngài thấy mặt mới khuây tấc lòng".
Xem va ra dạng ngại ngùng,
Rằng: "đây là thiệt việc công nước nhà;
Nếu nàng nhạy miệng nói ra,
Cực ta mà hại nước nhà lắm chi".[2]
Thiếp thì một mực đòi đi,
Va thì khuyên dỗ vân vi trăm chiều.
Thiếp rằng: "duyên thắm chỉ điều,
Phải dò cho cạn trăm điều nước mây;
Vả chăng núi cỏ rừng cây,
Chơi hoa thưởng cảnh đó đây lắm người;
Cớ chi thiếp chẳng được chơi?
Hay là ngài kiếm những lời đâu đâu?
Lòng tôi thề thốt bấy lâu,
Sao cho rõ hết gót đầu mới thôi".
Trong khi thiếp nói mấy lời,
Dường xâu nét mặt, dường rời lụy châu.
Va càng sợ thiếp âu sầu,
Rằng: "nàng muốn vậy mặc dầu ra chơi;
Xin nàng giữ chút thí thôi,
Đừng cho quân lính lôi thôi nhiều lời

---

[1] Câu nầy ý nói bữa nay anh vui với tôi nhưng biết đâu bữa mai anh đã để bụng vui với người khác.

[2] *Nhạy miệng:* sơ ý hở miệng.

Thiếp liền giả dạng vui cười,
Cắp nhau chơi khắp mọi nơi xa gần.
Lòng tơ trăm mối phân vân,
Nửa mừng nửa sợ tân mân một mình;[1]
Lại e ló mẹo gian tình,
Vội cười vội nói giả hình cho qua.

Về nhà bàn tính

b) Về tới nhà chúa ngục còn lẳng nhẳng nói chuyện, Hồng Liên kêu mệt và nói khéo cám ơn, "chắc anh cũng mệt" để mời hắn ra về. Rồi ba người tính chuyện.

May gặp trận mưa chắc bữa mai ông Đốn Gia La không đi chơi, nên đủ thì giờ chuẩn bị mọi thứ.

Hồng Liên viết thư mời chúa ngục tới chơi rồi tỏ ý ao ước tạnh mưa để được đi chơi, nhân dọ đúng ngày để hành động.

Trời chiều vừa trở lại nhà,
Trong lòng vội vã, muốn va về liền,
Va càng ra dạng lưu liên,
Dắt dây trò chuyện non tiên núi thần,[2]
Thiếp thì ngồi sững chần ngần,
Như khêu gan óc như giần lá gan!
Đổi dung từ tạ vội vàng,
Nhớ ơn chỉ nẻo đưa đàng bữa nay,[3]
Cương roi cầm thả một tay,
Nghĩ tôi cũng nhọc mình ngài lắm chi.
Va rằng: "Gần dựa dung nghi,
Như chơi cung Quảng sá gì gian nan;[4]
Chỉ e khuấy khỏa đến nàng".
Nói rồi va cũng vội vàng xin ra.[5]
Ba người thầm thỉ vào nhà,

---

[1] *Tân mân*: luẩn quẩn.

[2] *Lưu liên*: Mải miết không dứt. – *Dắt dây trò chuyện*: Nói lẳng nhẳng chuyện nầy qua chuyện khác.

[3] *Đổi dung*: Đổi nét mặt.

[4] *Dung nghi*: Dáng dấp và lễ độ đẹp đẽ. *Cung Quảng*: Cung Quảng hàn (cung trăng).

[5] *Khuấy khỏa*: Quấy quả, làm phiền.

Chọn nơi cẩn mật lo ra tính vào.[1]
Nàng rằng: "hay dở thế nào?"
Thiếp liền móc túi tay trao địa đồ:
Vẽ vời coi bộ bồ xồ,
Nhìn ra cho kỹ lắm trò chuyện hay;[2]
Núi khe chỗ đó chỗ đây
Chỗ kia bụi rậm, chỗ nầy cầu cao.
Cùng nhau bàn bạc giờ lâu,
Nàng rằng: "nay đã đêm sâu canh tàn.[3]
Trăm điều chưa chút sửa sang,
Áo quần, súng ống, mọi đàng cũng chưa!"
Bỗng đâu nổi gió ùn mưa
Chảy tuôn ngoài giọt, thổi đùa vào song.[4]
Thiếp rằng: "trời cũng chiều lòng,
Cơ mưu ta chắc tính xong mọi bề;
Bữa nay gió dã mưa dề,
Việc ngoài chơi núi trăm bề chắc không;[5]
Nếu còn trễ nải lòng dòng,
Công to việc lớn mặc lòng ta lo".
Thiếp liền mở cửa ra dò,
Trận mưa như thể nghiêng vò đổ ra.
Mưa nầy chắc hãy dai mà,
Ba người ngồi lại lân la nói bàn:
"May mà thoát đặng gian nan,
Nẻo nào ta liệu băng ngàn lánh thân?"
Lang Sa giáp cõi cũng gần,
Hiềm vì nghiêm nhặt trăm phần khó qua.
Nàng rằng: "may cứu đặng cha,
Nhắm phương đông bắc trốn ra lạnh lùng;
Qua sông Võ Lãng một dòng,

---

[1] *Thầm thì*: thầm thì nói nhỏ.

[2] *Bồ xồ*: lộn xộn có vẻ thiếu gọn gàng.

[3] *Đêm sâu*: Đêm khuya.

[4] *Ùn mưa*: đùn mưa cơn mưa lớn sắp đến. – chảy tuôn ngoài *giọt*: *giọt*, phương ngữ là đầu thềm cho giọt mưa chảy xuống. – *Thổi đùa*: thổi càn hết về một phía.

[5] *Gió dã mưa dề*: phương ngữ, mưa tả tơi.

Vào phần đất Ý thoát vòng đã xa;[1]
Luôn cơ tới viếng họ Gia,
Hỏi người một tiếng, bàn ra thế nào?"
Phạm rằng: "mưu ấy rất cao,
Kích hư tỵ thiệt, phép mầu dùng binh;[2]
Đi xa chẳng chút nhọc mình,
Bởi vào đất vắng thình lình ai hay;
Gẫm trong mưu kế bấy nay,
Mười phần chắc hẳn trong tay cả mười".
Xúm nhau bàn nói một hồi,
Trông ra đã thấy chân trời rạng đông.
Áo song khai súng sáu lòng,
Phạm Khanh giả khách mua xong sẵn sàng,[3]
Nàng rằng: "ta phải giữ giàng,
Coi tài chúa ngục cũng trang hùng cừ;
Phải toan ứng biến tùy cơ".
Vội vàng giục thiếp viết thơ sang mời.
Được thơ va tới tức thời,
Nàng Lan bước lại hỏi cười nhởn nhơ.
Va càng máu dại hồn khờ,[4]
Cười chim nói chuột lẳng lơ đủ bề.
Giờ lâu va cũng kiếu về,
Nắm tay thiếp nói dã dề mấy câu:
"Vì mưa nên mới gặp nhau,
Lại e vì gió hôm sau rã rời.
Ước chi lại được tạnh trời,
Ngày mai dạo kiểng gặp ngài là may!"
Va liền đắc ý cười ngay,
Dặn dò xin chớ cho ai nghi ngờ.

Hành sự

c) Hai nàng gọi chủ quán thuê ngựa đi chơi. Phạm Khanh giả làm cu li đồn điền đi trước. Qua trạm gác, lính quen mặt cho hai

---

[1] *Sông Võ Lãng: (?)*
[2] *Kích hư tỵ thiệt*: đánh dữ đầu này để trốn tránh thực đi đầu kia.
[3] *Áo song khai: (?)* Có lẽ là áo choàng mở trước ngực.
[4] *Máu dại hồn khờ*: Mê mẩn tâm thần.

nàng đi thong thả. Khi đến chỗ hẹn, Phạm Khanh mở gói lấy quần áo và các thứ cho hai nàng hóa trang làm đàn ông. Sau đó cả ba nấp vào bụi chờ.

Khi xe tới. Phạm Khanh nổ súng và cả ba thúc ngựa ra đuổi quân lính. Chúa ngục cầm cương giục ngựa chạy, nhưng vương đá đã đưa ra chặn đường, chúa ngục nhảy xuống đất mà chạy. Phạm Khanh nhảy xổ theo đấm ngã nhào xuống. U Lan bịt mắt và trói luôn chúa ngục vào gốc cây, rồi chạy ra gọi cha lên ngựa chạy mau.

Va ra khỏi cửa nửa giờ,
Thiếp kêu chủ quán dặn sơ mấy lời:
"Ngày mai tôi muốn đi chơi,
Thuê vài con ngựa tếch vời cho êm".
Phạm Khanh vác cuốc mang liềm,
Giả tên điền phủ nửa đêm tếch ngàn;[1]
Rạng ngày thiếp với U Lan,
Hai người hai ngựa băng ngang qua thành;
Gặp hai thằng lính đứng canh
Một thằng đón ngựa rấp ranh hỏi dò;
Một thằng chạy lại nhỏ to,
Vừa cười vừa nói thưa cô đi mà!
Mặt quen thiếp mới nhìn ra,
Thằng sau vốn thiệt tớ nhà họ Vương.
Hai người tếch ngựa buông cương,
Trời vừa mới tạnh, đầy đường bùn trôi;
Đi vừa một chốc tới nơi,
Trông ra gã Phạm đã ngồi gốc cây.
(Trong khi nàng nói dắt dây,
Tớ già bưng mấy quả cây lại bầy:
Quả nầy mới chín trên cây,
Xin cô nếm thử dở hay thế nào.
Nàng liền mở tráp lấy dao,
Cắt làm hai nửa tay trao cho chàng;
Thưa rằng: ngon ngọt lạ dường;
Để ăn thấm giọng, xin chường về sau.)
Phạm Khanh mở gói giục mau,

---

[1] *Điền phủ:* phủ làm ruộng.

Thay quần đổi áo lau chau vội vàng;[1]
Đầu đội mũ, mắt mang gương, [2]
Râu quanh dưới mũ, súng mang bên mình;
Dạng trai đổi lại thình lình,
Hai người nhìn lẫn thất kinh mỉm cười.
Bỗng đâu tiếng ngựa hý dài,
Ngựa mình nghe tiếng trích tai lắc đầu;[3]
Phạm Khanh nắm cổ lôi nhầu,
Quơ dây bẻ nhánh buộc khâu ngang mồm.
Ba người núp bụi trông nom,
Năm ba lính kỵ lom xom băng chừng;[4]
Phạm Khanh hết sức vui mừng,
Rằng: "Ta may mắn quá chừng hai cô!
Nó là lính kỵ đi do,
May ta sớm bước nên dò không ra.
Mấy tên lính kỵ vừa qua,
Phạm Khanh vác đá chất ra giữa cầu;
Đống cao đống thấp ngập đầu,
Xe mây ngựa gió khôn hầu nhảy qua.
U Lan với thiếp núp xa,
Phạm Khanh cắp súng rà rà phục trong. [5]
Thiếp tuy tuổi trẻ gan hung,
Gặp cơn nguy hiểm gối rùng tay sa.[6]
Phạm Khanh tuổi tác đã già,
To gan trải việc xem ra hùng hào;
Ba người núp phía gò cao,
Trông chừng xe ngựa đã hầu tới nơi,
Trước xe lính rẽ hàng hai,
Trong xe chúa ngục với ngài ngồi chung.
Xe vừa chạy tới đùng đùng,
Thình lình tiếng súng lạnh lùng hỡi ơi!

---

[1] *Lau chau*: Hấp tấp.
[2] Mắt mang *gương*: Đeo kính vào mắt.
[3] *Trích tai lắc đầu*: Tai cúp xuống và đầu lắc lư có vẻ muốn chồm lên tìm nhau.
[4] *Lom xom băng chừng*: Dò dẫm mà đi ngang qua hướng trước.
[5] *Rà rà*: Phương ngữ có nghĩa rón rén.
[6] *Gối rùng tay sa*: Đầu gối quỵ xuống và tay rã rời.

Thay quần đổi áo lau chau vội vàng;[1]
Đầu đội mũ, mắt mang gương, [2]
Râu quanh dưới mũ, súng mang bên mình;
Dạng trai đổi lại thình lình,
Hai người nhìn lẫn thất kinh mỉm cười.
Bỗng đâu tiếng ngựa hý dài,
Ngựa mình nghe tiếng trích tai lắc đầu;[3]
Phạm Khanh nắm cổ lôi nhầu,
Quơ dây bẻ nhánh buộc khâu ngang mồm.
Ba người núp bụi trông nom,
Năm ba lính kỵ lom xom băng chừng;[4]
Phạm Khanh hết sức vui mừng,
Rằng: "Ta may mắn quá chừng hai cô!
Nó là lính kỵ đi do,
May ta sớm bước nên dò không ra.
Mấy tên lính kỵ vừa qua,
Phạm Khanh vác đá chất ra giữa cầu;
Đống cao đống thấp ngập đầu,
Xe mây ngựa gió khôn hầu nhảy qua.
U Lan với thiếp núp xa,
Phạm Khanh cắp súng rà rà phục trong. [5]
Thiếp tuy tuổi trẻ gan hung,
Gặp cơn nguy hiểm gối rùng tay sa.[6]
Phạm Khanh tuổi tác đã già,
To gan trải việc xem ra hùng hào;
Ba người núp phía gò cao,
Trông chừng xe ngựa đã hầu tới nơi,
Trước xe lính rẽ hàng hai,
Trong xe chúa ngục với ngài ngồi chung.
Xe vừa chạy tới đùng đùng,
Thình lình tiếng súng lạnh lùng hỡi ơi!

---

[1] *Lau chau*: Hấp tấp.
[2] Mắt mang *gương*: Đeo kính vào mắt.
[3] *Trích tai lắc đầu*: Tai cúp xuống và đầu lắc lư có vẻ muốn chồm lên tìm nhau.
[4] *Lom xom băng chừng*: Dò dẫm mà đi ngang qua hướng trước.
[5] *Rà rà*: Phương ngữ có nghĩa rón rén.
[6] *Gối rùng tay sa*: Đầu gối quỵ xuống và tay rã rời.

Thất kinh va mới van trời,
Năm ba phát súng nổ bồi sấm vang:
Lính hầu nhào ngã ra đàng,
Ba người nổ súng buông cương đuổi liều,
Va thì phách lạc hồn xiêu,
Quơ roi thét ngựa nhảy liều chạy bay;
Đụng cầu xe phải dừng ngay,
Va liền sảng sốt loay quay nực cười;[1]
Nàng Lan lớn tiếng kêu người,
"Quân ta tiếp tới giết loài gian hung!
Lính nhào xuống nước đùng đùng,
Bỏ xe va mới hãi hùng chạy ra:
Phạm Khanh nhảy tốc theo va,
Thích cho một đấm, lăn ra giữa đàng;[2]
U Lan chạy lại vội vàng,
Bắt va bịt mắt trói ràng gốc cây;[3]
Tìm cha nàng mới thưa ngay:
Đội ơn hai gã ra tay giúp nàn;
Phải lo kiếm lối tìm đàng,
Xa xa rồi sẽ xin tường thủy chung.
Cùng nhau thay dạng đổi dung,
Bốn người bốn ngựa thẳng xông đường trường;
Tướng quân đi trước đem đường,
Trông về đông bắc buông cương rần rần.[4]

Trên đường trốn chạy

d) Chạy rất mệt, ngựa đói và khát không chịu đi. Cả bốn người bỏ ngựa chạy bộ. Trời vừa tối, bốn người vào một chuồng ngựa hoang trèo lên lầu cao núp, Phạm Khanh đi tìm cái ăn.

Chợt trời mưa. Bọn lính đi đuổi lùng đoàn người vượt ngục vào nhà núp mưa rồi đốt lửa hơ quần áo. Trên lầu khói xông lên. Tất cả phải nín thở mà chịu. Một lát tạnh mưa họ kéo nhau đi.

Phạm Khanh về đưa nước và bánh cho mọi người ăn uống cho lại sức.

---

[1] *Loay quay*: loay hoay, bối rối quanh đi và quanh lại.
[2] *Nhảy tốc*: Nhảy xổ tới (như nhảy xốc).
[3] *Trói ràng*: Trói chằng nhiều lần dây cho chặt.
[4] *Đem đường:* phương ngữ có nghĩa là dẫn đường.

Ước chừng mười dặm xa gần,
Mười phần mỏi mệt, trăm phần khát khao;[1]
Tướng quân sức mạnh biết bao,
Giam lâu cũng phải tốn hao tinh thần;
Ngựa đi không dận không đâng,
Dằn lên vật xuống tay chân mỏi nhừ;[2]
Suốt ngày người cũng ngất ngư,
Cùng đàng hết nước ngựa như trời trồng;[3]
Vội vàng bỏ ngựa đi không,
Một trời mây phủ gió lồng mưa to;
Mập mờ nẻo tắt đàng co,[4]
Bước cao bước thấp tay mò chân băng;
Đêm khuya đói khát ngã lăn,
Bên đường sực thấy nhà tranh lồ lồ;[5]
Kéo nhau mừng rỡ chạy vô,
Trông quanh ngó quất là chồ ngựa hư;[6]
Bốn bề chẳng có dân cư,
Nhìn nhau sảng sốt, bây chừ đi đâu?
Kẻ leo người đỡ lên lầu,
Nhện giăng khỏa mặt, bụi sâu tấp bàn;
Xúm nhau ngã dọc nằm ngang;
Phạm Khanh ló cổ ra đàng trông xem:
Đầu rừng thấy lửa nhấp nhem,
Đói lòng nghĩ nỗi máu thèm kiếm ăn;
Xuống lầu kiếm lối chạy băng,
Ba người đói lử, ngủ lăn trên lầu,[7]
Thình lình tiếng sét đâu đâu,

---

[1] *Khát khao*: khát nước quá (khao là một tiếng đệm láy để thêm nghĩa).

[2] *Dận:* phương ngữ chỉ cái lót của cái yên ngựa; *Đâng:* phương ngữ chỉ vòng sắt gác chân người cỡi ngựa để kềm cho vững và khi đi thì thúc nhịp vào hông ngựa.

[3] *Ngựa như trời trồng*: ngựa đứng ỳ ra không chạy nữa.

[4] *Nẻo tắt đàng co*: trong ánh sáng lờ mờ thấy đàng đi nẻo bước quanh co khúc khuỷu.

[5] *Lồ lồ:* lồ lộ, rõ rệt.

[6] *Chồ ngựa*: chuồng ngựa, thứ chuồng có một từng gác bên trên để người chăn trú đỡ.

[7] *Đói lử*: phương ngữ có nghĩa là đói rụng rời tay chân, *đói lả*.

Giật mình thức dậy cất đầu ngó ra:
Tứ bề sấm chớp sáng lòa,
Gió ầm đổ núi, mưa òa nghiêng sông;
Trong khi mưa gió đùng đùng,
Tiếng người tiếng ngựa lùng bùng lẫn vang:[1]
Thiếp liền ngắt nhỏ U Lan:
Hay là quân nó băng ngàn tới đây?
Lạnh mình run sợ nhộn nhàng biết bao!
Hơn vài mươi đứa xông vào,
Một thằng cầm đuốc chào rào la quay:[2]
Quá chừng quá đỗi là may!
Lò kia củi đấy đốt ngay ta ngồi.
Củi cây un đốt một hồi,
Hong quần sưởi áo, đứa ngồi đứa đi.[3]
Thiếp đề nó chẳng biết chi,
Khốn vì khói phủ ly bì tối tăm.
Ba người thim thíp lặng nằm,[4]
Khói chun đầy mũi, hằm hằm muốn ho;
Nín hơi chẳng dám thở to,
Mím môi đậy mũi bụi tro đầy mình.
Thiếp than mấy tiếng rập rình,
Nếu thân chết khói thà mình chết gươm;
U Lan nhìn thiếp lườm lườm:
Đem thân thí với quân phàm ích chi!
Chẳng lâu lũ nó cũng đi,
Chúng ta rán chịu ti ti hại gì.
Dưới lầu khói phủ ly bì,
Bực hơi khôn thở nằm lì xóp ve;[5]

---

[1] *Lùng bùng lẫn vang*: tiếng kêu xen lộn vang dậy.

[2] *Chào rào*: lăng xăng; *la quay:* hét lên rối rít.

[3] *Sưởi áo:* hơ áo bên lửa (tiếng *sưởi* thường dùng cho người nhưng cũng có thể dùng sưởi áo).

[4] *Thim thíp*: thiêm thiếp, nằm lim rim mắt vẻ mệt mỏi lo sợ. *Khói chun:* khói luồn qua.

[5] *Nằm lì xóp ve*: (phương ngữ *xọp* hay *xóp*: tóp) nằm như xác con ve.

Tướng quân bức tức khôn dè,
Xẩy hơi nhẩy mũi nó nghe tức thì;
Đứa rằng: cái tiếng chi chi?
Nghe như tiếng dội "hắc xì" trên đây;
Đứa rằng: ai ở chi đây?
Hay là những tiếng chuột bầy đó chi?
Nói rồi đứa quái đứa nghi,
Đứa thì cười giỡn bảo đi cho rồi;[1]
Đứa thì bảo hãy rốn ngồi,
Lên xem cho kỹ, xem rồi sẽ đi;
Lao nhao tìm kiếm một khi,
Đứa rằng: "đố chú kiếm gì đặng thang".
Đứa rằng: "nếu chẳng có thang,
Thì ai có cánh bay ngang qua lầu?"
Cãi đi cãi lại giờ lâu.
Mưa vừa ngớt hột, trời hầu rạng đông;
Kéo nhau ra cửa đứng trông,
Ra đi lại đoán ước phòng mấy câu:
Phía nam giặc giã đã lâu,
Lũ này chắc cũng trốn đầu đó thôi!
Chạy chân được mấy tăm hơi,
Giục quân thét ngựa tếch vời đuổi theo.[2]
Thương thay trong lúc hiểm nghèo,
Ai ngờ miệng cọp thịt treo mà còn!
Giờ lâu tỉnh vía định hồn,
Lửa tàn đã dập, khói ùn còn xông;
Lò mò thiếp muốn hé song,
Ngạt hơi, tối mắt, ngã đùng, nằm khoanh;
Dưới lầu nghe tiếng Phạm Khanh:
Bọn ta đâu hử? Giặc binh trẩy rồi.[3]
Thiếp rằng: mở cửa với ôi!
Nước đâu một thí cho tôi với nào.
Phạm Khanh đưa nước trong gầu,
Uống rồi tỉnh dậy rờ đầu U Lan.

---

[1] *Đứa quái đứa nghi*: đứa lấy làm lạ, đứa nghi ngờ.
[2] *Tếch vời*: theo phía xa khơi mà bứt ra đi.
[3] *Trẩy*: đi xa.

2345.Hỏi rằng: uống nước chăng nàng?
Không hề ơi hử, vội vàng xem ra;[1]
Hai tay ôm chặt lấy cha,
Hơi nghe như tắt, mạch rà như tơ:[2]
Hai người trông thấy sững sờ,
Kêu vang đấm bóp, nửa giờ tỉnh ra.
Nàng rằng: "tình cảnh chúng ta,
Như leo giá mỏng, như sa giữa vời![3]
Đã hay muôn việc tại trời,
Hiểm thay khói lửa xông người ngẩn ngơ".
2350.Phạm rằng: "đương lúc bấy giờ,
Tìm nơi kể chuyện dật dờ kiếm ăn;
Bỗng đâu sấm dậy sét giăng,
"Trông qua lũ nó kéo băng vào nhà;
Tôi đề hú trụi lũ ta![4]
Thò tay rút súng, quyết ra liều mình;
Xa xa cách vách dòm rình,
Mới hay lũ nó vô tình đụt mưa;
Khi nên trời cũng a dua"!
Nói rồi dìu dắt đù đưa xuống lầu.
2355.Ba người đói khát đã lâu,
Dật dờ nhẹ gót nặng đầu khôn đi;
May đâu chàng Phạm khi thì,
Ra làng xin đặng bánh mỳ dắt theo;
Chia nhau đỡ đói lúc nghèo,
Ăn no nghỉ khoẻ, nhảy trèo như chơi.

---

[1] *Ơi hử:* tiếng tượng thanh một tiếng nói nhỏ trong cổ họng.

[2] *Hơi nghe như tắt*: hơi thở nghe yếu quá như không bay được sợi tóc; *Mạch rà như tơ*: mạch máu nhảy nhè nhẹ như tơ.

[3] *Leo giá mỏng*: leo trên làn băng giá mỏng rất dễ bị thụt xuống nước; *Sa giữa vời*: sa ngoài biển khơi hay trong vực sâu, không chỗ vin chỗ dựa.

[4] *Hú trụi:* phương ngữ có nghĩa vơ hết vào lúc chót. (Do lối chơi "trồng cây dừa" ở Quảng Nam của con nít. Chúng dựng một cái gậy ở sân rồi mỗi đứa đưa một tay ra nắm gậy ấy, tay đặt từ dưới lên trên cho kín gậy. Một đứa được chỉ ra nói: *"Trồng cây dừa, - Chừa cây lọng, - Cây lòng óng, - Cây bí đao, - Cây nào cao, - Cây nào thấp, - Cây chùm rập, - Cây chùm tơi*, - v.v..." Khi nào nói tới hú trụi thì hết thảy phải buông tay ra cho mau. Kẻ nào chậm bị đứa kia bắt được thì phải đứng ngoài thay nó mà nói như trên.)

Lại ra đi

c) Qua rừng lần về phía ga xe lửa, đoàn người đến ga và lên xe. Khi xe tới hải cảng đoàn người vào quán trọ có cha con viên tướng tùy thuộc cũ ra đón ông Đốn Gia La và nói xin ở lại để chiêu binh mãi mã mà khởi nghĩa.

Ông không ở lại và nhất định qua Ý.

Đến Ý thì ông bạn Gia Lý Ba Đích đã chết. Đoàn người lại theo ông qua Pháp.

Tướng quân cảm tạ mấy lời,
Muốn vàn đội đức hai người cứu ta!
Phải toan kiếm chốn lánh xa,
Băng ngàn ta sẽ trốn ra khỏi vòng.
Kéo nhau vội vã ruổi rong,
Trèo đèo lội vũng chạy vòng phía tây;
Chập chồng núi dựng như xây,
Luồng mù ngút đất, vầng mây khỏa trời;[1]
Tứ bề vắng gió bặt hơi,
Vượn ca dắng dỏi, chim trơi lộn nhào;[2]
Dò lần tới đỉnh núi cao,
Dòm sông Võ Lãng lao xao mấy vòng;
Lập lò khúc vạy khúc cong,[3]
Như con rắn trắng lộn vòng cỏ non;
Trông về phía bắc chân non,
Một dây xe lửa chạy vòng như bay;
Quanh co khúc vạy khúc ngay,
Như hình rết tía leo dây lằng quằng.[4]
Tướng quân dừng bước chỉ rằng:
"Xe kia qua bắc, thẳng băng một đàng.
Núi non ít kẻ giữ giàng,
Lấy xe đặng đỡ khúc đàng xông pha".
Phạm rằng: "lòng muốn chạy xa,

---

[1] *Luồng mù ngút đất:* luồng sương mù bao phủ hết mặt đất; *Vầng mây khỏa trời*: mây che khắp trời.

[2] Chim *trơi*: chim bay trên cao không đập cánh

[3] *Lập lò*: lấp ló hay thập thò, khi ẩn khi hiện; Khúc *vạy*: khúc lượn hơi cong.

[4] *Lằng quằng:* lằng ngoằng khi qua bên phải khi qua bên trái.

Hiềm vì chân mỏi là đà khó đi;
Ước chi có cánh có vi,
Bay qua khỏi núi tức thì tới ngay".
Cùng nhau đạp gốc bừa gai,
Đến ga ước đã độ vài giờ đêm.
Mấy ngày mình ể chân rêm,
Lên xe một giấc ngủ êm quá chừng;[1]
Tỉnh ra trời đã sáng trưng,
Xúp lê một tiếng xe dừng ngang ga.
Bốn người dìu dắt bước ra,
Tới nơi quán rượu, chật nhà khách đông,
Bỗng đâu lại gặp một ông,
Hình dung hăm hở đứng trông mặt ngài;[2]
Lại kề thưa bẩm hẳn hòi:
Nhà con gần đấy, mời ngài vào chơi.
Theo qua vừa đến tận nơi,
Mời vào buồng kín, tức thời lão ra.
Trong khi thết rượu mời trà,
Lão liền nhìn mặt tướng già trân trân.
Chúng tôi có ý ngại ngần,
U Lan lại nói tần mần mấy câu:
"Lão nầy coi bộ hiểm sâu,
E quân vạch lá tìm sâu đây mà!"[3]
Phạm Khanh tái mặt xanh da,
Liền nghe ngoài cửa gọi ra tên ngài;
Chúng tôi chưa biết là ai,
Liền nghe ngoài nói hẳn ngài đấy cha!
Nói rồi bước thẳng vào nhà,
Một trai với một lão già trước khi.
Phạm Khanh đưa súng tức thì,
Thiếp liền lớn tiếng hỏi: "mi thế nào?"
Người trai cất tiếng nói mau:
"Tôi đây chẳng phải quân phào ở đâu?"[4]

---

[1] *Mình ể chân rêm*: người ê ẩm chân long ra (phương ngữ).
[2] *Hình dung hăm hở:* vẻ mặt sốt sắng.
[3] *Quân vạch lá tìm sâu*: quân mật thám.
[4] *Quân phào*: quân tầm phào, kẻ có ý làm điều hèn.

Vội vàng quỳ gối cúi đầu,
Trông xem nét mặt âu sầu xót xa;
Thưa rằng: "cách mặt lâu xa,
Ngài quên, tôi hãy nhìn ra mặt ngài;
Y Lê đây phải là ai?"
Ngài rằng: "anh vốn theo đòi con ta".
Rằng: "tôi thực tướng cậu nhà,
Một tay chém đặng Hồn Sa đương trường".[1]
Ngài rằng: "ấy tướng Đương Dương,
Mắt già vô ý, xem thường Triệu Vân".[2]
Thưa rằng: "trong lúc phân vân,
Bị thương tôi mới đem thân về làng;
Sau nghe Hoàng tử đăng quang,
Cậu nhà thất trận sa trường bỏ thân;
Hoàng huynh binh cũng tan dần,
Tướng quân nghe cũng lánh thân cõi ngoài;
Ông này vẫn thực cha tôi..."
Nói rồi lại khóc lụy rơi vắn dài.
Lão già cất tiếng thưa ngài,
Rằng: "tôi xưa cũng theo đòi Hoàng huynh;
Đạn tên trăm trận quyên sinh,[3]
Về sau tan tác lánh mình trần ai.
Cha con hẩm hút hôm mai,[4]
Bấy lâu đồn nực chuyện ngài trốn ra.
Tưởng ngài lánh giấu đã xa,
Chẳng ngờ ngài lại chạy qua chốn này;
Xem ngài tác ốm mình gầy,
So xưa mặt mũi râu mày kém xa;
Nên tôi nhìn nhận không ra,
Con tôi nom thấy nhìn ra mặt ngài".
Phạm Khanh nghe nói hỡi ôi!
Nếu tôi hấp tấp hại người tài cao!

---

[1] *Hồn Sa: (?)*

[2] *Tướng Đương Dương*: tướng đánh trận Đương Dương đời Tam Quốc (là Triệu Vân) làm cho Tào Tháo phải cắt râu cởi áo để chạy trốn.

[3] *Quyên sinh*: liều bỏ thân sống (sau có nghĩa rộng là tự tử).

[4] *Hẩm hút*: hẩm hiu trong cảnh nghèo đói.

Y rằng: "ngài muốn đi đâu?"
Ngài rằng: "qua Ý xuống tàu hôm nay"
Y rằng: "lời tục xưa nay,
Mình rồng lốt cả bỏ thây lưỡi chài!"[1]
Nay ngài thủ hạ ít ai,
Trước đây quân giặc lắm người dò la;
Chi bằng truyền hịch gần xa,
Chiêu binh mãi mã kéo qua kinh thành;
Phía đông một dải xung quanh,
Lòng dân còn mến Hoàng huynh cũng nhiều;
Chúng tôi chút phận bọt bèo,
Mang gươm xin sẽ đánh liều mộ binh;
Hiệp cùng lính dõng vài dinh,[2]
Thừa cơ nổi dậy thình lình sấm vang".
Ngài rằng: "lắm nỗi dở dang.
Ta còn tiếc nắm xương tàn nữa đâu!
Thương vì những kẻ mày râu,
Vì ta nên nỗi vứt đầu bỏ thây;[3]
Thương vì trăm họ thơ ngây,
Vì ta mắc phải tội lây vạ tràn".
Thưa rằng: "ấy việc giang san,
Phải là việc xóm việc làng chi ai?
Xưa nay lắm kẻ anh tài,
Gan vàng dạ sắt thần trời cũng kinh;
Nếu ngài tính quất tính quanh,
E khi mình lại buộc mình đấy thôi!"
Ngài rằng: "nếu việc chẳng xuôi,
Làm cho thiên hạ chê cười lắm chi!
Thôi thôi hãy để ta đi,
Qua phần đất Ý sợ gì dò la".
Áo quần giả dạng nông gia,
Thuê xe tới bến Châu Hà chia tay.[5]
Xổ buồm gặp ngọn gió tây,

---

[1] *Mình rồng lốt cả*: Thân rồng to lớn (cả = to lớn).
[2] *Dinh*: Trại đóng binh.
[3] *Vứt đầu bỏ thây*: Chết ở chiến trường.
[5] Bến Châu Hà (?)

Biên phần nước Ý là đây,
Thuyền nghề như lá lầy quầy sóng sao;[1]
Ốc xanh nổi vỏ lao nhao,
Ấy là mấy đảo thấp cao giữa vời;
Trắng phau như cánh chim trời,
Ấy là buồm vải ra khơi mấy hàng;
Thú vui cảnh lại phi thường
Chẳng lo ai bắt, chẳng tường ai theo;
Tinh thần vui vẻ biết bao,
Kể ra chuyện trước, bàn vào việc sau.
Ngài rằng: "lúc ở trong lao
Trăm phần ta cũng buồn rầu tính lui;
Chắc là cỏ dập cây vùi,
Ai ngờ thoát khỏi lòng vui lạ dường;
Vả chăng cái kế bông hường,
Mười phần kín nhiệm ai lường cho ra:
Đương khi ta được cánh hoa,
Mở xem thấy bức tiên ba rõ ràng;[2]
Liền ngày giả bệnh mê man,
Kêu ca cho đặng tìm đàng ra chơi.
Ta xin cám tạ ơn người,
Ơn này chết xuống chín vời còn mang".[3]
Thiếp rằng: "ấy kế nàng Lan,
Chúng tôi bất quá giúp nàng một hai".
Ngài rằng: "hai gã lắm tài,
Liều thân vàng đá cứu người gươm dao;
Ngút mây một tấm nghĩa cao,
Người đời trông thấy xiết bao thở dài".
Phạm rằng: "người ở trong đời,
Xưa nay nghĩ cũng lắm người nghênh ngang;

---

[1] *Lầy quầy*: Đi lên đi xuống lăng xăng. *Lao nhao*: Như nhao nhao, chỉ đám đông hay cái gì nhiều đua nhau nhô lên.

[2] *Tiên ba*: (Ba âm của địa phương gọi lẫn với hoa) hoa tiên, là bức thư.

[3] *Chín vời*: chín vực, chín sông (cửu tuyền, cửu nguyên): âm phủ.

Anh hùng liệt sĩ lắm trang,
Nặng bề nghĩa khí, nhẹ đàng tử sanh;
Điền Quang, Công Thúc hai anh,
Yên đô bỏ mạng, Tần đình phơi thây,[1]
Tiếng thơm còn để đến nay,
Tôi tuy hèn yếu, dốc tày hai ngươi.
Trong khi bàn bạc nói cười,
Khi cao trăm trượng, máu sôi ngàn đồng.
Thuyền vừa đến đảo Hoa Phong,[2]
Tướng quân thoáng mắt xa trông giật mình.
Hỏi ngài sao lại thất kinh?
Rằng: "kìa xớp xới bóng sinh lợp đàng;[3]
Ấy là biểu lễ hung tang,
Chắc là Gia Lý suối vàng xa chơi".
Ghé thuyền lên hỏi khắp nơi,
Quả nhiên người đã têch vời suối sâu.
Tướng quân than thở lắc đầu,
Rằng: "ta khắp Mỹ khắp Âu chơi bời;
Anh hùng mấy kẻ đội trời,
Chẳng quân gian dối, thì người hiểm sâu;
Có ai giữ trước vẹn sau,
Mất còn một bụng, nghèo giàu một gan;
Người trong thế giới muôn vàn,
Co tay đếm lại độ trang một và:
Nham Xưởng Đã, Gia Lý Ba,
Phơi gan trải mật thì ta cùng người.[4]
Bây giờ Gia Lý mất rồi,
Phù vân nghĩ đến cuộc đời mà đau![5]
Hổ mình lưu lạc bấy lâu,
Lỡ làng khó nỗi chực chầu vong linh;

---

[1] *Điền Quang*: Chí sĩ nước Yên giới thiệu Kinh Kha cho Thái tử Đan để đi hành thích Tần Thủy Hoàng. Sau khi mời được Kinh Kha thì để cho khỏi lộ chuyện, Điền Quang đã tự tử; *Yên đô*: nơi mà Điền Quang tự tử; *Công Thúc*: (?)/

[2] Đảo *Hoa Phong*: (?)

[3] *Xớp xới*: Phấp phới; *Bóng sinh*: bóng cờ minh tinh (biểu hiệu tang).

[4] *Phơi gan trải mật*: thổ lộ hết bụng nghĩ của mình.

[5] *Phù vân*: Mây nổi.

Ở đây chẳng ích chi mình,
Thôi ta qua Pháp, thăm tình họ Nham".

Tai nạn thảm thương

g) Tầu gặp bão, đâm phải núi và đắm. Hồng Liên đương cuống cuồng thì nhìn thấy cha con U Lan đã ngồi dưới chiếc thuyền con để bơi vào bờ. Nàng vừa định nhẩy theo xuống thì một cơn sóng trào qua chiếc thuyền ấy.

Tìm nơi nghỉ lại một hôm,
Rạng ngày thuyền cũng xô buồm xuất dương.
Đoạn nầy là đoạn thảm thương,
Người đời nghĩ kiếp đoạn trường mà đau!
Nàng liền mặt mũi héo xàu,
Cúi đầu nghẹn họng, mở đâu ra lời.
Chàng rằng: "xin nói cho rồi,
Trước nàng hả dạ, sau tôi bớt sầu"
Cầm khăn lau mặt ngước đầu,
Rằng: "nay xin kể đoạn sầu về sau.
Từ khi bước cẳng xuống tầu,
Bốn người nhìn mặt âu sầu thở ra;
Như hình có việc lo xa;
U Lan nằn nì than ra mấy lời:
"Từ ngày vượt biển ra khơi,
Lòng đây hăm hở coi trời như không;
Bây giờ chí thỏa việc xong,
Lòng nguy dạ hẩm, biếng trông cuộc đời"!
Thiếp rằng: "Tôi cũng thế thời,
Thôi ta sẽ mượn cảnh trời làm khuây".
Ùn ùn nổi gió tuôn mây,
Mưa rầm, sét rộ, sóng xây nên hòn;[1]
Mặt tầu sóng phủ như non,[2]
Giằn lên, vật xuống, thon von giữa vời;
Khi cao, cao ngất chín trời,[3]

---

[1] *Sóng xây nên hòn*: Sóng dựng lên như núi.
[2] *Sóng phủ như non*: Sóng trùm lên như úp những hòn núi lên trên.
[3] *Chín trời*: Do chữ *cửu trùng thiên*.

Thấp như chôn tận chín vời suối sâu!
Ai ai tối mắt choáng đầu,
Nhào ngang, té ngửa, vớ cầu, vịn thang;
Tan tành sóng đập cửa gương,
Đùng đùng nước ngập vào khoang nhẩy tràn;
Tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng than,
Tiếng rơi, tiếng bể nhộn nhàng như sôi.[1]
Thình lình một tiếng kêu trời!
Thuyền đà đụng núi xin người lên thôi!
Bò thang thiếp chạy tới nơi,
Trông ra tứ phía, khỏa trời sóng cao;
Khóc cha trối mẹ ngán ngao,
Tiếng người, tiếng sóng, ồn ào lẫn vang;
Bốn bề đất ngửa trời ngang,
Chúa tầu liều thác tìm phương cứu người:
Đò con bỏ xuống tức thời,
Vội vàng chở khách đặng bơi qua cồn;[2]
Giành nhau chen chóc ép dồn,
Hùn hùn lớp sóng ập ồn tới nơi;
Lộn nhào kẻ té người rơi,
Nổi lên, chìm xuống, chơi vơi sóng cuồn;[3]
Thiếp đà mất vía tan hồn,
Bốn người chẳng biết ai còn ai không?
Hãi hùng loáng mắt vừa trông,
Cha con nàng đã ngồi trong chiếc đò;
Muốn theo, thiếp mới xo ro,[4]
Sóng đâu phủ tới chìm đò lạnh tanh:
Bốn bề chẳng thấy Phạm Khanh,
Đánh liều cũng chắc chôn mình biển sâu;
Đứng trơ sóng phủ ngập đầu,
Bên tai nghe tiếng: "Chạy nhầu đừng lo!"
Vội vàng thiếp bước xuống đò,

---

[1] *Tiếng bể*: Tiếng đổ vỡ.
[2] *Cồn*: Gò đống ở nơi bờ bể.
[3] *Sóng cuồn*: Sóng mạnh cuồn cuộn lên.
[4] *Xo ro*: Lò dò muốn sang đò.

Đưa qua đến bãi dắt dò lần lên;[1]
Quay đầu trông lại chiếc thuyền,
Lay quay rồi cũng chìm liền, thương ôi!
Ba người bỏ mạng biển khơi,
Thiếp còn ngấp ngỏi trơi đời chi đây![2]
Xưa sao hôm sớm vui vầy,
Nay sao kẻ đó người đây hai đàng!
Gặp chàng lắm nỗi ngỡ ngàng,
Mặt nào còn thấy đặng chàng, chàng ôi!
Người sao sung sướng một đời,
Người sao đến đỗi biển trời cũng ghen!

[1] *Dắt dò*: bước lò dò và như có người *dắt lên.*

[2] *Trơi đời*: trơi, phương ngữ có nghĩa là cái hình *nộm*, hay *nợm,* (tức là thằng bù nhìn) bêu giếu ở trên đời như hình nộm; *Ngấp ngỏi*: phương ngữ có nghĩa là ngoắc ngoải, có nghĩa là sống gượng.

HỒI THỨ SÁU

NHƯNG U LAN CHƯA CHẾT

a) Tán Sĩ than thở tỏ ý vô cùng đau xót, rồi lại quay ra an ủi Hồng Liên.

Chàng nghe mỗi nỗi truân chiên,
Bực mình rồi lại nén phiền nói ra:
Nghĩ nàng gặp bước phong ba,
Đau lòng tủi dạ xót xa trăm phần:
Nhưng mà nghĩ lại cho cân,
Trong vòng nhân nghĩa gian tân sá nào?[1]
Nàng Lan chết tức cũng đau,
Gẫm ra cho cạn, chẳng rầu mà chi!
Lúc vừa gặp gỡ sông Đề,
Trong khi trò chuyện nàng thề đinh ninh:
Làm người đứng giữa cao xanh,
Dầu rằng lan ngọc tan tành cũng hay!
Nay nàng vì nước bỏ thây,
Cha con sống thác xum vầy biết bao!
Còn nàng so lại thế nào?
Thù trời còn đội trên đầu trơ trơ;
Phải toan gắng chí đợi chờ,
Thân ngàn vàng nỡ hỡi hờ vậy sao?[2]
Nàng rằng gặp bước lao đao,

---

[1] *Gian tân*: Gian lao tân khổ.
[2] *Hỡi hờ*: phương ngữ có nghĩa *hững hờ*.

Lòng tơ dạ tóc xốn xao trăm vòng;[1]

b) Sau khi hỏi Hồng Liên trôi nổi ra sao, sau tai nạn ấy. Nàng kể: Khi thoát chết thì nằm nghỉ nhà người đánh cá ít hôm rồi qua Pháp thăm ông Gambetta. Ông này cũng tỏ ý tiếc thương lắm.

Chàng hỏi, Ông có nói ý kiến gì đến nước tôi không? Nàng kể lời của Ông phàn nàn về nước Pháp và phê bình nước Nhật là ếch ngồi đáy giếng.

Xui chàng sinh dạ ngại ngùng,
Lòng nầy thiếp hỡi hỏi lòng mà coi:
Gươm thiêng trăm bận lau mài,
Ngọc ròng ẩn đá, càng giồi càng tươi![2]
Chàng rằng xin hãy nói xuôi,
Về sau nàng lại nổi trôi chốn nào?
Rằng: khi thoát đã khỏi tầu,
Vào nhà ngư phủ nghỉ đau mấy ngày,
Về sau qua Pháp Lan Tây,
Tới Nham Xưởng Đã tỏ bày thỉ chung.
Nghe tin ngài cũng đau lòng,
Thương vì một nỗi thù chung chưa đền;
Kiếp người thấm thoát như tên,
Khó đem bóng bọt lo đền núi sông.
Nước tôi ngài cũng mong trông,
Nhơn khi trò chuyện cạn cùng mấy câu:
"Pháp Anh qua lại đã lâu,
Tình dân thói nước yếm âu tập tành;
Ta yêu người Ái trung thành,
Trong vòng máu sắt đua tranh càng hùng,
Dầu cho khốn khó long đong,
Trăm chìm ngàn nổi mà lòng vững trơ,
Gan đồng dạ sắt sờ sờ,
So người các nước bây giờ vô song;
Gắng nhau cả nước một lòng,
Đông người đông miệng, nhộn sòng tốt tay,[3]

---

[1] *Xốn xao*: náo động, nhộn nhàng rối loạn.
[2] *Giồi*: giũa mài, nhồi nắn.
[3] *Nhộn sòng*: đám đông cùng rộn lên.

Tự do độc lập đặng ngay,
Nước sâu lửa nóng có ngày thoát ra"
Rằng: "ngài mưu trí cao xa,
Chẳng hay có nói nước ta câu nào?"
Nàng rằng: "trò chuyện bao lao,
Nhơn cơ thiếp hỏi thấp cao mấy lời:[1]
"Nay nghe Nhật Bổn lắm người,
Sửa sang chánh nước đổi dời tục dân,
Nước nhà dốc dạ duy tân,
Ngài nên vượt biển một lần qua chơi;
Trước là giúp đỡ cho đời,
Sau cho thiên hạ biết tài cao xa;
Vả chăng thói nước Lang Sa,
Lắm trang nghĩa khí, tài ba anh hùng,
Trước giùm người Mỹ nên công,
Ái Lan nay cũng mong trông đêm ngày;
Nếu ngài giúp đặng lúc này,
Gỡ cho Nhật Bổn thoát dây cường quyền,
Làm cho phép nước vẹn tuyền,
Làm cho dân sự khắp miền âu ca;
Vậy thì thế giới gần xa,
Khen ngài cũng ngợi Lang Sa lắm mà".
Ngài liền lớn tiếng nói ra;
"Ta còn bực nỗi nước nhà lênh chênh;
Đương khi Phổ Pháp giao binh,
Vua hèn bị bắt đày mình trần ai;[2]
Paris cũng bị chông gai,
Nước nhà còn mất chiều mai gập ghềnh;
Ta thề máu đỏ gươm xanh,
Tan xương nát thịt liều mình non sông;

---

[1] *Bao lao*: Lan man.

[2] *Phổ Pháp giao binh*: Trận giặc Phổ Pháp (1870-1871) gây ra bởi Phổ ủng hộ cho hoàng tử dòng Hohenzollern làm vua Tây Ban Nha, bị Pháp phản đối.

Trận giặc xẩy ra ngày 15.7.1870, binh Phổ tấn công khắp các mặt, một cánh quân Pháp bị vây tại tỉnh Seden trong có vua Napoléon III, phải đầu hàng và chịu cho địch bắt (ngày 2.9.1870).

Tin ấy về đến Paris thì cuộc cách mạng nổi lên truất quyền vua, lập chế độ cộng hòa trở lại và thành lập chính phủ cứu quốc. Nhưng Paris cũng bị địch quân đến vây đánh xung quanh.

Một mình ngồi chiếc ban lông,
Thoát vây ra khỏi, tới sông Loa hà;[1]
Dựng cờ mộ lính gần xa,
Thề sông hẹn núi xông pha giặc kình;
Đánh tan lấy lại mấy thành,
Cùng quân Miệt sĩ đồng tình quyên sinh;[2]
Thề liều một trận dưới thành,
Phá tan quân giặc mới đành lá gan;
Sao cho tổ quốc vẻ vang,
Sao cho danh tiếng nhẩy tràn gần xa;
Ai dè Ba Ngạn thằng tà,
Gan cheo, đầu chuột, bán cha, đợ mình;[3]
Làm cho mười mấy vạn binh,
Trói tay gươm giáo buộc mình tù lao;
Thân sâu, mạng kiến lao nhao,
Chết lòng nghĩa khí, quên đau nước nhà;
Châu đầu xúm miệng nói hòa,
Bồi tiền, cắt đất, kêu ca dưới thành;[4]
Làm cho giặc Phổ dễ mình,
Lăm le chớp cánh dòm rình cõi Âu;[5]
Ngày đêm ta những lo sầu,
Gai êm, mật ngọt, dễ đâu nguôi lòng![6]
Còn như kể đến việc trong,
Phe vua lắm kẻ trông mong ngôi trời;[7]

---

[1] Ông Gambetta ngồi trên trái cầu bay ra khỏi vòng vây ngày 9.10.1870 đến Tours (trên sông Loire) để tổ chức quân đội giải vây Paris.

[2] Đoàn binh do ông Gambetta tổ chức đánh trận Coulmiers (9.11.1870) lấy lại được Orléans; quân *Miệt sĩ*: quân từ thành Metz.

[3] *Ba Ngạn*: Bazaine, khi quân đương thắng thế ở Orléans thì Bazaine đem cánh quân của mình đầu hàng vì thiếu lương thực (17.10.1870). *Cheo*: con cheo.

[4] Hàng ước ký ngày 26.2.1871 cắt Alsace và Metz cho Phổ và chịu bồi thường chiến tranh cho Phổ 5 tỷ bạc.

[5] Nhờ trận thắng đó vua Phổ lên ngôi Hoàng Đế nước Đức (18.1.1871) và trong suốt 40 năm giữ ngôi bá chủ Âu châu.

[6] *Gai êm, mật ngọt*: Dựa theo tích Câu Tiễn nằm gai nếm mật để nhớ thù vua Ngô Phù Sai.

[7] Những đảng phái cũ muốn tái lập chế độ cũ. Gambetta tổ chức đảng Cộng hòa để chống lại.

Hư vô, xã hội, lắm người;
Máu sôi quá độ bước mười nhảy trăm;
Ngoài thì nước Phổ hằm hằm,
Hợp Tây, Ý, Úc, toan giằm xé ta;[1]
An Nam, Mã đảo gần xa,
Cũng còn giằng xé chưa ra thế gì;
Nước nhà còn lắm khuynh nguy,
Trên vai một gánh nặng trì như non;[2]
Công đâu tới đảo con con,
Làm cho ngày tháng hao mòn cũng quê;
Nghĩ người Nhật Bổn mà ghê,
Dưới trên một bụng, dốc thề giang san;
So cùng người Mỹ người Lan,
Với người Thánh thổ, ruột gan kém nào?[3]
Ta đây cám cảnh nghĩa cao,
Trong lòng cũng muốn giúp vào một tay;
Tiếc vì Nhật Bổn bấy nay,
Trong ngoài lắm việc tánh say mơ màng;
Ngoài thì các nước thị cường,
Trăm điều điều ước phải nhường cả trăm;
Trong thì chánh phủ hằm hằm,
Đánh cho nặng thuế le lăm đóng tầu:
Việc ngoài chẳng chút lo âu,
Trong nhà chăm chỉ đè đầu dân ngu!
Vậy mà cả nước sĩ phu,
Dám ai mở miệng đôi co câu gì?
Khi không húng hiếp Cao Ly
Làm cho các nước sinh nghi sinh ngờ;[4]
Vậy mà trên dưới trơ trơ,
Nào ai quyết chí dựng cờ một phương?
Nào ai chí khí cang cường,

---

[1] *Giằm xé*: giẫm nát và xé tan ra.

[2] *Khuynh nguy*: Nghiêng đổ ngặt nghèo; Nặng *trì*: rất nặng.

[3] *Thánh thổ*: Một đảng ở Đại Tây Dương gần nước Mỹ, trước là thuộc địa của Pháp, khi Nã Phá Luân bị bắt đã độc lập rồi (lời chú của tác giả).

[4] Năm 1876 Nhật ức hiếp Cao Ly mở cửa bể cho mình vào thông thương. Năm 1895 Nhật đánh Tầu, Tầu thua phải tuyên bố hết chủ quyền ở Cao Ly.

Cất mình nhẹ bước qua đường Mỹ, Âu;
Nghênh ngang uốn lưỡi lắc đầu,
Bẻ trong điều ước câu câu rạch ròi?
Nào ai dám tới nước ngoài,
Khua môi, múa bút viết bài báo công;
Hay là diễn thuyết đám đông,
Phun gan mửa máu động lòng người ta?
Nào ai học thức cao xa,
Đưa thơ chánh phủ van la lỗi lầm?
Nước nhà phải chứng âm trầm,
Đua chen còn muốn âm thầm nỗi chi?[1]
Nương hơi dựa bóng ly bì,
Đụng ai nấy nạt chịu lỳ hổ ngươi,
Hơn ba mươi triệu con người.
Không ai biết xấu nói cười tròn vo:
Rằng ta thà chết tự do,
Thà đền nợ nước chết cho rồi đời;
Thương ôi! ếch giếng xem trời,
Mặt vung còn lớn là loài đấy thôi!"[2]
Thiếp liền thưa lại mấy lời:
"Xưa nay Nhật Bổn, lắm người dễ khinh,
Ấy là xem tướng chưa tinh,
Còn trong gan ruột lắm tình khó soi.
Ngài còn lắm việc dông dài;
Con con một đảo đoái hoài mà chi?"
Chàng nghe đủ nỗi vân vi,
Mồ hôi ướt áo thầm thì thở ra.[3]
Nàng rằng: "trò chuyện lân la,
Thình lình khách đến, thiếp ra tức thời.
Gẫm trong ngài nói mấy lời,
Công bình chánh đại, xin người đừng căm".
Chàng rằng: "ngài nói thực nhằm,
Chính ngay giữa trán ngài châm một mồi!
Nay nàng kể lại đầu đuôi,

---

[1] *Âm trầm*: nặng nề.

[2] Dựa theo câu tục ngữ *ếch ngồi đáy giếng xem trời bằng vung*.

[3] *Ướt áo*: (phương ngữ có nghĩa ướt đẫm) áo ướt đẫm.

Tôi xin chép dạ muôn đời con ghi"

c) Hồng Liên lại kể tiếp việc mình đương ở nước Pháp, buồn đi coi múa hát thì gặp Vương La chúa ngục cũng đương qua Pháp để dò tìm tung tích bọn vượt ngục. Nàng vội vàng rời khỏi nước Pháp.

Nàng còn kể chuyện lưu ly;
"Trong khi trôi nổi, lắm khi buồn rầu;
Quán cơm lúc ở trên lầu,
Nghe người cười nói yếm âu đêm ngày;
Rằng người nước Ý hát hay,
Nhẹ mình tốt giọng xưa nay ít người;
Giải buồn kiếm chuyện trò cười,
Ban đêm thiếp mới rủ người đi xem;
Giọng oanh tiếng phượng ấm êm,
Quanh rường gió thổi, nhẫy thềm bông rơi;[1]
Trong khi hát múa tơi bời,
Mỉa mai loan lộn, yến rơi nhẹ nhàng.
Theo đòi lại có một nàng,
Kề tai nói nhỏ vội vàng mấy câu:
"Kìa kìa bên phía nam lâu,[2]
Một người chăm chỉ nhìn lâu nãy giờ".
Cất đầu thiếp mới liếc sơ,
Rõ ràng chúa ngục, sững sờ hồn kinh!
Giả vờ thiếp mới hỏi rình,
Rằng: "Chà! đẹp đẽ! thực tình nên thương;
Tiếc thay chẳng biết quê hương!"
Nàng rằng: "nghĩ thực người phường Ban Nha,
Ở chung một quán với ta".
Thiếp nghe đề chắc Vương La mười phần;
May chi mặt phủ võng cân,
Trông ra nghĩ cũng mấy phần ngờ tin.[3]
Cất mình vội vã về liền,
Một đêm trằn trọc ngửa nghiêng khôn nằm.

---

[1] *Quanh rường*: (phương ngữ *rường* có nghĩa là sườn nhà và chỉ luôn cái nhà (*quanh nhà*). *Nhẫy:* đầy nhẫy, rất nhiều hoa rơi.

[2] *Nam lâu*: lầu phía nam.

[3] *Mặt phủ võng cân*: mặt phủ cái khăn choàng mạng, lối trang sức của người con gái quý phái Âu châu. *May chi*: phương ngữ có nghĩa là *may thay lúc ấy*.

Rạng ngày nàng lại hỏi thăm:
"Sao cô dạng mặt âm trầm lo âu?"
Thiếp rằng: "chớ hỏi bao lao;
Chẳng hay người thấy nam lâu thế nào?
Xin nàng hỏi thử cho nao".
Nàng rằng: "Tôi biết người nào là ai?"
Cầm tiền thiếp mới nhẹ tay, [1]
Chạy vào nàng cũng ra ngay tức thời;
Chạy ra vừa nói vừa cười,
Rằng: "va hẳn thực tên người Vương La;
Nước va có một tướng già,
Tìm mưu thoát ngục trốn qua bên này;
Vậy nên va mới tới đây,
Dò la tung tích bấy chầy đã lâu:
Mới hồi va gặp dưới lầu, [2]
Hỏi tôi hôm trước theo hầu cô nao?
Tôi liền tỏ nỗi thấp cao,
Va rằng: phải phải! thế nao cũng nhằm,
Trăm phần in hệt cả trăm,
Tiếc vì che mặt nên thăm chưa tường;
Xem va ra dạng yêu nường".
Nghe lời thiếp mới nghĩ quàng mấy câu;
Ta không giết chó trộm trâu, [3]
Vì dân nên nỗi mang câu oán thù;
Nay đà lánh khỏi vực sâu,
Nước nào cũng có trên đầu phép công,
Dám đâu ỷ thế thị hùng,
Thôi thôi ta lại hãi hùng làm chi!
Hiềm vì thù nó còn ghi,
Ở đây lẩn vẩn e khi thế nào?
Sang đây vừa có kỳ tầu,
Vội vàng viết thiếp gởi hầu họ Nham;
Ra đi trời đã chiều hôm,
Xuống tầu, tầu cũng xô buồm chạy ra;

---

[1] *Cầm tiền thiếp mới nhẹ tay*: Có ý nói đưa tiền thuê rồi rỉ tai dặn.
[2] *Mới hồi*: mới khi nãy (phương ngữ).
[3] *Giết chó trộm trâu*: thành ngữ địa phương có nghĩa là trộm cướp.

Tầu ra một trượng xa xa,
Quay đầu ngó lại hẳn ta đứng bờ;
Chạy đi chạy lại ngẩn ngơ,
Kêu rằng: trở lái đợi chờ với nao![1]
Đầy bờ khách đứng lao nhao,
Hươ khăn, vẫy mũ, vái chào, hôn vơi;[2]
Một giây thuyền tếch ra khơi,
Về sau chẳng biết va chơi ngón gì?"

d) Hai người lại tìm lời an ủi lẫn nhau. Hồng Liên ca mấy bài ca hoạ lại những bài của U Lan làm ở trên tầu. Sau đó, Tán Sĩ ra về và hẹn cứ mỗi ngày thứ năm sẽ tới thăm.

Chàng rằng: "Nàng nói khi thì,
Mừng mừng, sợ sợ, truyện kỳ nào qua!
Bực vì một nỗi đôi ta,
Buồn nhiều vui ít, trải qua lắm rồi.
Nghĩ tôi mà ngán cho tôi,
Bây giờ nàng cũng lắm hồi chán chê;
Nhớ khi gặp gỡ sông Đề,
Dầu lời máu mủ dã dề sao qua:
Đương khi thưởng nguyệt xem hoa,
Ngày sau ai biết đổ òa gió mưa!
Âu châu nàng ở bữa xưa,
Ngày nay ai biết ưa thừa gặp nhau!
Cơ trời lắm nỗi biển dâu,
Việc người ví cũng mấy câu hát tuồng;
Vui buồn tan hiệp không thường,
Một đời khác thể thần Trang lờ mờ;[3]
Vui kia là giấc tình cờ,
Buồn này mới thực sững sờ tỉnh ra!
Buồn này là giấc mộng ma,

---

[1] *Trở lái*: quay lái tầu trở lại.

[2] *Hôn vơi*: đưa tay lên miệng hôn rồi hất tay về phía người ra đi. Một tục chào âu yếm của người Tây phương.

[3] *Thầy Trang*: Trang Tử cũng gọi Trang Châu sinh vào thời Chiến Quốc, chết khoảng cuối năm 330 trước Công nguyên, người cùng phái chủ trương của Lão Tử. Ông có những ý tưởng và hình tượng để phát huy tư tưởng của Lão Tử rất hay như hình tượng ông nằm mơ thấy hóa bướm, khi tỉnh dậy ông tự hỏi có phải hiện bướm hóa ra ông không.

Vui kia mới thực ngủ già trăm năm![1]
Nghĩ ra tối tối tăm tăm,
Người đời ai cũng như nằm chiêm bao!
Nàng đà lắm lúc lao đao,
Hơi đâu chuốc lấy buồn rầu mà chi?
Rủ nhau ra dạo một khi,
Bóng cây, bụi cỏ, vân vi chuyện đời.
Người xưa có nói mấy lời:
Thi hay ắt phải một đời gian nan;
Nhớ trong mấy khúc U Lan,
Ca rồi nàng có hứng tràn gì không?"
Nàng nằng: "giữa biển mênh mông;
Tình cờ trăng sáng đứng trông trên tầu,
Chạng lòng nhớ trước nghĩ sau,
Ca nàng hoạ lại mấy câu trường hành;
Thiếp còn chép dạ đinh ninh,
Hỡi xin ca lại mắt xanh phê bình.
Ca rằng:

I

Ta ngẫm nghĩ đôi câu chướng chướng,[2]
Muốn hai tay lôi bướng lão trời già:
Hỏi: lưới ông sao rách rưới lắm mà,
Một đời luống giúp tà mà hại chánh?
Đời sao lại có suy có thạnh?
Người sao lại có dại có khôn?
Lan huệ sao ông làm cho héo cho don?[3]
Gai gốc sao ông lại thả khắp non khắp núi?
Bông hoa sao nỡ để mưa tàn gió rụi?[4]
Bá tùng sao nỡ để cho tuyết dụi sương xô?[5]
Hùm, beo, ó, là lũ hồ đồ, việc gì ông lại thêm vây thêm cánh?[6]

---

[1] *Ngủ già*: ngủ quá mức thường.
[2] Nhắc lại cái ngông của Tản Đà viết thư lên trời xin kết duyên với Hằng Nga. Đây lại là một cái ngông khác.
[3] *Lan huệ*: Hoa lan hoa huệ là những thứ hoa quý; *Don*: quắt lại.
[4] Rụi: Đương tươi tốt bị héo hắt đi.
[5] *Dụi*: Đẩy ngã chúi xuống. *Xô*: Đẩy cho ngã xuống.
[6] *Ó*: Diều hâu, loài chim ác; *Lũ hồ đồ*: bọn bất chính, phức tạp.

Làm cho chồn, cheo, chim chuột, khôn đường trốn tránh, mới sướng bụng ông sao?[1]

Gì là sống? gì là thác? gì là nghèo? gì là giầu?

Mơ màng trong một giấc chiêm bao, ông nói suốt thì tôi đây xin thả.

*

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả;
Gió sao mặt biển sóng lông tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.

II

Ta ngẫm nghĩ quê cha đất tổ,
Một phương trời sóng phủ, biển chơi vơi.
Cách mấy năm muôn dặm biển trời,
Khóc với gió mà than lời thiên vấn.[2]
Ruộng ta đã beo tràn hùm lấn,
Nhà ta đà gió táp mưa sa.
Nhớ xưa kia lắm chỗ phiền ba,[3]
Mà nay cỏ loán, cây trà, chim chuột rúc.[4]
Nồi ta đã sinh meo sinh mốc,
Quân hổ lang còn đứa bốc đứa quơ.
Con cái ta đói khát chạy dật dờ;
Cha mẹ ta cũng bơ vơ run rẩy.
Hỏi vì ai xui nên cơ hội ấy?
Trời đâu đấy? thần đâu đấy? có nghe thấy chi mà?
Nổi máu hung ta muốn chặt dậy kình ba,[5]
Dầu thịt nát máu sa gan cũng đã!

*

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xa mặt biển sóng lông tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.

---

[1] *Chồn*: cầy; *Cheo*: con vật giống hình con hoẵng nhưng chỉ lớn bằng con mèo, thuộc loại ăn cỏ.

[2] *Lời thiên vấn*: Lời than khóc để hỏi trời.

[3] *Phiền ba*: phồn hoa.

[4] *Cỏ loán*: Cỏ tràn lan vào; *cây trà:* Cây hoang mọc trà trộn vào.

[5] *Chặt dậy kình ba*: chặt cho nổi sóng lớn.

III

Ta ngẫm nghĩ tình xưa nghĩa cũ,
Lúc đứng ngồi mặt ủ mày chua![1]
Buổi sớm mai lấp loáng bóng sao sưa,
Hình với bóng lụy mưa rơi dào dạt.
Kẻ thì vứt khăn yếm phấn son trôi lã chã,
Dốc thề lòng gỡ vạ kẻ thương sinh.[2]
Người thì liều da mồi tóc tuyết nổi linh đinh;
Quyết thề dạ bỏ mình vòng trói buộc.
Người thế ấy trăm thân khôn chuộc,
Tiết nghĩa kia, ai chẳng chuốc, chẳng yên đang?
Bấylâu nay hẹn ngọc thề vàng,
Vứt một thác với giang san cho thỏa chí!
Trời sao nỡ làm cho lưu lụy,[3]
Khách anh hùng rơi lụy bởi vì đâu?
Ố, xanh xanh có biết gót biết đầu?
Nói nghe thử kẻo giận thẳm hờn sâu lắm tá!

*

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xao mặt biển sóng lông tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.

IV

Ta ngẫm nghĩ một thân yếu đuối,
Biết ngày nào đặng duỗi khúc rồng co?[4]
Kiếp nên hư còn lắm nỗi chuyện trò;
Lòng đâu nỡ thấy non nước bụi tro mà trở mặt?
Hiềm một nỗi trời già thắc mắc,
Đàng cheo leo sắp đặt đủ chông gai.
Đem đường trở lối nấy cho ai?

---

[1] *Mặt ủ mày chua*: Mặt rũ buồn có vẻ chua chát.

[2] *Kẻ thương sinh*: (do thành ngữ *thương sinh yểu tử*. Từ 8 đến 10 tuổi chết là *hạ thương*. Từ 12 tới 15 tuổi chết là *trọng thương*. Từ 16 tuổi tới 19 tuổi chết là *trưởng thương*. Dưới 8 tuổi chết gọi chung là *thương*) kẻ còn trẻ mà chết oan.

[3] *Lưu lụy*: chẩy nước mắt.

[4] *Duỗi khúc rồng co*: Vươn thẳng mình rồng ra để bay bổng.

Dầu lủng gối chai vai ta há rúng?[1]
Trong lồng cũi khó nhốt trang loan phụng;
Đấng anh hùng lắm lúc phải trần ai.
Gặp loạn ly mới biết sức anh tài;
Còn đợi thuở ngang trời dọc đất.
Mũi gươm bạc trong tay giấu cất,[2]
Lúc ra tay chém vất lũ yêu tinh.
Giấc rồng nằm đáy biển lạnh tanh;
Mượn mấy khúc cầm ca khuây khỏa.

*

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xao mặt biển sóng lông tông,
Đầu tầu đêm vắng ngồi trông.

Chàng rằng: "một tấm tánh linh,[3]
Nghe qua ai cũng động tình chơi vơi;
Hùng như chém cá giữa vời,
Hiểm như núi dựng ngược trời giăng ra;
Cao xa rất nỗi cao xa,
Đổi dời non nước, van la quỷ thần!
Gẫm trong bốn khúc mấy vần,
So đi sánh lại chi cân chi tầy.
Cùng nhau cười tánh nói say,[4]
Hứng tàn rồi lại cắp tay vào nhà.
Giã từ chàng mới xin ra;
Nàng rằng: thiếp cũng lân la chốn nầy:
Chàng dầu tưởng tới thơ ngây,
Lều tranh khuya sớm vui vầy là may.
Chàng rằng: bận học lắm thay,
Vậy thì xin hẹn mỗi ngày thứ năm.

c) Chàng luôn luôn đi lại thăm viếng Hồng Liên nhưng cả hai vẫn giữ gìn không đi quá mức tình đồng chí.

---

[1] *Lủng gối chai vai*: Gối chùn (hay là quỳ đến thủng (mòn lủng) đầu gối?) chai vai (gánh vác nhiều) cứng thành chai; *Rúng*: nao núng.

[2] *Gươm bạc*: Gươm quý (do tích Can Tương và vợ là Mạc Gia).

[3] *Tấm tánh linh*: tính khí linh thiêng.

[4] *Cười tánh* : Cười tỉnh (?) Câu hát cổ: *Phụ mẫu nhà khi tánh khi say, khi vun cội liễu khi giay nhành tùng.*

Một hôm xem báo thấy có một *hịch văn* của Ai Cập kêu gọi dân chúng chống Anh.

Chàng chạy đến Hồng Liên. Nàng báo tin Anh, Ai chiến tranh. Và nàng đưa tờ báo trong có tin một tướng già Tây Ban Nha cùng cô con gái làm cố vấn cho quân đội Ai Cập.

Nói rồi cất bước xăm xăm,
Về nhà lắm kẻ hỏi thăm ồn ào.
Bấy lâu chàng nghỉ nơi nao?
Trông qua tuồng mặt, khô khao lắm mà;[1]
Áo quần như thể xông pha,[2]
Bùn rơi, cát dính, ấy là cớ sao?
Nỗi mình khôn tỏ thấp cao,
Kiếm điều chàng mới nói khào mấy câu:[3]
Sách đèn mỏi mệt bấy lâu,
Chơi trăng tưởng cảnh dạo đâu lối vườn;
Hứng vui sẵn bước đi luôn,
Non xanh nước biếc luông tuồng ngâm nga;
Đạo trời lắm nỗi cao xa,
Kiếp người sống chết hóa ra thế nào!
Càng suy càng xét càng mầu[4],
Càng nong não trí, càng ngao ngán lòng[5];
Bây giờ nhớ lại không cùng,
Ngẩn ngơ ngơ ngẩn trăm vòng như quên.
Người nhà xúm mặt quanh nhìn,
Hay là quá học hóa nên chứng nầy?
Hãy xin tĩnh dưỡng ít ngày,
Giữ gìn ăn uống cho khuây tinh thần.
Cách ngày tìm hẹn sông Ngân;[6]

---

[1] *Khô khao*: Hốc hác.

[2] Áo quần như thể *xông pha*: áo quần lấm bụi như người xông pha vào chỗ nguy hiểm nào.

[3] Nói *khào*: nói cho loãng chuyện đi.

[4] *Càng mầu:* càng mầu nhiệm, càng thấy rõ.

[5] Càng *nong não* trí: càng *nung nấu* trí.

[6] Sông *Ngân*: (sông Ngân Hà trên trời theo tích Chức Nữ Ngưu Lang. Con gái của trời là Chức Nữ lo việc may vá được trời gả cho Ngưu Lang là dòng chăn trâu. Từ khi lấy chồng, Chức Nữ lười việc canh cửu khiến trời giận mới chia rẽ mỗi người một ngả, lấy sông Ngân Hà để ngăn cách và chỉ cho một năm gặp nhau một lần vào đêm thất tịch. Quạ đội đá cho đôi vợ chồng sang với nhau. Khi gặp nhau cả hai than khóc nước mắt chảy xuống hạ giới thành mưa gọi là mưa Ngâu). *Hẹn sông Ngân*: Hẹn với người tình.

Nàng Liên vừa lúc bóng sân lặng ngồi,
Tay cầm quyển sách chăm coi;
Đứng sau chàng lén vỗ vai thình lình;
Hở cơ nàng cũng giật mình;
Quay đầu cười nói: "chàng rình thiếp chi?"
Dắt tay vào chốn thơ duy,
Khuyên sông điểm núi vân vi trót ngày.[1]
Từ sau đúng hạn tới ngày,
Một chèo sóng võ, trăm bài rượu đưa.
Càng ngày càng mặn càng ưa,
Sầu hao vắng mặt, vui thừa bắt tay.[2]
Nghĩ tình Tán Sĩ cũng may,
Nàng Lan vắng vẻ, gặp ngay nàng Hồng.
Hai bên lửa bén hương nồng,
Mối tình khắng khít, ai hòng gỡ ra.
Nhưng nàng trí cả mưu xa,
Thề lòng dốc trả thù cha nợ đời;
Vậy nên hôm sớm vui cười,
Mà trong tình ý khác người trăng hoa;
Vui chi cái kiếp phiền ba,
Chơi vào một tí, xẩy ra trăm đàng;
Tôn Sanh, Trịnh Tử hai chàng,[3]
Giết ngay độc rắn, dứt ngang máu hồ;
Lắm phen trăng gió hẹn hò,
Tình say dạ đắm, hồ đồ thì không.
Còn đương vấn vít chữ đồng,
Thình lình sấm dậy, lửa nồng lại nguôi.
Nhật trình có chép mấy lời,
Hịch văn Ai Cập chống người nước Anh.
Hịch rằng:
Tượng mảng: Tướng tất thắng mới có binh tất thắng, công phi thường phải đợi kẻ phi thường.[4]

---

[1] *Thơ duy*: Nơi che màn để đọc sách (duy là màn). *Khuyên sông điểm núi*: Nói khen phong cảnh đẹp các nơi.

[2] *Sầu hao vắng mặt*: Khi vắng mặt thì sầu héo hắt (như sầu vơi).

[3] *Tôn Sanh, Trịnh Tử: (?)*

[4] *Tượng mảng*: nghe rằng (?) Thành ngữ đặt ở đầu một bài *hịch văn.*

Xưa vua ta, Oai Sĩ Lưu, bực người ngoài lắm nỗi tầm cừu, xót dân nước nhiều phen khổn ách;[1]
Việc mình chẳng cho ai kẹp nách, quyền nước dốc giành lại trong tay;[2]
Xâu thuế đổi thay, xa gần nườm nở.[3]
Lắm công việc còn đương lo sửa, phải người Anh bức hiếp bỏ ngôi;[4]
Lúc từ triều sùi sụt ngậm ngùi, miền khác địa bơ vơ gió bụi:
Tể tướng Chính Giới Câu cũng giỏi, đầu đội trời ruột sỏi gan sành;[5]
Cũng bị người Anh tìm mưu hãm hại, một lòng khảng khái, muôn dặm chơi vơi!
Thương ôi! Vua hiền ta đã tếch dặm biển trời, tướng giỏi ta cũng chôn thây bùn cát!
Ta nghĩ đến, gan ruột dường như dao cắt, máu lụy rơi khác thể mưa sa.
Nay người ngoài trăm thế hành hà, việc trong nước một tay võ đoán.
2740. *Chánh lập hiến ra tay phá tán, thơ khất ai liếc mắt bỏ qua;*[6]
Thể thống nước nhà, tan tành tro bụi;
Chủ nhà yếu đuối, quân khách hăm he;
Kể từ khi chạy úp bánh xe, đến bây giờ ngồi ôm giống trống.[7]
Giang san gai góc, nhật nguyệt lu mờ,
Dốc muôn lòng gầy dựng cõi bờ, ấy một việc khó khăn trời đất.
Tiền bạc ta kẻ thâu người cất, thuế má dân rày xấp mai gia;[8]
Tràng con nít mới mười hai mười ba, thuế lỗ miệng cũng

---

[1] *Tầm cừu* : tìm thù hằn; *Khổn ách*: tai nạn khốn khó. *Oai Sĩ Lưu*: Ismail vua Ai Cập (1863-1879).

[2] *Kẹp nách*: ép đi theo đường nào.

[3] *Nườm nở*: Vui mừng tiếp đón (như niềm nở).

[4] Năm 1879 các cường quốc Âu châu cùng với Anh bức vua Ai Cập Ismail phải từ ngôi.

[5] *Chính Giới Câu* (?)

[6] *Chánh lập hiến*: Hiến pháp chánh trị; thơ *khất ai*: thơ của dân đưa lên chính phủ kêu xin giảm bớt những hình phạt và thuế má nặng nề.

[7] *Chạy úp bánh xe*: chạy theo vết xe đổ cũ.

[8] *Rày xấp mai gia*: Bữa nay đánh gấp đôi, bữa mai lại đánh thêm lên (phương ngữ).

đồng đôi đồng một;

Người học thức đáng tranh rường cột, thuế nhân đinh xấp đến hai ba;

Rán mỡ lột da, hung tàn quá sức;

Thiên hạ có đâu thế cùng cực, sách vở cũng chưa thấy lưu truyền;

Ngẫm Ninh Lang cũng kể rằng hiền, dầu Kiệt Trụ chưa cho là dữ.[1]

Chín châu ngã ngửa, bốn biển choáng đầu;

Sông Nê Hà ngàn dặm ruộng sâu, cha mẹ ta có kêu rầu than đói,[2]

Tao phía nam một năm hái trái, vợ con ta còn trôi đói van nghèo;

Lội vũng trèo đèo, mồ hôi nước mắt;

Cát bay đầy mặt, nắng cháy phỏng da;

Chân xát tay chà, thịt mòn xương yếu;

Trong nhà cửa còn trôi túng trôi thiếu, ngoài quan gia đà bắt kẹp bắt quay;[3]

Chậm trễ một đôi ngày, gia tài phải tịch ký.

Thương ôi! Thương ôi! Máu mỡ còn mấy thì, biết lấy chi cho đầy ruột rắn to,

Lúa gạo đặng bao nhiêu, biết lấy chi cho no mồm cọp đói?

Quân lính ta bị đuổi, gươm giáo ta bị thâu;

Xén đít xén đầu, bỏ lưng bỏ túi.

Lông lá ta nó nhổ sạch trơn sạch trụi,

Tay chân ta nó trói cánh khỉ cánh gà.[1]

---

[1] *Ninh Lang:* Néron (37-68) Vua La Mã nổi tiếng ác độc, lên ngôi vua năm 54. Mới đầu còn khá sau dần dần bạo ngược quá lẽ, giết mẹ là Agripine, đá chết hầu thiếp Poppée, đốt kinh thành La Mã (năm 64) liệng người vào cho thú dữ ăn thịt, tẩm dầu đốt người để làm đuốc soi sáng trong vườn chơi.

Kiệt: Vua nhà Hạ rất bạo ngược,lập cung thất, ăn tiêu xa xỉ,ham mê tửu sắc, say đắm nàng Muội Hỷ và giết hại nhiều trung thần nghĩa sĩ. Sau bị vua Thang đánh bắt được đày ra Nao Sào. – *Trụ*: vua nhà Ân hết sức tàn ác, giết trung thần, mê nàng Đắc Kỷ, giết chú là Tỉ Can lấy gan, mổ bụng đàn bà có mang để làm trò chơi,sau bị Võ Vương dứt đi, lập nên nhà Chu.

[2] *Sông Nê Hà*: Sông Nil.

[3] *Trôi túng trôi thiếu:*(trôi là kêu la) kêu túng kêu thiếu. – *Quan gia*: nói chung các quan cai trị địa phương. – *Bắt kẹp bắt quay*: tra khảo theo lối xưa với những hình cụ ngũ trảo: kẹp năm ngón tay, và siết dây vào người rồi quay dây cho chặt.

[1] *Trói cánh khỉ cánh gà*: (phương ngữ) trói quặt tay lại sau lưng.

Con ông cháu cha, nó hành hạ làm tôi làm tớ;
Quê cha đất tổ, nó lăm le muốn bứng muốn đào.
Bà con hãy sáng mắt ra nào!
Đất cát là của ai đấy vậy?
Bây giờ trời hờn người lẫy, ruột tức gan sôi![2]
Rách khoé mắt hỡi ai, hươ cánh tay cho nó.
Như gươm thiêng rút vỏ, như tên thẳng lìa cung;
Trên Tiên vương nghĩ cũng thỏa lòng,
Dưới triệu thứ trả cho rồi nợ;[3]
Ông bà phò hộ, trời đất sáng soi;
Giặc dầu mạnh thế cũng choi voi,
Công chắc đặng lo gì khốn khó.
Vả chăng thế nó, giàu mạnh biết bao:
Lắm súng lắm tầu, nhiều thuốc nhiều đạn;
Một tay chống cản, trăm phía sút sa,
Gánh nặng đàng xa, té đau ngã vội.
Như vậy sống làm trâu làm ngựa
Nắm xương xanh rên rỉ dưới gươm đao,
Chẳng thà thác mà quỷ mà thần,
Giọt máu đỏ thơm tho trong tre lụa,[4]
Lúc bấy giờ, liều thân cát bụi,
Đấng anh hùng muôn thác như không.
Gặp hội gió mây, trang liệt sĩ một tay chắc có.
Gắng tay tráng sĩ!
Vứt ách quăng giàm!
Cấp cấp như luật lệnh!!
Đại Ai Cập Nguyên soái Á Thích Phi hầu, Hịch .
Một thiên liệt liệt oanh oanh,
Đọc rồi chàng cũng thất kinh cho tài;
Lạc Tân thảo võ một bài,
So vào hịch ấy, ngang vai cập kề,[5]
Lận lưng thẳng tới sông Đề,

---

[2] *Lẫy*: giận dỗi.
[3] *Triệu thứ*: muôn dân.
[4] Thơm tho trong *tre lụa*: Xưa viết sử vào thẻ tre và trên mặt lụa.
[5] *Lạc Tân thảo võ*: (?)

Nàng Liên sẵn đứng trước hè trông ra,
Rằng: "Chàng chóng chóng vào nhà,
Đặng nghe thiếp kể gần xa mấy lời:
Mới đây tiếp đặng thơ người,
Nước Anh lắm chuyện trò cười gớm gan;
Khi không vượt biển băng ngàn,
Đem binh thẳng tới vào càn sông Tô;[1]
Người Ai ghét thói hàm hồ,
Quân dân hăm hở chống xô cõi ngoài;
Cuộc này chắc cũng còn dai,
Cò ngao dăng díu là trời giúp ta:[2]
Thiếp nay vui hoạ nước nhà,
Nói ra thì phải người ta chê cười:
Nhưng mà nghĩ bực lắm thôi,
Nước Anh tệ với người tôi lắm trò".
Chàng rằng: "Nghe đảng Tự do,
Giữ gìn đạo nghĩa toan lo hòa bình.
Bây giờ cầm chánh triều đình,
Lẽ nào đến đỗi ỷ binh làm càn?
Nước Ai cũng nước lân bang,
Nào ai mượn nó sửa sang việc người?
Hay là thế chẳng đặng thôi,
Vậy nên đến đỗi kéo lôi dắc dài?"
Nàng rằng: "Nghĩ cũng nực cười.

---

[1] *Sông Tô*: Sông đào Suez. Do chương trình của người Pháp Ferdinand de Lesseps được vua Ai Cập chấp thuận. Sông bắt đầu đào ngày 25.4.1859 đến ngày 17.11.1869 hoàn thành, dài 168 km, rộng từ 80 đến 135m ở trên mặt nước và từ 45 tới 100m dưới đáy. Sâu 11 tới 12m. Nước Anh lúc đầu cố phá công trình đào sông không được, sau mua lại 177.000 cổ phần của vua Ai Cập (năm 1875) để giữ một quyền lớn trong việc quản trị sông này.

Con vua Ismail (Phế đế) là Mohammed Tewfik (1879-1892) khi nối ngôi vua cha thì bị dưới quyền kiểm soát tài chính của Anh Pháp. Năm 1882, có một cuộc khởi nghĩa chống sự kiểm soát ấy. Thủy quân Anh bắn phá Alexandrie. Pháp từ chối không dự chiến. Anh một mình thắng trận Tell-Ell-Kebir (13.9.1882) và chiếm luôn Ai Cập (trong truyện nói việc Anh đem binh tới sông Tô là nói đến trận nầy).

[2] *Cò ngao dăng díu*: Do tục ngữ Tàu: *bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi* (cò ngao giằng co nhau thì ngư ông bắt được cả hai).

Thế gian lắm kẻ tin lời lái trâu![1]
Nữ hoàng cầm chánh bao lâu,
Hai mươi lăm thứ đánh nhau nước ngoài;
Kể ra cho rạch cho ròi:
Hai mươi bốn thứ về người tự do;[2]
Ở đời phải đắn phải đo
Chớ nghe êm miệng, tốt trò, mà xiêu;
Người Anh là lũ quân yêu,
Việc gì nặng túi, đánh liều làm ngay;[3]
Ngoại giao thói nó xưa nay,
Chẳng phân phe nọ đảng nầy chi đâu".
Chàng rằng: "Nàng nghĩ xa sâu,
Anh, Ai hai nước về sau thế nào?"
Nàng liền quay lại án đầu,
Tay cầm quyển sách vội trao cho chàng;
Rằng: trong lắm chuyện thảm thương,
Của người Lưu Huệ rõ ràng biên ra,[4]
Người Anh chước quỷ mưu ma,
Hành hà Ai Cập kể ra trăm phần.
Chàng liền cắp sách ra sân,
Dựa ngay bên ghế, giở lần ra coi;
Đọc qua một bận vừa rồi,
Máu sôi khúc ruột, hơi nhồi lá gan;
Sững sờ bỏ sách ngồi than;
Nhật trình nàng lại trao ngang cho chàng:
Rằng chàng đọc thử mấy hàng.
Giở ra chàng cũng vội vàng đọc ngay:
"Trong quân Ai Cập bấy nay,
Có ông lão tướng đủ tài lược thao;
Ước chừng bảy chục tuổi cao;
Đêm theo một gái ra vào cửa quân,

---

[1] *Tin lời lái trâu:* (lái trâu là kẻ dối trá nhất: *thật thà cũng thể lái trâu* (tin kẻ gian dối).

[2] *Hai mươi bốn thứ về người tự do*: hai mươi bốn lần đánh với người giành tự do.

[3] *Quân yêu*: quân yêu quái, quỷ quyệt.

[4] *Lưu Huệ: (?)*

Nói bàn lắm chước kinh luân;
Chẳng ai biết đặng tử phần là đâu,[1]
Kẻ đồn người nói bấy lâu;
Rằng phe Cách mạng, tướng đầu Ban Nha"
Xem rồi mới hiểu gần xa,
Hai người nhìn mặt uỳ òa giây lâu.

---

[1] *Tử phần*: cây tử và cây phần thường trồng ở đầu làng, tượng trưng cho quê hương.

Kinh luân: sợi dọc và sợi ngang. Nghĩa bóng: tài xếp đặt việc chính trị.

HỒI THỨ BẢY

TIN TỨC ĐÍCH XÁC

a) Hai người đang ngồi trò chuyện thân mật thì có một người con gái bước vào. Nhìn kỹ Hồng Liên nhận ra là người mình gặp dưới tầu.

Người ấy mừng, nhưng lại mỉa mai Hồng Liên là quên nghĩa bạn bè cũ để về đây vui với tình. Hồng Liên tức lắm bắt nàng phải nói rõ là ý gì. Nàng chìa tay đưa cái nhẫn vàng của U Lan cho xem. Hai người xúm lại xin nghe tin tức.

Chuyện trò nàng hỏi đôi câu:
"Xưa chàng mới gặp nàng U mấy lần,
Thiếp thì lắm lúc chơi thân,
Nghiêng gan trút mật mười phần cho coi;
Lòng chàng thiếp biết đủ mười,
Chàng đà biết thiếp con người thế nao,
Hai bên ý hiệp tâm đầu,
Ruột gan còn có ai đâu hơn mình:
Vậy mà xét kỹ mối manh,
Lòng chàng giữ chắc tơ tình U Lan,
Nếu không phụng rẽ gương tan,
Trăm năm gắn chắc keo san đã rồi;
Bây giờ may đặng nhờ trời,
Nàng Lan còn sống trên đời thế gian,
Trước sau rồi cũng gặp nàng,
Lúc giờ chàng xử đôi đàng thế nao?"

Chàng ngồi ngẫm nghĩ chặp lâu;[1]
U Lan gặp gỡ tình sâu lắm rồi,
Hồng Liên cùng bạn vui cười,
Nhưng xem cho kỹ hai người như đôi,
Chẳng qua nước chảy hoa trôi,
Gặp đây chưa biết sau trôi chốn nào!
Nay nàng hỏi ngặt mấy câu,[2]
Hở môi khó nói, cúi đầu làm thinh".
Tiếng đâu gõ cửa thình lình,
Một nàng đã thấy rập rình liếc trông;
Áo quần trắng toát như bông,
Khăn là che mặt, bước xông hãi hùng.
Chàng liền cất tiếng phông lông;[3]
Nàng Lan về đó, nàng Hồng thấy chưa!
Hồng Liên chưa kịp nói thưa
Nàng đà bước tới rèm sưa tức thời.[4]
Hồng Liên nhìn mặt một hồi,
Rằng: nàng có phải gặp tôi dưới tầu?
Nàng cười mủm mỉm gật đầu;
Hồng Liên ra đón, mời vào nhà trên.
Ngồi xong cất tiếng nói liền:
"Cha già mấy tiếng, linh thiêng rõ ràng"!
Chàng càng chẳng biết muối mang,[5]
Ngồi trừng hai mắt, nhìn nàng chăm chăm;
Tác chừng ba bốn ba lăm,
Môi hồng răng trắng êm đằm trẻo trong;
Trông ra tướng mạo oai phong;
Liếc qua hỏi: "phải biển Đông là chàng?"
Chàng liền thưa lại nhẹ nhàng:
"Tánh tôi chậm trễ ngỡ ngàng lắm thôi,
Việc nàng chưa rõ đầu đuôi,

---

[1] *Chặp lâu*: lúc lâu.

[2] *Hỏi ngặt*: Hỏi khó trả lời.

[3] *Phông lông*: bông lông không căn cứ, lại có nghĩa như nói đùa, nói không chắc có thật.

[4] *Rèm sưa*: Rèm thưa.

[5] *Muối mang*: Mối manh.

Cớ chi nàng lại biết tôi vậy mà?"
Cười rằng: "Có lạ chi nà!
Cần gì chàng biết bông sa bèo hèn".[1]
Quay đầu lại gọi Hồng Liên:
"Nghĩ cô sung sướng như tiên đủ mười;
Một mình nước tốt non tươi,
Ở trong nệm túy, ra ngoài chèo loan;[2]
Giao du những kẻ ruột gan
Phước cô gẫm lại thế gian ai bằng!"
Hồng Liên tức giận đáp rằng:
"Tới đây nàng vặt nàng giằn tôi sao?
Tôi tuy chút phận lao đao,
Thân nầy vẫn hãy ra vào tự do;
Ngắm hoa thưởng nguyệt đủ trò,
Khi xe chơi núi, khi đò dạo sông,
Nghênh ngang đây đó mặc lòng,
Đố ai dám tới cạn cùng tôi đây!"[3]
Nàng liền đỏ mặt nói ngay:
"Thiếp đà biết rõ hẳn đây vậy mà!
Tự do là của của bà,
Còn ai dám tới gạn tra cho cùng!
Vả chăng nhan sắc lạnh lùng,
Tài khôn, trí khéo, miệng hùng, lưỡi hay,[4]
Gái ngoan ít kẻ sánh tày,
Tiếc vì một tí miệng hay dối lòng!
Bạn bè chẳng chút thủy chung,
Xin bà hãy hỏi trong vòng tấc gang:[5]
Xưa kia đi với U Lan,
Chung tầu vượt biển Tây Ban những ngày;
Trong tầu thiếp lấy bụng ngay.

---

[1] *Nà:* Nè. – *Bông sa bèo hèn*: Bông hoa sa xuống đất, bèo cạn dưới nước. Ý nói chàng không biết vì tôi là một cô gái tầm thường.

[2] Nệm *túy*: nệm đẹp (còn nói nệm *thúy*); *chèo loan*: (khi đi chơi bằng thuyền thì dùng thứ chèo đẹp).

[3] *Cạn cùng*: gạn hỏi.

[4] *Miệng hùng*: miệng nói mạnh; *lưỡi hay*: lưỡi uốn khéo.

[5] *Hỏi trong vòng tấc gang*: hỏi lại một chút thôi.

Đem ra trò chuyện, bà đay đủ đường;[1]
Đến khi kể chuyện Đông Dương,
Bà liền quay mặt kiếm đường nói ngơ;
Tưởng bà còn nhớ sờ sờ,
Tưởng bà bụng cũng tưởng mơ đến nàng;
Xưa sao thề thốt vội vàng,
Cắt đầu uống máu một đàng tử sinh,
Bây giờ bà thoát đặng mình,
Tìm nơi kiếm chốn vui tình người thương,
Tháng ngày dong dãi đủ đường,[2]
Mặc ai sống chết mơ màng gì đâu?
Nghĩ trong thiếp nói mấy câu,
Bà còn ngoẻo cổ lắc đầu gì không?"
Hồng Liên mặt tía tai hồng,
Mình run lẩy bẩy, miệng không ra lời.
Chàng nghe cũng nín bặt hơi.
Ba người nhìn mặt một hồi lặng thinh,
Nàng liền xốc áo cất mình,
Rằng: "Tôi băng bãi lội ghềnh, đến đây,[3]
Trong lòng còn lắm điều hay,
Ai dè hai gã đoạ đày khinh khi;
Ngồi đây lạt lẽo lắm chi,
Thôi thôi thiếp hãy xin đi cho rồi".
Chàng rằng: "Nàng trách chúng tôi,
Nghĩ ra cũng có lôi thôi thực mà.
Như nàng lắm tiếng kiêu ngoa,
Tôi e chưa phải con nhà thi thơ".[4]
Nàng rằng: "Xin hãy làm ngơ,
Việc này chàng chớ mó rờ vào chi".[5]
Nói rồi xô cửa ra đi.
Hồng Liên lớn tiếng tức thì hỏi ngay:

---

(1) *Đay:* nói lời chua chát.

(2) *Dong dãi:* đi băng qua bãi. *Lội ghềnh*: lội qua ghềnh ý nói đi đường vất vả.

(3) *Băng bãi*: đi băng qua bãi. *Lội ghềnh:* lội qua ghềnh ý nói đi đường vất vả.

(4) *Con nhà thi thơ*: Con nhà có nền nếp ăn học.

(5) *Mó rờ*: Động đến.

"Trong quân mật thám đời nay,
Đàn bà con gái lá lay lắm người;[1]
Chuyện này chẳng phải trò chơi,
Nàng không nói hết đầu đuôi cho tường,
Dạ tôi còn lắm lo lường,
Khỏi nhà một bước, đố nường dám ra!"
Nàng rằng: "Ỏa lạ quá mà!
Nghi người mật thám ấy là lẽ chi?
Nếu mình không vít không tỳ,[2]
Trăm ngàn mật thám sợ chi đó nào?
Nay nàng sợ trước sợ sau,
Chắc là cúi ngửa dày cao thẹn thùng;[3]
Thiếp nay bụng sạch dạ trong,
Tìm người chánh sĩ anh hùng mà chơi;
Còn như những lũ bốc rời,[4]
Nửa câu một tiếng khôn rơi vào lòng".
Hồng Liên tức máu lửa nồng,
Mắt đưa Tán Sĩ giục lòng ra tay.
Khoát tay nàng cũng nói ngay:
"Khen cho có khí râu mày lắm ru!
Nhưng mà ấy mạnh thất phu,
Xưa nay quân tử trượng phu ai màng!
Thân này chẳng phải bạc vàng,
Nhưng ai muốn bỏ giữa đàng làm chi;
Hãy xin nghĩ lại nghĩ đi,
Chớ làm vội vã e khi có lòng".
Nói rồi bước lại ngồi trong,
Mặt mày chảnh hoảnh, mắt không có người;[5]
Nhật trình sẵn đấy xem chơi,
Xem rồi vội vã cất lời thở than:
Rằng: "Này hẳn việc U Lan,

---

[1] *Lá lay* hay *lí lê*: không đúng đắn hay tò mò biết chuyện người khác.

[2] *Không vít không tì*: không có vết không có tật.

[3] *Cúi ngửa dày cao*: cúi xuống nhìn đất dày và ngửa mặt nhìn trời cao.

[4] *Bốc rời*: thói xấu huênh hoang, ngông nghênh.

[5] *Chảnh hoảnh*: tự nhiên, không lộ vẻ gì khác thường. *Mắt không có người* (mục hạ vô nhân) vẻ kiêu căng không coi ai ra gì.

Hai người đã biết chuyện nàng rồi chi;
Khi giờ lòng thiếp hồ nghi, [1]
Ngỡ là hai gã li bì vui chơi
Còn ai chết sống mặc đời,
Vậy nên mở miệng lắm lời phang ngang. [2]
Liền tay đưa chiếc khâu vàng, [3]
Hồng Liên ngó thấy vội vàng hỏi mau:
"Nàng Lan khi ở dưới tầu,
Khâu nầy nàng hẳn đeo vào ngón tay;
Cớ chi nàng bắt đặng đây?
Dám xin thứ lỗi, hãy bày cho nghe".

Người ấy kể:

b) Khi tầu đắm đã nhờ được hai cha con U Lan vớt lên thuyền và lênh đênh mặt biển, một ngày sau có tầu đi qua mới kêu cứu và theo hai người chở qua Ai Cập.

Chàng cùng bước tới ngồi kề,
Nàng rằng: "Xin kể đủ bề trước sau:
Từ khi phân rẽ dưới tầu,
Thiếp về nước Ý thăm hầu nghiêm thân; [4]
Nhơn ông Gia Lý về thần,
Cha con tới đó cẩn dâng tấm thành; [5]
Thiếp liền về trước một mình,
Tàu ra giữa biển thình lình gặp dông;
Bốn bề sấm gió đùng đùng,
Sóng ùn như núi thuyền vồng như đu [6]
Xé trời một tiếng điếc đầu,
Thuyền đà đụng núi, thủng sâu vào lòng;
Thất kinh thiếp chạy hãi hùng,
Đò con gần đấy, nhảy đùng vào trong;

---

[1] *Khi giờ*: khi nãy.

[2] *Nói phang ngang:* (phang là đánh) nói nặng lời một cách đột ngột, nói đốp vào mặt.

[3] *Khâu*: Nhẫn đeo tay.

[4] *Nghiêm thân*: Cha.

[5] *Cẩn dâng tấm thành*: Kính cẩn dâng tấm lòng thành. – *Về thần*: chết.

[6] *Thuyền vồng*: thuyền đưa nổi lên.

Chơi vơi đò nhỏ người đông,
Kẻ run người sợ, hồn không phụ hình;[1]
Nghiêng qua lắc lại lênh đênh,
Ùn ùn một cụm sóng kình phủ khơi,
Đò triềng đổ hắt ra vời,[2]
Đến khi đò nổi, ba người còn trong;
Thiếp còn giớn giác nom trông,[3]
Sóng đâu phủ tới đập chồng lên vai;
Thiếp liền nhào ngã ra ngoài,
Hai người nắm áo lôi dài vào khoang:
Nước đà đầy ruột chang bang,[4]
Tay chân xuôi xị, mê man nằm dài;
Tỉnh rồi mở mắt ra coi,
Mây quang, gió lặng, mặt trời xuyên ngang;
Thiếp thời nằm thíp dưới khoang,
Một ông già với một nàng ngồi bên;
Hai người nghe giọng thiếp rên,
Mừng rằng: "người cũng còn trên cõi trần!"
Thiếp nghe giọng nói gần gần,
Mơ màng nhớ có một lần cứu nhau;
Giả ơn thăn thỉ mấy câu:[5]
"Không người tôi đã nhào đầu biển khơi!"
Nhìn tôi nàng hỏi tức thời:
"Người đi tàu Mỹ với tôi đây mà!"
Nhìn lâu thiếp mới nhớ ra,
Chung tàu qua biển Ban Nha gặp nàng.
Biển trời gặp gỡ lạ làng,[6]
Động lòng thiếp cũng mấy hàng lụy rơi.
Đò trôi giữa biển chơi vơi,

---

[1] *Hồn không phụ hình*: hồn không ở trong xác, do chữ: *hồn bất phụ thể.*

[2] *Đò triềng*: Đò tràng.

[3] *Giớn giác*: nhớn nhác, nhìn với vẻ vừa lạ. - *Đập chồng*: đập thêm vào chồng lên cái trước.

[4] Đầy ruột *chang bang*: phương ngữ có nghĩa nước vào đầy kềnh bụng ra. *Tay chân xuôi xị*: tay chân buông xuôi như chết.

[5] *Thăn thỉ*: phương ngữ có nghĩa năn nỉ, nói nhỏ để cầu xin.

[6] *Gặp gỡ lạ làng*: gặp gỡ người không cùng xứ, hay *làng* chỉ là một tiếng đệm(?)

Gió êm sóng lặng biển trời mênh mông,
Bóng thuyền dạng núi vắng không,
Linh đinh chiếc lá, tây đông sá nào!
Thiếp rằng: tay lái tay sào,[1]
Chẳng còn một chú, dựa vào tay đâu?
Phần thì đói khát dãi dầu,
Nước xô sóng dạt biết đâu là nhà!
Ba người ngồi lặng trông ra,
Phất phơ ngọn khói xa xa cách vời,
Xúm nhau miệng giói tay huơ,[2]
Trông thuyền như thể quay quờ tới nơi;
Ba người vui vẻ nói cười,
Nàng Lan cất tiếng: thôi rồi thuyền đi!
Thiếp rằng: nó lại có khi?
Nói rồi trông lại thuyền đi xa lần;
Trông theo trời biển vô ngần,
Giữa không, sót chút khói tàn mỉa mai!
Ông rằng: nghĩ kỹ mà coi,
Thạnh suy, sống chết, có ai khỏi nào?
Nếu mà mạng vận lao đao,
Thời ta thong thả cũng giao mặc trời;
Kiếp nầy khuất mắt là rồi,
Thôi đừng trách đất van trời mà chi;
Người đời lắm nỗi ngu si,
Van rầu, trối chết, biết chi đạo trời;[3]
Nói rồi nhắm mắt lặng ngồi,
Thân nầy phú mặc biển trời vần xoay.
Ba người đổi bực làm khuây,
Lòng trông, dạ sợ, như mây tan rời.
Phía tây lấp ló mặt trời,
Gió xao lúc lắc, sao ngời lung lay;[4]
Nổi trôi hơn một đêm ngày,

---

[1] *Tay lái tay sào*: người cầm lái người cầm sào.

[2] *Miệng giói tay huơ*: miệng kêu gọi to người ở xa mình và tay hoa lên.

[3] *Van rầu, trối chết*: Rên rỉ khi buồn rầu, và run sợ khi chết chóc.

[4] *Gió xao lúc lắc*: Gió xao động làm lúc lắc đò; *sao ngời lung lay*: sao sáng trên trời như lung lay.

Mệt nhừ, đói nháu, lăn vày ngủ ngon.[1]
Rầm rầm sóng dậy như non,
Gió to phủ tới, đò con chìm liền;
Một thân chìm xuống nổi lên,
May đâu gặp một gái tiên cứu mình,[2]
Dắt tay đền nguyệt cung quỳnh,
Đàn ca sáo thổi, thỏa tình lắm thay;
Đương khi gió dập sóng vày,
Chơi vào tiên cảnh vui vầy nào qua;
Vỗ tay vọt miệng mừng la,
Tỉnh ra mở mắt biết là chiêm bao.
Hét dài một tiếng còi tàu,
Tai nghe vội vã cất đầu trông ra;
Bóng cờ thấp thoáng xa xa,
Tiếng tàu cắt nước nghe ra rõ ràng.
Ba người hết sức kêu van,
Tàu liền trở lái thẳng đàng tới nơi;
Đò con bơi lại tức thời,
Vội vàng dìu dắt ba người lên khoang.
Hỏi ra mới biết rõ ràng:
Thuyền thơ Hy Lạp chạy sang Tô Hà;
Chúa tàu mời rước vào nhà,
Rượu trà cơm nước mặn mà giờ lâu;[3]
Khách tàu thăm viếng yếm âu,
Kẻ giùm tiền bạc, người cho áo quần.
Cách ngày nghỉ khỏe tinh thần
Thăm nàng thiếp mới lại gần hỏi han:
"Trong khi sóng gió nhộn nhàng,
Bạn nường một gã một nàng thế nao?"
Nàng rằng: "lúc gặp dưới tàu,
Hãy còn lắm việc thẳm sâu khôn chường,
Bây giờ may lại gặp nàng,
Trong khi chết sống vội vàng nhờ nhau;
Duyên trời gặp gỡ lạ sao!
Dầu trong gan ruột dám đâu dấu người".

---

[1] *Đói nháu*: phương ngữ là đói lắm; *lăn vày*: lăn ra ngủ vùi.
[2] Đoạn này tả nàng ngủ mệt và nằm mơ.
[3] *Rước vào nhà*: Rước vào buồng giấy tàu.

Nàng liền kể hết đầu đuôi,
Kể rồi nàng lại cất lời thở than:
"Còn hai người bạn Chi Lan,
Vì tôi nên nỗi suối vàng bỏ thân,[1]
Vui buồn nhắc lại khôn cân,
Được cha mất bạn, một thân lỡ làng;
Đau lòng nhớ đến bạn vàng,
Khác gì mấy bữa xiêu tàn biển khơi"!
Cách ngày thuyền cũng tới nơi,
Chúa tàu dò dặn kiếm nơi dưỡng mình.
Thiếp rằng: "vạn tử nhất sinh,[2]
Nhờ người cứu giúp, cảm tình biết bao!
Hiềm vì trôi nổi bấy lâu,
Vật gì mà giả nghĩa sâu cho đành!"
Người rằng: "ta vốn người Anh,
Chúa tàu cứu giúp bộ hành công chi?
Huống là trôi nổi lưu ly,
Xin nàng thôi chớ vân vi hậu tình".[3]

c) Đến Ai Cập thì gặp cuộc xung đột Anh – Ai, dân chúng biểu tình phá phách la lối om sòm. Một ông Nguyên soái Ai Cập nhận được mặt lão tướng (vì trước có giúp việc dưới quyền Ngài), đã đến xin mời Ngài vì nghĩa giúp cho làm quân sư. Ngài ưng lời và bày kế làm bản Tuyên ngôn và chính tay Ngài viết bản ấy, mà mọi người đã thấy.

Ba người tìm quán nghỉ mình,
Việc đâu lại gặp thình lình sấm mây;[4]
Ai, Anh hai nước đương gây,
Chưa xong miệng lưỡi, toan bày gươm đao:[5]
Sĩ dân Ai Cập ồn ào,
Hai bên đã sắp chào rào máy binh;
Nghĩ ra cũng bởi người Anh
Nghênh ngang quá sức, hà hành lắm phen;

---

[1] *Bạn Chi Lan*: Bạn cố kết như cỏ chi cỏ lan.

[2] *Vạn tử nhất sinh*: Vạn phần chết chỉ có một phần sống (thường nói *thập tử nhất sinh*).

[3] *Vân vi*: Nói lôi thôi.

[4] *Sấm mây*: Nổi sấm và kéo mây (nghĩa bóng có việc lớn tày trời diễn ra).

[5] *Chưa xong miệng lưỡi*: chưa xong cuộc đàm phán.

Ỷ mình nhiều súng nhiều thuyền,
Phao vu Ai Cập lấp miền sông ngang,
Làm cho muôn nước dở dang,
Ấn Anh hai nước hết đàng lại qua,
Vậy nên Anh phải lo xa,
Sửa tàu, chọn lính, kéo qua giữ gìn.
Nói sao lắm nỗi khó tin,
Sông Tô vốn thiệt kho tiền nước Ai,
Kinh đô ra đến bên ngoài,
Cách hơn trăm rưỡi dặm dài cát không,
Chở chuyên qua lại nhờ sông,
Dại chi đến nỗi hoài công lấp bồi?
Lại còn lắm việc lôi thôi,
Nhắc ra ai cũng gan nhồi lụy sa:
Người Ai sửa việc nước nhà,
Hay là thay đổi quan gia việc mình,
Người Anh kiếm chuyện đấu tranh,
Rằng: trong việc ấy phải tình dân đâu!
Chẳng qua mấy đứa cầm đầu,
Hay là quân lính toan cầu lợi riêng,
Sợ e thế nước nghiêng triềng,
Đóng binh ta phải giữ gìn người Âu![1]
Cuộc đời càng nghĩ càng đau,
Thế gì thằng mạnh thằng giàu cũng hơn!
Nhỏ to cũng một giang sơn,
Dầu cho thay nhịp đổi đờn mặc ta,
Can chi nước ngoại đó mà,
Vậy còn ỷ thế hiếp hà lẽ nao![2]
Chẳng qua cậy mạnh cậy giàu,
Lăm le kiếm miếng giựt nhầu túi trong,
Sao cho tiền bạc vào vòng,
Giành nghề buôn bán, cướp công thợ thuyền,
Sao cho cướp cả chánh quyền,
Một lần nuốt sống nhai kiền mới vui.[3]

---

[1] *Nghiêng triềng*: nghiêng tràng, ý nói nước tròng tràng nghiêng ngả.
[2] *Hiếp hà*: Hà hiếp, bắt nạt.
[3] *Nuốt sống nhai kiền*; nuốt sống nhai *càn, phũ* phàng làm bừa đi.

Cách ngày bọn thiếp đương ngồi,
Thình lình nghe tiếng: chao ôi! vang trời:
Đàn bà con nít tả tơi,
Tiếng binh, tiếng ngựa, tiếng người xôn xao,
Tứ bề súng nổ rào rào,
Tiếng hầm, tiếng hét, ồn ào lộn vang;
Thất kinh hé cửa vội vàng,
Trông ra người nhóm nhộn nhàng dư trăm;
Người người súng sáu dao găm,
Huơ gươm ném gạch, hằm hằm kêu vang;
"Bầy hùm, lũ cáo, đánh tan!
Nước ta khôi phục, phơi gan một lần"
Tướng quân kêu thiếp phân trần:
Ấy là đến kiếp phong trần rồi đây!
Cầm buồm giữ lái cho hay,
Định bề lui tới, thân nầy mới an.
Nghe ra bốn phía vang tràn,
Cửa gương lảng chảng, đồ hàng nát tương;[1]
Ồn ào gần đến bên tường,
Nàng rằng: chắc đảng hoang đường đó thôi.[2]
Một lời nói chửa dứt hơi,
Cửa ngoài đã thấy như sôi xông vào.
Lệnh đâu mấy tiếng truyền rao:
"Có quan Nguyên soái đã vào tới đây!
Thằng nào thừa thế làm bây,
Giết người, cướp của: bêu thây chém đầu!"
Quân hoang thất tản lủi đâu,
Nghe ra ngoài cửa dưới lầu lặng bâng.[3]
Tiếng đâu một rập vang rần:[4]
"Nguyên nhung vạn tuế"! xa gần reo lên.
Hé song ngó dưới trông trên.

---

[1] *Cửa gương lảng chảng*: cửa kính vỡ loảng xoảng. *Đồ hàng nát tương*: đồ hàng bị phá nát như tương.

[2] *Đảng hoang đường:* Đảng chính trị hành động không đúng đắn.

[3] *Thất tản:* chạy tản mát; *lặng bâng:* (phương ngữ bâng là bưng) im phăng phắc.

[4] *Một rập*: một loạt.

Bốn hàng quân kéo hai bên gươm trần;
Ba người chẳng dám nhích chân,
Bỗng nghe gõ cửa, tiếng gần bên tai;
Tướng quân ra hỏi tức thời;
Đáp rằng: "Nguyên soái nước Ai tới hầu".
Tướng quân kinh hãi xiết đâu;
Cửa trong vừa mở, quân hầu thẳng vô;
Một người hăm hở bước sồ,
Đai mang giáp nịt, sộ đồ chóa ngươi,[1]
Đáng trang đạp đất đội trời,
Vóc cao, mặt lớn, mắt ngời như sao;
Nhìn ngài vội vã hỏi chào:
"Chúc mừng quới thể tuổi cao anh hùng!"
Tướng quân giả dạng sượng sùng,
Kiếm điều nói trớ cạn cùng mấy câu:[2]
Bẩm ngài: tôi biết chi đâu?
Thực người Nam Mỹ dãi dầu bán buôn;
Bấy nay kiếm chốn giải buồn,
Cắp con đi dạo luông tuồng Nam Âu,[3]
Phải tàn xiêu dạt bấy lâu,
Sống thừa thực cũng may đâu nhờ trời,
Bây giờ trôi nổi nước Ngài,
Gặp cơn binh cách ba người sợ run;[4]
Đương khi sảng vía điếng hồn. [5]
Nhờ Ngài may khỏi xương chôn bụi trần;
Lòng tôi cám tạ muôn phần;
Mà Ngài lại gọi "Tướng quân", thực lầm!
Nghe lời sợ sệt khôn cầm.
Mồ hôi chảy tháo dề dầm mướt thây!"
Người rằng: "Ngài giấu chi đây?
Ngài là tướng giỏi nước Tây đấy mà!

---

[1] *Bước sồ*: bước trờ tới; *sộ đồ chóa ngươi:* đồ sộ chóa con mắt.
[2] *Nói trớ*: nói tránh ra phía khác.
[3] *Luông tuồng*: dông dài, không định hướng.
[4] *Cơn binh cách:* Việc binh dao đột ngột xảy ra.
[5] *Sảng vía điếng hồn*: sảng sốt hồn vía sợ chết điếng.

Đủ tài lược sáu, thao ba, [1]
Một thân trăm trận, gần xa biết Ngài;
Bây giờ còn muốn giấu ai!"
Ngài còn hết sức chối dài mấy câu.
Người rằng: "Xin chớ nói lâu,
Lâm cơn nguy biến, bóng câu khôn dừng; [2]
Nghe tin tôi rất vui mừng,
Vậy nên tếch bước băng chừng tới đây;
Trong khi trời đất gió mây,
Đặng Ngài giúp sức xum vầy biết bao!
Bấy lâu biển thẳm trời cao,
Mất còn sống chết, biết đâu mà tìm,
May mà đặng thấy áo xiêm, [3]
Xin Ngài xét đến nỗi niềm cạn sâu.
Vả chăng Ngài nói mấy câu,
Chẳng qua Ngài muốn giấu đầu giấu đuôi;
Ngày lâu Ngài hãy quên tôi,
Theo hầu dưới trướng đã đôi ba lần;
Tôi còn nhớ mặt tướng quân,
Xin đem tên họ phân trần giải nghi:
Thượng Thơ Binh Bộ chức ty,
Tên tôi là Á Thích Phi đây mà!"
Tướng quân nghe rõ gần xa,
Vội vàng cất tiếng thưa qua mấy lời:
"Chẳng hay Ngài đã biết tôi,
Mắt già chấp choáng, lôi thôi đá vàng!
Tôi nay thực tướng Tây Ban,
Tới đây chưa biết Ngài bàn việc chi?"
Phi rằng: "Gặp lúc khuynh nguy,
Xin Ngài chịu chức Quân sư giúp đời".
Ngài rằng: "Nguyên súy nói chơi,
Người xưa có nói mấy lời còn ghi:
Tướng thua khoe mạnh nỗi chi,
Quan to nước mất, mưu gì mà hay!

---

[1] *Lược sáu, thao ba*: (do chữ *lục thao tam lược*) phép dùng binh bí truyền.
[2] *Bóng câu khôn dừng:* (Bóng ngựa qua cửa sổ) thì giờ gấp rút.
[3] *Thấy áo xiêm*: thấy di vật của người quen biết cũ.

Tôi đâu dám chịu chức nầy."
Phi rằng: "Xin hãy tỏ bày thủy chung;
Tôi tuy kém sức anh hùng,
Nỡ nào ngồi ngó non sông nổi chìm!
Dân nghèo đói khát lèm hem, [1]
Giống nòi đâu nỡ ngồi xem chôn bùn!
Chiều theo lòng chúng thôi tôn, [2]
Dựng cờ xướng nghĩa, đóng đồn cần vương;
Hiềm vì thế nó khôn đương, [3]
Thuyền nhiều, súng tốt, trăm đường binh oai,
Ta thì thế nước choi voi,
Múa gươm, vần thẻ trong ngoài không ai; [4]
Hơn thua khó nỗi bằng vai,
Nhưng mà phải trái, lòng người hiểu ngay,
Nếu tôi gây việc chông gai,
Thì tôi chẳng dám lụy Ngài thí nao,
Lẽ đâu những đấng hiền hào,
Bỏ thân giúp kẻ tầm phào vậy ơ!"
Ngài rằng: "Nguyên soái bây giờ.
Thề lòng dựng lại cõi bờ ông cha,
Tôi tuy tài mọn sức già,
Nỡ nào thấy nghĩa ngơ ra cho đành!
Vả tôi lắm nỗi lênh đênh,
Thanh gươm yên ngựa vắng mình đã lâu,
Ngồi buồn luống những âu sầu,
Mà nay gặp đặng minh hầu là may; [5]
Trước là báo đáp nghĩa dày,
Sau là tập luyện chân tay cho nhuần."
Phi hầu nghe nói cả mừng;

---

[1] *Đói khát lèm hem*: phương ngữ có nghĩa đói khát lem luốc.

[2] *Thôi tôn*: đẩy ra và tôn lên. *Cần vương:* Nêu danh nghĩa phò vua.

[3] *Khôn đương*: Khó đương nổi.

[4] *Múa gươm, vần thẻ*: Múa gươm, chỉ tướng ra ngoài mặt trận; Vần thẻ, do chữ *vận trù* là tướng sắp đặt mưu kế ở trong. *Vận* hay vần là đổi chỗ này qua chỗ khác. *Trù* là thẻ ghi vị trí đóng quân lập thành đồ trận để chỉ huy.

[5] *Minh hầu*: Người khách bạn trong dòng quyền quý cùng thề nguyền giúp.

Bắt tay người mới hả hừng nói ra:[1]
"Được thêm mười vạn quân gia,
Chưa bằng một tiếng tướng già ừ qua!
Vả xem trong thế nước ta,
Lòng người chó má binh gia kiến ruồi!
Tính sao trăm việc cho xuôi?
Xin ngài bày tỏ đầu đuôi cho mà".
Ngài rằng: "cốt bụng người ta!
Phải toan đánh thức gần xa một lòng;
Nhúm nhen mật nghĩa gan trung,
Chi bằng tờ hịch thân công đủ mười".
Phi rằng: "việc ấy nhờ Ngài".
Ngài liền tay thảo một bài trao ra.
Phi hầu khen ngợi ngâm nga,
Khí cao muôn trượng lụy sa ngàn dòng,
Đọc qua ai chẳng động lòng;
Khen rồi sửa một vài dòng qua loa.
Hịch truyền khắp cả gần xa,
Hai người tưởng đã đọc qua mấy lần.
Chàng rằng: "ấy viết Tướng quân,[2]
Nên chi đọc đến trăm phần xót xa!"

d) Sau đó một bữa về nhà, Ngài thở dài nói sẽ chết không có chỗ chôn. Chúng tôi hỏi. Ngài trình bày rõ ràng lại nguyên cớ tại sao. Tại bọn người bản quốc muốn bày mưu dựa hơi đạo Hồi để đem khối người theo Hồi giáo chống Anh. Ngài chủ trương làm như vậy thì vô tình sẽ gây một thứ chiến tranh Tôn giáo, khó lòng có nước nào giúp Ai và sẽ đi đến mất nước.

Nhưng bọn kia vì đó nghi ngờ Ngài là nhị tâm.

Việc Ngài nàng lại kể ra;
Một ngày Ngài trở lại nhà buồn tanh,
Than rằng: "Không chỗ chôn mình!"
Bọn tôi xúm hỏi: "sự tình thế nạo?"
Rằng: "Vua Ai Cập tào phào,[3]

---

(1) *Hả hừng*: Phương ngữ: hả hê hứng chí có vẻ phấn khởi.
(2) *Ấy viết*: ấy là bài viết.
(3) *Tào phào*: không có định kiến.

Không lòng quyết đoán, đụng đâu nghe xằng,
Mắc lầm chước lận, mưu nhăng, [1]
Nghi người ngay ngắn, tin thằng bá vơ;
Người Anh trăm kế phỉnh phờ,
Phải mưu xỏ lá, bơ vơ giữa đàng;
Phi hầu dạ sắt gan vàng,
Thừa bên trung nghĩa, kém đàng lược thao,
Tức gan những việc bao lao, [2]
Chước hèn chưa rõ, mưu cao không rành;
Ta bày lắm kế chống Anh:
Mà người không dụng, việc thành sao đang!
Tường Anh Lưu Thạnh phi thường, [3]
Giỏi nghề võ thuật, rành đường binh cơ
Muốn đem lũ lính vật vờ,
Toan ra chống cự, hởi hờ biết bao![4]
Nước Ai thế phải té nhào,
Bọn ta còn biết chỗ nào chôn thân!"
Bọn tôi chưa rõ mười phần,
Xin Ngài nói tách xa gần cho minh.[5]
"Rằng khi bàn bạc máy binh, [6]
Lắm người dại dột, lắm tình lôi thôi;
Người bày xướng đạo Hồi hồi,
Bắt quàng việc giáo nhận trồi máy binh,[7]
Vậy thì cả nước đồng tình,
Những người ngoại quốc tan tành trong tay.
Ta rằng: ấy chước bài bây, [8]
Ấy chưa biết việc đời này gần xa,
Hay là những bọn già sa, [9]
Không thì lũ học trò già nói vơ!

---

[1] *Chước lận, mưu nhăng:* mưu kế gian dối lăng nhăng.
[2] *Việc bao lao*: việc mung lung mờ mịt.
[3] *Lưu Thạnh:(?)*
[4] *Hởi hờ*: cầu may.
[5] *Nói tách*: nói tách bạch rõ ràng.
[6] *Máy binh*: do chữ quân cơ.
[7] Đem việc tôn giáo chằng vào việc quân sự.
[8] *Chước bài bây*: Chước bầy vẽ bậy bạ.
[9] *Bọn già sa*: (già lam sa đi) bọn người tu hành.

Trong khi động súng kéo cờ,
Nương theo danh nghĩa, cõi bờ mới yên;
Nếu mà mượn chạ quơ xiên, [1]
Ấy là những thói mọi phiên quá thời;
Nay đà mười chín kỷ rồi,
Cần chi phải mượn những lời bá vơ!
Vả chăng Ai Cập bây giờ,
Người ngoài hà hiếp bơ vơ trăm đàng,
Nghị viện phải nó đuổi tan,
Dầu muôn ngàn miệng kêu van cũng đè.
Lợi quyền xé bé xé be,
Chánh quyền trong nước thâu về một tay,
Ngóc đầu mở mặt với ai,
Cắn răng mím miệng nằm dài sao xong?
Những người ruột nghĩa gan trung,
Kể chừng mấy chuyện, nổi xung lắm rồi;
Tự do là nghĩa muôn đời,
Cần chi phải mượn những lời lôi thôi;
Nương theo nghĩa chánh, lẽ đời,
Mỹ, Âu chí sĩ lắm người nghênh ngang,
Hoạ ra súng cắp gươm mang,
Hay là giúp súng, giúp vàng, giúp binh,
Hay là diễn thuyết sự tình,
Hay là sách vở, nhật trình giúp ta;
Nếu mà chẳng biết lo xa,
Khoèo sơ một múi, bùng ra trăm vòng, [2]
Chẳng những thế nước khôn mong,
Sợ e thua vét sạch sòng đó thôi; [3]
Nếu xô vào đạo Hồi hồi,
Phái tây Ấn Độ hoạ thời giúp chăng,
Người Âu nổi giận hung hăng,
Hai bên so lại đã bằng nhau đâu!
Còn như nước Thổ bấy lâu,

---

[1] *Mượn chạ quơ xiên:* vơ vào liều lĩnh. *Mọi phiên*: mọi rợ, cổ lỗ.

[2] *Khoèo sơ một múi, bùng ra trăm vòng*: sơ ý gợi một đầu mối thì cả trăm vòng dây sẽ bung ra thêm rối hơn lên.

[3] *Thua vét sạch sòng*: thua cạn hết như bị vét sạch cả sòng bạc.

Binh người đồng giáo toan hầu giúp ta,
Hiềm vì một nỗi thằng Nga,
Xưa nay vẫn chực lột da Nhĩ Kỳ,
Gặp chầu nó có dại chi,[1]
Thừa cơ bóp họng bước gì đến đâu?
Lại thêm người Mỹ, người Âu,
Nghe ta chống đạo thù sâu oán dày;
Còn ai đỡ cẳng giúp tay,
Nước Anh mượn tiếng còn hay cho người;
Tiếng quê còn nhớ mấy lời:
"Giùm lương nối giáo", là loài đấy thôi![2]
Dầu cho thần thánh ra đời,
Phép chi mà gỡ cho rồi nước thua!
Thử xem Hy Lạp thuở xưa,
Nhỏ nhen yếu đuối chẳng lừa chi mình,[3]
Vậy mà hết sức chống kình,
Bây giờ độc lập, một mình vẻ vang;
Tuy rằng người nước cả gan,
Cũng nhờ lắm nước giúp nàn đỡ tay:
Một thương nước cũ xưa nay,
Lắm trang văn học, lắm tay thánh hiền,
Một mai đến đỗi ngả nghiêng,
Lôi bừa, cõng ách, khó hèn, sút sa,[4]
Những người học thức sâu xa,
Bực gan tức trí xui ra hết lòng;

---

[1] *Gặp chầu*: Gặp dịp.

[2] *Giùm lương nối giáo*: giúp lương nối giáo cho giặc.

[3] *Chẳng lừa*: Không khác. *Hy Lạp:* Grèce, nước ở vào dòng nam Âu châu là nước có một nền văn minh cổ rất rực rỡ. Hồi thế kỷ thứ 15 nước ấy bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm và đặt dưới quyền đô hộ mình từ 1460 tới 1821.

Sau nhiều cuộc chống trả từ 1770, cuối cùng tới 25.3.1821 mới là cuộc khởi nghĩa giành độc lập. Thổ đàn áp và chém giết người Hy rất tàn nhẫn. Quân khởi nghĩa phá tan được thủy đội Thổ ở sông Ohio và làm chủ bờ bể. Nhưng Thổ cầu viện Ai Cập, nên vua Ai giúp binh chiếm lại tất cả. May nhờ phong trào thân Hy, Anh, Pháp và Nga hội tại Luân Đôn quyết cứu giúp Hy nên cho hải quân tới tham chiến. Ngày 2-.10.1828 thủy đội Thổ – Ai bị đánh tan. Rồi một cánh lục quân Pháp đánh đuổi quân Ai ra khỏi bờ cõi Hy, một cánh lục quân Nga đánh đến Constantinople và buộc vua Thổ ký điều ước nhìn nhận Hy Lạp độc lập ngày 3.2.1830.

[4] *Lôi bừa, cõng ách:* (trâu bừa ruộng cổ phải đeo ách để kéo cái bừa) làm kiếp trâu ngựa nghĩa là nô lệ cho người; *Sút sa:* sa cơ thất thế, (cũng nói *sa sút*).

Hai thương dòng dõi anh hùng,
Thề trời hẹn đất thoát vòng bùn tro,[1]
Trống độc lập, cờ tự do,
Giàu, nghèo, mạnh, yếu, nhỏ, to, quản gì,
Một lòng sắt đá tri tri,[2]
Nghe thôi ai cũng tức thì gan sôi;
Ba thương đồng đạo Chúa trời,
Ra tay chống với Hồi hồi lắm phen,
Vậy nên kẻ ngợi người khen,
Giùm binh, giùm súng, giùm tiền, giùm công.
Nước Anh có kẻ Thi Tông,
Liều thân trôi máu giúp công dựng cờ;[3]
Nếu mà Hy Lạp bấy giờ,
Mượn hơi Hồi giáo mập mờ dậy binh,[4]
Người Âu chẳng chút đồng tình,
Còn thêm ghen ghét chống kình lắm nơi,
Dầu cho hết sức hết hơi,
Non sông cũng đến rỡ rời mà thôi.
Vả chăng nghĩ lại như tôi,
Vì câu nghĩa khí bỏ trôi một đời,
Nay mà xướng đạo Hồi hồi,
Thì tôi đây vẫn con tôi Chúa Trời,
Nếu tôi hết sức giúp người,
Giết phe đồng đạo tội trời biết bao!
Phi hầu tuy nạp mưu cao,
Lắm quân mê tín rêu rao nồng nà:
Chỉ ta là lũ đạo tà,
Toan mưu làm hại nước nhà đấy thôi;
Chuyện đời bực tức lắm ôi!
Phụng bay bặt tích, ó trơi đầy đồng!
Ngựa hay kéo ách chổng mông,
Trâu già dựa thế, xe rồng vẫy tai!"[5]

---

[1] *Vòng bùn tro*: Cảnh nhơ bẩn xấu xa (như trét bùn tro vào mặt).
[2] *Sắt đá tri tri*: sắt đá trơ trơ.
[3] *Thi Tông:(?) Liều thân trôi máu*: liều thân vào vòng chém giết.
[4] *Mượn hơi*: mượn tiếng, mượn danh nghĩa.
[5] Câu nầy có nghĩa kẻ có tài không được dùng đúng chỗ, kẻ vô tài dựa thế để nghênh ngang.

Ngài phân mỗi nỗi cặn còi,
Bọn tôi nghe cũng điếng tai giật mình.
Ngài liền cáo bệnh thình lình,
Làm thơ luận đủ binh tình cạn sâu,
Gởi cho Á Thích Phi hầu,
Nháp nguyên thiếp hãy cất thâu bên mình.[1]
Nói rồi nàng cũng xin trình,
Chàng liền giở vội rõ rành đọc ngay.
Nàng còn kể lại chuyện Ngài:
Quân cơ hiệp mặt đông tây luận bàn,
Có người Tợ Nịnh họ An,
Là người Thụy Sĩ mùng màn tham mưu,[2]
Lượng va như vũng chân trâu,
Tài va như thể quả bầu lủng trôn,
Múa men khoe mạnh bôn chôn,[3]
Ăn to nói lớn có mồm không gan,
Thấy ta lắm kẻ nể nang,
Hỏi mình va biết ruột gan kém người;[4]
Nói ngông lắm việc nực cười;
"Rằng ai có sợ chi người nước Anh,
Ngoài thì khoe sức ngông nghênh,
Trong thì hủ bại, lắm hình dở dang,
Tàu bè rách rưới lang thang,[5]
Quân gia yếu đuối trăm đàng sút sa,
Binh đi muôn dặm đường xa,
Thua cơ một trận, chắc là bể tan,
Tướng già lẫn lộn mê man,
Tốt mồm khoe giặc, non gan cậy mình,
Làm cho dân sự thất kinh,
Thêm oai lũ giặc, buồn tình quân ta,
Nếu nay nghe kế tướng già,
Rồi ra đến đỗi nước nhà phải tan".

---

[1] *Nháp nguyên*: bản giáp gốc.
[2] *Mùng màn tham mưu*: làm tham mưu ở dưới trướng.
[3] *Múa men*: Múa lưỡi; *bôn chôn*: rối rít.
[4] *Hỏi mình*: tự thấy mình.
[5] *Tàu bè rách rưới lang thang:* tàu hư nát lôi thôi.

Vua Ai sẵn bụng du an, [1]
Truyền cho tướng sĩ giữ ngang kinh thành,
Còn trong tướng sĩ mấy anh,
Khua môi múa miệng rấp ranh lắm lời:
Giặc binh chưa thấy một người,
Việc chi đến đỗi bỏ nơi kinh thành.
Những trang giết hổ chém kình,
Nghĩ thôi mình chẳng thẹn mình lắm thay!
Thầy chùa lắm tiếng thày lay, [2]
Tướng già vẫn tín đạo Tây lắm mà!
Vậy nên giúp sức giáo tà,
Giả mưu mật thám, bán nhà người ta.
Phi hầu chẳng biết mưu già,
Truyền quân gìn giữ gần xa hải lầu". [3]
Chàng rằng: "tôi học bấy lâu,
Thi thơ chán mắt, lược thao kém tài,
Nhưng mà tính muốn dông dài,
Bàn gươm, giảng trận, vui cười lắm khi;
Gẫm người Ai Cập lúc ni,
Dùng mưu lão tướng may gì nên công, [4]
Xưa nay lắm chước anh hùng,
Lũ con ghen ghét, bực lòng biết bao!
Phạm Tăng là kẻ tài cao, [5]
Bày mưu chẳng đụng, ngán ngao về làng;
"Rằng nay thiên hạ đã an,
Tôi xin lãnh nắm xương tàn cất đi";
Tướng quân gặp lúc loạn ly,
Chẳng hay ngài tính kế chi đó mà?"

c) Ngài bảo U Lan tìm chỗ lánh mình đi, để Ngài ở lại một mình đương đầu với những hiểm nguy này. U Lan không chịu.

---

[1] *Bụng du an*: Bụng muốn dời đi đến chỗ an toàn.

[2] *Thày lay:* dèm pha, bàn vào nói ra.

[3] *Hải lầu*: Đồn cao trên sông đào Suez.

[4] *May gì*: may ra.

[5] *Phạm Tăng*: Người cuối đời Tần, nhiều mưu lược. Hạng Võ vời về giúp, nhưng Hạng Võ không thật hết lòng tin Tăng. Nhiều cơ hay mà Võ không chịu dùng. Sau vì nhiều lời dèm pha, Phạm Tăng phải từ chức về ở Bành Thành, rồi chết ở đó.

Ngài bảo tôi trốn ra khỏi vòng đi. Tôi còn bịn rịn thì Ngài nói tôi còn cha anh phải trở về nhà ngay.

U Lan khi tiễn biệt tôi thì khóc mà nhờ tôi dựng bia cho Hồng Liên và Phạm Khanh. Còn nhẫn vàng này thì đưa lại cho chàng Tán Sĩ.

Nàng rằng: "Ngài dặn gần xa:
Thiếp nên kiếm kế lánh xa khỏi vòng;
Ta thì đang tiếng lạ lùng,
Một lời một bước trăm vòng dò la;
Lỡ làng bước xẩy chận sa,
Luôn cơ Ngài dặn nàng Lan,
Theo tôi kiếm lối lánh nàn cho xa".
Nghe lời nàng mới lụy sa,
Rằng: "Con đã tính từ nhà bước đi,
Thân này còn tiếc chi chi,
Cùng cha sống chết, lòng thì mới an;
Nay cha gặp kiếp gian nan,
Con sao nỡ để cha đang một mình?[1]
Dầu mà súng đạn tan tành,
Để con cũng nếm chút tình đắng cay;
Thương vì một nỗi cô này,
Tấm thân vàng ngọc ở đây khó lòng".
Thiếp rằng: "Mang chút tình chung,
Nỡ nào thiếp thoát khỏi vòng một thân!"
Ngài rằng: "Chớ nói phân vân,
Cô nên tìm chốn giữ thân mới đành;
Ở nhà còn có cha anh,
Mong trông lắm việc liều mình lẽ chi?"
Vâng lời thiếp phải ra đi,
Trong lòng nặng trịu, như chì trăm cân![2]
Bắt tay giã mặt tướng quân,
Gởi thơ ngài mới ân cần Hoàng Huynh,

---

[1] Cha *đang* một mình: cha đương đầu một mình.

[2] *Nặng trịu*: nặng trĩu.

U Lan nàng lại tự tình:
"Hồng Liên với gã Phạm Khanh hai người,
Vì tôi dốc trả nợ đời,
Làm cho hai gã biển trời bỏ thây;
Lòng tôi đau đớn bấy nay,
Thiết tha luống những đêm ngày thở than!
Ước chi dựng tấm bia tàn,
Trước nêu lòng thiếp, sau an hồn người;[1]
Đã hay xét kỹ cuộc đời,
Chạm bia, khắc liễn, trò cười mà thôi,
Trót vì mang chút ơn người,
Lấy chi trả đặng nghĩa đời cao sâu;
Ân tình một đội trên đầu,
Nay nào tới đặng cõi Âu mà đền!
Đỡ tay cô có thương tình,
Nghĩa nầy mang xuống suối huỳnh còn ghi"
Thiếp rằng: "Việc ấy khó chi,
Thế nào thiếp cũng xin y lời nàng",
Nàng nghe mừng rỡ vội vàng,
Truốt tay đưa chiếc khâu vàng thở than:[2]
"Trước là tiễn biệt tình nàng,
Sau may bèo nước gặp chàng Biển Đông,
Khâu này xin gởi chút lòng,
Nhắn rằng thiếp hãy lắm vòng lưu ly".
Nói rồi khóc lóc ly bì,
Trông nàng thiếp cũng tức thì lụy sa.

g) Tôi trở về nhà mừng vui với gia đình nhưng lúc nào cũng thắc mắc vì chưa dựng được bia ấy như lời gắn bó của U Lan.

Cha tôi khuyên hãy chờ nghe rõ tin tức đã, vì chưa biết chừng họ còn sống.

Vì đó mà tôi lặn lội tới đây thì vừa gặp.

Giã từ trở gót sơn gia, [3]
Quê hương nức nở, người nhà mừng vui;
Ngỡ mày đã chết đi rồi,

---

[1] *Bia tàn*: bia nhỏ, sơ sài (không phải tàn là hư hỏng).
[2] *Truốt tay*: rút trong ngón tay ra.
[3] *Sơn gia:* nước non nhà.

Vậy mà còn sống trên đời, may sao!
Tưng bừng kẻ hỏi người chào,
Quê xưa khách cũ, vui nào còn hơn!
Thong dong thiếp kể nguồn cơn,
Bực vì một nỗi keo sơn lời nàng!
Ngậm ngùi đêm thở ngày than,
Cha già lạ hỏi là can cớ gì?
Chuyện nàng thiếp mới vân vi,
Cha già ngẫm nghĩ rồi thì khuyên can:
"U Lan cám nghĩa đá vàng,
Dựng bia kỷ niệm lòng nàng con ghi,
Nhưng cha nghĩ lại suy đi,
Hai người chết sống còn nghi đó mà!
Biết đâu con mắt trời già,
Có khi soi khắp gần xa đủ miền,
Những người chí sĩ danh hiền,
Hành rồi kiếm thế vẹn tuyền cũng nên;
Dần dà ta hãy đợi tin,
Vội chi con phải tính đêm lo ngày".
Thiếp rằng: "gió dập sóng vày,
Thuyền chìm đáy biển có may đâu là!
Như con đã ít lắm mà,
Người đâu còn mọng trời già làm ơn!"
Cha rằng: "chớ nói hoa lơn,
Mày may còn kẻ may hơn như mày;
Ở đời nghĩ chín mới hay,
Để cha đủng đỉnh giảng bày cho nghe:
Cuộc đời lắm việc éo le,
Đan ngang dát dọc khó bề tính ra.[1]
Gẫm trong ngọn nước cánh hoa,
Lắm người trông thấy xót xa trong lòng;
Người thời hoa thẳm nước trong,
Thấy thôi đẹp dạ nở lòng biết bao!
Nước hoa nào biết chi đâu!

---

[1] *Đan ngang dát dọc*: Đan dát là hai việc phải làm để thành một đồ dùng. Ý nói rắm rối khó tìm ra manh mối. Người ta đan xong cái gì (rổ, nong...) rồi dát tréo nan để sau lận nút khỏi sút.

Chẳng qua gặp gỡ vui rầu đó thôi.
Còn như triết học những người,
Chia ra hai mặt, cuộc đời còn nghi:
Cứ theo buồn bực mà suy,
Cõi đời là vũng hiểm nguy dưới trời;
Còn như kể đến loài người,

Trăm năm xiềng tréo, một đời chiêm bao;[1]
Ngọn đèn leo lắt gió xao,
Sương đầu ngọn cỏ, đặng bao nhiêu hồi;
Người thì chưa thấy mặt trời,
Cũng là chịu tiếng một đời người ta;
Người thì què quặt đui lòa,
Vậy mà mang tiếng người ta với đời;
Người thì tài đức đủ mười;
Sinh ra trôi nổi một đời bơ vơ;
Người thì rủi phải tình cờ,
Núi chôn sét đánh, sóng xô, xe đẳn,[2]
Biết bao là ngọn là ngành,
Vẩn vơ xiêu tạt khó khăn buồn rầu[3]
Nghĩ xa thì lại lo sâu,
Trời cao đất thẳm biết đâu là ngần?
Người đời đã có tấm thân,
Dầu ai cũng phải phong trần một khi!
Cứ theo vui vẻ mà suy,
Cõi đời là động dị kỳ thần tiên;
Loài người là giống linh thiêng,
Nhỏ to muôn vật chủ chuyên một mình;
Nào là thủy, hỏa, lôi đình,
Tìm mưu kiếm cách hà hành mọi tôi;[4]
Xe chạy đất, tàu ra khơi,
Tan tành đồn luỹ rã rời nước non:
Chân mưa, ngọn gió, thon von,

---

[1] *Xiềng tréo*: Cùm xích trói buộc.
[2] *Xe đẳn*: xe đè lằn xuống.
[3] *Xiêu tạt*: xiêu đổ trôi dạt.
[4] *Hà hành mọi tôi*: hành hạ và lợi dụng làm tôi mọi cho mình.

Chạy chun dưới đất, bay lòn trong mây;
Chỉ trong gang tấc lòng ta đủ rồi;
Kể vui thì thật là vui,
Còn ai muốn tính thối lui đấy mà.
Vả chăng cái kiếp người ta,
Ngắn, dài, mạnh, yếu, xét ra khôn lường;
Có người hang cọp náu nương,
Vậy mà sống đặng tìm đường trở ra;
Có người chặt cẳng, xẻo da,
Vậy mà sống đặng đến già trơ trơ;
Có người tàu đắm dật dờ,
Tay đìu mảnh ván tình cờ sống lên;[1]
Có người đột pháo xông tên,
Nát ngầu da thịt đầy mình máu me,
Vậy mà gắng gượng trở về,
Đổi dời non nước ê hề gió trăng;
Anh hùng nước Thổ ba chàng,
Dãi dầu tên đạn mở mang cõi bờ;
Kẻ đâm người bắn trơ trơ,
Tay xô giặc mạnh dựng cờ năm phương;[2]
Ngàn năm rạng mặt đống lương,
Vầy duyên cá nước, dát đường dèm pha,[3]
Bàn tay ngọn lưỡi động ra,
Thảy trang vua chúa gần xa nớm lòng;
Lang Sa có kẻ anh hùng,
Tên La Bính Đẩu trăm vòng gian nan,[4]
Cầm binh khi hiệp khi tan,
Cúi đầu chúa ngục, bực gan nước nhà,
Một thân trôi dạt cõi xa,

---

[1] *Đìu:* phương ngữ có nghĩa là *níu*.

[2] *Dựng cờ năm phương*: cắm cờ bình định mọi cõi.

[3] *Đống lương*: cột và rầm nhà, chỉ người chống đỡ vững vàng cho nhà nước.

[4] *La Bính Đẩu*: Lafayette.

Vậy mà sống đặng tuổi già tám mươi.
Xét ra cho kỹ kiếp người,
Vui buồn, sống chết có trời ở trong;
Vậy thời gã Phạm nàng Hồng,
Ta e chưa chắc bỏ vòng thế gian;
Hỏi cho chắc chắn kẽ càng,
Hẳn tin rồi sẽ thế nàng dựng bia".
Tới đây tìm kiếm hỏi hăn sự tình;
Nếu mà lắm nỗi linh đinh,
Thời tìm Tán Sĩ gởi tình nàng Lan".
Hồng Liên cất tiếng thở than:
"Ơn người thiếp đội muôn ngàn đến đâu!
Vậy mà khi mới ban đầu,
Lắm điều thất lễ xin hầu thứ tha".
Nghe lời chàng cũng thở ra:
"Vậy thời con mắt trời già cũng hay!
Nàng Lan còn có ngày nay,
Phạm Khanh rồi cũng có ngày gặp nhau:
Hiềm vì Ai Cập bấy lâu,
Trăm điều thua sút, biết đâu đặng giờ!"
Nói rồi còn nghĩ vẩn vơ,
Đồng hồ đã gõ sáu giờ coong coong

HỒI THỨ TÁM

Mải mê nói chuyện quên cả ăn uống, Hồng Liên đứng dậy vào bếp sửa soạn cơm nước. Tán Sĩ hỏi rõ lại: người là ai? Thì người ấy trả lời là con gái ông Tô Cát Sĩ nhà ái quốc Hung Gia Lợi. Ba người ngồi lại ăn uống mừng rỡ.

Ba người kể lể nguồn cơn,
Trót ngày quên cả nước non, rượu trà.
Hồng Liên cười nói ba hoa,
Để tôi phải thế chủ nhà mới xong.
Nàng liền dậy bước vào trong.
Hai người ngồi lại gây sòng chuyện sau.[1]
Chàng rằng: "Nghe lúc dưới tàu,
Sao nàng đã biết đuôi đầu chuyện tôi"?
Nàng rằng: "Chàng nhớ thử coi,
Phù Lan mồ cả gặp ai những ngày"?[2]
Chàng rằng: "Tôi hãy nhớ đây,
Bấy giờ có gặp một thầy phong tao,
Cùng nhau kể tích họ Cao,
Nói ra lắm chuyện hùng hào gian nan,
Nói luôn đến chuyện Ba Lan,
Bây giờ tôi vẫn phàn nàn chưa thôi".
Nàng rằng: "Đấy thực cha tôi,
Tên Tô Cát Sĩ, là người Hung Nha,[3]
Mân Lê tên thiếp đấy mà,

---

[1] *Gây sòng*: Gầy cuộc (địa phương có chữ sòng là dịp, cuộc, thí dụ; sòng kiện, sòng buôn, sòng này...)

[2] Nhắc lại chuyện xem mộ Phù Lan.

[3] *Hung Nha*: Hongarie.

Lúc giờ nghỉ mát ngồi xa phía ngoài;[1]
Tuy là chưa thấy mặt người,
Nhưng khi trò chuyện lóng tai lắm lời".[2]
Chàng nghe mừng rỡ vui cười,
Rằng: "Tôi nghe tiếng tên Ngài đã lâu,
Anh hùng nực tiếng Mỹ, Âu,
Gan trung, mật nghĩa, quỷ sầu, thần kinh,
Ngang trời dọc đất một mình,
Nghe thôi ai cũng hết tình ngợi khen,
Hổ tôi mắt thịt ngu hèn,
Anh hùng đứng trước mà nhìn không ra!
Ngỡ là cũng khách hào hoa,
Cậy nàng xin lỗi ngài nhà cho tôi".
Hai người chuyện vãn đương vui,
Tiệc chiều Hồng đã dọn rồi bước ra,
Mời rằng: Xin hãy vào nhà,
Chúc mừng đôi chén, gọi là tin may;
Trời còn biết tiếc người ngay,
Còn nàng chắc cũng bắt tay có hồi.
Ba người xúm lại cùng ngồi,
Mùi hương thơm nực, chén mồi ngà say.
Trăng thu một trái tròn quay,
Gác lên đầu núi treo ngay ngọn tòng;
Sáng thừa lấp ló vào song,
Trông ra chàng lại động lòng chơi trăng;
Rằng: nay cảnh đẹp chi bằng,
Sông Đề ta hãy gió trăng một đò;
Trót đêm mặc sức chuyện trò,
Nàng rằng: thiếp cũng chúc cho thế mà;
Hiềm vì một cánh hoa già,
Đem chưng vào giữa hai tòa sen tươi;
Xuân tàn lắm nỗi hổ ngươi,
Xui chàng thêm tiếc hoa cười ngày xưa.
Hồng Liên mỉm mỉm cười thưa:
Tục Âu thiếp nhớ quê xưa lắm rồi;

---

[1] *Lúc giờ*: lúc bấy giờ;
[2] *Lóng tai*: để tai lắng nghe.

Bông vừa hai tám bông tươi,
Năm năm rồi mới đủ mười nở nang;
Vậy thời tác giạc như nàng,
Chuyện chi đến đỗi vội vàng thương xuân?
Nàng rằng: lời ấy khôn phân,
Đàn bà con gái sao cân đặng mà?
Đàn ông có thể xem ra.
Nói rồi liếc mắt đưa qua bên chàng.
Chàng liền giở chén nhẹ nhàng,
Cười rằng: tôi nhớ tục làng quê xưa;
Gái thời hai chín là vừa,
Trông thôi ai cũng tình ưa mắt mòn;
Chè tươi dầu dở cũng ngon,
Gái mà năm bảy cũng còn dễ thương;
Nhưng mà việc ấy khó lường,
Tình ưa ý muốn ai thường giống ai?
Nàng rằng: chàng nói phân hai,
Sớm lan, muộn cúc, đánh nài cả đôi;
Hãy xin nói dứt cho rồi,
Gái tơ đẹp đẽ độ hồi bao nhiêu?
Chàng rằng: Nàng hỏi khắc khiu,
Xưa nay tôi ít nâng niu chơi bời;
Vậy nên khó nỗi trả lời,
Hồng Liên giục giã: chàng thời ngại chi,
Bụng mình cứ thẳng nói đi,
Chàng liền để chén vân vi mấy lời,
Cứ theo trong ý nghĩ tôi,
Đã rằng gái đẹp chẳng hồi nào không.
Hồng Liên nghe nói cười bùng:
Ông này nói thực lạ lùng lắm thôi!
Vậy xin nói nốt cho rồi.
Chàng rằng: nếu gọi là người mỹ nhân,
Phải đâu tốt áo tốt quần,
Má hồng mặt đẹp trăm phần dễ coi;
Sao cho thông thạo việc đời,
Tình người thế tục đủ mười trải qua;
Văn chương cũng bực tài ba,

Nghề hay cũng sẵn hai ba trong mình;
Gặp chầu gái lịch trai thinh,
Gìn lòng sắt đá, nguội tình trăng hoa,
Lại thêm đàn kịch thi ca,
Trăm điều thông thuộc mới là gái xinh;
Mắt đời lắm kẻ chưa tinh,
Thấy trong hai chín rập rình, lạ sao?
Tôi đâu dám nói tầm phào,
Hãy xin kể chuyện bao lao mấy lời:
Hy Lạp xưa có một người,
Trăng rằm mất vía, hoa tươi kém màu,
Thần trời thấy cũng yếm âu,
Hóa ra chim trắng cùng nhau kết nguyền,
Sinh con là ả Phi Liên,
Dung nhan tột bực, mẹ hiền kém tươi,
Nhà vua yêu sắc lấy người,
Tuổi đà bốn chục nói cười còn xinh,
Trông qua ai cũng thất kinh;
Sau cùng Ba Lễ mê tình trốn đi,
Chạy vào nước Thổ Lỗ Vi,
Nhà vua ghét lũ vô nghì tím gan,
Đem binh vây đánh phá tan,
Bắt nàng trở lại, xuân tàn năm mươi,
Vậy mà nhan sắc còn tươi,
So về lúc trẻ đủ mười vẻ thanh.
La Mã xưa có một anh,
Cưới nàng A Chí niên canh quá thời,
Sắc tài ngang ngửa một đời,
Tuổi hơn ba chục, như người mười lăm,
Sáu mươi càng thắm càng đằm,
Thấy thôi ai cũng trồ trầm ngợi ca.
Ai Cập vua gái Đô La,
Cũng là một đấng tài ba trong đời;
Giận em cướp mất ngôi trời,
Tìm quan La Mã tên người Sư Oai,
Và là rất bực tướng tài,
Oai hùm mặt sắt còn ai dám kề,

Vậy mà nàng tới vỗ về:
Sau mê sắc đẹp, quên bề nghĩ xa.
Cất binh trăm trận xông pha,
Liều thân chết với hoa già cũng vui;
Binh thua va phải thối lui,
Cắp nàng va cũng đánh đôi đánh đàn;
Tướng quân A Đẩu tức gian,
Đem quân theo đuổi bắt nàng phải lui,
Điệu về sắm đốt, sắm thui,
Nàng nghe thong thả trau mùi sửa dung.
Điểm trang đẹp đẽ lạ lùng,
Một đò đàn địch thung dung qua hầu;
Tướng quân trông thấy choáng đầu,
Mê hồn mất vía, bỏ nhầu vợ con,
Cắp nàng lội vũng trèo non,
Chạy qua Ai Cập, quên còn hổ ngươi;
Lúc giờ tuổi quá ba mươi,
Mười năm sau cũng còn tươi như thường;
Đến khi bỏ mạng gươm vàng,
Dung nhan còn đẹp như nàng gái tơ.
Ấy là ba gái cổ sơ,
Còn như kể đến đời giờ thiếu chi:
Lưu A tài sắc một thì,
Ngọc so thẹn giá, hoa bì kém tươi;
Bấy giờ lắm chuyện nực cười,
Có ông thầy cả tám mươi tuổi đầu,
Tu hành đạo Chúa mặc dầu,
Mê vì sắc gái quản đâu miệng người;
Xuân xanh nàng đã bảy mươi,
Trông qua ai cũng hỡi ơi sắc mầu!
Tiếng tăm đồn khắp cõi Âu,
Chết còn lắm kẻ lụy sầu vì hoa.
Nước Nga, vua gái Nga La,
Lên ngôi tuổi đã hơn ba chục rồi,
Sóng thu sắc sảo lạ đời,
Lắm gan hùng hổ rã rời vì hoa,
Sau hơn sáu chục tuổi già,

Thiếu niên lắm kẻ lụy sa huê tàn.
Cứ theo tích ấy mà bàn,
Bông thơm dẫu tới xuân tàn còn tươi;
Nàng rằng: nếu hẳn như lời,
Thiếp chưa nên tủi bông rơi lá xàu.
Chàng rằng: chẳng những Mỹ, Âu,
Đông Dương các nước đâu đâu cũng nhiều;
Đường thi có giải mấy điều
Lá sương còn lắm màu điều hơn bông;
Thần tiên lắm chuyện lạ lùng,
Có bà Vương Mẫu tác chừng hơn trăm,
Da băng mặt ngọc êm đằm,
Sở vương gặp gỡ trong chằm Mộng Vân.
Mây mưa còn vướng duyên trần,
Đời sau lắm kẻ mộng xuân mơ màng.
Còn như kể chuyện đời Đường,
Có bà Võ Hậu dung nhan lạnh lùng,
Đem mình gởi chốn chùa Không,
Cao Tôn trông thấy, hậu cung nạp vào.
Bỏ hầu, bỏ vợ ngán ngao;
Cao Tôn nhắm mắt, tiếm nhào ngôi vua;
Dầu cho thầy thuốc thầy chùa,
Thấy thôi ai cũng xúm đùa mê sa;
Đến khi tám chục tuổi già,
Điểm trang đến đỗi người ta mất lòng;
Anh hùng hào kiệt lắm trang,
Đua nhau giành cái hoa tàn mà chơi.
Nhật Bổn có ả Tây đài,
Con nhà họ Tảo vợ người họ Diêm;
Tư dung, hương sắc, đều kiêm,
Một thân so sánh im lìm trăm bông;
Bông mai rất bực hương nồng,
Nhưng cây còi cộc xem không dịu dàng,
Bông anh rất bực xuê xoang,
Nhưng mùi lạt lẽo không hương thí nào,
Liễu dương yểu điệu biết bao,
Bông hoa trụi lũi, thơm tho vắng cành,

Hương mai dời lại bông anh,
Nở trên nhành liễu, rấp ranh dạng nàng;
Có người Sư Trực hoang đàng,
Trăm tình ve vãn đón đường nhắn nhe,
Giọng oanh đặng một lần nghe,
Bực mình va mới lăm le làm càn,
Giết chồng, ăn cướp lấy nàng,
Lúc giờ tuổi đã xuân tàn năm lăm.
Xưa nay những ả mày tằm,
Nào ai kể tháng kể năm đó mà.
Hồng Liên nghe nói thưa qua:
Cứ như chàng kể dàng dai khi giờ,
Vậy thì bọn thiếp còn tơ,
Hãy xin nhường lại mối tơ cho nàng.
Một đò cười nói bĩ bàng,
Đêm thu vầy lại một đoàn gió xuân;
Đò xuôi theo nước dần dần,
Đầy rừng móc trắng lộn ngần màu trăng;
Xa xa lấp loáng ngọn đăng,
Lòng sông gió giọng, bóng trăng sóng nhồi;
Rừng thu cây cộc nhánh còi,
Lá khô gió thổi một vài giữa không;
Đò trôi lơ lãng theo sông,
Mân Lê nàng mới động lòng ca ngâm.
Ngâm rằng:
Non tây trắng lấp ló, thềm liễu bước khoan thai;
Sóng vàng soi lỗ đỗ, móc trắng ướt khăn đai;
Khe Táo choàng tay dạo, sông Đề cúi mặt soi;
Đò thả ngơ giầm khoẻ mây bay liếc mắt coi;
Dế kêu đồng dắn dỏi, chuông dọng núi choi voi;
Cảnh đẹp không chừng đổi, lòng vui vẫn vậy hoài.
Gió vàng đêm vụt thổi, sao Đẩu cán vừa dài;
Biển rộng non cao ngất, người thương ở với ai?
Chỉ e trời lạnh lẽo, sương đóng cứng như chai!
Ngâm nga điệu nổi điệu trầm,
Non cao địch thổi hang trầm oanh kêu.
Hồng Liên nghe cũng buồn thiu.

Rằng: sao âm điệu tao tiêu lắm mà!
Chàng rằng: nàng bực tài ba,
Người trong phong nhã, con nhà trung trinh;
Cha già xuất tử nhập sinh,
Chua cay khốn khó một mình đảm đang;
Rủi đâu gãy gánh giữa đàng,
Khí cao, nghĩa cả, tiếng vang trong ngoài;
Non sông nàng cũng một vai,
Lòng trời lơ lẩn việc người dở dang,
Sắt đồng một dạ một gan,
Vậy nên mở miệng nghe càng thêm đau.
Hồng Liên ngồi dậy hỏi mau:
Nàng người danh giá bấy lâu vậy mà,
Sao nàng chẳng chịu nói ra?
Bây giờ dám hỏi cụ nhà ở đâu?
Nàng ngồi ngẫm nghĩ chập lâu,
Thình lình ngâm lại mấy câu trả lời.
Ngâm rằng:
Non nước còn đâu đó nữa nào!
Khuyên cô chớ hỏi chuyện chiêm bao.
Mả mồ thành quách lơ thơ cỏ,
Bầu bạn bà con lác đác sao;
Nòi giống tan hoang đà lắm lúc,
Cõi bờ gầy dựng biết ngày nào!
Con em yếu đuối, cung tên cứng,
Van vái trời xanh chất ngất cao!
Hồng Liên nhắc lại đầu đuôi:
Xưa kia gặp gỡ bốn người tại đây;
Đều là sống sót thân gầy,
Cầm tay gắng gổ, tỏ bầy ruột gan,
Cùng nhau đính nghĩa đá vàng,
Bây giờ lại gặp thêm nàng cũng hay;
Duyên trời gặp gỡ lạ thay
Xin nàng kể hết xưa nay gót đầu;
Nàng liền xốc áo sửa bâu,
Rằng: tôi cũng giống Á Châu hùng hào;
Có vua Á Quỷ tài cao,

Một tay chiếu cuốn cõi Âu rã rời,
Dựng cờ mở đất khắp nơi,
Ông cha tôi thực giúp người lắm công,
Cung thương để dấu non sông.
Giả ơn phong tới nước Hung trị vì;
Cuộc đời thay đổi lạ chi,
Ông cha hùng hổ con thì ngựa trâu,
Khi thì nước Thổ xé thâu,
Khi người Hồi giáo đè đầu lắm phen;
Nước nhà càng sút càng hèn,
Sau về nước Úc cầm quyền giang san;
Khi ta là lũ mọi vàng,
Thấy ta hèn yếu, trăm đàng phanh phui;
Muốn ta dốt đặc như cui,
Động đâu kiếm miếng đánh dùi đánh săng;
Quyền dân phép nước đón ngăn,
Hành hà hết sức, vật dằn đủ nơi;
Dân ta khó nỗi đội trời,
Đứng lên ngã xuống giống nòi gian nan;
Vậy nên vỡ mật nớm gan,
Nằm queo trên đống máu tàn vái van
Bảy trăm bốn chục một ngàn,
Chính năm vua Phổ binh càn phía nam;
Thừa cơ cũng lúc trong năm,
Vua Mã Hòa Lỵ xông ầm phía tây,
Quân Úc trăm trận chở thây,
Kinh đô cũng bị giặc vây xúm chùm;
Nữ hoàng thoát khỏi miệng hùm,
Chạy Hung Gia Lợi tay đùm vua con;
Kêu ca khóc lóc nỉ non,
Vái van thế nước thon von rã rời,
Dân ta nếu giúp đặng người,
Tự do trả vốn, trả lời vẻ vang;
Lạ chi cái bụng giống vàng;
Khi hành tức chí khi van dịu lòng;
Dân ta hết sức anh hùng,
Giật cờ chém ngựa, binh hùng vỡ tan;

Nữ hoàng dựng lại giang san,
Cơ đồ nước Úc cây tàn lại tươi.
Đền công vua cũng nhìn lời,
Nước ta từ ấy đủ mười vẻ vang.
Cuộc đời lắm nỗi thương tang,
Nữ hoàng mất lộc, tự hoàng nối lên,
Khốn thay những chúa ngu hèn.
Sinh trong buồng tối, sống trên tay người,
Hiểu đâu thế nước cuộc đời,
Một thân chỉ biết chơi bời kiêu sa;
Nghĩ đâu đến nghiệp ông cha,
Biết đâu đến sự dân nhà khó khăn,
Nghe theo những tiếng lăng nhăng,
Nghe theo lời nịnh những thằng tiểu nhân,
Lỗi nghì mất cả lòng dân,
Cướp cho hết cả quyền gần quyền xa,
Nâng niu một lũ quan tà,
Trong quyền bầu cử hóa ra bạc tiền,
Lời ngay lẽ thẳng cấm kiền,
Nghe vơ nghe vẩn quân điên lũ ngoài,
Nước nhà tủy nát xương hoi,
Tiếng tăm dùng chữ nước ngoài hành văn,
Nào là buôn bán làm ăn,
Nào là phong tục, áo, khăn, cửa nhà,
Trăm năm thói tốt ông bà,
Bỗng không mấy chốc hóa ra tro tàn;
Dân cùng không chỗ kêu van,
Quyết liều trôi máu phá tan nước nhà;
Những người nghĩ rộng thấy xa,
Rủ nhau dâng sớ kêu ca đủ lời;
Xưa nay lẽ thẳng trong đời,
Hùm voi không mạnh bằng lời người ta;
Sớ dâng chánh phủ xem qua,
Biết lòng dân oán sâu xa lắm rồi;
Nghị viên nhóm đủ mọi người,
Sửa sang pháp luật đổi đời quan gia.
Đương khi sắp đặt nước nhà,

Biến đâu sảng sốt xảy ra bên ngoài;
Phá Luân ỷ sức cậy oai,
Một tay muốn vét sạch sòi cõi Âu,
Đem binh gây việc tranh đầu,
Quân gia nước Úc chúi đầu bỏ thây;
Kinh thành liền cũng bị vây,
Úc hoàng lại kéo một bầy qua ta;
Gặp cơn vận nước sút sa,
Lòng người đâu nỡ đem da bỏ vào;
Dân ta rán sức hùng hào,
Đem quân cứu viện, đuổi nhào Lang Sa;
Úc hoàng còn lại nước nhà,
Mười phần nhờ sức dân ta cả mười,
Nghĩ ra càng gớm thói người,
Khi rên van vái khi cười quên ngay!
Rồi ra trở mặt liền tay,
Sao cho kiếm miếng đoạ đày mới vinh;
Nhơn khi loạn Pháp tày đình,
Máu trôi khắp đất, tiếng kinh dậy trời,
Dân nghèo đói khát tả tơi,
Tan hoang nhà cửa rã rời bán buôn,
Lòng dân trông thấy rầu buồn,
Ai ai cũng muốn lấp nguồn loạn ly,
Úc hoàng mượn tiếng thầm thì:
Rằng sinh loạn lạc cũng vì tự do,
Nước nhà ra bụi ra tro,
Cửa nhà lăn lóc vì cho dân quyền.
Ấy điều mượn chạ vơ xiên,
Nghĩ đâu cho thấu đủ miền căn do;
Vả chăng lẽ thẳng nói to,
Ấy là chủ nghĩa tự do dân quyền;
Trăm năm biển khổ chìm thuyền,
Tự do là thuốc chữa chuyên cõi đời
Muốn cho tự chủ thảnh thơi,
Dân quyền là phép đổi dời non sông;
Nếu mà hai cái cũng không.
Một đời rên rỉ cùm gông roi đòn,

Loài người ngày một thon von,
Trong vòng sầu thảm, thân còn mà chi!
Xưa nay nhà nước khuynh nguy,
Phải là một đứa một thì chi đâu;
Trong cơn loạn lạc bấy lâu,
Rủi đâu gặp quỷ đầu trâu mặt người;
Có tên Đặc Niết họ Mai,
Làm quan ngoại vụ hơn mười năm lâu,
Chánh quyền một gã tóm thâu,
Hằm hằm kiếm chước đè đầu dân đen;
Nước nhà chánh trị leng beng,
Lòng người ngày một ngu hèn sút sa;
Bẻ ngang hầu họng dân ta,
Chặt ngang chân cẳng nước nhà đương đi;
Làm cho nước Úc suy vi,
Xóp ve mặt lính, ù lỳ lòng dân,
Học hành cắm cứng bàn chân,
Công thương lăn lóc, nông dân bùi ngùi,
Nước nhà thủng thỉnh bước lui,
So vai nước bạn thụt lùi, sau xa.
Ấy đều tội ác tại va,
Làm cho đến nỗi xấu xa nước ngoài;
Tây thời nước Phổ chê cười,
Đuổi đi chẳng nhận là người chủ minh;
Nam thời nước Ý chống kình,
Mấy trăm dặm đất thình lình mất không;
Còn như kể đến phía đông,
Hành hà khổ cực, người Hung oán sầu;
Nước Nga mặt bắc xé thâu,
Kể ra nước yếu đứng đầu một tay;
Nước nhà đến nỗi ngày nay,
Cũng vì mấy đứa dưỡng thây trơi đời;
Lo sao bụm được miệng người,
Tát ngang vả ngửa, rã rời khí dân;
Mấy tay chánh trị xa gần,
Hãy xin mượn kiếng thằng bần mà soi.
Vả tên Đặc Niết họ Mai,

Nghĩ va cũng chút có tài nên khen,
Hiềm vì mưu lớn tối đen,
Đổi thay tấm bụng múa men lỗ mồm;
Chánh quyền tay bốc tay ôm,
Chẳng cho dân sự mở mồm kêu rao,
Tự do ra sức bứng đào,
Chui trong nghị viện quân phào lũ va,
Đòm chừng ngó bóng ngu ngơ,
Nương hơi dựa hám mắt lờ đã lâu,
Nghị viên chẳng nói một câu,
Quan trên mở mép, cúi đầu dạ ngay;
Gẫm trong thế giới xưa nay,
Nghị đâu lại có một ngày đã xong;
Kỳ sau hoãn lại trông mong,
Ban ngày đút nhét, còn hòng sợ ai;
Giàu sang rặt lũ dựa vai,
Mấy thằng cứng cổ chiều mai đi đời;
Bán buôn thuyền thợ có lời,
Tóm thâu về cả phe người họ Mai;
Đánh liều ôm túi tiền tài,
Lòng đâu nghĩ đến mỉa mai miệng đời;
Lại còn cờ bạc chơi bời,
Rượu chè, đàn đĩ, bốc rơi trăm đường;
Ả đầu cô thổ luông tuồng,
Một đời chết đắm trong trường phấn son;
Oai hùm láo liến mắt chồn,
Hăm he bè bạn bôn chôn thị hùng;
Thói hư nết xấu lạ lùng,
Trét trây vấy vá tứ tung nhà trời.
Vả tên Đặc Niết là người,
Khéo màu trau chuốt, nhiều lời đãi đưa;
Nói ngon lắm kẻ bụng vừa,
Hết lòng với lũ thiếu thừa bên vua,
Cửa sau cửa trước chui bừa,
Ngày lâu tiếng xấu bay thừa khắp nơi;
Giồi thân va cũng thạo đời,
Trau dung đẹp đẽ, giồi lời sởn sang;

Một đời chước quỷ mưu gian,
Dựng buồng đóng cũi nhốt đàn ngựa trâu;
Thằng nào cứng cổ ngẳng đầu,
Giả tình qua lại bạn bầu làm quen;
Thằng nào ruột tục dạ hèn,
Tìm mưu giùm giúp cho tiền đưa hoa;
Thằng nào tốt miệng kêu la,
Ném cho một đấm vinh oa giữa mồm;
Còn thằng nước ngoại khó bôm,
Vin vai hót cẳng lom khom thường ngày;
Áo quần nhà cửa trong tay,
Ấy lồng nhốt lũ ăn mày quân ngu;.
Của tiền tay phát tay thu,
Quan lương thút mút, công nhu tào phào;
Giả danh là cách ngoại giao,
Giả danh nuôi lũ đón rào tuần gia;
Phanh phui phí nhỏ phí to,
Mấy trăm vạn bạc bụi tro tan tành;
Còn ai mở miệng đấu tranh.
Một tay vét sạch sành sanh của đời;
Hơn ba mươi triệu con người,
Xâu cao thuế nặng rã rời ruộng trâu;
Làm ăn thiếu trước thiếu sau,
Quan gia còn kiếm lắm câu hiếp hà;
"Bởi dân biếng trễ kiêu xa,
Vậy nên đến nỗi hết nhà hết trâu".
Đầy đường đói khát buồn rầu,
Vào nhà van vái đè đầu đánh ngay;
Chợ quê lắm kẻ ăn mày,
Cũng vì cùng khốn từ ngày đã lâu;
Nước nhà trôi nổi đến đâu,
Cậy ai mà chẳng lo rầu, trời ôi!
Trong khi thế nước lôi thôi,
Tướng già còn sót chừng đôi ba Ngài;
Còn như danh giá họ Mai,
Công lao chẳng có trí tài rỗng không;
Vậy mà nhảy nhót tước công,

Lòng va cũng sợ kẻ rùng người xô,
Giả hùm quen giữ thói hồ,
Cậy binh nước ngoại đón dò vào ra;
Ngoại giao giữ kín trong nhà,
Muốn cho rảnh việc đàn ca chơi bời;
Kể đâu thế nước rã rời,
Gẫm ra như lão là người bỏ đi.
Hãy còn lắm việc dị kỳ,
Cô đầu con hát đua thi đêm ngày,
Quan gia xúm lại mê say,
Dân nghèo chìm nổi chua cay không màng;
Biết bao núi bạc non vàng,
Để mà chơi hát chán chường buông lung;
Hãy còn lắm chước lạ lùng,
Kết thề thần thánh hội đồng ba vua;
Cậy binh ỷ sức xúm ùa,
Quyền dân đào bới, quyền vua vun trồng;
Chỗ nào dân muốn vẫy vùng.
Đưa tin ba nước hội đồng đánh tan;
Chừa ra Anh, Mỹ cách ngàn,
Còn đâu dân cũng vái van hết lời.
Bấy giờ khảng khái lắm người,
Ăn ngay nói thẳng giúp đời cứu dân;
Rồi ra trói cổ xiềng chân,
Rồi ra bỏ mạng chôn thân xiết nào!
Va ngồi lắc vế vuốt râu,
Rằng: bay còn dám chọc tao nữa nào!
Tưởng là đất thấp trời cao,
Từ đây sung sướng vênh vao một đời;
Biết đâu trong bụi ngoài khơi,
Lắm phe độc lập, lắm người tự do,
Thầm thì tiếng nhỏ tiếng to,
Biết đâu hình bóng mà dò cho ra;
Địa lôi chôn khắp gần xa,
Chờ thời đợi thế bước ra châm mồi.
Đùng đùng một tiếng long trời,
Lang Sa cách mạng rụng rời cõi Âu;

Những phường vua chúa lắc đầu,
Lòng người sôi nổi như hầu vỡ đê.
Họ Mai tịt ngón hết nghề,
Khôn phương giàm khớp, vớ bề gươm đao;
Lòng dân trông thấy ngán ngao,
Sôi gan tức máu ào ào nổi lên;
Dâng thơ kể hết sự tình,
Trăm bề xui giục triều đình sửa sang;
Học trò lắm kẻ nghênh ngang,
Trước dân lớn tiếng kêu vang reo hò:
Phải cho sách vở tự do,
Phải cho kiện cáo đôi co chánh tà;
Phải cho lập hiến nước nhà,
Phải cho chém mấy thằng tà đảo điên;
Phải cho dân được chánh quyền,
Phải cho độc lập vẻ viên nước nhà.
Trong khi rộn rực gần xa,
Dân ta bầu cử cha nhà đem thơ;
Qua đô nước Úc bấy giờ,
Van đòi vua Úc phải trừ chánh hung;
Đi qua vừa đến cửa cung,
Kẻ đờn người quyển rùng rùng trong đêm;
Đón đưa trước đuốc sau đèn,
Sáng trưng mấy dặm, đua chen muôn người,
Kêu rằng: dân chủ ra đời!
Tự do vạn tuế! "động trời tiếng vang;
Nghị trường chưa kịp mở màn,
Người ta đã chực muôn vàn bốn bên;
Hịch cha lớn tiếng đọc lên,
Muôn người một miệng: "đồng tình" tiếng vang;
Cùng nhau kéo tới bệ vàng,
Kêu vang thế nước nhộn nhàng, vua nghe.
Kéo nhau cả lũ cả bè,
Họ Mai mang gói kè kè trốn ngay.
Mấy thằng gian nịnh xưa nay,
Mình làm quan lớn một tay triều đình,
Đã không hết kính, hết thành,

Bỏ thân cứu chúa, liều mình tạ dân,
Lại không chước quỷ mưu thần,
Dẹp yên loạn lạc cho dân bằng lòng,
Lỗi chi lỗi chất lỗi chồng,
Bỏ vua, trốn nước, thoát vòng chạy ngay;
Vậy còn mang mặt, mang mày,
Trông người thiên hạ, dạn dày xiết bao!
Nghĩ thôi, thôi cũng ngán ngao,
Xưa nay những kẻ tầm phào thiếu chi,
Hồng Liên thưa lại tức thì:
Từ xưa lắm đứa chì bì mặt tham,
Ăn xơ của nước chàm bàm,
Nối dây cho giặc buộc giàm người ta,
Làm cho hổ đến nước nhà,
Mà nào có biết xấu xa thẹn thùng;
Còn ngài chí khí anh hùng,
Ba chìm bẩy nổi, đường cùng lênh đênh;
Quê cha đất tổ lánh mình,
Nghĩ thân trôi nổi bồng bình mà thương;
Chàng liền cặn kẽ hỏi nàng:
Tiếng ngài lắm lúc sấm vang vào đầu,
Nhưng còn lắm việc xa sâu,
Tôi đây chưa biết tận đầu tận đuôi,
Xin nàng nhân dịp kể xuôi,
Nàng rằng: cha lúc ba mươi tuổi đầu,
Dân nhà thương mến cử bầu,
Lên làm nghị sĩ bắt đầu từ khi.
Lúc giờ danh tiếng chưa chi,
Nói bàn chưa chín, thố thi chưa rành;
Chưa quen thế nước dân tình,
Gẫm trong tài trí chưa kinh lòng người;
Trong khi bàn bạc việc đời,
Than dài thở vắn hổ ngươi cho mình:
Rằng: ta nghĩ cũng thẹn tình,
Quyền dân gánh vác trong mình chan chan;
Muốn ra thay mặt kêu van,
Trăm điều khuất lấp, phụ phàng dân ta;

Nếu mà từ chức về nhà,
Lại e mất bụng trẻ già trong dân;
Thôi thôi ta cũng liều thân,
Đền bồi nợ nước chả cần chê khen.
Bấy giờ lắm chú nghị viên,
Ăn xôi ngọng miệng bỏ quên phận mình,
Làm cho quan lớn ưa tình,
Việc gì bàn bạc giấu quanh bịt bùng;
Lạ chi những thói dân ngu,
Xưa nay chánh trị mặc dù quan trên,
Cong lưng đóng góp đã quen,
Nào ai dám hỏi việc trên nước nhà;
Quan gia đắc thế hành hà,
Của tiền mặc sức vô ra một mình;
Kể chi những lũ trẻ ranh,
Thân làm nghị sĩ dân tình xấu xa;
Cha tôi ngứa miệng nói ra!
Những quân rượu thịt nước nhà biết chi!
Hành hà mấy đứa ngu si,
Sao cho nặng túi đầy bì thời thôi;
Thói người bạc bẽo như vôi,
Nước nhà đến thế là rồi, còn chi!
Từ sau bàn bạc việc gì,
In ra cặn kẽ, phát đi xa gần,
Trẻ già cất tiếng đọc rân,
Tức quân cướp cạn, lần lần tỉnh ra.
Bây giờ những lũ quan tòa,
Sợ dân thức dậy lo xa giữ gìn,
Giấy tờ cấm chẳng được in,
Cha tôi kiếm cách bày bên viết thầm;
Nhiều người chép vắng biên ngầm,
Truyền cho thiên hạ âm thầm xem coi;
Dân ta rõ biết cặn còi,
Rầm rầm thức dậy, réo đòi kêu ca:
Đòi sau dự toán nước nhà,
Trong vòng tiền bạc vào ra món gì,
Phải cho dân biết tức thì,

Quan gia thua trí, phải y như lời.
Giận cha đập bể tủ người,
Nhắn nhe hăm doạ, lắm lời kiêu ngoa:
Rằng: ngài con ông cháu cha,
Ngôi cao tuổi trẻ tài ba đủ điều,
Tiếc vì lắm việc hay liều,
Vuốt ve râu cọp, trêu lêu miệng rồng,
E khi mắc họa bỗng không,
Từ sau tôi hãy xin ông phải chừa;
Nếu ông biết thế nương dừa,
Một đời sung sướng cũng vừa bụng ông;
Nếu mà bớt thói nghênh ngông,
Quan cao lộc cả còn trông ở người.
Cha tôi nghe nói nực cười,
Rằng: ta giàu có mấy đời ông cha;
Muốn cho sung sướng thân ta,
Nằm ăn cũng chán phải ra làm gì;
Thương vì dân cực nước suy,
Một ngày một khó một suy lắm rồi;
Lòng ta thề thốt với đời,
Giúp dân cứu nước đoái hoài việc chi;
Bây giờ dân sự khuynh nguy,
Dầm dề máu mủ, ly bì thuế xâu,
Rán cho hết mỡ hết dầu,
Đem dùng vào chỗ đâu đâu lắm rồi;
. . . . . .
(Lạc mất một đoạn)
Nói rồi đứng dậy làm ngay,
Rủ nhau chẳng chút mó tay của người.
Những điều ích nước lợi đời,
Một người sướng trước muôn người vui theo.
Dân ta từ đó đỡ nghèo,
Nghiệp buôn nghề thợ càng trèo càng cao.
Cha tôi ý khí hùng hào,
Lượng sâu như biển trí cao như trời,
Một thân gánh vác việc đời,
Dầu cho thịt nát xương rời như không;

3590.Nghiêng nhà kết kẻ anh hùng,
Thanh danh từ đấy sấm rung một đời;
Trong nghị viện, giữa đông người,
Kêu dân khổ sở, nhiều lời thấp cao;
Miệng như nước, lưỡi như dao,
Anh nào chống lại, ngã nhào thua ngay;
Nghị trường ngang ngửa một tay,
Gẫm trong nghị sĩ xưa nay ai bì;
Đảng kình lắm tiếng thầm thì:
"Trong trường miệng lưỡi làm gì được va,
3595.Bầy dê đánh với cọp già,
Thế nào cũng phải bị va hớp hồn!"
. . . . . .
(Lạc mất một đoạn)
3600.Những người cổ hủ lờ mờ,
Cuộc đời chẳng biết bây giờ là đâu,
Rủ nhau xúm miệng nhóm đầu,
Bàn năng nói chạ, lắm câu nực cười:
Tướng hiền vua thánh lắm người,
Tiếng tăm vẫn để trong đời xưa nay,
Đều là chuyên chế một tay,
Nước nhà giàu mạnh xưa nay cũng thường;
Bây giờ bày đặt nhiều đường,
Cộng hòa, lập hiến, phi thường đảo điên,
3605.Làm cho vua chúa mất thiêng,
Làm cho gốc nước ngửa ngang không bền;
Xúm nhau dua dọc quan trên,
Hăm he dân sự bỏ quên phận mình;
Chỉ người diễn thuyết nhật trình:
Rặt quân ngang dọc rặt tình dèm pha;
. . . . . .
(Lạc mất một đoạn)
3610.Hãy còn bướng bỉnh lắm lời,
Kể ra mỏi miệng hết hơi không cùng.
Xưa nay những kẻ công trung,
Ngày lâu rồi cũng động lòng người ta;
Gặp chầu bầu cử dân nhà,

Ai ai cũng chắc cha già một tay;
Quan tà sợ sệt lo quay,
Trong ngoài đút nhét đêm ngày dò la;
Bày ra cuộc rượu cuộc trà,
Đón đàng hăm doạ, tới nhà dỗ khuyên;
Phe cha cũng lắm tay hiền,
Nhật trình diễn thuyết, vẹn tuyền theo cha;
Hai bên miệng lưỡi xông pha,
Một thân quan hệ nước nhà biết bao;
Bấy giờ lắm ả má đào,
Chạy ra diễn thuyết kêu rao khắp đàng;
Đến đâu cất tiếng nhẹ nhàng,
Chống bên lũ dữ, giúp đàng công trung;
Đến ngày tuyển cử làm xong,
Cha già hẳn đứng vào trong vẹn tuyền;
Đảng kình trơ mặt vô duyên,
Đảng ta mừng rỡ biết thiên vạn nào;
Cha làm nghị sĩ đứng đầu,
Đem ra sửa lại thuế xâu tiền tài;
Chăm lo hết sức móc xoi,
Nầy bên công phí nầy bài tứ tiêu.
Nghị trường bàn bạc lắm điều:
Thình lình một tiếng sét kêu bể trời;
"Pa ri dân dậy tơi bời!"
Nghe thôi ai cũng hồn rời phách xiêu.
Cha liền nói lớn mấy điều:
Nước nhà còn, mất, vững, xiêu, lúc nầy!
Dẫu bên tiền bạc sửa ngay,
Cũng còn chưa chắc dứt dây oán thù;
Bởi vì dân sự bấy lâu,
Trông mòng hết sức buồn rầu lắm phen;
Vậy mà kẻ dưới người trên,
Hăm he bóp nắn tập quen cúi lòn,
Nước nhà ngày một thon von,
Bây giờ nếu muốn vuông tròn mọi bên;
Chi bằng một lát gươm thiêng,
Chặt ngay nọc độc dứt liền gốc tai:

Một là Đặc Niết họ Mai,
Mượn hơi thần thánh sính tài quỷ ma:
Một tay phá nát nước nhà,
Lỗi lầm về chúa vinh hoa về mình;
Xưa nay quan lớn triều đình,
Hết ngay thờ nước, hết tình vì dân;
Từ khi Đặc Niết cầm cân,
Trên không ích nước dưới dân ngã lòng;
Đại thần thế ấy sao xong,
Phải toan thay kẻ công trung mới là.
Hai là chánh phủ nước ta,
Mấy người cầm giữ nước nhà trong tay;
Cứ theo lẽ thẳng xưa nay,
Quyền cao thì phải dạ dày mới cân,
Từ khi Đặc Niết hiện thân,
Nước nhà như thế thằng bần, phải thua;
Lỗi lầm trút cả cho vua,
Hư hao kiếm miếng, trút ùa các quan;
Mình thì ngủ kỹ ăn ngon,
Nước nhà chẳng biết mất còn thạnh suy;
Ấy là Tể tướng lỗi nghì,
Phải toan kiếm thế đuổi.đi mới đành;
Ba là quyền thế triều đình,
Lầu cao các cả linh đình vẻ vang;
Thâu cho hết bạc hết vàng,
Làm cho sung sướng nở nang thân mình,
Còn ngoài làng xã dân tình,
Sưu xiêu thuế dạt tìm tòi miếng ăn,
Muôn vàn của hết người khan,
Cũng vì phá nát phép hằng nước dân,
Phải toan sửa lại một lần,
Sao cho dân được mười phần sống vui.
Bốn là tiền bạc phanh phui,
Rán dầu, rán mỡ, đập dùi đập săng,
Tiêu càn phí chạ lăng nhăng.
Ngàn thằng hút máu, muôn thằng lột da;
Quan giàu rất đỗi kiêu xa,

Hàng ngoài mua sắm hằng hà biết bao,
Của tiền ngày một tốn hao,
Tôi e rồi lại té nhào như xưa;
Phải toan kiếm cách ngăn ngừa,
Từ sau cạo sạch cho chừa thói tham.
Năm là chánh trị phương châm,
Hướng nào giữ chắc chỉ nam một bề;
Đừng điều đùm bọc bạn bè,
Quan gia đừng kiếm lối lề đặt thêm;
Thuế sưu bớt chốt bớt nêm,
Để cho dân sự ấm êm lần lần;
Vả quan là để giúp dân,
Chớ không phải để dưỡng thân thằng cùng,
Mà nay lắm việc lạ lùng,
Quan gia nhìn lại như sùng đục săng;
Ơn riêng cũng được thưởng thăng,
Khi thời trám miệng mấy thằng dèm chê,
Trường quan như rạp hát thuê,
Ngồi trên nhiều bạc u mê mặc lòng;
Của là thiên hạ của công,
Phải là của tổ của tông đứa nào;
Bây giờ tiêu phí tầm phào,
Dân ta ra sức nộp vào làm chi;
Gặp cơn nhà nước khuynh nguy,
Nhịn ăn bớt uống cũng vì phận dân;
Trước là cung đốn viên nhân,
Sau là lớn nhỏ nhơn dân đặng nhờ;
Mà nay đến đỗi hãi hờ,
Vậy thời dân sự nương nhờ vào đâu;
Thương ôi! các cụ cầm đầu,
Ngày đêm múa hát yến âu cửa nhà;
Càng ngày càng sút càng sa,
Người ngoài khinh dể, dân nhà đói lăn,
Hãy còn trợn mắt nhăn răng,
Càn đùa phép tắc, đón ngăn thư từ;
Người ngay kiếm thế xu trừ,
Chận ngang họng sĩ nấu nhừ xương dân;

Lòng người hết chỗ vỉ vân,
Chắc là thế nước đã gần tắt hơi;
Phải toan dựng lại cuộc đời,
Bỏ loài tham nịnh, chọn người công minh;
Việc chi phải thuận dân tình,
Đổi thay sửa đặt triều đình các quan;
Hộ mình trăm việc đều khoan,
Bớt xâu nhẹ thuế cho toàn mạng dân.
Một thiên kể hết xa gần,
Hai bên nghị sĩ rần rần ó theo;
Rằng: nay nhà nước hiểm nghèo,
Quan gia rặt lũ lèo hèo khó coi;
Làm cho xấu nước tổn oai,
Một đời chỉ biết móc xoi của người;
Vả như Tể tướng họ Mai,
Tốt đồ khéo nói trong ngoài ngửa nghiêng;
Quan to thế ấy ai kiêng,
Sửa sang chánh nước là quyền tại dân;
Phải toan sắp đặt một lần,
Phải cho nghị sĩ mười phân chánh quyền;
Nào là bàn nói chép in,
Phải cho dân sự có quyền thung dung;
Thuế thời bớt ngạch chánh cung,
Lo ngoài ngăn giặc giữ trong nước nhà,
Xúm nhau lại cử cha già,
Cầm thơ qua Úc rầy rà cãi co;
Thế cùng vua cũng phải cho,
Mười phần dân được tự do cả mười.
Nước ta rủi có một người,
Tên Tà La Quỹ, thiệt loài rước voi,
Xưa nay bợ đít họ Mai,
Say mê Đạo giáo, chê bai học hành,
Thề lòng chống với văn minh,
Bây giờ trông thấy đảng kình mạnh hơn,
Thẹn thùng va mới nổi cơn,
Ra tay phá nát giang sơn cho đành;
Rằng: ta quan lớn rõ rành,

Mà nay ngồi với quân ranh lũ cùng;
Cất binh chiêu mộ đảng hung,
Xưa nay chó chạ mèo đồng thiếu chi,
Xúm nhau gây cuộc loạn ly,
Đốt nhà, cướp ruộng, chặt mì, phá khoai;
Phần thì vua Úc giúp ngoài,
Nước Nga thừa thế móc xoi đủ đàng,
Xui cho dân giáo nghênh ngang,
Mình thì ngồi ngó hai đàng hơn thua;
Dân ta kiện cáo đến vua,
Úc hoàng kiếm chuyện thêu thùa qua loa:
Ngoài thì bắt tội tà la,
Trong thì gươm súng đưa qua cho người;
Dân ta tức giận bời bời;
Cha tôi diễn thuyết mấy lời thưa qua:
Úc hoàng quên việc nước nhà,
Xui người làm loạn phá ta rõ ràng.
Lăm le trâu ngựa một đoàn,
Cuộc nầy chưa dễ giữa đàng mà thôi;
Thêm binh hai chục vạn ngoài,
Quyên vàng ngàn vạn, các người nghĩ sao?
Nghị viên lớn tiếng ồn ào:
Tự do chẳng được, chết nhào mà thôi!
Dễ đâu kẻ dập người vùi,
Hãy xin liều chết với đời cho cam.
Dân ta nghĩa khí hầm hầm,
Cha tôi trông thấy dầm dầm lụy rơi:
Rằng: tôi thay mặt nước tôi,
Cúi đầu cảm tạ lòng người thế ni.
Cùng nhau uống máu đồng thề,
Bầu cha coi hết mọi bề quân gia.
Giặc binh kéo đến nước nhà,
Dân ta hết sức xông pha đuổi dài;
Tà la thoát khỏi vòng ngoài,
Chạy về kinh Úc kiếm bài thêm binh;
Quân va chẳng chịu chống kình,
Rằng: mình đâu nỡ giết mình cho đang!

Việc nầy lỗi ở miếu đường,
Bọn ta dầu chết cũng thương lấy nòi.
Va liền đổi lấy binh ngoài,
Hai bên xáp trận kéo dài hơn thua.
Học trò Úc cũng tức vua,
Đùng đùng vác súng xúm ùa kéo ra;
Phố phường nổi dậy gần xa,
Bốn bề đón đánh quân va vùi đầu;
Bắt ngay loài mọt lũ sâu,
Vất thây dưới súng, bêu đầu ngọn cây;
Úc hoàng cũng phải chạy quay,
Kinh thành nắm hết trong tay học trò.
Tiếc vì đám quạ bầy cò,
Một thành rặt lũ học trò không xong.
Úc hoàng chạy thoát ra vòng,
Hiệp quân đảng ngụy đùng đùng kéo sang.
Nghĩ tình lúc ấy mà thương,
Lao nhao lúc nhúc một trường trẻ con.
Sự tình trăm phía thon von,
Mai chiều thế nước mất còn ngửa nghiêng.
Ví như một lũ đi thuyền,
Giận cho tên lái, bắt liền chém ngay,
Thuyền thời nắm đặng trong tay,
Nhưng không biết trở biết giay thế nào;
Lênh đênh sóng giật sóng xao,
Trăm bề chẳng biết thế nào là an.
Biện võ là tướng Ba Lan,
Liều mình trăm trận, trải gan một đời,
Bực mình thế nước tơi bời,
Thề lòng chẳng chịu một trời đội chung,
Bấy lâu lánh dấu anh hùng,
Nghe tin người cũng vào vòng cầm binh.
Nước ta tướng giỏi có danh,
Tên là Khổ Lạc vào thành giúp mưu.
Trong thành hết sức đồng cừu,
Ngoài thì binh Úc bịt bùng phủ vây.
Binh ta dốc dạ cứu nguy,

Hiềm vì hai đảng đêm ngày có đôi,
Cãi nhau lắm việc lôi thôi,
Sau rồi lại cử cha tôi cứu người.
Hai muôn quân kéo tức thời,
Giặc quân sáu vạn tới nơi chống kình,
Quân ta hết sức liều mình,,
Người thưa súng nhỏ nên thành dở dang;
Nửa ngày đua sức so tràng,
Thua cơ ta phải liệu đàng tháo lui;
Trong thành thấy thế phanh phui,
Hết ăn rồi cũng tính chui ra đầu.
Tà la binh đuổi theo sau,
Quân ta tức giận đón đầu đánh tan;
Giặc liền cậy thế Thái San,
Hai mươi bốn vạn bốn đàng kéo qua.
Bây giờ trong thế nước ta,
Lương tiền thút mút quân gia rã rời;
Cha tôi gắng sức gắng hơi,
Khuyên dân đúc súng, dỗ người tập binh;
Trong thì chánh nước kinh dinh,
Ngoài thì chống cự giặc kình một tay,
Một thân lo lắng đêm ngày,
Thấy thôi ai cũng thương thay cho tình;
Nào là các cố tu hành,
Nào là mấy cụ dưỡng mình xưa nay,
Bây giờ thấy thế đắng cay,
Cũng ra hết sức giúp tay nước nhà;
Người thì vác giáo xông pha,
Người thì la lối: người ta giày vò;
Khốn hay thế nó quá to,
Binh nhà thua kém kinh đô tan tành.
Cha tôi gắng gổ tướng binh,
Nói: xưa người Mỹ chống Anh lúc đầu,
Ba thành đã bị xé thâu,
Vậy mà hết sức xúm nhau chống kình,
Chúng ta phải hết sức mình,
Đừng cho người Mỹ rấp rinh chê cười.

Quân ta nghe bấy nhiêu lời,
Rịt thương, bó máu, tỉnh tươi bội phần.
Lại còn hai vị tướng quân,
Hào Lưu, Biện Võ vốn thần dụng binh;
Hào Lưu cứ hiểm chống kình.
Phía đông Biện Võ đem binh đuổi dài;
Ba Lan lại có một ngài,
Tướng quân họ Điển đủ tài lược thao,
Giúp ta hết sức hùng hào,
Đánh ngang phía bắc đuổi nhào Úc quân,
Tiệt Xu một trận binh thần,
Giặc kình mất vía, bỏ thân muôn vàn;
Binh ta oai tợ sấm vang,
Tà la ngóng gió tìm đàng chạy ngay.
Cuộc đời nghĩ lại cũng hay,
Khi hư xúm lại kẻ rầy người chê,
Xem chừng thế thắng trở về,
Thì thôi ai cũng vỗ về ngợi khen;
Nước ta lúc mới đua chen,
Âu châu các nước xem hèn xem khinh;
"Nước Hung lắm thế lênh đênh,
Chống sao cho lại Úc binh hùng cường"!
Bây giờ khen ngợi um sùm;
"Úc sao thắng nổi nước Hung đó mà"!
Khốn thay thói tục xấu xa,
Anh em đánh lộn kêu ca người ngoài!
Úc hoàng thấy thế choi voi,
Lòng đâu nghĩ đến cặn còi sâu xa,
Lầm vì miệng lưỡi người Nga,
Rước voi quên cả xấu xa nước mình!
Nước Hung là nước đồng minh,
Chuyện chi đến nỗi cậy binh Nga hoàng?
Nước Nga cậy thế hùng cường,
Bấy lâu không việc còn đương ngứa nghề,
Vả chăng thấy Úc càng bê,
Quyền vua thút mút, đổi về quyền dân,
Một là đồng bệnh tương lân,

Hai là giúp đỡ nước gần lấy công,
Ba là đánh đổ nước Hung,
Ngày sau thâu xé Âu đông cũng vừa;
Ấy là lòng cũ dạ xưa,
Bây giờ may lại thừa ưa gặp chầu,
Nghe lời mừng rỡ gặc đầu,
Kéo binh thẳng tới đập nhầu nước Hung;
Rêu rao lắm tiếng lạ lùng:
"Nước Hung là giặc vẫy vùng tự do,
Nước Nga chẳng biết tự do,
Tự do là thực thù to chúng mình!
Nước Hung sự nghiệp dựng thành,
Cõi Âu khôn giữ thái bình các vua;
Vậy nên phải đập cho thua,
Dựng càn chuyên chế, phá đùa tự do;
Ấy là quyền phép trời cho,
Ấy là bổn phận ta lo đêm ngày"!
Dân Hung lắm nỗi đắng cay,
Đưa thư các nước tỏ bày kêu van,
Lạ chi những thói dã man:
Già tay lũ yếu, non gan đảng kình!
Lóng tai Nga, Úc hiệp binh,
Ai kêu trối mặc, làm thinh lắc đầu.
Úc, Nga ỷ sức mạnh giầu,
Binh năm mươi vạn kéo vào nước Hung,
Dân ta tức tối lạ lùng,
Đành liều chết với non sông một lần;
Hịch truyền khắp cả xa gần,
Kể ngay tội Úc hại dân rõ ràng;
Tám trăm, bốn chín, một ngàn
Thực ngày mười bốn, trong vòng tháng tư,
Thề lòng khôi phục kinh sư.
Vậy ngươi Phiến thế hùng cừ cầm binh,
Ngày đêm máu chẩy đầy thành,
Rạng ngày tướng sĩ liều mình hãm vây;
Hai bên gươm giáo xúm vây,
Quân ta như kiến phủ ngay vào thành,

Tướng hùng Phiến thế nạp mình,
Toàn quân bó giáp đô thành nước ta;
Lăm le dựng lại nước nhà,
Hiềm vì nước Úc, nước Nga thị hùng,
Viện binh càng tiếp càng đông,
Quân ta bốn phía khôn trông chống kình,
Hào Lư tướng giỏi cầm binh,
Dày tài thao lược, mỏng tình công trung,
Bấy lâu mống chí lạ lùng,
Cùng cha ghen ghét vằng vùng lắm phen;
Quân Nga mật thám biết liền,
Miệng mồm dỗ ngọt, bạc tiền đưa qua;
Lạ chi quan lớn nước ta,
Thấy tiền còn biết nước nhà là đâu;
Xếp binh bó giáp ra đầu,
Mấy muôn tướng sĩ buồn rầu khóc than;
Va còn trơ mặt mê man,
Tìm mưu kiếm chước dỗ can nhiều lời;
"Phải toan nhịn xấu một thời,
Thương vì một nỗi muôn người thác oan."
Quân ta không chỗ kêu van,
Bỏ liều tánh mạng phá tàn binh cơ,
Xúm nhau chém ngựa, xé cờ,
Van trời trối đất dật dờ trót đêm;
Một lòng dạ chuột lòng chim,
Cũng còn lắm kẻ gan lim ruột đồng!
Tướng quân Khố Lạc anh hùng,
Đóng binh giữ chắc Hồ Mông một thành;
Thăm dò biết cả địch tình,
Nửa đêm ngậm thẻ thình lình phủ vây;
Giặc kình khắp nội bỏ thây,
Binh lương khí giới chất đầy muôn xe.
Quân ta thừa thế chẻ tre,
Càng ngày càng nhóm, cờ che rợp đàng,
Binh oai ngày một dậy vang,
Thề lòng dốc tới chận ngang kinh thành.
Làm cho binh Úc tan tành,
Làm cho nước Úc dưới thành kêu ca;

Quân ta say máu ngà ngà,
Liền ngày trất thẳng xông pha giặc kình;
Võ La hồ cả đồn binh,
Mấy muôn tướng sĩ ra tình hăm he,
Tự do năm vẻ mây che,
Ngọn cờ độc lập lòe gió bay;
Vua tôi nước Úc khoanh tay,
Quân ta mừng rỡ đương bầy tiệc vui;
Trông ra một chú lui hui,
Mặt mày buồn bã chạy vùi tới nơi,
Xiết bao trách đất van trời,
Xem ra mới biết là người nghị viên;
Nhẩy vào khóc lóc nói liền:
"Thôi rồi sự nghiệp! đảo điên nước nhà!
Hào Lư bán cả ông cha,
Đành lòng theo giặc nước nhà tan hoang!
Họ Tô thất thế, vội vàng,
Kéo ngay một đạo binh tàn sang sông".
Quân ta nghe nói lạ lùng,
Ruột gan nhức nhối, muôn dòng ngổn ngang

HỒI THỨ CHÍN

Tướng quân trông thấy vội vàng.
Tỏ lòng khẳng khái, cạn đàng thỉ chung
"Bọn ta thề với non sông,
Thân này khác thể lông hồng nhẹ thay!
Cúi đầu cho chúng đọa đầy,
Chẳng thà da ngựa bọc thây cho rồi!
Dầu mà còn một tí hơi,
Lòng ta nào nỡ tay rời gươm dao;
Hiềm vì thế nước đã nhào,
Trông sau ngó trước thế nào khôn xong;
Thân ta bao quản long đong.
Muốn đi, muốn ở, mặc lòng các quân".
Quân ta đứng dậy rần rần
Lòng trung dạ nghĩa một lần thưa qua:
"Chúng tôi bỏ họ bỏ nhà,
Đem thân trả nợ nước nhà bấy lâu,
Nên hư được mất mặc dầu,
Trong vòng sống chết xin hầu tướng quân;
May mà trời thuận lòng dân,
Nước ta thoát khỏi gian truân lúc này;
Rủi thì vì nước bỏ thây,
Làm ma trung nghĩa xum vầy có nhau!
Tiếng thơm còn để đời sau,
Họa là con cháu ghi sâu chữ thù!"
Muôn người một dạ đồng cừu,
Tướng quân mừng rỡ, tiền khu kéo liền;
Tới đâu quyên súng, quyên tiền,
Hồ Mông kéo lại sửa kiên trì thành,

Đêm ngày gắng gổ quân binh,
Giục lòng kẻ mạnh thương tình người đau;
Hịch truyền cặn kẽ mấy câu:
"Xưa kia lắm kẻ buồn rầu hơn ta;
Trong tay một đội quân gia,
Thừa cơ dựng được nước nhà lắm khi;
Thử xem nước Thổ Nhĩ Kỳ,
Nổi bên Châu Á mạnh gì bao lăm,
Chỉ đem lính kỵ bốn trăm,
Đánh tan La Mã, xôầm cõi Âu;
Lại còn một việc chưa lâu:
Phá Luân thừa thế xé thâu kinh thành;
Cơ đồ nước Úc tan tành,
Quân ta ra sức chống kình đuổi ngay;
Gẫm cơ được mất xưa nay,
Thế ta chưa dễ đoạ đầy cho qua;
Mấy ngàn trung nghĩa nước ta,
Năm trăm ngựa mạnh, một toà thành cao,
Thừa cơ dĩ dật đãi lao,
Một ngàn đương vạn, giặc nào cũng tan;
Anh em gắng hết ruột gan,
Thề nhau thịt nát xương tan với thành;
Vậy thời đường hiểm cũng bình,
Binh hèn cũng mạnh, giặc kình cũng suy".
Quân ta cạn nỗi vân vi,
Thề thà trôi máu, quản gì bỏ thây.
Giặc binh bốn phía phủ vây,
Gươm đao làm hiệu, súng xây làm thành;
Súng rền bể toác trời xanh,
Đạn bay mưa vãi, lụy doanh lửa tàn!
Khói lên ngui ngút mây vàng,
Địch quân thất thế tràn ngang vào thành;
Quân ta thí mạng chống kình
Địch quân thất thế rùng mình tháo ra;
Hiềm vì sự thế bên ta,
Đạn lương thuốc mút, quân gia hao mòn,
Trong thành ngày một thon von,

Ngoài không binh viện, thôi còn trông đâu!

*

Úc quân lại dụ xuống đầu,
Bàn cùng Khổ Lạc mấy câu sau này:
"Tướng quân thiệt đúng tướng tài,
Thường đem tàn tốt đuổi dài đại quân;
Bây giờ thế đã gian truân,
Lòng ngài vẫn giữ mười phân vững vàng;
Ngài coi cái chết như thường,
Lòng trung liệt ấy dội vang hoàn cầu;
Nhưng nay cả nước đã đầu,
Viện binh chẳng đến thì hầu mong chi?
Tướng quân giữ một thành nguy,
Bấy lâu một dạ trung thì thiệt trung;
Chỉ xin ngài nghĩ cho cùng:
Ích gì cho nước mà hòng bỏ thân?
Làm thêm tàn hại sinh dân;
Tôi xin bàn với tướng quân giảng hòa."
Tướng quân bình tĩnh nói ra:
"Tôi xin tạ cái ơn đà nhục tôi!
Nhưng mà loạn lạc tới bời,
Nghị hòa không phải là lời không hay;
Hãy xin đính ước thế này:
Quân tôi không phải là bầy thua ai,
Vậy đừng trói buộc chân tay,
Các anh phải đãi là người tự do;
Tiền, lương, súng ống mọi đồ,
Các anh không được mó rờ tới nơi;
Trước khi mở cửa thành này,
Chúng tôi còn tế mấy người trận vong,
Cùng nhau rơi giọt lụy chung,
Để cho không phụ tấm lòng với ai;
Úc hoàng nếu có nhận lời,
Thì đâu tướng sĩ mới rời chân ra;
Ví dầu còn nói gần xa,
Thì ta chết với thành ta một ngày."
Úc quân biết thế khôn lay,

Về cùng vua Úc tỏ bày trước sau;
Úc hoàng rõ nỗi nông sâu,
Túng đường nên cũng hẹn nhau như lời.
Tướng quân khẳng khái lên đài,
Nói cùng tướng sĩ những lời tâm can:
"Anh em tướng sĩ ba quân!
Một lòng trung liệt, mấy lần xông pha;
Đi đâu ai cũng thua ta,
Nhỏ mà được lớn, ít mà được đông;
Cùng nhau sắt đá một lòng,
Sao cho kéo lại non sông mới đành;
Bấy lâu giữ một cô thành,
Bốn năm mươi vạn giặc kình khôn lay;
Hay đâu dồn dập hoạ tai,
Làm cho tàn hại giống nòi lắm thay;
Lấy ai kéo lại cuộc này,
Các nơi thất bại hằng ngày nghe tin;
Hào Lư đã lộ gian tình,
Cúi đầu theo giặc cầu vinh thân mình;
Viện binh xa cách muôn nghìn,
Chúng ta nguy khốn quá chừng lắm ôi!
Nào khôn, nào mạnh, đầu rồi!
Hao mòn gan ruột, rã rời chân tay;
Bây giờ liều với thành này,
Hơi tàn cũng được mươi ngày nữa thôi;
To gan mà phải bỏ đời,
Chi bằng gắng sống chờ thời lập công;
Cùng nhau thề với núi sông,
Nằm gai nếm mật, giữ lòng thù chung;
Than ôi! cái sức đã cùng,
Mà lòng sắt đá anh hùng còn đây!
Gặp nhau rồi cũng có ngày,
Thân này thề với nước này ngày sau!"
Ba quân nghe hết mấy câu;
Ai ai cũng nhỏ giọt châu sụt sùi,
Mây đen giúp lạnh ngậm ngùi,
Cùng nhau cúng vái những người trận vong;

Lo bề đắp điếm thủy chung,
Mở cờ, gióng trống, binh nhung chỉnh tề,
Kéo nhau ra khỏi thành trì,
Úc quân trông thấy trăm bề ngợi khen,
Bấy giờ khắp cả trong miền,
Úc, Nga chung sức dẹp yên tơi bời.
Rồi ra Nga, Úc ăn lời,
Bắn hàng tướng, suý, chém bầy hầu vương;
Nghị viên cùng với quan trường,
Nhiều anh cũng chết vì phường dã man.
Chúng làm hết sức ngược tàn,
Bà già chẳng nể, gái ngoan chẳng từ;
Vào đâu cũng hét cũng ừ:
"Bọn kia làm giặc là từ bay khuyên"
Đua nhau cướp của cướp tiền,
Cười ta là bọn rất hèn rất ngu.
Sĩ dân tức giận dẫu sâu,
Tay không há dễ làm sao được mà!
Mấy người danh sĩ nước nhà,
Hoặc là bị giết hoặc là phiêu lưu;
An nhàn với bọn quốc cừu,
Chỉ là một lũ Hào Lưu mấy thằng;
Quốc dân ai cũng nghiến răng:
Muốn đem xẻ thịt muốn bằm nát xương!
Gớm thay những đứa gian hùng!
Hại nòi bán nước để hòng giầu sang!
Đời người được mấy tấc gang.
Mà bêu tiếng xấu để ngàn muôn năm.
Cha tôi giữ phía đông nam,
Binh tàn chỉ được độ năm ngàn người;
Quân thù kéo đến bời bời,
Cha tôi vừa đánh vừa lui lần lần;
Tuyết sương đầy đọa tấm thân,
Trăm phần cực khổ, trăm phần đắng cay;
Quân gia rời rã chân tay,
Lại thêm lam chướng hằng ngày phát sinh;
Nhiều người đói rét bỏ mình,

Quân mòn gần hết, giặc kình đuổi theo.
Cha tôi thấy thế hiểm nghèo,
Kéo vào nước Thổ mới kêu cứu cùng.
Đáp rằng: "ngày trước tổ tông,
Vốn là cùng với nước Hung có thù;
Nhưng nay ngài đã cùng đồ,
Về đây ai nỡ giày vò cho đang;
Vả ngài là kẻ phi thường,
Quân tàn mà đánh binh cường như chơi;
Vận cùng mà chí không dời,
Anh hùng như thế ở đời mấy tay!"
Ân cần hậu đãi mấy ngày,
Úc, Nga hay được toan bài bắt tươi;
Đem qua mấy nén vàng mười,
Xin cùng vua Thổ đổi người sang cho.
Doạ rằng: "nếu giữ bo bo,
Thì đây ta phải làm to chuyện mà!"
Thổ hoàng tức giận Úc, Nga,
Nói rằng: "Tô Cát thật là người trung,
Thật là một kẻ anh hùng,
Phải là một đứa gian hung đâu mà!
Cứ theo công pháp nói ra:
Phạm về chánh trị đã qua nước ngoài,
Nước nào cũng chứa hằn hòi,
Úc, Nga sao khéo cậy tài với ta;
Nếu mà muốn việc can qua,
Tuy là nước nhỏ nhưng ta sợ gì."
Từ rày Úc Thổ phân ly,
Cùng nhau đã muốn thử nghề đao binh.
Mấy nhà lãnh sự Thổ kinh,
Khuyên can nước Thổ, dỗ dành Úc, Nga;
Toan mưu tìm kiếm gần xa,
Quyết sao giữ được bình hòa mới an.
Thổ đình có một đại thần,
Bàn cùng cha thiếp ân cần mấy câu:
"Chúng tôi dám giấu gì đâu,
Thiệt lòng giữ trước gìn sau cho ngài,

Chỉ vì mấy nước ở ngoài,
Cho rằng nuôi cọp làm tai hoạ người;
Bây giờ giao tế rã rời,
Muốn điều hoà hiếu phải mời ngài đi;
Chúng tôi ngày tính đêm suy,
Bâng khuâng luống những nằn nì với nhau
Chỉ vì không mạnh không giầu,
Nên không khước được mấy câu nói càn;
Riêng mình lo lắng muôn vàn,
Nói ra e những ngại ngần lắm thay!
Nhưng tôi còn có chước này,
Làm cho họ khỏi đặt bày lôi thôi:
Xin ngài theo đạo Hồi Hồi,
Thì ngồi trong nước chúng tôi vững vàng;
Ấy đều giao ước rõ ràng,
Chẳng hay ngài có tán thành vậy không?
Tôi đây suy nghĩ đã cùng,
Trừ ra kế ấy, thì không kế gì."
Cha tôi rơi lụy dầm dề,
Tạ rằng: "mang tiếng nam nhi dưới trời,
Nước non đã mất đi rồi,
Thân này còn muốn ở đời làm chi!
Nhưng mà chưa chết tức thì,
Cũng là gắng sống để vì giang sơn,
Khu trừ những lũ cường quyền,
Trừ cho hết thói hung tàn Âu châu.
Về đây đã bấy nhiêu lâu,
Các ông ưu đãi, ơn sâu lắm rồi;
Nhưng khuyên theo giáo Hồi Hồi,
Thì tôi không thể theo lời được đâu;
Nếu nay sợ chết theo nhầu,
Tự mình hổ thẹn, đời sau chê cười;
Ví bằng số đã hết rồi,
Thân này gởi chốn biển khơi cũng đành!"
Đại thần mấy thứ dỗ dành,
Cha tôi cứ giữ đinh ninh một lòng.
Đêm ngày vơ vẩn bên song,

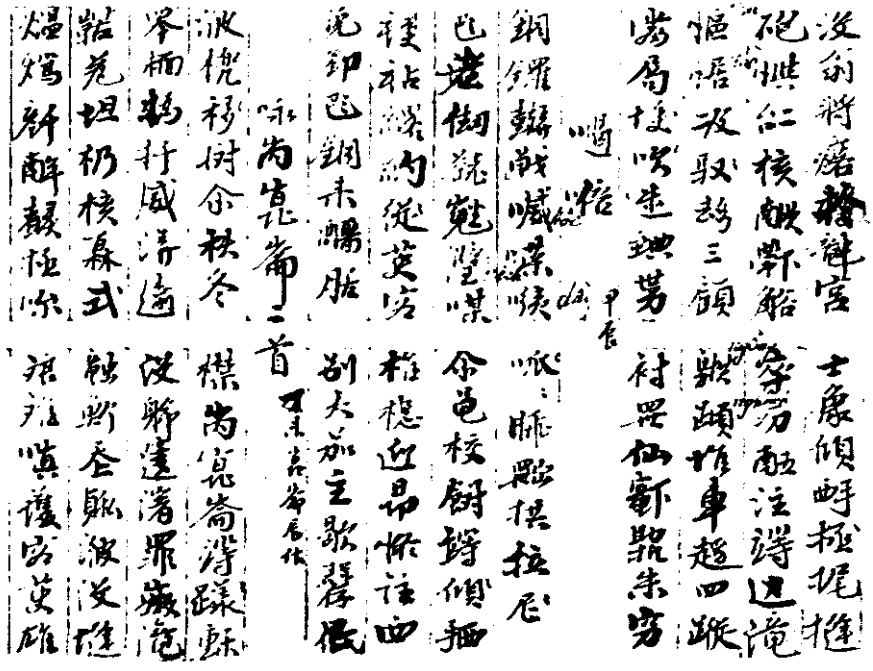
Nghĩ thôi chán nỗi long đong phận mình!
Trước kia gần bữa giao binh,
Nước Hung truyền hịch, động tình gần xa,
Hoa Kỳ khen ngợi nước ta,
Số người muốn giúp kể đà nhiều tên;
Bấy giờ họ biết được tin,
Ai ai đều cũng thương tình cha tôi.
Báo chương dư luận bời bời,
Những lời khen nghĩa, những lời khen trung.
Tính bề giúp kẻ anh hùng,
Từ trên đến dưới một lòng với nhau;
Phái sang Thổ một chiếc tàu,
Rước cha tôi với bạn bầu mấy ông.
Toàn cầu khen ngợi tấm lòng,
Mà bên Nga, Úc cũng không dám gì.
Cha tôi sang nước Hoa Kỳ,
Trăm bề hậu đãi, trăm bề khuyến lưu.
Cha tôi giữ chí phục cừu,
Tạ từ nước Mỹ, đáp tầu sang Anh;
Tỏ bầy thảm trạng nước mình,
Bị người ngoại quốc hà hành khổ dân;
Tìm người đồng chí xa gần,
Quê người đầy đoạ mấy xuân một lòng.
...(*)

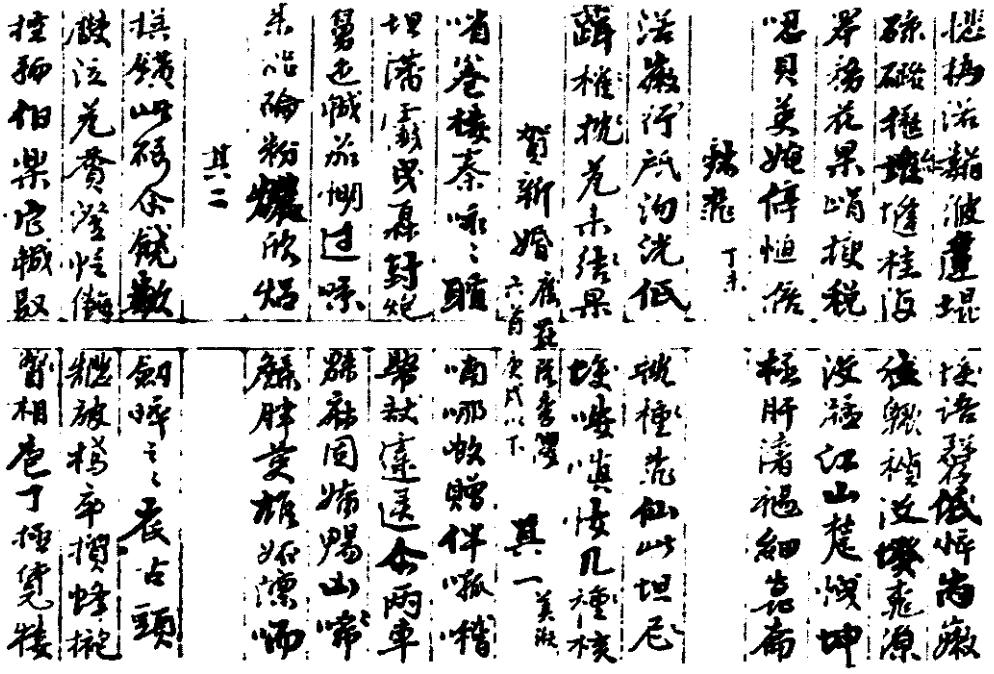
(*) Bản dịch ("diễn ca") của Cụ Phan Châu Trinh dừng lại ở đây. Từ nửa sau của Hồi thứ Chín đến hết Hồi thứ Mười Sáu (tr. 114-220 của bản chữ Hán), về sau được Trần Tiêu dịch ("diễn ca") tiếp (chưa xuất bản), nhưng chúng tôi không đưa vào đây, để tôn trọng nguyên văn bản gốc" chưa định vị" của Cụ. Bạn đọc có thể tham khảo phần "nguyên bản dịch chữ Hán" tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ* do Nhậm Công Lương Khải Siêu thực hiện, in kèm ở phần sau tập I này. NBS.

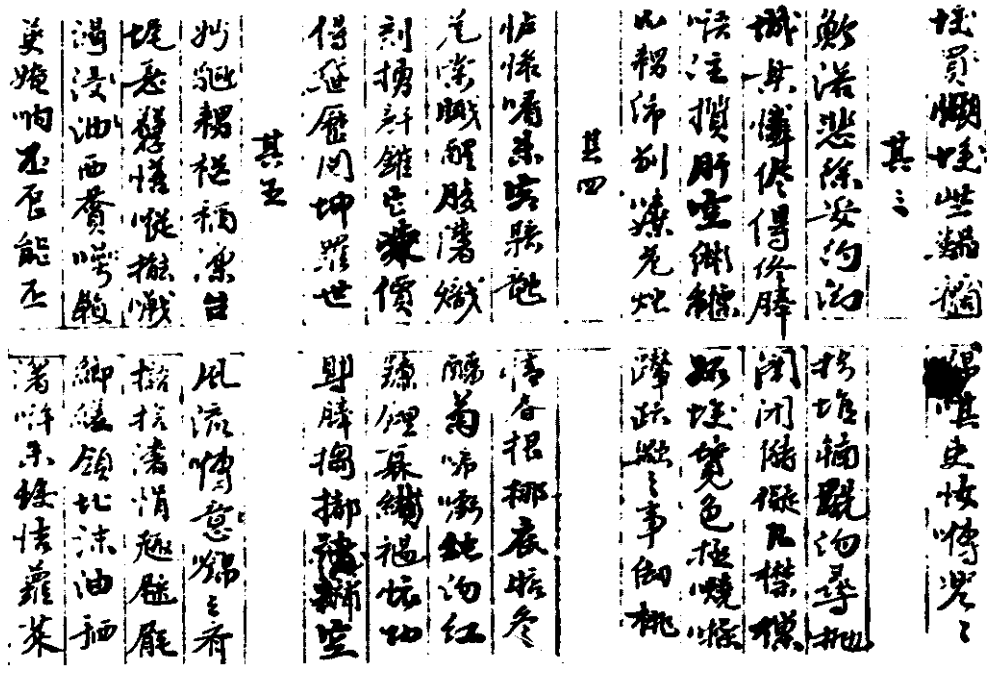
PHẦN CHỮ HÁN

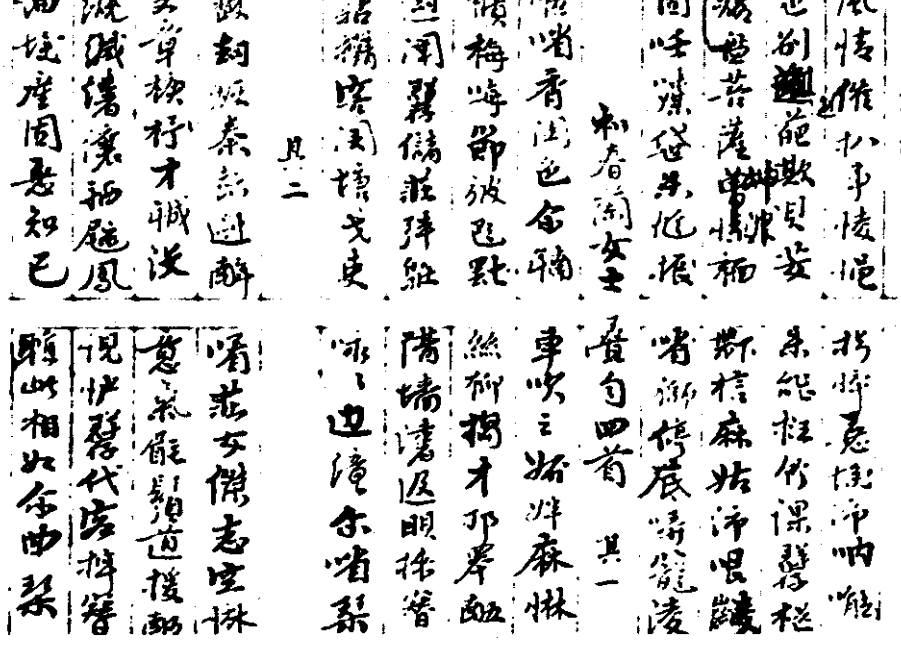
QUỐC ÂM TẠP VỊNH

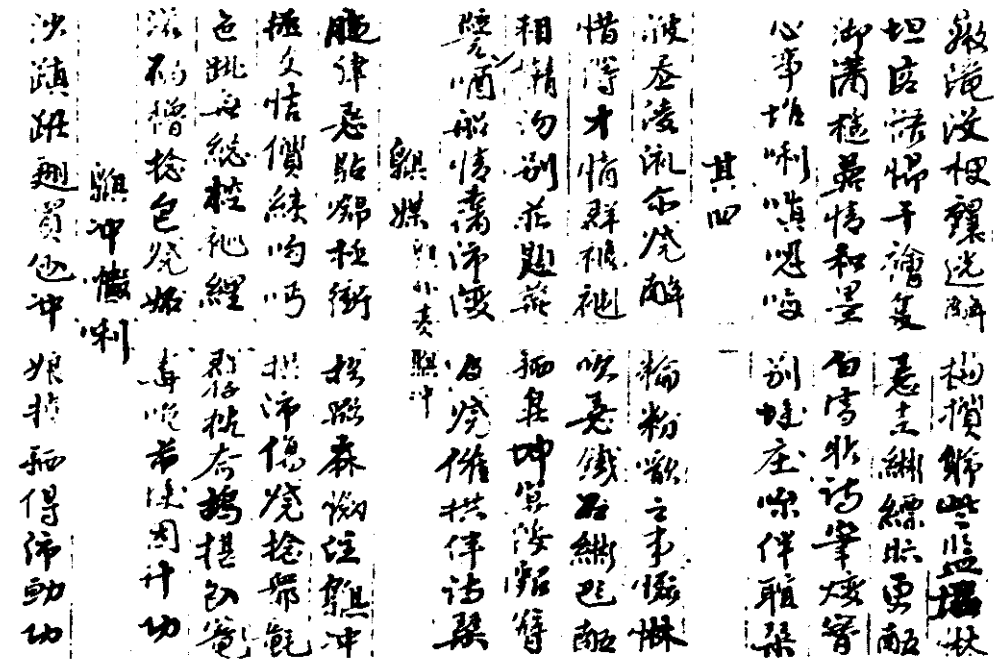
(Nguyên văn chữ Nôm và chữ Hán
Thủ bút của Phan Châu Trinh)











經絃蚓梵生樓林　嗚咽機鎖嘴楓龜
蹄總默娜停枯嘆　車躍之低芳劉當
湘唯傷饒淚漁覺　噴膺嗌胠胸主房

知濕

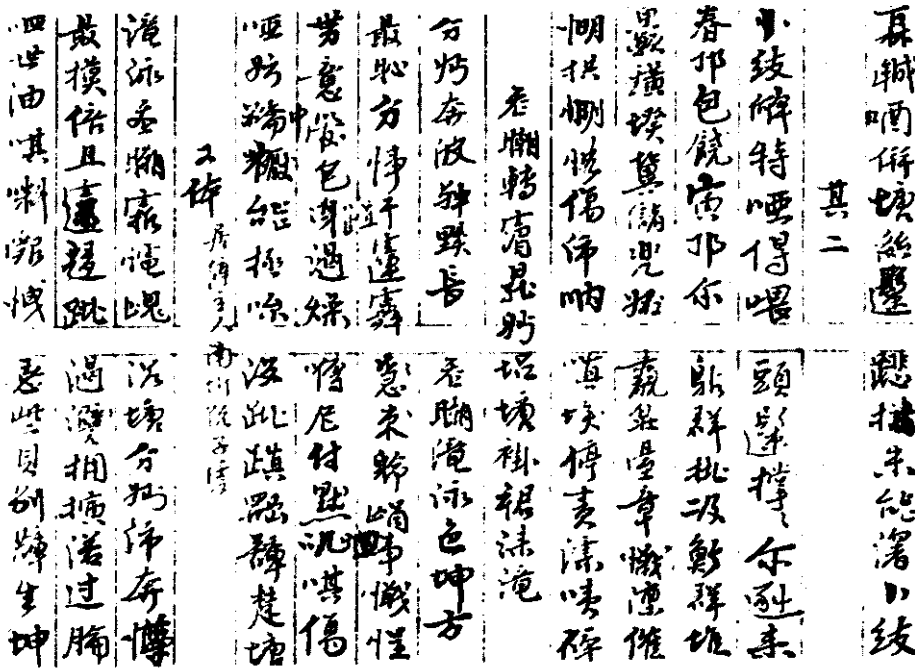
暮細迮擇性清坂　知隣署的嘗境住
蚓攢絢芯神金學　接鵐西雅劉色絲
烃頭蚓拖平恥賜　燦膊孤淫事翻矯
涕關心泥城圖蹯　欣啦為決妹房候

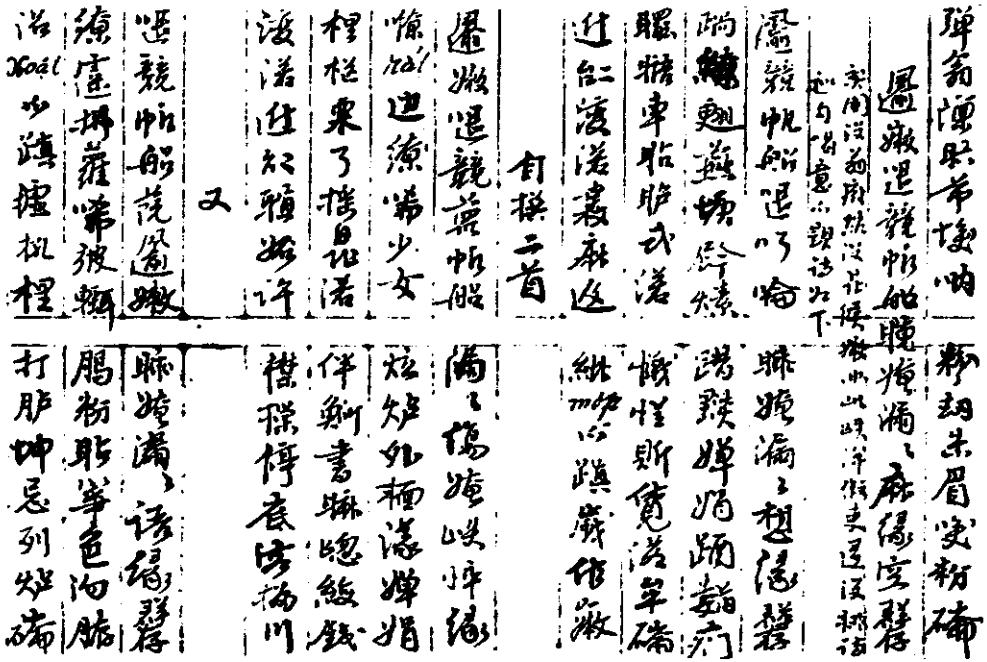
步句贈許寓

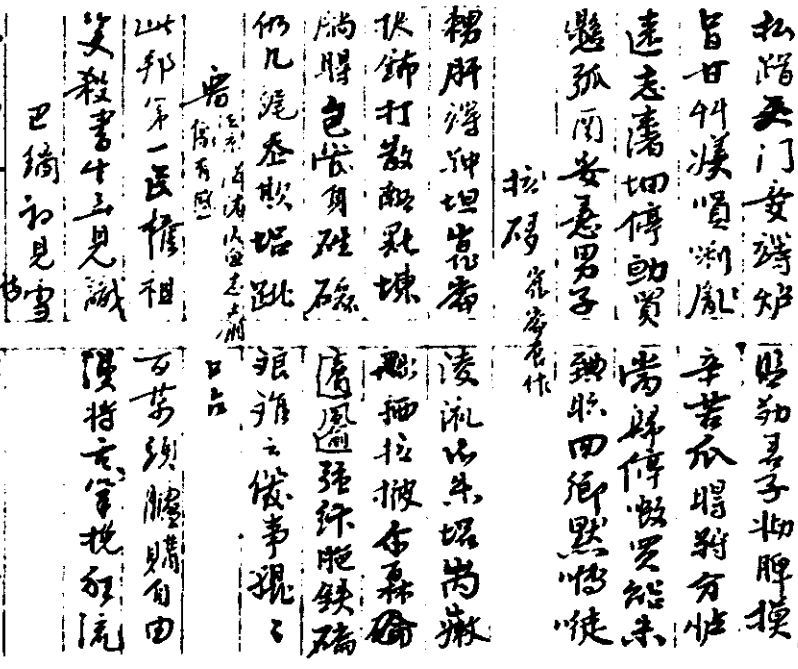
屠塔游坡劍沒殼　細低指色源江程
城碧蹦避君治樂　回翻娛殘柳余意
感景暮橫停衣胞　朝焚沒鳴會器情
仍制喊悟是能鑒　重假匊居蜂試為

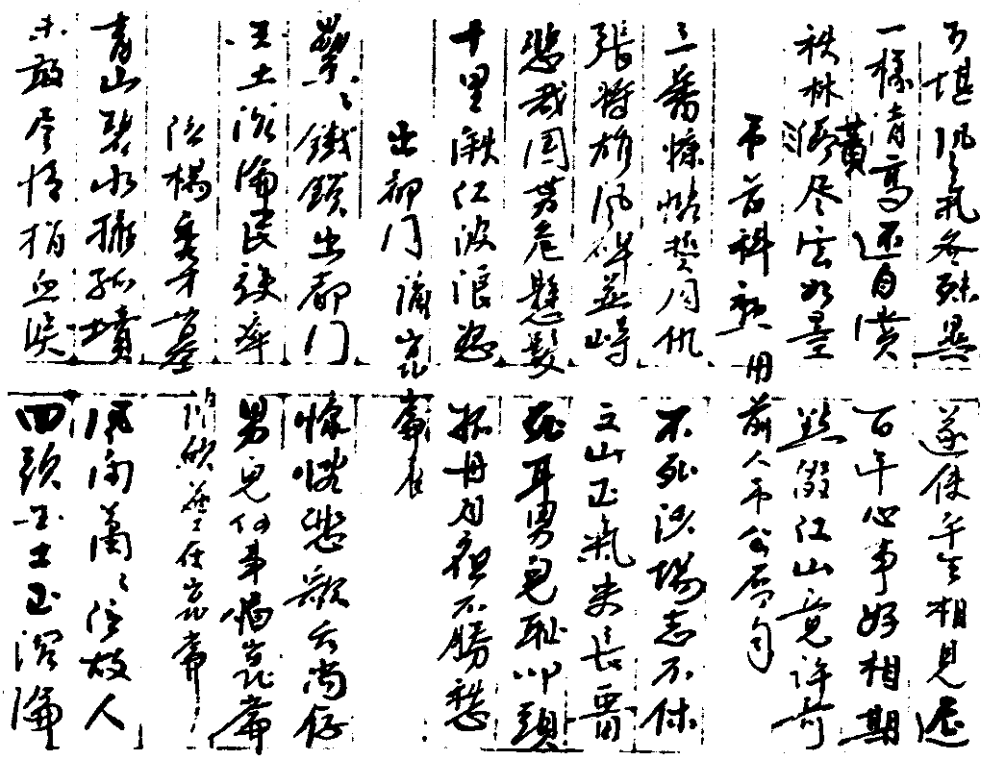
贈秀才洗宣 陳珠松 其一

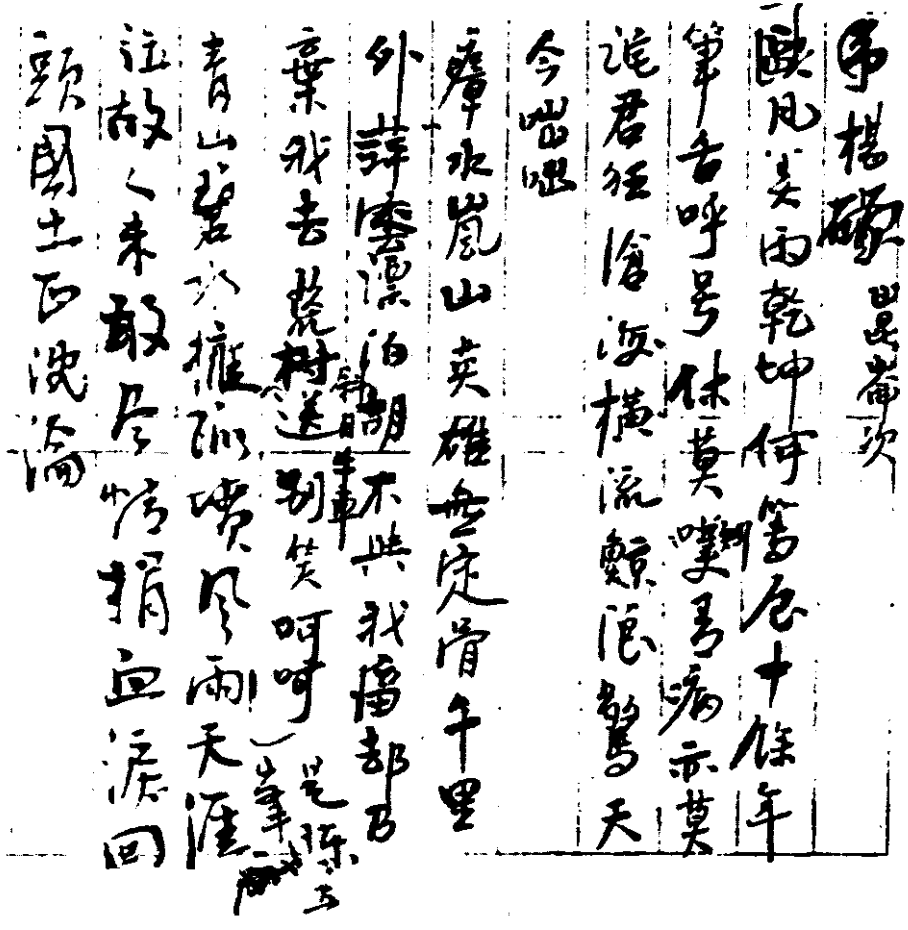
貢沫要碎傳鳴得　新鼓騎級別器埃
駝坤沖指尾梗辭　鮫禮停歡眼舉瞅











玻璃城餞公子阮緯學成歸國

鞠躬從嘴踏鼻歡 倍且送嘆巫敬喃
坦客越耐距戰醞 慝茄娘桶沒錆鎌
默喃劲動功如川 尬敬坦培女襖甘
襖錦般膠添娘魁 波洲閩跋祝吹忙

西曆一千九百十二年七月二十三日

潘周楨敬

GIAI NHÂN KỲ NGỘ

SÀI TỨ LANG trước
NHẬM CÔNG LƯƠNG KHẢI SIÊU *dịch*
ẨM BĂNG THẤT HỢP TẬP - Chuyên tập 88 -
Thượng Hải Trung Họa thư cục ấn hành, 1936.

飲冰室專集之八十八

政治小說

佳人奇遇序

政治小說之體。自泰西人始也。凡人之情。莫不憚莊嚴而喜諧謔。故聽古義則惟恐臥。聽鄭衛之音則靡靡而忘倦焉。此實有生之大例。雖聖人無可如何者也。善爲教者。則因人之情而利導之。故或出之以滑稽。或託之於寓言。孟子有好貨好色之喻。屈平有美人芳草之辭。寓諷諫於詼諧。發忠愛於婉豔。其移人之深。視莊言危論。往往有過。殆未可以勸百諷一而輕薄之也。中土小說雖列之於九流。然自虞初以來。佳製蘼鮮。逮英雄則見棄。道男女則步武紅樓。綜其大較。不出誨盜誨淫兩端。陳陳相因。蹈襲遞附。故大方之家。每不屑道焉。雖然。人情厭莊喜諧之大例。既已如彼矣。彼夫綴學之子。賢塾之暇。執其手紅樓而口水滸。終不可禁。且從而禁之。孰若從而導之。善夫南海先生之言也。曰僅識字之人。有不讀經。無有不讀小說者。故六經不能教。當以小說教之。正史不能入。當以小說入之。語錄不能諭。當以小說諭之。律例不能治。當以小說治之。天下通人少而愚人多。深於文學之人少。而粗識之無之人多。六經雖美。不通其義。不識其字。則如明珠夜投。按劍而怒矣。孔子失馬。子貢求之不得。鄰人求之而得。豈子貢之智不若鄰人哉。物各有羣。人各有等。以龍伯大人與僬僥語。則不聞也。今中國識字人。寡深通文學之人尤寡。然則小說學之在中國。殆可增七略而爲八。高四部而爲五者矣。在昔歐洲各國未興之始。其魁儒碩學。仁人志士。往往以其身之所經歷。及胸中所懷政治之議論。一寄之於小說。於是彼中綴學之子。

舉塾之暇手之口之下而兵丁而市儈而農氓而工匠而車夫馬卒而婦女而童孺靡不手之口之往往每一書出而全國之議論爲之一變彼美英德法與意日本各國政略之日進則政治小說爲功最高焉英名士某君曰小說爲國民之魂豈不然哉豈不然哉今特採日本政治小說佳人奇遇譯之愛國之士或庶覽焉

日本柴四郎著

飲冰室專集之八十八

政治小說

佳人奇遇

日本柴四郎著

第一回

東海散士一日登費府獨立閣。仰觀自由之破鐘。（歐美之俗。每有大事。輒撞鐘集衆。當美國自立之始。吉凶成敗。此鐘皆先知。故人因呼爲自由之破鐘云。）俯讀獨立之遺文。慨然懷想。當時美人舉義旗。除英苛法。卒能獨立爲自主之民。倚窗臨眺。追懷高風。俯仰感慨。俄見二妃繞階來登。翠羅覆面。曙影疏香。藏白羽之春冠。衣輕穀之短羅。曳文華之長裾。風雅高表。脫蕩精目。相與指一小亭而語曰。那處卽是一千七百七十四年十三州之名士第一次會議國是之處也。（當時英爲英屬美洲。英王濫用威權。重賦斂美人。美人自由權利。悉地以盡。顧望之念絕。呼籲之途窮。人心激昂。殆將潰裂。十三州名士大憂之。相與會于此亭。謀救濟其窮厄。撰減亂機。時座中有一壯士。烈髭顯理者。乃激昂悲壯而發言曰。不脫英軛。不興民政。非丈夫也。此亭至今獨存。不改舊觀。與獨立閣同爲費府名區之一云。）又遙指山河曰。此邱呼爲駕谿。那河稱爲蹄水。曦晚霞邱在墓士頓府東北一里外左接海灣。右接磊邱。形勢巍然。實咽喉之要地。一千七百七十五年美國忠義之士。乘夜占據此要害。以遮英軍之退路。明朝敵兵水陸合擊。勢甚銳美人勢拒再破英軍。敵兵三增而邱上之軍。外則援兵斷。內則硝藥竭。大將窩連戰殘力。不能支。卒降南廂陷後。人建碑此處。以表忠死者之節云。）之一舉。草獨立之檄文於此閣。明自由之大義於天下。邊郡之民。咸來雲集。荷鋤蜂起。織女絕布以爲旗。倉父舂糧以饗應。慈母諭子。揮淚以赴戰場。貞婦寡夫。列隊伍。惟恐後。觸白刃。冒銃丸。傷而不撓。死

是大將華盛頓率疲兵退而陣於寧谿。時天氣嚴寒。積雪千里。堅冰塞道。援兵不到。糧運難繼。軍氣沮喪。士有菜色。諸將議曰。若今不一戰。以厲軍氣。則四方忠義之師將无解。即夜發寧谿。卷旗銜枚。渡蹄水。襲英騙兵。大破之。自由之師復振。是役也。將士貧困已極。履不蔽足。衣不防寒。徒跣踏冰雪。脛足凍坼。流血淋漓。數里之積雪爲之赤。軍中凍死者不可數。計云。嘻、人情誰不樂生而惡死。顧乃氣高志遠。急國家之難。忘其私身。而惟報國之知。宜哉。美人之能挽回頹勢。凱歌振旅。外而制歐人犯掠鄰國之政略。據公議以挫强暴。護弱內而修庠序。銷鋒鏑。厲工商。課農桑。成此富强文明之邦國。人享自由之樂。家作太平之謳。所謂凱歌聲動風雲色。兵氣銷爲日月光。嗚呼。吾黨何日得逢此盛。言罷。相與太息者久之。散士聽之。竊竊疑之。以爲今此佳人棲息自由之邦國。沐浴文明之德澤。而慨然悲哀如此。恰如普廷末路諸名士新亭之會。作楚囚之對泣。然山河之已非。當非異事。時倦鳥歸林。游客悉散。散士亦出發府郭門。步還西發。輕靄模糊。曉風吹袂。遙矚寧谿之依稀。瞰蹄水之浩瀁。感今念昔。情不能禁。乃賦古風一篇。行且吟曰。

晚降獨立閣。行吟蹄水濱。蹄水流滔滔。寧谿煙沈沈。疎鐘擊夕陽。倦鳥還遠林。微風吹輕裳。新月照素襟。對此風景好。何爲獨傷心。當年汗馬地。滄桑不可尋。英雄皆枯骨。鐵戟半銷沈。義士建國機。百年欽餘音。成敗有定數。白眼睨古今。

越日春風駘蕩。朝霞如烟。散士獨棹輕舟。高歌放吟。遡蹄水之支流。漸近寧谿之岸。忽見一清流出自幽谷。兩岸碧巉。與數種櫻桃相掩映。水色澄清。遊魚可數。散士停舟而笑曰。是眞今世之桃源也。恨無避秦人與之話前朝逸事耳。乃吟曰、扁舟來訪武陵春。覓句未成。忽聞微風遙送琴聲。傾耳聽之。其聲漸近。瞥見一小艇。自上流來下。

一妃操棹一妃彈琴風姿綽約望之若神仙中人相去數武二妃凝視散士相與耳語似作驚駭之色散士不解其何故目送久之妃亦回眸再三移舟回岸終不知其所之徒見河水渺茫微波揚汨而已散士常歎美人乏風流雅致不足共談花月韻事今殘春花間撫琴吟嘯忽遊仙妃心振目醉微波難託無由寄詞脈脈寸心願達彼岸追懷古人惆悵無已乃復遡流移舟但見百花翩翩隱風亂飛黃鸝嚶嚶繞樹熱囀枕水有一人家雖不甚宏敞然古雅清致獨脫塵俗庭前松柳任其自由雞門前不見長者轍然察其情景似是偉人之居散士維舟于門前之岸柳越邱涉水漸到籠谿極目一眺芳草如織菜花隨微風搖動綠陰毵毵羣羊倦睡回頭遙望汽車半殘之黑烟飛馳平野帆檣如雲往來蹄水散士感今懷古因念昔者波斯王勢氣佐師提百萬之大軍欲幷吞歐洲至歐亞之境立馬高邱慨然歎曰嗚呼今百萬之貔貅與我共渡此海百年之後皆成枯骨能復有人生存于此世界者嗚呼世無萬年之天子國無不朽之雄邦言畢淚涔涔下不能自禁又思英國文章之詞宗歷史之大家麻浩冷曾在海天髣髴間望故鄉萬感交集想念千載之後威名赫赫文物粲然之大英國既就衰敝壯麗之聖寺鞠爲蔬園彩虹之西橋無復嚮昔彼時墨客文人追想英國盛時坐西橋之朽梁寫聖寺之廢觀必有慘然不樂者俯仰古今與悲來者徘徊戰場感慨無限因漸蓐歸路經通谷涉景山越數十步遙見二妃拾翠於江濱咫尺盈盆不語脈脈恨無微波以通寸素徬徨躊躇者久之既而一妃提輕裾而徐步漸近散士年二十三四綠眸皓齒垂黃金之縛髮細腰冰肌踏遊散之文履揚彼皓腕折一柳枝態度風采若梨花含露紅蓮浴池顧散士揖而言曰頃於河上相見者非郎君也耶今此幽谷漁牧之來者猶稀況乎貴紳公子哉郎君髮黑眼銳無乃西班牙之士人耶散士答曰否僕東海遊士負笈茲土者也今雞花爛開芳草被野羣鶯亂飛偶有所感偷閒掉舟乘

興以弔自由之戰場。流連俯仰。吟咏忘歸。幸釋疑慮。妃驚曰。郎君由日本而來。山海相去三萬里。得無有故鄉之思否。散士曰。嬋妍仙姿。撫箏低吟。雲夢洛川之神女。亦無顏色。妃蓮希臘美人蘇皇才美冠世以女王之才美。亦當避舍。而振冠南嶽。濯足滄浪。高蹈風塵。睥睨人表。風度瀟灑。誰不云欽。今僕卒然相逢。諺所謂一樹之陰。一河之流。偶然交袖。亦有多少因緣也。詩曰。有美人兮。清揚宛兮。邂逅相遇。適我願兮。僕何幸而得此哉。妃以柳枝掩半面微笑曰。郎君所言者。彼立柳陰之人也。妾豈敢當此。伏問前日費府之獨立閣上。倚窗吟眺之士。非郎君也耶。答曰然。妃曰。妾名紅蓮。故有阿姊。避世于此地。先是見郎君於河上。阿姊謂妾曰。異哉前日相見於獨立閣。今亦相遇於籠谿。遊跡風流。不期而合。若得共語風流之韻事。可散胸懷無限之憂鬱矣。既而駭曰。彼士眸與髮俱黑。或恐西班牙之人歟。妾欲探郎君之蹤跡。苦無媒介。敢託折柳以試於郎君。幸恕其唐突不敬之罪。尤勿視妾爲跨水鵲橋。以客星渡之因。微笑疾行。直至柳陰。與一妃耳語。乃共入于臨流之一家。復來告曰。阿姊久待郎君。望高軒賜過。散士舉頭。則已有一妃待於門外。遠望之。髣髴如輕雲之蔽新月。近視之。皎潔若白鶴之立仙階。年齒二十許。盛妝濃飾。冷艷欺霜。眉畫遠山之翠。髮堆螺頂之雲。秋波凝情。炯炯射人。暗備威儀。紅頰含笑。皓齒微露。纖腰曳綵綺之長裾。蓮步徐移。綵繡之輕履。餘香襲人。徐步來迎。幾疑姮娥降塵。洛神出世。於是散士心動胸悸。爲之一揖。妃曰。今郎君光臨于此。妾之幸福。何以加之。因起薦長椅以請坐。其家臨跨水之支流。據籠谿之一邱。東對費府。西接芳林。深邃幽閑。庭前櫻花盛開。楊柳垂枝。翠陰婆娑。窗外掛一雕花籠。籠中蓄一白鸚鵡。壁頭揭一扁額。其文曰。幽谷薰蘭。空懷香年年。全節待鳳凰。架上橫一玉簫。壁間掛一風箏。大琴小琴。相對備極楚楚。須臾坐定。談話溫粹。謙態遜狀。相接之頃。豁然大開襟懷。胸中不置畛域。散士問以隱逸之故。妃憮然曰。妾豈好爲此者。時不

我與事與願違，故守節幽谷，甘茲沈淪，不足爲外人道也。散士竊疑此美以伉儷願違，恨世幽隱，非薄倖人也，或者皇天無情，所遇非人，故甘守貞，遯跡斯境耳。散士曰：昨相見於費府之獨立閣，非令姊也耶？妃曰：然。散士曰：曩見二妃之感慨，不禁悲憤，心竊怪之，何爲其然也？妃答曰：避世之士，逃難之人，若述往事，徒增傷感，散士固問其故。妃沈默不答。如深有顧慮者。紅蓮進謂妃曰：妾固知日本男兒之心肝，便談阿姊之來歷，可保無他。妃於是慨然而告曰：妾名幽蘭，世居西班牙京城，厥戶立都之名族也。昔時吾人剛敢不撓，跋萬里之鯨波，嘗千百之艱難，發見美國之大陸，自歸我版圖後，國旗翻於四海，威名轟於歐洲，富强冠於天下，然滿招損，盈生虧，上下驕傲，風俗頹壞，先王篤信篤教，目新教爲邪教，以爲逆天惑民，發百萬之兵，助法王以勦滅新教，四出剽掠，所至殘暴，孩兒婦女，悉遭屠戮，行政之權，委諸僧侶，於是僧侶自作威福，救民之法，變而爲苦民之具也。僧侶互相殺伐，敗法亂紀，汚國虐民，以炮烙湯鑊殺人百萬，其貪婪酷烈之事，稽之載籍，爲千古所無。以鐵銷御民，以鞭笞待衆，訴民情者，名爲誣上，譏君說自由者，目爲不忠不義，大加刑戮，是以寃民無所訴情，志士無所展力，國勢凌遲，紀綱廢弛，內憂外患，併臻其害，海外之屏藩多叛，國內之朋黨相軋，四分五裂，無所統括，一切財政，大失其宜，年年所貢南美億億萬之金銀，徒充皇笑獻媚後宮之費，或供貪婪無厭僧侶貴族之奢侈，金銀濫出，國力疲弊，森林荒廢，地瘠民貧，人各救其生，無暇顧廉恥，盜賊橫行，國無甯歲，女皇伊佐米剌迫皇兄頓加羅以竊位，寵臣僧侶專權，賄賂公行，賦斂無常，外受隣國之侮，內失人民之望，惟上下晏安，歌舞遊獵，馳騁醉飽，政綱日壞，妾父兄日夜嘆國勢之凌遲，哀人民之窮困，欲挽回此頹勢，因密謀諸忠義之士，計翦廢其暴君，立其賢主，革其弊政，薄其賦斂，務使人民安於衽席，含飴鼓腹，以賀太平。此事久待時機，於一千八百六十八年秋九月，我女王法帝拿破崙三

世將爲會盟。乃從車騎以行。未及幾里。從騎喧騷。皆呼曰。我皇無道。德不及民。不能安其民生。宜速退位。以讓於賢主。市民聞之。雀躍羣至。攀其鳳蓋以促之。僅三日而全國皆叛。女皇與近臣。遁於法京。倚於拿破崙。崙撫而言曰。奇貨可居。時哉不可失。於是擁廢皇之王子。屯兵於境上。移檄我民曰。敝邑據義提不腆之兵。赴爾友邦之難。今爾正統之皇子在茲。爾何不早去亂民之脅迫。以歸明主。皇子至德。誠能撫定亂虐。保全衆生之眞主也。君夫改圖投誠。必許以自新之路。當是時也。奉戴我皇兄頓加羅者。以其檄傳之遠近曰。婦女之登天位握國政者。我宗祖大法之所禁也。彙者僧侶貴族。營其私利。而立彼婦女以爲社稷之主。專其國政。恣橫無忌。其聰明雄才之皇兄頓加羅。則斥逐之。使民離衆散。今也女皇逃國。宗廟無主。吾人乃立皇兄頓加羅卽王位。以從民心。除弊政。去私怨。立憲法。建公議。奉祖宗之大法。其有以國家爲念者。宜速來勸助。萬勿躊躇逡巡。失此風雲之會。致爲後日之悔云。於是國民應之者甚多。時學士書生。有別說自立自由之利。倡道民政共和者。其抱才鬱屈。及苦於貧困而思亂者。皆相和而煽動人心。勢如滿岸之派。一時潰堤。不可收拾。欲壅塞之而反動激烈也。其共和黨又分而爲二。一主急進。一主漸進。黨不相容。衆論喧呶。邦內擾擾。國中輿論。遂無可定。人心又不能歸一。乃相與會於議院。議前途之國是。時國相風雷夢者。豪邁果斷。因起以告衆曰。案我國今日之勢。人心相離。黨派大興。二黨合而四派分。一派滅而一派起。上下紛擾。何所底止。是皆激於一時之變使然耶。蓋宿怨相積。私仇相結。不幸以見於今日。故爲今之計。宜卽立英主。以糾合人心。而離散朋黨。今夫普國者。歐洲之強邦。而皇子理烏佛氏。其最賢也。品超貴胄。行冠宗潢。故欲繫宗社於苞桑。奠國家於磐石。則必迎立而奉戴之也。籌計已熟。在會之人。有樂從其議而贊成之者。有不以爲然而排擠之者。民政黨諸人大抗之曰。宰相之謀。是陷於普相卑士麥克氏之策。

普王之威而賣國者也。於是痛責排擠。議論如沸。當此時。妾老父徐起而謂諸士曰。廢女皇之事。我實主之。是時我與將士共誓曰。廢暴君而立正統之英主。以從民望。其梦私利。抱私心之所爲者。非我黨也。又非我國民也。若夫犯此弊者。吾輩當戮力以除之。雖殺身所不顧也。豈可迎歐洲强國之皇子。而委以國政耶。若如相公之言。迎立普之皇子。天下將目我陷於普相術中。必謂我國無人矣。加以普王之雄豪。其相又富於權術。豈可默然而止乎。今也法帝托言於我爲姻戚。屯兵於境上。欲立廢皇之皇子。雖然。凡我人民。惡女皇之無道。恨入骨髓。故立廢皇之皇子。以維繫人心。況法帝之心事。亦有不可明言者。頃南方諸州。共推皇兄頓加羅卽王位。贊助立君公議之政。抑皇兄者。正統之皇子。而立君公議者。天下之善政也。不若諸士共盡力於此也。於是滿場議論爲之愈激。有各相搏擊之勢。不知所定。然各人意中與宰相所議合者過半。其策遂決。於是遣使於普國。以表推戴之意。乞皇子卽位。皇子諸之。既而法之君臣聞有此舉。爲之大憤。直飛書乞皇子以却其請。皇子又許之。而法帝猶多不厭。傲慢不敬。犯普帝促戰事。蓋法之君臣。平日講求富强之術。欲雄飛於歐洲。因普之羽毛未豐。乘勢挫之。使其不能復振。不料普國光不外燦。養銳蓄精。以待一飛冲天之機。法則君臣乖離。將驕卒怠。是以一敗塗地。遂爲城下盟。法帝降虜。乃流寓他鄉。至是我民迎伊國皇子而立之。先是大宰相風雷夢氏爲刺客所斃。黨派之爭日甚。皇子憂國步之艱難。被朋黨之分裂。卽欲以定民心。然自風雷夢死後。各黨主領。各抱自立之志。互不相下。其智略亦互相匹敵。無俊傑以統結之。而共和黨激烈之論。放談橫議。以建民政。是非混亂。比朝廷紛擾。干戈曳亂。自是政權日傾。王益憤懣。告於衆曰。人生誰不希富貴。慕功名耶。初爾衆庶不以寡人不敏。舉國政以委於寡人。寡人漫不自計。不以不敏而肩此重任。庶幾可無大過。於是辭父母。納羣臣之諫。誓以死生榮辱。與國共之。賴爾

羣臣之助。倚爾人民之力。垂功業於千載。顧爾臣民共受其慶。無如爾衆庶浮薄輕動。以私害公。朋比爲奸。是非不顧。終日嗷嗷。紛爭於政路。以至國勢日傾。寡人憂之。用是不厭誥誡。冀以自新。而爾有衆頑固依然。不悛其行。今也寡人智窮術乏。經國無方。亦奈之何哉。而尸位妨賢。大違民志。是寡人旦夕所不能安也。茲辭王位。將歸故鄉。古人云。衣錦而歸故鄉。是人情之所榮也。而今不敏。抱憾去位。憂心悄悄。其何顏以見故鄉父老耶。其哀情亦不言而喻矣。雖然。與爾臣民。曾有君臣之義。今其去此。猶有故山之思。願爾衆庶。解其舊怨。挽回國勢之陵夷。力圖富强。進乎文明之境。固所望也。臨別贈言。灑淚無已。於是皇子退位而歸伊國。自是宗廟無主。民政黨乘機煽動。而國政紊亂。無可如何。妾老父憂之。集衆而言曰。聞我士民厭王政而希民政。其風氣雖佳。然以時局觀之。決非國家之福也。蓋以共和而建民政。文物燦然。富强駸駸而可證者。其惟北美合衆國而已。此諸君所目擊也。抑北美之人民。本生長於自主自由之俗。沐浴於明敎禮義之邦。捨私心。執公議。不泥虛理而務實業。是所以能建民政而冠於宇內也。而我民則不然。泥虛理。不務實業。輕佻銳進。忽於挫折。此其所以衰頹也。墨西哥國者。與美國接境。同時所建共和民政之國也。然朋黨相忌。首領相仇。爾來五十三年。一帝一攝政。已更統領五十三人。某政府朝迭暮更。其人民託生斯土者。又安能孳進路於文明。求生路於自由之鄉耶。墨西哥人者。我西班牙之後裔。而風敎人情。無不相同。亦足借以自鑒矣。不知我典章文物。由國民之志操。遠不及美人。而欲驅此輕佻不學之氓。馳騁於民政之界。余祇知其害。不知其利也。設暫奮而爲之。而政黨相鬨。國政迭亂。內外混淆。官民失職。陷於朝令暮改之弊政。其能自立乎。又政權歸於姦雄掌中。開軍人爲政之禍端。干戈紛擾。其終能保人安乎。愼一千八百三十年法國革命之亂。人民厭其王政。其時將軍羅柄斗氏。被以紫袍。將欲立爲民政之首領。將軍固辭

而諭衆曰余十八歲時見美國獨立之檄文拜而讀之不覺髮竪淚下直揮袂而起遂誓以孤劍而救兆民泛孤舟於大洋陷孤軍於重圍與將士推衣分食枕戈共苦七年於茲其間美人獨立自治之誠心確乎不可動久擬取其風氣以啟我民雖然我民之氣象風敎奈何不適於自治之用故宜迎賢主以倡立君公議之明政是我法國之妙策也抑亦國民之幸福也將軍之言可爲殷鑑意氣懇切聲淚俱下嗚呼忠言逆耳高論難行此古今之常患也黨人等却疾視老父爲自由之公敵而民權之僞黨也於是固爲諛揑務使惡聲遠揚以至一犬吠影百犬吠聲爲淸議所不容詬罵唾斥使人幾欲食其肉而寢其皮遂下命誅父兄爲叛逆大罪將捕以殺之我父兄聞風逃難而忠誠之士亦多去國自是黨人得勢益無忌憚迷於民政之空理夢入自由之鄉遂以民政布告於天下其時京城之衆庶如醉如狂會於寺院集於道路招羣集衆大唱共和萬歲之歌既已棲息於自主自由之樂土無爲之空想所在爭殺僧侶追捕貴族所謂以暴易暴不自知其非者也當其黨領所立之憲法施行政令而政黨相軋首領相忌其議士徒爭口舌之戰捨本求末無益於實用其人民徒嗷嗷於賦斂之輕以致政令不行僅及歲餘而統領內閣五易其主使民迷其途商厭其令士惡其行兵侮其律變自由樂境之迷夢作寡人爲政之苦境各黨軋轢互弄干戈以至枉殺無辜至是老父之言盡驗人皆服其先見而父兄在他鄉不忍傍觀故國之難乃糾合義族推皇兄頓加羅爲盟主以除弊政去私怨結合分裂之政黨退僞黨之首領建立憲公議之政以治內亂而禦外侮破僧侶貴族之陋習移其民於自由之眞鄉而後已日爲經營誓傳其檄以鼓舞同志於是天下聞風慕皇兄之賢名四方雲集所至如歸旌旗蔽空舳艫相望歌吹盈耳兆民悅服士卒奔馳相會如林而兵勢大振自此黨人每戰皆敗勢將潰散當斯時也普相逞其陰謀竊贈兵餉以援之乃死灰復燃兵鋒頗銳

於是兩軍再戰。彼我互傷。智勇皆困。時廢皇之子猶在境上。乘機而入國都。利誘士民。士民苦兵卒之剽掠。久望昇平。因共歸之。如流水之就下。而民政黨首領亦變其盟約。獻降於馬前。致賀稱臣。願爲新王前導。新王以其與妾父有德。命作書以招老父。老父毅將貴其變節。其詞曰。

夫士所貴者節義而已。苟士而無節義。亦何足貴哉。嘗足下提倡共和民政之先也。僕則主持立憲公議之良政。然忠言逆耳。衆口鑠金。視僕爲自由之公敵。誣僕爲國家之反賊。言猶在耳。亦足下所未忘。且足下曾於某日誓衆曰。此身誓與民政共斃。何其壯哉。今也厚顏鐵面。膝行就縛。獻降於馬前。惟恐在後。嗚呼。是果何心耶。苟略解節義。抱廉恥之心者。其忍食言耶。前拿破崙三世。破民政而登帝位。是時法名士威區士留與飛豪等。慨然揮戈以抗之。自料勢力不敵。莫奈伊何。遂憤然退隱於一島。以行其志。是眞可謂大丈夫哉。夫蹈海之高節者。雖萬乘亦不能屈其志也。今足下不能自潔則已。而又靦然受其封爵。絕無恥色。更欲陷其交友於不義。與失節之罪。足下其有何面目以對天下哉。嗚呼。疾風知勁草。世亂識忠臣。古人云蓋棺然後論定。良不誣也。

兵馬倥傯。不能盡意。

敵將見之大怒。進兵攻戰。我將士大小百餘戰。多捐命於鋒鏑。前功悉廢。家兄戰沒。老父與皇兄飲泣。誓圖恢復。臨別揣妾逃匿於此地。老父年逾古稀。跋涉歐美萬里之海山。招結有爲之士。其果敢之氣。剛直之節。老而愈堅。況乎妾年尚壯。豈忍以死生窮達之故。而辜負父兄之宿志哉。今也國破家亡。親戚凋殘。望月獨坐。則忽憤兩集。對花行吟。則憂愁交至。東望故國。憤氣如雲。俯念同人。激情風烈。每一念及。寢食俱廢。妾之苦心。諒蒙憐察。言畢。聲淚俱下。散士亦爲之感動。眉縐鼻酸。幽關漸收淚。正襟更謂散士曰。妾深感知遇。過信紅蓮女史之言。值以避

遍一會。遂訴盡一生之履歷語盡終生之大事。交淺言深。實堪愧悔。雖然。此是積年沈鬱。無可與語。恃君見諒。不覺縷陳。然此幽愁之語。恐令郎君祇倦耳。散士答曰。僕雖無似。然聽之靡靡不倦。願再聆其餘。阿姐胸宇快闊。志趣可嘉。所謂青天白日之談也。僕豈不識其情耶。獨惜其語盡而已。顧謂紅蓮曰。阿姐亦西班牙之人歟。紅蓮曰。否。妾愛蘭之產也。散士曰。阿姓幽蘭女史退隱於此。想必有故。願得聞其詳。紅蓮曰。妾父長於奇嬴之術。執牙籌而計畫販貨。貿易美國。又估貨輸出東洋。需用趨時。計畫超算。富冠一世也。初英王用其詐術。欺我王。愚我民。陽約聯邦相助。陰存吞併之心。名爲聯邦。實使爲臣妾。邇來英蘇相謀。嫉我國繁盛。忌我民富强。苛法虐制。無所不至。窘我工業。蹙我製造。害我貿易。妨我結會。奪我教法之自由。禁我出版之自若。於是工業頹廢。商業疲弊。以至黎民顦沛疾苦。吏人則乘機掠我良田。急征暴斂。鞭撻下民。貴族務其苛徵。不惜民力。斗升未輸。忽遭酷罰。膏血已竭。搆掠未止。毒遍永野之蛇。猛過泰山之虎。受此之禍。距今僅數十年。於是愛蘭之志士。奮脫英政之羈絆。施行獨立之政策。當是時也。工業振興。士風再盛。兆民皆望四海中興。與羣生來蘇之美政。不圖昊天不弔。大災薦臻。再窘英國之虐政。殺其國權憲法之自由。奪回貴族汚吏所掠之國土。無英王之暴戾殘酷。無英民之奸黠貪婪。想其欺我國孤立無援也。以賤價沽我田地。卒不還其值。或倍息貸於貧民。以罔其利。我民不堪其虐。餓死者超八十萬之數。妾聞剖胎殺夭。則麒麟不至。其郊覆巢破卵。則鳳凰不翔其邑。此何故哉。蓋惡傷其類也。鳥獸於不義者尚且避之。況於人乎。怪矣哉。對岸之英民旁觀不救。則已矣。却欣然喜而相告曰。愛蘭國之窮厄者。人民過多所至也。禍災薦至。生民死亡相續。然後可以圖富强。懿曰非道行則正理退。嘻哉斯言。彼以邪說惑人。自老幼斃於溝瀆。壯者散於四方。每年流離者不知幾萬人矣。自此則內生齒日減。人民結合之力愈衰。生民之艱年

增日加。乃以彼人口過多。禍患誣說邪言證之。蓋足以見其惑衆。蓋英人之外交政略。談笑之間。藏以劍杯酒之中。置以鴆。狠似山羊。貪如狼虎。不可親也。若爲彼四海兄弟交通自由之甘言所欺。與彼貿易。招彼干涉。則土耳其印度埃及諸邦。生齒日減。國力日疲。有獨立之名。無獨立之實。年年歲歲。貿易失均。輸出金寶。雖非入貢。實如創國民之膏脂以貢於英廷也。然世人惑彼空理。陷於英人之術中。喝之不醒。可爲浩歎也。英廷遍布其苛政。誰謂英皇仁慈恤愛哉。今英女皇卽位以來。英領印度。其土人餓死者五萬矣。

據英國烈女曉鶯女史言之。女史以公義著名於世。嘗著一書。痛論英領印度慘狀。又苦利美亞之役。軍中惡疫流行。死亡相繼。看護乏人。軍氣沮喪。女史聞之。慨然誓以身報國。供作犧牲。大集烈女。速走戰場。自嘗湯藥。獎勵看護。備極勤勞。士卒感義。軍氣復振。遂奏凱旋之功。天下傳爲美談。

英之窮兵黷武也。計二十五回之軍餉。費金七億五千萬。然戰事未已也。

又據英之賢相武賴士氏言之。一千八百八十二年。英國突起無名之師。以伐埃及。氏。廷爭其非計。曰抑我自由黨之宗旨也。決非如保守黨喜功名弄威福之比。所欲則在避兵端。盛通商。厚友義而已。悲哉我女皇卽位以來四十五年。我自由黨執政間。動干戈二十四回。而保守黨僅不過五回。豈自省而不恥哉。況如此遠征而又出師無名耶。雖然。不聽吾言。不用吾策。惟有挂冠以退隱而已云。

合觀曉鶯女史與武賴士賢相。可謂異人矣。然其當道。不厭武事。鯨食諸邦之餘。又犯日本。再攻清國。揚兵威。刦清人。輸入鴉片。清人斃於此毒者以千萬數。其責其罪。果將誰歸。獨怪英之君臣放言曰。敵我者猶愛之。四海皆兄弟。且汝永享天之福祿。何修而得此云。可見其誇文明。敎慈愛。如耶穌敎國者。亦不足恃。妾聞洪波振壑。川無

活鱗。鷙殿拂野。林無靜柯。此何故哉。蓋大凌小。衆暴寡者。勢使然也。然亦視其人事何如耳。昔愛蘭之義士。皆舊稱信向之自由。主倡獨立之正理。惜爲讒言解體。屢以少數之故。見敗於大英國議院。於今二百有餘年。嗟乎。權威太峻。而民命何堪。曾遇荒年。而天災莫恤。且助之爲虐。掊克以干衆怒。吾民雖結衆爲仇。惟少有畏死之心。每失機會。今者求生絕路。何暇顧自家也哉。閭國士民。切齒扼腕。痛嗟無策。妾老父自任挽茲厄運。卽以家產分給貧民。傾資以結豪傑。經營愛國以獨立。機謀已熟。垂將成功。不幸爲匪人宣洩其謀。立執我父。憂憤釀病。遂死獄中。妾時尚幼。而家財旣盡。親戚亦亡。煢煢無所依。刺史暴留虎者愛蘭人也。其人乏節操。媚英王。故權勢赫灼。彼乘妾幼而且孤。誘妾以甘言。餌妾以黃金。欲納爲侍妾。妾幽懷憤悶。無所排遣。責彼爲不忠不義之人。罵彼汚行醜狀。以是大觸其怒。誣妾以寃杜大罪。禁住愛蘭之國。逐出四境之外。因憤恨不堪。痛入骨髓。臨去誓曰。妾終身不爲英王之臣民。必謀獨立於愛蘭。以報英國之虐政。遂遯跡飄零於歐洲。今來美國。以待時機。肯與同志幽蘭女史。早結斷金之交。又與我義士波甯流之妹姪等密通聲援。糾合在美之同胞。相戒輕舉急成。內則養成威力。外則表明正理。深謀遠慮。以冀他日一舉成功。不料淺謀輕舉之徒。狂暴性成。無知妄作。煽動頑民。妄陳獨立自治之大計。亂其法紀。壞其道義。逞暗殺。試爆裂。遂於迨武林府殺其賢刺史加腕跪。惜哉痛哉。從此天下視愛蘭國爲兇惡之巢穴。爆裂黨之淵藪。常爲波甯流諸志士所痛哭浩歎也。抑愛蘭國志士所期者無他。蓋欲以天假我一國。擴大義以脫英人之羈絆。奪回我人民被掠之政權。削去暴斂急征之虐政。援救下民塗炭之疾苦而已。苟能如願以償。妾雖九死猶且不避。何憚蹈水火而畏斧鉞哉。妾肯緘閉史籍。徵之前代。如我國人厄運者。蓋古今所無也。時刻思之。每憤悶憂鬱。不能自禁也。今夫强凌弱。狡欺樸。世人見之。不以爲怪。豈可稱之爲開明之域

人文之世哉。此天下慕義之士。夙夜所痛恨。而獎勵愛蘭國之獨立也。語語從肺腑中出。聲聲帶憤怨之詞。散士傾聽。爲之扼腕。不覺三嘆。既而紅蓮更問散士曰。妾昨閱新報。知有日本三士會於新府之某樓。痛論時事。憤英人之專恣。一士曰。愛蘭若舉義兵以抗英人。君其如何。二士曰。仗劍直抗。助彼獨立。妾聞其義烈風高。曷勝欽佩。郎君與彼同邦。乞以前事爲妾謀之。散士答曰。其一士是不肖也。紅蓮驟起執散士之手而揮淚曰。今何幸而得見其人。妾惟恨我邦人不知何日舉義旗以行吾志耳。嗟乎世事已矣。凄然淚下。至不能言。

第二回

散士具聞幽蘭紅蓮之言。激昂悲痛。如攪其胸臆。默然無語。長太息以掩淚。哀人生之多艱。幽蘭謝曰。郎君幸恕。春風駘蕩。變快樂之陽場。以爲秋風肅殺之陰觀。致郎君怏怏不樂者。妾之罪也。今貴國釐革舊政。取歐美之長而舍其短。撫歐美之實而去其花。文化月新。富强日進。舊邦維新。守柔執競。見者拭目而駭聞者傾耳以驚。其時如旭日昇東天。東洋屹立。貴上許與自由之政黨。人民誓以圖報聖明。此事可期。千戈已定。天下太平。士民樂業。且朝鮮通使。琉球內附。方今東洋大有可爲之秋。當執牛耳以爲亞細亞之盟主。解亞東生民倒懸之艱。制英法之跋扈。絕俄人之覬覦。而歐洲諸邦之蔑視東洋。干涉內治者。則拒而絕之。然後揚威四海。方駕全球。使五洲億兆衆生。嘗自主獨立之眞味。發文物典章之光輝者。非貴國其誰當之。想郎君夙能涉獵東西之羣籍。熟識古今成敗之數。雖未身歷干戈之慘狀。戰場之苦艱。放謫之辛酸。幽囚之憂憤。引頸之慘痛。然披覽流籍之餘。當亦能設身此境。易地以嘗思也。妾等國亡家破。辛苦萬狀。流寓異域。懷望故鄉。此事不能忘諸寤寐。而今不自忖度。以

此言談悲痛之事。實觸於尊前。可謂不解人意之甚矣。願有以容之。今郎君負笈以從良師。周流以接賢達。且生於有可爲之邦國。年富力强。志高氣盛。功業可期而待也。嗚呼。吉凶禍福。皇天之所命。窮達有運。雖人力亦無如何。設有小挫。亦何足悲。郎君何爲帶悲憤之色。妾等之過實深。幸荷寬容。此時慰諭懇到。情義溢於色。紅蓮亦進而乞罪。時散士涕零滿睫。欲掩而不能自禁。滴滴偶灑於幽蘭之衣。乃起而謝曰。乞令姊寬恕。因執巾而欲拭之。幽蘭急止之曰。郎君之淚。幸落於賤妾之衣裳。是不啻千金之賜也。嚮彼婕妤睡花。不勝感謝。却怪郎君悲哀何太切耳。抑日本之士風。本挫强而助弱。爲人尚義而急難。每有陷於囚牢。猶且撓情抑意。所不辭。而今爲此兒女之泣。是豈天下之大丈夫哉。抑忠孝仁義。發自眞情。今郎君之烈義高風。憐妾等之苦節。不禁爲之淒然下淚。妾雖萬死。不敢忘也。若夫天道果善。幸而禍福循環。終有達志之時。不幸而時機未到。則死守於道義之鄉。不亦可乎。若命運之所遭。則亦何足悲怨乎哉。自古皆有死。而死者不一。若混濁於一世。與草木同腐。非妾之志也。所願者爲國爲民。灑滿腔之熱血。視身命如犧牲。死而後已耳。聞之功不可以虛成。名不可以僞立。妾嘗深味其言。夫薰以香而自燒。翠以羽而見殺。志士之處世。甯爲玉碎。恥爲瓦全。願蘭桂之被摧。厭蘼艾以自存。夫生而無益於世。死何以聞於後。設使與天地同壽。亦復何益。是以蹈前聖之禍機而不顧。犯災害而不悔也。夫道足以濟天下而貴得其人。言足以經萬世而有時不見用。其不能救陳蔡間之餓者。闕里之孔聖是也。德行應於神明。風教垂於萬世。至今王公大人稱道不衰。猶逢翠小之慍。終不能免於慘酷之磔戮。我救世主是也。立言正大。卓邁千古。與聖賢齊驅並駕。視俗人爲異端。誣言邪術。遂遇鴆毒之禍。希臘之名儒。叟蒿剌錢其人是也。故知負獨行之行。必不爲流俗所容。是猶林木挺秀。風必摧之。抱道自高。衆必非之。前鑒不遠。覆轍可尋。而志士仁人。猶犯之而不

悔者何耶。蓋欲行其志達其道。以成功名也。欲行其志。故敢蹈險阻之風波。欲達其道。故不避當世之謗議。晨興夜寐。勉精勵神。豈忍飽食暖衣。載歌載舞。獨耽安樂哉。噫。彼希世苟合之士。俯仰尊貴之顏。逐迤勢利之間。心無是非。惟思媚勢。言無可否。一意趨炎。戴得勢者如玉冠之尊。棄失權者若敝屣之易。其言曰名與身孰親。得與失孰賢。榮與辱孰貴。飽與飢孰重。故燀其衣服。矜其車馬。冒其貨賄。淫其聲色。翛翛然自以爲得志者。豈可與談天下之大計。同天下之憂樂耶。幽蘭對散士議論縱橫。義憤節烈。散士初慕幽蘭風采閑雅。容色秀麗。不圖節義高才。言之足以感動人如是。由是敬慕之念愈切。散士熟視幽蘭曰。今日是何日耶。明良相遇。實千載一時。聞令姊之義烈高風。頑夫廉。懦夫有立志。況讀書解理者。敢以散士之淚爲婦女之泣者耶。幸勿以爲怪。散士亦亡國之遺臣。起臥彈雨炮煙之間。偷生孤城重圍之中。國破家亡。窮厄萬狀。盡嘗酸辛。何讓令姊輩耶。不料今日天涯萬里。參商隔絕之人。邂逅于他鄉客舍。經歷之難。前途之苦。殆如一轍。因懷往事。以慨時艱。萬感攢心。悲喜交集。淚墮不能禁。遂至襟令姊之衣裳。言尚未終。二人齊驚歎曰。郎君之言信乎。若果然。眞可謂奇中之奇遇矣。其事可得聞乎。散士慨然曰。僕本日本良族子也。當二十年前。我國之與歐美締盟也。尊王攘夷之說紛紛而起。慷慨悲歌之士。憤幕府之專橫。慨俗吏之偷安。當其欲以一死報國。揮臂呼號也。抱恨幕府之士。好亂之徒。乘機煽動良民。誘惑公卿。無有深謀遠識。不知宇內大勢。徒欲以螳螂之臂。攘歐美之兵。乃於深夜放火。而襲西人之館。極其剽掠。甚至白日殺洋人於路。以自誇匹夫之勇。其兒戲輕佻。怯弱殘暴。有不忍言者。井伊大老斃於前。安藤侯傷於後。倡開港者人視之爲秦檜。主鎖港者自比於韓岳。於是外人憤怒。以兵威相刦。寇我海岸。亂我滄瀛。種種跋扈強梁。至於不可復制。神州陸沈。命脈不絕。如千鈞之懸於一線焉。然尋厥原始。雖起自幕府之失體。而實當時

慷慨自任之士。親自招者居多。其痛也深。其痍也大。痛痍未全愈。國辱未全雪。是慷慨有志之士。所深爲浩歎於當年也。當時我主君護衛京師。蒙先帝之殊遇。納佐久間象山橫井沼山諸名士之言。上諫攘夷之非計。下戒狂暴之輕舉。然朝臣口口口口口口口口口口口口口口而外者。各國恃其兵威。賣其盟約。其事亦嚴於秋霜也。當時英人包藏禍心。最爲叵測。設無美公使巴理斯君。出以公平無私之心。周旋彌縫於其間。則我神州不爲印度。亦如安南而已。外廷如此。其股內難亦如此。其蔑而幕府享受三百年承平之福。凡百政治。積於苟且。兵勢不振。財政大亂。大勢已去。至於不能挽回。是國家存亡之秋。豈遑顧毀譽成敗哉。故我公決意以京師定爲墳墓之地。欲上以調和公武之軋轢。下以撲滅內亂之禍機。然雖奮而當之。以弱臂不堪負重。且州人有勇而無謀。剛直而鮮通。孤忠介立於公武之間。志與事違。徒爲天下所笑。可勝慨哉。先帝崩殂。大樹亦繼而薨逝。將軍慶喜公以英才當國步之艱難。與侯伯解舊怨。除弊政。復國權。欲以大有所爲。然病入膏肓。復不能如之何。遂奉還大政。繼我公亦失職而退於京師。而當時世人。却責我保庇霸府。妨維新之帝業。朝廷罪我爲包藏禍心。抗帝命者。哀戀之途絕。愁訴之計窮。於是錦旗東征。大軍壓於我境。時有一二兇奸之輩。掠我家財。殘我婦女。屠戮降人。殆失王師弔民之意。於是我君臣皆以爲此一二雄藩。陽擁幼主。陰報弘怨而已。闔國揮戈。自春至秋。孤軍百戰。刀折矢盡。敵兵逐迫於城下。我將士枕藉而死者如麻。其瘡者揮空拳抗敵兵。瞋目切齒。遮敵兵之進路。至於身首異處。血流漂杵。猶爲抗敵之狀。當時有年少一隊。名爲白虎隊。年約十六七。皆良家之子弟也。此日初臨於陣。與驕勝之兵戰。衆寡不敵。死傷略盡。所餘僅十六人。奔上一邱。裹瘡歃血而憩。少焉城市火光四起。礮丸焚其櫓樓。皆以爲城陷。大事去矣。乃向西而再拜曰。今也刀折絃絕。臣等事終。不苟偷生以背其君。相與訣別。引刃自殺。眞可

憐也。然大丈夫裹尸於馬革。伏波之壯語。亦壯士之常而已。何足嗟哉。惟酸鼻刺心。目見不忍。耳聞不堪。婦女之操烈。與國家共亡者。不可具數也。今或懷其慘狀。茫然如夢。恍然若幻。時不覺淚下沾襟也。紅蓮在傍。聞而惻然。勉發悲聲而問曰。郎君之家。幸免其慘禍歟。散士飲淚欲語而不能語。如是者數回。胸結臆塞。漸揮淚告曰。其年八月廿二日。勝軍山之敗報到。士民呼曰。敵軍飛來。迫於城下。時散士有三兄一弟。慈母託幼弟於一僕。揮淚遠去。蓋有深意之存。大兄監軍。戰於越之後州。遂被傷。仲兄戰沒於野州。小兄督兵而拒於境上。家翁勵疲兵而戰。被創於郭門。叔父亦督客兵。裹其瘡痍。猶激戰不休。時曉雨濛濛。日色無光。礮聲轟轟。呼聲震天。散士時尚幼也。猶放一矢於敵。欲與俱死。不覺跪而訣別於家人。顏色凄愴。慈母叱而罵曰。汝雖幼。實武門之子也。宜一斬敵將。尸暴戰場。勿損其家聲。散士蹶起。家人送至門外。祖母呼曰。待汝於泉下。姊妹掩淚而呼曰。願努力。嗚呼痛哉。百年之恩情永訣。言盡於茲矣。家人聚於神前。燒香而告於祖先之靈曰。事已至此。無復可言。與其偷餘生於亂離之間。甯潔身以死殉於國家。而絕父兄之顧慮。且以表明三百年來養成之士風。此其時矣。只恨我公夙秉孤忠。同於泡影。而尤負反賊之惡名。是終天之憾。雖海枯山飜。難消此恨。妹時五歲也。慈母謂曰。敵兵已迫我家。聞地下有樂土。與汝速赴泉下以待父兄。今我一族皆亡。又無人為供香火。汝相抱持而勿迷離於其途。遂放火從容就義。嘻悲哉。座人皆為之歔欷嗚咽。散士續言曰。孤軍陷於重圍之中。硝煙覆空。日月無色。糧餉已盡。風雪刺膚。士卒日以傷亡。軍兵又無外援。以孤城抗天下之大軍。經三旬。至不得已。遂降之。是役也。婦女之竊從軍而死傷者甚多。有一婦聞其良人與父兄皆戰沒。乃手刃其母及子。詠辭世一首而放火自殺。有一姬聞一藩降。憂憤嚙指。血書於壁上曰。君王城上建降旗。妾在深宮何得知。因繫於宮前之松樹。又有一婦乘月明以笄刻國歌於城

中之白璧。因薙髮爲死者祈冥福。士卒亦有憤恚自殺者。主將因下令曰。與其空死滅名。不若忍恥全生。一旦有外患之日。誓爲神州委生命於鋒鏑。而是非正邪。任之死後也。於是一滯吞淚忍恨。降於轅門。我公檻車送京師。將士虜於東西。幽囚數歲。受罵於俗吏。見辱於獄卒。後又放謫於極北之荒野。悲風蕭殺。牧馬夜嘶。飢則掘厥薇於山下。窮而拾海藻於海濱。以保其餘生。迨遘覆斥。猶且不悔何哉。欲他日爲我帝國鞠躬致命。伸往年之志於天下後世。謝死者於泉下而已。今也外人包藏禍心。蔑視神州。清則猥自尊大。以輕我。而無信於鄰交。俄德則恃其威勢而驕傲。英法則老於狡智而簠簋飲我以美酒。贈我以翠羽。而其酒其羽。往往用鴆毒所製。我士民受之而不疑。所謂甘餐其毒藥。戲於猛獸之爪牙者也。是自取悔也。且彼口誦仁義。實有桀虜之行。外說天道之懿。內懷豺狼之慾。亞細亞北部爲强俄所幷。南方印度爲英王之臣妾。安南爲法國之隸屬。土耳其與清國亦同委靡。既已傾於滅亡之運。嗚呼。鯨鯢鼇浪。縱橫於東洋。豺狼求食。仰窺於戶外。覩彼殷鑑。不堪千歲之憂。加之我人民愛開明之域。慕自由之理。欲達之而迷道。厥言邪說。無所取捨。矯枉過於却直。破毀祖宗百年之良法。撲滅農工數世之積累。無所顧慮。輕佻浮薄。爲辯而能言。慕美擬歐。徒奔於理論。不務其實業。抗拒政令。以誤自由之發暢。橫議陽譽。以誇民權之朋黨。投世俗之好。求譽於當世。惟此是務。不顧後世識者之譏。吠影逐臭之徒。靡然響應。士風頹壞。德義掃地。朝則主倡民權。夕乃呼號官權。竟甘作轅下之駒。士無常操。議無確論。甚矣哉。士人之失節義也。爲名利以變其往日之貞操。詐術權謀。互相中傷。徒相仇視。陷於善惡成敗脅於毀譽勢利。於是輕薄干紀之輩。役姦智以乘之。自此良民困頓。姦徒宕逸。禮教彫衰。士民失所。卑利是務。而無救生之策。廉恥之心日消。貪婪之欲日增。遂忘護國之大義。毀體傷身。以避兵役。數百年來薰陶埋輪之士氣。不數年而掃地矣。爲王門之伶

人者比比皆然。於是風氣愈薄。賄賂成風。富者買妾納媵。貧者子女不愧醜行。鄙情賤行。壞其世教。汚其家聲。志士見之而傷心。老大聞之而流涕。賦稅年加。而民力未伸。中央集權過重。地方失其鈞。非帝京則不能起事舉名。悠悠奔競之士。覺政府場外。別無名利可圖。乃皆狂奔於官途。而欲衣食於租稅。百弊益從此生矣。嬖嬖之徒。哮望於有限之官途而不已。無恆產之民。怨泣窮路。無所適從。禍機陰伏。病入肺腑。浮言相動。漸遺大計。殊不知日本固有之國權。爲歐人之所奪。吾人幸有之利福。亦爲外商之所占。以散士觀之。方今急務。與其伸十尺之自由於內。不如暢一尺之國權於外也。噫□□□□□□□□□□□□□□若悠悠不斷。虛度歲月。則舊幕之末路。必將復見於今日。嗚呼。救濟大難之策。果如何。宜上下棄小怨。捨舊惡。去私心。從公議。去游員。減冗費。勵內結外競之志操。各以國權恢復爲自任。以國家盛運而自期。獎勵外人之移住。利用外國之資本。破古來國人重官爵而輕天爵。儆清貧而賤商利之陋習。課農桑。起工商。隆盛海運。以保護沿海之航權。縱橫鐵路。以便內地之交通。四民一心。耐久努力。厄運漸去。自由始伸。則國家之富強文明。可期而待也。雖然。看今日之城中。我國之士人。志不遠大。多安小成。歌舞遊蕩。耽於圍棋點茶。玩好書畫骨董。以偷一日之富貴。惟得一二州人之歡心是務。爲私怨而忘公道。爲情面而任庸人。若美人則不然。能捨私心。據公義。肝膽相照。保護國家。與吾人之所爲。不啻天淵。吾儕實不堪其忸怩也。是散士日夜積於胸臆。爲國家前途之大計。所以悁悁憤懣也。大道而果是耶非耶。散士不能無深疑之矣。一座歎息者久之。

時金烏既沈。新月在樹。夜色朦朧。少焉有皓彩照庭。清光入戶。幽蘭靜起。開窗曰。光景如晝。郎君幸臨欄外風清。花香襲人。良夜難以空度。盛會不可再期。徒相對而泣。亦何益之有哉。今宜鼓氣奮勇。歌舞吟咏。以爲自寬之時

也。顧而謂紅蓮曰汝奏小琴。我彈大琴。散士曰。法人麥須兒報國之詩。咏之可使人氣躍心激。今試歌之可乎。妃曰。可哉。願郎君歌之。散士於是按其詩而歌曰。

法國榮光自民著。爰舉義旗宏建樹。母號妻啼家不完。淚盡詞窮何處訴。吁王虐政猛於虎。鳥合爪牙廣招募。豈能復覩太年年。四出搜羅困奸蠹。奮勇興師一世豪。報仇寶劍已離鞘。進兵須結同心誓。不勝捐軀義並高。惟今暴風已四播。孱王相繼民悲咤。荒郊犬吠戰聲哀。田野蒼涼城闕破。惡物安能著眼中。募兵來往同相佐。禍流遠近惡貫盈。罪參在上何從赦。奮勇興師一世豪。報仇寶劍已離鞘。進兵須結同心誓。不勝捐軀義並高。維王泰侈弗可說。貪婪不足爲殘賊。攬權怙勢慾窒張。如納豕軀入鼠穴。驅使我民若牛馬。瞻仰我王逾日月。維人含靈齒髮儒。詎可鞭笞日推缺。奮勇興師一世豪。報仇寶劍已離鞘。進兵須結同心誓。不勝捐軀義並高。我民秉政貴自主。相聯肢體結心膂。脫身束縛在此時。奮發英靈振威武。天下久已厭亂離。欺詐相承徒自苦。自立刀鋒正犀利。安得智騙而術取。奮勇興師一世豪。報仇寶劍已離鞘。進兵須結同心誓。不勝捐軀義並高。妙音發於丹脣哀。聲激其皓齒。二人迭奏心激手敏。飛纖指以馳騖。琴聲瀏亮如怨如訴。清響忽變而寥落凌厲。逸氣奮湧。繽紛交錯。四坐唱和數回。幽蘭更朗吟古詩。散士和之曰。

今日良宴會。歡樂難具陳。彈箏奮逸響。新聲妙入神。令德唱高言。識曲聽其眞。齊心同所願。含意俱未伸。人生寄一世。奄忽若飄塵。何不策高足。先據要路津。無爲守窮賤。轗軻長苦辛。

其詩義氣紛紛。雄心四滿。幽蘭止彈。執散士之手而起舞。歌舞既罷。各舉玉觴。以祝成功爲壽。悲愴之念稍散。豪慨之情溢於眉宇。散士曰。古人云。良辰佳景。賞心樂事。四者難並。今不期偕至。可謂意氣初壯。胸襟豁如也。幽蘭

曰。肝膽相照。氣概相投。各新製一賦。以歌所懷。以寫其懷抱如何。皆曰善。於是籌思移時。幽蘭先賦成。徐撫琴歌曰。

春風吹兮水潺潺。白雲散兮月團圓。室有賓兮臭如蘭。座有朋兮吐心丹。五弦彈兮中情歡。怨歌唱兮髮衝冠。乘風雲兮冲九天。潛龍躍兮還胡淵。

紅蓮亦彈琴而歌曰。

清夜會良友。花下酌芳罇。春雁向北翔。遙遙烟樹昏。落花隨風摧。翩翩敷庭園。殘春看將盡。難挽日月奔。臂弱不堪戈。幽憤空含冤。國仇未全雪。甘心思喪元。情悲絃聲急。和我慷慨言。

散士在於坐隅。擊花瓶而歌曰。

賦閒棹滄浪。飄然入仙鄉。幽蘭秀空谷。清香引鳳凰。紅蓮映綠池。淡影鎖鴛鴦。仙妃撫鳴琴。餘音空斷腸。客聲漸離筑。哀響淚霑裳。意氣談平生。慷慨說興亡。功業未及建。雄心轉悲傷。好取萬斛愛。清酌付一觴。

紅蓮舉杯謂散士曰。此佳作也。至情顯於詩賦。更賀郎君以雙杯。散士敢問其故。紅蓮微笑指壁上之扁額曰。幽蘭之清香。能引鳳凰。妾則如鎖於空虛淡影之中。而無顧者。散士欲有所辯。紅蓮僞爲不聞。急奏大琴。以亂散士之語。而高歌終命之詩。

俄國大學之諸生。奉書於俄帝。促立憲公議之政。俄之君相。以其事託之左右。禁壓嘗生妄談政事。於是彼言語激昂。頗犯其俄帝。被囚於獄中。僅以二十三年之星霜。空消如朝露。於其臨刑場之前。血書終命之長篇於牢壁。今錄其一。

夜靜漏聲響窗暗月色清是非蓋棺定笑爲自由眠

當其歌也初如鶯聲之出自幽谷終若秋雁之叫於北沙宮商轉切而悲徹雲際舒嚢思之悱憤奮久結之纏綿幽蘭急止之曰紅蓮咏此感慨之歌令人再起悲愴之情請勿終其曲矣回首遙指費府而謂散士曰如一灣描如萬家烟風清月白庭柯帶霜恰若秋夜觀月之景色矣散士微吟一詩曰

據邱臨水一層樓中有東人學楚囚夜冷蟲聲聲斷續月高費府萬家秋

歌畢乃曰是僕昨秋所作也時僕僑居費府外之一江村避世俗之風塵汲汲於讀書一夜風靜霜寒明月清冷與江水相掩映旅寓荒凉實不堪於秋感此詩固寫當時之狀亦賦此以述懷也坐人遂感歎而唱和之逸興愈加夜色殊靜湘妃漢女交相勸杯於是散士鼓風箏紅蓮吹玉簫幽蘭起舞翩兮若驚鴻矯兮如游龍鳳嬉參差情態嫵媚顏赤耳熱醉眼生花紅蓮亦微醉笑語情調殊濃秋波斜送既而幽蘭收其亂髮塞其華裳與紅蓮相攜散士扶翼下階徐步園圃紅露沾衣芳香襲人落花狼籍柳絮如茵月白風清天水澄明漢皇傾城楚王無靈愛戀之情其惱人何其深也散士仰窺雲漢俯視世間感於天地盈虧之數人生盛衰之理顧謂二妃曰鈞天之廣樂難再聞試看茫茫宇宙之大煌煌星辰之衆造化之妙懸於空中閒光線之速一時可奔數萬萬里亦猶星光之達於地有經三歲而始到者漫漫南溟八千里天高地厚垂億萬千年亦猶此世界之命數以彼茫茫無限比於宇宙猶滄海之一滴以吾人比天地之大其數果如何哉故窮天文之數講玄玄之理使吾人茫然而有所失況從造化見之者耶各國搆兵相競功名無異蝸牛角上之爭也老子之玄道釋氏之寂滅至微玄妙使吾人迷之亦非無故古人秉燭夜遊良有以也幽蘭曰悲極而樂生樂極而悲生今歡樂將盡亦勿生悲哀歎且夜將

五更。郎君須就寢可也。因導散士登西樓曰。是卽郎君結好夢處也。明朝復相見。握手行禮。微笑而別。散士乃獨入臥房。輕衾覆榻。殘月入窗。久不成寐。恍惚入夢。忽見羽檄之馳。如星馳電擊。又聞聲鼓如雷聲。若兩軍交鋒之狀。烽火列於邊亭。旗幟連於原野。千軍萬馬。奔走馳驅。礮烟漲天。劍光閃地。槍銃交接。叫喊大振。既而一軍失利。敵軍乘勢迫近京城。呼聲撼山。旌旗搖動。全軍大亂。忽有流彈飛來。散士被其洞中心胸。流血淋漓。昏仆於地。氣息奄奄。求救不得。須臾而有美人揮博愛之旗。衝犯於矢石之間。急下車抱起散士而呼曰。郎君安心。敵軍敗矣。散士忽開目而見幽蘭侍於側。乃驚悟此一場怪夢。冷汗濕背。胸中激動不止。舉頭則朝日已高。乃整衣與幽蘭相對語。忽有從後連呼曰。郎君勿捨妾去。驚顧之則籠中之白鸚鵡也。時紅蓮適來。各相視而笑。紅蓮曰。誰人竊教鸚鵡爲此語者。幽蘭俯頭不語。滿靨潮紅。眉帶羞狀。流波一轉。如露花之惱風。躑躅而不安焉。紅蓮撫銀瓶煮茶捧茗而祝曰。茗花有吉兆。可爲兩賢賀之。散士曰。昨夜結惡夢。今朝逢吉祥。不知孰是孰非。人間萬事。蓋如塞翁之失馬也。幽蘭聞散士所言。於邑嗟嘆。有沈默不樂之色。散士辭曰。今者桃源仙姬。不期而會。洛川神女。不約而逢。古人高會桃園。知己談心。胸懷洒落。殆不是過。夫知己之難。昔人之所歎息也。今也萍水相逢。盡他鄉流離之客。一朝傾蓋。如弟姊兄妹之情。豈非奇遇哉。假令世路多艱。天涯離別。音耗久絕。死生難知。此交情正不可泯也。豈同富貴輕薄之徒。其結交也。初則慷慨誓生死。及黃金已盡。卽爲反目之人。其事主也。始則委質稱人臣。及大難已臨。又爲背君賣國之賊。幸際清時。貪糜爵祿。有事則相捨而背去者哉。人情之所尊。在於信義。苟無其實。其孰信之。重相見。幸珍重。幽蘭漸改愁顏曰。聞郎君昨夜夢有凶兆。恐無復相見之期。說至此紅淚滿睫。幾不能自禁。急強笑而謂紅蓮曰。我心慘而悲傷。惕而憂鬱。何爲其如此耶。紅蓮拊其背而笑曰。歐人有諺曰。溺於愛者

心神迷。今以兩賢之才。說癡人之夢。足測他日之吉凶。與兩情相投之深淺矣。散士語不知所出。幽蘭亦含笑而不答。紅蓮曰。郎君幸速臨。今日之交。以風流契合。以義氣相投。所談論者。非聖賢遺訓。則忠臣義士之遺行也。所吟咏者。非慷慨悲歌。則古賢往哲之遺音也。淑女君子。樂而不淫。有遺訓矣。願常往來。敍懷抱。勿使吾人抱別離之歎。則幸甚。散士曰。過承獎譽。深自愧赧。雖然。時相過從。得以接清誨。厚交義。正僕之所願也。由是慇懃握手而別。將出門。幽蘭折白薔薇一朵。插於散士之襟而呼曰。郎君。此花雖凋殘。勿相棄而去。散士對而笑曰。僕固惜花人也。但解語之花。不知欲飛向誰家耳。幽蘭掉頭微笑。目送散士者久之。范卿者。支那志士也。憤世嫉俗。遁跡江湖。與散士交最契。過從甚密。久耳幽蘭紅蓮之名。散士此行。早約其艤舟相待。至則范卿已久待河邊。一見各相行禮。散士登舟。二妃呼曰。郎君珍重。散士脫帽答曰。必重相見。由是遂別。散士回顧者數次。遙見二妃立於柳樹之下。揮白巾以相招。饒有眷戀不釋之情。范卿休棹任流。舟下蹄水。與散士慷慨談時事。范卿曰。僕曾有一良朋。夙負經濟。慨然以天下自任。悲支那之不振。憤朝廷之弊政。不憚大聲疾呼。倡言改革。蓋隱然爲改進之首倡焉。遂爲朝吏所忌。脫險而避難美國。曾爲賢武律地大學之博士。惜其一朝抱病。遂以不起。今長爲泉下客矣。散士曰。戈彥先生歟。僕亦數接其謦欬。約其結交。誓他日戮力同心。共爲興亞之舉。今若此。可哀也已。夫支那之在大地。統四百餘洲。實爲宇內一大邦域。徒以內政不修。外交不講。致累受挫辱。莫克自振。果能禁絕鴉片之鴆毒。振起國民之精神。是可爲興亞之第一策。范卿曰。是僕之素志也。不期胸中積蘊。與君相合。噫。世豈無臥龍鳳雛哉。只難遇顧廬之先主耳。兩人計謀奇策。歷歷可聽。討論密議。聲聲不倦。時已不覺日輪西下矣。因泊舟於費府之東岸。相約他日而別。

第三回

至於期日。散士盛服飾妝。驅車至於蹄水之濱。時輕雲帶雨。西風拂面。河伯躍馮夷叫。波浪飄蕩。舟無可渡。怏怏而徘徊岸上。忽而黑雲四布。大雨如覆盆。轉瞬之間。衣裳盡濕。乃回轅而歸於寓居。夜間感病。終宵弗能寐。因咨嗟太息。偏怨昊天之無情。客舍寂寥。獨苦長夜。懷人之感。如一日三秋。將託魚腹。以先通眷戀之情乎。越十有七日。病少間。即勉病疴而臨於蹄水。不覺水鏡照顏色之枯槁。歎曰。爲他悴憔至於此。豈羞再相見乎。已而舟達前岸。乃至幽蘭之居。門戶蕭條。百花零落。而兎麥燕葵。叢叢滿目。門徑之青草。亂無人除。復無應門者。嗚呼。昨夕之游跡。果成夢幻。傷後會之莫續。恨前事之難追。鎖楊柳春風之院。閉梨花夜雨之門。音容杳而靡接。心緒亂而紛紜。欲去而不忍去。徒盤踞於柳陰。嗟嘆而已。忽見白柳樹有書一行。春蚓秋蛇。幾不能卒讀。其詞云。

昔聶政殉嚴遂之難。荊軻慕燕丹之義。意氣之間。糜軀不悔。雖非達節。其庶幾乎。

散士既觀畢。心疑范卿所爲之書。然不詳其何故。疑念交集。彷徨久之。有一傖父。年七十許。肩竿傍於岸而來揖曰。郎君非東海之遊子乎。老奴守此屋者以二妃有故。倉皇東裝而去。臨行留一書曰。他日劉郎來訪。幸是之。乃將尺素呈散士。復負竿而去。散士披讀之。其文曰。

慘莫慘於亂離。悲莫悲於生別。昊天不弔。災厄再臨。昨有飛鴻告予曰。老父就縛。檻車送於西都。妾聞之。胸中如割。情懷何可堪乎。今單身赴於虎狼之秦。將與老父共生死。欲一見郎君。以敍其懷抱。而時不我延。郎君其憐察焉。哀哀鴻雁。垂翼北行。嗟余命薄。事與願違。恨良會之永絕。傷素懷之難通。歐雲羨水。萬里異鄉。萍蹤無

定。彼參此商離夢躑躅。別魂飛揚。風流雨散。一別堪傷。蘭摧鳳去。祇攬妾腸。命運也夫。夫大丈夫志在四方。五洲若比鄰。苟恩愛不虧。雖萬里猶然覿面。何必區區共朝夕。同衾裯。乃爲親愛哉。郎君立功馬革。垂名汗青。良時在茲。千萬勿失。異日者聞東洋之男子。仗正義。倡自由。樹獨立之旗。以與歐人爭國權。斯時單身赴難。馳驅戎馬之間。侍湯藥於郎君之側者。必賤妾也。郎君凱旋。迎于馬前。握手而祝功業者。亦必賤妾也。若當年郎君不見妾。則妾身命早供國家之犧牲。知非現世之人。已成道義之鬼矣。嗚呼。惡夢成讖。懷君而淚滂沱。攬手之期。邈而如夢。思心如結。誰與解之。揮淚謹告別離。願郎君爲邦家努力自愛。

封中又有一書。寄波甯流女史者。紅蓮介散士之書也。散士讀幽蘭書數回。黯然失聲。久之乃悵然曰。幽蘭能以伶俜弱質之姿。奮身而赴父難。余感其一見之知遇。與訂終世之交約。此書慷慨悲歌。言言忠憤。表今世之永訣。獎散士之前途。豈所謂一世之女丈夫者耶。嗚呼。節烈如是。才德如是。尙於時不會。流離飄徙。皇天后土。何其酷耶。蓋閒梅蕾魁春。必經霜雪而香始妙。豪傑冠世。必歷災厄而名始成。天道至微。眞不可測。而思紅蓮范卿之前途。皆不顧一身之榮辱。懷恢復國家之大志。其任也重。其道也遠。今幽蘭以老父之故。慘遭厄運。豈昊天別有深意存耶。抑其妙齡弱質。奮不顧身。而交情不忍相離。與俱赴死耶。獨問獨語。憂愁幽思。疑團愈難以解。而舉首四顧。山河如舊。麥秀草亂。人去時移。落暉搗西山。晚風揚水波。杜鵑牽離情。極目蕭條。不堪景況。散士當此。不益動其離情哉。乃回棹而歸於費府。

自是之後。怏怏不樂。憂溢眉宇。旁人皆不知其故。以爲其病痾再發。舉以保養加餐相勸勉。而散士鬱藏幽蘭之書於篋裏。時取而讀之。忽而麗容遮眼。溫語來耳。忽而憤恨交集。憂鬱不解。至廢書忘餐焉。於是日倣放於山水

之間。欲以寫其幽懷。攄其胸臆。不覺年流水逝。春去夏來。一日引杖而步于景山之公園。過春園橋。下凱旋街。（凱旋街者在於費府之中衢美國革命之役法將羅栴斗年尙少慕美人之義舉傾產不顧身盡力助美國獨立奮戰勇鬪見者爲創聞者爲起戰功亦多美人感其義凱旋之後造凱旋形以表將軍後人想慕將軍之功欲其垂於不朽因取以名街衢焉）芙蘭麒麟之墓亦在於此。散士深慕芙公之爲人。因謁公之祠堂。入門跪而拜之。微見一苔石孤立於青草之中而已。嗚呼。公者自由之泰斗。而學術之先進也。兒童走卒。無不知公之名。當國家艱難之時。公年過五旬。能超萬里之山海。伏英闕而諫英主之非。歸而揮淚戒美人之輕舉。或欲說法王。使解兩國之紛亂。英王漫容之。先以兵威抑壓之時勢至此。知不可爲。乃奮誓與美國獨立。當斯時也。間關奔走。席不暇暖。遊說歐洲強國之君王。感激法西兩邦之君相。以結合從之盟。成獨立之舉。惟公之力居多。而墓碑僅刻有芙蘭麒麟數字而已。嗟乎。夫富貴之徒。驕侈逸樂。無益於國。有害於世。或擅弄威權。以凌轢下民。或文飾碑銘。以欺瞞後世。或建立寺院。以祈死後之冥福者。方之於公。眞不可同日而語也。且公學貫天人。數侵危險。立于霹靂之下。遂悟電氣之理。當時世人皆嘲曰。腐儒空談。無補實用。公聞之曰。衆人顧目前之利。忘遠大之志。志士慮永久之策。輕須臾之名。百年之後。必有知我者。今也電線如織。萬里海外。瞬息可通。陸馳鐵路。海蕩汽船。至用以陷城。用以療病。電氣之功。其利溥哉。公之言不其驗歟。夫布衣韋帶之士。能傾動王公將相。一國興廢。決於片言者。何也。爲道存學博也。孔子云。吾聞其容體不足觀。其勇力不足憚。其祖先不足道。而終有令名以顯於四方。芳聲流於後世者。豈非學之效乎。所以君子黽勉修學也。散士既近臥龍出廬之年。猶負笈而漂零海外者。慨文章之未著。功業之未成也。故縞比韓昌黎祭田橫之志。獨自解曰。我志不迷。雖流離顚沛。亦何悲乎。低徊墓前。不忍去者久之。暫有一士吸煙而過。逍遙墓邊。揖散士曰。君何國人哉。散士曰。東海之遊子也。士問以東洋之形勢。散士具語其狀。且曰。歐人

貪慾無厭蠶食日甚東洋之勢殆日危矣士復問曰貴國北接强俄僅隔一葦之水其北門鎖鑰之狀如何散士曰俄人以一騎渡江無一兵之防也士憤歎不已少焉指一楡樹曰是高節公之所手植以供芙公之靈者也散士問曰高節公何如人哉士厲聲曰君不聞乎波蘭之名士也散士曰余夙聞其名然未詳其所爲希爲吾語之士乃踞草間談曰昔者波蘭威名震動歐洲執牛耳而朝四鄰物換星移國勢萎瘁遂至滅亡而追溯其源則因國無常主互相攘奪蓋波蘭雖名爲王國實無異於民政惟其所以異者在選貴族爲王而已故當選王之則每弄權術造蜚語放刺客二三州人獨專擅政權力持偏見汲汲互保權位其弊也至於不顧國家之名譽不問下民之疾苦其致敗亡豈無故哉散士曰往者我大使過波蘭當曉會有角聲破夢開窗視之貧民成羣如林如鯽慘狀可掬乞憐旅客時木戶孝允從行見之深感國家末路之慘扼腕咨嗟憤歎不置歸於朝廷告廟堂諸老以爲炯戒雖然是固波蘭人自取之過而俄普奧三國之暴戾無道豈以文明自許深信西教者之所爲哉士曰眞如君所謂世人皆以救世主之心爲心推友義敎會之誠以及於人（友義敎會者英國之高僧北駒遨之所創新敎之一派也如美之芙蘭麒麟英之武賴士諸傑皆爲其會徒其宗旨則博愛衆厚友義重隱德最戒戰爭防亂人之侵掠不許攻擊之行一拜耶穌之不行而又不建寺院不置僧侶不行洗禮其說曰幼豪之時心思未定雖受洗禮不能遽分別善惡也是故不設洗禮世人各有善惡其所願望亦各異也然而僧侶以一人之身而師同一之經欲使遂各異之願望其可得哉是故不敢置僧侶以祈冥福也）則天下之亂干戈之慘期日可絕而大進於文明矣惜乎季世澆漓趨於勢利奸雄僞僧營營以敎法爲餌豈得不慨然哉且夫波蘭今日之禍試詳細論之其故亦非一朝一夕也一千七百六十四年波蘭貴族陷於俄女皇峨嵯嶙第二之術中信其甘言納其賄賂選希臘之王子使卽王位希臘敎者戴俄帝爲神一意遵奉是非善惡皆聽其命以是爲敎法之大本故俄人每假之爲吞噬之器侵掠之具天下之所共知也當時俄帝煽助希臘敎徒使起內亂而後遣大兵援之大敗波蘭

之軍。至割地爲城下盟。嗚呼。沈溺於教法之害如是。豈可不深鑒哉。波蘭之兵雖既大敗。彼都人士。尙懷敵愾之氣。不忘戴天之讎。臥薪嘗膽。謀恢復者所在多有。四海之志士亦多援之。普奧亦大悔向日之暴行。普國乃至更獎勵其獨立。於是波蘭人新創起憲法。廢共和之政。設立憲公議之制。選皇子而奉戴之。飛檄告之文明諸邦。歐美各邦亦皆承認之。而俄獨執拗不可。雖然。波蘭之民。固守不動。上下一心。誓死以恢復國權。若其是非。則待天下之公判而已。倘得一二強國之助。以脅俄國。則光復舊物。固不難也。惜哉波蘭之貴族。見舊法之有利於己。遺國家獨立之大計。掣獨立黨之肘。而拒之不與同盟。俄帝因揚言曰。波蘭之獨立。非全國人民之志意。乃學士書生之奢望。欲以報私怨。洩不平而已。非鎭壓此輩。難保歐洲和平之局。於是發大軍而伐獨立黨。貴族乃簞食壺漿迎之。舉兵相應。貴族專橫之害。豈不可深鑒哉。至是普國變所締之約而與俄合。三軍來攻。獨立黨推高節公爲大元帥以拒之。公者波蘭之名將。以高義聞於天下。當美國獨立之日。召集同志。參華盛頓之帷幄。多所獻替。而與芙蘭麒麟最親善。美國獨立之後。美人大嘉公之戰功。欲以高位待公。公固辭曰。烈士趨難。不謀其報。忠臣慮國。不顧其身。余所以爲美國冒萬死。櫛風沐雨。馳騁於矢石之間者。恐天下自由之消滅也。豈爲貪功名慕富貴哉。今也愴懷故都。慷慨太息。欲以血淚誓脫俄人之羈絆。罰貴族之不忠。鼓舞人民。興復國家。我之素願也。加以貴邦人獨立不羈之風。百折不撓之氣。獎勵於余者亦復不少。余若貪榮官。留此土。世人將謂我棄口美國之獨立。不顧本國之危急。捨難就安者也。大丈夫豈忍棲戀於樂土哉。決然揮袂。卒歸故國。天下聞之。皆高公之節。無不稱譽者。一千七百九十二年七月十七日。公將孤軍邀擊俄之大軍於治閔加而不勝。波蘭皇子聞之。魂落魄褫。貽書請俄人乞止兵。公大怒。讓其反覆怯弱。皇子夜逃歸於貴族黨。時雖有謀臣。而民無匡合之志。遠竄屈

於詐術。雄圖挫於昏主。烈士扼腕。委寇讎之手。中人變節。助虐國之桀。事至於此。雖有善者。無如之何。公亦揮血淚遁逃他邦。以待時機之至矣。明年波蘭忠義之士等。計欲再舉。高節公之諸將。亦紛紛來集。輒傳檄舉兵。攻假王而擒之。大刑戮反國之貴族。普王聞之。直遣兵來攻。公邀擊又破之。驅敵兵於境外。遂至不見敵之一騎。兵勢大振。波蘭之獨立。期日可待。俄帝峨嵯嶙聞報。集諸軍議曰。朕不征服波蘭。不復見爾等。命名將數和老付兵十萬。與普軍合而來攻。高節公奮勇盡智。抗俄普兩國之大軍。十月十日。募死士與將士訣別。與俄之大軍血戰。吶喊之聲動山谷。鼓聲之轟震天地。尸積爲陵。血湧成浪。俄之援軍益加。波蘭之軍遂以不支。高節公取旌指揮殘兵。縱橫馳突。遂蒙重傷。落馬疾呼曰。波蘭國命盡於今日。遂被擒。俄將頻勸降。高節公曰。自古謀軍者師敗則死之。謀國者邑危則殉之。士之常道也。僕又有何面目再見天下之士耶。遂不降。波國風落華之守兵。咸公之高節。城陷之日。男女一萬二千人。奮戰勇鬬。死傷殆盡。餘悉投於水火而死。曾無一人降者云。嗚呼。報國之赤心。至死不挫。遺芳餘烈。流於百世。咸人之深如是。此豈非眞大丈夫乎。彼榆樹者公辭美國之日所手植者也。夫表慕推善。思人愛士。甘棠且勿翦。矧名士之遺愛乎。散士聞之。感歎不置。士舉首曰。談話入於佳境。不覺移晷。若有嘉會。更圖相見。請自是辭。遂昂昂而去。散士獨徘徊樹邊。悲英雄之晚節。傷强國之末路。他日遊於歐洲。欲訪波蘭之邱墟。弔高節公之英魂。又慕芙蘭麒麟功成身退之榮。感時會之變化。慨天命之無常。再拜芙公之墓而去。時陰雲含雨。電光閃烁。霖雨達地。散士奔避之於春園橋下。又有五六輩避雨於此處者。相指曰。此百年前芙公飛紙鳶以捉雷之地也。既而雨過晴放。暑熱漸去。晚涼殊清。散士沈吟得短古一首。

凱旋門上白日淪。春園橋下涼味新。孤杖來弔芙公墓。追懷往年感歎頻。自由棲處是我鄉。千古格言掃俗塵。

報國心肝堅於鐵。手奉檄書訴蒼旻。孤身乞援三萬里。國家存亡聚一身。八寸之筆三寸舌。誠忠凜烈泣鬼神。合從盟成巴黎夕。錦帆直還北美晨。愁雲籠光龍京月。翠芳添色華府春。欽君天邊巧擒雷。能驅電霆代鄒陵。一線通處坐可語。不論乾端與坤垠。雷也猶能聽君命。何況濟濟四海人。君不見如今自由光八表。英魂當化東海濱。

其後欲訪波甯流女史。復羅微恙。未果。一日閱新報。載西班牙之電報曰。頓加羅黨之將被囚於西都者。越獄逃。未知所之。散士拍節曰。莫非幽蘭女史之老父耶。竊思見波甯流女史問之。必得知其狀。於是懷介紹之書。踰水投汽車向於紐瀉流州。女史者愛蘭獨立黨之魁首波甯流氏之妹也。其姪亦在本國與父共獎勵貧民。集義士。抗英人之暴政。欲脫羈絆。而女史與其老母留於美國。激勵寓美之愛蘭人。募資積糈。以恤贈本邦貧以救濟爲己任。隱然爲在美愛蘭獨立黨之首領。曾作一長歌。述愛蘭人之困阨。英人之虐政。其歌慷慨淋漓。聞者流涕滂沱。不能自禁。世雖或有尤其輕佻過激者。然以一女子之身。棄生取死。據天道之大義。志國家之復。驅一瘠土之饑民。欲與濟濟多士相搏。亦可謂一世之女丈夫矣。且躬行高潔。赤心許國。不顧一身之歡娛。約華年。未結良偶。視彼之牽於癡情。忘身忘家者何如哉。既而下汽車。敲女史之門。絕無應者。散士佇立稍久。婢開扉。顯其半面。赤髮攣耳。低鼻厚脣。歷齒吃聲。黴糟滿面。見散士意色甚惡。傲然詰來意。散士慇懃答曰。僕海之游士。乞謁令娘者也。婢掉頭曰。女史臥病。不能接賓客。況新來如足下者乎。散士心憤其不敬。欲唾其面。以爲是固無知之賤婢耳。且愛蘭人常惡支那人之無利於己。今彼殆誤認予爲支那人也。乃更取紅箋之一刺而託曰。僕所以不遠千里而來者。欲得一見令娘。表一片之冰心也。他日若有期。更圖相訪。望令娘自愛。

逐去。至停車場。倚階長嘯。以待汽車之發。時有愛蘭人數輩亦在焉。皺衣垢顏。年皆二十五六。相共指目散人嘲笑。或高呼爲辮髮之賤奴。散士故爲不知。眺望遠近。忽有一少年疾行來前。敬揖曰。足下非東海之士人乎。士曰然。少年曰。僕波甯流女史之家人也。前枉足下之高步。賤婢不知有失唐突。今女史令僕急追足下。乞而臨。望足下勿惜玉步。散士曰。僕今日再受愛蘭人之侮辱。一婢一傖。無學之徒。雖固不足怪。僕豈快之耶。但僕心既決。請更約他日。少年曰。女史病在牀褥。殆有月餘。杜門謝客。以養心神。今喜足下之遠至。扶病求一相見。以開胸懷。賤婢遇足下之如何。女史所未知也。願足下勿移怒。婢之不敬。僕乞當其罪。且女史氣銳性豪。精神皦自罹病癇。喜怒無常。聞足下憤賤婢亡狀而捨去。其病再發。亦不可知。僕將何辭以對女史哉。賤婢不敬。已命矣。足下又云再受侮辱。敢聞之言未終。傍有愛蘭人脫帽進曰。侮郎君者奴輩也。奴輩不通事理。又不知爲甯流女史之客。以爲支那人。誤失敬禮。蓋非有他意也。小君爲奴輩幸謝郎君。靦面汗顏。彷徨失措。散士憐其樸悔過之速。又知波甯流女史之眞病。疑團冰解。怒氣漸消。乃與少年再至波甯流女史之家。待於客堂。有頃之老媼來迎曰。妾波甯流之母也。曾寄書紅蓮女史。告以郎君爲人。勸結交焉。賤兒聞之。日待郎君之至。眞不一日三秋。既而罹病。輾轉牀上。將一月矣。醫士恐兒見客爲悲壯之談。精神激昂。釀身體之瘦弱。禁使勿接客。小婢亦不知郎君遠來以爲常客。誤而失禮。至使再勞玉趾。雖是小婢無智所至。抑亦妾等之罪也。海量容宥。兒所切祈也。散士曰。是何足以爲罪耶。惟得見令娘。僕不勝喜幸。老媼曰。賤兒病臥於牀。久不妝飾。固不可以高賓郎君察其不得已。請勿尤之。得相見而辱一言。幸甚幸甚。散士曰。令娘若不棄。豈敢辭之乎。少焉女史徐徐而入。散士鞠躬而立。女史促散士使坐。親安坐榻。年二十七八。肌膚欺白雪。皓齒如連珠。兩頰肉寒。雙眼光冷。

綠鬢而垂於後。眉宇如有憂者。女史徐語曰。妾曾見新報。知日本人有義氣。又因紅蓮之書。聞郎君高風。久願一相見。郎君不棄。不遠千里而枉玉趾。妾喜罔極也。散士曰。僕聆令娘之高操卓節。心竊慕之。茲有年矣。今忽得接臀欬。僕喜可知也。聞令娘久染病痾。今少間否。女史曰。妾之病原。乃不自量力。憂國慨時。心鬱氣結所使然也。昨來少間。願假郎君半日之暇。爲我說卓偉之高論。談風流之韻事。又話東洋之奇談。使得以散幽情。散士曰。僕惟欲聆令娘之卓說而已。女士微笑。暫不言。時郊外之製造廠汽笛已報四點。日輪西匿。微風捲窗。女史命婢解窗。則平疇崇田。參錯目下。青山翠巒。出沒雲間。禽鳥則弄音於叢林之上。鷺鷥則刷羽於青草之濱。執鋤者翁。曳牛者童。皆足添登臨之興。園垣有一川焉。流于枯巖攤石之間。聲擊湲湲。如奏箜篌。凡茲景物。莫不令人樂而忘憂。女史指而示散士曰。彼山謂何邱。彼水爲何川。昔爲用武之場。今爲掘礦之地。村落在於彼處。墓碑隱於彼邊。散士稱歎不止。女史曰。妾常愛好景。卜居得此。朝之出也。而說正理。論大道。鋤暴拯弱。斥貪利之徒。而救憫厄之窮民。夕之歸也。繙書清風之中。鉤深極奧。窮覽妙旨。時踏月歌風。欲以排終日之鬱悶。是妾無上之樂。而芙公所謂自由棲處。是吾鄉之意。其在斯乎。散士曰。僕生平之望。亦不外此。既而女史更指前川曰。妾又有綸釣之痼疾。彼水者妾日夕所垂竿之處也。郎君亦好之乎。散士曰。奇哉。令娘所嗜。何其與僕相同哉。僕在鄉之日。投綸東江之涯。垂竿西水之上。概無虛日。其後丁國難。南轅北轍。席不暇煖。況西遊以來。書窗之日易傾。以是不試者又數年矣。僕好之實深。女史曰。然則請俱釣於前川。投塵事於一竿。以散除憂鬱。乃命婢裝綸綵。步至川岸。沿水而下。百餘步。流忽止。洄而爲潭。廣十二三弓。兩岸之垂楊掩空。一二奇石。橫於潭中。潭甃甎而共垂綸。先相約曰。請以釣魚決雌雄。少焉。潑剌上竿者數尾。至於薄暮。各算所釣。散士輸一尾。女史大笑之。且欲歸去。散士尚未止。依然注

目於竿頭。女史嘲笑不措。乍見一鱗活活躍水。與綸共上。大二尺許。女史大驚。嘔啞之聲未終。忽爲嗚呼之聲。散士顧而曰。失於東隅。收於桑榆。諺曰工業觀其終。令娘以爲如何。女史曰。郎君何傲之甚。所得非相同乎。散士曰。無如僕之所釣。其大殆倍於令娘。女史曰。始約豈以大小乎。惟在其數之如何耳。且妾所得者雖小。色鮮而味美也。郎君所得。容體大矣。而色味俱不及。請譬之於人物可乎。夫不知戎驢鞍乎。一鞭躍馬。所向無前。旬日而糾合羅馬帝國。卽帝位。進而蹂躪亞西亞諸州。又不見若遜乎。驅市民而指揮之。與英國雄軍三戰大破之。遂爲大統領。拿破崙者。自一孤島起。卽法國帝位。其用兵如神。席捲歐洲。威震四海。歐之君相。納降惟恐後。智亞者。抱經濟之才。雖貴不驕。雖賤不怨。許國之志。白髮不渝。回已顚之國勢。復旣覆之宗社。遂幷法國大統領之位。和通士之爲人。雖多病薄弱。然其爲事則百折不屈。且能探物理之奧。遂驅蒸氣而代人力。海則浮巨艦。陸則奔鐵車。自生民以來。有益於世者。殆無及也。是數人皆蓋世英雄。智豐才高。而其長皆不及中人。所異者腦裏而已。豈可以身體之大小決雌雄哉。今十九世紀者。才藝競爭之世也。豈若往古野蠻。徒以單騎勇鬪。誇身體筋骨之强凌弱壓寡。優勝劣敗者哉。嗚呼。如郎君之說。則將謂八尺農叟。南方黑奴。貴國角觝。無敵於天下。歟。可謂不通今日之事情者矣。散士哂曰。豈非以僕矮小故。欲婉折之耶。但所得大魚甚多。其小者乞再放之。女史曰。妾聞男子之情。變易如秋氣。信哉言乎。郎君以後得之大。忘先釣之樂。得無謂憐新疎舊者哉。散士曰。令娘言語抑揚。殆使僕不能啓齒。今恨不使令娘得大魚。女史大笑。時已黃昏。乃收竿而歸。導至客堂。謂散士曰。今日之樂。實近來所無。憂鬱全消。樂不可言。然少覺身疲神倦。郎君幸恕之。徐起遷於長椅。母氏推闥來顧。女史曰。心神果如何。女史曰。二豎已退。蓋郎君之賜也。三人剛欒。縱橫談笑。興亦漸酣。倏而燿以華燈。盛以晚飧。良肉鮮魚。雜陳案上。粲然如玉。所

釣之魚味最甘美共賞不止散士置箸問曰聞英人獎勵己國人之航海妨害愛蘭人之富強令曰愛蘭人非乘英船者禁漁於海眞有此事乎女史張肩曰有之其他可推矣百世之國讎不可不報聲漸激語將烈母止之更移語而談及東洋婦人情態女史笑曰東洋甚多美人想有閉月羞花之嬙倚窗望南來之雁傍門看入岫之雲眷眷然遲郎君之歸者散士莞爾答曰僕少狂猶不檢其後舊邦喪亂飄零東西殆無甯日且性不好歌舞游蕩乏灑灑落落之風穿紈袴衣輕裘喔咿嚅唲以事婦人生平所恥爲以故絕無顧僕者僕亦以是爲自得將於鉢衾孤燈之下盧度一生未可知也女史曰聞君之言妾有感焉抑婦女欲揮柔輭之臂有爲一世勢不能迎夫以諧偕老盡生產則動輒掣肘子女則廣多累心遂有不能如意者男子則不然婦護於內敎子育孫無所不至但勉其外以求志之所欲爲何累之有哉惟在女子憐窈窕而不淫其色而已觀歐美古時義婦烈女終身不嫁者甚多而男子舉生孤獨者甚尠嗚呼人非枯木頑石孰無懷春之情哉惟天下事有更重于此者遂不遑顧耳散士曰令娘之言可謂有理然僕所聞如哲學大家之威塔理學泰斗之紐頓大史麻浩冷詞家華聖頓于留贊之數人者終身不娶妻美之大統領婉美倫舞雲河南亦然男子豈特無累哉且夫歌樓舞館固多腰細身輕水郭山村豈乏明眸皓齒哉但欲得契心者難如冀北之駒是所以有美人薄命才子難配佳人之歎也若男子一誤娶姦婦溺於淫女大而失國小而破家汚名玷節其實不尠古人有言皓齒蛾眉伐性之斧豈得謂無累哉語未終女史笑曰然苟有才豐容麗大事足與共謀小事不足爲累而諧伉儷者將如之何散士曰石橋朽於雨羝羊孕於風得如此好事斷非易遇斯僕之所夢見者耳令娘非癡人何須說夢耶女史忍笑曰何說夢耶近取之郎君之身而已雖謂郎君知之無如妾業已知之既而掩口曰妾所謂者幽蘭女史之事也郎君猶謂無情乎將謂

不知之乎。散士含笑而不答。女史輒曰。噫。情義是天之所命。商參萬里之客。一見如舊交。不能相棄。豈非奇遇哉。散士漸得機間曰。紅蓮女史一去之後。情狀如何。僕未詳知。竊以爲念。昨見新報揭電音曰。西國頓加羅黨之將。越獄而逃。是僕爲紅蓮諸娘所留意也。令娘若有所聞。幸告之。女史含笑曰。郎君所問之人。無少失當耶。散士曰。欲聞一知十也。女史曰。自彼投書去後。未嘗一接音翰。妾實夙夜不安。然兩二娘雖年少。而才智並豐。謀略亦富。願爲賢兒之戲。危千金之身哉。且食且談。少焉散士將辭去。女史乃止曰。人生如朝露。今日之我。焉知不爲來日之鬼耶。今年美士之君。安知非爲明年東海之人耶。若無要事。請永今夕。乃導登南樓。時天月明淨。絕無纖翳。江山千里。落於掌中。散士謂女史曰。僕敢有請令娘者。若無關於病。幸許之。女史曰。郎君若有所命。雖不如爲何。非妾可能者。豈敢辭之。散士曰。僕性甚好音。曾聞有人吟報國詞者。其音悲壯。其節激越。卽知爲令娘所作。其後行於南邦。去而來北。所至之處。膾炙人口。里童牧卒。猶歌令娘報國詞。僕尤愛之。今令娘爲僕撫鳴琴。奏一曲。其喜豈有加哉。女史顧母氏曰。兒自罹病。未嘗弄琴。我心亦覺寥寂。幸今有郎君之命。且今夕病亦已愈。請奏拂拔。以慰嘉客。母氏曰。亦甚可也。但勿大聲。女史乃起操琴。揚和顏。啓皓齒。飛纖指而彈之。徐歌報國詞。其詞曰。

海可翻兮山可移。亡國怨兮永難遺。請看故鄉衰弊狀。滿目風光堪慽欷。昔日豪華王侯家。臺榭一空委茅茨。羅綾場荒爐灰冷。龍骨車朽水聲微。古城夜靜老梟啼。廢寺晝暗蝙蝠飛。落落殘村秋草死。處處寒墟蟲聲滋。國亡王孫無人問。徒跣驅羊迷路歧。最憐矮屋窄居者。數圃山菜織充飢。一自版圖入暴英。先世國力頓委靡。戾王奸吏繼世出。牧御又非昔時治。重歛虐民膏血枯。前有鐵鎖後鞭笞。苛政如虎極暴威。貪婪無厭事奢侈。細民苦租賣田土。一家離散又何歸。子別慈親妻別夫。年年流落向天涯。宗祀不祭鬼神哭。餓殍橫途雞犬稀。

雲黯淡兮山川愁。風凄颯兮草木悲。嗚呼鄉國之慘既如是。殺身成仁是丈夫。甯爲玉碎忠義鬼。不願瓦全亡國奴。好除鄙夫興新政。凱歌與衆還舊都。

英聲奮逸。風駭雲亂。或曲而不屈。或直而不倨。時劫持以慷慨。或怨嗟而躊躇。散士聆畢不覺慨然曰。悲哉令娘所賦也。昔時師曠調律。以知南風之不競。季札聞樂。以知諸侯之存亡。令娘忠義之誠。悲憤之念。自溢于彈琴歌曲間。能使人感動而不能已。散士雖不能音。豈得不感觸哉。女史歌彈而愴然曰。妾非歌之悲。其實出於境遇耳。嗚呼。國之獨立。天理之當然。地球之通義。他人不可壓者也。而英人屢壓之。過我愛蘭人不啻禽獸。請觀我南方民人之慘狀。壁落屋破。莫蔽風雨。露繁無衣以禦寒。霜隕無廬以裹足。子孫不能就學。弟妹不能結婚。終身勞於田野。披星而出。戴月而歸。冬夜苦寒。縫織弗息。地主暴斂。莫救飢餓。欲革制令之苛。除民人之害。併使英蘇二國之全力而壓抑之。又不能爲也。且彼倨傲無憚。向外人則曰。愛蘭之人。無教無學。雖誘掖猶弗識。魯鈍過於支那。愚陋匹於印度。妨大英國之文明。且傷榮名者。愛蘭人民也。噫。何其不思之甚耶。政治家則有威怒門士。幕留駒。雄辨則有于古甯留。將略則有于甯留。宏林頓。法之大統領若馬奔。美之大統領若遜等之數氏者。皆自愛蘭所出。英雄學士之多。蓋更僕難數哉。今也國弊民瘁。困苦極矣。猶謂人種使然。何其寃耶。方今英國軍士之威。耀於五洲。通商貿易之盛。冠於宇內。人恐之惑之而眞鑒愛蘭古今之成敗。憐我窮阨。助我黨之忠誠者。寥寥若晨星。徒目爲兇殘之邪境。抑又悲矣。嗚呼。夫霜雪可以殺柔柔蒲柳之質。而不可以奪亭亭松柏之操。英國之苛令虐刑。可以釘印度無氣之民。不可以壓愛蘭必死之士。夫蓋棺而論始定。人生之所願。卽後世之所恥。妾何願當世之毀譽耶。議論風發。辨如奔馬。更謂散士曰。夫億兆之生靈。其所願各有異也。發憤不顧身。爲天下勘善除害。扶

弱挫強。使大奸不能容身。志士仁人也。探茫茫空大。測漫漫滄海。尋至微之奧。窮玄妙之理。理學者也。意如湧泉。論如燎火。人以爲文壇老將。讀之者擱筆。對之者拙口。文學者也。馬上叱咤三軍。殺人如草芥。尸積爲山。血流漂杵。以爲自得者。將士者也。以徒手空拳。自布衣蹶起。際會時運。掌握生殺與奪之權。而以爲樂者。英雄者也。不顧下民愁苦。急征暴斂。食前方丈。侍妾數百。自以爲得志者。暴君者也。終日終夜。造次顛沛。決輸贏。爲黃金。苦慮焦思。以有無相通。不知謀國家人民之福祉者。守錢奴也。重一諾。信片言。爲情人辛酸萬狀。而猶不悔者。多情者也。巧言令色。俯仰權貴之顏色。汲汲以保終世之生命者。佞倖者也。餓無一飯之食。寒無一袍之布。流離疾病。遂斃溝瀆。猶不逢救者。薄命者也。嗚呼。人生禍福之差如此之甚。其所以然者何耶。宿世之因緣之不得已耶。抑其所受之性雖相同。而所志有殊耶。或教育所使然耶。抑感觸交遊使然耶。果天之賦與命運有不可奪耶。然則生不足樂。死亦不足悲。任之天運。或我所信施於社會。爲生民而棄身命。終始不違道義也。散士曰。漢國之碩儒司馬遷有言曰。古者富貴泯滅無名者。不可勝紀。惟稱倜儻非常之人。志士生世。百折不撓。在流芳千載而已。女史曰。人生之幸福。果存於何處乎。妾有惑焉。願郎君爲妾語之。散士曰。史云有人從容問於希臘古聖楚倫曰。以先生之所見聞。人生受最上之快樂者。抑何人耶。楚倫答曰。亞天之士。貞流士其人哉。正直義烈。聞善若渴。視惡如仇。常營獨立之策。有餘力則救無賴之孤兒。貧弱之衰老。後與貞節佳人結婚。產數子。皆俊秀。有令名。事親孝。交友信。貞流士當老年。鄰國起兵來伐。貞流士擁憊荷戈。奮舉義兵。血戰勇鬪。將士爲之振。民心爲之起。大破敵兵。京師賴以全。自由之義可再興也。而貞流士已蒙重傷。遂隕於鋒鏑。舉國之人。無論知與不知。皆爲流涕。舉國家之大典。以祭忠魂。建芳碑。以垂功業於不朽。嗚呼。如此男兒。生無恨於世。死亦可瞑於地下矣。女史聞而愾然曰。男

兒則甚可羨婦女則死無處所其奈之何時案頭之自鳴鐘報十一點散士憮起謝曰請爲逍遙之遊以散幽鬱發清亮之音以樂心神次以適快之論使更奮起散士之心散士惟終夜侍於令娘之側問其所未知雖然時更已深請自是辭令娘之身一國興廢之所關幸自愛女史曰郎君不棄妾之不才遠路來顧無辭可謝惟祈重杜玉趾開妾胸懷散士曰是僕所願也慇懃握手而別又投汽車歸費州時夜既深萬響俱寂矣

第四回

越六日散士閱新報揭一報曰愛蘭獨立黨之首魁波甯流女史革於病急昨日已逝幽冥之鄉年二十八嗚呼哀矣哉散士一讀愕然而慙默然低首憮然太息者久之既而喟然嘆曰幽蘭紅蓮之二妃瀕遭殃禍蹤跡生死亦未可知今波甯流女史亦棄世遠逝黃泉嗚呼天常阨非常絕特之人助殘暴無智之裨顏回之夭盜跖之壽造物豈妬才忌智者耶抑前世之夙因有不得已耶古人有言曰天道福善禍惡余不能無疑也自此夕散士復感病疴時國中聞女史之訃音無不悼惜者及其葬也皆欲相與送之雲集霧合擁棺不去於是旅櫬自新府回於慕士頓亦還來費府到處送葬者數萬人散士獨以二豎之故遂不能弔唁嗚呼以妙齡一女之身爲一世所景慕如此非至誠感人焉能如是哉女史嘗謂是非至蓋棺而後論定可謂所期大而不達者斜暉已收曛煙全散長空皦然未見雲翳翹首而望如一冰輪懸於松間散士時開窗倚樓四面臨眺遙懷故鄉追想舊交良友半流離於四方半化朽於黃土懷彼想此百感交集殊覺難堪忽而又感波甯流女史之事時遺尸未及葬旅櫬尚在費府北邙乃親往弔之欲全舊交直步趨向之過邱樹之間行小水之涯午而木葉蔽月路暗影冷午而玉兎

落水。潺湲成響。漸焉達北邙之上。萬籟寂然。四無人影。已而近旅櫬之邊。見似一塊人影。屈身凝視之。忽織雲隱月。茫不可分。惟見白衣蓬髮。腰下朦朧。如烟如霧。如行如止而已。尖風一陣。葉鳴枝震。倏焉影消。鬼氣襲人。散士幼未通事理。於時世間有幽鬼者。雖素不信之。然少時習染。於腦裏不無感觸。胸惕然而悸。肌忽慄而戰。寒粟始洽於體。自顧囅然而笑。是精神惑迷所致。所謂疑心生暗鬼耳。即進至旅櫬之前。旅櫬在一土室之中。廣五六弓。散士開其面。膝跪下而發微聲。祭波甯流女史之靈曰。

維一千八百八十二年月日。愛蘭之烈女波甯流女史卒。不幸短命。春秋僅二十八。嗚呼。哀矣哉。父爲海軍名將。母爲獨立黨領袖。兄愛蘭之名士。皆名高一世。姪亦獨立黨梁柱。嗟乎。厥姓斯氏。世奮芳烈。揚聲四海。曾遭陽九。舊都隕顛。外人專政。生民悲咤。君乃羈旅。隔此阻艱。忠肝如鐵。力圖恢復。忘身磨節。扶弱挫強。以爲己任。無如命運偃蹇。自天降殃。嗚呼。哀矣哉。神柩發新府。迄北慕士頓。經歷山河。又至南費府。送葬者雲集途次。號慟之聲滿天地。路人爲之漉淚。征馬爲之哀鳴。悲風慘悽。愁雲黯淡。嗚呼。哀矣哉。君少負志節。不輕以身許人。至孝至誠。勵行清潔。整躬率物。馭下有方。文如春花。思如湧泉。下筆成章。發言可咏。又深於韶樂。歌音遏雲。昊天何心。奪此烈女。嗚呼。哀矣哉。君嘗戲謂散士曰。天命無常。不謀朝夕。今年西土之士。安知明年不爲東海之人。今夕同歡之友。焉知明朝不爲黃泉之客。何意諧語成讖。遂有今日。吁嗟神柩。將返故鄉。長已矣。音容其莫接矣。君又嘗語散士曰。爲是爲非。蓋棺論定。在無愧于後世耳。嗚呼。人誰不有死。身沒名稱。先哲之所偉也。君亦可以瞑目矣。嗚呼。哀矣哉。孤雲結而日慘澹。中泉寂而夜深沈。白露滴而征衫冷。悲風起而邱樹愁。幽闌摧而鳳凰去。紅蓮折而鴛鴦離。生年淺而逝日長。憂思多而歡樂尠。昔同志。今異世。憶舊歡。增新感。心悲鬱而誰

解淚滂沱而莫掩嗚呼哀矣哉尚饗

弔畢低首不語者久之時雲開月明四面如晝有一女露半面于苔碑之後擺然而白淒然眼冷散士遽起見之瞿然失容毛髮森豎女徐起曰君非東海之郎君耶妾愛蘭之紅蓮也散士熟視久之徐謂之曰嗚呼紅蓮女史何來至此乎使僕一見之猶疑夢中之夢眞可謂奇中之奇遇也寸心彷彿夫復何言紅蓮曰妾亦悲喜交集一語一話不知所出也散士更問曰幽蘭范卿今在何處別後之狀願詳聞之紅蓮悄然曰此非一朝一夕所能盡也蓋妾等自與郎君話別雖未至半載而世運之隆替人事之變遷妾等困躓迍邅其情事殆如隔世散士驚聞其言急問曰二氏究何如乎紅蓮依違而不能答既而曰郎君若欲聞之亦徒增悲哀耳散士意愈不安又將有問紅蓮顧指土室曰嗚呼斷金之友既如此不其悲耶散士曰僕以一面之交且南北異國及聞其死猶悲悼不能堪況生同國志同方者其情當如何耶紅蓮曰妾今夕自歐洲至裝未及卸早聞波甯流女史之逝驚愕失措知旅櫬尚滯在此處故匆匆踏月而來手折花枝欲以供弔其遺靈忽聞人聲之近乃于碑陰隱避其人亦至櫬前永留而不去妾數舉首窺之時癡雲掩光樹下影暗無由認識其面既而聞其所語或引幽蘭之名或呼賤妾之名憤恨悲歌繼之以淚妾疑念愈滋更翹首瞻望忽而玉兎出雲始識郎君之面竊怪郎君亦何事乘夜來此散士曰對月懷人情之常也今僕之來弔者亦出于情之不能已耳夫山寂夜靜四無人影照我雙影者天上之明月聞我談話者一堆之土室乞自是語別後之狀可乎紅蓮曰妾所願也乃席草相對而坐散士曰溯自蹄水相見僕心蓋不能忘晝之所思夜之所夢雖七日如七月矣紅蓮曰妾等猶有甚焉相待之切直不啻七年之久也散士曰溯當時既及期日至蹄水濱風雲俄起水波忽興大雨淋漓衣裳盡溼舟不能渡而歸自是感於小疴

輾轉牀褥矣。紅蓮曰。妾等日屈指以待郎君之至。到期日幽蘭更喜溢於色。范卿劏雞烹魚。妾拂室淨席。以爲大駕卽臨。何期風雨無常。人事多左。郎君竟爾不來。次日又有飛報曰。幽蘭女史之父。入於西國。爲間諜所知。縛送西都。女史聞之。痛哭徹骨。乃告妾等曰。嘗聞樹欲靜而風不停。子欲養而親不存。往而不來者年也。再不可見者親也。今老父被難。妾豈忍坐視不救乎。妾欲明朝入西都。以救父難。事若不成。相與俱死而已。抑此行極危險。揮手一別。後會難期。惟祈得聞妾死。卽各分家財。以供與國之用。則妾雖死之日。猶生之年也。妾斯時輒答曰。令娘何爲出此言乎。妾自與令娘結交。心腹相傾。絕無崖岸。死生榮辱。誓與相俱。今令娘以弱質妙齡。懷匕首而入虎狼之國。其死生固不可知。然妾亦豈忍見令娘之危而袖手燕居哉。且虎窟狼棲。令娘旣不畏避。夫何有於妾哉。惟范卿相交之深。不如令娘與妾。留以管家財可耳。語未畢。范卿勃然而怒。進謂妾曰。異哉。紅蓮女史之言也。僕與令娘等名雖主僕。一自肝膽互傾。交情豈間深淺哉。今也或欲捨生而盡孝道。或欲取死而全交誼。其志氣節義。足令聞者興起。孔子曰。見義不爲無勇也。孟子曰。捨生取義。今僕若不隨令娘等而行。將平生所讀何書。能無愧死。又何以見齊魯奇節之儒。燕趙悲歌之士哉。況他日東海散士再訪之日。必以僕爲怯懦之夫。貪佞之輩。與尋常支那人無異。僕有何面目再見散士乎。乞幽蘭女史姑從僕請。僕雖無能。亦樂從令娘等之後耳。察其意色。似甚決者。於是幽蘭女史曰。兩君所言。皆非無理。雖然。兩君皆負天下重望。一身之安危。繫國家之存亡。豈可以螻蟻之信。挫大鵬之志哉。私情與公義何重。皆兩君之所常稱也。抑妾之去國在十歲時。地勢人情。皆不甚曉。倘得良友之力。援一臂之勞。固妾所願。況妾自與紅蓮結交。曾經三載。自與范卿論志。亦過兩年。遂爾分手河梁。情何能忍。無怪君等負一片之公義而不能捨也。雖然。妾若揭兩君去。人將笑妾之不明。嘲兩君之淺謀矣。孰若留

於此地守身待時以冀達夙昔之志垂功竹帛耶天運未盡吾等豈無握手之日哉惟兩君酌之范卿掉頭曰否否昔者荊軻好俠輕身而入秦庭聶政重交仗劍而刺韓相是雖不合於大義然交情之厚意氣之剛足令懦夫聞風興起故天感其誠白虹貫日太史公亦記之以傳於萬世且夫事之成否固關天運人之生死亦有命數苟天命不與一朝染病而死雖留此地亦奚補矣語云死或重於泰山或輕於鴻毛苟問於吾心而安雖漂流於怒濤之中陷溺於水澤之下夫何憾耶此行或有補於萬一亦未可知吾意已決乞令娘勿復言於是妾亦助其言頻勸女史整束行裝以明朝將航於海女史乃允之曰今夜已深前途之計略俟船中相議可矣乃各散就寢女史猶對燈沈思依依而未能去妾怪問其故女史曰吾有一片愚誠終不得達臨此大難欲忘而不能忘且後日郎君若再來訪見妾等之不在且疑且怪將如之何耶妾苦無策以通其情故不能寢也妾因問曰令娘知郎君之所在乎曰否實深憾也然即知之而時已迫亦不能親訪投書則恐事之洩漏事勢至此亦無如何矣妾對曰然則令娘何不留尺素於家僕使其達於郎君耶女史乃沈思移晷即執筆而成一書不覺晨星寥寥東方漸白乃託後事於老僕而行范卿至河濱時在白柳樹題以文字妾不知其意所在也紅蓮說至此因仰天曰河漢既傾月落西山夜短話長語不可盡請共赴蹈水舊家然後徐語可乎散士曰攜美人而同行此事在東洋難免譏刺今在美國幸無之乎然只恐爲令娘之累也紅蓮曰何爲累哉特憲蘭不引鳳皇而泥土蓮花反錯悟之誠所愧也若使幽蘭女史知之其以妾言爲何如乎兩人且語且行既下北邙紫山孕旭日萬象漸明矣乃下川岸僦小舟向蹄水舟過絕景山之間（絕景山者費府之遊園也地勢高爽境域廣大風光之美眺望之奇稱五洲第一）時兩岸樹木鬱茂禽鳥和鳴紅蓮右手指林頭之一樓曰郎君知彼古屋乎散士曰咄叛將阿能奴之舊居耶（阿能奴者英國之將以才略聞革命之役美軍不振兵勢日蹙時英國以重利餌之

阿能奴心動約擒元帥華盛頓降於英被囚授於英軍乃將英兵數犯美之北境及英軍敗歸住於英京後美國獨立天下皆稱華盛頓之略美蘭酋麟之功阿能奴獨以叛將降敵雖英人猶恥笑之遂憤鬱發病而死後以其豬宅屬於軍隊不忠者戒

既而舟至蹄水同赴舊家楊柳垂堤蔓草迷路壁掛葦苴之葛屋見嚾嚾之鳥至門呼僕僕應聲而出仰紅蓮之面且驚且喜相與入於內室少焉紅蓮呼僕曰能得一杯鵝黃乎曰令娘等去後所餘葡萄美酒若干僕性不嗜飲故至今尚存散士曰酒者非所望惟令娘等行後之狀欲速聞之耳紅蓮喟然嘆曰妾最不欲急告之乎無如胸塞舌結實不能言且恐郎君聞之又將不禁悲哀也故欲假醇酒以鼓其氣而後娓娓言之耳散士愈促之紅蓮乃正襟曰幽蘭女史與范卿已葬魚腹妾獨偷生今日再見郎君最不恥哉乃取白巾掩面痛哭散士聞之愕然愈生悲哀之念至手足不知所措既而曰令娘何哭泣之哀也人誰不死乎紅蓮漸舉首窺散士復痛哭散士曰令娘雖痛哭幽蘭范卿豈可再生毋寧縱談往事得以慰烈女節士之英魂矣時僕持酒甌來置於桌上紅蓮強傾一杯曰自是可語妾等之履歷也乃言曰

旅裝既成出於費府直搭汽船鐵纜一解船行漸疾女史攜妾上甲板相指點而語妾曰雲樹迷離此非費府耶費府者是東海郎君之所在嗚呼何日再相遇乎非於蹄水之邊則在九泉之下也因相對流涕散士曰果其如此何與僕別後之情相似乎紅蓮乃繼言曰三人在船中相與計議以爲幽蘭女史之去故國在十年以前西國人鮮知之者以是假名漫遊歐洲有誰疑之從此乘機應變圖之可也船去益遠至大西洋中三人在甲板上時月明星稀四望無際水波萬里渾不見雲端一物妾乃謂女史曰自出家既經三載想今東海之郎君當可到於蹄水雞邊之闌惠既散於疾風後池之紅蓮亦碎於驟雨天時人事轉眼皆非諒郎君撫物懷人必有不能去者女史曰妾昨夜夢與郎君遊於蓬萊情緒方酣忽爲浪聲所攪破今又對此明月思昔日之樂懷舊日之情殆不

能堪也。立於船頭。沈吟稍久。既而顧謂妾曰。余頃得一長行。請爲爾歌之。乃歌我所思行。慷慨淋漓。聲出金石。及今妾猶憶當時景況也。散士曰。令娘若記之。何不爲僕歌之。紅蓮乃彈琴而歌曰。

我所思兮在故山。欲往從之行路難。人生百事易蹉跎。幾使逋臣長浩歎。國家衰廢日已遠。君王蒙塵何處遯。舊廬雙燕歸無家。滿目晝陰草菀菀。老父春秋超古稀。繁霜堙頭雪印盾。鐵石之肝磨不磷。松柏之心死不移。常秉正義排邪說。數提干戈除妖孽。經營如此誰不感。底事一朝摧縲紲。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。

夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪今夜情。

我所思兮老父身。欲往從之天造屯。萬斛深悲奈難遣。星河西落未成眠。懷中匕首霜氣冷。腰間佩環風聲靜。自知此行難生還。惜似荊軻辭燕境。勿謂裙釵料事危。陽氣向處山可摧。勿謂妙齡不堪戈。至誠固有鬼神知。去國匆匆十裘葛。嫣戚半散半枯骨。談志俱是異鄉人。照心惟有一輪月。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。

夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪今夜情。

我所思兮東海端。欲往從之水路難。海端有國名扶桑。俗與風光皆雅嫻。綿綿皇統垂萬世。昭昭威名及遐裔。士重信義輕末利。小心翼翼仰聖帝。孤棹嘯風琶湖舟。萬古含雪芙峯頭。花香一目千樹春。月高八百八島秋。此地眞箇桃源洞。隔天夜夜入吾夢。仙槎欲探猶未探。風塵之中至秋仲。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。

夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪今夜情。

我所思兮東海人。欲往從之關山難。羨君錦衣歸鄉日。悲妾虎窟探兒辰。妾今一去何日復。歐洲美煙夢相逐。妾今一去何處會。青雲黃壤豫難卜。想昔蹄水乘輿船。東西奇遇殘春天。月下揣手花落處。清風拾翠水流邊。

嗚呼。噫昔之日無此歡。今宵豈又有此歎。千行淚沾紅綃袖。一雙影映亞字欄。月橫太空千里明風搖金波遠有聲。夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪今夜情。

歌詞慷慨。紅蓮述之亦聲聲入破。秋角帶霜。如號古戍。風泉和月。似瀉寒灘。彈希臘散士曰。踏懷往日。徒增悲傷。嗟乎。舟遭蹄水。花會籠鈴。高談娛心。哀音順耳。白日已匿。繼以朗月。歌舞漸止。攜手共步庭園。花香馥郁。山河如畫。當時吾顧曰。此樂難再。咸以爲然。今果天涯離散。幽蘭范卿。化爲異物。飾同時異。物是人非。我勞如何。紅蓮曰。當時船中又有使妾等疑者。有一婦人屢見妾等於甲板上。後與之語。辭氣慷慨。頻悲國家之傾覆。又能詳東洋之形勢。談笑間涉及貴國之風光。該婦更豔稱日本之志士某。妾詢以志士之容貌行事。極像郎君。妾心有所懼。不敢問其姓名。郎君知之乎。散士傾首曰。僕素不識此等婦人。豈非變身託事。探三君之形跡者乎。紅蓮曰。妾等亦疑之。故不敢明其實。又曰。自是羈旅之孤客。軟弱之婦女。宜策奇謀。以欺西國之君臣。而語奪幽蘭將軍之事也。

經八日。船抵西國加亞津。直入西都。投一逆旅。猶恐國人有知女史者。託病不出。妾獨步城邊。窺牢獄之規制。探囚徒之形狀。歸而共議計略。既而聞幽蘭將軍在城西之獄。而此獄環深濠。築高壁。雖雲梯不能渡。飛鳥不可越。古來王公將士。死於此中者。不知幾千。幽蘭將軍以名高爲怨之府。故守衛警嚴。國人尚且不能近。是以百計千慮。亦無良策可救之。已而往再數日。巷說街談。所聞不一。或謂將軍病於獄中。或謂將臨死刑。女史聞之。憂愁愈切。一日范卿出市。詳探守城長之人。歸告妾等。妾因擬往古之小說。策一奇計。而謀於二人。女史曰。此兒戲耳。雖然。今親戚故舊。半罹陷於干戈之慘酷。半放謫於萬里之山海。無可與謀者。且夫如法將羅柄斗逃澳國之獄。拿

破崙三世遁破蕪之城。其策固非天下之奇。以識者觀之。不免類於兒戲。雖然。及陷於窘中。勢積威約之漸。僥倖萬一之外。無可爲者。范卿曰。贖日彌久。常易釀變。變故一生。智者難施其策。不若速試之。至其成敗。則聽於天矣。且聞守城長好色貪財。往年喪妻。今求伉儷。乘其驅車而過城邊。紅蓮女史之策。可以行乎。

翌日妾遂紅粉盛服。乘涼城邊。時行人漸稀。見有一二車馬往來而已。少焉。有一雕車。轔轔蹴塵而至。則守城長之所乘也。心竊喜之。及車漸近。徐仰其顏。時秋波一轉。亦少顧如笑者。妾故爲迷途相失之狀。其車亦行差緩。於是妾疾步先之。或顧或近。行五六町。白日已沒。景物模糊。妾乃揖更近之。執其紱。留其車。慇懃告之曰。妾美國之產。頃者遊貴都。舍東街之逆旅。今攜友乘涼城邊。偶相失。數問路人。以歸路。以言語不通。莫能解者。而日暮途窮。進退兩難。焦苦萬狀。且婦人夜行。君子之所戒。文明社會之所禁也。妾敢以無半面之識。冒瀆尊嚴。爲行路之妨。罪無可逭。雖然。幸憐異鄉之困厄。指教歸路。則銘感實深矣。守城長曰。僕守城長王羅也。令娘乃此薄暮彷徨道左。僕心已竊怪之。使令娘早告之。何至疲勞至此乎。若不妨令娘之事。乞同車。引至貴寓。妾深謝其厚意。直上其側。輒使御者疾驅而故爲媚態。以試其心。似甚易交者。既而車至逆旅。彼執妾手曰。他日更相訪。幸自愛。即欲回轅而去。妾知其尚有眷戀之情。止之曰。閣下賤妾之恩人也。若無閣下。妾不知如何困厄矣。深恩厚義。銘肝莫忘。夫豈可徒勞而歸哉。乃導之客房。迎意裝情。更招幽蘭女史曰。此衙蔕牙之人。久在美國。與妾最相善。今攜手同來者也。爾來得淡水之交。蒙清明之教。是妾等所願也。又厚勞其御者。散士曰。以令娘之色。行此計略。誰不入于陷穽中乎。紅蓮忽然紅潮上頰。曰。郎君勿弄妾。且忍笑而聽妾所談。既而守城長辭旅館去。翌日折簡深謝其厚意。殷懃不忘之情。且答以葡萄美酒。與珠玉錦繡。彼復表眷慕之意。以明日再來訪。三人喜計之得行。頻對時

表待暑陰之移。漸至次日薄暮。守城長策肥馬。衣輕裘。來訪旅館。妾亦輕羅長繡。極裝姿態。迎之客房。恭應敬對。如接王公者。而又絕不置眄睞于其間。守城長熙熙而語。怡怡而笑。盡傾腹心。情濃不竭。妾仍設言曰。希期明日黃昏。共與令閨攜手。杜禍歟。慮使妾得拜花顏。接玉姿可乎。守城長掀長髯曰。僕實獨身無耦。妾曰。閣下勿欺余哉。守城長曰。僕非虛言也。不幸妻喪已經三載矣。妾更謂曰。以閣下有如此之丰采。有如此之仁慈。且有如此之尊位高爵。欲求伉儷於美人才女。惟其所望。故雖未行六合之禮。兩情已誓偕老矣。守城長曰。如令娘所言。令娘之事耳。僕何足欽羨哉。妾曰。閣下未知之耳。且語妾之往事。妾原生美國之富家。父曾爲汴州刺史。頗有令名。有一兄。夙潛心於博物學。及長。其志愈堅。有友某。其父西國之人也。學識深遠。高出儕輩。至今想之。容貌言語。頗肖閣下。年齡亦與閣下相伯仲。常相往來。頗鍾愛於妾。妾亦漸相親。心私許之。遂納幣帛。收羔雁。不日結婚嫡之義。雖然。未及移輿。偶老父罹病。未幾而死。自是吾兄大結四方豪傑之士。欲周游五洲。以擴博物之學。探北洋之極。以圖千載之名。雖然。以父老而未果。於是將欲縱其志。妾與母危之。力止之不可。某固贊兄之志。其告母曰。不入虎穴。焉得虎子。吾輩豈可與市中少年爲伍。徒樂太平無事。送一世於悠悠之間哉。鞭勁風。叱怒濤。遂超北洋。當時天下之人。皆高其志。藉藉稱譽。且悲且喜。惟翹足待其衣錦歸故鄉耳。無如自船一去。既至一年。而無片音之報。世人惟傳云。船破北洋之堅冰。驚北海之鯤鯨。既近北極。後又經北海。更不接音問。母憂之病發。骨肉日瘦。心神共疲。時新報報曰。瑞典北洋巡船。過北極一島。見美國北洋巡船。其船爲積冰所封也。器破食盡。人畜悉死。及母聞此報。病革。空歸黃土。妾喪兄。別良人。而又失母。悲哀痛悼不能堪。漸此身亦罹於病。病在蓐殆一年。至今春。身始覺快。交友親戚。勸遠游歐洲。踰秀山。渡明水。以清敍幽鬱。妾乃航英國。游法國。自瑞士至意大利。遂來貴國。

貴國之風光。實使妾悅目。寒溫亦適妾身。漸有忘歸之思。但妾今受父母與兄之遺產。以婦女一人之力。不能管理之。欲得雄才高風之君子。以託一生。而素願未達。天下之廣丈夫之多。妾無適意者。彼慰曰。若使令娘之言眞。僕乞盡畢生之力。以謹令娘之身。使安一生可耳。雖天荒地老。此心仍不渝也。妾陽爲喜悅之色。飾言搆事。百媚千阿。惟恐有失其意之狀。於是彼意氣飛揚。喜不可言。其後每夕馳車來訪。至必有繡羅之贈。妾等見熟於機業。知計略之可行。一日相與同車。過城西下。妾仰望城壁。問曰。壯哉金城湯池。是國王之居乎。守城長曰。否。我所典之園堵也。古來侯伯之命。捐生此中者。不遑僂指。今亦有大逆無道之徒。待命其間一二百人。妾故驚曰。噫。果然乎。雖身乘鶴翼。人架雲梯。想難飛越。獄中堅牢莊嚴。復無可比。恨不能一見城中。以爲談柄。守城長曰。僕司其管鑰。令娘欲見之。何難之有乎。將卜吉日。攜手而遊。與令娘同行之女史。亦與俱往。如何。約次二日而去。三人仰天祝曰。昊天未棄我。好運漸循環。妾曰。好運如此。爾後之計略。如何乃可。欲假宿望。在此一舉。妾不知其奇謀之所出也。幽蘭女史曰。妾有一計。想必能行。紅蓮女史與守城長攜手。飾情巧言。以攪彼心。使妾尊認老父。得行密計。彼信妾等爲美人。又侮妾等爲婦女。必無介意。乃語其妙計。皆曰。妙計可行。至於期日。守城長來迎。勳章聯於胸前。寶劍掛於腰際。燦爛奪目。煌煌與日光相映。殆斯謂金玉其外。敗絮其中。而胸無一物之賤丈夫哉。妾特止范卿。託之後事。且告曰。若不幸計洩而事不成。亦生無相會之期。范卿厲聲曰。誠心一到。何事不成。今臨大事。勿抱不祥之念。發不吉之言。令娘之妙計。必可適中。若不成。老奴別有一計存。無以爲念。相分到城門下車。妾與守城長攜手。或巧言令色。使喜彼心。或怨言於嗟。以柔彼情。又思他事之無遑。幽蘭女史尾其後。務爲談笑之態。已而入於牢獄。囚人慘狀。誠不忍見。於時不覺悽然傷懷。泫然流涕。問於城長曰。想此中不乏鼠竊狗盜之徒乎。守城

長曰然。乃指南隅一室曰。在彼處者。頓加羅之愛將。幽蘭將軍是也。彼與皇兄舉兵。不勝而遁。遊歷歐洲諸邦。與意大利之俄馬治。及法國之巖氅跎相結託。藉自法境入我國都。欲募同志以舉兵。僕幸捕之得以鎮國亂於未萌也。妾聞之意飛氣躍。且喜且憤。目指幽蘭女史。女史亦漸首肯。到於南隅。守城長隔窗與將軍一揖。將軍容貌魁偉。肉落骨立。白髮皎皎。蓬蓬如雪。雖年既老。猶有馬上顧盼之風。妾時有薔薇花插於襟。執與將軍曰。妾美國之人也。謹祈將軍自重。將軍僅出手於鐵窗外。爲握手之禮以謝。妾回首謂幽蘭女史曰。令娘亦且慰將軍。急執守城長之手。不顧而過曉乎。幽蘭女史。臨大事矯情抑意。見父於狴犴之中。顏色不變。言語如常。有從容而行密計之狀。深沈勇邁。雖古烈女不能遠過。更欲語。又拭淚。少焉又謂曰。至於日暮。出城門。還旅亭。范卿迎之。撫胸忙問曰。成否如何。成否如何。老奴今日消過一刻。恰如半歲之長。見路人之疾行。疑令娘之凶事。兒童之遊戲。亦爲驚心。婢僕剝喙之聲。訃聲吏之闖入。幾至銷魂。幽蘭女史止之曰。范老勿高言。諺曰窗隙壁孔。猶有耳目。蓋計以洩而破。可不謹乎。徐曰奇計如意。祈願可償。雖然悲喜交集。攪妾胸臆。憤歎之念。結而不解也。先見妾之老父。無由通一言。老父亦驚駭茫然。惟見老眼浮淚而已。至於此幽蘭女史情不能禁。涕淚如雨。嗚咽久之。妾慰之曰。時運如此。成功可期也。然何爲痛哭之甚乎。范老備杯酒曰。令娘開愁盾之期。亦不在遠。謹舉杯而祝成功。時皓月初出。明光入戶。幽蘭女史徐起開窗曰。明月如晝。柳影如織。使人不勝懷舊之念。妾乃吟郎君之詩曰。好取萬斛憂。清酌付一觴。舉杯與女史。女史微笑傾一杯。吟我所思行。於是三人共語。締水之舊遊。數句之鬱憂。散於一席之小宴。清興大加。不覺夜之既深矣。自是後如守城長之再來時。則務爲阿容媚態以誘之。若不來時。則亦折簡寄信以賄之。冀以牽動其情。覘其動靜。後經數日。彼偶不來。明日詰之。彼曰。有朝議。夜深始退。以故不能來見。隔

一日又不來。詰之答如初。妾以爲彼所謂朝議者。無非妾等之密計乎。命范卿窺守城長之舉動。果爾范卿歸告曰。今日守城長密從數輩之贓吏。驅車馬而到城南。移時而還。復入城門。此夕守城長來見。妾卒爾問曰。何來之遲乎。彼又答如初。妾乃向隅久無語者。彼問妾曰。今日令娘如甚有不樂之情者。得無染於病疴乎。妾直答曰。妾死生憂苦。於公何涉。彼漸呈憂愁之色。又不敢仰見。徐曰。僕自奇遇令娘。慕令娘之才學。愛令娘之姿容。祈月下之神。待六合之禮。驅車於花月。揣手於山水。欲以慰令娘之思。又安我懷。然令娘今夕遇僕。非同昔日冷眼帶怨。言語含鋮。此何爲乎。是僕所竊惑也。妾顧他而獨語曰。人情所貴在於信義。苟無其實。人誰信之。彼顏色少變。進謂妾曰。令娘之言。僕愈不解也。或恐讒間之易入人心之易疑。敢問其故。妾因責彼曰。頃者閣下之動止。有可疑者。蓋閣下不來兩日。妾乃使人探之。曰閣下今朝與佳人同車。乘涼城南山水之隈。妾聞之。胸臆固結不能解。猶望閣下思舊交履前言。而以實告乎。乃猶恬然欺妾曰。爲君王使於城南。閣下豈非侮妾羈旅之一女。欺負嘲弄至於此乎。嗟乎。妾自一慕閣下。而萌春風心緒。加以夏時漸熱。欲留不可留。今閣下與以秋風之扇。妾得其惠賜。覺三冬有寒冷。乞閣下去矣。無以妾爲念。守城長初撫胸曰。誰爲此語者。僕豈有此事哉。若其有之。乃出於公事之不得已耳。妾猶掉頭曰。否否。是亦所謂飾非者矣。果然。何必驅車於城南三里外寂寞無人之鄉乎。妾恥對薄情之人。閣下去矣。將開戶入奧。守城長急牽妾衣。低聲耳語曰。僕乞告以實事。以解令娘之疑念。急顧四邊而說曰。令娘先所見城中之幽閑將軍。累日臥病。飲食日減。衰弱殊甚。彼今雖爲朝廷反臣。雖然。先國家之元老。皇兄之愛將。其才略顯世。名譽驚人。何可無禮乎。因問彼所欲。以慰不永之餘命。彼曰。老夫之病。久閉居密室。不觸新鮮之氣。又無山林草木足以怡情者。因此之故。欲請出遊郊外。俾得保延餘年。生前之恩惠。無以過之。僕曰。今國

內叛逆之徒亦未全治。慕皇兄思幽蘭將軍。勤則蜂起。欲成夙志者所在多有。若許幽蘭將軍之請乎。其所奪也更作一敵國。固知不可。然不許乎。又顯國王之狹隘。示政府之怯弱。故君王密與近臣謀。使僕隔日與將軍同車。警吏數騎護之。以逍遙城南無人之山間水隈。欲以保養其殘命也。此乃國家之機密。出自僕之口。入於令娘之耳。千萬勿洩。至此猶疑僕乎。時妾不覺喜溢於色。急執守城長之手謝曰。賤妾不明。不知閣下之厚情。漫言妄語以辱閣下。死有餘罪。雖然。是妾思公之深。神心迷亂。至此極也。幸閣下憐賤妾之眞心。鍾愛勿異昔日。閣下不以妾鄙陋。告以國家之機密。以表見至誠之丹心。疑團冰消。惑念漸盡。雖山傾海覆。此心猶不渝也。於時兩情相和。交歡如始。妾更謂曰。妾亦久不遊於野外。閣下若以今日之事。無介于意。明日與妾驅車。以拾翠山野之間。釣魚流水之涯可乎。守城長曰。此僕所願也。既而妾招幽蘭范卿二人曰。妾明日詳觀地理。可以行大事。幽蘭女史曰。機會之來。間不容髮。古人所謂出萬死得一生者。將在此時。皇天不棄我。大事可就。若事不成。妾惟有與老父俱死耳。妾辭寵榮之日。亦以此爲誓者也。意色已如決者。妾與范卿贊之。以待期日之至。

第五回

翌朝。守城長從僕御。驅雕車來迎曰。乞履昨日之約。妾乃單衣輕裳。絕去時世風流之態。肩懸遠鏡。手執蒲鞭。出揖守城長。守城長怪問曰。令娘何爲輕裝若此。妾答曰。屢從僕御。驅雕車。易觸人之耳目。且不能左顧右盼。開襟與閣下暢談。興味甚爲索然。今日者千載之一時。而猶爲僕御所煩累。不得娛情。豈不可憾哉。故不若捨雕車。去僕御。惟與閣下相攜。隨意所欲。履雲折花。薪青草。嚼香風。庶能盡其樂耳。守城長喜形于色曰。是僕日夜所願。惟

恐忤令娘之意。未敢言耳。高意眞如此。豈不好輕裝之遊哉。嗚呼。彼迷于色溺于愁。遺國家之大事。不覺妾等之計策。自墮于陷阱中。語至此。忽而低首沈思。若虛如不能語者。既而曰。說至于此。妾聊向郎君而有愧者。蓋彼本鯫鯫斗筲之才。貪財好色。忌忠害能之一賤丈夫。妾亦以一處女之身。傚妝花柳之色。飾狹邪之情。騙之欺之。安得快心哉。今郎君聞妾所言。恐萌賤妾疏妾之念也。惟是交友之誼。出于不得已。冀郎君察之。散士曰。凡浮世之事。由時與世而變。若令娘爲私欲爲色情。行此欺人陷人之計策。余惡令娘。疏令娘。不欲與令娘相見也。若夫不然。令娘果爲天下欺小人。爲國家陷奸臣。以爲懲戒之鑑。以爲勸導之階。則令娘之僞言也。余助之。令娘之欺計也。余亦贊之。大可互相盡力。如今令娘宜幽關女史忠孝之囑託。爲正義屈身而陷奸徒。豈如澆季浮薄之流。或見利忘義。或臨危變志。或不知時。不察勢。偸安弄筆。兀坐鼓舌。徒貶議他人者乎。余則憐令娘之志。感令娘之行。但憾不能同力而已。蓋有人吐露其胸襟。請余救援者。義氣之所激。精神之所感。碎骨殺身。猶不可悔。瑣瑣僞言詐術。豈足問哉。紅蓮聞之曰。郎君之志果如此。妾可不詳語之哉。既而悉去雕車與僕御。妾與守城長乘一小車。出城市南去。有一里許。妾莞爾謂曰。今日之遊樂哉。守城長曰。昨夕與反臣同車。今朝與仙妃共駕。眞可謂昨非今是矣。妾故笑曰。前者閣下忘妾疎妾。不與同車攜手。今者怡情樂心。又何處是靜閑幽邃。無妨農客之至。可容吾兩人私語之地乎。守城長緩緩笑指曰。那處實蕭岑也。眞如令娘所言。今日亦欲憩于此以相語。聞我情話者。翠梢之孤鳥而已。嫉我豔語者。綠柯之殘蟬而已。清流之潺潺。無心而寫我雙影。涼風之習習。無情而吹我衣裳。眞不易得之勝地也。且笑且語。漸入山橫水流之邊。妾出遠鏡而望。指點東西之村落。下瞰遠遛之森林。問其山名。詢其水性。陽實風光之淑美。陰探地勢之險夷。執鉛筆。展白紙。以寫其奇景。辨山徑。析支川。以製一地圖。又

行數武遙見石橋橫架溪流時靑天澹然炎暑熏赫熱氣特甚守城長留車橋下繫馬綠陰回首指橫一巨石之水涯曰僕始與幽蘭將軍遊于此地憩彼石上當時僕負警衞之大任作反逆之大囚入此無人之境若有人來奪不獨僕受其禍卽國家之安危亦繫于此以是見深林則恐有伏兵之潛逢嶺石則慮有刺客之匿身雖在淸幽之佳境而常苦心焦慮恨不能與令娘相見以敍一日之歡娛孤鳥之喃喃爲悽怨之聲流水之潺潺爲惆悵之音其情何以堪哉雖然今日卒然得與令娘攜手遊于此地昨日苦心焦慮之境頓轉爲娛目怡神之處也昨日悽怨惆悵之音忽轉爲適情悅耳之聲也惟恨明日復與彼老餘之囚徒同車又不能見令娘耳鄙語曰月欲明而浮雲掩之花欲發而風雨散之人事不能如意眞可歎哉妾愀然下車秋波凝情斜視守城長曰月有浮雲花有風雨如閣下之言妾亦感今日之行樂思明日之感情無如怨恨恆自笑悅中生蓋妾雖非敢疑閣下而幽情之所結未和閣下果與將軍同驅車于此間否乎將如妾所聞與佳人攜手乘涼于彼處否乎妾明日欲騎馬逍遙此地冀避近閣下以證閣下之言而決其虛實也守城長愕然曰僕所語者實國家之祕事雖父子之間不可洩也令娘如信我言明日勿來會不然見之者誰不疑僕洩漏機密哉不特僕終世沈淪實誤國家之大事也願令娘勿來後日重相遊耳妾掉頭曰閣下以此拒妾者是使妾疑也而妾既欲以終身託於閣下豈可不明閣下之行爲哉守城長且慰且說辨解甚曲妾少作色厲聲曰此地爲靜幽之佳境來遊者固不獨妾等且妾羈旅之一女子耳雖有知與閣下相逢者安敢深怪哉然而閣下痛拒不許來見豈更得不疑哉妾心非石不可轉也妾心非席不可卷也妾不見閣下與將軍共車誓不止也斯時或如疑或如怨或如戀或如憤以攪亂彼之心思守城長恐失妾歡心增妾憤怨漸和聲曰令娘之眞意如此則宜如令娘所欲惟勿爲聲吏所怪耳妾心竊喜轉

語移步。又乘車鞭馬。更入幽邃之中。更逢幽逸之境。施施而行。漫漫而遊。終就歸路。妾喜計策之可行。又慮前途之難測。胸中紛擾。欲語而不能語。欲笑而不能笑。又恐爲彼所疑。曲作笑容。務以掩之。遂相伴還于旅館。時日已西沈。街上之電燈燦然耀目。又以事機已迫。心緒忙亂。忡忡不安。欲守城長之速返。乃得與幽蘭范老二人。共議計策。而守城長猶留旅館而不去。晚餐既畢。遂呼幽蘭女史語當日之遊興。猶居忘迹。諧謔之語。不可聽聞。妾獨憂悶愁思。如刺肺肝。如碎頭腦。郎君憾妾當日之苦心否乎。言畢。倒酒傾杯。撫胸太息。已而又語曰。妾謂守城長曰。閣下今日爲妾攜紱執鞭。親當僕御之任。其疲勞如何哉。守城長笑曰。僕在令娘之側。恍如遊于蓬萊。何暇辭苦難耶。惟恐爲令娘之累耳。漸起身辭去。吾三人直入密房。妾不覺爲聲曰。咄。彼癡漢。消我黃金之光陰。幽蘭女史慰問曰。且柔聲怡色而語今日之吉凶。妾乃探懷出所寫之小地圖。示曰。密計殆中于竅。是妾今日談笑行步所作也。雖不甚分明。亦足以講計策。乃相與語其山勢水態。計其行裝準備。時夜既深。四面闃寂。幽蘭女史曰。今更已闌。市店皆已就寢。不能購器械以爲明旦之備。如之何則可。范老曰。吾亦以是爲慮。嗚呼。吾輩生大事勞生盡智。衹欲其成。而以深宵之故。不能達其志。妾嘆曰。使彼賤丈夫早去。我豈有此憾哉。聲未了。窗外聞滴滴之聲。范老開戶。一陣之涼風吹雨。颯颯入裏。翠簾飄彩燈消。范老急掩戶。妾大喜曰。嘻。皇天未棄我。惠以今朝之雨。我計策必成矣。此際無庸悲嘆。幽蘭女史曰。何故。妾曰。王羅守城長之遊郊外也。在欲將軍之保養。第冒風雨。凌泥濘。想必不行。應待新晴。乃命駕耳。妾等因得一二日間。徐得計畫密議。風雨益甚。簷滴之聲愈喧。妾等前途之計畫。亦知非於明旦。胸懷僅得綽然。妾又把地圖覆說其計策。且曰。此事若成。妾于何地而可乎。法國雖便。而境界嚴肅。電線無處不通。追迹亦必急激。戴皇兄慕將軍。遁于南方。是亦人所最注意處。而政府之警察。亦無如彼處之

密。妾不得不甚惑之。幽蘭女史曰。妾始迷之。雖然漸得其計。蓋幸得奪老父。直取路于東北。出其不備。力晦蹤跡。渡伊武浪河。航意大利。有峨馬治者。歐洲之俠勇。自由之泰斗也。得其一諾。而決去就。雖天下之强國。亦不能奈何者。想老父所見。或亦同之。范老拍案曰。此計最妙。孫子曰。水之形避高而趨下。兵之形避實而擊虛。又曰。行千里而不勞者。入無人之地也。今日之事。雖非兵事。鑑之以決謀。可無大過。妾亦贊之。此議遂決。時案頭之自鳴鐘。鏗鏗報第四點。明早風漸收。雨未歇。范老稱英船之水手。購三枝之短銃。與二襲之男裝。妾等在房中。整行李。火書卅。各爲明日準備。日既過午。煙霏雨散。清涼似初秋。幽蘭女史曰。王維亦是姦滑多智之老漢也。尙宜詳其動靜。飾情迎意。使彼更無所疑。妾乃遣人招之。幽蘭女史故裝嫻雅。愉悅之狀。諧謔怨言。以試其動止。彼既心忻然。悠悠軟語。又不見怪訝之態。談笑良久。彼將歸去。妾握其手。微笑曰。夜雨多情。實導今朝之握手。而東風無賴。恐誤明朝之把臂也。雖然。若幸得晴時。必逍遙于翠野碧溪之間。遠認玉姿。以慰妾相思之念。彼乃回首笑曰。是亦僕之所望也。但令娘必勿爲他人所疑。遂出門而去。此夜。妾呼館主託曰。妾等明日欲聯騎遊于郊外。願爲備二頭之駿馬。性柔順而疾足者。又展地圖示范老曰。先至松林待妾等。范老卽夜負行李。僞扮農裝而去。至于翌日。妾等亦素飾輕妝而出。幽蘭女史騎白馬。妾鞭驪駒。馳至郭門。有二警吏。夾道而立。一人進遮馬前。止幽蘭女史。將有所問。他有一人急來。撲其肩。附耳語。相視而笑。徐開路曰。貴娘行矣。行矣。並無有所問。蓋彼守城長之家奴。能知妾等者。不敢怪也。一夜之雨。半日之晴。泥路新乾。馬蹄颺塵。既而見松林蓊鬱。妾乃入於其中。范老猶踞樹根。側置行李。妾等至。紅蓮尙欲有言。時老僕有數顆果實。盛入於竹籃。來曰。邸後之萍果漸熟。何不試其甘酸。紅蓮直把小刀。切一顆而爲兩片。以一片與散士。自啖一片。曰。嗚呼。是勝仙掌之甘露。妾僅得浥于喉舌。請更語

其後之狀。於時范老乃開行李。使變妝束。妾等直脫衣而穿男裝。頭戴烏黑之高帽。目掛鴨綠之眼鏡。假髯掩于鼻下。短銃在于腰間。自遠望之。堂堂焉偉丈夫也。相見不覺一笑。笑聲未終。前頭有匹馬嘶鳴。我馬亦欹耳而欲相和。范老急收木枝。銜于馬口。更以一條麻索。固結其上。使不能鳴。暫有二騎並轡。左視右顧而過。范老自林間見之。拍節曰。皇天未棄我。今日之事既成矣。妾問曰。何爲出此言。范老曰。彼即警吏斥候于路上者也。使彼遲來一刻乎。使我早去一刻乎。若我策爲彼所覺。積日之苦心。轉瞬之間。徒歸畫餅而已。誠哉機會之來。間不容髮。歟乃疾奔至于橋邊。妾與幽蘭女史望之。范老屈身運轉數團大石。極力亂列于路上。磊落崎嶇。使車馬不可通。既還來曰。雖造父舉鞭而御八龍。亦留于彼處耳。況王維之車哉。老奴伏於其側。發銃爲號。以刼彼兩娘。直驅馬大聲叱呼而來迫。再轉身而去。妾等年猶壯。意氣最雄。然以其成否未可知。骨柔肢弱。似不能制。如范老其人。經歷已多。老成練達。臨事而懼。好謀而成者。眞不易得之才也。今妾等得此人。亦是旻天之憐忠誠耳。時幽蘭女史上于小邱。直下忙告曰。一輛之馬車向橋邊來。妾聞之心胸鼓動。脈脈如波瀾。乃鼓氣振勇。躍而跨馬。隔草葉木枝觀之。歷歷可辨。御者執鞭坐于車前。警吏帶劍倚于其左。守城長與幽蘭將軍相語。並坐其中。馬車方漸近橋邊。砲聲忽轟于樹間。守城長大驚。放聲曰。有賊有賊。鞭馬速走。語未終。乍又轟然一聲。射警吏。傷之。警吏倒墮路側。妾等乘機提短銃鞭馬迫之。守城長與御者魂散魄褫。不知所出。惟極力輸鞭。亂撻馬背。馬亦大駭。振鬣揚蹄。向橋畔而走。忽逢巨石橫于路間。狹隘崎嶇。又追騎在後。欲進不能進。欲退不能退。周章狼狽之狀。可想而知也。幽蘭女史急以西語疾呼曰。伏兵速出。誅姦賊。救忠良。在此一舉。御者聞之。捨鞭自投水中。守城長亦欲跳身而遁。范老認之大怒。一拳聲倒于車下。直進而擬以短銃。妾止之曰。彼姦惡雖已貫盈。豈忍漫殺乎。時幽蘭女史下馬

在于其傍。乃解馬口之麻索與范老。使縛守城長。自向車上。執將軍之手。自車扶下。揮淚告曰。此二人者兒刎頸之友。皆捨身而救阿爺危急者也。先遯此處。而後詳語顛末。范老縛守城長。且以白巾裹其面。引至林中。固繫于樹根。又揣前所脫之女裝。來與妾等。妾卽與幽蘭女史相扶而去。男裝使將軍與范老著之。再變身而跨馬上。范老亦變服。直毀車轅。斷馬絞。解其二馬。右手執纓轡。左手摩將軍。呼曰請閣下先騎之。更執舊衣投于河流。自跨一馬。幽蘭女史問將軍曰。將欲遁何地。將軍曰。委命于皇天。取路于東北。向于意大利而已。女史曰。老父所見。亦與兒同。於是四人並轡鳴鞭。颺塵捲沙。將軍先導。取路于無人之境。向于東北而馳。約十餘里。飢渴交迫。將軍勇壯過儕。雖本有意氣蓋世之風。然久在囹圄之中。肉體神衰。加以當日所騎之馬。無鞍無鐙。最勞四肢。困憊殊甚。既而日暮馬疲。雖牽之不動。雖鞭之不進。四人不得已。棄馬步行。時雲暗而星河無光。風起而山雨欲降。路上闇闇。不辨險夷。一步一息。惟任足行。夜漸深而疲饑亦極。回首有一歧路。茅屋在其旁。相行甚近。皆私喜冀可求一飽。行近見之。乃路上之馬廐也。荒寥闃寂。並無人跡。皆大失望。然以疲倦而不能再去。乃相攜登于樓上。蛛網縱橫。塵埃寸積。而不以爲陋。轉身直臥其中。范老舉首。遙見窗外孤燈掩映。隱於林間。起身曰。老奴請去求食。直下樓循途而去。妾等積勞之餘。不覺入眠。忽而霹靂一聲。驚破吾夢。開目視之。金蛇閃閃。穿壁而入。雷聲隱隱。破山而來。狂風欲捲茅檐。驟雨似傾江海。未久。又有人馬之聲。雨響雷聲。相混而至。妾急起身而語幽蘭女史曰。彼聲豈非追兵之追乎。語未終。戶外喧騷。或呼曰。發見發見。妾聞之。以爲命運極于茲矣。心胸惕惕而怦怩。怒氣勃勃而發乍而十數士卒。排戶而入。一人持火曰。幸甚幸甚。薪炭在此。火爐在彼。相集然火于樓下。喧嘩談笑。各解濕衣而烘之。妾等意少不安。士卒然火益熾。烟焰充于樓上。掩袖防之。亦不可避。呼吸出入于鼻口之間。欲嗽不能嗽。

欲起不能起。艱苦煩悶。眞不可堪。妾潛聲曰。空失命于煙焰之中。不若決關而潔死。幽蘭女史止之曰。是所謂血氣之勇。何輕身死于賤兵弱卒之手乎。可忍而忍之。尋常之人耳。不可忍而忍之。非妾等之所望乎。忍死於此。愼勿妄動。且彼不知妾等匿于樓上。惟來避風雨而已。不久必去。妾不得已。俯首而待其去。樓下燎火。或緩或猛。煙焰猶昇騰不止。氣息欲絕者數次。將軍卒然發苦聲而咳息。樓下一卒聞之。告衆曰。樓上有人。似爲咳息之聲。一卒曰。否。小鼠之嚙耳。廐舍何得有人。或怪或笑。談論決行。一人曰。登而探之。欲動身。乃曰。無階梯不能登。一人曰。旣無階梯。安得有人。曷足怪乎。一笑而止。旣而士卒等相語曰。東方漸白。雨聲亦微。賊徒自是必奔南方。寄於頓加羅黨。雖然。彼徒步而已。追捕固自不難。遂整頓卒裝。步騎相間而去。夫妾等脫虎口之難如此。伊時心神少定。然猶餘煙漠漠。室內如布餘霞。乃欲啓窗散之。支兩手而牛起。忽爲殘煙所薰灼。目炫魂迷。撲然而臥。樓下范老有聲曰。將軍與兩娘無恙乎。敵兵已去南方矣。妾聞之。發微聲曰。范老速啓窗戶。並求與一杯之水。范老盛水于馬槽。登來與妾。開窗振巾。掃去煙焰。妾一飲而蘇。引手而揮幽蘭女史。又欲進水。女史俯臥而不應。視之則與將軍互相保持。氣息如欲絕者。惟幸血脈之微動而已。妾與范老驚愕殊甚。乃開其口注水。擁背而呼。旣而二人豁目。精神稍定。女史顧謂范老曰。范老去後。追卒沓至。妾以爲范老途中被捕。妾等潛蹤之被發覺。旣而知其不然。又以爲范老雖未就縛。歸來之困苦。眞不可量。戰戰如履薄冰。兢兢如臨深淵。如以煙焰充于樓上。氣息難通。妾等之愁苦。亦可想見。雖然。今衆皆得無恙。豈非天哉。范老曰。老奴先至林下。認一農家。敲戶述情。求食而還。時雷雨驟至。不能移步。因暫避樹下。遙聞人馬之聲。自西方來。心大訝之。而大雨淋潤。追卒忽然而至。相率而入于屋內。老奴見之。撫胸曰。嗚呼已矣。乃取短銃佩于腰間。欲進而與決死。潛自壁間窺之。人人蹲踞。燎火烘衣。於是神

魂始安。潛匿屋後。以待其去。言畢。四人握手相慶無事。相攜下樓。饑疲既極。跟蹌而不能步。范老出饅頭以供妾等。妾等得以療饑。氣力乃少加焉。將軍顧謂范老與妾曰。卿等出萬死以救老夫。今得至此。若躊躇不速去。倘再逢危險。其如之何。宜速出國境。庶少避危機也。三人乃出茅屋。潛自歧路迤邐而走。西方行經險路。深山峭壁。萬重懸崖。千仞雲淡淡兮遙聞孤猿之嘯。風寂寂兮四無飛鳥之聲。漸至一高山。登其絕頂。放目伊武浪河。蜿蜒而流。翠崖之下。出沒隱見。如銀蛇之奔草間。又有一道汽車向北而過山巖之側。風馳雷掣。如蜈蚣之渡孤繩。將軍欲足巖角。指告妾等曰。彼鐵路即通北境者也。此間僻陋。警衛頗緩。又無有疑吾輩者。何不下而乘之。范老曰。吾心已奔於百里之外。惟足軟而不能步。將假大鵬之翼而搏青穹乎。抑借長房之術而縮地脈乎。是皆不能得者。今幸有彼鐵路。請從將軍之言。乃排荊棘。下峻阪。既出鐵路上。更傍鐵路而西行里餘。一車站。入待良久。至夜十下點。汽車既發。妾等以跋涉之故。身疲神倦。不覺熟睡車中。直至天曉。忽聞汽笛一聲。則車已至矣。相攜下車。入一酒店。來往之客。充斥室內。妾等佇立一傍。左顧右盼者久之。有一老翁。狀貌醜惡。額上有一創痕。熟視將軍。進前揖曰。敝廬別有小室。敢以屈駕。遂導至一樓。裝致麗清。又無別客。暫而主翁獨自往來。每來皆壓以酒食。必注目將軍。妾心疑之。及主翁去。幽蘭女史謂將軍曰。主翁之舉動異常。言語亦有可疑者。得無偵吏之徒歟。范老變色曰。若然。則計宜何出。斯時戶外似作聲。低呼將軍者。四人忽起立。相視未發一言。戶外又忙語曰。果然果然。排戶直入。主翁伴一壯士也。范老瞋目舉短銃射之。妾亦執短銃以指主翁。主翁與壯士大驚。揮手呼曰。勿誤勿誤。某等非不利於將軍者。將軍與妾顧止范老曰。暫聽彼所言。壯士乃跪下。諦視將軍。涔涔然流淚曰。不拜尊容。於茲數載。顧將軍既不記某。某請言之。某伊黎也。將軍曰。然。則武羅之役。足下非在賤兒之軍乎。伊黎曰。然。回憶

一千八百七十四年。從將軍之賢息。衝共和黨大將魂沙之中堅。以先登第一之功。擢爲軍長。將軍曰。嗚呼。彼魂沙年過八旬。壯勇無雙。叱咤奔馳。以當我軍。我軍將披靡不支。時揮劍躍馬入於彼陳。遂殪魂沙於鋒鏑者。眞足下也。老眼無識。幾不認非常之勇士。愧赧實甚焉。伊黎曰。當時某衆重傷。家居養病。更無所爲。其後睹奔象王即位。皇兄之軍不利。賢息又戰沒。聞將軍遠遁。憤恨徹於骨髓。說至此。以巾拭淚。更指主翁曰。此即某老父也。主翁接言曰。老奴亦從皇兄之軍者。即以手指額上之創痕曰。此即當時之負傷者。皇兄既敗。某遂匿跡北方。與豚兒營此生計。昨相傳謂三勇士奪將軍於山野。未知蹤跡。何期將軍光臨敝廬。某一見之。容貌憔悴。異於昔時。所伴亦非三勇士。心竊疑之。然而眉目非常。宛似將軍。且疑且怪。而不能決。故私招豚兒自戶隙以窺尊容也。范老鵝之。仰天嘆曰。嗚呼。嗚呼天也。嗚呼天也。使我銃隨手而發。則徒傷斃志士。且無容身之地。幸射而不發。得免此禍。少焉。伊黎問曰。將軍自此將欲何之。將軍曰。航意大利。伊黎曰。諺曰。白龍魚服。絓豫且之網。今將軍從者甚少。而前路之戒備甚嚴。豈不危哉。將軍不若傳檄募壯士。向京城。揚言返旗。東入法境。此地仰慕皇兄及將軍者不乏其人。某父子雖不才。亦願荷戈以應。不出半日。數百鄉勇。必可召集。勢如颶風之捲沙礫。使敵疾雷不及掩耳。得志何難哉。將軍曰。某敗軍之將。死不足惜。豈忍使有國之壯士。委身鋒鏑之下。無辜之百姓。罹陷兵馬之慘哉。主翁曰。此非爲將軍計。實爲社稷計也。大行不顧細謹。獨斷而行。鬼神亦避之。若遲遲不舉。再受不虞之辱。兩黨之興復不可期也。將軍曰。若起兵而不能成功。徒以輕舉妄動。招天下之議。遺後世之笑。今取路伊武浪河。渡意大利。是入無人之境。曷足危乎。乃皆穿蠻服。易爲農裝。僦一輛村車。將軍伏於車中。覆以氈氌。伊黎父子。倚於左側。幽闇女史。坐於右側。范老爲御。薄暮至於奇洲河。伊黎父子。東西周旋。急僦一小舟。使妾等乘之。遂握手涕泣而別。

白帆孕西風，舟行如矢。盛日正午，始泊河港。更轉棹入於多島海。西國之山，勞瑟見於白煙之中。意國之船，縹渺出於蒼波之上。如青螺之浮者，蓋島之橫也。如白鶴之翔者，布帆之走也。奇觀佳景，迎而來。斯時既無追躡之憂，捕獲之慮，精神亦不覺疲倦，胸懷亦頗得自如。談往計來，悲喜交集。將軍曰：憶余之被捕也，竊以爲事已至此，惟待死期耳。何期卿等救出，喜何如乎。且夫薔薇花之計，實出人意表。余密破花蕾，得片紙藏其中，披而讀之，乃從其計，絕飲食，陽稱病，請道遙郊外，故有今日。卿等之大恩，實再世而不能忘也。妾曰：此策原出於令娘，妾等不過遵行之耳。女史曰：全賴令娘與范老之力也。將軍曰：兩君各抱曠世之才，不顧利害死生，輕身而蹈於虎狼之下，天下之人之知者，誰不感激者哉。范老曰：僕聞君子樂奮節以顯義，烈士甘殺身以成仁。以是英傑之徒，重義輕命。故田光伏劍於北燕，公叔舉命於西秦，果毅輕斷，虎步谷風，威憺萬乘，華夏稱雄。奴輩雖老，豈無志氣哉。故人慷慨悲憤，扼腕而談。既而舟近意國之華風麗島，將軍舉首而望港灣，大慙曰：吾事已矣。言畢，憮然者久之。妾等怪問其故，將軍曰：不見夫檣頭之旗幟乎。又遙指市街曰：所見皆半旗，以表凶禮也。豈非峨馬治之死乎。急泊舟上岸，叩之路人，果然峨馬治之死也。

峨馬治者，意大利之人，一千八百七年生於內須島之貧家。自幼卓犖不羈，好談兵說劍，及長，講航海之術，周遊四方，察視五洲之形勢，大有所悟。與意國之名士馬說難諸士交，深惡當時歐洲專橫之暴政，嘗擴張自由，以革法王之世權，斷奧國之干涉，一統意大利，爲終世之事業。方善能和之民，舉自由之兵，加奮其軍，事破而去國。後經二歲，復謀繼前圖，被捕，將處死刑，越獄遁奔於法國。千八百三十六年，航於南美，明年宇流愚威國亂起，峨馬治杖策赴之，助共和之政，得舉爲海陸之將，建內亂平定之功。千八百四十八年，歸意大利，先是意

大利頻爲奧大利所凌轢。邦域日縮。峨馬治見之。慷慨不能自禁。卽率手兵以伐奧軍。遂敗降於軍門。明年意大利之民。與羅馬人通謀。紛然蠢動。揭竿競起。皆以逐君自主爲辭。邦內洶洶。峨馬治蹶然揮袂曰。時不再來。機不可失。直入羅馬。將義勇兵數破法奧之兵。逐法王據城堅守。時那不流人與法兵合勢來攻。峨馬治自馳驅矢石間而戰。前後三十日。衆寡不敵。孤城陷於重圍。知不能守。勸衆議降。獨擐貞節勇敢之妻衝圍乘漁船。將欲逃於他邦。奧之海軍覺之。追躡甚急。乃捨舟登陸。潛踰山谷。寢食共廢者數日。而敵之追探益嚴。其妻飢餓困憊。寸步難行。至掬飲流水。語峨馬治曰。妾今爲國家人民。犧牲生命。死亦無恨。惟慨自不見丈夫之成功耳。丈夫宜不屈不撓。期青雲於後日。留英名於千載。笑枕峨馬治之手。自縊而死。嗚呼。眞可謂不愧峨馬治之妻也。峨馬治其後得免。再航南美。千八百五十六年。左流濡亞與法國連合。而與奧國戰。及峨馬治歸。募義勇兵。自爲先鋒。屢奏奇功。割其一郡。爲己版圖。當時那不流王暴戾。無所不至。獅子利之人怒之。相與謀叛。善能和之人亦應之。將舉兵。乃推峨馬治爲元帥。峨馬治將其兵渡獅子利。傳意大利一統之檄。遠近響應。來投幕下者。不勝其數。所向無敵。勢如破竹。諸城皆下。四鄰震慴。乘勢直侵入那不流。府民逐守兵。歡然逢迎。倡自由萬歲。峨馬治以爲救生之魁首。自由之泰斗。奉爲三軍之首。並立左流濡亞王焉。流爲意大利王。峨馬治因解兵權。自歸卒伍。實一千八百六十年也。於是意大利遂兼併諸洲。得爲一統王。賞其功。授以大將之印綬。峨馬治辭之。飄然歸於海島。意大利雖一統境內。法奧之橫恣猶不異昔日。峨馬治見之。悲憤之情。自不能禁。千八百六十二年。呈書政府。勸與奧國絕。不報。峨馬治怒之。千八百六十年。募義勇兵將襲羅馬。追法之戍兵。政府大懲。遣兵止之。不肯。因大遣兵討之。峨馬治蒙重傷被擒。明年集義勇兵。事未成而被幽於風颿島。既而又

脫入於羅馬。驅國民以破法王之兵。會法國之援軍來攻。軍敗。又被生擒。會有哀請赦者。是以得歸海島。千八百七十年。聞普法搆隙。法軍連敗不振。慨然募兵。赴於法國。將以一木支大廈之傾。和成之後。法人待以高位。峨馬治笑曰。助難望賞。志士之所恥也。乃解兵權而退隱故園。蓋峨馬治者。魯仲連之徒也。爲人赴難。爲世除禍害。挫强扶弱。高位重爵。視之不啻敝屣。而其自奉極薄。褐布敝衣。與士卒同食。七擒而大志不變。百折而素意不屈。終始一統意大利全國。以恢復墮地之國威。使與歐洲雄邦。連鑣馳騁。以爲己任。其舉兵每曰事成歸於王。不成自當其罪而已。其能一統全土。革法王之世權。使競立於强國之間者。蓋峨馬治之力居多。至峨馬治一舉一動。爲歐美君相所注目。一言一行。關於歐美自由之消長。豈非曠世之豪傑哉。

將軍茫然自失者久之。既而曰。余自少遊諸國。於一國人傑。無不結交。而世以爲雄俊英傑者。非詭辯之徒。則權謀詐術之墟。勇於義而好道。不以盛衰改節。存亡易志者。未嘗有之也。夫天下之廣。人物之多。意之峨馬治。法之巖籠跎。其庶幾乎。故余常曰。足與言志謀事者。惟獨此二子耳。而今峨馬治則亡矣。豈不悲哉。敗殘潛伏者。固不可以會葬儀。既不能圖事。亦不能得會喪。永留此地。亦無所成。不若速赴法國。見巖籠跎以決去就。乃投一逆旅。經一日。乘汽船而往法國。

說至此。紅蓮低首若有所思者。散士曰。令娘胡不言之。紅蓮曰。請自是談死別之話也。散士曰。速語速語。如不語則令娘悲哀之情。永無能解。且僕悼惜之念。亦不能抒。紅蓮揮淚吞聲。漸舉首曰。然則自是將語將軍父子及范老死沒之狀耶。乃語曰。此際四人對坐船中。怏怏不樂。憂形於色。妾乃促幽蘭女史散步於甲板上。女史曰。方初出籠鶚。航太平洋。精神激昂。意氣發越。奮然有拔山之概。今壯心挫折。志力衰疲。眞不堪鬱鬱之情也。妾曰。妾亦

無異令娘。本無所思。而如重有思者。實不知何故。今天霽氣爽。光景極佳。且眺望以娛神而已。既而風雲倏起。大雨驟至。迅雷霹靂。海潮沸騰。妾等大驚。匍匐而入於艙內。怒濤洶湧。勢愈鏖盪。忽如升於九天。忽如入於九地。乘客惶怖。或支抱柱楹。或輾轉牀上。已而浪破窗牖。驚波滾滾入於船中。時船夫號叫之聲。器物破碎之聲。悽悽慘慘。耳不忍聞。未幾有大聲疾呼曰。船觸暗礁。今將沈沒。乘客速上甲板。妾等亦攀援而上。惟見滿天暗黑。逆浪如山。求救乞援者。與激浪之聲相和。眞有地爲之裂。天爲之覆之狀。時船長拚死以救衆人。急下數小艇。使乘客移渡上岸。而浪勢益甚。相爭飛渡。失足沈溺波間者。不可勝數。妾亦以爲萬死無一生矣。轉眼又與將軍女史范老相失。忽又見女史與將軍已在小艇之中。妾乃決意將欲飛下。誰知漫天之巨浪。卒然而至。小艇竟被沈沒。女史與將軍忽不見人影。范老又不知所之。妾時倉皇失措。必死之心已決。茫然立在飛沫之中。忽耳邊有聲曰。可速逃去。何故躊躇在此。直將妾扶移於小艇。至一小島。登岸時回首汽船。則已覆沒矣。嗟嗟。三友既葬魚腹。娘獨偷生。生同其志者。死不能同其處。今日再逢郎君。豈不愧哉。夫天下之人。吟春花弄秋月。坐瑤臺飽太牢。安富尊榮。不知艱難迍邅。以了一生者。正復不少。妾等何獨轗軻偃蹇。慘遭厄運。曾不能享人生之幸福哉。愀然太息。不知所云。

第六回

散士既聞紅蓮所言。慨然歎息者久之。既而爲聲謂紅蓮曰。令娘遭逢不偶。屢遇艱危。勞骨焦心。可云至矣。今日悲哀。亦固其所。雖然。欲爲正義排雜亂。爲交友解患難。奚得辭辛酸哉。且如幽蘭女史之死。雖最可哀。然亦不必

深悲者。以余始相遇於蹄水也。女史告曰。甯爲蘭桂而摧。愧爲蕭艾而存。今女史爲國爲民。與父投海而死。所謂爲蘭桂而摧者。亦可以瞑目無恨矣。至令娘則不然。有不與戴天之深讎而未能遂其志。豈可不自重乎。紅蓮舉首答曰。妾國嘈交集。心緒忙亂。遂爲郎君所疑。雖然。妾心如莫邪之劍。歷鍛鍊而愈銳。妾情如卞和之璧。經琢磨而益潔。請郎君勿以爲念。散士曰。令娘其後逃於何處。願聞其詳。紅蓮曰。妾既與數人登岸。相伴入一漁家。休養數日。心神復舊。竊以爲航於法國。見巖髓跎。告幽將軍之死。而後徐決去就。適方出美國之時。幽蘭女史分金券三千。藏之三人懷中。使以備不虞之用。故遇有此厄。妾亦得無褻橐之虛。因附船赴法國。入巴黎。見巖髓跎。具告其顛末。巖公深惜將軍之死。慨然曰。仇讎未報。老將既逝。人生幾何。眞如草上朝露。欲爲己所欲爲。以垂功業於不朽。亦難矣哉。更告妾曰。敝邦與英國締交甚久。故民情國俗。互相蹈襲。而余最愛愛蘭人。蓋愛蘭人雖有輕舉暴動之跡。而蹶輒愈奮。倒輒益興。處屯蹇坎壞之間。常晏如也。其敢爲之氣象。萬國或無有及者。閣島一心戮力。借美法人民之輿論。以乘英國之隙。施自治之政。復獨立之權。拯黎民於水火之中。顧當不遠也。散士曰。聞巖公識見深遠。近復注意東洋之形勢。就如我日本。巖公曾有所論議否乎。紅蓮依違如不能言者。既而曰。貴國之事。非無所論。散士曰。希爲我言之。紅蓮猶未言。散士頻叩之。紅蓮乃曰。請郎君恕妾。妾且告其實。妾問於巖公曰。頃傳日本革除宿弊。文化大開。民心振興。無不倡自主自由之論。公如深感其義。航海而東。赴扶桑。爲自由之聲援。是妾所尸祝者也。且以貴邦之人。重義敢爲。昔贊襄美國之義舉。近獎勵敝邦之獨立。如今日復有此舉。日本自是脫歐人之羈絆。免强暴抑壓。廢治外法權。國民漸得自由。妾知法國之高義。吾公之義舉。共發揚於五洲也。語未畢。巖公瞋眼喝聲曰。咄。是齊東野人之語耳。先吾國與普國戰。拿破崙三世敗於師丹。身降爲虜。巴黎亦受圍。

國家滅亡。朝不保夕。當是時吾輩倡主戰。一民心欲粉身碎骨。以雪國辱。乃單身乘氣球。脫重圍。至浪華河上。招募兵勇。勵以克復國家之大義。將進而破新勝之普軍。復阿連都城。與蔑士之軍相應。三軍合擊普軍於堅城之下。擬進屠其都城。安吾社稷於磐石。以傳威名於萬世。誰料巴彥輩怯懦無爲。首鼠兩端。愛身賣國。率十五萬之雄兵。甘爲降虜。使我民氣挫折。愛惜生命。失重義之丹心。嘵嘵然而倡和議。割地償款。甘爲城下盟。遂使普國逞雄於歐洲。遺憾何堪哉。此余所以臥薪嘗膽。日夜而不能忘也。今則內有王政黨之思故主。而惡共和之政。社會黨與虛無黨相結。欲斷行過激之改革。外有普之禿姦陰與奧意西三國連衡。以窺伺我。馬島埃及安南三國亦抗制我。實國家多事之秋也。余雖不肖。負此大任。何暇趨貧弱之小邦。擲光陰於虛牝乎。雖然。日本人民。上下一心。憤外人之專橫。慨國權之不振。眞有如昔時美國之義舉。如聖士奴民嗷之獨立。如愛蘭人之抗拒英國。民心之固。士氣之振。雖經百折而不屈。余感其孤忠誠欲助一臂之勞也。

聖士奴民嗷者。西印度中之一島。法國殖民地之一也。一千八百一年。拿破崙第一世布實施奴隸之令於此島。島民憤其暴戾殘虐。所在蜂起。推名將東山黨老亞智勇爲盟主。啜血仰天。相共誓曰。死雖爲自由之鬼。生不爲奴隸之民。遂舉兵而叛。老亞智勇者。亞非利加賣奴之子也。一千七百四十三年生於此島。及法國革命之亂起。立共和之政。令全島解放奴隸。與以自主之權。使人人得就其業。既而英人見法國內亂。乘隙欲奪此島。遣大兵來圍。以甘言誘之。以兵威脅之。殆略其半。時老亞智勇屬於法之提督。勵武禮塵下。屢與英軍戰。建奇功。累遷爲偏將。會有部下將士。竊通諜於英軍者。賣提督而降其軍。於是島兵狼狽。不知所爲。皆將棄干戈而降。老亞智勇在外聞之。大驚。星馳歸來。督勵士卒。一戰而破英軍。奪還提督。振作士氣。以挽既覆之狂瀾。乃

舉爲大元帥。老亞智勇奮然以克復全島爲己任。與士卒同甘苦。頻破英軍。急追圍英將。殲英全軍。於是一島皆定。島民推算其功。奉爲首領。使攝島政。然老亞智勇爲人。謙退遜讓。不伐其功。自奉極薄。最惡華侈。量民情而施政策。執法公斷。事敏民皆感其德。服其智。敬之如父。慕之如母。商工之業由之振興。島民漸富。一千八百年安眠之和議成。歐洲之平和可得而望。會拿破崙再施奴隸之政。敕令下於此島。老亞智勇不奉敕命。上書諫曰。天下之人。久苦貴族僧侶之暴政。陛下提三尺之劍。建自由之基。內則救我民於亂離之中。外則拒强敵於千里之外。南征北怨。四海欽仰。皆以陛下爲自由之眞主。今干戈僅定。瘡痍未愈。敵國猶有窺伺者。正宜收人心。協民望。臥薪嘗膽。與民更始。賣買奴隸之制。乃人間無上之惡習。竊爲陛下不取也。且其無道。陛下既所知悉。天下既所厭惡。固不待微臣喋喋。今陛下欲强施之。臣恐不能免天下後世之誹謗。爲盛德之累焉。豈不大可惜哉。我全島人民。先依政府之恩命。初脫奴隸之苦厄。得拜自主之天日。嘗自由之眞味。豈肯再入禽獸之羣。與牛馬爲伍乎。陛下若强逆天命。不顧天心。斷行此惡俗。微臣雖死。不敢奉命。臣非爲一身一家計。實憂國愛民之情所不能已也。忠言逆耳。良藥苦口。敢冒觸天威。罪當萬死。伏待斧鉞。書上。拿破崙見之大怒。罵曰。堅子何爲饒舌。乃授義弟匪令貝以精兵三萬五千。戰艦五十四艘。欲一擊而屠聖土奴民。嗷老亞智勇聞之。大修戰備。誓告人民。勵以自由之正義。激以奴隸之殘虐。全島之民。不滿三萬。皆感奮振起。勇氣百倍。雖積骨爲山。流血成瀆。舉全島歸於赤土猶不顧。老亞智勇固善用兵。臨機應變。拒戰累日。拿破崙親任之名將。再率精兵三萬五千。艦艦五十餘艘以攻之。又無如何。會法之軍中多病疫者。法將知不可爲。乃佯遣使以議和曰。公忠勇深得士卒之心。百戰不屈。誠可壯矣。雖然。以孤島之衆。抗天下之雄。孰難孰易。公必審也。孰若速講和

以改舊約。俾救蒼生於干戈之中乎。老亞智勇大喜曰。是臣之志也。臣豈好弄干戈貪功名哉。乃與法將議和。法人預伏兵於園幕之中。議次。伏兵起。捕老亞智勇。縛以鐵鎖。送至法京。幽於獄舍。論以大逆無道。老亞智勇怒其不法。辨論法庭曰。臣於陛下。固非有私怨。又非欲營私利。遂私慾。其所以交干戈者。乃人生之權利。國家之大計。蓋陛下欲再施奴隸之惡法。使牛馬人民。臣欲棄奴隸之惡德。而伸張大義。是非曲直。瞭如觀火。今雖不能爭於口舌之間。天若有靈。當鑒臣之愚誠。人若有心。當感臣之孤憤。陛下獨不審其是非。辨其曲直。悍然欲以兵力相凌。可謂暴甚矣。事既如此。惟從其所欲爲。男兒所不能忍而相見以干戈者。乃戰國之常事。固不足怪。臣原奴隸之子也。惟爲衆推爲謀主。僅驅黑人數千。以爲守備之計而已。陛下之軍。勇猛無匹。前既蹂躪歐洲之雄邦。因是驅乘勝之大兵以相臨。固非臣之孤軍所能抗。然而攻守累月。勝敗不決者。豈在兵之多寡。力之强弱哉。陛下如眞有勇。盍更親率大軍。再決勝敗耶。前之正論不能服。兵威不能勝。徒誘以和議。捕縛軍中。世之聞之者。皆將笑陛下之無能之怯懦也。豈大丈夫之所爲哉。聞之天網恢恢。疏而不漏。出爾者反爾。他日者陛下亦必受楚囚之辱。客死於他鄉萬里之外。臣死之後。魂魄猶護故鄉。鼓舞我人民。使脫法之羈絆。爲獨立自主之國。陛下在囚聞之。亦徒喚奈何而已。老亞智勇詞色壯厲。目光如炬。聲音如雷。座上之人。無不震慄。法官復不能論詰之。惟曰大逆無道。大逆無道。在獄十月不見天日。遂憂憤成病。仰天痛哭曰。嗚呼天道是耶非耶。眞使我孤忠無所伸耶。一叫僵地而絕。四海之志士聞之。皆感歎其義勇。深惡拿破崙一世之無道。未幾拿破崙一世。果被謫荒島。聖士奴民。嗷遂舉兵獨立。一如老亞智勇之言。

雖然舉國夢夢。不聞其人有憤條約之不能改正。而慷慨以迫政府之發議者。政府課苛稅。斂重租。以汲汲於無

用之軍艦兵備。徒思鎭壓內亂。不聞廣增礮壘於海疆。作攘外計也。無故干涉外事。損破鄰交。使人疑有蔑視弱邦之志。未聞上下一致。出全力企恢復國權。斷然保持獨立之國體。不獨此也。在野之名士。問有慨然航於歐美。歷足於各國君相之庭。訴明條約之偏重者乎。無有也。論思之士。問有來此士。擱筆投書於新聞。掉舌演說於公衆。圖傾動輿論者乎。無有也。全國之民。問有擇才選能。遣使奉書於各國議院。以請求條約之改正者乎。無有也。如此傷國家獨立之實力。失己國自治之大能。遺安內攘外之大計。徒仰外人之鼻息。受他邦之侮喝。三千餘萬之衆。恬然不知所愧。猶互相語曰。爲自由幾耳。不擴張國權。死且不已耳。嗚呼。世稱小蛙蹴井底。不知天日之高大。非此類乎。願妾乃薄告巖公曰。世雖或有鄙屑日本男兒者。是觀其皮相耳。未知其肺腑也。今日之務。更有大者。區區小島。是非曲直。豈足累乃公之心哉。散士聞之。冷汗沾背。低首太息。紅蓮曰。妾聞巖公極責貴邦人民。方欲更進一言。闡之適有他客來。不果而歸。蓋妾所言。無偏無黨。郎君勿尤其冒瀆也。散士曰。巖公之論。鑿鑿皆中肯綮。眞我邦人頂門之一鍼也。令娘不諱不文。以實相告。僕豈不服膺哉。

紅蓮更語曰。妾既與諸人相失。漂零異鄉。不堪寂寞無聊之感。時寄寓之店。鄰房有談笑之聲。爭評戲曲曰。意大利之各妓演妓於敎坊。姿體輕妙。聲音流麗。眞古來所希見也。妾聞之。竊欲解其憂悶。乃偕逆旅之小娘。往觀演劇。嬌喉嘹喨。如黃鳥之囀春花。雅韻輕清。若金鳳之歌慶雲。腰肢細柳。裾曳流霞。蹁躚而體擬飛燕。曲折而形效回鸞。妾聞之見之。歡樂無極。小娘忽近旁耳語曰。請觀南樓一雄偉丈夫哉。妾舉首一望。宛然守城長王羅也。乃大驚不知所爲。惟假意問於小娘曰。丰采溫雅。衣裝都麗。眞風流可愛之人。但不知何處高士耳。小娘笑曰。是西班牙之人。宿吾樓而在令娘之上房者也。妾愈知其爲王羅。且愕且恐。幸以翠羅覆面。彼無從認妾。觀劇未畢。急

稱病而歸。夜來又不能成寐。千思萬慮。無可如何。既達天曉。小娘來見曰。令娘顏色憔悴。得無夜間染病乎。妾曰。否。勿以爲念。惟昨夜之高士。今猶在樓上乎。妾自一相見。耿耿不忘。欲詳知其人也。希爲妾語之。小娘曰。兒惟知其西班牙之人而已。妾取數金與之曰。佳娘子幸憐微意。爲我探之。小娘嫣然笑曰。諾。請暫待之。既而來告妾曰。聞之阿爺曰。彼西班牙之守城長也。因頃加羅黨之名將。越獄而逃。不知所之。或謂潛蹤法國。今彼來此者。實欲探其蹤跡也。且兒剛遇彼於樓下。彼揖兒曰。昨夜阿娘伴一娘子於劇場。是何人乎。兒以實告。彼語其伍曰。或然或然。風姿丰采。眞不容疑。恨有翠羅遮面。當時無從認識耳。觀其情形。於令娘似有眷戀之狀者。妾既聞小娘之言。竊計妾等非盜財殺人者。所謂爲國爲民而遭忌者也。況既遁迹異邦。萬國自有公法。彼必不敢逞其兇威。肆行無忌。惟彼既怨入骨髓。其禍難測。且鬱鬱久居此。亦爲非計。不如舍此地爲良也。適閱案頭新報。此夕有汽船往美國。乃撚筆遺書。封紙幣於其中。留與旅舍主人。更草一書。遺嚴公。薄暮匆匆。急僦馬車。馳往汽船。未久汽笛一聲。吐煙蹴波。駛出港灣。妾出首窗隙。回望陸上。時王羅已率數營吏。馳馬至河邊矣。聞其大聲呼曰。駛還我船。時送行者亦充塞岸上。揮巾惜別者甚多。而船行迅速。轉瞬萬里。王羅其後之狀。誠不知若何矣。散士曰。令娘所言。可驚可喜。雖讀絕妙之稗史。觀奇巧之新劇。無以過之。惟是吾人所經歷。可哀者恆多。可樂者恆少。我既如此。況令娘乎。嗚呼。當舟會跡水。未免有情。誰能遣此。方其吟咏花間。又豈料後日之風雨乎。夫至赴歐洲。又有今日之會。皇天神明。眞不可測。人事者如一場演戲。聚散無常。悲喜靡定。一世者如莊周之夢。昨夕之歡會是夢。今朝之愁苦是覺者乎。今朝之愁苦是夢。昨夕之歡會是未覺者乎。茫茫冥冥。我與人皆不能知也。令娘令娘。既備嘗酸辛。徒結愁容。亦何爲乎。且請散步前庭。以少慰精神耳。乃相攜至於樹間。散士踞草而坐。仰紅蓮曰。古人有言。

身窮詩始工。幽蘭女史之咏。既已聞之。令娘豈亦無所得哉。紅蓮曰。歸舟至大西洋之中。恰值月明。徘徊船樓上。追懷往事。俯念來今。情不能禁。乃朗誦幽蘭女史之我所思行。既而和以一作。今請爲郎君歌之。曰。

我所思兮在回天。鴻業固期照千年。一心據義又取仁。平生推易惟居難。曾聞皇天不與惡。却疑天賦有厚薄。世有汚隆時或否。蓬艾塞路蘭凋落。請觀喬松爲風摧。百花羣芳被雨猜。無翰鷙鳥逞搏擊。燕雀何處訴餘哀。死生富貴豈足恃。青紫軒冕曷須喜。好以世事付一夢。不問天道非與是。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪兮夜情。

我所思兮在故鄉。煙水迢迢天一方。萬里異鄉三年客。秋風揮淚賦短章。吾田正爲虎狼蹂。吾廬亦奈風雨漏。瑤臺悉頹瓊園荒。麥秀黍離狐兔走。篤底已冷飯生塵。何堪貪吏催科頻。此際何以救吾兒。此時何以暖吾親。悲慘知誰使如此。非天非神怨在彼。一躍直欲屠鯨鯢。豈圖坎壈殆瀕死。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪兮夜情。

我所思兮在故人。離羣索居感轉頻。晨星零落人不見。獨弔形影淚沾巾。或以巾幗脂粉態。慷慨要除生民害。或以黃耆垂死身。泣送永日圖塔內。如夫蘭氏希世賢。其義其節誰不憐。意氣投合吐心膽。共謀徵軀爲國捐。天降之殃不與惠。大功未成身先斃。思之念之恨無窮。黯然舉首問蒼帝。月橫太空千里明。風搖金波遠有聲。夜寂寂兮望茫茫。船頭何堪兮夜情。

我所思兮在斯。身蟠屈却期一朝伸。預知成敗自有數。豈爲屯蹇失性真。天步艱難如怒浪。世途嶮巇似列巖。排之蕩之是吾任。區區辛酸不用愔。自古英雄出僕奴。異才往往隱狗屠。果知涸轍紛爭世。或出奇偉俊傑徒。

寶刀在匣氣勃勃何時能刺奸佞骨海若眠時天地靜枉把哀琴嘯皓月月橫太空千里明風搖金波遠有聲夜寂寂兮望茫茫船頭何堪今夜情

散士曰佳作妙不可言壯如屠長鯨險似排峥嶸高攀天根深照牛渚攄其妙意則可通鬼神繪其佳景則可奪江山比之幽蘭女史之咏有過而無不及矣相笑相語聲入樹間已而又相攜入室散士曰僕自昨宵出旅舍今尚未歸舍主或怪之請自是辭紅蓮曰妾留此地暫待時機之至郎君不棄請螢雪之餘枉駕草廬勿吝高趾散士曰學程甚繁七日僅有半日之暇耳正卜士曜（禮拜六日）重來相訪乃分袂而歸

散士歸於寓舍家人咸集且喜且怪曰郎君昨宵自此而出至於何處今覩郎君容貌有枯槁之色裳衣又有塵磔之痕是果何故乎衆交詰問然蹄水之祕事散士難以語人匆卒之際又不能搆虛作談乃茫然回顧者良久曰昨夜讀書疲倦獨對明月忽有所感徘徊庭園乘興所之遂入山水之隈清嘯微吟迷天道之有無感人身之生死愈思愈迷漠然茫然如在夢寐恍惚之中及今追思果遊何處又爲何事確不自知也衆聞之相對嘿然既而舍主告曰近者郎君兀兀勉學至廢寢食得無神經懼病乎此後惟當靜坐加餐以恬養精神可也

至於期日散士至蹄水之居紅蓮移榻於綠陰斂身而繙書卷散士潛至立於榻後忽拊其背紅蓮愕然棄書而起顧而笑曰郎君曷爲嬉戲乎乃相攜入室評山品水雜談數刻至晚而歸自是禮拜六日必訪蹄水訪則棹流攀險賦詩酌酒無不盡歡相別則情益悶相逢則意愈濃也散士既與幽蘭遠別而與紅蓮久親愛慕之情綿綿纏結然而紅蓮深謀遠略其志固別有在者在報父母之仇讎使愛蘭獨立而已雖與散士情好日密而一時之褻情恐爲後日之遺患乃戒惑狐於鄭子做斷蛇於孫生相親不至相狎加以使兩人斷情者埃及之戰爭是也

蓋一日閱新誌有埃及元帥亞剌飛侯飛檄於四方其文曰

蓋聞有非常之事然後有非常之功我先王威士明流憤外人之專恣憫生民之困厄絕他邦之干涉欲復國權輕賦稅以救蒼生創業未就中道爲英法脅迫飲恨去位蒙塵他鄉前宰相征戎駒侯果斷不屈亦遂爲英法讒陷放謫炎熱萬里之沙漠嗚呼我賢王蒙塵他國我忠臣飄零沙漠吾輩思之每肝腸寸斷血淚如雨今外人內握政柄外斷萬機我立憲公議之論定彼所拒也我圖國人民之衰願彼所不願也堂堂國權於今何在我王孱弱受制外臣先王播遷之後徒擁虛器而已天下之事既已如此國步艱難天日失明當此之時夷凶覬亂欲救國家之將覆者豈不謂處非常之事乃立非常之功哉嗚呼英法之干涉我財政自營私利賦稅數倍十三幼童尙不免人口之苛稅講學究理之士人口之稅至增三倍急征暴斂其如此極天下之所未聞載籍之所未記也桀紂之暴獪狼羅馬之惡亦何以及之乎於是九州解體海內紛擾灘江千里之沃野不足以養父老半日之饑南地五百里之棗林亦不能救汝妻子之餒夙興夜寐終歲暴露於赤道熱沙之中手足胼胝汗流骨折猶且不能保其室家外吏日迫嚴責賦稅若稍遷延沒滅家財嗚呼嗚呼我之膏血咨供毒蛇之渴我之粒粟徒充豺狼之飢猶以爲未飽解我禁衛之兵散我護國之士銷我劍盜我糧而充己無厭之欲竊殺我羽翼暗縛我手足然後使我父母之鄉國隸其版圖欲我同胞之兄妹爲彼臣妾而已試張目觀今日之域中果是誰家之天下乎今天怒人怨憤恨盈懷裂眦扼腕如劍之出匣如矢之離弦亦上慰先王之幽憤下報同胞之仇讎皇天照臨宗祖垂威以是制敵何敵不摧以此圖功何功不就英法者天下之強國雄兵百萬戰艦如林我以孤軍當之任重道遠事難禍速也雖然與其生爲外人奴隸求奄奄之餘喘於鞭撻之苦

界。孰若死爲忠義之鬼。留芳竹帛垂名後昆乎。此役也。忠臣肝腦塗地之秋。烈士立功之會。所謂有非常之事。而後有非常之功也。勗哉將士。發憤以脫牛馬之軛哉。

散士朗誦再三。拍案曰。壯快之文也。駱賓王討僞周武氏之檄。無以過之。明日懷之而趨蹄水。紅蓮倚窗呼曰。妾侍郎君久矣。請速來。散士入裏。紅蓮乃曰。昨有飛報曰。先英國起遠征之軍。欲一擊而服埃及。大干涉其內政。而埃及之民激昂奮起。拒之境外。歲月彌久。成敗未判。是豈非吾黨之一大吉報哉。蓋妾倖本國之有外患。雖似甚可怪者。無如英國之於吾黨。有怨無恩。故暴英傾覆吾黨所祈也。散士曰。聞英之自由黨擾義從道。以平和爲主義者也。近頃英國政權。自由黨所掌握。豈漫起無名之師。干涉友邦之內治乎。今日之事。豈非出於不得已者哉。紅蓮曰。是徒迷其名。而未察其實者耳。今考女皇卽位以來之政蹟。與友邦交干戈者二十五次。而其二十四次。皆自由黨政府所爲也。豈可以名而推其實哉。蓋英人於外交。以利己爲主義。無有保守自由之別。散士曰。以令娘所見。計英埃向後之大勢。果如何乎。紅蓮起取一小冊子於几上。顧曰。郎君未讀英國之志士清茂流惠之埃及慘狀史乎。散士受而出於樓廊。倚長欄讀之。其大略曰。

我大英國以立憲公議之始祖。常誇視宇內。宇內各國亦皆稱贊不已。而埃及人民方組織立憲公議之政體。大英國以權謀詐術。盡力欲破壞之。何哉。蓋埃及國組織立憲公議之政體。至以公議輿論施行政令。英人嫉之忌之。強施專橫不正之條約。恐其不服從也。是悖戾暴逆之最甚者。其臭名千載留於青史。永無消滅之期。請試論之。

埃及王大心醉歐風。百事顧問歐人。自文物典章。以至衣服飲食。棄舊慣而摹擬歐風。費用日卽浩大。國庫漸

告空乏。英國無賴之徒。見之竊有所計。乃貸與一億萬金於埃及王。抑土耳其政府有干涉埃及內政之權者。曾陷歐人之詐術。經歷多少艱難。始自懲覆車之誡。當時見埃及之國步漸覺衰頹。豫知其不可救。發嚴令而禁私募國債。時西歐資金充溢。無使用之事業。欲求佳市場於海外。如餓者之於肉。如渴者之於水。於是英法無賴之徒。又案一策曰。苞苴哉。苞苴哉。乃以黃金五百萬。賂土廷執政之大臣及帝之左右。遂使土帝外債特許之證印與埃及王。自是未及數年。英法之民。運輸遊金三億六千萬。悉供射利之用。其息至有三分之高利者。嗚呼。姦商之所爲。固屬可惡。雖然。是市井小人而已。彼上流之歐人。身爲埃及王之顧問。蒙其恩寵。受其俸祿。旁觀坐視。非獨不匡救之而已。更煽動誘惑。起此大債。使沈淪莫救之窮途者。是所謂報恩以怨。以人之苦爲自樂者。縱令向人恬然。亦豈自無所省愧哉。今算埃及每歲之財政。歲入僅不過四千萬。而外債之息。至三千萬之巨額。嗚呼。古往今來。財政紛亂。有如此之國乎。租稅日酷。而民愈疲。地益荒蕪。歲入却減。較之往歲之租稅。至減一千萬。而外自埃及政府擅取利息外之金額。四年間至六千餘萬。國庫之空乏如此。財政之困難如此。外債之息。何時能償。歐人又見外債之期迫。祝曰。時漸來矣。自是後惟我所欲而已。日迫政府急償息金。政府無如之何。惟俯首乞延期而已。於是歐人連衡。迫埃及政府曰。國庫之告空乏。在有司自營私利。財政不得其當也。若使歐人監督料理之。百事整頓。轉禍爲福矣。雖然。埃及人拒而不允。英國遣大臣嗷瞋促之。宰相征戎駒固執不動。答曰。古人有言。惟名與器不可假人。若一以財政之全權委之外人。租稅之輕重。國庫之開閉。至歸其掌中。是國家之大權。概非我有者也。近者貴國有此要求。國內之志士。激動舊起。訛言百出。警報類至。僕苟當今日之大任。假令雖死。難以此大權與於外人。其後未及數日。有警吏圍征戎駒之邸。叫曰。閣足下

煽動人民起亂。欲以掃蕩歐人。縛而下於獄舍。更譁曰。國與外人通計專營私闢。濫消國用。惡逆不敬。天地所不容也。即日放謫於炎熱萬里之沙漠。又不使出於法廷。爲一言之辨明。嗚呼。誰行此毒計者哉。諺曰。牧羊畜豕。養魚縱獵。雖欲其勿犯。焉可得乎。既而英法奪財政之大權。又無所憚。恣徵苛稅。妄課酷賦。鞭撻在前。劍戟在後。人民弊頹。財政至是。全歸廢壞。嗚呼。法作於治。其弊猶亂。法作於亂。誰能救之哉。

英人猶以爲不足。使總領事賣埃及王曰聘外人而遲滯其俸祿。何哉。埃及王答曰。今士卒貧困。商民流離慘瘝之狀。實目不忍見。耳不堪聞。欲傾一國之力汲汲賑恤之。亦計之無可出。是非卿等之所親見聞乎。然而卿等託事飾詞。必强無用之歐人。求無飽之高祿。果何心哉。如少遲滯。自甘可耳。領事曰。陛下謂歐人貪高祿者非也。料理財政。徵集租稅。改築道路。開鑿運河。築鐵路。架橋梁。使事務整整進步者。是非癡鈍陋劣之埃及人之所能。歐人之功。豈鮮少哉。如貴邦之貧窮困厄。非我英人之所預知。貴邦之陷於貧弱。亦非我英國之所預料也。我大英國女皇陛下之臣民。不因埃及人民貧富如何。而有傷自己之權利。甘自己之損害之責任也。埃及王聞之。憤怒曰。汝歐人常謂無論政體之如何。苟居留而受保護者。當納賦稅於其政府。萬國公法所不能免也。而汝歐人之在我境內者。其數十萬有餘。言行相反。邪說佞辨。抗納賦稅。曾無一人負擔國費者。加之異議警察。誹謗道路。專恣橫行。無所不至。且奇貨治外法權。而行不正。蹈非理。知我民無如之何。常事密竇。破我海關之定法。以使歸於無功。而全國之歲入。皆汝歐人所代收。歐人又還其欲。制限我政費。非僅使成殺五百萬乎。窮乏困難。財政之所以至此者。是皆使汝歐人之監督施行政策耳。又汝歐人欺予誤國之結果耳。嗚呼。汝英人始則懇表厚意。而今則反目如仇者何哉。切齒揮涕。不顧而入於內。

於是英人雖獨不能奈何。仍僧稱萬國會議之決案。要脅埃及政府曰。歐人遠來萬里殊域。輸躬盡力於公務者。非自好徒爲也。而埃及政府往往運滯俸祿。藉口國庫之缺乏。至有減俸之論。是欲奴隸我歐人乎。我歐人與東洋諸邦之人民異也。無報酬而徒使役。是奴隸也。聞王室猶有私財巨萬。宜散之以塞國債之責。上下怒其妄慢。不允之曰。國財私財。固判然有別。未聞以王室私財。供外國公債之義務也。歐人因訴之法廷。法廷之高官。皆是歐人。遂舞文枉法。使埃及王歸於敗衄。嗚呼。歐人雖暴戾。豈不知私產公產之別哉。豈不解正邪理否之分哉。惟見其衰弊之餘。又無能爲。徒任私慾。忘公道而已。又假使埃及國富兵强。豈拱手服歐人之非道哉。豈箝口從歐人之殘逆哉。雖有國而無財。雖有兵而無力。空屈於豺狼之态。自王室財產宮殿器物。迄至土地牛羊。皆爲其所掠奪。歐人之悖戾苛逆。亦甚矣哉。一千八百七十九年。更强政府。任用歐人。致增二百五十人。就於公職。政費遂增三十餘萬。明年又增百十二人。政費又加十餘萬。其後歐人之入官職者。陸續不絕。至一千八百八十二年。歐人之仕於埃及政府。衣食租稅者。其數一千二百五十人。糜其財俸至踰二百餘萬。是皆忘義射利之徒。起無用之事業。務作冗費遊員而已。鄙語有云。取則是利。不取則是愚。當日歐人之心。蓋不外此語矣。

歐人猶憚埃及之將士。密相議曰。宜託事而汰兵員。以減其將士之俸。是一殺其羽翼。得以高枕。一分取其餘貲。得以自利。乃大撤兵員。又半減將士之俸。告曰。國用不給。下民泣饑。暫可爲國家忍。而歐人之俸給。依然如故。其後貪婪愈甚。更退有司千餘人。曰。國用不給。下民泣饑。暫可爲國家忍。而歐人之俸給。依然如故。又課苛稅於土地。曰。國用不給。下民泣饑。暫可爲國家忍。而歐人之俸給。依然如故。歐人猶以爲不足。更矯法枉律。沒

入土地一億萬頃。曰國用不給。下民泣饑。暫可爲國家忍。而歐人之俸給。依然如故。時勢至此。誰不奮起哉。四方志士。扼腕憤慨。圖國人民。揮涕嘯集。宣言曰。退權臣。除奸人。宜廢殺敎徒。如蘇丹者。倡爲獨立自治之政。推亞剌飛將軍爲盟主。啜血誓不與歐人共立於朝。更會紳士僧侶六十人。文武之官職七十人。紳商四十人。人民之代理者六十人。而議國是。上書於埃及王曰。

歐人之包藏禍心也久矣。面示慈愛。腹抱鴆毒。浸潤之計。漸漬之術。以至今日。今政府既任其左右。財政之權。工商之利。皆歸其專有。將欲奪兵權。舉邦士握之於掌中。今天下人民萬衆一心。斥財政監督之英人。與工部經理之法人。無不欲食其肉。燔其骨。蓋是積惡之所致。衆怨之所集。又不可免者也。陛下今退彼二人以從民望。建立憲公議之良政。謀於公衆而課國費。廢不急之土木。停無用之工業。倘不然。則禍必起於蕭牆之中。陷於不忍言之慘境矣。希陛下裁之。

王納之。卽日退彼二人。國內之民聞之。欣然雀躍而祝曰。吾輩自是始得蘇息也。歐人不然。不勝憤激。英之總領事直奔至王宮。讓王妄黜陟大臣之非。且曰。聞陛下密鼓舞人民。奬勵立憲公議之政體。抑主倡立憲之政體者。一二失意之徒。欲營私利。洩不平之所致也。陛下何不覺耶。及事悔之噬臍無及。陛下速復彼二人之官。苟使停止立憲之政體。勿爲妖雲所蔽。而失日月光也。王曰。是全國之輿論也。予所甚望。非諸臣之陰謀也。若夫黜陟大臣。其權朕之所有。曷足怪乎。抑汝歐人非常贊立憲之美乎。非誇公議之政乎。又非以之誘導他國乎。今朕從億兆之望。欲組織立憲公議之美政。必要障礙之非難之。以逞己之私欲。朕不欲復見汝也。於是英人與諸歐人議曰。王憤怒殊甚。使久在王位。吾輩歐人之禍。殆不可測。各搆陰謀。交譖其政府曰。埃及王妄信

邪教。蔑視聖教。不顧歐洲各邦之友義。報恩以仇。將欲驅逐歐人。歸之境外。其形跡已著。既而英法二國之總領事。率兵迫王宮。脅王曰。自子卽王位。課苛稅。徵酷租。不恤百姓。不愛士卒。田園荒蕪。財帑空乏。內來臣民之嗟怨。外失歐洲諸國之歡心。若不速去王位。埃及之衰亡必至也。王痛憤深慨。但事起匆猝。無可與謀。邦小力弱。又不能與抗。袞冕龍衣。皆爲歐人所覬奪。潛然飲涕。出王宮九重之門。棄祖先墳墓之地。遂至流寓他鄉。英法之民。立王子卽位。擅弄政柄。急征暴斂。日益加甚。國人以新王爲外人所立。無歸心愛戴者。於是民心離散。國勢陵夷。盜賊蠭起。萬姓思亂。乃選陸軍之軍隊大佐三人。使至王宮請曰。免外人之職權。可以挽回國威。歐人勸王直拘捕之。然恐軍隊之暴怒難犯。遂卽止之。課至八月九日。數千將士圍迫王宮。亞剌飛侯請於王曰。第一宜解散貳國之大臣。第二宜設立國會。萬機決於公議。第三宜嚴兵制以備危急。英人聞之。卽飛報本邦曰。埃及之人民。脅王欲建公議之政。雖然。是非人民之輿望。由亞剌飛之煽動而已。亞剌飛者。桀猾梟雄。深信外敎。而最惡聖教者也。故使彼一握政權。必撲滅聖教。凌歐人之權利。蹂躪生命財產。又無所顧。宜急遣兵馬。挫折其勢。時埃及全國之新報。日鳴歐人之專橫暴戾。盛倡國權恢復。民心無不鼓舞。歐人恐之。迫於政府。使禁止新報之發行。嗚呼。英法重言論自由之邦國也。而今如此專橫。不亦甚哉。既而埃及開國會。廣選人才。討議百事。英人又抗曰。不謀於我國。恣施行制令。妄增減賦稅。是越權而蔑吾政府者也。直遣兵艦。向歷山港。鳴呼。吾英國自由議院。凌弱遂非。慕倣禽獸野蠻之世。恬然不知所愧。傲然自以爲得。何其無道之甚哉。羣羊蠢蠢。難與虎搏。不久英人必能討平之。得逞其意之所欲。嗚呼。埃及之人民。有何罪乎。欲守衛國家。殺身於礮煙雨彈之中。暴尸於沙漠風煙之下。空爲餓烏之食乎。嗚呼。埃及之子弟。有何罪乎。雖幸全身於兵亂之中。而貧

婪無飽之歐人。恣橫其肉。吾恐膏血既盡。餓死於山谷之間。空爲豺狼之食乎。嗚呼。大英國仁慈叡聖女皇陛下之政府。果如此者哉。嗚呼。自由黨之政略。果如此者哉。

散士讀畢。悲憤之情。鬱於胸中。不覺掩卷太息。紅蓮更手一新報。以示散士曰。請郎君觀此一章。散士改容讀之曰。埃及軍中有一老將。齡七十許。攜一娘子。常參亞剌飛侯之帷幄。最富軍略。人無知其來歷者。或謂西國之人頃加羅黨之殘將也。兩人相對。茫然無語者久之。

第七回

既而紅蓮問散士曰。郎君之與幽蘭女史相遇也。僅不過一二面。妾之於郎君。則交遊甚久。互傾肺腑。郎君固知妾之爲人。妾又詳郎君之爲人也。竊以爲意氣相投。誰能若我二人者。而妾熟察郎君之意。慕幽蘭女史。比妾尤深。若非分鏡則封髮而爲期者。嗚呼郎君。上帝有靈。天命未盡。幽蘭女史如再生於今日。重來相會。則郎君於女史如何。又於妾如何哉。原夫散士之欽愛幽蘭。非紅蓮之比。雖然。亦不過落花流水。一時癡情所結。未可斷言。既聞紅蓮此言。乃躊躇而不能答。忽聞門外有推敲之聲。出而窺之。有一女子。衣冠俱白。翠羅覆面。緩步入來。散士不覺發聲曰。幽蘭女史歸來。紅蓮斜見散士。不覺變色。既而女子至於階前。紅蓮熟視少時。即呼曰。夫人非嘗與妾等同船之人哉。夫人嘿嘿首肯。步至階上。紅蓮則出迎之。延於客堂。坐定。夫人獨語曰。老父之言。果有驗。果有驗。散士不知其何意。惟目注其容貌。年姿三十四五。脣紅齒白。清潔如玉。意氣自有卓犖之風。顧散士曰。郎君非東海散士哉。散士驚謝曰。僕性質訥淡。未知夫人之姓名。夫人何由而知僕之姓名乎。夫人笑曰。郎君不知妾者。

以名賤而容醜耳。更謂紅蓮曰。阿娘眞可羨。又眞可謂過分之人也。獨占山水之樂。靜居幽閉之室。出遊則蘭橈桂楫之舟。結交則英豪秀逸之士。嗚呼。阿娘眞幸福之人哉。抑亦過分之人哉。紅娘黯然而答曰。夫人之入此室也。徒欲詰妾弄妾乎。妾雖不敏。亦是營自由獨立之生者也。吟花嘯月。棲遊娛樂。惟我意之所欲爲。豈又要他人之干涉哉。夫人作色曰。果然乎。果然乎。令娘營自由獨立之生計者歟。固非妾等之所可容喙也。且容顏之婉。才智之優。辭辯之敏。皆非衆人所企及者。雖然。巧於飾非。交友無信。其亦能免此謗乎。方令娘與幽蘭女史之航於西班牙也。時妾曾於船中。吐露胸懷。以表信義。令娘則以冷語待之。若不介意者。至談及東洋之事。令娘又顧而他語。如復不知者。令娘豈不記憶乎。令娘與幽蘭女史非仰天歃血而盟刎頸之交哉。至一相失。則獨歸隱居。悠悠然與意中之人。優游消日。而幽蘭女史之生死。又不置於胸中。嗚呼。是非巧於飾非耶。非交友無信耶。紅蓮怒氣隱於眉間。不敢發一言。散士亦默然相對而視耳。座上寂然。寥若無人。夫人忽振衣而起曰。妾所以不遠千里而來者。欲表信述志。大有所謀。何圖兩君卑妾疎妾疑妾惡妾。冷遇寒待。向隅而不欲相語。妾請自是辭。散士曰。夫人責僕等之不敬。此罪固不能辭。雖然。夫人亦傲言慢語侮辱太甚。方之良家子女之所爲。豈無愧哉。夫人冷笑曰。毋多言。豈又煩足下之饒舌哉。左手推戶將出。紅蓮攬袂厲聲曰。婦女之爲偵吏。近世多有。夫人胥非告以姓名。逃其來意。以解我等之疑。妾誓不使出此家一步也。夫人曰。目人爲間諜。不明亦甚矣。若內省不疚。雖千百偵吏出入其門。豈足恐哉。今令娘見妾頗有所恐。而疑爲偵吏。其俯仰天地。而有晴昧可知也。妾惟欲訪高明之士。交正大之人。全此大任耳。汚耳之言。瀆心之語。妾雖少時不欲聞也。紅蓮怒氣如火。目視散士。以示決意。夫人覺之。支手徐曰。勇氣可嘉。勇氣可嘉。雖然。是匹夫之勇耳。士君子所不取也。妾雖不肖。亦非徒死此處者。輕忽之

行。勿招後日之悔。再憑椅子。顏色自若。旁如無人。執新報默讀少時。忽愕然曰。嗚呼。兩君既知幽蘭女史之事乎。妾以兩君未詳其生死。晏然遊樂。故心不能平。口出惡聲以相試耳。乃出金環於懷中。進示紅蓮。紅蓮一見。駭且問曰。是幽蘭女史沈沒海中時。小指所穿也。何爲落於夫人之手哉。願宥妾無禮。幸告顛末。散士亦進而近前。夫人曰。今請爲兩君語別後之狀。使明晰幽蘭女史之事。妾自與令娘等分袂西國。歸而省親。未幾而有峨馬治病重之報。妾父以深交之故。攜妾馳赴華風麗島。不及而父使妾先歸。航路未半。風雨大起。電閃雷鳴。海濤激盪。檣折舵斷。忽轟然如百雷之齊落。乃船之觸暗礁破汽機也。妾驟起出甲板。見一小舟躍身投之。舟小人多。衆皆戰慄。魂爲之失。氣爲之喪。左倒右顛而不能起。忽有一道逆浪。衝天而來。舟半覆沒。人悉沈溺。舟再起時。止於船底者僅三人。妾注視二人。轉瞬之間。巨浪一聲。倏然擊背。妾身將墮舷外。兩人執妾裾。極力援之。時水已果腹。昏絕無覩。既而開目。雲行風斂。赤日麗空。白浪遠平。身困臥於舟底。見上有一老人。與一女子相對危坐。兩人見妾大喜。慰曰。夫人亦得蘇生。幸甚幸甚。妾聞其語。追懷傾覆之際。救援之事。皆恍兮惚兮。如長夢初覺。乃謝曰。若非得兩君拯救。妾身已葬魚腹矣。一姬更熟視驚問曰。昔夫人自美國往西班牙。非嘗與妾等同船乎。妾聞之注目觀其容貌。則是與他二人同行。談論於大西洋之中者也。因不覺相感奇遇。潸然出涕。其後此船漂流海中。逾一晝夜。風靜浪平。茫茫天海。船影山色。絕不相見。孤舟漂搖。不知所向。妾愀然謂二人曰。嗚呼。舵工水手。皆既葬鯨鯢腹中。今飢渴交迫。疲勞尤甚。漂流任浪。進退無定。如之何哉。二人亦默默無言。暫見黑煙遠起。皆大喜叫曰。是汽船之過也。可求救助。於是振衣放聲而呼。汽船似略近者。三人愈喜。咸作蘇生之想。既而幽蘭女史翹首曰。彼船非來者。乃去者也。妾曰否否。是進來者也。凝眸遠眺。果如女史之言。船去益遠。其影迷濛。祇有一片殘煙。留於模

糊之外而已。老人曰。盛者必有衰。生者誰不死。若果命運終窮。從容就義。昇遊天上自由之鄉而已。今我三人所謂運極命窮者乎。若徒悲泣歎息。怨天尤人。是不知命之小人也。悠然危坐舟中。瞑目禱天。以求安身立命之地可耳。於是三人瞑目而坐。危懼之心釋然而去。欲生之念寂然不生。放目而觀。但見白日西匿。海風颯颯。動搖星宿之天外而已。其後腹飢體疲。不覺倚舷困睡。忽有暴風再起。波濤澎湃。猥於我舟。貌貌一身。沈溺於海波幾死。忽有天女飛來。相攜而同遊月殿。忽而管絃絲竹。相奏而響遏雲間。嘈嘈而湧盈於耳邊。於是愕然驚。欣然喜。俄而舉首。則皆是小舟一夢矣。汽笛一聲。汽船駛來。夢初醒兮。未能分明。心神漸定。熟而視之。曉月濛濛。景色依稀。惟見船旗飄風之影。但聞翼輪切水之音。三人鼓勇勵氣。大聲呼救。汽船認之。即下小艇來相救。嗚呼。死期既迫。俄然遇此救援。其僥倖何如哉。既而小艇牽引我舟。至於彼船。蓋彼船者希臘之郵船。往埃及之歷山港者也。船長導至一室。優相待遇。船中貴女紳士。憫妾等之困厄。相餽以金錢衣服。女史謂妾曰。妾猶有多金。因返之。惟受其衣服。如是三人始作再生之想。安臥船牀。一晝夜間。漸忘疲勞。神氣復舊。乃訪女史於寢室。慶天運之未盡。且猝遭患難以來。未暇問令娘等之行止。曩日與令娘自美國同行之兩氏。今果何如。女史悽然曰。先航大西洋。所以不敢告心事於夫人者。恐計略易洩。大事難成。今不期再遇於艱難之中。共死生於危急之間。是蓋天假之緣者。可謂奇遇矣。豈能不披肝瀝膽以相告哉。乃諄諄詳述。不覺太息曰。兩友助妾失身於黃泉之下。救父之喜。未慰胸懷。喪友之悲。忽驚肝膽。妾今日憶友之感。豈異昨夕待死於扁舟之情哉。妾聞之。始詳其顛末。感慨殊深。既而船至一海港。船長告曰。是埃及之歷山港也。三君可至旅亭暫爲保養心神焉。妾謝曰。得全一生於萬死之中者。皆足下之厚誼。今何以報足下之恩乎。但船破之時。所攜之物。悉沒海中。今竟無一物。可呈貴覽。奈之何哉。船

長笑曰。余英人也。英國船長之職。有殺身救人之義務。何況難船漂舟乎。三人乃投於逆旅。療養數日。心神全復。是時埃及與英法交涉。日赴困難。漸覺棘手。埃及之士民。激昂奮起。禍機將垂破裂。蓋英法專橫跋扈之所致也。先是英國駛兵艦於埃及。宣言曰。埃及之亂民。梗塞蘇彝士運河。以杜絕世界之交通。妨礙我國印度之連絡。是我所以嚴兵備以禦不逞之暴徒也。嗚呼。蘇彝士河者。埃及國之富源。有益其國家。實不鮮少。且其國都與運河。隔百五十里之遙。其間有人馬難行之沙漠。埃及人民。何苦犯此不可越之艱險。勞民傷財。塞閉此富源。以結怨於歐洲之强國乎。誣妄亦甚哉。英人又曰。埃及政府之改革。非一國之輿論。埃及大臣之更易。非萬民之願望。軍人煽動之所致。其變亂有不可測者。是我出兵艦所以保護歐人之生命財產也。嗚呼。一國自有一國之權。如政府之改革。大臣之更易。是一國之內事而已。豈他國之所可干涉哉。然而英人以兵馬之力。悍然欲干與於其間。是蓋因欲掌握財政工商之全權。如昔日而已。何其虎貪狼慾。逞暴威之甚哉。一日妾等談論一堂。窗外忽驟然有兒女號泣兵馬馳騁之聲。既而銃礮之響震天。吶喊之音四起。妾大驚。乃與女史共開窗而望。見戶外樓下之塞衢。直發短銃。投瓦礫。揮刀相叫曰。攘虎狼之外人。回復國權。在此一舉。幽將軍止妾等曰。是大亂之濫觴者。當此際也。宜審形勢以決一身之進退。狼狽周章者。所以危身而已。時破窗戶之聲。壞器物之音。戛戛落落。囂於近鄰。女史曰。想是暴徒乘機闖入歐人之居宅者也。語未畢。一羣之衆入於逆旅。提刀揮槍。叩戶叱咤。將亂入室內。忽有數騎過門前。連呼曰。元帥來。元帥來。不可有粗暴之舉動。若有侵掠他人家財。傷害無辜之外人者。必處以嚴刑。暴徒聞之。悉皆散去。一路肅然。妾等志意少安。既而聞元帥萬歲之聲。叫號盈街。因探頭窗外。見將士羣集。刀槍駢列。光彩陸離。似冰霜之映白日。將軍又止安臥於室中。忽聞跫音戛然。有敲我室者。幽將軍徐起倚戶呼

曰是何人歟答曰埃及之將士也將軍啓戶將士數人佩劍直立於戶外中有一人進入室內戎裝之美燦然奪目身體長大容貌奇偉眼光燦如電閃熟視幽將軍而慇懃謂曰謹賀將軍無恙又祝其老而益壯幽將軍故爲驚怖之狀答曰老奴南美之一商賈也攜二女而遊意大利希臘等勝景之名區探往古之遺蹟將航法國途遇颶風僅以得免今到貴國偶遭騷擾親子三人恐不能全生胸中戰慄無已忽遇閣下等之來得免萬死於才哉之下是老奴之所深謝也然閣下目老奴爲將軍云云之語老奴不勝怪訝惟冷汗沾背而已將士掉首笑曰勿欺余哉將軍者西國之名將富於韜略勇於戰鬬誰不知之誰不聞之欺他人尙可未可以欺僕也幽將軍仍執前言更辨其所言之謬誤將士更進曰今日實國家存亡之時寸陰之間且不可得僕所以殷殷來訪者蓋以爲得雄才偉略之人如將軍者主我帷幄撥亂反正之業唾手可成耳惟昔日天涯地角生死之信渺然不知是眞可恨昨適有突然相告者謂將軍來寓於此余聞之喜不能禁故來相訪將軍何不深察予情乎且將軍千言萬語欲以掩其姓名不知余嘗投將軍之麾下從役於西都將軍或亦忘余余豈忘將軍哉雖然余未先通姓名者其罪實多予乃埃及國兵部卿亞剌飛也幽將軍聞之起謝曰老奴有舜明侯既知老奴而老奴未知明侯是玉石不辨者也老奴實越西國之獄歷盡艱難困苦以至於此今不知明侯欲以何事相委亞剌飛侯曰欲延將軍爲軍師耳幽將軍曰是果何言乎古人有言曰敗軍之將不可以言勇亡國大夫不可與謀存老奴豈可應明侯之求哉亞剌飛侯曰予今不忍坐視國家傾覆之形勢人民塗炭之慘狀爲衆所推舉兵倡義將與歐人相見於戎馬之間惟彼船堅礮利國富兵強我則衰弱困弊帷幄無謀議之士戰陣無精銳之兵難卜必勝於今日雖然英法埃及之曲直將軍必能辨之其曲在我予亦不敢乞勞於將軍否則不忍使公明正大之君子而與無名之

暴舉。汚節辱名也。幽將軍歎曰。明侯之舉兵。在救國家之危急。僕雖疲老。豈忍見義不爲哉。且老奴久呻吟於囹圄之中。不跨征鞍者。於茲歲餘。今也髀肉有日生之歎。幸遇明侯之義舉。少效馳驅。豈不甚善。亞剌飛侯大喜。進握將軍之手曰。得雄邦十萬之援軍。不若得將軍之一諾。既而又問幽將軍曰。人心未固。兵甲未整。當是時計宜何出。幽將軍對曰。先興起人心。使堅義烈之氣。明大義之所存。國是之所向。無若檄文者。亞剌飛侯卽請幽將軍起草。將軍搦筆。瞬息而成。以示亞剌飛侯。朗誦一過。拍案曰。拔地倚天。正聲勁氣。溢於紙上。讀之者誰不踊躍哉。更推敲二三字句。直出交之士官。使朗聲宣讀。此檄文傳播五洲。想兩君既經傳誦矣。散士曰。嗚呼。此檄文成於幽將軍之手乎。宜其使人感激不止也。夫人又繼言曰。一日幽將軍自軍議歸。慨然長太息曰。老奴莫知死所也。妾等怪問其故。卽徐說曰。埃及王孱弱。不能剛勇果斷。內聽近侍之言。而忌忠良。外信敵人之反間而疑謀士。不知陷歐人之詐術。亞剌飛侯忠義之心雖有餘。而乏深謀遠慮之才智。無忍小恥。排衆議。斷然盡鴻業之策。是以我爲埃及所盡之策。皆不能用。徒爲庸衆誤大事而已。夫英將宇流盛老於兵略。富於武術。不易得之名將也。欲驅羸弱之卒。與之對敵。豈可不運非常之策略哉。然今乃如此。埃及之敗亡。不待識者而知。我輩亦無死所也。女史與妾更進膝問曰。妾等願聞其事實。否則又有甚難解者。請詳告之。將軍又愀諾然曰。將士相會而議軍事。一將曰。先倡回敎以擾耶穌敎。爲舉兵之名。以煽起回敎人民。鼓舞我兵勢。英法人民。可一掃而空矣。予排斥之曰。誰爲此言者。是未知天下之大勢。未明軍事之虛實者。否則迂僧腐儒。心醉迷溺於敎法者之所說也。抑出師必要有名。無名者敗。雖然。假敎法而爲攻守之名。往昔之事。非今十九世紀之事。且今日國會之決議。爲歐人所廢。人民之輿論。爲歐人所壓。一國之權利。爲歐人所蹂躪剝奪。萬機之政務。爲歐人所左右陟黜。任意之所欲。欲忍

不能忍。欲堪不能堪。忠膽義肝。因此可以發洩。所謂據自由之公義者。豈又須假教法之名哉。惟是明大義。據公理。歐美亦不乏志士仁人。或仗劍來救。或募金銀。輸兵器。或振舌於演壇。或放筆於新誌。種種皆可以救援我。而阻彼之軍氣者乎。若大計不出於此。而取名於教法之爭。可謂引一髮千鈞。馭朽索六馬者。不特國運之不可挽回而已。愈益招滅亡之運者也。蓋以恢復回教起兵爲名。印度以西。或有應之者。而招歐美人民之憤怒。亦實甚且縱令印度以西。有能舉兵執干戈。以當歐人爲我聲援。亦萬不可望也。又假土耳其以同教之故。欲救援我。而南下以扼土耳其之喉咽。逕吞噬之慾者。俄國之宿志也。故事至此。俄則得啓兵之名。以拊其背。不使出雷池一步。無俟智者而知也。於是歐美諸侯。男女老幼。皆惡我怨我。萬國無一人助我。此是利敵兵之術耳。所謂假寇兵資盜糧者也。勢至於此。雖名將復生。豈復可爲哉。請觀諸希臘國。其邦土之大。不及我半。衰弱困弊之狀。亦與我國無異。猶能拒雄邦之强兵。而成今日之獨立。是雖由闔國人民之力。抑賴歐人救援之功。亦最大也。歐人之所以救援希臘獨立者。何也。一因曠古之自由國。而古聖賢人之所出。文學技藝之所起。而今服從於殘戾之治下。離羣索居。流離困弊之狀。眞不忍見。觀往古之歷史。慷慨之感。無不勃然而起。一因希臘之人民。憤然激發。樹自由之牙纛。主倡獨立之大義。以募當衆。不屈不撓。其義其勇。足使聞者奮起。一因奉耶穌教而與回教人民戰也。有此三因。故歐洲之志士。翕然贊稱。或暗助兵器彈藥。或仗劍赴援。如英國之名士詩宗梅崙侯。亦奮至其國。致身於希臘。明大義於八表。遂至奏獨立之大功。雖然。若使希臘國據回教而掃耶穌教爲名。雖爲世界最古之國。而依大義棄生命。歐洲不特無一人援之者而已。皆負干戈而討之。不出旬日。而社稷之頹滅可知也。嗚呼。我舉兵何異於希臘哉。如今老奴依亞侯之顧託。爲大義棄生命。馳驅於兵馬之間。誓死而後已。雖然。諸士爲教法開

戰端。傳播蕩耶穌教之檄。老奴原耶穌教之信者。非回教之信徒。豈忍與同胞交干戈哉。豈忍爲上帝之罪人哉。請自是辭耳。亞剌飛侯納余言。大諭諸士。遂停其議。雖妄信回教者。目余爲棄邪教。包藏禍心。誤國家者也。讒謗罵詈。無所不至。嗚呼。時之不祥。鴟梟翱翔。讒諛得志。騰駕罷牛。莫驂良馬。余亦無奈之何。姜尙鼓非熊之出意外。翌日。將軍稱病在客舍。作一書贈亞剌飛侯。論戰備之計略。乃取日記於懷裏。以示散士。紅蓮曰。是則其草稿也。散士匆忙披而讀之。其文曰。

蓋聞百戰百勝。非善之善者。不戰而屈人之兵。善之善者也。故上兵則伐謀。凡用兵之要。在先詳敵情。知其編制。察其計略。卜其强弱。明其地理。衝其空隙。所謂知彼知己者。百戰不殆。不知彼而知己者。一勝一負。不知己者。每戰必敗。故先欲戰者。預詳彼我之勢。而不可不運其謀。夫英國者。歐之雄邦。國富兵强。稱霸海上。旌旗翻於四海。勇威輝於八表。且其將士訓練之久。經歷之多。服於號令。勇於戰鬬。運轉鐵艦。宛若四支運用巨軀。宛如小銃鋒之所向。碎石破巖。又目無强敵。如破拿破崙之兵於亞武邱港。慶法西二國之艦隊於土羅波苛港。戮土埃之軍艦於希臘海。强敵無前。可推知也。我埃及國力疲弊。財枯民散。長謀之將寡。慣軍之兵少。銃礮之利。船艦之牢。不及英國之十一。海戰之器具未成。陸戰之堡壘未備。四鄰之國。無與我同盟。緩急相助。攻守相救者。實危急存亡之勢。嗚呼。敵之國勢如彼。我之國勢如此。然欲交干戈而與相戰。不亦危哉。蓋今日之論戰略者曰。樹牙纛於海樓府。據沿海之礮臺。以鄕襲擊。又曰。固守城壘。待敵平野。一戰以決勝敗。某竊慮之。是則陷於敵之術中者。知難期勝算之萬一也。若輕動而邀正正之旗。鼙鼓堂堂之陣。余恐其一敗塗地。部伍散亂。不可收拾也。然則我兵終不可以與英軍抗乎。我國終不可以復國權乎。曰否。在戰略之如何耳。夫兵詭道也。因

勢制利，以弱拒強，可以怯敵勇，可以寡破衆，可以小挫大，以逸待勞者勝，以勞當逸者敗，水之形避高而趨下，兵之形避實而擊虛，我拒英軍之術，亦不可不慮於此，蓋明侯卒然率將士棄海樓歷山之諸都，退保西南之內地，右帶灘江之長流，左控砂原之沙漠，背懷挐蠻之土民，據蘇丹之糧食，傳檄四方，招愛國之義兵，以激軍氣之震起，是非以逸待勞之策乎，請更細論之，夫善戰者立於不敗之地，而不失勝算，今夫我兵遠退西南，英兵必尾其後，欲以衝我險要，雖然，彼暗於地勢，不知水利，乏於糧食，不慣氣候風土，熱風之酷，瘴氣之烈，挫折勇氣，遂招邪瘴之流行，萬里之沙漠，溯漫於前，人病馬瘦，未布陣接刃，必失其大半，然而我軍則不出旬月，精兵七萬，突騎三萬，應檄而羣臻於我麾下，明也，因結壘千里，樹旗江原，以待其來，放輕騎而襲敵之不意，使士兵出沒，劫其輜重，以乘彼之衰勞，元帥雖富於謀略，器械雖極精練，又曷足恐乎，縱使我軍小有挫折，更退而避之，不戰而屈英兵，凡興師十萬，出征千里，百姓之費，公家之奉，日費千金，且其爲戰也，雖能勝之，久則兵鈍銳挫矣，攻城久則力必屈，暴師久則國用不足，敵國乘其弊而起，雖有智者，不能善其後，夫我兵屯於國內，糧食不仰於境外，不過取於內，散於外，以拒外敵，其力能支數年，實易易耳，雖然，英軍則懸軍萬里，深入敵地，雖陷空城，不可以求財貨，雖佔土地，不可以得禾穀，徒往來於沙漠之間，更無所得，兵器糧食，皆求之萬里之外，其所費豈止一日萬金而已哉，歐人之興兵，原出自利慾，且十九世紀之勝敗，非失兵之多寡，而決費財之如何，莫人焉能日費萬金，失千人，曠日彌久，久留師於我國哉，夫鈍兵挫銳，屈力殫貨，四面乘其弊而起，故海外之藩屏謀叛，愛蘭則思獨立，反對之政黨，排之於內，宿恨之鄰邦，刦之於外，遂使費用不足，援軍不至，進無所據，退無所守，失氣喪膽，自土崩瓦壞，我軍即莞然乘其弊，一舉而覆全軍，收大業也，夫期大業者，不可思小累，

運大謀者。不可無非常之決斷。用兵之害。猶豫最大。三軍之災。無過狐疑。知兵之將。民之司命。國家安危。

也。願明侯裁之。

夫人又繼語曰。亞剌飛侯一日會議諸軍。吐露意見。參謀如安似侯者。瑞士人也。爲人度量褊淺。規模狹隘。自驕其勇。暗於大計。以幽將軍得上下之信任。彼知謀略不能及。乃誚諸將曰。英人何足懼乎。彼外示威強。內極衰弊。船艦概朽腐。士卒亦皆懦弱。我若據險邀擊。一舉可破也。今幽將軍毫毫昏憒。不詳彼我之形勢。惟見敵軍之可畏。不知我兵之可恃。倡彼猖獗。破我軍氣。其言固不足用也。埃及王原無意去海樓府。聽奸佞之言。令將士守京城。諸將士亦共語曰。未交一兵。未放一矢。棄歷山海樓之都城。班師而退。壯士之所愧也。僧侶輩在側。因進讒言曰。幽將軍乃奉西教之人。故願邪教之勝。爲敵兵之間諜。欲舉兩都以賣於英軍者也。於是亞剌飛侯心忙緒亂。仍固守海樓府以抗敵軍。散士曰。僕一介書生。素不通韜略。惟好談劍說兵。以取一時之快耳。雖然。今案埃及防戰之策略。若用幽將軍之言。英軍久必退去。然卒不見用。惜哉。英雄常爲羣小所嫉。長策多爲長袖所阻。自古爲然。眞可歎也。但不知幽將軍如何處此耳。昔者范增爲項羽之將。其策不用。知稍有嫌疑。則大怒曰。天下大事定矣。君王自爲之。願乞骸骨歸故里。傑士之不能得志。固當如是。幽將軍豈計不出此乎。夫人曰。否。將軍曾謂妾曰。願阿娘與鵝兒共航海密赴歐洲。以免干戈之禍。余今爲衆所疑。余之去就也。萬人注目。一舉一動。皆有偵吏探訪。欲去而無術。欲逃而無路。却何忍蒙羞受辱。坐僥倖於萬一哉。惟有決生死於一戰耳。更願謂幽將軍。女史曰。汝可從夫人速去此地。女史流涕曰。妾之出美國而航歐洲也。在救阿爺於萬死之中。若不能救。誓同生死。今日阿爺之遭危疑。臨急難。妾豈忍獨生哉。惟有從阿爺於礮煙彈雨之間。共嘗艱苦而已。惟夫人之與妾。非有宿緣。

且金玉之身當留以有待不可以不去也夫人曰情之所結不忍別離妾亦欲同其生死也幽將軍曰然則兒與余可留於此若夫人者則決不可也蓋夫人有父兄之存前途所期正自遠大今留此地有何益哉可速決意勿貽後悔云云妾心雖實不忍然再三思維不得已而服其言幽將軍大喜手裁一書囑寄皇兄轉加羅且臨別贈言殷懃而說後來之事幽蘭女史又謂妾曰紅蓮范卿二氏因交友之誼爲妾等棄百年之身爲萬世不歸之鬼妾哀悵傷悅往來於懷寤寐而不能忘也欲建一碑以慰彼之靈表妾之意自哲學者觀之碑文弔祭雖屬不急之務而人情之感有不得不然者第事既至之妾之生死又不可期焉能再返歐洲得親建碑乎願夫人憐妾此情萬幸代勞是妾畢生之願也妾曰建碑之事實易易耳妾必不負令娘之託毋以爲念女史大喜更取左指之金環與妾曰聊以表餞意耳若於天涯地角萍逢東海散士則以是爲證告妾流離窮厄之狀可也語畢淚涕滂沱而下妾亦低首飲泣既而整理行裝辭別而歸意國既歸家人且喜且驚曰予以爾爲死矣今何其幸乎殷勤握手歡樂無極妾乃將經歷之大略告於父兄又送幽將軍之書於皇兄其後顧慮幽蘭女史之事憂鬱之狀自爲老父所疑老父曰邇來汝之容貌甚有憂色此何故者妾因詳語幽蘭女史之來歷又告以建碑之事更問其法老父沈思良久曰幽蘭女史悼其親友建碑海岸情義實足稱汝爲代勞有何不可雖然予熟思之紅蓮范卿果爲長逝之客乎皇天有明擁護仁人志士得生今日猶未可知遽欲建碑以弔其魂豈不太早乎妾曰否否風雨如此波濤如此船艦之覆沒如此豈有全生命於今日之理哉如妾者可謂僥倖中之僥倖耳老父曰汝既僥倖中之僥倖焉知彼亦非僥倖中之僥倖者乎妾反覆爭之老父更以溫言諭曰愛兒且靜心而[illegible]人事支離錯雜最爲無定有見落花流水淒然傷懷不堪無情悲哀之歌者有見落花流水莞然悅意不勝色舞

神飛之樂者。各有所觀。祇在心境之如何耳。豈能相同哉。然則自哲學上推究。亦頗難斷定。抑自憂哀主義而觀。世界者艱危之穢土。社會者牢獄之人生。泡沫也。夢幻也。何異草上之露。風前之燈乎。且或有生未見白日。忽然而夭折者。或有生卽罹天刑。目不能見。手不能操。足不能步者。或有行百善而不能脫一生於坎壈杌隉之外。邊餓槁於路側者。或有無罪過而擊於霆雷之上。崩於地震之下。遇覆溺於波濤。陷衝突於鐵路者。嗚呼。生命之短促脆弱。人生之險阻患難。思愈深則憂愈長。慮益遠則哀益增。感觸直無常也。天下豈有無憂哀之種哉。雖然。若自康樂主義而觀。世界者。幸福之樂土。人生者。萬物之主宰也。故擒電挺風。玩水使火。可以搖山岳。可以動鐵艦。可以碎石城。衝波踏浪。宛如平地。御風渡雲。宛如飛鳥。宇內之事物。耳目之所觸。悉爲吾有。一念之所動。無一不可爲。豈不亦一大愉快乎。且如人之生命。以短促脆弱觀。則短促脆弱也。以長壽强健觀。則長壽强健也。或有陷虎穴而獲生全者。或有斷截四支。解破身體而不死者。又或有破船於大洋之中。永日繫於一片之板。而遭救濟者。何有短促哉。何有脆弱哉。且不見峨馬治乎南船北馬。起兵進軍。不知凡幾。出入於萬死之途。而被生擒者。前後十餘次。傷創遍身。體無完膚。終能建樹大業。得完天年於自由之鄉。風月之里。又不見普國之三傑乎。馳騁於鞍煙彈雨之間。搔蕩內國之禍亂。免刺客奸黨之襲擊。挫精銳無前之强敵。當統一德意志之聯邦。今也張國威於五洲。良將賢相。與名君鼎立。其遇合也。如魚得水。浸潤之譖。膚受之愬。無得入焉。其一言一行。一舉一動。皆能塞萬國君相之膽。又不見法之鑾柄斗乎。際國步艱難之時。或勝或敗。或被幽於囹圄之中。或被逐於父母之國。流離困厄。猶能全八十餘年之長壽。故人間之喜悲也。生死也。自有天運宿因之使然。而非人智之可窺測者也。由是推之。紅蓮范卿二人。焉知非今日之無恙乎。汝且詳探二人之蹤跡。果知爲長逝之人。然後建碑海角。以

慰幽魂猶未晚也妾退而反覆思之覺老父之言頗當於理卽以爲二人之中有全生命者必歸蹄水之隱家若不歸亦得聞其音信不幸而無返者又無通音信者則尋訪東海散士語幽蘭女史之境遇是亦可以通女史之志也卽日自家而出昨夜始至費府紅蓮起謝曰嗚呼夫人之厚誼如此妾聾矇昧不覺其罪難辭請恕之散士欷曰嗚呼彼蒼有靈未棄忠孝之人幽蘭女史猶得生存今日然則范老亦全身於天涯而再有相遇之期乎雖然埃及之慘狀不可挽回奈之何哉語未終自鳴鐘鏘鏘然報六點矣

第八回

紅蓮顧二人曰談論歡暢忽忘日逝兩君想必饑餓也妾聊備饑糲以娛嘉賓乃自行入廚整理殽饌散士進前問夫人曰聞夫人初航大西洋時旣已認識僕名僕兇未識夫人願詳聞之夫人曰郎君曾弔芙蘭麒麟之墓遇一士人能記憶否散士曰記之當時有一士人談高節公之偉業說波蘭之盛衰使僕感慨而不能禁也夫人曰是則妾之家嚴也時妾亦在墓邊避於樹陰雖未面郎君然談論竊聞之矣散士曰當時僕不特未問其姓名又不知爲何國之人後常以爲憾孰意卽夫人之尊君乎夫人曰然父名骨數斗妾名滿梨原匈牙利之人也散士且驚且怪曰僕素聞骨數斗其人雄略震歐美義烈泣鬼神經濟之才高潔之風萬人瞻仰四海欽羨尊君乃其同族之人乎夫人答曰郎君所謂骨數斗者匈國中捨我父外豈復更有二人耶曩日與郎君遊遠於芙公墓畔痛論波蘭之形勢慨然東洋之情狀者卽郎君之所謂骨數斗是卽吾父也散士瞿然改容起席謝曰嗚呼果然乎嗚呼是乃予素所欽慕之骨數斗公乎僕見識黯昧不別英雄一見以爲流俗之人不勝愧赧誠賴夫人敬

謝其罪時紅蓮開戶入告曰夕飧已成請進餐房舉杯以祝今日之吉報將來之事雖未可知若天運未盡豈無與幽蘭女史握手一堂之時乎散士與夫人隨紅蓮入食堂各把玉杯斟酌暢飲襟懷陶然時秋月皓皓出於前邱之上掛於松竹之梢餘光掩映射入紗窗散士見之謂二人曰何不觀窗外之好景乎自今須艤小舟隨波棹月浮於蹄水之流更吐露胸懷以永今夕夫人笑曰妾之願也雖然妾紅謝芳殘燭妾已滅羞入兩君芳豔競春之間耳且郎君攜落花傷春之妾昔日羣芳呈笑之遊不亦甚難追想乎紅蓮微笑曰歐人有諺曰二八之芳蕾豔麗悅目妖媚攝情者粲開滿發乃在五五之後夫人何自棄之早乎夫人亦含笑曰此說之當否婦女豈能專決乎是男子之任也注眼散士散士舉杯融然曰日本美人以十七八爲最愛之佳期故諺曰士茶新烹猶堪飲釀魔十七猶可愛雖然人各有志好惡自不相同情愛者因境遇之如何豈可概論之乎夫人曰然則試以郎君之意斷之美人芳期究在何歲郎君之言模糊而含兩竭之意使春花秋月疑皆有兼愛之思可也散士曰奇哉怪哉夫人之問乎僕與婦人交遊甚少豈能決此難題哉紅蓮曰郎君又何所憚耶亦各言其志耳散士停杯莞爾笑曰以散士觀之美人決非有限年齡者紅蓮忙問曰奇語奇語妾所未聞想必有說散士答曰所謂美人者非容色秀麗之謂蓋謂熟於社會人情粗達文學技藝與夫男女之交際風流之韻事詩歌音樂無所不曉無所不通而後始可謂之美人也世人以二八爲美人之芳期豈其然乎抑往古希臘有絕代美人望月而月失光觀花而花羞豔上帝見之忽生戀慕化爲白鳥相與戲謔遂產一女名曰妃蓮秀麗絕倫夐過其母既而爲斯破流多王之皇妃年踰四十其嬋婉之容嬌娜之色猶使見者心醉魂惑後與王爵卓侯巴禮斯親狎癡情所結不能相棄相攜出奔入於土魯韋國諸侯聞之憤其無禮無義舉兵而伐土魯韋攻圍屢年乃陷其城奪妃蓮而歸時

年五十。其美婉更無異於昔日云。此美人之不限以年齡一也。羅馬之普禮騙須。娶宮女阿志波斯彌。時阿志波斯彌年三十餘歲。才貌秀麗。傾絕一世。其後美麗日加。六十有餘。猶使見者驚目迷魂。道路相逢。無不回首云。此美人之不限以年齡二也。埃及女王久麗王葩都羅。嚮世之美人也。爲其弟簒奪王位。及見羅馬之名將獅威挫。清然垂涕。苦乞救援。以獅威挫之雄略。猶迷其容色。忘前途之大業。出師救援。親犯矢石。困厄圍城而不悔。不顧名聲之損。遂相攜歸於羅馬。既而獅威挫敗後。勇將安斗乳怒女王從叛將。欲處以殿刑。召之。久麗王葩都羅聞之。盛修妝飾。光彩陸離。絃歌棹舟而往。安斗乳一見。神魂傾倒。勇氣挫折。不問其罪。捨家不顧其妻。相與適埃及而不還。時年既踰三十。其後十年。麗色艷情。兩俱不衰。迄至其自殺。猶不見嫣妍之萎云。此美人之不限以年齡三也。至近世之美人。亦無不皆然。留婀玖娘者。花顏玉貌。美冠一時。有一高僧。頓忘衰老。竟背教法。戀戀不捨。遂爲他人指斥。時留婀玖娘齡已七十。聞其名者魂馳。見其容者腸斷。至死之日。歐洲多情男子。無不長太息云。此美人之不限以年齡四也。俄之女帝峨嵯嶸者。三十三而卽帝位。秋波一轉。卽猛勇之將如阿流怒留夫。亦被其籠絡。其後三十三年間。惱幾多之勇士。迷幾多之少年。當崩之日。下情淚者不知幾人。此美人之不限以年齡五也。夫人笑曰。何其引證之賅博乎。果如郎君所言。如妾者亦未足恨。落花紅葉。歟散士曰。是非歐美諸國爲然。雖在東洋諸國亦然。唐人之詩曰。霜葉紅於二月花。世傳有西王母者。年百餘歲。常食桃果。顏色如玉。浴於西池。肌如白雪。楚襄王西遊渡弱水。會於雲夢。雲也雨也。使千載之後。多情之王公。猶追懷想慕而不置。唐之則天武氏者。麗容嬋妍。楚楚動人。謝絕塵世。削髮隱於寺院。高宗一見。竟不能忘。不顧恥辱。納於後宮。厚迷深溺。遂廢王皇后及蕭良娣。及高宗崩。武氏卽號天聖帝。或寵浮屠僧懷義。或愛御醫沈南璆。至死而色不衰。故唐書曰。太后春

秋雖高善自盥潔雖左右不認其容色之衰妖冶猶可惱人諸豪傑皆爭聽命且時年已八十餘云此美人之不限以年齡六也鹽谷判官之妻西臺者早田宮之女也其未嫁也世人皆謂其衆有百花之美曰梅花者其香悅鼻使人樂聞然樹無婀娜之態櫻花者其色悅目使人樂觀然花無馥郁之臭楊柳青青舞風戲水姿雖可愛又無香無色使梅花之香移於櫻花又開之於柳樹始可與西臺競美高師直見其風姿婀娜芳容奪目麗影縈懷豔書千百莫能牽動僅得一歌煩惱之情燃不得熄遂讒殺判官以奪西臺時西臺年亦已越三十五云此美人之不限以年齡七也紅蓮曰然則如幽蘭紅蓮二人者且暫待時以讓步於夫人乎時興味甜酣笑樂之聲不絕秋夜之間別起一團春意於是相伴而至河岸放舟浮於蹄水滿林白露映於月光數點燈光明於水外微風時起瀾漪碎流月影秋樹蕭條落葉漂於舟畔縱一葦之所之漸至流中夫人徐吟曰

微月懸西方依稀吐素光下階步前庭白露霑我裳攜手出竈谿放舟自由鄉俯視蹄水流仰觀浮雲翔蟋蟀鳴郊野蛬蟲鳴山椒良時無限哉歡樂猶未央金風中夜起北斗忽低昂佳人今何處山海阻且長只恐塞節到凝氣結爲霜

聲音瀏亮如玉笛之響關山如黃鶯之歌幽谷紅蓮曰何其風韻之悽惋而音調之悲慘乎散士顧紅蓮曰夫人者噴世之名士骨數斗公之令娘也阿翁出入生死之途履險艱險嘗盡辛酸雖大業垂成中道而敗而忠勇義烈冠蓋一世夫人亦冒世途之險素願未償事竟不濟非慷慨痛切發爲悲壯之音者乎紅蓮危坐船中謂夫人曰夫人者匈牙利之名士骨數斗公之令娘乎嗚呼何吐露丹心開拓素懷之遲乎尊親今居何處故鄉今果何狀乎夫人聞之沈思默然既而又吟一詩曰

勿問故鄉事。故鄉夢一場。親友多零落。舊園悉凋喪。墳墓亂蓁草。城闕亦邱荒。力征吞九鼎。苛慝蔽三殤。家國傾廢久。何日收散亡。子弟事文翰。角弓無由張。戚物悼遲斥。舒憤訴彼蒼。

紅蓮曰。初四人遊逅於此地。皆亡國遺臣。因相感奇遇。語來歷。吐肝膽。誓結斷金之交。今且多一亡國忠臣。不又奇遇哉。願夫人爲妾等談往事而勿吝也。於是夫人正襟曰。妾先祖亞細亞之豪傑。亞鬼羅之猛將也。亞鬼羅以豪邁不世出之大勇。席卷歐亞大陸。先祖雄猛無比。陷陣搴旗。戰功最偉。因得封於匈國。世保侯位。不料世移時易。盛衰遞嬗。後爲土耳其回敎人蹂躪。遂歸日耳曼帝國領屬。日耳曼帝國以我人種與己國不同。見我强盛日進。忌之惡之。百方苦我。施撓我之策。發愚我之謀。廢我建國之大法。殺我自由之大權。苛虐壓制。無所不至。我人民不堪其暴戾。舉兵而謀獨立者。不知凡幾。雖衆寡不敵。莫能遂志。屈伏鐵血之暴政。空吞憤淚者。百有餘年。及一千七百四十年。普之布烈帝歷大王。率乘勝之精兵。犯日耳曼帝國之南境。馬和利王亦得法國之聲援而爭帝位。攻我西境。奧國連戰不利。諸城悉陷。奧都亦爲敵兵所攻略。女帝麻利亞帝列佐幸脫虎口。來逃匈國。親抱幼帝。步臨議院。揮淚涓涕。訴法曼之暴略。且曰。如有仗義而恢復我國者。功成之日。厚予報酬。且予人民以自由之權利。我民見之聞之。感泣憤興。起勤王之兵。集於女帝之旗下。奮戰激鬪。遂破歐洲之强兵。救奧國於將覆。回帝位於既墜。女帝大嘉其功。報其功勞。悉皆如約。而皇子內勢夫者。生於深宮之中。長於婦人之手。不知母皇中興之艱難。忘人民勤王之忠義。陷於驕奢。耽於淫逸。容固陋之說。信宵小之言。背盟約。失民心。奪地方自治之權利。變人民公選之官制。陪審之法。既已停止。言論自由。亦所禁抑。甚至聽狂生浪子之空談。一二外人之邪說。至邦家獨立之骨體。概不保存。又布廢本國語而用德國語之令。嗚呼。數百年來。國家前途之經濟。人民生計之程

度。以至風俗習慣衣服飲食居處諸事。女皇皆欲徐徐改良。斟酌妥善者。不及數年。悉爲所廢。人民不堪其弊。怨嗟載道。將起而爲革命之舉。國之志士恐之。乃赴京師上書而諫曰。

我祖宗建國之法。天皇陛下公明正大。一視同仁。以收攬紀綱。以撫愛儀兆。以是德風下洽。萬民安堵。蓋國家者祖宗相傳之國家。非陛下一人之國家。人民者國家之人民。非陛下一人之人民。人民賴國家而生存。國家賴人民而成立。陛下更賴國家人民而後得臨御。所謂國者以民而成。王者以國與民而成。是實天之則也。此其義銘於萬衆之肝膽。千世不可磨滅者也。陛下宜服膺此法典。以與天地長久。若誤於奸臣。背此天則。恐下民不堪虐政。將有不利於陛下也。近者人心搖動。不安其堵。妖雲殺氣。密閉四面。潰裂之狀。即在目前。是果何故乎。由臣民背陛下乎。抑由陛下戾臣民乎。臣度決非臣民之背陛下。亦非陛下之戾臣民。惟左右近習。以媚陛下諂陛下者。背陛下即背臣民耳。蓋其壅蔽聖明。動矯帝敕。凌人民。恣私利。弄威福之故也。夫先皇以雄偉之才。戡定大亂。播博濟之仁風。登萬姓於衽席。賞功履約。與民誓曰。嗚爾有衆。助朕艱難。以除暴逆。爾績實多。朕大嘉之。茲從前約。依公議。許自治之政。休養民力。朕百年之後。或有敢背此約者。非朕之子孫。非朕之臣民。於是我三千餘萬之同胞兄弟。皆感泣聖恩之優渥。日望善政之舉行。其後先皇崩御。權臣矯命。前約歸於水泡。陛下至仁至孝。而今竟悖先皇之聖詔。其何以見先皇於地下乎。古聖有言曰。民無信不立。陛下至仁至孝。而左右之臣。以陛下之名。失信臣民。何以統御萬衆乎。臣等素非有怨於陛下者。惟見左右執政之權臣。有壅蔽聖明之跡。區區愛國之情。所不能緘默也。夫聖詔之寶典。上下一意。必須奉戴者。戾之悖之者。非宗廟之子孫。非國家之臣民。若夫明時勢之變遷。審氣運之轉移。知寶典必當改革。亦必詳議其利病得失。與國家之隆

秩序，財產之安甯，而後始可改革。若不然，一二權臣，矯帝命以自便私圖，人民不信其法，不堪其律，無遵奉之誠心，憲法之實，果何在乎。夫猝然背盟約，悖聖詔，奪自由之權利，施壓抑之苛政，容狂生浪子之妄言，毀國家獨立之骨髓，言語文字，舍己國而用他國，臣等不知政府之意何在也。政府如固守今日之弊政，徒恃兵力以壓制下民，自以爲安攄泰山，高臥堅城之得計，可謂燕巢於飛幕者，豈不諛哉，豈不危哉。然而左右之臣，執拗頑陋，爲私欲傷帝德，爲私利忘國家，不舉行先王之聖詔，當此時也，十九世紀之人民，欲維持國權，保存人所同有之權利，恢復被人掠奪之自由，吾知必出於强力，而不假於柔順，國家之前途，概可知矣。希陛下上對祖宗，下思人民，毅然英斷，勿爲奸臣等傷蓋聖明，如遲一刻則有一刻之悔，延一日則有一日之災，陛下如鑒愚忠，有所採擇，則幸甚。

書上，政府覽之，知內亂之不可已，乃召集議員，發布憲法，釐革弊政，許地方自治，未幾法帝拿破崙討平四鄰，併吞歐洲，奧國亦權其鋒，連戰不利，都城悉陷，奧帝因復出奔，創國邦家存亡，迫於旦夕，我人民因再生敢愾之心，出師救援，以抗拒法兵，使奧國存而不亡，皆我人民之力也。當時法國革命之亂，其禍浸被全歐，流血盈野，殘骨載道，人民流離顛沛，不得安堵，不得營業，莫不有厭亂思治之心矣，而彼誤以自由爲國家紛亂之階梯，民權爲人民窮困之門戶者，即言論之急激，舉動之粗暴，本爲自由民權之本色，亦且指摘而壓制之，却不思爲自由脫奴隸之苦海，爲民權得自主之樂地，以至呻吟叫號於鞭笞之下，其慘苦豈不可救息哉。

其後奧國有減廷日苦者，任外務大臣十餘年，陞宰相之位，掌柄政權，施愚民之術，以致政體腐敗，人心委靡，挫折國民之精神，消滅改進之氣運，使十九世紀之奧國，將士不奮，民心不競，學術不進，工藝不興，商業不振，國運

之進步。比鄰國瞠乎其後者數十年。皆滅廷日苦之所致也。西被普國之辱。見斥日耳曼聯邦之盟主。南爲意國所敗。失去祖宗數百里之土地。東招倒牙利屏藩之怨。北受俄羅斯强暴之加。數歐洲衰弱之國。首屈一指者。舍奧國莫與屬。亦滅廷日苦之所致也。凡此者皆滅廷日苦汲汲以保祿位。便身圖。拑制志士之口。沮喪人民之氣之所致也。政治家豈可不深鑒乎。案滅廷日苦一譯作梅特涅

滅廷日苦之爲人。少有才。無節操。巧辨佞黠大計。一旦掌握政柄。布施抑壓暴制之令。斷絕自由自主之根。議院則以貴族僧侶組織而成。議員則以威權金權籠絡而得。政府之提出議案也。不說是非與得失。滿場常贊成原案。而無駁議。議院之開閉。皆終於一日。故世謂之爲一日議院。自是賄賂公行。諂諛佞倖者。則漫享富貴。節操忠義者。則皆被退黜。商工之大業。悉握於滅廷日苦黨與之手。貪曖昧之利。謀不義之財。而又好博貪花。耽酒役色。日嬉游於風流之地。迷溺於花柳之場。狐假虎威。恐嚇流輩。傷風壞俗。醜行萬狀。至不忍言。

且滅廷日苦巧於修容。媚於辭令。常以甘言結帝之左右。以固信任於宮中。每出入後宮。而醜聲漏外。且彼自知其學問見識。不能及人。故務作容儀。修飾言語。一據籠絡主義。剛直之士。則籠絡以情實。流俗之人。則籠絡以財色。以榮官籠絡不平之士。以諂諛籠絡外國之人。美宮殿。麗衣服。以籠絡庸夫俗子。於是費用日加。俸祿不給。因假外交名。締結更稱探偵費。稱帝室費。濫用百萬之金於模稜之中。彈劾無御史之官。議院無糾彈之士。三千餘萬之生靈。納酷租。苦苛斂。傾家破產者。每年以數萬計。官府强爲之說曰。人民奢侈與怠惰之所致也。甚至路有乞食者。則拘之。家有求助者。則追之。有以賑救貧人之故而受嚴責者。嗚呼。國勢陷於此。又何恃而不恐哉。時國家中興之老將猶多。滅廷日苦原無汗馬之勞。知威望難爭。且以奸佞之才。盤踞上位。懼一朝有事。全失政柄。乃

案一策名外交。以諂諛主義。依賴强國。警察嚴偵探。外交主祕密。徒冀幸無事。粉飾太平。雖傷國權。損國威。亦所不顧。老將眞無用之人哉。於是獎勵舞蹈遊樂。惟使元氣消磨於歌舞之場。使將士昏倒於醉夢之間。使人民沉埋於貧苦之境。而莫之或恤。己則徒與黨與共積萬金。以了一生於安樂放逸之域。天其許之乎。人其許之乎。

自三帝約神聖同盟。歐之大陸。皆被其强迫連合。蓋同盟之意。欲撲滅自由民權。若其國有倡革命之舉。布公議之政者。以同盟軍征討之。以故涂英美之外。皆呻吟於抑壓非道之治下。其不諱直言。而被追捕繫獄斷首於刀下者。不知其幾千人。滅廷日苦欣然曰。善哉善哉。可以送我餘年於優遊之中矣。焉知熱望自由改進者。形跡雖未發泄於當時。黨與却已布結於各處。韜蹤匿跡。以待時機。既而會法京革命之軍起。促柏林之改革。全歐人心。紛如亂麻。激昂如堤水之決。滅廷日苦既不能以詐術巧言籠絡之。於是倚賴武力。施鎮壓之令。國中人民見之。俄然勃發憤激。有志者不期悉集於京師。伏九閽上書以展自由。請內閣改革者。日益月多。就中奧都大學博士諸生。先衆大呼曰。不許出版之自由。不能訴人民之冤屈。不興立憲之政體。不能殺奸臣之專橫。不與人民參政之權。不能圖一國之獨立。於是全國士民。憤激殊甚。推老父爲魁首。奉書宮闕。請除弊政。一千八百四十六年正月十五日進維也納。民人歡喜奏樂。燒舞火先導者數萬人。咸唱萬歲。呼救主。蓋此日爲救主開議院之日也。議院猶未開。傍聽者已數千人。充塞四旁。一士立於石階。朗誦老父告天下之檄。衆皆異口同詞。咸翼贊之。必要議員人民隨進王宮。痛陳國勢之危急。以上達帝聽。於是尾而進者千百爲羣。滅廷日苦大恐。與黨羽數人。倉皇懷財寶。遠出奔於英國。嗚呼。身爲國家大臣。既不能竭忠盡誠。以報君國。及事之已至。又不能盡力以鎮大亂。引罪以謝天下。一誤再誤。至於背君捨國。偷生潛逃。絕無氣節。權臣末路。往往如此。可勝慨哉。紅蓮曰。自古奸臣柄國。

貪戀祿位。擅弄威福。諂媚强鄰。以至損辱國體。猶恬然而無所顧。或恐志士暴露之。則束縛言論之自由。欲以蒙蔽當世。嗚呼。如滅廷日苦者是也。有志如尊父。亦被挫折。不能置身父母之國。而落魄於他邦。不亦悲乎。散士問於夫人曰。僕聞尊父大名久矣。雖然。其卓行偉業。僕知之未審者甚多。希爲僕詳說之。夫人曰。老父年三十而中代議士之選。充伺國之議員。當時名聞未著。演說未熟。經驗未積。世務未練。辨論才識。未動輿望。以不能鑑議員之職。竊自歎息曰。吾不自省。擔荷參政之寄託。雖欲伸民之枉屈。增其福慶。奈力微才薄。不能副其望。有負故鄉老父者多矣。然若厭然辭職。奈代議士之分未盡何。惟嘗以身報國耳。區區他人之毀譽焉用避之。當時議員爲政府所籠絡。議員忘代議士之本分。徒迎合政府之意。議事專斷。多不洩之於外。議員亦不敢明告於人民。人民慣受抑壓。漸染之久。亦恬不爲怪。以是官吏濫用國帑。議員之汚行。多有不堪言者。老父目擊之。慨然曰。奮擧之徒。忘公圖私。以虐政愚民。欲以永保祿位。風教之壞亂。可謂極矣。國勢之陵夷。可謂至矣。乃刊議事實錄。以頒布於公衆。人民初讀之。憤其縱橫專恣。人心漸醒。政府大懼。定出版條例。欲以禁遏之。老父密使諸生數十人謄寫。以徧頒各處。有爲之士。蜂起援之。遂迫內閣及議院。請公布議事實錄。輿論鼎沸。吏人復無如之何。而恨爲老父所暴露。使人說老父曰。公列清華。而位高顯。年少而抱卓犖之才。徒爲客氣所使。漫抗爭政府。以忘禍害及身。竊爲公所不取也。若少自抑省。安身宦途。永享富貴。不亦善乎。公之才智。將來必有重用之日也。老父聞之冷笑曰。僕祖先以來。世列貴族。家頗富贍。若爲一身計。亦復何望乎。但下民瀕於困頓。國勢趨於陵夷。敗亡之機。日危一日。僕挽頹波。蘇民困之外。復無他意。今政府貴族。專擅政權。橫征暴斂。朘削貧民之膏血。以擲諸無用之地。焉有民力之不凋衰乎。是非獨細民而已。雖中等以上之人。亦無不歎息叫號於苛政之下者。抑政者安民之具也。而

今乃爲虐民之器。反不如無政之爲愈矣。夫汚吏之利慾無窮。而生民之脂膏有限。以有限之膏血。而供無窮之利慾。欲其不困鬱。何可得乎。是非愛國志士袖手旁觀之秋也。吾豈忍爲富貴榮達欺我良心哉。於是政府益忌之。遣捕吏以逮我老父。投之獄中。法官逢迎上意。羅織其罪曰。骨數斗身在華胄。心實叵測。擅以議事實錄。公布於世。以煽惑民心。圖謀不軌。因定獄四年。既出獄。身體衰弱。足不能步。乃隱於海濱。暫避塵世。以休養銳氣。既而歸於奧都。發行新報。凡政治之腐敗。風俗之猥靡。貴族僧侶之專橫。皆大聲疾呼而思救正之。又痛論國語爲國家之元氣。人民之骨髓。必要恢復。因使議院議定廢德國語而復用本國語。於是輿論翕然。老父以爲欲濟世救民。使國家富强。與文物典章。衡美於外。莫如先養一國之實力。以固其基礎。於是銳意講經濟之策。以爲工商之權。落外人之手。則獨立之國體不成。乃執保護政略。外國輸入之貨。則重稅之。己國輸出之物。則輕稅之。由是工商之業大振。老父猶以爲未足。與愛國志士。誓不使用外品。國人望風奮從。風氣爲之一變云。老父爲人勇敢沈著。胸襟豁達。以天下爲己任。處患難而如夷。豪俠不羈。傾產以結四方豪傑。名聲藉藉。震於一世。其在議院也。侃侃而談。訴生民之苦疾。論國家之大計。沛然而不可禦。人無敢當其鋒者。皆靡然從之。其勢力之大。人望之歸。列國議員中。曾無其匹敵。黨常相語曰。於議場與骨數斗舌戰。如驅羣羊而搏猛虎。其爲人所敬憚如此。當是時。政府黨以貴族爲魁首。其倚賴權臣。無節操。求榮達者。發行新聞。無廉恥。受賄賂者。戇直之士。關當時之事情者。又相集爲一黨。其所倡道曰。古來聖君賢辟。其功德所以垂於今日者。皆無非專制之政體也。曰立憲政體。曰共和政體。皆亂國家之秩序。削帝王之主權者也。曰責任內閣。曰更迭內閣。皆動搖國本之萌。擾亂國是之漸也。一意逢迎政府。撲滅國民之義務。指立會演說。爲處士橫議。目新聞出版。爲斯文敗類。且柱爲之辭曰。現內閣雖處事

失當。謬誤甚多。然今之大臣之外。可託任天下之大政者。實無一人。然則情實（情實者親族相率故舊相引不問人之賢否也）組織之內閣。比主義結合之組織。尤爲鞏固也。輕減人民之負擔者。流於放逸奢侈矣。其辨論浮說。固無足論。時一千八百四十七年。老父將補奧匈獨立黨代議士之職。政府大恐之。有吏人某頗黠。賂言官。使改爲政府黨候補。府知事派吏員而作流言。以讒老父。警吏戶說家喻。貴族則集舊臣以陳情實。勸助政府。獨立黨亦正正堂堂演說。盡全力於新報以援老父。紛紛囂囂。物論如沸。是實不止政黨之勝負。一國之盛衰存亡。實集於老父一身之時也。時匈都之佳人雖以婀娜之姿。往往立於衢巷間。囀其嬌音。縱橫論議。以作老父聲援。至今猶傳爲政海佳話。既至選舉之日。果爲衆所推而入議院。敵黨一敗。無復顏色。我黨之喜可知矣。老父自入議院。爲釐革弊政之魁首。指摘政府年增人民流離。財政失當。毫無所避。時忽有一急報。如霹靂一聲。落於議院者。乃巴黎府有人民倡改革之舉也。衆聞之。皆駭愕失色。老父徐起曰。方今危急存亡之秋。徒論財政一事。安得救禍亂乎。抑我國承大亂之後。民心思治之餘。竟爲奸臣誤國。上乘之而恣專橫。下爲之而趨卑屈。是所以致今日國勢之陵夷也。當是時。非決然施一刀兩斷之策。豈能截其毒骨而蘇死者乎。其策首在截除禍根之毒也。而其事蓋有數端焉。第一可清君側。令宰相減廷日苦擁仁聖之帝而握大權於私門。陽號帝勅。陰占政柄。功績則收之於己。過誤則歸之帝室。夫大臣者奉命於皇帝。而負望於人民。躬荷大任而責在一身。古人不言乎。功成則歸王。不成則自受其罪。今減廷日苦之所爲。上之不忠於陛下。下之不信於人民。是果可稱國家之大臣乎。是不可不代以剛直大度之名臣也。第二可責任組織內閣。夫內閣者。萬機之所出。政事之過誤。皆不可不任其責。自減廷日苦作宰相以迄今日。國事蔑脞。時則或掩以帝勅。或使當局之吏員代罪。恬然引退。若已不與知其事者。是可謂內閣組織之得宜哉。

宜劃除積弊而更革一新也。第三都下維也納之官邸。壯麗眩目。瑰琦驚魂。退察地方慘狀。苦於苛征。疲弊困難。災厄頻臻。租稅山積。盡賣田宅。離塡慾壑。妻子分散。流離飄零。不能安其堵者不知幾千萬人。是破地方自治之制。積中央集權之弊之所致。宜滌滌流弊。以圖休養生息之道。第四財政不得當。徒朘削下民之膏血。設方法以計財庫之便宜。故利少數之人民。而苦天下之衆庶。且先導富人驕奢之風。輸入超過於輸出。金貨日減。再蹈前年之覆轍。宜計盡公明鞏固之財政。先在一掃除無用之政費。第五施政之方針一定。情實之政日加。朝令暮改。弊竇百出。煩民苛斂。民心之厭日甚。夫爲政之要。非爲人官設。爲官舉人也。今紀綱敗壞。爲人設官。賣私恩以官。解私怨以官。殆不異以官爲朋黨遊戲之具。天下之公租。一如權臣之私物。無用之貴族日加。吾輩當困弊艱危之際。所以減衣食以奉公家者。非以上則祈圖皇室之長久。下則冀望人民之幸福之故哉。今既如此。生民之疾苦。愬誰託也。嗚呼。廟堂諸公。歌謳舞蹈。粉飾太平。日又一日。苟且偷安。外招鄰邦之輕侮。國威漸替。內弄威柄。破郵便之公權。擅開私信。疑忌忠臣。追放志士。抑壓論客。蒼生塗炭。無由自達。而國本亦從茲而盡矣。當此之時。非捨私心。主公明。訴公議。以公議輿論。一變內閣組織。掃滌無用之官吏。廢不急之土木。減政費而薄稅斂。以休養生民。興復國勢。萬不可望也。衆皆憤然曰。然哉然哉。今日之內閣。或於情實者也。雖傷國權。損國威。專爲保守祿位。而徒倡平和者也。現時之大宰相。巧言令色。反覆表裏。而無大臣之風。弊政更革之責。在於吾輩。宜一變內閣組織。糾彈官吏之權。握於議院。許自由出版。寬集會演說之條例。輕賦稅。以謀休養。外禦敵國之侮。內防蕭牆之禍。議遂決。老父代衆赴於奧都。請於奧帝。奧帝不得已。許出版言論之自由。公裁判之實。記置陪審官。建眞正立憲之政體。初貴族邪維鬼苦匈國頑固黨之首領也。與滅廷日苦結託。以恣私利。煽動崇信舊敎者。抗文運之進

路。督撲滅志士。一朝聞滅廷日苦出奔。聞建立憲眞政之詔出。晉曰。我豈忍與奴隸議政哉。遂舉兵而反。虛誕誣罔。煽動亂民。而逞强暴。占奪良民之田宅。虐殺屠戮。無所底止。燒家刈麥。野無青草。奧帝縱送兵食援之。俄國亦煽動希臘教徒而作亂。旁觀坐視。殆如不知者。匈都之議院訴之奧帝。奧帝陽納之。召邪羅鬼苦而正罪。陰賜斧鉞以爲匈北之管領。人民聞之。憤激益甚。老父立於議院告衆曰。奧帝忘國家人民。破約助暴。而煽虐奪我自由。欲以我爲奴隸。事已至此。亦何言哉。宜募一國之義勇。以講自衛之策。然非募兵二十萬。金一千萬。則不可也。諸公以爲如何。滿場人不覺起而贊曰。不得自由。有死而已。豈能屈於强暴。非道哉。速徵集之。老父見其義氣烈烈。不覺潸然泣下。跪曰。代議院謝匈國人民愛國之心。衆遂推老父爲護國黨之盟主。歃血俱盟。既而邪羅鬼苦合奧國之援兵步騎五萬來犯。匈國之志士。迎戰於斯可洛。命維也納大破之。殆擒敵之全軍。邪羅鬼苦乘夜逃竄。僅以身免。奔於維也納。追獲甚多。政府饋臺。進助邪羅鬼苦伐匈國。皆曰。不忍伐報國忠義之同胞也。今日之事。曲在政府。吾輩雖死。不能奉命。政府由是令騎兵伐之。戰起於街衢之間。勝敗久不決。維也納之學士及大學之諸生見之。慨然揭竿而起。市民翕然應之。相與夾擊而大敗騎兵。生擒陸軍卿羅刀。數罪而誅之。梟於街燈之上。奧帝出奔。奧都歸於革命黨之掌中。雖然。烏合之兵。議論紛紛。學士諸生。不知兵略。最暗權變之術。遂失兵機。奧帝再蒐兵選將。與邪羅鬼苦之敗兵合而來攻。時城中之形勢。恰如水夫怒船主之不法而殺之。雖得握全船之權。不知運用之妙。惟任風飄浪泊。號令百出。惟自己之動作而已。波闌之老將辨武。嘗往拿破崙麾下。勇略蓋一世。常憤國家爲俄奧普三國所滅。欲一報仇敵國而死。屈伏待時久矣。今聞奧之亂。挺孤劍來救匈國之名將。苦樂武荷亦入城助之。於是城中鼓氣。高壘深溝。大議守備。既而奧軍大舉圍城。奮戰累日。城兵日夜翹首而待匈

國之援軍。時匈之謀議分爲二途。一曰事既至此。直長驅而救城兵。一舉而衝敵窟。以絕生民艱難之根。清君側之惡。組織立憲公議之良政。一曰我之舉兵。實出於防禦之不得已。今已退敵兵於境外。若越境動兵。徒負叛名而已。且烏合之兵。刀鈍銃寡。難以敵奧之大軍。論議經數日。漸決前議。老父將兵二萬而赴援。敵將分兵步騎六萬。大戰於城外。我兵敵愾之氣雖有餘。兵器脆弱。陣無巨砲。敵彈飛射我軍。猶不顧而進。奮戰半日。殺傷過半而交退。城中見之。氣沮食盡而乞降。會邪羅鬼苦再來攻。老父逆戰。復大破之。生擒數千。士卒以老父待遇優渥。感激欲留戰者甚多。未幾。敵軍二十萬自四道來攻。時匈國之精兵僅不過二萬。其餘烏合之衆而已。兵甲不完。糧食不足。老父奔馳國中。鎗說家喻。奬勵士民。鑄銃鎗。製硝藥。內定國是。而外當勁敵。鞠躬盡瘁。義氣動人。士民皆無不感激。原來舊教之僧侶。常忌改進之政。與守舊黨人亦會於匈都。痛論被外邦蹂躪鄉國。至有荷戈而陷敵陣者。雖然。衆寡之勢不敵。訓練之效不精。不能以刀槍弓矢。當巨礮良銃。外援未至。匈都既陷。老父應衆灑淚而勵曰。諸方勤王之師。皆在途次。救援不遠。美國革命之日。三都已陷。士氣益堅。吾輩勿使爲美人所笑也。將士鼓勇。瘡痍皆起。名將辨武召募義勇。驅逐奧兵。進至東境。豪流勁者又率精兵而據險塞。以扼奧爲大軍二將用兵迅速。朝衝其前銳。夕襲其後陣。敵疲於奔命而退。電將軍亦波蘭之名將也。將勇來救。伐敗奧之北軍。連戰皆勝。進而大戰於夷閔絕區。奧軍敗走。我兵斬首六千級。生擒二千。匈軍之威大振。邪羅鬼苦聞風而遁。奧軍又無戰色。初歐洲列國之君將相笑曰。匈國烏合之民。安得當雄邦訓練之勁卒哉。至是列國稱匈國之義勇。約公認匈國之獨立。奧之威勢全衰。奧之君臣昧後世之大患。陷於俄國辨士之遊說。忘國家之恥辱。借敵國之兵馬。欲以征服同盟兄弟。遣使者乞俄國之援。初俄國挾富强苦於無事。將士撫劍而歎髀肉之生。今又聞奧國之敗。每見

專制之政。爲公議迫蹙。不能無憤激之感。且救鄰邦爲名。征擊匈國。使不能再振。策他日併吞歐之南方。亦復不難。相機已久。及奧之乞援。大喜諾之。直出大兵。約衝匈之背後。宣言曰。匈國反賊也。匈之人民倡道自由改進者也。自由改進者。俄奧帝室之深仇也。匈若制勝。離保全歐之平和。故裁定匈亂。誅首謀。復獨裁之政。破自由改進之迷夢。上報天帝。下盡人民之義務也。匈國之人民聞之。移書歐洲列國。以訴俄之强暴。匈之枉屈。列國聞俄奧同盟。旁觀不救。既而俄奧大軍五十萬。壓境而來犯。匈國志士。憤激泣下。誓以身殉國。遂鳴奧國苛殘之罪。傳匈國獨立之檄。實一千八百四十九年四月十四日也。諸將相議。先克復都城。期日進戰。決圍奧之老將片勢於匈都佛跎城。血戰苦攻。自夜達旦。敵兵善拒。翌朝更鼓勇進擊。刀槍相接。城壁蟻附。遂覓陷之獵片勢。擒全軍。軍氣大振。雖然。此役也。將士傷亡過半。而俄奧之援軍日加。四方之敗報頻至。大將豪流勁爲人勇敢果斷。善於用兵。無如海於忠義之心。久蓄異志。忌老父之有民望。陽不奉命。俄軍偵知之。以重賞誘之。豪流勁遂縞約率麾下精銳之兵而降。麾下之將士無覺之者。會敵之大兵圍繞四面。豪流勁出於不意而降。宣言曰。忍恥抑憤。以救將士之死。濟生民塗炭之苦也。麾下之士。或忿恚自殺。或不忍委其愛馬於敵。有親斬之者。或折劍裂旗。悲憤號咷之聲。於軍門前終夜不絕。時名將苦樂武荷固守胡蒙嵓之堅城。諜知敵之暴將平能之軍。縞出匈軍背後。夜半銜枚襲擊。掩破之。敵軍狼狽。伏尸滿野。所獲之銃礮糧食。可支半年。進戰又破敵軍。將越奧境。士兵集於旗下者日多。兵勢大振。因會將士而議進戰。衆皆奮曰。機不可失。宜長驅直進。而乘敵兵之無備。直衝奧都。結城下之盟。眞在今日。士卒聞之。踴躍振奮。勇氣十倍。卽日徒行而進。復大破奧軍。屯兵於武維天湖畔。檢閱軍容。將士意高氣揚。妖氛消散。匈國獨立之薰風。自由之祥雲。鬱鬱靄半天。奧都維也納震動非常。乃與將士張宴設。明朝之戰勝時。

有一農夫狀貌憔悴形容枯槁踉蹌而進苦將軍之前見之則下議院長也戰栗無言漸擇淚曰大事去矣大事去矣豪流勁旅既資士卒甘爲降虜骨數斗率殘兵而奔保東境諸將士聞之慷慨泣下仰天憤然

第九回

骨數斗夫人又繼之曰於是苦樂武荷慨然告衆曰吾輩爲國家與事已等身命於鴻毛甘其面縛而爲囚徒當不若以馬革裹屍也一息猶存豈忍棄伐賊之旗斬敵之劍哉雖然今日大勢既已非矣諸子欲去則竟去予亦決不恨之也衆聞之皆曰吾儕小人辭故鄉捐妻子從於將軍麾下既以一身奉國家豈以事之成敗渝其志哉死死生生惟將軍之所命耳幸而天心悔禍佑我正義存我社稷庶幾以笑手回狂瀾若不幸而潔身與國俱亡爲匈國忠義之鬼以振後昆之義氣尤可望也苦樂武荷聞之大喜輒率其衆沿道集糧負弩退胡蒙嵛城直修堞壁浚陽池駕礮壘上自巡視諸營撫循士卒壯者勵之創者恤之以死固守其城復檄將士曰夫古有以一旅一成興國者如往者士耳其自亞細亞起而西向也輕騎不過四百而能破羅馬東都國威赫然震動歐亞又嚮者拿破崙以乘勝之兵而東向也陷入奧都使女帝蒙塵當時我匈國忠義之士振敵愾之志躍然奮起遂挽回國運今我有忠義之士數千快健之馬數百投間抵隙以主對客以一當百大事尚可爲也諸子其各勵乃忠誠勉乃心力效死斯城而勿去則化逆境而爲坦途振疲兵而爲勁旅何難之有哉衆聞之憤激啜血指天而誓願以死從事既而奧軍大集來圍四面環攻連十五日礮聲如雷彈丸如雨雉堞盡摧隧兵營半被焚煙燄四塞上瓦霄漢敵兵乘之欲攀上城壁如是者三幸城兵能作防每戰皆破之絕無餒怯之狀雖然內則將士日見傷亡

彈丸糧食亦已告乏外則援軍耗杳敵兵愈加攻圍益急大勢幾不可收拾矣奧軍圍攻以來頻相勸降至是又遣使入城說苦樂武荷曰將軍提疲散之孤軍屢破大軍今雖陷墜重圍而將士用命視死如歸將軍又意氣自若泰然不動其忠勇義烈天下既無不感者雖然閣國盡降援兵不至所餘者一孤城耳大事去矣人之云亡而將軍獨嬰危城固守俟死者其用心不可爲不忠也然要無所裨補於國家願將軍少留意焉無以一身殃一城以一城毒兆姓其速講和而全兩軍之命哉苦樂武荷卽應曰謹謝來諭之辱雖然議和投戈本屬甚善請先立約者曰屬我壘下將士所聞名變之降不得據戰俘之例其一行一止任其自由又所有軍器行李悉給與之昔雖犯罪今無容問又許開城之前執行弔祭祭戰士之忠魂於城中若此數事得奧帝之勅許則收兵出城儻無許約惟與城共亡耳奧軍知其難下請之奧帝帝不得已許之於是苦樂武荷慷慨登壇告別將士曰吾爾有衆忠勇節烈所向無敵以寡破衆未曾挫衄以孤立之一城支四十萬虎狼之大軍欲救國脈於既絕期全士之恢復無如皇天降禍厄我生民諸道之敗報接踵而臻大勢既去力竭計窮孤軍不敵陷於重圍元帥豪流勁無志無節甘爲降虜望東境之殘援遠如萬里嗚呼我儕遭此時艱際此凶禍智勇俱困心力交瘁天時人事非戰之罪也卽使炊骨爨骸嬰城堅守不過延旬日之餘命耳然則逞憤而徒殞命於疆場孰若含垢於今朝期功於異日乎但願不忘此境嘗膽臥薪誓雪國讎也嗚呼戎馬久勞雄心尙在相見有期爲國家前途自愛三軍聞之率皆流涕翌日築壇城上以祭殉節之士厚加殯殮而後嚴明旗鼓整勒戎馬開門出城奧軍見之不覺動容驚歎於時國內報國之兵悉爲奧俄所討平奧俄竟背前約斬親王侯伯大臣上下兩院之議長以下十餘人銃殺上將官十二人將校數十人暴掠殘虐無所不至捕良家之子女則曰汝奬父兄而使戰視富家之老母則曰汝

出軍資助自由之賊。何哉。亂入農商之家。則曰探賊徒之潛伏。或鞭笞。或跳踢。辱其婦女。奪其家財。遂又嘲笑曰。自由之民。何狂愚乎。獨立之師。何怯弱乎。士民切齒。無不痛憤。雖然。手無寸兵。士氣解散。其奈彼何也。且當其時。匈國高名之士。或被戮。或被刑。或漂泊他國。瑣尾流離。死亡相繼。其得晏然全體歸國者。獨有豪流勁及其黨與耳。國人聞之。憤怨益甚。無不欲食其肉。炊其骨。嗚呼。如美之阿能奴法之朦老。今之豪流勁。其才略名望。皆卓絕人寰。卒不能全節盡忠。而背義賣國。爲貪數年之富貴。而遺千載之臭名。眞可歎也。先是老父率敗殘孤軍。僅保國之東南。兵僅不過五千。敵軍叱咤襲來。號二十萬。老父且戰且退。跋涉卑濕之地。草行露宿。無暇解甲憩馬。士卒之疲憊愈甚。邪熱瘴氣。日夕發作。重以饑餓而死者。十之七八。而敵兵追躡愈急。乃僅逃入土耳其之國境。哀哀乞救。土人曰。匈國者。我祖宗之舊讎。且敎門之敵也。雖然。窮鳥入懷。豈忍殺乎。況骨數斗提孤軍。當强暴莫禦之大軍。百折不撓。數蓋運窮。不渝其志。眞不易得之豪傑哉。遂乃保護慇懃。待遇亦厚。奧俄之君臣聞之。必欲得老父而甘心。以百萬之黃金而賄土帝。且强迫曰。請速出我逆賊。若欲强爲保護。二國之兵馬既合。從事干戈。何難遂吾大欲也。土廷赫然怒曰。骨數斗者。愛國忠義之士。豈可以凶賊目之乎。夫於政治上犯罪而逃入他邦。非其本邦可干涉之者。是實萬國公法之所許也。然二國之橫恣。目無公法。蔑視我國權。徒逞暴虐之威。我國雖微。猶足相對。豈肯束手付國權於不顧哉。遂峻拒之。自是奧土之交幾絕。將以干戈相見。而屍山血川之慘劇又欲再演於歐東矣。駐紮土京之各國公使憂之。或往慰俄奧。或說土廷。或勸老父。欲以結平和之局。策盡無所不至。土之大臣。從容告老父曰。我國實欲保護公等。然各邦之星使等揚言曰。土國之保護骨數斗。永留此地。是爲二國伏敵養虎者也。其意不外破三國平和之交。若以三國之交際爲重。可驅亡國之敗將於國外。不然。則爲包藏

鵷心之證耳。是我君臣夙夜慨憤所不措也。雖然。今日我國勢衰微。乏拒各國勘苛之力。是實自愛。且對公等實不勝慚愧也。但於茲有一策。使彼等不能藉口者。無他。公等改宗回回教是也。入回回教。住於土國者。與我臣民同。他邦不能干涉。我國法所明記。條約所公認也。公等能無欲免此難而棄基督教之意乎。吾今千思萬慮。舍此無策也。老父灑淚謝曰。國亡身死。是男兒之志。所以不即引決者。微息猶存。亦欲爲國家盡心力。一洗歐洲專橫之原點。俄奧暴虐之敝政。窮歸以來。貴國之優遇。無辭可謝。雖然。變教一事。難從高諭。死固不足恐。名教獨可惜。今若爲避難入回回教。後人白爲貪生怖死。枉心自欺者也。是實予所不忍言。又良心最所不許也。數盡道窮。將託命於滄海之外而已。說諭再三。畢竟不聽。於是老父之身命。危如纍卵。初匈國之傳檄各國也。北美合衆國民嘉其義。救助之議。紛紛不絕。以國是不許。未敢出師。今聞老父之危急。憐之之情。救之之論。蔓延於國中。暢論於報紙。一國之輿論。無不贊揚其義。舉決之於國會之議。上下同心。全國一致。於是派軍艦於土國。載老父數人歸美國。此義舉實宇內各國之所稱贊。而俄奧之殘暴。亦不能難之。老父自是來居於美國。歲餘。所至款待優隆。皆稱其高節大義。勸永留此土。老父以有愧於高節公之高風。乃辭美國又航英邦。遊說各方。述故國之慘狀。痛論俄奧之殘虐。以求同志於天下。迄至於今。更不渝其素(*)。士曰。尊翁之經歷其如此乎。其崎嶇間關之蹟。其宿志蹉跎之情。思之猶令人毛髮悚豎。紅蓮曰。聞往年奇形之帽。歐美間青年人士皆倣用之。今猶稱之爲骨數斗帽。當時有不戴此等帽者。謂爲不知邪正忠奸之別者云。又可以知尊翁忠勇義烈。感動天下之人心也。時山鴉噪樹。東方既白。諦視衣袖。曉露既深。三人始驚夜盡。登岸入室。相對而喫朝膳。背上有聲連呼曰。勿棄妾去。勿棄妾去。驚而回首。則是往日之白鸚鵡也。散士起撫其頭曰。嗚呼。汝猶且記憶疇時。見吾三人之會食。然汝能服膺

(*) Bản dịch của Phan Châu Trinh kết thúc ở đây (tr.114) - Về sau, Trần Tiêu dịch tiếp đến hết trang 220, nhưng cũng chỉ "lược dịch" (diễn ca) được 106 trang bản thảo tiếng Việt, chưa xuất bản. NBS.

女史之敎。無敢失却乎。嗚呼。何其多情乎。余再聞汝有情之詞。深自愧赧。昔有賦汝者曰。挺自然之奇姿。體金精之妙質。含火德之明彈。性辨慧而能言。才聰明以識機。采采麗容。交交好音。雖同族於羽毛。固殊智而異心。配鳳而等美。焉比德於衆禽乎。容止閑暇。守植安停。雖逼之不懼。雖撫之不驚。甯從順而遠言。不逾忤以喪生。窮歸委命。離羣喪侶。閉以彫籠。翦其翅羽。飄流萬里。崎嶇重阻。彼賢哲之逢患兮。猶棲遲以羈旅。矧禽鳥之微物兮。能馴擾以安處。眷西路而長懷兮。望故鄉而延佇。嗟祿命之衰薄兮。奚遭時之險巇。豈以言語而階亂兮。將不密而致危。痛母子之永隔。哀伉儷之生離。長吟遠慕。哀鳴感類。音聲悽以激揚。容貌慘而憔悴。聞之者悲傷。見之者淚墜。放臣爲之腹熱。棄妻爲之欷歔。感平生之遊處。若壎篪之相須。何今日之兩隔。何胡越之異區。願攜檻以俯仰。窺戶牖以踟躕。想崑山之高嶽。思鄧林之扶疏。顧六翮之殘毀。雖奮迅其焉如。懷歸心而不果。徒怨毒於一隅。苟竭心於所事。敢背惠而忘初。託輕鄙之微命。委陋賤之薄軀。期守死以報德。甘盡職以効愚。恃隆恩於既往。庶彌久而不渝。嗚呼。汝之心情。亦可憐察。今女史全命於征鞍矢石之間。保生於亂離間關之裏。況又無由知之也耶。鸚鵡振翼悲鳴。紅蓮瞅起曰。妾百感交集。胸中如裂。既知女史逃遁逆境。豈忍安居樂坐哉。妾志已決。將赴埃及。與女史同生死。艱難蓋英國從事遠征。師出無名。當深入其間。視察其舉動形勢。報之同志。未必無恢復故國之助。然則是千載一時之好機也。苟躊躇瞬間。便誤報友之期。失報國之道。妾直起身言未畢。彷徨室內。修理旅裝。且告夫人曰。夫人昨來此土。覓尋旅舍。想未得佳者。賴有此隱家之處。請暫起臥於此。以解長路之鬱。夫人作色曰。妾所以千里航此土者。重恩人之依託。在探令娘與范老之消息。達幽闕女史之眞意耳。范老生死。雖未明知。既見令娘郎君。妾行事已畢。豈又留戀於此土哉。且老父在堂。速歸歐洲。盡一臂之力。是妾志也。令娘今去救女

史於陽九妾焉得不相與偕行乎紅蓮喜諾之更握散士之手曰事急而心惶欲言而口却不能道郎君珍重自愛妾當再會郎君於此地以結今日之交也蓋不能無羞於幽蘭女史矣雖然反之我心微纖之疚女史諒亦無怪我二人妾此行以死救女史於鋒鏑之下庶幾攜手再渡大西洋使郎君重得相見其於花開鳥鳴之晨秋風明月之夜艤小舟俟妾還來乎散士知紅蓮稟性勁直臨事勇決斷不可羈絆惟任其意之所欲之而已雖然今聽其言見其去心盪氣激欲與紅蓮共入危邦一救幽蘭於萬死之中一助埃及於衰廢之餘其念遂勃然而不可禁且感紅蓮以荏弱之姿特重交情竟投身於彈雨瘴煙之上而散士東洋一男兒若徒思保此落落五尺之軀不敢說赴援之策是豈無缺於氣節哉是豈無愧於柔婆女子哉既而念曰今之不能偕行者則以百事叢身誠不能捐棄雖然吾亦一潦倒書生耳孑身萬里遊學此土何事不可拚命爲之無如資斧缺乏不能從於遠征且老父在故園白髮頻添倚門待散士東歸者惟日爲歲此身猶未輕以許人也如是心神徊徨一奮一抑蒸蒸焉如夏雲之沸日蜷蜷焉如老馬之在絆既而心低氣下與紅蓮作訣期再會於他日慰撫二人徐使裝身紅蓮行裝既成乃與骨數斗夫人握散士手目眶含淚曲作笑容悠然而去散士倚欄目送二人亦頗望數次遂失其影於此悲哀之情始混混而生舉首則夏木蒼蒼河水潺湲四無人聲但聞樹梢蟬語之聲更遙望南山惟見孤雲出岫絕無景物可慰我懷水帶離聲山牽別緒凝眸瀕岸何年逢驛使之梅握手河梁何日折薤城之柳乃悵悵而歸寓舍胸中悲哀無人可訴惟讀東西之新聞討埃及之近狀知亞剌飛侯用幽將軍之策早退內地據沙漠之險絕灘江之水期久持與英軍交鋒但願埃及軍能多支一歲牽制英軍以助成愛蘭獨立之機會有此音耗散士閱之百感交集胸臆間如雨露之繁如堅冰之結一日讀新聞有異報曰海樓之埃及營中有西班牙一

佳人年齡十八九。能英語。志操貞潔。氣宇軒昂。自入病院。親把湯藥。激勵傷者。看護殷懃。情深愛厚。款接病者。殆勤如待兄弟。以是將士得其一顧。皆忘病苦。蓋曉鶯女史之流亞也。散士不覺恍然。炎暑日烈。寇坐飢中。心身倦怠。日益加劇。憂患纏綿於胸間。居留旅寓。亦無緘書之意。乃下蹄水赴於五月岬。日浴海水。以避炎威。五月岬者。在蹄水之下流。白沙如雪。海波如藍。風光明媚。都人士多來避暑處也。當時散士之知友。來居者甚多。瀟灑之士。嬋妍之女。訪問不絕。或有勸駟車迎涼於海濱。或有勸棹舟垂釣於江上。或有誘舞蹈。或有招會食。雖然。散士概謝絕之。惟倚窗獨坐。對萬重之碧波。欷歔長嘯而已。一日於窗前有大呼者。見之則新報之賣傳單者也。曰亞剌飛將軍敗劒埃及全定。忽友朋排戶而來。示新報弔曰。埃軍遂敗。亞剌飛降虜。散士曰。今聞之街上。想謨報耳。埃亂以來。流言風說。既及十餘次。今日之報。僕又未能輕信。翌朝悉閱新報。皆載亞剌飛敗北之事。事理確鑿。非若往者之虛傳。散士乃恨然自失。遂不覺大呼曰。嗚呼。豎子何不用亞父之大法。失此千歲一遇之好機乎。誤國家苦人民。恣歐人強梁跋扈之慾。至使東洋諸國。盡將沮喪者。豈非此一敗哉。自是謝客稱病。怏怏橫臥者數日。忽有一書自歐洲來。則紅蓮之手書也。慌忙拆封。其文曰。

山海阻絕。道路不通。宿望悉蹉跎。女史之存亡。且無由知。空斷他鄉之魂而已。妾渡歐以來。爲王羅所窘者數次。實不堪窮苦。加之使郎君而駭。使妾而憤者。在巖髓跎之言語舉動。初妾見彼。論英國出師之無名。法國同盟之非計。說埃及國民黨之不可不救。然彼卒然答曰。我法人欲馳威名於地球上。克復名譽之外。其他不知也。英國之專橫跋扈。制之易易耳。方今正使埃及及我國人橫行地中海岸之好機也。我豈以兵馬干涉此國。若鎮平烏合之亂民。卽所謂國民黨。可不使彼震慴乎。妾反覆爭之。彼冷笑而不顧。妾痛憤無極。情長紙短。不

復多言。

散士誦讀再四。惟詘簡而意急。寓千萬無限之感。亦意有不詳者。嚴氏跎之言論。果出其眞心乎。抑有所爲乎。又所謂被困厄於王羅者。在於襍日乎。今尙在於厄難之中乎。千憂萬虛之外。又啓新愁眺覽明月窺窗之夜。細雨鳴簷之時。空夢幽闌於胡沙千里之中。徒懷紅蓮於海雲萬里之外而已。

日往月來。忽而風葉振落。四海皆秋。風折枯荷。點滴幽竹。殘紅觸目。鄉思頻縈。明月牽情。羈愁如織。實不堪感慨也。時忽有飛報自故國來者曰。阿爺逝矣。散士驚愕。如夢如醉。眼不滴淚。茫然自失者久之。嗚呼。散士幼遭家國之喪敗。父與兄弟。各久被幽囚。得侍其父之側者。惟在戊辰之後。被檻車放謫之時而已。又不一歲。旋卽飄零東西。落魄南北。從未盡一日之孝養。西遊以來。倏更四歲。惟期業就之日。東歸几杖之旁。效古人千里負米客前奉檄。以償罷生之願。不意試閙旣撤。游棹久淹。歸家之期。徒勞夢想。今接此凶報。慈母已斃於劍花彈雨之中。嚴父又逝於流遊萬里之日。嗚呼。何散士於二親如此其遭遇不幸哉。風樹之憾愈深。蓼莪之情益切。悲嘆數日。憂愁之極。此身亦罹於病。漸自奮自慰曰。逝者不可歸。嘆者亦何益。今一身孤立。無父母。無妻子。無家無財。更無累此生者。又無掣我肘者。眞所謂不羈獨立。一言一行。惟我所欲耳。況盡其身於國家社會。或亦遠優於世俗乎。

當時徐察東西之形勢。知歐洲諸強國平和對峙之利。競爭侵掠之非。列國汲汲維持平和。惟將其餘威洩之東南遠洋。欲恣蠶食鯨呑之慾。乘日淸二國之未大振。欲擴張版圖。卽英國者其首自埃及延於南洋。法國則自馬爲迄東京。德國自南美至南洋。俄國由己之北境。迫淸之西域。窺朝鮮之北界。瞭然如觀火。然則今日東洋之形勢。眞如坐積薪之上。不覺火機已陰伏其下。而顧東洋諸國之所爲。忘脣齒相依之利。互相猜忌。互相媚嫉。將陷

假道自伐之拙謀。散士觀之。感之痛慨不能已。乃有杖策遊說東洋列國之志。偶遊新府。邂逅一釋師。相與痛論天下之大勢。及列國遊說之事。師拍案曰。僕久有其志。欲歷歐洲。航東印度。請足下與僕同舟車。相攜而巡遊列國可乎。散士遊意愈動。雖然。猶有不能去此土者。祇期他日相會。遂一握而別。後數日裁一書寄釋師曰。

前日初相見。草草分袂。遂無暇開胸懷而語將來。遺憾無量。當時僕有學業之累。不能揚手而與遠征。請拿師諒之。自遨貴府以來。茫然如有所失。徒增惆悵而已。人生在世。意之不如。概皆如此。良可歎也。故今又隙懷抱以補向者之缺疎。大狂簡。如賜採擇。幸甚幸甚。聞明達之士。能視於未形。遠識之儻。能聽於無聲。明經綸之道。詳人心之所向。察其必然之勢。乘其必至之機。以之能有功。今埃及之忠臣亞剌飛將軍。爲楚囚之身。被遠謫於錫倫島。僕常慕其行爲。憐其心事。一通慇懃。深結交誼。欲爲將來東洋諸邦。大有所謀乎。雖然。僕一介書生。相見必難期。而獨先生以緇衣之身。想相遇亦未必難。夫能連衡東洋列國。欲以頡頏西洋諸邦。以埃及爲其鎖鑰。使坐拒地峽。以印度爲其藩屏。進奪亞典之要害。使土耳其踞而北向。自黑海窺强俄之橫。使英俄猜忌相爭。以歐人攻歐人。而我國與清國相合。率小邦附其背。先生何不一見將軍。明吐心丹。具說東洋之形勢。與談瀕除國辱之計。僕不勝感其情也。埃及雖國小力薄。而將軍義氣之所激。忠義之所感。獨能驅疲散之卒。以抗歐人之暴戾。雖一朝兵破而功不成。報國之精神。實有可愛者。僕誠憐將軍之心。豈忍以成敗論其人哉。我日本人口三千七百萬。疆土十六萬方里。較之英法。不爲人寡。不爲地狹。士馬精强。沃野千里。自古稱尚武之國。未曾見一人之蹶起憤論歐人之橫恣。慨念國權之毀損。鳴進正理於宇內者。況翻義旗。勵忠士。與歐人爭國權於兵馬之間哉。此豈足與圖天下之大計哉。思至於此。每慷慨激昂。不覺淚下也。今我國之士人。徒溺

空理。漫泥文墨。筆雖能辨。口雖能議。若夫報國之精神。寖乎不拔。死且不悔者。果有幾何。嗚呼。口雖喋喋稱神州。稱日本男兒。豈不愧於心哉。僕西遊以來。接本邦人士。亦復不尠。雖然。眞憂國家之將來。注意於東洋政略。熱心於我國權之擴張者。殆甚稀也。間能知字解文。優柔不斷。如木偶之無精神。獨先生年紀六旬。氣豪心雄。周游東西諸邦。通覽宇內之大勢。將有所爲。何其壯哉。僕等少壯。見之豈不激勵哉。今我日本有三千七百萬。支那四億萬。朝鮮一千萬。印度二億五千萬。土耳其埃及四千萬之生靈。皆低首下心。甘受外人之輕侮。恬然不愧。循循焉偷安苟且。無敢蹶起大呼。震動天下。誅暴平亂。夷險除穢。滌濁爲清。助危爲寧。嗟乎。東洋之衰。一何至於斯極哉。古稱印度者。文物之淵藪。教法之本源也。而一與歐人交通。及陷其干涉之術。共被制於狡倭之計。亂亡相繼。風敗俗頹。二千年釋氏之政教。至與國家共歸滅絕。今先生足踏其墟。目觀其跡。察興廢之所由。盛衰之所致。必有惻然而悲憤然而怒。釋然而悟者。蹂躪破亡。如彼其甚。二億五千萬之衆。豈無忠義之士哉。又焉知正氣之所凝。天數之使然。不無英雄如亞駒馬大王其人。奮然唾手而起。恢復二百餘年間所失祖宗之山河乎。聞印度之士人。晚近益發獨立自治之氣象。縞脫英國之羈絆者。所在多有。宜哉英之名士武賴土近者語人曰。印度人建獨立自治之政府。我英人去印度之期。必非遠也。況今國中獨有五千萬人民。依然各本其主。親其政。全不屬英之旗下。竊有待國家克復之時機者乎。一千八百五十七年之亂。亦足以見其一斑矣。然則使他日東洋列國連衡。助印度之獨立。使埃及馬島。絕英法之干涉。保護朝鮮之獨立。與清國連合。遠退俄人。使亞細亞洲中無納歐人之鼻息。屹然三分宇內。亞歐美鼎立。偃武修道。建人生安樂四海平和之基。豈挾泰山超北海之類哉。雖然。其爲之宜深謀遠慮。豫審其必然之勢。以乘其必至之機。而今先生幸游印

度結其豪傑交其俊秀以圖後效惟此時爲然也已且夫自佛法之入我朝於茲殆一千餘年其間高僧偉人亦復不少而未聞有身親至其國討敎法之本源弔釋氏之遺跡者然則先生今日之行直千載一時東洋之佛法之盛否予於此行卜之僕亦將徧遊諸洲以大有所圖他年相見之日暢伸談論叩先生之所蘊南北千里氣候寒暑各相殊異請爲國家自愛

是後散士辭費府南入墨西哥察其風土人情氣候溫和土地肥沃惟其山林荒廢田野未開盜賊橫行蕭條滿目國勢之頹靡殆不可言居數日遇居民休業遊戲者甚多怪而問之曰敎祭也曰國祭也曰紀念祭也曰弔祭也曰州祭也曰村祭也曰家祭也一年之休日殆居其半者祭日則奔馬鬬雞歌舞淫酒不以家計置於心懷散士追憶幽將軍曾引用墨西哥國之事大戒西班牙人民訪新聞記者散多以叩其國狀散多者此國著名憂國之人也頗蹙曰我人民多剽悍殺伐之氣好勇鬬狠冒犯流矢踐踏白刃是以五十年間紛擾相繼殘殺無罪因之人民流離饑寒慘斃亦越至今殆無甯歲故夫學術殖產蕪穢不堪種種技術學藝無關於人事之顯榮功名富貴集於獨一之政府其小有節概者縱能悉心於政事然徒馳逐於空理空論以爲借是可以傾獲政府代其政柄不知浮雲幻夢榮華不長其極也殘暴奸詐無所不至在位者擅公財以肥私囊積不義之富欲爲敗後之圖朋比相從互相結託或則糾兵以爭政權僧侶亦有攬復舊權之志其餘國民皆淺智無識附和雷同惟知目前之小利而已故有實益遠大之事業皆歸外人之掌握名雖爲自由民主之國而大事則付諸二三剽狡者流是亂世之危邦豈能與北隣合衆國競馳於文明之界哉更又轉語曰開歐洲諸邦近來頗執殖民政略傾其志於東南二洋貴邦之現狀今果何如散士曰我國之內憂小黨分裂而相軋人民無確乎不拔之志操流於輕佻

徒心醉外物。失保存國粹之特性。遂消磨獨立自重之風。如是禍延子孫。已不可究詰矣。而舉其外患。即有條約改正之未成。豈能更放大眼光。建防禦歐人侵掠東南之策。以救濟東洋之沈淪哉。散士曰。條約改正如何。曰締盟於三十餘年前。而不適於今日之時勢。弊害不少。欲改正條約。在彼我共享其益而已。今據我固有之國。殊若焦眉之急。欲改正海關稅。歐洲列邦。競倡非理之異議。未能得好結果。況爲對等條約哉。散士驚且怪曰。何不準據萬國公法而自立。彼若倡不正不理之口實。有拒日本之施政者。斷然排斥之。惟存和親條約。破棄以外之條件。散士曰。方今我士我大夫。殆畏歐人如虎也。散士曰。貴國之人口疆土。可比歐洲一强國。何足畏哉。君不見乎。我邦前有報國有爲之士名射烈者。鎭定內亂。即大統領之位。力行新法。悉除弊政。制僧侶之跋扈。絕外人之干涉。就中使議會議大增關稅。且以國庫窮乏。財政困難。議決諸外國債二年之間。不能償還。歐洲諸邦。百方妨害之。卒賴彼剛强不屈。維持國權。獨斷勇行。排斥羣議。是以英法西三國。互相同盟。遣精兵數萬。兵艦數十艘。來迫海港。我外交官奮當盤根錯節之難局。一抑一揚。右與左奪。遂能使英西之兩國收兵而退。先是三世拿破崙。心懷異志。欲別建立一帝國於美洲。爲之羽翼。以抑制天下民主之說。共和之風。而爲子孫帝王之計。又當時見北美合衆國際南北之大亂。不暇顧鄰邦之休戚。乃與奧之王子謀。拜巴彥爲大將軍。援四萬五千之兵。攻我國都。我前大統領亞流門通款於敵。舉兵內應。陷國都。以保守黨組織政府。廢共和之國憲。迎奧之王子。摩機須美利庵而爲帝。射烈率報國忠義之殘兵。僅保東境。國脈之不絕。僅如一髮。當此之時。刀折糧乏。四面皆有敵聲。諸參佐猶有勸降者。射烈以死誓而不聽。遂能挽逆境而爲坦途。回落日於既墜。再驅疲散之兵。奮戰數回。遂擒王子。殊覺國之逆賊。克復國家。是一由憤外人不正之干涉。遂仗敵愾之氣。而全報國之心。一由前日北美合衆國之

英雄文老君與歐人立約云歐大陸之交涉美人不干涉之美大陸美人管領之不許歐人干涉之當時謹嚴如此今歐國遵奉其遺策格言痛擲檄文於三世拿破崙也且如我國負英國國債四五千萬屢釀外交之難局絕英國數年堅排斥彼之要脅遂不足五分之一發千六百萬之新公債券而使彼等屈服各國遂驚異之非實在昨年平我國猶如此今貴國之富強卓越歐邦宇內豈又無救助其正義者哉散士聞其雄辨感憤久之厚謝散士握手言別尙期再會從此回馬於西北所至黃沙漠漠蓑草離離土賊恣行劫掠而乃孑身行數百里出桑港十二月駕樓船而歸故國錦帆孕風過金門關白鷗避舟海豹狎人兩岸風景碧天如拭回首則遠峰迤邐淡抹微雲市樓明滅出沒於煙樹之間遊子懋眺不堪感情已而日匿西山旌旗無光涼飆乍起海荒天蒼浪激波湧檣傾楫折船幾爲覆天地瞑瞑展轉漂流者十有餘日風波漸平殘月洩光乃有復蘇之想獨倚舵樓追想幽闌紅蓮二女史與船難之慘狀乃賦一詩曰

誰驅風雲蔽八紘星光晻澹天地昏怒濤如山山嶽倒孤舟飄蕩一葉輕東海日出國猶遠前途從此幾萬程意氣昂然睨天外舵樓鼓勇叱鯢鯨海龍有靈風雲霽渺茫始見區宇清青山何日歸故國紅淚又負異鄉盟故國青山異鄉友憶此懷彼一愴情路悠悠兮海漫漫遊子胸間感慨縈起望美人天一方殘月如眉纖纖明再閱一月海天茫茫不見涯岸氣屈心流無聊莫言忽有大呼者曰芙蓉峯現散士急上船頭富嶽映於旭日冠雪帶雲髣髴天邊大島橫其前烟自雲間昇森森山松皓皓白壁遠入我眼歐美人之諺曰欲知家鄉之眞味宜自遠征羈旅歸噫實境不欺我乎登陸浴後倚窗把杯以舒積鬱是日則除夕也街市之上行人如織呼小廝命交換貨幣一交友在側曰今銀紙之變動最甚昨夜京城談判有破裂之報銀貨頓騰起今朝有調和之色之報

又大低下。浮說流言。非容易可信。想至明朝。又或昂騰。且暫待之。散士曰。僕久在海外。今在船上。不遑問貨幣之低昂也。抑京城之談判者何乎。客擊節曰。嗚呼。君未知朝鮮之變亂乎。今我國與鄰邦開釁。用兵亦未可知。皆延首而望京城之確報而已。

第十回

散士大慙。正襟危坐。問於客曰。僕久淪留異鄉。遙望故國。歸心牽夢。未嘗或絕。自解纜桑港。漸向故山。竊以爲故山者。和氣駘蕩。寒梅發香。黃鸝弄音。春色之中。與舊知團欒。談舊話新。暫散長路之鬱。其樂何若之乎。孰意怨結鄰邦。劍花血雨之慘。有不可測者。余未知其紛擾交涉之所由來。請語其概略。客曰。往年征韓之論起。自朝議分裂。諸公掛冠連袂而去朝。爲民選議院之奏。佐賀之亂。變爲征臺之役。又萩之叛。遂陷西南之大亂。雖然。干戈漸定。鬱屈害於無事。所欲圖功名之士族。屏息潛聲。又無圖非望於戎馬者。於是廟堂內以無敵可患。履行對朝鮮之政略。保持東洋之安和。當歐美之強敵。先圖使朝鮮洗滌鎖港攘夷之舊習。脫猜忌恣慢之疑心。卽論我初與美國締盟之事態。及邇來與外邦交通親睦之情形。萬國通義之公法。兵制學術技藝。及風俗之進步改良。其實皆有益於我。無如我失策而溺於弊害。此國力平均之論所以起也。因此均勢。小國之介立大國之間。猶能獨立。若絕交孤立。一時爲強國所滅。萬邦傍觀。不爲救護。此等之事。近史已反覆而解說之。以我之於彼。亦如美國之於我。期兩國之人心。不挾一點之疑。右提左攜。互相親愛。執輔車相助之義。以誘導彼國。嚮斷滑國有名無實之空權。欲使與萬國立於平等之位。且日本一國之勢力。對於俄淸。恐未足以保護朝鮮之獨立。使介北美合衆國

而結條約。純然備獨立王國之實者。我豈可不勉乎哉。方今我國當占掠高麗半島。少通事勢者。亦所能知。若棄而不顧。不與共甘苦。同憂樂。恐塞外秋高之時。羯笳急擊。鐵騎長驅。以圖們之水。長白之山。未足爲山河之固。黑龍江之滿鎮南遷。雙頭之鷲旗。飛揚於釜山。戰艦舳艫相望而蟠於良港。神州百年之命運。雖不欲寒心。豈可得乎。遼東之鐵騎。渴飲於鴨綠江。波陵之水師。蹴鯨浪而指京城。三韓震動。屬於黃龍之旗下。使自尊驕慢之大國。益生輕侮我之心。乘客氣欲洩征辱之奮恨。沖繩之餘憤。亦未可知也。況十數年之後。西比利亞鐵路落成之日。幸能得平和無事。於東洋能免經濟上之大激動乎。故我惟以誠意假彼腹中。使彼堅固獨立。謀彼富強。非獨鄰境相親。保庇之德義而已。實慮我將來之長計也。是故孳孳汲汲勉之。或戒我駐紮官員驕慢輕侮之心。或掃除我在留人之惡習。或贈士官使訓練彼將士。或厚遇有爲之士。使目擊開明之風。或奬新報之發行。或發學問之新機。加之十五年之變亂。蒙我屈辱。欲使其不留於心。特返與償金數十萬圓。其懇摯之情。無所不盡。且以強俄外託移居之事。而徐援邊境。內則巧結人心。作其應援。狡英暴戾。奮掠巨文島。清國徒慕虛名。猶主張潛駐。欲控制而掌握之。莫要隆其上下之交。使知我心之無他。棄舊怨。忘新恨。猜嫌疑忌之心漸解。則依賴親睦之情益密矣。又於彼士有志之士。誘引之以歐美文明事物。賴我勢力。革其弊政。絕清國之干涉。大定國是。助成一獨立新國於東洋。又常慫恿其官民。成一進步黨。又稱獨立黨。先是清人疑忌我與朝鮮親睦。陰搆離間之策。浮說流言。惑亂人心。朝鮮士民有一意奉戴清國。賴以維持國家。成一黨以抗進步黨者。其所倡道曰。見幾而作。周易所貴。小國不事大國。春秋所誡。是則吉凶榮辱之所由興。載籍既記其成敗。古今已著其智愚。周易春秋者。聖道也。吾聞從聖道而興國者。未聞背聖賢之教而不亡者也。世目此輩爲事大黨。又稱守舊黨。清國庇蔭事大黨。日本愛

護獨立黨自然之勢也散士曰僕匆匆登陸未有閱報章不得其詳請告客曰近頃歐洲諸國取近交遠攻之策聲言曰優勝劣敗者天之數也東洋人智力財力體力三者皆遠不及西洋人今宇內學術技藝之發達進步縱有東西南北之迢隔然無人之地可馳鐵車以通之絕海之水可行汽船以達之强速者勝弱遲者敗其機日烈其徵愈顯亞非二大洲之舊邦人種滅亡繼跡接踵今日失一地明日喪一島清國朝鮮不久將爲西洋諸邦所分領當此時於東洋建國而抱遠大之雄略卓絕之才識者豈肯與鄰邦同受傾頹哉雖然欲蟬脫亞細亞之風氣進與歐人爲伍其機緘之巧捷必當有異人起而持之前後於合從連衡間得占其優勝之道也我邦人士信此說者頗多散士不覺歎曰是襲范雎遠交近攻之故智亦近日歐人雄强之狡計也方今我國無非常絕特之英雄剛强不屈之豪傑不幸一敗塗地膽落氣挫其將周章狼狽大損名聲乎客曰先畢余言夫當此時朝鮮兩黨之軋轢殆甚激烈當十二月某日其國舉行郵局創開之典當道大臣無不會集進步黨放刺客擊事大黨之首領或傷或死事出不意京城大亂人心皇皇朝鮮國王使言於我公使欲借我駐韓之兵守護王宮以鎮人心我兵應之直入守護宮城未幾清兵與事大黨連合而攻圍宮城我兵防戰破之雖然號令不一衆寡不敵遂棄王潰圍而走仁川敵黨屠斬忠臣洪英植朴泳孝以下數十人徐黨暴虐乘勢而亂擊我公使館辱國旗燒屯營我國民所由憤不自勝而日望京城之確報也散士蹙然曰吾人與朝鮮國民一旦破此交情十餘年來日本幸苦經營之力殆歸水泡不知何日能復昔日之感情也後數日有報曰清國已急派艦隊對我軍艦大有挑戰之狀又曰清兵拘致我良民於營中凌辱我婦女我日本之名聲日隕矣然內顧上流者耽溺於歌舞遊樂恬然若不知散士見之慨然訪一紳紳謂曰僕雖一介書生近日之事有目不忍見耳不忍聞者諸公猶醉月眠花焉能

投機應變，建善後之策。定東洋之大勢乎。紳冷然笑曰，海外留學諸生，志氣雖高，徒偏信盧理，常借歐美之形勢，以論我國事。是所謂膠柱鼓瑟耳。夫朝鮮之民人，不量其力，屢加不敬於我。我數容許之，度量亦可謂宏大矣。彼誠不伏謝舉兵征之而已。至與清國交涉和戰之妙算，我胸中自有成竹，無復待諸生輩之容喙。白面書生，安知兵乎。散士曰，史稱趙匡胤之事周世宗，功業初未大顯，將征淮南至清流關，驍將皇甫暉提十萬之兵，逆擊險隘。周師大敗，歸路全絕，將士震恐，會村人告曰，鎮洲有趙學究，在村中教育子弟，智計甚多，爭訟者則問之以決曲直。匡胤微服往訪之，詢其計策。因敗為勝，轉禍為福。一戰擒皇甫暉，遂王天下。又曰，岳飛欲克復中原，每戰皆勝。王師北行，百姓焚香，豪傑響應。兀朮棄汴而去。時有書生叩兀朮之馬而諫曰，太子勿去，岳少保且退耳。兀朮怪曰，岳飛以十五騎，破五十萬京城，日夜待其來，何可守乎。生曰，自古權臣在內，而大將無能立功於外者。岳少保且不免，況成功乎。飛一日奉十二金牌，憤悒泣下，東向再拜曰，十年之功，廢於一旦，班師歸朝，遂被陷害。諸生之言，何得輕侮乎。夫朝鮮士民之暴舉，我輩亦所深惡。雖然，自顧內無所疚乎。聞朝鮮有兩黨，一親日本，一賴清國。今我所親之朋黨，襲擊敵黨之首領，殺之傷之，假令憂憤外國之干涉，絕然出於希望獨立之心誠是也。然其行事則文明世界之惡德，實可嫌忌者。及京城大亂，欲僅以百餘寡兵，守一王國之首都，保護國中之安寧，鎮定民心，其難不俟智者而知矣。我豈得免他之疑哉。且我兵非為朝鮮國之守護也，特為保護我一國國旗欽使及居留人民耳。不然，我焉得駐屯於獨立國中乎。抑曾豫受我政府密旨，命遭非常之事機，則提兵助彼之獨立乎。或出於我居留將士，不忍傍觀鄰國之王侯為亂臣窘迫，不憚提寡兵以赴其急，欲鎮定彼禍亂於未發，支彼國命於將絕乎。果然重義輕命，發揚日本男兒之心膽，使奏請於王，而下伐賊之詔，抱兩端以定國民之方向，平定

國亂。奉護王於宮中。使無反顧之憂。以宣揚我國光。垂芳名於竹帛可也。即衆寡不敵。不能守城。勇戰奮鬬。開一條之血路。保護王而退京城。傳悲痛之檄。募集忠義之士。共起勤王。死生存亡。與王共之。不以成敗渝心抑可也。且夫易地而觀。未嘗不可見。事之理也。如我國德川氏之末路。倡鎖港者阻文明而背天道。論攘夷者說決不可行。當朝廷及薩長諸藩抗議幕府之時。幕臣有憤慨之者。暗殺朝臣及諸藩之有力者。常依賴最所親之法國公使。借小兵屯營於橫濱。來警守江戶城。果如何乎。天下之士民。切齒扼腕。不期而羣起伐之必矣。且自當時之勢觀之。至薩長亦借所親之英國之力乎。英國亦見法國之小兵占守江戶城。而默然不可已。夫如此。法國提寡兵猶突干涉於攘夷鎖港之諭激國論沸騰中。內受國民多數之敵。外蒙各國之猜疑。果能償其素願乎。今日我國之於朝鮮。何以異是。散士深爲東洋慨歎之。雖然。既往不可追。今日本之將士。爲清韓兵所襲擊。朝鮮國王之告戰於目前。碧血染城堞。彈丸破宮壁。亙有死傷。是非開戰之宣布而何乎。然猶悠悠不斷。左顧右支。苟前於無事。何初勇而後怯乎。諺曰。果決而行。鬼神避之。方今國是。惟有果斷勇往而已。驅此激昂國民而指揮之。使蹈水火。將轉禍而爲福。回敗而爲勝。挽逆境而爲坦途。復讎雪恥而爲讚美。聲振嶺表。功濟日南。曷難之有乎。公何不示天下以果敢必爲之意。若不能斷行之。何憚早斷誤國奸臣。明責任之所歸。改過而謝天下乎。縉紳帶不滿之色。惟苦笑而已。

天下之人心日益激昂。或有刊主戰論於報章者。或有講平和策於演說壇上者。紛紛擾擾。不知所決。雖然。如國民之輿論則專主開戰。既而政府派遣辦理大臣於清國。使治交涉。散士見一舉友。問以大局如何。曰辦理大臣。有才之人也。其學貫東西。敏於事務。夙奉幕府。於劃策百事之技術。方今未見有出其右者。雖然。獨負國家之重

任以身許國，毅然不動，自令敵之敬憚我，未窺顏色，能察機先，握和戰之實權，使於強國，不辱國威，宣揚我國光，至能使我國民滿其願望否？吾則不知矣。當解往時征臺之紛議乎？我既以海陸之兵，略取半島，內苦於無事，嗜功名歟？脾肉之將士，如雲如林，而清國則兵勢不振，軍艦不整，加之我全權大臣之豪膽不撓，以忠勇純正許國之熾肝，非猶智勇共困，心力盡瘁，漸得不損國威乎？客在側曰：吾子知其一，未知其二。大使實方今第一之才也，此人不足當此任，誰能當此任者？自布衣而起，無披堅執銳之勞，歷遷清要，以昇高位，至今日可以見其才識之豐富，且數航歐美，或握英雄之手，或聞碩學之說，孰知歐美之大勢，文明之風潮者，非其他老臣之可及，最所長者在調停，在彌縫，甲東乙西，甲東死後，調停薩長二藩爭難之間，平其權衡，其間處理，最爲妥善，不失時望，不損勢力，隱然負重任者，豈凡庸之才所能乎？想將來掌握我政權，位極人臣者，必此人也。既長於調停之才，彌縫之智，當外難治交涉者，所最宜也。當今之任，必能折衝樽俎之間，結圓滑平和之局，明若觀火也。古人不言乎，兵者凶器，戰者危事，又曰好戰自焚，佳兵不祥。今夫若開戰端，則散數十萬之壯者，暴露於海外，數十萬之老幼，疲於徵發，倒於飢寒，當此時歐之強國有乘間隙者，將如之何，豈不危哉？畏友曰：子惟知平和之可貴，未知用武之便利也。夫清國於我有脣齒相依之勢，當持平和相親交，固不俟論，雖然，頃年清國之猜忌我，姝妬我，既非一日，如琉球廢藩，如朝鮮締盟，皆不平其意，觸事應物，皆欲洩宿怨而其猜忌姝妬之念，深入心腸，非以尋常之計可醫，蓋良醫之治大疾也，時用毒藥，用毒藥者，爲欲去其病也，今欲驅除清國凝結之痼疾，能絕其病根，使無再起之憂，不得不倚劇藥之力者，無他，在劍戰而已，在彈丸而已，爆然一發，流血積骨，慘則慘矣，雖然，欲得今日眞正之平和，不得不用此劇藥，古聖不言乎，若藥不瞑眩，厥疾弗瘳，試開放活眼，觀彼普奧二國，宿怨固結，而敵視數十年，遂潰裂

而動干戈。呼聲動雷霆。流血被山野。而積怨全消。遂忘往日之仇讎。爲今日之交誼。結攻守同盟之約。以禦俄法之强梁。是非劇藥之結果乎。又甲子之變。薩長大戰於宮闕。大鷩呼逆臣奸賊。今薩長連衡。爲情實難離之政府。於薩州之莊內。憤怨殊甚。互食其肉。炊其骨。誓不與共生存。戊辰之變。據干戈而決雌雄。往年之怨。盡消其親交。非他藩所能及。是亦非以戰爭之毒藥。醫難醫之痼疾之效乎。當大氣鬱結。連日濛濛之時。積極消極之二氣。遂相拂鬱而激觸。風雨起則爲電爲雷。乾坤冥冥。日月失明。雖然。須臾而雲散風收。碧天忽然如拭者。電雷之力也。戰爭之於國家。亦如此耳。且王者之用兵。非利土壤之廣。非貪金玉之饒。將欲以存亡繼絕。平天下之亂。而除萬民之苦也。今彼苟不應我正當之要求。決以兵馬相見。而後握手開懷。洗滌宿怨。講興亞之策。結同盟之約。北禦强俄。西捽英法。不亦可乎。徒望圓滑平和。偸一日之安。汲汲於彌縫之策是務。是非久遠之良圖。外交之祕訣也。夫使者之入敵國而論大事也。隆盛兵威。進入海港。事破則直屠其都市。常備此氣概。猶且難達其志也。若期終始結平和之局。使通曉清韓事務之星使。在彼城處理。亦無不可。何必用子所謂第一流之人物乎。却恐徒費蘇張之口。而我無實力。祇招彼輕侮而已。使第一流人物猶如此言。是余所深爲國家寒心也。

明日接有一書。不知何人所投寄者。其文曰。

夫兵者活機也。神出鬼沒。變化無極。多謀者勝。寡謀者敗。行兵運用之妙。頗難豫料。雖然。竊察內外之狀勢。按海陸之形勝。因得三策。敢呈足下。勿棄老奴千慮之一得。得奏達於帷幄之謀臣。則幸甚。兵法曰。兵者貴神速。貴國簡拔精兵。倍道而進。出敵不意。使疾雷不及掩耳。占釜山進徇東萊府。鼓行北下。嚴禁剽掠。安撫居民。逐彼汚吏。除彼苛政。吾意諸城市將望風而降。不戰而潰耳。而本軍直指仁川。搗京城。與清兵鏖戰。擒其駐於韓

地五營之兵，奉國王於宮城，說士民以順逆利害，能掩要害之山海，示以久駐之勢，屯堅艦而備襲擊，大示兵威，聲言與法國成同盟之密約，然後與清韓開和戰之議，所費小而所獲大，此爲上策，老奴遠想日本之謀臣，必用此策，不戰而制全勝，孰意悠悠不斷，常以遲鈍被憫笑者，使彼先著一鞭，而張揚兵氣，爲日本男兒所痛惜，實不少也，中策者何，以兵艦封鎖仁川京城，迫清政府，破彼護庇藩疆之大夢，提出要求，彼若不允，先使一二巡洋艦出沒廣東福建沿海，盧擊市港，使彼疲於奔命，更遣一隊，遡大同河口，窺平壤，自鴨綠江沿海出牛莊，爲襲瀋陽之狀，長江之南北動搖，沿海之城市震動，疑懼百沏，智者不能謀，勇者不能戰，狼狽失措，於是驅二十餘年訓練之將士，陷大沽之礮臺，攻擊天津，長驅而進，使爲城下之盟，眞在此一舉，議者或曰，夫清大國也，不可猝侮，兵勇百萬，戰艦如林，而日本兵勇不過十萬，戰艦不過二十餘艘，兵法不云乎，倍則攻之，今十不及一，提挈孤軍，裹糧千里，深入敵地，以客擊主，勝敗之數，不待智者而後知也，然以兵之多寡，定勝敗之數者，趙括之兵法耳，何足論運用之妙哉，淸國兵勇雖號稱百萬，然稍訓練而有規律者，其數不過數萬，若相機而投，則用力少而奏功大矣，今使貴國舉兵出戰，與李鴻章鬬智勇於兵馬之間，連兵不解，人或有所恐者，以爲督辦閩浙軍務之老將左宗棠，兩江總督曾國荃，首尾相應，必能率麾下將弁來相救援，其他穆圖善楊岳斌程文炳之諸將，急提兵北向，勝敗之算，亦未可和，然觀左將軍率大兵南下，鎭撫福建之沿江，當劉銘傳孫開華久苦戰於雞籠淡水間，猶不能趨救，且晚年與李鴻章爭權，隱相嫉妬，不足深憂也，曾國荃以伯兄之蔭，名望雖高，而强弩之末，難穿魯縞，且李鴻章汲汲然營私植黨，欲抑制湖南曾氏之威柄，故兩家反目爲讎，互鋭其瑕隙，豈有眞情義氣之救其急難乎，惟鮑毓諸輩，相與戮力，率兵救黑旗軍於西境之外，然懸軍萬里，豈足

介意乎。議者又曰。所顧慮者非清之陸隊。而在海軍。卽陷厥天津。我軍須輸送餉援。接濟彈藥。若頻用堅艦困我於大洋中。縣軍深入。糧乏勢孤。其奈之何。凡能審戰機通事勢者。不爲且不言也。然豈知彭玉麟雖再出西湖草廬。戰艦大小雖稱有百餘。僅能防禦廣東諸海灣。其餘河口船艦。皆等星小物。此一路本不足慮。又清國所稱海軍者。福建艦隊。與南北洋兩水師耳。此三師屯似能首尾相應。貴國艦隊。似難與爲敵。然福建水師。半沈沒於福建港。其餘船艦。溯江上下。聊備襲擊。且南師無統御之將。空漂泊於吳淞。初受撫臺之命。駛至洋中。旋被法船追擊。急逃石浦。僅乃得免。又豈能橫行海表。衝鋒陷敵哉。彼二師船。若出閩江一步。則爲法艦所擊。是又法國遣征軍隊所日夜苦計而欲誘之出者也。然則所餘北洋丁汝昌一隊。其爲補於戰事幾何。方斯時也。以貴國之艦隊當之。行見雄兵所向。披靡清韓。威名播於五洲。勇武震於四海。然後進而握東洋盟主之實權。建興亞抑歐之大計。惟此時爲然矣。貴國卽棄上策。能無取於中策乎。無已。猶有他策。夫日清本兄弟脣齒之國也。法國之勢愈張。則清人之膽愈怯。此時貴國惟以東洋安危自任。去私心。棄舊怨。披露胸懷。破除畛域。與清國結攻守同盟之約。以歐人爲東洋之公敵。先與同盟軍。解臺灣之封鎖。追擊法之巡洋艦隊。克復東京。徐以保護朝鮮。作防俄之計。再封琉球藩王。清國必德貴國。而解其宿怨。釋其猜嫌。是又與亞之大計也。雖然。此可爲豪傑語。未可與俗人言也。抑怪哉。道路有傳言曰。貴國之謀臣。不出此三策。徒欲振三寸之舌。乘清法之奇禍。而以制勝爲謀。是雖道路謠傳。未足信據。使彼言而實。日本之失計愈多。清人之猜疑益甚。其仇怨不知何自而解也。聞昔年清俄在伊犂爭界。乘其國家多難之日。貴國命使臣結琉球之局。清國怒不之應。使臣不得要領。抱羞歸國。老奴已甚慨其謀之拙。而爲日本男兒惜也。計既敗於先。又豈可再辱於後哉。夫使不通

天下之大勢者，與觀清法之交涉，必曰清非法敵，以爲東京失，福州破，雞籠淡水相繼淪陷，將刻日而艦隊北馳，沿海諸城，且爲粉碎，然想清之困憊未至如是之甚，有曾紀澤者，清國之人豪也，駐於歐土，略能觀其國勢人情，知法國久已勞師遠征，又當備德仇，課戰費於議院，必爲內閣攻擊，內閣頻更，則遠征隨止，可豫決也，當曾紀澤勸清朝與雄邦搆兵，議者多譏其輕浮，惡其剛愎，彼蓋沈觀既久，曾不顧之，非有過人之識見，而能如是乎，日本再蹈前轍，致清人所輕侮，僕之所惜也，天涯萬里，交語爲難，語冗意盡，不知所云，書上東海郎君麾下，白雲山下之客頓首。

後數日有電音曰，日清兩國已結平和之局，其要在日清皆不能屯兵韓地，大使全使命而歸，妖雲散而祥雲起，於是人皆額手相謂曰，英之名相美公自柏林會盟歸也，市民歡呼，輦集公之門前而不去，請得其一言以爲快，公卽出呼曰，爲大英國揣名譽與利益歸，市民唱萬歲而散，想大使之揣還者，亦必日本之名譽與利益，既而朝臣張宴於濱水之離宮，犒其勳勞，在京之富豪，亦在不忍池畔，爲一盛會，祝其功勳，時散士寓湖畔一小樓，志士三四，倚欄憑眺而樂，謂友清狂居士後至，叱曰，吾子見柔物而樂，余之意竊有不快，夫我兵之屯在韓城者，無他，緣昔年我朝廷率先宇內，尊朝鮮爲獨立國，置公署，送商估，表親睦之交誼，時彼頑民，闇於天下之公道，咸以我爲有覬覦之野心，且疑通商爲失國之富，遂汚我國旗，擯我人民，朝廷欲保我名譽與在韓人民之生命財產，不得已送兵捍衛之，何異戊辰之前，各藩狂士加暴行於歐美人哉，乃者韓變內作，百官狼狽，不知所爲，人心洶洶，禁衛軍不足以託國王之信，是以國王手書請我兵使護宮闕，以維持朝廷之威望，乃彼清兵者，濫弄兵器，射我國旗，擊我將士，攻我公署，窘我商民，辱我婦女，是國家之公敵，人民之大讎也，不雪其羞，不報其仇，漫然惟互結

撤兵之約。意義漠然。僕不知其深意奇謀之所在也。熟觀五洲之勢。弱肉强食。瞬息存亡。今淸人之威勢日加。侮我之風益盛。我航海之權。商業之利。關係決非鮮少也。況於韓地勢力。拂地而空。數年經營。輒歸水泡乎。其辭氣激昂。座上聞之。無不肅然。

既者獨立黨之領袖朴泳孝金玉均等十有五六人。犯萬死。渡來我國。散士乃訪古筠居士於其寓。居室陋隘。衣服粗野。與六七人踞坐。顏色憔悴。形容枯槁。幾令人目不忍視。散士惻然於中。語未發。居士先言曰。敗殘失意之徒。事業沈頓。不能爲國家死。偸生忍恥。流寓爲貴國之累。深所愧也。散士曰。成敗天耳。人事何足論。惟足下壯圖一蹶。空抱無限之志。去國棄家。沈淪此極。實我邦人有不得不分其責者。大廈之傾覆也。非一木所能支。雖然。足下等幸而不死。以國家之柱石自任。豈無望乎。失意落膽。尋常人耳。足下等皆富於春秋。前途遠大。願努力自愛。居士慨然曰。國君見凌于權臣。壯士死于鋒鏑。忠臣斃于毒手。親戚殲于慘刑。師友繫于牢獄。內艱于弊政。外窘于强鄰。家山之事。概可知耳。然所以不能引決自刃者。豈惜區區餘生哉。以報國家酬死者之丹心。猶未消磨也。世人雖目之爲懦怯。爲牛馬。原所甘心。散士曰。僕亦亡國敗殘之餘也。其境遇所經歷。雖非盡與足下同。而家人親戚斃於干戈者。五十有餘人。田園被沒。家資被掠。艱難困厄。轉徙流離。逆境辛酸之味。皆已盡嘗。故悲足下今日遇而特深也。他日東洋有警。遭遇大有爲之時。當與揮手西征。大丈夫冷面熱腸。非敢作欺人之語。足下其勿疑僕。僕嘗遊歷西球。邂逅亡國之義士節女。感激其奇遇。皆吐露心膽。今得足下。欲命之毛穎。以檄四方有志之士女。居士聞未終。急驚起呼曰。使僕而爲奇遇中之人。勿使鄉國一朝淪喪。既而曰。敝邦將來不爲淸之藩屬。亦爲俄所併吞。淸國待我之舉動。世人所目擊。俄之詭謀。世人或未探之。然早已占我權力。籠絡一族。大欲攬北方

咸鏡道於其保護之下。夫前車既覆。猶驅後車而向險路。朝鮮命脈。豈不殆哉。思之不勝戰栗。猶憶先臣箕子三諫去國。過殷墟而作麥秀之歌。嗚呼。後年麥秀。誰爲和歌而弔亡國之蹤者。言至此。嗚咽又不能語。既而曰。僕生巨族之家。幼卽不覊。莫事產業。常以爲士之生存此世。抱國家經世之志業者。當知山河之形勢。人生之疾苦。歲十八。決意漫遊國境。熟察我風土。知金銀寶鑛。非不多。地味非不豐。人民非寡少。河海之運輸非不便。而老者窮死。幼者流離。觸目入耳。皆爲悲憤之媒。而縉紳則又踞位弄權。爲人設官。爲吏擇職。互相結託。收斂貨財。放僻邪侈。無所不至。里巷含冤疾首呼訴無門。國家遭此累卵之危。臚臚者猶同造夢。叩秀士則不知書。察孝廉則濁如泥。十羊九牧。凡我生民。飢不得食。勞不得息。僕觀之不勝奮激。乃以改革弊政挽回國勢自誓。當時國王之生父李昰應大院君攝政十有餘年。威權震動內外。其爲人寡慾而好詩書。有東洋豪傑之風。雖然性剛愎刻薄。暗宇內之大局。遭國家之前途。徒戀政柄。無寬厚之量。僕等家居韜晦。繙泰西之書。深考富强文明所由來。欲使朝鮮盡習貴國之美政。靜待時機。蓋十有餘年矣。而秕政百出。風敎日壞。國勢凌夷。不可收拾。爰與曩時之彥朴泳孝。朴泳敎。洪英植。徐光範。徐載弼等十餘人。互傾肝膽。誓以改革弊政。伸張國權自任。既而王妃與大院君爭權。援引外戚閔氏。與弟奎鎬等謀分大院君之大權。舉兄閔升鎬代之。升鎬死而無胤。以同族台鎬之子閔泳翊其家及奎鎬死。泳翊代握政柄。大院君閑居三年。知國中不喜外戚之政。欲再掌政權。時有江華之警報。機聞與貴邦訂結條約。爲交通和親不可失之機。竟送絕交之書於朴泳孝。私嗾在官之腹心使非議交締條約。其議曰。日本者與國家不共戴天之仇也。今又窺我海岸。陷我城市。殺我人民。且彼近者與蠻夷交通。棄聖賢之敎而慕異邦之政法。自文物典章。迄至衣食什器。莫不心醉而摸擬之。人眩歐風。舉國若狂。遂勸我與彼通。欲我師彼。豈非

下需木而入幽谷者乎。先時國人厭被法國僧徒累誤。彼教者祖宗典法之所深禁也。忍使堂堂聖賢之國。而與犬羊爲伍。聖神文武之國王。而與深仇結交。上與蠻夷之君長同位乎。且往日我國一與對馬人交通。狡暴不可與近。況與日本之全國交通乎。吾力之不勝可知矣。朝野靡然傾向其說。由是締約不成。幾與貴邦構干戈之禍。幸得國王左袒正義。排百官之邪說。締結和親之約。雖然。百官多抱鎖國之說。蓋與貴邦之使臣交結。僕等因其兩情不相通。恐生禍害。竊與親友謀議。遣教士李東仁於貴邦。奉書於巖倉公。使探貴國論交敵邦情義之厚薄。對俄清主意之如何。東仁等知貴國上下人心之所在。見開明之風。富强之術。大有所覺。歸而上奏條陳。言當採用貴邦之政治。與泰西之文明爲急務。於是國王之意。漸向改進。尋選朝臣之俊秀者十人。使遊學於貴邦。奮然欲奏開物成務之治。無如朝臣壅閉聖明。女謁公行。閔族弄柄。政事陷於姑息。讒謗紛乘於宮掖。故抱有爲之士。或遭貶竄。或潔身去朝。時僕亦遠流竄於邊亭。內政愈弊。百姓困憊。加以年穀不登。催科之吏。追貴倍酷。凍餒之民。哀號路傍。雞犬聲稀。驛程夜冷。孰能耐此荒涼愁慘之狀哉。當其地僻風高。林深露結。放臣行吟於澤畔。逋客浩歎於廬中。流水嗚咽。落木悲涼。夜不能寐。攬衣而起。徘徊得一長篇。散士乞詠之。居士沈吟而言曰。今忘十之三四。且有所憚。君勿强之。更轉語曰。既而僕蒙赦而歸京。乃與朴徐等大倡改革。諷諫當路大臣。然年少位卑。有所獻替。皆黜不用。於是相謀曰。時機未至也。不如暫時姑待。且所以言之不行。謀之不用者。以經歷信望之未重於天下也。不若相攜而觀海外之風光。因航貴國。僅留半歲。會京城有變。先是大院君抑退外戚閔氏。欲再掌握政權。覬機會之可乘。時諸道禾穀不登。飢民嗷嗷。軍人厭西洋之訓練。且怒俸給不足。飢寒交迫。嘖嘖倡亂。四處蜂起。大院君得機指嗾之。欲殺王妃幷盡屠閔族。及不從己之黨侶。迫宮闕。上殿階。殺大臣閔鎭鎬。王妃易服避

亂於忠清道軍人與亂民合勢襲貴國之公署屠使僅以身免從者死者亦復不少大院君乘勢脅制國王恣行賞罰邦內大亂僕聞此警卽日附舟而歸仁川時淸之兵艦數艘旣早泊於仁川港知魚允中之在艦中直潛往而議善後之策乃允中之意在借淸兵之力拘囚大院君放謫於天津僕大非之雖曰爲救一時目前之急欲假近鄰大國之力而鎭內亂是無異於賣國家也大院君城狐社鼠欲抑制之豈無策乎若借淸之力何殊使豺狼而護雞犬放獺而守池魚寧募國內志士起勤王之師建立國之策以戡定禍亂之爲愈也予力爭一晝夜允中危懼不從僕恐其遷延失機直變服裹面潛行京城訪可與談國事者雖然我國人傑半歸黃土半散四方寇氛充路烽火亙天外國兵師滿載京邑黃塵高揚陰風熾熾白日無光妖雲密布宮城長閉王威萎靡君王不知在於何處也昔日簪纓之地惟餘殘陽而已予乃思國家之前途歎身世之厄運不覺涕淚如雨乃屢草書上國王無一得達後數日貴國公使怒議不協引兵而去仁川人心洶洶市民皆荷擔而走王妃避亂尙在山中魚允中金允植等掌握政權時朴泳孝心懷密策調理日韓之紛議自仁川馳歸京城盛服直至宮中見允植允中曰使淸兵而拘囚大院君者是傷我國本並予驅淸將來干涉我國事之口實者也雖然今悔之旣晩抑以淸兵爲我戍衛是遺後日之大患者也不若請英美諸國借同盟之兵艦暫時託警備之任如此假令有一二國抱不良之志且無奈我何不然以朝鮮一國之形勢不能抗俄淸日之一邦借淸之力而不可防俄倚俄之兵而不可抗淸非深仗公明之國如歐之瑞士比利時諸邦委於各國均勢平權其曷能有濟也時泳孝所陳辭氣激昂吐露肝膽列坐莫不感動獨允中雖覺其非而恐失其後日之權勢固執不聽越日泳孝帶詔傳命使僕謁見國王國王謂賤臣曰今悔不用汝之意見內災纔靖而外患迭乘實國家危急存亡之秋也汝爲宗祖宗廟建善後之策乎僕

不勝感激。誓以死報國家。後卑見多所建白。雖然。允中等不容僕之說。面從而心違。殆日韓約成。泳孝爲大使。僕託從遊覽。再遊貴國。留而不歸。以待時機之至。雖然。以國王屢賜書召還。遂決意還朝。謁國王上治道之策。又言派俊才於海外。使受教育訓練。國王嘉納。直選拔士庶人之子弟四十餘人。使遊學貴國及美國。奈閔氏之門。惡僕如蛇蝎。蓋僕之所主者。欲信交貴國與美國而振作國家。彼之所執者。在隸屬清國而執保守之政。兩不相容。迥如水火。幸以國王之信僕甚厚。未遭貶斥。先是魚允中等之黨人。威權漸衰。李祖淵閔泳翊等代握政柄。秕政倍於前日。貪官黷貨。凌轢縉紳。虐待民人。濫權藉勢。倒行逆施。無所底止。加以閔泳翊倚賴清國之迷夢猶未醒。曾延李鴻章之幕賓德人穆麟德者。爲其爪牙。欲藉清人之力。以刑戮不尊清朝之忠臣義士。遠流其親戚子弟。斷行刈枝絕根之陰謀。既而其謀稍洩。泳孝等慨其無道。竊勸國王退奸舉忠。斷行改革。以救國步之艱。挽回頹勢。無如國王仁柔不斷。於是英植光範等。定策於禁中。舉大事。遷王於景祐宮。託日本星使舉其警備兵而使守王宮。除君側之首惡。更革內政外交。欲大有所爲。時清兵來襲王師將潰。僕等欲死生從王。泳孝敎敎諭曰。空死不若立節。滅名不若報恩。國家之前途遠大。少壯有爲者。非可徒死。請汝等爲王家努力。王又頻促之。僕涕泣而訣別。賊兵圍王。矢石如雨。英植泳敎以身護王。而猶呼曰。外臣無禮。不知堂堂朝鮮國王。賊兵辱罵曰。斬奸臣。擒逆賊。泳敎知不免。正衣冠而仰天曰。皇天若有靈。鑒朴泳敎之孤忠。使我宗祖之山河。免外兵之蹂躪。使我王莫受奴虜之辱。予足見秘侍中李侍郎於地下。語未終。賊兵羣集。斃於亂刃之下。兇徒猶不厭飫。寸斷忠臣之骸體。而棄之路旁。英植以下之忠臣烈女。其死節之慘狀。豈忍言哉。更轉語笑曰。往事茫茫。南柯之一夢耳。嗚呼。歌舞已爲前日之事。烟霞非是去年之春。敗亡之士。夫何足言。

後月餘。慷慨梗直之徒。不平滿腹。俠氣振腕。欲擁古筠居士渡海。將有所爲。政府探知之。警羅四張。法網塞道。持滿而不發。欲見機而一舉捕獲。散士聞之。一日從容謂居士曰。古語不云乎。灼灼園中之花。早發還先萎落。鬱鬱澗畔之松。歲晚猶含蒼翠。賦命有疾徐。躁進徒勞耳。足下年壯氣銳。才智有餘。却恐爲才所使。遂買不測之奇禍。爲世俗嫌厭。爲識者痛惜。昔伍子胥一見公子光。知其他日必有所爲。退而耕野。五年閉口而不談當世之事。拿破崙三世輕舉連敗之後。零落他國數年。深自韜晦。以待風雲之會。歐美近世有爲之英俊。免難去國。不能忍耐涵養以待時。急舉輕動。陷於罪辟。或與無賴之徒謀。或染於妖冶之風。或沈於負債之淵。爲清議所貶。而沈滯坎坷終身者。舉不勝數。可不愼乎。冀足下深戒之。居士曰。謹謝教言。僕自幼遭逢濁世。當朋黨相殺。疑獄怨搆之局。不知凡幾。得一生於萬死而至今日者。豈非命乎。當此零落流離。不能執耒耜。不忍被僧衣。猶日夜栖栖不遑寧處者。殆因不才而廣結惡緣乎。僕之生命。時比鴻毛之輕。時比泰山之重。惟隨所遇而已。請足下勿復言。先是法之騎兵。破於諒山之戰。沿岸砲壘。皆不奏効。懸軍萬里。遂知志望之不達。與淸國媾和。淸人驕傲之氣益長。乃大言曰。一戰而敗西歐雄邦之法國。再戰而勝東洋强鄰之日本。於朝鮮恢復舊權。宇內又無足恐者。勇氣百倍。病獅再有嘯風之態。而顧我國情。惟見商貨日絀。是生日蹙而已。至能說外事。以揚國威爲關心者。寥若晨星。散士本一介之書生。無權無勇。非不知裨益國家社會之難。然欲效歐人殖民政略之熱望。一時未卽盡冷。因欲與慷慨有爲之志士。遠航南洋。蹈不毛之島嶼。別開一乾坤。以拾遺利。蓋欲使人人有高騫遠舉之志也。乃與居士等謀定其策。忽有小人讒之曰。是騙好事不軌之徒。外立基礎也。由是探偵周密。防搜嚴酷。無所不至。於是同志散亡。散士深慨之。仗策欲飄遊東洋諸邦。出行有日。偶病疴再發。乃擇幽靜之境。浴溫泉以恬養之。海南古狂將軍

寄書曰。明春將遊歐美。足下無相與西征之意乎。散士固辭以無意於宦遊。友人來說曰。吾子常非議政府爲强暴於內。而弱媚於外。又謂爲苟且之政長。今政府新布官制。大行改革。以明責任之所屬。是非足下常所願見者乎。平日徒放空言。而不親任其責。豈非有志經世者之深恥乎。將軍初舉清狂居士。欲與攜手而遊。居士遭小人之讒。權不測之變。今在疑獄。將軍知足下。足下以義俠自任之志士。豈厭爲知己執鞭乎。散士服其言之有理。又欲徧覽歐洲之形勢。以爲後圖。且幸得遊埃及。探我意中人之生死存亡。遂慨然附舟。以遊地球一周。諸友祖道而至橫濱。一縉紳耳語曰。頃聞條約改正。進步更章。亦復不尠。雖然。却非無損國體。傷國權者。吾子其深祕於歐洲探之。果如所聞。待子歸爲祖宗山河爭之。若力不能爲。惟有掛冠而與子浪遊於水濱而已。子其勉之。散士敬諾。乃握手而別。

第十一回

火艦吐烟。征帆破浪。驀然拔錨於香港。時方三月。炎蒸如盛夏。汗流淋漓。氣倦體癯。須臾而金電閃於碧落。霹靂轟於蒼穹。風起雲飛。驟雨如注。散士神氣旺。卽呼快哉冒雨而上舵樓。口詠小詩曰。樓船破浪叱鯤鯨。鵬翼搏空空有聲。落落雄心與誰語。白雲山下憶范卿。

時背後有人佇立而窺。散士注目視之。則范卿也。散士愕然而呼。范卿進揖曰。郎君萬福。老奴惡緣未盡。猶偷餘命於今日。豈得不愧哉。往裁一書。敢獻鄙策。狂簡之罪。幸得邀尊覽乎。散士握范卿於手曰。貴書曩自白雲山下飛來。僕乃懷之而說廟堂諸老。諸老瞶聵。不能斷行大策。今日徒悔失機而已。雖然。余又祝范老與二妃共免海

龍之妬。范卿急問曰。郎君何以知老奴與二妃溺于地中海乎。二妃覆沒於洪波怒浪之中。老奴之印心剌目。今猶悲痛不堪也。今見郎君所以不急逃當時之慘禍者。欲暫置其衰威耳。散士徐語曰。范老安心。二妃豈空汚于海龍乎。雖然。今日不詳在於何處。況其境遇乎。蓋徵之既往。推之將來。皇天如無情而亦有情。范老豈與二妃無再會之期乎。請自是從容話既往與將來之事。抑范老自是欲至何處。依何人乎。范卿曰。僕將赴東京。投於亡明之黑旗軍。說彼以繼絕興廢。欲大有所爲。雖然。聞彼等既陷清人之術中。欲受其封爵。雖未可遽信。亦不能無所危懼。舟程尚有數日之閑。請徐稟教。回首遙指香港海水蒼茫之中曰。老奴少壯冒萬死欲避難美國。放浪徘徊。嘗過彼地。滿山赭禿。所植之楡柳。未成拱把。今而翠楯覆空。鬱然成林。昔桓溫自江陵北征。行至金城。見少時所植之柳。皆既十圍。而慨然曰。木猶如此。人何以堪。攀枝折條。泫然流涕。率諸僚屬。登平乘樓。眺矚中原。而歎曰。神洲陸沈百年。王夷甫諸人不得不任其責。乃引兵進伐。老奴見彼柳。豈得無深愧於桓溫乎。此地古來號海賊之巢窟。英人盡策遠大。要脅而得之。爾後出其忍耐之性。與其工心。大張勢威於東洋。猶如附虎以兩翼。聞俄人要脅貴邦之唐太。亦大移民而採掘仙炭。浚築港灣。以一新全島之面目。是亦何異與爪牙於鷲乎。東方日漸危殆。英雄已盡。徒留中原之淚。而臣主棄無北渡之心。嗚呼。其誰任其責乎。時雨過雲散。碧空如拭。浪靜陸遠。明月東升。范卿指天而言曰。請郎君觀之。自朝過午。天氣晴朗。四無纖雲。忽而一片之雲旗。動於南方。電閃雷轟。風馳雨注。既而雲消風歇。現出此清涼之仙境。造化之戲。不亦奇乎。大丈夫生在此世。豈可不勉成震撼乾坤掃蕩天地之手段。以永斷奸邪讒佞之跡。而溷綸宇宙於清世歟。散士曰。聞英國一名士。曾戒國人曰。印度微雲之橫異日震動英國。魔風之徵也。豈可輕忽乎。范老而未死。其眇然五尺之軀。亦安知非他日東洋呼雲起雨。掃淨四百餘

州一陣之颶風乎。范卿笑曰。暮年壯志。雖未盡消磨。奈白髮種種而無情何。夫時之反側。間不容息。先之則太過。後之則不逮。投時機者達人之業。故聖人不貴尺璧而重寸陰也。乃扣舷朗吟曰。馬首桓州又懿州。朔風秋冷黑貂裘。可憐吹得頭如雪。更上安南萬里舟。時天宇益澄。星斗爛然。夜色如晝。范卿曰。今對此風色。轉不堪追懷二妃。僕之與二妃相失也。夜色殊晶。意大利之山煙島。依稀在目。惟見暝雲之動搖北方而已。忽而風雨驟來。老奴患舷暈。入室蒙酒而睡。既而驚覺。海水浸身。蹴衾出室。暗黑不辨咫尺。踉蹌而上甲板。欲求小艇而不得。激浪溯渤。亂擊甲板。將捲去此身。乃急攀繩梯。繞縛身於檣頭。時船主盛服大呼曰。沈沒迫於咫間。欲僥倖萬一者。抱浮帶而投海。予不才。致君等於死。惟潔身殉職。以受天之照鑑而已。有欲與余共歸天界者。攜手而同來。於是集於船頭者二十餘人。肅然齊列。以俟命終。忽而如山巨浪。翻空撼來。船主大聲下令。共仰天祈禱。遂相與共沒於怒浪盤渦之中。老奴抱檣而下瞰之。見其從容就死之慘狀。故每追懷及之。未嘗不髮豎肌栗也。後余意常念人誰無死。男兒若得死所。不當毅然如此乎。老奴齡踰五旬。惜未若船主之能勇於赴死。是日船體觸碎於暗礁。既深沒於水底。惟檣頭出海面纔數尺。雖然。巨浪怒號。幾翻沒此身者屢矣。飢寒交困。至於絕息。既而風浪漸收。朦朧開目。朝暾正出海上。嗚呼。茫茫巨浸中。保此殘息於沒檣之上。老奴之餘命。豈啻風前之燈。草上之露哉。凝眸四顧。則屍骸與行李。漂蕩於海磯之間者。殆不勝算。中有妙齡之女子。衣裳破裂。身體半摧。懸垂於巖角者。僕認以爲二妃之一。酸辛之狀。今猶不忍言。適背後有汽笛之聲。回首望之。有巨艦一艘。行近里許。特放小舟。救還老奴。保養無所不至。是蓋法國之東洋巡察艦也。老奴請留艦內。供任廚役。當時老奴知法國之覲東京。故竊欲暫忍而探法人之舉動。毋亦資前途之計畫而已。自是東飄西泊。以至今日。但二妃備絕世之才貌。懷鄉國克復之志。

吞恨而葬魚腹之中。每念及之。未嘗不慨人世之多恨也。然郎君纔言二妃免難。而又不詳言其境遇。豈不令人疑訝乎。散士乃備語以與紅蓮女史。遇於波寧流女史之家前。及骨數斗夫人之談話。幽蘭女史與骨數斗夫人臨別時。託其建范老之哀悼碑於遭難之海岸諸事。范卿泫然流淚曰。僕數十年來。除國泣於忠孝節義之外。眼中曾不灑一滴之淚。而今之爲一伶俜之佳人而泣。噫。老奴豈無受報之機哉。古人云。情之所至。可死可生。生者可以死之。死者可以生之。自古迄今。蟠天際地之忠孝節義。聖賢仙佛。要皆一情之證果而已。今堂堂六尺老范卿之一泣。其以是乎。其以是乎。

范卿曰。其後法艦至埃及。泊於歷山港。時埃及之內亂已發。歐人之逃來乞救於艦中者數十人。散士曰。是正二妃與幽將軍投於歷山之逆旅。感亞剌飛侯之懇囑。仗義爲其軍師之時也。范卿憮然而歎曰。吁。若當時老奴知二妃在此地。則排難解紛。生死與共。邂逅於萬里。而相失於咫尺。造化小兒之弄人。亦甚哉。後數日。法艦僞稱往馬島。急拔錨向洲越。老奴竊謂法國有謀士。想必陽稱察視埃及形勢。陰乘機出其不意。聲言在歷山港上陸。鎮撫內亂。救其危急。而實襲拿破崙第一之雄略。長驅直入。乘海樓府之無備。守其城堡。以壓亞爾是利之堅甲利兵。使英無復措手之術。然法人徒閉於牆內。遂使英國得遊弋於灘江河畔。爲專橫之虜掠。遂失亞爾是利領封擴張之旗。使其據禮節夫之約。持理仗義。奮勇以沮遏英之猛鱷。使不能進一步。於洲越海峽。則世界萬國。猶將敬憚其義。猶孤竹之二子。叩馬而沮王師。竟不能抗武王八百國之精兵乎。惜哉。計不出此。我艦航於亞非利加之西岸。自由國自由國者。號稱亞非利加大陸獨一無二之新立自由共和國。介立於蠻夷之中。獨能放文明之光輝者也。乃上陸觀察其施政之得失。人民之習氣。開明之程度。則其接於耳目者。惟歐人之跋扈跳梁而已。早

晚不爲法之所羈食。則爲英之藩屬。成獨立之保護國而已。散士曰。僕往年於費府。曾邂逅此自由之總代委員。蓋彼總代者。黑人也。雖然。明智爰國之士。而代表一國之餘者也。其言曰。我自由共和國之建立。原發於北美合衆國之奴隸存廢論。時志士仁人如邊利駒矐之徒。以爲獲無辜之黑人。如獵禽獸。老弱者虐殺之。强壯者驅役之。實爲無道之尤。心焉慨之。縱其所由。使棲息其山河。敎育蒙昧。釋放奴隸。說於富人。醵出巨金。建立亞非利加一殖民地。布其新敎。化殺伐之陋習。播文明之美風。移自由之風。易專恣之俗。以謀建此新立之自由國。開風而起者。八十餘人。誓共生死。同苦樂。埋骨異域。辭富强快樂之新府。航於暗黑世界。據於瑪須羅陀之邱。而起殖民地。是實六十有餘年前時大統領門羅者。頒表其獎勵保護之功德。以其名冠都府。爾來有志而義勇者。抱才無所用。漸次相集。同心戮力。勵精圖治。雖然。當時土人蠻猜忌之。動輒怨讎。襲擊暗殺。竊四方移住之民。又乘英之奸商無一國之主權者。詐譎跳梁。橫暴無所不至。所施之法律。皆爲蹂躪人民之具。遂至全局不能統一。於是移住之人。奮然蹶起。以不滿一萬之人民。建爲獨立國。其檄慨悚世界。威勢震於土人。卓然新造此自由之國。時一千八百四十七年。舉世皆稱贊之。認爲平等之國。會英國有博覽會之開設。大統領臨見之。大講平等之威情。皆曰照破亞非利加之幽闇。撥雲霧而使見青天者。則新立自由之力也。而時勢一變。今將沈淪於荒亂之鄉。蓋我自由國者。地味非不肥沃。鑛產非不富饒。寒暖非不適度。建國之士。非不先私利而後公義。而其所以至如此之沈淪者何哉。蓋與二三精誠之士。意氣相投。以籌畫事業。經營於當初。皆能振奮其精神。自信抱負之有素。克受艱難困苦。且能遺私而殉公。雖爲日月逾邁。氣力漸有消磨之虞。以世情之綿綿。勢所不免。況至於子孫。祖宗之志氣漸忘。苟且之氣習日肆。焉有不茅塞於其胸臆者乎。且夫美人者。世世奉華盛頓以來之政策。於開拓屬地

經營海外之政略。每排斥之。惟保護獎勵內地之遺利。以期充實內政。不欲使人民冒危險。獲名譽。與僥倖於海外萬里。至英國則全然反之。汲汲焉務擴領地於海外。增設貿易市場。以進其富強。保其威力。以是美人雖自建此新共和國。而逐漸諳其國之情。親愛之念。亦因之而薄。英國則漸漸明我國之情。干涉之念日厚。又如彼法德者。近亦倣其殖民政略。見此自由國之薄弱不振。居爲奇貨。將乘機而有所爲。惟其如此。外則礪爪磨牙。虎視眈眈。負嵎而相睥睨。內則樹黨結侶。軋轢紛擾。有不忍言者。請試舉其慘狀。一千八百七十六年。土人邊統領之即位也。誤信人言。謂起外債投殖產之業。則歲入直可增加。遂借英國外債五百萬。雖然。每歲入款總數不及百萬。至今未能償其利息。於是國論沸湧。大呼曰。邊統領陷英國之術中。賣國之奸賊也。遂廢而投之於獄。甚至白晝赤裸。牽之於街市。羣衆唾罵。蹴踢鞭撻。卒乃自斷崖上推陷之而死。其家族無老幼男女嬰孩。僇殺殆盡。慘苦之狀。不忍復聞。次繼位之大統領。亦在位經一月而暴卒。自其始承認獨立。至於今日。僅有二十二年。大統領之更迭已有十二人。其政權爭奪之紛擾。亦可想見矣。蓋我土人者。無義氣。無教養。徒信天賦人權之說。喜談過劇之政。慮外人干涉之弊。則土人自欲管領其土地。毫不容干預。懼患則妄意揣摩。合無數野蠻。欲壟斷公私之權。故其流弊之所至。樹黨結朋。紊亂公私。致同室操戈。鄰里反目。且與近鄰之土蠻戰爭相踵。歐洲強國煽動其間。國內之黨人。則於鄰國互求依援。各期制勝。自英國募外債。自法國借應援之類是也。而美人似茫然不知者。今吾輩所以來華盛頓者。欲將舉自美人初建立自由國以來之情勢。與其變遷至於今日之所由來。及其將來之趨勢之所必至。以說政府。使確定保護我自由國之方鍼也。噫。所謂自由民政者。在進步開化之邦國。猶且不受政權爭奪之紛擾。而況我新立之國乎。吾輩既屈氣於共和政體。銷魂於故國之紛爭。今日反歆羨君權之國爲無

事也。散士聞之。以爲是東方諸邦他日之殷鑑也。嘗銘心不忘。范卿曰。自由共和國之現狀者。實不堪言。又有甚於此者。馬達加斯加島是也。其後余航於馬島。頗詳其狀。散士曰。馬島者。嘗採用歐洲之文物典章。而歐人之所嘖嘖稱歎者也。今日與法國交涉。其事雖未結局。然不久將歸平穩。今謂其國之現狀。比自由共和國尤甚者。噫。皮相之西學。其誤國之原乎。

馬島者。世界第三之大島也。土地沃饒。物產極富。土人勇悍而相愛之情甚深。其先出自馬來國。其教則所謂多神教也。有主宰萬物之大神。有部族各種之衆神。其理論亦不甚高。人多奉祝之。以莊嚴華麗之殿堂。行隆盛淨潔之祭祀。蓋士人者。於神之果有果無。及其靈驗如何。不深留意。而拜父母祖先之事甚渥。故上流社會。信敬之念甚薄。其政治則諸侯各領封土。一旦有警。則各將領內之士卒赴戰。似日本封建之時代。此國爲希臘人所知。又在一千年以前。與亞拍亞人往來。而歐人之初來此土。則在葡萄牙未尋得東海航路之時也。爾來葡人殖民此地百餘年。雖然葡國之衰敝也。此島爲法國遠征之軍所掠奪。自是法國謀殖民者。又百餘年。而未得其志。一千七百年代之末。有一豪傑據此大島。掌握其全權者。波蘭之敗將辨耶數奇是也。辨耶數奇。本匈國之貴胄。善用兵。讀波蘭獨立之檄。提劍投軍。屢運奇計。而破俄軍。及獨立軍敗。被囚就獲。流於極東東察加之地。飢寒萬狀。艱苦備嘗。曾登山頭。憶家鄉於萬里山海之外。憤楚囚於跼蹐尺地之中。慨然曰。大丈夫豈可輕死哉。遙見水天髣髴之間。與日本島嶼相接。一夜欺監守者。乘漁舟。冒危難。渡於唐太。又遁於滿洲。勞筋餓體。始得法人之助。威名大振。惜哉。一千七百八十六年。法人忌而殘殺之。

此國民分爲南北二大部。一曰沙加羅窩。一曰法烏斯。沙加羅窩之人。向占有勢力。撲法烏斯人爲野蠻。不以

人視之，其凌辱於治下已久矣。法烏斯人有一豪傑，常憤之，乃糾合其部落，振威於全島，奈大志未成而身已罹病。召其子剌多摩詔受遺命，使繼其志。時剌多摩受學於亞剌伯之鴻儒，拜父之遺命而感泣曰：吾不能承先志，他日何能見大人於地下。時年甫十七，遂會羣臣，卽王位，稱法烏斯王剌多摩第一世。王爲人剛明沈毅，卽位之日，四鄰聞風悚動，奉父之遺言，驅使沙加羅窩人，以統一南北爲己任。雄心烈烈，倣行歐洲之式，訓練精兵，購入銃礮，準備彈藥，爲他日之用。時一千八百十年也，當時英法生釁，遍宇內皆有爭競，英之海軍陷法之慕理智陽新島，更結黨援於馬島。王於是時投機應變，結條約，從事於法人之盛。禁全島賣買奴隸，犯者以死論。英人德之，每年贈金銀兵器一千八百十八年，英國議送宣教師，王購販書籍，輸入技術，興設學校，獎勵工商，導國民於文明之域。於是全島不霑王化者，不過三分之一。王雖從西教，然亦甚惡之，乃欲利用之以爲開導之捷徑。公許教法之自由，王磊落不顧細行，荒淫之餘，遂成疾病。未及振鵬翼，年僅二十六而薨。舉世惜之。王有寵姬曰亂摩道，當王薨之夕，殺王之親戚近臣數十人，幽囚王母及姊妹，使之餓死，自立爲王。是爲羅曩波路那第一世。女王爲人頑固刻薄，忌外人，惡外教如蛇蝎。卽位之明年，與法國開釁，大破法艦於墟岬，擒法將，斬其首，棄之於海岸，以與法絕。且出兵平定全島。先是外教漸盛，國人信者漸多，於是先禁官吏之奉外教，繼之乃普及於國民。外人憤之，物議喧騰。女王斷然不顧，拒絕如故。一千八百三十三年，禁國中學校讀外教之書，而改宗外教者，受下等之待遇。明年除官吏之外，禁讀外國之書籍。時女王之壻大元帥總理大臣喇摩尼沙，使女王一一執果斷之策，舉國中教徒，使訴外教徒不臣之罪於大法廷。女王見之，赫然作色曰：朕乃代表祖先建立國家之神孫也，彼等侮朕。是卽侮朕之祖先，且彼等目我歷史爲荒誕不稽之僞史，故朕與祖

先所信之教義與神明皆彼等所不信者何其不敬之甚乎一日女王之愛將某謁女王曰願賜臣一口之利劍女王問其故某愾然而泣曰今外教夷學辱祖宗之靈聖汚國神之威稜國事將日非陛下何不憂念嗚呼邪教之蔓延猶火之燎原如今不撲滅之其禍必不忍言臣生蒙陛下之殊恩不忍覩國人受女夷凌辱今將伏劍以先國家之滅絕意每慷慨辭色甚決女王憮然仰天長歎者久之已而昂然曰朕誓攘斯妖氛以安社稷宗廟會全國之民於首府之南郊殿禁國人奉外教繼開大會觀兵而宣言曰七日以外不自首復宗外教者以死論自是閉學校禁集會逐外僧收沒經典四放偵探搜犯禁者然奉外教者不惟不減轉見其增加無已於是女王大怒決意刑戮千有餘人而民心愈激相將就戮者肩相摩而踵相接既而與英法二國交涉五年遂與法軍戰大克之其初畏憚外人者至此亦生輕侮之心凡外人無論是非善惡而盡排之惟其如越人之射世已變矣而守其舊使阻遏文化衰替國運曾不多時外教徒陰乘外患之隙鼓動上下之人心女王又大憤之貶人有奉外教者共捕得十五人繫於宮城懸崖十五丈之上親臨責以不當奉外教其不從者直斷其繩十五人相繼粉碎于崖下而死於此慘刑反使外教之勢燄益熾其有未奉者密相謂曰人生莫重乎死而彼外教徒者甘受酷刑從容就死而不悔豈非冥冥之中有感應者耶於是奉外教者日益衆爭蹈水火赴湯鑊而不顧女王益憤激施其酷刑日夜不休有二王子亦歸依西教女王怒而幽囚之絕其飲食使之餓死王子疲困死不變遂繫於柱生烙殺之嗟乎宗教之爭亂其慘如此古今皆一也有國者豈可不鑑乎女王在位三十三年盡力排除西教二十三年非惟燎原之不可撲滅而已轉相激煽其勢益熾而固陋其國論使富強文明日退步者實堪慨也雖然王能强國權杜絕外人終王之世使英法之强不得逞其志少延國祚亦女

王之力也。太子卽位。是爲剌摩第二世。卽位之初。英法共請王發令大赦。縱敎徒之囚。招聘英國之官。於是西敎之行。如驛傳之速也。且王雖未受洗禮。夙好歐人之風。殆不知自有國家。乃妄信歐人之言。曰。殿海關之稅。而輸入廉價之毒酒。濫出牛羊。使生民流離顚沛。國政紊亂。至不可復理。王有寵人法人杭別。朝夕醉顧問。王乃約杭別讓與全島之一。又特許採掘諸鑛山。又愛少年美那摩弥者。任其弄權。一切言論行事。聽其所欲。羣臣諫之不聽。荒淫益甚。於是怨聲充衢。亂民蠭起。王及嬖臣。遂爲行刺。島民立刺會部利那。未而薨。其姪卽位。是爲羅蠻波路那第二世。羅蠻波路那之行二世卽位之禮式也。式場設立祖先傳來之神。揭耶穌之聖言於王座。還宮之後。使外僧祈禱之。次日舉宮中歸依耶穌敎者。設寺院於宮中。設女王總理。共洗禮。更下令而削奉國敎人之爵。使爲平民而供徭役。於是國敎徒慨然蹶起而諫之。觸王之忌諱。死者衆。王迷亂益甚。遂舉宗廟之神主燬於羣臣之前。派遣四方官僚。使盡毀其國社。人民痛之。以爲此亡國之兆。而歐人稱此日爲大不祥之舉。嗚呼。以當時四十年前祇一人入西敎之國。比現時形勢之轉變。果何如乎。而法人益肆其暴惡。恐嚇百端。決行噴別之條約。更舉半紀前之歷史。謂馬島可迫令隸屬於法。遂期於八。公布宣戰。女王乃拒絕其要求。奉神機國書而泣訴於天曰。聞歐人奉其正敎。信其眞神。尊其誠心。以故寡、亦歸依之。今被凶暴至此。神若有靈。請寡人歸依眞神。燒毀祖先之宗廟。而憐察哀情。明垂照鑑。救此國難。派使節於英德美。訴其國情。各國憐之。雖然。出兵於絕島。扶其孤弱。以結怨於强鄰。且如英者。蠭占有馬島。業之利權。而眷庇之意更切也。雖然。欲於埃及結法之怨恨。陽勞使節。陰伺法人內情。遂孤立於馬島。使强不得逞其狼吞。於是女王大會羣衆。與會者十餘萬人。躬臨視之。朗讀法之要求書與談判書。以公布宣戰。詰嚴蕭

諺言悲壯。聽者咸憤激。威喬誓爲邦家死。一千八百八十三年。女王薨。臨薨遺命曰。朕既以一身奉於上帝。死何憾焉。願子孫勿背西教。但朕受祖宗馬島尺地。亦且勿讓法人。言終而瞑。女王與法交戰二年。屢窘法軍。而內則克整政綱。建軍制法。制解放奴隸。盛行教育。外則惹歐人之憐情。使馬島優列於文明諸邦。入於耶穌教國之班。蓋銀盞欲滅時輝其光歟。先是王曾修道路。僅通小徑於諸都府之間。河無舟楫。津無橋梁。商賈皆賴馬背人肩。法人每嘲之曰。夫交通者。文明之母也。馬島豈得閉關絕使乎。王曰。是我防國之策也。後與法構兵。法兵果困道路之梗塞。進退不能自如。云云。女王薨之夕。羅曩波路邦第三世卽位。乃大戰幾法之將。陷其要塞。初法人輕侮馬島之人。謂一舉可以滅之。既而惡疫流行。患者十之五六。死者十之三四。且法人欲進兵內地。而叢林深澤之中。每伏兵四起。加以英人暗助馬兵而訓練之。戰術亦日精。故交鋒四年。而法兵竟不能克。糜財億萬。失精兵一萬二千。而無尺地之得。無一貨之獲。無勇戰之譽。無養軍之名。內閣大臣爲之更迭者已二次。法人見每戰不利。更增軍費。而謂援兵曰宜陷其首都。可擒女王。英乃居中解和。法軍知大勢之日非。卽容其言。提出媾和條約於馬島政府。其條款之重大者有三。曰良港之讓。曰償金一千萬。曰外交之讓。是也。王不得已許之。時一千八百八十五年也。勢至於此。而邦國之前途可知已。後五月。法人更欲認馬島爲法之保護國。馬島人不允。會議三次不就。法國乃起大軍。擒女王而廢之。於是馬島亡。歸法之版圖。棄其國教。歸於西教。嗚乎。西人之憐愛。亦遂有亡國之禍而不可救。可悲也夫。

范卿曰。然。若奴聞之。治國有常。利民爲本。政教有常。令行爲上。故苟有利於民。不必法古。苟能周於事。不必循舊。夫夏商之衰也。不變法而亡。三代之興也。不相襲而王。故聖人法與時俱變。禮與俗俱化。衣服器械。各因其宜。故

變古未必非循俗亦未足多也百川異源終歸於海百家殊業皆務於治文明開化亦不過醉眼中之華也若夫採取歐洲之華如蜂之採蜜惟取其實不取其華亦可也馬島醉於歐風不知變古之術拘於國風不達循俗之道以故敗花傷葉覓不獲其蜜凋萎以至於今日其亡其亡繫於苞桑馬島之謂也蓋英人者施其魔藥而漸吮其精血法人者放其毒箭而急殪其殘軀今女王者縛其手足惟任法人之所爲忠憤之士義烈之徒據沮洳山澤之險伏荊棘榛莽之間以保千有餘年之國脈於奄奄之中雖然傷弓之鳥屢驚於繳弦東洋之故國既屢墮歐人之術中嗚呼彼自鑿爲文明開化之國者於此十九世紀之終其豺貪狼戾風悲月泣之慘景見之可勝慨哉老奴剛欲上陸而弔忠義之士會拔錨之命下不果蓋此艦將急渡東京赴其國與清戰爭之援也老奴聞之大呼快哉法人嘲笑曰子爲清國人己國見伐何悅之有乎清人之無愛國心其可憫笑也既而法艦達於東京然老奴謀欲投於黑旗軍也久矣而未得其策至身履其地而心甚搖搖也忽艦將與老奴晤談巡檢戰地過山澤間入於兩軍對陣之地舉首而望山頭見乎翻翻黑旗披拂於青嵐黃靄之中落落於三五堡壘溝木衰草之際俯臨溪澗髑髏未乾枯骨帶肉亂堆於蒼苔白石之間腥風時起扇其青蠅未嘗不歎英雄之末路之難爲功也因口奏悲歌以弔悼乎寃魂焉

其夜法之幕將召老奴曰汝若不忘地中海救命之恩扮爲行商深入於敵地以偵察要塞之險易兵馬之多寡將士之動靜若一一具報之能盡其任必酬以重賞幕將如一意依於老奴者老奴卽以爲彼雖爲我之敵然以厚意對我我豈可無一片義俠之相報哉遵其囑盡其任而後敵之亦大丈夫之所不恥也既而又幡然悔曰狐死於首邱不忘其本也今清法構兵法者是我國讎也以救命之故而忘其本非爲私情而棄公義乎乃猶豫未

決法將不見老奴之答而大罵曰癡奴不知恩惟知懼死而已老奴怒氣塡胸將躍然蹶起忽而抑怒氣悄然而答曰非懼死也惟無以達尊命耳無已請從此行將軍與以契符曰是爲法軍間諜者之印章被捕於法軍可以此密示之失則死矣又以白布裹覆老奴之面告曰是我之軍法也勿恐更威嚇老奴曰若齎虛報貽誤軍機罪不容於死語未畢礮聲轟於山澤吶喊四起已而劍銃近交於營內戰丸擦過老奴之肩上雖然此時身縛不能動踉蹌惟俟畢命於風前而已未及半時戰聲漸息華語音聲充於陣中時有去老奴之覆巾而檢索之者始見四面之光景則黑旗軍旣佔領此陣營也立於死屍狼籍之中見有貫刀於敵首而舞者或有踞巨礮而鯨飲葡萄之美酒者意氣昂昂如目無法兵者焉一將糾問老奴在此之故時余肩上血流浸於腹背兩手就縛痛苦不可言乃欲求免因速答曰僕者是明朝之遺臣也探敵之動靜欲以報義師今日急爲敵兵之所擒而偶會義師之來何幸如之願速釋此縛有一人熟視老奴之面而呼曰老猾奴汝昨日非與法軍之嚮導而爲其前驅乎余偵察樵路善知汝之顏由是再緊縛余兩手又以白布覆其面一將聞之使一卒探老奴之衣冠契符自襟中出衆見之大怒或毆打或面唾或揚足蹴頭一將排衆獨來叱老奴曰汝服中國之衣冠解中華之言語甘爲黠虜之奴人類之最卑者也使間諜事情而陷我同胞於死地以博一己之富貴何其可憎之甚哉死有餘辜我斷汝之首刀且愧被汝血之汙雖然不可不殺之以爲後人之鑑戒乃明晃晃地提白刃於老奴眼前老奴知難以口舌爭辨乃大罵曰汝等無眼無識疑我爲間諜之人汝自壞汝萬里之長城而已後悔何及時有一騎來報曰法人憤前之敗合大軍而斷我之背後將皆進於本營附近之地諸軍聞之而潰亂一卒牽僕而走而法之先鋒旣追於左右之間追聲甚急黑旗兵死傷太多少焉黑旗之援軍來救合一老將跨馬厲聲而叱責將士之背令速

退。致受敵之反擊。而喪極多之良士。一將乃指老奴問先時大鬧彼等之言之故。更叱老奴曰。咄。老奴曰。唯。汝速斬吾頭。以送於謀士顧江甯。渠見吾頭。必能知吾恨大計未成。徒與汝輩死於刀下。老將睨老奴曰。余江甯也。汝欲何爲者。而爲此欺人之事。欲偷寸時之命乎。老奴熟視其顏。急呼曰。余者白雲山之范卿也。自美國歸航而投軍於足下者也。江甯急下馬。解余縛曰。范兄無恙乎。幼時屢接音容。不相會者。既三十年。今忘其面貌。亦宜也。兄數來書。敎我奇策大計。今日之事。亦多兄之賜也。願自此得聞左軍之大計。乃引而請上座。曰。起朱明者。必斯人也。老奴辭避。而不敢就坐。其夜江甯設宴。大饗老奴。老奴卽翦燭而說於江甯曰。今淸法搆兵。兩不可勝。若法人大勝。振戰勝之餘威。根據東京。鐵路縱橫。迫淸之西境。其勢不復可支。若淸人大勝。驕慢之氣加頑陋之風。長文明之政不可望。革新之治不可期。吾輩將安施其力。往者當軍敗而西征也。西南開一乾坤。存其明祀。譬不與淸朝俱生。雖然。殘敗之餘。自不能保。姑俟和時。今也法人犯我棲處。汚我旗幟。其勢遂出於不能不戰。況近者歐洲諸邦。張皇其殖民政略。而併呑東南洋之危機日熾乎。義當計抗東洋之公敵。而存安南之命脈。雖然。余審法國之形勢。懸軍萬里。糧餉未足。固非可以久戰。然豈可使我相期遠大之倫。而爲徒死之戰乎。諺曰。急轡而數策者。非千里之御。我同志爭盡死力者。在他時。非今日也。聞向者黑旗之軍。死守江北之蟲。而襲法之大軍。終日終夜。奮鬪苦戰。死屍枕藉。勢無可爲。及走入武庫。乘敵軍之未備。放火爆烈。彼我共焚。壯烈無比。雖然。是徒死而已。語曰。人之血氣。豈能久煩勞而不逸哉。人之精神。何能旣馳騁而不息哉。血氣者人之華也。五臟者人之精也。今耗散其精華而不顧。何哉。且勇者不輕死。宜時加防禦。據於險要。敵進則退。敵退則進。張常山之蛇勢。擾敵以山澤沮洳瘴氣毒霧而已。況關於法兵之勝敗。而終退其兵。如觀火然。至於此時。將軍將置身於何地。如何而處其同

胞。夫狡兎死而走狗烹。飛鳥盡而良弓藏。清人果賞子之功。爵及侯伯。富如商賈。僅不過爲一偏將。而屈於州督之下而已。吾子有此大功。忌其智而妒其才。遂有功而不能安其身。幸而免於斧鉞之誅。亦至失根據之要津。無容身之地。卽引敗卒而歸清。清亦不能犒子之師而已。此三者皆所以自損其勢力也。甯復欲南面稱王。飜其風雲際會。東向明旗。而得爭霸於中原乎。江甯太息曰。余誤爲之如何。老奴曰。頃者日本自採用歐美之利器。頗輕侮清人。且其軍隊者。乃法人二十年來之所訓練。乘今日之機而大有構衅於清國之狀。若勢至於此。則其所謂戰地者。必雞林也。臺灣也。遂釀英俄交鋒之機。亦未可知。故自是余密隱於白雲山。抑憤忍羞。坐以待時。糾合福建之同志。而誅東漢之族。以事其舉子。測時機之來。其間或制法。或控清。挪撿其兩者。法人大舉而侵其地。使清之大軍激戰。子提其奇兵。橫劍直立。而全其功。曷不快哉。江甯鼓掌而悅曰。謹奉教。蓋諒山之大捷。襲此策者也。老奴自是歸福建。察天下之動靜。日本則放火於雞林。勇氣忽挫折。而徬徨於優悠不斷之間。法國則行其溫和之手段。消磨數月。和戰久未得決。清則廷議紛紜。以姑息之事。遂起兩邦交綏。日清法三國之宜戰和議。茫茫滅跡矣。事至如此。故老奴今將欲再往說於江甯。彼若墮清人之術中。受清朝之封爵。執迷不悟。不足有爲。則惟有與之絕交而已。余則再返福州。然後以孤劍奔於緬甸。或去埃及。探幽將軍。然尙未有所決。夫老奴出入於死生之間。不知幾度。如雪下之竹。河畔之柳。剛柔並用。緩急兼施。遂未至挫折。雖然。鐸以聲自毀。燈以明自燃。士以美自斃。老奴復有玉碎之時機哉。時南溟萬里。碧海青天。惟有冰鋗一輪之橫於太空而已。范卿口占一絕曰。

風吹霜鬢血衣腥。脫落封侯萬里名。南溟今夜無邊月。又付寶刀賦遠征。

第十二回

船泊錫崙島直上陸訪埃及敗將亞剌飛侯於其居路旁之椰樹桂木如張蒼翠之涼蓋田圃之奇卉異草如布絢爛之華氈中有半歐半亞之衣冠而跣足裸體荷簣者悠悠往來於東西風致之美配色之奇宛然一幅好畫圖也既而村驛煙絕鐘磬聲消神足猶三千年靈蹤法音杳杳無畏山四十丈之高塔廢址茫茫薈多林鳳凰宮（二者皆世尊說法之地名）之結衆今已無存佛陀聖蹟之菩提樹原何可攀漸至侯門問訊謁者謝此時非對客之時暫逍遙於門外須臾復訪門者導入中庭少焉亞剌飛侯出接赤冠黑服溫言謝三顧之勞海南將軍將禮曰日本人民舉侯報國之誠忠稱爲不世出之沈勇侯血誠達天國人感侯之果斷連年苦戰放誦此萬里之敵境莫不悲之某今奉命視察歐美之形勢途次特以半日之閒訪高堂一通殷勤且欲談東洋之政略願元帥鎭壓國論之紛擾驅使疲散之卒與英之精銳角逐之戰況及說貴國之遭逢歐人外交詐術之詳以使東洋諸邦未及陰雨綢繆牖戶亞剌飛侯聞之悲喜交集瞿然而起瞑目仰天者久之乃漸坐而對曰敗軍之將何敢談兵楚囚之身何論經濟雖然既辱三顧之殷豈無一言之報僕謫居於此見訪之人亦云多矣而曾未有憐我故國之敗殘憤歐人對東洋之政略有如足下者請忍垢含恥以陳前車覆轍之戒初歐人之對我曰天帝者一而已無私無親照臨宇內一視同仁四海者皆兄弟而已文明之世不問邦國之不同不論人種之殊異交換智術者社會之責任也交通有無者人世之通義也耶穌之行爲者解衣分食抑強扶弱也締盟各國者免交侵之患享和平之福也其說如此何其堂堂冠冕公平無私乎雖然是卽爲隔障而聽鬼女彈琴可奈之何哉且最爲

巨患者。則在於財幣運用之邪說。其言曰。凡屬財幣者。乃交換品物之量器也。其價格與品物無異。以故物品有需用供給相倚之原則。供給溢則需用減。其價低賤。需用盛則供給增。其價昂貴。而財幣之需用供給。亦率此原則而相依倚者。故一國貧富。以財幣多寡。不足以知之。若欲一國而圖强增富。己國困乏。則需用寡而供給多。可借債外國。且以息微之資本。振興全國之產業。此爲天然之數。經濟之理。人世之通義者。是說也。卽以高尙之理義。迷東方之人民。而欲人爲開文化。爲張軍備。竭己國之財力。更募外債於其國。此實爲國家隆替一大原因也。凡屬外債未募之邦國。須審其時勢與債權。乃不被陷焉。古來邦國之爲外債而滅亡者。更僕難數哉。若一至愆其償期。則耶穌敎國之行爲。反其常而嗤嗤然分宗敎之異同。囂囂然辨種族之分別。而獨以其白晳種人爲獨得天帝所佑。異敎異種。則爲前世罪業。勢不至剝衣剜食。舉人國土而盡奪之不止。竟盡忘其前說也。夫始則以有無相通爲人世通義。今則保護己國。重稅人國品物。始則以財幣爲共同之通寶。今則力防輸入。越於輸出。强斷財幣之制。而自握其權。始則訂盟和親。準據公法。其背乎此者。則天下共伐之。今則見利忘義。媚强凌弱。始則俄國破黑海之盟。天下無責之者。而希臘一小國與土耳其構兵。則各國以之爲害其和平。居然以軍士封鎖希都。非洲一小國少有疑議於盟約。則各國同盟分割之。卽如予之將舉兵也。歐人莫不稱爲義舉。有約不爲應援者。有約制英國之後者。有勉以善後策者。使者載道。冠蓋相望。及一旦師興。卽趑趄逡巡。曾無一國果如其言者。嗚呼。歐人之言。其可聽不可信乎。其可交不可親乎。若歐人而所行如其所言。心口如一。則天下安有亡國破家者哉。關塞一容胡馬之鐵鞭。卽不能拒之矣。我埃及及馬島諸邦。此其前轍者也。抑聞貴邦數千年來屹立東海。近日變法維新。能採歐美之所長。用歐美之所利。若能聽歐言而不溺。聞歐說而不迷。誠可謂完善之國矣。且予

更有一言，不得不以忠告貴國者，何則，卽勿聘外人爲顧問，勿與外人以官爵也。此而一誤之，則主權夷替，尾大不掉，爲亂之階梯矣。殷鑒不遠，邇在布哇，其勿復蹈之。嗚呼，予其羨日本之位置佳好，而悲故鄉之處逆境也。其吐談沈痛，悲憤之氣，溢於眉宇。適有三數埃及人入，侯卽指其赤帽白衣者而自爲紹介曰，此將軍某也。指黑衣者曰，此外交家某也。更顧其左右曰，此勇士某也。此豚兒某也。茲數君者，皆負反逆之罪而減處死一等，以與予流竄於茲者，聞貴客貴臨，特來謁見也。於是共相談論，一酬一答，漸入佳境。時適有不知何物俗漢，遽掃清興，共有官吏婦女諸生十餘輩，直入庭內，見侯不以禮見，散士等遽撿揚日本近日急變法維新，盡變衣服飲食，而摸擬歐人，廢繁雜之國語，而代以羅馬文字，法律則倣佛典，法官則用歐人，以英文爲法庭原語，解婦人之束縛，行男女之平權，人種改良之論，壓倒世上，歐風之演劇舞蹈，漸盛，實可感歎也。一唱衆和，贊譽不迭，一士聞之，耳語散士曰，亂理之文，修飾之巧，刻刑鏤法，卽所以破我國者也。奈貴邦何復蹈此轍。散士聽之，靦然冷汗浹背，因倉皇告別曰，心所欲問，口所欲語，終宵亦不能盡，僕此告別，願諸君爲國家自愛，順天道以待時機，侯曰，後此再見，知不可復，惟請貴賓他日若過埃及之新戰場，爲予憑弔諸同志之墳墓也。辭而出門，是時日景漸移，晚風送涼，一路迢迢，羣鳥無聲，其有入耳者，惟有媚人囀春之婦女，不知亡國之恨，而歌唱英皇之德，英政之仁聲而已。

西航江海，船達洲越，散士登陸，徘徊於昔日繁華之地，而今則祇見荒寥寂寞，惟餘廢寺破屋而已。回憶古時摩西隨天神默示，率衆徒飄零於海南沙漠中，啜聖泉，抱清節，懷波斯大王跪雄斯幷吞六合之雄圖，沿西征道路，建立摩天大石柱，巍然於平沙漠漠之上，何其壯也。而星換物移，盛衰迭變，千古之雄略，今竟爾銷沈如斯，東方無馬首復西之英主，不幾可感乎。行行而至亞剌飛最後一戰場，祇見邱陵起伏，沼澤平沙，其中殘壘猶存，且多

有英人墳墓碑塔高聳英兵守之其埃人之塋域則祇布散於荒草離離間無一人影散士哀之乃爲弔之感慨不已既而乘汽車將行西去適遇西來汽車中見有以翠羅覆面一婦人暗影楚楚面轉向隅左執帛右持枝花斜支左頰一若沈有憂思者方審睇之而汽車遽行散士於是心沈氣塞如有一物纏胸久不能消而回首則平沙浩浩接連天表戰場邱陵明滅將沒惟餘餓鳶瘦牛散足平地泥屋三五間連接道旁多有乘騾種田者皆存數千年前之故風舊影也

明日登三角塔塔下亂石砌壘高可參天誠可謂危如累卵削如平砥於石角坎陷之處祇堪攀援行行危懼如跋天巇如扳鬼口三步一喘五步一息胸膜如鼙鼓流汗滿面目日燃崑岡髓腦俱沸同行者不堪其勞至半而下其能達巔者僅餘三人而已直立絕巔之上足搖難定目炫難瞬日戴頂上雲浮足下幾如以人間杳渺之身遨登天界遐想不已於是危坐石上矚望四野波羅大沙漠綿亙數千里曠蕩冥茫渺無涯際少間無一點青一微白入予眼者惟有紅熱射目閃耀迷離其似混沌未分之前乎將如天破地裂世界空闢而爲刼火洞然之眞象乎時則块北熱砂之起如炎帝之鞭如龍回颺之倏忽旋轉如火車之驅罪人入八熱地獄人若陷墮此境則生而迷其生死而魂無歸依乃黯然回首則有小三角塔不即不離接連於其間如沙漠岳陵或起或伏其灘江大河則浩浩汩汩有如長蛇之蜿蜒漲天際地莫知其源其沿岸則草木青青原田每每草野開辟心目俱豁焉遙望海樓府則高閣梵宮丹堊粲錯朱碧陸離壯宏俊麗可追想其肩摩轂擊之盛時焉牧牛之童耕野之農縱衡阡陌儈衆導羣婦女歌唱絡繹道路亦有發數千年前之廢址以搜求寶貨者亦有埋沒沙中僅現半面如笑如怒之絕大女神像者左顧右盼低徊久之古人曰欲知天堂地獄之眞景須立三角塔頂眺臨其東西前後信

乎古人不我欺也。乃跨石角而歎曰。嗚呼。昔者歷山大王。奠京城于此。朝臨諸侯。執玉帛者萬國。文物典章。冠絕一時。歐亞人之遊學於此者。年數千數。蓋爲羣后高會。四方儀則之所也。當羅馬之盛時。有久麗王茄都維。以其妖美陷獅威挫於重圍。亦於此地也。有小勁冬者。痛土峨斯多斯之踩躪自由。浸凌大憲。覬覦天位。舉義不成。亡身全節。亦於此地也。有安敦仁者。以蓋世之勇略。而沈湎於狐媚妖冶。黷武招亡。遺臭千載。亦於此地也。而拿破崙之欲席捲歐亞。亦常率衆勵兵。鏖戰于此塔下。明平明士阿梨大王。以布衣而統一全埃。率生齒五百萬。橫略東歐西亞。威名冠於天下。亦實連兵於此地。毓以其沃野千里。大河浩蕩。物產庶饒。地扼三洲之咽喉。掌四海之管鑰。其爲英雄所垂涎。不亦宜乎。今而熟以望之。則珠簾畫棟。已與三月之灰齊飛。白叟黃童。已化爲泉下異物。如此者。夫豈曰天命哉。亦有人事焉。觀此廢頹之跡。以推滅亡之故。足知驕不可以久處。淫必挫於橫禍。積惡有餘殃。喋喋不終朝也。當威斯明流王時。有權臣摩佞者。貪、叨遊學歐洲。得博學士盧名。而稱其才能爲冠絕一時。即以徒手無功之身。而得官享祿者。生性翻覆無常。或黨與憸人。或獻勤勵舊孤假虎威。作威作福。權傾朝野。其自常言曰。多藏何如於厚士。放利必能集衆怨。是虐下必媚上。色莊必內柔也。故曰根也慾焉得剛。彼咿唔嚅唲。如脂如韋。不知恥事婦人。而對歐人如皂隸。雅言夫蹇蹇諤諤者。非正道。其一旦登臺鼎。調鹽梅。即嘯集權奸。箝制政府。其門下鬬雞走狗之徒。莫不皆張其龍翼。礪其虎牙。以糜爛天下之生靈矣。其笑刀之利。暗箭之毒。中則斃命。且復淫亂無倫。酒色是圖。穢德彰聞。日月爲之色暗。風雲爲之含憤。山裂河溢。妖孽並興。雖然。天下既訴冤無門。釁隙無乘。惟有睊睊胥讒。道路側目。智者必知其禍近。愚者或進以忠告。或效蔡澤之諷。或入趙良之言。彼則或陽納之。或陰拒之。常飾言曰。吾志本在邱壑。所以戀戀于此者。爲國家效賢勞矣。或與婦人共坐帷中。或褻

服戲於朝廟或束稚子以紫綬而戲爲封爵。莫不知天日可畏而指浮雲爲久在南山。夫豈知槿花祇一朝之榮哉。上失其道。民懷愁怨。於是草野啾啾之聲。志士唾罵之聲。直達天庭。其罪惡之數。刑罰之條。冥府金扎爲之山積。有五百之惡鬼。臨其頭上。厲鬼拊其胸中。怨魂纏帳。禍而猶揚揚自喜。以爲有命有命。不知烽烟起于塞上。鐵火興於牆內。硝風彈雨。塞天閉地。六合之內。惟黯淡有虎牙狼爪野爭之聲。飢民亂徒揮劍之光而已。其寵妾則被亂軍戮辱。愛兒則被餓焉悉啖。三族六親。至於雞犬。莫不慘遭橫禍。復無噍類而已。身則四分八裂。棄戮街市。是誠不知持盈保泰以至是也。嗚呼。報施之不爽。涓滴足以穿磐石。骸可爲鑑戒也。願惟見此亡國之慘。血漲灘江。生靈何罪。骨築高塔。愚民何辜。昔日簪纓之地。白起之坑溝尚腥。當年槊戟之場。誰復收殘骨于餘燼。散士至此。肝摧腑裂。嗚呼。因思天命如斯。心目俱憯憯焉。於是轉眼而對灘江流水。瀏覽神德之汪洋。眞無所止極。夫埃及人之祭灘江。以其有神之故。神者至德之稱也。又不可測之謂也。若灘江而枯竭。則此國千萬生靈。猶可立待矣。何則。埃及立國地居熱帶。無雨無露。獨得赤帝炎威。與灘江水氣陰陽調和。得以化育萬物。此所以延禮氏以水爲造化之原。老子贊水德爲上等。孔丘之感歎逝者也。雖然。其大不可極。其深不可測。其長無窮。其遠無涯。萬物資以爲生。百事依之而成。大包羣生而無偏倚。澤及蜾蠃而不求報。富贍天下而不既。德施百姓而不費。聲之無劍焚之不燃。淳溺流通。錯謬糾紛而不可靡。利貫金石。强濟天下。充塞於無形之域。翱翔於蒼穹之上。砂礫於川谷之間。而奔騰於大荒之野。有餘不足。取於天地。而授與萬民。無所前後。是故無所私。亦無所公。靡濫振盪。與天地而爲鴻洞也。無所左無所右。蜿委錯紛。與萬物而終始也。是之爲至德。是又不可思議之甚耶。雖然。詩曰。肆皇天弗閒。如彼泉流。無淪胥以亡。夙興夜寐。洒掃庭內。惟民之章。修爾車馬。弓矢戎兵。用戒戎作。用遏蠻方。此所

以獨恃江神之德。忘大雅之戒。而招埃及之戎乎。日景漸移。靈曜銷匿。乃偃僕而下。回馬首而越一邱。適有一軍隊。鐃管嘐嘵。旌旆蕭蕭。叱咤而至。避道望之。則爲鎭撫埃及之英國巡邏隊也。嗚呼。百餘年前。彼埃及赳赳武夫。從名將而馳驅於歐亞者。飆舉霆擊。無有一嬰其鋒。雷震風靡。誇雄宇內。今而以英一軍。被敗盜地。都城降陷。孱盟城下。率至倚賴外兵。撫鎭其國。此皆在治國之不臧也。既而歸海樓府旅次。是夕。館主殷勤相問曰。貴客一行中。有東海之姓者乎。散士曰。僕卽是也。館主色若甚疑。一揖而去。少許復來。見散士而詰難姓氏之異。同坐諸人。證之頗苦。館主意始漸解。乃就其懷中出一書以與散士曰。客果如其人。則請與以領收之證。受而觀之。則封面祇存日本人東海散士數字之英文。不知爲何人所投。乃拆封讀之。其書曰。

失巢旅燕。託命茅簷。摧楫客舟。零丁孤島。君子高蹤。其逐浪於青萍。騷人遊履。或題風於敗蕉。竊爲悲之。藍橋路隔。花洞津迷。復關咫尺。如阻萬重。株林伊邇。似睽河漢。天塹難飛。飛則恐驚鳥之搏。孤舟難解。解則覩馮夷之怒。惟僅竄端匿跡。待解閉結。伏訴中情。

散士瀏覽再四。似獲其意。然此固不可以詢人。眞實難定。心緒紛亂。甚難解釋。

明日驅車而遊。明平滅士阿梨之舊宮城。登高望遠。百感交集。細審宮城。則巍峨崔嵬。堅牢無匹。殿閣莊麗。殊駭入目。異卉珍木。寶珠怪石。羅列紛陳。是皆當日諸侯伯所貢獻者也。懸於城樓。有巨大一自鳴鐘。乃當日法王路易非立所贈者。安於閣之中央。則爲殖士豪之梟師。戮法人之兇雄。而欲帝長歐東。大業垂就。被阻於英俄奧普七聯盟耳。雄圖蹉跎。飮恨未瞑之英雄靈柩也。散士感而弔之。乃辭而遊於舊海樓府。則見市廛寂寥。雞犬聲稀。城壁半墮。梁柱俱弛。山羊散臥頑石。黃花亂落敗池。又見到處停有白玉棺槨。彫鏤精巧。紋繪日輪。酷肖我國之

菊花章傳云乃五千年王公之墓（身葬土中棺於寺院飾）或云乃古將之遺骸今則寺主已去燕雀重巢嗚呼迴首舊日何其盛耶今如此昨耶今耶豈非如一夢哉行到處所見所聞無一非傷心慘目者乃去而遊於榔朶島（榔朶島者居海樓府之上流風景絕佳韻事多傳之地也）百花亂笑江魚游泳帆檣與水鳥共浮絳霄寂而無纖雲胸中乃頗開豁曳杖信步逍遙江上忽有小樓現於面前瓦石玲瓏園籬疏落樓上有婦女彈琴聲唱歌聲聲低樓高聽不分明然瀏亮之音亦有足感乃欲窺其內而窗深籠密依稀人影而像其音容則恍如我所思之佳人者佇足多時恐被人窺見移步遙立躊躇逡巡深冀江妃之解環佩嫦娥之稅雲中以相招待也同遊促歸依依難捨強而就路而縈思細罷難通尺素意緒匆忙心情撩亂歸館之後蒙被就寢輾轉反思殊難瞑目夜已三更乃密出旅館步上灘江沿岸到榔朶島對岸尋問渡頭不通言語行人以爲外客迷路有指歸海樓府者牽以嚮之漸行而見一渡頭空舟無人祇見河流汩汩迴繞榔朶島綠水迢迢寂無客渡氣屈足痛四顧茫茫人聲滅絕其竟如王獻之興盡返棹阮籍之途窮迴車耶則好機特失良宵空負其奈之何也況以一腔熱血而來而踉蹌失志以歸則曷其傷心者若早知舟無夜渡何如先忍投梭之恥而懸秦鏡燃溫犀以消絕百疑哉而情癡所凝莫能解釋心神向往不避艱險乃自行艤舟蕩漾水上或前或後或擱淺沙或旋中流龍吟鱷笑腕疲體憊不知幾經艱苦而方誕登彼岸繫舟桄榔樹下暗中摸索隱約道路乃達樓下四顧闃寂窗隙微透燈光惟見大江洗岸風動蘆葦仰觀河漢則見星象隱映雲靄破空是成藍橋路隔仙女難尋花洞津迷漁郎虛度室邇人遐如何如何乃隱身芭蕉樹下屏氣以窺而樓上覺彈琴聲音微韻遠鏘鏘琅琅塘水爲亂俄而琴聲全遏萬籟俱寂樓上寥然有聲則美人推窗而四望也既而聞微吟曰懷君半夜未成眠明月娟娟水一天妾淚化爲江上水駕風和

雨到君邊。散士不覺續而高吟曰。據立臨水一層樓。中有東人學楚囚。吟未完而審睇美人。則果爲幽蘭也。散士至此。不覺恍然曰。其在夢中乎。乃登樓呼見。執手欷歔。熟視幽蘭。則腿邊漸紅。淚痕掛面。顏色蒼白。髮亂氣沈。幽蘭曰。蹄水一別。杳無音耗。君如東流之水。妾似路旁之花。金鍼沒海。現出無期。消息難通。惟祝安祥。不期而相遇於此地也。散士乃慰幽蘭曰。別來深知令娘良苦。往年聞報。謂令娘於此地抗曉鶯女史之高節。祇知其略。既而埃軍敗衂報至。心愈難安。而令娘善翻身於旗影劍光之內。得全生於礮烟彈雨之間。天之報施善人。可爲非偶然也。幽蘭漸仰首曰。老父馳驅於大漠千里之外。生死未知。惟妾脫身於叢刃之中。得竄匿至此。而郎君何以能見妾於此孤島也。散士曰。僕辭美還鄉。寤寐佳人。不能忘懷。故暫託身爲刀筆吏。以探令娘蹤跡。入國之日。即欲通以尺素。以無門而止。今至此。夫豈月下彩線繫僕之足耶。幽蘭悲喜交集。默坐無語。少許斂容而言曰。埃軍之大戰於蹄留猗流計米留。老父以阿武蹄留侯慓悍之黑兵。編遊擊軍。乘戰酣時。橫衝英之中堅。英軍被動。覆者幾矣。後爲援軍接應。且猛擊我軍。中軍爲敗。即馳使報侯曰。大事去矣。且事急矣。侯先行。僕爲君殿。乃收兵且戰且退。英軍亦不敢追。卒得以全軍回海樓府。老父見亞剌飛侯曰。僕嚮感君知遇。以身許君久矣。今全軍悉潰。而仍見君者。蓋欲重申前議也。夫僕往者曾謂據灘江上流蘇丹之地。招納士蠻。行曠日持久之計。欲以不戰而屈敵兵。雖然。今欲復行前議。已覺其遲。惟驅此疲散之卒。猶得數萬。若說之以立耐久之策。則四方勤王之師。必能聞風雲集。然則國家克復之途。未必遂謂窮。此一戰也。時國王適投入英艦。而傳勅征討亞剌飛侯。於是軍氣沮喪。異說沸騰。亞剌飛侯亦心懷狐疑。無能決斷。路議降英。而阿武蹄留侯。則憤然罵亞剌飛侯曰。天下大事。爲竪子誤矣。即引刀自殺。而老父亦見大事難成。乃率部下殘兵。直赴大漠之外。當時妾則在海樓府病院。老父語妾

以遠征之事且謂曰余年已七十豈復忍面縛以對歐人哉今聞僞聖魔治將有土蠻三十萬將興自由軍予此往扶之成敗難定然亦得一快戰也妾聞之不禁悽然請與同行老父慰妾曰夫蘇丹距此八千里中有沙漠之險非婦人所能到者且彼土蠻之所嘯聚鬼魅之所蠭屯好惡不同性情互異汝與予偕行深防不測卽幸而安全亦爲予所累也汝曷若姑去此地歸還費府徐觀予動靜焉但去此地須投歐軍以求保全蓋以埃人素性殘暴今軍務匆惶恐被其乘機凌辱究不如投歐軍以求保全也言未盡而士卒頻到催促老父曰密謀將泄不行禍至老父乃決然致聲自愛不顧而行妾追至門外則見蹄塵如煙聲息滅影悽惶欲絕父子生別之感豈語言所能罄哉既而妾亦欲離海樓府匆匆欲行遲延之間忽聞閽院騷然喊聲徹耳見有亂徒數百人擁前門而入妾驚逸屋後則亂首已至執妾妾不覺大言曰願毋苦病者妾死不難而衆亦不敢加以非禮竊思此國法官半爲歐人其裁判權非屬埃有遂冀可以辨脫後三日有獄卒三人護妾至門外一家主人則相貌猶惡衣冠華麗稍解英語見妾以禮引入密室詰問妾曰汝父何之汝必知之妾答之曰此地非法庭足下非法官而於暗室之中詰責無辜之歐洲婦人將欲何爲妾若有罪何不詰責於法庭也主人厲聲曰汝父有大罪今避匿遠颺故囚汝以爲質憤然鎖戶而去妾憤其不法亦無奈之何復不能辨認於法庭妾此時之悲果勝言哉自茲以後朝夕僅得羊乳及殘菜窗戶深鎖日光不漏言語不通世事隔絕殆爲幽鬼焉氣結心鬱度日如年如此者二旬有餘乃得出由馬車而抵一大城邸之後門則見喬樹華麗苑囿宏壯不問而知其爲貴人苑宅門卒引妾入一小房復施鑰而去久之見一貴人至和聲向妾曰貴娘爲乃父而蒙冤枉幾瀕於死今有恩旨拯救貴娘其不背之既而爲食命浴脫以衣裳境遇頓變殊堪怪訝然房屋新潔泉石花木莫不備具頗堪悅目心亦暢然而此貴人復

來語妾曰貴娘居此得安適否妾曰幸蒙厚待心神復舊貴人曰是皆王子之所賜也王子年壯多情令國中求美人以爲妃嬪未獲適意者聾貴娘之在病院才色之名久喧中外王子戀慕不堪以憚於尊父故不敢發僕嘗識之今救貴娘於垂死將以獻於王子他日王子必加寵待僕亦因以得高位抑亦爲貴娘所賜也今夜王子張宴宮中請卽行無滯妾至是始知被陷術中心腸如割憤恨不已默坐移時妾徐答曰妾奉耶穌之敎既有所天卽不得不守一夫一婦之法王子深恩雖堪感佩然至侍奉左右則勢不得不辭也妾豈能悖於敎理味厥良心陷王子以姦淫之罪哉願足下以此語代謝王子貴人笑曰歐婦風俗外裝貞淑內擅妖淫有所天者其亦無情人乎王子賦心憐貴娘故拯貴娘於囚牢縲紲之中置於瓊宮瑤臺之上蓋將欲以偕老百年也何不較榮悴惟敎是迷貴娘若違王子之意賦恐前囚重見悔之晚矣妾決然答曰妾知一夫一婦之眞理每直道達節卽水火不避何有於牢獄何有於死妾豈能不忍一時之痛苦而爲破貞操犯聖誡永世爲天之罪人也況妾犯何罪而妾監禁於私室奪人自由埃人之無道何其甚耶卽妾犯有罪亦宜公判法庭辨明刑條何埃人之無道如此耶貴人聞言怒形於色徐言曰貴娘雖無罪而乃父罪身須爲質雖不遽致於死然長苦永樂須有所擇愼無激憤其平心靜慮思之復施鍊而去其後奉待甚優於舊日而彼來說亦無虛日間有遣人來說亦有數回雖然彼雖如此而妾惟全節重義面常對壁避閱既多受侮不少鬱憤不迭佳苒獲病遂以鬱鬱處此數月也一夜王子從一老女微服至妾所溫言慰妾曰聞貴娘體適違和寡人甚念之嬖者寡人眷念貴娘眠食爲廢骨骸爲枯貴娘其賜一夜之雨露勝似灘江浩蕩之恩矣至貴娘謂久有所天不敢改節是亦正道然寡人曾聞之尊父謂貴娘曾未有也貴娘其何以處我叨叨不歇聞之生厭或以溫言慰諭或以大言威嚇不知妾素以一死自期竟置之

不答。王子乃大怒曰。汝父於蘇丹已被擒於我軍。汝速許寡人。否則不宥汝父也。妾時居囹圄數日。久不通世事。時懷老父。今聞此言。心神昏亂。神色爲變。王子見之。以爲妾心爲動也。期以明晚重見而行。妾於此時不知所謂。涕淚如雨。輾轉難臥。雞鳴適有推戶而入者。妾意以爲王子此來迫辱也。猛然蹶起。燈上諦視之。則原非王子。乃前此與王子同來之老嫗也。揮手使妾坐。耳語妾曰。老嫗乃奉職青宮。監督嬪嬙者也。又夙奉聖教者也。曾聞令娘以妙齡謫異鄉病院。感歎不置。而今復從王子得以知令娘志之高潔。顏之妍麗。敬慕之情。深蘊衷懷。竊思令娘如此。夫豈眞以白璧無瑕之身。空與瓦石共碎哉。茲有心事。欲以相告。或能爲力。亦天之所賜也。幸貴娘勿生疑心。其眞情露於言表。深可敬愛。妾乃危坐而謝之曰。貴嫗眞情昜敢存疑。然身已爲籠中之鳥。偷生被辱。寧願死爲道義之鬼。古今薄命之人。豈獨妾一人哉。貴嫗心事。請以相告。或幸相援。再世不忘焉。老嫗曰。王子見令娘。愛慕特甚。令娘從之則失節。否則被辱。即令娘欲死。恐亦不能得也。事急矣。今日之事。以逃爲上策。明早乃寺院大祭期。至時宮門人馬必衆。請早改裝服。即以是時混而出之。榔朶島有老嫗親家在焉。其人重信西教。有義氣。令娘往依之。必得其所。妾令人爲君先容。其家女兒。亦曾在病院。願或識令娘焉。妾泣謝之曰。貴嫗爲妾身計。善則善矣。獨奈如老父何。妾早出宮門。即夕斷老父之命矣。嫗笑曰。此乃王子之脅嚇詐言耳。幷非實事。勿置心。乃與妾以一領衣服。起謂妾曰。前途自愛。若跡露事破。則與令娘共登天庭也。妾自是之後。得此義嫗。而避難於此。得以保全殘生。惟聞王子怒妾在逃。大加搜索。物色國中。其始甚嚴。近日稍弛。妾乃潛赴蹄留猗流計米留。以書戰死之忠魂。時乘汽車中。亦髣髴見有一人如君者。奈以車行迅速。遂不得審睇眞容。今何幸而相遇於此也。人生離合。何其幻哉。散士曰。既見令娘全生。何其欣幸。惟有欲妬而不可妬。欲賀而不可賀者。則爲令娘之既有所

天也。幽蘭曰。蹄水一別。妾曾以朵花贈君。曰此花雖凋殘。亦不可相棄而去。君曾答曰。渺茫空殘。花神飛向誰家去。今妾飄零沙漠。沈淪牢獄。死裏重生。而得遇郎君。而郎君遽爲此言。一何創妾之甚耶。因兩人相視而笑。幽蘭續語曰。老父去後。妾常憂念。曩曾密託腹心偵察。頗得其情。請爲君說之。當老父之率殘兵而溯灘江而上也。炎風烘面。熱沙焦脛。乳虎嘯山隅。餓獅吼深洞。舟行則飛瀑摧楫。盤渦折舵。電溜出沒。蛟鱷踴躍。或有土寇襲輜重。或有土酋遮道路。其辛苦艱難。實難名狀。遂不遠千里而至蘇丹。以見僞聖魔治。魔治者。黑人也。然甚重自主獨立。能糾合蛮蛮蠻族。衆蠻莫不敬之畏之。以之爲天神所附託者。其行動皆聽命鬼神。且嚴守蠻習。不諳兵略。動深犯歐洲兵家之所忌。老父見之之後。深加敎誨。魔治亦深行悅服。言聽計從。延與參畫軍務。是時適魔治軍圍英之名將蒙流電於夏東夢城。老父射書城中。勸其投降。其書曰。

側聞自由之民者。爲自由而喪元不忘。俠勇之士者。因戰爭而恥其無名。向者將軍仗孤劍。提孤軍。冒炎風。蹴熱沙。以來援夏東夢。將軍之俠勇義氣。天上驚聞矣。雖然。將軍既辭故國之後。英國之公論。及事實之眞相。共行變動矣。將軍亦知之乎。如大宰相虞剌怒須屯公言於議院曰。蘇丹之民。不過反抗虐政。而翻自由之旗而已。無他志也。此老偉人所言。將軍所雅敬服者。今以將軍所動言之。是將軍竟棄此老偉人之言。而亦背英國之公論。以出此無名之師矣。將軍而與自由獨立之民相爭。僕竊爲將軍不取也。嗚呼。將軍將爲誰而固守孤城耶。將爲誰而欲全節義耶。夫將軍曾將常勝軍於中國。救扶清朝。其俠勇功業。振聾天下。雖然。以僕觀之。則尙有歉諸心者。何則。當年洪楊以漢種之族。倡革命之義。振臂一呼。天下響應。蓋將欲以復中國之民權。驅滿族於塞外也。夫中國沈淪於滿清。數百年於茲矣。暴君汚吏。專奪擅虐。民生其下。難望更生。久而久之。幸而有

洪楊者起。鳴滿清之罪。倡自立之義。方望中國民族。從茲得以復見天日。自由獨立於世界上。是不特漢族所欣幸。抑亦天下所欣幸焉。抑亦將軍所欣幸焉。將軍若稍具俠勇。扶其義舉。立功業。則必掃滿清之苛虐。解漢族於倒懸。而行大刷新之改革。卽禁斷鴉片荼毒。亦可庶幾矣。此時功業名譽。何可道哉。不謂將軍計不出此。助紂爲虐。抗天而行。是何計之左耶。雖然。既往不咎。來者可追。卽如今日觀埃及之情勢。國脈不絕。如一縷矣。埃王昏亂。目無邦國。忠臣義士。反被殄滅。是懷義者所爲歎息者也。彼魔治以茫茫昧昧之蠻種。猶能識獨立之義。倡自由之說。上下平等。無分貴賤。衣服如一。無限制度。禁酗淫。除苛政。區畫土地。以均一賦稅。其比之埃及之猾獗。歐人之跳梁。其果何如耶。將軍祇知助輔埃王。不遠萬里。奔命至此。僕竊爲將軍惜也。夫內有一定之見。而外能屈伸漲縮。舒卷隨物。乃萬舉而不陷。蓋所以貴於達人者。以其能變化萬端。隨遇而行也。今將軍困圍城中。外無援兵。內乏軍餉。士卒日傷。民心離散。將軍其審顧之。望改前圖。得以全軍申報英皇。是亦鰲屈一時。龍驤萬世之舉也。敢布血誠。書不盡言。

既而得豪流電復書。其言曰。

辱賜教誨。不勝感幸。承將軍不棄。不以僕之虛名爲不足信。而乃慢加獎譽。責以大義。僕雖駑鈍。亦豈不感奮哉。夫僕奉英皇之命。駐軍萬里。以守此孤城。盡心盡職。成敗聽命。又豈能見勢不可。而遽棄地降敵耶。且僕亦有一言欲爲將軍說之。夫馭治者。果何物哉。不過黑蠻之尤奸詐之徒。邪教之魁而已。借名獨立。飾言自由。幻誑譎張。鼓扇其蠢蠢蠻族。以逞一己之鴟慾。以抗正教。以敵文明。是破壞開明之世界。復爲黑暗之世界也。彼而一朝得志。則囫奴噁鬼。羅之殘毒。將再演於歐洲矣。將軍獨何心。而以開化逋逃之臣。趨拜蠻夷之廷。自圮

聖教委性命於狡奴。是背文明而投幽暗。靦顏而服役於異類之長也。將軍猶可謂埃國之自由。繫於此蠻酋哉。以將軍之明。豈猶不知大勢已去。死灰難燃耶。卽燼火猶存。而部落攜離。酋豪猜貳。僭僞無幾。以斯之情。審斯之勢。將軍將自顧不暇。遑言他耶。而將軍猶言爲自由而不忘喪其元。何將軍之重履蹵自由。而輕故國自由。厚僞聖魔治。而薄西皇頓加維耶。僕亦不能無惑於將軍也。嗚呼。此時歐洲正豔陽扇春。花開鳥鳴之時。將軍歐人見歐洲之旗鼓。能無慨然於懷耶。將軍若徒魚游於沸鼎之中。燕巢於危幕之上。以貪一時之樂。忘百世之憂。則僕所不取也。僕惟願得全首領。以助故主而已。若將軍不以爲然。則何如正正堂堂。旗鼓相當。此爲僕與將軍所皆心願也。謹復。

老父獲書。知其志難奪。不敢强迫。旣而城中亦有內應。夏東夢遂陷。老父赴救。豪流彈。至則已被殺於亂軍矣。老父深惜其爲人。且痛埃王闇弱。復失名將。國歎不已。自茲以後。則未有探問。不知老父信息如何矣。散士聞之。於是歎其志愈老而愈壯。其節彌貞而彌堅。偶然舉手。指環映射燈光。燦然閃目。幽蘭凝視曰。何相似也。散士問何謂。幽蘭曰。妾襲日曾託骨數斗夫人贈郎以指環。今君手上物。一何相似。散士曰。然也。散士承令娘不棄。遠贈以金琅玕。感慕不已。竊以爲見此物如見令娘。故至今曾不一離手也。幽蘭愴然曰。指環幸達郎君。妾願半足。但不知紅蓮女史與范老之碑石。曾建設否。妾每念及二人。暗中飲泣者數矣。因愀然口占一詩曰。

偷生悔作籠中鳥。惜死空懸殉節人。二十春秋如夢過。落花殘月易傷神。

散士曰。令娘請毋躁心。紅蓮女史早歸蹄水舊居。范老則今在中國。幽蘭聞之。憮然無語。少時漸曰。然則女史之赤繩豈繫君之足耶。如妾則已見棄於皇天。其山間之雲。天中之月。適以使妾詠白頭吟也。散士笑曰。僕若與紅

蓮女史有舊則何復以有使命之身輕舟夜渡臨不測之淵而尋水上嫦娥耶令娘請勿多疑初骨數斗夫人訪僕之日得以知曉鶯女史在埃軍中紅蓮女史即東裝就道欲赴後令娘而道經法國聞爲王羅所窘此後則不知其詳矣范老則曾會於香港同舟至西京分離僕語以令娘建碑之事范老心甚感激而鬢鑠仍如舊也幽蘭喜曰二人生存妾少所悲矣雖然妾居今日之境遇於何日乃能相遇以互訴心事散士曰今令娘好自愛夫天道好還彼紅蓮女史范老幾死而未之死令娘亦瀕危而得更生今宵之會亦爲奇遇皇天於冥冥之中自能鑒令娘衷曲早定奇緣古人不謂乎懷情抱質者天不能殺地不能窒故世治則以義衛身世亂則以身守義身死之日即功滿之日也凡天之將降大任於此人也必先苦其心志勞其筋骨餓其體膚空乏其身行拂亂其所爲所以動心忍性增益其所不能也故曰艱難玉汝今皇兄頓加羅則在於瑞西現西班牙王則肺腑罹病天壽難長如騏馬駑則已被美人風潮已成不屈自由之民僕知爲日不久將必翻獨立之旗興自由之師矣令娘應爲奮發僕爲官命束身無能自由不然將必奉令娘遠走高飛俱赴歐洲今但能以身邊有物贈供行囊以表微衷令娘其早作遠計毋戀此地徐觀天變必有復見天日之一日也僕將行矣幽蘭念以尺素託散士曰郎君若見紅蓮女史時即以贈之語畢則其時已宿鴉亂噪雞鳴報曉東方發白矣

第十三回

散士漫遊歐洲各國周覽其文物典章將下多腦河經匈都佛庇以巡視馬留關之形勢馬留關者當日土耳其希臘屯兵境上腥風血雨捲地而來勃爾俄利亞國主歷山王當日窘於俄國憤恨棄位而歸正爲馬留關多事

之秋也。散士今至此時方初秋。婆娑楊柳。垂浴藍水。與鳧鷗爲羣。戲動豔波而仰觀岸上。則爲和騙刺夢之古戰場墟址殘壘。尙屋散於隱現之間。散士對景感情。追懷拿破崙之雄圖。依舷而觀多腦河。汪洋浩蕩。一往無際。兩岸風色。送往迎來。弔惡鬼羅之殘壘。傷胡蒙倫之守衛。行過極樂城下。海南將軍有詩曰。

歸船如矢破空明。兩岸崢嶸去又迎。極樂城頭歌舞絕。滿山依舊作秋聲。

且語散士曰。此非舊日窮極豪侈之地哉。今廢頹數百年。口碑徒存極樂者。惟有其名而已。嗚呼。驕者必滅。古今東西。其揆一也。散士卽次其韻。亦有一詩和之曰。

人事觀來幽復明。榮枯得失互相迎。當年極樂今何處。殘月空城牧馬聲。

彼唱此和。日未西而舟已達匈都。是夕散士感風土之殊。鬱鬱成病。後匈日乃自匈都入馬留關。適以惡疫流行。道路梗塞。卽悵悵而反奧都。心猶不已。歸時有自日東來者曰。金王均被謫遠島。有爲將官。盡行罷免。條約改正之事。日見其非。舉國皆迷醉於歐風。因想像前途。感慨不已。卽情賦詩。以贈海南將軍於加兒斯馬都浴場之養病所曰。

庭前蟋蟀泣高秋。回首壯遊跡既悠。拭去無量慷慨淚。南溟垂釣亦風流。

後得將軍復書曰。詩成爲識語。亦未可知。惟歸朝之日。盡心挽回而已。噫。如何以條約改正。而浸染歐化乎。書末亦載一詩。中有好與佳人攜手去。欲遊天上自由鄉之句。歲杪。散士病亦全愈。乃欲游波蘭之舊都。行臨北俄國境。被關吏盜毀文書。收沒報紙曰。禁邪說橫議。其强橫野蠻。實可驚也。既入波都。巡視遊覽。古是今非。空城則化爲敵軍營壘。政廳則變爲警察屯所。壯宏墟落。節義墳墓。盡異昔日。麥秀黍離之歌。當重爲之詠矣。對景傷情。不

忍久留。乃乘汽車至黑海之都府淤鐵沙。一夕朔風凜冽。飛雪盈空。忽聞馬嘶人響。喧囂不已。排闥視之。則見壯者縶於鐵枷。婦女絆以縲紲。或懷抱嬰兒。或病羸難步。兒啼婦哭。五十餘人。心訝不已。又見前後擁有無情之鐵騎。猙獰之警吏。或鞭或蹴。叱咤而前。踣踣於風雪之中。其殘忍之狀。實足傷心慘目。詢之傍人。則謂此輩被疑爲虛無黨。而放謫於東方者。從此沈淪於終大不歸之邊境矣。羣中一婦人。攜有七八歲小兒。狀態堪憐。散士暗投以菓餅。幼兒得之甚喜。以之告母。其母斜視散士。若有感謝之意者。其可憐之狀。至今尙存目中也。此母子去後。不知其果能剩餘命於東方亞細亞耶。抑爲途中飢寒所迫。竟爾化爲異物也。

淤鐵沙者。俄人曾議遷都於此之所也。規制井然。街衢縱橫。煥然如入新世界。乘閒至公園邱上。登臨眺覽。有一士人徘徊身側。揖問誰何。散士答以東海之游子。士人卽指一石以相告曰。貴客能知此石乎。散士曰。不知。士人曰。卽爲昔年有一警察長。助先帝爲虐。橫行暴政。有一妙齡少女。慷慨壯烈。深欲恨之。欲棄身以除苛虐。以救衆生。卽揮自由之白刃。斃之於此石上者。自是此石遂得以揚名顯聲。今吾子來遊茲土。欲觀虛無黨之淵藪。其果何在乎。帝王之側。宮府之內。軍營之間。市井之裏。其氣磅礴鬱積。不可復遏。若今帝而不與自由。則復討先帝之墳墓而已。一夫舍死。萬乘爲輕。豈復憚羅禍憚酷罰哉。散士耳語之曰。吾子其虛無黨之流亞乎。士人掉頭曰否。予爲俄國報國之士也。欲除橫虐之弊法。建自由之善政而已。今日立憲自由之風潮。日漸潮漫。吾國早晚必致紛亂。蓋俄國之病。非在外而在內也。言畢遂去。不知所之。

乘俄艦浮黑海。將入君士坦丁堡。漸近海峽。舉首而觀望兩岸。則見礮臺如邱陵。幕營如雲烟。俄之銳意南下。不言可知。見俄一士人冷然遙指君府曰。君府實爲歐亞之關鑰。世界之咽喉也。司此關鑰。扼此咽喉。足以制五洲

矣。峽中之水。寬數百尺。擊柝相聞。一葦可航。而汪洋浩瀚。無潮汐之干滿。金角灣頭。泊船艦。四圍山陵。障絕風波。氣候中和。堅冰不封鎖船艦。亦熱不銷鑠鐵軌。東控亞細亞。西扼歐羅巴。南扼非洲北抱黑海。實宇內中心之金城湯池。世界帝王之所必居者也。惜哉。百年來久沈淪於邪宗。回回敎主君臨茲土。實足以汚此鑠城也。雖然。如建我神聖仁慈之十字架。於彼七邱第一之宗比邪寺院塔上。以救濟此孟爾之千百萬生靈。移我英武威烈之俄帝玉座。於君士坦丁堡都中。以脫離衆生未現之苦途。則實爲我俄國幸。抑亦爲此地衆民幸焉。然爲日當不遠矣。咄彼守兵。果何爲者。俄帝而一臨茲土。卽彼全歐聯合以向我。亦不足懼矣。語氣鬱勃。旁若無人。既而顧散士曰。敝邦與貴國鄰近。親交無其比。曾未有開一爭議。損一國情者。惟彼滿族。以水草獷悍之種類。蹂躪江山如畫之中國。不善經營。日就頹弊。其近狀有如突厥者。貴國豈無意乎。敝邦亦有所思也。散士笑曰。貴國之經營東亞。實爲我東方君臣所危懼者。尊意如此。夫豈以今日善鄰之友誼。而欲變爲異日爭烽火轟礮雷於東洋之惡緣乎。士人曰。嗚呼。是殆誤敝邦之眞意也。夫敝國領土雖小。亦已足矣。顧已不暇。奚遑更貪無用之土地於東方。以重爲煩累耶。且曠觀今古。少欲統一宇內。爲世界之帝王者。叱咤百萬之虎狼。蹂躪他人之領土。夫復何恨。亦有成與不成也。抑宇內統一者。非成於一人之獨力。乃成於國民之協力。非在正正堂堂之明力。而在於暗結潛固之暗力。故其目的多不在兵士。而在貿易。不在宗敎。而在國語之勢力。不在人種。而在扼海陸之權。夫今日細觀各國。庶幾遂宇內統一之志者。豈有他國哉。亦有英人而已矣。英人者。常欲舉世界之利權。羅而歸之於己之囊中者也。故其得新領土也。不禁宗敎。不變道德。寬制其人。橫征其利。所謂不咬其肉而吮其血者是也。而其制御之也。寬嚴合度。操縱自如。巧於握海陸之鎖鑰焉。夫地球者。陸居其一。水居其二。欲霸世界者。不可不握海上

之主權。英人既爲五大洋上之大王矣。其雄視宇內。本得其所也。且利用電線鐵路汽船線路交布大地。全世界之交通機關。已占有四分之三矣。更於人之土地。則必據險要。握地利。便於攻守。密布蛛網於地球全面。秩然而一絲不紊。漸以巧相聯絡。一旦發難。遙相呼應。其遠計密謀。耐久不屈。實令人驚歎者也。女皇維多利亞即位以來。得異人種之新爲臣民者。足有七千萬人。今英國臣民之多。已有三百兆八千萬。操英語者。亦有一百兆四千萬。其勢力可知。然英人必自信曰。英語已爲全球之國語矣。而英人之有心世界統一也。實起點於百五十年前。其間略印度。取北美。緊握海上之主權。將以專有宇內交通之利。是豈區區弄兵者所能企及哉。千八百七十七年。大英帝國得稱爲女王印度之帝號以來。英之新拓版圖。實比俄法德三大國所得二倍。貴客不覺英國統一世界策之巧妙。而祇疑敝邦之東洋經略。豈不謬哉。應答辨難之間。艦已入君府港灣矣。

散士登陸。周遊城市。熟察國狀。其衰弊情形。實不忍目覩。威儀之風。禁酒之俗。漸亦消滅。敗壞淫靡。上下相扇。宮中府中。賄賂公行。散士公然探問於公吏之前者數回。其腐敗已達極點矣。國政紊亂。度支無節。營利之業。盡歸外人掌握。兵士憔悴。下民泣饑。聞今帝爲太子時。常痛宮府之靡穢。素欲一振刷之。及卽帝位。濫官專權。恐失勢利。故百度革新。多方被阻。以至於欲廢位弒帝。實堪歎也。散士請拜覽歷代之府庫。則見珍寶山積。價値幾億萬。古人有云。王者富民。霸者富武。亡國富庫。民怨以貿哉。

一日與大元帥阿須曼侯等語。侯謂萬里長城爲重於世界曰。俄軍之伎倆。不足畏之。比之門底雷克郎人。則勇怯有天淵之別。夫門人者。飲五百年間亡國之恨。經營慘淡。以固守窓山絕谷之中。曾未有一日以國家克復之事。忘置於懷者。民衆雖僅獨立。而其舉義兵倡獨立。則男執干戈。女勤搬運。不避劍鋒。不怖彈雨。進知必死。退不

欲生。予結髮從軍。大小經百餘戰。而曾未見勇敢有如門兵者。惟俄國則大國也。雄邦也。突厥之患。獨俄而已矣。以予觀之。則俄之所長者。非在於兵略。而在於國是之不動。往年戰役。若使予將十萬之兵。必使俄軍三十萬。不能越普勵宇那之孤村一步也。夫俄軍之進。必如湧激潮。如起大風。勢非不盛。容非不壯。而及兩軍既遇。於兵刃相接。死生相賭。鋒鏑交亂。吶喊激鬪之時。則俄軍惟倚賴於人。自不能馳突奮鬪。將官有損。卽混亂奔潰。不成隊伍也。且策戰不諳。呼應不靈。準備不完。糧運不繼。俄國伎倆。實不足畏也。所可恨者。我國宮府積弊。鑒革殊難。軍備擴張。振奮不易。宮府內外。苞苴公行。故軍事改革。一不能遂。譬之宮人患癰。其疾雖重。而全愈可期。乃聘英國一名醫以代洗膿除毒。當治時頗效驗。適有友人告患者。以法國名醫。優勝於英。而患者惑之。遂辭英醫而招致德醫。藥石未下。而親近復代接法醫。斯時法醫英德醫。皆託言以藥石難治。須行割鬱。妻子不忍。特聘俄之國手。託以死生。俄醫乃於其將瘉之腫口。重開刷之。復截斷筋肉而更醫之。每剔刳數回。身體衰弱。不堪殆慟。然則病者既迷於醫之賢否。而醫亦各競名貪賄。攬援親戚朋友。以交行標榜。國手滋多。病毒日倍。其將何日得以全愈耶。今也此病殆甚。遂令一家之內。致分爲法德英俄黨派。互相攻擊。互相排擠。突厥大患。實在於此。如貴國者。幸毋以國人作爲外國黨派也可。

烏兎匆匆。殘年已盡。歲正更新。於是散士與邦友三人。載酒浮舟。以遊於歐亞疆界之金角灣。垂綸鮹鱸。俯仰東羅馬帝國之荒敗城郭。放歌豪飲。以送舊迎新。亦足爲人間一快事也。夫君府者。昔君斯丹大王。以中興英邁之姿。爲依西敦相攲要地。以爲帝王都邑。其經營之偉大。地勢之雄壯。何其盛也。層壁壘壘。迴環城郭。石城峨峨。跨陵七邱。闢有七門。七關。關每建立高塔。巍巍參天。尖尖入雲。登第一邱神聖宗比耶之高塔而觀。一邱一塔。遙迤

崢嶸吐紫霞蒸金煙離奇明滅光彩煌燿居此中者誰復知人間有盛衰耶中有一塔當年突厥盛時曾背違公法閉歐洲公使於其中者法國大使三年幽囚卽在乎此對望前岸前曉鶯女史所經營之遺跡尙存而極目則莫非衆衆墓石也近日流言有云歐士者不久將被歐人所蹂躪邪教入而破屋墳墜爲孽宜往對岸邏捽死者於亞洲否則魂魄失所永無憑依矣突厥人多有爲其所迷者嗚呼想當日經典立娶四妻之制時建娶三大陸婦女各一人更選一適意者以爲正室之法意氣軒昂睥睨四海欲以臣妾億兆躍馬揚旗馳驅於東西南北三大陸以揚言曰邪教之歐奴若出正教馬前卽如霜露見日羣羊遇虎矣斯時曾何有懷慮及墳墓者耶而此勇猛無前不顧身命之回回教徒今爲迷於魂魄歸處至誑惑流言竟不以帝都爲君何其衰之甚也

散士逍遙市外歸道過斷碑頹垣之間見道傍有墓亂石仆者是卽諸名將勇士勒石旌表處久無弔掃遂委之荊棘叢莽間散士憫之因式禮焉既而夕陽在山人影漸散遙聞有絃歌之聲出自古城之下紫芝之上見有異妝男女五六人彈胡弓且歌且舞態度閒雅如遊閬苑如戲瑤池與會淋漓嗚呼斯人也是何物也散士不覺駐車聽之歎賞其爲天下異樣風流不復知其他行行且近此輩因就散士乞錢散士詢之曰今滿城中爲百萬歲鈔莫不慌忙子等何爲獨樂若於此寂寞之空城不知人間復有歲月者答曰吾輩乃江湖不羈之放浪人也詢之以何爲放浪人答曰放浪人者無定主無定國無家無財無貨以四時爲馬以陰陽爲御滔滔者春曠曠者夏淒瀏者秋與凝者冬放浪自恣無復東西南北浴蜀都之錦泉則冬不知料峭之風嘯金角灣之明月則夏不知鑠金之暑天道循環陽移陰推南燕北雁於吾何有一簞之食一瓢之飲飽則食醉則歌幕天席地江海爲油日月爲燈不知神明之可貴不見幽鬼之可怕輕王公蔑富豪傲睨人間人生五十死則北邙一片之烟而已何爲

與人共爭。與物共苦。栖栖遑遑。以勞役此身心也。天之所與我者。人人平等。無有偏頗。然盜國者。則有王侯矣。偷貨者則有富豪矣。今吾人盜一杯酒一椀羹。則刑罰不旋踵而即至。抑不知死後神前判斷。果不知孰爲非人哉。人當生前。孜孜以掠人國土。奪人財貨。攫人爵位。豪奢自競。南面稱孤道寡。而臨及一死。片財寸寶。皆不能攜與俱沒。而生前所積。徒爲人有而已。是生涯苦樂。果何所益。不如脫此藩籬。天空海闊。吟花嘯月。閒雲野鶴。樂我天眞。任吾所好。從吾所欲。託浮雲於人世。果胡爲而口說不爲。自由身役衣冠口腹。東西營營。惟日不足。苦於社會之制裁。惱於教法之束縛。劍戟槍礮。滅國滅人。煩悶於虛世之術。豈非爲可憐之迷者。可悲之昧者哉。宜乎歐人之祖先。曾犯上帝之禁。被放逐於亞天樂國。啼飢號寒。終沈淪於苦界。是蓋詳於彼等所信奉之經典也。亦宜甘受其冥罰而已。吾人之生也。不賴於天帝。吾人之死也。不煩於地獄。吾人之行也。灑灑落落。吾人之心也。光風霽月。有餘則施之貧者。不足則求之富者。仰不愧於天。俯不怍於地。在昔東方之古賢左思安一日訪友伯老羅斯。見其室莊嚴美麗。因問之曰。汝當未從沙夷羅斯大王行軍之時。汝之屋宇既已有如此富美乎。伯老羅斯曰。吾父一賤農而已。予爲農家子。安得有此。是皆沙夷羅斯大王所賜也。左思安曰。汝眞多幸哉。先而貧賤。後而得此富貴。樂何如也。伯老羅斯曰。是不然。予於天賦之樂。在昔亦既有之。而至今於此樂不特無有增加。且更覺其減者。飲食比貧時不能多。睡眼比貧時不能過。而反於奴婢田宅牧畜衣服醫藥飲食等瑣事。莫不一一懸心操慮。或畜牧被損傷。或府庫被盜竊。旦夕而有幾至食不安飽。睡不安眠。其勞苦與煩惱比貧時有增無減。復何樂之有乎。且夫樂有與患失。兩相比較。則其患失之勞。比之樂有之樂。有過之無不及者。而況多有則招衆妬。多積則激怨毒。人皆謂富者必多樂。予既已富矣。不復知樂之多有也。且多有則不可不多耗。不可不多施。不可不多行

識詐以利於我財。塵務雜沓。煩苛務劬。豈清貧之無爲恬淡放蘭若哉。吾人實信服伯老維斯之有見也。滔滔千萬言。視萬乘如土芥。天地之間。曾無罣礙。放浪人之境遇。亦可謂有特識之興味哉。噫、人生大觀。富貴榮華。皺無異一夢矣。

散士不勝小亞細亞觀風之情。渡馬留留莫剌海。遊於武留佐之奮都。此都乃二千年前極爲繁榮之地。後爲突厥與羅馬人所競爭。盛衰興廢。備經歷盡。及元吉斯汗曾孫帖木兒奠都塞馬兒罕。雄飛四海。久已爲之隸屬。故今遺物尚存。鏃木眞自極東黑龍江之南。斡難河之北而起。子孫渡戈壁。越大山。山海千萬程。西征至此。何其盛也。都之西。阿連普山。高聳雲漢。都之前。千里沃野。遠際天末。人民勵農工。田野植桑麻。到處花笑鳥鳴。悠悠與鄉國之感焉。鞍頭跋涉山野。到湧沸烈河畔。則見亞羅剌斗山。矗高秀逸。氣候溫和。風俗明雅。駱駝成羣。悠游假息。山容水態。雄壯秀麗。珍花卉樹。洗心怡目。創世記曰。生民之初。人祖卽降誕於此。棲息河畔。所謂亞天之樂園者。豈非絕美之山河乎。獨怪歐人祖先。被神所放逐。離此樂園。使其子孫飄零河南。困頓於沙漠之間。因西向以行。北蹈冰山雪海。南冒炎沙熱風。營營覓活。勞劬萬狀。不復能還此樂園。地藏菩薩曰。「我欲易此穢土。使與西方極樂世界相同。不過彈指間而已。無如衆生業報。不堪受用何也。」神意蓋屬如此也。曾聞之亞細亞西境之佳人。乃宇內之絕美者也。花下水邊。戴鐸珥。帶玉環。流波陸離。妖嬈婉孌。皓潔如雪。細歌如玉。無異芙蓉出水。楊柳臨風。而歐人棄此花笑風媚之樂園。一去不能復返。可悲也夫。而自突厥政治衰頹之後。苛稅重斂。地枯人疲。盜賊橫行。白晝刼殺。政府不能禁遏。滄海桑田。不乏今昔之感矣。因去此衰弱古都。到俄領黑海沿岸。則見滿目風光。忽改前觀。沃野千里。牧馬成羣。其新發見之石油。則源泉滾滾。爲西大陸之特產。河海之利。舟楫之便。帆檣如

雲。此實爲俄國十餘年前由突厥所略取者也。加以天然之富源。人力之精到。蓋俄國南下之根據。霸業之府庫說。

俄國得以振蕩東方之羽翼。實由經略高加索始也。高加索地亙裏黑海之間。幅員十八萬四千方里。據此則足以固强細亞突厥波斯。近以進阿富汗斯坦。遠以窺印度之寶庫。實爲重要之鎖鑰。而俄人東方統一之秘鍵也。初俄帝高祖莫斯古大公以宗廟祭器礙菽麥。供奉蒙古使臣乘馬。備嘗屈辱。及後得脫羈絆。其時適在十五世紀。操縱勇敢之哥薩克人。以爲俄國人民。展拓疆土。而今哥薩克騎兵十三萬。已成一天矯不屈之大種族。化而爲俄國皇帝之爪牙矣。俄國之併高加索。實多憑其力焉。抑哥薩克人種者。其性質有類於古代之武士。馬上橫長槍。勇敢冒險。浩氣磅礴。不論祖始之尊卑。不問門閥之貴賤。其足以防敵自守者。皆屬平等。故無羈束。好不平。其有筋力强健。堪於干戈者。皆爲其所歡迎也。故所謂哥薩克族者。乃海內亡命之所集。遊俠之所聚。在昔俄國亦甚難駕馭之。及後被俄帝漸行操縱。因以編成强猛無比之騎兵也。夫居於高加索山脈之種族者。俱叢聚於重山峻嶺之中。穴居野處。强鬬好戰。奉土帝之正朔。然而無組織。無統一。不過憑高絕險。以成一自由自在之民族而已。當今世紀之始。俄欲攻略此百萬蠻族所死守之幽渺深奧世界最大之關門。因繞此山脈築以長圍。前後攻至四十八年。當其時蠻族出有一偉人。戒行踰衆。雄辯優才。卽爲妙理知崇教之開祖加治無留羅魔法滅士是也。以一身爲神託之犧牲。一息未斷。誓與異教爭競。以此精神。遂一變高加索種族離窟索居之社會組織。而爲國家組織。於一千八百二十九年。親提一萬五千人衆。與俄開戰。兵勢如狂風疾雨。戰靡不摧。而卒以一千八百三十二年。爲急於襲俄。因殞命焉。然後繼有人。有車彌兒者。承此敗亡

之後。勵其疲散之衆。奮氣張膽。亦足以震懾俄人魂魄者。車彌兒之爲人也。剛毅果斷。富於施政之才。長於軍略。能使高加索發異常光彩於世界之歷史。及禁禦俄人二十四年不得遏其欲者。實此人也。初車彌兒每遇戰爭。常以孤軍當大敵。身先士卒。奮不顧身。往往左右親兵無一人全。而身被大創以回者。一千八百四十年征服些加西亞民族。移師亞烏爾馱爾伍。又二歲。俱逮二異族。又一歲。陷俄之五壘。組織礮隊。精選鐵騎。修城壘。飾甲兵。明賞罰。嚴號令。有精兵五萬。勢如旭日沖天。是時俄之全力。皆注於高加索。其將爲有名之巴斯警乙將軍。車彌兒引之於嶮隘之處。縱兵奮擊。大敗之。一千八百四十八年。烏闊倫咄孛親王。身率騎礮大軍。攻亞烏爾馱爾之本營。車彌兒又張奇兵以擊之。幾獲親王。僅以身免。俄乃更進大軍。以圍烏越天王城。烏越天王者。在於黑山。車彌兒之牙城也。車彌兒臨機制變。俄軍雖猛。猝莫能拔。攻圍一年。翌歲四月。爲糧盡援絕。城遂被陷。車彌兒率其麾下走於具禹伊嬰城固守。俄軍迫之。殊死戰。又閱五月。勢窮被擒。報達俄都。多以爲虛傳者。亦以見車彌兒之爲俄人所憚也。自此英雄去後。亞細亞之西方。無復有人阻遏俄之鐵騎矣。一千八百七十七年。突厥再興。俄開釁。俄之第二軍。自黑海之東。以襲高加索背後。其時車彌兒之子麻斯瑪緊扼中壘。而得些加西亞人爲援軍。固守河流洲。支持半載。大破敵二十四回。五千鐵騎。盡滅絕之。援絕勢窮。亦畢命戰場。可哀也夫。

五月中旬。辭君府。經陀爾多甯流海峽。以遊於希臘。但見翠芳競翠。桃杏如霞。望亞古魯甫利之水晶塔。皚皚而屭青霄。拔地百丈。周五十丈。雕楹藻稅。蓋盡萃希臘古代之精美。實爲雅典人所最敬信崇畏。而二千二百餘年前所築造也。坐塔頂以觀太陽東昇。心神寥豁。眞千古之奇觀。下塔轉步而西。則有一邱。稱爲摩兒邱。乃拏師甫

兒曾立此邱上說教之處邱下有古代之劇場據山臨下自然極高低曲直之妙歐美劇場皆須取法於此更移步而探女飛士流神宮之跡則見有大水晶石柱數座半臥地上長有三十五丈徑有十七丈傳云經七百年而始成其雕鏤之壯麗誠無物足以比之神宮之神象乃以黃金與象牙製造其精巧亦爲古今無匹也又有大馬埒乃雅典人鬪技之場卽今噴噴於人口之堯黑非樂場是也亞古魯甫利邱下衰草中又有曾鑿刺底之幽囚石窟今猶依然而不改其舊嗚呼曾鑿刺底者乃千古之鴻儒也在巴底太開中囚見其高弟阿兒貿美鐵斯身被重創而猛進格鬪奪還阿氏佩劍於傳安離之戰雅典人敗北曾鑿刺底自爲其殿善能範被創墜馬將爲敵獲又能救之嗚呼斯人也愛國重義輕身勇戰宜乎石窟鴆毒之不足以奪其志萬世之下其道愈彰能與日月爭光也彼腐儒者徒事咕嗶昂然談深奧之理一朝鼗花彈雨卽魂銷魄散其亦對此鴻儒而生有愧靦乎又見有一石臺乃提蒙聖涅斯灑滿腔熱血揮懸河雄辯爲自由而死而所以感憤雅典人之演壇也有古墳墓爲近時由土中所發掘而出者其碑面刻有與死者以渡河守津錢之圖及女神手提寶劍頭戴明鏡一雄雞鳴於其上之圖觀之可想像古來之傳神說佛矣嗚呼此都府者爲古代文化之根原技巧之淵藪今乃漸起而僅爲獨立一小國追懷祖宗之雄風感慨古賢之遺行安得不有今昔之感乎哉遙望見勢留茂平禮之古戰場因而追想斯波多王感慨不迭聞之昔日斯波多人之勇悍實冠古今而多得於婦人教育之力蓋希臘風俗有卑抑婦人之風獨斯波多國則尊敬婦人以故子弟家庭教育早受有愛國之義馴致於成爲風俗每當子弟赴戰場時其母身授之以軍械而誡之曰以汝此械以破敵否則與此械以俱斃設使其子而敗歸則母見之以爲恥若陣亡則以爲榮譽也當日斯波多王列爾達斯以寡兵而禦勢氣佐斯二百萬大兵者實爲其家庭教育所致也當

勢氣佐斯之來攻時斯波多正值國祭列侯莫有援兵其王乃僅以手兵五百人客兵七千人就勢留茂平禮地方據險邀擊禦此二百萬衆既而爲內奸導敵兵由間道掩己之背王乃僅得殘兵千餘各殊死戰呼聲震天地兵鈍械折卽張空拳以奮鬬及至折臂斷指猶怒目相向雖一息尚存敵愾之心猶不少止而斯波多王身被搏擊一無完膚遂斃陣內其屍幾爲敵獲得殘兵冒死奪還而親兵五百亦竟無一生還二百萬之敵軍因沮氣而退焉其雄風抑可歎賞哉

既而辭希臘都府將遊羅馬途過伊加志斯山下臨海有大盤石卽昔日勢氣佐斯踞黃金胡牀指揮百萬軍兵而感慨世無萬年之天子國無不朽之雄邦之處也又遠望那爾港因憑弔近世埃及王子欲征略希臘提軍艦五十四艘輜重艦四百艘精兵三萬以與英法希連合軍大戰之雄志焉既而過一孤村有絕大橄欖樹周圍數丈枝葉扶疏駐馬觀玩之亭長捧茶語予曰是乃神皇降臨時清志神所植而天神繾綣妃遽因化爲白鳥以憩於此樹也至今已五千有餘年天意人事盛衰興亡一無不覩一無不聽故吉凶禍福此神樹所靈豫知客官其有疑難乎盍一問此神樹因折樹枝以贈散士散士受之默語曰范卿曾感敖桓溫之樹矣嗚呼人生或不滿五十而此樹已五千歲此後尙未有艾孟軻子曰故國者非有喬木之謂而散士於此又以喬木而有感於故國矣

航乎鄰斯灣趨意大利船泊小灣中者數次或登城堡或宿古驛觀風玩景以寄興懷時則春風渡海天晴浪穩遠山吐煙近郊滴翠荒城廢址牧羊成羣百花點綴青紅濃淡互鬬嬌豔牧老耕夫行歌自得先聖之遺風尙存此可以追想七國繁華自由之世若彼口稱自由之民豈足語此抑如前所指之放浪人栖栖皇皇惟日不足爲社會爲道義盡其勞瘁猶不足比之何其優悠閒雅也散士亦自歎不能避此塵俗世界而與此輩人民共樂大

公之太平而已。

機而入維馬府。觀玩聖寺和地關宮。巍峨崔嵬。士女雜沓。誠天下之大觀也。蓋和地關宮者。乃維馬法王欲爲世界第一之宮殿。因竭蒼生之膏血。窮人力之精巧。三百餘年。經營締造。以成此宏壯煒燁。上插中天。下拔地軸。金碧燦爛。炫燿人目。彩霓白道。橫空結構。綺帳萬里。霞飛雲接。高宮危殿。蜜室蜂房。實爲世界一奇觀。噫。自伯德法王迄禮王十三世。二百五十有六代。積威播德。不問洋之東西。不論地之南北。舟楫所通。人跡所及。莫不來朝賓服。可謂極一時之盛。法王之一喜一怒。卽以爲賞罰。威動天地。聲震四海。卽曾如帝王。亦莫不乞其憐顧。蓋其時法王不獨掌握帝王之性命。而且有主宰靈魂之特權。閉啓天上之樂土。其祕鍵獨歸法王之手也。是以卽拔山蓋世之拿破崙。亦乞戴冠之式於法王。以誇燿於世。其爲勢之所歸榮之所聚可知矣。然物極必反。盛極必衰。及其末世。僧侶誼失戒行。漁色好貨者漸衆。惡聲穢德。播傳中外。卽有一二聖僧賢哲。亦不能挽此滔滔之勢矣。因此路帝兒遂慨然指劾舊教僧侶之四十八罪。而善阿遂毅爲正理之犧牲。新教之氣焰漸張。舊教之威德日薄。世人之信仰。因而前後互異。加富爾瑪志尼諸傑。合力以統一意大利王國。一掃前此積弊。其法王之領土及各寺采邑。莫不悉爲籍沒。而今則法王踢蹐於和地關方里之天地。僅保其一縷法燈而已。嗚呼。曾爲主宰天地之亞神法王。而其威德凌夷。竟至此極哉。天意人心。其實不可測而知之矣。聞之法王語其所親曰。代上帝而濟度衆生之神聖。無比法王。而爲外道所屈辱。凌遲至此。予不忍復出宮門。以見外人矣。由是遂足跡不出戶云。然各國使臣。今猶駐其境內。有親衞兵以護其宮闕。儼然如一邦國。謀士學者。赴之如林。而各國帝王。亦莫不以得謁見法王爲榮。古人有言。一旅之成。尙足以爲王。而今法王則領土不滿方里。其威嚴猶能與帝王抗拒者。其爲敎

法之力乎。抑爲先聖之遺德乎。

回馬首而徘徊羅馬府內。見有獅挫大王之古宮者。乃卽憶多美斯提獅挫血衣。以悲壯激越之雄辯。指示公衆之處也。其石階今猶如故。彼可謂賢賢易色者矣。以千古妖冶之豔麗。窈葩都維能惑獅挫。能迷安敦爾。傾國傾城之容色。而嫣然百媚。涕怨咨嗟。竟不能一動其心。視彼斬妲己。放西施。不幾遠勝乎。移步而訪俊傑勁頭。維辯家志德老之遺址。勁頭者。平生以嚴肅自持。身任國事。拋富貴。棄功名。不避危難。不畏艱苦。必期於成而後已。志德老者。礪節砥行。視死如歸。散士今憑弔其舊迹。低徊顧望。不勝感歎。聞之在昔羅馬大將施美雄之陷噶勞治也。當氣焰炎炎之時。而忽念國家命運之循環無極。以爲羅馬百歲以後。其境地又當如何。因有感於法靡詩士魯挈陷落之句。慨然灑淚。而今散士登臨羅馬之故墟。夕陽之下。亦不覺有感於法靡之詩矣。嗚呼。復誰與分此感慨哉。

意大利之舊都都林者。乃山川明媚之所。士風重氣節。匈國之老偉人骨數斗。終身鬱不爲奧帝之臣。棲遲此地。琴書自樂。超然出世。年踰八旬。雄心未滅。隱然爲東歐之所重。散士裁書奉之曰。「東方少年。聞老偉人之英名久矣。嘗於芙蘭麒麟墓畔。有目不識泰山。粗野唐突。失禮歸國。而後以毛頴傳公志於東方。若得重拜風眉。接聞高論。則素望償矣。」使者還報。約以明朝相見。到時乃抵門通刺。入其室。裝飾質素。圖書滿架。一老翁排闥而入。鶴髮童顏。目光如炬。握手爲禮曰。好少年。久闊別。昨閱報紙。不能豫知日人之來都。卽爲會遘遍於西半球之吾子者。今爲家女不豫。養病海濱。醫者云病入膏肓。回春無期。此爲予日夕所念。則又不能與子會談矣。此則予所最悲。而家女亦含憾也。既而老偉人轉言曰。壯志暮年。空歎蹉跎。無復人生之望矣。然朝聞道而夕死。此乃人生

之職分。今日所樂聞者。祇聽新說而已。吾子盍以周遊世界之奇話語吾散士曰。近非無所見聞。惟不足以煩老偉人之清聽耳。今敝邦苦慮與歐美改正條約。上下如病。其所爭者。在於法權之獨立。內地之開放。土地之所有權。海關之增稅。而僕等之所主張。則在於有司之過激難行。及有司之讓與。是僕等之毀傷國權。殺國利民福。殆如有亡國之兆者。然而有司每脅上下曰。若我要求過多。則不免交戰之危難云。僕等之感慨在此。所望以尊見而論斷之也。

第十四回

老偉人答曰。今日歐美諸國。豈復有以兵力與日本爭此改正條約哉。此可不必慮。請試論之。法國者。人勇地肥。富强冠於歐洲者也。人之遊巴黎。散其寶貨者。年不勝算。且當敗軍之後。人懷憤勵。無往昔驕逸之志。欲以復仇。然法人輕佻。競功名。喋喋於箇人自由。內閣頻行更迭。國是動搖。內爭既多。則外征自忘矣。安能復致軍於萬里之外。以攻東京。伐高島。拓地殖民哉。惟因乎大勢。隨聲附和而已。蓋法人以巴黎爲宇內第一之樂土。故多不願遠離故鄉。以逐功利於炎熱沍寒之地。此後或有大英雄奮興其間。卓然排衆議。收輿望。立大策。使內事紛爭。不關之於外。此法國或足以雄起一時。否則不特往時之盛名。不能永存。而且令祖先固有之生齒漸減。法國之特性。亦因而自變。未可知也。如此則豈復爲日本改正條約。而出軍海外乎。

英人者。處事穩重。有含忍之性。故萬里波濤。開拓屬地。東西南北。到處必扼其權利。擴其富强。英王領土。殆已爲日沒之時。非過言也。且能實行自由之理。布施憲政。其保守自由兩黨。皆以公議輿論爲斷。行無偏倚。外交投機。

以便威名不墜。此實爲歐洲列國之所不能及也。然滿招損。盈生虧。彼之自尊自大。傲岸侮人。凌辱弱邦。專有製造貿易航海之利。盛時漸去。天下巨利。將爲美德等國奪其過半矣。領土雖遍五大洲。而鞭長不及馬腹。尾大不掉。西斜之炎日雖酷。而不足見畏也。英國亦自知之。兢兢自保。不敢與各大國實行抗爭。祇於弱小之邦。蠻夷之國。稍示兵威而已。其實情如此。然則英豈復能爲改正條約。遠送軍兵於日東乎。且埃及問題。正在焦急之際。又欲於亞非利加貫通其南北而自擅之。安能復計及於他也。雖然。以今日而論各國。其能輸十萬大軍於海外者。惟有一英國而已。他且不論。而法人則晏然眠花於巴黎庭園中。自以爲足。獨有英人。猶憤然賞世界之月。快然出遊也。

德國者。乃尊崇學術。以施之實事之國也。當戰勝之餘威。上下相親。君明臣良。百業擴張。有稱霸歐洲之概。然其地瘦瘠。其氣候寒冷。不及英法之富美。而且其聯邦名雖相親。實則相猜。外恐法人之報仇。而憊於兵備。內患社會黨之跋扈。而勞於警察。其丁壯之逃避兵役。而赴海外者。歲以數萬計。夫丁壯勞動者。乃一國之花也。資產之精也。今而去其花殺其精。其牽累國勢。不甚大哉。彼年失數萬之壯丁勞動者。較之年失百萬人口尤甚也。且又中興人物。漸就凋謝。而豐功偉業。難保不隨之而去。惟德國人性雖遲鈍。而不戀於故土。有專心致果之精神。又法國則人口日漸以減。德國人種。則到處繁殖。其工商業之擴張。亦爲最著。是亦將來於宇內表面上有競爭之望也。然今既恐法人之復其仇。又防俄人之窺其背。一意汲汲以求平和。安能復有餘力以出兵絕東乎。其所志望者。不過欲蠶食野蠻之國。且欲於東洋得一與國。貴國若利之結以爲援。是亦不難也。

意大利者。幽閉羅馬之法王。盡復侵地。得以統一國土。建立憲政。成其中興偉業。遂躍入歐洲強國之列也。夫而

將相物故，文物兵制，概未完備，財用失節，上下窘手，且竭匱於國中文明一大要點之煤炭，是既已爲將來之進步，生一大頓挫矣。況法王隱抱有仇敵之意，時有煽動人心，而又羽翼未就，無暇尋領地於海外，又焉能動兵萬里，以涉手此改正條約哉。

西班牙者，多有領地於東洋，與貴邦有密接關係，然强弩之末，勢不能穿魯縞，內之則專制之餘風未改，苛斂之賦稅未除，外之則藩屬反背，接踵而起，或則獨立自主，或則隸屬異國，比比皆然也，而西國於此，猶不能鎮定之，則又奚暇出兵東洋哉，說至此，乃肅然厲聲曰，俄國者，於貴邦之法權稅權，痛癢無一相關，諒其於條約改正，必不極力反對，所餘者一英國而已，英國於此之利害關係，殆不鮮少，但俄若因此以結歡貴國，共行排英，是亦貴國所利用之乎，總之貴邦條約，惟在國民之斷論如何也。

散士恭聽之後，因起問之曰，誠如高論，然則究以結俄排英爲然乎，僕固恐俄之不足信，比英爲尤甚也，老偉人艴然如驚而答曰，誠哉言乎，英國者，其猶將沒之夕日也，其熱尙可受，俄國則猶將昇之旭日，其光雖未灼灼，而已爍銷人馬矣，此則有實驗足以徵之也，豈可親乎哉，豈可親乎哉，雖然，毒藥亦有起死之時，惟在用之如何，予以爲惟在貴邦之利用於改正條約而已，夫俄人之欲併呑六合，帝臨四海久矣，而俄人之性，深沈而膽大，迷信而堅忍，無仁義之士人，有專制之侯伯，此俄國所以滅人邦土，絕人宗祀，而毫無顧忌者也，觀之侵掠中央亞細亞，自奪高加索之後，俄國之恣意橫行，實無所憚，而其略取哥殘，則舉凡男五十歲以上者，盡處之以死刑，可爾謨克人之逃歸故國，則嗾深仇殘暴之佶覩人，使與苛煞克兵追擊之，屠戮其八萬幕羣大半於烏拉河南之沙漠，（可爾謨克人者蒙古種也，來佶覩之西遊牧會蒙古酋長過其地不忍見其苦於俄人苛虐之狀，勤鐵血突古之舉族以歸故國，可爾克謨大怒，密整旅裝而行，俄人不能禁之，乃誘佶覩人近擊之於沙漠也。）

滿種族之倔強則暗襲之於藝億帝平之城壘屠戮三萬人所有婦孺俱無孑遺其殘忍賊有不堪言者韃靼之覆滅也有一部乃婆瀝吉爾之種族以畜牧漁獵爲生於是俄人令之曰官山府海河川者乃國庫之所有漁業者乃皇室之特權也非汝輩所得濫用之也居民失業困弊之極因不得已而侵俄殖民地俄人乃以詭計捕囚韃靼貴人家族以告韃人曰爾等須與婆瀝吉爾人戰戰而不克卽舉家族以殉韃人乃泣血執兵以與婆人戰幸而克之俄人又使之築造塞壘誅求過酷韃人不堪遂舉反旗焉俄政府討伐五年燒其部落千餘屠戮二萬人驅其丁壯五千人於西伯利亞之鑛山迄其婦孺一萬人於俄都以分賜貴族初婆瀝吉爾人之反也騷動三年俄人歸罪於支丹族欲盡芟除之因築宮殿於美悅來亞河岸冬日大集支丹豪族置酒高會覩其爛醉而擠之於河冰罅隙無一人生還者而且總督烏瑠斯首親王執法酷烈曾臨罪囚六百餘人盡劓其鼻割其耳放之歸鄉里欲以示威其刑罰之慘酷誠爲酸鼻而俄人之經略外地概皆如此也俄人所經營之地不獨其爲已征服者樹立俄黨且於其近鄰亦樹黨立援藉以互相箝制彼得有遺言曰先使其乖離而後制馭之是蓋奉其貽謀者也嗚呼俄之經營三百年間方鋮碪立而先希羽翼於廣漠幽眇八面不可侵之中亞之地陶冶仇敵以化爲貔貅行其統一世界之遠猷其志亦可畏哉俄之經略絕東也忍清朝恰克圖庫倫（忽必烈舊都）之遠約背盟而行其寸屈尺伸之志特遣其武刺威虜將軍揮鷲翼之影於黑龍江波以伺機勢不數年遂有洪軍革命英法外寇俄因施其外交手段不折一矢不傷一卒坐而掠得自黑龍江烏蘇里至高麗圖們江一帶數千里之地而閉塞清國出師之咽吭焉尋又獲貴國之唐太島是亦所以控制對岸專心一志以繼其歷代帝王之志也今則慓悍蒙古之古族勇氣銷磨不能復扞禦俄兵是使俄人所過如行無人之境矣然至今俄人所以覬望而

不敢動者。特以漠北千里沙地。無水草燃料之處也。且吾子亦知俄人於馬留關半島之舉動乎。嚮者俄人與敎國宮中姦豎。計暗夜竊誘歷山王放於多惱河曰。若再歸有意於重祚。則不許放還。王因憤怨棄位以歸德國。其橫暴悖逆。果何如哉。散士曰。僕頃日讀俄帝之答歷山王書。因歎天地之正氣已竭。白日不照大道。世有陷於弱肉强食之慘。正義無復伸之期也。昨秋過維也納府。偶値歷山王之祓王位而歸。與國志士大學士學生等。悲王之處於逆境。不期而集者有萬衆。以迎王。三呼萬歲。僕觀之。因又悅正義之必不與之焉。然今敎國人不念俄之舊恩。而却增其新恨。是則兇暴者亦或永不得志歟。老偉人曰。敎國今幸有一英雄斯丹慕老夫者。果斷豪毅。是以抵抗俄人之勢。平日以敎國之興敗存亡。爲其己任。斯人若執政柄。使國民依賴之。則敎國之興盛不難。惟恐俄人惡之如蛇蝎。究不知能免否耳。蓋俄人之欲統一宇內。以坤輿爲其家。總領政柄敎權。稱帝於世上。寡寐所不能忘。當其初經略西伯利亞。抵於東方海。橫斷海峽。而占領北美阿維斯加。卽急以七百五十萬鎊之美國。而翻然建行東向之大策。此豈非爲東方人士所毛髮悚然哉。夫英之設造加奈陀大鐵道。欲以連絡東洋。俄則計畫其西伯利亞大鐵道。以枝線向天竺之背。而東出於遼東海岸。期以一千八百九十九年竣功。若此鐵道而開通。則自渤海至莫斯古。凡六千五十哩。十二三日程可達。而莫斯古倫敦之間。須六十點鐘。上海渤海之間。及貴邦與渤海之間。共須五六十點鐘。卽自中日諸國以至英京。亦不過十有七八日亦足矣。從前航路過洲越經大西洋。爲日須三十六七日。及橫斷亞美利加。祇須二十七八日。遲速差率二倍有半。而船車之費。今西伯利亞鐵路而若竣工。則東洋貨物乘客。非復英國之有矣。俄之謀臣議曰。一今我國國力未能與全世界爭雄。須致力於東西兩球。使其腹背皆自作仇敵。而先注全力於衰殘廢亡之亞細亞諸邦。使其乖離凌鑠。或以剛取。或以柔服。

以拓其富源。徐俟國庫富實。兵力精強。至此乃舉世界以爲敵。亦不足畏也。兼又歐洲如有同盟抵觸之國。即伺隙煽動使其互相仇隙。天下可坐而定矣。如美國則須數百年之後。乃行著手。亦屬未遲云。一其財政之困難。實如議者所言。其所以銳意以敷設實歐亞之大鐵道實出於此議也。散士曰。聞之俄國上下人心腐敗。其武人公行賄賂。恬不爲怪。且頻年饑饉。野無青草。路有餓莩。蓋其內地之田制不修。農者不盡心於地力。稅法苛酷。豐年即豫賦凶歲之重斂。故民多息其肩。無時有穀物輸出。又貪多而無遠種備荒之儲。地味年瘦。徵求月急。蒼蒼之山。爲之禿落。洋洋之水。爲之涸竭。寒溫劇變。暴風揚沙。惡雨崩山。而細民無識。耽於火酒。輕行借貸。動至八倍十倍其利。而亦不顧。一朝稍值凶歉。即飢寒載道。死斃相望。而政府財政又復紊亂。紙幣價格。低昂無常。商賈困難。殊難形容。因而强逆經濟之理。硬定紙幣價格。使於二年中不變。又立金一紙幣二之制。更又定金一紙幣二半之法律。然於遼遠之處。關稅賦租。猶行詐僞。政府因大蒙損害。又政府歲入祇有六億萬。而歲出則公債息與償還額。須一億三千五百萬。軍費須一億七千五百萬。合斯兩者。亦既占歲入之半。其財政困難可想而知。然猶不量財度。不恤民力。以敷設此廣漠無人之大鐵路者。然則其究可以得達此大志乎。老偉人曰。俄國之財政困則困矣。然未至如吾子所聞之甚者。吾子豈因偏信於英人之說乎。蓋其所以設此大鐵道者。是實爲開富源張軍備起見。俄之封境廣大。其生民蕃衍。大鐵路之敷設。不難遂其所志也。況俄有特備軍費。以備不時之需。外觀之貧富。未足以輕重俄國也。在昔馬留關諸國之背叛突厥。俄之謀臣以爲助反徒而拊其背。則以二軍團之兵。可以坐滅突厥。不料甫交兵而俄軍死傷至三十萬。此實足以震懾俄人之膽。爲列國之所私幸也。於是俄人以其國力爲未可侮慢。又且凶歉迭至。恐虛無黨乘間而動。汲汲以全力開拓財源。羽翼未就。姑行蔽造。因揚言曰。我

國今上者乃平和皇帝也世界之平和實爲我俄帝之所賜也詎知此平和幕中仁慈帷影而有驚天動地屠城滅國之經營哉然則平和之所賜者乃爲俄人積糧餉布鐵道擴張海軍之歲月而已也夫俄人對外之志在於滅人之邦掠人之土使人之教法政治概爲俄國所化數百年來君臣上下之所銘肝鏤腑焉拉之山崩而爲海黑海之水枯而爲陸而其大志不移也在他諸國則外交國是時有變遷因人因時而異故或以退讓而失機或以劇進而貽誤獨俄國不然終始一定不因異時異人而有所變動於半世紀中其所更宰相不過三人比之各國年有更迭者其優劣何如哉嗚呼此滔滔之逆浪者果誰能當其衝哉爲邦國爲文明爲教法爲生靈奮以全其天職者宇內或有其人歟散士曰然則俄人遂不得以達其志乎老偉人曰然以今日大勢而言之則俄之國力實足以掌握歐洲新權也散士曰然則萬國惟覩俄之成就而不能有所禁遏之耶偉人亦有成算乎願以賜教老偉人意氣骯髒有如憤激者復厲聲說曰予所以辛苦萬狀顧殺故國之父兄子弟而不悔者亦獨慮俄之有今日而已嘗聞之清國林則徐有言曰英法易與耳惟他年爲中國大患者其惟俄國乎吾老矣幸不及見之也夫燭火在漂煙之中一指所能息塘漏有如蟻穴一撲所能塞而及其燔大澤炎雲霄決九江漸大原則雖起三軍之衆亦不及救如林氏者蓋可謂達識之士矣予往年所舉亦實畏俄國之遺累後日余之宿志在於聯合馬留關諸國建立一鞏固之同盟大邦扶植波蘭以爲之保障截北狄南下之路永以維持歐洲諸國之權衡平和蓋以馬留關者乃世界耳目之所注歐洲危機繫此一髮突厥之所以能存帝號至今者盡在於馬留關若其他日滅亡亦盡在於馬留關而異日俄國之大患亦必在馬留關也馬留關之於俄國其猶癰疽之於體治之而不除其毒則毒血足以斃其命彼得大帝以來俄人無一日而忘馬留關者爲此故也嗚呼形勝如此危機亦如

此其介於此間者。豈眞拱手而俟人吞噬哉。語曰。同病相憐。同聲相和。馬留關之與匈牙利。古來皆同其言語。同其風俗。而棋布星羅。犬牙交錯。分土則因之而衆。夫分則勢渙形弱。聚則勢盛氣銳。故同道諸邦。宜相聯結。先退突厥於亞細亞。以與歐土同盟。卽以君府爲萬國自由港。則不能爲異國所占領。而希臘則以爲海國。以養國軍。勃爾俄利亞門底爾克郎。則以其俗獷悍。卽以之張陸軍。羅馬尼則以其土地肥饒。卽以之領多惱河之良港。專行經濟之術。而以我摩爾斯族。進而執同盟之牛耳。卽以其勇悍靈活之氣象。化塞兒比亞人輕薄之風。建憲政。定民心。據無上之形勝。以張國威。庶幾可以爲壓絕俄國南下之千仞鐵壁。萬里長城。使俄不得出多惱河岸一步也。此爲予之熟計。故舉兵以叛奧國。而受俄之反策。亦惟爲此也。然當時德奧皆不知俄國大欲。及予之本志。目余義舉爲倡自由民權。以危邦國。惟得英美人表同情以爲聲援而已。因互行忌我妨我。前狼後虎。遂至有亡國之慘噫。苦利美亞之役。違余所獻之策。而不出兵於高加索。徒惱濟城之攻圍。以誤大計。傘破裔三世之興。伊奧戰時機到而不來。是所謂天乎。行將誰怨哉。荏苒瀕死。而回顧疇昔。眞爲一場春夢矣。散士問曰。百餘年來。歐洲之有識者。皆言突厥之老朽殘廢。理不可久。而今猶依然故國者何也。豈以識者所見有誤。俄國之勢。未必誠能震盪於東西兩洋乎。抑以金門峽之不開放。（突厥之與埃及締結平和條約實因俄所援助故翌年其所結攻守同盟之約以他國軍艦不得通航海峽也及再與埃及戰俄則自拒絕其違約於是倫敦公會再禁通航外艦未幾又苦利美亞之戰起英法軍艦入黑海而破倫敦盟約乃結巴黎條約復禁通航尊遂確定之於伯林會議由是俄國艦隊被閉於黑海不復能瞰海峽而出地中海此實爲英俄出死力以爭而歐洲列國治亂實胚胎於此也）突厥得以弊其命脈歟。老偉人曰。然。予當少年之時。亦以爲突厥之禁美術醫術。窒塞聰明。卑賤婦女。賣買人身。不能容於文明之世。不久必將覆滅。及後戰敗。久寓突厥。因深悉其眞相。乃知亦誤以歐人之思想。而觀察之耳。誠以若欲制俄。則不可不扶植突厥。以爲防俄之鐵楯。且突厥之大學生及少壯之外

交家中有爲之士亦自不少若得英君賢相以指揮之則可以爲利用聯結此跨三大洲之億萬回回教徒乘其迷信教法以驅使之雖蹈湯踏火而不難也聞之亞非利加沙漠中別有一回教人種族疾足愈於駱駝好戰鬬輕捷直如飛鳥菓實數顆盛水一杯即能轉戰終日豈非可懼之種族哉且晉子亦聞有馱法味之娘子軍乎嗟人生血狂奔衝敵即好殺伐之變人猶震恐之其國於出兵之前先屠數十人於神前以誓曰必斬敵數倍再舉大祭舉動有怯懦者概行斬殺故生平以殺伐爲性臨陣對敵兇暴殘忍遇出男子之上剝敵之面皮滅敵之耳鼻以敵血塗面孔上即以爲功名徽章與法軍大戰大被蹂躪法軍疑其非人類云然其貌非不揚平日掛婉孌溫和無異尋常婦人而一及臨陣則曳白布長裾飄藍色衣袖揭弓銃帶毒矢陷敵衝鋒所向披靡焉又如亞比斯尼亞王乃英雄人物素注意於歐洲兵法若授彼等以糧械良器以與歐人戰逐於炎風熱沙中則勝敗之數尚未可知也舉此數者皆爲突厥所固有夫回教之弊雖不可勝言然英雄豪傑能利用之是亦足以興國也散士又問曰揣摩歐洲之將來其隆替興亡果若何哉老偉人曰難哉問也夫邦國之一治一亂天運地轉循環不已猶之春秋之有代謝日夜之有長短終而復始明而復晦莫得其紀故曠古以來未曾有隆盛不替之邦國推之既往求之將來今日歐洲之繁華行將遷於澳洲行將離新世界而復舊世界矣且歐洲有三大禍陰伏其間必有決裂之一日一曰軍備過大之禍二曰合從乖離之禍三曰貧富懸隔之禍斯三大禍者譬之養癰不難潰敗也夫歐洲各國之競擴其軍備殆不知所極甲國增十萬之兵乙國則增至十五萬乙國置無上之戰艦丙國則備獨一之巨礮不顧糜億萬之資財不顧恤辛苦之民力而惟兵力之不足爲憂而擴張海軍其費更遠在陸軍之上即如北美合衆國猶且投億萬金錢以築造大戰鬬艦數十艘以爲自衛此外可知矣今誠徵之既往

三十年來之軍事。於苦利美亞一役。所費二十億萬。意大利之役。所費三億萬。美國南北之役。所費七十四億萬。普法之役。所費三十五億萬。而爲之殺斃人命。則三十年來共有二百五十萬人。其失人失財之多。不幾可驚哉。而今日之各國軍費。則俄國有四億二千五百萬。法國有二億四千五百萬。英國有一億七千五百萬。合[illegible]列國。則有十三億萬。而平日所養兵勇之費。則俄有三百七萬。德有五十八萬。法有五十二萬。嗚呼。世人多謂維持平和。爲不可缺之假。然則兵豈平和之具哉。不過以資其侵略功名而已。各畏人之侵略功名。因各加其兵備。漸而增重賚費。遂至無所究極。則其給發此軍費之人民。果能久堪此負擔哉。以有限人民之資產。供無窮軍國之費用。安得不困弊勞憊。載胥傾覆哉。如夫意大利。既已揭然見其實驗。則此外邦國。誰能不蹈其迹乎。此非軍備過大之禍而何。嗚呼。移此殺人滅國之資。幷此六百萬丁壯。與十三億巨款。用之於利用厚生之途。以恤彼餓寡孤獨無告可憐之人。其增進人生之幸福快樂何如也。今若此。豈勝長歎哉。然此猶未爲慘烈。其最可恐者。則在合從乖離之禍也。今各國或因利害。或因地勢。或因宗教。或因人種。而二國合從。三國連衡。僅據於公法。以保持列國之均勢。陽結婚姻。表和好。陰行排擠。互猜忌。智巧愈深。機詐愈險。情僞相感。利害相攻。禍事之來。氣機已召。早晚必合從乖離。連橫解散。和親破裂。在所不免也。若當其時。則鬬智角力。釁端殺人。殆無涯際。燧烽盈郊。死亡蔽野。人民遷徙。老弱流離。物產凋傷。變術過絕。其負者則盡舉其航海貿易製造之諸機關。以委之勝者。而擔負無上之賦稅。不復能起。各國地位。爲之顛倒。文明伸縮。亦出於意料之外。然此禍尤未得爲慘烈。其慘之又慘者。則更有貧富懸隔之禍在也。近日技術發明。藝業精進。富者益富。貧者益貧。貧富之差。貴賤之別。日以漸遠。富者則優遊逸豫。炊玉爨盤。貧者則勞筋苦骨。尚泣凍餒。於是天賦貧富平均說。社會黨論。乘勢而起。氣焰日張。以

與富者反對。富者則利用其全力。謀於法制警察。欲撲滅之。而貧者益爲不平。提攜保庇。聯結各國。脅迫咆哮。紛起破裂。此禍一起。其慘害眞不可以名狀者。上流中流之人。盡旋沒於其禍中。大廈高樓。燬於一炬。千年珍寶。化爲死灰。都府殷富之地。芊芊盡生荒草。富家豪族之宅。纍纍祇堆敗瓦。彝倫由是而變。世界之道義社會之制度。皆由是而異其面目。天下之變。實莫與之京也。而此禍亦勢之不可避也。但倘有一綫之可望者。則在於仁人學者。能以國家社會主義。調和於貧富之間而已。於外實無別法也。老偉人說竟。長歎不已。既而轉言曰。貴國維新中興以來。僅二十餘年。而進步如此之速。皆由破舊政府鎖港之邪說。行開國之政策。實爲宇內稀有之盛事。其間英雄蔚起。偉略經濟。多有可觀。盍一賜其姓名。得以聞見風采也。散士曰。誠深負偉人之所問矣。我國維新。雖非無助命功臣。而實則無以告偉人之英雄也。蓋歐美洲通論。概謂日本維新。在於開港。開港者。蓋爲維新功臣所主倡。是全失其眞相也。不知我國維新元老。原皆爲鎖港論者。而舊政府則主張開港者也。幕府鎖國三百年。雖於理學智識。一無發達。而保守太平。其有功於固有之制度文學技藝。亦爲不鮮。且於其晚年。亦多有採取於歐美文物者。或則獎厲有爲之士。使就外學天文醫學製造航海諸術。或起造船所。或設立學校。或派遣學生游學。其銳意採人所長。補我所短者。無不盡心盡力。卽如今日之大學及海陸軍造船所。是皆舊政府之遺物也。舊政府將軍之世子游學巴黎。賴拿破崙三世。亦取行其開國主義也。要之舊政府採擇西洋之文物。以導日本於開明之域。却受世所非難。以至於如此顚覆耳。而新政府則雖非爲原攘夷家所建。然亦不過襲行開國主義。擴而大之。以有今日之盛而已。此所以謂無有以告人之英雄也。老偉人曰。誠然。則吾今日乃始得其詳也。因又問曰。貴邦初與各國締盟。何以能使宗教之不衝突。以起紛亂。何以能使封建諸侯之不煽動外人。以招外侮也。散

士曰是原因於國民報國之志氣與美人公義之遺賜夫當日我國之與各國締盟其危險情形至今思之猶覺畏慮即如俄則侵掠對馬島英則襲滅印之故智互行煽動其危蓋岌岌哉所幸我邦人士自啓戰以來無論爲勝爲負皆未曾有援助外人以殺伐同胞者此爲大和民族之較勝於他國也且又得美國執行中正常以啓發我邦人每事有所忠告故賴以制馭專橫之國而無有損國威也至於宗教之衝突則三百年前曾有天主舊教叛亂於西南島而自來我邦人多斃戒信奉外教其中人以上者俱涵濡於神州建國之大義與孔孟之倫理篤信忠孝仁義之說視此外宗教甚爲褊淺且如耶穌聖經與我邦歷史互相矛盾若從之則我二千五百年之歷史盡屬虛妄我四千萬之祖先皆爲無知之罪人矣而佛教弘通於我國內亦已千有餘年僧侶致有十二萬之多然國民祇不過託行葬儀而已此豈歐美人想像所能到哉老偉人釋然拊節曰嗚呼是所謂天祐而已散士又問曰苦樂武何辨武諸君子今猶俱在乎老偉人垂首曰諸友概入黃壤去矣其與余同甘苦者無一人存於世矣嗚呼人生在世爲有所望也既無所望則生不如死予待諸友之早來接予去矣更轉語曰吾子年未三十前途正自遠大但男兒事業祇在壯年今固其時也夫以少壯當事其國必興老朽當事其國必敗徵之古今驗之歷史實迹昭然子其努力哉老偉人暢談至此時則夕陽西下窗影漸昏散士乃辭謝而出老偉人固握散士之手而言曰余年今既八十有三恐無復相見之期矣散士聆聽之下不覺悽然者久之遂辭而去古人曰孔邱顯猶無地而君無官而長天下之丈夫女子莫不延頸而願安利之明照四海聲施後世達略天地察分秋毫豈斯老人之謂乎

歷遊歐洲大陸者歲有餘鑒去而抗倫敦時則占領緬甸之議喧傳於議院矣

緬甸王朝之滅亡，天下皆謂緬甸王底性暴戾殘忍，暴虐國民，不信外人，遂使英人不得已而動干戈云云實則不然。蓋英之包藏禍心，爲日已久，襄曾蠶食下緬甸，及法占領東京，以雷鳴泥河爲連絡辦噶灘與雲南，乃自印度通中國最便之要路，垂涎不已，而無如無辭以啓釁，遂強行要求，以挑撥爭端，適英人組織孟買緬甸商會，與緬甸政府立約，約有不得採伐柚栗樹（一名印度柏船之材料也）而英人違其約濫伐無所退，緬甸政府怒之，科以賠償二倍，蓋其國法如有盜人財貨者，即須償還二倍也，英人以爲不當，要之歸於印度太守判斷，然緬甸以自有國權，不能拋棄，反以己國罪犯，歸諸異國判斷也，於是兩國爭論不解者數月，英政府遂要索緬甸以三條款，第一須優待英之使臣，第二須以斬伐樹木一案，歸之印度太守判斷，第三駐箚首府萬朵麗之領事，須附以兵一百名，以備護衛，若不允從，便即開戰，以蹂躪緬甸全土云云，緬甸憤之，極決然抗拒，借助於法國政府，以法國利害之關係最大故也，然此時法國礙於英國交情而不敢援，遂至緬甸孤立，柔弓鈍矢，羸馬敝甲，不得不與英人馳逐，乃英兵直轟破萬朵麗都門礮臺，毀大礮三十二門，進圍王宮，國皇皇妃皇太后世子四郡王文武官僚七十三人，皆爲所擒，萬朵麗之宮中，珍寶如山，財貨如海，盡爲英兵掠奪，明日英兵面縛王以出宮門，行降伏之禮，即日囚於英艦，遠放之於孟買附近奈地留偏僻之處，嗚呼，腕力足以壓正理，誠哉言也，世間豈獨德相卑斯麥克而已哉，後二十日有忠義之士，擁王子遂陰善以勤王，欲恢復萬朵麗，勢力不敵，卒不能遂其志，其後倡義舉兵者，至今不絕，然皆隨起隨敗，風蕭蕭兮，空吹壯士之衣，雲黯黯兮，徒蔽落日之耀，復不能翻孔雀翠旗，以飄於萬朵麗城上，由是以觀，則緬甸君臣，必非狂暴無狀，怯弱無能，如英人所言者，當萬朵麗陷落之日，必有稽侍中染血顏常山拔舌之人，特英人祕之，無由暴白於世耳，嗚

呼千年之王廷一朝而忽空萬斛之積寃愈深而愈埋其悲慘之狀誠不忍見聞者矣

散士一日觀英國議會時正爭論占領緬甸之可否自由黨首領斯密士則大斥其失計曰當遠征緬甸之時初計須兵一萬今則至須三萬人之多軍費則豫算百五十萬今竟至二百五十萬忽而將至二千萬其故如何請試論之夫英國之動兵於緬甸在於廢其暴君弔其良民耳今反而吞其土地絕其宗祀使千載連綿之邦國至於滅亡故緬甸人民憤悵曰屈於英族之下無甯速死此所以舉國同聲而負戈執戟慷慨不已也而英人之鎮壓之多所苛虐益足以憤其敵愾之心彼緬甸人民雖則苦於國王底毋之虐政而比之覆宗絕祀立於外人治下更覺傷心慘目也此所以翻動反旗前後接踵亦非無故也而當局者猶辨之曰我國之占領緬甸者爲保護印度而已益所以使印度隆盛也此豈其然乎印度國會之決議曰印度人民者反對於併吞緬甸若不幸而並爲英領亦不可置於印度政府之治下也印度太守亦曰緬甸之佔領非合於印度人民之意然則當局者尙託言爲印度之保護豈足信哉嗚呼果其志而在保固下緬甸則廢其虐主善其後可矣何不於王族七十餘人中擇其賢者爲王然則其志初不在於安上緬甸而保固下緬甸可知也戰端將起之時諸報紙多有暗窺當局者之意曰緬甸王者暴主也背約破誓無所顧忌如此惡王爲天下所不可不討之也嗚呼天下背約破誓之國王多矣而祇遠以資之緬甸不近責之四鄰對近鄰之破誓背約君王曾不與之宣戰以廢其君主佔其土地者其故何哉亦以屈於强國伸於弱國耳此豈行堂堂正道者所宜爲之乎設使吾英而不干涉緬甸以其國王國民自行料理其國事亦未必至於亡國之慘也曾慮遠征埃及之時我當局者公言曰英國若不取之則法國必先行制取何其橫暴之甚乎丹那博士曰英人者爲普天下竊據土地最多之人民也吾人甚悲無辭以雪此言也

龍動時事新報曰今英兵之駐紮緬甸者有三倍而國中盜賊縱橫道路亂民四起殊如無政府之慘者是皆由不能鎮撫之以救生民於塗炭也且如下緬甸入英國之版圖亦既有六十餘年而今亂民之結黨橫行恣行劫掠者無時無之民不聊生此乃掠奪上緬甸之餘毒所致也蓋萬朵麗陷落之後所以至今日猶未鎮靜者則以鎮撫之不得其人施設之失其宜萬朵麗雖則可攻而降而緬甸人之性則非怯弱者爲其欲反國王之虐政而別擇明主故其閣僚近臣悟有反間倒戈者皆以爲英兵之來不過代廢今王別立明主出於義舉而已故陷落後二十日而無一人爲我英兵之敵者可以見其意矣當此時而若正正堂堂恩威並行則緬甸國事豈至沈淪於此慘境哉且我國將士之待降人無異螻蟻殘忍刻薄玉石不分寃枉籲天無辜哭地而督府因而驅矜貪惰逸遣兵四千人以歸印度休息致萬朵麗都一無兵守而上緬甸之守備不滿六千總督離都則反徒接踵而起城門屢危威風墜地我當局者於戰爭占領之資款即毅然經紀而於善後之策則一籌不展祇知以戰費政費取償於戰敗國人是爲暗傷大體不通國勢之甚也且我政府於此戰爭之後正宜選派富於經歷達於事理有威望之行政官以收攬其人心乃無後慮今竟使白面書生無賴豎子以當此鎮撫大任竟置政事於不理惟知日夜遊戲優悠閒逸以消遣時日且或則與商賈結託營私納賄或則有監獄之看守而無其判事或則於一萬四千方里之地祇設一警部與一巡查政治乖離任用失道此不特有政法之英國所爲寒心即緬人亦深用恐怖也嗚呼佔領緬甸之有背於公義如此而其經略之遺誤又如此此豈不大有汚辱於英國名譽哉

第十五回

散士辭英國將道美國以歸故鄉。船泊愛蘭之駒印斯蘭港。適閱報紙。中有一新聞曰。愛蘭之雄辨家於武刺國奉巴甯流密使。航英領加奈多爲愛蘭人吐萬丈之氣。彼地同志待之如大旱雲霓云云。一友卒然拊肩以告曰。與氏同行。中有一絕代佳人。紅臉豐肌。其美如玉。姿態裊裊香露如滴。吾子盍一覩之乎。散士相與一笑。既而巨鯨殷殷。拔錨航太平洋。時天已昏暮。夜月如眉。散士安坐舵樓長椅中。望歐洲在於一角煙水模糊之際。微吟我所思行疊句。忽簌簌有觸散士之衣者。顧之則有一女子。輕裳曳微風。步於散士之後。憑欄還視也。惟無由覩其面。一友嗤笑曰。是蓋以袖而拂子之背。此豈有意於子乎。二三同人相和而哄笑。以揶揄散士。散士曰。彼固良家婦女。幸勿褻瀆。若解識邦語。則子等如之何。美人斜睨散士。何圖即是紅蓮也。紅蓮含笑握手徐曰。妾早已知郎君之在此矣。同人見如此。皆倉皇散去。船頭寂寞。惟新月照雙影而已。散士急語曰。大西洋上。適念二妃所賦之我所思一詩。而忽過令娘。豈不怪哉。令娘之惡魔王羅。今果何在。紅蓮曰。曾有致書。究已達於郎君否乎。當時妾脫巴黎。將走意大利。前途危險。至今思之。猶覺慄然也。散士急問曰。願聞其詳。紅蓮曰。當妾出蹄水以入法京之夕。閑步街上。即邂逅向日所旅館之娘子。此實爲妾之災厄濫觴也。明日薄暮。妾步旅亭迴廊中。有密語街上者。諦視之即爲王羅與警吏耳語也。妾此時驚愕之狀。不知如何。胸膜激動。呼吸不定。不遑整理行李。踉蹌由他道出。夜宿小旅亭。黎明乘汽車往意大利。既日將午。過一停車場。妾欲購買果物。開窗四望。不圖王羅即蹤而於鄰室窗上。乃急縮首。斯時胸悸足震。殆如不辨人事者。少許神稍定。以爲事既如此。曷不直訴彼以西都事情。以折服其心。縱彼不能納我言。而此地爲法境。法之警察。亦無如我何也。繼又私念班人報復之念。執拗且深。彼賤丈夫毒妾之策。無所不至。然今身既爲籠中之鳥。不能奮飛。不能奔逸。又將如何也。躊躇之間。忽有汽車自意大利

來。及稍近。我汽車亦驀然東往。妾此時以爲得神助。因躍身撲上對車沿階上。兩手攀鐵欄。惟冀身不落車而已。其危險可知。衆覺之。喧呼扶掖入車中。時則王羅之車。既已遠去。胸裏之愁雲全霽。身體疲勞。不覺陶然昏睡。有叱妾起者。開目則身已在巴黎停車場。警吏數人擁妾而詰問昨夜密脫逃禹館。今有往意大利車票。又遞法都。是非市井之妖婦。車內之掏兒爲誰。妾憤其言之無狀。因與抗辨。警吏覓投妾於獄中。謂妾爲在西都誤殺婦人。在巴黎曾爲盜竊。即以定妾罪名。人生汚辱。至此可爲極矣。後旬日至法庭。王羅證人即在其中。經謂彼前爲西班牙國警察長。其時誤與此女子來往。此女子即居爲奇貨。欲爲余之正妻。因予妻病。謀毒殺之。事敗逃遁。因以妾向所與彼書函爲證。舞文弄法。羅織成案。而西都旅館主人。亦告妾盜其馬。掠其資。因取遺棄於巴黎旅舍之品物。僞作攫竊之物。以爲證據。且謂不償旅費。是騙者也。本往意大利。而折回巴黎。是掏兒之行爲也。妾辨白之。娓娓至數千言。然妾不通於法理。且無一證人。故終不能動判官也。而因判官所詰問之情形以推測之。則妾當日所邂逅之娘子。即以妾事告於其父。其父更報之偵吏。此偵吏乃向受王羅所囑託者。即電喚王羅。王羅即託機警之偵吏。以探知妾是夜舉動。而尾妾同一汽車。及見妾之投於別車。彼即於各停車場。電達知照。巴黎偵探之機敏。素所聞名。而妾被難之由。實爲此也。王羅恃其有警察之援助。因要法官以妾在西班牙謀殺彼妻。據遞送刑人條約。即須轉送之西班牙政府云云。其始妾被拘囚之時。意氣激憤。不知有所謂痛苦。從容自若。一無怨愁狀態。以故獄吏互相嘖語曰。以彼妙齡女子。而殺人盜貨。被幽獄中。泰然不變其色。不知其已至再至三矣。不可以貌取人。誠如此也。妾既負竊盜殺人之重罪。故別繫一房。臭穢衝胸。蠱食難咽。諺曰。就戮則見歲短。拘獄則覺日長。終夜陰陰。無限妄念。雲興泉湧。欲眠而不能眠。心神漸疲。神經過敏。易驚易怒。動輒與獄吏抵抗。日者法

官又詰問於妾言語過激。頗有脅迫之狀。妾不勝其憤。乃罵曰。聞之脅迫之行爲。大非正當之理。今法官之舉動。卽是也。法官叱妾。妾因取墨器擲於法官面前。獄吏止妾。妾不從。遂置妾於暗室。蓋暗室者。乃歐洲獄罰之最重者也。妾於此時又平其怒氣。以爲閉目而默想平時。則豈能堪受此之理。不如橫臥游心於獄外。差可自慰耳。無如眼目易於開啓。獄中黑暗。時掩映於目前。直感腦中。輦刺胸臆。不復能有他念。心亂神昏。或忽念人生之快樂。或忽思故國之辛苦。黑暗中之感覺。實慘惡令人難受也。如是者三日。身體劇蹙。心氣昏迷。幾至不辨人事。曾聞有志士二十餘人。赴北極深險。居暗黑世界中有數月。有十有八人。因致狂亂。暗黑界之亂人精神。實爲大也。後二日出暗室。忽覺眼眩。開眼而觀。見旭日映於鐵窗之上。不覺呼快哉。散士曰。人生世上耳目歡娛。最大。故囚於黑暗之中。目無所見。耳無所聞。卽雖養以豢猗。衣以錦繡。亦不足以爲樂。使於此時而於隙穴罅漏中。得見日星之影。聞風雨之聲。亦覺稱快。況啓戶牖。以見炤炤者乎。況出室登堂。對於山光水色。以見日月之光乎。況登大山。履石封。望八荒。以見天都如蓋。江河如帶乎。紅蓮曰。誠如郎君所言。妾此時始服幽明異途之爲知言也。因漸以靜坐沈思。恍然自悟。謂賢人亦同一死生。愚人亦同一死生。死焉不足悲也。惟供此餘生於皇天而已。於是方寸湛然。靈臺寂照。身心俱覺安泰。數日後。復交法官詰問。妾答之曰。我實無犯罪。俯仰無所愧於天地。今法官以我爲有罪。則又妄言。惟任法官爲所欲爲而已。法官作色曰。法官執法。公明正大。豈有挾私曲以加罪於無罪之人。今汝獨云無罪。又無其證。法者本據證以決理。汝不告汝居處。不語汝職業。無資產。無知人。而終日衣美服。出入旅館。乘船乘車。來往無方。居住無定。汝不晰言之。惟反覆以爲無辜。法官奚能信汝而決斷也。於是妾卽決意曰。妾不告所居與所職者。爲國爲人。有所不忍故也。妾之欺西都旅館。爲奪幽將軍也。妾之欺王羅。爲成交友之志

也。法官聞言有如驚愕者。既又問曰。嘗聞有少女欺王羅。奪幽將軍。其後不知蹤跡。汝果其人乎。若言而眞。則宜舉其左證。宇內之大。知必有一人爲汝知人證言也。妾深思多時。漸答曰。妾曾謁首相嚴籠舵。爲彼實情。無如斯人已去。他無知妾者矣。法官起曰。嘗聞之。若果屬實。證之不難。聞嚴公有一祕書郎。所錄日志。公私大小事。俱無所漏。汝卽舉謁首相之月日時刻。若無錯漏。此可得爲左證矣。妾詳以語之。法官加禮焉。乃閉妾於法庭。於是獄吏形狀頓異昔日。越三日。典獄來揖曰。愛蘭無冠王之使者來訪。出與面會。妾狂喜之至。接見之。使人曰。觀昨日新報。始知令娘厄難。因受巴甯流女使之意。急行來訪。明日請有著名狀師爲令娘辨護。令娘請强意焉。自此日以後。獄吏之待遇妾爲之一變其態。其始罵妾嘲妾者。今則不敢正視於妾。却有得妾一言以爲榮幸之狀。法人輕佻之風。可以見之矣。後七日。法官告妾曰。閱嚴公日誌。誠有與令娘相見之事。然猶有所問。卽呼一紳士來詢妾以面嚴公時期。及客堂之形狀等。妾卽以所記應之。紳士首肯而去。蓋此紳士。乃嚴公當時之執事者也。法官曰。左證分明。已無所疑。惟法官深痛令娘久困囹圄。備受艱苦。昨又訊問王羅。悉獲其實。知我警吏之被欺於彼。爲虛無證人。以陷正義高節之令娘。我法國人實深有愧。然今罪人已投之獄中。不日當明正典刑。令娘既爲青天白日之身。出獄幸保重自愛。妾乃出獄門。則見車馬數輛。人數幾千。以相迎逆。歡呼萬歲。嗚呼。人生僅數十年。而千難之中有百喜。萬艱之中有千快。非盡經歷之。誰能知其趣味哉。夫日出而起。日入而睡。蠕蠕如蚯蚓。不知一喜一憂。以齷齪小利爲事。如巢焦明之蚊睫。足不踐海外區區以送一生於無爲之中。空化爲北邙煙草。豈不可憐哉。自是妾被歡待於愛蘭人。始歸故鄉。適雄辨家於氏。遊說於英領加奈陀。爲本國之聲援。妾因起相與偕行之志。特乘船來此。今邂逅郎君。眞可謂奇遇矣。又曰。妾之繫獄有半歲。出獄後卽沾病。呻吟數月。今始得如常。

散士曰。此豈非芳草夜被風打。颯色偏待朝曛哉。紅蓮笑曰。郎君勿復弄妾。將奈幽蘭女史何。更悽然正襟曰。郎君路過埃及。未嘗探聞幽蘭女史消息乎。散士答曰。有之。乃相與揖手下階。就燈下出幽蘭手札。以與紅蓮。紅蓮拆封徐讀。忽張目而如怒。忽垂首而如痛。遂不覺潸潸紅淚。滴溼青衫。散士曰。何爲其然也。書中消息如何。紅蓮揮手曰。郎君勿問。日後自知。今且暫隱其事。蓋女史所囑也。今女史隱於虎穴。沈於鰐淵。郎君何爲不救之於死地。若使妾知之。在英之日。必相與揭歸矣。散士曰。女史誠堪憐矣。然欲拔之於水火之中。此志豈獨令娘哉。惟恐私情有亂公務。故不能如願耳。然女史之來自歐洲。亦必不遠矣。因又語以再會范卿。骨數斗夫人贏疾。人力難爲。紅蓮仰天祝臍。幽蘭范卿之幸福與骨數斗夫人之平愈焉。次日復與紅蓮語。談及巴甯流事。散士曰。僕在英國之日。屢欲往見訪之再三。卒不相值。竊以爲恨。或云潛居友人室中。究未知眞否。紅蓮曰。妾亦有所說於巴氏。毫覺無用。氏今在得妾之境。天下呼之爲愛蘭無冠王。然滿則招損。或卽以此取敗乎。妾非獨爲氏惜之。竊愛愛蘭百年之經營。盡歸水泡耳。散士曰。巴氏富於春秋。地位如彼其尊。名聞如彼其著。聞其下獄。多觸嫌疑。至於數十回。有瑒武斯事一難。若使他人而居其地位。則聲名必敗。黨衆必散矣。而竟無一人離心焉。氏又訥於言語。凡在議場有所演說。必資爲世間笑柄。雖然。以比之雄辨闊論者。則反覺其尊重。蓋氏之一言一動。常繫全院之耳目。關社會之趨向。八十之愛蘭議員。氏爲之當其方面。五百萬之愛蘭人民。氏爲之衞其本陣。而東有美國之聲援。西有澳洲之贊助。氏之諾否。卽愛蘭之諾否也。氏之喜怒。關於愛蘭之治亂也。此豈非近世之人傑乎。紅蓮曰。世人特未知其眞相耳。其淫行欲蓋彌彰。若一朝暴露。愛蘭人何以對於天下乎。言詞憤悅。現於顏色。散士當時深信巴氏。故有疑於紅蓮之言。以爲其發於國情之激者耳。後數年巴氏果因淫行而敗法之武將軍亦爲婦人

而自戕。吁。荷克復國家之大任。身當其局。大功垂成。而竟以婦人之故。犧牲生命功業而不顧。正古所謂妖冶誤人乎。抑英雄多情。爲人之所不爲。雖死亦無悔乎。散士薄情。未救佳人於海樓府。而爲亡命之客。不能因情以死。豈不可愧乎。一夜與紅蓮吟於月下。散士謂紅蓮曰。聞之近日愛蘭人爆裂英國議院。以報怨恨。以散士觀之。是亦失於詭激也。紅蓮曰。是不過無智識之暴徒。欲以爲脅迫而已。原不足以爲意。然愛蘭自治。今亦有望於前途乎。乃高吟一詩曰。

爆裂彈兮爆裂彈。勢汝一擊清天地。分富平權依至公。助弱制强取大義。取義捨生是男兒。依公去私與天期。千古積弊可燒燼。玉帛金寶何得吝。位官爵祿歸糞塵。鐵壁堅城亦作烟。帝王之尊不能避。庶民之富安得庇。平等福共爆聲開。自由光從鐵如來。天柱爲摧地軸壞。血雨腥風洗濁穢。洗濁穢兮天地清。從今四海始太平。

散士轉語曰。王羅今果何在。紅蓮曰。彼曾檻送西都。然其言巧賄重。竟免於刑。且得復高官。而任東洋呂宋諸島之都督也。

後數月。散士道經美國。與海南將軍歸朝。時則我政府與列國議改正條約。先據泰西之原則。以制定法典。於條約批准交換後十六月中。譯之以傳達各國使檢查其有合於泰西法典之元則與否。分全國爲八道。設混合裁判所。任外人以爲判事檢事。設陪審官。以聽斷關於內外人之訴訟。其外交內事弊竇之不堪言者特多。於是將軍上封事略曰。

夫道能用之。則百里之地。可以獨立。瑞西日耳曼是也。若不能用之。則堂堂千里。被役敵國。印度波蘭是也。秉國家之大鈞者。豈可不審愼哉。側聞改正條約。漸就其緒。而締盟諸邦。皆廢其法權。以從我治法。洵足慶也。然

又有說者。聞之我國所制定法典。偏以適於外人爲主。司法立法之大權。皆允爲外人所干涉。嗚呼。此說屬實。是使我邦國失獨立之精神矣。夫法典者。乃所爲保全己國之安甯幸福也。制定法典。必須因我國歷史與風俗。乃能完善。若使外人得而左右。徒供其利便。其奈我邦國人民何。卽使我法典而有異於時勢。亦宜伸張國運。愼改正之。今惟知外人言論是從。不顧歷史風俗。是無異許外人以干涉我神聖之大權。自作陵夷國權之階梯也。今日讓一步。明日枉一步。遂至於無可挽回。豈可不悲哉。古人曰。惟名與器。不可以假人。今國家獨立之大權。而受外人干涉。豈非亡國之兆哉。

論者曰。開港之始。幕府旣傷國體。失自治之大權。是今日不能舉改正之實。其罪實在幕府也。然而熟審當時情事。較之今日大勢。又未必盡可以責之幕府者。夫幕府昇平三百載。不通海外之形勢。如治外法權最惡國條款海關稅等。實爲耳所未聞。況其利害。當時何能洞達。且按當時情勢。若欲爲外人結對等之條約。使彼服從我法律。則又實所難期。若使締結對等之條約。國內諸侯。必各以其法律。繩諸外人。開放內地。任其居止興業。是我欲不爲印度馬島不得也。故愚以爲治外法權治內限制。原爲因於時勢以行之善策。祇可謂之得天助而已。今我國文化大進。文物典章。無不備具。非復幕府之舊態。其詳於海外之狀態。熟於外交之道路。洞治外法權之弊。及輕關稅之害。亦甚爲詳盡。故宜於舊日條約。盡改正之。無或妄行推讓。以貽害後世。語曰。一念之失。遂貽四海之憂。一事之失。或致百年之患。國家重事。豈可輕忽爲之哉。夫名與實每有相反。有名美而實不然者。有實美而名不然者。故聞名不可以喻其實。見實不可以測其名。如我之治外法權。其名雖甚不美。而實利則未至妨礙國家之獨立安甯。是名雖不美而實尙有可取也。然至如今之所傳。則反自傷國權。名實正

各相反矣。嗚呼。秉天下之鈞者。其取名乎。將取實乎。豈有貪一時之名譽。不顧百年之大害。而使天下後世之志士仁人。發神州陸沈之浩歎可乎。然則如何以改正此條約。曰斷然宜於今日中止之。而先變現在政府之組織。建立憲公議之新政。而後定外交之方針。上下一致。以奬勵此內和外爭之精神。當局者於是奉天皇陛下之聖意。聽立法部之決議。更擢上下人民之輿論。以開改正條約談判。又利用於內外諸新聞演說。行外交之手段。以辭其曲直。於歐美公論。倘彼猶尙有所要求爲不正不理之舉。則我可仗正義。履正道。斷然拒絕之。誠使一國之意氣盡皆如此。何慮無精誠動天地。公議輝四海之一日乎。

更又條陳時事五款曰。

夫邦國之病。在於苟安。苟安者。根於情實而致。情實者。因於無操守之節。無果斷之勇而來。其弊也。濫觴於士大夫之間。漸以瀰漫天下。語曰。君子之德風。小人之德草。又曰上之所好。下必有甚焉。若夫惡弊一熾。則上下率以成風。因襲之久。遂習成性。消耗有爲之元氣。腐敗報國之精神。國家因以衰弱委靡而不能復振者。古今東西。其揆一也。當我邦維新之初。銳意圖治。不顧情實。其政略之偉。功績之大。實爲天下所共驚歎。然而敢爲之氣。逐年挫折。情實之弊。隨時橫來。浪費漸增。冗官漸衆。每一經改革。卽轉滋弊害。於是明治十八年內閣諸公決然行其大英斷。而改官制。明職守。去繁就簡。杜私門。斷請謁。別創一新政府。上下內外。稱之不措。翕然額手相祝曰。維新之大功。自是以擧。日本之威名。自是以揚矣。而不知未及一年。而綱紀頹敗。百弊復興。蓋考其所由來。則皆爲情實所牽纏也。嗚呼。我國家前途遼遠。施設更張之事。正當惟日不給。是豈粉飾太平。歌舞遊樂之秋耶。苟衣食於官祿者。勵精圖治。兢兢業業。惟職是盡。不牽纏於情實。上乃可以不愧於天地。下乃可以

不怍於蒼生也。故愚以爲今日急務。在於絕情實之政。情實不破。則國家之隆興必不可遇。而且今之訛言百出。是非淆亂。誠宜務使事理公明。以解世人之惑。設於舉動之間。小有啓覺。則威望忽撲。駕御之權旁替。小事誤大。有類椓蒲。豈不可謹戒之哉。

夫我國君臣之間。誠可謂密矣。君者誠爲民之父母。民者誠爲君之赤子。是我國體之所以特出於萬國也。故陛下之待臣民。一視同仁。政論有異同。俱皆有所取納之也。然近日當道之執權者。視陛下如己黨。即雖有功勳位之人。如有異其政論者。即視爲不忠不義。以之爲陛下讐人。不知夫政論者。因其時。因其地。人各異其所見。疾徐相較。是非相比。新舊相制。理否相攻。乃所以啓發學術。興隆國運也。故執政而有異其政論。此乃國家之藥石。社稷之忠良。安得疏外而厭惡之也。蓋陛下之黜陟臣僚。在因於時勢如何而已。非有愛憎是非於其間也。故愚以爲宮中內閣。宜嚴分其界限。劃然莫相混同。而宮中之接待功臣名士。不宜以朝野之軒輕而親疏輕重之也。然今之總理大臣。兼攝宮內大臣。是不特失當之甚。且恐有累及皇室者。若他日政黨大起。當內閣更迭之時。則總理既兼宰相。即易於襲行擁天子以令天下之智。而爲其黨以害他黨矣。其爲患豈可測哉。余近熟審今日之情狀。施政方針。未有一定。朝令暮改。多所更革。誠可憂也。蓋自明治十八年改革以來。其時專以省減政費爲主。故凡百節儉。甚且有停止國防軍備之議者。此固不足爲過。然未及期年。即置臨時建築局。設礮臺。建築局。建廳舍。增官俸。搆造宮邸。且又建築各地礮臺。夫前此數月。則以省減政費爲急務者。而今則且爲此不急之土木。國帑糜至數千萬金。其前後之背馳。曷至此極哉。夫欲擴張海軍。因而急起國債。其爲敵國伺覺。防敵艦忽來襲乎。抑爲我國海防。一日不可闕乎。其是非得失。姑不措論。然其舉動之輕躁。則誠有

損於國威矣.

夫今日弊政之多, 誠難指數. 然上官無職責. 下吏多冗員. 此實爲弊政之最大者也. 惟其無職責. 故括此民人之膏血. 以銷於無功無益無影無形之事業. 而茫乎責無所歸. 設不急之官. 舉不急之人. 政績一無可見. 而亦不知責之所在. 觀其情形. 實非因事而設官. 乃因人而設官. 因官而設事也. 故賞功以官. 憐友以官. 報私德以官. 結朋黨以官. 貪遊樂以官. 箝制在野有志之口以官. 視官途官事. 一如己之私物. 視國家租稅. 一如己之私財. 是以無用官吏. 日漸以增. 而終日從事於不急之務. 紛紛擾擾. 徒增繁雜. 一無實際也. 嗚呼. 以有限之租稅. 養無限之官吏. 求目前之小安. 是豈異於吸鴉片者. 貪一時之快. 而不慮日後之患哉. 以故爲今日計. 急宜裁汰冗員. 嚴定官守. 使天下不才不能之徒. 無所夤緣僥倖. 以敗壞國政. 虛糜國用也.

且夫今日政府於內治上. 所宜速行決斷者. 乃改正新聞及集會條例是也. 我人民之爲此條例嚴密. 因而志懷忠良. 身陷罪刑者. 不知其數. 推其所致. 則人民視政府. 一如仇敵. 政府視人民. 一如寇讎. 互相睥睨. 暗相傾軋. 豈不可爲長太息哉. 夫寬改新聞集會之條例. 使世人得自由其言論者. 果有何不利於政府乎. 愚以爲能明人民之意志. 知輿論之所在. 則政府行事. 倍覺其易. 卽使論者過激. 言失其常. 而政府官吏. 亦可公然與之辨說於報紙中也. 如此則官民相磨. 士氣漸振. 人心漸奮. 惰眠之夢漸醒. 腐敗之政漸革. 其爲幸福於國家. 豈可勝數哉. 今政府切慕歐美自由國之文物. 以改革其法律規則. 以變更其屋宇衣服面目. 一新. 使歐美人全繫服於我治下. 而獨至言論集會之自由. 則反異其取捨. 有爲不滿當路之論者. 有論施政方針之異者. 則皆目爲有妨治安. 因而停止解散之. 此豈非矛盾之甚哉. 夫廟議之欲倣歐美政治者. 不問其爲我身之利與不

利。祇惟移其善與美。以增進我幸福而已。若以爲有利於己。卽襲習亦可爲我之楷模。無利於己。卽美俗亦非爲我之規則。豈非偏頗之甚哉。

且又近見我邦之外交。圓滑巧妙。力求與各國斬絕藤葛。遽而允之。則必以爲交際日深。和親日密。無可復慮矣。然退而細思。則國家之殷憂。方在前途不遠也。夫外交政策。當守信義。表和順。力求圓滑。乃爲得宜。然至於亙爭國權。以保己國之安甯。則當力求奮爭。死且不避也。使徒取外人之歡。唯唯諾諾。苟安旦夕。是正所以自招輕侮。啓窺伺之門戶。而決非保固平等交情之道也。蓋我國屹立於東海。地勢雄勝。四面沿岸。巖礁嵯峨。天然險要。國無其比。加以土地豐腴。氣候溫暖。富於天產。長於人工。人口有三千七百萬。無人種之錯雜。無言語之異同。無教法紛亂之虞。無藩國屬地背叛之恐。接境一無敵國。非如大陸諸國。一朝有警。卽須守備四方。且金穀出自己邦。非如英國全仰食於外。故一旦如有不得已。則退守絕外。支持數年。亦易易耳。噫。地勢之形勝如此。國土之富厚如此。而與歐人不能對立。動被輕侮凌辱者何哉。蓋物必有因。事非無本。語曰。人必自侮。而後人侮之。我國之被人侮。亦自取之而已。夫歐洲之外交家。外託慈祥。內懷陰險。談笑之間。藏有金劍。而我國外交家。則於爭論之中。藏有媚骨。古人有言曰。過仁近弱。過禮近諛。不論是非。不問曲直。惟以平和爲主。絕無把柄。何其敬憚人國也。嗚呼。惟知屈從外人。依賴外人。買外人之憐。以維持國家。以改正條約。此豈不可危哉。夫抱射利無厭之慾。虎視眈眈。求食於萬里殊域。伺機審勢。卽因而開拓領土。此乃歐人之素志也。屈從依賴。曷足以動彼輩之情。適以增其暴慾而已。是豈得計哉。然則爲今日計。如何而後可。曰。斷行廢今日之政略。確立其方針。一定其國是。內而新政務。嚴兵備。外而表信義。立威嚴。與人民深此溝渠。高此城堡。嚴備固守。以

待歐亞之變可也。夫歐亞之平和。早晚定行決裂。馬蹄終有蹂躪中原之期。而我邦則雖素非干與之然其變亂之波及。搖動東洋諸國勢所必至。當其時。我擁堅牢兵艦三十隻。精銳陸軍十萬。以縱橫於東洋。立威示敵。英俄而有啓釁乎我而與俄。則俄足以制英。我而與英。則英足以挫俄。清法而再搆兵乎。則我之於兩國。猶之於英俄。且我即不干涉其間。而如病院通信糧食煤炭等之便。其得我與失我。則關於全局之勝敗甚大。此則爲我國坐而制勝東洋。足爲各國所敬憚。比之燃犀牛渚猶明也。

如此而與歐洲諸國對峙。豈非一大快事哉。然此決非依賴主義者所能爲也。今春德國大將毛奇演說於議院曰。一家人之保其一家。尚不可以依賴他人。況乎堂堂大國。而可以依賴於人。以保其平和安甯哉。有英主如德國有賢將相如德國。有乘勝之勢如德國。猶且謂國家之不可依賴於人。然則我國豈可不自省哉。古人曰。交外爲援。事大爲安。則不若治內而待時。寶幣玉帛。卑辭成行。則不若恃己而自存。誠若釋外交之策。修境內之事。盡地方多蓄積。勵其民。牢其城。上下一心。君臣同志。相與死守社稷。而民心不離者。是爲必全之道也。愚妄無隱諱。吐露赤心如此。

書既上。不得報。乃乞骸骨歸故山。賦詩曰。

爭取錙銖費若麋。紘歐湧出滿城春。金殿煌煌夜似晝。不照寒村菜色人。

於是朝野之間。政論紛起。憂國慨世者。上下相和。以非難朝廟政略。改正條約。因未成遂中止。而城西有一元老。積學多識。忠敬熱誠。素爲世所推許。一夕密招散士問曰。子等之所要於政府者何事。願聞其詳。散士乃條陳三大要曰。第一爲神聖帝室。永保其威嚴。使人民敬之如神。懷之如親。決無爲嗟怨輕侮也。故大赦養老爵勳獎學

雖歸爲帝室之職。而他之行政機關。則全須別異矣。而今行政府之首相。則爲宮府之大臣。此無知臣民。所以盡舉條約改正之過失。行政之諸弊。重稅之苦楚。言論集會之苛刻。歸過宮中也。首相而兼宮相。此則所宜變更者也。第二爲名與器。不可以假人。改正條約。固欲速其成績。然何爲以堂堂之日本帝國。神聖之大司法權。忍以委之外人。何爲而使外人可以容喙於我立法之大權也。散士曾密讀改正條約會議錄。不覺憤痛而淚下。此亦爲閣下所同情也。然於中止之外。別無良策焉。第三爲變軟弱依賴之外交政略。而定强硬自主之方針。欲斷然行之。則惟有當局者引以自責。以謝中外而已。昨廟堂諸公。毅然威嚇散士曰。我邦自進而提出改正條約。與各國使臣。論難交涉。已亙數歲。漸就十之七八。使今由我而中止之。是失信義於中外也。後雖再有要求。而各國將不之應。是舉國家而陷於不信不義之境矣。散士因指摘改正條款之不利。而促其再考。然有不欲聽之色。是諺所謂病深忌醫也。方今情實邪說橫行。忠言隱蔽。夫誰不爲之流涕長太息哉。今我有司欲廢國語。易羅馬字。不限制實業。任外國人所有。以博其同情。是殺立法司法固有之大權。讓之於外人。甚且以外競之不振。亦歸罪於大和民族。擬牛馬之交種。造東西混合之雜民。其說曰。若非如此。則體格劣弱。難與歐美競爭。又輕浮學者。則競相鼓煽曰。舉宮中府中。若非改宗耶蘇教。難復司法之權。難爲對等之國事。至於茲復何可言。語曰。畏首畏尾。身其餘幾。此三事者。皇天之所眷也。閣下之所擇也。得以達國民之志。乃國家之慶事也。若竟不能達斯志乎。則懷匕首。提鐵椎。身投鼎鑊而亦不悔矣。元老曰。方今上驕下諂。隨聲附和。以謳歌改正條約之功。洽於都鄙。即停止尚或難行。況乎斷行此三大事也。雖然。吾亦何忍袖手坐視。以任其如此哉。因又更言曰。老拙更諳世故。餘命無幾。此之發憤。亦爲感激子等。若不幸而無效。則亦掛冠歸故山矣。然吾子之在帝都。反招嫌忌。何若速作隱計

哉。散士謝曰。謹受敎。卽日上表辭職。出紅塵萬丈之都門。飄然而卜居東海之濱。見寺。此地山淸水秀。背負八島之芙蓉。而對三保之沙嘴。絳雲紫雪。朝暉夕陰。靑松白沙。晴樓雨牖。因得一律曰。

愜斂中原逐鹿心。杜亭山寺解塵襟。海浮帆影平如鏡。風送泉聲淸似琴。淨几研來刪舊稿。明窗納月寫新吟。

最嫌遠跡人來少。闌若僧寮寂梵音。

未幾。卽得一報曰。改正條約。旣已中止。外交當局者。皆引責辭職。宮內大臣亦皆罷職云云。當其時。沈潛鬱屈之政海。爲之頓生活氣。而悲歌慷慨之士。仗劍而集於都下者有千百人。或迫權門。或脅當路。或倡改革弊政。或論休養民力。氣燄日張。政府於是恐懼。因頒保安條例。以逐志士。囚說客。靑年百餘名之運動會。被巡吏五百名所解散。蓋當局者之怯於外而强於內。其醜態大抵如此也。

旣而大局變遷。漸入於昏睡之世。歐洲風雲將急而漸靜。東洋煙雨已到而忽霽。欲晴而雲未去。旣陰而雨未來。陰陰濛濛。氣則屈於小康。體則倦於偷惰。於是交友四散。或折節而爲轅下駒。或變志而執牙籌。或慨時而遁海外。或憤世而病客舍。視聽之間。有物皆足以感情。時忽有訃音至曰。淸狂居士歿於費府之大學病院云。散士爲之愴然自失者久之。乃作文以弔之曰。

維時明治二十年月日日本奇傑之名士淸狂君卒於美國費府大學病院。嗚呼哀哉。夫蘭以芳而摧。玉以貞而折。物忌堅芳。人諱明潔。如君者勇猛嚴肅。砥節礪行。直道正辭。傑操明達。困而彌堅。彼松柏之懷霜負雪不凋而折者非耶。回想與君握手相見之時。吐露肝膽。擊筑慷慨。誓爲國家以出力。時則天津條約方結。縉紳公卿張宴於濱之離宮。以祝大使之勳勞。越數日與君登不忍池之樓上。俯觀競馬角力。乃東京府民因大使功

成而設者。不覺相與涕泗之滂沱。嗚呼。當上下謳歌太平。洋洋燕舞之秋。而君與散士獨殷殷若有深憂者何哉。是惟君與散士心知之而已。嗚呼。君今逝矣。復與誰語此心情哉。嗚呼哀哉。君幼負氣節。壯懷偉略。志器高遠。學識深邃。舌鋒如劍。人莫敢嬰。乃懷此有爲之利器。竟莫一試。忽然中道而逝。嗚呼哀哉。君之爲人也。美如冠玉。散士嘗戲言曰。以君之容色。而久無伉儷。是豈才子佳人之難相配遇乎。君慨然變色曰。東洋形勢日就危急。男子既以身許國。豈暇謀及身家哉。言猶在耳。今竟溘逝。嗚呼哀哉。君偃息於明時。傾產破家。結交豪俊。散士遊行其間。竊思他日功成志達。斑白攜手。豈非一快事哉。而不謂宿志未酬。中道爲異域之鬼。嗚呼哀哉。君一日嘗凄然曰。世事蹉跎。每與心違。日月逾邁。不能我待。社會之空氣。漸已腐敗。行將釀病。若今而不吸以自由之空氣。則精神衰耗。爲永世不歸之人矣。散士勸以遊行歐美。行有日矣。不謂俗惡俊異。世忌奇才。部司小人。竟陷君以奇禍。憤恨囹圄。至於釀病。此蓋使君有今日之囚之原因歟。嗚呼哀哉。君高潔自持。臨危不撓。貧困不屈。家無妻子。居無僮僕。雖古烈士。莫或過之。曾聞之。作善者降祥。胡爲乎皇天無情。奪此名士之壽哉。嗚呼哀哉。費府大學者。散士螢雪三年苦學之所。西南之邱。卽爲散士弔愛蘭烈士巴甯流女史之地也。嗚呼。雖料於此學校而喪親友之身。於此邱上而埋烈士烈女之骨哉。嗚呼哀哉。前感未弭。後感薦至。日往寒襲。零露凝結。勁風凄其。庭樹驚落。霜葉滿地。月影空照。散士對此。能不心傷。嗚呼哀哉。君之生也。匪爵而貴。君之死也。無勳而顯。散士不忍備具奠饋。以祭君之孤魂。惟友情懷舊之淚。溢而無盡耳。嗚呼哀哉。尚饗。

散士既知濟狂居士之死。意益無聊。而世事又每與心左。且適有微恙。乃暫避世塵於有馬之溫泉。澡浴旬日。坐樓觀山。詩酒自娛。倦則曳杖以探郊外奇景。優悠自適。有羽化登仙之概。因賦詩曰。

羣峰競奇容。擁出白芙蓉。地幽絕塵俗。泉靈洗心胸。近郊探遺跡。澤畔櫻花濃。磊磊澗中石。鬱鬱陵上松。戲瀑冷嵐氣。遠寺響暮鐘。鳴鹿踏紅葉。仙寰白雲封。多病懶世事。欲追隱者蹤。

既而病少愈。乃卜居函山之南熱海梅園上。剗除草萊。搆一小廬。於是昔日蒙茸之地。今則茂林密修竹秀奇石出清泉湧矣。且距廬數弓之地。有一飛瀑。高自數丈而下。仰之則白絲紛絮。觸巖激石。斷續飛騰。灑欄聽之。如風雨之驟至。如琴瑟管絃之並作。矯首以望天末。則雲海變幻。七島依稀。或蒼波吐日。或冰潮輪湧。可以舒曠如之懷。可以娛炯然之目。奇傲偃蹇。或持一竿以釣滄海。或率黃犬以逐狡兔。或翦短藥而讀古書。其樂雖南面王無以過之。古人曰。遊都邑以永久。無明略以助時。徒臨川而羨魚。俟河清而未至。咸蔡子之慷慨。從唐生以決疑。諒天道之微昧。追漁父以同嬉。時乃龍吟澤畔。虎嘯山邱。仰飛纖激。俯釣長沈。落雲間之逸禽。懸沈淵之鮫鰐。時而曜靈滅景。繼以望舒。感老子之遺誡。將迴駕於蓬廬。彈五弦之妙音。詠周孔之圖籍。揮翰墨以奮藻。陳三皇之軌模。苟從心於城外。安知榮辱之所如。境過誠不我欺也。

第十六回

一日有異人訪散士於磊磊軒之幽居。容貌魁偉。怒目長髯。無一識面。散士迎之曰。勞謝辱訪。願聞緒言。以開茅塞。其人如憚左右之有人者。以手索紙筆。乃取與之。其人書曰。僕姓朱名鐵。奉叔平密命。千里而來訪也。乃割襟出封書。散士讀之曰。我等密謀久矣。行將舉兵南北。譬破壞此慣慣時局。事之成否。祇問天運。今國內固陋之士。仇視外教。浮說流言。遍於中外。故浮浪之徒。附和而毀教堂。殺教士。逐外人。事機至此。可謂佳極。余欲乘以利用

之。請爲我贈槍劍。與以聲援。若賴貴國遊俠之士。際此風雲。則增予勢力多矣。請幸策之。散士執筆之曰。范卿今何在。其人出對曰。范先生獲病。高臥白雲山中。且以垂老之身。說常持重。不用我輩少壯之言。故問我等欲乘先生之病。先行舉事。後乃要之也。散士曰。危哉必敗。范卿卓識奇智。實東洋之雄才也。今不謀於其人。不聽於其言。而欲乘其病以舉事。何其浮躁淺謏也。往者我薩南健兒之於西鄉南洲。亦是如此。遂至敗滅。是不可不思也。夫天下之發大難舉大義。必須先正其名。名而不正。事必無成。叔平等何不倡恢復明朝。以舉義旗。何不鳴清朝苛政。以倡革命。何不倡自由正理。以表同情於五洲。昔日洪秀全之舉兵。名託信奉西教。以接近外人。故有獻密策贈軍器。大得其聲援者。而今與固陋浮浪之徒相和而煽排外之聲勢。內外交敵。非計之得也。況事急又無策應哉。朱鐵沈思多時。遂出曰。謹承教。惟時機已去。無異悍馬之加鐵鞭。矢已離絃。其將奈何。散士乃遣一友與朱鐵赴中國。以觀察其形勢。且止其無爲亂動。後數月友歸曰。渡航之日。經已發難。匪徒四起。道路梗塞。范卿亦未謀面。乃入南嚮以觀其形勢。當時鈕等軍無統一。號令不行。烏合喧囂。遼燕悍兵。亦失期不發。且又徒殺外人。燒教堂。肆行剽掠。故天下無響應者。義士無表同情者。與清軍一戰而敗。鈕僅以身免。走廣東。爲捕吏所獲。處斬。聞其臨死。喟然仰天曰。大丈夫舉事成則爲王。不成則死。死固不足惜。惟地下無顏以見范先生耳。從容自若。而范卿之生死。則茫乎不可知矣。

曩我國數以失敗於改正條約。國威不伸。憲政不穩。上下相軋。朝野異論。解散政府。議會百揆失敍。持論淘淘。政府誤施政之道。國民迷適從之所。於是西人相語曰。立憲政事。不適於東洋諸國。觀於昔之日本。實非外患乃內憂也。中國人亦見我現狀如此。因相和而嘲曰。橘移淮北即爲枳。倭人徒眩惑泰西之文明。妄易其俗。移其風。豈

非沐猴而冠哉。遂亦有輕我之心焉

其時朴泳孝金玉均等流寓日本。交結朝野人士。爲國讎痒之念。無日或輟。金乃卓犖之士。以素行不修。多被人累。具縱橫之才。所有計畫不鮮。朴則重厚之人。薰陶故國子弟。以養開明之氣。力主教育主義也。先時朝鮮政權。全歸閔族之手。甚恐金朴之再有舉動。今朴從事教育。頗得勢力。因甚懼之。欲乘其未萌。早爲撲滅。以絕後患也。時有人勸玉均遊行於中國。玉均素勇猛敢爲。遂從其言。蓋其意欲入見李鴻章。將以大有所爲也。交友危之。多沮止其行者。玉均不肯曰。韓人縱欲害余。然吾殺身成仁。三韓雖萎靡。不少慷慨之士。他日或殺一余。而後起者不祇一余也。掉臂不顧而行。初韓人有李某者。承閔族密命。巧言令色。以與朴金等相親。散士一日與李語。察其必有異志者。因戒朴金遠之。又勸其徒早爲之備。而朴金等陽則相許。實與李日益親密。既而玉均航上海。遂墮李術。爲兇徒所刺。屍首至韓廷。百官上表稱賀。暴於市上。榜文曰。大逆無道金玉均。初兇徒之謀。本欲共圖金朴等。玉均之殺於上海。亦欲以是日殺朴等於東京。謀既成。朴等諜知之。因求警備於我政府。政府不顧。適兇徒來窺。朴等直捕縛之。乃得免於難焉。

夫作治法。其弊猶亂。況作亂法。誰能治之。朝鮮之虐政日甚。八道皆有倒懸之苦。蓋朝鮮之失八政。（洪範九疇曰。八政。一曰食。二曰貨。三曰祀。四曰司空。五曰司徒。六曰司寇。七曰賓。八曰師。）重五過（書曰。徇私玩法者其數五。一曰畏權勢而不敢執法。謂之官。二曰報恩怨不出公。謂之反。三曰聽婦言。謂之內。四曰受賄賂。謂之貨。五曰聽干請。謂之來。此五者皆以私心壞法情尤可惡者也。）晦蒙否塞。階閥壅擾。而四海沸騰。上下相離。已非一日矣。提耒耜揭席旗。以倡革命者。概無常歲。韓廷司空見慣。經已視爲常事。至是東學黨乘機而起。勢甚猖獗。全

羅慶尙諸道。望風響應。韓兵不能鎭壓。勢成燎原。行迫京畿。韓廷始驚而覺之。而當壬辰之役。韓依明兵以却我兵。其時新生朋黨之禍分則爲四五。合則爲二三。南人北人。互相敵視。西人東人。兩不相容。其紛爭之甚。則爲暗殺。爲毒害。爲讒誣。爲酷刑。外而粉飾太平。內而蝸角紛鬪。其所謂朋黨者。則又非漢時之淸議。非歐美之政黨。祇不過攀援門戶。排擠異族。互爭政柄而已。怨毒相結。自祖及孫。久愈牢固。而且朝鮮政禮。國王雖有無上之權。而南面垂成。徒仰皇妃。故常立后之日。傾議政皆先行更迭。百官司職。非王妃之同族。卽王妃之黨類。此爲萬國之所無。牝雞司晨。無足爲怪。然陰惡鬱結。黨爭劇烈。俱此之由也。當今王登極之初。大院君以王族爲攝政。實乃異數。而大院君今又擁立今王。以擅權勢。由其親黨閔族。册立王后。益因己之勢力。然閔族之新立勢力漸厚。遂自成爲一黨。國內二大黨派。互相軋轢。爭援二十餘年。毒殺暗刑。虐殺幽囚。無所不至。甚至御簾亦飛彈丸。玉座亦濺血肉。而於天生平民一黨於其間者。卽東學黨是也。

全羅慶尙兩道之境。有雲峯山者。道人崔濟愚苦練之所。初行主倡東學宗旨。東學云者。東方之學也。近儒而不固執於儒禮。近佛而不拘泥於佛法。近道而不偏倚於道術。圓融三敎。別作新式。全羅慶尙之民。靡然從之。數十年間。敎徒稱十餘萬。崔濟愚年三十。韓廷忌之。處以死刑。然其高足崔時亨全琫準之徒。繼接學統。其勢益盛。力行布敎傳道。明治二十六年。韓廷謂全羅諸道亂民蜂起。乃受東學黨大院君之意。因盡捕其首領下獄。東學黨既惡閔族之跋扈。復憤先師之被戮。積恨三年。而今又值此大難。斷不能拱手受刃。二十七年春。全琫準之徒。先起而作訴願三十餘條。誓奉大院君以釐革朝政。據全羅道白山傳檄八道。散徒響應。掛念珠提槍劍而集者。如雲斯湧。如神斯敬。稱其集處謂之濟衆義所。作十二旒之旗幟。出十二條之軍令。入郡府驅暴

官開倉庫賑貧民聽斷囚罪伸理冤枉所向四民悅服郡邑無敢抗其兵者韓廷大驚發兵伐之不能勝琳準時年四十謹慎而有謀略屢設奇計以破官兵頻陷郡縣遂長驅而出全州城上山嶺乘曉霧襲完營完營兵倉皇棄城走全州城者三道之樞要也時有太平道人齎秘計入雞籠山中其所賦太平歌曰

太平唱來五百年曆火積薪坐貪眠歷數有讖思鄭氏八道誰當解倒懸隴畝來見嘲燕雀惟有妖星纔蠭蠆雞聲一夜須蹴起底事撫枕徒慨然東學道主崔夫子道統曾自雲峯傳教綱新提仙儒佛學徒十萬擔一肩名士從來多忤世汚吏誣人自古然念珠在手提銃起老雄心事轉堪憐全州北指朝天闕南之嶺湖勢可連韜略獨推全琫準萬馬銜枚鳳頭巔曉霧微星夜宴酒一城倉皇聞響絃風記翩翩十二幟完營城上明旌旗鎮南徒是馬服子麾怯鶴唳徒迴遵三南已非貪官有好向京師勤鞍鞿烈焰四面萬雷迸新軍傳詔下日邊濟衆之義誠殺伐退軍且見秦法悛日東男兒有義膽千里赴難不顧身錦囊祕得霹靂術短袖更藏蛟蚪拳揚鞭金陵雨暗夜軟血腐寒月明前八道河山在指顧一朝轉坤又旋乾鳥嶺南去三百里行馳羽檄望狼煙全州北去十五驛營屯手兵俟風雲八將星羅如曜電相迎拜吾築仙壇指天指地誓聊日談兵論道風生筵大道不怪行大逆密謀先天不違天再徇州郡張形勢忽放危計入京阡汝上雲峯立汝馬萬縣傳檄下饗宴吾入雞籠閱吾室七初投鞭亂洛川奇中有奇奇生奇約中有約約更堅隱顯離合渾是密神變誰敢倪其端東學黨兮東學黨動九天兮潛九淵願建斯無前鴻業太平長集大朝鮮

其句隱晦雖難盡曉而當日東學黨志向可以知之矣

已而韓廷順民情果舉大院君以爲執政斥逐閔族琫準等漸達其志東學黨於是得勢矣然以暴易暴大院君

爲政。亦失其道。民不奉令。盜賊蠭起。皆假名東學黨以掠奪良民。時適日本兵詭殺朝鮮二人。士人大憤。遽起襲之。日本兵以爲東學黨所爲也。遂圍燒黨魁崔時亨之家。時亨之生死不知。於是璿準慨然曰。日本欺我。假名於義。以恣其殘暴。壬辰之事。可以前鑑。且今日人左右我國政柄。國王雖有如無。是正君辱臣死之秋也。大集其徒於雲峯。出沒全羅慶尙之間。欲以拒絕日人。二十八年四月。璿準擒其徒孫化忠等。變服潛入京城。將有所圖。道過淳昌。爲韓兵所圍。被傷遭擒。俊旬日遂斬於市。從容就死。璿準逝後。而朝鮮革命之精氣。從茲絕矣。

朝鮮者。原爲中國之屬土也。大邦之義。於屬地禍亂。原有靖難之責。當時朝鮮內憂外患。交侵迭至。乞援書至中國。大義所在。故派兵赴援。而日本方當維新氣焰正旺。竊欲於東洋尋釁。小試其端。彼見清廷之可欺。朝鮮之可誘也。遂借端扶植朝鮮。以與清廷搆釁。清廷不察。以爲今日之日本。猶是昔日之日本。亦欲因而懲創之。俾免在東洋狂橫跳梁多事也。不謂物先自腐。蟲因而生。國先自毀。人因而侮。歌舞太平三百載。將不知兵。士不用命。以腐敗廢朽而且不通世故之老大病夫國。與彼兇性蠻力而且有文明思想之新出世日本。鬬力角智。勢固懸絕。故一舉而敗於朝鮮。再舉而陷遼島。割臺灣。償巨款。我日人志趣遠大。猶以爲未足也。不意俄德法三大國干涉其間。不無所慊。見機而退。理有固然。而在野少年志士。多有以此咎政府者。是未知政府之苦心耳。

任公先生戊戌出亡東渡日本舟中譯此自遣不署名氏書亦久已絕版近從冷攤中得之補入集

任公詩紀事廿四首之一『鬘譯佳人奇遇成每生游想涉空冥從今不羨柴東海枉被多情惹薄情』柴東海卽原著者柴四郎也

編者識

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 07
Lời nhóm biên soạn 09
Lời giới thiệu Thơ văn Phan Châu Trinh 11
PHAN CHÂU TRINH VÀ THƠ VĂN PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG LỜI BÌNH 49

I

1. Hồ Chí Minh
2. Trường Chinh
3. Phạm Văn Đồng
4. Võ Nguyên Giáp
5. Tố Hữu

II

1. Lương Trúc Đàm
2. Nguyễn Trọng Lội
3. Lương Khắc Ninh
4. Vương Đình Quang
5. Ký giả Phụ nữ tân văn
6. Phan Thúc Duyện
7. Nguyễn Sinh Sắc
8. Huỳnh Thúc Kháng
9. Ngô Đức Kế
10. Đặng Văn Bá
11. Lương Văn Can
12. Phan Khôi
13. Nam Kiều Trần Huy Liệu
14. Sở Cuồng Lê Dư
15. Nguyễn An Ninh

16. Phạm Quỳnh
17. Nhượng Tống
18. Nguyễn Mộng Lý
19. Đặng Trần Thị Liên
20. Tùng Lâm Lê Cương Phụng
21. Dương Bá Trạc
22. Các nhân sĩ Thuận Hóa
23. Nữ lưu Việt Nam
24. Đạm Phương nữ sử
25. Mai Đăng Đệ
26. Nguyễn Như Chuyên
27. Phan Kiến Minh, Lương Chí Vĩ
28. Điếu văn của Gò Công tướng tể
29. Điếu văn của Bùi Quang Chiêu
30. Điếu văn của Huỳnh Thúc Kháng
31. Điếu văn của nhân viên Sở Ba Son
32. Điếu văn của Phan Bội Châu
33. Điếu văn Hội đồng trị sự Nam Vang
34. Nguyễn Huyền Linh
35. Đào Văn Hội
36. Thẩm Thệ Hà
37. Ái Hiền
38. Chu Đăng Sơn
39. Nguyễn Hiến Lê
40. Lâm Quang Thự
41. Nguyễn Văn Xuân
42. Nguyễn Khánh Toàn
43. Tôn Quang Phiệt
44. Trần Văn Giàu
45. Đặng Thai Mai
46. Nguyễn Khắc Viện
47. Hoàng Xuân Hãn
48. Thiếu Sơn
49. Đinh Xuân Lâm
50. Trần Thanh Đạm
51. Lê Trí Viễn
52. Nguyễn Văn Kiệm
53. Nguyễn Đình Chú

54. Hồ Song
55. Vũ Dương Ninh
56. Đỗ Quang Hưng
57. Hưng Hà (Chương Thâu)
58. Nguyễn Văn Dương
59. Vĩnh Sính
60. Thu Trang
61. Nguyễn Huệ Chi
62. Trần Đình Hượu
63. Duy Minh (Văn Tân)
64. Trường Giang (Nguyễn Đức Sự)
65. Nguyễn Thanh Nam
66. Hoa Bằng
67. Chu Quang Trứ
68. Văn Tạo
69. Hoàng Châu Ký
70. Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh)
71. Đỗ Hoà Hới
72. Phạm Hồng Việt
73. Nguyên Ngọc
74. Vũ Ngọc Khánh
75. Hồ Thanh Hải
76. Lê Duy Anh
77. Trương Duy Hy
78. Nguyên Q. Thắng
79. Đặng Việt Thanh
80. Đậu Xuân Mai
81. Thanh Lê
82. Đan Đức Lợi
83. Trương Hữu Kỳ
84. Nguyễn Quang Trung Tiến
85. Huỳnh Công Bá
86. Nguyễn Xuân Hòa
87. Trần Đình Hường
88. Nguyễn Khắc Đạm
89. Nguyễn Văn Hồng

90. Vũ Huy Phúc
91. Hoàng Thanh Đạm (Hoàng Nhật Tân)
92. Nguyễn Thừa Hỷ
93. Phạm Xanh
94. Nguyễn Văn Tận
95. Ma Cẩm Long Hà
96. Đỗ Bang
97. Thái Nhân Hòa
98. Nguyễn Hữu Trí
99. Ngô Văn Minh
100. Hồ Sĩ Vịnh
101. Bùi Quốc Định
102. Nguyễn Đức Tuấn
103. Nguyễn Văn Nhật
104. Võ Xuân Đàn
105. Phạm Thị Minh Chiến
106. Dương Trung Quốc
107. Nguyễn Đình Thảng
108. Nguyễn Phước Tương
109. Nguyễn Đình An
110. Vũ Quang Thành
111. Nguyễn Phúc
112. Lưu Anh Rô
113. Nguyễn Khắc Thuần
114. Bùi Văn Tiếng
115. Thanh Phương
116. Trần Viết Ngạc
117. Đào Hùng

III

1. Lương Chí Minh
2. Jules Roux
3. P. Monet
4. Capus
5. G. Boudarel
6. Daniel Héméry
7. David G. Marr
8. Masaya Shiraishi

THƠ CHỮ HÁN 141

Giới thiệu
1. Kinh thành nguyên đán
2. Giáp Thìn kinh thành cụ phong
3. Chí thành thông thánh
4. Phan Thiết ngọa bệnh
5. Ất Tỵ trừ tịch tác
6. Xuất đô môn
7. Khấp Dương tú tài mộ
8. Điếu Thủ khoa Huân
9-12. Lưu giản
13. Lưu Pháp Kinh giảng chư lưu huyết chí sĩ đồng tượng hữu cảm khẩu chiếm
14. Cảm đề *Độc Giai nhân kỳ ngộ*
15-16. Khẩu chiếm tặng tống biệt giả
17. Tặng hữu nhân
18. Tặng hữu nhân Trần Quý Cáp tiến sĩ
19. Hoàn vương miếu
20. Tặng Nguyễn Quý Anh nhụ Khanh.
21. Bắc du cảm thành
22. Tặng Lương Khắc Ninh

CÂU ĐỐI 177

Câu đối chữ Hán:
1. Điếu Trần Quý Cáp
2. Điếu Tăng Bạt Hổ
3. Tại Phật đài
4. Tại Tổ tiên hương án
5. Tại chiến hữu hương án

Câu đối Nôm:
1. Tặng ông Nguyễn Quý Long
2-4. Mấy câu đối cảm khái (khi ở Kinh đô)
5. Phan Châu Dật khóc mẹ

TÂY HỒ THI TẬP 183
Giới thiệu
1. Tặng đĩ lỡ làng
2. Cờ tướng
3. Hát bội
4-5. Hòn Côn Lôn
6. Đập đá
7. Trồng đào
8. Cu ngoài tránh cu trong
9. Cu trong họa lại
10. Đèn sáp
11. Thứ vận tặng Ký Phú
12-17. Tặng Ấm Bảy cưới vợ
18-19. Tặng Tú Nghi cưới vợ
20-23. Thứ vận họa Xuân Lan nữ sĩ
24. Phụ lục nguyên vận
25. Trời chiều chuyển mưa; con gái cổi quần lội sông
26. Hiền thê
27. Nói láo
28. Qua Tây lưu tặng nước nhà
29-38. Điếu ông Tú tài Chiểu
39-58. Lại y vận họa tiếp 10 bài
59. Con muỗi
60. Cảm tác
61. Họa bài thơ của ông Trương Gia Mỗ
62. Con rận
63. Con trâu
64. Ăn gỏi sanh cầm
65. Vô đề
66. Không đề
67. Vọng phu thạch
68. Khóc Trần Quý Cáp
69. Tiến Nguyễn Vĩ học thành tài trở về nước
70. Chim lồng cá chậu
71. Vịnh đá vọng phu ở Phù Cát
72. Nhắn khách

SANTÉ THI TẬP 217

Giới thiệu
1. Đá trông chồng
2. Một trái trăng thu chín lõm lom
3. Quạ ăn dưa bắt cò phơi nắng
4. Gà đẻ gà tục tác
5. Con quạ nó đứng bên sông
Nó kêu ới mẹ đừng lấy chồng bỏ con
6. Ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung
7-8. Mèo khen mèo dài đuôi
9. Giậu ngã bìm leo
10. Trải chiếu dẹp dơ
11. Lờn bơn méo miệng, chê trai lệch mồm
12. Lươn vắn chê chạch dài
13. Trâu già than thân
14. Ăn cám trả vàng
15-16. Trâu cột ghét trâu ăn
17. Rỗi chạy, nồi rang cũng chạy
18. Cóc có gan, nhái cũng có gan
19. Chuột bầy đào không nên hang
20. Đông thầy thối ma
21 a, b, c. Gió non thổi cạnh buồm thuyền
Coi em lạu lạu mà duyên không còn
22. Đục nước béo cò
23. Đi ỉa không biết đàng về
24. Gà cồ ăn quẩn cối xay
25. Đông tay vỗ nên bộp
26. Ốc không mang nổi ốc
Còn muốn mang cả cọc cho rêu
27. Đem em mà bỏ giữa ghềnh
Kéo neo mà chạy sao đành chàng ôi!
28. Lấy thúng úp voi
29. Ăn mày nhờ cơn cháy chợ
30. Ăn mày hôi chợ cháy
31. Rung cây nhát khỉ
32. Xe dây buộc mình

33. Đông mẹ con khó lấy chồng
34. Hàng xóm cháy nhà bằng chân như vại
35. Dạy khỉ leo dây
36. Ra đàng hỏi ông già, về nhà hỏi con nít
37. Mất trâu mới lo sửa chuồng
38. Luồn gió bẻ măng
39. Đặt nước lấy cá
40. Chuông không đánh không kêu
    Đèn không khêu không tỏ
41. Chuông có đánh mới kêu
    Đèn có khêu mới tỏ
42. Thương thì trái ấu cũng tròn
    Ghét thì bồ hòn cũng méo
43. Ăn cháo đái bát
44. Rán sành ra mỡ
45. Vắt chày ra nước
46. Ăn mắm mút giòi
47. Quấy lã nên hồ
48. Luộc trứng húp nước
49. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng
50. Đèn nhà ai nấy tỏ
51. Gà mình bới bếp nhà mình
52. Con không cha ăn cơm với cá
    Con không mẹ liếm lá đầu đường
53 Trai thì năm thê bảy thiếp
    Gái phải chính chuyên một chồng
54. Vợ chồng khôn dại đóng cửa dạy nhau
55. Đồng tiền chiếc đũa chia hai
56. Nghênh ngang như làng không ông xã
57. Nước lụt chó ngồi giàn gác
58. Mèo lành ai nỡ cắt tai
    Gái ngoan chồng dễ khoe tài nỗi chi
59. Theo voi trông ăn bã mía
60. Con gái chửa hoang
61. Nén bạc đâm toạc tờ giấy
62. Nàng dâu là bồ đựng chửi
63. Gần chùa gọi Phật bằng anh
64. Thấy người sang bắt quàng nhận họ

65. Chữ quan hai chữ khẩu
66. Cháy nhà mới bày mặt chuột
67. Bắt cá hai tay
68. Ních xôi chùa cóng miệng
69. Nước lụt bèo khỏa sét trên sen
70. Sâu ao béo cá, độc dạ hại mình
71. Đánh trống động chuông
72. Đói cho sạch rách cho thơm
73. Ăn coi nồi ngồi coi hướng
74. Bạc là dân bất nhơn là lính
75. Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau
76. Đò vơi quán đầy
77. Thần thế đồng tiền, oai quyền thúng thóc
78. Ăn cây nào rào cây ấy
79. Xui nhau làm phúc
Không ai giục nhau đi kiện
80. Mở miệng mắc quai
81. Còn chồi lên cây
82. Đau tiếc thân, lành tiếc của
83. Thiệt vàng không sợ chi lửa
84. Chùa rách Phật vàng
85. Xuôi buồm thuận gió, chén chú chén anh
Lên thác xuống ghềnh, cặc tao dái tớ
86. Học trò học trỏ học tro
Học chưa hay chữ đã lo vét nồi
87. Dễ ngươi dao lụt, có ngày cụt tay
88. Mua gái xem dòng
89. Thương thì cho roi cho vọt
Ghét thì cho ngọt cho bùi
90. Măng non mía già
91. Vừa sắm bán vườn, đã ỉa xuống giếng
92. Con gái bến nước mười hai
93. Chưa đậu ông nghè, đã đe hàng tổng
94. Nghè cống tới nhà chẳng gà thì vịt
95. Voi ngựa về Tàu, cứt đái để đây
96. Đồng tiền liền với ruột
97. Được buổi cỗ, lỗi buổi cày
98. Dài mỏ khó kiếm ăn

99. Nước, vua
100. Quê cha đất tổ
101. Trẻ cậy cha, già cậy con
102. Cơm với cá không bằng mạ với con
103. Nuôi con mới biết công lao mẫu từ
104. Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau
105. Anh em là ruột là rà
106. Vợ chồng như áo cổi ra thì rồi
107. Chị chẳng muốn cho em trắng đùi
108. Học thầy không tày học bạn
109. Dâu tặng bà gia
110. Bà già họa lại
111. Luận vua tôi
112. Luận cha con
113. Luận anh em
114. Luận vợ chồng
115. Luận bạn bầu
116. Đạo vua
117. Đạo tôi
118. Đạo cha
119. Đạo mẹ
120. Đạo con
121. Đạo anh
122. Đạo em
123. Đạo chồng
124. Đạo vợ
125. Đạo vợ chồng
126. Đạo bạn bầu
127. Nhất sĩ
128. Hai nông
129. Ba công
130. Bốn thương
131. Trâu đứng không ai mà cả
Trâu ngã lắm kẻ cầm dao
132. Đi voi về voi, đi ngựa về ngựa
133. Trâu chết mặc trâu, bò chết mặc bò
Củ tỏi giắt lưng

134. Cạn ao bèo đến đất
135. Khôn làm quan gan làm giàu
136. Có phước làm quan, có gan làm giàu
137. Giàu vì vợ, sang vì bạn
138. Cha mẹ hay nói oan, quan hay nói hiếp
139. Muốn nói gian, làm quan mà nói
140. Lòn cửa tiền cửa hậu
Ai lòn lỗ giậu chó chui
141. Quyền cối đá vạ rơm khô
142. Muốn nói không, làm mẹ chồng mà nói
143. Quan là cha mẹ dân
144. Thằng Bờm có cái quạt mo
145. Áo dài chẳng nệ xiêm xưa
Trai khôn không nệ vợ thừa thế gian
146. Trèo non quên mệt, ngậm gừng quên cay
147. Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống
148. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây
149. Uống nước chừa cặn
150. Dã tràng xe cát biển đông
Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì
151. Đánh chó kiêng chủ nhà
152. Bát bể đánh con không lành
153. Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo
154. Cơm không lành, canh không ngon
155. Chọn đá thử vàng
156. Ăn sung ngồi dưới gốc sung
Ăn rồi lại vãi tứ tung ngũ hành
157. Đầu dùi cui, đít thớt thịt
158. Quân tử nhất ngôn
159. Chồn đèn ăn quen mắc bẫy
160. Chồn cáo lếu láo bắt gà
161. Giá cao chém thấp
162. Trâu què thương trâu lành
163. Miếng ăn là miếng tồi tàn
Mất ăn một miếng lộn gan trên đầu
164. Cây cao thì phải gió giay
165. Người cao thì phải đắng cay trăm chiều
166. Nhất là vợ dại trong nhà

167. Thứ hai nhà dột
168. Thứ ba nợ đòi
169. Con gái là khách qua đường
Con dâu là vàng bỏ đãy
170. Giận con rận đốt áo
171. Rậm người thì đỏ, rậm cỏ thì đen
172. Tích cốc phòng cơ, dưỡng như đãi lão
173. Lợn lành chữa lợn toi
174. Quế gừng càng rụi càng cay
175. Càng cao danh vọng càng dày gian nan
176. Thả vỏ quít ăn mắm rươi
177. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn ba ngày đường
178. Tốt khoe xấu che
179. Sợ voi ai sợ cứt voi
180. Ớt đâu có ớt không cay
Gái đâu có gái không hay ghen chồng
181. Kẻ ăn mắm, người khát nước
182. Bao dời dì ghẻ có thương con chồng
183. Ma cũ hiếp ma mới
184. Cha gà mẹ vịt
185. Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại
186. Nhất quận công, nhị không nhà
187. Ông nông ngã sấp bồ câu đá giập
188. Thịt chuột thì ít, con nít thì nhiều
189. Nuôi chung voi với đức ông
190. Thương nhau thì vứt miếng trầu
Đừng vứt hòn đá lủng đầu nhau ra
191. Mềm nắn rắn buông
192. Coi gió bỏ buồm
193. Mạnh sống bống chết
194. Chết đuối vin bờ
195. Phước bất trùng lai, họa vô đơn chí
196. Của làm ra để trên gác
197. Của cờ bạc để ngoài sân
198. Của phù vân để ngoài ngõ
199. Khi cá ăn kiến, khi kiến ăn cá
200. Chầu rày sanh đẻ đã rồi
Bồng con ra ngồi coi thử giống ai

Cái đầu thì giống ông cai
Cái lưng ông lý, cái vai ông trùm.
201. Được cả chài cả chì
202. Giỏ có quai chài có chóp
203. Tấc bóng lóng vàng
204. Anh mà có vợ xin thề
Ba mươi, mồng một chớ hề thấy trăng
205. Thằng chết cãi thằng khiêng
206. Ông thần cậy cây đa
Cây đa cậy ông thần
207. Cú kêu ma ăn
208. Tốt mã giẽ cùi
209. Mèo mả gà đồng
210. Lên non túc một tiếng còi
Thương con, nhớ vợ lệnh đòi phải đi.
211. Bao giờ bắt đặng thằng Khôi.
Lấp thành Gia Định chồng tôi được về
212. Cha căng chú kiết chạy biệt lên rừng
213. Đêm khuya tối lửa tắt đèn
Heo kêu con khóc, tòm tem chồng đòi.
Bao giờ lửa đỏ đèn nhoi
Heo no, con nín tòm tem thì tòm.
214. Trúng sòng đầu, bán trâu mà chịu
215. Làm dĩ có tàn có tán
216. Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu bực mình
217. Phụng hoàng đậu nhánh cheo leo
218. Chớ nào chim phụng đi đâu
Để cho chim cú sụ đầu nhành mai
219. Cưới đĩ làm vợ, không ai cưới vợ làm đĩ
220. Tai nghe súng nổ cái đùng
Tàu Tây đã lại Vũng Thùng bữa qua
221. Lấy chi mà trả ái ân
Lấy chi mà nộp công ngân cho làng
222. Em thương anh cha mẹ chẳng trao
Hòn đá giằn bụi cỏ, biết sao bây giờ
223. Hai tay cầm lấy trái bòng
So se muốn gọt sợ lòng mẹ cha

224. Gà chết gà mổ điều
225-226. Trăng lu vì bởi chòm mây
227. Nước đến trôn mới nhảy
228. Không tham bồ lúa anh đầy,
Tham ba hàng chữ làm thầy thế gian
229. Vào khám Đề - pô
230-231. Vào ngục Xăng - tê

Phụ lục:
Tư tưởng cách tân của Phan Châu Trinh
qua *Tây Hồ và Santé* thi tập 319

GIA HUẤN CA 326
- Nghĩa chữ "Từ"
- Nghĩa chữ "Hiếu"
- Dạy con
- Dạy con gái
- Dạy vợ

Phụ lục:
- Nhắn chị em bạn gái

TỈNH QUỐC HỒN CA I 339
Giới thiệu
I. Mở đầu
II. Dám chết vì nghĩa
III. Học lấy một nghề
IV. Có chí mạo hiểm
V. Đoàn kết, thương yêu nhau
VI. Chung vốn làm ăn
VII. Tang ma giản dị
VIII. Cải tiến máy móc
IX. Làm ăn có giờ có giấc
X. Không mê tín dị đoan
XI. Làm việc vì nước vì dân
XII. Sản xuất nhiều mặt hàng
XIII. Tổ quốc y tế tinh tường.

TỈNH QUỐC HỒN CA II 361

Giới thiệu
I. Một dân tộc hào hùng
II. Tố cáo nhà Nguyễn ngu dốt
III. Tố cáo thực dân lừa phỉnh sau chiến tranh
IV. Tố cáo thực dân bóc lột, đàn áp nhân dân ta
V. Tố cáo thực dân đàn áp kiều bào ta, bày các trò hề tốn tiền, làm sỉ nhục dân ta
VI. Kêu gọi sự hợp tác Pháp - Việt.

Phụ lục:
Tinh thần Dân tộc và Dân chủ của Phan Châu Trinh qua "Tỉnh quốc hồn ca"

GIAI NHÂN KỲ NGỘ DIỄN CA 391

- Về văn bản tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca*
- Giới thiệu: Về tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ diễn ca* của Phan Châu Trinh: Nguồn gốc và ý nghĩa
+ Về tác giả Tôkai Sanshi
+ Nguyên tác *Kajin no Kigu* (Giai nhân kỳ ngộ)
+ Bản dịch Hán văn của Lương Khải Siêu
+ Bản dịch *Giai nhân kỳ ngộ* diễn ca của Lương Khải Siêu
+ Kết luận
- Hồi thứ Nhất: Gặp gỡ giai nhân
- Hồi thứ Hai: Lửa tình đã bén
- Hồi thứ Ba: Giai nhân nẻo nào
- Hồi thứ Tư: Mỹ nhân kế
- Hồi thứ Năm: Vượt ngục
- Hồi thứ Sáu: Nhưng U Lan chưa chết
- Hồi thứ Bảy: Tin tức đích xác
- Hồi thứ Tám.
- Hồi thứ Chín.

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP

TẬP I

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc VÕ VĂN ĐÁNG
Tổng biên tập NGUYỄN ĐỨC HÙNG
Biên tập:
PHÒNG BIÊN TẬP CHÍNH TRỊ
Sửa bản in: **CHƯƠNG THÂU**
Bìa: **DUY NINH**
Trình bày: **ĐÔNG PHƯƠNG**

Đơn vị liên doanh:
CÔNG TY SÁCH
Thời đại
THOIDAI BOOKS LTD

In 1000 cuốn, khổ 16 x24cm, tại XN In C ty Văn hóa Phương Nam.
Số đăng ký KHXB: 40/1834 do Cục Xuất bản cấp ngày 17-12-2004.
Giấy trích ngang KHXB: 110/XB-QLXB do Nhà Xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 04-3-2005. In xong và nộp lưu chiểu: tháng 3 năm 2005.

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập

★★★

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

CÔNG TY SÁCH
Thời đại
THOIDAI BOOKS LTD
394 Nguyễn Thị Minh Khai, TPHCM- ĐT: 8344030
Fax: 8344029. E-mail: nhasachtre@yahoo.com